Việt dịch:
HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ NGHIÊM
Chiết giải:
LÃO CƯ SĨ THIỆN BỬU



TỔNG LUẬN
ĐẠI BÁT NHÃ

TẬP 7

TỔNG LUẬN

ĐẠI BÁT NHÃ

(Phiên bản III)

Việt dịch:
HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ NGHIÊM
Chiết giải:
LÃO CƯ SĨ THIỆN BỬU

Thiết kế: Cư sĩ **Thiện Bửu, Tâm Từ, Steve To**
Kiễm tra chánh tả: Cư sĩ **Thanh Phi, Phương Nhật**

PHẬT LỊCH 2569

TẬP 7

Nội dung TẬP 7 gồm hai phần:
Phần A: Trọn bộ Hội thứ VI, và
Phần B: Các Hội từ thứ VII cho đến hết Hội thứ XV.

<u>Phần A (Tập 7)</u>: Trọn Hội thứ VI:

Hết Hội thứ VI

---o0o---

<u>Phần B (TẬP 7)</u>: Các Hội từ thứ VII đến Hội thứ XV.

HẾT TẬP 7.

Lưu ý: *Từ Tập 7 trở đi cho đến chấm dứt toàn bộ Đại Bát Nhã, tất cả phần (không gọi là phẩm) hay bất cứ pháp hội nào giáo lý cũng đều vi diệu chưa từng thấy so với các pháp hội trước. Phật bảo:"Pháp Phật không có cao hạ". Nhưng chúng tôi lúc nào cũng khen tặng. Đó là tập khí của phàm phu. Ai cũng có thể khen Bát nhã Ba la mật, miễn đừng phân biệt chấp trước. Nhưng phải nói* ***tất cả pháp hội còn lại thật sự đã mỡ được đạo nhãn của chúng ta.***

1. ***Xem đọc tiếp trọn Hội thứ VI:***

VI. PHẦN SÁU, HỘI THỨ VI.
(Bố cục)

6. Hội thứ VI: Gồm 8 quyển, 17 phẩm. Nội dung hội này, đức Phật nói pháp Bát Nhã và cách tu tập Bát Nhã cho Thắng thiên vương nghe. Hội này cùng bản với Kinh Thắng Thiên Vương Bát nhã Ba la mật Đa 7 quyển do Ngài Nguyệt bà Thủ Na dịch vào đời Trần thuộc Nam triều. Pháp Uyển Châu Lâm và Khai Nguyên Thích Giáo lục nói, nguyên bản tiếng Phạm của hội này có 2.500 kệ tụng.

---o0o---

Dẫn nhập:

1. Cứ tụng xong một pháp hội, chúng ta cảm thấy có một vài chuyển đổi. Khởi đầu, chúng ta chập chững từng bước một trong phần thứ I Tổng luận với các pháp mầu Phật đạo. Chúng ta không tránh khỏi những khó khăn trong việc tiếp thu chánh pháp của các pháp hội kế tiếp trong cuộc hành trình vô tận này. Đọc tụng xong Hội thứ IV, thật sự đã có những bước đi "hơi vững chắc" đôi chút. Phải nói chúng ta đã trưởng thành theo từng pháp hội. Nên Hội thứ V không còn trở ngại đối với việc đọc tụng thọ trì Bát nhã Ba la mật nữa.

Tuy nhiên, Hội thứ VI này cho chúng ta một lối lãnh hội đặc biệt ở một tầng cao hơn trong sự chứng nhập hay thông đạt Bát nhã Ba la mật trong tiến trình giác ngộ. Vì Hội này, thay vì Phật chỉ thuyết riêng về chơn như như các Hội khác, Phật lại thuyết từng phẩm riêng rẽ về pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh... 3 pháp trong "Thập nhị chân như" hay còn gọi là "Thập nhị không", các giáo pháp rất cần thiết trong việc tu tập để thành tựu giác ngộ. Vì sao? Vì tri nhận hay chứng nhập chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, thật tế... tức giác ngộ. Điều đó nói lên tầm quan trọng của pháp hội thứ VI này.

2. Ngoài ra, trong pháp hội thứ VI Phật dạy về tịnh hạnh. Tịnh hạnh là hạnh cao cả tế nhị, sâu sắc mà bất cứ ai tu Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo

cũng phải chấp trì nghiêm mật. Vả lại, Kinh văn Hội này rất khúc chiết, thanh thoát nhưng không kém phần vi diệu. Xin thủng thẳng thưởng thức!

Lưu ý:

Kinh này đồng bản với Kinh "Thắng Thiên Vương Bát Nhã" (viết tắt TTVBN) do Nguyệt Bà Thủ Na dịch từ Phạn sang Hán, Đại Tạng Kinh mang thẻ số 0231, chia thành 7 quyển. Chúng tôi tìm thấy có hai bản dịch tương đương từ Hán sang Việt:

1. Bản thứ nhất, do Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, "Tangthuphathoc.net" dịch và

2. Bản thứ hai, do Nguyên Tánh (Trần Tiễn Khanh) & Nguyên Hiển (Trần Tiễn Huyến) phiên âm và lược dịch trong Tuệ Quang Wisdom Light Foundation đăng trong "Daitangvietnam.com".

Các đạo hữu có thể đọc song song với Hội này cho biết. Cũng nên nói thêm rằng Hội thứ VI này không do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch mà do các nhà dịch thuật đã dịch sẵn và nhóm của Tam Tạng Huyền Trang chỉ sao lại thôi.

Kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã đã giới thiệu trên tương đương với Hội này. Trong trường hợp đọc tụng Hội thứ VI gặp trở ngại, các đạo hữu có thể tham khảo Kinh "Thắng Thiên Vương Bát Nhã", nếu muốn!

Những ai muốn nhập pháp giới, muốn giác ngộ thì phải đọc tụng thọ trì nghiêm mật Hội thứ VI này. Đó là lời khuyến dẫn nghiêm túc!

---o0o---

01. PHẨM "DUYÊN KHỞI"

Đầu quyển 566, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương với các phẩm "Duyên Khởi" của các Hội trước)

Tóm lược:

Quyển 566

Tôi nghe như vầy:

Một thời Bạc Già Phạm *(Phật)* ngự ở đỉnh núi Thứu Phong, thuộc thành Vương Xá, cùng với chúng đại Bí sô bốn vạn hai ngàn người đều là bậc A la hán, các lậu đã sạch, không còn phiền não, được chơn tự tại, tâm giải thoát hoàn toàn, tuệ giải thoát hoàn toàn, như ngựa khôn được tập luyện, cũng như rồng lớn, việc đáng làm đã làm xong, đã vứt bỏ gánh nặng, đã đạt được lợi ích, dứt hết các kiết sử, chánh trí giải thoát, tâm được tự tại rốt ráo đệ nhất. Các Ngài đó là: Cụ thọ Giải Kiều Trần Na, Đại Ca Diếp Ba, Cấp Phòng Bát để, Hạt Lệ Phiệt Đa, Đại Thải Thục Để, Đại Ca Đa Diễn Na, Tất Lan Đà Phiệt Ra, Xá Lợi Tử, Mãn Từ Tử, Bạt Câu La, Ưu Ba Ly, La Lổ La, Vô Diệt Thiện Hiện làm thượng thủ. Trừ một mình A Nan Đà còn ở địa vị hữu học đắc quả Dự lưu.

Lại có bảy vạn hai ngàn đại Bồ Tát đều đã thông đạt pháp tánh sâu xa, đã điều thuận dễ hóa, diệu hạnh bình đẳng, đắc pháp môn Đà la ni vô ngại biện, là bạn lành chơn tịnh của tất cả hữu tình, có thể chuyển vận bánh xe chánh pháp vi diệu bất thối, thương xót thế gian, hộ trì tạng pháp, đã từng cúng dường vô lượng Như Lai, tiếp nối làm hưng thịnh ba ngôi báu, thường khiến cho không dứt diệt, thông đạt cảnh giới sâu xa của chư Phật, còn một đời làm đệ tử chơn thật của đấng Pháp vương, thường có thể tiếp nối Phật, chuyển vận bánh xe chánh pháp; mặc dù ở thế gian nhưng không bị nhiễm. Các Ngài đầy đủ vô lượng công đức như thế, từ nước Phật này hoặc từ phương khác, vì nghe pháp nên đi đến chỗ Phật. Đó là: Bồ Tát Bảo Tướng, Bồ Tát Bảo Thủ, Bồ Tát Bảo Ấn, Bồ Tát Bảo Kế, Bồ Tát Bảo Quang, Bồ Tát Bảo Phong, Bồ Tát Bảo Hải, Bồ Tát Bảo Diễm, Bồ Tát Bảo Tràng, Bồ Tát Bảo Tạng, Bồ Tát Kim Tràng, Bồ Tát Tịnh Tạng, Bồ Tát Đức Tạng, Bồ Tát Định Tạng, Bồ Tát Trí Tạng, Bồ Tát Nhật Tạng, Bồ

Tát Nguyệt Tạng, Bồ Tát Như Lai Tạng, Bồ Tát Liên Hoa Tạng, Bồ Tát Kim Cang Tạng, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Phổ Âm, Bồ Tát Phổ Giới, Bồ Tát Phổ Hành, Bồ Tát Phổ Nhãn, Bồ Tát Quảng Nhãn, Bồ Tát Liên Hoa Nhãn, Bồ Tát Trí Tuệ, Bồ Tát Thượng Tuệ, Bồ Tát Thắng Tuệ, Bồ Tát Liên Hoa Tuệ, Bồ Tát Kim Cang Tuệ, Bồ Tát Nhật Quang, Bồ Tát Nguyệt Quang, Bồ Tát Trí Quang, Bồ Tát Trí Đức, Bồ Tát Hiền Đức, Bồ Tát Hoa Đức, Bồ Tát Nhật Quán, Bồ Tát Nguyệt Quán, Bồ Tát Vô Nhiễm, Bồ Tát Diệu Âm, Bồ Tát Đại Âm Vương, Bồ Tát Sư Tử Hống, Bồ Tát Sư Tử Du Hý, Bồ Tát Hiền Thủ, Bồ Tát Thập Lục Hiền, Bồ Tát Từ Thị v.v...

Các Bồ Tát ở Hiền kiếp: Bồ Tát Quán Tự Tại, Bồ Tát Diệu Cát Tường làm thượng thủ.

Lại có vô lượng chúng trời: Tứ Đại vương, Tứ Đại Thiên vương làm thượng thủ. Lại có vô lượng trời: Ba mươi ba, Thiên vương Đế Thích làm thượng thủ. Lại có vô lượng trời: Dạ ma, Thiên vương Tô dạ ma làm thượng thủ. Lại có vô lượng trời Đổ sử đa, Thiên vương San đổ sử đa làm thượng thủ. Lại có vô lượng trời: Nhạo Biến Hóa, Thiên vương Thiện Hóa làm thượng thủ. Lại có vô lượng trời Tha Hóa Tự Tại, Thiên vương Tự Tại làm thượng thủ. Lại có vô lượng trời Phạm Chúng v.v... Thiên vương Đại Phạm làm thượng thủ. Lại có vô lượng trời Tịnh Cư, trời Tự Tại làm thượng thủ... Các Thiên vương ấy dẫn quyến thuộc đến chỗ Phật nghe pháp.

Lại có vô lượng vua A tu la, trong đó có: Vua A tu la Cụ Lực, vua A tu la Kiêm Uẩn, vua A tu la Tạp Oai, vua A tu la Bộc Chấp làm thượng thủ, đều thống lãnh vô lượng trăm ngàn quyến thuộc, đi đến chỗ Phật nghe pháp.

Lại có vô lượng Đại Lực Long vương, trong đó có: Long vương Vô Nhiệt, Long vương Mãnh Ý, Long vương Hải Trụ, Long vương Công Xảo làm thượng thủ, đều thống lãnh vô lượng trăm ngàn quyến thuộc, đi đến chỗ Phật nghe pháp.

Lại có vô lượng Đại thần Dược xoa, nhơn phi nhơn v.v... và các quyến thuộc, đi đến chỗ Phật nghe pháp.

Khi ấy, núi Thứu Phong cao rộng khoảng bốn mươi do tuần, đầy dẫy đại chúng, mặt đất và hư không, chẳng có chỗ xen hở.

Thế Tôn ngồi ở tòa Sư tử, vô lượng đại chúng vây quanh trước sau, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi, chắp tay một lòng chiêm ngưỡng dung nhan.

Như Lai hiện năng lực thần thông, từ nơi miệng phát ra các thứ hào quang muôn sắc chiếu khắp vô biên thế giới trong 10 phương, hiện việc hy hữu rồi các hào quang quay về chỗ Phật, lượn quanh bên phải ba vòng và chui vào diện môn.

- Bấy giờ, **ở phương Đông**, cách cõi Phật này hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới Phật tên là Trang Nghiêm, Phật hiệu là **Phổ Quang Như Lai**, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn (Bạc già phạm), khi ấy đang an ẩn trụ trì cõi kia, tuyên thuyết chánh pháp tương ưng với Nhất thừa cho các chúng đại Bồ Tát. Ở thế giới của Phật kia, từ Nhị thừa còn chẳng nghe, huống là có người siêng năng tu tập pháp đó. Các Bồ Tát kia đều đắc Bất thối chuyển, các hữu tình kia chẳng thọ thực như cõi phàm, chỉ sống bằng thiền định giải thoát. Cõi đó chẳng cần ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, chỉ có hào quang nơi thân Phật ngày đêm thường chiếu. Cõi đó không có gai độc, sỏi đá, khe, lạch, hang, núi, gò… đất bằng như bàn tay. Ở đó có Bồ Tát tên là **Ly Chướng**, thấy hào quang này, tâm còn do dự, cùng các chúng đại Bồ Tát đi đến trước Phật cõi đó, đảnh lễ sát chân Phật, phủ vai bên trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà có điềm lành này?

Khi ấy, Phật Phổ Quang bảo Ly Chướng:

- Về phương Tây, cách đây hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới của Phật tên là Kham Nhẫn, Phật hiệu Thích ca Mâu ni Như Lai, mười hiệu đầy đủ, đang thuyết Đại Bát nhã Ba la mật cho các chúng đại Bồ Tát. Do nhân duyên này nên hiện điềm lành.

Bồ Tát Ly Chướng nghe xong, bạch:

- Bạch Thế Tôn! Nay con xin qua thế giới Kham Nhẫn quan sát, đảnh lễ, cúng dường Như Lai Thích ca để nghe và lãnh thọ chánh pháp. Cúi xin Thế Tôn cho phép.

Phật Phổ Quang bảo Ly Chướng:

- Nay đã đúng thời, ngươi nên mau đi.

Bồ Tát Ly Chướng được Phật cho phép, vui mừng hớn hở liền cùng với vô lượng chúng Bồ Tát đồng đi đến Thứu Phong, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lui ngồi một bên.

- Về phương Nam, cách đây hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới của **Phật tên là Thanh Tịnh Hoa**, Phật hiệu Nhật Quang, 10 hiệu đầy đủ, ở đó có **Bồ Tát tên là Nhật Tạng**.

- Về phương Tây, cách đây hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới của **Phật tên là Bảo Hoa**, Phật hiệu Công Đức Quang Minh, 10 hiệu đầy đủ, ở đó có **Bồ Tát tên là Công Đức Tạng.**

- Về phương Bắc, cách đây hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới của **Phật tên là Thanh Tịnh**, Phật hiệu Tự Tại Vương, ở đó có **Bồ Tát tên là Quảng Văn**.

- Về phương Đông Nam, cách đây hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới của **Phật tên là Hỏa Diệm**, Phật hiệu Cam Lồ Vương, 10 hiệu đầy đủ, ở đó có **Bồ Tát tên là Bất Thối Chuyển.**

- Về phương Tây Nam, cách đây hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới của **Phật tên là Thanh Tịnh Công Đức**, Phật hiệu Trí Cự, 10 hiệu đầy đủ, ở đó **có Bồ Tát tên là Đại Tuệ.**

- Về phương Tây Bắc, cách đây hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới của **Phật tên là Duyệt Ý**, Phật hiệu Diệu Âm Vương, 10 hiệu đầy đủ, ở đó có **Bồ Tát tên là Công Đức Tụ.**

- Về phương Đông Bắc, cách đây hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới của **Phật tên là Tuệ Trang Nghiêm**, Phật hiệu Trí Thượng, 10 hiệu đầy đủ, ở đó có **Bồ Tát tên là Thường Hỷ.**

- Về phương Trên, cách đây hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới của **Phật tên là Bất Động**, Phật hiệu Kim Cang Tướng, 10 hiệu đầy đủ, ở đó có **Bồ Tát tên là Bảo Tràng**.

- Về phương Dưới, cách đây hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới của Phật tên là **Nguyệt Quang Minh**, Phật hiệu là Kim Cang Bảo Trang Nghiêm Vương, 10 hiệu đầy đủ, ở đó có **Bồ Tát tên là Bảo Tín**.

Như thế, tất cả đều như phương Đông, có nghĩa là các Bồ Tát *(ở chín phương khác)* xin phép chư Phật cõi mình đến thế giới Kham Nhẫn cúng dường Như Lai Thích Ca để nghe và lãnh thọ chánh pháp.

Sơ giải:

Cũng nên lược thuật sơ qua quan cảnh buổi lễ cùng các thành phần tham dự của pháp hội thứ VI này:

***- Địa điểm của pháp hội tổ chức tại đỉnh Linh Thứu**, núi Kỳ Xà Quật, thuộc thành Vương Xá, nước Ma Kiệt Đà.*

***- Thính giả ở cõi nước Kham Nhẫn** là Tăng đoàn gồm 1.250 Bí sô nam, ngoài ra có 500 Bí sô nữ, cư sĩ, và các đại Bồ Tát trong đó có Từ Thị Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Bồ Tát Diệu Cát Tường... cùng vô số các Đế Thích, Phạm Thiên, vô lượng A tu la, Long vương, người không phải người... thuộc thế giới Kham Nhẫn cùng đến tham dự.*

- Thính giả ở cõi khác của 10 phương thế giới:
Ở phương Đông, có Bồ Tát tên là Ly Chướng; ở phương Nam, có Bồ Tát tên là Nhật Tạng; ở phương Tây, có Bồ Tát tên là Công Đức Tạng; ở phương Bắc, có Bồ Tát tên là Quảng Văn; ở phương Đông-Nam, có Bồ Tát tên là Bất Thối Chuyển; ở phương Tây-Nam, có Bồ Tát tên là Đại Tuệ; ở phương Tây-Bắc, có Bồ Tát tên là Công Đức Tụ; ở phương Đông-Bắc, có Bồ Tát tên là Thường Hỷ; ở phương Trên, có Bồ Tát tên là Bảo Tràng; và ở phương Dưới, có Bồ Tát tên là Bảo Tín.
Tất cả Bồ Tát ấy thấy có hào quang muôn sắc chiếu khắp vô biên thế giới trong 10 phương, không biết tại sao có điềm lạ thường này, nên hỏi chư Phật của các cõi ấy, và được chư Phật ở 10 phương trả lời là:

Cách đây hơn mười Căng già sa số thế giới, có thế giới của Phật tên là Kham Nhẫn, Phật hiệu Thích ca Mâu ni Như Lai, 10 hiệu đầy đủ, đang thuyết Đại Bát nhã Ba la mật cho các chúng đại Bồ Tát. Do nhân duyên này nên mới hiện điềm lành.

Các Bồ Tát được nghe điều hi hữu này đồng thanh xin chư Phật 10 phương: Nay muốn qua thế giới Kham Nhẫn quan sát, đảnh lễ, cúng dường Như Lai Thích Ca để nghe và lãnh thọ chánh pháp. Tất cả chư Phật 10 phương đồng ý cho các Bồ Tát cõi mình được sang thế giới Kham Nhẫn đãnh lễ Phật Thích ca Mâu ni và chư Bồ Tát cõi này. Đó là duyên khởi của pháp hội thứ VI.

Phần mở đầu của phẩm này, liệt kê tất cả nhân vật tham dự pháp hội tỉ mỉ hơn các pháp hội *trước. Nhưng quang cảnh của buổi Hội không tưng bừng lộng lẫy giống như đại hội tại đỉnh Linh Thứu thuộc phẩm "Duyên Khởi" của Hội thứ I. Ngoài ra, nhất nhất đều giống như các phẩm "Duyên Khởi"* khác *của tất cả các* pháp hội *đã kể trước đây.*

Chỉ cần đọc một phẩm trong các phẩm "Duyên Khởi" cũng tạm đủ. Ở đây Kinh thuyết theo lối trần thuật, ai đọc cũng có thể hiểu. Như vậy quá đủ, không cần dong dài, dành thời giờ để đọc tụng thọ trì các phẩm khó khăn tiếp theo./.

---o0o---

02. PHẨM "THÔNG ĐẠT hay THÔNG SUỐT".

Cuối quyển 566, Hội thứ VI, ĐBN.

Gợi ý:

Ý nghĩa của phẩm này không khác với các phẩm "Thông Đạt" nằm rải rác trong các Hội trước. Nhưng cách diễn đạt thâm thúy hơn. Kinh nhấn mạnh về việc học tập và thực hành 10 pháp Ba la mật thì thông đạt tuệ tức có thể tìm thấy tàu lớn mà sang được bờ kia.

Tóm lược:

Khi ấy, có Thiên vương tên là Tối Thắng*(1)*, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, phủ vai bên trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính bạch Thế Tôn:

- Con có chút nghi, muốn hỏi Phật, nếu được Thế Tôn cho phép, con mới dám thưa.

Phật bảo trời Tối Thắng:

- Thiên Vương! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tùy theo mối nghi sẽ giải thích cho ngươi.

Trời Tối Thắng được Phật cho phép, vui mừng hớn hở, liền bạch:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát làm sao **tu học một pháp mà có thể thông đạt tất cả pháp?**

Phật bảo Tối Thắng:

- Lành thay! Lành thay! Ngươi có thể thưa hỏi Như Lai nghĩa sâu xa như thế. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ giải đáp điều nghi cho ngươi.

Trời Tối Thắng bạch:

- Cúi xin Thế Tôn! Con nguyện được nghe.

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! **Các đại Bồ Tát tu học một pháp mà có thể thông đạt tất cả pháp, pháp đó là Bát nhã Ba la mật**. Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể thông đạt bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí Ba la mật*(2)*.

Này Thiên vương! Thế nào là các Bồ Tát **tu học Bát Nhã thì có thể thông đạt bố thí Ba la mật?**

Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành **diệu pháp thí Ba la mật**. Nghĩa là dùng tâm thanh tịnh không có điều mong cầu, thuyết pháp cho người chẳng cầu danh lợi, chỉ vì diệt khổ, chẳng thấy mình là người thuyết, chẳng thấy người kia nghe; không hai không khác, vì lìa tự tánh.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành **Vô úy thí Ba la mật***(3)*. Nghĩa là quán hữu tình giống như cha mẹ, anh em, bà con thân thích, làm cho tất cả mọi người đều gần gũi mình. Vì sao? Vì từ vô thỉ đến giờ lưu chuyển trong 6 nẻo đều là bà con thân thích của nhau. Nếu các hữu tình ở chỗ nguy nan sợ hãi, còn đem thân mạng mà cứu giúp họ, huống lại đem tâm não hại họ. Chẳng thấy mình là người bố thí vô úy thí cho người kia, chẳng thấy kia là người nhận; không hai không khác, vì lìa tự tánh.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành Bố thí **Tư sanh Ba la mật**. Nghĩa là tùy theo hữu tình cần dùng những vật gì thì bố thí cho họ những vật ấy và dạy cho họ tu hành 10 thiện nghiệp đạo. Chẳng thấy mình là người bố thí của cải riêng của mình cho người kia, chẳng thấy kia là người thọ nhận; không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành Bố thí **bất vong báo Ba la mật**. Nghĩa là khi hành bố thí chẳng mong cầu quả báo. Bồ Tát bố thí tự nhiên như thế, chẳng thấy mình là người bố thí, chẳng cầu quả báo và chẳng thấy quả báo của sự bố thí; không hai không khác, vì lìa tự tánh.

Nếu Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành **Đại bi thí Ba la mật**. Nghĩa là thấy hữu tình bần cùng, già bệnh, không có người cứu giúp, phát khởi tâm đại bi mà phát thệ nguyện: Khi ta đắc Vô thượng Bồ đề, làm chỗ nương tựa cho các hữu tình, vì các hữu tình nên đem chút căn lành hồi hướng Bồ đề, cũng chẳng phân biệt mình là người cứu tế, kia là người nhận lãnh; không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành **Cung kính thí Ba la mật**. Nghĩa là tùy theo hữu tình cần vật gì, liền tự kính dâng, chẳng để cho người nhận mong chờ mỏi mệt, chẳng thấy mình là người hành thí cung kính, chẳng thấy kia là người nhận lãnh; không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành **tôn trọng thí Ba la mật**. Nghĩa là đối với hữu tình phát sanh tưởng như bậc Sư tăng, hoặc tưởng như cha mẹ, với tâm tôn trọng mà bố thí. Nếu không có tài vật để ban cho thì **dùng thiện ngôn mà cho**, chẳng thấy mình là người hành thí tôn trọng, chẳng thấy kia là người nhận lãnh; không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành **Cúng dường thí Ba la mật**. Nghĩa là thấy bảo tháp, hoặc thấy chỗ ở của chư Tăng thì nên dọn quét, rưới nước, đem các thứ hương hoa và đèn sáng v.v... cúng dường. Nếu thấy tôn tượng và chánh pháp khuyết tổn thì nên siêng năng tu sửa, biên tập. Nếu thấy Tăng chúng thì nên đem thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men để cúng dường, nhưng chẳng thấy mình là người cúng dường, chẳng thấy kia là người nhận lãnh; không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát nhã Ba la mật thì thường hành bố thí **Vô y chỉ Ba la mật**. Nghĩa là khi thực hành bố thí chẳng nghĩ: Nguyện nhờ bố thí này được sanh cõi trời, người, làm vua trời, người, giàu sang, phú quý, hưởng thọ sự vui sướng, cho đến quả vị Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng chấp thủ, mong cầu, vì không sở đắc.

Này Thiên vương! Đó gọi là các đại Bồ Tát tu học Bát Nhã, có thể thông đạt bố thí Ba la mật.

Này Thiên vương! Thế nào là các Bồ Tát **tu học Bát nhã Ba la mật có thể thông đạt tịnh giới Ba la mật?**

Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành tịnh giới Ba la mật. Nghĩa là các Bồ Tát suy nghĩ: Phật ở trong tịnh giới chỉ dạy Tỳ nại da, thuyết giới Kinh tương ưng với Biệt giải thoát*(Giới giúp Phật tử giải thoát bằng cách tránh làm các điều ác, Ba-la-đề-mộc-xoa- prātimokṣa)*, Bồ Tát nên học, chẳng thấy giới tướng và người thọ trì, chẳng đắm trước giới kiến, cũng chẳng chấp trước ngã; tất cả đều không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành tịnh giới Ba la mật. Nghĩa là các Bồ Tát suy nghĩ: Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật chẳng phải chỉ thọ trì tịnh giới liền đắc, cần phải học khắp giới hành Bồ Tát, giới tánh trong mát, tịch tĩnh vô sanh, tất cả đều không hai không khác vì lìa tự tánh.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành tịnh giới Ba la mật, nghĩa là các Bồ Tát suy nghĩ: Thế nào là trì giới có thể dứt trừ phiền não?

Phiền não có ba thứ là: Tham, sân, si. Mỗi phiền não này lại có ba bậc là thượng, trung, hạ. Muốn dứt trừ phiền não phải biết đối trị. Kẻ tham tăng thượng **tu quán bất tịnh**. Kẻ sân tăng thượng tu **quán từ bi**. Kẻ si tăng thượng tu **quán duyên khởi**. Chẳng thấy năng quán và pháp sở quán, không hai không khác, vì lìa tự tánh.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành tịnh giới Ba la mật. Nghĩa là các Bồ Tát suy nghĩ: Bồ Tát xa lìa tư duy bất chánh như thế nào? Bồ Tát chẳng phát khởi tâm: Ta hành tịch tịnh, hành hạnh viễn ly, hành Không, còn các Sa môn, Bà la môn v.v... khác đều không hành viễn ly, hành Không v.v... lại thích ở chỗ huyên náo tạp nhiễm. Nếu Bồ Tát hành Bát Nhã thấy không hai không khác, biết lìa tự tánh, lìa tức diệt tà niệm.

Nếu đại Bồ Tát học Bát Nhã thì có thể hành tịnh giới Ba la mật, nghĩa là các Bồ Tát dù biết các pháp lìa mà vẫn sợ tội. Như Phật đã nói nên trì tịnh giới, tu các phước nghiệp cho đến Bát nhã Ba la mật. Đối với tội nhỏ nhưng mối lo lớn, chẳng giữ trong lòng. Vì Thế Tôn dạy: "Ví như thuốc độc nhiều ít đều có hại".

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể **hành tịnh giới Ba la mật**. Nghĩa là các Bồ Tát thường sanh sợ hãi tương ưng với Tín hạnh. Giả sử ở chỗ vắng vẻ đơn độc một mình, không có bạn bè, có không Sa môn v.v... đem các thứ vật báu như vàng, bạc, lưu ly, trân châu gởi cho Bồ Tát. Bồ Tát **không khởi tâm tham** lấy các thứ đó, mà suy nghĩ: Thế Tôn thường dạy, thà tự cắt thịt nơi thân mình mà ăn, chứ của cải của người không cho thì chẳng lấy.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành tịnh giới Ba la mật. Nghĩa là các Bồ Tát trì giới vững vàng. Nếu các ác ma và quyến thuộc của ma **dùng sắc đẹp để thử Bồ Tát,** Bồ Tát đối với sắc đẹp kia tâm chẳng dao động mà tư duy: Thế Tôn thường dạy, sắc v.v... các pháp đều như mộng, huyễn hóa, không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành tịnh giới Ba la mật. Nghĩa là các Bồ Tát tuy siêng năng trì giới nhưng chẳng mong cầu ngôi vua trời, người, **thân lìa 3 lỗi, miệng dứt 4 lầm, ý tránh 3 tội**. Trì giới chẳng thấy ta trì, chẳng thấy giới tướng; không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Này Thiên vương! Đó gọi là các Bồ Tát tu học Bát Nhã có thể thông đạt tịnh giới Ba la mật.

Này Thiên vương! Thế nào là các Bồ Tát **tu học Bát nhã Ba la mật có thể thông đạt an nhẫn Ba la mật?**

Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành an nhẫn Ba la mật. Nghĩa là các Bồ Tát thường học **nội nhẫn**, hoàn toàn chẳng lệ thuộc ưu sầu khổ não, cũng học **ngoại nhẫn**. Nếu người đánh đập, mắng chửi, khi dễ, cướp đoạt, lăng nhục, hoàn toàn không sân giận, cũng học **pháp nhẫn** như Thế Tôn dạy: Thật tánh sâu xa không pháp, không ngã, không sanh, tịch tịnh, tức là Niết bàn.

Nghe nói như thế, tâm không kinh sợ, suy nghĩ: Chẳng học pháp ấy làm sao có thể đắc sở cầu là Vô thượng Bồ đề, lợi ích an vui cho các loài hữu tình cùng tận đời vị lai. Suy nghĩ kỹ: Các độc tham, sân, si như thế là ở chỗ nào khởi lên? Nhân duyên nào sanh? Nhân duyên nào diệt? **Quán sát đúng như thật đều chẳng thấy có năng sanh, sở sanh, năng diệt, sở diệt. Tâm nhẫn như thế liên tục chẳng dứt, ngày đêm các thời không xen hở;** đối với cảnh nhẫn không có tâm lựa chọn, nghĩa là đối với quốc vương, cha mẹ, Sư trưởng v.v… mình phải tu nhẫn cả sự gia hại khác.

Bồ Tát hành nhẫn chẳng vì sự trả ơn, danh lợi, nhân nghĩa, sợ hãi, xấu hổ. Bồ Tát nên hành nhẫn tự nhiên như thế. Nếu người kia gia hại, đánh đập, nhục mạ, xâm chiếm, cướp đoạt, khinh khi, lăng nhục, tâm cũng chẳng lay động. Nếu Bồ Tát ở ngôi vua, địa vị đại thần v.v... có người bần tiện hủy mắng, sỉ nhục, hoàn toàn không vội vàng tỏ thái độ thị uy: Ta ở ngôi vị cao sang nên theo pháp là phải quở phạt, mà chỉ nghĩ: Thuở xưa ta ở chỗ Phật Thế Tôn phát thệ nguyện rộng lớn là đối với tất cả hữu tình ta đều cứu giúp, khiến cho được Vô thượng Bồ đề. Nay nếu khởi tâm sân thì trái với nguyện xưa.

Ví như thầy thuốc giỏi, phát lời thề như vầy: Thế gian đui mù ta đều chữa lành. Nếu mắt mình không sáng thì đâu có thể chữa lành cho ai được. Như thế, Bồ Tát vì trừ tối tăm cho người mà tự mình phát sanh giận dữ thì làm sao cứu họ cho được? Chẳng thấy mình nhẫn và sự nhẫn được; không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Này Thiên vương! Đó gọi là các đại Bồ Tát tu học Bát Nhã có thể thông đạt an nhẫn Ba la mật.

Này Thiên vương! Thế nào làm cho các Bồ Tát **tu học Bát Nhã có thể thông đạt tinh tấn Ba la mật?**

Thiên vương nên biết, nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành tinh tấn Ba la mật. Nghĩa là các Bồ Tát đối với chúng sanh chưa diệt, khiến diệt, chưa độ khiến độ, chưa thoát khiến thoát, chưa an khiến an, chưa giác khiến giác. Khi Bồ Tát hành tinh tấn như thế, có các ác ma làm đình trệ, nói với Bồ Tát: "Thiện nam tử! Bạn chớ tu hạnh này, luống uổng nhọc nhằn. Vì sao? Vì ta xưa kia từng tu hạnh này nhưng hoàn toàn không có lợi ích chân thật. Ta từ xưa đến nay thấy nhiều Bồ Tát tu học hạnh này và đều thối lui. Bạn nên hồi tâm tu đạo Nhị thừa, lấy quả Nhị thừa để tự diệt độ".

Bồ Tát nghe xong liền biết là ác ma, bảo: "Ngươi hãy lui đi! Tâm ta vững chắc giống như kim cương, chẳng phải vì lời sai lầm của ngươi có thể làm thối thất đạo Bồ đề. Ngươi cố gây trở ngại, luôn luôn tự khổ". Ma nghe lời này liền biến. Nếu Bồ Tát chưa đắc Bát nhã Ba la mật, tu năm pháp Ba la mật trước, trải qua trăm ngàn kiếp, hành tinh tấn như thế còn chưa có thể vượt qua, huống là bậc Nhị thừa. Như thế, Bồ Tát tu hành Bát Nhã, thành tựu Phật pháp, đều lìa các việc ác. Mặc dù hành tinh tấn, chẳng mau chẳng chậm mà phát nguyện lớn: Mong ta được thân giống như Thế Tôn, có nhục kế trên đỉnh đầu, có lông trắng giữa chặng mày, Phật chuyển pháp luân, ta cũng có thể.

Ví như vàng ròng, các ngọc báu trang sức thì đẹp đẽ, Bồ Tát tinh tấn cũng như thế, lìa các cấu uế, nghĩa là lìa các sự lười nhác biếng trễ, mỏi mệt, chẳng tự rõ biết, chẳng suy nghĩ đúng... nhờ đấy có thể đạt được phước đức trí tuệ thanh tịnh thù thắng để trang nghiêm, thân chẳng mỏi mệt, tâm chẳng chán lười. Tất cả pháp ác bất thiện làm trở ngại đạo đều bị diệt trừ, các pháp trợ đạo hướng đến Niết bàn đều khiến tăng trưởng; một chút ác chẳng khởi, huống chi nhiều.

Giả sử như Hằng sa thế giới 10 phương, trong đó tràn đầy lửa lớn như ngục Vô gián, ở thế giới này chỉ có một hữu tình có thể độ được. Bồ Tát vì hữu tình ấy còn cứu độ, huống là nhiều hữu tình. Các Bồ Tát này chẳng nghĩ: Vô thượng Bồ đề chẳng dễ đắc được. Bồ Tát tu hành như cứu lửa cháy đầu, cần phải trải qua trăm ngàn ức kiếp, gánh nặng như thế thật khó mang vác, mà chỉ nghĩ: Chư Phật quá khứ, hiện tại đều tu hạnh này, chứng

đại Bồ đề. Ta cũng như thế, nên chính mình tu tập. Thà trăm ngàn kiếp ở trong địa ngục độ thoát các hữu tình, chứ hoàn toàn không bỏ họ để mau vào Niết bàn.

Bồ Tát khi tinh tấn tu hành như thế, tâm chẳng tự cao, đối với người chẳng tự ti, chẳng thấy pháp năng hành và sở hành; không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Này Thiên vương! Đó gọi là các đại Bồ Tát tu học Bát Nhã có thể thông đạt tinh tấn Ba la mật.

Này Thiên vương! Thế nào là các đại Bồ Tát **tu học Bát Nhã có thể thông đạt tịnh lự Ba la mật?**

Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành tịnh lự Ba la mật. Nghĩa là các Bồ Tát trồng sâu căn lành, đối với Đại thừa, đời đời kiếp kiếp tu nhiều diệu hạnh, gần gũi bạn lành, chẳng sanh trong nhà bần tiện, tà kiến v.v... thường sanh trong dòng họ Sát đế lợi, Bà la môn v.v... chánh tín Tam bảo, tăng trưởng pháp lành; nhờ căn lành đời trước, phát khởi ý nghĩ: Hữu tình ngày đêm trôi lăn các nẻo, luân hồi trong khổ não chẳng dừng, đều do tham ái. Bồ Tát nghĩ xong, khởi tâm nhàm chán, xa lìa, biết các xấu xa từ hư vọng phân biệt mà xuất sanh.

Trong Kinh, Thế Tôn dùng vô số phương tiện giảng thuyết: **Tội lỗi của dục như gươm dài, mâu ngắn, như dao, như rắn, như bọt, như bèo, nhơ nhớp bất tịnh, thay đổi vô thường**. Vì sao người trí lại tham đắm pháp này? Vừa cạo râu tóc xuất gia tu đạo, chưa thấy cho là thấy, chưa đắc cho là đắc, chưa chứng cho là chứng; phải nghe thuyết thọ trì hoặc thế tục đế, hoặc thắng nghĩa đế, như thật tu hành, như pháp quán sát, đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định, xa lìa huyên náo tạp nhiễm, chẳng màng danh dự, cũng chẳng cầu cung kính cúng dường, thân tâm tinh tấn thường không lười bỏ. Tư duy tâm này phần nhiều đi cảnh nào? Là thiện, là ác hay là vô ký? Nếu đi cảnh ác thì tức tốc chấm dứt. Nếu đi vô ký cũng nên rời bỏ. Nếu đi cảnh thiện thì lập tức siêng năng tinh tấn, cố gắng làm cho tăng trưởng căn lành thù thắng.

Vì muốn đối trị pháp ác bất thiện nên lấy **37 Bồ đề phần pháp** mà trị. Các Ác nghiệp bất thiện đó là: Tham, sân, si.

- Tham lại có ba bậc là thượng, trung, hạ:

Tham bậc thượng là nghe tên cảnh dục, lòng vui mừng hớn hở, chẳng quán lỗi của dục, chẳng sanh nhàm lìa, tìm tòi phi lý, không biết xấu hổ. Người không xấu hổ, như một mình đi đến đâu, tâm thường nghĩ về cảnh dục, liên tục chưa từng tạm nghỉ; chỉ thấy tốt đẹp, chẳng biết tội lỗi. Cha mẹ, thầy bạn quở trách sự tham dục kia cũng không xấu hổ, vì chẳng biết nên phát khởi tranh cãi. Như thế gọi là người không xấu hổ. Loại này chết sẽ đọa nẻo ác.

Tham bậc trung là khi lìa cảnh dục, dục tâm chẳng khởi.

Tham bậc hạ là chỉ cùng nói cười, dục tình liền hết.

- Sân cũng có 3 bậc: Sân bậc thượng là tức giận. Nếu phát khởi thì tâm mê, mắt loạn, hoặc tạo nhiệp vô gián, hoặc hủy báng chánh pháp, hoặc tạo các nghiệp trọng tội khác, hơn ngũ vô gián nhiều gấp trăm ngàn lần.

Sân bậc trung là do sân giận, tạo các việc ác, lập tức sanh hối hận.

Sân bậc hạ là tâm không hiềm hận, chỉ miệng chê trách, liền ăn năn.

- Si cũng có ba bậc, nên biết đúng lý, mặc dù quán như thế mà biết các pháp đều như huyễn, như mộng, tiếng vang, bóng hình, bóng sáng, quáng nắng, sự biến hóa và ảo ảnh. Vì hư vọng điên đảo, thấy chẳng thật. **Cảnh giới bên ngoài diệt thì trong tâm vắng lặng, chẳng thấy năng hành và pháp sở hành; không hai, không khác, vì lìa tự tánh.**

Này Thiên vương! Đó gọi là các đại Bồ Tát tu học Bát Nhã có thể thông đạt tịnh lự Ba la mật.

Này Thiên vương! Thế nào là các Bồ Tát **tu học Bát Nhã có thể <u>thông đạt Bát nhã Ba la mật?</u>**

Thiên vương nên biết! Nếu các đại Bồ Tát tu học Bát nhã Ba la mật thì có thể hành Bát nhã Ba la mật. **Đó là các Bồ Tát chánh trí, quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc tập, chẳng thấy sắc diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế**. Vì sao? Vì tự tánh đều là Không, không có chơn thật, chỉ có hư giả thi thiết danh tự mà hành Bát nhã Ba la mật, giáo hóa các hữu tình, trọn chẳng vì nói không nghiệp không quả. Mặc dù biết các pháp đều như huyễn, mộng, vang, tượng, bóng sáng, ánh nắng, biến hóa, thành tầm hương, hư dối, không có ngã, hữu tình, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ đặc già la… mà thường tuyên nói có nghiệp có quả.*(Q.566, ĐBN)*

Bồ Tát tu hành Bát Nhã như thế, quyến thuộc của ma chẳng được tiện lợi. Vì sao? Vì các Bồ Tát này gần gũi bạn lành, thành tựu pháp trợ Bồ đề, lìa pháp thế gian, hoan hỷ khen ngợi chánh pháp sâu xa của các đức Như Lai. Chư thiên, Ma, Phạm và Sa môn, Bà la môn v.v... trừ Phật chánh trí, không ai bằng được. Chẳng thấy năng hành và pháp sở hành; không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Này Thiên vương! Đó gọi là các đại Bồ Tát tu học Bát Nhã có thể thông đạt Bát nhã Ba la mật.

Này Thiên vương! Thế nào là các đại Bồ Tát **tu học Bát nhã Ba la mật có thể <u>thông đạt phương tiện thiện xảo Ba la mật</u>?**

Bồ Tát học Bát Nhã, hành Phương tiện thiện xảo Ba la mật, Bồ Tát khéo hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Bồ đề. Nếu thấy hoa quả thế gian tốt đẹp thường đem cúng dường chư Phật Bồ Tát, ngày đêm sáu thời từng không tạm bỏ, đem thắng thiện đây hồi hướng Bồ đề. Nếu nghe Khế Kinh Như Lai nói nghĩa pháp sâu xa thì hoan hỷ tin nhận, ưa thích thọ trì đọc tụng và nói lại cho người khác, đem diệu thiện này hồi hướng Bồ đề.

Nếu thấy bảo tháp, hình tượng Như Lai thì liền đem các thứ hương hoa cúng dường, nguyện loài hữu tình lìa hương phá giới, được hương giới thanh tịnh. Quét rưới đất bụi, nguyện các hữu tình uy nghi tề chỉnh. Hoa lọng đèn lồng, nguyện các hữu tình đều lìa buồn bực. Vào Tăng già lam *(chùa hay tịnh xá)*, nguyện các hữu tình đều vào Niết bàn; ra khỏi chỗ Tăng trụ, nguyện các hữu tình ra khỏi cảnh ma. Thấy cửa Tăng mở, bèn phát nguyện: Đem trí xuất thế vì các hữu tình mở cửa chưa mở, đều khiến ngộ nhập. Nếu thấy cửa đóng, nguyện các hữu tình đóng cửa ba cõi, hoặc bốn nẻo ác.

Nếu được ngồi yên, nguyện các hữu tình ngồi tòa Bồ đề. Nếu nằm hông phải, nguyện các hữu tình đều chứng Niết bàn. Lúc ngồi nằm, dậy, nguyện các hữu tình lìa các mê lầm. Nếu khi rửa chân, nguyện các hữu tình lìa bụi nhơ.

Nếu khi lạy Phật, hay nhiễu bên phải bảo tháp, nguyện các hữu tình đều sẽ thành Phật, được trời người cung kính, chẳng lấy đó làm vui mừng.

Nếu có ngoại đạo tà kiến khó giáo hóa, bèn nghĩ: Nếu ta có làm thầy họ thì họ vẫn giữ sự kiêu mạn, chắc chắn chẳng chịu tin. Hãy làm đồng học, hoặc làm đệ tử; tuy ở trong chúng của họ mà giới hạnh đa văn hơn

các ngoại đạo, nhân đây hàng phục họ, được họ tôn trọng làm thầy, thì lời nói chắc chắn được tin nhận. Hủy bỏ tà pháp, nói chánh Niết bàn, làm cho nhập vào giáo pháp thanh tịnh của Như Lai, tấn tu phạm hạnh tịnh lự đẳng trì, đắc thần thông thù thắng, tu tất cả diệu thiện.

Thấy người đa dục hóa làm nữ nhơn đẹp đẽ, khiến cho kẻ kia say mê, trong khoảng chốc lát thị hiện vô thường, nhan sắc biến đổi, sình trương bủn nát, hôi thối, khiến cho chán ghét, nhờm gớm và khởi tâm nhàm chán, xa lìa, liền hoàn phục hình cũ là hình tượng Bồ Tát, nhân đó nói pháp yếu sâu xa, khiến cho kẻ kia phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hạnh Đại thừa, thành quả Vô thượng.

Thấy người Đại thừa xa lìa bạn lành quen biết, tuy siêng năng tinh tấn học đạo Nhị thừa nhưng đối với quả đó không thể chứng đắc, mất pháp lợi nơi Đại thừa Vô thượng, quán căn tánh của người kia, thuyết Đại thừa cho họ, làm cho người đó hồi tâm, nhập đạo Vô thượng. Người chưa phát tâm, giáo hóa làm cho phát tâm. Nếu đã phát tâm thì khuyên khiến cho bền vững. Thấy người trì giới phạm tội nhẹ, chẳng hiểu để trình bày sám hối nên lo sợ buồn rầu, thối lui; do đó không thể tấn tu đạo cao đẹp, thì liền thuyết pháp cho họ, khiến họ mau sám hối để trừ diệt, tâm lìa buồn rầu, tấn tu đạo cao đẹp. Các chúng Bồ Tát ấy thiểu dục tri túc, chuyên cầu pháp lợi. Vì các hữu tình thuyết về sự cúng dường Như Lai. Do đó liền thành tựu sáu Ba la mật:

Thuyết pháp cúng dường, đó là bố thí Ba la mật.

Hành động chẳng trái với lời nói, đó là tịnh giới Ba la mật.

Các thiên ma v.v... chẳng thể não loạn, đó là an nhẫn Ba la mật.

Tâm tiếp nối nhau chẳng biết mỏi mệt, đó là tinh tấn Ba la mật.

Chuyên tâm nhất niệm, chẳng duyên cảnh khác, đó là tịnh lự Ba la mật.

Thuyết pháp cúng dường, lìa ngã, ngã sở, đó là Bát nhã Ba la mật.

Chẳng thấy năng hành và pháp sở hành; không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Này Thiên vương! Đó gọi là Bồ Tát tu học Bát Nhã có thể **thông đạt phương tiện thiện xảo Ba la mật.**

Này Thiên vương! Thế nào là các đại Bồ Tát **tu học có thể <u>thông đạt diệu nguyện Ba la mật.</u>**

Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành diệu nguyện Ba la mật. Nghĩa là các Bồ Tát có các sở nguyện chẳng vì được hưởng vui sướng khoái lạc thế gian, cũng chẳng vì mình cầu ra khỏi ba cõi, tu đạo Nhị thừa, chứng Niết bàn an lạc, mà chỉ **nguyện tất cả hữu tình đều nhập vào cõi Vô dư Bát Niết bàn trước**, mình thành chánh giác sau cùng. Người chưa phát tâm thì giáo hóa làm cho phát tâm. Nếu đã phát tâm rồi thì làm cho họ tu đại hạnh. Đã tu đại hạnh rồi thì làm cho được Bồ đề. Đắc Bồ đề rồi thì khuyên mời thuyết pháp, lần lượt cho đến sau khi vào Niết bàn, dùng bảy báu tốt đẹp xây tháp, tôn trí xá lợi, thiết lập sự cúng dường, làm cho vô lượng chúng đạt được phước vô biên.

Lại phát nguyện rằng: Các thế giới có Phật thành Chánh giác đều không thiên ma và các ngoại đạo làm rối loạn. Nguyện do tự trí phát tâm vô thượng, chẳng nhờ duyên ngoài.

Lại phải nguyện: Ta thường ở thế gian thành thục hữu tình, khiến cho đạt được lợi ích an lạc. Nguyện các Bồ Tát v.v... mới phát tâm, nếu nghe Như Lai thuyết pháp, ngộ nhập đúng như thật, tâm không kinh sợ. Nguyện các hữu tình đắc đại trí tuệ, đều thông suốt hoàn toàn vô biên Phật đạo, vô biên Phật cảnh, vô biên đại bi, làm lợi ích vô biên các loài hữu tình.

Các Bồ Tát này phần nhiều **lại nguyện tự thân thường sanh ở nước nhơ uế**, chẳng sanh cõi tịnh. Vì sao? Vì như có người bệnh mới nhờ thầy thuốc, nếu không có bệnh tật thì thầy thuốc vô dụng. Bồ Tát khi phát diệu nguyện như thế, chẳng thấy năng hành và pháp sở hành; tất cả không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Này Thiên vương! Đó gọi là các đại Bồ Tát tu học Bát Nhã có thể **thông đạt diệu nguyện Ba la mật.**

Này Thiên vương! Thế nào là các đại Bồ Tát **tu học Bát nhã Ba la mật có thể <u>thông đạt Lực Ba la mật</u>?**

Thiên vương nên biết! Nếu các đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành Lực Ba la mật. Nghĩa là các Bồ Tát có thể hàng phục Thiên ma, dẹp trừ ngoại đạo, **đầy đủ năng lực phước đức trí tuệ**, tu hành tất cả Phật pháp, chứng biết tất cả Phật cảnh, dùng năng lực thần thông đem đầu sợi lông nhấc châu Thiệm bộ hoặc cõi bốn châu, hoặc cõi Đại thiên đến vô lượng thế giới như cát sông Hằng trong 10 phương, rồi để lại chỗ cũ mà không hề tổn hại; hoặc dùng năng lực thần thông, ở giữa hư không lấy các

thứ báu bố thí cho loài hữu tình, có thể nghe và thọ trì tất cả pháp mà chư Phật thuyết ở vô lượng, vô biên thế giới trong mười phương, chẳng thấy năng hành và pháp sở hành; tất cả không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Này Thiên vương! Đó gọi là các đại Bồ Tát tu học Bát Nhã có thể **thông đạt Lực Ba la mật.**

Này Thiên vương! Thế nào là đại Bồ Tát **tu học Bát Nhã có thể thông đạt Trí Ba la mật?**

Thiên vương nên biết! Nếu các đại Bồ Tát tu học Bát Nhã thì có thể hành Trí Ba la mật. Nghĩa là các Bồ Tát quán sát năm uẩn sanh chẳng phải thật sanh, diệt chẳng phải thật diệt, tư duy năm uẩn đều rốt ráo Không, không có ngã, hữu tình, dòng sanh mạng, khả năng sanh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi; phàm phu điên đảo hư vọng chấp trước, phàm phu, chúng sinh sai lầm chấp ngã. Năm uẩn không phải là ngã, trong uẩn không có ngã. Ngã không phải là năm uẩn, trong ngã không có uẩn. Phàm phu ngu muội không như thật biết lăn lóc sinh tử như vòng lửa quay. Kẻ phàm phu ngu si vọng chấp là có, nhưng tất cả pháp tự tánh vốn Không, không sanh, không diệt. Duyên hợp lại gọi là sanh, duyên lìa tan thì bảo là diệt; thật không có sanh diệt, tánh chẳng phải Có, nên chẳng thể nói sanh; tánh chẳng phải Không nên chẳng thể nói là diệt. Các Bồ Tát này đối với tất cả cảnh, không pháp nào là không thông suốt. Tu hành Trí Ba la mật này, Nhị thừa, ngoại đạo chẳng thể ngăn cản. Dùng trí quán sát, từ khi mới phát tâm cho đến Niết bàn đều thấu suốt tất cả, có thể **dùng một pháp mà biết tất cả cảnh, đạt tất cả cảnh chẳng lìa một pháp**. Vì sao? Vì chơn như là một như. Thế nên khi các Bồ Tát tu trí này chẳng thấy năng tu và pháp sở tu; tất cả không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Này Thiên vương! Đó gọi là các đại Bồ Tát tu học Bát Nhã có thể thông đạt Trí Ba la mật.

Đó gọi là Bồ Tát **tu học một pháp, có thể thông đạt tất cả pháp**.

Thích nghĩa:

(1). Thiên vương nói trong Hội này có tên là Tối Thắng, Kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã (TTVBN) gọi là "Bát bà la", nhân vật chính được Phật Thích Ca trao cho chánh pháp trong Hội thứ VI này.

(2). Tất cả Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát Nhã, Phương tiện, Nguyện, Lực và Trí Ba la mật: (十波羅蜜) *Phạm: Daza-pàramità. Gọi đủ: Thập Ba la mật đa. Hán dịch: Thập thắng hạnh, Thập độ, Thập đáo bỉ ngạn. Mười hạnh thù thắng mà Bồ Tát phải tu tập đầy đủ để đạt đến Đại Niết bàn.*

***I. Thập Ba La Mật**: Sáu Ba la mật chính cộng thêm 4 Ba la mật phụ: Phương tiện, Nguyện, Lực, Trí thành 10 là: 1. Thí Ba la mật (Phạm: Dànapàramità): Có 3 thứ là Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí. 2. Giới Ba la mật (Phạm: Zìlapàramità): Giữ giới và thường tự xét. 3. Nhẫn Ba la mật (Phạm: Kwàntipàramità): Nhẫn nại chịu sự bức hại. 4. Tinh tấn Ba la mật (Phạm:Viryapàramità): Gắng sức tiến tu, không biếng nhác. 5. Thiền Ba la mật (Phạm: Dhyànapàramità): Tập trung tư tưởng khiến tâm an định.* 6. *Bát nhã Ba la mật (Phạm: Prajĩàpàramità): Mở ra trí tuệ chân thực, hiểu rõ thực tướng các pháp. 7. Phương tiện Ba la mật (Phạm: Upàya-pàramità): Dùng các phương pháp gián tiếp để khơi mở trí tuệ. 8. Nguyện Ba la mật (Phạm: Praịidhàna-pàramità): Thường giữ gìn nguyện tâm và thực hiện các nguyện tâm ấy trong việc tu tập hằng ngày. 9. Lực Ba la mật (Phạm: Balapàramità): Năng lực bồi dưỡng những thiện hạnh thực tiễn và phân biệt chân ngụy. 10. Trí Ba la mật (Phạm: Prajĩàpàramità): Trí tuệ có năng lực rõ biết tất cả các pháp.*

Mười Ba la mật đều lấy tâm Bồ đề làm nhân. Kinh Giải thâm mật quyển 4 cho rằng lý do ngoài 6 Ba la mật còn thiết lập thêm 4 Ba la mật là vì Phương tiện Ba la mật giúp đỡ cho 3 Ba la mật Thí, Giới và Nhẫn; Nguyện Ba la mật là giúp đỡ cho Tinh tiến Ba la mật; Lực Ba la mật là giúp đỡ cho Thiền Ba la mật; Trí Ba la mật là giúp đỡ cho Bát nhã Ba la *mật. Mật giáo đem 10 Ba la mật phối hợp với 10 vị Bồ Tát và đặt ở viện Hư không tạng trong Mạn đồ la Thai tạng giới để biểu thị cho phúc đức và trí đức của Bồ Tát Hư Không Tạng. Tức về phía bên phải an vị 5 Bồ Tát Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tiến và Thiền, thuộc về Liên hoa bộ, **biểu thị Phước môn**; về phía bên trái an vị 5 Bồ Tát Bát nhã, Phương tiện, Nguyện, Lực và Trí, thuộc về Kim cương bộ, **biểu thị Trí môn**. Lại đem 10 ngón tay phối hợp với 10 Ba la mật, tức Thí là ngón út bên phải, Giới là ngón vô danh bên phải, Nhẫn là ngón giữa bên phải, Tinh tấn là ngón trỏ bên phải, Thiền là ngón cái bên phải, Bát nhã là ngón út bên trái, Phương tiện là ngón vô danh bên trái, Nguyện là ngón giữa bên trái, Lực là ngón*

trỏ bên trái và Trí là ngón cái bên trái. Thủ ấn của mỗi Ba la mật như hình vẽ dưới đây: Thí Ba la mật, Giới Ba la mật, Nhẫn Ba la mật.

***II. Thập Ba La Mật**: 10 Ba la mật được nêu trong Phật truyện Kinh "Bản sinh" là: Đàn (Thí), Thi (Giới), Bát nhã, Tì lê da (tinh tiến), Sằn đề (nhẫn), Xả thế (phủ nhận thế gian và tự kỷ), Chân thực (không nói lời dối trá làm hại chân thực), Quyết ý (ý mình đã quyết không để lay động), Từ (không màng lợi riêng, vì tất cả hữu tình mà trụ nơi từ tâm), Xả (không vì khổ vui mừng giận mà động tâm). Giai vị tu hành 10 đức mục này được gọi là Ba la mật địa (Pàramitàbhùmi).- Từ điển Phật Quang.*

Chúng tôi có ghi chú giải này trong phần thứi Tổng luận, đây chỉ lặp lại để nhớ., chẳng có gì mới mẽ. ***TB***

(3). Vô úy thí là bố thí những điều không sợ hay nói khác là bảo vệ trước bạo quyền bứt bách về vất chất cũng như tinh thần để cho những chúng sanh bé cổ thấp giọng sống được an lòng, không sợ hãi.

Sơ giải:

Phẩm này nói về tu tập thọ trì 10 Ba la mật. Người nào thông đạt các Ba la mật này có thể qua được bờ kia. Vì vậy, phẩm này có tên là "Thông Đạt". Thông đạt những gì? Thông đạt bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định, Bát nhã Ba la mật, phương tiện, nguyện, lực, và trí Ba la mật tức gọi là thông đạt phước và tuệ được Giác ngộ, đạt Nhất thiết trí trí và đắc Vô Thượng Bồ đề. Kinh nói: **"Đó gọi là Bồ Tát tu học một pháp, có thể thông đạt tất cả pháp"** *mà sang được bờ kia.*

Đây là một phẩm có lối diễn đạt thập Ba la mật thật bình dị căn bản nhưng văn từ không kém phần xúc tích, uyên áo. Chỉ cần ngộ nhập vào các Bát nhã Ba la mật này là thông đạt tất cả. Nói như vậy, nhưng hành không phải dễ, phải trải qua không biết bao gian nan thử thách có khi mất ba A tăng kỳ kiếp như Phật Thích Ca Mâu Ni mới có thể thành đạt. Nhưng dù sao đây cũng là các chỉ dẫn cần thiết cho những ai ấp ủ Bồ đề tâm, tu Bồ Tát đạo, trên nguyện chứng Vô Thượng Bồ đề, dưới hóa độ chúng sanh. Tu "thập độ" này trước là độ mình sau độ người tất cả được an vui giải thoát.

*Điều làm cho hữu tình **động tâm** với tinh thần hy sinh cao cả của những ai tu Bồ Tát đạo: Quên mình mới có thể hy sinh cho kẻ khác. Đó là*

cái khó làm trong cuộc đời đầy uế trọc tham sân si này. Có làm được như vậy hạnh nguyện vuông tròn mới xứng danh Bồ Tát Ma ha tát. Ở đây không phải Phật dạy bảo trao truyền riêng cho Thắng Thiên vương các pháp môn thắng diệu này, mà ở đây Phật "khai thị" cho tất cả những người con Phật trong tinh thần hy sinh vì kẻ khác.

Câu đáng nhớ trong phẩm này khi Phật bảo Thắng Thiên Vương Bát Nhã đối với lục Ba la mật và phương tiện xảo:

- "Thuyết pháp cúng dường, đó là bố thí Ba la mật.
- Hành động chẳng trái với lời nói, đó là tịnh giới Ba la mật.
- Các thiên ma v.v... chẳng thể não loạn, đó là an nhẫn Ba la mật.
- Tâm tiếp nối nhau chẳng biết mỏi mệt, đó là tinh tấn Ba la mật.
- Chuyên tâm nhất niệm, chẳng duyên cảnh khác, đó là tịnh lự Ba la mật.
- Thuyết pháp cúng dường, lìa ngã, ngã sở, đó là Bát nhã Ba la mật.

Chẳng thấy năng hành và pháp sở hành; không hai không khác vì lìa tự tánh.

Này Thiên vương! Đó gọi là Bồ Tát tu học Bát Nhã có thể **thông đạt phương tiện thiện xảo Ba la mật**".

Chúng ta sẽ còn trở lại vấn đề này từ pháp hội thứ XI cho đến hết pháp hội thứ XVI, tức 6 pháp hội cuối cùng, thuyết riêng về 6 pháp đáo bỉ ngạn trước khi Phật chấm dứt 22 năm thuyết Đại Bát Nhã.

Trong phẩm này cần nhớ 2 điều:

***1. Học một pháp thì biết tất cả pháp, học một hạnh thì biết tất cả hạnh, thát cũng được sanh về cõi Phật thanh tịnh**, và*

2. Dùng một pháp biết tất cả cảnh, đạt tất cả cảnh chẳng lìa một pháp. Vì sao? Vì chơn như là một như./.

---o0o---

03. PHẨM "HIỂN TƯỚNG"

Đầu quyển 567, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương phẩm 2: Hiển Tướng của Kinh TTVBN)

Tóm lược:

Quyển 567

(Bát nhã Ba la mật lấy gì làm tướng?)

Phật bảo Tối Thắng:
- Thiên vương nên biết! Rộng lớn cùng khắp khó đo lường, đó là **tướng đất**. Bát Nhã sâu xa cũng như thế. Vì sao? Vì rộng lớn, cùng khắp như thế nên khó suy lường.

Thiên vương nên biết! Tất cả cỏ cây đều nương đất mà sanh trưởng, Bát Nhã cũng như thế, có thể sanh trưởng tất cả pháp lành.

Thiên vương nên biết! Ví như **đại địa** tăng chẳng mừng, giảm cũng chẳng buồn, vì lìa ngã, ngã sở, không 2 tướng vậy. Bát Nhã cũng như thế, khen chẳng tăng, chê chẳng giảm, vì lìa ngã, ngã sở, không 2 tướng vậy.

Lại như đại địa, thế gian đi lại, đặt chân cất bước đều nương đó. Bát Nhã cũng như thế, hoặc cầu cõi thiện, hoặc hướng Niết bàn, đều nương vào đó.

Lại như đại địa sinh ra các thứ báu, Bát Nhã cũng như thế, sanh ra các thứ công đức thế gian.

Lại như đại địa, vi trần, kiến, ruồi, muỗi và các việc khổ chẳng làm dao động. Bát Nhã cũng như thế, lìa ngã, ngã sở, hoàn toàn không phân biệt, chẳng thể lay động.

Lại như đại địa, hoặc nghe tiếng Sư tử, rồng, voi v.v... hoàn toàn không kinh sợ. Bát Nhã cũng như thế, chẳng hề e sợ tất cả thiên ma và ngoại đạo v.v... Vì sao? Vì chẳng thấy có người, chẳng thấy có pháp, tự tánh là Không vậy.

Thiên vương nên biết! Ví **như nước** lớn từ trên cao đổ xuống, là chỗ nương về của loài thủy tộc. Bát Nhã cũng như thế, từ chơn pháp giới lưu chuyển vào thế gian, làm chỗ nương tựa của tất cả pháp lành.

Lại như nước nhiều thì thấm nhuần cây cỏ, sanh ra hoa trái. Bát Nhã cũng như thế, thấm nhuần các Đẳng trì, sanh pháp trợ đạo, thành Nhất thiết trí, đắc quả Phật pháp, lợi ích an vui cho tất cả hữu tình.

Lại như nước nhiều bứt rễ cỏ cây, làm cho nghiêng đổ, trôi theo dòng nước. Bát Nhã cũng như thế, có thể diệt tận gốc tất cả tập khí phiền não, tà kiến vĩnh viễn chẳng còn sanh.

Lại như nước, tánh vốn trong sạch, không nhơ, không đục. Bát Nhã cũng như thế, thể tánh không phiền não nên gọi là trong sạch, lìa các phiền não nên gọi là không nhơ; chỉ có một tướng, chẳng tướng khác nên gọi là không đục. Như người mùa Hạ nóng bức gặp được nước mát mẻ; hữu tình bị phiền não thiêu đốt, được nghe Bát Nhã như thế, chắc chắn được thanh lương, lìa các nhiệt não. Như người bị khát được uống nước, liền hết khát. Cầu pháp xuất thế được Bát Nhã là đạt được ước nguyện.

Lại như nước ao suối sâu thẳm khó vào, cũng như thế, cảnh giới Bát nhã Ba la mật của chư Phật sâu xa khó vào.

Lại như chỗ hầm hố, nước đều ngang nhau, Bát Nhã cũng như thế, đối với các bậc Độc giác, Thanh văn và phàm phu **đều bình đẳng**.

Lại như nước sạch, gột rửa nhơ nhớp, làm cho được sạch sẽ. Như vậy, Bồ Tát thông đạt Bát Nhã, lìa các phiền não liền được thanh tịnh. Vì sao? Vì Bát Nhã tự tánh thanh tịnh, lìa các lậu hoặc vậy.

Thiên vương nên biết! Ví **như lửa** lớn, tuy đốt tất cả cây cối, dược thảo nhưng chẳng nghĩ mình đốt tất cả các vật. Bát Nhã cũng như thế, dù có thể diệt hết tất cả tập khí phiền não nhưng không nghĩ mình diệt hết.

Lại như lửa nhiều có thể nấu chín tất cả vật loại. Bát Nhã cũng như thế, thành thục tất cả Phật pháp.

Lại như lửa mạnh có thể làm khô ráo các vật ẩm ướt. Bát Nhã cũng như thế, đều có thể làm khô cạn các dòng chảy mãnh liệt của lậu hoặc, làm cho vĩnh viễn không phát khởi.

Lại như đống lửa ở đỉnh núi tuyết, dù có thể chiếu soi xa một do tuần, cho đến có thể chiếu mười do tuần mà không nghĩ mình chiếu xa. Bát Nhã

cũng như thế, tuy soi sáng Thanh văn, Độc giác nhưng chẳng nghĩ mình soi sáng cho họ.

Lại như cầm thú, ban đêm thấy lửa sáng sợ hãi tránh xa; phàm phu, Thanh văn, Độc giác phước mỏng, nếu nghe Bát Nhã sợ hãi xa lìa. Nghe được tên của Bát Nhã còn khó, huống là có thể tu học.

Như đêm đi xa, lạc mất đường chính, nếu thấy lửa sáng, lòng rất vui mừng, biết có xóm làng nên mau tới đó, đến nơi an ổn, hoàn toàn không còn sợ hãi.

Chốn sinh tử mênh mông, người có phước đức, nếu nghe Bát Nhã lòng rất vui mừng, thọ trì, đọc tụng thì lìa hẳn phiền não, tâm được an vui.

Như lửa ở thế gian, sang hèn đều như nhau. Bát Nhã cũng như thế, Thánh giả và phàm phu đều bình đẳng như nhau.

Như Bà la môn và Sát đế lợi đều cúng dường lửa, chư Phật Bồ Tát đều cúng dường Bát Nhã sâu xa.

Lại như đốm lửa có thể thiêu đốt Tam thiên đại thiên thế giới. Bát nhã Ba la mật cũng như thế, nếu nghe một câu thì có thể đốt cháy vô lượng phiền não.

Thiên vương nên biết! Ví **như gió** có thể làm cho vạn vật tăng trưởng, Bát Nhã cũng như thế, có thể làm cho tất cả thiện pháp thế gian và xuất thế gian tăng trưởng.

Lại như gió dữ, nếu mạnh thì có thể phá diệt tất cả vật loại. Bát Nhã cũng như thế, nếu tu vững mạnh, có thể phá diệt tất cả sanh tử phiền não.

Lại như gió nhiều có thể làm cho khí nóng trở nên mát mẻ. Bát Nhã sâu xa cũng như thế, có thể làm cho hữu tình bị phiền não thiêu đốt, chứng được Niết bàn thanh lương thường lạc.

Lại như gió to di chuyển chẳng dừng, Bát Nhã cũng như thế, đối với tất cả pháp đều không có chỗ trụ.

Thiên vương nên biết! Bát Nhã lìa bẩn không dính, tịch tịnh, có vô lượng, vô biên trí tuệ, bình đẳng, thông đạt thật tánh các pháp, như tánh hư không rộng lớn không có chỗ trụ, lìa tướng cảnh giới, vượt tầm tứ v.v... tâm và tâm sở không phân biệt, không sanh, không diệt, vì tánh xả ly vậy.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, lợi lạc hữu tình, thế gian hiếm có, **giống như mặt trời mặt trăng**, tất cả chúng sanh đều thọ dụng.

Lại ví như mặt trăng có thể trừ nóng bức; Bát nhã Ba la mật cũng vậy, có thể trừ tất cả nhiệt độc phiền não.

Lại như trăng sáng, thế gian ưa nhìn, Bát Nhã cũng như thế, được tất cả Thánh Hiền muốn thấy.

Lại như trăng sáng mỗi ngày một tăng trưởng, các chúng Bồ Tát hành sâu Bát nhã Ba la mật, từ khi mới phát tâm cho đến chứng đắc sở cầu quả vị Vô thượng Bồ đề, dần dần tăng trưởng.

Lại như trăng hạ tuần, mỗi ngày một mờ dần, các chúng Bồ Tát hành Bát Nhã, phiền não, thùy miên dần dần giảm hết.

Lại như trăng tròn đầy, các Bà la môn, Sát đế lợi v.v... đều khen ngợi; nếu thiện nam, thiện nữ hành sâu Bát Nhã thì thế gian, trời, người, A tu la v.v... đều khen ngợi.

Lại như trăng vận hành khắp bốn châu, Bát Nhã cũng như thế, biến khắp tất cả **dù sắc, dù tâm** không nơi nào không cùng khắp.

Lại như trăng đẹp, thường tự trong sáng, Bát Nhã cũng như thế, tánh vốn thanh tịnh, thường tự trang nghiêm. Vì sao? Bản tánh ly nhiễm, không sanh, không diệt biến khắp tất cả pháp, vì tánh xả ly*(1)* vậy.

Ví như mặt trời, tuy phá tan các sự tối tăm nhưng chẳng nghĩ ta làm. Bát Nhã sâu xa cũng như thế, tuy phá tất cả thùy miên từ vô thỉ nhưng chẳng nghĩ ta phá.

Lại như sức nóng của mặt trời, tuy làm cho hoa sen nở nhưng chẳng nghĩ ta làm cho hoa nở. Bát Nhã cũng như thế, dù khai tâm Bồ Tát nhưng chẳng nghĩ ta khai tâm họ.

Lại như mặt trời đẹp, tuy chiếu khắp 10 phương mà chẳng nghĩ ta chiếu. Bát Nhã cũng như thế, dù chiếu khắp vô biên nhưng không có tướng chiếu.

Như thấy tướng sáng đỏ rực, hiện ở phương Đông thì chẳng lâu vầng mặt trời sẽ xuất hiện. Nếu nghe Bát Nhã sâu xa thì nên biết là người đó cách Phật chẳng xa.

Như các tín nữ ở châu Thiệm bộ, thấy mặt trời mọc rất hoan hỷ. Nếu khi thế gian có danh tự Bát nhã Ba la mật xuất hiện, tất cả Thánh Hiền đều rất hoan hỷ.

Lại như mặt trời xuất hiện, ánh sáng của trăng và sao biến mất. Nếu các Bồ Tát hành Bát Nhã thì công đức của Nhị thừa ngoại đạo đều tiêu tan.

Lại như mặt trời mọc mới thấy chỗ cao thấp của hầm hố, nếu các Bồ Tát hành Bát Nhã, thế gian mới biết đạo chánh tà. Vì sao? Vì Bát Nhã tự tướng bình đẳng, không sanh không diệt, vì tánh xả ly vậy.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã phần nhiều **tu hạnh Không, không chấp trước**, tu tập đạo sáng suốt, diệt trừ ám chướng tối tăm, xa lìa bạn xấu, gần gũi chư Phật, tâm tâm nối nhau, **niệm Phật không dứt**, thông suốt bình đẳng, thuận theo pháp giới; mặc dù thần thông du hý khắp cõi nước trong 10 phương mà thân an trụ ở bản xứ đều chẳng lay động, quán các Phật pháp giống như hiện thấy, tuy ở thế gian mà chẳng nhiễm pháp thế gian, như chỗ bùn lầy sinh ra hoa sen.

Như thế, Bồ Tát tuy ở sanh tử, nhờ năng lực phương tiện thiện xảo của Bát Nhã nên chẳng nhiễm đắm. Vì sao? Vì Bát Nhã không sanh, không diệt, tự tướng bình đẳng, chẳng thấy, chẳng chấp trước, vì tánh xả ly vậy.

Lại **như hoa sen** giọt nước chẳng đọng; cũng thế Bồ Tát hành sâu Bát Nhã chẳng còn một mảy ác niệm.

Lại như hoa sen, sanh chỗ nào hương khí đều thơm tho. Cũng như thế, Bồ Tát hành Bát Nhã hoặc tại nhơn gian hoặc ở trên trời, xóm làng, thành ấp… đều đầy đủ hương giới.

Lại như hoa sen bẩm tánh trong sạch, Bà la môn v.v... đều quý mến. Cũng như thế, Bồ Tát hành Bát Nhã trời, rồng, Dược xoa, Kiền đạt phược v.v... Bồ Tát, chư Phật đều kính mến.

Lại như hoa sen khi sắp nở thường làm vui lòng mọi người; cũng như thế, Bồ Tát hành sâu Bát Nhã mỉm cười trước khi nói, mọi người hoan hỷ.

Lại như hoa sen, trong giấc mộng được thấy cũng là tướng lành. Chư thiên v.v... cho đến trong giấc mộng nghe thấy Bồ Tát hành sâu Bát Nhã cũng là điềm tốt lành, huống là thật thấy, thật nghe.

Lại như hoa sen, khi mới bắt đầu sanh ra, nhơn phi nhơn v.v... đều yêu mến giữ gìn. Cũng như thế, Bồ Tát mới học Bát nhã Ba la mật, chư Phật, Bồ Tát, Đế Thích, Phạm Thiên v.v... đều hộ vệ.

(Ba pháp thanh tịnh của Như Lai: Thân, ngữ, ý đều thanh tịnh)

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, phát khởi tâm như thế này: Ta phải đúng như lý, thông đạt tất cả Ba la mật, giáo hóa hữu tình, viên mãn Phật pháp, ngồi tòa Kim cang dưới cội Bồ đề, chứng đắc Vô thượng Bồ đề, chuyển vận bánh xe diệu pháp đủ mười hai hành tướng vi diệu. Sa môn, Bà la môn v.v... Thiên ma, Đế Thích, Phạm Thiên ở thế gian chẳng thể chuyển được. Ta hóa độ tất cả hữu tình ở vô lượng, vô số, vô biên thế giới trong 10 phương, bình đẳng cứu vớt ra khỏi biển sanh tử, đưa vào Bát nhã Ba la mật, làm chỗ quay về nương tựa cho kẻ không có nơi quay về nương tựa, làm người cứu hộ cho kẻ không có người cứu hộ; người muốn thấy Phật, làm cho được thấy Phật, rống tiếng Sư tử, thần thông du hý, khen ngợi công đức của Phật, làm cho mọi người khát ngưỡng, tâm hoàn toàn thanh tịnh, chẳng lay động, ý không dua nịnh, xa lìa tà niệm.

Đó gọi là chẳng nghĩ pháp Nhị thừa, dứt các thùy miên, không còn phiền não. <u>Thân</u> không làm việc dối trá, xa lìa tà vạy. <u>Miệng</u> không nói dối. Thọ ơn thường nhớ nghĩ, ơn nhẹ đền nặng. <u>Tâm</u> chẳng ôm ấp giận hờn. Miệng thường nói lời dịu ngọt. Tu tập tâm thanh tịnh như thế thì chẳng thấy năng hành và pháp sở hành không hai, không khác, vì lìa tự tánh.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tin hiểu **ba pháp thanh tịnh của Như Lai**, nghĩa là các Bồ Tát tư duy:

- Trong Khế Kinh dạy, <u>thân thanh tịnh của Như Lai gọi là pháp thân</u>. Thân hoàn toàn vắng lặng, thân không gì bằng, thân vô lượng, thân bất cộng, thân kim cang. Đối với những thân này, chắc chắn tâm không nghi ngờ. Đó gọi là **tin hiểu thân Như Lai thanh tịnh**.
- Lại nữa, suy nghĩ trong Khế Kinh dạy: <u>ngữ thanh tịnh của Như Lai</u> như thọ ký cho phàm phu thành Phật, cũng thọ ký cho Bồ Tát thành Phật, tin lời như thế, lý lẽ chẳng trái nhau. Vì sao? Vì Như Lai lìa hẳn tất cả lỗi lầm, dứt các thùy miên, không còn phiền não, vắng lặng thanh tịnh. Nếu

Thiên ma, Phạm Thiên và các Sa môn, Bà la môn v.v... có thể tìm được lỗi nơi ngữ nghiệp của Như Lai thì không có lẽ đó. Đó gọi là **tin hiểu lời nói thanh tịnh của Như Lai.**

- Lại nữa, suy nghĩ trong Khế Kinh dạy: Ý của Như Lai thanh tịnh. Tâm suy nghĩ của chư Phật Thế Tôn, Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, trời, người và hữu tình khác không thể biết. Vì sao? Vì tâm Như Lai sâu xa, khó vào, không phải cảnh của giác quán, lìa cảnh suy lường, không ngằn mé, giống như hư không. Tin biết như thế, tâm chẳng nghi ngờ, đó gọi là **tin hiểu ý của Như Lai thanh tịnh**.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã suy nghĩ: Như Phật đã dạy, các đại Bồ Tát vì các hữu tình gánh vác gánh nặng kiên cố không lui bại mà chẳng sợ, chẳng mệt, thứ lớp tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí Ba la mật, thành tựu pháp Phật không chướng, không ngại. Pháp bất cộng vô biên không gì bằng, lời nói quyết định, tánh nó dõng mãnh, thành tựu sự nghiệp to lớn của Như Lai. Các đại Bồ Tát này đối với sự nghiệp kia không nghi không ngờ, hết lòng tin nhận.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, nghĩ: Như Phật đã dạy, các đại Bồ Tát hành Bát Nhã cuối cùng an tọa tòa Bồ đề vi diệu, có thể đắc trí thông thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc trụ, tùy niệm, lậu tận, vô ngại, thanh tịnh; ngay trong một niệm dùng trí bình đẳng thông suốt ba đời, quán sát đúng như thật tất cả thế gian: Hữu tình như thế đầy hạnh ác về thân, hạnh ác về ngữ, hạnh ác về ý, hủy báng Thánh hiền; do tà kiến, tạo tà nghiệp, thân hoại mạng chung sẽ đọa nẻo ác. Đầy đủ diệu hạnh của thân, diệu hạnh của lời nói, diệu hạnh của ý, khen ngợi Thánh hiền; do chánh kiến, tạo chánh nghiệp, thân hoại mạng chung sẽ sanh nẻo lành.

Quán sát đúng như thật cõi hữu tình rồi nghĩ: Khi xưa ta phát nguyện hành Bồ Tát đạo, tự giác, giác tha, nguyện này phải viên mãn. Các Bồ Tát này ở trong việc đó không nghi, không ngờ, đúng như thật tin nhận.

Thiên vương nên biết! Chỗ các đại Bồ Tát thành Phật gọi là **giác xứ**, vì có thể tự giác nên gọi là **Chánh giác**; có thể giác ngộ cho hữu tình nên gọi là **Chánh biến giác**.*(2)*

Thiên vương nên biết! Các Bồ Tát này hành Bát Nhã tin biết Như Lai xuất hiện ở đời làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình.

(Chư Phật, chư Bồ Tát thuyết pháp như thế nào?)

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã nghe thuyết Nhất thừa hết lòng tin nhận. Vì sao? Vì những điều chư Phật nói ra chơn thật chẳng hư vọng. Các thừa khác đều từ Phật thừa mà ra. Như châu Thiệm bộ tuy có các thành ấp, xóm làng… nhưng đều thuộc về châu này. Cũng như thế, các thừa khác tuy có các danh tướng sai khác cũng thuộc về Phật thừa.

Các Bồ Tát này lại nghĩ: Chư Phật Thế Tôn phương tiện thiện xảo nên các **pháp môn thuyết ra đều như thật, chẳng hư vọng**. Vì sao? Vì chư Phật thuyết pháp tùy theo căn tánh của chúng sanh. Tuy nói ba thừa mà thật chỉ có một thừa.

Các Bồ Tát này lại nghĩ: Chư Phật Thế Tôn phàm thuyết pháp **âm thanh sâu xa chơn thật, chẳng dối.** Vì sao? Vì trời Đế Thích, Phạm Thiên v.v... có ít công đức lại còn có thể phát ra âm thanh sâu xa, huống là Như Lai vô lượng ức kiếp chứa nhóm công đức mà âm thanh chẳng sâu xa?

Các Bồ Tát này lại nghĩ: Như Lai thuyết pháp chẳng trái với căn cơ của chúng sanh, bậc thượng, trung, hạ đều được thành tựu. Mỗi chúng sanh đều cho là Phật nói cho riêng mình, **nhưng Phật xưa nay không thuyết, không dạy**. Các Bồ Tát đối với việc ấy không nghi ngờ, hết lòng tin hiểu.

Thiên vương nên biết! **Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã đạt được tâm vi tế, nghĩ: Thế gian bốc cháy, là đống lửa lớn; đó là lửa tham dục, khói sân hận, bồ hóng ngu si. Làm sao khiến tất cả chúng sinh đều được ra khỏi. Nếu có thể thông suốt các pháp đều bình đẳng, không có tâm nhiễm đắm thì gọi là ra khỏi. Biết đúng như thật, như huyễn, như mộng v.v... khéo soi nhân duyên, mà không phân biệt.**

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát nhã Ba la mật, nghĩ: **Các pháp không có nguồn gốc mà có nghiệp quả**. Chư Phật, Bồ Tát dạy điều gì, ta nên hiểu ý; hiểu ý rồi suy lường nghĩa; suy lường nghĩa rồi liền thấy chơn thật; thấy chơn thật rồi cứu độ hữu tình.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo thuyết pháp cho chúng sanh, nghĩa là thuyết các pháp không có ngã, hữu tình, dòng sinh mạng, khả năng sanh khởi, sự dưỡng dục, sự sanh

trưởng, chủ thể luân hồi, ý sanh, nho đồng, người làm, người thọ, người biết, người thấy. **Các pháp như thế là Không, vô sở hữu, chẳng tự tại, vì hư vọng phân biệt, nhân duyên hòa hiệp nên không sanh mà giống như sanh.**

Thiên vương nên biết! Nếu nói các pháp không có ngã, hữu tình… cho đến cái thấy, là đúng như lý mà nói. Nếu nói các pháp không, vô sở hữu, cho đến giống như sanh, là đúng như lý mà nói.

Thiên vương nên biết! Vì là người nói pháp là tùy thuận pháp tướng, đó gọi là **đúng như lý**. Nếu những điều nói ra chẳng trái với pháp tướng, cùng với pháp tương ưng có thể nhập bình đẳng, hiển bày nghĩa lý, gọi là **khéo nói**.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, đắc biện tài vô ngại, nghĩa là hoặc biện tài không vướng mắc, biện tài không cùng tận, biện tài tương tục, biện tài không đứt đoạn, biện tài không khiếp nhược, biện tài không kinh sợ, biện tài riêng biệt, biện tài trời người kính trọng, biện tài không ngằn mé.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã đắc biện tài thanh tịnh, nghĩa là biện tài chẳng quát tháo, biện tài chẳng rối loạn, biện tài chẳng sợ hãi, biện tài chẳng kiêu mạn, biện tài nghĩa đầy đủ, biện tài vị đầy đủ, biện tài trôi chảy, biện tài đúng thời phần.

Thiên vương nên biết! Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, lìa sự sợ hãi uy đức của đại chúng nên **biện tài chẳng quát tháo**, trí tuệ vững vàng sáng rõ, chẳng sợ nên **biện tài chẳng rối loạn**. Bồ Tát ở giữa chúng như Sư tử chúa, chẳng sợ hãi, nên **biện tài chẳng sợ hãi**, lìa phiền não nên **biện tài không kiêu mạn**, chẳng nói vô nghĩa, nói khế hợp với pháp tướng nên **biện tài nghĩa đầy đủ**. Hiểu rõ thơ, luận, biết rõ văn tự nên **biện tài phong phú**. Nhiều kiếp chứa nhóm, tập luyện ngôn ngữ nên **biện tài chẳng vung vít**. Thuyết pháp như thế hoàn toàn thuận ba thời, nghĩa là nóng, mưa, lạnh, thuyết không rối loạn; cũng thuận ba phần, nghĩa là đầu, giữa, cuối, nói chẳng xen tạp. Do đó nên nói **biện tài đúng thời phần.**

Thiên vương nên biết! Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, các biện luận đã đắc được làm cho mọi người hoan hỷ, nghĩa là tùy theo sự giáo hóa, phần nhiều là dùng ái ngữ, trước khi nói mỉm cười tươi vui. Lời nói có nghĩa, luôn đúng với sự thật. Nói ra những lời gì chẳng khinh dễ người. Lời nói quả quyết, nói các việc vui. Dùng lời nhỏ nhẹ, dịu dàng làm cho

mọi người vui mừng. Dung nghi khoan thai, sắc thái ôn hòa, khiến người gần gũi; theo nghĩa mà nói, người nghe tỏ ngộ; vì lợi ích nên đúng pháp tướng mà nói, bình đẳng mà nói, tâm không thiên lệch, phe nhóm, xa lìa lời nói hư vọng, lời nói quyết định, tùy theo căn tánh mọi người nói các việc vui. Do nhân duyên này làm cho mọi người vui mừng.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, thành tựu oai đức lớn. Vì sao? Vì kẻ không pháp khí thì chẳng được nghe.

Bấy giờ, Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát này tâm bình đẳng, tại sao chẳng vì kẻ không pháp khí mà nói?

Phật bảo Thiên vương:

- Thiên vương! Bát Nhã tánh bình đẳng, chẳng thấy có pháp khí, chẳng thấy không pháp khí, chẳng thấy năng thuyết, chẳng thấy sở thuyết. Hữu tình hư vọng thấy có pháp khí không pháp khí, thấy có thuyết không thuyết. Vì sao? Vì Bát Nhã không sanh, không diệt, không có tướng phân biệt. Giống như hư không đầy khắp tất cả, hữu tình cũng như thế, không sanh, không diệt. Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai cũng như thế. Pháp không danh tự, giả lập danh tự, gọi là hữu tình, là Bát Nhã, có năng thuyết, có sở thuyết, có người nghe và có pháp được nghe. <u>Trong thắng nghĩa đế, đều đồng một tướng, gọi là vô tướng, hoàn toàn không sai khác</u>. Các Bồ Tát này hành sâu Bát nhã Ba la mật uy đức trọng vọng, nên dù thường muốn nói mà kẻ không pháp khí chẳng nghe. *(Q.567, ĐBN)*

Thiên vương nên biết! Bát Nhã chẳng vì hữu tình không pháp khí mà nói, chẳng vì kẻ ngoại đạo ác kiến mà nói, chẳng vì kẻ lười biếng kiêu mạn chẳng tin mà nói; chẳng vì người cầu pháp mua bán đổi chác mà nói, chẳng vì kẻ tham ưa danh lợi, chẳng vì kẻ ganh ghét tham lam, chẳng vì kẻ mù, điếc, câm mà nói. Vì sao? Vì các Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, tâm không keo kiệt tham tiếc, chẳng giấu thâm pháp, từ bi thương xót loài hữu tình, cũng chẳng rời bỏ các loài hữu tình. Nhưng loài hữu tình đời trước trồng căn lành, được thấy Như Lai và nghe chánh pháp. Như Lai đối với pháp vốn không có tâm giảng thuyết, cũng chẳng tác ý vì người này, vì người kia. Những kẻ nghiệp chướng sâu nặng tuy gần Như Lai mà chẳng thấy chẳng nghe. Bồ Tát cũng thế.

Bấy giờ, Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những hữu tình nào có thể nghe chư Phật, Bồ Tát thuyết pháp?

Phật bảo Thiên vương:

- Nếu **đầy đủ chánh tín, căn tánh thuần thục** thì có thể làm pháp khí, đối với Phật quá khứ từng trồng căn lành, tâm không dua nịnh quanh co, uy nghi tề chỉnh, chẳng cầu danh lợi, gần gũi bạn lành, căn tánh lanh lợi thông minh, nói văn biết nghĩa, vì pháp tinh tấn, chẳng trái Thánh ý, thì những hữu tình ấy có thể nghe chư Phật, Bồ Tát thuyết pháp.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát thường làm pháp sư khéo thuyết pháp.

Thế nào là khéo thuyết? Nghĩa là vì lợi ích các hữu tình nên mặc dù nói Phật pháp mà Phật pháp rốt ráo bất khả đắc; mặc dù nói tất cả Ba la mật mà nói Ba la mật rốt ráo bất khả đắc; mặc dù nói Bồ đề mà nói Bồ đề rốt ráo bất khả đắc; mặc dù nói dứt phiền não mà nói phiền não rốt ráo bất khả đắc; mặc dù nói Niết bàn mà nói Niết bàn rốt ráo bất khả đắc; mặc dù nói Thanh văn tứ hướng, tứ quả mà nói Thanh văn tứ hướng, tứ quả rốt ráo bất khả đắc; mặc dù nói Độc giác hoặc hướng hoặc quả, mà hoặc hướng hoặc quả rốt ráo bất khả đắc; mặc dù nói dứt ngã kiến mà nói ngã kiến rốt ráo bất khả đắc; mặc dù nói có nghiệp quả mà nói nghiệp quả rốt ráo bất khả đắc.

Vì sao? Vì danh tự đạt được đều chẳng phải thật pháp, pháp chẳng phải danh tự, chẳng phải cảnh giới của ngôn ngữ, pháp chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải so lường của tâm. Danh tự chẳng phải pháp, pháp chẳng phải danh tự, chỉ vì thế tục hư vọng giả danh mà nói ra. Không pháp danh tự nói là danh tự, danh tự là không, không có gì cả. Không có gì cả ấy chẳng phải Đệ nhất nghĩa, chẳng phải Đệ nhất nghĩa ấy tức Pháp phàm phu hư vọng. *(Q.567, ĐBN)*

Thiên vương nên biết! Đó gọi là Bồ Tát khéo thuyết pháp. Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã dùng năng lực phương tiện đắc vô ngại biện. Tùy theo căn tánh của mọi người nên nói Bát Nhã như thế, làm cho các hữu tình đúng như thật ngộ nhập.

Thích nghĩa:

(1). Xả ly: Xả có nghĩa là lìa bỏ, không dính mắc, ly là lìa hay bỏ. Thí dụ như lìa trần xa cấu.

(2). Kinh TTVBN, Phật bảo Thắng Thiên Vương: "Đại vương, chỗ Bồ Tát thành Phật gọi là Giác Xứ, tự giác gọi là Chính Giác, thành tựu chúng sinh gọi là Chính Biến Giác".

Câu dịch này của Kinh TTVBN gọn và hay.

Sơ giải:

1. Bát Nhã lấy đất, nước, gió, lửa, hư không làm tự tánh.

Hầu hết các pháp hội trước đều có đặt câu hỏi: "Bát nhã Ba la mật lấy gì làm tướng?" *Như phẩm "Chơn Như" Q.560, Hội thứ V, ĐBN. Phật bảo các Thiên chúng:*

"Ta đã tuyên nói các pháp sâu thẳm lấy không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, vô sanh, vô diệt, không chỗ nương tựa, vô tánh làm tướng".

Đó là cách nói hết sức thậm thâm. Ai học Bát Nhã đều phải lấy lời khuyên đó làm tôn chỉ tu hành. Nhưng trong phẩm "Hiển Tướng" của Pháp hội này, cũng cùng câu hỏi như trên, Thế Tôn trả lời cụ thể và giản dị: Bát Nhã lấy "đất, nước, gió, lửa, hư không" *làm tướng. Vì sao? Vì tất cả đặc tánh của đất, nước, gió, lửa, hư không cũng chính là đặc tánh của Bát nhã Ba la mật.*

***- Như đất** vô biên, Bát Nhã cũng vô biên. Đất sanh cây cỏ nuôi sống muôn loài, Bát Nhã sanh muôn pháp, cứu độ vô vàn chúng sanh. Đất trơ lì bất động, trâu bò giẫm đạp, đái ĩa không buồn không giận, Thánh nhân đi qua cũng không mừng không vui. Bát Nhã cũng vậy, lìa ngã, ngã sở... khen cũng không mừng, chê cũng không buồn, không giận v.v...*

***- Như nước** tánh vốn trong sạch, không nhơ, bình đẳng một mực. Bát Nhã sâu xa cũng như thế, thể tánh không phiền não nên gọi là trong sạch, lìa các phiền não nên gọi là không nhơ, nước cùng một mực nên gọi là bình đẳng, v.v... , chúng sanh, Bồ Tát, Phật... cũng vậy.*

***- Như gió** có thể làm cho vạn vật tăng trưởng, Bát Nhã cũng như thế, có thể làm cho tất cả thiện pháp thế gian và xuất thế gian tăng trưởng.*

Lại như gió lớn thì có thể phá diệt tất cả vật loại. Bát Nhã cũng như thế, nếu tu vững mạnh, có thể phá diệt tất cả sanh tử phiền não.

Lại như gió nhiều liên tục có thể làm cho khí nóng trở nên mát mẻ. Bát Nhã sâu xa cũng như thế, có thể diệt sạch phiền não thiêu đốt của tất cả hữu tình, chứng được Niết bàn thanh lương thường lạc.

*- **Như lửa** có thể làm đuốc soi sáng cho người đi trong đêm tối. Bát Nhã là đuốc tuệ, hướng dẫn người lạc lối được vào chánh đạo, được Niết bàn an vui v.v...*

Vì vậy, Phật bảo:

"Thiên vương nên biết! Bát Nhã lìa bẩn không dính, tịch tịnh, có vô lượng, vô biên trí tuệ, bình đẳng, thông đạt thật tánh các pháp, **như tánh hư không** rộng lớn không có chỗ trụ, lìa tướng cảnh giới, vượt tầm tứ v.v... tâm và tâm sở không phân biệt, không sanh, không diệt, vì tánh xả ly vậy".

Đó là tướng sâu xa của Bát nhã Ba la mật, thông hóa trên các vật thể trần gian.

2. Ba phép thanh tịnh của Như Lai:

*1- Thân Như Lai hoàn toàn vắng lặng không gì bằng. Nên Khế Kinh dạy "**thân** thanh tịnh của Như Lai gọi là pháp thân".*

*2- Như Lai lìa hẳn tất cả lỗi lầm, dứt các thùy miên, không còn phiền não, vắng lặng thanh tịnh, vì thế nên không ai có thể tìm lỗi nơi ngữ nghiệp của Như Lai. Khế Kinh dạy "**ngữ** của Như Lai thanh tịnh" nên Thế Tôn có thể thọ ký cho các Bồ Tát.*

*3- Tâm Như Lai sâu xa, khó vào, không phải cảnh của cảm quan hay ý thức thế tục, lìa cảnh suy lường, không có ngằn mé, giống như hư không. Nên Khế Kinh dạy "**ý** của Như Lai thanh tịnh".*

Nếu theo ba thân của Như Lai học và hành chắc chắn được diệu hạnh của thân, ngữ, ý, lúc thân hoại mạng chung sẽ sanh nẻo lành, làm lợi ích chúng sanh vô cùng tận.

3. Chư Phật Thế Tôn, Bồ Tát thuyết pháp như thế nào?

Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã sâu xa, phương tiện thiện xảo thuyết pháp cho chúng sanh, tất cả pháp không có ngã, hữu tình, dòng sinh mạng... cho đến người biết, người thấy. ***Các pháp như thế là Không, vô sở hữu, chẳng tự tại, là hư vọng phân biệt, các pháp chỉ do nhân duyên hòa hiệp nên không sanh mà giống như sanh. Thuyết pháp như vậy là tùy thuận pháp tướng, cùng với pháp tương ưng có thể nhập bình đẳng, hiển bày nghĩa lý. Đó là thuyết pháp đúng lý, nên gọi là khéo nói.***

Nhờ vậy, nên khi hành sâu Bát Nhã các Bồ Tát mới đắc các biện tài vô ngại, ở giữa chúng rống tiếng rống của Sư tử chúa, chẳng sợ hãi, nên được biện tài chẳng sợ; lìa phiền não nên được biện tài không kiêu mạn; chẳng nói vô nghĩa, nói khế hợp với pháp tướng nên được biện tài nghĩa lý đầy đủ. Hiểu rõ thơ, luận, biết rõ văn tự nên được biện tài ý vị. Nhiều kiếp chứa nhóm, tập luyện ngôn ngữ nên biện tài chẳng vung vít. Thuyết pháp như thế hoàn toàn thuận ba thời, nghĩa là nóng, lạnh, mưa nắng thuyết không rối loạn; cũng thuận ba phần nghĩa là đầu, giữa, cuối, nói chẳng xen tạp. Do đó nên nói được biện tài đúng thời phần.

Thế nào gọi là khéo thuyết pháp? Nghĩa là vì lợi ích các hữu tình nên mặc dù thuyết tất cả pháp mà nói tất cả pháp rốt ráo ***bất khả đắc****, mặc dù thuyết dứt phiền não mà nói phiền não rốt ráo bất khả đắc, mặc dù thuyết Niết bàn mà nói Niết bàn rốt ráo bất khả đắc, mặc dù thuyết dứt ngã kiến mà nói ngã kiến rốt ráo bất khả đắc, mặc dù thuyết có nghiệp quả mà nói nghiệp quả rốt ráo bất khả đắc.*

Chỉ theo thế tục nói nọ nói kia, nào là phiền não lậu hoặc, nào là Niết bàn hay nói phước nghiệp… Trong thắng nghĩa không có phiền não, không Niết bàn, không tội phước... Cảnh giới Bồ Tát, cảnh giới Phật đều sạch trong sạch ngoài, vắng lặng tịch diệt. Phật dùng ngôn ngữ phương tiện giả nói, trong thắng nghĩa đế tất cả pháp đều bình đẳng như như.

Phật bảo Thắng Thiên Vương: "Vì sao? Vì danh tự đạt được đều chẳng phải thật pháp, pháp chẳng phải danh tự, chẳng phải cảnh giới của ngôn ngữ, pháp chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải so lường của tâm. Danh tự chẳng phải pháp, pháp chẳng phải danh tự, chỉ vì thế tục hư vọng giả danh mà nói ra. Không pháp danh tự nói là danh tự, danh tự là không, không có *(ý nghĩa)* gì cả. Không có *(ý nghĩa)* gì cả ấy chẳng phải Đệ nhất nghĩa, chẳng phải Đệ nhất nghĩa ấy tức Pháp phàm phu hư vọng.

Thiên vương nên biết! Đó gọi là Bồ Tát khéo thuyết pháp. Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã dùng năng lực phương tiện đắc vô ngại biện. Tùy theo căn tánh của mọi người nên nói Bát Nhã sâu xa như thế, làm cho các hữu tình đúng như thật ngộ nhập".

Phật nói như vậy để đừng nương cậy vào chữ nghĩa văn tự. Phải tự mình lặn sâu vào tâm khảm của chính mình để tìm sự chứng ngộ. Đừng để dòng soái của ngôn ngữ văn tự nhận chìm!

Kết luận:

Câu nói cần ghi nhớ nhất trong phẩm này là: Những điều chư Phật nói ra đều chân thật chẳng hư vọng:

"... **Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã đạt được tâm vi tế, nghĩ: Thế gian bốc cháy, là đống lửa lớn; đó là lửa tham dục, khói sân hận, bồ hóng ngu si. Nếu có thể thông suốt các pháp đều bình đẳng, không có tâm nhiễm đắm thì gọi là ra khỏi. Biết đúng như thật, như huyễn, như mộng v.v... khéo soi nhân duyên, mà không phân biệt. Lại biết các pháp tuy không có nguồn gốc mà có nghiệp quả**".

Đó là những đặc tính rộng lớn mầu nhiệm gọi là hiện tướng của Bát nhã Ba la mật mà Kinh đã xiển dương ở 5 pháp hội đầu tiên và pháp hội này. Bát nhã Ba la mật vô biên chi phối tất cả càn khôn vũ trụ với các tướng nhiệm mầu của nó! Kinh thuyết quá hay quá đủ nên không cần luận giải dài dòng nữa./.

---o0o---

04. PHẨM “PHÁP GIỚI”*(1)*

Cuối Q.567 đến đầu Q.568, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương phẩm 3: “Pháp Giới” của Kinh TTVBN)

Gợi ý:

Như trên giới thiệu Hội thứ VI cũng tương tợ như năm Hội đầu mà chúng ta vừa tụng qua. Tuy nhiên, đặc biệt Hội này tách pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh (tức 3 pháp trong thập nhị chơn như) làm thành 3 phẩm và thuyết riêng rẽ. Vì vậy, nói Hội này đặc biệt so với tất cả các Hội khác. Vì sao? Vì một khi hiểu hay chứng được chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh,... thì nhập pháp giới tức được xem như giác ngộ. Bài pháp của phẩm này thật là thậm thâm!

Tóm lược:

(Bồ Tát làm thế nào học Bát Nhã mà thông suốt được pháp giới)

Bấy giờ, Tối Thắng từ chỗ ngồi đứng dậy, vạch áo chìa vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát làm thế nào tu học Bát Nhã lại thông suốt pháp giới?

Phật bảo trời Tối Thắng:

- Lành thay! Lành thay! Hãy lắng nghe! Thật khéo tác ý! Ta sẽ phân biệt giảng thuyết cho ngươi.

Trời Tối Thắng bạch:

- Cúi xin Thế Tôn giảng, chúng con mong muốn được nghe.

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát học Bát Nhã có diệu tuệ nên gần gũi bạn lành, phát khởi siêng năng tinh tấn, lìa các chướng ngại phiền não, tâm được thanh tịnh, cung kính tôn trọng, muốn tu tập hạnh Không, xa lìa các kiến, tu đạo như thật, thông suốt pháp giới.

Thiên vương nên biết! Các Bồ Tát này có diệu tuệ nên gần gũi bạn lành, vui mừng kính thờ, tưởng như Phật. Vì gần gũi bạn lành nên xa lìa biếng nhác, diệt trừ tất cả pháp ác bất thiện, tăng trưởng căn lành. Đã diệt

phiền não, xa lìa pháp chướng ngại, thân, ngữ, ý nghiệp đều được thanh tịnh; do thanh tịnh nên liền sanh kính trọng; vì tâm kính trọng, tu tập hạnh Không; vì tu tập hạnh Không nên xa lìa các kiến; vì xa lìa các kiến nên tu hành chánh đạo; **tu hành chánh đạo nên có thể thấy pháp giới**.

(Chơn như của các pháp)

Trời Tối Thắng bạch Phật:
- Bạch Thế Tôn! **Thế nào gọi là pháp giới**?
Phật bảo trời Tối Thắng:
- Thiên vương nên biết! Pháp giới chính là tánh chẳng hư vọng.
- Bạch Thế Tôn! Thế nào là tánh chẳng hư vọng?
- Này Thiên vương! Tức là tánh chẳng đổi khác.
- Bạch Thế Tôn! Thế nào là tánh chẳng đổi khác?
- Này Thiên vương! Tức là chơn như của các pháp*(2)*.
- Bạch Thế Tôn! **Thế nào là chơn như của các pháp?**

- Thiên vương nên biết! Như *(chơn như của các pháp)* **này sâu xa vi diệu chỉ có trí biết, chẳng phải do lời nói biết được. Vì sao? Vì các pháp như vượt văn tự, lìa ngữ ngôn; tất cả sự diễn đạt chẳng thể diễn đạt nổi; lìa hý luận, dứt phân biệt, không đây kia; lìa tướng vô tướng, xa lìa suy lường, vượt cảnh suy lường, không tưởng không tướng, vượt khỏi hai cảnh, xa lìa người ngu, lìa cõi phàm tục, vượt khỏi cảnh ma, xa lìa mê chướng, thức không thể biết, trụ không chỗ trụ, vắng lặng Thánh trí và cảnh giới của hậu đắc trí vô phân biệt, không ngã, ngã sở, cầu chẳng thể được, không thủ, không xả, không nhiễm, không đắm, thanh tịnh ly cấu, tối thắng đệ nhất, tánh chẳng biến đổi; hoặc Phật ra đời hay chẳng ra đời, tánh tướng vẫn thường trụ.**

Thiên vương nên biết! Đó là pháp giới. Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tu chứng pháp giới, hành nhiều trăm ngàn hạnh khổ khó hành, làm cho các hữu tình đều được thông suốt.

Này Thiên vương! Đấy gọi Thật tế Như như của Bát nhã Ba la mật, tướng không phân biệt, bất tư nghì giới, cũng gọi Chơn không, Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí, pháp giới không hai.

Đoạn Kinh này tuy thuyết về "Pháp như" lại đề cập đến Pháp giới, Chơn không, Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí... Rồi đến, khi thuyết Pháp

giới lại nói đến "thật tế như như". Nếu hiểu được phối hợp của các pháp này trong thập nhị chơn như thì có cơ hội nhập pháp giới.

(Làm sao học, hành và chứng pháp giới?)

Bấy giờ, trời Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao có thể **chứng đắc pháp giới** như thế?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Bát nhã Ba la mật xuất thế và **hậu đắc trí vô phân biệt***(3)* **có thể chứng, có thể đắc**.

- Kính bạch Thế Tôn! Nghĩa chứng và đắc có gì khác?

- Thiên vương nên biết! **Bát Nhã xuất thế có khả năng thấy đúng như thật nên gọi là <u>chứng</u>, hậu đắc trí thông suốt nên gọi là <u>đắc</u>.**

Trời Tối Thắng bạch Phật:

- Như Phật đã dạy tuệ của văn *(nghe)*, tư *(tư duy, suy nghiệm)*, tu *(tập luyện, thực hành)* chẳng thông suốt được thật tướng Bát nhã Ba la mật, mà lại nói chỉ có Bát nhã Ba la mật xuất thế và hậu đắc trí vô phân biệt có khả năng chứng đắc?

Phật dạy:

- Chẳng phải vậy! Vì sao? **Vì thật tướng Bát Nhã sâu xa vi diệu, văn tuệ thô thiển, cạn cợt, chẳng thể thấy được. Vì là thắng nghĩa nên tư tuệ chẳng thể suy lường được. Vì là pháp xuất thế nên tu tuệ chẳng thể hành được**. *(Tức văn tư tu không thể đắc thật tướng Bát Nhã)*

Thiên vương nên biết! Thật tướng Bát Nhã vi diệu, phàm phu, Nhị thừa chẳng thể thấy được. Vì sao? Vì hạng kia như mù bẩm sanh, chẳng thấy các sắc; như trẻ con mới sinh bảy ngày chẳng thấy mặt trời; thấy còn chẳng thể được, huống là có thể chứng.

Này Thiên vương! Ví như mùa hè nóng bức, có người đi về phương Tây, ở giữa đồng hoang, lại có một người từ phương Tây đi đến, hỏi người trước mặt:

"Tôi nay bị nóng khát, biết chỗ nào có nước trong và bóng mát làm ơn chỉ giúp".

Người kia đáp:

"Từ đây đi về hướng Đông, sẽ có hai đường: Một là phía bên trái, hai là phía bên phải, nên theo đường bên phải, lần hồi đi tới có ao suối nước trong và bóng cây mát mẻ".

Này Thiên vương! Ý ngươi thế nào? Người nóng khát kia chỉ nghe tên suối và cây mát như thế, liên tưởng như thế thì có thể trừ nóng khát, được mát mẻ ngay chăng?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được. Người kia phải đến nơi, vào ao tắm rửa, uống nước, nghỉ dưới gốc cây mới khỏi nóng khát, được mát mẻ.

Phật dạy:

- Này Thiên vương! Đúng như vậy! Đúng như vậy! Văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ chẳng thể thông suốt thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Thiên vương nên biết! Nói về đồng nội tức dụ cho sanh tử, người dụ cho hữu tình, nóng dụ cho các phiền não, khát dụ cho tham ái. Người phương Đông đến, dụ cho các Bồ Tát, đường bên trái dụ cho chẳng phải chánh đạo, đường bên phải dụ cho đạo Nhất thiết trí. Các chúng Bồ Tát hành Bát Nhã sâu xa biết rõ con đường thẳng đến sanh tử. Suối dụ cho Bát nhã Ba la mật, cây dụ cho đại bi. Các đại Bồ Tát hành hai pháp *(Bát Nhã và Đại bi)* nên xa lìa phàm phu và đạo Nhị thừa. Thiên vương nên biết! Bát Nhã sâu xa tuy không hình tướng mà khéo nói nên khiến các hữu tình có thể chứng, có thể đắc.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã có thể biết đúng như thật: Lực, Vô sở úy, Bất cộng pháp, Không. Cũng biết đúng như thật các giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn là Không. Cũng biết đúng như thật nội Không, ngoại Không, và nội ngoại Không, Không Không, đại Không, thắng nghĩa Không v.v... Mặc dù biết tất cả pháp đều Không, nhưng biết tướng Không cũng bất khả đắc *(tức bất khả đắc không)*, chẳng thủ tướng Không, chẳng khởi thấy Không, chẳng chấp tướng Không, chẳng nương tựa Không. Như vậy, Bồ Tát vì chẳng thủ trước nên chẳng rơi vào Không.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã **nên xa lìa các tướng**, nghĩa là hoàn toàn chẳng thấy các tướng trong ngoài, lìa tướng hý luận, lìa tướng phân biệt, lìa tướng tầm cầu, lìa tướng tham đắm, lìa tướng cảnh giới, lìa tướng phan duyên, lìa tướng năng tri và sở tri.

Trời Tối Thắng lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các chúng đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, có thể quán các pháp vô tướng như thế thì làm thế nào để quán cảnh giới Phật Bạc già phạm *(cảnh giới chư Phật)*?

Phật dạy:

- Này Thiên vương! Cảnh giới chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì lìa cảnh giới vậy. Tất cả hữu tình suy lường Phật cảnh thì tâm phát sanh cuồng loạn, chẳng biết đây kia. Vì sao? Vì tánh đồng hư không, chẳng thể suy lường, cầu chẳng thể đắc, lìa cảnh suy tầm; các chúng Bồ Tát hành sâu Bát Nhã còn chẳng thấy có cảnh phàm phu v.v... có thể suy lường được, huống là cảnh giới Phật; cũng chẳng nương tựa tất cả diệu nguyện. Mặc dù hành các pháp bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, nhưng đối với quả kia hoàn toàn không chấp đắm, đối với các công đức cho đến Niết bàn cũng chẳng nương tựa, chấp trước. Vì sao? Vì lìa ngã và ngã sở, không hai, không khác, vì lìa tự tánh vậy.

Khi Phật thuyết pháp môn Bát Nhã như thế, làm cho Tam thiên đại thiên thế giới này chấn động 6 cách, núi Diệu Cao Vương, núi Mục chơn lân đà, núi Đại Mục chơn lân đà, núi Kim Cang Luân Vi, núi Đại Kim Cang Luân Vi, núi Hương, núi Bảo, núi Hắc, núi Đại Hắc, tất cả đều chấn động, vô lượng trăm ngàn các chúng Bồ Tát đều cởi thượng y trải làm chỗ ngồi cho Phật, tòa đó cao rộng như núi Diệu Cao. Vô lượng trăm ngàn các Thiên Vương, Đế Thích, Phạm Thiên, Hộ Thế v.v... chắp tay cung kính rải cúng các thứ hoa đẹp, đó là hoa Diệu Âm, hoa đại Diệu Âm, hoa Cát Tường, hoa đại Cát Tường, hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía.

Khi ấy, núi Thứu Phong cao rộng 40 do tuần, hoa chất đầy khắp đến tận đầu gối Như Lai. Vô lượng Thiên tử ở giữa hư không trổi các nhạc trời và xướng lên thế này:

- Lại thấy Phật xuất thế. Lại nghe chuyển pháp luân. Lành thay! Tất cả loài hữu tình châu Thiệm bộ siêng tu công đức, trồng nhiều thiện căn nên được nghe Bát Nhã sâu xa như thế, huống là tương lai có người có thể tin. Nên biết, tất cả hữu tình như thế đều đi trong cảnh giới chư Phật Như Lai.

Lại có vô lượng trăm ngàn Long vương dùng thần lực bủa giăng mây lớn cùng khắp, rưới mưa hương rảy thấm núi Thứu Phong và cùng khắp tam thiên đại thiên thế giới. Những người nghe pháp chỉ biết thấm nhuận hương, chẳng thấy bị thấm ướt. Vô lượng Long nữ đều ở trước Phật chắp tay khen ngợi.

Lại có vô lượng thần Kiền đạt phược dùng âm nhạc để cúng dường Phật. Các chúng Dược xoa rải cúng các thứ hoa đẹp. A tu la v.vc… cũng cung kính cúng dường.

Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở vô lượng, vô biên cõi Phật mười phương, phóng ánh sáng từ tướng lông giữa chặng mày, chiếu soi những chốn tối tăm ở Tam thiên đại thiên thế giới này. Hào quang đó chiếu sáng rực rỡ khắp núi Thứu Phong và các thế giới xong, liền quay trở về chỗ Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng và nhập vào đảnh Phật.

Vô lượng trăm ngàn chúng Bà la môn và Sát đế lợi, Trưởng giả, Cư sĩ đều đem các thứ hương xoa, hương bột, cờ, phướn, lọng, phan, hoa để cúng dường Phật.

Bấy giờ, trong hội có bảy mươi hai ức đại Bồ Tát đắc Vô sanh pháp nhẫn, vô lượng trăm ngàn các loài hữu tình xa trần lìa cấu, sanh tịnh pháp nhãn, vô lượng trăm ngàn các loài hữu tình đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, trời Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã đã tuyệt ngữ ngôn, lìa văn tự, đại Bồ Tát làm sao hành sâu Bát Nhã và thuyết cho các hữu tình pháp như thế?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã và thuyết cho các hữu tình pháp như thế là tu tập Phật pháp, nhưng đối với các Phật pháp hoàn toàn **chẳng thể đắc**. Vì thành thục các Ba la mật nhưng đối với các Ba la mật, hoàn toàn chẳng thể đắc. Vì thanh tịnh Bồ đề, nhưng đối với Phật Bồ đề rốt ráo chẳng thể đắc. Vì ly diệt Niết bàn nhưng đối với ly diệt Niết bàn hoàn toàn bất khả đắc. Vì bốn quả Sa môn, nhưng đối với bốn quả Sa môn hoàn toàn chẳng thể đắc. Vì Độc giác Bồ đề, nhưng đối với Độc giác Bồ đề hoàn toàn chẳng thể đắc. Vì dứt trừ ngã, thủ, nhưng đối với ngã, thủ hoàn toàn chẳng thể đắc. Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã chẳng phân biệt tất cả pháp tướng; năng phân biệt và sở phân biệt đều chẳng thể đắc; tùy thuận Bát nhã Ba la mật mà chẳng trái sanh tử. Mặc dù ở sanh tử mà chẳng trái Bát nhã Ba la mật, tùy thuận pháp tướng.

Trời Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát làm sao tùy thuận pháp tướng sâu xa, chẳng trái thế tục?

(Bốn tâm vô lượng: Đại từ, Đại bi, Đại hỉ, Đại xả là Phương tiện thiện xảo của Bồ Tát)

Phật dạy:

- Này Thiên vương! Bồ Tát tùy thuận Bát Nhã sâu xa, **chẳng xa lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng xa lìa cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; chẳng xa lìa pháp nhưng không chấp trước**; tùy thuận Bát Nhã, chẳng xa lìa đạo. Vì sao? Vì đầy đủ năng lực đại phương tiện thiện xảo vậy.

Trời Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Cái gì gọi là Bồ Tát **phương tiện thiện xảo**?

Phật dạy:

- Này Thiên vương! Đó là 4 vô lượng. Các đại Bồ Tát đầy đủ tâm đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả nên thường có thể lợi ích an vui trong việc giáo hóa hữu tình, đó là Bồ Tát phương tiện thiện xảo.

- Bạch Thế Tôn! Vì sao bốn thứ này nói là Đại?

- Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã đầy đủ Từ không biên giới, Từ không phân biệt, Từ các pháp tánh, Từ chẳng ngưng nghỉ, Từ không não hại, Từ lợi ích lớn, Từ bi tánh bình đẳng, Từ bi lợi lạc khắp, Từ bi xuất thế gian. Những loại như thế v.v... gọi là **Đại từ***(4)*.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, thấy các hữu tình đủ các thứ khổ, không có nơi quay về nương tựa, vì muốn cứu giúp nên phát Bồ đề tâm, siêng cầu chánh pháp; đã tự mình đắc rồi, giảng thuyết cho các hữu tình:

Những người tham lam thì dạy tu bố thí.

Người không giới, phá giới thì dạy thọ trì giới.

Người tánh hung ác, dạy hành nhẫn nhục.

Người lười biếng, trễ nãi, dạy hành tinh tấn.

Người tâm tán loạn, dạy hành tịnh lự.

Người ngu si, dạy học diệu tuệ.

Vì độ hữu tình nên dù gặp phải các thứ việc khó khăn rất khổ nhọc, nhưng hoàn toàn không rời bỏ Bồ đề tâm. Những việc làm như thế gọi là **Đại bi.**

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, nghĩ:

Ba cõi lửa cháy dữ dội, ta đã ra khỏi nên sanh hoan hỷ.

Dây sanh tử ràng buộc từ lâu, ta đã cắt đứt vĩnh viễn nên sanh hoan hỷ. Ở trong biển sanh tử tìm tòi chấp thủ, chấp tướng, ta đã ra khỏi hẳn nên sanh hoan hỷ.

Cờ kiêu mạn dựng từ vô thỉ, ta đã bẻ gãy nên sanh hoan hỷ.

Dùng trí Kim cang phá núi phiền não, làm cho tiêu tan hết nên sanh hoan hỷ.

Ta đã tự an ổn, lại an ổn cho người. Kẻ ngu si tối tăm, kẻ tham, sân, mạn v.v... phiền não trói buộc, ngái ngủ triền miên trong thế gian, nay mới được thức tỉnh nên sanh hoan hỷ.

Ta nay đã thoát khỏi tất cả nẻo ác, lại có thể cứu giúp hữu tình trong nẻo ác, làm cho được ra khỏi, nên sanh hoan hỷ.

Hữu tình từ lâu ở trong sanh tử mê lầm, chẳng biết đường ra, ta nay cứu giúp chỉ dạy đường chánh, làm cho đến được thành Nhất thiết trí, an vui hoàn toàn nên sanh hoan hỷ.

Các việc làm như thế v.v... gọi là **Đại hỷ.***(Hết Q. 567, ĐBN)*

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, đối với tất cả sắc mà mắt đã thấy, tiếng mà tai đã nghe, mùi mà mũi đã ngửi, vị mà lưỡi đã nếm, xúc mà thân đã chạm, pháp mà ý đã rõ, chẳng đắm, chẳng lìa mà khởi tâm xả. Những việc làm như thế gọi là **Đại xả.**

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, thành tựu bốn vô lượng lớn như thế, do đó **gọi là phương tiện thiện xảo**.

Quyển 568

Bấy giờ, Tối Thắng lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì độ hữu tình các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã **thị hiện các tướng** như thế nào?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Tướng Bát Nhã sâu xa bất khả đắc. Vì cứu độ hữu tình nên các Ngài **dùng oai lực phương tiện thiện xảo, thị hiện các tướng giáo hóa bằng cách <u>nhập vào thai mẹ</u>** cho đến nhập Niết bàn. Vì sao? Vì chư thiên chấp thường cho rằng không bị đọa lạc nên Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo thị hiện các tướng vào thai mẹ để phá chấp kia. Do đó làm cho chư thiên phát sanh ý niệm vô thường, nghĩ: Bậc tối thắng, tối tôn ở trong thế gian chẳng ai sánh bằng, không nhiễm

dục mà còn rơi đọa, huống nữa là chư thiên khác mà được thường ư? Cho nên chúng ta chớ có buông lung cần phải tinh tấn, giữ niệm tu đạo.

Như thấy mặt trời còn có lúc lặn mất thì biết lửa đom đóm không thể tồn tại lâu dài.

Lại có chư Thiên sống phóng dật say đắm dục lạc, mặc tình đùa giỡn, không tu chánh pháp. Tuy cùng với Bồ Tát ở trong thiên cung nhưng không đến lễ bái, không thưa hỏi pháp mà đều nghĩ: Lúc này, ta hãy hưởng dục, đợi đến ngày mai sẽ đến gặp Bồ Tát để thưa hỏi pháp. Nghĩ vậy rồi bảo: Ta cùng với Bồ Tát thường ở nơi đây thì việc tu hành đâu có muộn màng gì? Do đó, Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, siêng tu tinh tấn như cứu lửa cháy đầu để phá trừ hành động buông lung nên thị hiện đọa lạc. Sự thị hiện này có hai nguyên nhân:

1. Làm cho chư thiên xa lìa sự buông lung.
2. Làm cho hữu tình đều được trông thấy.

Vì trong thế gian cũng có hữu tình hèn kém, ít có thiện căn không thể thấy Phật thành Vô thượng giác, chuyển xe diệu pháp nên Bồ Tát phải thị hiện làm trẻ con chơi giỡn ở hậu cung. Nếu làm các tướng khác để thuyết pháp thì e rằng nữ nhân trong hậu cung khó tin được. Do đó, **Bồ Tát thị hiện làm trẻ con.**

Người có đức hạnh cao thượng hay rời bỏ thế tục thì Bồ Tát vì người kia mà **thị hiện xuất gia.**

Lại có thiên nhơn suy nghĩ: Ngồi yên thọ lạc thì không đạt được Thánh đạo. Bồ Tát vì người kia thị hiện khổ hạnh. Vì để hàng phục khổ hạnh của ngoại đạo, nên Bồ Tát **thị hiện các khổ hạnh khó hành**.

Lại có thiên nhơn ngày đêm phát nguyện: Khi Bồ Tát đi đến tòa Bồ đề thì thiên nhơn chúng ta cung kính cúng dường. Bồ Tát vì họ nên đi đến tòa Bồ đề. Vô lượng thiên nhơn đã cúng dường rồi đều được nhân Bồ đề.

Lại có thiên nhơn nghĩ: Ác ma ngoại đạo làm chướng ngại chánh pháp, nguyện các Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề điều phục ác ma và ngoại đạo để cho người có chánh tín đều được thấy pháp.

Sau khi Bồ Tát thành chánh giác, trong hư không khắp tam thiên đại thiên thế giới vang lên những âm thanh tán thán:

Mặt trời Phật xuất hiện ở thế gian làm cho ánh sáng đom đóm lặn mất.

Chư thiên v.v… nói: Nguyện cho tôi đời sau thành Vô thượng giác như sự chứng đắc Bồ đề của Bồ Tát hôm nay, vì các hữu tình mà ngồi tòa Bồ đề.

Lại có thiên nhơn v.v... nói: Nguyện được thấy Đại sư thành Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí, vô sư trí*(5)*, tự nhiên trí. Đó là các hữu tình không cầu xuất ly mà căn tánh đã thuần thục, thâm sâu chánh pháp. Bồ Tát vì các hữu tình mà thị hiện 3 lần chuyển, 12 hành tướng vô thượng pháp luân.

Lại có thiên nhơn muốn thấy viên tịch. Bồ Tát vì họ mà **thị hiện viên tịch.** Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã có khả năng thị hiện các tướng biến hóa như vậy.

Thiên vương nên biết: Đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã chắc chắn không sanh vào cảnh giới bất an. Vì sao? Vì người không phước đức, không được nghe danh tự Bát nhã Ba la mật vậy.

Lại nữa, các Bồ Tát thường xa lìa ác nghiệp, không hề hủy phạm giới cấm. Tâm không ganh ghét. Thân, khẩu không phạm lỗi. Vì đã gieo trồng nhiều căn lành với vô lượng Phật trong quá khứ, đầy đủ phước đức, trí tuệ, phương tiện thù thắng, thành tựu đại nguyện, tâm ưa tịch tịnh, siêng tu tinh tấn, lìa biếng bỏ nhác.

Thiên vương nên biết: Các Bồ Tát này không có ác nghiệp đọa vào địa ngục, vì luôn thực hành 10 thiện nghiệp đạo. Các Bồ Tát này không có phá giới, thường hay hộ trì giới đã thọ, khỏi đọa vào loài bàng sanh. Các Bồ Tát này không có tâm ganh ghét, không đọa vào loài ngạ quỷ, không sanh vào nhà tà kiến, thường gặp bạn lành, xa lìa bạn ác. Vì sao? Vì đã trồng nhiều căn lành với vô lượng Phật thời quá khứ cho nên được sanh chỗ giàu sang, có quyền thế, đầy đủ chánh kiến. Các Bồ Tát này thọ thân đầy đủ, thành tựu pháp khí của Phật. Vì sao? Vì vào thời quá khứ đã cúng dường chư Phật, lắng nghe chánh pháp, kính lễ đại chúng cho nên sanh ở chỗ nào cũng đầy đủ các căn, hình tướng xinh đẹp, thành pháp khí của Phật. Các Bồ Tát này không sanh nơi biên địa, độn căn ngu si, không biết rõ thiện ác, lời nói và ý nghĩa chẳng hợp với pháp khí của Phật. Vì sao? Vì Bồ Tát chắc chắn thọ sanh ở trung tâm của quốc độ, các căn thông tuệ, nói năng lưu loát, biết rõ ý nghĩa về ngôn ngữ là pháp khí của Phật, biết rõ Sa môn, Bà la môn v.v... Vì sao? Vì đời trước Bồ Tát đầy đủ năng lực trí tuệ, phước đức thù thắng nên Bồ Tát không sanh vào cõi trời sống lâu, vì không lợi ích cho người, không được gặp Phật. Các Bồ Tát đa số sanh ở

Dục giới, thị hiện ở đời, lợi lạc hữu tình. Vì sao? Vì đầy đủ năng lực phương tiện thiện xảo tối thắng. Bồ Tát không sanh vào thế giới không có Phật, không người thuyết pháp, không nghe chánh pháp, không cúng dường Tăng. Vì sao? **Vì nguyện lực mạnh mẽ đời trước nên Bồ Tát sanh chỗ nào cũng đầy đủ Tam bảo**. Các Bồ Tát này nghe pháp ác ở thế giới liền sanh tâm nhàm chán, xa lìa. Các Bồ Tát này tu tịnh hạnh, tâm không lười biếng, tinh tấn dõng mãnh, dùng pháp thiện diệt pháp ác.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, nhờ tất cả nhân duyên như thế nên chắc chắn không sanh vào nơi không thuận tiện.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dù cho trong mộng cũng **không quên mất Bồ đề tâm**, huống chi lúc thức mà lại quên ư? Vì sao? **Vì các thiện pháp đều được sanh ra ở tâm này, tức là tâm Vô thượng Bồ đề.** Nếu không có tâm này thì không có Phật. Nếu không có Phật thì không có pháp, không có pháp thì không có Tăng. Do có tâm này nên có Tam bảo và có trời, người tu thiện, hưởng thọ an vui. Các Bồ Tát thường xa lìa nịnh hót, lừa dối. Tâm Bồ Tát thanh tịnh, chân thật nhu hòa, không do dự đối với Phật pháp. Nếu người muốn lắng nghe, thọ nhận thì Bồ Tát không giấu ý nghĩa sâu xa. Bồ Tát xa lìa sự ganh ghét và ác nghiệp tam đồ*(6)*. Giai đoạn trước, giữa và sau không có tướng thay đổi, hành pháp Đại thừa chẳng trái với lời nói, thấy người đồng học sanh tâm cung kính khuyên siêng tu tập, xưng tán Đại thừa. Đối với Pháp sư thường tưởng như Phật, thân gần bạn lành, xa lìa bạn ác. Đó là phương tiện thiện xảo của các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã nên thành tựu tâm Bồ đề như vậy, nương nơi tâm này đắc Túc mạng trí. Vì sao? Vì đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, hộ trì chánh pháp, trì giới thanh tịnh, xa lìa ác nghiệp, hoàn toàn không còn chướng ngại, tâm thường hoan hỷ, tâm siêng tu học, tâm không tán loạn, tâm trí không lầm lẫn. Vì sao? Vì tôn trọng chánh pháp nên các Bồ Tát này đã từng cúng dường vô lượng chư Phật. Do tôn trọng chánh pháp nên đã vì người khác giảng thuyết sâu rộng, vì hộ chánh pháp nên chẳng tiếc thân mạng. Thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp đều thanh tịnh. Do nghiệp thanh tịnh nên lìa các chướng. Do lìa chướng ngại nên tâm thường hoan hỷ, do tâm hoan hỷ nên siêng năng tinh tấn. Tâm tánh chánh trực, niệm trí viên mãn. Do niệm trí viên mãn nên biết đời sống quá khứ, một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến vô số kiếp, các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, rõ biết như thật về các nơi sanh thời quá

khứ, biết rõ đời trước gần gũi bạn lành nên đối với ba việc nghe, thấy, niệm về chư Phật chẳng quên mất, thường ưa nghe pháp, cúng dường Tăng bảo không lúc nào để thời gian trống rỗng trôi qua; đối với việc cúng dường cung kính lễ bái Phật, Bồ Tát không lúc nào bỏ qua; đi đứng nằm ngồi luôn luôn lắng nghe học hỏi.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát **nhờ trì tịnh giới** nên thường được nghe danh tự công đức Bát nhã Ba la mật, thường tu tập Bồ đề phần pháp, không xa lìa ba môn giải thoát, thường xuyên tu tập tứ vô lượng tâm, thường nghe Vô thượng Nhất thiết trí.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã do đó gần gũi bạn lành.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dù cho trong mộng còn chưa gần bạn ác huống chi là lúc thức mà lại gần gũi ư? Vì sao? Vì Bồ Tát đối với kẻ phá giới, kẻ đắm trước tà kiến, hạng bất luật nghi, người hành tà mạng, người nói vô nghĩa, người lười biếng, người ưa sanh tử, quay lưng với Bồ đề, hay ưa thế tục, tuy thường thương xót họ nhưng không ở chung.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã nhờ đó thường xa lìa bạn ác.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã nên được **10 thân sai khác của Như Lai***(7)*. Mười thân đó là gì? Là:

1. Thân bình đẳng.
2. Thân thanh tịnh.
3. Thân vô tận.
4. Thân tu tập viên mãn.
5. Thân pháp tánh.
6. Thân lìa tầm tứ *(truy cầu và phân tích)*.
7. Thân bất tư nghì.
8. Thân tịch tịnh.
9. Thân hư không.
10. Thân diệu trí. *(Q.568, ĐBN)*

Bấy giờ, Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã đến địa vị nào mới đạt được 10 thân của Như Lai?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã ở trong **sơ địa được thân bình đẳng**. Vì sao? Vì thông đạt pháp tánh xa lìa tà vạy, thấy tất cả đều bình đẳng.

Trong **nhị địa được thân thanh tịnh**. Vì sao? Vì xa lìa phạm giới, nên được thanh tịnh.

Ở trong **địa thứ 3 được thân vô tận**. Vì sao? Vì lìa dục, tham, sân nên được thắng định.

Trong **địa thứ 4 được thân tu tập viên mãn**. Vì sao? Vì thường siêng tu tập Bồ đề phần.

Trong **địa thứ 5 được thân pháp tánh**. Vì sao? Vì quán các đế chứng đạt pháp tánh.

Trong **địa thứ 6 được thân ly tầm tứ**. Vì sao? Vì quán lý duyên khởi, xa lìa tầm tứ.

Trong **địa thứ 7 được thân bất tư nghì**. Vì sao? Vì thực hành đầy đủ trí phương tiện quyền xảo.

Trong **địa thứ 8 được thân tịch tịnh**. Vì sao? Vì lìa các phiền não, hý luận.

Trong **địa thứ 9 được thân hư không**. Vì sao? Vì thân tướng vô tận biến khắp tất cả.

Trong **địa thứ 10 được thân diệu trí**. Vì sao? Vì tu tập viên mãn Nhất thiết chủng trí.

Khi ấy, Tối Thắng lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy thân Bồ Tát và thân Phật nào có sai khác?

Phật bảo Tối Thắng:

- Tuy thân không sai khác **nhưng công đức có sai khác**, nghĩa ấy như thế nào? Nghĩa là thân Phật và thân Bồ Tát không có sai khác? Vì sao? Vì tất cả pháp đồng một tánh tướng. Công đức sai khác là thân Như Lai đầy đủ công đức, còn thân Bồ Tát thì không được như vậy.

Ta sẽ nói thí dụ cho ngươi. Thí như bảo châu được trang sức hay không được trang sức thì bảo châu ấy vẫn như nhau. Thân Phật và thân Bồ Tát cũng lại như vậy. Tuy công đức có sai khác nhưng pháp tánh không sai khác. Vì sao? **Vì công đức Như Lai hoàn toàn viên mãn, cùng tận đến 10 phương, biến khắp cõi hữu tình, thanh tịnh xa trần lìa cấu, không còn chướng ngại. Công đức của Bồ Tát chưa viên mãn nên vẫn còn chướng ngại.** Ví như mặt trăng lúc khuyết, lúc tròn, nhưng tánh trăng

vẫn không sai khác. Hai thân cũng vậy, đều kiên cố không thể phá hoại được giống như kim cương. Vì sao? Vì không bị ba độc phá hoại, vì không nhiễm pháp thế tục, vì không bị bức bách bởi các cảnh khổ ở cõi ác của trời người, xa lìa hẳn sanh, lão, bệnh, tử, có khả năng chế phục ngoại đạo, vượt cảnh giới ma, chẳng hướng đến Độc giác và Thanh văn thừa, do đó không bị phá hoại.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã khéo hướng dẫn thế gian, trời, người, A tu la v.v... đều tin cậy. Thí như có người khéo dẫn đường được quốc vương hoặc hàng thân cận vua v.v... hoặc trưởng giả, cư sĩ đều tin cậy. Các Bồ Tát cũng lại như vậy, Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai đều xứng đáng là người dẫn đường giỏi. Thí như có người khéo dẫn đường thì quốc vương, đại thần, Bà la môn v.v... đều tôn kính. Cũng vậy, các đại Bồ Tát đều được trời, rồng, dạ xoa, A tu la v.v... và bậc hữu học, bậc vô học cúng dường. Như kẻ đi đường mệt mỏi giữa nơi hoang dã nguy hiểm gặp kẻ dẫn đường có thể được an ổn. Cũng vậy, các vị đại Bồ Tát này dùng năng lực phương tiện hướng dẫn hữu tình ra khỏi sanh tử được an ổn.

Như người nghèo khó nương dựa vào trưởng giả giàu có mới thoát khỏi túng thiếu. Ngoại đạo, Bà la môn nương Bồ Tát mới ra khỏi sanh tử. Như đại trưởng giả của cải vô lượng cho mọi người đều được sử dụng. Cũng vậy, hữu tình sanh tử đều nương tựa vào các đại Bồ Tát này. Như đại trưởng giả muốn vượt qua khỏi hiểm nạn phải nhờ nhiều bạn, đầy đủ vật thực ăn uống mới qua khỏi hiểm nạn được. Cũng vậy, các đại Bồ Tát này muốn ra khỏi hiểm nạn sanh tử chắc chắn phải nhờ phước tuệ bảo vệ các hữu tình, mới ra khỏi thế gian đến Nhất thiết trí. Như người đi xa cần đem nhiều của báu mới được lợi. Cũng vậy các đại Bồ Tát từ biển sanh tử đến Nhất thiết trí cần tu tập phước báu, phước tuệ thật nhiều mới mau chứng Nhất thiết trí. Như người thế gian tham cầu của vật không hề nhàm chán. Cũng vậy, Bồ Tát ưa cầu thắng pháp, tâm không nhàm chán.

Như người dẫn đường cần có 4 việc hơn người: Giàu có, địa vị cao, tài giỏi, lời nói có uy tín. Cũng vậy, các Bồ Tát giàu có công đức, ở địa vị tôn quý, được pháp tự tại, lời nói chắc chắn. Như người biết cách dẫn đường đi đến thành lớn. Cũng vậy, các vị Bồ Tát hướng dẫn hữu tình đến Nhất thiết trí.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã biết rõ con đường nên đi, con đường không nên đi, nơi tà, nơi chánh, nơi cong, nơi ngay, nơi an ổn, nơi nguy hiểm, nơi có nước, nơi không có nước, thì đều biết con đường thoát ra. Các đại Bồ Tát này biết rõ các con đường không hề nhầm lẫn, đã hướng dẫn thì không trái với căn cơ của chúng sanh, vì người cầu Đại thừa nói đạo Vô thượng chẳng nói đạo Độc giác, Thanh văn. Vì người cầu Độc giác nói đạo Độc giác không nói đạo Bồ Tát, Thanh văn. Vì người cầu Thanh văn nói đạo Thanh văn không nói đạo Bồ Tát, Độc giác. Vì người chấp trước ngã nói đạo vô ngã. Vì người chấp trước pháp, nói pháp Không. Vì người chấp hai bên nói trung đạo. Vì người mê loạn nói đạo chỉ quán để họ hết mê loạn. Vì người hý luận nói đạo chơn như để họ hết hý luận. Vì người chấp trước sanh tử nói đạo Niết bàn để họ ra khỏi thế gian. Vì người theo đường mê nói đạo chơn chánh để họ xa lìa đường tà vạy.

Này Thiên vương! Đây là đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã biết rõ đường tà, đường chánh để hướng dẫn hữu tình đi đứng thông suốt.

Thích nghĩa:

(1). Pháp giới: (法界) *Phạm: Dharma-dhàtu. Pàli: Dhamma-dhàtu. Hán âm: Đạt ma đà đô. Chỉ cho tất cả đối tượng (cảnh sở duyên) của ý thức, 1 trong 18 giới. Cứ theo luận Câu xá quyển 1 thì 3 uẩn: Thụ, tưởng, hành, cùng với vô biểu sắc và vô vi pháp, gọi là Pháp giới. Trong 12 xứ thì Pháp giới được gọi là Pháp xứ. Còn trong 18 giới thì 17 giới kia cũng được gọi là Pháp giới. Bởi vậy,* ***theo nghĩa rộng thì Pháp giới là chỉ cho tất cả các pháp hữu vi và vô vi****. Theo Hoa nghiêm Kinh thám huyền ký quyển 18 thì Pháp giới có 3 nghĩa: 1- Nhân sinh ra các Thánh pháp. 2- Thể tính chân thực của các pháp. 3- Các pháp đều có phần hạn của chúng, do đó mà phân biệt được tướng trạng của mỗi pháp.* ***Pháp giới cũng chỉ cho chân như hoặc chỉ cho tất cả các pháp****. Theo Phổ Hiền hạnh nguyện thì Pháp giới có 5 môn: Pháp giới hữu vi, pháp giới vô vi, pháp giới vừa hữu vi vừa vô vi, pháp giới chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi và pháp giới vô chướng ngại, do đó mà lập ra 5 lớp Pháp giới khác nhau là: Pháp giới pháp, pháp giới nhân, pháp giới nhân pháp dung hợp, pháp giới nhân pháp đều vắng bặt và pháp giới không chướng ngại.* ***Chủng loại của pháp giới tuy nhiều nhưng tất cả đều qui về Nhất chân***

pháp giới, đây chính là tâm thanh tịnh nguyên sơ của chư Phật và chúng sinh, cũng gọi là Nhất tâm pháp giới, Nhất chân vô ngại pháp giới. *Nếu đứng về phương diện hiện tượng và bản thể mà nhận xét, thì Pháp giới có thể được chia làm 4 nghĩa, gọi là Tứ pháp giới. Đó là: 1- Sự pháp giới: Hiện tượng giới bao gồm muôn pháp thiên sai vạn biệt, mỗi pháp đều có tự thể riêng và phần hạn khác nhau. 2- Lý pháp giới: Hiện tượng các pháp tuy nhiều, nhưng thể tính chân thực của chúng thì thường trụ bất biến, bình đẳng nhất như, là cảnh giới tuyệt đối. 3- Lý sự vô ngại pháp giới: Giữa hiện tượng và bản thể có sự quan hệ nhất thể bất nhị, mỗi mỗi pháp tương tức tương nhập, viên dung vô ngại. 4- Sự sự vô ngại pháp giới: Tất cả mọi hiện tượng đều tác dụng hỗ tương, một tức tất cả, tất cả tức một, trùng trùng vô tận, sự sự vô ngại. Mật giáo lấy 6 yếu tố (6 đại): Đất, nước, gió, lửa, không, thức làm thể tính của pháp giới; 6 yếu tố này là thân Tam ma da của đức Đại nhật Như lai. Cung điện của Ngài là Pháp giới cung; định vị của Ngài là Pháp giới định, ấn khế của Ngài là Pháp giới định ấn, năng lực gia trì của Ngài gọi là Pháp giới gia trì. Trong 5 trí thì Đại nhật Như lai biểu thị Pháp giới thể tính trí. Ngoài ra, tông Thiên thai gọi chung 10 giới: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la, người, trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát và Phật là Thập pháp giới. Đây là nói theo nghĩa phần hạn sai biệt của các tướng pháp giới. Lại nữa, Pháp giới cũng là 1 trong 12* ***tên của Thực tướng****(hay còn gọi là thập nhị chơn như). Mười hai tên là: Chân như, Pháp giới, Pháp tính, Bất hư vọng tính, Bất biến dị tính, Bình đẳng tính, Lý sinh tính, Pháp định, Pháp trụ, Thật tế, Hư không và Bất tư nghị giới. – Phỏng theo Phật Quang từ điển.*

Khó có thể có một định nghĩa chân xác riêng biệt về các từ như pháp giới, pháp tánh, chơn như, thật tế... khi chưa vào được ***bậc thứ năm của Bồ Tát thập địa****. Kinh nói:* "Trong **địa thứ 5 được thân pháp tánh**. Vì sao? Vì quán các đế chứng đạt pháp tánh".***TB***

(2). Nguyên văn đoạn Kinh này bằng chữ Hán là "天thiên 王vương. 即tức 是thị 諸chư 法pháp 真Chân 如Như", *nên hai bản dịch ĐBN của HT Thích Trí Nghiêm đều dịch là* "Thiên vương, tức là chơn như các pháp". *Trong khi Kinh TTVBN, nguyên văn chữ Hán là "*大王,所謂如如" *nên dịch:* "Đại vương, đó là Như Như". *Kinh TTVBN do Ngài Nguyệt Bà Thủ Na lúc nào cũng dịch chơn như là Như Như.*

(3). ***Hậu đắc trí:*** (後得智) *Phạm: Pfwiha-labdha-jĩàna. Cũng gọi Vô phân biệt trí, Hậu đắc vô phân biệt trí. Đối lại: Căn bản trí, Căn bản vô phân biệt trí.*

(4). Kinh TTVBN nói: "Bồ Tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba la mật, có đủ Vô biên từ, Vô phân biệt từ, Pháp từ, Bất tức từ, Bất não từ, Lợi ích từ, Bình đẳng từ, Biến ích từ, Xuất thế từ, thành tựu các Đại từ như thế".

(5). Vô sư trí: Tự giác ngộ, không do ai chỉ dạy, do giới định huệ mà được trí này; phản nghĩa với hữu sư trí: Trí có được do người khác chỉ dạy hay thu nhặt từ bên ngoài.

(6). Tam đồ: Ba đường gồm: Hỏa đồ, đao đồ và huyết đồ, đồng nghĩa với Địa Ngục, Ngạ Quỷ và Súc Sanh của 3 Đường Ác, do vì các nghiệp ác của thân, khẩu và ý gây ra nên dẫn đến kết quả sanh vào 3 đường này. 1- Hỏa Đồ (tức đường Địa Ngục): Do vì chúng sanh của cõi này thường chịu nỗi khổ bức bách, nóng bỏng của lò sôi, vạc cháy, hoặc do vì nơi ấy lửa tích tụ rất nhiều, nên có tên gọi là Hỏa Đồ. 2- Đao Đồ (tức đường Ngạ Quỷ): Do chúng sanh ở cõi này thường chịu cái khổ bức bách của đao gậy nên có tên gọi như vậy. 3- Huyết Đồ (tức đường Súc Sanh): Do chúng sanh ở cõi này tranh giành cấu xé lẫn nhau, người mạnh lấn áp kẻ yếu, uống máu ăn thịt nhau, nên có tên gọi như vậy. (Phật học Tinh Tuyển).

Sơ giải:

1. Phẩm "Pháp Giới", Q.567 của Hội thứ VI, đặt câu hỏi:
"Phải tu như thế nào để biết pháp giới?":
- Câu trả lời trực tiếp là phải "tu hành chánh đạo".

Không tu chánh đạo thì không thể chứng pháp giới. Đó là điều kiện cần và đủ để nhập pháp giới. Không hội đủ điều kiện này mà nói đến chứng đắc pháp giới chỉ là điều không tưởng. Phật bảo:

"Thiên vương nên biết! Các Bồ Tát này có diệu tuệ nên gần gũi bạn lành, vui mừng kính thờ, tưởng như Phật. Vì gần gũi bạn lành nên xa lìa biếng nhác, diệt trừ tất cả pháp ác bất thiện, tăng trưởng căn lành. Đã diệt phiền não, xa lìa pháp chướng ngại, thân, ngữ, ý nghiệp đều được thanh tịnh; do thanh tịnh nên liền sanh kính trọng; vì tâm kính trọng, tu tập hạnh

Không; vì tu tập hạnh Không nên xa lìa các kiến; vì xa lìa các kiến nên tu hành chánh đạo; tu hành chánh đạo nên có thể thấy pháp giới".

Do tu tập hạnh Không, xa lìa các kiến, hay nói khác là tu hành chánh đạo mà thấy được pháp giới. Đại cương là như vậy. Nhưng không có bất cứ một yếu tố lẻ loi, đơn độc nào có thể đưa hữu tình vào pháp giới. Bởi vì, pháp giới là một sự phối hợp của nhiều thành tố mà chỉ có bậc thứ năm của Bồ Tát Thập Địa do giác ngộ mà chứng biết, phàm phu không thể vói tới nổi. Phàm phu nói đến chứng nhập pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, chân như, thật tế... chẳng khác gì người mù sờ voi.

Đó là cái khó nói, khó chỉ thẳng, nên phải đi vòng vòng, phải đi vòng quanh như sau:

1- Thế nào là pháp giới?

1/. Quyển 532, phẩm "Diệu Tướng", Hội thứ III, ĐBN. Cụ thọ Thiện Hiện bạch: "…Bạch Thế Tôn! Pháp giới chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng không lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức. **Sắc cho đến thức tức là pháp giới, pháp giới tức là sắc cho đến thức.** Nói rộng cho đến pháp giới chẳng phải là pháp hữu vi, vô vi, cũng không lìa pháp hữu vi, vô vi. Pháp hữu vi, vô vi tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp hữu vi, vô vi".

Đây có thể xem là một lối giải thích gián tiếp về pháp giới. Nói cho đủ thì gồm cả 12 xứ và 18 giới. Vậy, pháp giới không riêng căn trần thức giới mà cũng không lìa căn trần thức giới. Căn trần thức giới tức là pháp giới, pháp giới tức là căn trần thức giới. Nói như vậy có nghĩa ba yếu tố này tạo nên mọi hiện hữu thế gian, gọi chung là cảnh giới, sinh địa, môi trường sống hay là chỗ nương, đối tượng của 6 căn, 12 xứ và 18 giới. Sáu căn (nhãn nhĩ tỹ thiệt thân ý), 12 xứ (gồm 6 căn: Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý cộng với 6 trần: Sắc thanh hương vị xúc pháp); 18 giới nghĩa là chủng loại, có 18 chủng loại đều có tự tánh khác nhau (6 thức năng y, 6 căn sở y và 6 cảnh sở duyên). Đó là cửa ngỏ tiếp xúc của nhân sinh và vũ trụ. Tất cả hiện hữu kể cả con người đều bao gồm trong ấy. Xem thích nghĩa số (1) kể trên.

2/. Một đoạn Kinh khác của phẩm "Các Pháp Bình Đẳng", Q.385 đến Q.386, Hội thứ I, ĐBN *tuy dài, thuyết về pháp giới như*

sau: "**Tất cả pháp là pháp giới. Tất cả pháp đều nhập vào pháp giới**. Như Lai dù có ra đời, hoặc chẳng ra đời, các pháp vẫn như vậy, đều nhập pháp giới, không có tướng sai biệt, chẳng phải do Phật thuyết. Vì sao? Vì tất cả pháp thiện hoặc pháp phi thiện, hoặc pháp hữu ký hoặc pháp vô ký, hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp thế gian hoặc pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu vi hoặc pháp vô vi, **đều nhập pháp giới tánh không, vô tướng, vô vi. Cho nên, đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, muốn học pháp giới, nên học tất cả pháp.** Nếu học tất cả pháp tức là học pháp giới. Nếu phân biệt pháp tức là phá hoại pháp".

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều nhập pháp giới, không hai, không khác, thì tại sao đại Bồ Tát phải học pháp này hay pháp khác? Phải học 6 Ba la mật, học 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, học 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí? Cũng học đạo Bồ Tát, quả vị Giác ngộ tối cao? Tại sao đại Bồ Tát phải học thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật? Học như thế rồi, đắc Nhất thiết trí trí, biết tất cả pháp, tất cả chủng tướng?"

Phật dạy:

- "Này Thiện Hiện! **Chẳng phải trong pháp giới có các thứ phân biệt** như thế. Đại Bồ Tát không do các thứ phân biệt này mà hành điên đảo, trong cái không hý luận, khởi các hý luận. Vì sao? Vì trong chơn pháp giới hoàn toàn không có phân biệt hý luận.

Pháp giới chẳng phải sắc, cũng chẳng lìa sắc; pháp giới chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức. Pháp giới tức là sắc, sắc tức là pháp giới; pháp giới tức là thọ tưởng hành thức; thọ tưởng hành thức tức là pháp giới. Pháp giới chẳng phải 12 xứ, cũng chẳng lìa 12 xứ; pháp giới tức là 12 xứ, 12 xứ chính là pháp giới. Đối với 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 bất cộng, Nhất thiết trí, quả vị Giác ngộ tối cao… cũng lại như thế.

Trong chơn pháp giới không có phân biệt hý luận.

Sắc chẳng phải pháp giới, cũng chẳng lìa sắc riêng có pháp giới; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải pháp giới, cũng chẳng lìa

thọ, tưởng, hành, thức riêng có pháp giới. Sắc tức là pháp giới, pháp giới tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức tức là pháp giới, pháp giới tức là thọ, tưởng, hành, thức v.v…

Như vậy có thể nói: Pháp thế gian chẳng phải pháp giới, cũng chẳng lìa pháp thế gian riêng có pháp giới; pháp xuất thế gian chẳng phải pháp giới, cũng chẳng lìa pháp xuất thế gian riêng có pháp giới. Pháp thế gian tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp thế gian, pháp xuất thế gian tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp xuất thế gian".

Tóm lại, tất cả pháp đều nằm trong pháp giới. Pháp nhĩ tự nhiên là vậy. Do đó, mới nói "người hội muôn vật làm mình, người ấy chính là Thánh nhân". Người có cái thấy biết như vậy là nhập pháp giới tức giác ngộ.

3/. Một đoạn Kinh được xem là thú vị về pháp giới nói trong phần "Mạn Thù Thất Lợi" Q.574, Hội thứ VII, ĐBN*. Xá lợi Tử hỏi Mạn Thù Thất Lợi:*

- "Mạn Thù Thất Lợi! Đối với pháp giới, lẽ nào Phật không chứng?

- Đại đức! Không phải vậy. Vì sao? Vì **Phật tức pháp giới, pháp giới tức Phật**. Không lẽ Pháp giới lại chứng pháp giới.

Lại, Xá Lợi Tử! Tất cả pháp không, nói là pháp giới. Tức pháp giới đây nói là Bồ đề. Pháp giới Bồ đề đều lìa tánh tướng, do đây nên tất cả pháp không. Tất cả pháp không, Bồ đề, pháp giới, đều là cảnh giới Phật, không hai không riêng. Vì không hai không riêng nên chẳng thể hiểu rõ.Vì chẳng thể hiểu rõ nên không có ngôn thuyết. Vì không ngôn thuyết nên chẳng thể thi thiết hữu vi hay vô vi, có hay chẳng có".

Mạn Thù Thất Lợi hay Văn Thù Sư Lợi là một bậc đại trí đã thấy pháp giới như thế: Phật tức là pháp giới, pháp giới tức là Phật. Nói khác, ***Phật đã nhập pháp giới vì Phật giác ngộ, nên pháp giới và Phật không hai không khác****. Không những pháp giới là không mà thập nhị chơn như cũng là không. Tất cả pháp Không, Bồ đề, pháp giới, pháp tánh, thật tế… đều là cảnh giới Phật, không hai không riêng. Vì không hai không riêng nên chẳng hiểu rõ. Vì*

chẳng hiểu rõ nên không ngôn thuyết. Nếu không ngôn thuyết thì nói nữa làm gì?

4/. Phần "Na Già Thất Lợi" Q.576, Hội thứ VIII, ĐBN. *Mạn Thù Thất Lợi nói:*

- "Chẳng phải chơn pháp giới có hiện có mất, có co có giãn. Vì sao? Vì chơn pháp giới lìa tướng, vắng lặng, không hiện không mất, không thể phân biệt, không thể hý luận, không nương không trụ, không lấy không bỏ, không động không chuyển, không nhiễm không tịnh. Như cõi hư không không động không chuyển, không lấy không bỏ, không nương không trụ, không thể hý luận, không thể phân biệt, không hiện không mất. Các pháp cũng thế, tự tướng vốn Không, tánh ấy cũng chẳng có tướng, bất khả đắc. Nếu tướng của các pháp có thể đắc thì Phật vào Niết bàn cũng có thể đắc.

Tất cả pháp không có tàng chứa, không thủ giữ, không sắc, không thấy, không đối, không tướng, bản lai vắng lặng. Cho nên hằng hà sa số chư Phật mặc dù đã vào Niết bàn nhưng không diệt một pháp. Nghĩa là không diệt sắc uẩn và diệt thọ tưởng hành thức uẩn, cũng không diệt 12 xứ, 18 giới. Cũng không diệt địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Như vậy, chư Phật tuy vào Niết bàn nhưng không diệt một pháp nào để vào Niết bàn.

Có những kẻ muốn khiến cho Niết bàn có pháp diệt, tức là muốn làm cho cõi hư không kia cũng diệt. Vì sao? Vì tất cả pháp tánh, bản lai tịch diệt, tự tánh vắng lặng, cực vắng lặng, nên không thể diệt.

Những kẻ ngu si chẳng như thật biết, cho rằng ngã và ngã sở phải diệt mới được vào Niết Bàn. Do những kẻ ấy chấp trước ngã và hữu tình, cho đến tri giả, kiến giả và do chấp tự tánh pháp có không, cho rằng tất cả diệt hẳn mới vào Niết bàn. Ta nói những hạng ấy không thể giải thoát được sanh, già, bệnh, chết, sầu, than, khổ, ưu, não. Vì sao? Vì những kẻ ngu si kia **chẳng biết, chẳng ngộ bản tánh các pháp**, do chẳng hiểu biết bản tánh các pháp, nên cùng Phật Thế Tôn và các đại đệ tử, Bồ Tát Bất thối chuyển, cũng như đối Thượng hữu chơn tịnh, Tiên thiên vô thượng, thường chống trái tranh cãi. Vì tranh đấu nhau nên những kẻ ngu kia chìm đắm mãi trong hôi uế bất tịnh. Tất cả Hiền Thánh đều xa tránh việc

ấy. Bậc trí đồng quở trách sanh tử tệ ác. Như đống phân uế gần thành phố xóm làng, ngày đêm người vật tới lui, như thế ngày càng thêm bất tịnh, đáng ghét, hôi thối, tiện lợi cho loài vật dơ. Cũng vậy, kẻ ngu đối với bản tánh của pháp chẳng thể hiểu biết, nên việc ác càng thêm tăng trưởng, sanh các điều sanh tử thối tha bất tịnh; Hiền Thánh quở trách, kẻ trí xa lìa. Ta nói những kẻ ấy chẳng thể nào giải thoát được các thứ tội lỗi sanh già bệnh chết v.v…"

Diệt là diệt cái tâm chấp ngã chấp pháp, làm sao diệt được các pháp. Kinh cũng thường nói tất cả pháp đều nhập vào pháp giới. Pháp giới, pháp tánh, thật tế... cùng chơn như thật tướng không hai không khác. Đó là lý do tại sao Hội thứ VI, nói về pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh... rồi Hội thứ VII, phần "Mạn Thù Thất Lợi" cũng nói những pháp này. Đến Hội thứ VIII, phần "Na Già Thất Lợi" cũng đề cập tới chơn pháp giới. ***Biết như thật các pháp là biết cái "chơn như thật tướng", nhưng chơn như thật tướng này chẳng khác pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, bất tư nghì giới, hư không giới, đoạn giới, ly giới, diệt giới, vô tánh giới, vô tướng giới, vô tác giới, vô vi giới, an ẩn giới, tịch tĩnh giới, pháp định, pháp trụ, bổn vô, thật tế, tánh Không…*** *Hiểu và thâm nhập các pháp này tức giác ngộ. Vậy, Bồ Tát muốn giác ngộ phải tu chánh đạo, tu Bồ Tát hạnh hay tu tất cả các pháp Phật.*

Hy vọng 4 đoạn Kinh trích dẫn trên cùng thích nghĩa của Từ điển Phật Quang làm sáng tỏ ý nghĩa của pháp giới. Tuy nhiên, hiểu là một chuyện mà chứng lại là một chuyện khác. Muốn chứng pháp giới phải tu chánh đạo, chẳng có phương tiện nào khác!

2- Tại sao khi nói đến pháp giới lại đề cập chơn như, thật tế?

Các pháp đó không thể tách rời nhau được, vì tánh thì khác nhau nhưng chơn như không hai. Trời Tối Thắng bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! **Thế nào gọi là pháp giới**?

Phật bảo trời Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Pháp giới chính là tánh chẳng hư vọng.
- Bạch Thế Tôn! Thế nào là tánh chẳng hư vọng?
- Này Thiên vương! Tức là tánh chẳng đổi khác.

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là tánh chẳng đổi khác?

- Này Thiên vương! **Tức là chơn như của các pháp**.

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là chơn như của các pháp?

- Thiên vương nên biết! Như này sâu xa vi diệu chỉ có trí biết, chẳng phải do lời nói biết được. Vì sao? Vì các <u>**pháp như**</u> vượt văn tự, lìa ngữ ngôn; <u>tất cả sự diễn đạt chẳng thể diễn đạt nổi</u>; lìa hý luận, dứt phân biệt, không đây kia; lìa tướng vô tướng, xa lìa suy lường, vượt cảnh suy lường, không tưởng không tướng, vượt khỏi hai cảnh, xa lìa người ngu, lìa cõi phàm tục, vượt khỏi cảnh ma, xa lìa mê chướng, thức không thể biết, trụ không chỗ trụ, vắng lặng Thánh trí và cảnh giới của hậu đắc trí vô phân biệt, không ngã, ngã sở, cầu chẳng thể được, không thủ, không xả, không nhiễm, không đắm, thanh tịnh ly cấu, tối thắng đệ nhất, tánh chẳng biến đổi; hoặc Phật ra đời hay chẳng ra đời, tánh tướng vẫn thường trụ.

Thiên vương nên biết! Đó là <u>**pháp giới**</u>. Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tu chứng pháp giới, hành nhiều trăm ngàn hạnh khổ khó hành, làm cho các hữu tình đều được thông suốt.

Này Thiên vương! Đấy gọi <u>**Thật tế**</u> **Như như của Bát nhã Ba la mật, tướng không phân biệt, bất tư nghì giới, cũng gọi Chơn không, Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí, pháp giới không hai**".

Chơn như hay các pháp như bởi vì nó như vậy là như vậy, chẳng lúc nào chẳng như nên gọi là Như. Pháp giới là chỗ nương của các pháp mà các pháp là Như trong nghĩa chơn như thật tướng. Các pháp có thật thể như vậy thì chỗ nương cũng phải có thật thể như vậy. Nên đoạn Kinh trên Phật bảo: "Pháp giới chính là chẳng hư vọng. Nhưng thế nào là chẳng hư vọng? Phật bảo: Chính là không đổi khác. Thế nào là chẳng thể đổi khác? Phật trả lời: <u>Tức là chơn như của các pháp</u>".

Rồi Phật giải thích một tràng thế nào là chơn như của các pháp: "Pháp như lìa văn tự, ngôn thuyết... xa lìa mê chướng, thức không thể biết, trụ không chỗ trụ, vắng lặng Thánh trí và cảnh giới của hậu đắc trí vô phân biệt... không thủ, không xả, không nhiễm, không đắm, thanh tịnh ly cấu, tối thắng đệ nhất, tánh chẳng biến đổi; hoặc Phật ra đời hay chẳng ra đời, tánh tướng vẫn thường trụ. *Rồi Phật kết luận:* <u>Đó là **pháp giới**</u>".

Như trên đã nói chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế... mỗi thứ một vẻ nhưng ***bản thể như như, nên không thể phân biệt, không thể tách rời chơn như với pháp giới hay thật tế****. Nên cuối cùng phẩm này, Phật bảo:* "Này Thiên vương! Đấy gọi Thật tế Như như của Bát nhã Ba la mật, tướng không phân biệt, bất tư nghì giới, cũng gọi Chơn không, Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí, pháp giới không hai".

Vì vậy, "thập nhị chân như" mới có 12 tên: Chơn như, pháp giới, pháp tính, bất hư vọng tính, bất biến dị tính, bình đẳng tính, ly sinh tính, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghị giới. Tuy có 12 tên nhưng bản thể không hai không khác, nên xếp cùng chung 1 thể loại. Vả lại, phạm trù của pháp giới quá mênh mông. Nếu không có cái nhìn bao quát làm sao thấy được pháp giới. Đây là nét đặc thù của thập nhị chân như hay còn gọi là "12 tên khác của Thật tướng".

Cứ tưởng tượng xem tất cả nước: Mưa, suối, cống rãnh, ao hồ đều đổ vào sông, rồi sông đổ ra bể. Vào tới bể, tới đại dương rồi, nước không còn phân biệt, chỉ còn <u>một mực bình đẳng như như</u>. Nhưng không phải tất cả thứ nước đó... phải đợi vào biển cả hay đại dương mới được bình đẳng như như. Tất cả mực nước của các thứ nước đó vốn đã như như bình đẳng từ trước dù có Phật hay không có Phật ra đời. Cũng vậy tất cả pháp cũng vốn như như bình đẳng, nên khi đã nhập vào pháp giới cũng như như bình đẳng. Đó là ý nghĩa tại sao khi nói về pháp giới lại đề cập đến chơn như hay bình đẳng là vậy. Thâm nhập và chứng được nét đặc thù này thì hiểu được thập nhị chân như hay thật tướng của vạn hữu.

3- Do đâu mà có được cái thấy biết đúng?

Do học và thực hành Bát nhã Ba la mật nên ***thấy biết như thật các pháp đều không****.* Không là ***đệ nhất nghĩa không****, mà trong đó tướng không chẳng thể nắm bắt được,* ***không thủ không trước,*** *không chấp tướng không cũng không nương tựa vào không. Vì, không thủ trước nên đối với không, không bị đọa lạc. Thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy thì xa lìa các tướng, không thấy tướng trong ngoài, lìa tướng hý luận, lìa tướng phân biệt, lìa tướng tìm tòi, lìa tướng tham trước, lìa tướng cảnh giới, lìa tướng phan duyên, lìa tướng năng tri sở tri.*

Đó là cái thấy biết siêu xuất do tu chánh đạo, chứng Bát Nhã và đắc hậu đắc trí, vô phân biệt trí và nhờ đó mà thấy tất cả pháp đều như như bình đẳng hay còn gọi là chơn như thật tướng các pháp.

*Tới đây chúng ta có thể trả lời câu hỏi: Do đâu mà có được cái thấy biết đúng? Câu trả lời thẳng là: Biết như thật các pháp đều Không. Không này là **chân không hay hư không giới** là một trong thập nhị chân như. Đó là lý do tại sao **học chánh pháp thì ngộ nhập chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, thật tế...***

*Tóm lại, tri nhận được thật tướng tất cả pháp trong cõi sống chung quanh ta thì gọi là chứng pháp giới, tức chứng chỗ nương, cảnh giới của tất cả pháp chân thật. Cảnh giới của tất cả pháp chân thật cũng chính là chơn như. Vì vậy, pháp giới với chơn như không hai không khác. Nên, Ngài Tăng Triệu, một tư tưởng gia, một luận gia nổi tiếng sống cùng thời cũng là cộng sự viên trong ban dịch thuật Kinh điển của nhóm Cưu Ma La Thập, mới nói rằng: **"Trời đất cùng ta đồng gốc, vạn vật cùng ta đồng thể".***

*Đó là lối giải thích mà người ta thường nghe: **Thâm nhập được chơn như, pháp giới, pháp tánh... thì được xem là giác ngộ.***

Để chứng minh điểm này cũng như để trả lời tất cả pháp như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, thật tế… không hai không khác, không những cho phẩm này mà còn cho tất cả phẩm kế tiếp của Hội nầy, chúng tôi dẫn chứng đoạn Kinh của phẩm "Biện Đại Thừa", Q.55 - Q.56, ĐBN như sau:

"(…) Như tánh pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, bất tư nghì giới, hư không giới, đoạn giới, ly giới, diệt giới, vô tánh giới, vô tướng giới, vô tác giới, vô vi giới, an ẩn giới, tịch tĩnh giới, pháp định, pháp trụ, bổn vô, thật tế chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh pháp giới cho đến tánh thật tế, không trụ không chỗ nào chẳng trụ. Vì sao? Thiện Hiện! Tánh pháp giới, pháp giới tánh không, cho đến tánh thật tế, thật tế tánh không vậy.

Hơn nữa, tánh của sắc thọ tưởng hành thức, các xứ, giới cho đến tất cả pháp Phật cũng đều như vậy".

Tất cả pháp đều tánh không… đều như như; như như cũng là không. Vậy, không những chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng

tánh, thật tế... không hai không khác mà tất cả pháp kể uẩn xứ giới cho đến các pháp Phật cũng đều như vậy. Tánh Không là chìa khóa giải thích tất cả hiện hữu. Nên có thể nói: Cây cỏ với ta đồng gốc, sông núi với ta đồng nguồn, tất cả cùng hiện hữu và cùng tăng trưởng chẳng có gì lộn lạo. Đó là cái như tánh của vạn hữu!

Tóm lại, để trả lời câu hỏi: Phải tu như thế nào để biết pháp giới? Trong phẩm này Kinh trả lời là ***phải tu chánh đạo****. Câu trả lời này quá tổng quát. Phần "Mạn Thù Thất Lợi" Q.575, Hội thứ VII, ĐBN, Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi:* "Nếu muốn hiểu rõ tánh tất cả pháp tức là Bồ đề, tất cả Bồ đề tức là pháp giới, đây tức là thật tế, thật tế tức là Không, tâm không thối lui, thì phải học Bát Nhã thâm sâu này". *Đây là câu trả lời vừa chi tiết (tức nói về Bồ đề, pháp giới, thật tế và tánh Không), vừa tổng quát (phải học Bát Nhã, vì Bát Nhã nhiếp thu tất cả pháp thuộc về chánh đạo), vừa giải thích những gì mà chúng tôi luận giải trên.*

Trên đây là chiết giải của chúng tôi một phần dựa vào Kinh mà chiết giải thế nào các pháp như, pháp tánh, thật tế thuộc "thập nhị chân như". Để nắm vững vấn đề hơn chúng tôi lấy một đoạn luận của Bồ Tát Long Thọ trong <u>Phẩm thứ nhất, Tập 2, quyển 32, ĐTĐL</u> chiết giải một đoạn kinh của MHBNBLMĐ như sau:

"KINH:

Muốn biết pháp như, pháp tánh và thật tế, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

"Các pháp đều có 2 tướng. Đó là: Biệt tướng và Thật tướng.

- Biệt Tướng: Là tướng riêng, là tự tướng của mỗi pháp. Ví như đất có tướng cứng, nước có tướng ướt, gió có tướng lay động, lửa có tướng nóng v.v... Do 6 căn duyên 6 trần, khởi sanh 6 thức, mà người thế gian nhận biết được biệt tướng của mỗi pháp.

- Thật Tướng: Dùng trí huệ Bát Nhã chia chẻ các pháp đến vi trần, thì mọi pháp đều trở thành KHÔNG. Cho nên nói các pháp, ở nơi Thật Tướng, đều là KHÔNG, là bất khả đắc.

Nếu dùng tâm chấp mà phân biệt, thì thấy mỗi pháp đều có Tự Tướng riêng. Trái lại, nếu biết được vô lượng pháp đều dung hợp với nhau, thì vào được nơi Thật Tướng của các pháp.

Phàm phu chỉ thấy biết được tướng riêng của các pháp.

Hàng Thanh Văn, do trí huệ còn có hạn lượng, nên chưa thấy hết được vô lượng pháp dung hợp với nhau, chưa hoàn toàn vào được nơi Thật Tướng của các pháp. Ví như người vào biển, do sức bơi lặn có hạn lượng, chỉ thấy được một số lượng nhỏ các vật dưới biển vậy.

-o0o-

Khi đã vào được noi Thật Tướng pháp rồi, thì chẳng còn có sự phân biệt giữa tướng và tánh. Lúc bấy giờ, tướng và tánh chỉ là một, chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bởi vậy, nên Thật Tướng pháp còn được gọi là: Pháp như, Pháp tánh và Thật tế.

- **Pháp Như:** Là tánh như như, bất biến của các pháp. Tánh ấy vốn thường KHÔNG.

- **Pháp Tánh:** Là bản tánh, là thật thể của các pháp. Tánh ấy vốn thường KHÔNG.

- **Thật Tế:** Là lý chân thật, vẹn toàn của các pháp. Thật Tế vốn thường KHÔNG.

Hỏi: *Pháp Như, Pháp Tánh và Thật Tế có 3 nghĩa riêng khác, hay chỉ có một nghĩa thôi?*

Đáp: Pháp Như, Pháp Tánh và Thật Tế đều là Thật Tướng Pháp cả, đều diễn đạt lý KHÔNG của các pháp. Chỉ là một nghĩa mà có 3 tên gọi khác nhau, để tùy trường hợp rộng giải về lý KHÔNG.

Đây chỉ là phương tiện. Thật ra Pháp Như, Pháp Tánh Thật Tế đều là bất khả đắc cả.

Cũng như vậy, nhằm dẫn vào pháp KHÔNG, có thời Phật thuyết cho hàng Thanh Văn về 3 Pháp ấn là:

- Các pháp hữu vi là vô thường.
- Các pháp hữu vi là vô ngã.
- Niết bàn là tịch tịnh.

Hỏi: *Phật thuyết Bát Nhã Ba-la-mật, Phật lại thuyết về 3 Pháp ấn. Như vậy Bát Nhã Ba-la-mật có phá hoại các Pháp ấn không?*

Đáp: Tất cả đều do Phật thuyết, nhưng tùy trường hợp, tùy đối tượng, lời Phật nói ra có sai khác.

Với hàng Bồ tát, Phật thuyết về Thật Tướng Bát Nhã. Với hàng Thanh Văn, Phật thuyết về 3 Pháp ấn.

Trong kinh Bát Nhã Ba-la-mật, Phật dạy ngài Tu Bồ Đề:

"Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát quán sắc là thường là chẳng phải hành Bát Nhã Ba-la-mật; quán sắc là vô thường là chẳng phải hành Bát Nhã Ba-la-mật. Quán sắc là khổ, là lạc, quán sắc là ngã, là vô ngã, quán sắc là tịch tịnh, là phi tịch tịnh... cũng đều là chẳng phải hành Bát Nhã Ba-la-mật".

Bát Nhã Ba-la-mật chẳng phá hoại các Pháp ấn cũng chẳng chấp các Pháp ấn. Khi đã vào được Thật Tướng Pháp rồi, thì sẽ diệt hết các quán, sẽ chăng còn các Pháp ấn nữa.

Hỏi: *Như thế nào là nói về Pháp Như?*

Đáp: Như trong kinh Tạp A Hàm có nêu mẫu chuyện sau đây:

Có vị Tỷ-kheo hỏi Phật: "Bạch Thế Tôn! 12 nhân duyên do Phật đặt ra hay do ai đặt ra?"

Phật dạy: "Chẳng phải Ta lập ra 12 nhân duyên, cũng chẳng có ai khác lập ra 12 nhân duyên cả. Pháp Như, Pháp Tướng, Pháp Vị vẫn thường như vậy. Ví như Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức... dẫn đến Sanh duyên Lão Tử, vẫn thường như vậy. Tất cả đều do nhân duyên nên có, nhưng tất cả đều là KHỔNG. Ưu, Bi, Khổ, Não... đều vốn là KHÔNG cả. Vì là KHÔNG, nên khi các nhân duyên diệt, thì Ưu, Bi, Khổ, não... liền diệt. Các pháp tương tục sanh diệt như vậy. Dù có Phật hay dù không có Phật vẫn thường như vậy".

Như vậy là nói về Pháp Như.

Hỏi: *Như thế nào là nói về Pháp Tánh?*

Đáp: Như trong kinh Tạp A Hàm cũng như kinh Sư Tử có nêu các mẫu chuyện sau đây:

* Phật hỏi ngài Xá Lợi Phất ba phen về nghĩa của một câu mà ngài chẳng sao trả lời được. Đến khi Phật khai thị về Thật Thể của các pháp, thì ngài mới được rõ. Phật khai thị cho ngài Xá Lợi Phất xong rồi, lui về tịnh xá. Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất nhóm các Tỷ-kheo và nói rằng: "Khi

Phật chưa khai thị, ta chưa được rõ. Nhưng nay Phật đã khai thị rồi, thì ta có thể nói được nghĩa ấy suốt trong 7 ngày 7 đêm".

* Lại nữa, sau khi Phật vừa ra khỏi tịnh thất, có một vị Tỷ-kheo đến bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Ngài Xá Lợi Phất tán thán Phật thông đạt Pháp Tánh, nên dù ở nơi pháp Thanh Văn mà vẫn quán các pháp sanh diệt là như.

Do quán các pháp sanh diệt là thường như, nên diệt hết thảy các quán, vào được nơi Thật Tướng pháp".

Như vậy là nói về Pháp Tánh.

Hỏi: *Như thế nào là nói về Thật Tế?*

Đáp: Có hai pháp đối đãi mới có duyên khởi. Còn Thật Tế chẳng có chỗ sở y, chẳng có đối đãi nên chẳng có duyên khởi.

Phật thuyết trong các kinh: "Thật Tế là Niết bàn". Vì Thật Tế là diệt, là ly, là diệu. Do vậy mà Niết bàn chẳng có nhân duyên, chẳng có duyên khởi. Niết bàn là Thật Tế, là Như. Đã là Như, thì cả 3 đời đều bình đẳng, đều là Như cả vậy.

Hỏi: *Vì sao gọi 3 đời bình đẳng là Như?*

Đáp: Ở nơi Thật Tướng, thì 3 đời đều bình đẳng, chẳng có sai khác, nên gọi là Như.

Kinh Bát Nhã Ba-la-mật nói: "Ba đời Nhất Như bình đẳng là ba đời đã nhập vào trong vô lượng pháp tánh, là bản tánh, là Niết bàn. Hết thảy các pháp thế gian đều có tánh Niết bàn."

Chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh Hiền dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, dạy họ tu học, dẫn họ vào Niết bàn là vào nơi Thật Tánh của các pháp vậy.

Ví như người thợ vàng, thợ bạc phải dùng phương tiện nấu các quặng vàng, quặng bạc, loại bỏ các chất bẩn quặng mới lấy được vàng ròng, bạc ròng để làm đồ trang sức. Lại ví như kim cương ở sâu dưới mỏ, người thợ mỏ phải đào sâu loại bỏ các lớp đất đá mới tìm được chất kim cương. Pháp Tánh cũng như vậy, người tu hành phải dùng trí huệ, phải tu tập, phải tầm cầu mới vào được chỗ **tự tánh thanh tịnh**, mới diệt được các hý luận. Như vậy là vào được Pháp Tánh thâm sâu, tức Pháp Tánh Thật Tế vậy.

Hỏi: *Vì sao nói Thật Tế là thường trú bất động?*

Đáp: Chúng sanh, do vô minh phiền não che tâm, khiến ở nơi Thật Tướng mà vẫn sanh tà tư duy. Chư Thánh đã phá vô minh, nên dạy chúng sanh tu tập để vào được nơi Thật Tướng của các pháp.

Khi Vô Minh đã dung hợp với Minh, thì sẽ thấy được Chân Tánh, tức là Pháp Tánh Thật Tế vậy. Khi đã vào được nơi Pháp Tánh Thật Tế, thì sẽ biết rõ ở nơi thân ta có vô lượng vô biên vi diệu pháp.

Hỏi: *Chư vị A-la-hản có vào được Thật Tế không?*

Đáp: Các bậc A-la-hán, Bích Chi Phật vào được Thật Tế, nhưng trú ở nơi đây, chẳng tiến lên nữa. *(tức được giải thoát sanh tử)*

Bồ tát vào Thật Tế rồi, phát tâm từ bi, trở lại trong sanh tử để giáo hóa chúng sanh, và tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, mãi đến khi viên thành Phật đạo.

Hỏi: *Thể nào gọi là Bồ tát tu Thật Tướng Trí Huệ?*

Đáp: Bồ tát biết rõ ở nơi Thật Tướng chẳng có tướng thường, chẳng có tướng lạc, chẳng có tướng ngã, chẳng có tướng tịnh. Do tu như vậy mà Bồ tát xả được các pháp quán, vào được Niết bàn vô sanh diệt. Như vậy là Bồ tát tu để trở về nguồn gốc vô sanh, trở về pháp tánh như như thường trú.

Bồ tát thấy rõ ở nơi sắc tức là không ở trong các pháp đều có tánh Niết bàn, tức là Pháp Tánh vậy.

Do chứng ngộ được Thật Tướng pháp, nên Bồ tát có được vô lượng vô biên phương tiện trí huệ để giáo hóa chúng sanh.

Thật Tánh pháp là Chân Thật Tế có diệu dụng lợi sanh vô cùng tận".

Ở đây Bồ Tát Long Thọ khi luận về Pháp như, Pháp tánh, Thật tế cũng đề cập đến Bình đẳng... nghĩa là không ngoài thập nhị chân như như chúng tôi đã chiết giải ở trên. Vì vậy, chúng tôi nhiều lần phát biểu người nào thâm nhập "thập nhị chân như" thì được xem là giác ngộ.

Đây là một phẩm hết sức quan trọng trong việc tu hành. Nên chúng tôi chiết giải hơi dài dòng. Các đạo hữu hiểu được phẩm này sẽ hiểu phẩm các phẩm pháp tánh, bình đẳng tánh kế tiếp, đồng thời có thể hiểu làm sao tu để có thể nhập pháp giới?

2. Bồ Tát thị hiện để hóa độ chúng sanh như thế nào?

Cuối Q.567, Kinh nói về bốn tâm vô lượng tức là các phương tiện thiện xảo của Bồ Tát trong việc hóa đạo của các Ngài. Đó là đại Từ, đại Bi, đại Hỷ và đại Xả. Bốn tâm rộng lớn này chúng ta đã học trong phần thứ I Tổng luận và trong các Hội trước rồi, nên không cần lặp lại. Bây giờ, chúng ta tụng tiếp Q.568.

Đầu Q.568, Bồ Tát thị hiện các tướng trong việc hóa độ chúng sanh, đồng thời nói về sự học tập tu hành để có đủ khả năng công đức thực hiện việc hóa độ đó.

***1-** Tướng thị hiện của Chư Bồ Tát:*

Hình như tất cả chư Bồ Tát trong thế gian thị hiện gần như giống nhau trong cõi đời này: Để cứu độ hữu tình nên các Ngài dùng phương tiện thiện xảo, thị hiện các tướng giáo hóa bằng cách nhập vào thai mẹ cho đến nhập Niết bàn: Thị hiện làm trẻ con, thị hiện lập gia đình, thị hiện vào núi tuyết tu khổ hạnh, thị hiện ngồi thiền dưới cội Bồ đề, thị hiện học đạo và thuyết pháp, chuyển pháp luân, rồi thị hiện viên tịch vào Niết bàn v.v...

***2-** Bồ Tát* “Do tôn trọng chánh pháp nên đã vì người khác giảng thuyết sâu rộng, vì hộ chánh pháp nên chẳng tiếc thân mạng. Thân, ngữ, ý nghiệp đều thanh tịnh. Do nghiệp thanh tịnh nên lìa các chướng. Do lìa chướng ngại nên tâm thường hoan hỷ, do tâm hoan hỷ nên siêng năng tinh tấn. Tâm tánh chánh trực, niệm trí viên mãn. Do niệm trí viên mãn nên biết đời sống quá khứ, 1 kiếp, 10 kiếp, 100 kiếp, 1.000 kiếp, cho đến vô số kiếp, các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, rõ biết như thật về các nơi sanh thời quá khứ, biết rõ đời trước gần gũi bạn lành nên đối với 3 việc nghe, thấy, niệm về chư Phật chẳng quên mất, thường ưa nghe pháp, cúng dường Tăng bảo không lúc nào để thời gian trống rỗng trôi qua; đối với việc cúng dường cung kính lễ bái Phật, Bồ Tát không bỏ; đi đứng nằm ngồi luôn lắng nghe học hỏi”.

Đối với chúng sanh:

... “Người cầu Đại thừa nói đạo vô thượng chẳng nói đạo Độc giác, Thanh văn. Vì người cầu Độc giác nói đạo Độc giác không nói đạo Bồ Tát, Thanh văn. Vì người cầu Thanh văn nói đạo Thanh văn không nói

đạo Bồ Tát, Độc giác. Vì người chấp trước ngã nói đạo vô ngã. Vì người chấp trước pháp, nói đạo pháp Không. Vì người chấp hai bên nói trung đạo. Vì người mê loạn nói đạo chỉ quán để họ hết mê loạn. Vì người hý luận nói đạo chơn như để họ hết hý luận. Vì người chấp trước sanh tử nói đạo Niết bàn để họ ra khỏi thế gian. Vì người theo đường mê nói đạo chơn chánh để họ xa lìa đường tà vạy".

Đọc tụng, thọ trì tới đây ai cũng có thể hiểu, nên không cần nói thêm chi tiết nữa!

Thật may mắn cho tất cả những ai tụng đọc bài pháp thậm thâm này. Đây là bài pháp hết sức quan trọng cho sự hiểu biết về chơn như thật tướng của tất cả các pháp. Hiểu được chơn như thật tướng tất cả pháp rồi tu tập thì có cơ hội nhập pháp giới mà Giác ngộ, được giải thoát thôi./.

---o0o---

05. PHẨM "NIỆM TRỤ"

Cuối quyển 568, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương với phẩm 4: "Niệm Xứ", Kinh TTVBN)

Gợi ý:

Đây là bài pháp tuy ngắn nhưng giáo nghĩa thật vô bờ bến cho những ai tu Bồ Tát đạo, hành Bồ Tát hạnh. Nếu tu theo các khuyến dẫn sau đây thì hạnh nguyện sẽ vuông tròn không kể Tăng lẫn Tục. Nhờ pháp tu này mà có thể đưa chúng sanh vào đạo. Vì vậy, pháp môn này được xem là quan trong trong việc truyền bá đạo Phật.

Tóm lược:

Bấy giờ, Tối Thắng từ tòa đứng dậy che áo bên vai trái, gối phải chấm đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát hành sâu Bát Nhã có năng lực biết rõ đường chánh, đường tà như vậy thì tâm ấy vin vào đâu mà trụ?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã thì tâm luôn chơn chánh không có mê loạn. Vì sao? **Vì Bồ Tát tu tập viên mãn niệm trụ về thân, thọ, tâm, pháp***(tứ niệm xứ hay tứ niệm trụ)*. Hễ có đi vào thành ấp, xóm làng nghe nói lợi dưỡng tâm không tham đắm, nhiễm trước. Giống như Thế Tôn đã dạy trong giới Kinh: **Người khéo chánh niệm thì xa lìa các phiền não.**

- Này Thiên vương! Đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã khéo tu **niệm trụ về thân** như thế nào? Nghĩa là Bồ Tát này dùng trí như thật xa lìa pháp ác bất thiện tương ưng với thân. Quán sát thân này từ đầu đến chân, chỉ có **các thứ bất tịnh** tội lỗi: Vô ngã, vô lạc, vô thường, bại hoại, tanh hôi, xú uế, do gân mạch dính liền, gớm ghiếc không đáng nhìn. Quán thân như vậy rồi thì tham dục, chấp thân ngã kiến không còn sanh khởi. Nhờ nhân

duyên đó mà các pháp lành tương ưng đều được tùy thuận. *(Pháp quán này gọi là Quán thân bất tịnh hay Thân niệm xứ)*

- Này Thiên vương! Đại Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật khéo tu **niệm trụ về <u>thọ</u>** như thế nào? Nghĩa là Bồ Tát này suy nghĩ: Các **thọ đều khổ** nhưng vì hữu tình điên đảo lầm tưởng cho là vui. Phàm phu ngu si cho khổ là vui. Thánh giả chỉ nói tất cả đều khổ, vì muốn đoạn khổ nên cần phải tu tinh tấn và khuyến khích người khác nên tu pháp này. Quán như vậy rồi thường trụ niệm thọ, không tùy thuận hoạt dụng của thọ mà phải tu hành đoạn dứt thọ và cũng dạy cho người như vậy. *(Pháp quán này gọi là Quán thọ thị khổ hay Thọ niệm xứ)*

- Này Thiên vương! Đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã **khéo tu niệm trụ về <u>tâm</u>** như thế nào? Nghĩa là Bồ Tát này suy nghĩ: **Tâm vô thường**, người ngu bảo là thường trụ, khổ bảo vui, vô ngã bảo ngã, bất tịnh bảo tịnh. Tâm đây chẳng trụ, nhanh chóng chuyển đổi; cội gốc của thùy miên, cửa của các ác thú, là nhân duyên của mọi phiền não hoại diệt các thiện. Tâm này thường sanh tham, sân, si khó tin tưởng. <u>Tâm dẫn đầu các pháp</u>. <u>Nếu biết rõ tâm thì rõ các pháp. Các pháp thế gian đều do tâm tạo</u>. Tâm chẳng tự thấy các thứ tội lỗi do mình, hoặc thiện hoặc ác đều do tâm khởi. Tâm tánh chuyển nhanh như vòng lửa quay bỗng chốc chẳng dừng, như gió ngựa đồng, như nước bạo động, như lửa năng đốt. Quán như thế khiến nhớ bất động, thì tâm liền theo mình, chẳng theo sở hành. Nếu điều phục tâm như thế là điều phục được các pháp. *(Pháp quán này gọi là Quán tâm vô thường hay Tâm niệm xứ)*

- Này Thiên vương! Đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã **khéo tu niệm trụ về <u>pháp</u>** như thế nào? Nghĩa là Bồ Tát này biết như thật thế gian có các pháp ác bất thiện đó là tham, sân, si và các tập khí phiền não. Cần phải tu các pháp để đối trị trị tham, sân, si và các tập khí phiền não. Biết như vậy rồi chẳng hành tham sân si v.v… và dạy người khác nên xa lìa.

Này Thiên vương! Đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã đối cảnh khởi niệm như thế nào? Nghĩa là Bồ Tát này nếu gặp sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp liền nghĩ: Đối với pháp không chân thật này mà lại sanh tham ái ư? Đây chỉ là sự đắm trước của phàm phu ngu si, ấy là bất thiện. *(Pháp quán này gọi là Quán pháp vô ngã hay Pháp niệm xứ)*

Như Thế Tôn dạy: Ái thì sanh đắm trước, đắm trước thì sanh mê lầm, do đó không biết pháp thiện, pháp ác. Vì vậy đọa vào cảnh giới ác. Bồ Tát

không *(không nghĩ, không hành)* như vậy nên không rơi rớt, không đắm trước cảnh giới và khiến cho người khác cũng vậy.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã niệm A lan nhã. Nghĩa là Bồ Tát suy nghĩ: A lan nhã là chỗ không ồn ào, không người ở, là trụ xứ tịch tĩnh. Trời, rồng, Dược xoa, có Tha tâm trí đều biết tâm, tâm sở của ta. Ở đây ta không nên khởi tâm tà vạy. Do suy nghĩ vậy nên được xả ly, đối pháp chánh niệm cần tu hành.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã suy nghĩ: Thành ấp tụ lạc là nơi ồn ào chẳng phải chỗ đi lại của người xuất gia, vậy không nên đến. Đó là quán rượu, mãi dâm, vương cung, đánh bạc, ca múa, các chỗ như vậy cần phải xa lìa.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã nghe lợi dưỡng liền khởi chánh niệm thế này: Vì muốn sanh phước cho người **nên nhận tài vật rồi bố thí hết cho người nghèo**, chứ chẳng phải do tham đắm mà nhận rồi giữ lấy cho vợ con hay gia đình. Người thực hành như vậy được người đời khen ngợi, không bao giờ vì mình, vì cái của mình. Lại suy nghĩ như thế này: Người đời cho rằng hành động như vậy được nổi tiếng là thi ơn. Nhưng thế gian vô thường, tan biến trong phút chốc. Tại sao người trí đối với cái không thường, không thực, không lâu dài, không chủ, lại nương theo đó mà hành, mà khởi ngã, ngã sở.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã vì giáo hóa hữu tình cho đến chính mình nên tự tu tập, ít muốn vui đủ, mặc áo phấn tảo, tâm thường trong sạch, tín lực vững chắc, thà bỏ thân mạng chứ không phạm giới; tâm xa lìa kiêu mạn dù **mặc áo xấu đi vào thành khất thực** nhưng không hổ thẹn, không lười biếng, siêng tu tinh tấn, việc làm chưa xong thì không bỏ dở giữa chừng, đối với y phục phấn tảo không bị lỗi lầm, đối với y phục cũ mục hư nát không khinh chê, **chỉ giữ cái đức của mình**, người ly dục mới mặc y phục này, được Như Lai khen ngợi vì ngăn chặn xan tham, cũng không khen mình mặc áo này, hay chê người không mặc; người thực hành như thế được chư thiên lễ kính, được Phật tán thán, Bồ Tát hộ trì, Bà la môn v.v... đều cung kính cúng dường.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã **thường tu diệu hạnh thanh tịnh** như thế.

Khi ấy, Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật với hạnh cao thượng cần gì phải mặc áo phấn tảo này?

Phật bảo:

- Này Thiên vương! Các đại Bồ Tát vì hộ thế gian **nên mặc y phấn tảo** này. Vì sao? Vì thế gian thấy mặc y phục này thì các điều ác đều dứt và sanh điều lành.

Này Thiên vương! Ý ngươi nghĩ sao? Cao hạnh Bồ Tát ai bằng Thế Tôn?

Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát tu hạnh cao thượng trăm ngàn, vạn, ức cho đến vô số cũng không thể sánh bằng Thế Tôn. Vì sao? Vì Phật là đấng Pháp vương đầy đủ Nhất thiết trí nên không có một pháp nào mà không thể chiếu soi.

Phật lại hỏi Thiên vương:

- Này Thiên vương! Ý ngươi nghĩ sao? Phật thị hiện khổ hạnh và tán thán công đức tu hạnh Đầu đà cho tất cả trời, rồng, Dược xoa, nhơn phi nhơn v.v... để làm gì?

Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đức Phật thị hiện như thế là giáo hóa các hữu tình có thể độ được và nói pháp đối trị cho các Bồ Tát mới phát tâm v.v... chưa dứt được phiền não.

Phật dạy:

- Đúng vậy! Đúng vậy!

Bồ Tát tu hạnh cao thượng mặc y phấn tảo cũng lại như vậy. Cho nên Bồ Tát hành sâu Bát Nhã đầy đủ phương tiện thiện xảo làm lợi ích cho hữu tình.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã vì thế gian nên chỉ giữ ba y. Vì sao? Vì tâm ít muốn biết đủ nên chẳng cầu nhiều. Vì không tìm cầu nên không chứa cất, vì không chứa cất nên không mất mát, vì không mất mát nên không buồn khổ, vì không buồn khổ nên xa lìa phiền não, vì lìa phiền não nên không còn đắm trước, vì không đắm trước thì các lậu tận diệt.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, vì muốn làm lợi lạc hữu tình nên cầm bát vào thành khất thực. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát luôn huân tập đại bi tâm, quán các hữu tình đa số nghèo khổ, vì khiến

họ giàu vui nên nhận sự cúng dường. Khi vào thành ấp, uy nghi tề chỉnh, tâm tánh chẳng loạn, khéo nhiếp các căn, bước từ tốn chậm rãi mà đi, không nhìn ngó hai bên, theo thứ lớp khất thực như pháp, không bỏ nhà nghèo, đúng lượng khất thực, không tham cầu nhiều, trong bát cơm ấy sớt một phần bố thí cho kẻ nghèo, cúng dường phước điền. Vì sao? Vì tín thí khó tiêu và vì sanh phước đức.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo vì các hữu tình **thị hiện khất thực**.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, thường siêng tu học hạnh A lan nhã, nghĩa là **tu phạm hạnh**. Đối với các căn không phát sanh tội lỗi, ưa học hỏi, kham nhẫn tu chánh hạnh, xa lìa ngã và sự sợ hãi, không đắm trước thân, thường hành tịch tĩnh. Các Bồ Tát này thường ưa xuất gia ở trong chánh pháp, giữ tam luân giới, biết rõ pháp tướng. **Như Lai đã từng thuyết giới cho ba hạng người già, trẻ, trung niên đều được thấu hiểu, chẳng duyên ngoại cảnh, chuyên niệm tự tâm, chê pháp thế tục, khen pháp xuất gia, điều phục các căn, không chấp giữ cảnh giới ác.** Ở A lan nhã, sống nơi không có hiểm nạn, làng xóm khất thực, không xa, không gần, nơi ấy có suối nước trong tắm rửa dễ dàng, rừng nhiều hoa quả, không có thú dữ, hang núi yên tĩnh, ít người lui tới. Đối với pháp đã học đêm ngày ba thời chuyên cần đọc tụng, tiếng không cao, thấp. Tâm không duyên ngoại cảnh chỉ chuyên trì nhớ niệm. Bà la môn, Sát đế lợi v.v... có đến chỗ ấy thì niềm nở, vui mừng thăm hỏi, mời ngồi. Quán biết căn tánh để thuyết pháp cho họ được hoan hỷ, tín thọ, vâng làm. Dùng đủ phương tiện khéo léo giúp họ xa lìa ngã tâm. Vì vô ngã nên ở nơi vắng vẻ không có sợ hãi, xa lìa sợ hãi nên vui hạnh tịch tĩnh. Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo như thế nên thị hiện tu hành ở nơi A lan nhã.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã quán biết các hành, suy nghĩ: Các thức ăn uống đều trong sạch thơm tho, nhưng do lửa thân tiếp xúc biến thành bất tịnh, hủy hoại hôi hám. Người ngu vô trí luyến ái thân này và đồ ăn uống. Nếu theo Thánh trí như thật quán sát thì sanh tâm chán ghét không còn say đắm. Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, suy nghĩ: Nhiều hành động sân giận thì sẽ gây nghiệp ác, ta phải lìa tâm sân để hướng đến chánh đạo, suy nghĩ chân thật chứ chẳng nói suông. Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát

Nhã, suy nghĩ: **Các pháp có sanh tức là nhân duyên, nhân duyên của pháp lại từ duyên khởi**. Làm sao người trí vì pháp duyên sanh hư vọng mà tạo tội lỗi? Trong thân Bồ Tát nếu có chướng ngại thiện pháp tức tự đoạn trừ. Nếu không thể đoạn chướng ngại điều thiện cho người khác, thì tâm liền buông xả, không nên phát khởi vô minh.

Thế nào gọi là **pháp chướng ngại điều thiện**? Nghĩa là không cung kính Phật, Pháp, Tăng và giới thanh tịnh, không kính đồng học, tự cao khinh thường những người lớn, nhỏ, già, trẻ, hướng đến năm dục, quay lưng với Niết bàn và phát sanh ngã kiến, hữu tình kiến, cho đến tri giả kiến, kiến giả kiến, chấp không rồi khởi lên đoạn kiến, chấp có, rồi khởi lên thường kiến, xa lìa Thánh hiền, gần gũi phàm phu, nương người phá giới, thân gần bạn ác, xa lìa bạn lành, pháp thâm sâu nghe rồi sanh tâm hủy báng. Thân làm việc ác luật nghi, lời nói ác, tâm nịnh hót, quanh co, bị phiền não che lấp, tham đắm lợi dưỡng, phát sanh đủ 5 mạn:

1. Khinh mạn vì dòng họ cao quí.
2. Khinh mạn vì dòng họ giàu sang.
3. Khinh mạn vì hiểu biết hơn người.
4. Khinh mạn về quốc độ.
5. Khinh mạn về đồ chúng.

Thấy việc ác liền giúp sức, gặp việc thiện lại tránh xa, khen ngợi sắc đẹp của đàn bà, con nít, ngoại đạo, không ưa tu tập hạnh A lan nhã, không biết ăn uống đúng lúc, tuy có đọc tụng mà chẳng đúng thời, xa lìa Sư trưởng, thấy việc thiện không tôn trọng, thấy việc ác không sợ hãi, như voi không có móc, ngựa không dây cương, buông lung chẳng chế ngự được, ưa sân giận, không có từ tâm, thấy người khổ không thương, gặp người bệnh không thăm hỏi, gặp người chết không lo sợ, như sống trong đống lửa mà không mong cầu ra khỏi, việc đáng làm không làm, việc không đáng làm lại làm, việc không đáng suy nghĩ thì suy nghĩ, việc đáng suy nghĩ thì không suy nghĩ, việc chẳng mong cầu thì cầu, không ra khỏi bảo đã ra khỏi, chẳng phải đạo gọi là đạo, chưa chứng đắc cho là chứng đắc, ưa huân tập việc đại ác, xa lìa điều thiện lớn, hủy báng Đại thừa và người hành Đại thừa, khen ngợi Tiểu thừa và người học Tiểu thừa, ưa nói lời thô ác, làm loạn, đấu tranh, tâm không từ bi làm cho người khác phải khiếp sợ, nói lời thô bỉ không có một chút chơn thật, say mê theo hý luận không thể bỏ được. **Các việc như vậy gọi là pháp chướng ngại điều thiện**.

Thiên vương nên biết: **Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã tu tập hạnh Không, diệt pháp hý luận, suy nghĩ: Cảnh giới sở quán đều Không, tâm năng quán cũng chẳng có, không có hai loại sai khác về năng quán, sở quán. Các pháp nhất tướng còn gọi vô tướng, suy nghĩ như thế thì không còn giữ tướng trong ngoài, không thấy thân không thấy tâm cũng không thấy pháp, liên tiếp tu tập chỉ quán theo thứ lớp. Quán như vậy gọi là như thật thấy pháp. Chỉ là nhất tâm bất loạn. Bồ Tát tu quán hạnh như thế rồi liền được tịnh giới. Vì giới thanh tịnh nên hạnh cũng thanh tịnh. Đây là quán hạnh thanh tịnh của Bồ Tát hành sâu Bát nhã Ba la mật.**

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, hộ trì pháp tạng vô thượng của Như Lai, nhận lãnh chánh pháp. Vì hộ pháp chứ không vì lợi dưỡng, vì để cho hạt giống Tam bảo không đoạn tuyệt chứ không phải vì sự cung kính. Vì muốn hộ trì hạnh Đại thừa chứ không vì danh vọng, làm chỗ nương tựa cho người không có chỗ nương tựa, cứu giúp cho người không được cứu giúp, an lạc người không an lạc, làm cho người không có tuệ nhãn được tuệ nhãn, **chỉ đạo Thanh văn cho người tu Tiểu thừa, chỉ đạo Độc giác cho người tu trung thừa, chỉ đạo Vô thượng cho người tu Đại thừa**. Nghe pháp như vậy là Vô thượng trí, suốt đời sẽ không nhầm lẫn Thừa thấp kém.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, biết rõ hoàn toàn các pháp Tỳ nại da khác nhau. Đó là Tỳ nại da, Tỳ nại da hạnh, Tỳ nại da sâu xa, Tỳ nại da vi tế, tịnh cùng bất tịnh, có lỗi không lỗi, giới bổn biệt giải thoát, Tỳ nại da Thanh văn, Tỳ nại da Bồ Tát. Các Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, đối với các pháp Tỳ nại da như thế đều thấy biết rõ.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, biết rõ tất cả oai nghi giới hạnh, **khéo học hỏi thọ trì giới hạnh** của Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát. Đã tu giới hạnh rồi, **nếu thấy oai nghi nào không đúng ý mọi người thì Bồ Tát từ bỏ ngay**. Sa môn nào có oai nghi giới hạnh đầy đủ thanh tịnh thì gần gũi họ. Nếu Bà la môn học các hạnh khác thì bảo họ xa lìa, khuyến khích họ tu Tỳ nại da. Tu tập giới hạnh thanh tịnh như vậy nên diệt sạch tâm xảo trá, tật đố. Tự hành hạnh bố thí cũng khuyên người làm theo. Tán thán hạnh bố thí làm cho người học theo, thấy người bố thí sanh tâm tùy hỷ, không có ý niệm nên bố thí cho ta đừng bố thí cho ai khác. Chỉ nên suy nghĩ: Đa số hữu tình đều bị nghèo thiếu, đói lạnh, khốn

khổ, nguyện cho họ đời này được an vui, vì nghe chánh pháp nên đời sau an vui. Đời này ta phải siêng năng tu tập. Ta nguyện cùng hữu tình đều được giải thoát. Đây là Bồ Tát không có tâm tật đố, tâm luôn bình đẳng đối với các hữu tình. Nên hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cho đến Nhất thiết tướng trí, đều khắp vì tất cả hữu tình không tu hai tâm. Vì sao? Vì pháp được tu là cảnh giới của cộng niệm chúng sinh, khiến mau giải thoát, tự mình thoát khỏi lửa sanh tử thì nguyện cho hữu tình cũng được ra khỏi.

Này Thiên vương! Ví như trưởng giả có sáu người con nhỏ dại ông đều yêu thương không có phân biệt. Trưởng giả ở ngoài thấy nhà bị cháy. Ý ngươi nghĩ sao? Có thấy trưởng giả suy nghĩ thế này không: "Đối với sáu đứa con kia, ta cứu đứa nào trước, đứa nào sau?"

- Bạch Thế Tôn! Không nên như vậy. Vì sao? Vì người cha luôn đem tâm bình đẳng đối với con cái.

- Thiên vương nên biết: Bồ Tát cũng vậy, vì những kẻ ngu si tham đắm trong sáu đường, đang ở trong nhà lửa sanh tử không biết đường ra, nên các Bồ Tát đem tâm bình đẳng dùng mọi phương tiện hướng dẫn họ thoát ra, để được an ổn trong cõi tịch tịnh.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, đối với các pháp cũng bình đẳng; vì hộ chánh pháp cúng dường Như Lai, dùng đầy đủ các thứ để cúng dường Như Lai, như thật tu hành để cúng dường Như Lai, làm lợi ích an lạc hữu tình để cúng dường Như Lai, giữ gìn thiện pháp của hữu tình để cúng dường Như Lai. Tùy thuận giáo hóa, hướng dẫn hữu tình, hành Bồ Tát đạo, việc làm đi đôi với lời nói, tâm mong cầu Vô thượng giác không hề mỏi mệt, làm như thế mới gọi là cúng dường chư Phật, chẳng phải đem của cải mới gọi là cúng dường. Vì sao? **Vì pháp là thân Phật. Nếu cúng dường pháp tức là cúng dường Phật.** Chư Phật Thế Tôn đều đến từ chỗ tu hành như thật, vì làm lợi ích an lạc cho hữu tình, vì hộ trì thiện pháp tùy thuận hữu tình. Nếu chẳng làm như vậy là trái với bổn nguyện, lười biếng giải đãi thì không thể thành tựu Bồ đề tâm. Vì sao? **Vì Vô Thượng Bồ đề của Bồ Tát là của chung chúng sanh. Nếu không có chúng sinh, Bồ Tát làm thế nào có thể đắc Bồ đề.**

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tu hành chánh pháp cúng dường Như Lai gọi là chơn cúng dường. Cúng dường như thế để **diệt tâm ngã mạn**, xa lìa thế tục, cạo bỏ râu tóc, không còn

liên hệ đến cha mẹ, anh em, bà con nội ngoại, giống như người đã chết. Tướng trạng và y phục đều khác người đời, dẹp tâm ngã mạn để ôm bình bát vào thành ấp, hoặc là bà con xóm làng, hoặc là đến những nhà nghèo cùng để xin ăn, nghĩ: Mạng sống của ta tùy thuộc vào người khác. Nhờ họ cho ăn, ta mới sống, do đó trừ được tâm ngã mạn. Lại nghĩ: Ta nên hoan hỷ với tư tưởng của thầy bạn, vì xưa chưa được nghe pháp mà nay được nghe. Nếu thấy người kia sân hận, tranh cãi, nên phải nhẫn nhục, khiêm nhường tránh đi. Bồ Tát như thế là trừ được tâm ngã mạn.

Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã thì sanh chánh tín bền chắc. Vì sao? Vì các công đức và năng lực thiện căn đời trước đã đầy đủ nhân lành, thành tựu chánh kiến, nội tâm thanh tịnh, không chạy theo cảnh bên ngoài, tâm hạnh kiên cố chánh trực, không theo ngoại đạo, không dối trá, các căn thông lợi, đầy đủ các Ba la mật, tâm được thanh tịnh, xa lìa triền cái, xa bạn ác, gần bạn lành, học hỏi lời hay, tâm không giải đãi, nghe lời thuyết pháp biết công đức Phật.

(Oai thần công đức của Như Lai)

Bấy giờ, Tối Thắng bạch Phật:

- Cúi xin Đấng đại từ thương xót nói cho chúng con nghe về tướng đại oai thần công đức của Như Lai.

Phật bảo Tối Thắng:

- Này Thiên vương! Ngươi hãy lắng nghe và suy nghĩ. Ta sẽ nói **một phần nhỏ về oai thần công đức của Phật**.

Tối Thắng bạch Phật:

- Xin Thế Tôn nói cho.

Phật dạy:

- Này Thiên vương! **Đức đại từ** của Như Lai vô biên, bao che hết hữu tình và cảnh giới hữu tình, cho đến 10 phương tận hư không giới đều được bảo hộ không thể so lường được. **Đức đại bi** của Như Lai hàng Thanh văn, Độc giác và các Bồ Tát đều không thể có được. Vì sao? Vì pháp bất cộng*(1)* cho nên không có một hữu tình nào ở 10 phương thế giới mà không được đức đại bi của Như Lai bao trùm. Pháp của Như Lai nói ra rốt ráo không cùng tận. Vì các loài hữu tình khắp 10 phương trải qua vô lượng kiếp, đức Như Lai đã dùng vô lượng nhân duyên nói các pháp yếu

cũng không cùng tận. Nếu hữu tình dùng ngôn từ cú nghĩa để hỏi, thì chỉ trong 1 khảy móng tay đức Như Lai vì tất cả hữu tình đều phân biệt rõ ràng mà không ai có thể bắt bẻ được. Vì đức Như Lai đã đắc vô ngại tịnh lự ở cảnh giới thậm thâm không thể đo lường. Giả sử hữu tình ở các thế giới đều trụ thập địa Bồ Tát đến trăm ngàn kiếp, nhập vào Đẳng trì thù thắng cũng không thể đo lường cảnh định của Như Lai. **Thân của Như Lai vô lượng**, **vô biên**. Vì sao? Vì tùy thuận tâm mong thấy của hữu tình nên chỉ trong 1 niệm đức Như Lai có thể hiện vô lượng thân khác nhau. **Thiên nhãn của Như Lai tối thắng thanh tịnh**, đức Như Lai đều thấy rõ các hữu tình ở tất cả thế giới với sắc tướng sai khác và các loại vật không đồng nhau như xem trái xoài trong lòng bàn tay; những ai có thiên nhãn cũng không thể sánh kịp. **Thiên nhĩ của Như Lai tối thắng thanh tịnh** nên đối với âm thanh khác nhau của tất cả hữu tình và tất cả âm thanh của các vật khác thì chỉ trong 1 niệm Như Lai đều nghe và hiểu rõ ý nghĩa của nó. **Tha tâm trí của Như Lai thanh tịnh** nên đối với mỗi suy nghĩ tạo nghiệp thọ quả khác nhau của hữu tình cũng chỉ 1 niệm, trong 4 oai nghi Phật đều biết rõ. Vì sao? Vì Phật thường ở trong định, không có tán loạn.

Thiên vương nên biết: **Phật không thất niệm*(2)*, tâm không tán loạn, không dùng căn duyên các cảnh**. Vì sao? Vì xa lìa tập quán phiền não nên thanh tịnh tối thượng, tịch tịnh vô cấu. **Người có phiền não, thất niệm, tán loạn, căn duyên các cảnh khác nhau**. Đức Như Lai đắc vô lậu loại trừ cấu bẩn, được tất cả pháp tự tại bình đẳng, thường ở trong Đẳng trì và Đẳng chí nên Như Lai chỉ trụ 1 oai nghi, an trú trong Đẳng trì cho đến nhập Niết bàn. Chư thiên v.v... còn chưa thể biết được huống chi Như Lai đã trải qua vô lượng kiếp, tu tập vô lượng, vô biên Đẳng trì mà trời, người nào có thể biết được? Vì sao? Vì công đức của Như Lai không thể đo lường, không thể nghĩ bàn, không thể quán sát.

Tối Thắng lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con nghe đức Như Lai trải qua ba vô số kiếp tu hành mới thành Phật. Vì sao nay nói tu vô lượng kiếp?

Phật dạy:

- Này Thiên vương! Nghĩa ấy không phải vậy. Vì sao? Vì Bồ Tát hướng đến quả vị Chánh đẳng Bồ đề phải tu vô lượng công đức mới được thành tựu, không phải trải qua chừng ấy kiếp số mà có thể chứng nhập pháp lý bình đẳng, phải tu rốt ráo mới thành Phật.

Tối Thắng bạch Phật:

- Lành thay! Lành thay! Đức Thế Tôn đã nói hoàn toàn pháp cốt yếu để khuyên tất cả hữu tình phát sanh các căn lành, xa lìa nghiệp chướng, muốn đạt quả Phật, tu Bồ Tát hạnh. Nếu hữu tình nào được nghe oai thần công đức của Như Lai mà **sanh tâm hoan hỷ**, khen ngợi, tin tưởng thì nên biết hữu tình ấy sẽ mau thành tựu oai thần công đức như Phật, huống nữa là thọ trì đọc tụng, biên chép, cúng dường, giảng giải cho người khác thì phước đức của người ấy không thể nghĩ bàn.

Phật bảo:

- Đúng như vậy! Đúng như vậy! Này Thiên vương! Hữu tình kia được Như Lai hộ trì vì trải qua nhiều số kiếp mà người đó đã gieo trồng căn lành, hoặc ở quá khứ đã cúng dường các đức Phật nên mới được nghe oai thần công đức của Phật.

Thiên vương nên biết: Thiện nam, thiện nữ nào tâm không nghi hoặc, trong bảy ngày tắm rửa sạch sẽ, mặc áo mới, cúng dường hương hoa, nhất tâm chánh niệm như trước đã nói về oai thần công đức của Phật, thì khi ấy Như Lai sẽ từ bi hộ niệm, hiện thân cho thấy, làm cho nguyện được đầy đủ. Nếu thiếu hương hoa v.v... cúng dường mà chỉ nhất tâm niệm công đức oai thần thì khi sắp qua đời sẽ được thấy Phật.

Bấy giờ, Tối Thắng lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có hữu tình nào nghe nói đại oai thần công đức của Như Lai như vậy mà không có lòng tin lại còn hủy báng nữa không?

Phật dạy:

- Cũng có, nghĩa là có hữu tình nghe nói pháp môn oai thần công đức của Như Lai như vậy sanh tâm sân hận, bất thiện rồi hủy báng, tưởng pháp sư là bạn ác. Người ấy sau khi qua đời sẽ đọa địa ngục chịu khổ nhiều kiếp. Nếu có hữu tình nghe nói đại oai thần và công đức của Như Lai như vậy mà vui mừng, tin thọ, tán thán, ghi nhớ, tưởng pháp sư là bạn lành thì sau khi qua đời được sanh lên cõi trời, dần dần tiến tu sẽ thành Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn hiện tướng lưỡi rộng dài bao phủ khuôn mặt, cho đến đỉnh đầu rồi lại bao trùm khắp thân, kế đến che tòa Sư tử, rồi che khắp đại chúng Bồ Tát, đại chúng Thanh văn, sau đó mới che Đế Thích, Phạm Thiên, Hộ Thế, nhơn phi nhơn v.v... Sau cùng Như Lai thu tướng lưỡi và bảo đại chúng:

- Đức Như Lai có tướng lưỡi này không thể nói lời dối trá. Trong đại chúng hôm nay, Ta đã nói ra điều gì các ngươi đều nên tín thọ thì luôn được an vui.

Khi Phật thuyết pháp như vậy, ở trong đại chúng có tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đắc Vô sanh pháp nhẫn, vô lượng hữu tình xa lìa trần cấu, sanh pháp nhãn thanh tịnh, vô số hữu tình đều phát tâm Vô Thượng Bồ đề.

Thích nghĩa:

(1). Bất cọng pháp: (不共法). *Chỉ pháp công đức riêng. Là đặc chất thù thắng duy Phật và Bồ tát mới có đầy đủ, chứ phàm phu và Thanh văn, Duyên giác không có. Trong các kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa, đối với bất cộng pháp này, nói rất khác nhau. Thông thường, 10 lực, 4 vô sở úy, 3 niệm trụ và đại bi của đức Phật được hợp lại, gọi là 18 pháp bất cộng. Từ điển Phật Quang.*

(2). Thất niệm (失念) *Phạm: Musita-smftità. Cũng gọi Vọng niệm. Đối lại: Niệm. Tên của tâm sở 1 trong 100 pháp.* ***Chỉ cho tác dụng tâm không có khả năng ghi nhớ rõ ràng cảnh sở duyên và các thiện pháp****.*

Sơ giải:

1. Bồ Tát trụ tâm như thế nào?

Bồ Tát tu hành Bát Nhã làm sao giữ tâm trong chánh niệm? Giữ tâm trong chánh niệm nên tức là an trụ tâm. Bồ Tát tu hành Bát Nhã thực hành bốn niệm trụ (thân, thọ, tâm, pháp) thì có thể an trụ tâm. Bốn niệm trụ đó còn gọi là ***Tứ Niệm Xứ****, gồm có: 1- Thân Niệm Xứ: Quán thân bất tịnh; 2- Thọ Niệm Xứ: Quán sự thọ thị khổ; 3- Tâm Niệm Xứ: Quán tâm vô thường; 4- Pháp Niệm Xứ: Quán hết thảy pháp là vô ngã.*

Nhờ quán pháp môn này mà Bồ Tát có thể cột tâm vào một điểm, đề phòng vọng tưởng tạp niệm để tâm đạt được an vui trong cảnh giới vắng lặng mà sanh tuệ. Đó cũng là phương tiện của thiền định.

Hơn nữa Bồ Tát thường ***tu hạnh A lan nhã****, nghĩa là thích ở nơi vắng vẻ, tu phạm hạnh. Đối với các căn không phát sanh tội lỗi, xa lìa ngã-ngã sở, không đắm trước thân, thường hành tịch tĩnh, thích hạnh Đầu đà. Chính luyện thân tâm như vậy, nên Bồ Tát mới có thể xa lìa phiền não*

sống an vui trong chánh định, đi đứng nằm ngồi, sáu thời lúc nào cũng sống trong rõ ràng thường biết!

Tâm Bồ Tát ít muốn, biết đủ nên chẳng cần tầm cầu cất giữ, vì không cất giữ nên không sợ mất, vì không sợ mất nên tránh được lo âu buồn phiền, vì không lo âu buồn phiền nên có thể xa lìa phiền não, vì lìa phiền não nên không đắm trước, vì không đắm trước thì các lậu diệt tận.

Thiên vương nên biết: "Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, chỉ vì hộ pháp chứ không vì lợi dưỡng, vì để cho hạt giống Tam bảo không đoạn tuyệt chứ không phải vì sự cung kính, cúng dường. Vì làm chỗ nương tựa cho người không có chỗ nương tựa, cứu giúp cho người không được cứu giúp, an lạc người không an lạc, làm cho người không có tuệ nhãn được tuệ nhãn v.v...

Vì thế, các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, sanh được chánh tín bền chắc".

2. Oai thần công đức của Như Lai không thể kể hết.

Đức <u>đại từ</u> *của Như Lai vô biên, bao trùm hết hữu tình và cảnh giới hữu tình, cho đến 10 phương tận hư không không thể so lường.* ***Đức <u>đại bi</u>*** *của Như Lai hàng Thanh văn, Độc giác và các Bồ Tát đều không thể bì kịp.* ***Thân của Như Lai vô lượng****, vô biên. Vì tùy thuận tâm mong cầu của hữu tình nên chỉ trong một niệm, đức Như Lai có thể hiện vô lượng thân khác nhau cho bất cứ chúng sanh nào mong ước muốn diện kiến.* ***Các thần thông của Như Lai*** *tối thắng tối thượng thanh tịnh, không thể tưởng tượng, không thể nghĩ lường.*

Rồi Phật bảo: "Thiên vương nên biết: Phật không thất niệm, tâm không tán loạn, căn không duyên các cảnh. Vì sao? Vì xa lìa tập quán phiền não nên thanh tịnh tối thượng, tịch tịnh vô cấu. Đức Như Lai đắc vô lậu loại trừ cấu bẩn, được tất cả pháp tự tại bình đẳng, thường ở trong Đẳng trì và Đẳng chí nên Như Lai chỉ trụ một oai nghi, an trú trong Đẳng trì cho đến nhập Niết bàn. Chư thiên v.v... còn chưa thể biết được huống chi Như Lai đã trải qua vô lượng kiếp, tu tập vô lượng, vô biên Đẳng trì mà trời, người nào có thể biết được? Vì sao? Vì công đức của Như Lai không thể đo lường, không thể nghĩ bàn, không thể quán sát".

Thế Tôn liền hiện tướng lưỡi dài rộng, trùm cả tam thiên đại thiên, rồi bảo đại chúng: "Đức Như Lai có tướng lưỡi này không thể nói lời dối

trá. Trong đại chúng hôm nay, Ta đã nói ra điều gì các ngươi đều nên tín thọ thì luôn được an vui".

Nhờ tu các pháp môn trên chư Phật có đạo hạnh công đức, các thần thông, các biện tài vô ngại vô bờ bến như thế. Bao nhiêu lời chân thật từ tốn của Thế Tôn, truyền lại cho Thắng Thiên Vương cũng là lời truyền dạy thiết tha của Thế Tôn dành cho những người con Phật hôm nay. Vậy, cố gắng theo bước chân của đức từ phụ tự tu tập đạo hạnh để giúp mình người được an vui giải thoát.

Rồi Thế Tôn khuyến dẫn:

"... Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã tu tập hạnh Không, diệt pháp hý luận, suy nghĩ: Cảnh giới sở quán đều Không, tâm năng quán cũng chẳng có, không có hai loại sai khác về năng quán, sở quán. Các pháp nhất tướng còn gọi vô tướng, suy nghĩ như thế thì không còn giữ tướng trong ngoài, không thấy thân, không thấy tâm cũng không thấy pháp, liên tiếp tu tập chỉ quán theo thứ lớp. Quán như vậy gọi là như thật thấy pháp. Chỉ nhất tâm bất loạn. Bồ Tát tu quán hạnh như thế rồi liền được tịnh giới. **Vì giới thanh tịnh nên hạnh cũng thanh tịnh.** Đây là quán hạnh thanh tịnh của Bồ Tát hành sâu Bát Nhã".

Phật bảo tiếp: "Trước hết là phải tu tập chỉ quán để được tịnh giới. Giới thanh tịnh thì hạnh cũng thanh tịnh". *Phẩm "Pháp Tánh" Q.569, Hội thứ VI, ĐBN, Phật cũng bảo:* "... Bồ Tát nào chỉ tu một hạnh là đầy đủ các pháp. Như vậy, một hạnh cũng sanh về cõi Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì trong mỗi một hạnh đầy đủ các hạnh".

Tu tịnh hạnh như vậy thì hạnh nguyện sớm vuông tròn tức có thể dọn mình để chứng Thánh. Vì vậy, học phẩm này nên nhớ câu: **"Người khéo chánh niệm thì xa lìa các phiền não"**. *Hết phiền não được Bồ đề tức chứng Thánh, chớ chẳng có chi khác./.*

---o0o---

06. PHẨM "PHÁP TÁNH"*(1)*.

Trọn quyển 569, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương phẩm 5: "Pháp Tánh", Kinh TTVBN)

Gợi ý:

Phẩm trên chúng ta vừa thảo luận về "Pháp Giới" (cuối Q.567 đến Q.568). Phẩm này lại nói về "Pháp Tánh". Các Hội trước đã nhiều lần thuyết về "thập nhị Chơn Như", nhưng không tách riêng chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, v.v... thành các phẩm riêng như Hội thứ VI này. Bởi vì trong thập nhị chơn như, tất cả đều như như, không hai không khác. Nhưng tại sao trong Hội thứ VI ***lại tách pháp giới và pháp tánh ra làm hai*** *và thuyết trong hai phẩm khác nhau? Kinh trả lời trong phần chánh văn như sau:*

Tóm lược:

Quyển 569

"Bấy giờ, Tối Thắng rời tòa đứng dậy, lệch áo*(2)* che vai trái, gối phải chấm đất, chắp tay cung kính bạch:

- Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Đức Thế Tôn đã khéo thuyết đại oai thần và công đức vi diệu của chư Phật. Chư Phật Như Lai nhờ đâu mà đắc đại oai thần công đức vi diệu này. Nguyện Thế Tôn phân biệt giải nói.

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết, hành động của Như Lai và kết quả đạt được thậm thâm vi diệu, không thể nghĩ bàn.

Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Phật hành pháp gì mà thậm thâm vi diệu, không thể nghĩ bàn?

Phật dạy:

- Nhân quả pháp tánh Như Lai thậm thâm vi diệu không thể nghĩ bàn, oai thần công đức và pháp đã nói ra làm lợi lạc cho người cũng như vậy.

Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao lại **gọi pháp tánh thậm thâm vi diệu không thể nghĩ bàn**?

Phật dạy:

- Này Thiên vương! Pháp tánh của Như Lai ở trong uẩn, xứ, giới của hữu tình từ vô thủy đến nay nối tiếp nhau chẳng nhiễm phiền não, bản tánh thanh tịnh. Tất cả tâm, ý, thức không thể do duyên khởi. Tất cả tìm cầu khác không thể phân biệt, tư duy về tà niệm không thể duyên với suy nghĩ, xa lìa tà niệm, vô minh không sanh. Vì thế, chẳng sinh từ mười hai Duyên, gọi là vô tướng tức pháp chẳng phải tạo tác, không sanh, không diệt, vô tận, vô biên, tự tại thường trụ.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, biết được <u>pháp tánh thanh tịnh như vậy nên không nhiễm trước</u>, không dính mắc, xa lìa cấu uế, từ các phiền não vượt lên giải thoát. Tánh này là pháp căn bản của chư Phật, nhân đây mà sanh phước đức, trí tuệ, bản tánh minh tịnh không thể nghĩ bàn.

Này Thiên vương! Ta sẽ nói thí dụ, ngươi nên lắng nghe, và suy nghĩ ghi nhớ.

Thiên Vương bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Cúi xin Ngài nói cho.

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Ví như **bảo châu như ý** vô giá, là vật trang sức sáng rỡ, trong sạch, khả ái, rất tròn và trong suốt không có vẩn đục, dù có chôn vùi trong đất bùn qua thời gian dài, ai nhặt được đều vui mừng giữ cất cẩn thận không cho rơi mất. Cũng vậy, **pháp tánh tuy ở trong phiền não nhưng không bị nhiễm**, sau lại hiển hiện.

Này Thiên vương! **Chư Phật đều biết <u>tự tánh hữu tình rất thanh tịnh</u>, nhưng bị khách trần phiền não che lấp nên chẳng thể vào được tự tánh**. Do đó, Bồ Tát hành sâu Bát Nhã nên suy nghĩ thế này: "Ta phải tinh siêng vì các hữu tình nói Bát Nhã, trừ phiền não cho họ khiến được ngộ vào. Vì **tất cả hữu tình bản tánh đều thanh tịnh**, phải khởi tôn trọng chẳng nên khinh bỏ, nên xem như Đại sư mà cúng dường". Các Bồ Tát này do khởi nghĩ này bèn năng sanh khởi **Bát Nhã Đại bi.**

Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như vậy liền chứng nhập địa vị Bất thối chuyển. Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã nghĩ như thế này: Các phiền não đây không lực không năng, tự thể hư dối, trái với pháp

thanh tịnh. Vì sao? Vì nghịch Nhất thiết trí, thuận đường sanh tử. Pháp tánh thanh tịnh là gốc các pháp, tự tánh vốn không hư dối, phiền não đều từ tà niệm điên đảo mà sanh.

Thiên vương nên biết! Ví như bốn đại nương vào hư không để kiến lập, mà hư không không có chỗ nương nên phiền não cũng vậy. Bốn đại nương vào pháp tánh, pháp tánh không có chỗ nương. Các Bồ Tát thực hành Bát Nhã quán biết rõ như thật, nên chẳng khởi trái nghịch, vì tùy thuận nên phiền não không sanh*(3)*.

Các Bồ Tát này quán sát phiền não, chẳng sanh nhiễm trước là khởi nghĩ này: Nếu tự nhiễm trước, làm sao nói pháp khiến người ra khỏi. Vậy nên Bồ Tát đoạn diệt tâm nhiễm trước, như thật thuyết giáo tháo gỡ trói buộc cho hữu tình.

Các Bồ Tát suy nghĩ: Nếu trong sanh tử có một phiền não vì lợi ích chúng sinh ta liền thọ nhận.

Các Bồ Tát lại nghĩ: Xưa kia, chư Phật hành sâu Bát Nhã diệt các phiền não, ngày nay ta cũng như vậy. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai xưa ở nhân địa(4) cũng học như thế thành Bồ đề vậy.

Các Bồ Tát đây do các duyên này phương tiện khéo léo quán biết pháp tánh. Pháp tánh như thế vô lượng vô biên bị các phiền não che lấp, trôi theo sinh tử, chìm nổi sáu đường, suốt dòng sinh tử luân chuyển theo chúng sinh, nên gọi là tính chúng sinh.

(Phật chỉ rõ pháp tánh ở đây, nhưng khó nhập khó vào. Phật tánh, chúng sanh tánh cùng nằm trong pháp tánh. Phật tánh luôn luôn thanh tịnh bất nhiễm, ai cũng có. Nhưng chúng sanh vì bị khách trần phiền não nên trôi lăn trong ba cõi sáu đường suốt dòng sinh tử luân chuyển theo chúng sinh, nên gọi là chúng sanh tánh. Tu là để thấy tánh (Phật tánh). Thấy tánh là trở trề quê cũ để an thân lập mệnh).

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã khởi tâm nhàm chán, trừ năm cảnh dục, diệt các sự phân biệt để tu đạo Vô thượng. Lúc đó tánh này được gọi là xuất ly, vì vượt tất cả khổ nên gọi là vắng lặng, là pháp cứu cánh mà tất cả thế gian mong cầu. Nhất thiết chủng trí thường trụ nhiệm mầu, nương pháp tánh này mà được tự tại, thọ ngôi Pháp vương.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, quán sát giai vị trước, giữa và sau pháp tánh đều bình đẳng, xưa nay vắng lặng, không bị các pháp làm chướng ngại, giống như hư không không bị sắc ngại. Các Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, quán sát biết rõ đúng lời chư Phật dạy, nói ra tất cả diệu hạnh như pháp tu hành. **Công đức pháp tánh không thể nói hết, không có 2 tướng, vượt cảnh nhất dị, bình đẳng nhất tướng. Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như thế có khả năng trừ được 2 tướng: Nhân tướng và pháp tướng. Tất cả phàm phu do chấp trước trói buộc nên không hiểu, không thấy, không rõ pháp tánh. Các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã thì hay thông đạt pháp tánh như thế. Nếu ở chúng sanh cũng không hai, không khác. <u>Vì trong tướng như không có sai khác.</u>**

(Trong phẩm "Pháp Giới" nói pháp giới chẳng khác chơn như, trong phẩm "Pháp Tánh" này cũng nói pháp tánh chẳng khác chơn như. Tại sao? Vì pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, chơn như... là một như, không hai không khác, đều nằm trong thập nhị chơn như hay nói khác tất cả đều là chơn như thật tướng Tánh không vậy).

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, nương vào pháp tánh này để tu tập căn lành, ra vào ba cõi, làm lợi ích cho hữu tình, tuy hiện vô thường mà chẳng chơn thật. Vì sao? Vì các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như thật **quán biết chơn pháp tánh**. Nên đầy đủ phương tiện đại bi, nguyện lực không bỏ hữu tình. Nhị thừa phàm phu vì không có đại bi nguyện lực như vậy, nên không thấy pháp tánh viên mãn thanh tịnh, không thể như thật lợi ích chúng sanh.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã có thể **quán sát <u>pháp tánh chơn tịnh</u> như thế, tất cả Thánh giả như thật ngộ nhập. Không có người tu và pháp để tu, không có người thực hành và pháp để hành, không tâm, không có pháp thuộc tâm, không nghiệp, không quả báo, không khổ, không vui. Quán sát như thế gọi là bình đẳng, không phân chia, xa lìa tùy thuận quảng đại, không ngã, ngã sở, không cao, không thấp, chơn thật vô tận, thường trụ trong sáng**. Vì sao? Vì tất cả Thánh pháp do đây mà thành thục, nhờ tánh này nên các bậc Thánh hiền hiện vô biên công đức và pháp bất cộng của chư Phật Như Lai đều từ tánh này xuất sanh. Giới, định, tuệ của tất cả Thánh giả đều từ tánh

này sanh ra. Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát, Phật đều từ tánh này sanh ra. Tánh này vắng lặng vượt các danh tướng. Tánh này chơn thật, xa lìa điên đảo. **Tánh này chẳng biến đổi nên gọi là như Thánh trí, gọi là Đệ nhất nghĩa; chẳng có, chẳng không, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng phải sanh tử, chẳng phải Niết bàn, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, lìa nhất dị, không danh, không tướng.**

Thiên vương nên biết! Các Bồ Tát này lại khởi nghĩ: **Pháp tánh lìa tướng. Các pháp lìa tướng không hai không khác. Vì sao? <u>Vì các pháp lìa tướng tức pháp tánh lìa tướng. Pháp tánh lìa tướng tức hữu tình lìa tướng. Hữu tình lìa tướng tức pháp giới lìa tướng</u>. Pháp giới lìa tướng tức các pháp lìa tướng. Lìa tướng như thế cầu chẳng thể được.**

(Nói pháp tánh mà cũng đề cập đến chơn như)

Pháp tánh như, hữu tình như không hai, không khác. Hữu tình như, pháp tánh như không hai, không khác. Pháp tánh như, các pháp như không hai, không khác. Các pháp như, chư Phật như không hai, không khác. Pháp tánh như, như đó ba đời không trái nghịch nhau. Quá khứ như, vị lai như không trái nghịch nhau. Vị lai như, hiện tại như không trái nghịch nhau. Hiện tại như, quá khứ như không trái nghịch nhau. Uẩn, xứ, giới ba đời như. Uẩn, xứ, giới như tức nhiễm tịnh như. Nhiễm tịnh như tức sanh tử Niết bàn như. Sanh tử Niết bàn như tức các pháp như.

Thiên vương nên biết! **Nói Như như chính là Bất dị; không đổi, không sinh, không tranh, chân thực. Vì không tranh nên gọi là Như, thấy biết như thực các pháp không sinh. Các pháp tuy sinh, nhưng Như Như bất động. Như như tuy sanh các pháp mà như đó chẳng sanh. Đó gọi là Pháp thân thanh tịnh, bất biến như hư không, vô đẳng đẳng, không có một pháp nào trong tam giới có thể sánh bằng. Khắp thân chúng sinh, không có cái tương tợ; thanh tịnh lìa cấu, xưa nay không nhiễm; tự tính trong sáng, thanh tịnh; tự tính không sinh; tự tính không khởi. Ở tâm, ý, thức mà không phải tánh của tâm, ý, thức; tức là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Khắp cõi hư không, khắp chúng hữu tình đều bình đẳng, vô lượng, vô biên, không có sai biệt. Không phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức.**

Không phải địa, thủy, hỏa, phong; không lìa địa, thủy, hỏa, phong. Không phải sanh, không lìa sanh. Tuy nghịch sanh tử nhưng chẳng thuận Niết bàn. Mắt không thể thấy, tai không thể nghe, mũi không thể ngửi, lưỡi không thể nếm, thân không thể xúc chạm, ý không thể biết. Không ở tâm, ý, thức, không lìa tâm, ý, thức.

Thiên vương nên biết! Đấy là pháp tánh. Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, vì thông suốt pháp tánh này nên tu hành thanh tịnh, thì Tam thiên đại thiên thế giới, như xóm làng, thành ấp ở châu Thiệm bộ, Bồ Tát đều có thể thị hiện sắc thân. Các thân hiện ra chẳng phải sắc, chẳng phải tướng mà hiện sắc tướng. Tuy chẳng phải cảnh giới hoạt động của sáu căn mà giáo hóa hữu tình không dừng nghỉ, để nói rằng thân này vô thường, vô ngã, là khổ, bất tịnh. Biết các hữu tình có tánh vắng lặng, nên thị hiện vô lượng thân hình, dùng phương tiện thiện xảo làm cho họ nhận lãnh sự giáo hóa. Vì biết tất cả thân đều không tác giả, không thọ giả, như gỗ đá v.v... nên nói hạnh thanh tịnh cho các hữu tình.

(Trên thì nói "pháp như" (chơn như thật tướng của tất cả pháp), dưới kết luận đấy là "pháp tánh". Vì vậy, Kinh thường hay diễn nói "như" như pháp giới, như pháp tánh, như thật tế (tức thập nhị chơn như), tất cả đều bình đẳng, như như không hai không khác, vô tận vậy).

Các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã thông suốt pháp tánh như thế, nên được tự tại, không có di động mà khởi trí tuệ, tự tại trong thần thông, thị hiện các loại, an trụ tự tại mà có thể thị hiện các oai nghi, tự tại hướng đến Nhất thiết tướng trí, tất cả các pháp, thảy đều thông đạt.

Thiên vương nên biết! Hành sâu Bát Nhã được tự tại như thế là tướng vô tận. Ở khắp các chỗ, không sắc hiện sắc. Tự tại quán sát khắp tâm hữu tình thấy tâm tánh như thật. Tự tại nhớ nghĩ vô biên, vô số kiếp nối nhau chẳng dứt. Biến hóa tự tại, trụ tướng giải thoát; tự tại lậu tận, nhưng vì chúng sinh, không chứng Lậu tận tự tại xuất thế. Cảnh Thánh trí này, tự tại sâu xa, Thanh Văn, Duyên Giác không thể đo lường; tự tại vững chắc, Ma không thể phá; có thể đến được đạo tràng, thành tựu Phật pháp tối thắng đệ nhất; tự tại tùy thuận chuyển Đại pháp luân; tự tại điều phục, giáo hóa tất cả chúng sinh, nhận lãnh ngôi vị đắc pháp tự tại.

(Nói pháp tánh nhưng cũng đề cập tới <u>bình đẳng</u>)

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, như thật thông suốt pháp tánh sâu xa nên được tự tại như thế, tu tự tại như thế nên được tất cả tịnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí, không còn lệ thuộc vào ba cõi. Vì sao? Vì xa lìa tất cả phân biệt hư vọng, phiền não ràng buộc chấp tướng điên đảo. Nếu muốn thọ sanh thì không còn ràng buộc, thọ sanh tự tại. Nếu muốn thị hiện diệt độ thì tùy theo sanh xứ của mình để thị hiện diệt độ, giữ gìn Đại thừa và thành tựu Phật pháp. Ở trong 10 phương tìm cầu Phật pháp chắc chắn không thể được. **Biết rõ tất cả pháp đều là Phật pháp**, không thường, không đoạn. Vì sao? Vì tìm cầu pháp này không thể được. Dùng lý như thật tìm cầu không thể được. **Pháp này không thể nói có, nói không, cũng không có danh tướng, vượt cảnh giới này. <u>Nếu lìa danh tướng tức là bình đẳng</u>. Nếu pháp bình đẳng thì không chấp trước. Vì không chấp trước nên là pháp chơn thật. Nếu chấp chơn thật tức là hư vọng. Vì chẳng chấp trước nên chẳng hư vọng. Vì tâm không bị chấp trước nên vô ngại. Vô ngại tức vô chướng. Vô chướng tức không tranh. Nếu không tranh tức đồng với hư không, chẳng lệ thuộc vào 3 cõi. Nếu tất cả xứ không còn bị lệ thuộc thì pháp này vô sắc, vô tướng, vô hình. Nếu pháp vô sắc, vô tướng, vô hình, nên biết pháp ấy tùy theo cảnh giới kia nhưng lìa sự biết và đối tượng để biết. Vì sao? Vì trong ấy không có 1 chút pháp nào để giác ngộ, có thể giác ngộ. Đó là Bồ Tát hành sâu Bát Nhã thông suốt bình đẳng.**

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã quan sát pháp sanh đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả hoàn toàn không thấy ngã, không thấy hữu tình cho đến không thấy người biết và người thấy. Tuy hành bố thí nhưng không thấy có sự xả bỏ; tuy trì tịnh giới nhưng lìa giới tướng; tuy tu tập an nhẫn nhưng tâm vô tận; tuy tu tập tinh tấn nhưng lìa tướng ấy; tuy tu tập tịnh lự nhưng không có sự vắng lặng; tuy tu tập Bát Nhã nhưng không có đối tượng; tuy tu tập niệm trụ nhưng không chấp chặt; tuy tu tập chánh đoạn nhưng tâm bình đẳng; tuy tu tập thần túc nhưng lìa hý luận, tuy tu tập căn lực nhưng không phân biệt các căn của hữu tình và xa lìa lầm lỗi; tuy tu tập giác chi nhưng không phân biệt; tuy tu tập chi Thánh đạo nhưng tâm vô công dụng; tuy tu tập tịnh tín nhưng không chấp trước. Trí tuệ tự nhiên nhớ nghĩ các pháp với tâm trí bình đẳng, tu tập các diệu

định mà tâm không phân biệt, quan sát diệu tuệ mà tâm không ngừng nghỉ. Tu tập quán chỉ tâm không có sự thấy, tu tập pháp quán tâm không có chỗ niệm. Tu tùy niệm Phật tâm thông suốt pháp giới bình đẳng, tu tùy niệm Pháp tâm không có chỗ trụ, tu tùy niệm Tăng nên thanh tịnh bản tâm. Giáo hóa hữu tình không có tâm phân biệt. Tâm pháp giới bao trùm tất cả pháp. Tâm như hư không, trang nghiêm cõi Phật. Tâm không có chỗ chứng đắc đạt Vô sanh nhẫn. Tâm không tiến lùi đạt Bất thối chuyển, xa lìa tâm tướng, không thấy có tướng. Ở trong tam giới dùng tâm bình đẳng, trang nghiêm tòa Bồ đề. Tâm không có chỗ giác ngộ biết rõ tất cả pháp. Tuy chuyển pháp luân nhưng không thấy người nghe, người nói. Tuy hiện Niết bàn nhưng biết bản tánh sanh tử bình đẳng.

(Từ bình đẳng mà có thanh tịnh)

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, quán sát các pháp như vậy nhưng không thấy sự quán, không thấy có pháp để quán nên được thần thông tự tại. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh nên thấy tất cả hữu tình thanh tịnh.

Thiên vương nên biết! Ví như hư không biến khắp tất cả, các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã cũng như vậy.

Khi thuyết pháp này ở trong chúng hội có tám vạn bốn ngàn trời, người đều phát tâm quả vị Vô Thượng Bồ đề, ba vạn hai ngàn Bồ Tát được Vô sanh pháp nhẫn, tám vạn bốn ngàn hữu tình xa lìa trần cấu, sanh pháp nhãn thanh tịnh, một vạn hai ngàn Bí sô diệt sạch các lậu tận.

Khi ấy, Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! **Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã tâm được thanh tịnh, thâm sâu như biển cả, phước đức trí tuệ không thể đo lường được** *(Từ bình đẳng này mà sanh thanh tịnh. Nên biết bình đẳng đó chính là thanh tịnh)*. Bồ Tát có thể thị hiện xuất thế, các châu báu công đức chúng sinh lấy dùng, cho đến Bồ đề, không có cạn kiệt. Phước đức Bồ Tát cũng không giảm bớt, giống như biển cả sanh nhiều châu báu. Trí tuệ Bồ Tát sâu xa khó vào được, Thanh văn, Độc giác không thể vượt qua. Thí như biển lớn thú nhỏ chẳng vào được.

Trí tuệ của Bồ Tát rộng lớn vô biên. Vì sao? Vì không chấp trước, không trụ, không sắc, không tướng. Trí tuệ của Bồ Tát từ trước về sau

càng thêm sâu rộng, trước là Bồ đề tâm, về sau là Nhất thiết trí. Pháp của Bồ Tát là vậy, không cùng ở chung với phiền não và bạn ác. **Trí tuệ thế gian nếu vào trong biển trí tuệ của Phật thì chỉ là một tướng, một vị, đó là vô tướng; đạt đến Nhất thiết trí là vị không phân biệt.**

Trí tuệ Bồ Tát quán sát tất cả pháp không thấy thêm bớt. Vì sao? Vì đã thông suốt pháp tánh bình đẳng sâu xa. Năng lực đại từ bi của Bồ Tát chẳng trái với bản nguyện, là chỗ các bậc Thánh nương tựa để vì hữu tình thuyết pháp trong vô số kiếp không cùng tận.

Này Thiên vương! Bồ Tát hành sâu Bát nhã đạt được pháp tánh sâu xa như vậy.

Này Thiên vương! Bồ Tát thông suốt hoàn toàn pháp thế tục. Tuy nói các sắc nhưng không thật có, tìm cầu sắc ấy chắc chắn không nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tuy nói địa giới nhưng không thật có, tìm cầu địa giới không nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng như vậy. Tuy nói nhãn xứ nhưng không thật có, tìm cầu nhãn xứ không nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng như vậy. Tuy nói sắc xứ nhưng không thật có, tìm cầu sắc xứ không nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng như vậy.

Tuy nói ngã nhưng không thật có, tìm cầu ngã này không nắm bắt được; đối với hữu tình cho đến người biết, người thấy cũng như vậy. Tuy nói thế gian nhưng không thật có, tìm cầu thế gian không nắm bắt được. Tuy nói pháp thế gian nhưng không thật có, tìm cầu pháp thế gian không nắm bắt được. Tuy nói Phật pháp nhưng không thật có, tìm cầu Phật pháp không nắm bắt được. Tuy nói Bồ đề nhưng không thật có, tìm cầu Bồ đề không nắm bắt được.

(Tất cả uẩn xứ giới cùng ***tất cả pháp kể cả pháp Phật rốt ráo đều không, không thật có đều giả thi thiết*** *thì làm sao nắm bắt cho được. Đó là tư tưởng ghê gớm, đáng sợ nhất. Phật chỉ bày tất cả pháp cho chúng sanh tu hành, rồi chính Phật bảo tất cả pháp đó đều không thật có, không thể nắm bắt được:* **"Tuy nói Phật pháp nhưng không thật có, tìm cầu Phật pháp không nắm bắt được. Tuy nói Bồ đề nhưng không thật có, tìm cầu Bồ đề không nắm bắt được".** *Chúng ta đọc tư tưởng này nhiều lần, nhưng tự dối mình tránh né, rồi tìm cách giải thích cách này hay cách khác. Học Bát Nhã Tánh không đến đây, hãy xem đó là trí tuệ, là thật ngữ*

phát xuất từ kim khẩu của Phật mới có thể hiểu thật tướng các pháp, hiểu lời Phật nói. Biết như vậy, nhưng không tu không học thì không thành đạo tướng trí. Toàn thể Đại Bát Nhã gói trọn trong tư tưởng này. Chỉ khi nào ngộ nhập được thật tướng của tất cả pháp tức ngộ nhập được chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế... hay nói khác là nhập được pháp giới mới có thể hiểu lời nói này của Phật).

Thiên vương nên biết! **Phàm có ngôn thuyết, gọi là Thế đế, chẳng phải chân thực**. Nếu không có Thế đế thì không thể thuyết Đệ nhất nghĩa đế. Bồ Tát thông suốt thì tục đế chẳng trái với Đệ nhất nghĩa đế. Do thông suốt nên biết các pháp không sanh, không diệt, không thành, không hoại, không đây, không kia, xa lìa ngữ ngôn văn tự, bặt hý luận.

Thiên vương nên biết! Đệ nhất nghĩa thì vắng lặng, lìa ngôn ngữ, là cảnh giới của Thánh trí, là Pháp không biến hoại. Phật xuất thế hay không xuất thế tánh, tướng vẫn thường trụ. Đây gọi là Bồ Tát thông suốt Đệ nhất nghĩa đế.

(Tất cả pháp không sanh không diệt)

Khi ấy, Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không sanh, không diệt, tự tánh trống không, xa lìa **thì** vì sao có Phật xuất thế và chuyển Pháp luân? Vì sao Bồ Tát đối với pháp Vô sinh lại thấy có sinh?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Vì các pháp không diệt nên không sanh. Vì sao? Vì tánh không biến đổi, chỉ do người thế tục thấy có sanh, có diệt, đó là sự thấy biết hư vọng, không chơn thật. Những Bồ Tát nào bằng phương tiện thiện xảo hành sâu Bát Nhã, **thì thấy pháp nhân duyên**, biết rõ tục đế là Không, vô sở hữu, không bền chắc, không có mà tợ như có, như huyễn hóa, như ảo mộng, như âm vang, như bóng sáng, như ảo ảnh, như quáng nắng, như việc biến hóa, như thành Tầm hương, lay động chẳng yên, đều do nhân duyên sanh khởi.

Các Bồ Tát này dùng Bát Nhã vi diệu quán sát các pháp Không, nói rộng cho đến từ nhân duyên sanh khởi. Các Bồ Tát này tư duy: Các pháp này thấy có sanh, có trụ, có diệt. Do nhân duyên nào mà sanh? Do nhân

duyên nào mà diệt? Tư duy như vậy rồi biết rõ như thật, **do vô minh sanh các hành, do hành sanh thức, nói rộng cho đến do hữu nên có sanh, do sanh nên có lão, do lão nên có tử và ưu, sầu, khổ, não.** Cho nên cần phải tu hành để diệt vô minh. Nếu diệt vô minh thì mười một chi còn lại lần lượt diệt theo, như thân đã diệt thì mạng sống đều diệt theo.

Thiên vương nên biết! Tà kiến ngoại đạo mong cầu giải thoát, **chỉ muốn đoạn tử chẳng biết đoạn sanh. Nếu pháp không sanh thì không có diệt**. Ví như có người ném hòn đất vào sư tử, sư tử đuổi người, tức việc ném đá tự dừng. Bồ Tát cũng vậy **chỉ đoạn sự sanh thì tử tự diệt**. Ví như con chó chỉ đuổi theo đá mà chẳng biết đuổi người, nên việc ném đá mãi mãi không dừng. Ngoại đạo cũng thế, chẳng biết đoạn sanh thì không thể lìa tử. Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như thế thì biết rõ nhân duyên sanh diệt của các pháp.

(Tu tịnh hạnh)

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, biết pháp nhân duyên Không, không thực có, không khởi ngã mạn. Nếu sinh vào nhà Bà la môn, Sát đế lợi, cư sĩ, trưởng giả, thì không khởi hai mạn tôn quý, hào phú. **Nếu sinh vào nơi bần tiện thì tự biết nghiệp đời trước không được thanh tịnh nên có quả báo thấp kém**; khởi tâm ghét bỏ, tức cầu xuất gia; suy nghĩ thế này: Như thân ta đây, do nghiệp tạp loạn mà có; liền tu tịnh nghiệp, khiến tự thanh tịnh, khiến người khác cũng được như vậy. Tự mình cầu độ, cũng lại độ người; tự cầu thoát ly, cũng lại cởi trói cho người. Vì nhân duyên này tức sinh tinh tấn, không bị biếng nhác. Pháp ác chướng đạo đều được đoạn trừ, pháp lành trợ đạo đều nên tăng trưởng, siêng tu, tinh tấn, suy nghĩ thế này: Ta mang gánh nặng, nên tự mình diệt tất cả phiền não, độ thoát chúng sinh, không được biếng nhác.

Đối với Sư trưởng thân cận dù cho họ hiểu nhiều hay ít, có trí hay không, trì giới hay phá giới thì Bồ Tát đều tưởng như Phật, cung kính đồng học. Tư duy ta đang nương Thầy học tập, tu pháp lành chưa hoàn toàn, cần phải tu cho viên mãn, phiền não chưa diệt cần phải đoạn diệt, giữ gìn pháp lành, xa lìa pháp ác để thành Nhất thiết trí, làm ruộng phước đại bi, thương xót tất cả thế gian. Bậc Thiên nhơn sư là thầy của ta được lợi lành. Tất cả trời, người đều thờ Pháp vương làm Đại sư.

Các Bồ Tát này khởi suy gẫm: “Phật nói tịnh giới, giả sử vì thân mạng cũng chẳng hủy phạm. Như Thế Tôn nói: “Thuận theo lời Phật dạy tức cúng dường Phật”. Bà la môn, Sát đế lợi, trưởng giả v.v… vì tín tâm thí cho các thứ ăn uống, thì ta như pháp thọ dụng, để người thí được hưởng phước báo. Như vậy, cả hai đều được lợi ích. Bà la môn, Sát đế lợi, trưởng giả v.v... lấy danh tự Sa môn mà kêu gọi Bồ Tát nghĩ đến việc tạo ruộng phước. Bồ Tát phải đúng như lý, như lượng, tu hành chánh pháp thì hiển hiện công đức Sa môn, công đức phước điền. Bồ Tát như vậy là tự tu hành và giáo hóa người không dừng nghỉ.

Các Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã như thế thì thường tùy thuận thế gian, thấy kẻ giận dữ thì sanh nhường nhịn, thấy kẻ kiêu mạn thì khởi tưởng vô ngã, thấy kẻ tà vạy thì khởi tưởng chánh trực. Thấy người vọng ngữ thì nói lời chân thật. Thấy kẻ nói ác thì dùng ái ngữ. Thấy kẻ cứng cỏi thì thị hiện nhu hòa. Thấy kẻ nóng giận thì sanh từ nhẫn. Thấy kẻ theo pháp tà thì sanh đại từ. Thấy kẻ khổ não thì sanh lòng đại bi. Thấy kẻ xan tham, tật đố thì hành bố thí.

Các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như thế, tùy thuận trí thế gian nên được sanh cõi Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì trì giới không khiếm khuyết, xa lìa tạp uế, tu tâm bình đẳng. Ở chỗ hữu tình đầy đủ các căn lành lớn, không đắm trước danh lợi. Có đức tin thanh tịnh, không có hư vọng mong cầu, cần hành tinh tấn, tu tập không biếng nhác. Tu tập các tịnh lự để xa lìa tán loạn. Dùng tuệ vi diệu để học tập đa văn. Các căn đầy đủ, trí tuệ thông minh, tu đại từ để xa lìa giận dữ não hại. Nhờ nhân duyên này được sanh về cõi Phật thanh tịnh.

Bấy giờ, Tối Thắng bạch Phật:

- Như lời Phật dạy người tu tập về các pháp trì giới v.v… và các pháp thì được sanh cõi Phật thanh tịnh. Như vậy, cần tu đầy đủ các pháp hay chỉ tu một pháp là được sanh ở cõi Phật thanh tịnh?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Đối với các pháp ta đã nói ở trước**, Bồ Tát nào chỉ tu một hạnh là đầy đủ các pháp. Như vậy, một hạnh cũng sanh về cõi Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì trong mỗi một hạnh đầy đủ các hạnh”.** *(Q.569, Hội thứ VI, ĐBN)*

(Tu một pháp biết tất cả pháp như tu Bát nhã Ba la mật. Tu một hạnh như tu bố thí, hay tu tịnh giới, an nhẫn… chỉ cần tu một hạnh thì biết được tất cả pháp, cũng có thể sanh về cõi Phật thanh tịnh. Đó là cái diệu dụng của tu tịnh hạnh).

Các Bồ Tát này sanh ở cõi Phật thanh tịnh không bị bào thai làm ô uế. Vì sao? Vì Bồ Tát đã tạo dựng tượng Phật, tu sửa vườn Tăng, ở trước bảo tháp Phật, thoa đất thơm và đốt hương cúng dường, rải hoa đẹp cúng dường hoặc dùng nước thơm tắm rửa tượng Phật. Ở trong vườn Tăng, rưới nước quét dọn và láng nền. Từ tâm cung phụng Cha mẹ, Sư trưởng, thiện hữu đồng học và các Sa môn, dùng tâm bình đẳng cung kính cúng dường. Đem căn lành này ban cho hữu tình cùng nhau hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm cho hữu tình đều được thanh tịnh. Bồ Tát như thế là được ly dục. Vì sao? Vì tâm không chấp trước, chẳng đắm nhiễm theo bè đảng, quay lưng với trần cảnh, xa lìa các ái duyên. Ở trong cảnh dục tâm chẳng ái nhiễm, tu hành như thật giới Phật đã thuyết. Đối với bốn việc cúng dường ít muốn vui đủ, chỉ đủ nuôi thân, thường hành tịch tĩnh, xa lìa các pháp. Bồ Tát như thế chẳng đắm trước việc thế tục, liền được mạng sống thanh tịnh. Không tà vạy, oai nghi không dối trá, lời nói không lừa gạt. Nghĩa là trước mặt thí chủ lừa dối bằng cách thể hiện bước đi ung dung, nhìn thẳng phía, không nhìn ngó hai bên, đó là uy nghi tà mạng. Lúc không có thí chủ thì phóng túng buông lung.

Vì cầu lợi dưỡng nên có thí chủ thì ăn nói ngọt ngào, nhỏ nhẹ, tùy thuận theo ý họ, lúc không có thí chủ thì nói lời thô bỉ. Thấy người hành bố thí trong tâm thật có tham muốn nhưng nói rằng không cần. Khi không được của thì sanh phiền não. Lời nói biểu hiện ít muốn mà tâm tham cầu lợi dưỡng thật nhiều.

Các Bồ Tát này không có tướng cầu lợi dưỡng như thế. Nếu thấy thí chủ cũng không than ba y hư rách, đồ dùng thiếu thốn, hoặc nói cần thuốc men. Lại tuyệt đối không được nói với thí chủ: “Này thí chủ! Cho tôi vật này”, hoặc “Người kia nói tôi trì giới học rộng, đại bi, tinh tấn. Dù khen như thế mà tôi không có đức này, tôi chỉ siêng tu thiện để đền ơn thí chủ”.

Các Bồ Tát này không nói với người đời những lời tự khen mình chê người để cầu danh lợi như thế. Nếu thấy thí chủ cúng thí cho người khác không sanh tâm sân hận, phiền não, không dua nịnh quanh co để cầu

nhận vật đó, không dối trá bằng cách thân thiện để hại người lấy của, chẳng mong hạ nhục người bằng cách giỡn cợt để lấy của. Thí chủ định cúng thí cho người được khen, hoặc người thuyết pháp, hoặc đại chúng, hoặc chưa dự định phần chia, hoặc đã bố thí nhưng chưa cho hẳn thì Bồ Tát không bao giờ chen vào trong ấy để nhận phần. Nếu khi nhận tài vật thì không tham đắm, cho đây là vật của ta, đây là sở hữu của ta, phải đem của vật cho các Sa môn khác, hoặc Bà la môn, Sư Tăng, cha mẹ và các người nghèo cùng thiếu thốn, đều được bình đẳng sử dụng. Nếu tài vật hết không lo lắng, vài ngày không được thì tâm không khổ não.

Các Bồ Tát này thọ nhận vật của người khác cúng dường, hoặc bố thí cho người, cả hai đều được thanh tịnh. **Vì hạnh thanh tịnh nên tâm chẳng mệt mỏi**. Vì sao? Vì lợi ích cho hữu tình đang bị đắm chìm trong biển luân hồi sanh tử, nên các Bồ Tát này không nhàm chán. Nếu có việc ma, các khổ bức bách, tâm không bị thối lui. Nếu người muốn hành Nhị thừa thì vì họ để thuyết pháp không có nề hà, mệt nhọc. Bồ Tát tu pháp Bồ đề phần, không hề nhàm chán.

Các Bồ Tát này tinh tấn như thế là thường tùy thuận hành theo chánh giáo của Phật. Vì sao? Vì các Bồ Tát này xa lìa sự buông lung, tâm thường cẩn thận, khéo tự giữ gìn thân, không tạo việc ác; ngữ, ý cũng vậy. Dù sống ở hiện tại nhưng sợ vị lai, diệt sạch các pháp ác không cho sanh ra nữa. Lời nói thường dựa vào chân lý, thường thuyết đúng giáo pháp, chẳng nói những lời phi pháp. **Bỏ nghiệp xấu ác, chuyên tu hạnh thanh tịnh. Không hủy giáo pháp của Phật, xa lìa phiền não và pháp bất tịnh. Đó là hộ trì chánh pháp của Như Lai, diệt sạch các pháp ác bất thiện**.

Các Bồ Tát này tùy thuận theo giáo pháp thanh tịnh của Phật, nếu thấy hữu tình thì vui vẻ, mỉm cười, không hề nhăn nhó. Vì sao? Vì tâm đã lìa tạp uế, vẩn đục, các căn thanh tịnh, xa lìa cấu bẩn, sân nhuế, tâm không kết hận. Bồ Tát như thế tức được đa văn, quán sát sanh tử thường biết như thật về lửa tham, sân, si đốt cháy làm cho con người mê loạn. Biết như thật về các pháp hữu vi đều vô thường, tất cả hành là khổ, các pháp là vô ngã. Ở thế gian, hữu tình say đắm theo hý luận, phải hiểu như thật là trong các pháp chỉ có Niết bàn là tối thắng, tịch tịnh. Nghe người thuyết pháp thì suy nghĩ nghĩa rồi truyền trao cho người. Phát đại từ bi, khởi niệm kiên cố. Nếu chẳng nghe pháp *(tức là văn)* thì không tư, tu.

Thế nên văn tuệ là căn bản của các chữ. Tất cả trí tuệ được sanh ra từ đây. Đã được đa văn thì hộ trì chánh pháp. Vào thời chánh pháp diệt tận, ở đời vị lai có các hữu tình muốn tu hành mà không gặp chánh pháp, không có người thuyết pháp thâm sâu, thì khi ấy Bồ Tát tuyên dương Bát Nhã, để cho hữu tình tu giới, định, tuệ. Do đó khen: "Thiện nam tử! Vào thời chánh pháp diệt tận, người nên phát tâm Bồ đề cầu Vô thượng giác, vì muốn làm lợi lạc cho hữu tình. Kinh điển Bát Nhã như thế là đối tượng để tu hành của chư Phật trong ba đời. Người siêng tu hành thì giác ngộ chẳng xa. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không xa đại Bồ đề. Như người trồng lúa, cây lúa đã trổ bông, nên biết kết quả thu hoạch không xa. Cũng vậy, Bồ Tát cầu đại Bồ đề mà được nghe Bát nhã Ba la mật, thì chắc chắn Bồ Tát ấy cách Phật chẳng xa.

Thiện nam tử! Xa lìa Bát Nhã để nương tựa vào các Kinh khác cầu Vô thượng giác, hoặc có thể chứng đắc, thì không có lẽ ấy. Thí như con vua, bỏ vua cha mà đi đến người khác cầu làm thái tử chắc chắn không thể được. Cũng vậy, Bồ Tát cầu Nhất thiết trí cần nương Bát nhã Ba la mật. Nếu nương vào Kinh khác cầu Nhất thiết trí thì không thể được. Thí như bò con muốn bú sữa thì phải nhờ mẹ nó, nếu tới bò khác thì không có sữa. Cũng vậy, Bồ Tát cầu đại Bồ đề phải nương vào Bát nhã Ba la mật, nếu nương pháp khác thì không thể chứng đắc.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát gần gũi Bát Nhã làm Pháp vương tử, tướng tốt trang nghiêm thân thể, các căn đầy đủ, tu hành pháp Phật đã tu, giác ngộ điều Phật đã giác ngộ. Cứu hộ khổ não cho tất cả hữu tình, thông suốt hoàn toàn giáo pháp của Phật đã thuyết, **thường tu phạm hạnh**, xa lìa vẩn đục, giữ gìn thành trì Nhất thiết trí của chư Phật.

Đó là Bồ Tát làm Pháp vương tử, được Đế Thích, Phạm Thiên, Hộ Thế cùng tôn trọng. Vì sao? Vì hành đạo Bồ Tát được bất thối, tất cả ác ma không thể lay động. Do đó, an trụ Phật pháp, thông suốt tất cả lý không bình đẳng, không chạy theo duyên ngoài, nên an trụ trong trí tuệ Phật pháp. Không cùng ở chung với Thanh văn, Độc giác v.v... vượt khỏi thế gian, trụ Vô sanh nhẫn.

Bồ Tát biết như thật các phẩm thượng, trung, hạ khác nhau về tham, sân, si của hữu tình, biết rõ như thật phẩm loại khác nhau về tâm thiện, tâm kiên cố của hữu tình. Khi biết như thật rồi, tùy theo mỗi một hữu tình để nói pháp đối trị, có thể giáo hóa hữu tình. Hữu tình nào muốn thấy thân

Phật được độ thoát thì Bồ Tát hiện thân Phật để thuyết pháp. Nếu muốn thấy thân Bồ Tát để được độ thoát thì Bồ Tát hiện thân Bồ Tát để thuyết pháp. Nếu muốn thấy thân Độc giác để được độ thoát thì Bồ Tát hiện thân Độc giác để thuyết pháp. Nếu muốn thấy thân Thanh văn để được độ thoát thì Bồ Tát hiện thân Thanh văn để thuyết pháp. Nếu muốn thấy các thân Đế Thích, Phạm Thiên, Bà la môn, Sát đế lợi, Trưởng giả, Cư sĩ v.v... để được độ thoát thì Bồ Tát đều hiện các thân ấy thuyết pháp cho họ. Bồ Tát bằng phương tiện thiện xảo hành sâu Bát Nhã giáo hóa, độ thoát hữu tình như thế.

Các Bồ Tát này tâm tánh từ hòa, chánh trực, uyển chuyển, không bị cấu uế như dua nịnh, ganh ghét. Tâm thường thanh tịnh, không nói lời thô ác, hành hạnh nhẫn nhục, gần gũi hữu tình.

Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như thế thì ở trú xứ ấy được an ổn. Vì sao? Vì Bồ Tát đầy đủ chánh kiến và thanh tịnh kiến, thanh tịnh hạnh, các hành động trong cảnh giới tùy tâm tương ưng. Nếu thấy tâm trái với pháp ác bất thiện và cảnh giới uế ác thì Bồ Tát chẳng nên hành.

Các Bồ Tát này thấy người đồng học hết lòng vui mừng, hoặc của hoặc pháp đều thọ dụng chung, duy hành Phật đạo, duy Phật là Thầy.

Bồ Tát như thế thì được tự tại, an lạc, nắm giữ đầy pháp để giáo hóa hữu tình. Vì lợi ích nhiếp phục hữu tình nên Bồ Tát bố thí lợi ích, bố thí an lạc, hoặc bố thí tất cả, hoặc dùng lời lợi ích, lời có nghĩa, lời đúng pháp, hoặc những lời tương tự để nhiếp phục hữu tình. Đem của cải để lợi ích bình đẳng, hoặc đem thân thể lợi ích bình đẳng, hoặc đem sinh mạng để lợi ích bình đẳng, hoặc đem vật dụng để lợi ích bình đẳng.

Thiên vương nên biết! Bố thí mà đem lại nhiều lợi ích chính là pháp thí. Bố thí an lạc tức là tài thí. Bố thí vô tận là chỉ dạy chánh đạo. Lời nói có lợi ích thì sanh pháp lành. Lời nói có nghĩa thì thấy chánh lý. Lời nói như pháp thì tùy thuận giáo pháp của Phật. Lời nói chẳng sai khác là thuyết pháp như thật. Dùng của để lợi ích bình đẳng là việc ăn uống, y phục v.v... Dùng thân để lợi ích bình đẳng là bảo vệ nhiếp phục. Dùng mạng để lợi ích bình đẳng là các thứ trân bảo ngoài mạng sống. Vật dụng lợi ích bình đẳng là voi, ngựa v.v... tất cả tịnh tài. Đó là các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tự mình làm và đem cho người đều được bình đẳng*(5)*.

Các Bồ Tát này sanh ra với thân hình xinh đẹp, siêng năng tu tập, oai nghi tịch tĩnh, oai nghi không dối trá, oai nghi thanh tịnh, mọi người đều muốn nhìn. Trong ngoài đều thiện, người xem không chán, làm vui lòng người, tất cả hữu tình đều yêu mến, tôn trọng. Ai nhìn thấy đều phát thiện tâm, người sân hận thấy thì tâm hòa giải.

Các Bồ Tát này xinh đẹp như thế, làm chỗ nương tựa, bình đẳng bảo hộ hữu tình diệt sạch phiền não, hướng dẫn hữu tình xa lìa sanh tử vô biên, độ thoát vô biên hữu tình vượt qua hiểm nạn của thế gian. Làm bạn thân với kẻ không quyến thuộc, làm thầy thuốc giỏi cho kẻ bệnh phiền não, làm người cứu hộ cho người không được cứu hộ, làm chỗ nương tựa cho người không có chỗ nương tựa, làm ngọn đuốc Pháp cho người không ánh sáng. Bồ Tát làm y chỉ cho các hữu tình như thế để chữa trị các bệnh, như cây Thọ vương tên là Thiện Kiến, thân cây, gốc rễ, cành lá, hoa quả, sắc hương, mùi vị đều có thể dùng để chữa lành bệnh. Cũng vậy, các Bồ Tát này từ khi mới phát tâm cho đến cứu cánh thường chữa lành bệnh phiền não cho hữu tình. Bồ Tát có nhiều phước đức trí tuệ thì người nào được thấy nghe đều lành bệnh.

Đó là Bồ Tát có công đức tương ưng tùy theo năng lực để làm việc cúng dường Tam bảo, người có tật bệnh thì bố thí thuốc men, người đói khát thì bố thí đồ ăn uống, người lạnh rét thì bố thí y phục. Hết lòng kính thờ các vị Thân giáo sư, Quỹ phạm sư, cung kính chào hỏi người đồng học, đồng giới pháp. Tạo lập trú xứ Tăng, cấp thí ruộng vườn tùy theo tài vật của mình để bố thí. Nếu nghe Phạm chí, Sa môn nào có danh đức, tu chánh hạnh thì thường gần gũi để học hỏi.

Các Bồ Tát này thường phát sanh hạnh lành, đầy đủ phương tiện thiện xảo để giáo hóa cứu độ hữu tình. Thân vẫn ở yên nơi quốc độ này mà đến vô biên quốc độ khác để hỏi chánh pháp, thị hiện cúng dường vô biên Như Lai, hoặc thị hiện tu tập trợ Bồ đề phần, hoặc thị hiện cúng dường vị Phật mới thành, hoặc thị hiện thân mình thành Đẳng chánh giác, hoặc vì chúng thị hiện chuyển pháp luân vi diệu, hoặc thị hiện Niết bàn làm việc lợi ích lớn. Người đáng độ thì thị hiện thân hóa độ, làm cho người thấy được lợi ích. Tuy làm các việc Phật sự như thế mà chẳng tác ý, chẳng phân biệt.

Khi ấy, Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát làm các việc biến hóa như thế nào mà tâm không phân biệt?

Phật dạy:

- Này Thiên vương! **Ví như mặt trời, mặt trăng chiếu soi khắp tất cả không có phân biệt**: Ta phát ánh sáng và chiếu đến chỗ nào thì các loài hữu tình tùy theo nghiệp lực của mình để cảm nhận ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu soi ngày đêm. Cũng như vậy, các Bồ Tát này tuy hiện hóa thân mà không phân biệt. Vì sao? Vì các hữu tình đều có nghiệp lành đời trước. Xưa kia, Bồ Tát phát nguyện độ hữu tình, do sức thệ nguyện và tùy theo ý niệm của họ nên hóa hiện thân không phân biệt.

Các Bồ Tát này **dùng phương tiện thiện xảo, thường làm những việc làm như thế để giáo hóa hữu tình mau chóng hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề**. Vì sao? Vì các Bồ Tát này bố thí viên mãn, trì giới thanh tịnh, không thủng, không khuyết, giới phẩm thanh tịnh vượt hẳn hàng Thanh văn và Độc giác, đầy đủ an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã, phương tiện, diệu nguyện, lực, trí Ba la mật và các công đức bất cộng của Phật, vượt trên địa vị Thanh văn, Độc giác.

Thiên vương nên biết! Bồ Tát sơ địa cho đến thập địa hành sâu Bát Nhã, tu tập các hạnh như thế chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Khi thuyết pháp này có hai vạn Thiên tử xa lìa trần cấu, sanh pháp nhãn thanh tịnh. Ba vạn Bồ Tát được Vô sanh nhẫn. Tám vạn bốn ngàn trời, người đều phát tâm quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vô lượng trăm ngàn Kiền đạt phược và Khẩn nại lạc nhiễu quanh núi Thứu Phong, hoan hỷ chấp tay tán thán Như Lai. Vô lượng trăm ngàn Dược xoa vui mừng chắp tay nhiễu quanh núi Thứu Phong, mưa nhiều loại hoa vi diệu để cúng dường chư Phật. Ở 10 phương vô lượng hằng hà sa thế giới chư Phật đều có vô lượng Bồ Tát đến tán thán: Đức Như Lai Thế Tôn khéo thuyết Bát Nhã cho các Bồ Tát. Nhờ Bát nhã Ba la mật mà trời, người được 4 hướng, 4 quả Thanh văn*(6)* và quả Độc giác Bồ đề. Cũng có Bồ Tát thập địa, thập độ*(7),* 10 lực Như Lai, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết tướng trí, Nhất thiết trí trí v.v... vô biên Phật pháp đều nhờ Bát nhã Ba la mật mà được thành tựu. **Như việc thế gian đều nương hư không, hư không không có chỗ nương. Bát Nhã sâu xa cũng như vậy, vì các pháp không có chỗ nương.** Nguyện cho chúng tôi ở đời vị lai thuyết Bát nhã Ba la mật cho các đại Bồ Tát như Thế Tôn đang tuyên thuyết ngày nay. Nói như vậy rồi cung kính rải hương hoa lên Như Lai và chúng hội.

Lúc ấy, có vô lượng thiên thần và các thần khác ở núi Thứu Phong trụ giữa hư không tán thán:

- Hi hữu thay thưa Thế Tôn! Chúng con nghĩ đã có vô lượng chư Phật đến núi Thứu Phong thuyết Bát nhã Ba la mật cho đại chúng như ngày nay không khác.

Trời Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thiên thần trong không đâu có trí huệ biết cảnh giới Phật lâu gần sai khác mà nói rằng có vô lượng Phật đã từng ở đây nói Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

- Này Thiên vương! Chúng thiên thần đây đều là Bồ Tát an trụ cảnh giới Bất khả tư nghì giải thoát, cho nên biết được sự sai khác gần xa của cảnh giới chư Phật trong quá khứ.

Này Thiên vương! Xưa kia, Ta còn làm Bồ Tát đã từng sanh trong cảnh thiên thần ấy, thấy vô lượng chư Phật chứng đắc Vô thượng Bồ đề, đã vì chúng hội tuyên thuyết diệu pháp cho đến lúc nhập Niết bàn, Ta thường chấp tay kính lễ khen ngợi. Vì sao? Vì tuổi thọ của cảnh giới thiên thần kia lâu dài, nên thấy nghe vô biên sự việc lâu xa trong quá khứ.

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên tử tên là Quang Đức rời tòa đứng dậy, lệch áo che vai trái, gối phải chấm đất, chấp tay bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chư Phật, Bồ Tát phải ở cõi Tịnh độ, chứ tại sao Thế Tôn xuất hiện ở thế giới Kham Nhẫn đầy dẫy ô uế xấu ác này?

Phật bảo Quang Đức:

- Thiên tử nên biết! Chỗ ở của Như Lai không có uế ác tức là cõi Tịnh độ.

Khi ấy, Như Lai dùng thần lực làm cho ba ngàn đại thiên thế giới đất bằng như bàn tay, đều do lưu ly tạo thành, không có các núi gò, núi đất, chông gai, nơi nơi đều có nhiều báu, hương hoa, cỏ mềm, suối hồ với nước tám công đức, thềm bậc bằng bảy báu, cỏ cây hoa quả đều thuyết về pháp luân Bất thối của Bồ Tát, không có pháp Thanh văn, Độc giác khác. Tuy có Bồ Tát từ 10 phương đến, mà chẳng nghe tiếng gì khác, chỉ nghe thuyết pháp Bát Nhã sâu xa. Khắp nơi hoa sen nở lớn như bánh xe, với đầy đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, tía v.v… Trong các đài hoa đều có các Bồ Tát ngồi kiết già, tư duy về Đại thừa. Thấy chư Như Lai ở giữa chúng hội,

thuyết pháp sâu xa cho chúng Bồ Tát; vô lượng trăm ngàn Đế Thích, Phạm Thiên, Hộ Thế cung kính cúng dường vây quanh khen ngợi.

Thiên tử Quang Đức thấy việc như vậy vui mừng, hớn hở, khen ngợi Phật:

- Hi hữu thay thưa Thế Tôn! Hi hữu thay thưa Thiện Thệ! Pháp Như Lai đã thuyết chơn thật không hư dối. Chỗ ở của Như Lai không tạp uế, tức là Tịnh độ như Phật đã thuyết không có sai khác, hữu tình phước mỏng thấy tịnh thành uế.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ v.v… được nghe công đức danh tự Bát nhã Ba la mật thì đó là điều rất là hi hữu, huống chi là siêng năng biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết cho người khác.

Phật bảo Quang Đức:

- Thiên tử nên biết! Thiện nam, thiện nữ v.v… nào ở trong vô lượng đại kiếp, đem tâm vô ngại bố thí các tài vật cho hữu tình, so với thiện nam, thiện nữ v.v… dùng tín tâm thanh tịnh biên chép Kinh này rồi trao cho người khác thọ trì, đọc tụng thì công đức đạt được nhiều hơn người trước. Vì sao? **Vì của thí chỉ trừ đói khát còn pháp thí thì không cùng. Vì vậy cho nên, tài thí chỉ được quả báo ở thế gian, quả vui trời, người, được rồi lại mất. Nếu dùng pháp thí thì được cái chưa từng được, đó là Niết bàn chắc chắn không lui mất**.

(So lường công đức?)

Giả sử có giáo hóa hữu tình ở ba ngàn đại thiên thế giới đều tu tập theo thập thiện nghiệp đạo. Nếu thiện nam, thiện nữ v.v… với tín tâm thanh tịnh thọ trì, đọc tụng Bát Nhã sâu xa, rồi giảng thuyết cho người khác, thì được vô lượng, vô biên công đức vượt hơn người trước. Vì sao? Vì tất cả pháp lành đều được sanh ra từ Bát nhã Ba la mật.

Giả sử có người giáo hóa hữu tình ở ba ngàn đại thiên thế giới đều được chứng đắc bốn hướng, bốn quả, Thanh văn, Độc giác Bồ đề. Nếu thiện nam, thiện nữ v.v… với tín tâm thanh tịnh **thọ trì, đọc tụng, biên chép Bát nhã Ba la mật, thì công đức này vượt hơn người trước vô lượng, vô số.** Vì sao? Vì Thanh văn, Độc giác đều từ Bát nhã Ba la mật sanh ra. Nhờ Bát nhã Ba la mật này mà có Phật xuất thế. Cho nên Bát nhã Ba la mật ở chỗ nào thì biết chỗ ấy là tòa Bồ đề vi diệu, là chỗ Như Lai

chuyển pháp luân. Thiện nam, thiện nữ v.v… nên nhớ chỗ ấy thường có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều do Bát nhã Ba la mật sanh ra. Người nào cúng dường hình tượng Như Lai, thì được công đức chẳng bằng công đức cúng dường Bát Nhã sâu xa. Vì sao? Vì ba đời chư Phật đều nhờ Bát nhã Ba la mật mà có. *(Q.569, ĐBN)*

Thích nghĩa:

(1). Pháp tánh hay pháp tính:

1- Định nghĩa của Phật Quang Từ điển: (法性) *Phạm: Dharmatà. Pàli: Dhammatà. Cũng gọi Chân như pháp tính, Chân pháp tính, Chân tính, Pháp bản.* ***Chỉ cho thể tính chân thực của các pháp, cũng tức là bản tính bất biến của hết thảy hiện tượng trong vũ trụ. Cũng là tên khác của Chân như****. Theo luận Đại trí độ quyển 32 thì Tổng tướng và Biệt tướng của tất cả các pháp đều qui về Pháp tính. Nghĩa là các pháp đều có tướng sai biệt và thực tướng; tướng sai biệt không cố định, là bất khả đắc. Vì bất khả đắc nên là không(vô tự tính), cho nên Không là thực tướng của* các pháp. ***Tất cả các tướng sai biệt, vì tự tính của chúng là không, nên đều là đồng nhất, gọi đó là Như. Tất cả tướng đều qui về không, cho nên gọi không là Pháp tính****. Trong Kinh Đại bảo tích quyển 52, đức Phật chỉ dạy nghĩa thực tính của các pháp, cho rằng Pháp tính không có đổi khác, không có thêm lên, không có bớt đi, không tạo tác nhưng chẳng có gì mà không tạo tác. Pháp tính không có phân biệt, không có sở duyên, trong tất cả pháp, chứng đắc thực tướng cùng tột. Thông thường, có thuyết phân biệt giữa Pháp tính và Như lai tạng, cho rằng Pháp tính và Như lai tạng có khác nhau, nhưng cũng có thuyết chủ trương Pháp tính và Như lai tạng là đồng nghĩa. [X. Kinh Đại phẩm Bát Nhã Q.21; Kinh Bồ Tát địa trì Q.1; luận Thành duy thức Q.2; luận Đại trí độ Q.28; Đại thừa huyền luận Q.3]. (xt. Chân Như, Chân Lý).*

2- Định nghĩa của Phật học Tinh tuyển: (s: dharmatā, p: dhammatā, 法性): còn gọi là Thật Tướng Chân Như（實相眞如）, Chân Pháp Tánh（眞法性）, Chân Tánh（眞性）; là tên gọi khác của Chân Như（眞如）, v.v... ; tuy tên gọi khác mà đồng thể; là thể tánh chân thật của các pháp, cũng là ***bản tánh chân thật bất biến vốn có của hết thảy hiện tượng trong vũ trụ****. Pháp Tánh là gốc của vạn*

pháp, nên còn gọi là Pháp Bổn（法本）*. Đại Trí Độ Luận (*大智度論*, Taishō Vol. 25, No. 1509) quyển 32 lấy tổng tướng và biệt tướng của các pháp cùng quy về Pháp Tánh; cho rằng các pháp có mỗi mỗi tướng (tướng sai biệt của hiện tượng) và thật tướng. Về cái gọi là mỗi mỗi tướng khác nhau, tỷ dụ như sáp ong đốt chảy thành nước, mất đi tướng ban đầu của nó, do vì không cố định, nên phân biệt tìm cầu không thể được; chính vì không thể được nên gọi là "không*（空）*" (tức không có tự tánh); vì vậy không chính là thật tướng của các pháp. Đối với hết thảy tướng sai biệt mà nói, do vì tự tánh của chúng là không, nên đều là đồng nhất, được gọi là "như*（如）*." Tất cả các tướng đều quy về không, vì vậy gọi không là Pháp Tánh. Lại nữa, như trong đá màu vàng có đủ tánh chất của vàng, trong tất cả các pháp trên thế gian đều có Pháp Tánh của Niết Bàn; vì vậy mới bảo rằng thật tánh bản nhiên của các pháp là Pháp Tánh. Điều này đồng nghĩa với ý nghĩa gọi là "chúng sanh, quốc độ đồng nhất Pháp Tánh (*眾生、國土同一法性*, chúng sanh, quốc độ cùng một Pháp Tánh)" trong Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa Kinh (*大方廣圓覺修多羅了義經*, Taishō Vol. 17, No. 842). Trong Đại Bảo Tích Kinh (*大寶積經*, Taishō Vol. 11, No. 310) quyển 52, đức Thích Tôn đã từng khai thị về nghĩa thật tánh của các pháp, dạy rằng Pháp Tánh không có đổi khác, không có tăng thêm, không tạo tác và chẳng có không tạo tác; Pháp Tánh không có phân biệt, không có sở duyên, đối với tất cả pháp có thể chứng đắc thể tướng cứu cánh. Cũng có thuyết cho rằng Như Lai Tạng*（如來藏）*đồng nghĩa với Pháp Tánh. Các luận sư giải thuyết về Pháp Tánh không giống nhau. Đại Sư Từ Ân (*慈恩*, tức Khuy Cơ [*窺基*, 632-682]) của Pháp Tướng Tông thì cho rằng Pháp Tánh là Viên Thành Thật Tánh*（圓成實性）*trong 3 tánh; Y Tha Khởi Tánh*（依地起性）*này là nơi nương tựa của hết thảy các pháp hữu vi. Trong khi đó, Gia Tường Đại Sư Cát Tạng (*吉藏*, 549-623) của Tam Luận Tông lại chủ trương rằng chân không là Pháp Tánh. Kế đến, Hiền Thủ (*賢首*, tức Pháp Tạng [*法藏*, 643-712]), vị Tổ thứ 3 của Hoa Nghiêm Tông, cho rằng chân như có hai nghĩa là bất biến và tùy duyên; nếu lấy nghĩa tùy duyên, biến tạo ra các pháp, tuy biến tạo mà vẫn giữ tánh chân như bất biến. Chân như tùy duyên biến*

*tạo vạn pháp như vậy, nên gọi chân như là Pháp Tánh. Đại Sư Trí Khải (*智顗*, 538-597) của Thiên Thai Tông, luận rằng Pháp Tánh có đủ ô nhiễm, trong sạch, tức tánh thiện tánh ác; vì tánh có đủ thiện và ác, nên sanh ra các pháp ô nhiễm, trong sạch. Như trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (*大方廣佛華嚴經*, Taishō Vol. 10, No. 279) quyển 16, Phẩm Thăng Tu Di Sơn Đảnh* (昇須彌山頂品) *13, có đoạn: "Pháp Tánh bổn không tịch, vô thủ diệc vô kiến, tánh không tức thị Phật, bất khả đắc tư lường* (法性本空寂、無取亦無見、性空卽是佛、不可得思量*, Pháp Tánh vốn không lặng, không cầm cũng không thấy, tánh không tức là Phật, suy lường chẳng thể được)". Trong bài tựa của Khởi Tín Luận Tục Sớ (*起信論續疏*,* 卍*Tục Tạng Kinh Vol. 45, No. 764) quyển 1 giải thích rằng: "Pháp Tánh giả, vị chân như bất biến, tùy duyên nhi năng thành nhất thiết pháp* (法性者、謂眞如不變、隨緣而能成一切法*, Pháp Tánh nghĩa là chân như bất biến, tùy duyên mà có thể thành tất cả các pháp)". Hoặc trong Tông Kính Lục* (宗鏡錄*, Taishō Vol. 48, No. 2016) quyển 87 cũng có đoạn: "Hựu chư pháp tức Pháp Tánh nhân duyên, nãi chí Đệ Nhất Nghĩa diệc thị nhân duyên* (又諸法卽是法性因緣、乃至第一義亦是因緣*, lại các pháp là nhân duyên của Pháp Tánh, cho đến Đệ Nhất Nghĩa cũng là nhân duyên)".*

Hai định nghĩa trên cho thấy ngôn ngữ thế gian không thể diễn tả nổi những gì mà Phật muốn nói.

(2). Thay vì nói là kéo áo che vai trái, người dịch lại nói là "lệch áo" che vai trái. Từ "lệch" này có vẻ hơi lạ tai.

(3). "Thiên vương nên biết! Ví như bốn đại nương vào hư không để kiến lập, mà hư không không có chỗ nương nên phiền não cũng vậy. Bốn đại nương nơi vào pháp tánh, pháp tánh không có chỗ nương. Các Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật quán biết rõ như thật, nên chẳng khởi trái nghịch, vì tùy thuận nên phiền não không sanh".

Kinh "Thắng Thiên Vương Bát nhã Ba la mật" do Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch rõ ràng, dễ hiểu hơn: "Này đại vương! Ví như bốn đại, nương tựa nơi hư không để đứng, nhưng hư không lại không có chỗ nương tựa. Phiền não cũng vậy, nương vào pháp tánh, nhưng pháp tánh không có chỗ để nương".

(4). Nhân vị: Chỉ cho các địa vị hoặc giai vị đạt được trong quá trình tu tập nhân hạnh cho đến khi chứng đắc quả vị tu hành.

(5). Kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã ghi: "Lợi ích thí tức là thí Pháp. An lạc thí tức thí các nhu cầu sinh sống. Vô tận thí tức thị hiện Đạo. An lạc thí là khiến người sinh thiện. Hữu nghĩa ngữ là khiến người thấy lý. Như pháp ngữ là tùy thuận giáo pháp của Phật. Bất dị ngữ là thuyết Pháp như thực. Tài lợi ích bình đẳng là cái có thể ăn, có thể nuốt, có thể uống, có thể nếm, có thể liếm và y phục, vân vân. Thân lợi ích bình đẳng là những gì cần để thu nhiếp, phòng vệ, lợi ích thân mình, khiến người cũng thế. Mạng lợi ích bình đẳng là chân châu, lưu ly, san hô, mã não, đa phần là ngoại mạng. Tư cụ lợi ích bình đẳng là voi, ngựa, xe, tất cả tiền của chính đáng. Bồ Tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba la mật, tự mình hành và người khác hành đều như nhau". *Người dịch tuy dùng nhiều danh từ Hán Việt. Tuy nhiên, đã lột được nghĩa chân xác hơn.*

(6). Tứ hướng, tứ quả Thanh văn:

*1- Con đường dẫn vào 4 quả Thanh văn gọi là **tứ hướng**(4 hướng).*

*2- **Tứ quả** Thanh văn là: 1/. Tu đà hoàn (Dự lưu): 2/. Tư đà hàm (Nhất lai). 3/. A na hàm (Bất hoàn). 4/. A la hán (Vô học).*

(7). Thập độ (十土): Mười cõi nước được lập ra tùy theo thắng đức chơn như của mỗi Địa mà Bồ Tát Thập địa chứng được. Đó là: Biến hành độ, Tối thắng độ, Thắng lưu độ, Vô nhiếp thụ độ, Loại vô biệt độ, Vô nhiễm tịnh độ, Pháp vô biệt độ, Bất tăng giảm độ, Trí tự tại độ và Nghiệp tự tại độ. [X. Đại pháp uyển nghĩa lâm chương Q.7, phần cuối]. (xt. Chân Như). - Phật Quang từ điển.

Có nhiều tự điển khác giải thích thập độ là thập Ba la mật. Trong phẩm này thập độ chính là Mười cõi nước được lập ra tùy theo thắng đức chơn như của mỗi địa mà Bồ Tát Thập địa chứng được như giải thích ở trên. ***TB***

Sơ giải:

1. Nói về pháp tánh:

Trong phần luận giải về pháp giới, chúng ta có nói uẩn xứ giới là cửa ngỏ tiếp xúc của nhân sinh và vũ trụ. Và cũng từ cửa này mà sanh cảm thọ

tốt xấu, nhiễm tịnh v.v... nên sanh "bệnh". Do khách trần chuyển nên tâm chuyển. Vì vậy, mới bảo hợp trần thì bội giác, nên sanh bệnh, bệnh từ ngoài vào. Ở đây, phẩm "Pháp Tánh", Phật bảo:

"Từ vô thỉ các uẩn, xứ, giới luôn luôn nối tiếp nhau trong chúng sinh, nhưng **thể của pháp tánh luôn thanh tịnh không bị ô nhiễm**. Tất cả tâm ý thức không thể nương vào đó phát khởi; cho nên không từ mười hai nhân duyên mà sinh. Đó gọi là vô tướng, chẳng phải là tác pháp, tự tướng của nó thường trụ không sinh, không cùng tận, không biên giới.

Bậc Bồ Tát thực hành Bát Nhã, biết được pháp tánh thanh tịnh như vậy, nên xa lìa được cấu uế, không bị nhiễm trước, cho nên vượt qua phiền não đạt đến giải thoát. Tánh này tức là pháp căn bản của chư Phật; công đức trí tuệ nhân nơi đây mà phát sinh, thể tánh của nó sáng suốt thanh tịnh, không thể nghĩ bàn".

Pháp tánh tự tánh thanh tịnh, vắng lặng, không nhiễm ô. Nhưng chúng sinh phân biệt chấp trước pháp tánh, nên bị trôi lăn trong ba cõi sáu đường, thì gọi là chúng sanh tánh. Chúng sanh tánh luôn luôn trôi nổi, sanh diệt vô thường. Bồ Tát thực hành Bát Nhã, biết được pháp tánh thanh tịnh như vậy, xa lìa được cấu uế, không bị nhiễm trước, cho nên vượt qua phiền não mà được giải thoát.

Phật bảo tiếp:

"Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã có thể quán sát pháp tánh chơn tịnh như thế, tất cả Thánh giả như thật ngộ nhập. Không có người tu và pháp để tu, không có người thực hành và pháp để hành, không tâm, không có pháp thuộc tâm, không nghiệp, không quả báo, không khổ, không vui. Quán sát như thế gọi là bình đẳng, không phân chia, xa lìa tùy thuận quảng đại, không ngã, ngã sở, không cao, không thấp, chơn thật vô tận, thường trụ trong sáng. Vì sao? Vì tất cả Thánh pháp do đây mà thành thục, nhờ tánh này nên các bậc Thánh hiển hiện vô biên công đức và pháp bất cộng của chư Phật Như Lai đều từ tánh này xuất sanh. Giới, định, huệ của tất cả Thánh giả đều từ tánh này sanh ra. Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát, Phật đều từ tánh này sanh ra. Tánh này vắng lặng vượt các danh tướng. Tánh này chơn thật, xa lìa điên đảo. Tánh này chẳng biến đổi nên gọi là Thánh trí, là Đệ nhất nghĩa; chẳng có, chẳng không, chẳng

thường, chẳng đoạn, chẳng phải sanh tử, chẳng phải Niết bàn, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, lìa nhất dị, không danh, không tướng".

Ở đây Phật thuyết bản tánh hay tự tánh chúng sanh vốn thanh tịnh, bất nhiễm, đó là lối nói theo bản hữu. Nhưng vì khách trần mà sanh ra có nhiễm có tịnh: Phật, Bồ Tát "thực hành Bát Nhã, biết được ***pháp tánh chơn tịnh****, nên xa lìa được cấu uế, không bị nhiễm trước, cho nên vượt qua phiền não đạt đến giải thoát". Trong khi chúng sanh "bị các phiền não che lấp, trôi lăn trong sinh tử, chìm nổi sáu đường, suốt dòng sinh tử luân chuyển theo chúng sinh, nên gọi là tánh chúng sinh".*

Một khi Như Lai tạng tánh nằm trong triền phược (Như Lai tại triền) thì bị lưu chuyển trong 6 đường gọi là mê, mê tức chúng sanh. Nếu Như Lai thoát khỏi mọi ràng buộc (Như Lai xuất triền) được rỗng rang tự tại nên nói là ngộ, ngộ tức Phật. Đây là lối giải thích mê ngộ tùy theo Như Lai tạng tánh giống như lối giải thích về chủng tử của Pháp Tướng Tông.

Pháp tánh tự tánh vắng lặng, nhiệm mầu. Nhưng chúng sanh không biết lại nương vịn khách trần, sanh ra hư vọng phân biệt nhiễm trước nên bị luân chuyển trôi lăn. *Chúng sanh không thật chúng sanh, 5 uẩn không phải là chúng sanh. Nên chư Phật Bồ Tát hành sâu Bát Nhã biết bản tánh các pháp (tức pháp tánh) chơn tịnh, nên không bị các pháp chuyển mà trái lại có thể chuyển các pháp, nên không rời đạo tràng mà có thể chuyển pháp luân khắp cả 10 phương thế giới.*

Vì vậy, Kinh bảo: **"Pháp tánh thanh tịnh là gốc các pháp, tự tánh vốn không hư dối, phiền não đều từ tà niệm điên đảo mà sanh".**

"Giới, định, tuệ của tất cả Thánh giả đều từ tánh này sanh ra. Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát, Phật đều từ tánh này sanh ra. Tánh này vắng lặng vượt các danh tướng. Tánh này chơn thật, xa lìa điên đảo. Tánh này chẳng biến đổi nên gọi là Thánh trí, còn gọi là Đệ nhất nghĩa; chẳng có, chẳng không, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng phải sanh tử, chẳng phải Niết bàn, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, lìa nhất dị, không danh, không tướng". *Đó là pháp tánh.*

Chúng tôi nghĩ với những giải thích cặn kẽ như trên có thể soi sáng cái gọi là pháp tánh. Đây là bài pháp mắc mỏ chưa từng thấy, khả năng của chúng tôi chỉ có thể giải thích được như vậy. Các pháp gọi là chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế... là những pháp bất khả thuyết, bất khả tư nghì, ngôn ngữ thế gian bị giới

hạn giữa các danh từ, nên chỉ có thể đi vòng vòng, đi vòng quanh không thể chỉ thẳng được. Phẩm này là một chứng minh.

Chúng ta thấy rõ có hai cách giải thích về pháp tánh: 1. Nói theo Đệ nhất nghĩa đế: Pháp tánh tự tánh vắng lặng, nhiệm mầu, bản tánh các pháp (tức pháp tánh) chơn tịnh, nên không bị các pháp chuyển mà trái lại có thể chuyển các pháp. Và 2. Nói theo Tục đế: Nhưng chúng sanh không biết như vậy, lại nương vịn khách trần, sanh ra hư vọng phân biệt nhiễm trước nên bị luân chuyển trôi lăn.

2. Tại sao nói pháp tánh là tên khác của Chơn như?

Phẩm này nói về "Pháp Tánh" nhưng cũng đề cập đến Chơn như giống như phẩm "Pháp Giới" trước đây:

"Pháp tánh như, hữu tình như không hai, không khác. Hữu tình như, pháp tánh như không hai, không khác. Pháp tánh như, các pháp như không hai, không khác. Các pháp như, chư Phật như không hai, không khác. Pháp tánh như, như đó ba đời không trái nghịch nhau. Quá khứ như, vị lai như không trái nghịch nhau. Vị lai như, hiện tại như không trái nghịch nhau. Hiện tại như, quá khứ như không trái nghịch nhau. Uẩn, xứ, giới ba đời như. Uẩn, xứ, giới như tức nhiễm tịnh như. Nhiễm tịnh như tức sanh tử Niết bàn như. Sanh tử Niết bàn như tức các pháp như".

"... Nói Như Như chính là Bất dị; không đổi, không sinh, không tranh, chân thực. Vì không tranh nên gọi là Như, thấy biết như thực các pháp không sinh. Các pháp tuy sinh, nhưng Như Như bất động. Như Như tuy sanh các pháp mà như đó chẳng sanh. **Đó gọi là Pháp thân thanh tịnh**, bất biến như hư không, vô đẳng đẳng, không có một pháp nào trong tam giới có thể sánh bằng. Khắp thân chúng sinh, không có cái tương tợ; thanh tịnh lìa cấu, xưa nay không nhiễm; tự tính trong sáng, thanh tịnh; tự tính không sinh; tự tính không khởi. Ở tâm, ý, thức mà không phải tánh của tâm, ý, thức; tức là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Khắp cõi hư không, khắp chúng hữu tình đều bình đẳng, vô lượng, vô biên, không có sai biệt. Không phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Không phải địa, thủy, hỏa, phong; không lìa địa, thủy, hỏa, phong. Không phải sanh, không lìa sanh. Tuy nghịch sanh tử nhưng chẳng thuận Niết bàn. Mắt không thể thấy, tai không thể nghe, mũi không thể ngửi,

lưỡi không thể nếm, thân không thể xúc chạm, ý không thể biết. Không ở tâm, ý, thức, không lìa tâm, ý, thức.

Thiên vương nên biết! **Đấy là pháp tánh**".

*Trước hết phải nói đoạn Kinh này có thể xem là một định nghĩa ngắn gọn về **chân pháp giới** của tất cả pháp.*

*Từ "Như" hay "Như Như" là chỉ Chơn như thật tánh của tất cả pháp. Đoạn Kinh trên nói về chơn như này. Đó là một "quan niệm" quan trọng của Đại thừa giáo, chỉ thể tính tuyệt đối cuối cùng của vạn hữu. Như đó là như như bất động, thường như, chẳng lúc nào chẳng như. Nó như vậy bởi vì nó như vậy, nằm ngoài mọi lý luận nhận thức. **Như này nhằm chỉ cái ngược lại của thế giới hiện tượng thuộc thân tâm**. Tri kiến được Chơn như tức là Giác ngộ, vượt ra khỏi thế giới nhị nguyên, chứng được cái nhất thể của khách thể và chủ thể. Như này đồng nghĩa với Như Lai tạng, Phật tính, Pháp thân. Như này cũng chính là Không. Đó chính 1à chân như quan Bát Nhã như Đại Trí Độ Luận của Bồ Tát Long Thọ đã nói trong thích nghĩa nêu trên.*

Chúng ta không lấy làm lạ Kinh hay Luận đối với những từ sau đây được xem như có thể thay thế cho nhau tùy trường hợp, để chỉ thật tánh của tất cả pháp: Chơn như, Pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, ly sanh tánh, bất tư nghì giới, hư không giới, đoạn giới, ly giới, diệt giới, vô tánh giới, vô tướng giới, vô tác giới, vô vi giới, an ẩn giới, tịch tĩnh giới, pháp định, pháp trụ, bổn vô, thật tế, Tánh Không...

Vì vậy, Kinh điển Đại thừa mới xếp loại chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh... hay nói rộng "thập nhị chân như" cùng một thể loại như nhau. Bởi vì chúng là anh em với nhau trong cùng bào thai gọi là Như Lai Tạng, nên đồng một như không hai không khác, không cùng tận. Sau khi thuyết về chơn như như thế, rồi Phật bảo Tối Thắng Thiên Vương: "Đấy là pháp tánh".

Đây không phải là một chuỗi dài của lý luận mà đây là trực giác thực chứng của bậc giác ngộ. Chỉ có bậc Thánh mới thấy chơn như thật tánh của các pháp. Vì vậy, các Ngài mới tránh được mọi hệ lụy thế gian mà giải thoát. Còn chúng sanh bị khách trần lôi kéo nên theo dòng thế gian mà lưu chuyển trong các cõi luân hồi, nên bị phiền não chẳng lúc nào yên. Phật bảo: **"Pháp tánh thanh tịnh là gốc các pháp, tự tánh vốn không**

hư dối, phiền não đều từ tà niệm điên đảo mà sanh". *Trong phẩm này Phật cũng bảo:* **"… Biết rõ tất cả pháp đều là Phật pháp…"**

Phật nói như vậy có nghĩa, nếu nhập được chơn như, pháp giới rồi thì 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới cùng sơn hà đại địa tức là Nhất thiết trí trí, là Vô thượng Bồ đề. Đó là lý do tại sao chúng tôi thường dẫn chứng câu nói của ngài Hoàng Bá: "Tất cả thanh sắc đều là mắt tuệ Phật", hay câu nói của Triệu pháp sư "Trời đất cùng ta đồng gốc, vạn vật cùng ta đồng thể" và trong Nhà Thiền cũng bảo: "Chạm mắt tức Bồ đề".

Khi nào nhập được chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế... thì có thể hiểu những tư tưởng kể trên!

3. Tại sao nói pháp tánh lại đề cập đến bình đẳng tánh?

"Ở trong 10 phương tìm cầu Phật pháp chắc chắn không thể được. **Biết rõ tất cả pháp đều là Phật pháp**, không thường, không đoạn. Vì sao? Vì tìm cầu pháp này không thể được. Dùng lý như thật tìm cầu không thể được. **Pháp này không thể nói có, nói không, cũng không có danh tướng, vượt cảnh giới này. <u>Nếu lìa danh tướng tức là bình đẳng</u>. Nếu pháp bình đẳng thì không chấp trước. Vì không chấp trước nên là pháp chơn thật. Nếu chấp chơn thật tức là hư vọng. Vì chẳng chấp trước nên chẳng hư vọng. Vì tâm không bị chấp trước nên vô ngại. Vô ngại tức vô chướng. Vô chướng tức không tranh. Nếu không tranh tức đồng với hư không, chẳng lệ thuộc vào ba cõi. Nếu tất cả xứ không còn bị lệ thuộc thì pháp này vô sắc, vô tướng, vô hình. Nếu pháp vô sắc, vô tướng, vô hình, nên biết pháp ấy tùy theo cảnh giới kia nhưng lìa sự biết và đối tượng để biết. Vì sao? Vì trong ấy không có một chút pháp nào để giác ngộ, có thể giác ngộ. Đó là Bồ Tát hành sâu Bát Nhã thông suốt bình đẳng".**

Tất cả những gì thuyết giảng ở đây là nói xa nói gần về chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh... như đã trình bày trên. Bồ Tát hành sâu Bát Nhã chỉ cần quán thấy một trong các pháp này thì thâm nhập được thập nhị chơn như, thấu triệt thật tướng của tất cả pháp, mới có cái thấy bình đẳng thanh tịnh vượt mọi sai biệt của tất cả vạn hữu thế gian.

Phẩm "Bình Đẳng", Q.570, Hội thứ VI, ĐBN*. Nói:*

- "Thiên vương nên biết! Các pháp quán bình đẳng, **tự tánh của nó tịch tĩnh, không sanh không diệt, nên gọi là bình đẳng**. Tất cả phiền não hư vọng phân biệt, tự tánh tịch tĩnh, không sanh không diệt, nên gọi là bình đẳng. Danh tướng phân biệt, tự tánh tịch tĩnh, không sanh không diệt, nên gọi là bình đẳng. Điên đảo diệt, không khởi phan duyên nên gọi là bình đẳng. Tâm năng duyên vô minh, hữu ái diệt; vì si ái diệt, hoàn toàn tịch tĩnh, không còn chấp trước ngã và ngã sở nên gọi là bình đẳng. Vì ngã và ngã sở chấp vĩnh viễn không còn nên danh sắc tịch tĩnh, gọi là bình đẳng. Vì danh sắc diệt nên biên kiến không sanh, gọi là bình đẳng. Vì thường đoạn diệt nên thân kiến tịch tĩnh, gọi là bình đẳng".

*Chúng sanh bình thường thấy bình đẳng là tướng bên ngoài của các pháp như nước bình đẳng chỉ một mực ngang nhau, đó là cái thấy bình đẳng **bên ngoài**, vì ở bên ngoài nên dễ thấy. Nhưng thân tâm tịch tĩnh, cũng nói là bình đẳng. Đó là cái bình đẳng nằm **bên trong**, bên trong khó thấy nên nói là nhận thức ở tầng cao hơn. Đây là bài pháp thuyết ở tầng cao của đạo Phật, giáo pháp hết sức thâm sâu.*

Cùng đoạn Kinh trên, Phật nói tiếp:

"Thiên vương nên biết! Nói ngã là không đến không đi, không có chơn thật, là pháp phân biệt hư vọng, từ vọng sanh, cũng là hư vọng. Nếu các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo quán pháp như vậy thì lìa xa hư vọng, nên gọi là tịch tĩnh bình đẳng.

Thiên vương nên biết! Năng chấp, sở chấp gọi là lửa, xa lìa gọi là tịch tĩnh, hoặc chướng là lửa, xa lìa gọi là tịch tĩnh. Nếu các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo, như thật biết năng chấp, sở chấp và các phiền não diệt thì thiện pháp tăng trưởng. Đoạn trừ năng chấp, sở chấp và các phiền não, nhưng không thấy sanh cũng không thấy diệt, nên gọi là bình đẳng. Tu hết thảy chủng loại Ba la mật xa lìa ma chướng, nhưng không thấy có tu cũng không thấy có lìa nên gọi là bình đẳng".

Bây giờ, chúng ta có thể trả lời tại sao khi nói đến pháp giới, pháp tánh, lại nói đến bình đẳng tánh? Bởi vì trong chơn pháp giới tất cả pháp đều như như bất động, nên nói tất cả pháp đều bình đẳng không hai không khác. Đó cũng là đặc tánh chung của thập nhị chơn như hay "thập nhị không". Trong rỗng không tất cả pháp đều bình đẳng, có bình đẳng rồi thì được thanh tịnh, và thanh tịnh này là cửa ngỏ của trí tuệ.

4. Các pháp không sanh không diệt:

"Phật bảo Tối Thắng: - Thiên vương nên biết! Vì các pháp không diệt nên không sanh. Vì sao? Vì tánh không biến đổi, chỉ do người thế tục thấy có sanh, có diệt, đó là sự thấy biết hư vọng, không chơn thật. Những Bồ Tát nào bằng phương tiện thiện xảo hành sâu Bát Nhã, **thì thấy pháp nhân duyên**, biết rõ tục đế là Không, vô sở hữu, không bền chắc, không có mà tợ như có, như huyễn hóa, như ảo mộng, như âm vang, như bóng sáng, như ảo ảnh, như quáng nắng, như việc biến hóa, như thành Tầm hương, lay động chẳng yên, đều do nhân duyên mà sanh khởi.

Các Bồ Tát này dùng Bát Nhã vi diệu quán sát các pháp Không, nói rộng cho đến từ nhân duyên sanh khởi. Các Bồ Tát này tư duy: Các pháp này thấy có sanh, có trụ, có diệt. Do nhân duyên nào mà sanh? Do nhân duyên nào mà diệt? Tư duy như vậy rồi biết rõ như thật, **do vô minh sanh các hành, do hành sanh thức, nói rộng cho đến do hữu nên có sanh, do sanh nên có lão, do lão nên có tử và ưu, sầu, khổ, não.** Cho nên cần phải tu hành để diệt vô minh. Nếu diệt vô minh thì mười một chi còn lại lần lượt diệt theo, như thân đã diệt thì mạng sống đều diệt theo.

Thiên vương nên biết! Tà kiến ngoại đạo mong cầu giải thoát, **chỉ muốn đoạn tử chẳng biết đoạn sanh**. Nếu pháp không sanh thì không có diệt".

Quan niệm con người vốn bản hữu, tự tánh thanh tịnh, bất nhiễm đối với tri thức thường tục của chúng ta là một điều khó nuốt, khó tiêu hóa. Bây giờ, nói vạn hữu không sanh không diệt nữa lại càng không thể chấp nhận được phải không? Đối với con người trần tục ai cũng thấy có sanh trụ dị diệt. Con người sanh ra lớn lên, già chết... ai cũng thấy như vậy, nên khi nói các pháp không có sanh không có diệt, không ai tin nhận. Phật quan niệm các pháp hiện hữu là do nhân duyên. Duyên hợp thì gọi là sanh, duyên tan thì gọi là diệt. Như nói vô minh sanh hành, hành sanh thức, thức sanh lục xứ, lục xứ sanh xúc, xúc sanh thọ, thọ sanh ái, ái sanh thủ, thủ sanh hữu, hữu sanh sanh, sanh sanh lão tử. Khi vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt... cho đến sanh diệt thì lão tử diệt. Một chuỗi dài sanh diệt vô cùng tận, nhưng không ai biết nguyên do của sanh

diệt là do duyên hợp. Chặt đứt bất cứ mắc xích nào trong chuỗi duyên sanh thì không còn tử nữa.

Chư Phật không thấy sanh, các pháp sở dĩ có sanh là do duyên hợp, khi duyên rã rời thì gọi là diệt. Diệt nhưng chẳng có gì gọi là diệt, chỉ là biến thể chớ không phải biến mất. Vì biết như vậy nên chư Bồ Tát mới đạt được Vô sanh pháp nhẫn mà chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bồ Tát biết như vậy nên đoạn sanh, giết cái mầm sanh thì làm gì có tử? Còn chúng sanh sợ tử nên chỉ muốn đoạn tử để sống mãi. Nên phải lăn lóc chịu khổ trong luân hồi. Hết sanh rồi tử, hết tử rồi sanh bất tận chẳng bao giờ dứt!

5. Tu tịnh hạnh:

Các Bồ Tát tu Bát Nhã, biết nhân duyên không, không khởi ngã mạn, nên khi sanh trong cảnh nghèo khổ tự biết nghiệp đời trước không được thanh tịnh nên có quả báo thấp kém, liền bỏ cuộc đời, xuất gia tu tịnh hạnh mong thoát khỏi cảnh tối tăm. Tự mình cầu độ, cũng lại độ người; tự cầu giải thoát, cũng lại giải thoát cho người. Vì nhân duyên này tức sanh tinh tấn tu phạm hạnh mà đoạn trừ được phiền não.

"Các Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã như thế thì thường tùy thuận thế gian, thấy kẻ giận dữ thì sanh nhường nhịn, thấy kẻ kiêu mạn thì khởi tưởng vô ngã, thấy kẻ tà vạy thì khởi tưởng chánh trực. Thấy người vọng ngữ thì nói lời chân thật. Thấy kẻ nói ác thì dùng ái ngữ. Thấy kẻ cứng cỏi thì thị hiện nhu hòa. Thấy kẻ nóng giận thì sanh từ nhẫn. Thấy kẻ theo pháp tà thì sanh đại từ. Thấy kẻ khổ não thì sanh đại bi. Thấy kẻ xan tham, tật đố thì hành bố thí".

Đó là lối hành đạo của Bồ Tát, gọi là Bồ Tát hạnh, hành như thế mới siêu xuất, mới xứng đáng mang danh Bồ Tát.

"Lợi ích thí tức là thí Pháp. An lạc thí tức thí các nhu cầu sinh sống. Vô tận thí tức thị hiện Đạo. An lạc thí là khiến người sinh thiện. Hữu nghĩa ngữ là khiến người thấy lý. Như pháp ngữ là tùy thuận giáo pháp của Phật. Bất dị ngữ là thuyết Pháp như thực. Tài lợi ích bình đẳng là cái có thể ăn, có thể nuốt, có thể uống, có thể nếm, có thể liếm và y phục, vân vân. Thân lợi ích bình đẳng là những gì cần để thu nhiếp, phòng vệ, lợi ích thân mình, khiến người cũng thế. Mạng lợi ích bình đẳng là trân châu, lưu

ly, san hô, mã não, đa phần là ngoại mạng. Tư cụ lợi ích bình đẳng là voi, ngựa, xe, tất cả tiền của chính đáng. Bồ Tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba la mật, tự mình hành và người khác hành đều như nhau".

Bố thí thì buông bỏ vạn duyên, xả bỏ tất cả trong ngoài tức biết thương xót hữu tình, nên nói là có tâm bình đẳng mới có thể hóa độ tất cả.

"... Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã quan sát pháp sanh đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả hoàn toàn không thấy ngã, không thấy hữu tình cho đến không thấy người biết và người thấy. Tuy hành bố thí nhưng không thấy có sự xả bỏ; tuy trì tịnh giới nhưng lìa giới tướng; tuy tu tập an nhẫn nhưng tâm vô tận; tuy tu tập tinh tấn nhưng lìa tướng ấy; tuy tu tập tịnh lự nhưng không có sự vắng lặng; tuy tu tập Bát Nhã nhưng không có đối tượng; tuy tu tập niệm trụ nhưng không chấp chặt; tuy tu tập chánh đoạn nhưng tâm bình đẳng; tuy tu tập thần túc nhưng lìa hý luận, tuy tu tập căn lực nhưng không phân biệt các căn của hữu tình và xa lìa lầm lỗi; tuy tu tập giác chi nhưng không phân biệt; tuy tu tập chi Thánh đạo nhưng tâm vô công dụng; tuy tu tập tịnh tín nhưng không chấp trước. Trí tuệ tự nhiên nhớ nghĩ các pháp với tâm trí bình đẳng, tu tập các diệu định mà tâm không phân biệt, quan sát diệu tuệ mà tâm không ngừng nghỉ. Tu tập quán chỉ tâm không có sự thấy, tu tập pháp quán tâm không có chỗ niệm. Tu tùy niệm Phật tâm thông suốt pháp giới bình đẳng, tu tùy niệm Pháp tâm không có chỗ trụ, tu tùy niệm Tăng nên thanh tịnh bản tâm. Giáo hóa hữu tình không có tâm phân biệt. Tâm pháp giới bao trùm tất cả pháp. Tâm như hư không, trang nghiêm cõi Phật. Tâm không có chỗ chứng đắc đạt Vô sanh nhẫn. Tâm không tiến lùi đạt Bất thối chuyển, xa lìa tâm tướng, không thấy có tướng. Ở trong tam giới dùng tâm bình đẳng, trang nghiêm tòa Bồ đề. Tâm không có chỗ giác ngộ biết rõ tất cả pháp. Tuy chuyển pháp luân nhưng không thấy người nghe, người nói. Tuy hiện Niết bàn nhưng biết bản tánh sanh tử bình đẳng".

"... Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, quán sát các pháp như vậy nhưng không thấy quán, không thấy có pháp để quán nên được thần thông tự tại. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh nên thấy tất cả hữu tình thanh tịnh".

Tất cả những dẫn chứng nói trên cốt nêu lên lối tu tịnh hạnh. Chỉ cần tu một trong lục độ vạn hạnh như tu tịnh giới thành công thì được gọi là Thánh. Không ai trong cõi đời này có thể tự hào là suốt đời không bao giờ phạm lỗi, chỉ có bậc đạo hạnh sâu dày mới có thể làm được, nên mới được

xưng tụng là Thánh nhân. Vì vậy, Phật bảo: "**... Bồ Tát nào chỉ cần tu một hạnh là đầy đủ các pháp. Như vậy, một hạnh cũng sanh về cõi Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì trong mỗi một hạnh đầy đủ các hạnh**".

Tu tịnh hạnh như vậy là sẵn sàng "dọn mình" để chứng Thánh. Nên trong phẩm "Niệm Trụ Đẳng" cũng như phẩm "Pháp Tánh" này Phật dạy tu tịnh hạnh quá thiết tha. Vậy, những ai ấp ủ Bồ đề tâm thương sót chúng sanh phải thọ trì những khuyến dẫn trên của chư Phật cho hạnh nguyện vuông tròn để sớm tế độ chúng sanh.

Có rất nhiều pháp môn vi diệu thuyết giảng trong phẩm này, chúng tôi chỉ lược tóm vài pháp môn chánh. Xin Quý vị thọ trì cẩn thận, đây là một phẩm hay nhất trong các phẩm hay nhất nói về pháp tánh và tịnh hạnh.

Sau đây chúng tôi trình bày các bậc thang giáo lý của Bồ Tát thập địa để các đạo hữu thấy tầm quan trọng trong việc chứng nhập pháp giới:

Bồ tát thập địa muốn chứng đắc Giác ngộ để được Chánh giác và Nhất thiết trí trí phải có 10 thân Như Lai. Phẩm "Pháp Tánh", Q.568, ĐBN, nói cứ tu xong một địa thì được một thân Như Lai:

1. Sơ địa tức Hoan hỉ địa thì được ***thân bình đẳng;***

2. Nhị địa tức Li cấu địa thì được ***thân thanh tịnh;***

3. Tam địa tức Phát quang địa thì được ***thân vô tận;***

4. Tứ địa tức Diệm tuệ địa thì được ***thân tu tập viên mãn;***

5. Xong ngũ địa tức Cực nan thắng địa thì được ***thân pháp tánh;***

6. Vào lục địa tức Hiện tiền địa thì được ***thân lìa tầm tứ;***

7. Xong a tăng kỳ kiếp tứ hai, vào thất địa tức Viễn hành địa thì được ***thân bất tư nghì;***

8. Bước vào a tăng kỳ kiếp thứ ba, nhập bát địa tức Bất động địa thì được ***thân tịch tịnh;***

9. Tu xong địa thứ chín Thiện tuệ địa thì được ***thân hư không;***

10. Vào địa vị thứ mười tức Pháp vân địa thì được ***thân diệu trí,*** *tức vào Đẳng giác, rồi chuyển qua Diệu giác thì thành Phật.*

Như vậy, từ sơ địa cho đến thất địa mới được thân bình đẳng, thân thanh tịnh, thân pháp tánh và thân khả bất tư nghì. Qua a tăng kỳ kiếp thứ hai trước khi thành Phật, mới được thân tịch tịnh, thân như hư không.

***

Ai cũng có thân, nhưng muốn được phạm hạnh hơn người thì ***phải có thân giáo***. *Thân giáo là giáo pháp vô ngôn. Tuy vô ngôn nhưng có hiệu năng cảm hóa được con người. Người có thân giáo phải là bậc gương mẫu có đạo hạnh, đáng được kính ngưỡng, đáng nêu gương.*

***

Xin trở lại vấn đề tu tịnh hạnh. Muốn vượt qua thập địa Bồ Tát, phải học Bát Nhã để chứng nhập thập nhị chơn như. Nhập thập nhị chơn như là nhập pháp giới tức Giác ngộ. Có Giác ngộ mới có cơ hội phục vụ chúng sanh. Vì vậy, Kinh bảo phải: "Thành tựu Bát Nhã, giáo hóa hữu tình"*, đó là* ***nhị hạnh của Bồ Tát***. *Viên mãn hai hạnh này là hoàn thành sứ mạng của Bồ Tát. Đó là mục tiêu đầu tiên cũng là mục tiêu tối hậu trong cuộc đời hành đạo của các Ngài. Không có mục tiêu này, cuộc đời của các Ngài không còn ý nghĩa nữa.*

***

Đọc xong phẩm này chẳng khác nào "nắng hạn gặp mưa sa", hay nói khác là uống được ngụm nước Cam lồ từ cõi Thánh. Vì vậy, trong phần giới thiệu của Hội thứ VI chúng tôi có nói: Nếu không đọc tụng và phùng trì pháp hội thứ VI này cũng như Kinh "Thắng Thiên Vương Bát Nhã" thì một ngày nào đó nếu có dịp tụng đọc hệ Bát Nhã, chắc sẽ ân hận thôi./.

---o0o---

07. PHẨM “BÌNH ĐẲNG”

Đầu quyển 570, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương phẩm 6 “Bình Đẳng”, Kinh TTVBN)

Gợi ý:

Đây cũng là thượng phẩm trong các phẩm thuộc Đại Bát Nhã. Nếu thông đạt phẩm này nữa sẽ nhập được thập nhị chơn như tức giác ngộ như phẩm pháp giới pháp tánh vừa tụng xong. Đại Bát Nhã đã giới thiệu các phẩm tương tự như vậy rải rác trong 5 Hội đầu. Tuy nhiên, ở đây Phật trực tiếp giảng dạy Thắng Thiên Vương ý nghĩa mầu nhiệm của từng giáo lý thâm diệu này. Và cũng nhờ tu các giáo lý này nên Phật mới được đầy đủ 10 thân Như Lai. Đồng thời phẩm này cũng giúp ích trong việc hóa độ chúng sanh cho những ai tu phạm hạnh.

Tóm lược:

Quyển 570

(Tất cả danh sắc tự tánh tịch tĩnh, không sanh không diệt nên gọi là bình đẳng)

Bấy giờ, Tối Thắng từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo phủ áo che vai bên trái, quì gối phải chấm đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Như đức Thế Tôn dạy, pháp tánh bình đẳng. Vậy thế nào là bình đẳng? Những pháp nào gọi là bình đẳng?

Phật dạy Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! **Các pháp quán bình đẳng, tự tánh của nó tịch tĩnh, không sanh không diệt, nên gọi là bình đẳng. Tất cả phiền não hư vọng phân biệt, tự tánh tịch tĩnh, không sanh không diệt, nên gọi là bình đẳng. Danh tướng phân biệt, tự tánh tịch tĩnh, không sanh không diệt, nên gọi là bình đẳng. Các điên đảo diệt, không khởi phan duyên nên gọi là bình đẳng. Tâm năng duyên vô minh, hữu ái diệt; si ái diệt, hoàn toàn tịch tĩnh, không còn chấp trước ngã và ngã sở nên gọi là bình đẳng. Vì ngã và ngã sở chấp vĩnh viễn không còn nên danh**

sắc tịch tĩnh, gọi là bình đẳng. Vì danh sắc diệt nên biên kiến không sanh, gọi là bình đẳng. Vì thường đoạn diệt nên thân kiến tịch tĩnh, gọi là bình đẳng.

Thiên vương phải biết: **Năng chấp sở chấp tất cả phiền não chướng, thiện ác ấy đều nương thân kiến mà sanh**. Nếu các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã phương tiện khéo léo năng diệt được thân kiến, tất cả phiền não và tùy miên đều vắng lặng, khởi muốn cũng dứt. Ví như đại thọ bị bật gốc rễ thì cành lớn nhỏ đều khô chết. Như người không đầu, mạng căn đều dứt. Tùy miên phiền não cũng lại như thế, nếu dứt thân kiến các thứ kia đều diệt hẳn. **Nếu người quán được các pháp vô ngã thì năng chấp sở chấp đều vắng lặng hẳn.**

(Bình đẳng mà Hiến Chương Liên Hiệp Quốc rêu rao như quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau, màu da sắc áo ngang nhau, ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo bình đẳng v.v... và v.v...chỉ là cái vỏ bên ngoài. Cái bình đẳng bên trong "tất cả phiền não hư vọng phân biệt, tự tánh tịch tĩnh, không sanh không diệt, nên gọi là bình đẳng. Danh tướng phân biệt, tự tánh tịch tĩnh, không sanh không diệt, nên gọi là bình đẳng. Các điên đảo diệt, không khởi phan duyên nên gọi là bình đẳng. Tâm năng duyên vô minh, hữu ái diệt; si ái diệt, hoàn toàn tịch tĩnh, không còn chấp trước ngã và ngã sở nên gọi là bình đẳng..." ***Tịch tĩnh bên trong*** *đưa đến cảnh giới thanh tịnh, nên bình đẳng này mới được xem là siêu việt.*

Thật quá sâu sắc! Bình đẳng cũng tức là không, là đệ nhất nghĩa, là bất khả tư nghì. Nên nói không do Phật làm ra, không ai làm ra, bất khả đắc, không thể học, không thể chứng).

Tối Thắng lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao ngã kiến khởi lại làm chướng ngại chân lý?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! **Đối với năm thủ uẩn, vọng chấp cho là ngã thì tức khởi ngã kiến**. Pháp chân thực tự tính bình đẳng, không có nắm bắt và cái được nắm bắt, trái với ngã kiến, nên không gọi là chướng.

Thiên vương nên biết! Thông đạt bình đẳng, gọi là quán Không chơn thực. **Không, Vô tướng, Vô nguyện, tự tính tịch tĩnh, không sinh,**

không diệt, không nắm bắt, không dính mắc, xa lìa ngã kiến, gọi là bình đẳng.

Thiên vương nên biết! Nói ngã là không đến không đi, không có chơn thật, là pháp phân biệt hư vọng, từ vọng sanh, cũng là hư vọng. Nếu các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo quán pháp như vậy thì lìa xa hư vọng, nên gọi là tịch tĩnh bình đẳng.

Thiên vương nên biết! Năng chấp, sở chấp gọi là lửa, xa lìa gọi là tịch tĩnh, hoặc chướng là lửa, xa lìa là tịch tĩnh. Nếu các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo, như thật biết năng chấp, sở chấp và các phiền não diệt thì thiện pháp tăng trưởng. Đoạn trừ năng chấp, sở chấp và các phiền não, nhưng không thấy sanh cũng không thấy diệt, nên gọi là bình đẳng. Tu hết thảy Ba la mật xa lìa ma chướng, nhưng không thấy có tu cũng không thấy có lìa nên gọi là bình đẳng.

(Bồ Tát phải quán ngoại duyên như thế nào để Phát sanh tâm bình đẳng?)

Bồ Tát thường duyên Bồ đề phần pháp, không khởi tâm Thanh Văn, Độc giác mà đối với các Bồ đề phần pháp, Thanh Văn, Duyên Giác, không thấy tướng khác nhau, gọi là bình đẳng. Tâm duyên Nhất thiết trí, không có ngừng nghỉ, thường tu **hạnh Không**; vì lực Đại bi không bỏ chúng sinh, gọi là bình đẳng.

Thiên vương nên biết! Nếu các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo, **đối với tất cả pháp, tâm duyên tự tại, tâm duyên vô tướng mà tu Bồ đề, không thấy vô tướng và Bồ đề khác nhau, nên gọi là bình đẳng. Tâm duyên vô nguyện, không bỏ tam giới, không thấy vô nguyện và tam giới khác nhau, nên gọi là bình đẳng**. Quán thân bất tịnh, tâm trụ thanh tịnh. Quán hành vô thường, tâm duyên sanh tử mà không chán bỏ. Quán hữu tình khổ, trụ Niết bàn vui. Quán pháp vô ngã, khởi tâm đại bi đối với các loài hữu tình, thường vì hữu tình mà nói thuốc bất tịnh, nhưng không thấy bệnh tham; thường nói đại từ nhưng không thấy bệnh sân; thường nói duyên khởi nhưng không thấy bệnh si. Vì những kẻ bệnh như vậy mà nói thuốc vô thường, nhưng không thấy các bệnh và vô thường khác nhau. Như vậy, Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo, đối với tất cả pháp, tâm duyên tự tại, duyên pháp ly

tham là giáo hóa Thanh văn, duyên pháp ly sân là giáo hóa Độc giác, duyên pháp ly si là giáo hóa Bồ Tát. Duyên tất cả sắc, vì nguyện được diệu sắc thanh tịnh vô sở đắc của Như Lai. Duyên tất cả âm thanh, vì nguyện được âm thanh vi diệu vô sở đắc của chư Phật. Duyên tất cả hương, vì nguyện được giới hương thanh tịnh vô sở đắc của chư Phật. Duyên tất cả vị, vì nguyện được tướng đại sĩ phu bậc nhất trong vị vô sở đắc của Như Lai. Duyên tất cả xúc, vì nguyện được bàn tay mềm mại vô sở đắc của Như Lai. Duyên tất cả pháp, vì nguyện được tâm tịch tĩnh vô sở đắc của Như Lai. Tâm duyên bố thí, vì muốn thành tựu thân tướng hảo của Phật. Tâm duyên tịnh giới, vì muốn được quốc độ cõi Phật thanh tịnh. Tâm duyên an nhẫn, nguyện được thân tịnh, quang minh, âm thanh Đại phạm của Như Lai. Tâm duyên tinh tấn, vì nguyện độ hữu tình thường không bị gián đoạn. Tâm duyên tĩnh lự, vì muốn thành tựu thần thông quảng đại. Tâm duyên Bát Nhã, vì muốn đoạn trừ tất cả phiền não vọng kiến. Tâm duyên đại từ bình đẳng vô ngại, vì muốn các hữu tình đều được an lạc. Tâm duyên đại bi, vì muốn hộ trì chánh pháp, cứu độ hữu tình thoát khỏi khổ lớn sanh tử. Tâm duyên đại hỷ, vì muốn được vô ngại tự tại nói pháp, làm vui tất cả hữu tình. Tâm duyên đại xả, vì không còn kiến chấp hữu tình, phiền não, trói buộc, tùy miên.

Thiên vương nên biết! Nếu các Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã, không thấy 2 việc thì gọi là hành bình đẳng. Duyên tứ nhiếp pháp vì hóa độ hữu tình. Duyên lỗi keo kiệt ganh ghét, vì bỏ tài sản, tu hành bố thí. Duyên lỗi phá giới, vì trụ tịnh giới. Duyên lỗi sân giận, vì muốn được an nhẫn. Duyên lỗi biếng nhác, vì muốn thành tựu đại lực tinh tấn của Như Lai. Duyên lỗi tán loạn, vì muốn đắc định thù thắng tịch tĩnh của Như Lai. Duyên lỗi ác tuệ, vì muốn thành tựu trí tuệ vô ngại của Như Lai. Duyên pháp nhị thừa, vì muốn thành tựu Đại thừa vô thượng. Duyên các cõi ác, vì muốn cứu độ tất cả hữu tình. Duyên các cõi thiện, vì muốn hữu tình biết quả của chư thiên và loài người đều sẽ tan hoại. Duyên các hữu tình, vì muốn hữu tình thông đạt tất cả chỉ là hư vọng, không bền chắc. Duyên tùy niệm Phật, vì muốn thành tựu định thù thắng trợ đạo. Duyên tùy niệm Pháp, vì muốn thông đạt các pháp bí tạng. Duyên tùy niệm Tăng, vì muốn hòa hợp chúng, tâm không thối chuyển. Duyên tùy niệm xả, vì không ái trước. Duyên tùy niệm giới, vì muốn được giới thanh tịnh. Duyên tùy niệm thiên, vì muốn thành tựu Bồ đề, chư thiên tán thán. Duyên tướng tự

thân, vì muốn được thân Phật. Duyên tướng tự ngữ, vì muốn được Phật ngữ. Duyên tướng tự ý, vì muốn được tâm bình đẳng của chư Phật. Duyên pháp hữu vi, vì muốn thành tựu Phật trí. Duyên pháp vô vi, vì muốn được tịch tĩnh.

(Mỗi chữ trong đoạn Kinh này là một viên ngọc, hiểu được cái bình đẳng này là thông hóa mọi cảnh giới liền thoát ly sanh tử, được Niết bàn tịch tĩnh, an vui)

(Thấy xấu thì biết tốt, tùy cơ hóa độ chúng sanh)

Thiên vương nên biết! Các Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật, không có luống qua một tâm một hạnh mà chẳng **hồi hướng Nhất thiết trí**. Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật như thế, tuy duyên khắp các pháp nhưng **không chấp trước**, cho nên gọi là phương tiện thiện xảo. Quán tất cả pháp đều hồi hướng đến đại Bồ đề. Giống như Tam thiên đại thiên thế giới sanh ra các vật, không một vật nào mà không được hữu tình thọ dụng. Cũng vậy, các cảnh giới mà Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật duyên vào, không có cảnh giới nào hồi hướng Bồ đề mà không lợi ích. Ví như các sắc, không có sắc nào mà không có nhân bốn đại chủng. Cũng vậy, các cảnh giới mà Bồ Tát duyên vào, không có một pháp nào mà không hướng đến Bồ đề. Vì sao? **Vì Bồ Tát tu hành đều do ngoại duyên mà được thành tựu. Nghĩa là các Bồ Tát thấy nhờ kẻ keo kiệt mà thành tựu bố thí Ba la mật; nhờ thấy kẻ bội ơn mà thành tựu tịnh giới Ba la mật; nhờ thấy kẻ ác mà thành tựu an nhẫn Ba la mật; nhờ thấy kẻ biếng nhác mà thành tựu tinh tấn Ba la mật; nhờ thấy kẻ tán loạn mà thành tựu tĩnh lự Ba la mật; nhờ thấy kẻ ngu si mà thành tựu Bát nhã Ba la mật.**

Như các hữu tình làm tổn não Bồ Tát, Bồ Tát nhờ đó chiết phục sân giận. Như thấy người tu hành thiện pháp hướng đến Bồ đề, Bồ Tát sanh tâm xem như con mình. Như thế, Bồ Tát tán thán, không ưa chê bai, không sanh sân giận. Thấy người không vui, Bồ Tát khởi tâm đại từ. Thấy người đau khổ, Bồ Tát khởi tâm đại bi. Thấy người an vui, Bồ Tát khởi tâm đại hỷ. Thấy người không khổ, Bồ Tát khởi tâm đại xả. Vì người khó giáo hóa, Bồ Tát phát khởi Xa ma tha *(chỉ)*. Vì người dễ giáo hóa, Bồ Tát phát khởi Tì bát xá na *(quán)*. Vì người tín hạnh, Bồ Tát phát khởi trí tri

ân. Nếu thấy hữu tình ác duyên bên ngoài mạnh hơn thiện duyên bên trong thì Bồ Tát khuyên nên thủ hộ. Nếu thấy người khỏe mạnh, đầy đủ năng lực thì Bồ Tát dùng đủ loại phương tiện dạy cho họ lãnh thọ giáo pháp. Nếu thấy hữu tình trí tuệ khai ngộ thì Bồ Tát tuyên thuyết pháp yếu sâu xa cho họ. Nếu thấy hữu tình giảng rộng mới ngộ thì Bồ Tát nói các pháp theo thứ lớp. Nếu các hữu tình chấp trước văn tự thì Bồ Tát nói cú nghĩa để cho họ hiểu. Nếu người đã học thiền chỉ thì Bồ Tát dạy thiền quán vi diệu. Nếu người đã học thiền quán thì Bồ Tát dạy thiền chỉ vắng lặng. Nếu người chấp chặt trì giới thì Bồ Tát nói địa ngục cho họ, nếu trì giới mà không chấp thì không nói điều này. Nếu người chấp văn tuệ thì Bồ Tát dạy tư tuệ. Nếu người chấp đẳng trì thì Bồ Tát dạy Bát Nhã. Nếu có người ưa thích A lan nhã thì Bồ Tát dạy pháp tâm viễn ly. Nếu có người thích nghe công đức của Phật thì Bồ Tát dạy cho họ nghe Thánh trí vô thượng.

Vì người tham dục, Bồ Tát dạy pháp bất tịnh. Vì người sân giận, Bồ Tát dạy pháp từ bi. Vì người ngu si, Bồ Tát dạy pháp duyên khởi. Vì người đẳng phần, Bồ Tát dạy các loại pháp, hoặc dạy pháp bất tịnh, hoặc dạy pháp từ bi, hoặc dạy pháp duyên khởi. Nếu người đã điều phục thì Bồ Tát dạy giới thanh tịnh, định thù thắng, tuệ vi diệu cho họ. Với người cần vào Phật thừa mới nhận sự giáo hóa thì Bồ Tát nói Ba la mật theo thứ lớp cho họ. Với người cần áp chế mới nhận sự giáo hóa thì Bồ Tát trước phải bẻ gãy ngôn từ của họ, sau mới nói pháp. Với người cần nghe nhiều ngôn từ mới nhận sự giáo hóa thì Bồ Tát nói nhân duyên thí dụ để cho họ được hiểu. Với người cần nghe pháp sâu xa mới nhận sự giáo hóa thì Bồ Tát nói Bát Nhã sâu xa, phương tiện thiện xảo, vô ngã, vô pháp cho họ.

Với người chấp thủ các kiến, Bồ Tát nên nói pháp Không. Với người nhiều tầm tứ, Bồ Tát nói pháp vô tướng. Với người chấp thủ pháp hữu vi, Bồ Tát nói pháp vô nguyện. Với người chấp thủ các uẩn, Bồ Tát nói pháp như huyễn. Với người chấp thủ các cõi, Bồ Tát nói pháp vô tánh. Với người chấp thủ các xứ, Bồ Tát nói pháp như mộng. Với người chấp thủ cõi Dục, Bồ Tát nói sự thiêu đốt hừng hực. Với người chấp thủ cõi Sắc, Bồ Tát nói pháp hành khổ. Với người chấp thủ cõi Vô sắc, Bồ Tát nói các hành vô thường. Với hữu tình khó giáo hóa, Bồ Tát tán thán Thánh chủng. Với hữu tình dễ giáo hóa, Bồ Tát nói pháp tĩnh lự và vô lượng tâm. Với người nghe nói sanh thiên mới chịu sự giáo hóa thì Bồ Tát nói pháp an lạc. Với người nhờ nghe pháp Thanh văn mới chịu sự giáo hóa thì Bồ Tát nói

pháp Thánh đế. Với người nhờ nghe pháp Độc giác mới chịu sự giáo hóa thì Bồ Tát nói pháp duyên khởi. Với người nhờ nghe pháp Bồ Tát mới chịu sự giáo hóa thì Bồ Tát nói tâm thanh tịnh. Với người tu hạnh Bồ Tát với pháp đại từ bi thì Bồ Tát nói pháp phước và tuệ. Với Bồ Tát bất thối thì Bồ Tát nói pháp tịnh độ. Với Bồ Tát chỉ còn một lần sanh nữa thì Bồ Tát nói pháp nghiêm tịnh tòa Bồ đề. Với người cần nghe Phật nói mới chịu sự giáo hóa thì Bồ Tát nói trình tự nhiều lần.

(Trăm ngàn thành tựu tánh đức trí tuệ để trở thành bậc Thánh hiền đều nằm trong các Thánh chỉ kể trên. Nếu chấp hành nghiêm mật các Thánh chỉ này thì một sớm một chiều không những chỉ trở thành Thượng tri thức của trăm người mà còn trở thành bậc Vô thượng giác ngộ của toàn thể chúng sanh nữa).

Thiên vương nên biết! Bồ Tát tu hành sâu Bát Nhã thanh tịnh như vậy, bằng phương tiện thiện xảo, đạt được các tự tại, nói pháp lợi ích, không có lỗi hư rỗng.

Khi đức Thế Tôn nói pháp tự tại của Bồ Tát thì ba vạn trời, người đều phát tâm Vô thượng Bồ đề, năm ngàn Bồ Tát đắc vô sanh nhẫn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền mỉm cười. Thường pháp của chư Phật mỉm cười như vậy thì từ miệng phóng ra vô lượng ánh sáng đủ màu sắc: Xanh, vàng, đỏ, trắng và màu pha lê, chiếu khắp 10 phương vô biên thế giới, hiện bày việc hiếm có, rồi trở về chỗ Phật, nhiễu quanh ba vòng, sau đó nhập vào đảnh Ngài.

(Phật thọ ký cho Thắng Thiên vương)

Khi thấy tướng tốt lành ấy, trong lòng Xá lợi Tử phân vân, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo y che vai trái, quì gối phải chấm đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì Ngài hiện tướng tốt lành này?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Này Xá lợi Tử! Trong vô lượng, vô số, vô biên đại kiếp quá khứ, **vị trời Tối Thắng ấy đã từng ở chỗ chư Phật, tu hành tất cả Ba la mật, vì các Bồ Tát mà thủ hộ Bát nhã Ba la mật**. Do nhân duyên đây, nên nay

ông ta được gặp Như Lai, tiếp nhận Bát nhã Ba la mật, trải qua vô lượng, vô số đại kiếp đời vị lai, tu tập tư lương Bồ đề vô thượng, sau đó chứng đắc Vô thượng Bồ đề, đầy đủ mười hiệu, tên Phật là Công Đức Trang Nghiêm, cõi nước tên là Tối Cực Nghiêm Tịnh, kiếp tên là Thanh Tịnh. Cõi ấy an lạc sung túc, dân chúng hưng thịnh đều là Bồ Tát Tăng, không có chúng Thanh văn. Đại địa cõi ấy do bảy báu trang nghiêm hợp thành, bằng phẳng như bàn tay, được trang sức bởi các loại cỏ cây, hương hoa xinh đẹp, không có các đồi núi gồ ghề, trang nghiêm bằng các loại cờ phướn lọng hoa. Cõi ấy có đô thành lớn tên là Nan Phục, bên trên được bao phủ bằng lưới bảy báu, kim tuyến bao quanh, linh vàng treo lơ lửng các góc. Ngày đêm sáu thời, trên không trung tấu nhạc và tán rải các loại hương hoa vi diệu của cõi trời. Dân chúng quốc độ ấy vui thích thọ lạc, thù thắng vi diệu hơn cả Thiên cung Tha hóa tự tại; trời, người đến đi không ngăn ngại nhau, không có ba đường ác và tên gọi Nhị thừa. Hữu tình cõi ấy chỉ cầu trí Phật. Phật ấy thường vì các đại Bồ Tát tuyên thuyết đủ loại pháp yếu thanh tịnh. Vô lượng, vô số, vô biên quyến thuộc Bồ Tát cõi ấy không có tà kiến chấp thủ, không có phá giới tà mạng, cũng không có đui, điếc, câm, ngọng, gù lưng, khuyết căn… và các việc xấu ác. Thân của các vị ấy được trang nghiêm bằng 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Cõi ấy, đức Như Lai thọ tám tiểu kiếp, chúng trời, người không có ai chết yểu. Phật ấy có vô lượng công đức như vậy. Nếu Phật muốn nói pháp thì trước hết phóng ánh sáng. Thấy ánh sáng ấy, các chúng Bồ Tát biết đức Thế Tôn sắp nói pháp, liền cùng nhau đến nghe.

Khi ấy, chư thiên trải tòa Sư tử cho Phật. Tòa ấy cao rộng trăm do tuần, trang nghiêm bằng đủ loại, cúng dường vô lượng. Đức Thế Tôn thăng tòa, vì chúng mà thuyết pháp. Các Bồ Tát ấy lợi căn thông minh, nghe qua một lần là lãnh hội, lìa xa ngã và ngã sở, khi ứng niệm thì các vật dụng, đồ ăn thức uống liền đến.

Lúc Phật nói pháp thọ ký Tối Thắng thì năm vạn trời, người thân tâm vui vẻ, cùng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đều nguyện đời vị lai sanh cõi Phật ấy.

Nghe Phật nói vậy, Tối Thắng vô cùng vui mừng, phấn khởi không sao tả được, bay lên hư không khoảng bảy cây Đa la, ba ngàn cõi biến động sáu cách, kĩ nhạc chư thiên không đánh tự kêu, tán rải các loại hoa trời cúng dường Phật, đại Bồ Tát và Thiên vương Tối Thắng.

Sau đó, Thiên vương Tối Thắng từ hư không bay xuống, đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi một bên*(1)*.

Thích nghĩa:

(1). Xin đọc Tạng Thư Phật Học (tangthuphathoc.net): Kinh "Thắng Thiên Vương Bát nhã Ba la mật", Vương tử Nguyệt Bà Thủ Na, người nước Ưu Thiền Ni, dịch Phạn ra Hán đời Trần. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, dịch từ Hán sang Việt, có tải trên các mạng Phật học, song song với pháp Hội thứ VI để hiểu và nắm vững tư tưởng của Hội này thêm.

Sơ giải:

1. Làm thế nào soi thấy các pháp bình đẳng?

Chúng ta thường mộc mạc nghĩ rằng tất cả mặt nước trên biển của thế giới bất cứ nơi nào… đều một mực ngang nhau, nên nói là bình đẳng hay nói bóng bẩy như Phật: Tất cả chúng sanh máu cùng đỏ, vị cùng mặn như nhau, đó là bình đẳng hay nghĩa vụ và quyền lợi của mọi sắc dân, mọi chủng tộc ngang nhau như Hiến Chương Liên Hiệp Quốc qui định, nên *gọi là bình đẳng... Bình đẳng này chỉ có trên phương diện cá nhân với cá nhân, cá nhân với cộng đồng, cộng đồng với các quốc gia dân tộc khác. Đây cái bình đẳng* **bên ngoài** *nên dễ thấy dễ biết. Vì dễ thấy, dễ biết, nên dễ nói… Sống mà thấy biết như vậy và thực hành được như vậy là có trình độ, có đạo đức hơn người.*

Lên một tầng nữa quán các pháp không sinh, không diệt, tự tánh vắng lặng. Do vậy, tất cả phiền não, giả dối, phân biệt, chấp trước, không sanh không khởi, tự tánh vắng lặng, nên nói là bình đẳng. Danh tướng hư vọng, các tưởng điên đảo, tâm phan duyên, ái hành bị chặt đứt... si ái không chỗ nương, không chỗ bám. Ngã và ngã sở không tồn tại thì danh sắc sẽ ngủ yên; danh sắc ngủ yên nên thân kiến, biên kiến, kiến thủ lấy đâu sanh *khởi. Thân kiến, biên kiến, kiến thủ chẳng thể sanh khởi nên chấp đoạn, chấp thường không còn gốc rễ thì tâm thể được bình đẳng, như như.*

Tất cả phiền não tương tục, năng thủ sở thủ, năng trước sở trước, chướng ngại pháp lành đều nương vào thân kiến mà *sinh trưởng.* ***Diệt được thân kiến thì tất cả tạo tác và kết sử đều đoạn dứt và vắng lặng,***

***nên được bình đẳng**. Đây là bình đẳng phát xuất từ **bên trong**, khó thấy. Vì khó thấy mà thấy được mới siêu suất. Như vậy, bệnh trong, bệnh ngoài hay cả hai không còn nữa thì pháp nhãn thanh tịnh. Lúc bấy giờ mới thấy chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh… hiện tiền. Nên thân tâm được như như bất động thì thân ngữ ý liền thanh tịnh. Vì vậy, Đại Bát Nhã thường bảo tất cả mọi thứ (năng duyên-sở duyên) trở nên tịch tĩnh nên nói là bình đẳng hay thanh tịnh.*

*Tất cả sai trái, phải quấy bắt đầu từ ngã kiến, ngã kiến che thì chướng ngại chân lý. Đối với thân năm ấm, vọng chấp có ngã liền **sinh ngã kiến**. Nhưng pháp chân thật tự tánh bình đẳng, như như, vốn không năng sở, chấp đắm. Chính do ngã kiến trái ngược chánh giác nên gọi là chướng.*

*Sạch trong sạch ngoài, không chỗ nương bám nên gọi là vắng lặng, tức gọi bình đẳng. Xa lìa ngã kiến, thấu rõ bình đẳng, gọi là quán không, tức là Không, Vô tướng, Vô nguyện. **Quán như vậy là chân thật, tức biết ngã không đến, không đi, không có phân biệt, tự tánh vắng lặng không sinh-diệt, không thủ-xả, xa lìa ngã kiến gọi là bình đẳng.***

Thực hành Bát Nhã quán sát các pháp như vậy, xa lìa được hư vọng. Nên có thể biết như thật đã đoạn trừ phiền não. Đoạn trừ nhưng chẳng có gì để đoạn trừ, vì không thấy pháp để tu và không thấy pháp để xa lìa, tự nhậm xa lìa nên bình đẳng mà được tự tại.

Đoạn Kinh của phẩm "Bình Đẳng" Q.570, Hội thứ VI này, được xem là thậm thâm khi nói về "bình đẳng tánh" trong thập nhị chơn như, như sau:

- "Bạch đức Thế Tôn! Khi ngã kiến khởi thì chướng ngại chân lý như thế nào?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Đối với năm thủ uẩn, vọng chấp cho là có ngã thì tức là khởi ngã kiến. Pháp chơn thật, tự tánh của nó bình đẳng, không có năng chấp và sở chấp. Nếu ngã kiến trái nhau, nên gọi là chướng ngại.

Thiên vương nên biết! Ngã kiến như vậy không ở trong, không ở ngoài, không ở 2 bên, đều không chỗ trụ nên gọi là tịch tĩnh, tức là bình đẳng xa lìa ngã kiến. Thông đạt bình đẳng, gọi là chơn thật Không. Quán sát Không, vô tướng, vô nguyện này tự tánh tịch tĩnh không sanh, không diệt, không thủ, không trước, xa lìa ngã kiến nên gọi là bình đẳng.

Thiên vương nên biết! Nói ngã là không đến không đi, không có chơn thật, là pháp phân biệt hư vọng, từ vọng sanh, cũng là hư vọng. Nếu các Bồ Tát hành Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo quán pháp như vậy thì lìa xa hư vọng, nên gọi là tịch tĩnh bình đẳng.

Thiên vương nên biết! Năng chấp, sở chấp gọi là lửa thiêu đốt, lìa tên gọi tịch tĩnh. Các phiền não chướng gọi là lửa thiêu đốt, lìa tên gọi tịch tĩnh. Nếu các Bồ Tát hành Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo, như thật biết năng chấp, sở chấp và các phiền não diệt thì thiện pháp tăng trưởng. Đoạn trừ năng chấp, sở chấp và các phiền não, nhưng không thấy sanh cũng không thấy diệt, nên gọi là bình đẳng. Tu hết thảy chủng loại Ba la mật lìa xa ma chướng, nhưng không thấy có tu cũng không thấy có lìa nên gọi là bình đẳng. Bồ Tát thường duyên pháp phần Bồ đề, không tác ý khởi Thanh văn, Độc giác, nhưng đối với phần Bồ đề Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát không thấy dị tướng, nên gọi là bình đẳng.

Thiên vương nên biết! Tâm không ngừng nghỉ duyên Nhất thiết trí, thường **tu hạnh Không**, do lực đại bi mà không bỏ hữu tình, nên gọi là bình đẳng. **Nếu các Bồ Tát hành Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo, đối với tất cả pháp, tâm duyên tự tại, tâm duyên vô tướng mà tu Bồ đề, không thấy vô tướng và Bồ đề khác nhau, nên gọi là bình đẳng. Tâm duyên vô nguyện, không bỏ tam giới, không thấy vô nguyện và tam giới khác nhau, nên gọi là bình đẳng v.v...**

(...) Thiên vương nên biết! Nếu các Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã sâu xa, không thấy hai thì gọi là hành bình đẳng".

Trong toàn thể ĐBN không có phẩm nào thuyết về bình đẳng vi diệu như phẩm này. Những ai chưa học Đại Bát Nhã cũng không thể biết cái bình đẳng "bên trong" này. Đó là nội chứng. Tuy nói chứng nhưng chẳng có gì để chứng. Vì bình đẳng không thể học không thể chứng.

2. Bồ Tát phải quán, phải duyên các pháp như thế nào?

Bồ Tát hành sâu Bát Nhã dạy chúng sanh 4 pháp quán về thân thọ tâm pháp là bất tịnh, là khổ, là vô thường, là vô ngã để chúng sanh tìm an vui Niết bàn v.v... Đó là quán: Tứ niệm xứ.

Đối với tất cả pháp Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo, dạy chúng sanh tâm duyên tự tại là giáo hóa Thanh văn, duyên pháp

ly sân là giáo hóa Độc giác, duyên pháp ly si là giáo hóa Bồ Tát. Duyên sắc, vì nguyện được diệu sắc thanh tịnh. Duyên âm thanh, vì nguyện được âm thanh vi diệu. Duyên hương, vì nguyện được giới hương thanh tịnh. Duyên vị, vì nguyện được tướng đại sĩ phu. Duyên xúc, vì nguyện được bàn tay mền mại để xoa dịu các nỗi đau thương của chúng sanh. Duyên tất cả pháp, vì nguyện được tâm tịch tĩnh.

"Tâm duyên bố thí, vì muốn thành tựu thân tướng hảo của Phật. Tâm duyên tịnh giới, vì muốn được quốc độ cõi Phật thanh tịnh. Tâm duyên an nhẫn, nguyện được thân tịnh, quang minh, âm thanh Đại phạm của Như Lai. Tâm duyên tinh tấn, vì nguyện độ hữu tình thường không gián đoạn. Tâm duyên tĩnh lự, vì muốn thành tựu thần thông quảng đại. Tâm duyên Bát Nhã, vì muốn đoạn trừ tất cả phiền não vọng kiến. Tâm duyên đại từ bình đẳng vô ngại, vì muốn các hữu tình đều được an lạc. Tâm duyên đại bi, vì muốn hộ trì chánh pháp, cứu độ hữu tình thoát khỏi khổ lớn sanh tử. Tâm duyên đại hỷ, vì muốn được vô ngại tự tại nói pháp, làm vui tất cả hữu tình. Tâm duyên đại xả, vì không còn kiến chấp hữu tình, phiền não, trói buộc, tùy miên".

"... Duyên tứ nhiếp pháp vì hóa độ hữu tình. Duyên lỗi keo kiệt ganh ghét, vì bỏ tài sản, tu hành bố thí. Duyên lỗi phá giới, vì trụ tịnh giới. Duyên lỗi sân giận, vì muốn được an nhẫn. Duyên lỗi biếng nhác, vì muốn thành tựu đại lực tinh tấn của Như Lai. Duyên lỗi tán loạn, vì muốn đắc định thù thắng tịch tĩnh của Như Lai. Duyên lỗi ác tuệ, vì muốn thành tựu trí tuệ vô ngại của Như Lai, v.v...".

Duyên tất cả pháp không kể tốt xấu mục đích giúp mình cải thiện thân tâm để trở thành người phạm hạnh thánh thiện hơn. Nếu thành công thì được cái thấy biết bình đẳng giữa chúng sanh và vạn hữu để dọn đường cho thánh trí tự giác xuất hiện.

3. Thấy xấu thì biết tốt, tùy cơ hóa độ chúng sanh.

Bồ Tát đối "với người chấp thủ các kiến, thuyết pháp Không. Với người nhiều tầm tứ, Bồ Tát nói pháp vô tướng. Với người chấp thủ pháp hữu vi, Bồ Tát nói pháp vô nguyện. Với người chấp thủ các uẩn, Bồ Tát nói pháp như huyễn. Với người chấp thủ các cõi, Bồ Tát nói pháp vô tánh. Với người chấp thủ các xứ, Bồ Tát nói pháp như mộng. Với người chấp

thủ cõi Dục, Bồ Tát nói sự thiêu đốt hừng hực. Với người chấp thủ cõi Sắc, Bồ Tát nói pháp hành khổ. Với người chấp thủ cõi Vô sắc, Bồ Tát nói các hành vô thường. Với hữu tình khó giáo hóa, Bồ Tát tán thán Thánh chúng. Với hữu tình dễ giáo hóa, Bồ Tát nói pháp tĩnh lự và vô lượng tâm. Với người nghe nói sanh thiên mới chịu sự giáo hóa thì Bồ Tát nói pháp an lạc. Với người nhờ nghe pháp Thanh văn mới chịu sự giáo hóa thì Bồ Tát nói pháp Tú đế. Với người nhờ nghe pháp Độc giác mới chịu sự giáo hóa thì Bồ Tát nói pháp duyên khởi. Với người nhờ nghe pháp Bồ Tát mới chịu sự giáo hóa thì Bồ Tát nói tâm thanh tịnh. Với người tu hạnh Bồ Tát với pháp đại từ bi thì Bồ Tát nói pháp phước và tuệ. Với Bồ Tát bất thối thì Bồ Tát nói pháp tịnh độ. Với Bồ Tát chỉ còn một lần sanh nữa thì Bồ Tát nói pháp nghiêm tịnh tòa Bồ đề. Với người cần nghe Phật nói mới chịu sự giáo hóa thì Bồ Tát nói trình tự nhiều lần".

Bồ Tát hành sâu Bát Nhã biết rõ tâm hành sai khác của chúng sanh Tăng cũng như Tục mà thuyết pháp tùy theo căn cơ để hóa độ như vậy.

Kết luận chung:

(Cho 3 phẩm: Pháp giới, pháp tánh và bình đẳng tánh).

Chơn như: Chơn là chơn thực, như là thường như, thể tính của các pháp chơn thực thường như. Pháp giới tức là nói chỗ nương của muôn pháp(tức thế giới ngoại). Pháp tánh là nói bản thể(thế giới nội). Bình đẳng là nói tâm không hai mà pháp cũng bất nhị, lìa tướng sai biệt. Nếu thấy muôn pháp đổi dời, tâm theo khách trần bị lay chuyển, thì đó là bệnh từ ngoài vào. Pháp vốn như, chẳng lúc nào chẳng như, nhưng tâm sanh diệt đổi dời, nên không thấy được như như. Đó là bệnh từ trong ra.

Phẩm kế tiếp có tên là "Hiện Tướng" Q.570, ĐBN. Nói: "Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã như vậy, tâm không có chỗ duyên cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì các Bồ Tát này, tâm không hành cũng không có chỗ hành, tâm không tưởng cũng không có chỗ tưởng, tâm không duyên cũng không có chỗ duyên, tâm không dính mắc cũng không có chỗ dính mắc, tâm không loạn cũng không có chỗ loạn, tâm không cao thấp, tâm không thuận nghịch, tâm không buồn, không vui, không phân biệt, lìa phân biệt…"

Nếu tâm không phân biệt, lìa tướng phân biệt chấp trước, thì tất cả pháp đều vắng lặng bình đẳng như như. Vậy thì trong, ngoài, cả hai đều không bệnh, tức được thanh tịnh thôi!

Pháp không cũng là không, pháp như cũng là không, pháp giới cũng không, pháp tánh cũng không, bình đẳng tánh cũng là không nốt. Tất cả đều bất khả đắc, chỗ gọi là đệ nhất nghĩa đế. Tất cả như vậy không do Phật làm ra, không do ai làm ra, không thể tu, không thể chứng, nên gọi là bất khả tư nghì.

Phương pháp hóa đạo có khác là tùy theo căn tánh chúng sanh, nên Bồ Tát thuyết có quán, có duyên, có trong, có ngoài, có trụ, không trụ, có tốt, có xấu... nhưng tâm Bồ Tát luôn luôn như như bất động.

Phẩm "Thắng Nghĩa Du Già" Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện:

"Các pháp như *(chơn như)*, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư dối, tánh chẳng biến khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới. Như Lai ra đời hoặc chẳng ra đời, tánh tướng thường trụ, **đấy gọi tất cả pháp tánh bình đẳng**. Tánh bình đẳng đây gọi pháp thanh tịnh, đây nương thế tục nói là thanh tịnh, chẳng nương thắng nghĩa. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa đế không phân biệt, không hý luận, bặt cả danh tự, ngôn thuyết".

Phẩm "Bình Đẳng" này *Phật cũng bảo:*

"Tâm duyên Nhất thiết trí, không có ngừng nghỉ, thường tu **hạnh Không**; vì lực Đại bi không bỏ chúng sinh, gọi là bình đẳng… Nếu các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo, **đối với tất cả pháp, tâm duyên tự tại, tâm duyên vô tướng mà tu Bồ đề, không thấy vô tướng và Bồ đề khác nhau, nên gọi là bình đẳng. Tâm duyên vô nguyện, không bỏ tam giới, không thấy vô nguyện và tam giới khác nhau, nên gọi là bình đẳng**".

(...) Thiên vương nên biết! Nếu các Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật, không thấy hai thì gọi là hành bình đẳng".

Tri kiến được Chơn như, Pháp giới, Pháp tánh, Bình đẳng tánh hay nói chung là thập nhị chân như tức Giác ngộ. Lại không phân biệt chấp trước, không theo hai pháp, không hành hai hạnh, không theo hai tướng... thì có thể tháo gở được bức màn đen tối phủ kín tâm thức ngàn đời để

chứng thật tế, được giải thoát mà sang bờ kia! Vì vậy, trong nhiều pháp hội thuộc ĐBN Phật thường nói Không, Như như, Bình đẳng và Thanh tịnh là các ***đại luân tự, là pháp ấn, là trí ấn, trí tạng*** *của chư Phật. Vì chúng là thân ấn, ngữ ấn, tâm ấn cũng là trí ấn, trí tạng ba đời của tất cả chư Phật. Phật tu Bồ Tát đạo, phải chứng thân bình đẳng, thân thanh tịnh, thân pháp tánh, thân bất khả tư nghì mới trở thành bậc Chánh giác.*

Phẩm"Bất Khả Động" Q.386, Hội thứ I, ĐBN. Nói:

"Nếu bản tánh của tất cả pháp chẳng không, thì các đại Bồ Tát chẳng vì các hữu tình thuyết tất cả pháp đều **bản tánh không**; thuyết như thế là hoại bản tánh không. Nhưng bản tánh không, lý chẳng thể hoại, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì lý bản tánh không không phương, không xứ, không từ đâu đến, cũng không về đâu. Lý không như thế cũng gọi là **pháp tánh**. Trong ấy không có pháp, không tụ, không tán, không tăng, không giảm, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh; tất cả pháp ấy vốn là tánh an trụ. Các đại Bồ Tát an trụ trong đó, cầu đạt quả vị Giác ngộ tối cao chẳng thấy các pháp có chỗ hướng đến, không chỗ hướng đến, vì tất cả pháp hoàn toàn không sở trụ, cho nên gọi là **pháp trụ**. Các đại Bồ Tát an trụ trong đó, tu hành Bát Nhã, thấy tất cả pháp bản tánh không rồi, nhất định hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, được bất thối chuyển. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy chẳng thấy có pháp có thể gây chướng ngại. Vì thấy tất cả pháp không chướng ngại nên đối với quả vị Giác ngộ tối cao chẳng sanh nghi hoặc, vì vậy nên không bao giờ thối thất".

Tu như vậy là đạt đến biên tế thực tại của tất cả pháp. Nên nói là chứng ***thật tế*** *thì có thể nhập Niết bàn. Người nào chứng được Chơn như thật tánh các pháp thì được xem là Giác ngộ. Vì vậy,* ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ nhất, Tập 2, quyển 32****, nói rằng:* "Khi đã vào được nơi Thật Tướng pháp rồi, thì chẳng còn có sự phân biệt giữa tướng và tánh. Lúc bấy giờ, tướng và tánh chỉ là một, chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bởi vậy, **nên Thật Tướng pháp còn được gọi là: Pháp như, pháp tánh, thật tế.**

- Pháp Như: Là tánh như như, bất biến của các pháp. Tánh ấy vốn thường KHÔNG.
- Pháp Tánh: Là bản tánh, là thật thể của các pháp. Tánh ấy vốn thường KHÔNG.

- Thật Tế: Là lý chân thật, vẹn toàn của các pháp. Thật Tế vốn cũng thường KHÔNG.

Hỏi: *Pháp Như, Pháp Tánh và Thật Tế có 3 nghĩa riêng khác, hay chỉ có một nghĩa thôi?*

Đáp: Pháp Như, Pháp Tánh và Thật Tế đều là Thật Tướng Pháp cả, đều diễn đạt lý KHÔNG của các pháp. **Chỉ là một nghĩa mà có 3 tên gọi khác nhau, để tùy trường hợp rộng giải về lý KHÔNG.**

Đây chỉ là phương tiện. Thật ra Pháp Như, Pháp Tánh, Thật Tế đều là bất khả đắc cả".

*Do đó, trong Đại thừa giáo, tất cả từ Chơn như, Pháp giới, Pháp tánh, Bất hư vọng tánh, Bất biến dị tánh, Bình đẳng tánh, Pháp định, Pháp trụ, Thật tế, Hư không giới, Bất tư nghì giới, Phật tánh, **Tánh Không**, Vô tướng, Thật Tướng, Pháp thân, Viên Thành Thực, Tự tánh Thanh tịnh thân, Bản lai diên mục, Như như, Niết bàn… tất cả những từ này đồng nghĩa với nhau, chúng lưu xuất từ giữa lòng chân tánh của tất cả vật thể trần gian hay nói theo thuật ngữ đạo Phật, từ trong cùng một bào thai của Như Lai gọi là Như Lai Tạng nên gọi là như. Chứng được như đó thì trở thành Như Lai không khác.*

Phải nói thêm rằng không có Kinh nào trong hệ Bát Nhã thuyết về các pháp không, pháp như, bình đẳng và thanh tịnh vi diệu như Hội thứ VI này, tụng đi tụng lại nhiều lần cũng cảm thấy chưa đủ. Văn từ cú nghĩa hết sức lưu loát, nghĩa thú lại quá phong phú thậm thâm. Nếu bỏ qua không tụng đọc thọ trì pháp hội này, là một điều thiếu sót to lớn. Đây là nét đặc thù của Hội thứ VI, ĐBN, có không khí khác hẳn với 5 pháp hội trước, giúp ích rất nhiều trong việc bồi đắp phước đức trí tuệ cho những ai nghiêm chỉnh thọ trì nó.

Mong rằng chứng giải trên mang lại xác tín cho người phụng trì./.

---o0o---

08. PHẨM "HIỆN TƯỚNG"

Cuối quyển 570, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương phẩm 7, "Hiện Tướng", Kinh TTVBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, Xá lợi tử hỏi Tối Thắng:

- Bồ Tát tu hành Bát Nhã sâu xa, bằng phương tiện thiện xảo thông đạt pháp tánh. Khi ấy, tức liền ngồi tòa Bồ đề, chứng đắc Vô thượng Bồ đề, chuyển bánh xe pháp vi diệu, độ chúng hữu tình. Vậy vì nhân duyên gì mà trước phải hiện tướng khổ hạnh 6 năm, hàng phục thiên ma, sau mới thành Chánh giác?

Tối Thắng đáp:

- Đại đức nên biết! Bồ Tát tu hành Bát Nhã, bằng phương tiện thiện xảo thông đạt pháp tánh, thật không có khổ hạnh, vì điều phục ngoại đạo nên thị hiện đó thôi. Lại nữa, Thiên ma kia là vua cõi Dục, bẩm tánh hiền hòa, thật chẳng đáng ngại, nhưng vì giáo hóa hữu tình nên thị hiện hàng phục. Vì các ngoại đạo tự xưng là mình tu khổ hạnh bậc nhất, nên Bồ Tát thị hiện tu khổ hạnh hơn các vị khổ hạnh ấy. Nghĩa là có các hữu tình thấy Bồ Tát đứng một chân, hoặc thấy Bồ Tát đứng giơ hai tay, hoặc thấy Bồ Tát đứng nhìn mặt trời, hoặc thấy Bồ Tát phơi thân dưới mặt trời, bốn bên đốt lửa chịu nóng, hoặc thấy Bồ Tát treo ngược thân, hoặc thấy Bồ Tát nằm trên gai gốc, hoặc nằm trên phân bò, hoặc ngồi trên đá, hoặc nằm trên đất, hoặc nằm trên ván mỏng, hoặc nằm trên cái chày, hoặc nằm trên tro đất, hoặc thấy Bồ Tát chỉ mặt áo bằng ván cây, hoặc mặc áo cỏ gai, hoặc mặc áo cỏ rơm, hoặc mặc áo vỏ cây, hoặc mặc áo cỏ tranh, hoặc lộ hình, hoặc hướng mặt về phía mặt trời, xoay chuyển theo mặt trời, hoặc thấy Bồ Tát chỉ ăn cây cỏ, hoặc ăn lúa mạch, hoặc ăn rễ cây, hoặc ăn lá cây, hoặc ăn hoa quả, hoặc ăn hoài sơn *(vị thuốc đông y màu trắng)*, hoặc ăn khoai sọ, hoặc ăn ngó sen, hoặc ăn đậu, hoặc ăn ngũ cốc, hoặc ăn mè, hoặc ăn gạo, hoặc sáu ngày ăn một bữa, hoặc uống nước qua ngày, hoặc trong một ngày chỉ ăn một chút bơ, hoặc một giọt mật, hoặc một giọt sữa, hoặc không ăn gì, hoặc thường ngủ say. Bồ Tát thị hiện đủ loại khổ hạnh như vậy, hơn sáu năm trường mà không thiếu sót buông bỏ tí nào. Nhưng thật

ra, Bồ Tát không có hành khổ hạnh ấy. Với những hữu tình đáng độ, tự thấy có Bồ Tát hành khổ hạnh như vậy. Có sáu mươi muôn ức các chúng trời, người do thấy việc này mà an trụ nơi Tam thừa.

Lại có trời, người đời trước đã trồng thiện căn tín lực thâm sâu ưa thích Đại thừa, nên khi thấy đài bảy báu của Bồ Tát ngồi, thấy Bồ Tát thân tâm bất động, nét mặt tươi vui mỉm cười, nhập vào đẳng trì tối thắng. Trải qua sáu năm, Bồ Tát mới từ định khởi xuất, có các trời, lại có chúng sinh vui sâu Đại thừa, nếu muốn nghe pháp, liền thấy Bồ Tát ngồi ngay ngắn thuyết pháp.

Đại đức nên biết! Bằng phương tiện thiện xảo như vậy, Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, chế phục thiên ma, ngoại đạo, đại bi hóa độ hết thảy hữu tình. Đã trải qua sáu năm, từ định khởi xuất, Bồ Tát tùy thuận thế pháp, đến sông Vô cấu tẩy rửa. Sau khi tắm rửa xong, Bồ Tát lên đứng trên bờ. Tại đây, có một người nữ chăn bò lấy sữa của trăm con bò hòa chung cho một con bò uống. Sau đó, nàng ta lấy sữa của con bò này nấu thành cháo sữa, dâng cho Bồ Tát.

Lại có sáu ức trời, rồng, Dược xoa, Kiện đạt phược… đều đem đủ loại hương thơm, đồ ăn thức uống mĩ vị đến dâng cho Bồ Tát, thưa rằng: “Thưa Đại sĩ! Thưa Chánh sĩ! Cúi xin Ngài thọ nhận đồ ăn thức uống của con cúng dường”. Bồ Tát vì thương họ mà thọ nhận tất cả.

Khi ấy, nàng mục đồng và các trời, rồng, Kiện đạt phược… ai cũng cảm thấy như Bồ Tát chỉ nhận đồ cúng của mình thôi.

Lúc đó, có vô lượng các trời, người… do thấy Bồ Tát nhận đồ cúng mà được ngộ đạo. Cho nên Bồ Tát vì họ mà thị hiện việc ấy. Thật ra, lúc bấy giờ, Bồ Tát không có tắm rửa, cũng không có thọ nhận của trời, người… cúng dường.

Đại đức nên biết! Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như vậy, bằng phương tiện thiện xảo, thị hiện đi đến tòa Bồ đề. Khi ấy, trời Địa cư tên là Diệu Địa cùng với các thiên thần quét dọn, trang hoàng, rưới nước hương, rải hoa thơm vi diệu khắp cả khu vực ấy.

Khắp ba ngàn đại thiên thế giới ấy, Tứ đại thiên vương thống lãnh chúng trời của mình tuôn trận mưa hoa vi diệu cúng dường Bồ Tát. Thiên chủ Đế Thích phân các Thiên vương thống lãnh chúng trời của mình, trụ giữa hư không tấu âm nhạc trời, tán thán Bồ Tát. Thiên vương Hỷ Túc thống lãnh chúng trời của mình, đem lưới bảy báu phủ khắp cả thế giới,

bốn góc lưới ấy được treo các linh vàng, tím và phun mưa các báu cúng dường Bồ Tát. Thiên vương Thiện Hóa thống lãnh chúng trời của mình, dùng lưới vàng, tím giăng khắp cả thế giới, đánh các loại nhạc trời, làm các loại mưa hoa cúng dường Bồ Tát. Thiên vương Tự Tại thống lãnh chúng trời của mình, như các rồng, Dược xoa, Kiện đạt phược… đem đủ các loại phẩm vật thượng diệu cúng dường Bồ Tát. Đại Phạm Thiên Vương, chủ thế giới Kham Nhẫn thấy Bồ Tát đến tòa Bồ đề, liền bảo tất cả chúng Phạm thiên rằng:

"Các ông nên biết! Nay Bồ Tát này, giáp trụ kiên cố, tự trang nghiêm mình, chẳng trái với thệ nguyện xưa, tâm không biếng nhác, các hạnh Bồ Tát đều đã đầy đủ viên mãn, thông đạt vô lượng pháp hóa độ hữu tình, đều được tự tại nơi các địa Bồ Tát. Tâm Ngài thanh tịnh, khéo biết hết thảy căn tánh khác nhau của các hữu tình, thông đạt tạng bí mật sâu xa của Như Lai, giác ngộ siêu tuyệt tất cả sự nghiệp của ma, tập hợp các thiện căn chẳng dựa vào ngoại duyên, được hết thảy các đức Như Lai hộ niệm, rộng vì hàm thức*(1)* mà khai mở môn giải thoát, là đại tướng Đạo sư đánh tan quân ma, dũng mãnh độc nhất trong đại thiên giới, là đại Y vương khéo cho thuốc pháp. Ngài từ bỏ sự quán đảnh, nhận ngôi vị pháp vương, phóng ánh sáng trí tuệ chiếu khắp các cõi, tám pháp thế gian chẳng nhiễm ví như hoa sen, thông đạt trọn vẹn các môn tổng trì, sâu xa khó lường giống như biển lớn, an định bất động như núi Diệu Cao, trí tuệ thanh tịnh không chút cấu nhiễm, trong ngoài tinh khiết như châu Mạc ni, với các pháp tướng đều được tự tại, phạm hạnh thanh bạch đạt đến tuyệt đối. Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như vậy, bằng phương tiện thiện xảo, vì độ hữu tình mà đến tòa Bồ đề, trải tòa, ngồi kiết già, hàng phục ma oán, thành tựu vô lượng vô biên công đức của chư Phật như: 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt và 18 pháp Phật bất cộng…, chuyển đại pháp luân, rống tiếng Sư tử, dùng pháp thí cho khắp tất cả hữu tình được đầy đủ như sở thích của họ, làm cho các hữu tình đều được pháp nhãn thanh tịnh, hàng phục ngoại đạo bằng pháp Vô thượng. Vì muốn nêu bày sự thành tựu bổn nguyện của chư Phật nên đối với các pháp, Ngài đều được tự tại. Các ông nên đến cúng dường Bồ Tát ".

Đại đức nên biết! Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như vậy, bằng phương tiện thiện xảo, thị hiện đi đến tòa Bồ đề. Khi ấy, tướng Bức luân ở dưới hai bàn chân đều phóng ra vô lượng ánh sáng vi diệu, chiếu khắp các cõi địa ngục,

bàng sanh, ngạ quỉ. Hữu tình trong các cõi này thấy ánh sáng đó đều lìa khổ, thân tâm an lạc. Cũng lúc ấy, trong cung rồng, Đại long vương tên Ca lý ca thấy ánh hào quang kia vô cùng vui mừng phấn khởi, liền bảo các rồng:

"Ánh sáng vi diệu này chiếu đến chỗ chúng ta, làm cho thân tâm chúng ta an lạc. Xưa kia, khi ta thấy ánh sáng này, thời có đức Như Lai xuất hiện ở thế gian. Nay lại thấy ánh sáng vi diệu này, nhất định ta biết thế gian có đức Phật xuất hiện. Các ông nên chuẩn bị các loại hương hoa, trân bảo, cờ phướn, lộng hoa thù diệu và các loại âm nhạc để đến cúng dường Ngài". Tức thời, long vương dẫn các quyến thuộc đem đủ các đồ cúng, cưỡi trên các đám mây lớn, rải xuống loại mưa hương, rồi đến chỗ Bồ Tát, tấu các loại nhạc, bày các đồ cúng dường, đi nhiễu bên phải Bồ Tát, tán thán rằng:

"Ánh sáng vi diệu khiến cho tất cả an lạc, quyết định Phật tối thắng suất hiện không nghi. Đủ loại trân bảo trang nghiêm đại địa, tất cả cỏ cây đều biến thành cây báu, các dòng sông đều lặng yên, không một gợn sóng, do đây nhất định biết được Phật xuất hiện ở thế gian. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, Phạm Thiên, Đế Thích đều không thể chiếu đến cõi ác, nhưng ánh sáng của Phật thì chiếu suốt không nghi. Thí như có người thất lạc cha mẹ, năm tháng trôi qua, người ấy lớn dần, bỗng gặp lại cha mẹ mình, vô cùng vui mừng phấn khởi, không sao kiềm chế được. Tất cả thế gian thấy Phật xuất hiện, đều cùng vui mừng cũng lại như vậy. Trong quá khứ, chúng ta đã từng cúng dường chư Phật, nên nay mới được gặp đấng Pháp vương, thầy của trời người. Chúng ta sanh ra thật là không uổng".

Đại đức nên biết! Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như vậy, bằng phương tiện thiện xảo, ở dưới gốc cây Bồ đề, nhận tòa ngồi bằng thảm cỏ, nhiễu phải bảy vòng, chánh niệm ngồi ngay. Các hữu tình hạ liệt thì thấy tướng như vậy. Nhưng các Bồ Tát thì thấy có tám vạn bốn ngàn Thiên tử, mỗi vị đều trải một tòa Sư tử lớn. Các tòa Sư tử này được làm bằng các báu, lưới bảy báu bao phủ trên ấy. Tại bốn góc tòa đều treo linh vàng vi diệu; cờ, phướn, kim tuyến, lọng báu giăng đầy khắp nơi. Bồ Tát biến hình, an tọa trên tám vạn bốn ngàn tòa Sư tử này, nhưng các Thiên tử đều không thấy như vậy, nên cho rằng Bồ Tát chỉ ngồi trên tòa của ta mà chứng được Vô thượng Bồ đề. Vì nhân duyên đây nên họ rất vui mừng, đối với Vô thượng Bồ đề đều được Bất thối chuyển.

Đại đức nên biết! Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như vậy, bằng phương tiện thiện xảo, phóng ánh sáng lớn giữa đôi chân mày, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, các cung điện ma đều mất ánh sáng. Khi ấy, các ma vương đều nghĩ: Vì nhân duyên gì mà có ánh sáng đây, che phủ cả cung điện uy quang của chúng ta, trừ phi Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề sắp chứng Vô thượng Bồ đề. Nghĩ vậy, họ cùng quán sát, thấy Bồ Tát ngồi trên tòa Kim cương, dưới cội Bồ đề. Thấy vậy, ma liền kinh sợ, triệu tập ma quân, vô lượng trăm ngàn đủ loại hình dạng, dẫn nhiều kỹ nữ, đem cờ phướn, phát ra đủ các loại âm thanh, nếu có người nghe thấy thì trong tai, mũi, miệng đều bị chảy máu.

Bấy giờ, Bồ Tát dùng lực đại bi khiến cho chúng ma quân không thể phát ra âm thanh. Đó gọi là Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã sâu xa.

Đại đức nên biết! Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã như vậy, nhớ nghĩ vô lượng ức kiếp quá khứ, đã tinh tấn tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, từ, bi, hỷ, xả, niệm trụ chánh đoạn, thần túc căn lực, giác chi, đạo chi, tịch chỉ, diệu quán, tam minh, tám giải thoát đều được viên mãn. Sau khi nhớ nghĩ xong, Ngài liền đưa cánh tay kim sắc xoa đảnh đầu mình cho đến khắp toàn thân, rồi nói như vầy: “Ta muốn cứu vớt các khổ của hữu tình, mà khởi tâm đại bi”.

Khi ấy, các ma vương và quyến thuộc của ma nghe Bồ Tát nói như vậy đều kinh sợ, ngã lăn xuống đất.

Bấy giờ, Bồ Tát dùng lực đại bi làm cho các chúng ma nghe âm thanh phát ra từ trong hư không rằng: “Các ngươi nên qui y đấng Đại tiên tịnh giới, người hay bố thí úy, cứu hộ tất cả”.

Toàn thể quyến thuộc ma phủ phục lạy sát đất thưa như vầy: “Cúi xin đấng Đại tiên cứu hộ mạng chúng con”.

Bồ Tát nương vào phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật, phóng ánh sáng lớn. Ai gặp ánh sáng ấy đều lìa xa sự sợ hãi. Ma và quyến thuộc thấy thần biến ấy vừa kinh sợ vừa vui mừng.

Đại đức nên biết! Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã như vậy, khiến cho các hữu tình đều thấy khác nhau: Có hữu tình thì thấy việc hàng ma như vậy, có hữu tình thì không thấy việc ấy, hoặc thấy Bồ Tát chỉ ngồi ở tòa cỏ, hoặc thấy Bồ Tát ngồi tòa Sư tử, hoặc thấy Bồ Tát ngồi trên đất, hoặc thấy Bồ Tát ngồi tòa Sư tử giữa hư không. Ngay cả tướng cây bồ đề,

hữu tình cũng thấy khác nhau: Như có người thì thấy đó là cây Tất bát la, có người thấy đó là cây Thiên Viên Thải, hoặc thấy cây ấy do các báu hợp thành, hoặc thấy cây ấy cao bằng bảy cây Đa la, hoặc thấy cây ấy cao khoảng tám vạn bốn ngàn du thiện na, có tòa Sư tử cao bốn vạn hai ngàn du thiện na, Bồ Tát ngồi trên toà ấy, ở dưới gốc cây này. Hoặc thấy Bồ Tát đi dạo giữa hư không, hoặc thấy Bồ Tát ngồi dưới cội Bồ đề. Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã như vậy, thị hiện đủ loại thần thông biến hóa, độ các hữu tình.

Đại đức nên biết! Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã như vậy, ngồi tòa Bồ đề, có vô lượng, vô số, vô biên Bồ Tát khắp 10 phương thế giới như cát sông Hằng đều vân tập về, trụ giữa hư không, phát ra nhiều loại âm thanh khích lệ Bồ Tát, khiến cho thân Bồ Tát an lạc, tâm sanh hoan hỷ, bằng những lời như vầy: “Lành thay Đại sĩ! Tinh tấn dũng mãnh, mau chóng thành tựu kiết tường rộng lớn, tâm như kim cương chớ sanh kinh sợ, thần thông du hý lợi lạc hữu tình, có thể trong một sát na chứng Nhất thiết trí”.

Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề ma đến nhiễu loạn đều không kinh sợ. Trong một sát na tâm, phương tiện thiện xảo, khéo tương ưng với lý thú Bát nhã Ba la mật, thông đạt rốt ráo tất cả sở tri, kiến, giác.

Đại đức nên biết! Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã như vậy, ngồi tòa Bồ đề, chư Phật khắp 10 phương thế giới như cát sông Hằng đồng thanh tán thán: “Lành thay! Lành thay! Chỉ có Đại sĩ mới thông đạt tự nhiên trí, vô ngại trí, bình đẳng trí, vô sư trí đại bi trang nghiêm”.

Đại đức nên biết! Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã như vậy, khéo thị hiện đủ các việc, làm cho các loài hữu tình, hoặc thấy Bồ Tát nay được Bồ đề, hoặc thấy Bồ Tát từ lâu đã thành Phật, hoặc chỉ thấy bốn Đại thiên vương trong một thế giới đều dâng hiến bát, hoặc lại thấy bốn Đại thiên vương khắp cả 10 phương thế giới nhiều như cát sông Hằng đều dâng hiến bát. Bấy giờ, Bồ Tát vì hữu tình nên nhận hết tất cả bát, chồng lên nhau trong lòng bàn tay, lấy tay ấn xuống hóa thành một bát. Các vị Tứ đại thiên vương đều không thấy, nên cho rằng đức Thế Tôn chỉ nhận bát của ta. Khi ấy liền có sáu vạn Thiên tử nương nguyện lực đời trước đến cúng Bồ Tát trước nhất. Trong đời quá khứ họ phát nguyện rằng: “Nếu khi Bồ Tát này thành Phật, mong Ngài nhận đồ cúng dường của chúng con đầu tiên”.

Lúc Phật nói pháp này, có ba vạn Bồ Tát đắc vô sanh pháp nhẫn, lại có ba mươi sáu vạn Bồ Tát đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề được Bất thối chuyển; tám vạn trời, người lìa xa trần cấu, sanh pháp nhãn thanh tịnh; vô lượng vô biên các loài hữu tình đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

Đại đức nên biết! Lúc bấy giờ, Bồ Tát nương vào phương tiện thiện xảo Bát Nhã, sắp thị hiện chuyển bánh xe pháp lớn thì Phạm vương Trì Kết chủ thế giới Kham nhẫn, liền cùng sáu mươi tám vạn các chúng Phạm thiên, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, chắp tay cung kính, đi nhiễu quanh bên phải bảy vòng, rồi thỉnh Phật ba lần: "Cúi xin đức Đại Bi thương xót chúng con mà chuyển bánh xe pháp lớn. Cúi xin đức Đại Bi thương xót chúng con mà chuyển bánh xe pháp lớn. Cúi xin đức Đại Bi thương xót chúng con mà chuyển bánh xe pháp lớn". Sau khi thỉnh ba lần như vậy, Phạm thiên liền hóa làm tòa đại Sư tử cao rộng bốn vạn hai ngàn du thiện na, kiên cố an ổn, trang nghiêm bằng đủ loại báu. Khi ấy, vô lượng thiên chủ Đế Thích khắp 10 phương thế giới, đều đến trải tòa Sư tử cho Như Lai, và số lượng chư thiên đến trang nghiêm tòa Sư tử cũng lại như vậy.

Bấy giờ, Bồ Tát hiện sức thần thông làm cho chư thiên đều thấy Bồ Tát ngồi trên tòa ấy mà chuyển pháp luân. Sau khi ngồi trên tòa Sư tử ấy, Bồ Tát nhập vào vô biên cảnh giới Tam ma địa, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp 10 phương thế giới nhiều như cát sông Hằng v.v…, làm cho các thế giới ấy chấn động sáu cách. Trong các thế giới ấy, các khổ của hữu tình tạm ngưng, thân tâm an lạc, cũng tạm lìa xa pháp ác bất thiện, tham, sân, si... Tâm từ cùng hướng về nhau như mẹ với con. Khi đó, ba ngàn đại thiên thế giới đầy kín người, không có khe hở nào dù bằng một lỗ chân lông. Trời, rồng, Dạ xoa, Kiện đạt phược, A tu la, Yết lộ trà, Khẩn nại lạc, Mạc hô lạc già, nhơn phi nhơn… đầy đủ trong ấy. Nếu các hữu tình cần nghe pháp khổ mà được thọ hóa thì nghe Phật nói khổ; cần nghe pháp vô ngã, tịch tĩnh, viễn ly, vô thường mà được thọ hóa thì cũng như vậy; cần nghe pháp như huyễn mà được thọ hóa thì nghe pháp như huyễn; cần nghe pháp như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như ánh sáng, như quáng nắng, như biến hóa, như thành Tầm hương mà được thọ hóa thì cũng lại như vậy; cần nghe pháp giải thoát môn không, vô tướng, vô nguyện mà được thọ hóa thì nghe Phật nói không, vô tướng, vô nguyện.

Khi ấy, có các hữu tình nghe Như Lai nói, tất cả các pháp từ nhân duyên sanh, hoặc nghe nói uẩn, hoặc nghe nói xứ, hoặc nghe nói giới, hoặc nghe nói khổ, hoặc nghe nói tập, diệt, đạo, hoặc nghe nói 4 niệm trụ, 4 chánh đoạn, 5 căn, 5 lực, 6 thần túc, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo, hoặc nghe nói pháp tịch chỉ diệu quán, hoặc nghe nói các pháp Thanh văn, hoặc nghe nói các pháp Độc giác, hoặc nghe nói các pháp Bồ Tát. Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã như vậy, thị hiện đủ loại tướng chuyển pháp luân, tùy theo căn tánh sai biệt của các hữu tình mà được lợi lạc, thân tâm hoan hỷ.

Khi ấy, Xá lợi tử nói với Tối Thắng:

- Này Thiên vương! **Cảnh giới mà Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã thật là quá thậm thâm, khó nghĩ, khó bàn, khó biết, khó nhập**.

Tối Thắng đáp:

- Thưa Đại đức! Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã, việc ấy thù thắng, công đức vô lượng vô biên, nay tôi có nói trăm phần, ngàn phần cho đến cực số phần cũng chẳng hết. Chỉ có đức Như Lai mới có thể nói trọn vẹn. Nay một ít phần ấy của tôi nói đều là nương vào sức oai thần của đức Như Lai. Vì sao? Vì cảnh giới của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, các chúng Bồ Tát chỉ còn một lần sanh nói công đức ấy còn chẳng thể hết, huống nữa là các vị Bồ Tát khác.

Đại đức nên biết! Cảnh giới của chư Phật tịch tĩnh, lìa ngôn thuyết, chỉ có trí vô phân biệt và hậu đắc trí mới có thể hiểu được.

Đại đức nên biết! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng nhập cảnh giới của chư Phật thì phải học phương tiện thiện xảo Bát Nhã, mới thông đạt rốt ráo Tam ma địa kiện hành, Tam ma địa như huyễn, Tam ma địa kim cương dụ, Tam ma địa kim cương luân, Tam ma địa vô động tuệ, Tam ma địa thông đạt khắp, Tam ma địa không duyên cảnh giới, Tam ma địa sư tử tự tại, Tam ma địa vua Tam ma địa, Tam ma địa công đức trang nghiêm, Tam ma địa tuệ tịch tĩnh, Tam ma địa siêu việt khắp, Tam ma địa vô nhiễm trước, Tam ma địa tuệ trang nghiêm vương, Tam ma địa vô đẳng đẳng, Tam ma địa đẳng giác, Tam ma địa chánh giác, Tam ma địa ý vui, Tam ma địa hoan hỷ, Tam ma địa thanh tịnh, Tam ma địa hỏa diệm, Tam ma địa quang minh, Tam ma địa nan thắng, Tam ma địa thường hiện tiền, Tam ma địa không hòa hợp, Tam ma địa vô sanh, Tam ma địa thông đạt,

Tam ma địa tối thắng, Tam ma địa vượt qua cảnh giới ma, Tam ma địa nhất thiết trí tuệ, Tam ma địa tràng tướng, Tam ma địa đại bi, Tam ma địa an lạc, Tam ma địa ái niệm và Tam ma địa pháp bất kiến…

Đại đức nên biết! Nếu đại Bồ Tát học phương tiện thiện xảo Bát Nhã thì có thể thông đạt rốt ráo vô lượng, vô biên hằng hà sa số môn Tam ma địa này, mới có khả năng chứng nhập cảnh giới của chư Phật, thân tâm an ổn, không có kinh sợ, như sư tử chúa không sợ cầm thú. Vì sao? Vì nếu các đại Bồ Tát tu các Tam ma địa bình đẳng như vậy thì hành động gì đều không kinh sợ, không thấy trước mặt mình có oán địch nào. Vì sao?

Thưa Xá lợi tử! Vì đại Bồ Tát này hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã sâu xa, tâm không có chỗ duyên cũng không có chỗ trụ. Thí như có người sanh cõi Vô sắc, trong tám vạn đại kiếp chỉ có một thức, không có chỗ trụ cũng không có chỗ duyên. Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã như vậy, tâm không có chỗ duyên cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì các Bồ Tát này, tâm không hành cũng không có chỗ hành, tâm không tưởng cũng không có chỗ tưởng, tâm không duyên cũng không có chỗ duyên, tâm không dính mắc cũng không có chỗ dính mắc, tâm không loạn cũng không có chỗ loạn, tâm không cao thấp, tâm không thuận nghịch, tâm không buồn, không vui, không phân biệt, lìa phân biệt, lìa Xa ma tha, Tỳ bát xá na, tâm chẳng theo trí, tâm chẳng trụ nơi mình cũng chẳng trụ nơi khác, chẳng nương vào mắt mà trụ, chẳng nương vào tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà trụ, chẳng nương vào sắc mà trụ, chẳng nương vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà trụ. Tâm chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở hai bên. Tâm chẳng duyên pháp cũng chẳng duyên trí, chẳng trụ 3 đời cũng chẳng lìa 3 đời.

Đại đức nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã ấy, chẳng giữ một pháp, nhưng đối với các pháp, trí thấy biết vô ngại, tâm hành thanh tịnh, thấy tất cả pháp đều không cấu nhiễm, không nắm bắt tướng thấy, thấy không phân biệt, lìa các hí luận.

Đại đức nên biết! Các Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã ấy, chẳng cùng với nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn tương ưng, cũng chẳng phải không tương ưng; cũng lại chẳng cùng với tất cả thiên nhĩ, tha tâm, túc trụ, thần cảnh, các trí lậu tận tương ưng, cũng chẳng phải không tương ưng.

Đại đức nên biết! Phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật cùng với tất cả pháp, đều chẳng tương ưng, cũng chẳng phải không tương ưng. Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật, đối với tất cả pháp được trí bình đẳng, khéo quán tâm hành của tất cả hữu tình, đều như thật biết tất cả nhiễm tịnh, cũng không quên mất 10 lực Phật, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, 18 pháp Phật bất cộng… và vô lượng, vô biên công đức của chư Phật. Các đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã phương tiện thiện xảo, không công dụng hạnh, đạt tất cả pháp không tâm ý thức, thường ở trong tam muội tịch tĩnh, không bỏ tam muội mà giáo hóa hữu tình, làm Phật sự thường chẳng nghỉ ngưng. Đối các Phật pháp được trí vô ngại, tâm không nhiễm đắm, ví như hóa Phật hóa làm Như Lai. Như Lai hóa ra vô thức, không thân không thân nghiệp, không ngữ không ngữ nghiệp, không ý không ý nghiệp mà năng thi tác được tất cả Phật sự nhiêu ích hữu tình. Vì sao? Vì là thần lực của Phật.

Bồ Tát như thế hành Bát Nhã sâu thẳm phương tiện thiện xảo hóa làm ra đó, không thân không thân nghiệp, không ngữ không ngữ nghiệp, không ý không ý nghiệp, tâm không công dụng, thường làm Phật sự nhiêu ích hữu tình. Vì sao?

Thưa Xá lợi tử! Vì các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã sâu xa, thông đạt các pháp đều như huyễn…, tâm không phân biệt, nhưng các hữu tình luôn nghe thuyết pháp.

Đại đức nên biết! Trí tuệ của các Bồ Tát này không trụ hữu vi, không trụ vô vi; không trụ các uẩn và các xứ, các giới, không trụ trong, ngoài và hai bên; không trụ thiện, ác và thế gian hay xuất thế gian; không trụ nhiễm-tịnh, hữu lậu-vô lậu, hữu vi-vô vi; không trụ ba đời và lìa ba đời; không trụ hư không, trạch diệt, phi trạch diệt. Các Bồ Tát này hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã, tuy tâm thường vô trụ như vậy, nhưng thông đạt tánh tướng các pháp; dùng trí vô ngại, vô công dung hạnh, tuyên thuyết các pháp thường tại tịch tĩnh, làm việc giáo hóa không có ngừng nghỉ. Nguyện lực đời trước của các Bồ Tát ấy vững mạnh, vô công dụng hạnh, vì người khác mà nói pháp. Các Bồ Tát ấy nhờ phương tiện thiện xảo Bát Nhã nên thường không kinh sợ. Vì sao? Vì hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm có thần Chấp Kim Cang thường luôn đi theo bảo vệ.

Đại đức nên biết! Nếu đại Bồ Tát nghe nói Bát nhã Ba la mật như vậy mà tâm không kinh sợ, không mê hoặc, không nghi ngờ thì nên biết vị ấy đã được thọ ký Bồ đề. Vì sao? Vì người tin nhận phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật là gần cảnh giới Phật. Dùng nhất tâm này thì có thể thông đạt tất cả Phật pháp. Thông đạt Phật pháp nên lợi lạc hữu tình, nhưng không thấy hữu tình và Phật khác nhau. Vì sao? Vì lý không hai.

Thích nghĩa:

(1). Hàm thức: (含識) *Phạm: Sattva. Pàli: Satta. Dịch âm: Tát đóa; dịch ý: Hữu tình, Chúng sinh. Cũng gọi Hàm linh, Hàm sinh, Hàm loại, Hàm tình, Bẩm thức. Chỉ chung tất cả chúng sinh hữu tình tức loài có tâm thức, trong 6 đường.*

Sơ giải:

Phẩm này nói về hiện tướng của một Bồ Tát trở thành một vị Phật, giống như trường hợp của Phật Thích Ca Mâu Ni. Thái tử Tất Đạt Đa bỏ vợ con, bỏ ngai vàng, bỏ cung điện vào núi tuyết tu khổ hạnh sáu năm, nhưng không tìm thấy Chánh giác. Nên rời núi tuyết vì thấy tu hành xác không mang lại lợi ích gì, mới đến sông Nairanjana (Ni Liên Thiền) tắm gội, nhưng khi lên bờ thì kiệt lực, bất tỉnh. May nhờ cô gái chăn bò tên Nanda (nandàbàla) đội bình sữa đi qua, nàng thấy Thái tử bất tỉnh vì quá suy nhược, nên mở bình sữa đổ ra một bát cho Thái tử uống. Bát sữa do cô gái dâng cho thanh khiết như nước Cam lồ, mang lại khí lực, nhờ đó thái tử mới có đủ sức, vượt sông Ni Liên Thiền đi về hướng núi Gaga.

Tại đây, Thái tử tìm thấy một tảng đá như cái nôi dưới cội bồ đề to lớn và quyết định ở lại đây tiếp tục thiền định, tìm Chánh giác. Có một chú bé cắt cỏ đi ngang qua, thấy dung mạo phi phàm của Thái tử, liền tặng tất cả cỏ do mình thu hoạch cho Thái tử dùng làm nệm ngồi.

Rồi sau 49 ngày thiền định, chế phục thiên ma, ngoại đạo. Khi sao Mai vừa ló dạng, Thái tử Tất Đạt Đa chứng tam minh, ngũ nhãn, lục thần thông và trong một sát na tương ưng với diệu tuệ diệt trừ được tất cả phiền não tương tục nhỏ nhiệm, trở thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau đó, Phật Thế Tôn chu du khắp châu thổ sông Hằng và vùng

Trung Bắc Ấn độ, hóa độ chúng sanh hết 45 năm, rồi nhập diệt tại rừng cây Tha la.

Đó là lịch sử hiện tướng của một Bồ Tát biến thành một vị Phật, gọi là Phật Thích Ca Mâu Ni tương tự như phẩm"Hiện Tướng" của Hội thứ VI này. Nhưng Phẩm "Hiện Tướng" này có tính cách thần bí không giống những gì mô tả trong thực tế.

Phật tích của Đức Thích Ca là một câu chuyện rất bình dị nhân bản. Vì bình dị nhân bản, nên gần gũi, đáng yêu, đáng ngưỡng mộ hơn bao giờ hết! Giống như câu chuyện động tâm của 1 vì vua, là Sơ Tổ dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử của Việt Nam chúng ta. (xem Phụ đính)

Còn hiện tướng miêu tả trong phẩm này có tánh "thần bí", không thuộc nhãn căn cảnh giới của chúng ta, nên không dám lạm bàn. Xá Lợi Tử nói với Thắng Thiên vương:

- "Này Thiên vương! **Cảnh giới mà Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã thật là quá thậm thâm, khó nghĩ, khó bàn, khó biết, khó nhập**".

Xá Lợi Tử, Ngài là bậc Thanh văn trí tuệ nhất trong hàng Thanh văn đã nói như thế. Nên chúng ta không bàn đến nữa. Ai muốn tin hiểu... thì tự mình thọ trì đọc tụng thôi.

Các giáo pháp đáng ghi nhớ ở đây là: Tâm không trụ bất cứ nơi nào, hành nhưng xem như vô hành, vô công dụng hạnh:

1- "(...)Vì đại Bồ Tát này hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã, tâm không có chỗ duyên cũng không có chỗ trụ. Thí như có người sanh cõi Vô sắc, trong tám vạn đại kiếp chỉ có một thức, không có chỗ trụ cũng không có chỗ duyên. Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã như vậy, **tâm không có chỗ duyên cũng không có chỗ trụ**. Vì sao? Vì các Bồ Tát này, tâm không hành cũng không có chỗ hành, tâm không tưởng cũng không có chỗ tưởng, tâm không duyên cũng không có chỗ duyên, tâm không dính mắc cũng không có chỗ dính mắc, tâm không loạn cũng không có chỗ loạn, tâm không cao thấp, tâm không thuận nghịch, tâm không buồn, không vui, không phân biệt, lìa phân biệt, lìa Xa ma tha, Tỳ bát xá na, tâm chẳng theo trí, tâm chẳng trụ nơi mình

cũng chẳng trụ nơi khác, chẳng nương vào mắt mà trụ, chẳng nương vào tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà trụ, chẳng nương vào sắc mà trụ, chẳng nương vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà trụ. Tâm chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở hai bên. Tâm chẳng duyên pháp cũng chẳng duyên trí, chẳng trụ 3 đời cũng chẳng lìa 3 đời".

Làm sao đạt được tâm không chỗ duyên? Làm sao đạt được vô sở trụ? Muốn thế thì phải **"…tâm không hành cũng không có chỗ hành, tâm không tưởng cũng không có chỗ tưởng, tâm không duyên cũng không có chỗ duyên, tâm không dính mắc cũng không có chỗ dính mắc, tâm không loạn cũng không có chỗ loạn, tâm không cao thấp, không thuận nghịch, tâm không buồn vui, không phân biệt, lìa phân biệt..."**

Đó là đỉnh cao của tu hành. Muốn được như vậy thì phải học Bát nhã Ba la mật thôi.

2- "(...)Trí tuệ của các Bồ Tát này không trụ hữu vi, không trụ vô vi; không trụ các uẩn và các xứ, giới, không trụ trong, ngoài và hai bên; không trụ thiện, ác và thế gian hay xuất thế gian; không trụ nhiễm, tịnh, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi; không trụ ba đời và lìa ba đời; không trụ hư không, trạch diệt, phi trạch diệt. Các Bồ Tát này hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã, tuy tâm thường vô trụ như vậy, nhưng thông đạt tánh tướng các pháp; dùng trí vô ngại, vô công dung hạnh, tuyên thuyết các pháp thường tại tịch tĩnh, làm việc giáo hóa không ngừng nghỉ. Nguyện lực đời trước của các Bồ Tát ấy vững mạnh, vô công dụng hạnh, vì người khác mà nói pháp. Các Bồ Tát ấy nhờ phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật nên thường không kinh sợ. Vì sao? Vì hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm có thần Chấp Kim Cang thường luôn đi theo bảo vệ".

Đó là hành, là trụ của Bồ Tát: Hành như vô đạo hành, trụ mà chẳng có chỗ trụ, là trụ như hư không.

Phụ đính:

Phật Hoàng Trần Nhân Tông:
Vị Phật Việt Nam của thời cận đại.

Một nhân vật được lịch sử Phật giáo Việt Nam tôn sùng, đó là Vua Trần Nhân Tông, Ngài là Sơ Tổ của dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử của Việt Nam và hầu như đa số Phật tử Việt Nam đều biết đến Ngài với tên gọi là Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Ngài là con trưởng của Vua Trần Thánh Tông và Hoàng Thái hậu Nguyên Thánh. Từ nhỏ có tướng đặc biệt là thân màu vàng, nên vua cha đặt cho biệt hiệu là Phật kim.

Khi lên 16 tuổi Ngài được lập làm Đông cung Thái tử và cùng năm đó Ngài kết hôn với Công chúa Quyên Khánh trưởng nữ của Hưng Đạo Đại Vương. Năm 21 tuổi Ngài được Trần Thánh Tông truyền ngôi trị vì thiên hạ nước Đại Việt, lấy niên hiệu là Thiệu Bảo. Với tài kinh ban tế thế Ngài mang lại an cư lạc nghiệp cho toàn thể dân chúng sau hai lần chiến thắng quân ngoại xăm Nguyên - Mông. Năm lên 41 tuổi, Ngài nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông, lên làm Thái Thượng Hoàng.

Ngài rất sùng đạo lúc thiếu thời đã thờ Tuệ Trung Thượng sĩ làm thầy học đạo và Thiền. Ngài thường viếng chùa Tư Phúc trong kinh thành để tụng kinh, tọa thiền, lễ bái Tam bảo.

Sau khi nhường ngôi cho con xong Ngài quyết định thọ giáo qui y. Nên, đến Hành cung Vũ Lâm - Ninh Bình cầu Quốc sư Huệ Tuệ làm lễ xuất gia, tập sự tu hành tại đây một thời gian. Ngài quyết tâm trở lại thăm kinh sư lần cuối, rồi đi thẳng lên núi Yên Tử - Quảng Ninh quyết chí tu hành, tham thiền nhập định, lấy tên là "Hương Vân Đại Đầu Đà" và độ Đồng Kiên Cương làm đệ tử và ban pháp hiệu cho đệ tử này là Pháp Loa.

Đến năm 1307, Ngài truyền Y Bát lại cho Tôn giả Pháp Loa, lên làm Sơ Tổ Trúc Lâm và Pháp Loa là Tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm. Sau đó, Ngài thường chống gậy lui tới các chùa để giảng Kinh, bốc thuốc, thí phát qui y cho dân chúng. Đến năm 1308 Ngài thị tịch tại am Ngọa Vân Đông triều - Tỉnh Quảng Ninh. Vua Trần Anh Tông cung thỉnh nhục thân Ngài về kinh đô Thăng Long cử hành Quốc táng. Sau đó, Vua, quần thần, văn võ bá quan, đệ tử Pháp Loa, Bảo Sát và chúng Tăng trong nước cử hành lễ Trà tỳ.

Xá lợi của Ngài được chia làm hai phần, một phần xây tháp thờ ở Lăng Quý Đức phủ Long Hưng - Thái Bình; một phần xây tháp tôn thờ tại chùa Vân Yên - Yên Tử, Quảng Ninh, lấy hiệu là Huệ Quang Kim Tháp.

Các tác phẩm Phật học của Ngài còn lưu truyền như: Trần Nhân Tôn thi tập, Đại Hương Hải Ấn thi tập, Tăng Già Toái Sự, Thạch Thất Mỵ Ngữ, Trung hưng Thực Lục trong đó có một số kệ nổi tiếng như Sơn Phòng Mạn Hứng, Cư Trần Lạc Đạo, Mười bài thơ Xuân, v.v...

Vào khoảng cuối đời, Ngài sống gần gũi, chia vui sẻ buồn với muôn dân trong cảnh bần hàn nghèo khổ. Ngài thường chống gậy xuống núi thí phát qui y, giảng đạo, bốc thuốc cho dân... cho đến khi viên tịch, thật xứng đáng là Phật Tâm Thiên tử của muôn dân. Nên được tấn phong là ***Trúc Lâm Đại Đầu Đà, Tịnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Phật Tổ****.*

Đó là Hiện Tướng của một vị Phật Việt Nam! Một câu chuyện thật động tâm không những đối với người xưa mà cả hôm nay. Một người đầy uy quyền, phú quý vinh quang, giàu sang danh vọng tột đỉnh,... lại mặc áo vá quàng, cơm canh dưa muối qua ngày, sớm hôm vui buồn cùng đạo, bầu bạn với đám dân đen, thật hiếm có lắm thay!

Phẩm này chỉ là trùng tuyên của các phẩm trước cùng tên. Kinh trước sau đều thuyết như vậy, nên chúng tôi ghi như vậy, chẳng có gì mới mẻ ở đây. Chúng ta có thể trì tụng phẩm kế./.

---o0o---

09. PHẨM "VÔ SỞ ĐẮC"

Đầu quyển 571, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương phẩm 8 "Không Có Đắc", Kinh TTVBN)

Gợi ý:

Giáo pháp "Vô Sở Đắc" hay "Bất Khả Đắc" là một trong những giáo pháp được lặp đi lặp lại nhiều lần nhất trong toàn hệ Bát Nhã. Tuy đọc quá nhiều lần, nhưng không bao giờ chán. Đó là giáo pháp tối cao của Phật đạo. Ngày nào còn ôm ấp trong tâm hai chữ "sở đắc" là ngày ấy còn sống trong mờ mịt, mộng ảo thôi. Đó là tự dối mình, dối người và cũng sẽ bị người khác lừa dối, phỉnh gạt thôi!

Ngoài giáo pháp vô sở đắc trên, các giáo pháp khác về tu tịnh hạnh để hộ trì chánh pháp cũng hết sức vi diệu, được xiển dương trong phẩm này mà bất cứ người tu Phật chân chánh nào cũng phải chấp trì nếu muốn thân tâm không dao động, nếu muốn đạt chánh hạnh, chánh giác, chứng Diệu trí, Diệu tuệ, các Tổng trì và các Vô ngại pháp môn khác v.v... Đây là các pháp tu thiết thực nhất cho những ai tu Bồ Tát đạo hay Bồ tát hạnh.

Tóm lược:

Quyển 571

(Muốn đắc thì không đắc, không muốn mới đắc)

Bấy giờ, trong hội có vị đại Bồ Tát tên là Thiện Tư hỏi Tối Thắng:
- Đức Phật đã thọ ký quả Bồ đề cho Thiên vương ư?
Tối Thắng đáp:
- Tôi tuy được thọ ký mà như trong mộng vậy.
Thiện Tư hỏi tiếp Tối Thắng:
- Thiên vương được thọ ký là đắc cái gì vậy?
Tối Thắng đáp:
- **Tôi tuy được thọ ký nhưng không đắc gì cả**.
Thiện Tư lại hỏi:
- Không đắc ấy là không đắc pháp nào?

Tối Thắng trả lời:

- Không đắc ấy là chẳng đắc ngã, chẳng đắc hữu tình, cho đến chẳng đắc sự thấy biết, chẳng đắc các uẩn và các xứ giới, hoặc thiện hay chẳng phải thiện, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc sanh tử, hoặc Niết bàn, đối với hết thảy như vậy đều không đắc gì cả.

Thiện Tư lại hỏi:

- Nếu không có đắc chi cả thì thọ ký để làm gì?

Tối Thắng đáp:

- Vì vô sở đắc nên được sự thọ ký.

Thiện Tư lại hỏi:

- Nếu như nghĩa Thiên vương đã nói đó, bèn có hai cái hiểu: Một là không được gì cả, hai là được trao ký?

Tối Thắng đáp:

- Nếu có hai thì không được thọ ký. Vì sao? Vì trí Phật không hai. Chư Phật Thế Tôn dùng trí không hai để thọ ký cho Bồ Tát.

Thiện Tư lại hỏi:

- Nếu trí chẳng hai thì làm sao có trao ký nhận ký?

Tối Thắng đáp:

- Trao ký và nhận ký, ngằn ấy không hai.

Thiện Tư lại hỏi:

- Nếu không hai làm sao có ký?

Tối Thắng đáp:

- Nếu hiểu được không có hai ngằn tức có thọ ký.

Thiện Tư lại hỏi:

- Thiên vương nay trụ trong ngằn nào mà được thọ ký vậy?

Tối Thắng đáp:

- Tôi trụ bờ ngã, trụ bờ hữu tình cho đến bờ mé của thấy biết mà được thọ ký.

Thiện Tư lại hỏi:

- Bờ ngã v.v... này phải cầu ở đâu?

Tối Thắng đáp:

- Phải cầu ở bờ giải thoát của chư Phật.

Thiện Tư lại hỏi:

- Bờ giải thoát của Phật lại cầu ở đâu?

Tối Thắng đáp:

- Phải cầu ở bờ vô minh, hữu, ái.

Thiện Tư hỏi:

- Vô minh, hữu, ái lại cầu ở đâu?

Tối Thắng đáp:

- Phải cầu ở bờ rốt ráo không sanh.

Thiện Tư hỏi tiếp:

- Bờ không sanh này cầu ở đâu?

Tối Thắng đáp:

- Bờ này phải cầu ở bờ vô tri.

Thiện Tư hỏi lại:

- Bờ vô tri ấy tức là không có sự hiểu biết, vậy thì làm sao bờ này phải cầu sang bờ kia?

Tối Thắng đáp:

- **Nếu theo sự hiểu biết mà cầu thì không thể được, vì vô tri nên mới cầu nơi bờ kia**.

Thiện Tư lại hỏi:

- Bờ này lìa sự nói năng thì làm sao có thể cầu?

Tối Thắng đáp:

- Bởi xa lìa ngôn ngữ nên có thể cầu được.

Thiện Tư lại hỏi:

- Ngôn ngữ này vì sao xa lìa?

Tối Thắng đáp:

- Vì các pháp dựa vào nghĩa, chẳng dựa vào ngữ.

Thiện Tư lại hỏi:

- Tại sao dựa vào nghĩa?

Tối Thắng đáp:

- Vì chẳng thấy tướng nghĩa.

Thiện Tư lại hỏi:

- Vì sao chẳng thấy?

Tối Thắng đáp:

- Chẳng khởi phân biệt nghĩa là bị nương, ta là hay nương, không hai việc đây nên gọi chẳng thấy.

Thiện Tư lại hỏi:

- Nếu chẳng thấy nghĩa này thì cầu chỗ nào?

Tối Thắng đáp:

- Không thấy không nắm bắt nên cầu.

Thiện Tư hỏi lại:

- Pháp có thể cầu ấy tức là có cầu?

Tối Thắng đáp:

- Nghĩa đấy chẳng phải. Bởi vì cầu pháp ấy thật không sở cầu. Vì sao? Nếu thật khá cầu tức là phi pháp.

Thiện Tư lại hỏi:

- Cái nào là pháp?

Tối Thắng đáp:

- Pháp không văn tự, cũng lìa ngôn ngữ.

Thiện Tư lại hỏi:

- Trong lìa văn tự ngôn ngữ thì cái nào là pháp?

Tối Thắng đáp:

- Tánh lìa văn tự ngôn ngữ, dứt chỗ tâm hành. Đây gọi là pháp. Tánh tất cả pháp đều không thể nói. Cái không thể nói cũng không thể nói. Nếu có nói ra tức là hư dối. Trong pháp hư dối hoàn toàn không có thật pháp.

Thiện Tư lại hỏi:

- Chư Phật Bồ Tát thường có lời nói, vậy đều là hư dối sao?

Tối Thắng đáp:

- Chư Phật Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng nói một chữ, thì làm sao có hư dối?

Thiện Tư lại hỏi:

- Nếu có nói ra sẽ mắc lỗi gì?

Tối Thắng đáp:

- Có lỗi về lời nói.

Thiện Tư lại hỏi:

- Lời nói có lỗi gì?

Tối Thắng đáp:

- Có lỗi về nghĩ bàn.

Thiện Tư lại hỏi:

- Pháp nào không lỗi?

Tối Thắng đáp:

- Có nói, không nói chẳng thấy hai tướng thì không có lỗi.

Thiện Tư lại hỏi:

- Lỗi lấy gì làm gốc?

Tối Thắng đáp:

- Năng chấp làm gốc.

Thiện Tư lại hỏi:

- Chấp lấy gì làm gốc?

Tối Thắng đáp:

- Lấy **tâm chấp đắm làm gốc**.

Thiện Tư lại hỏi:

- Đắm lấy gì làm gốc.

Tối Thắng đáp:

- **Hư vọng phân biệt là gốc.**

Thiện Tư lại hỏi:

- Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?

Tối Thắng đáp:

- Vin vào duyên làm gốc.

Thiện Tư lại hỏi:

- Duyên theo chỗ nào?

Tối Thắng đáp:

- Duyên theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Thiện Tư lại hỏi:

- Làm thế nào để không duyên theo?

Tối Thắng đáp:

- **Nếu xa lìa ái, thủ thì không còn chỗ để duyên. Vì nghĩa này nên Như Lai thường nói các pháp bình đẳng, không thể duyên theo được.**

Khi nói pháp này có năm ngàn Bí sô xa lìa trần cấu sanh pháp nhãn thanh tịnh. Lại có một vạn hai ngàn Bồ Tát đắc Vô sanh nhẫn. Vô lượng, vô biên hữu tình đều phát tâm quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, Tối Thắng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chệch y che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những thiện nam, thiện nữ nghe Bát Nhã thâm sâu, làm thế nào để những người chưa phát Bồ đề tâm liền có thể phát tâm, tất cả đều thành tựu và đạt được Bất thối chuyển, sự tu hành thường tiến chẳng lùi?

Phật dạy:

- Thiên vương! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và suy nghĩ thật kỹ. Ta sẽ nói cho ông.

Tối Thắng thưa:

- Lành thay, Đại Thánh! Cúi xin Ngài nói cho, chúng con muốn nghe.

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương phải biết! Nếu các thiện nam, thiện nữ nghe Bát Nhã thâm sâu, đem ý thuần tịnh phát Bồ đề tâm, đầy đủ chánh tín, gần gũi Thánh Hiền, ưa nghe chánh pháp, xa lìa sự đố kỵ, bỏn sẻn, thường tu tịch tĩnh, ưa hành bố thí, tâm không hạn ngại, lìa các uế trược, chánh tín nghiệp quả, tâm chẳng do dự, biết rõ như thật nghiệp quả đen trắng. Nếu vì thân mạng quyết chẳng làm ác. Những thiện nam, thiện nữ này tu hành Bát Nhã thâm sâu như vậy thì có thể xa lìa 10 nghiệp ác đạo, tâm thường nhớ nghĩ về 10 thiện nghiệp đạo. Những thiện nam, thiện nữ này hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, nếu gặp các Sa môn, Bà la môn v.v... tinh tấn tu hành chân chánh, giới phẩm trong sạch, nghe nhiều hiểu nghĩa thì thường khởi lên chánh niệm, tâm tánh điều hoà nhu nhuyến, tịch tĩnh không loạn, thường ái ngữ, siêng tu các điều thiện, xa lìa các điều ác; chẳng đề cao mình, chẳng khinh thường người khác; lìa lời thô ác, bỏ lời vô nghĩa, chẳng bỏ niệm trụ, tâm giữ trung thực, thường dứt hung bạo, khéo nhổ tên độc, vứt bỏ hoàn toàn các gánh nặng, ra khỏi tám nạn xứ, không còn thọ thân sau. Những thiện nam, thiện nữ này tu hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã thâm sâu, nếu gặp Bồ Tát này thì phải nương tựa gần gũi để làm bạn tốt.

Khi ấy, Bồ Tát này dùng phương tiện thiện xảo tùy theo sự thích nghi, vì họ mà thuyết pháp: "**Các ông nên biết! Người thường bố thí sẽ được giàu vui. Thọ trì tịnh giới thì được tôn quí sanh lên trời. Lắng nghe chánh pháp thì được trí tuệ lớn, lại bảo**:

Đây là bố thí, đây là quả của bố thí.

Đây là xan tham, đây là quả của xan tham.

Đây là tịnh giới, đây là quả của tịnh giới.

Đây là phạm giới, đây là quả của sự phạm giới.

Đây là an nhẫn, đây là quả của an nhẫn.

Đây là tức giận, đây là quả của sự tức giận.

Đây là tinh tấn, đây là quả của sự tinh tấn.

Đây là biếng nhác, đây là quả của sự biếng nhác.
Đây là tịnh lự, đây là quả của tịnh lự.
Đây là tán loạn, đây là quả của tán loạn.
Đây là diệu tuệ, đây là quả của diệu tuệ.
Đây là ngu si, đây là quả của ngu si.
Đây là nghiệp lành của thân, đây là quả của nghiệp lành nơi thân.
Đây là nghiệp ác của thân, đây là quả của nghiệp ác nơi thân.
Đây là nghiệp lành của lời nói, đây là quả nghiệp lành của lời nói.
Đây là nghiệp ác của lời nói, đây là quả của nghiệp ác nơi lời nói.
Đây là nghiệp lành của ý, đây là quả của nghiệp lành nơi ý.
Đây là nghiệp ác của ý, đây là quả nghiệp ác của ý.
Đây là pháp nên làm, đây là pháp chẳng nên làm.

Nếu tu như thế thì cảm nhận được niềm vui lâu dài. Còn không tu như vậy thì chịu khổ triền miên. Những thiện nam, thiện nữ này tu hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã thâm sâu, gần gũi bạn lành, được nghe thuyết pháp thứ tự như vậy".

Khi Bồ Tát này biết người có pháp khí thì vì họ **tuyên thuyết Bát Nhã** thâm sâu, nghĩa là không, vô tướng, vô nguyện, không tạo tác, không sanh, không diệt, không ngã, không hữu tình, nói rộng cho đến người biết, người thấy. Lại **tuyên thuyết duyên khởi** sâu xa, nghĩa là do pháp này có nên pháp kia sanh. Khi pháp này diệt thì pháp kia cũng diệt theo. Đó là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, sầu than, khổ, ưu, não. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì lão tử, sầu than, khổ, ưu, não diệt.

Khi Bồ Tát này hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã thâm sâu lại nói thế này:

Trong lý chân thật không có một pháp nào có thể sanh có thể diệt. Vì sao? Vì các pháp thế gian đều do nhân duyên sanh, không có ngã, hữu tình, người tạo tác, người lãnh thọ. Nhân duyên hòa hợp thì nói pháp sanh. Nhân duyên ly tán thì nói pháp diệt. Không một pháp thật nào để lãnh thọ sự sanh diệt, hư vọng phân biệt trong ba cõi chỉ là giả danh, tùy theo nghiệp chướng phiền não mà thọ quả báo dị thục. Nếu dùng Bát Nhã như thật quán sát thì tất cả pháp không sanh, không

diệt, không tạo, không nhận. Nếu pháp không tạo cũng là pháp không hành, thì đối với các pháp, tâm không có chấp trước. Nghĩa là chẳng đắm sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng đắm nhãn xứ cho đến ý xứ; chẳng đắm sắc xứ cho đến pháp xứ; chẳng đắm nhãn giới cho đến ý giới; chẳng đắm sắc giới cho đến pháp giới; chẳng đắm nhãn thức giới cho đến ý thức giới.

Khi ấy Bồ Tát lại nói thế này:

Tự tánh các pháp đều rốt ráo Không, vắng lặng xa lìa, không nắm giữ, không đắm trước. Các thiện nam, thiện nữ nghe nói lời như vậy, vẫn tu hành thì càng ngày càng tiến chứ không thối lui.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã muốn gặp chư Phật, ưa nghe chánh pháp, chẳng rơi vào dòng ti tiện; dù sanh ở nơi nào cũng được gặp Phật, được nghe chánh pháp và cúng dường chúng Tăng. Thường diện kiến chư Phật, dõng mãnh tinh tấn, chí cầu chánh pháp, chẳng đắm vợ con, tôi tớ hữu vi. Đối với của cải nhu cầu sinh sống cũng chẳng tham đắm, chẳng nhiễm các dục. Thường nương chánh giáo tu tập pháp Phật, bỏ tục xuất gia như giáo lý tu hành, lại dạy cho người khác. Tuy chỉ dạy cho người khác nhưng chẳng cầu đền đáp. Thấy người nghe pháp thường khởi đại từ. Đối với loài hữu tình thường khởi đại bi, học rộng nghe nhiều chẳng tiếc thân mạng. Thường ưa hạnh viễn ly, ít muốn, vui đủ. Chỉ cầu tìm nghĩa lý, chẳng câu nệ lời nói. Thuyết pháp tu hành không chỉ vì mình, mà vì loài hữu tình được nguồn vui Vô thượng, gọi là Bồ đề của Phật, là cảnh giới đại Niết bàn.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, tu hành như vậy sẽ xa lìa sự buông lung, dõng mãnh tinh tấn, hộ trì các căn. Khi mắt thấy sắc chẳng đắm tướng của sắc, như thật quán sát tội lỗi của sắc này. Tai tiếng, mũi hương, lưỡi vị, thân xúc, ý pháp cũng thế. **Nếu buông thả các căn gọi là buông lung**. Nếu thường hộ trì gọi là không buông lung. Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã bằng phương tiện thiện xảo, điều phục tự tâm, giúp người giữ ý gọi là không buông lung, xa lìa tham dục, tâm thuận pháp lành, quán sát sân si chẳng phải gốc của căn lành, nghiệp ác thân ý là hai tà mạng. Tất cả nghiệp chẳng lành đều phải xa lìa gọi là không buông lung. Khi đại Bồ Tát này hành Bát Nhã, tâm thường chánh niệm gọi là không buông lung. Đại Bồ Tát này biết tất cả

pháp, lấy đức tin làm đầu. **Người nào chánh tín sẽ không đọa cảnh giới ác, tâm chẳng làm ác, được Thánh Hiền khen ngợi.**

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, tu hành đúng pháp, dù sanh chỗ nào thường được gặp Phật, xa lìa nhị thừa, an trú chánh đạo, được đại tự tại, thành tựu việc lớn gọi là Chánh trí giải thoát của các Như Lai. Đại Bồ Tát này hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã muốn cầu an lạc, thường siêng tùy thuận đạo Nhất thiết trí.

Thiên vương nên biết! Nay đại chúng đây được nghe Bát Nhã như vậy, là nhờ đã từng ở vô lượng đại kiếp trong quá khứ cúng dường chư Phật, tu tập căn lành. Vì vậy, cần phải siêng năng tinh tấn hơn, đừng để lui mất. **Nếu các trời người thường chế ngự các căn, chẳng đắm năm dục lạc, xa lìa thế gian, thường tu xuất thế, thanh tịnh ba nghiệp, tu tập pháp trợ đạo gọi là không phóng dật**. Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, đầy đủ chánh tín, tâm không buông lung, siêng tu tinh tấn, đạt được thắng pháp, gọi là không buông lung. Các đại Bồ Tát muốn đủ chánh tín, tâm không buông lung, tinh tấn chánh niệm, phải học Bát Nhã. Nhờ niệm trí này mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đã mong cầu. Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, đầy đủ chánh tín, tâm không buông lung, siêng tu tinh tấn liền được chánh niệm. Dùng niệm trí này biết có, biết không.

(Thế nào gọi là có, thế nào gọi là không?)

Thế nào là có, là không? **Nếu tu chánh hạnh được chánh giải thoát, đây gọi là có. Nếu tu tà hạnh được chánh giải thoát, đây gọi là không.**

Sáu căn: mắt, tai, mũi v.v... Sáu cảnh: sắc, thanh, hương vị v.v... Thế tục là có. Thắng nghĩa là không.

Bồ Tát tinh tấn chứng được Bồ đề, đây gọi là có. Bồ Tát biếng nhác chứng được Bồ đề, đây gọi là không.

Nói 5 thủ uẩn đều từ hư dối phân biệt mà sanh, đây gọi là có. Nói pháp thế tục tự nhiên mà khởi chẳng phải do nhân duyên, đây gọi là không.

Nói sắc là pháp vô thường, khổ bại hoại, đây gọi là có. Nếu nói thường vui chẳng phải pháp bại hoại, đây gọi là không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Vô minh duyên hành, đây gọi là có. Nếu lìa vô minh mà hành phát sinh, đây gọi là không. Cho đến sanh duyên lão tử, sầu than khổ não cũng lại như vậy.

Bố thí được phước lớn, đây gọi là có, còn bần cùng thì gọi là không.

Thọ trì tịnh giới được sanh cõi lành, đây gọi là có, sanh vào cõi ác thì gọi là không.

Cho đến tu tuệ được thành Thánh, đây gọi là có, tu huệ mà trở thành kẻ ngu si thì gọi là không.

Nếu tu tập nghe nhiều sẽ được trí lớn, đây gọi là có, còn ngu si thì gọi là không.

Nếu tu chánh niệm, thường được xuất ly, đây gọi là có, không được gọi là không.

Nếu tu tà niệm chẳng được xuất ly, đây gọi là có, thường được xuất ly là không.

Nếu lìa ngã và ngã sở thường được giải thoát, đây gọi là có. Chấp ngã và ngã sở nếu được giải thoát, đây gọi là không.

Nếu nói hư không ở khắp tất cả mọi nơi, đây gọi là có. Nói trong năm uẩn có ngã chơn thật, đây gọi là không.

Như thật tu trí thường được giải thoát, đây gọi là có; nếu mắc vào tà trí mà được giải thoát, đây gọi là không.

Lìa các ngã kiến v.v... được Không trí, đây gọi là có. Đắm vào các ngã kiến v.v... thường được trí Không, đây gọi là không.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát tu hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã thâm sâu biết có biết không của thế gian, thường tu bình đẳng, hiểu rõ các pháp do nhân duyên sanh; vì theo thế tục nên nói có, chẳng khởi thường kiến; biết pháp nhân duyên bản tánh của chúng đều là Không, chẳng sanh đoạn kiến, đối với giáo pháp của chư Phật như thật thông suốt.

Thiên vương nên biết! Phật vì Bồ Tát lược nói bốn pháp là thế gian. Sa môn, Bà la môn v.v... và trời Trường Thọ đều đeo chấp thường. Vì phá chấp này, thuyết các là vô thường. Có những trời người nhiều tham đắm dục lạc, vì phá kiến chấp này nên nói tất cả là khổ. Với hạng tà kiến ngoại đạo chấp thân có ngã, vì phá kiến chấp này nên nói thân vô ngã. Kẻ tăng thượng mạn hủy báng Niết bàn chơn thật, vì vậy nói Niết bàn vắng lặng. Nói vô thường để họ chí tâm

cầu pháp rốt ráo, nói khổ để họ mong cầu xa lìa sanh tử. Đối với người nói vô ngã thì hiển rõ Không môn để họ thông suốt, và nói tịch tĩnh để họ hiểu rõ vô tướng, xa lìa sự chấp tướng.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát nhã, tu học như vậy đối với các pháp lành quyết không thối lui, mau thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(Bồ Tát phải tu những hạnh nào để hộ trì Chánh pháp?)

Bấy giờ, Tối Thắng lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tu những hạnh nào để hộ trì chánh pháp?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát **hành sâu Bát Nhã**, thực hành không trái lời và tôn trọng sư trưởng, thuận theo chánh pháp, tâm hành điều hòa nhu nhuyến, chí tánh thuần chất, **các căn vắng lặng, xa lìa tất cả pháp ác bất thiện, tu căn lành thù thắng gọi là hộ trì chánh pháp**.

Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, **tu ba nghiệp thân, ngữ, ý, từ bi,** chẳng màng danh lợi, giữ giới thanh tịnh, xa lìa các kiến chấp, gọi là hộ trì chánh pháp.

Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tâm hành **chẳng theo thương, giận, sợ, si,** gọi hộ trì chánh pháp. **Tu tập tàm quí** *(tự mình hổ thẹn và biết hổ thẹn với người)* gọi là hộ trì chánh pháp. **Thuyết pháp tu hành** đều đúng như những điều đã nghe gọi là hộ trì chánh pháp.

Thiên vương nên biết! Chư Phật ba đời vì hộ trì chánh pháp mà thuyết Đà la ni ủng hộ Thiên vương và Nhân vương v.v..., để họ hộ trì chánh pháp được tồn tại lâu dài trên thế gian, cùng các hữu tình làm lợi ích lớn nên nói Đà la ni:

“**Đát điệt tha, a hổ lạc, quật lạc phạt để, hỏa thích noa tóa lũ đồ, giả già, giả già chiếc, ni a bôn, nhã sát đa, sát đa sát diên đa, sát dã tóa ha, thiểm mạt ni yết lạc, ổ lỗ ổ lỗ phạt để ca, la bạt để ca, a bệ xa để ni tóa thích ni, khư xà, khư xà mạt để, a phạt thủy ni, phạt thi phạt đa,**

phạt đa, nô sa lý ni, bộ đa nô tất một lật để, đề phạt đa nô tất một lật để, tóa ha".

Thiên vương nên biết! Đại thần chú này có thể làm cho tất cả trời, rồng, Dạ xoa, Kiện đạt phược, A tu la, Yết lộ trà, Khẩn nại lạc, Mạc hô lạc già, người chẳng phải người v.v... **tất cả hữu tình đều được an vui**. Chư Phật ba đời nói đại thần chú này vì hộ trì chánh pháp và ủng hộ Thiên Vương, Nhân Vương v.v... được an lạc nên dùng sức phương tiện mà tuyên thuyết. Do đó, Thiên Vương, Nhân Vương bản thân và quyến thuộc v.v… đều được an vui, chánh pháp được tồn tại lâu trên thế gian, hữu tình và quốc độ không có tai nạn, nên mỗi mỗi đều phải tinh tấn siêng năng chí thành tụng niệm. Như vậy, làm cho các oán địch, nạn tai, việc ma và chướng ngại pháp v.v... thảy đều tiêu diệt. Nhờ thần chú ấy mà chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, các hữu tình được lợi ích lớn.

Khi thuyết đại thần chú Bát Nhã này, các cung điện trời, núi, biển, đại địa v.v... đều chấn động. Có tám mươi ngàn hữu tình phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(Bồ Tát tu những pháp nào mà tâm chẳng dao động đối với quả vị Vô Thượng Bồ đề?)

Khi ấy, Thiên vương Tối Thắng vui mừng hớn hở, dùng lưới bảy báu che lên đức Phật, chắp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tu những pháp nào mà tâm chẳng dao động đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Đại Bồ Tát nào hành sâu Bát Nhã, tinh tấn siêng năng tu tập, không ngại đại từ, không chán đại bi, thành tựu việc lớn, gia tăng tinh tấn, học đẳng trì Không, cũng thường tinh tấn siêng năng tu trí bình đẳng, với phương tiện thiện xảo hiểu rõ như thật đại trí thanh tịnh, thông suốt diệu lý bình đẳng của ba đời, không còn chướng ngại, đi theo con đường chư Phật ba đời đã đi.

Thiên vương nên biết! Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, tu pháp như thế thì tâm chẳng dao động đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(Tu những pháp nào khi nghe việc bất khả tư nghì của Như Lai mà không kinh, không sợ…?)

Tối Thắng lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tu những pháp nào mà nghe việc Bất tư nghì của các Như Lai, chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng ưu, chẳng não?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát tu hành diệu tuệ, diệu trí đầy đủ, gần gũi bạn lành, ưa nghe pháp thâm sâu, hiểu rõ các pháp đều như huyễn v.v... ngộ đời là vô thường, có sanh thì phải có diệt, tâm không trụ dính mắc giống như hư không.

Thiên vương nên biết! Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã tu pháp như vậy nên nghe việc Bất tư nghì của các Như Lai, tâm chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng ưu não.

(Bồ Tát tu những pháp nào mà thường được tự tại dù ở bất cứ chỗ nào?)

Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tu những pháp nào mà thường được tự tại dù ở bất cứ chỗ nào?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! **Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tu 5 thần thông đầy đủ không ngại. Đối với các môn giải thoát, tịnh lự, vô lượng, phương tiện Bát nhã Ba la mật thường được tự tại dù ở bất cứ đâu.**

(Bồ Tát hành sâu Bát Nhã chứng được những pháp môn nào?)

Bấy giờ, Tối Thắng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã chứng được những môn nào?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, chứng **được môn Diệu trí** thì có thể ngộ nhập các căn lanh lợi, chậm lụt của tất cả hữu tình; đạt **được môn Diệu tuệ** thì có thể phân biệt cú nghĩa của các pháp; đạt **được môn Tổng trì** thì hiểu rõ tất cả âm thanh và lời nói; đạt **được môn Vô ngại** thì có thể nói các pháp rốt ráo vô tận.

Thiên vương nên biết! Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã sẽ chứng được các môn như vậy.

(Bồ Tát hành Bát Nhã chứng được những lực nào?)

Tối Thắng lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã chứng được những lực gì?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã sẽ được **năng lực tịch tĩnh** nên thành tựu đại bi; được **năng lực tinh tấn** nên thành tựu bất thối; được **năng lực nghe nhiều** nên thành tựu đại trí; được **năng lực tin ưa** nên thành tựu giải thoát; được **năng lực tu hành** nên thành tựu xuất ly; được **năng lực an nhẫn** nên thương giúp hữu tình; được **năng lực Bồ đề tâm** nên đoạn trừ ngã kiến; được **năng lực đại bi** nên giáo hóa hữu tình; **được năng lực vô sanh nhẫn** nên thành tựu mười lực.

Thiên vương nên biết! Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã được các năng lực thù thắng như vậy.

Khi Thế Tôn thuyết pháp này, năm trăm Bồ Tát đắc vô sanh nhẫn. Tám ngàn Thiên tử đắc Bất thối chuyển, một vạn hai ngàn các chúng Thiên tử xa lìa trần cấu, phát sanh pháp nhãn thanh tịnh. Bốn vạn trời người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Sơ giải:

1. Muốn đắc thì không đắc, không muốn mới đắc.

Một đoạn Kinh bất hữu nói trong phẩm "Xảo Tiện" Q.462, Hội thứ II và phẩm "Phương Tiện Khéo léo" Q.525, Hội thứ III, ĐBN *diễn tả*

hết sâu sắc thế nào là hữu sở đắc, thế nào là vô sở đắc mà qua đó chúng ta có thể hiểu toàn bộ giáo pháp này.

Phật bảo Thiện Hiện:

"**Nơi nào có hai tướng là hữu sở đắc; nơi nào không hai là vô sở đắc.** Khi mắt đối với sắc hay ý đối với pháp là có hai tướng. Chúng sanh đối với Phật là hai tướng. Pháp nương tựa hai tướng là pháp hý luận, thuộc cõi hữu sở đắc.

Phi mắt phi sắc, phi tai phi thanh, phi ý phi pháp, cho đến phi giác phi Phật; lìa hết thảy hý luận như thế, đó là vô nhị, không hai. Đó là chỗ vô sở đắc.

Thiện Hiện bạch Phật: Bạch thế Tôn! Phải chăng vì hữu sở đắc nên là vô sở đắc hay vì vô sở đắc nên vô sở đắc?

Phật nói: Không phải do hữu sở đắc nên là vô sở đắc. Nhưng vì hữu sở đắc vô sở đắc **đều bình đẳng trong tự tánh** nên gọi là vô sở đắc. Bồ Tát khi học như thế, gọi là học Bát nhã Ba la mật trong nghĩa vô sở đắc, lìa bỏ các sai lầm.

Thiện Hiện lại bạch Phật: Bạch thế Tôn! Nếu Bồ Tát Ma ha tát khi thực hành Bát Nhã, không dính hữu sở đắc, không dính vô sở đắc, Bồ Tát đó làm thế nào tu hành thậm thâm Bát Nhã có thể từ một địa vị tiến lên một địa vị, dần dần đến chỗ tròn đầy mà chứng đắc Nhất thiết trí?

Phật bảo Thiện Hiện: Bồ Tát khi thực hành Bát Nhã, không phải trụ hữu sở đắc, không phải trụ vô sở đắc, thực hành Bát Nhã có thể từ một địa vị tiến lên một địa vị dần dần tròn đầy mà chứng đắc Nhất thiết trí. Vì sao? **Bát Nhã là vô sở đắc, Nhất thiết trí cũng vô sở đắc; người thực hành Bát Nhã, chỗ thực hành và khi thực hành, tất cả đều vô sở đắc. Vô sở đắc này cũng là vô sở đắc nốt!**"

*Chẳng phải có sở đắc nên vô sở đắc, chẳng phải vô sở đắc nên vô sở đắc. **Có sở đắc hay không có sở đắc tánh bình đẳng gọi vô sở đắc.** Các đại Bồ Tát đối tánh bình đẳng có sở đắc, không sở đắc nên siêng tu học cả hai. Các đại Bồ Tát khi học như thế gọi học Bát nhã Ba la mật vô sở đắc.*

*Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã chẳng phải **trụ có sở đắc** mà được từ một bậc đến một bậc lần hồi viên mãn Nhất thiết trí trí, chẳng phải **trụ vô sở đắc** mà được từ một bậc đến một bậc lần hồi viên mãn được Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì có sở đắc là có chấp, có chấp là có dính mắc quái ngại. Vì vậy, không được Vô Thượng Chánh Đẳng giác, không được Nhất thiết*

trí trí. Nên Phật bảo: **"Vô sở đắc là tướng của Bát nhã Ba la mật, vô sở đắc là tướng của Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vô sở đắc cũng là tướng của người hành Bát nhã Ba la mật".**

Nhưng một khi quan niệm vô sở đắc là tôn chỉ tối cao của Bát Nhã, vô sở đắc cũng trở thành một chướng ngại khác của hành giả Bát Nhã. Vô sở đắc rốt ráo phải là vô sở đắc nốt. Tất cả phải là không, là rỗng không. Đó là tôn chỉ Bát Nhã! Bát Nhã phải là Bát Nhã khi hành không, vô tướng, vô tác. "Bát nhã Ba la mật thậm thâm là Vô sở đắc, Nhất thiết trí trí cũng là Vô sở đắc; người thực hành Bát Nhã, chỗ thực hành và khi thực hành, tất cả cũng đều Vô sở đắc; Vô sở đắc này cũng là Vô sở đắc nốt". *Phủi sạch hết tất cả thế là xong!*

Cuộc đối thoại giữa Thiện Tư và Thắng Thiên vương của phẩm này là lối diễn đạt hết sức giản dị. Thắng Thiên vương bảo: Vì vô sở đắc mà được thọ ký. Nhưng thọ ký chẳng khác nào giấc mộng đêm qua. Đắc mà chẳng có gì để đắc: "Không đắc ấy là chẳng đắc ngã, chẳng đắc hữu tình, cho đến chẳng đắc sự thấy biết, chẳng đắc các uẩn xứ giới hoặc thiện hay chẳng phải thiện, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc sanh tử, hoặc Niết bàn, đối với hết thảy như vậy đều không đắc gì cả".

Đó là ý chính của phẩm này: Không đắc thiện hay ác, không đắc tạp nhiễm hay thanh tịnh v.v... cho đến không đắc sanh tử hay Niết Bàn. Đó là pháp ***Có*** *pháp* ***Không****, gọi là nhị pháp. Pháp Phật là pháp môn bất nhị, sống trong bất nhị là sống trong đệ nhất nghĩa đế, được thân bình đẳng, thì tâm trở nên tịch lặng an nhiên thôi.*

2. Thế nào gọi là Có? Thế nào gọi là Không?

Phẩm "Vô Sở Đắc" Q.571, tiếp tục thuyết:

"Thế nào là có, là không? Nếu tu **chánh hạnh** được chánh giải thoát, đây gọi là có. Nếu tu **tà hạnh** được chánh giải thoát, đây gọi là không.

Sáu căn: mắt, tai, mũi v.v... Sáu cảnh: Sắc, thanh, hương vị v.v... Thế tục gọi có. Thắng nghĩa nói không.

Bồ Tát tinh tấn chứng được Bồ đề, đây gọi là có. Bồ Tát biếng nhác chứng được Bồ đề, đây gọi là không, v.v... và v.v..."

Khi nào còn nằm trong vòng lưỡng nguyên, tâm thức sẽ không thoát khỏi chấp trước liền bị dính mắc, chướng ngại. Chỉ khi nào vượt qua và vượt khỏi thế lưỡng nguyên: Hữu và vô, đoạn và thường, khứ lai, sanh diệt... và tìm thấy bình đẳng giữa các pháp, mới hy vọng đạt ngộ và giải thoát. Vì vậy, Bồ Tát phải tu Bát Nhã, theo con đường Tổ phụ ba đời đã đi, thực thi và hộ trì chánh pháp mới có hy vọng!

3. Bồ Tát phải tu những hạnh nào để hộ trì Chánh pháp?

“... Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, thực hành không trái lời và tôn trọng sư trưởng, thuận theo chánh pháp, tâm hành điều hòa nhu nhuyến, chí tánh thuần chất, **các căn vắng lặng, xa lìa tất cả pháp ác bất thiện, tu căn lành thù thắng** gọi là hộ trì chánh pháp.

Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, **tu ba nghiệp thân, ngữ, ý, từ bi,** chẳng màng danh lợi, giữ giới thanh tịnh, xa lìa các kiến chấp, gọi là hộ trì chánh pháp.

Thiên vương nên biết! Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tâm hành **chẳng theo thương, giận, sợ, si,** gọi hộ trì chánh pháp. **Tu tập tàm quí** gọi là hộ trì chánh pháp. **Thuyết pháp tu hành** đều đúng như những điều đã nghe gọi là hộ trì chánh pháp”.

Chịu khó tu những hạnh như vậy là hộ trì Chánh pháp!

4. Bồ Tát tu những pháp nào mà tâm chẳng dao động đối với quả vị Vô Thượng Bồ đề?

“... Đại Bồ Tát nào hành sâu Bát Nhã, **tinh tấn** siêng năng tu tập**, không ngại đại từ, không chán đại bi,** thành tựu việc lớn, gia tăng tinh tấn, **học đẳng trì Không,** cũng thường tinh tấn **siêng năng tu trí bình đẳng,** với phương tiện thiện xảo **hiểu rõ như thật đại trí thanh tịnh, thông suốt diệu lý bình đẳng của ba đời,** không còn chướng ngại, đi theo con đường chư Phật ba đời đã đi”.

Nếu Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, tu pháp như thế (tu tinh tấn, tu đẳng trì không, tu trí bình đẳng, tu đại trí thanh tịnh) thì tâm chẳng dao động đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

5. Bồ Tát tu những pháp nào mà nghe việc bất khả tư nghì của Như Lai mà không kinh, không sợ…?

“... Nếu đại Bồ Tát tu hành diệu tuệ, diệu trí đầy đủ, gần gũi bạn lành, ưa nghe pháp thâm sâu, hiểu rõ các pháp đều như huyễn v.v... **ngộ đời là vô thường, có sanh thì phải có diệt, tâm không trụ dính mắc giống như hư không**”.

Nếu Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã tu pháp như vậy nên khi nghe việc bất tư nghì của các Như Lai, tâm chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng ưu não.

6. Bồ Tát tu những pháp nào mà thường được tự tại dù ở bất cứ chỗ nào?

“... Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, **tu năm thần thông** đầy đủ không ngại. Đối với các môn **giải thoát, tịnh lự, vô lượng, phương tiện Bát nhã Ba la mật** thường được tự tại dù ở bất cứ đâu”.

7. Bồ Tát hành sâu Bát Nhã chứng được pháp môn nào?

“... Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, chứng **được môn Diệu trí** thì có thể ngộ nhập các căn lanh lợi, chậm lụt của tất cả hữu tình; đạt **được môn Diệu tuệ** thì có thể phân biệt cú nghĩa của các pháp; đạt **được môn Tổng trì** thì hiểu rõ tất cả âm thanh và lời nói; đạt **được môn Vô ngại** thì có thể nói các pháp rốt ráo vô tận”.

Nếu Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã như thế sẽ chứng được các môn như vậy.

8. Bồ Tát hành Bát Nhã chứng được những lực nào?

“... Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã sẽ được **năng lực tịch tĩnh** nên thành tựu đại bi; được **năng lực tinh tấn** nên thành tựu bất thối; được **năng lực nghe nhiều** nên thành tựu đại trí; được **năng lực tin ưa** nên thành tựu giải thoát; được **năng lực tu hành** nên thành tựu xuất ly; **năng lực an nhẫn** nên thương giúp hữu tình; được **năng lực Bồ đề tâm** nên

đoạn trừ ngã kiến; được **năng lực đại bi** nên giáo hóa hữu tình; **được năng lực vô sanh nhẫn** nên thành tựu mười lực.

Đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã được các năng lực thù thắng như vậy".

Đó là tất cả pháp, tất cả hạnh mà Bồ Tát phải học để tự độ và có đủ khả năng độ tha mà Phật dạy Thắng Thiên Vương. Các pháp tu này hết sức thiết thực, chắc chắn mang lại nhiều kết quả tốt đẹp. Phải học phải hành như thế nếu muốn tu Bồ Tát đạo hành Bồ Tát hạnh hay nói khác "tu lục độ vạn hạnh" để thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Nếu theo đúng chỉ dẫn trên tu tập trí tuệ và tịnh hạnh, ắt được nhiều phúc lợi, thiện căn công và trí tuệ trong hiện đời hay hậu đời không những một kiếp mà trong nhiều đời nhiều kiếp khác nữa./.

---o0o---

10. PHẨM "CHỨNG KHUYẾN"

Cuối quyển 571, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương phẩm 9, " Chứng Khuyến", Kinh TTVBN)

Tóm lược:

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Vô số đại kiếp trong quá khứ không thể nghĩ bàn có **đức Phật tên là Công Đức Bảo Vương**, đầy đủ 10 hiệu. Nước của Phật này tên là Bảo Nghiêm, kiếp tên là Thiện Quán. Cõi ấy sung túc vui vẻ không có bệnh tật khổ não. Trời người qua lại chẳng cách ngại nhau. Đất đai bằng phẳng như bàn tay, không có núi gò sỏi đá chông gai. Cỏ nhung mọc khắp, mềm mại xanh biếc như lông khổng tước, cao chừng bốn lóng tay, nếu đặt chân xuống thì cỏ liền nằm rạp xuống, cất bước lên thì cỏ trở lại như cũ. Hoa Chiêm bác ca, hoa Duyệt ý v.v... và các thứ cỏ mềm mọc đều khắp rất xinh đẹp. Thời tiết chẳng nóng chẳng lạnh, bốn mùa điều hòa. Đất bằng ngọc báu lưu ly.

Tâm tánh của các hữu tình cõi ấy ôn hòa hiền thiện. Ba độc phiền não bị chế phục nên không còn hiện hành. Hàng Thanh văn đệ tử của chư Phật Thế Tôn kia tới số một vạn hai ngàn muôn ức. Hàng đệ tử Bồ Tát có sáu mươi hai ức. Con người lúc đó tuổi thọ tới ba mươi sáu muôn năm, không có người chết yểu.

Cõi ấy có thành tên **Vô Cấu Trang Nghiêm**. Thành ấy từ Nam đến Bắc dài 128 do tuần, từ Đông sang Tây 80 do tuần, thành dày mười sáu do tuần. Tường, cửa, lầu đều do bảy báu tạo thành, mười ngàn khu vườn được trang trí nghiêm trang. Mười ngàn thành nhỏ bao vây chung quanh, có bốn khu vườn đầy hoa xinh đẹp với phong cảnh rất vừa ý. Khổng tước nô đùa, bốn mùa vui thích. Có bốn ao lớn, bờ bằng bảy báu, ngang rộng đều bằng nửa do tuần, đường đi và lề đường đều bằng vàng ròng, khắp đáy ao rải toàn cát vàng rất đẹp. Trong ao có nước đủ tám công đức. Mùi thơm hoa báu xen lẫn. Trong đó có các vịt trời, chim nhạn, chim uyên ương tụ lại nhảy nhót vui vẻ. Bờ ao có nhiều cây: Bạch đàn, Xích đàn, Thi lợi sa v.v... Trên cây có chim Oanh vũ, Xá lợi bay nhảy vui chơi.

Cõi đó có vua **Chuyển luân tên là Trị Thế**, đầy đủ bảy báu, làm vua bốn đại châu, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật. Ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành sâu nặng, có tâm đại Bồ đề Bất thối chuyển. Quyến thuộc nội cung bảy mươi ngàn người, thân hình xinh đẹp, là ngọc nữ dâng thờ nhà vua, đều phát tâm Vô thượng Bồ đề. Vua Chuyển luân ấy có đủ ngàn con, sức lực dõng mãnh tráng kiện, đủ 28 tướng đại trượng phu, có thể chinh phục oán địch, cũng phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Bấy giờ, Công Đức Bảo Vương Như Lai đem các Thanh văn và chúng Bồ Tát, cùng với vô lượng trời, rồng, Dược xoa, Kiện đạt phược, A tu la, Yết lộ trà, Khẩn nại lạc, Mạt hô lạc già, người chẳng phải người v.v… lần lượt trước sau đi vào thành Vô Cấu Trang Nghiêm. Khi ấy, vua Chuyển luân với xe bảy báu dẫn đầu cùng với một ngàn người con và quyến thuộc trong nội cung ra thành nghinh rước, kính lễ thỉnh vào, thiết bày các thứ tuyệt diệu cúng dường.

Thế Tôn và các quyến thuộc thọ dụng đồ cúng dường xong trở về bổn xứ. Luân vương Trị Thế xuất thành cung kính đưa tiễn rồi trở về cung. Lúc ấy, bỗng nhiên vua Chuyển luân tự than:

- Thân người vô thường, giàu sang như chiêm bao, may mắn được đầy đủ các căn mà chánh tín còn khó khăn, vậy huống chi được gặp Như Lai, được nghe giáo pháp nhiệm mầu, thật là điều hiếm có, như thấy được hoa Ưu đàm vậy!

Khi ấy, ngàn người con của vua biết ý phụ vương ngưỡng mộ Thế Tôn muốn nghe chánh pháp, liền kiến tạo đài đẹp rộng lớn bằng gỗ Ngưu đầu chiên đàn, trang nghiêm bằng bảy báu. Đài này từ Nam chí Bắc dài mười ba do tuần, từ Đông sang Tây rộng mười do tuần. Trụ lớn bốn góc trang nghiêm bằng các thứ trân bảo. Phía dưới đài có ngàn bánh xe báu *(đài làm như cỗ xe có ngàn bánh)*. Sau khi hoàn tất dâng lên vua cha. Vua cha nhận rồi ban lời khen:

- Hay thay! Hay thay! Rất hiểu ý ta. Ta muốn đến chỗ Phật để nghe chánh pháp.

Ngàn người con lại dựng tòa Sư tử để trong đài, an trí chỗ Phụ vương ngự, sai khiến cho các cung nhân hầu cận trước sau. Quanh đài có các chuông vàng rất đẹp thòng xuống, rèm treo, phan lọng, lưới che bằng bảy báu, lại rải các thứ hương hoa quý lạ, đốt hương vô giá, xoa dầu thơm. Khi ấy, ngàn vị vương tử, mỗi vị khiêng một bánh xe, giống thiên nga chúa

bay bổng lên hư không đến chỗ Phật, nhẹ nhàng để xuống đất và đi đến chỗ Như Lai. Đến nơi đảnh lễ chân Thế Tôn, nhiễu bên phải bảy vòng rồi lui đứng một bên. Khi ấy, các quyến thuộc trong nội cung của vua Chuyển luân kia theo sau phía dưới đài. Vua cất mão ngọc và các quyến thuộc nội cung đều cởi giày dép ngọc, đến trước chỗ Phật đảnh lễ sát chân Phật, đi nhiễu quanh Phật bảy vòng bên phải, lui ngồi một phía.

Khi ấy, Công Đức Bảo Vương Như Lai bảo Trị Thế:

- Đại vương! Hôm nay vì nghe chánh pháp mà Ngài đến đây?

(Những gì được gọi là Chánh pháp?)

Vua Chuyển luân từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa sang y phục thưa:

- Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là được nghe chánh pháp?

Phật khen vua:

- Lành thay! Lành thay! Hôm nay Ngài muốn cho chúng trời người được lợi ích an vui, nên muốn nghe chánh pháp thâm sâu. Vậy lắng nghe cho kỹ, suy nghĩ thật rốt ráo. Ta sẽ phân biệt giải nói cho Đại vương.

Trị Thế bạch Phật:

- Xin Thế Tôn cứ nói. Con rất muốn nghe.

Thế Tôn bảo vua:

- Đại vương nên biết! **Các đại Bồ Tát hành sâu phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật đã đạt được tánh bình đẳng của tất cả pháp, gọi là chánh pháp. Bao gồm: Bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám Thánh đạo, không, vô tướng, vô nguyện v.v..., đạt được tất cả pháp tánh bình đẳng nên gọi là chánh pháp.**

Trị Thế lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, ở trong Đại thừa thường được thăng tiến chẳng có thối lui?

Phật bảo Trị Thế:

- Đại vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã thâm sâu, nhờ sức chánh tín mà được thăng tiến. **Chánh tín là gì? Là biết các pháp bản tánh vắng lặng, chẳng sanh chẳng diệt.** Thường được thân cận với những người tu hành chân chánh, pháp nào không nên làm thì kiên quyết không làm. Tâm lìa tán loạn, nghe nhận

chánh pháp, chẳng thấy người kia nói, chẳng thấy ta nghe, siêng năng tu tập chánh hạnh, mau đắc thần thông. Những loài hữu tình nào kham lãnh được, thì ta có thể giáo hóa, nhưng không bao giờ thấy ta có thần thông có thể giáo hóa hữu tình và hữu tình kia đã nhận sự giáo hóa của ta. Vì sao? **Vì các đại Bồ Tát khi hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã hoàn toàn chẳng thấy ta, chẳng thấy hữu tình, hai bên bình đẳng thì được thăng tiến không thối lui**.

Đại vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, hộ trì các căn, chẳng để chấp trước, đối với đồ vật giúp cho sự sống luôn khởi tưởng vô thường, biết các pháp vắng lặng, thân mạng như vay mượn tạm có.

Đại vương nên biết! Các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như vậy, ở trong Đại thừa tâm không buông lung.

Đại vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, thậm chí trong giấc mộng còn chẳng quên mất tâm Bồ đề, giáo hóa các hữu tình khiến họ tu Phật đạo, đem các căn lành ban cho loài hữu tình để hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thấy được thần lực của Phật, vui mừng khen ngợi.

Đại vương nên biết! Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã như vậy sẽ mau thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Thế nên đại vương phải siêng năng tinh tấn trụ ở ngôi tôn quý, chớ sanh buông lung. Đại Bồ Tát nào muốn cầu chánh pháp thì **chớ đắm ngũ dục**. Vì sao? Vì tất cả phàm phu không nhàm chán dục lạc, còn bậc đạt Thánh trí thì có thể từ bỏ được. Vì thân người vô thường, thọ mạng ngắn ngủi.

Đại vương! Nay nên hiểu cho rốt ráo, chán bỏ thế gian để cầu đạo xuất thế. Đại vương nên đem căn lành đã cúng dường Như Lai, để hồi hướng cho bốn việc:

- Một là tự tại vô tận.
- Hai là chánh pháp vô tận.
- Ba là diệu trí vô tận.
- Bốn là biện tài vô tận.

Bốn việc hồi hướng này cùng Bát Nhã thâm sâu đều vô tận. Đại vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã thâm sâu nên tu trì giới giữ thân, ngữ, ý một cách thanh tịnh. Vì sao? Vì muốn hướng đến văn, tư, tu. Dùng sức phương tiện giáo hóa các hữu tình, dùng

sức Bát Nhã phá dẹp các ma, thành tựu nguyện lực, việc làm và lời nói không trái nhau.

Khi vua Chuyển luân nghe Phật thuyết Bát Nhã thâm sâu, vui mừng hớn hở như được điều chưa từng có, tự lấy mão ngọc, cởi chuỗi anh lạc, quỳ thẳng dâng lên cúng dường Như Lai, xả bốn đại châu dâng cúng hết cho Phật, nguyện đem phước này thường tu phạm hạnh, học Bát Nhã, đem tâm quyết định vì loài hữu tình hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Những người cung nữ của vua nghe Phật thuyết pháp đều sanh vui mừng phát tâm Bồ đề, đều cởi áo báu và chuỗi ngọc anh lạc dâng lên cúng cho Công Đức Bảo Vương Như Lai. Vua đem đài báu và tòa Sư Tử dâng lên Phật mà cầu xuất gia. Lúc đó đức Như Lai khen ngợi Trị Thế:

- Vua được như vậy thật quí thay! Những gì làm hôm nay chẳng trái nguyện xưa, nên siêng tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự và Bát nhã Ba la mật. Chư Phật quá khứ nhờ tu pháp này mà chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Chư Phật vị lai cũng lại như thế.

Bấy giờ, Trị Thế lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát tu hành bố thí có khác với Bát Nhã thâm sâu không?

Phật bảo:

- Trị Thế! Nếu bố thí không có trí tuệ Ba la mật thì chỉ được gọi tên là bố thí, chẳng thể đến bờ kia. Phải do trí tuệ Ba la mật mới được gọi là bố thí đến bờ bên kia. Tịnh giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tịnh lự cũng như vậy. Vì sao? Vì **tánh Bát Nhã thâm sâu đều bình đẳng.**

Khi đức Phật thuyết pháp thậm thâm này, vua liền chứng được Vô sanh pháp nhẫn.

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, phải như vua siêng cầu chánh pháp kia. **Vua Chuyển luân khi ấy là Phật Nhiên Đăng, còn ngàn con kia chính là ngàn Phật thời Hiền kiếp.**

(Làm thế nào Bồ Tát hành sâu Bát Nhã mau thành đạo Bồ đề?)

Tối Thắng bèn thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào mà các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã tu hành mau thành đại đạo Bồ đề?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, tu tâm từ v.v... không làm tổn hại các hữu tình, siêng năng hành tất cả Ba la mật và bốn nhiếp sự, bốn vô lượng tâm và Bồ đề phần pháp, tu học phương tiện thiện xảo của thần thông, với tất cả pháp lành đều tu viên mãn. Nếu các Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể mau thành đạo đại Bồ đề. **Đạo Bồ đề ấy gọi là tín tâm, tâm thanh tịnh, tâm xa lìa sự dối gạt, tâm tu hành bình đẳng, tâm thí vô úy, giúp các hữu tình hoàn toàn gần gũi, siêng tu hành bố thí thì quả báo sẽ vô tận. Thọ trì tịnh giới mà không có sự chướng ngại. Tu hành an nhẫn xa lìa các sự giận dữ, siêng năng tinh tấn thêm thì sự tu hành dễ thành tựu, có tịnh lự thù thắng chẳng khởi tán loạn, đầy đủ Bát nhã Ba la mật sẽ thông suốt hoàn toàn. Có đại từ nên làm lợi ích hữu tình. Có đại bi nên quyết không thối chuyển. Có đại hỷ nên thường làm vui lòng người khác. Có đại xả nên không khởi lên sự phân biệt. Không còn ba độc nên lìa các chông gai. Chẳng đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc cho nên diệt trừ hý luận. Không có phiền não nên xa lìa thù oán. Xả bỏ niệm của nhị thừa nên tâm rộng lớn. Đủ Nhất thiết trí nên thường xuất ra nhiều thứ báu.**

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, tu hành như vậy thì có thể mau thành tựu đạo đại Bồ đề.

(Bồ Tát hóa hiện hình tướng nào để hóa độ chúng sanh?)

Tối Thắng lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, hóa hiện hình tướng như thế nào để giáo hóa loài hữu tình?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, hiện ra hình tướng không nhất định. Vì sao? Vì **tùy theo sự ưa thích, Bồ Tát liền hiện ra hình tướng như vậy**. Hoặc hiện ra màu vàng ròng, hoặc hiện ra màu bạc, hoặc hiện ra màu pha lê, hoặc hiện ra màu lưu ly, hoặc hiện màu thạch tàng *(mã não)*, hoặc hiện màu chơn châu, hoặc hiện màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hoặc hiện màu ngọn lửa, mặt trời, mặt trăng, hoặc hiện màu Đế Thích, hoặc hiện màu Phạm vương, hoặc

hiện màu sương tuyết, hoặc hiện màu thư hoàng *(khoáng chất)*, hoặc hiện màu châu đan, hoặc hiện màu mưa hoa, hoặc hiện màu hoa Chiêm bác ca *(hoa sắc vàng ròng)*, hoặc hiện màu hoa Tô mạt na *(hoa màu vàng trắng)*, hoặc hiện màu hoa sen xanh, hoặc hiện màu hoa sen vàng, đỏ, hoặc hoa sen trắng, hoặc hiện màu trời Công đức, hoặc hiện màu con thiên nga, con công, hoặc hiện màu ngọc san hô, hoặc hiện màu châu như ý, hoặc hiện màu cõi hư không; tùy theo màu của trời, người đều hiện ra theo loại ấy.

Thiên vương nên biết! Đại Bồ Tát này đều có thể thị hiện tùy theo sắc màu, hình tướng sai khác của tất cả hữu tình trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã thâm sâu có thể nhiếp hóa khắp tất cả hữu tình, cho đến chẳng rời bỏ tất cả hữu tình. Vì sao? Vì tâm hành của tất cả hữu tình khác nhau. Thế nên Bồ Tát thị hiện nhiều thứ. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này ở đời quá khứ có nguyện lực lớn, tùy theo các hữu tình ưa thấy thọ hóa liền thị hiện thân mà họ muốn thấy, như trong gương sáng vốn không có ảnh tượng nhưng tùy theo thể chất tốt xấu đều hiện tất cả. Nhưng gương sáng này cũng không có phân biệt: Thể thanh tịnh sáng suốt của ta hay hiện ra sắc tướng của chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã không có tâm phân biệt, tùy sự ưa muốn mà thị hiện, cũng chẳng phân biệt ta có thể hiện thân.

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, tùy theo Thánh chúng ở trong chỗ ngồi, tâm họ ưa thích được thấy thân nào thuyết pháp, thì Bồ Tát hiện ngay thân ấy. Nghĩa là hoặc thấy Phật, hoặc thấy Bồ Tát, hoặc thấy Độc giác, hoặc thấy Thanh văn, hoặc thấy Phạm vương, hoặc thấy Đế Thích, hoặc thấy Đại Tự Tại, hoặc thấy Tỳ sắc noa, hoặc thấy Hộ Thế, hoặc thấy Luân vương, hoặc thấy Sa môn, hoặc thấy dị đạo, hoặc thấy Bà la môn, hoặc thấy Sát đế lợi, hoặc thấy Phệ xá, hoặc thấy Thủ đà la, hoặc thấy trưởng giả, hoặc cư sĩ, hoặc thấy ngồi trong đài báu, hoặc thấy ngồi trên hoa sen, hoặc thấy tại đất, hoặc thấy bay trên hư không, hoặc thấy thuyết pháp, hoặc thấy thiền định.

Thiên vương nên biết! Đại Bồ Tát này tu hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, vì cứu độ hữu tình nên **không một kiểu hình nào và không một oai nghi nào mà không thể hiện được.**

(Hư không và Bát Nhã)

Bát Nhã thâm sâu giống như hư không, không hình, không tướng, khắp 10 phương thế giới không chỗ nào không có.

Lại như hư không lìa các hý luận. Bát Nhã cũng lại như vậy, vượt qua ngôn ngữ.

Lại như hư không cần cho đời sống, với Bát Nhã cũng vậy, tất cả Thánh phàm đều chung thọ dụng.

Lại như hư không xa lìa phân biệt. Bát Nhã cũng lại như vậy, không có tâm phân biệt.

Lại như hư không dung chứa các sắc. Bát nhã Ba la mật cũng dung chứa được tất cả Phật pháp.

Lại như hư không thường hiện sắc. Bát Nhã cũng thường hiện ra tất cả Phật pháp.

Lại như hư không tất cả cỏ cây, thuốc thang hoa quả đều nương vào đó mà tăng trưởng. Cũng vậy, tất cả căn lành đều dựa vào Bát Nhã thâm sâu mà tăng trưởng.

Lại như hư không chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải pháp để nói năng. Bát Nhã cũng lại như vậy, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, lìa các ngôn ngữ. Thế gian Sa môn, Bà la môn v.v... cho đến Đế Thích, Phạm Thiên chẳng thể nghĩ lường Bát Nhã thâm sâu được.

Thiên vương nên biết! **Bát Nhã thâm sâu không có một pháp nào có thể thí dụ được**. Nếu các thiện nam, thiện nữ v.v... tin thọ Bát nhã Ba la mật thì công đức đạt được không thể nghĩ bàn. Nếu công đức này có hình sắc thì cõi hư không chẳng chứa hết được. Vì sao? Vì Bát Nhã thâm sâu sanh ra tất cả thiện pháp thế gian và xuất thế gian. Tất cả chúng trời, người, hoặc vua trời người, bốn hướng, bốn quả và các Độc giác, thập địa Bồ Tát, quả vị Vô thượng Bồ đề của chư Phật, Nhất thiết chủng trí, lực vô sở úy, và mười tám pháp Phật bất cộng v.v... đều hoàn toàn dựa vào Bát Nhã mà thành tựu.

Khi thuyết pháp này, năm vạn Bồ Tát chứng được Bất thối chuyển. Một vạn năm ngàn chúng thiên tử được Vô sanh pháp nhẫn. Một vạn hai ngàn chúng trời, người xa lìa trần cấu sanh pháp nhãn thanh tịnh. Hằng hà sa số loài hữu tình phát tâm Vô Thượng Bồ đề. Trên hư không, chư Thiên trổi các kỹ nhạc và rải các thứ hương hoa đẹp của cõi trời để cúng dường Như Lai và Bát Nhã này. Lại có vô lượng trời, rồng, Dược xoa, Kiện đạt

phược, A tu la, Yết lộ trà, Khẩn nại lạc, Mạt hô lạc già, người chẳng phải người v.v... cũng rải các thứ hoa và những vật báu cúng dường Như Lai và Bát Nhã. Khi đó, trời rồng và những chúng khác chấp tay cung kính đồng thanh cất tiếng khen ngợi Phật:

- Hay thay! Hay thay! Thế Tôn đã hoan hỷ thuyết Bát Nhã như vậy.

Sơ giải:

Phật Thế Tôn thuật cho Thắng Thiên Vương và chúng hội nghe câu chuyện của một vì vua Chuyển luân có tên là Trị Thế, nhân cúng dường Công Đức Bảo Vương Như Lai tại thành Vô cấu mới được nghe pháp, nên hiểu ra rằng cuộc đời là vô thường, giàu sang phú quý chẳng khác chiêm bao, may mắn được đầy đủ các căn mà chánh tín còn khó tìm, huống chi gặp Như Lai được nghe chánh pháp, thật là điều hiếm có!

Một ngàn người con của vua thầm hiểu ý cha nên lập một đài lớn bằng bảy báu như cỗ xe có ngàn bánh, rồi đưa phụ vương đến gặp Công đức Bảo Vương Như Lai để nghe chánh pháp. Sau khi lễ lạy ra mắt xong, Thế Tôn mới giải thích "thế nào là chánh pháp", lại khuyên "nên siêng tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự và Bát nhã Ba la mật, để trở thành Vô thượng Bồ đề". Nghe xong thời pháp, Chuyển vương Trị Thế đắc Vô sanh pháp nhẫn.

Sau khi kể xong câu chuyện trên, Phật(Thích Ca) bảo Tối Thắng:

- "Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, phải như vua siêng cầu chánh pháp kia. Vua Chuyển luân khi ấy là Phật Nhiên Đăng, còn ngàn con kia chính là ngàn Phật thời Hiền kiếp".

Đó là câu chuyện "làm màu", buổi thuyết pháp của Phật Thích Ca Mâu ni cho Thắng Thiên Vương về phẩm "Chứng Khuyến" này.

Lúc ấy, Tối Thắng bèn thưa Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Làm thế nào mà các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã tu hành mau thành đại đạo Bồ đề?

Phật bảo Tối Thắng:

- Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, tu tâm từ v.v... không làm tổn hại các hữu tình, siêng năng hành tất cả Ba la mật và bốn nhiếp sự, bốn vô lượng tâm và Bồ đề phần pháp, tu học phương tiện thiện xảo của thần thông, với tất cả pháp lành

đều tu viên mãn. Nếu các Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể mau thành đạo đại Bồ đề. **Đạo Bồ đề ấy gọi là tín tâm, tâm thanh tịnh, tâm xa lìa sự dối gạt, tâm tu hành bình đẳng, tâm thí vô úy, giúp các hữu tình hoàn toàn gần gũi, siêng tu hành bố thí thì phước báo sẽ vô tận. Thọ trì tịnh giới mà không có sự chướng ngại. Tu hành an nhẫn xa lìa các sự giận dữ, siêng năng tinh tấn thêm thì sự tu hành dễ thành tựu, có tịnh lự thù thắng chẳng khởi tán loạn, đầy đủ Bát Nhã sẽ thông suốt hoàn toàn. Có đại từ nên làm lợi ích hữu tình. Có đại bi nên quyết không thối chuyển. Có đại hỷ nên thường làm vui lòng người khác. Có đại xả nên không khởi lên sự phân biệt. Không còn ba độc nên lìa gai gốc. Chẳng đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc cho nên diệt trừ được hý luận. Không có phiền não nên xa lìa thù oán. Xả bỏ niệm của nhị thừa nên tâm rộng lớn. Đủ Nhất thiết trí nên thường xuất ra nhiều thứ báu.**

Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã, tu hành như vậy thì có thể mau thành tựu đạo Bồ đề".

Đạt đạo Bồ đề cũng chẳng có gì khác không ngoài tu các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo nhất là tu lục Ba la mật. Nghiêm trì các thiện pháp và 6 pháp đáo bỉ ngạn thì Giác ngộ, được Nhất Thiết trí trí và trở thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nên gọi là ***chứng****; đó là lời khuyên răn chân thật của tất cả chư Phật ba đời nên gọi là* ***khuyến****. Ý nghĩa của phẩm này có tên "Chứng Khuyến" là vậy! Giản dị và thiết thực thế thôi!*

Phần cuối của phẩm này so sánh Bát Nhã như hư không rộng lớn vì Bát Nhã sanh ra các thiện pháp thế gian, xuất thế gian và các công đức. Nếu các công đức có hình tướng thì cõi hư không chẳng chứa hết được. Câu nói này đủ chứng minh tánh cách bao dung rộng lớn của Bát Nhã, không gì hơn, không có gì sánh bằng./.

---o0o---

11. PHẨM "HIỂN ĐỨC"

Đầu quyển 572, Hội thứ VI, ĐBN:
(Tương đương phẩm 10, "Thuật Đức", Kinh TTVBN)

Tóm lược:

Quyển 572

Bấy giờ, đại Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi *(tên khác là Văn Thù Sư Lợi)* từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo áo che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính bạch:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát trải qua bao nhiêu kiếp hành sâu Bát Nhã, cúng dường bao nhiêu đức Phật mà có thể thưa hỏi, hiển dương khen ngợi về Bát Nhã thâm sâu như Như Lai đã thuyết cho Thiên vương Tối Thắng vậy?

Phật bảo đại Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! Việc đó chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chẳng phải **vô lượng trăm ngàn đại kiếp nhóm hợp công hạnh**, **trồng nhiều căn lành**, thời chẳng được nghe công đức danh tự Bát Nhã sâu thẳm.

Thiện nam tử! Số cát sông Hằng trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương còn có thể biết được, chứ đại Bồ Tát này hành Bát Nhã đã trải qua bao nhiêu số kiếp, cúng dường bao nhiêu vị Phật đều không thể biết được.

Thiện nam tử! Trong quá khứ vô lượng, vô biên vô số kiếp khó nghĩ bàn, có đức Phật ra đời tên là **Đa Văn** đầy đủ mười hiệu, kiếp tên là Tăng Thượng, nước tên là Nhật Quang. Như Lai Đa Văn thuyết **pháp môn thanh tịnh** cho các đại Bồ Tát:

"Thiện nam tử! Ông phải siêng năng tu các pháp lành chẳng tiếc thân mạng".

Khi đó, trong hội kia, có một vị Bồ Tát tên là **Tinh Tấn Lực**, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Ngài, kéo áo che vai trái, gối phải quì sát đất, chắp tay cung kính thưa Phật:

- Đức Thế Tôn đã nói: Ông nên siêng năng tinh tấn tu các pháp lành chẳng tiếc thân mạng. Như con hiểu nghĩa Phật đã nói đó, các đại Bồ Tát lẽ ra "không nên sớm" chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao?

Nếu các Bồ Tát siêng tu các pháp *(sớm thành tựu mau chứng đắc)* thì không thể trụ trong sanh tử lâu dài để làm lợi lạc cho hữu tình. Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, chấm dứt phiền não, trụ lâu trong sanh tử, quyết chẳng phải vì bản thân để mau chứng Niết bàn, mà chỉ vì lợi lạc cho các hữu tình. Bồ Tát lấy sanh tử làm vui, chẳng lấy Niết bàn làm vui. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát lấy sự giáo hóa hữu tình làm vui vậy. Nghĩa là tùy theo chỗ ưa muốn mà phương tiện khéo léo truyền trao pháp môn giúp họ được an lạc. Nếu siêng tu pháp lành thì mau hết phiền não, không thể làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình. Thế nên Bồ Tát quán sát sanh tử nhiều sự khổ não, khởi tâm đại bi chẳng bỏ hữu tình, thành tựu bản nguyện.

Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát đủ sức phương tiện ở lâu trong sanh tử, thấy được vô lượng vô biên đức Như Lai, nghe và lãnh thọ vô lượng vô biên chánh pháp, giáo hóa và dẫn dắt vô lượng vô biên hữu tình. Thế nên, vì việc này mà Bồ Tát chẳng nhàm chán sanh tử, không ưa thích Niết bàn. *(Q.572, ĐBN)*

Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát khi quán sanh tử mà khởi lên sự chán sợ, ưa vui Niết bàn thì sẽ **rơi vào phi đạo**, không thể làm lợi lạc cho tất cả hữu tình, không thông suốt cảnh giới mầu nhiệm của Như Lai?

(Thế nào là phi đạo?)

Là ưa Thanh văn và bậc Độc giác, đối với các loài hữu tình không có tâm đại bi. Vì sao? Vì đạo mà Thanh văn và Độc giác hành trì chẳng phải đạo của các đại Bồ Tát. Vì sao? **Vì Thanh văn và Độc giác chán sợ sanh tử, ưa vui với Niết bàn, không thể đầy đủ phước đức trí tuệ, vì nghĩa này nên chẳng phải đạo Bồ Tát.**

Khi ấy, Phật Đa Văn liền khen ngợi Tinh Tấn Lực:

- Hay thay!! Như lời ông nói, các đại Bồ Tát nên tu tự hành chớ tu tập theo phi đạo.

(Thế nào là Bồ Tát tu đạo tự hành?)

Tinh Tấn Lực thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là đại Bồ Tát đã **tu đạo tự hành**?

Phật Đa Văn nói:

- Bồ Tát thành tựu tất cả phước tuệ, vì sức đại bi không bỏ hữu tình, xa lìa Thanh văn và bậc Độc giác, được đắc Vô sanh nhẫn nhưng chẳng bỏ ba cõi, không lìa hữu tình, dùng phương tiện thiện xảo tu hành tất cả Ba la mật. Dùng sức trí tuệ, không tâm phân biệt, sanh trưởng căn lành, thành tựu tận trí được vô lượng công đức. Dù biết các pháp không có một pháp nào tự nó có thể sanh, chỉ phương tiện hiện sanh. Dù biết hữu tình không có một hữu tình nào là thật có mà vẫn phương tiện giáo hóa, biết tất cả pháp đều lìa tự tánh. Quán các cõi Phật đều như hư không nhưng thường dùng phương tiện khéo léo nghiêm tịnh cõi Phật. Biết tất cả pháp thân Phật không có hình tướng nhưng phương tiện thị hiện tướng hảo trang nghiêm. Tùy theo tâm các hữu tình ưa thích điều gì liền phương tiện trao cho họ. Thân tâm Bồ Tát tuy thường vắng lặng nhưng vẫn thuyết pháp giáo hóa hữu tình, cũng dùng phương tiện thiện xảo xa lìa ồn náo, tu các thiền định, biết tự tánh Không nhưng thông suốt được tất cả trí tuệ sâu xa, dùng phương tiện thuyết pháp cho người khác, không chứng quả Thanh văn, Độc giác thừa, mà siêng năng cầu chứng được quả Giải thoát của Như Lai, **chẳng bỏ tất cả đạo hạnh của Bồ Tát. Đây gọi là Bồ Tát đã tự hành đạo của mình”**.

Bồ Tát Tấn Lực đã từng nghe Đa Văn Thế Tôn nói về cảnh giới chưa từng có mà Bồ Tát thực hành, nên Bồ Tát Tấn Lực bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Thật hiếm có, như con hiểu ý lời Phật nói là: Bồ Tát đầy đủ phương tiện thiện xảo, quán tất cả pháp đều là đạo cả. Ví như hư không dung chứa các sắc. Như vậy, Bồ Tát đầy đủ phương tiện lớn, sự hành đạo thâu nhiếp tất cả pháp. Lại như hư không, tất cả cỏ cây hoa quả đều nhờ đó mà sanh trưởng. Như vậy, các vật đối với cõi hư không không thể làm nhiễm hoặc tịnh, chẳng làm giận làm vui. Đại Bồ Tát này đầy đủ phương tiện lớn là Bát Nhã, **nên quán tất cả pháp đều là đạo**, nghĩa là pháp của phàm phu hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ Tát, hoặc pháp Như Lai. Vì sao? Vì các Bồ Tát này đã thông suốt rồi. Ví như lửa mạnh, nếu gặp cỏ cây tất không lùi lại. Các cây cỏ này đều thuận theo, càng làm cho ngọn lửa cháy mạnh thêm. Cũng vậy các pháp hoàn toàn thuận theo đạo của Bồ Tát nên gọi là Bồ Tát đạo. Thí như kim cương, thể chất nó rắn chắc, dao không thể chặt gãy, lửa không thể đốt cháy, nước không thể làm tan rả, độc không thể hại. Cũng vậy, với phương tiện trí tuệ của Bồ Tát, Thanh văn, Độc giác, các ngoại đạo, và tất cả phiền

não không thể nào làm tổn hoại được. Như ngọc lọc được nước, nếu ở trong nước đục thì làm cho trong. Ngọc Bát Nhã của Bồ Tát có thể làm cho tất cả phiền não của hữu tình đều được thanh tịnh. Ví như thuốc tốt như Diệu bảo thần châu không thể ở chung với chất độc, có khả năng làm tiêu hết các chất độc. Cũng vậy, Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã chẳng chung cùng với tất cả phiền não, mà có thể đoạn diệt tất cả phiền não. Nhân duyên các pháp như vậy đều là đạo của đại Bồ Tát".

Mạn Thù Thất Lợi! Khi Tinh Tấn Lực nói về pháp này, tám vạn Bồ Tát đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Hai trăm Bồ Tát đắc Vô sanh pháp nhẫn. Mạn Thù Thất Lợi! Tinh Tấn Lực kia chính là Thiên vương Tối Thắng hôm nay.

(Tu như Nhị thừa, sợ trần sa hoặc(1), để tự độ không phải độ sinh, rồi trốn vào Niết bàn. Đó là phi đạo, chư Phật Thế Tôn đều quở trách. Tu luôn luôn tưởng nhớ hữu tình, chẳng bỏ đạo hạnh Bồ Tát. Đó là tu đạo tự hành của Bồ Tát. Chư Phật thế Tôn luôn khen ngợi, tán thán!)

(Làm thế nào Bồ Tát hành sâu Bát Nhã được sức kiên cố hộ trì Chánh Pháp?)

Bấy giờ, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã **được sức kiên cố, hộ trì chánh pháp**?

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! Đại Bồ Tát nào **thà bỏ thân mạng chứ không bỏ chánh pháp**, khiêm nhường với mọi người, không sanh kiêu mạn, nhẫn nại đối với sự sỉ nhục của bọn hạ tiện, cho hữu tình đói khát những thức ăn ngon, ban bố sự không sợ hãi cho người gặp nạn, trị liệu đúng pháp cho người bệnh tật, bố thí nhiều của báu cho hữu tình nghèo thiếu, sửa sang trang nghiêm tháp miếu thờ chư Phật, diệt trừ việc xấu, phát huy việc thiện, đem an vui cho hữu tình buồn khổ. Đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã như vậy sẽ được sức kiên cố, hộ trì chánh pháp.

(Bồ Tát hành sâu Bát Nhã làm sao có thể điều phục được tâm?)

Mạn thù thất lợi lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao các đại Bồ Tát hành Bát Nhã có thể điều phục tâm?

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! **Đại Bồ Tát nào hành sâu Bát Nhã chẳng xen vào việc của người khác, suy nghĩ trước rồi mới làm. Tâm tánh ngay thẳng điều hòa, lìa xa sự dua nịnh, chẳng tự khoe mình, ý thường nhu hòa. Đại Bồ Tát này có thể điều phục được tâm.**

Mạn thù thất lợi lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã có thể điều phục được tâm thì sẽ sanh về cõi nào?

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã có thể điều phục được tâm hoặc sanh lên cõi trời, hoặc sanh trong loài người. Nếu sanh lên cõi trời thì làm Đế Thích, hoặc làm Phạm vương là chủ cõi Kham Nhẫn. Nếu sanh vào loài người sẽ làm vua Chuyển luân hoặc làm các vua khác, hoặc làm trưởng giả, cư sĩ. Sanh lên trời hay người cũng thường được gặp Phật. Đại Bồ Tát này hành Bát Nhã có thể điều phục tâm sẽ sanh vào cảnh giới như vậy. *(Q.572, ĐBN)*

Mạn Thù Thất Lợi lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Chánh tín** đưa đến pháp nào?

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Chánh tín sinh ra sự **khéo hiểu biết**.

- Bạch Thế Tôn! **Đa văn** đưa đến pháp nào?

Phật dạy:

- Đa văn dẫn đến **trí tuệ vi diệu**.

- Bạch Thế Tôn! **Bố thí** đưa đến pháp nào?

Phật dạy:

- Bố thí dẫn đến **phước lớn**.

- Bạch Thế Tôn! **Tịnh giới** đưa đến pháp nào?

Phật dạy:

- Tịnh giới dẫn đến **cảnh giới lành**.

- Bạch Thế Tôn! **An nhẫn** đưa đến pháp nào?

Phật dạy:

- An nhẫn dẫn đến sự **dung nạp tất cả hữu tình**.

- Bạch Thế Tôn! **Tinh tấn** đưa đến pháp nào?

Phật dạy:
- Tinh tấn dẫn đến sự **thành tựu tất cả Phật pháp**.
- Bạch Thế Tôn! **Tịnh lự** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Tịnh lự dẫn đến sự **xa lìa tất cả tán loạn dao động**.
- Bạch Thế Tôn! **Bát Nhã** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Bát Nhã dẫn đến sự **xa lìa tất cả phiền não**.
- Bạch Thế Tôn! **Nghe pháp** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Nghe pháp dẫn đến sự **xa lìa tất cả lưới nghi**.
- Bạch Thế Tôn! **Hỏi đúng** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Hỏi đúng dẫn đến **trí tuệ vi diệu** quyết định đối với các pháp.
- Bạch Thế Tôn! **Trú tịch tĩnh** sinh ra pháp gì?
Phật dạy:
- Sinh ra **thiền định và các thần thông**.
- Bạch Thế Tôn! **Tu đúng** sinh ra pháp gì?
Phật dạy:
- Tu đúng dẫn đến **chánh đạo**.
- Bạch Thế Tôn! **Tiếng vô thường** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Tiếng vô thường dẫn đến sự **không nắm bắt đối với cảnh**.
- Bạch Thế Tôn! **Tiếng khổ** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Tiếng khổ dẫn đến **sự vô sanh**.
- Bạch Thế Tôn! **Tiếng vô ngã** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Tiếng vô ngã dẫn đến sự **diệt trừ chấp ngã và ngã sở**.
- Bạch Thế Tôn! **Tiếng Không** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Tiếng Không dẫn đến sự tịch tĩnh.
- Bạch Thế Tôn! **Chánh niệm** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Chánh niệm dẫn đến **Thánh kiến**.

- Bạch Thế Tôn! **Thân tâm xa lìa** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Thân tâm xa lìa dẫn đến **tất cả thần thông diệu tịnh.**
- Bạch Thế Tôn! **Thánh đạo** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Thánh đạo dẫn đến **Thánh quả**.
- Bạch Thế Tôn! **Thắng giải** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Thắng giải dẫn đến sự **thành tựu tất cả giải thoát**.
- Bạch Thế Tôn! **Đức Phật ra đời** đưa đến pháp nào?
Phật dạy:
- Phật ra đời dẫn đến **tất cả Bồ đề phần pháp**.

(Tất cả các pháp tu, các chỉ dẫn khuyến tấn về tu hành của Hội thứ VI nói chung, hết sức chi li sâu sắc so với các Hội khác. Cố gắng phụng trì, sẽ được nhiều lợi lạc lớn trong hiện đời và hậu đời, xin chớ bỏ qua!)

(Phật ra đời như thế nào?)

Bấy giờ, Tối Thắng ở trước Phật thưa:
- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Phật ra đời?
Phật dạy:
- Tối Thắng! Như phát tâm quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.
- Bạch Thế Tôn! Thế nào là phát tâm quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?
Phật dạy:
- Như **phát sanh đại bi.**
- Bạch Thế Tôn! Sanh đại bi là thế nào?
Phật dạy:
- Chẳng bỏ tất cả hữu tình.
- Bạch Thế Tôn! Chẳng bỏ tất cả hữu tình là sao?
Phật dạy:
- Phải giống như chẳng bỏ Tam bảo.
- Bạch Thế Tôn! Ai có thể không bỏ Tam bảo?
Phật dạy:
- Tất cả những người không có phiền não.

Tối Thắng liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ. Bạch Thiện Thệ! Thật hy hữu! Chư Phật kín đáo thâm sâu mầu nhiệm, tuy nói pháp Không, không sanh, không diệt, xưa nay vắng lặng nhưng chẳng phá hoại nghiệp quả thiện ác, xa lìa đoạn thường. Bạch Thế Tôn! Có trường hợp nào mà những hữu tình nghe pháp này chẳng kính tin lại sanh tâm hủy báng không?

Phật dạy:

- Cũng có.

- Bạch Thế Tôn! Hữu tình này do đời quá khứ tu hành thiện nghiệp nên được thọ thân người. Nhưng do gần gũi bạn ác nên **đối với giáo pháp thâm sâu không thể kính tin lại sanh hủy báng**, chỉ làm uổng phí nghiệp thiện quá khứ. Ân đức của chư Phật thật là sâu nặng, giả sử có đem máu thịt của mình cúng dường chư Phật cũng chẳng đền đáp được. Nhờ ơn Phật nên ngày nay chúng ta tăng trưởng căn lành, được pháp lạc lớn, trụ đại tự tại, trời người cung kính.

Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã nên biết ơn Phật, thân gần bạn lành, phải tu hạnh của chư Phật, chứng quả Bồ đề của chư Phật.

Khi nói pháp này, trong chúng có hai vạn năm ngàn Bồ Tát đắc Vô sanh nhẫn, bốn vạn năm ngàn chúng trời người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Một vạn hai ngàn chúng Thiên tử xa lìa trần cấu, sanh pháp nhãn thanh tịnh.

Thích nghĩa:

(1). Trần sa hoặc: Có nhiều nghĩa, nhưng ở đây có thể giải thích "đó là các lậu hoặc nhiều như cát bụi". Trần sa là cát bụi, nghĩa bóng là các phiền não lậu tận. Trong phần này có ý nói: Người tu sạch hết lậu hoặc có thể trở thành Thánh nhân, lại sợ dính bụi trần mà rơi rụng, nên mau trốn vào Niết bàn. Phật có quan niệm ngược lại, nên đặt câu hỏi "nếu quặng lọc hết các bẩn để trở thành vàng ròng, một khi đã là vàng ròng rồi thì vàng có thể trở lại thành quặng mỏ nữa hay không?" Điều này có nghĩa: Một khi đã trở thành Thánh nhân rồi thì có bị rơi rụng trở lại thành phàm phu nữa hay không? Quý vị có thể tự trả lời câu hỏi này. ***TB***

Sơ giải:

Phần đầu phẩm này nói về đạo của Bồ Tát hay đạo Bồ đề, tu không phải như Nhị thừa sớm thành tựu giác ngộ chứng thật tế rồi vào Niết Bàn, ***tu là làm sao ở lâu trong sanh tử để phục vụ chúng sanh. Đó mới là đạo của Bồ Tát.***

Phẩm này chẳng qua là so sánh sự hành đạo của Nhị thừa với Đại thừa. Kinh Đại Bát Nhã hoặc các Bộ Kinh khác thuộc Đại thừa lúc nào Phật cũng phân biệt hai thừa này. Sự phân biệt không phải là phân chia hệ cấp trong Phật đạo như trong các tôn giáo khác. Phật trước tiên thuyết về Tiểu thừa để dẫn dắt chúng sanh học các pháp lành để thoát khổ (sanh lão bệnh tử...) được vui (Niết bàn). Vì những pháp tu Tiểu thừa khi xưa chỉ chú trọng vào sự tu tập cốt đạt an lạc hạnh phúc của từng cá nhân, nghĩa là người tu cốt xa lìa trần sa hoặc, sớm chứng chân lý (thật tế) rồi nhập Niết bàn, không đếm xỉa đến những sanh linh khác đang oằn oại trong bể khổ sanh tử.

Để dẫn dắt Nhị thừa lên một trình độ cao hơn, tu cốt để phục vụ chúng sanh. Nên Phật chủ trương Nhất thừa, gồm tất cả các thừa từ Nhân thừa, Thiên thừa, Tiểu thừa, Trung thừa và Bồ Tát thừa vào Nhất thừa là Phật thừa(1). Nghĩa là chủ trương độ thoát chúng sanh ra khỏi bể khổ. Tu là cho người khác, không phải cho sự an lạc của chính cá nhân mình. Nên Bồ Tát tu lâu ở trong sanh tử để có dịp phục vụ chúng sanh. Đó là đạo chơn hạnh của Bồ Tát. Còn tu mà sợ sanh già bệnh chết, tu gấp để sớm vào Niết bàn, đó là ***phi đạo,*** *là trốn chạy! Hành đạo như vậy chẳng phải là hành đạo Bồ Tát, không phải Đại thừa.*

Rồi Đức Thích Ca kể cho pháp hội nghe câu chuyện xa xưa trong vô lượng kiếp có Đức Phật tên là Đa Văn, đầy đủ 10 danh hiệu, kiếp tên là Tăng Thượng, cõi nước tên Nhật Quang, thuyết pháp môn thanh tịnh cho các đại Bồ Tát. Phật Đa Văn nói:

- "Bồ Tát thành tựu tất cả phước tuệ, vì sức đại bi không bỏ hữu tình, xa lìa Thanh văn và bậc Độc giác, được đắc Vô sanh nhẫn nhưng chẳng bỏ ba cõi, không lìa chúng sanh, dùng phương tiện thiện xảo tu hành tất cả Ba la mật. Dùng sức trí tuệ, không tâm phân biệt, sanh trưởng căn lành, thành tựu tận trí được vô lượng công đức. Dù biết các pháp không có một pháp nào tự nó có thể sanh, chỉ phương tiện hiện sanh. Dù biết hữu tình không có một hữu tình nào là thật có mà vẫn phương tiện giáo hóa, biết tất cả

pháp đều lìa tự tánh. Quán các cõi Phật đều như hư không nhưng thường dùng phương tiện khéo léo nghiêm tịnh cõi Phật. Biết tất cả pháp thân Phật không có hình tướng nhưng phương tiện thị hiện tướng hảo trang nghiêm. Tùy theo tâm các hữu tình ưa thích điều gì liền phương tiện mà trao cho họ. Thân tâm Bồ Tát tuy thường vắng lặng nhưng vẫn thuyết pháp giáo hóa hữu tình, cũng dùng phương tiện thiện xảo xa lìa sự ồn náo, tu các thiền định, biết tự tánh Không nhưng thông suốt được tất cả trí tuệ sâu xa, dùng phương tiện thuyết pháp cho người khác, không chứng quả Thanh văn, Độc giác mà siêng năng cầu chứng quả Giải thoát của Như Lai, chẳng bỏ tất cả đạo hạnh của Bồ Tát. Phật Đa Văn kết luận: **Đó gọi là đạo của Đại Bồ Tát**!"

Bồ Tát Tấn Lực(mà Phật Thích Ca kể trong câu chuyện này là một trong số Bồ Tát trong pháp hội của Phật Đa Văn)đã từng nghe Đa Văn Thế Tôn nói về cảnh giới chưa từng có mà Bồ Tát thực hành Bồ Tát đạo, nên Bồ Tát Tấn Lực bạch Phật Đa Văn:

"Bạch Thế Tôn! Thật hiếm có, như con hiểu ý Phật nói là: Bồ Tát đầy đủ phương tiện thiện xảo, quán tất cả pháp đều là đạo cả. Ví như hư không dung chứa tất cả sắc. Như vậy, Bồ Tát đầy đủ phương tiện lớn, sự hành đạo thâu nhiếp tất cả pháp. Lại như hư không, tất cả cỏ cây hoa quả đều nhờ đó mà sanh trưởng. Như vậy, các vật đối với cõi hư không không thể làm nhiễm hoặc tịnh, chẳng làm giận làm vui. Đại Bồ Tát này đầy đủ phương tiện lớn là Bát Nhã, nên **quán tất cả pháp đều là đạo**, nghĩa là pháp của phàm phu hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ Tát, hoặc pháp Như Lai. Vì sao? Vì các Bồ Tát này đã thông suốt rồi. Ví như lửa mạnh, nếu gặp cỏ cây tất không lùi lại. Các cây cỏ này đều thuận theo, càng làm cho ngọn lửa cháy mạnh thêm. Cũng vậy **các pháp hoàn toàn thuận theo đạo của Bồ Tát nên gọi là Bồ Tát đạo**. Thí như kim cương, thể chất nó rắn chắc, dao không thể chặt gãy, lửa không thể đốt cháy, nước không thể làm tan rã, độc không thể hại. Cũng vậy, với phương tiện trí tuệ của Bồ Tát, Thanh văn, Độc giác, các ngoại đạo, và tất cả phiền não không thể nào làm tổn hoại được. Như ngọc lọc được nước, nếu ở trong nước đục tức làm cho trong. Ngọc Bát Nhã của Bồ Tát có thể làm cho tất cả phiền não của hữu tình đều được thanh tịnh. Ví như Diệu bảo thần châu giống như thuốc tốt không thể ở chung với chất độc, có khả

năng làm tiêu hết các chất độc. Cũng vậy, Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật chẳng chung cùng với tất cả phiền não, mà có thể đoạn diệt tất cả phiền não. Nhân duyên các pháp như vậy đều là đạo của đại Bồ Tát".

Ý chính của phẩm "Hiền Đức" này nằm trong hai đoạn Kinh trên do Phật Đa Văn và Bồ Tát Tinh Tấn Lực thuyết về Bồ Tát đạo. Hành đạo này sẽ được nhiều công đức trí tuệ để độ mình độ người. Do đó, mới nói có thể thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, mang an lạc lợi ích cho tất cả hữu tình đến tận cùng đời vị lai.

Điểm đáng chú ý của phẩm này là cuộc đối thoại giữa Phật và Mạn Thù Thất Lợi. Đó là những định nghĩa xác thực về tất cả pháp và đồng thời đó cũng là những chỉ dẫn cần thiết cho người học đạo. Học đạo tự hành là phải nghiền ngẫm thọ trì các Thánh chỉ này thôi!

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

(1). Sẵn đây xin nói sơ qua về Ngũ thừa để các đạo hữu nào mới học Phật biết thêm tổ chức của Phật giáo: Khi xưa khi Phật còn tại thế, Phật chia Phật đạo làm năm thành phần khác nhau tùy theo pháp tu và hạnh nguyên. Năm thành phần, đó là:

1- Thành phần tu hành phổ thông nhất chính là **Nhân thừa**, *Mānuṣayāna (S): Chỉ những người sống trên mặt đất (cõi Dục), học và hành ngũ giới trọn vẹn thì có thể luân hồi trở lại làm người.*

2- ***Thiên thừa***, *Devayàna (S): Chỉ chúng sanh ở cõi trời do tu thập thiện hay bố thí, trì giới, thiền định đôi chút mà được thăng lên cõi ấy.*

3- ***Tiểu thừa***, *Hīnayāna(S): Ở đây không nói đến các bộ phái và chủ trương của nó. Ở đây chỉ thuyết sơ về pháp tu và nguyện ước của thành phần này mà thôi. Tiểu thừa phân tích rõ trạng thái của đời sống con người, bản chất sự vật, cơ cấu của ngã và pháp, chỉ ra các Khổ (khổ là một sự thật, làm sao thoát khổ, làm sao thoát sanh tử luân hồi, làm sao đạt Niết bàn an vui?). Vì vậy, Tiểu thừa tu các pháp tu như Tứ đế, Bát chánh đạo, nghiệp và quả cốt phá ngã, diệt tội thực hiện ước nguyện đầu tiên cũng như cuối cùng là được giác ngộ, giải phóng cá nhân mà vào Niết bàn.*

4- ***Trung thừa***, *Mādhyamayāna (S): Thừa này ít thấy nói đến trong Kinh sách, không được phổ thông lắm. Một số học giả cho rằng Trung*

thừa do Ngài Long Thọ sáng lập, nằm ở giữa Tiểu thừa và Đại thừa, vì nó có thể giúp hai thừa này giải quyết các cực đoan trong tư duy hay hiện thực. Nhưng Kinh ĐBN xếp Duyên Giác, Độc giác hay Bích Chi Phật vào Trung thừa. Đó là những vị tự mình phá vỡ được chu kỳ sinh diệt của 12 nhân duyên là Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão tử mà được giác ngộ.

*5- **Đại thừa**, Mahāyāna (S): Muốn trở thành Bồ Tát thừa, Phật thừa thì trước hết phải học tất cả các pháp môn Phật học của các thừa khác, sau đó phải tu lục độ là bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và lập nguyện trên cầu Vô thượng Bồ đề, dưới hóa độ* chúng sanh.

***Tổ chức Phật giáo không phải là một hệ cấp hình kim tự tháp**: Trên đầu là Phật, kế là Bồ Tát, xuống là Độc giác, Thanh văn, dưới là chư Thiên và tầng cuối cùng là Người, mặc dù trong Kinh thường nói đến thập giới (Phật, Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, Thiên, Nhân, A tu la, Súc sanh, Ngạ quỷ và Địa ngục). Sự phân chia giai vị trong Phật đạo là tùy theo tu chứng và hạnh nguyện: Tiểu thừa tu để thoát khổ cho mình, cho cá nhân mình hưởng; trong khi Đại thừa tu là vì* chúng sanh *khác, vì an lạc hạnh* phúc *của toàn thể chúng sanh. Vì vậy, trong Kinh Phật nhất là các Kinh thuộc Đại thừa quở trách bậc Nhị thừa, chủ trương gộp tất cả các thừa vào Nhất thừa gọi chung là Phật thừa, là vì vậy.*

Đó là đại cương của các thừa trong Phật đạo. Tuy nhiên, như trên đã nói *đạo Phật không như những tôn giáo khác, cốt thiết lập hệ cấp để bảo vệ uy quyền của những* nhà lãnh đạo tôn giáo trong *quốc gia hay giữa các quốc gia. Chủ trương của đạo Phật là bình đẳng,* không chia *chẻ*, không *phân biệt./.*

---o0o---

12. PHẨM "HIỆN HÓA".

Giữa quyển 572, Hội thứ VI, ĐBN:
(Tương đương với phẩm 11, "Hiện Hóa", Kinh TTVBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, Bồ Tát Thiện Tư thưa với Thiên vương Tối Thắng:
- Hóa thân của Phật có thể biến hóa nữa không?
Tối Thắng đáp:
- Nay đối với việc đó lấy Thế Tôn làm minh chứng. Hóa thân của Phật lại **có thể hóa làm hằng hà sa số vô lượng hóa thân Phật nữa**, với vô lượng hình tượng thần thông để thuyết pháp làm lợi lạc hữu tình. Vì sao? Vì nguyện lực thuở xưa của chư Phật thanh tịnh nên mới được như vậy.
Bồ Tát Thiện Tư lại hỏi:
- Thiên vương thường thuyết pháp thâm sâu một cách khéo léo. Nếu gọi nguyện lực thuở xưa của Phật thanh tịnh thì cúi xin Thiên vương thỉnh thần lực Phật làm cho Bát Nhã tồn tại lâu dài trên thế gian, không bao giờ diệt mất.
Tối Thắng trả lời:
- Thiện Tư nên biết! Tất cả Như Lai thường cùng nhau hộ trì Bát Nhã. Vì sao? Vì văn tự để tuyên thuyết Bát Nhã, văn tự này chẳng khởi đầu, chẳng kết thúc, thường không ẩn mất. Ý nghĩa được hiển bày kia cũng chẳng khởi đầu, chẳng kết thúc, thường không ẩn mất. Do đó, Bát Nhã của chư Phật cũng không ẩn mất. Vì sao? **Vì pháp chẳng sanh. Nếu pháp không sanh thì cũng không diệt, tức là giáo lý bí mật của chư Phật. Diệu lý như vậy thì Như Lai ra đời, hoặc không ra đời, tánh tướng vẫn vắng lặng gọi là chơn như, cũng gọi là pháp giới, còn gọi là thật tế, thuận theo nhân duyên mà chẳng chống trái, đó là chánh pháp. Tánh nó thường trú vĩnh viễn không ẩn mất.**

(Giáo lý đạo Phật vốn dĩ trăm ngàn năm vẫn như vậy, dù có Phật hay không có Phật ra đời, vẫn tràn đầy trong trời đất. Tánh nó thường trú vĩnh viễn không ẩn mất như chơn như, như pháp giới, như pháp tánh...)

Bồ Tát Thiện Tư thưa:

- Đại vương! Những người nào có thể hộ trì chánh pháp?

Thắng Thiên vương đáp:

- Thiện nam tử**! Nếu không trái nghịch với tất cả pháp, thì gọi là hộ trì chánh pháp. Vì sao? Vì không có tranh luận và không trái đạo lý, nên gọi là hộ trì chánh pháp.**

Lại hỏi:

- Thế nào không trái đạo lý?

Đáp:

- **Nếu thuận theo văn tự là không trái đạo lý và không có chỗ để tranh luận thì gọi đó là hộ trì chánh pháp**. Vì sao? Vì phàm phu thế gian đều chấp trước các kiến, **còn người thuận đạo lý thường nói không**. Cho nên thế gian sinh ra tranh luận; như vậy phàm phu tham đắm vào pháp **có**, còn người thuận theo đạo lý thì coi thường việc này. Thế gian nói có thường, lạc, ngã, tịnh; người thuận đạo lý nói: Vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, cho nên thế gian sinh ra tranh luận.

Thiện nam tử! Tất cả phàm phu đều thuận theo thế gian, còn người thuận theo đạo lý thì ngược lại với thế gian, cho nên thế gian thường sanh tranh luận. Tất cả phàm phu đều chấp uẩn, xứ, giới, còn người thuận đạo lý thì nói tất cả pháp đều không có chấp trước, cho nên thế gian phát khởi tranh luận.

Thiện nam tử! **Tất cả phàm phu thuận theo đời thì không thực hành đạo lý, còn người thuận theo đạo lý thì trái với đời**.

Bồ Tát Thiện Tư lại hỏi Tối Thắng:

- Vậy hôm nay Thiên vương nên nắm lấy gì?

Tối Thắng đáp:

- Thiện Tư nên biết! Tôi chẳng nắm lấy ngã cũng chẳng nắm lấy pháp.

Thiện Tư lại hỏi:

- Vì sao chẳng nắm?

Tối Thắng đáp:

- Tự tánh ngã là xa lìa. Tự tánh của pháp và hữu tình cũng là xa lìa. Các sự xa lìa này cũng bất khả đắc.

Tự tánh quá khứ là xa lìa. Tự tánh vị lai, hiện tại cũng là xa lìa. Các sự xa lìa này đều bất khả đắc.

Tự tánh chư Phật chẳng phải xa lìa, tự tánh chư Phật chẳng phải không xa lìa. Tự tánh quốc độ chư Phật chẳng phải xa lìa. Tự tánh của quốc độ chư Phật chẳng phải không xa lìa.

Tự tánh các pháp chẳng phải xa lìa, tự tánh các pháp chẳng phải không xa lìa. Thiện Tư nên biết! Hành được như vậy gọi là thuận chánh lý. Không có pháp để nắm, không nắm mới có thể hộ trì chánh pháp.

Bồ Tát Thiện Tư khen Thiên vương Tối Thắng:

- Hay thay! Đại sĩ chính là người có thể thuyết Bát Nhã thâm sâu này, không chấp, không đắm, không văn, không tự, diệt hý luận, lìa phân biệt và pháp bị phân biệt.

(Sao gọi là không phân biệt?)

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên tử tên là Hiền Đức, từ tòa đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo áo che vai trái, gối phải quì chấm đất, chắp tay cung kính thưa với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thiên vương Tối Thắng đã nói không có sự phân biệt, đó là pháp nào?

Phật bảo Hiền Đức:

- Thiên vương nên biết! **Không có phân biệt ấy chính là pháp tịch tĩnh. Vì sao? Vì được hay mất đều bất khả đắc, chẳng sanh chẳng diệt, lìa ngã và ngã sở. Như vậy, gọi là pháp không phân biệt. Nếu đại Bồ Tát quán như thế ấy, năng hộ được Chánh pháp, chẳng thấy pháp năng hộ và sở hộ**.

Khi nói pháp này mười ngàn Bí sô tâm được giải thoát, hai ngàn Thiên tử xa lìa trần cấu, phát sinh pháp nhãn thanh tịnh.

Bồ Tát Thiện Tư hỏi Thiên vương Tối Thắng:

- Những biện tài nào có thể thuyết pháp thâm sâu như thế?

Tối Thắng đáp:

- Bậc không còn tất cả tập khí phiền não, đã đạt được biện tài thì có thể nói pháp thâm sâu này. Đạo ngoài ngôn ngữ, không thể gọi tên, tuyên thuyết Đệ nhất nghĩa trí, biện tài như vậy mới có thể nói được pháp thậm thâm này.

Bồ Tát Thiện Tư hỏi Thiên tử Hiền Đức:

- Vì sao trong pháp không sanh đem biện tài mà nói?

Thiên tử Hiền Đức đáp:

- Đại Bồ Tát nếu là kẻ chẳng trụ pháp không sanh không diệt, thời có biện tài nói pháp sâu thẳm. Vì sao? Xa lìa hý luận, chẳng thấy sở duyên, chẳng thấy năng duyên, tâm không chỗ trụ, vậy có thể nói. Chẳng trụ ngã pháp, chẳng trụ đây kia, chỉ trụ Đệ nhất nghĩa đế thanh tịnh, cho nên có thể nói.

Bồ Tát Thiện Tư liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ lạ. Thiên tử Hiền Đức thật là hiếm có, chính Ngài mới có thể thông suốt pháp thậm thâm, biện tài vô tận.

Phật bảo Thiện Tư:

- Thiên Tử Hiền Đức từ chỗ Phật Bất Động của thế giới Diệu Hỷ, mà đến thế giới Kham Nhẫn này nghe Bát nhã Ba la mật thâm sâu. Các ông nên biết! Thiên tử Hiền Đức đã ở vô lượng trăm ngàn ức kiếp tu tập môn Đà la ni hiếm có, nhiều kiếp thuyết pháp cũng chẳng cùng tận.

(Thế nào là Đà la ni Chư pháp bất nhập?)

Bồ Tát Thiện Tư lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Sao gọi là môn Đà la ni hiếm có?

Phật dạy:

- Thiện Tư! Đấy gọi là **Đà la ni Chư pháp bất nhập**. Môn Đà la ni vượt qua các văn tự, nói không thể nhập, tâm không thể vào, các pháp nội ngoại đều bất khả đắc.

Thiện Tư nên biết! không có pháp nào có thể vào được pháp này nên gọi là Đà la ni Chư pháp bất nhập. Vì sao? Pháp đây bình đẳng không cao không thấp, không có vào ra, không một văn tự từ ngoài mà vào, không một văn tự từ trong mà ra, không một văn tự trụ trong pháp đây, cũng không văn tự chung thấy nhau được, cũng chẳng phân biệt pháp và phi pháp, các văn tự này nói cũng không giảm, chẳng nói cũng không tăng, từ xưa đến nay trọn không khởi tác và hoại diệt được.

Thiện Tư nên biết! Giống như các văn tự, tâm cũng như vậy. Giống như tâm, tất cả pháp cũng như thế. Vì sao? Vì pháp lìa ngôn ngữ, cũng lìa nghĩ lường, từ xưa đến nay không sanh không diệt, nên không vào ra. Đó gọi là Đà la ni Chư pháp bất nhập. Nếu kẻ thông suốt được pháp môn đây,

biện tài vô tận. Vì sao? Vì thông đạt Pháp không đứt đoạn, không cùng tận. Người có thể vào hư không tức có thể vào cửa Đà la ni này.

Thiện Tư nên biết! Nếu đại Bồ Tát thông suốt được môn Đà la ni này, tâm được thanh tịnh, thân ngữ cũng thế, sự tu hành thuận theo lý Bát Nhã vững chắc thì các quân ma không thể quấy nhiễu. Tất cả ngoại đạo chẳng dám đối diện, các nghiệp phiền não làm gì hoại được, thần lực vững vàng, tâm lìa sự khiếp nhược, hễ có thuyết giảng thì biện tài vô tận, có thể tuyên thuyết các môn Thánh đế thậm thâm vi diệu. Trí tuệ đa văn tựa như biển cả. An trú tam muội ví như núi Diệu Cao, như sư tử chúa giữa chúng không sợ. Pháp thế gian chẳng nhiễm, giống như hoa sen trong sạch. Lợi ích chúng sinh ví như đất liền; tẩy trừ cấu uế ví như nước lớn. Thành thục thế gian sánh với các lửa dữ. Tăng trưởng pháp lành đồng như gió mạnh. Mát mẻ vui lòng như ánh sáng hiền hòa của mặt trăng. Thường phá đi những sự tối tăm như ánh sáng mặt trời. Phá dẹp phiền não oán hại như dũng sĩ oai hùng. Tâm tánh điều phục như voi chúa lớn. Thường vang sấm pháp dụ như rồng lớn. Mưa pháp rưới khắp ví như đám mây lớn. Như đại lương y chữa bệnh phiền não, giống như đại quốc vương khéo ngự trị thế gian. Như Tứ Thiên vương ủng hộ hữu tình và hộ trì chánh pháp. Như trời Đế Thích giàu sang hơn hết, đối với trong trời, người. Tâm được tự tại, ví như Đại phạm vương, Tự tại vương, dẫn dắt thế giới Ta bà. Thân không ngăn ngại, như chim Ca lâu la. Chỉ dạy hữu tình, như người cha của thế gian; có thể ban báu pháp, giống như Tỳ sa môn vương có thể ban các báu. Được trang nghiêm bằng công đức, trí tuệ; hữu tình nhìn thấy, không ai không lợi ích. Được chư Phật Thế Tôn khen ngợi, các trời, rồng v.v... cùng nhau ủng hộ.

Thiện Tư nên biết! Các đại Bồ Tát nếu đắc môn Đà la ni này liền được tự tại, làm lợi ích hữu tình, phương tiện thuyết pháp chẳng cùng tận, tâm không mỏi mệt, chẳng màng lợi dưỡng tiếng khen, pháp thí bình đẳng không có bỏn sẻn, ganh tị. Thọ trì tịnh giới, 3 nghiệp không lỗi.

An nhẫn thanh tịnh lìa các sự giận dỗi, bực bội.

Tinh tấn thanh tịnh làm việc thành tựu.

Tĩnh lự thanh tịnh khéo léo điều phục tâm.

Trí Bát Nhã thanh tịnh vĩnh viễn không nghi ngờ.

Đủ bốn Vô lượng như Đại Phạm vương thường tu hành các đẳng trì, đẳng chí một cách khéo léo, vào ra tự tại, hơn hẳn các thế gian, tu nhân Đại Giác đủ các phước tuệ, nhận lãnh ngôi quán đỉnh được tự tại lớn.

Khi Phật thuyết môn Tổng trì này, trong chúng có sáu vạn bốn ngàn Bồ Tát được Bất thối chuyển, ba vạn Bồ Tát được Vô sanh nhẫn. Hai vạn trời người xa lìa trần cấu, sanh pháp nhãn thanh tịnh. Vô lượng, vô biên trời, người v.v... đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Sơ giải:

*Giáo pháp ở đây nhấn mạnh về các pháp nếu không sanh thì cũng không diệt, dù Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện ở thế gian này tánh tướng của các pháp vẫn thường trụ. Đó là **giáo lý bí mật** của tất cả chư Như Lai. Thâm ngộ các pháp chẳng sanh chẳng diệt mà Đại Bát Nhã thường **gọi là Không hay Bản tánh không** thì sẽ thấy đâu đâu cũng là đạo, đâu đâu cũng là chơn như, pháp giới, thật tế...*

Năm Hội trước đây Phật thường nói các pháp là giả thi thiết, các pháp là như huyễn như mộng, các pháp là trì độn vô tri, là không, là như như, là bình đẳng, và bình đẳng nên nói là thanh tịnh. Đó là một chuỗi dài tri nhận của Phật đối với bản tánh các pháp mà Phật bày tỏ trong toàn bộ Đại Bát Nhã này. Vì vậy, Phật thú nhận: Vì "các pháp như vậy, nên trong lòng vắng lặng không muốn nói pháp".

Thắng Thiên Vương hội nhập giáo lý đó, nên nói với Bồ Tát Thiện Tư:

"... Vì pháp chẳng sanh. Nếu pháp không sanh thì cũng không diệt, tức là giáo lý bí mật của chư Phật. Diệu lý như vậy thì Như Lai ra đời, hoặc không ra đời, tánh tướng vẫn vắng lặng gọi là chơn như, cũng gọi là pháp giới, còn gọi là thật tế, thuận theo nhân duyên mà chẳng chống trái, đó là **chánh pháp**. Tánh nó thường trú vĩnh viễn không ẩn mất".

Pháp thoại giữa Thắng Thiên Vương và Bồ Tát Thiện Tư cho chúng ta thấy đâu đâu cũng là đạo lý. Thắng Thiên Vương bảo:

- "Thiện nam tử! Nếu không trái nghịch với tất cả pháp, thì gọi là hộ trì chánh pháp. Vì sao? Vì không có tranh luận và không trái đạo lý, nên gọi là hộ trì chánh pháp.

Lại hỏi:

- Thế nào không trái đạo lý?

Đáp:

- Nếu thuận theo văn tự là không trái đạo lý và không có chỗ để tranh luận thì gọi đó là hộ trì chánh pháp. Vì sao? Vì phàm phu thế gian đều chấp trước các kiến, còn người thuận đạo lý thường nói **không**. Cho nên thế gian sinh ra tranh luận; như vậy phàm phu tham đắm vào pháp **có**, còn người thuận theo đạo lý thì coi thường việc này. Thế gian nói có thường, lạc, ngã, tịnh; người thuận đạo lý nói vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, cho nên thế gian sinh ra tranh luận.

Thiện nam tử! Tất cả phàm phu đều thuận theo thế gian, còn người thuận theo đạo lý thì ngược lại với thế gian, cho nên thế gian thường sanh tranh luận. Tất cả phàm phu đều chấp uẩn, xứ, giới, còn người thuận đạo lý thì nói tất cả pháp đều không có chấp trước, cho nên thế gian phát khởi tranh luận.

Thiện nam tử! **Tất cả phàm phu thuận theo đời thì không thực hành đạo lý, còn người thuận theo đạo lý thì trái với đời”.**

Người đời thuận theo thế gian nói các pháp có-không, sanh-diệt, đoạn-thường, khứ-lai... Đó là lưỡng nguyên pháp, pháp đối nghịch hai đầu, nên phân biệt chấp đắm mà sanh ra tranh cãi, buông bỏ hay nắm bắt... Thánh giả trái lại ngược dòng thế gian vì “không chấp, không đắm, không văn tự, diệt hý luận, lìa phân biệt...”

Đến chỗ này, nên Phật bảo:

- “Không phân biệt ấy chính là **pháp tịch tĩnh**. Vì sao? Vì được hay mất đều bất khả đắc, chẳng sanh chẳng diệt, lìa ngã và ngã sở. Như vậy, gọi là pháp không phân biệt. Nếu đại Bồ Tát quán như thế ấy, năng hộ được Chánh pháp, chẳng thấy pháp năng hộ và sở hộ”.

Tất cả pháp phơi bày trước mắt bình dị tịch tĩnh, nhưng mấy ai thấy được dù có chỉ cho thấy, nói cho nghe, chứng cho biết nhưng ngoan cố tranh cãi, giận hờn. Vì sao? Vì ngã và ngã kiến tạo thành thân kiến, biên kiến, kiến thủ quá sâu đậm nên theo dòng thế gian mà phải chịu luân chuyển.

Trong phẩm này có dạy “phương pháp để thuyết pháp”, thoáng đọc qua tưởng chừng như “nghịch đảo”. Nhưng thuật thuyết pháp ở đây thật sâu kín cần phải học:

- "Đại Bồ Tát nếu là kẻ chẳng trụ pháp không sanh không diệt, thời có biện tài nói pháp sâu thẳm. Vì sao? Xa lìa hý luận, chẳng thấy sở duyên, chẳng thấy năng duyên, tâm không chỗ trụ, vậy có thể nói. Chẳng trụ ngã pháp, chẳng trụ đây kia, chỉ trụ Đệ nhất nghĩa đế thanh tịnh, cho nên có thể nói".

Trụ đệ nhất nghĩa đế thì không thấy mình người, không thấy ngã pháp tức không còn phân biệt. Nếu không phân biệt thì không chấp. Do công năng vô chấp mà được tự tại vô ngại. Do vô ngại nên có biện tài vô tận. Thuyết pháp như vậy là thanh tịnh không gì bằng.

Trước khi chấm dứt phẩm này, xin các đạo hữu thẩm định câu nói sau đây: **"Tất cả phàm phu đều thuận theo dòng thế gian, còn người thuận theo đạo lý thì ngược lại với thế gian".** *Có phải như vậy không?*

---o0o---

13. PHẨM "ĐÀ LA NI"*(1)*.

Giữa quyển 572, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương phẩm 12, "Đà La Ni", Kinh TTVBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, đại Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ chân Phật, kéo y che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thật kỳ lạ! Như Lai đã nói: Bồ Tát được **Đà la ni Chư pháp bất nhập** này, thành tựu công đức vô lượng vô biên.*(2)*

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! Công đức như thế, giả sử Như Lai nói trăm ngàn năm cũng chưa hết.

Khi ấy, trong chúng có vị Bồ Tát tên là Tịch Tĩnh Tuệ liền thưa với đại Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Nếu đại Bồ Tát chứng được môn Đà la ni này sẽ được đức Phật Thế Tôn khen ngợi. Bồ Tát ấy được lợi lớn hoàn toàn, tự hành, hóa độ đều chẳng luống uổng.

Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi bảo Bồ Tát Tịch Tĩnh Tuệ:

- Thiện nam tử! Trong thắng nghĩa đế không pháp nào đáng khen vì không sắc không tướng. Không sắc không tướng thì có gì đáng khen? Vì không có gì đáng khen nên không có cái để vui mừng.

Bồ Tát Tịch Tĩnh Tuệ lại thưa:

- Tôi nghe trong Khế Kinh, Như Lai nói: Tự tánh các pháp không có ngã, ngã sở, không thể làm cho vui cũng không thể làm cho giận. Pháp bình đẳng này các Bồ Tát cần nên học. Thí như đại địa dựa vào Thủy luân, nếu đào ao giếng thì được nước để dùng. Những kẻ không đào không do đâu mà có nước. Như vậy, **cảnh giới Thánh trí bình đẳng cùng khắp tất cả pháp**. Nếu ai siêng năng tu Bát Nhã liền được chứng đắc, còn người chẳng tu làm sao chứng được. Thế nên Bồ Tát mong cầu quả vị Vô thượng Bồ đề thì không nên biếng nhác. Nếu siêng năng tinh tấn như đã nói thì cảnh bình đẳng của pháp sẽ hiện ra trước mắt. Như người mù bẩm sanh không thể thấy màu sắc, hữu tình cũng vậy, bị phiền não làm mù tối thì

không thể thấy pháp bình đẳng. Như người có mắt nếu không có ánh sáng bên ngoài thì không thể thấy hoàn toàn màu sắc, hình tượng đã có.

Cũng vậy, người tu hành tuy có trí tuệ nhưng không có bạn tốt thì không thể thấy pháp. Còn như người có thiên nhãn không nhờ ánh sáng ngoài, tự họ vẫn thấy được sắc. Cũng vậy, Bồ Tát nào dự vào dòng pháp thì tự nhiên thắng tiến. Ví như ở thế gian, thai nhi dần dần tăng trưởng nhưng chẳng tự thấy. Cũng vậy, những Bồ Tát siêng năng tinh tấn thì các hạnh tăng trưởng dần, dù chẳng tự thấy mà được thành tựu tất cả Phật pháp. Như trong núi Tuyết có cây thuốc ra quả mà thân cây, cành nhánh chẳng khô chẳng gãy.

Cũng vậy, Bồ Tát siêng tu tinh tấn được bao nhiêu thắng hạnh đều không lui mất. Như vua Chuyển luân xuất hiện ở đời đầy đủ bảy báu. Cũng vậy, Bồ Tát phát tâm Bồ đề đầy đủ bảy pháp Bảo, là bố thí, tịnh giới, an nhẫn, cho đến Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo. Như vua Chuyển luân dạo khắp bốn châu, tâm trải bình đẳng đến các loài hữu tình.

Cũng vậy, Bồ Tát đem bốn Nhiếp sự làm lợi ích cho hữu tình với tâm luôn bình đẳng. Như vua Chuyển luân dù ở chỗ nào cũng không có sự tranh cãi, kiện tụng. Bồ Tát như thật thuyết pháp cũng không có sự tranh luận. Ví như tam thiên đại thiên thế giới lúc mới tạo thành liền có núi Diệu Cao và biển lớn.

Cũng vậy, Bồ Tát khi mới phát tâm Vô thượng Bồ đề liền có Bát Nhã và tâm đại bi. Thí như lúc mặt trời mọc, những chỗ núi cao được ánh sáng chiếu trước. Bồ Tát cũng thế, nếu được đuốc Bát Nhã thì các Bồ Tát có hạnh thanh cao, các căn thuần thục sẽ được ánh sáng chiếu trước. Ví như đại địa có thể gánh vác tất cả cỏ, cây, hoa quả, thuốc thang thảy đều bình đẳng. Bồ Tát cũng vậy, chứng được môn Đà la ni này đối với các hữu tình tâm đều bình đẳng. *(Q.572, ĐBN)*

Bấy giờ, đức Phật khen ngợi Bồ Tát Tịch Tĩnh Tuệ:

- Hay thay! Hay thay! Như lời ngươi nói: Các đại Bồ Tát nếu đắc môn Đà la ni như vậy thì có nói ra lời gì dù một câu một chữ cũng đều là lời Phật. Những lời đã nói ra này đều xa lìa sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vì sao? Vì pháp được nói ra đây chẳng phải thế tục, nên vô cùng vô tận, có thể làm cho tất cả thân tâm nhẹ nhàng thoải mái. Giả sử được nói trước trăm ngàn đức Phật cũng chẳng khiếp nhược. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này được Phật gia trì, tâm không có sự chấp đắm, nghĩa là không đắm ngã,

không đắm hữu tình, không đắm các pháp. Do đó, **chứng được pháp Như thanh tịnh, pháp giới thanh tịnh, thật tế thanh tịnh**, được pháp vô tận, văn tự vô tận, biện tài vô tận. Ngay khi ấy phát sanh sự hoan hỷ thù thắng vì được diệu tuệ, vì được diệu trí, vì không còn lưới nghi.

Lúc Phật nói môn Tổng trì này, có tám ngàn Bồ Tát đắc các pháp như vậy, thâm nhập môn Đà la ni. Lại có một vạn hai ngàn Bồ Tát đắc Bất thối chuyển. Năm ngàn Bồ Tát đắc Vô sanh nhẫn. Một vạn sáu ngàn chúng Thiên tử xa lìa trần cấu, sanh pháp nhãn thanh tịnh, vô lượng, vô biên các loài hữu tình đều phát tâm Vô Thượng Bồ đề.

Bấy giờ, Phật bảo Bồ Tát Tịch Tĩnh Tuệ:

- Đà la ni này có thể chinh phục các ma, đánh dẹp ngoại đạo, phá hoại người ganh ghét pháp, thắp đèn Bát Nhã, dập tắt lửa phiền não, ủng hộ người thuyết pháp đưa họ đến Niết bàn; điều phục nội tâm, khéo léo giáo hóa chúng ngoài; dung nghi nghiêm chỉnh, người thấy vui mừng. Vì người chánh hạnh, bình đẳng thuyết pháp. Như thật quán sát căn tánh hữu tình, truyền pháp đúng lúc không trước, không sau.

Khi Phật nói các công đức như thế, trong tam thiên đại thiên thế giới, tất cả biển cả, núi chúa Diệu Cao, đất liền, các núi khác v.v... đều chấn động. Bấy giờ, trời rưới hoa Vi Diệu Âm, hoa đại Vi Diệu Âm, hoa Diệu Linh Thụy, hoa đại Diệu Linh Thụy, hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, hoa Ca mạt la. Trong không trung, chư Thiên trổi các kỹ nhạc.

Đức Thế Tôn lại bảo Bồ Tát Tịch Tĩnh Tuệ:

- Thiện nam tử! Vô lượng, vô biên, vô số kiếp không thể nghĩ bàn trong quá khứ có đức Phật ra đời tên là **Bảo Nguyệt**, đầy đủ mười hiệu, nước tên Vô Hủy, kiếp tên Hỷ Tán. Đệ tử Thanh văn ba mươi hai ức. Đệ tử Bồ Tát nhiều vô lượng, vô biên. Nhưng đức Như Lai ấy trước đó không có khổ hạnh và hàng phục ma mà chứng Bồ đề.

Khi ấy, trong chúng kia có một Bồ Tát tên **Bảo Công Đức** đủ biện tài kỳ diệu, có thể vì hữu tình nói nhiều loại pháp. Bấy giờ, các chúng thỉnh cầu đức Như Lai ấy đừng vào Niết bàn, trụ lâu ở đời. Bảo Công Đức bảo đại chúng:

- Chư Phật Thế Tôn không sanh không diệt, cần gì khuyến thỉnh chớ vào Niết bàn. Nếu hư không ấy vào Niết bàn thì Như Lai mới có thể vào đại Niết bàn. Nếu có Như như, pháp giới, thật tế, cảnh giới bất tư nghì vào Niết bàn thì Như Lai mới có thể vào đại Niết bàn. Vì sao? Vì pháp của

Như Lai không thành, không hoại, không nhiễm, không tịnh, chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi; chẳng phải thường, chẳng phải đoạn; giả sử 1 miệng mà có 10 lưỡi, mỗi mỗi lưỡi này lại sanh ra 100 lưỡi, mỗi lưỡi này lại sanh ra 1.000 lưỡi cũng không thể nói Như Lai thành hay hoại, cho đến không thể nói có thường hay đoạn. Vì sao đại chúng lại thỉnh cầu Như Lai trụ lâu ở đời chớ vào Niết bàn?

Khi Bồ Tát Bảo Công Đức nói pháp ấy, có tám vạn sáu ngàn các Bồ Tát được Bất thối chuyển. Bảy ngàn chúng đại Bồ Tát đều đắc môn Đà la ni và được vô biên công đức: Môn Đà la ni duyệt ý, Đà la ni vô ngại, Đà la ni hoan hỷ, Đà la ni đại bi, Đà la ni nguyệt ái, Đà la ni nguyệt quang, Đà la ni nhật ái, Đà la ni nhật quang, Đà la ni núi chúa Diệu Cao, Đà la ni biển cả sâu rộng, Đà la ni công đức Bảo vương. Ba vạn sáu ngàn đại chúng trời, người xa lìa trần cấu, sanh pháp nhãn thanh tịnh.

Thế Tôn lại bảo Bồ Tát Tịch Tĩnh Tuệ:

- Bảo Công Đức ngày xưa nay chính là ngươi. Do nhân duyên này ngươi mới có thể nói được các loại công đức của môn Đà la ni.

Khi ấy, đại Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi nói bài tụng:

Tổng trì như thuốc hay,
Thường chữa các bệnh mê.
Như cam lộ trời kia,
Người được, thường bất tử.

Đại Bồ Tát Công Đức Hoa Vương lại nói bài tụng:

Tổng trì không văn tự,
Văn tự hiển tổng trì.
Nhờ Bát Nhã đại bi,
Rời lời, văn, chữ, thuyết.

Bấy giờ, Thiên vương San Đổ Sử Đa liền từ tòa đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo y che vai trái, gối phải quì sát đất, chấp tay bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Công đức của chư Phật không thể nghĩ bàn. Những điều Phật nói không thể nghĩ bàn. Các đại Bồ Tát đã hành thắng hạnh, đã

thuyết diệu pháp không thể nghĩ bàn. Chúng con và các trời nhờ đời trước đã trồng căn lành sâu dày, được gặp Như Lai nghe thuyết diệu pháp thâm sâu như vậy, nên đem vô lượng hương hoa tốt đẹp của trời rải dâng lên cúng dường Như Lai.

Phật bảo Thiên vương:

- Thiên vương nên biết! **Những người muốn cúng dường Phật phải tu 3 pháp:**

Một là phát Bồ đề tâm.
Hai là hộ trì chánh pháp.
Ba là như pháp tu hành.

Thiên vương nên biết! Nếu người nào có thể tu học ba pháp này mới được gọi là chơn thật cúng dường Phật. Giả sử Như Lai trụ đời một kiếp, nói về công đức đã đạt được nhờ sự cúng dường này cũng không thể hết. Vì thế Thiên vương! Nếu ai muốn cúng dường đức Phật Thế Tôn mà đủ ba pháp ấy gọi là chơn thật cúng dường.

Thiên vương nên biết! Nếu ai ủng hộ đức Phật dù chỉ là một bài tụng bốn câu, thì tức là ủng hộ chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đã chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà chư Phật Thế Tôn đã chứng là từ pháp sanh. **Cúng dường pháp gọi là chơn cúng dường, là sự cúng dường đệ nhất, hơn hết trong các sự cúng dường, sự cúng dường của cải chẳng thể sánh bằng.**

Thiên vương nên biết! Ta nhớ về quá khứ vô lượng, vô số kiếp không thể nghĩ bàn, khi tinh tấn siêng năng tu học Bồ Tát đạo, nghe chư Thiên trong hư không nói bài kệ:

Trời, người xa lìa kho báu lớn,
Giặc vua, nước lửa đã mất đi,
Trăm ngàn vạn kiếp khó nghe Pháp,
Được nghe không giữ, mà lại cho.
Tâm đạo là gốc, hóa chúng sinh;
Tu hành như thật, tâm tịch tĩnh.
Tư lợi, lợi tha tâm bình đẳng,

Đây mới gọi chơn cúng dường Phật.

Thiên vương nên biết! Ở quá khứ khi mới nghe bài tụng này ta liền nói cho người khác. Khi ấy, có tám ngàn các loài hữu tình đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề. Thế nên Thiên vương dùng pháp cúng dường là tối thắng đệ nhất. Vì sao? Vì Vô thượng Bồ đề của chư Phật từ pháp mà sanh vậy.

Thích nghĩa:

(1). Đà la ni (陀羅尼) *Phạm: Dhàranì. Cũng gọi Đà lân ni. Dịch là Tổng trì, Năng trì... Tức là sức trí tuệ có thể tóm thu, gìn giữ vô lượng Phật pháp không để quên mất. Nói cách khác, Đà la ni là một thuật ghi nhớ. Luận Đại trí độ quyển 5 và Phật địa kinh luận quyển 5 cho rằng, Đà la ni là một phương pháp ghi nhớ, tức là trong một pháp nắm giữ tất cả pháp, trong một lời nắm giữ tất cả lời, trong một nghĩa nắm giữ tất cả nghĩa; do đó, từ sự ghi nhớ một pháp một lời một nghĩa ấy mà có thể liên tưởng đến hết thảy pháp, tóm thu nắm giữ vô lượng Phật pháp không để mất mát. Đà la ni còn có năng lực giữ gìn các pháp lành, ngăn ngừa các pháp ác. Vì Bồ Tát lấy việc lợi tha làm gốc, cần giáo hóa người khác nên phải chứng được Đà la ni, chứng được Đà la ni mới không quên mất vô lượng Phật pháp, nhờ thế, khi ở giữa chỗ đông người mà không sợ hãi, vẫn có thể nói pháp một cách tự do tự tại. Về Đà la ni do Bồ Tát chứng đắc, các kinh luận bàn đến rất nhiều. Đời sau, vì hình thức Đà la ni giống như chú tụng nên lẫn lộn chú với Đà la ni, rồi gọi chung chú là Đà la ni. Tuy nhiên, thông thường vẫn căn cứ theo câu chữ dài hay ngắn để phân biệt: Câu dài là Đà la ni, câu ngắn là chân ngôn (chú), một hoặc hai chữ là chủng tử. Theo luận Đại trí độ quyển 5, quyển 28, thì Đà la ni có bốn loại: 1. Văn trì đà la ni: Người được Đà la ni đã nghe các pháp thì không quên nữa. 2. Phân biệt tri đà la ni: Có năng lực phân biệt tất cả việc tà, chính, tốt, xấu. 3. Nhập âm thanh đà la ni: Nghe tất cả âm thanh ngôn ngữ đều vui vẻ, không tức giận. 4. Tự nhập môn đà la ni: Nghe 42 chữ cái như a, la, ba, giá, na v.v... có thể thấu suốt thực tướng các pháp, bởi vì 42 chữ cái Tất đàm tóm thu tất cả ngôn ngữ. Ba loại Đà la ni trước (1, 2, 3) gọi là Tam đà la ni. Luận Du già sư địa quyển 45 nêu ra bốn loại Đà la ni: 1. Pháp đà la ni: Có khả năng ghi nhớ các câu kinh không quên. 2. Nghĩa đà la ni: Có thể hiểu nghĩa kinh không quên. 3. Chú đà la ni: Nương vào sức*

thiền định mà phát khởi chú thuật để tiêu trừ tai ách cho chúng sinh. 4. Nhẫn đà la ni: Thông suốt thực tướng các pháp vốn lìa nói năng, an trụ nơi pháp tính không quên mất. Về phương pháp tu chứng bốn Đà la ni trên đây đã được nói rõ trong Đại thừa nghĩa chương quyển 11. Phỏng theo Phật Quang Tự điển.

(2). Đoạn Kinh ở phẩm "Hiện Hóa", nói: "Vì pháp lìa ngôn ngữ, cũng lìa nghĩ lường, từ xưa đến nay không sanh không diệt, nên không vào ra. Đó gọi là Đà la ni Chư pháp bất nhập".

Sơ giải:

*Trong phẩm này Phật có giới thiệu một loại Đà la ni tên là **"Đà la ni Chư pháp bất nhập"**, thành tựu công đức vô lượng vô biên mà theo Như Lai: "Giả sử nói trăm ngàn năm cũng chưa hết". Tu chưa tới, chỉ biết như vậy thì hay như vậy, đừng bàn ra tán vào hay khen chê mà mang vạ!*

***Chúng tôi không biết nhiều về Đà la ni, nên không lược giải phẩm này, các đạo hữu hãy tự học tự chứng**. Về sự diệu dụng và thần bí của pháp môn này, chúng ta có thể lấy câu Phật bảo Bồ Tát Tịch Tĩnh Tuệ làm **châm ngôn**:*

- "**Đà la ni này có thể chinh phục các ma, đánh dẹp ngoại đạo, phá hoại người ganh ghét pháp, thắp đèn Bát Nhã, dập tắt lửa phiền não, ủng hộ người thuyết pháp đưa họ đến Niết bàn**; điều phục nội tâm, khéo léo giáo hóa chúng ngoại; dung nghi nghiêm chỉnh, người thấy vui mừng. Vì người chánh hạnh, bình đẳng thuyết pháp. Như thật quán sát căn tánh hữu tình, truyền pháp đúng lúc không trước, không sau"./.

---o0o---

14. PHẨM "KHUYÊN RĂN"

Cuối Q.572 đến đầu Q.573, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương phẩm 13 "Khuyên Răn", Kinh TTVBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo y che vai trái, gối phải quì sát đất, chấp tay cung kính thưa Phật:

- Như Lai đã nói Bát Nhã thâm sâu. Vậy trong đời vị lai khi chánh pháp sắp diệt, và trong giai đoạn chuyển tiếp có hữu tình nào có thể tin nhận được không? Nếu các thiện nam, thiện nữ nghe thuyết Kinh này tin nhận không hủy báng, thì những người như vậy được công đức gì?

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! Trong đời vị lai khi chánh pháp sắp diệt, trong giai đoạn chuyển tiếp, có những thiện nam, thiện nữ đã từng ở chỗ của vô lượng, vô biên đức Phật tu hành tịnh giới, tịnh lự, Bát Nhã, là Phật tử chơn chánh, có thể tin Kinh này, cho đến **công đức đạt được không thể tính kể**. Các pháp thắng thiện đều từ Bát Nhã sanh. Nếu có người tin nhận không hủy báng, thì nay Ta sẽ nói ví dụ cho ngươi.

Mạn Thù Thất Lợi! **Châu Thiệm bộ** này chu vi bảy ngàn do tuần, phía Bắc rộng, Nam hẹp, hình giống như chiếc thùng xe. Giả sử người ở châu Thiệm bộ này toàn là Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, đông như thóc, lúa, gai, trúc, cỏ, sậy, lau, mía, rừng cây v.v… nhiều không có chỗ trống; trong suốt tuổi thọ dài ngắn của Thánh chúng kia, có những thiện nam, thiện nữ đem các thứ thượng diệu ở thế gian như: Đồ ăn, nước uống, y phục, giường nằm, thuốc thang v.v... dâng lên cúng dường với tâm thanh tịnh; sau khi Thánh chúng kia nhập Niết bàn, họ thâu xá lợi, xây dựng bảo tháp, trang trí cúng dường; hoặc đem bảy báu đầy cả châu Thiệm bộ chứa đến Phạm cung, đem hết bảy báu ấy dâng cúng đến từng Thánh chúng. Suốt cả ngày đêm cúng dường liên tục không gián đoạn, cho đến hết tuổi thọ của mình.

Mạn Thù Thất Lợi! Ý ngươi thế nào? Do nhân duyên này mà các thiện nam, thiện nữ đây được phước nhiều chăng?

Mạn Thù Thất Lợi liền thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Nếu thiện nam, thiện nữ **đối với Kinh này thường tin nhận không hủy báng, thì sẽ được phước nhiều hơn phước bố thí trước gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô cực lần.**

Mạn Thù Thất Lợi! **Châu Đông Thắng Thần**, chu vi tám ngàn do tuần, hình như bán nguyệt. Giả sử người ở châu Đông Thắng Thần toàn là bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, đông như thóc, lúa, gai, trúc, cỏ, sậy, lau, mía, rừng cây v.v... nhiều không có chỗ trống; trong suốt tuổi thọ dài ngắn của Thánh chúng kia, **có những thiện nam, thiện nữ** đem các thứ thượng diệu ở thế gian: Đồ ăn, uống, y phục, thuốc thang v.v... dâng lên cúng dường với tâm thanh tịnh; sau khi Thánh chúng kia nhập Niết bàn, họ thâu lấy xá lợi, xây dựng bảo tháp cúng dường trang nghiêm; hoặc đem bảy báu chứa đầy châu Đông Thắng Thần đến Phạm cung, đem hết bảy báu ấy dâng cúng từng Thánh chúng. Suốt cả ngày đêm cúng dường liên tục không gián đoạn, cho đến hết tuổi thọ của mình.

Mạn Thù Thất Lợi! Ý ngươi thế nào? Do nhân duyên này mà các thiện nam, thiện nữ đây được phước nhiều chăng?

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều.

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Nếu các **thiện nam, thiện nữ đối với Kinh này thường tin nhận không hủy báng**, thì sẽ được phước hơn phước bố thí ở trước gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô cực lần.

Mạn Thù Thất Lợi! **Châu Tây Ngưu Hóa**, chu vi chín ngàn do tuần, hình như trăng tròn. Giả sử người ở châu Tây Ngưu Hóa toàn là bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, đông như thóc, lúa, gai, trúc, cỏ, sậy, lau, mía, rừng cây v.v... nhiều không có chỗ trống; trong suốt tuổi thọ dài ngắn của Thánh chúng kia, có những **thiện nam, thiện nữ** đem các thứ thượng diệu của thế gian: Đồ ăn, nước uống, y phục, đồ nằm, thuốc thang v.v... dâng lên cúng dường với tâm thanh tịnh; sau khi Thánh chúng kia nhập Niết bàn, họ thâu lấy xá lợi, xây tháp cúng dường trang nghiêm; hoặc đem bảy báu chứa đầy châu Tây Ngưu Hóa cho đến Phạm cung, đem hết bảy báu ấy cúng dường cho từng Thánh chúng. Suốt cả ngày đêm cúng dường liên tục không gián đoạn, cho đến hết tuổi thọ của mình.

Mạn Thù Thất Lợi! Ý ngươi thế nào? Do nhân duyên này mà các thiện nam, thiện nữ đây được phước nhiều chăng?

Mạn Thù Thất Lợi liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều.

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Nếu đối với Kinh này, các **thiện nam, thiện nữ thường tin nhận, không hủy báng** thì sẽ được phước hơn phước bố thí trước gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô cực lần. *(Q.572, ĐBN)*

Mạn Thù Thất Lợi! **Châu Bắc Câu lô**, chu vi mười ngàn do tuần, hình nó vuông thẳng. Giả sử châu Bắc Câu lô toàn là bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán và Độc giác, đông như thóc, lúa, gai, trúc, cỏ, sậy, lau, mía, rừng cây v.v... nhiều không có chỗ trống; trong suốt tuổi thọ dài ngắn của Thánh chúng kia, **có những thiện nam, thiện nữ** đem các thứ thượng diệu ở thế gian: Đồ ăn, nước uống, y phục, giường nằm, thuốc thang v.v... dâng lên cúng dường với tâm thanh tịnh; sau khi Thánh chúng kia nhập Niết bàn, họ thâu xá lợi, xây tháp cúng dường trang nghiêm; hoặc đem bảy báu chứa đầy châu Bắc Câu lô cho đến Phạm cung, đem hết bảy báu ấy cúng dường cho từng Thánh chúng. Suốt cả ngày đêm cúng dường liên tục không gián đoạn, cho đến hết tuổi thọ của mình.

Mạn Thù Thất Lợi! Ý ngươi thế nào? Do nhân duyên này mà các thiện nam, thiện nữ đây được phước nhiều chăng?

Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều.

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Đối với Kinh này, nếu các thiện nam, thiện nữ **thường tin nhận, không hủy báng thì sẽ được phước hơn phước bố thí trước gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô cực lần**.

Quyển 573

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Giả sử **nghiền nát ba ngàn đại thiên thế giới Kham Nhẫn này thành cực vi, mỗi cực vi là một Thánh giả**, có những thiện nam, thiện nữ với tâm thanh tịnh đem các thứ thượng diệu ở thế gian: Đồ ăn, nước uống, y phục, giường nằm, thuốc thang v.v... bố thí cúng dường cho suốt cả cuộc

đời dài ngắn của Thánh chúng kia; sau khi Thánh chúng nhập Niết bàn, những thiện nam, thiện nữ ấy thâu hết xá lợi, xây dựng bảo tháp, trang trí cúng dường, hoặc đem bảy báu đầy như số cực vi trong ba ngàn đại thiên thế giới đã nói ở trước, chứa đến trời Sắc cứu cánh, rồi đem hết bảy báu đó dâng cúng từng vị Thánh giả kia, suốt cả ngày đêm cúng dường liên tục không gián đoạn, cho đến hết tuổi thọ của mình.

Mạn Thù Thất Lợi! Ý ngươi thế nào? Do nhân duyên này mà các thiện nam, thiện nữ đó được phước nhiều chăng?

Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều. Phước bố thí nói trước còn khó nghĩ bàn, huống gì số phước ở đây đạt được.

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì Kinh này, rồi giảng nói truyền bá sẽ được phước hơn phước bố thí trước gấp trăm ngàn lần, cho đến vô số lần.

Mạn Thù Thất Lợi! Đối với công đức này, nếu không hồi hướng cầu quả Bồ đề của Phật thì phải trải qua nhiều kiếp như vi trần làm vua trời Tha hóa tự tại. Lại trải qua rất nhiều số kiếp như vi trần làm vua trời Lạc biến hóa. Lại trải qua rất nhiều kiếp như vi trần làm vua trời Đổ sử đa. Lại trải qua rất nhiều kiếp như vi trần làm vua trời Dạ ma. Lại trải qua rất nhiều kiếp như vi trần làm vua trời Đế Thích, huống là vua Chuyển luân. Nếu không hồi hướng Bồ đề thì chẳng được gì cả, bằng ngược lại **nếu đem sự hồi hướng ấy cầu Nhất thiết trí, thì có thể thành tựu phương tiện của Bát Nhã, sẽ chứng Vô Thượng Bồ đề**.

Mạn Thù Thất Lợi! Giả sử **người khắp châu Thiệm bộ** này toàn là bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, đông như thóc, lúa, gai, trúc, cỏ, sậy, lau, mía, rừng cây v.v… không còn chỗ trống; có người hung ác nổi lên giận dữ giết hại toàn bộ Thánh giả ấy. Mạn Thù Thất Lợi! Ý ngươi thế nào? Do việc này, người kia mắc tội nhiều không?

Mạn Thù Thất Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Giết một vị Thánh còn đọa vào đại địa ngục Vô gián, chịu khổ một kiếp, huống chi giết hại chừng ấy Thánh giả. Người ấy mắc tội không thể kể hết.

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Người nào **hủy báng Kinh điển này**, tội ấy còn nặng hơn trước gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô số lần.

Mạn Thù Thất Lợi! Giả sử người **khắp châu Đông Thắng Thần** toàn là bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, đông như thóc, lúa, gai, trúc, cỏ, sậy, lau, mía, rừng cây v.v… không còn chỗ trống; có người hung bạo nổi lên giận dữ giết hại toàn bộ Thánh giả ấy. Mạn Thù Thất Lợi! Ý ngươi thế nào? Do việc này, người kia mắc tội nhiều không?

Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Giết một vị Thánh còn đọa vào đại địa ngục Vô gián, chịu khổ suốt một kiếp, huống chi giết hại chừng ấy Thánh giả. Người kia mắc tội không thể kể hết.

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- **Người nào hủy báng Kinh điển này, tội ấy nặng hơn trước gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô số lần**.

Mạn Thù Thất Lợi! Giả sử người **khắp châu Tây Ngưu Hóa** toàn là bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, đông như thóc, lúa, gai, trúc, cỏ, sậy, lau, mía, rừng cây v.v… không còn chỗ trống; có người hung bạo nổi lên giận dữ giết hại toàn bộ Thánh giả ấy. Mạn Thù Thất Lợi! Ý ông thế nào? Do việc này, người kia mắc tội nhiều không?

Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Giết một vị Thánh còn đọa vào đại địa ngục Vô gián, chịu khổ suốt một kiếp, huống chi giết hại chừng ấy Thánh giả. Người kia mắc tội không thể kể hết.

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Người nào hủy báng Kinh điển này, tội ấy còn nặng hơn trước gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô số lần.

Mạn Thù Thất Lợi! Giả sử người **khắp châu Bắc Câu lô** toàn là bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, đông như thóc, lúa, gai, trúc, cỏ, sậy, lau, mía, rừng cây v.v… không còn chỗ trống; có người hung ác nổi lên giận dữ giết hại toàn bộ Thánh giả ấy. Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi! Ý ngươi thế nào? Do việc này, người kia mắc tội nhiều không?

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Giết một vị Thánh còn đọa vào đại đại ngục Vô gián, chịu khổ suốt một kiếp, huống chi giết hại chừng ấy Thánh giả. Người kia mắc tội không thể kể hết.

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Người nào hủy báng Kinh điển này, tội ấy còn nặng hơn trước gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô số lần.

Mạn Thù Thất Lợi! Giả sử **nghiền nát bốn đại châu này thành cực vi**, **mỗi cực vi là một đức Phật**; có một chúng sanh tà kiến độc ác, khởi tâm hung ác muốn giết hết số đức Phật ấy, cướp đoạt tất cả của cải pháp tài, phá diệt vua pháp và thuốc pháp của thế gian. Mạn Thù Thất Lợi! Ý ngươi thế nào? Chúng sanh hung ác kia mắc tội có nhiều không?

Mạn Thù Thất Lợi liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Chúng sanh kia mắc tội vô lượng, vô biên không thể nghĩ bàn, không thể kể hết. Đối với việc đó con còn chẳng muốn nghe huống hồ có thể nói về tội lỗi đó nhiều hay ít. Nếu hại một đức Phật còn đọa vào đại địa ngục Vô gián, chịu khổ nhiều kiếp, huống chi giết nhiều chư Phật Thế Tôn như vậy. Chúng sanh này chắc chắn phải chịu khổ trong đại địa ngục Vô gián không hẹn ngày ra.

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Nếu **có người hủy báng, cản trở Kinh này, không cho truyền bá rộng rãi**, không cho cúng dường, tội này nặng hơn tội trước gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô số lần.

Mạn Thù Thất Lợi! Giả sử tất cả hữu tình trong **ba ngàn đại thiên thế giới** đều trải qua trăm ngàn vô số đại kiếp, tu đủ tất cả hạnh của các Bồ Tát, đều chứng được Vô thượng Bồ đề, thì chúng sanh ác kia vì nghiệp ác nặng nề nên vẫn chưa thoát khỏi khổ trong đại địa ngục.

Mạn Thù Thất Lợi! Đối với địa ngục Vô gián ở khắp 10 phương cõi, không có địa ngục nào mà chúng sanh ác kia không trải qua nhiều kiếp chịu khổ, huống hồ các địa ngục, bàng sanh, cõi quỷ. Vì sao? Vì kẻ ngu si hủy hoại mẹ pháp thân của chư Phật trong 10 phương ba đời. Nếu kẻ kia chịu khổ nặng nề trải qua nhiều kiếp như vi trần như nói ở trước, sau ra khỏi ba cảnh giới ác, sanh vào trong loài người mắc bệnh ngặt nghèo, không có thuốc thang nào chữa khỏi. Lại phải trải qua nhiều kiếp như vi trần, vừa ra đời thì không có lưỡi hoặc không có tay v.v...

Mạn Thù Thất Lợi! Ta dùng thần lực trụ đời một kiếp hay hơn một kiếp nói về tội báo của chúng sanh hủy báng, cản trở Kinh này cũng không thể hết. Mạn Thù Thất Lợi! Những người có trí muốn được an lạc ngay trong đời hiện tại và vị lai, chớ nên hủy báng và ngăn cản Kinh này.

Sơ giải:

Phẩm này Phật thuyết làm 2 phần:

1. Phần đầu: *Phật so sánh tất cả những người trong bốn châu cả đến Tam thiên đại thiên thế giới, cúng dường cho tất cả Thánh chúng nhiều như thóc, lúa, gai, trúc, cỏ, sậy, lau, mía, rừng... trong suốt tuổi thọ cũng không bằng các thiện nam, thiện nữ đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật tin nhận, lại tự mình thọ trì hay trao truyền cho người khác thọ trì thì sẽ được phước hơn phước bố thí của những người bố thí cúng dường trước gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần cho đến vô cực lần.*

2. Phần sau: *Phật so sánh có chúng sanh nhiều tà kiến khởi tâm hung ác muốn giết hết tất cả Thánh chúng hay số đức Phật, cướp đoạt tất cả của cải pháp tài, phá diệt vua pháp và thuốc pháp của thế gian, tội ấy còn nặng hơn tội vô gián, phải chịu khổ nặng nề trải qua nhiều kiếp như vi trần dù có ra khỏi ba cảnh giới ác, sau được sanh vào cõi người cũng mắc bệnh ngặt nghèo, không có thuốc thang nào chữa khỏi hoặc phải trải qua nhiều kiếp như vi trần, vừa ra đời các căn không trọn vẹn như không có lưỡi hoặc không mắt, không có tay v.v...*

Phật bảo: "Mạn Thù Thất Lợi! Ta dùng thần lực **trụ đời một kiếp hay hơn một kiếp nói về tội báo của chúng sanh hủy báng, cản trở Kinh này cũng không thể hết**. Những người có trí muốn được an lạc ngay trong đời hiện tại hay vị lai thì chớ nên hủy báng và ngăn cản Kinh này".

*Phẩm này không diễn tả đầy đủ **phước đức trí tuệ** của những người đọc tụng, thọ trì cũng như truyền bá Bát Nhã, đồng thời cũng không tả hết **quả báo** của những ai đã từng hủy báng Bát Nhã so với các phẩm "Địa Ngục" của các Hội trước. Tuy nhiên, thuyết như thế cũng quá đủ. Biết như thế tự răn đừng để rơi vào cảnh đọa đầy trong muôn kiếp, là tốt./.*

---o0o---

15. PHẨM "NHỊ HẠNH"

Giữa quyển 573, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương phẩm 14 "Nói Về Hai Hạnh", Kinh TTVBN)

Gợi ý:

Tu Phật phải có đầy đủ ba hạnh: Thiện hạnh, Phạm hạnh và Thánh hạnh. Tu các nghiệp lành như tu thập thiện thì được thiện hạnh. Tu đoạn trừ dâm dục là Phạm hạnh - tức pháp hành của Phạm Thiên. Tu Thiện hạnh và Phạm hạnh viên mãn thì trở thành người đức độ, thác sanh về cõi trời người hưởng nhiều phúc lạc. Nhưng vẫn còn là chúng sanh hạnh, còn chúng sanh tướng. Nếu hết phước đức hay phát sanh một niệm bất giác vẫn bị đọa như các chúng sanh khác. Còn tu nhị hạnh: 1. Thành tựu Bát Nhã, 2. Giáo hóa hữu tình thì gọi là Thánh hạnh. Nhập được Thánh hạnh tức giải thoát hay vào Niết bàn.

Tóm lược:

Bấy giờ, Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã thì phải hoàn thành toàn diện Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát có hai loại hạnh: **1. Thành tựu Bát Nhã, 2. Giáo hóa hữu tình.**

Thế nào là thành tựu Bát Nhã, giáo hóa hữu tình?

Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát thành tựu Bát Nhã, giáo hóa hữu tình?

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! Đại Bồ Tát từ khi mới hành Bát Nhã cho đến rốt ráo đều **lìa tâm dụng công**, thuyết pháp không cùng tận, không gián đoạn, làm cho hữu tình thoát khỏi cảnh giới ác của ba cõi, để họ an trú cảnh giới lành, hoặc giúp họ chứng được Thánh quả Tam thừa.

Mạn Thù Thất Lợi! **Đây gọi là các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, giáo hóa hữu tình**. Mạn Thù Thất Lợi! Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã

thành tựu vô biên, vô vi Bát Nhã. Đây gọi là các đại Bồ Tát tự hành Bát Nhã. Vì sao? Vì hành như vậy có thể viên mãn tất cả công đức.

(Bồ Tát hành pháp nào để cùng tương ưng với Nhất thiết trí?)

Mạn Thù Thất Lợi liền thưa Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ Tát hành Bát Nhã, tu hành pháp nào để tương ứng với Nhất thiết trí?"

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! **Nhất thiết trí** là pháp chân thật, xa lìa suy lường, vi diệu, không tướng, đạo lý sâu xa, không thể thấy được, khó có thể thông đạt, thường trú tịch tĩnh, trong mát cùng khắp, không có phân biệt, không vướng, không ngăn, tùy thuận lý đạo, không thể nắm bắt, cực kỳ tịch tĩnh; trong tất cả pháp là vô thượng nhất, không gì ngang bằng.

Mạn Thù Thất Lợi! **Đó là đại Bồ Tát hành Bát Nhã sẽ cùng Nhất thiết trí tương ưng.**

Mạn Thù Thất Lợi lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát ở cảnh giới nào hành Bát Nhã?

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! Các đại Bồ Tát quyết định hành sâu Bát Nhã với **cảnh giới thâm sâu, cảnh giới rộng lớn, cảnh giới công đức.**

Mạn Thù Thất Lợi! **Cảnh giới thâm sâu** là bản thể vô vi, không thể xa rời, không vướng hai bên, vượt qua các chướng, tự tính thanh tịnh, không thể suy lường, không thể tính biết, không cùng chung với Thanh Văn và Độc giác.

Mạn Thù Thất Lợi! **Cảnh giới rộng lớn:** Bồ Tát hành Bát Nhã, tất cả công đức của chư Phật Như Lai, hai pháp Bát Nhã và Đại bi là thể, lìa tướng phân biệt, tâm vô công dụng, lợi ích chúng sinh, đều hợp ý họ, không lúc nào tạm bỏ.

Mạn Thù Thất Lợi! **Cảnh giới công đức** là các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã tương ứng với tất cả công đức: 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, tùy theo căn cơ các hữu tình ưa muốn tánh hành và các hình tướng khác nhau thế nào thì năng lực oai thần của Phật đều thị hiện như vậy. Nghĩa là thị hiện lên trời Đổ sử đa, hoặc thị hiện từ cõi trời hạ sanh xuống châu Thiệm bộ, hoặc thị hiện ở trong thai, hoặc thị hiện lúc sơ sinh, hoặc thị hiện đồng tử,

hoặc thị hiện cảnh đi dạo, hoặc thị hiện xuất gia, hoặc thị hiện tu khổ hạnh, hoặc thị hiện đến ngồi dưới cội Bồ đề, hoặc thị hiện sự chứng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, hoặc thị hiện chuyển xe pháp, hoặc thị hiện nhập Niết bàn. Thị hiện các tướng khác nhau như vậy đều vì sự giải thoát sanh tử của hữu tình. Mạn Thù Thất Lợi! Đó gọi là các đại Bồ Tát đã tu hành cảnh giới của Bát Nhã thâm sâu.

Mạn Thù Thất Lợi liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật hy hữu. Bát Nhã thâm sâu này của Bồ Tát là cảnh giới không thể nghĩ bàn của đức Phật.

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như ngươi nói. Bát Nhã thâm sâu là pháp bất cộng, không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả phàm phu, Thanh văn, Độc giác không thể thông suốt, chẳng phải cảnh giới của họ; ngoài đức Phật Thế Tôn không ai có thể đạt được. Vì sao? Vì nghĩa Như như các pháp rất thậm thâm, tự tại, chẳng dao động, thâu nhiếp cả cõi vô lậu, làm cho các loài hữu tình được trọn vẹn an lạc. Cho nên gọi là cảnh giới của chư Phật, vượt qua đường ngôn ngữ, thâu nhiếp thắng nghĩa đế, xa lìa sự tìm tòi, phân biệt, nghĩ bàn, pháp thế gian chẳng thể nào so sánh ví dụ nổi, là thượng phẩm trong tất cả các pháp, không ở trong sanh tử cũng chẳng trụ Niết bàn.

Mạn Thù Thất Lợi! Khi hành Bát Nhã thâm sâu, các đại Bồ Tát có **5 việc không thể nghĩ bàn**:

1- Là tự tánh, 2- phương xứ, 3- các trụ, 4- nhất dị, 5- lợi lạc.

Mạn Thù Thất Lợi! Thế nào là **tự tánh không thể nghĩ bàn?**

Tức là **sắc như** cầu không thể được, lìa sắc như cầu cũng không thể được. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. 12 xứ như, 18 giới như cầu không thể được, lìa 12 xứ như, 18 giới như cầu không thể được. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng như vậy. Pháp hữu như cầu không thể được, pháp vô như cầu không thể được. Nên nói tự tánh không thể nghĩ bàn.

Mạn Thù Thất Lợi! Thế nào là **phương xứ không thể nghĩ bàn?**

Như như này nếu trụ cõi Dục thì không thể nghĩ bàn, nếu lìa cõi Dục cũng không thể nghĩ bàn. Đối với cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy. Hoặc trụ phương Đông không thể nghĩ bàn, hoặc lìa phương Đông không

thể nghĩ bàn. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc và phương trên, phương dưới cũng như vậy. Nên nói phương xứ không thể nghĩ bàn.

Mạn Thù Thất Lợi! Thế nào là **các trụ không thể nghĩ bàn?**

Hoặc trụ an lạc không thể nghĩ bàn, hoặc trụ vắng lặng không thể nghĩ bàn, hoặc trụ có tâm không thể nghĩ bàn, hoặc trụ vô tâm không thể nghĩ bàn. Nên nói các trụ không thể nghĩ bàn.

Mạn Thù Thất Lợi! Thế nào gọi là **nhất dị không thể nghĩ bàn**? Ba đời Như Lai đồng ở một chỗ, tự tánh thanh tịnh, thâu nhiếp cõi vô lậu, hoặc là một, hoặc sai khác đều không thể nghĩ bàn. Nên nói nhất dị không thể nghĩ bàn.

Mạn Thù Thất Lợi! Thế nào là **lợi lạc không thể nghĩ bàn?**

Thần lực trí tuệ đồng một pháp giới. Bát nhã Ba la mật và phương tiện hai tướng bình đẳng, có thể làm cho hữu tình được vô lượng lợi lạc, không thể nói được, vượt qua cảnh giới ngôn ngữ nhưng thuận theo căn tánh khác nhau của chúng sanh, tạo ra nhiều cách nói và nhiều kiểu thị hiện: 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, tùy theo tâm hữu tình mà thị hiện.

Mạn Thù Thất Lợi thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp?

Phật bảo Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! Tướng tốt của Như Lai vô lượng, vô biên, nếu Ta nói rộng ra không thể hết được, nhưng theo sở thích của thế gian chỉ nói gồm 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp.

Thế nào gọi là 32 tướng Đại sĩ?

1. Dưới bàn chân Như Lai đầy đặn, vững chãi khéo đẹp giống như đáy hộp. Đất dù cao hay thấp nhưng khi chân Ngài đạp lên thảy đều bằng phẳng và đều tiếp xúc chân Ngài.

2. Dưới bàn chân Như Lai có vằn nghìn căm xe và hình vành trục xe tròn trịa.

3. Tay chân Như Lai đều mềm mại như bông vải, hơn tất cả.

4. Ngón tay, chân Như Lai đều thon dài tròn đẹp hơn người, biểu lộ sự trường thọ.

5. Giữa kẽ mỗi ngón tay, chân của Như Lai có màng lưới da dính nhau, có đường vân như bức thêu màu vàng ròng, giống chim nhạn chúa.

6. Gót chân Như Lai rộng dài tròn đầy tương xứng với mu chân, khác hơn các hữu tình.

7. Mu chân Như Lai nổi cao đầy đặn, xinh đẹp mềm mại tương xứng với gót chân.

8. Hai bắp chân Như Lai thon tròn như bắp đùi nai chúa.

9. Hai cánh tay Như Lai dài thẳng tròn đầy như vòi voi chúa. Nếu đứng thẳng thì tay rờ tới đầu gối.

10. Âm tàng của Như Lai ẩn kín như ngựa, rồng, voi chúa.

11. Mỗi lỗ chân lông có một sợi lông mềm nhuận xanh biếc và xoay vòng bên phải.

12. Lông, tóc Như Lai mướt đều, uốn lên và xoay về bên phải, mềm nhuận xanh biếc, thân thể vàng rực, trang nghiêm rất khả ái.

13. Da thân Như Lai mỏng láng mịn trơn, đất bụi nước đều không bám vào được.

14. Da thân Như Lai đều màu vàng ròng, chói sáng như đài Diệu Kim, trang nghiêm bằng các thứ báu. Mọi người đều ưa nhìn.

15. Bảy chỗ: hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân, hai vai và đỉnh đầu của Như Lai đều đầy đặn, sáng láng mềm mại rất dễ ưa thích.

16. Cổ vai Như Lai tròn đầy đẹp lạ.

17. Vai nách Như Lai đều đầy đặn, chắc nịch.

18. Dung nghi Như Lai ngay ngắn hùng dũng.

19. Thân tướng Như Lai cao rộng đoan nghiêm.

20. Thể tướng Như Lai ngang rộng tương xứng, tròn đầy như cây Nặc cù đà.

21. Cằm, ngực và thân trên của Như Lai bằng phẳng, oai dung rộng lớn như sư tử chúa.

22. Ánh sáng từ thân Như Lai phát ra xung quanh một tầm.

23. Như Lai đủ bốn mươi chiếc răng đều nhau, khít, trắng hơn ngọc kha tuyết.

24. Bốn răng cửa của Như Lai trắng trong bén sắc.

25. Như Lai thường được thượng vị trong các mùi vị, vì mạch yết hầu thẳng nên có thể dẫn thượng vị vào nghìn gân mạch chi tiết trong thân.

26. Tướng lưỡi Như Lai rộng dài, mỏng sạch, phủ tới mặt cho đến mé tai.

27. Giọng nói Như Lai có âm vang to lớn thanh nhã, dù chúng nhiều hay ít đều được nghe. Phát âm vang rền giống như tiếng trống trời, lời nói dịu dàng trong trẻo như chim Tần ca.

28. Lông mi Như Lai như trâu chúa, xanh biếc ngang đều chẳng rối.

29. Mắt Như Lai xanh biếc, trong sáng phân minh.

30. Khuôn mặt Như Lai tròn đầy như trăng, tướng lông mày sáng xanh, cong như cung Thiên đế.

31. Giữa mày Như Lai có tướng lông trắng xoáy quanh theo chiều bên phải, mềm mại như bông vải trắng, đẹp như ngọc kha tuyết.

32. Trên đỉnh đầu Như Lai có cục thịt tròn nổi cao như búi tóc.

Đây gọi là ba mươi hai tướng của Như Lai.

Thế nào là 80 vẻ đẹp phụ thuộc?

1. Móng tay Như Lai hẹp dài, mỏng và láng bóng như hoa đồng đỏ.

2. Ngón tay, chân Như Lai tròn, thon dài, ngay thẳng, mềm mại, đốt xương không lộ.

3. Ngón tay, chân Như Lai đều ngang bằng không so le, ở các kẽ ngón đều đầy đặn.

4. Tay chân Như Lai tròn đầy như ý, mềm sạch sáng láng như hoa sen.

5. Gân mạch Như Lai kết lại bền chắc nhưng ẩn kín không lộ ra.

6. Mắt cá Như Lai ẩn kín.

7. Như Lai bước đi vững chãi, dáng vẻ ung dung như voi chúa.

8. Như Lai bước đi nghi ung nghiêm trang như sư tử chúa.

9. Như Lai bước đi bình an chừng mực, không dài không ngắn, giống như trâu chúa.

10. Như Lai bước đi oai nghi, tiến dừng như con thiên nga chúa.

11. Khi ngó lại, Như Lai đều quay về bên hữu chuyển cả toàn thân như voi chúa, như rồng.

12. Lóng đốt Như Lai lần lượt tròn đều, một sự sắp xếp khéo léo tuyệt hảo.

13. Đốt xương Như Lai kết khít không hở như rồng cuộn.

14. Đầu gối Như Lai rắn chắc tròn đẹp.

15. Chỗ kín của Như Lai có văn rất đẹp, đầy đủ uy thế, hoàn toàn sạch sẽ.

16. Thân Như Lai nhuận trơn, mềm mại, bóng bẩy, sạch đẹp, bụi đất chẳng dính.

17. Nghi dung Như Lai oai nghiêm, không sợ sệt, cũng chẳng khiếp nhược.

18. Các phần của Như Lai đều rắn chắc, dày dặn, ăn khớp với nhau.

19. Thân thể Như Lai an định viên mãn, chẳng khuynh động, trọn vẹn không hư hoại.

20. Thân tướng Như Lai như Tiên vương, đoan nghiêm, sáng rực chẳng mờ.

21. Thân Như Lai có hào quang xung quanh, khi đi v.v… thân Như Lai luôn tỏa sáng.

22. Bụng Như Lai vuông thẳng không khuyết, mềm mại, chẳng lộ.

23. Rốn Như Lai sâu tròn, xoay quanh bên phải, thanh tịnh sáng rỡ.

24. Rốn Như Lai sâu, chẳng lồi, chẳng lõm, chung quanh đẹp đẽ.

25. Da của Như Lai hoàn toàn không có bệnh ghẻ lở, cũng không có nét xấu như nốt ruồi, tàn nhang, bướu v.v...

26. Lòng bàn tay Như Lai đầy đặn mềm mại, dưới lòng bàn chân bằng thẳng.

27. Vân tay Như Lai sâu dài rõ thẳng, nhuận trơn không đứt đoạn.

28. Môi Như Lai đỏ như quả Tần-bà, hai vành môi cân xứng.

29. Khuôn mặt Như Lai chẳng dài chẳng ngắn, chẳng lớn, chẳng nhỏ, đầy đặn trang nghiêm.

30. Lưỡi Như Lai mềm mỏng, rộng, dài, màu như đồng đỏ.

31. Âm thanh Như Lai vang trầm như voi chúa rống, oai chấn tất cả.

32. Âm vận Như Lai mỹ diệu đầy đủ, như tiếng vang trong hang sâu.

33. Mũi Như Lai cao dài, ngay thẳng, lỗ mũi không lộ.

34. Răng Như Lai vuông, ngay thẳng, trắng đẹp.

35. Các răng Như Lai tròn trắng, sáng sạch, bén sắc.

36. Mắt Như Lai trong, xanh, và trắng phân minh.

37. Mắt Như Lai rộng dài như lá hoa sen xanh, rất đẹp khả ái.

38. Lông mi Như Lai trên dưới ngang thẳng, dày dặn, không trắng.

39. Đôi mày Như Lai dài, rậm, nhỏ, mềm mại, không trắng.

40. Đôi mày Như Lai mịn màng thứ tự, xanh biếc như lưu ly.

41. Đôi mày Như Lai cao, sáng như hình trăng non.

42. Tai Như Lai dày, rộng, lớn dài, hai trái tai tròn rủ xuống.

43. Hai tai Như Lai ngang bằng đẹp lạ, tránh xa lỗi lầm.

44. Dung nghi Như Lai có thể khiến mọi người thấy đều ái kính, không có sự tổn hại, không có sự ô nhiễm.

45. Trán Như Lai rộng, tròn đầy, bằng phẳng, hình tướng đẹp lạ.

46. Thân trên của thân Như Lai viên mãn như như sư tử chúa, oai nghiêm đầy đủ.

47. Tóc đầu Như Lai dài, dày dặn, xanh biếc không trắng.

48. Tóc Như Lai thơm, sạch, nhỏ, mềm, trơn, xoắn tròn.

49. Tóc Như Lai dài đều, không rối cũng chẳng kết đùm.

50. Tóc Như Lai bền chắc, chẳng đứt, hoàn toàn không rụng.

51. Tóc Như Lai trơn láng, sáng rực đẹp lạ, chẳng dính bụi bẩn.

52. Thân Như Lai vững vàng, rắn chắc như thân Na la diên.

53. Thân thể Như Lai cao lớn ngay thẳng.

54. Các lỗ trên thân Như Lai thanh tịnh tròn đẹp.

55. Thân Như Lai có năng lực thù thắng không ai sánh bằng.

56. Thân tướng Như Lai ngắm hoài không chán.

57. Khuôn mặt Như Lai tròn đầy dài rộng đúng cỡ, sáng trong rực rỡ như trăng rằm mùa Thu.

58. Nhan sắc Như Lai thư thái sáng rỡ, tươi nhuận, luôn mỉm cười trước khi nói, chỉ có thuận không trái.

59. Diện mạo Như Lai rực sáng vui tươi, không bao giờ nhăn nhó, cáu gắt v.v...

60. Thân Như Lai trong sạch không bẩn, không hôi dơ.

61. Các lỗ chân lông của Như Lai thường tỏa ra mùi thơm vi diệu.

62. Miệng Như Lai luôn tỏa ra mùi hương thơm ngát tối thượng.

63. Tướng đầu Như Lai tròn đẹp như quả Mạt đạt na, cũng giống như cái lọng trời.

64. Lông thân Như Lai xanh biếc, sáng sạch như lông cổ chim công, như trang sức lụa màu đồng đỏ.

65. Âm thanh thuyết pháp của Như Lai tùy theo chúng sanh lớn nhỏ nhưng chẳng tăng, chẳng giảm, đúng lý không chấp trước.

66. Tướng đỉnh đầu Như Lai không ai thấy được.

67. Ngón tay, ngón chân của Như Lai thon, phân minh, trang nghiêm đẹp đẽ như màu đồng đỏ.

68. Khi đi, chân Như Lai cách đất 4 tấc nhưng có hiện ấn văn trên đất.

69. Thân Như Lai rắn chắc, chẳng dựa vào người khác, thân không khinh động cũng không uốn éo.

70. Oai đức Như Lai vang xa chấn động tất cả, kẻ ác tâm nghe thì vui mừng, người sợ hãi thấy được yên.

71. Âm thanh của Như Lai tùy theo ý chúng sanh mà ban lời hòa nhã vui vẻ, chẳng cao, chẳng thấp.

72. Như Lai thường tùy theo ngôn ngữ và ý muốn của chúng sanh mà thuyết pháp.

73. Như Lai thuyết pháp cùng một âm thanh nhưng tùy theo căn cơ của mỗi chúng sanh đều hiểu được cả.

74. Như Lai thuyết pháp theo thứ tự, tất cả đều có nhân duyên, không lời nào không hoàn hảo.

75. Như Lai coi chúng sanh bình đẳng: Gặp thiện thì khen, gặp ác thì chê nhưng không có ưa ghét.

76. Phàm làm việc gì, Như Lai đều xem xét trước rồi làm sau, đúng theo qui tắc để người phân biệt một cách thanh tịnh hoàn toàn.

77. Tướng hảo của Như Lai, tất cả hữu tình ngắm không cùng tận.

78. Xương đỉnh đầu Như Lai cứng chắc tròn đầy.

79. Dung nhan Như Lai trẻ mãi không già, lớp mới luôn thay lớp cũ.

80. Tay chân và trước ngực Như Lai đều là tướng đức cát tường xoay tròn *(chữ Vạn)*, đường vân như bức lụa thêu, màu ngọc châu đỏ.

Đây gọi là tám mươi vẻ đẹp của Như Lai.

Sơ giải:

*Đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã tức hoàn thành hai hạnh: 1. Thành tựu Bát Nhã, và 2. Giáo hóa hữu tình. Thành tựu Bát Nhã là giác ngộ, đạt Vô thượng Bồ đề, và đắc Nhất thiết trí trí. Đó là **thượng cầu giác ngộ**, là tâm nguyện tiên khởi của Bồ Tát, gọi là hạnh nguyện thứ nhất. Đồng thời tu phước đức trí tuệ viên mãn mới có thể chuyển pháp luân, **thành thục chúng sanh**, **thanh tịnh Phật độ**, gọi là hạnh nguyện thứ hai. Nếu không hoàn thành 2 hạnh này thì không thể bước lên vai vị Bồ Tát mà bị rơi rụng vào bậc Thanh văn hay Độc giác.*

Nếu tròn đầy được 2 hạnh này thì Bồ Tát sẽ nhập vào cảnh giới thâm sâu, cảnh giới rộng lớn, cảnh giới công đức của chư Phật. Tất cả phàm

phu, Thanh văn, Độc giác không thể nhập cảnh giới không thể nghĩ bàn, vì chẳng phải cảnh giới của họ. Ngoài đức Phật Thế Tôn không ai có thể đạt được. Vì sao? Vì nhờ Bát nhã Ba la mật nên ***Phật thâm nhập được pháp như*** *(Nhờ đắc pháp như nên Phật được gọi là Như Lai), được tự tại, thâu nhiếp tất cả cõi vô lậu, làm cho các loài hữu tình được trọn vẹn an vui. Vì vậy, gọi là cảnh giới của chư Phật. Cảnh giới này vượt đường ngôn ngữ, xa lìa tầm cầu phân biệt, pháp thế gian chẳng thể nào so sánh thí dụ nổi, còn gọi là Đệ nhất nghĩa đế, là thượng phẩm trong tất cả các pháp, không ở trong sanh tử cũng chẳng trụ Niết bàn.*

Vì do học Bát nhã Ba la mật mà Bồ Tát đạt được 5 sự không thể nghĩ bàn, là: 1. Tự tánh, 2. Phương xứ, 3. Các trụ, 4. Nhất dị, 5. Lợi lạc:

- Biết uẩn, xứ, giới như, các đại chủng như, pháp hữu vi như, vô vi như tầm cầu không thể được, nên nói tự tánh không thể nghĩ bàn.

- Không lệ thuộc phương cõi (10 phương, ba cõi). Nên nói phương xứ không thể nghĩ bàn.

- Không trụ an lạc hay vắng lặng, không hữu tâm hay vô tâm, chẳng trụ nhị nguyên... tức vô sở đắc. Không ai có thể làm được như vậy, nên nói các trụ không thể nghĩ bàn.

- Ba đời Như Lai tánh tướng thể dụng thanh tịnh, không đây kia sai khác. Nên nói nhất dị không thể nghĩ bàn.

- Tùy thuận căn tánh khác nhau của chúng sanh, thị hiện 32 tướng tốt, 80 vẽ đẹp, phương tiện hóa đạo, mang lại lợi lạc cho tất cả hữu tình, không ai bằng. Nên nói là lợi lạc không thể nghĩ bàn!

Tu hành tất cả mọi thứ không ngoài nhị hạnh: Thành tựu Bát Nhã mục đích trên "cầu Vô thượng Bồ đề" và giáo hóa hữu tình gọi là "hóa độ chúng sanh". Đó là chủ trương của Đại thừa cũng là của Phật đạo.

Ngoài ra, phẩm này chỉ liệt kê một số điều kiện mà Bồ Tát phải thực thi để trở thành bậc Vô thượng Giác ngộ. Kinh đã trình bày quá rõ ràng trong phần chánh văn, nên không cần nói thêm nữa./.

---o0o---

16. PHẨM "TÁN THÁN"

Giữa quyển 573, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương với phẩm 15, "Khen Ngợi", Kinh TTVBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, đại Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ chân Phật, kéo y che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

- Công đức của Như Lai thật là hiếm có, không gì sánh bằng, không thể nghĩ bàn. Chư Phật ba đời đều không có khác. Nếu được thấy Như Lai hoặc nghe công đức của Ngài thì loài hữu tình này cũng khó nghĩ bàn. Lại một lần nữa, hôm nay con được thấy Phật chuyển xe pháp lớn, thật là điều chưa từng có, nên hân hoan vui mừng.

Nói lời này rồi, các đại Bồ Tát liền bay lên hư không cao bằng 7 cây Đa la, chắp tay khen:

Tất cả loài hữu tình,
Chỉ Phật là tối tôn.
Không có ai sánh bằng,
Huống lại có người hơn.
Ngã và pháp đều Không,
Diệu lý Vô đẳng đẳng.
Chỉ Phật Thế Tôn ta,
Sánh bằng Vô đẳng đẳng.
Phiền não và tập khí
Đều hết hẳn không còn,
Biết được tất cả pháp
Đều hoàn toàn rõ ràng,
Hoặc trí hoặc thuyết pháp
Không ai sánh bằng Phật.
Cõi Tam thiên đại thiên,
Chỉ Phật là tối tôn.
Mười lực, vô úy thảy,

Thật có chẳng hư dối.
Đế thích cùng Phạm vương,
Thảy đều không thể bằng.
Đại ân đức Thế Tôn,
Thấm khắp các hữu tình.
Việc này khó nghĩ bàn,
Nhất định không ai bằng
Thường đem tuệ vi diệu
Và phương tiện thiện xảo,
Giáo hóa các hữu tình,
Khiến đều được lợi vui.

Khi ấy, trong hội có **một Thiên tử tên là Diệu Sắc**, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo y che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng Phật, dùng kệ khen:

Có kẻ nói thế gian ngang Phật,
Lời ấy là hư dối chẳng thật.
Nếu nói Pháp vương rất tối tôn,
Lời này là chắc thật chẳng dối.
Những hàng trời người đang vấn nạn,
Không ai bẻ được Đại sư ta.
Thiện Thệ hàng ma dẹp ngoại đạo,
Dẫn dắt thế gian đến giải thoát.
Bốn biện thanh tịnh nói không cùng,
Thuốc diệu Cam lồ ban hữu tình.
Quán khắp các pháp trí vô ngại,
Tất cả sát na chẳng giảm mất.
Bình đẳng đại bi xem hữu tình,
Tâm luôn thanh tịnh, đời chẳng nhiễm.
Biết rõ hoàn toàn căn, dục, tánh,
Tùy sự thích nghe mà ứng nói.
Phiền não khác nhau chẳng phải một,
Chỉ bày vô lượng môn đối trị.
Duy Phật khéo nói nhân duyên kia,

Luôn vì lợi lạc chúng hữu tình.
Gặp Phật nghe pháp chẳng chứng Thánh,
Hữu tình như thế thật khó độ.
Đại danh Như Lai phải khát ngưỡng,
Kẻ nào được thấy lợi vô hạn.
Phật trí luôn làm tâm thanh tịnh,
Được nghe chánh pháp khỏi sanh tử.
Nghe danh hiệu Phật điềm lành lớn,
Thường niệm Thế Tôn luôn hỷ lạc.
Phát tâm hướng Phật sanh trí tuệ,
Như lời dạy tu thành chủng trí.
Giới phẩm thanh tịnh không bẩn đục.
Tĩnh lự đệ nhất, tâm bừng sáng.
Trí tuệ tối thắng khó khuynh động,
Biển pháp thanh tịnh như cam lồ.
Tất cả hữu tình ưa buông lung.
Chư Phật chuyên tịnh, lìa thế gian.
Thương yêu hữu tình như con một,
Ơn đức sâu dày không đền được.
Trước nói pháp phá giặc phiền não,
Sau dẹp thiên ma quân huyễn hóa.
Thế Tôn đã nói lỗi ba cõi,
Rộng bày vô lượng đức Niết bàn,
Trăm ngàn đại kiếp khó được nghe,
Nên nay con chí thành tán lễ.

Trong hội lại có **một vị Thiên tử tên là Thiện Danh**, liền từ chỗ ngồi, kéo y che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Phật, nói:

Như Lai bình đẳng hành đại từ,
Nếu có thể dùng trí độ người.
Đề Bà Đạt đa(1) được độ trước,
Huống gì đối với hữu tình khác.
Nay con chẳng muốn để luống qua,
Tu trì đại hạnh đền ơn Phật.

Nếu chỉ tự chứng Diệt vô lậu,
Đối ơn Phật kia chưa đền được.
Nếu có tu hành như Phật dạy,
Mới được gọi là chơn Phật tử.
Phật chịu khổ lâu vì hữu tình.
Ơn lớn vô thượng khó trả được.
Đại từ khai rõ chơn diệu pháp,
Khiến chúng tự tu và độ người.
Nếu Phật chẳng hiện ở thế gian,
Tất cả hữu tình chịu khổ lớn,
Chỉ có ác thú không trời, người,
Nghe toàn các thứ âm thanh khổ.
Chịu khổ các cõi không ai khỏi,
Do vì phiền não buộc hữu tình.
Phật muốn cởi bỏ các gút độc,
Ngược lại buộc bằng dây đại bi.
Như Lai ruộng phước lớn của đời,
Nương pháp chánh tu lìa ác thú.
Nếu trái lời Phật chẳng tu hành,
Nhất định chẳng được sanh trời, người.
Nếu ai ác tâm với đức Phật,
Hoặc chẳng ưa nghe pháp thâm sâu,
Thì hữu tình này thật đáng thương,
Quyết định ở mãi chỗ tối tăm.
Như Phật Thế Tôn trí tự biết,
Loài kia Như Lai mới hiểu rõ.
Trí Phật chẳng phải dễ so lường,
Cúi đầu đảnh lễ mười phương Phật,
Vô úy, trí, lực, pháp bất cộng,
Chỉ Phật Thế Tôn có đầy đủ.
Tướng hảo trang nghiêm, hương vi diệu,
Người xem không chán, vượt các sắc.
Ba môn khai mở chẳng tạm dứt.
Hoa Phật thanh tịnh, nay con lễ.
Duy Phật hiểu đúng Vô thượng giác,

Vĩnh viễn ra khỏi các hiểm nạn.
Phật là đệ nhất bậc Vô thượng,
Cúi đầu quy mạng đấng Lưỡng túc(2).
Phật đem công đức nước chánh pháp,
Rửa trừ sạch hết các cấu uế.
Thế Tôn xưa nay sạch trong ngoài,
Con nay đảnh lễ thân chơn tịnh.

Lúc này, **đại Phạm vương chủ cõi Kham Nhẫn**, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo y che vai trái, gối phải quì sát đất, chấp tay hướng Phật, dùng kệ khen:

Như Lai đầy đủ thắng phước tu
Lợi lạc hữu tình chẳng tạm ngưng,
Thường rưới Cam lồ cứu đói khát.
Con nay cúi đầu làm lợi người.
Thế gian Người khả kính hơn hết.
Tất cả loài kia đến cúng Phật
Đầy đủ các thiện, hết các ác.
Con nay kính lạy bậc Vô đẳng.
Vì muốn cứu vớt các hữu tình,
Chẳng còn hạnh nào không tu học.
Vượt khỏi sanh tử được an vui.
Con nay đảnh lễ đấng cứu thế,
Lễ lạy thân sắc vàng vi diệu,
Lễ lạy bậc thuyết pháp cam lồ,
Lễ lạy trí thanh tịnh không bẩn,
Lễ lạy tất cả rừng công đức.

Bấy giờ, Phật bảo đại Phạm thiên vương:

- Lành thay! Lành thay! Những điều ngươi khen Như Lai là thật chẳng phải hư dối. Vì sao? Vì trong vô lượng kiếp, chư Phật Thế Tôn đã tu tập nhiều loại phước đức trí tuệ, do đó quả vị hoàn toàn đầy đủ. Vì sao? Vì Như Lai đầy đủ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la

mật. Ba nghiệp thân, ngữ, ý đều thanh tịnh, nên thông suốt được chơn như thật tế, vì trụ thật tế nên nói ra điều gì chẳng hư dối.

Khi ấy, đại **Phạm thiên vương** kéo y che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính, bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn dùng năng lực thần thông làm cho Bát nhã Ba la mật này trụ lâu ở thế gian để làm lợi lạc cho tất cả.

Phật bảo đại Phạm thiên vương:

- Tất cả Như Lai trong 10 phương ba đời đều dùng đại thần thông, cùng chung hộ niệm Bát Nhã thâm sâu để trụ lâu ở thế gian, làm lợi lạc cho tất cả. Thiên ma, Phạm chí, ngoại đạo, Sa môn đều không thể phá diệt và gây trở ngại. Vì sao? Vì Ta nhớ quá khứ có Phật tên là Bảo Nguyệt Như Lai, đầy đủ 10 hiệu. Nước tên Vô Hủy, kiếp tên Hỷ Tán. Phật kia có hai đệ tử Bí sô làm đại pháp sư, khéo thuyết giáo pháp thâm sâu. Một: Tên là Trí Thịnh, hai: Tên là Đế Thọ, thường theo Phật kia chuyển xe chánh pháp. Trải qua một kiếp tuyên thuyết Bát Nhã này, có trăm ngàn ức chúng ma cõi Tam thiên đại thiên đều được giáo hóa phát Bồ đề tâm. Vì thế nên các Thiên ma không có sức phá diệt và cản trở.

Đại Bồ Tát Tịch Tĩnh Tuệ kéo y che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bảo Nguyệt Như Lai trụ ở chỗ nào? Vẫn còn trụ ở đời hay đã nhập Niết bàn rồi?

Thế Tôn bảo Tịch Tĩnh Tuệ:

- Thiện nam tử! Cách phương Đông hơn mười ngàn ức thế giới chư Phật, đã từng có thế giới tên là Vô Hủy. Trong thế giới ấy, Như Lai thọ một vạn kiếp. Ở thế giới ấy, Phật thường thuyết Bát Nhã này. Các Thiên ma và ngoại đạo v.v... không thể làm chướng ngại Kinh điển này và đều phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bí sô Trí Thịnh nay chính là Mạn Thù Thất Lợi. Bí sô Đế Thọ nay là Thiên vương Tối Thắng. Hai vị Bồ Tát này đã dùng các phương tiện thiện xảo ủng hộ Bát Nhã làm cho trụ lâu ở đời. Mười phương cõi Phật nếu có thuyết Bát Nhã này thì hai vị Bồ Tát ấy liền đến nghe nhận. Như ngày nay, Ta thuyết pháp môn này, phóng đại quang minh, tìm theo ánh quang minh đến đây vân tập.

Thích nghĩa:

(1). Đề Bà Đạt Đa: Cũng gọi Đề Bà Đạt Đâu, hoặc gọi là Điều Đạt. Hán dịch: Thiên Nhiệt, Thiên Thụ, Thiên Dữ. Vị Tỷ khưu xấu ác, phạm tội ngũ nghịch, phá hoại Tăng đoàn, đối địch với Phật. Đề Bà Đạt Đa là con vua Hộc Phạn chú của Phật (cũng có thuyết cho là con của Cam lộ Phạn vương, Bạch Phạn vương hoặc là con của trưởng giả Thiện Giác). Thuở nhỏ, ông học tập cùng Thái tử Tất Đạt Đa, Nan đà, tài năng ông xuất sắc nên thường tranh đua với Thái tử Tất Đạt Đa. Sau khi Thái tử Tất Đạt Đa thành Phật, ông theo Phật xuất gia, trong khoảng 12 năm đầu, ông dốc lòng tu đạo, siêng năng tinh tiến. Sau vì không được Thánh quả nên ông thoái tâm và muốn học thần thông để cầu lợi dưỡng, đức Phật không cho, Đề Bà liền đến chỗ Thập Lực Ca Diếp học thần thông, được Thái tử A Xà Thế của nước Ma Yết Đà cúng dường. Do đó, Đề Bà càng kiêu mạn hơn, muốn thay Phật lãnh đạo Tăng đoàn. Sau đó, Đề bà cầm đầu 500 đồ chúng thoát ly Tăng đoàn, tự xưng Đại sư, đặt ra năm pháp và cho đó là con đường tới Niết bàn mau chóng. Đây là việc phá hòa hợp Tăng. Về 5 pháp do Đề Bà lập ra, các bộ luận ghi chép không giống nhau. Cứ theo Hữu bộ tỳ nại da Phá Tăng sự quyển 10 chép, thì 5 pháp ấy là: Không ăn váng sữa, không ăn thịt cá, không ăn muối, khi may áo cà sa để nguyên tấm vải không cắt nhỏ ra, ở nơi xóm làng chứ không ở chỗ vắng vẻ. Còn theo luật Thập tụng quyển 4, quyển 36, thì 5 pháp là: - Trọn đời mặc áo vá. - Trọn đời đi xin ăn. - Trọn đời ngồi nơi đất trống. - Trọn đời không ăn thịt cá. - Trọn đời chỉ ăn một bữa. Ngoài ra, về việc giải thích các pháp nghĩa, Đề bà cũng nêu ra những dị thuyết. Từ đó, ở thành Vương Xá, nước Ma Yết Đà, Đề Bà có giáo đoàn độc lập, được Thái tử A Xà Thế ủng hộ nên thế lực mỗi ngày một lớn mạnh, Phật đã thường răn bảo các Tỷ khưu chớ tham lợi dưỡng của Đề Bà. Về sau, Đề bà xúi giục A xà thế giết cha, để cướp ngôi, A xà thế bèn bắt cha giam trong ngục tối rồi lên làm vua. Đồng thời, Đề bà cũng âm mưu ám hại Phật để lên làm Phật, nên ông ta lên núi Kì xà lăn tảng đá lớn xuống nhằm giết Phật, nhưng việc không thành và Phật chỉ bị thương ở chân. Lại thừa lúc Phật vào thành Vương xá, Đề bà cho thả voi điên ra để hại Phật, nhưng voi vừa gặp Phật liền qui phục nên âm mưu cũng bị thất bại. Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên khuyên nhủ đồ chúng Đề Bà trở về với Tăng đoàn của đức Phật, vua A Xà Thế cũng được đức Phật giáo hóa, bèn sám hối qui y. Đề Bà vẫn không bỏ tâm ác, đánh đập Tỷ khưu ni Liên Hoa Sắc đến chết; lại bôi

thuốc độc vào 10 móng tay mình định nhân lúc lễ lạy Phật để hại Phật, nhưng chân Ngài khi ấy cứng chắc như đá, còn 10 đầu ngón tay của Đề bà thì bị xây xát, chất độc thấm vào máu khiến Đề Bà bỏ mạng. Trong các Kinh điển phần nhiều có nói vì những việc làm trái với đạo lý trên đây nên sau khi chết, Đề Bà bị rơi vào địa ngục. Cứ theo Kinh Tăng Nhất A hàm quyển 47 chép, thì đức Phật bảo Đề Bà Đạt Đa sẽ phải chịu khổ địa ngục trong một kiếp và được thọ ký thành Bích Chi Phật. Kinh Tát Đàm Phân Đà Lợi và phẩm Đề Bà Đạt Đa trong Kinh Pháp Hoa quyển 4 nói, ở đời quá khứ Đề Bà là thiện tri thức, từng thuyết giảng Kinh điển Đại thừa cho đức Thích tôn nghe, nhờ thế mà đức Thích tôn được thành Phật. Trong Kinh còn nói, sau vô lượng kiếp ở đời vị lai, Đề Bà Đạt Đa sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai.(Phỏng theo Từ điển Phật Quang)

(2). Lưỡng túc tôn: (兩足尊), *Phạm: Dvipadottama, Pàli: Dvipada-seỉỉha. Tôn hiệu của đức Phật, vì Ngài có đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, là bậc tôn quí nhất trong các loài chúng sinh ở cõi Trời người. Phật cũng là bậc nhất trong tất cả các loài chúng sinh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, chẳng có tưởng, chẳng phải không tưởng v.v...(Phỏng theo Phật Quang Từ điển).*

Nói gọn, vì Phật là bậc giác ngộ có đủ phước đức và trí tuệ hơn các loài, nên được tôn xưng là lưỡng túc tôn. ***TB***

Sơ giải:

Các Bồ Tát như Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi hay còn gọi là Văn Thù Sư Lợi, các Thiên tử tên là Diệu Sắc, Thiện Danh, đại Phạm vương chủ cõi Kham Nhẫn đều xướng kệ ca tụng công đức Thế Tôn và sau cùng là các Bồ Tát khác "Khẩn cầu Thế Tôn dùng năng lực thần thông làm cho Bát nhã Ba la mật này trụ lâu ở thế gian để làm lợi lạc cho tất cả". Nội dung phẩm này chỉ có thế, ai đọc cũng có thể hiểu. Nên không cần bàn thêm./.

---o0o---

17. PHẨM "PHÓ CHÚC"

Cuối quyển 573, Hội thứ VI, ĐBN.
(Tương đương phẩm 16, "Giao Phó", Kinh TTVBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, Phật bảo A Nan Đà:

- Ông nên thọ trì Bát Nhã thâm sâu, chớ để quên mất.

A Nan Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo áo che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thọ trì Kinh điển này như thế nào?

Phật bảo A Nan Đà:

- Thọ trì Kinh này có 10 phương pháp: 1. Biên chép, 2. Cúng dường, 3. Dạy cho người khác, 4. Lắng nghe, 5. Tìm đọc, 6. Thọ trì, 7. Giảng rộng, 8. Phúng tụng(*tụng hay đọc Kinh*)**, 9. Suy nghĩ, 10. Tu tập.**

Dựa vào 10 pháp đó mà thọ trì Kinh này. Thí như ở thế gian, tất cả cỏ cây, hoa, quả, thuốc v.v... đều nương vào đại địa. Cũng vậy tất cả pháp lành thù thắng đều dựa vào Bát nhã Ba la mật. Như vua Chuyển luân nếu trụ ở đời thì bảy báu luôn xuất hiện. Bát Nhã cũng lại như thế, nếu trụ ở đời thì Tam bảo không bị diệt.

Khi ấy, đại chúng cùng lúc nhìn vào khuôn mặt Thế Tôn, rồi nói rằng:

- Sau khi Như Lai diệt độ, ai có thể gánh vác trọng trách đại pháp của Thế Tôn? Nghĩa là vị ấy phải trải qua vô lượng, vô biên đại kiếp tu tập mới được quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Trong chúng có một vạn hai ngàn Bồ Tát vì hộ pháp này liền đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo áo che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính, nói kệ:

Chúng con bỏ thân mạng,
Chẳng cầu báo vị lai,
Hộ trì lời Phật dạy,
Chánh pháp thâm sâu này.

Trong chúng có năm trăm Thiên tử do **Hiền Vương** dẫn đầu, cũng từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo áo che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính, nói kệ:

Vì độ các hữu tình,
Thành tựu nguyện đại bi.
Hộ trì lời Phật dạy,
Chánh pháp thâm sâu này.

Lúc ấy, **Trời Đế Thích, Phạm vương Trì Kế, Tỳ sa môn vương** đều từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo áo che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính, nói kệ:

Thuốc Bát Nhã nhiệm mầu,
Trị được tất cả bệnh.
Thế Tôn nay đã nói,
Chúng con xin thọ trì.

Thần cầm chày Kim cang cũng từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo áo che vai trái, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính nói kệ:

Pháp vốn không danh tự,
Phật dùng danh tự nói.
Đại bi chơn giáo pháp,
Chúng con xin thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo Phạm vương Trì Kế:

- Phạm thiên nên biết! Phật khen ba việc rất là vô thượng. Những gì là ba? **1. Phát Bồ đề tâm, 2. Hộ trì chánh pháp, 3. Như giáo pháp tu hành. Ba pháp này thật là vô thượng. Người nào tu hành được mới là chơn cúng dường Phật**. Nếu Ta trụ ở đời một kiếp, hoặc hơn một kiếp, nói công đức ấy cũng không thể hết. Hộ trì Như Lai bằng một bài kệ bốn câu, công đức ấy nói còn không hết, huống gì hộ trì Bát Nhã thâm sâu, là mẹ ba đời chư Phật. Vì sao? Vì chư Phật ba đời đều từ Bát nhã Ba la mật mà sanh ra, dùng pháp cúng dường là chơn cúng dường Phật. Nếu dùng

tiền của thì chẳng phải chơn cúng dường. **Nên cúng dường pháp là cúng dường tối thượng nhất**. Nếu người nào hộ trì chánh pháp của Phật, phải biết người ấy an lạc ba đời. *(Q.573, ĐBN)*

Thế nên, Phạm thiên! Phải thường ủng hộ Bát Nhã thâm sâu. Nhờ hộ trì pháp, ngươi sẽ được gặp ngàn đức Phật trong Hiền kiếp và được thỉnh làm chủ. Phạm thiên nên biết! Ở cõi uế trược này, hộ trì chánh pháp trong giây lát, công đức đạt được còn hơn ở cõi Tịnh, hoặc một kiếp hay hơn một kiếp. Thế nên ngươi phải siêng năng hộ trì chánh pháp.

Thế Tôn lại bảo trời Đế Thích:

- Kiều thi ca! Bát Nhã sanh ra ở chỗ nào thì Như Lai sanh ra, chứng quả Bồ đề, chuyển pháp luân và nhập Niết bàn cũng ở đó. Vì sao? Kiều thi ca! Vì tất cả Bồ Tát, tất cả pháp lành, tất cả Như Lai đều từ đây mà sanh. Nếu có Pháp sư nào tuyên thuyết Bát Nhã thâm sâu này thì chỗ ấy chính là chỗ Phật đã đi. Ở chỗ pháp sư, các loài hữu tình phải sanh tâm tôn trọng và gần gũi như Phật, vui mừng, cung kính, cúng dường, ngợi khen. Nếu Ta trụ ở đời một kiếp hay hơn một kiếp, nói về công đức mà Pháp sư đây đã truyền bá Kinh này cũng không thể hết.

Kiều thi ca! Khi Pháp sư này đi đến chỗ nào, có thiện nam thiện nữ chích máu rưới xuống đất để khỏi tung bụi. Cúng dường như vậy vẫn chưa gọi là nhiều. Vì sao? Vì pháp luân vô thượng khó thọ trì vậy.

Trời Đế Thích thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Trong đời vị lai, chỗ nào thuyết Kinh này, con và quyến thuộc đều ủng hộ vị Pháp sư và bảo vệ địa phương ấy. Nếu thấy Kinh này để ở chỗ nào liền sanh tâm như bốn chỗ đã nói ở trước.

Bấy giờ, Thế Tôn khen trời Đế Thích:

- Lành thay! Lành thay! Ta đem Kinh này giao phó và dặn dò ngươi. Đời sau, ngươi phải ủng hộ lưu truyền.

Trời Đế Thích bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chư thiên chúng con được sanh vào cảnh giới an lành đều nhờ Bát nhã Ba la mật; phát Bồ đề tâm cũng nhờ vào đây. Thế nên, chúng con chẳng tiếc thân mạng, ủng hộ giáo pháp thâm sâu của Thế Tôn.

Phật lại khen trời Đế Thích:

- Hay thay! Hay thay! Hãy làm như đã nói.

Khi đức Thế Tôn thuyết Kinh này rồi, Thiên vương Tối Thắng và các đại Bồ Tát trong 10 phương cõi, tất cả Thanh văn, trời, rồng, Dược xoa,

Kiện đạt phược, A tu la, Yết lộ trà, Khẩn nại lạc, Mạt hô lạc già, người chẳng phải người v.v... nghe Phật thuyết đều rất vui mừng, tin nhận phụng hành.

Sơ giải:

1. *Cũng như các Hội trước, Phật phó chúc Ngài A Nan Kinh Đại Bát nhã Ba la mật này: Hãy đọc tụng thọ trì chẳng để quên mất. Rồi Phật dạy Ngài A Nan 10 pháp thọ trì là:* ***1. Biên chép, 2. Cúng dường, 3. Dạy cho người khác, 4. Lắng nghe, 5. Tìm đọc, 6. Thọ trì, 7. Giảng rộng, 8. Phúng tụng, 9. Suy nghĩ, và 10. Tu tập.***

Chín phương pháp đầu chúng ta đã chấp hành một cách nghiêm chỉnh, chỉ còn phương pháp thứ mười là ***"tu tập"****. Đó là phương pháp cần yếu nhất cho sự chứng đắc và giác ngộ. Câu nói thời danh mà chúng ta cần lưu ý là "Học nhiều mà không tu thì chẳng khác nào cái đãy đựng sách".*

2. *Ở đây có một chi tiết khác so với các lần phó chúc trước là Phật giao cho Trời Đế Thích vai trò* ***hộ trì chánh pháp*** *(thay vì Ngài A Nan) với lời khuyến dẫn như sau:*

"Thế nên, Phạm thiên! Phải thường ủng hộ Bát Nhã. Nhờ hộ trì pháp, ngươi sẽ được gặp ngàn đức Phật trong Hiền kiếp và được thỉnh làm chủ. Phạm thiên nên biết! Ở cõi uế trược này, hộ trì chánh pháp trong giây lát, công đức đạt được còn hơn ở cõi Tịnh, hoặc một kiếp hay hơn một kiếp. Thế nên ngươi phải siêng năng hộ trì chánh pháp".

Phẩm này chẳng khó, ai đọc cũng có thể hiểu, không cần nói thêm./.

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần sáu,
(Hội thứ VI).

So chiếu Hội thứ VI Đại Bát Nhã do nhóm của Ngài Huyền Trang sao lại với Kinh "Thắng Thiên Vương Bát Nhã" do Ngài Nguyệt Bà Thủ Na dịch, hai Kinh giống nhau như hai giọt nước! Chúng tôi không có bản chữ

Hán nên không dám quả quyết, nên chỉ đặt câu hỏi: Không biết nhóm dịch thuật của ngài Huyền Trang sao lại Kinh "Thắng Thiên Vương Bát Nhã" và bỏ vào Đại Bát Nhã hay không? Điều này cũng chả có gì quan trọng. Quan trọng là Kinh này đã đạt chỉ tiêu mong muốn. Các nhà dịch thuật đã đem hết tinh thần trình bày trong một bộ Kinh tuy ngắn nhưng đã nói lên tất cả giáo lý hạnh quả, kỹ thuật tu trì quán chiếu cốt tủy của hệ Bát Nhã nhất là nói về phước đức trí tuệ cùng hạnh nguyện của các bậc tu hành.

Văn phong của Hội thứ VI thật bình dị, gần gũi với chúng ta. Cái đáng chú ý của Hội này là chia giáo pháp "Chơn như" làm ba phẩm khác nhau là Pháp giới, Pháp tánh và Bình đẳng tánh. Sự phân chia này làm nổi bậc ý nghĩa đặt thù của các giáo lý vi diệu này. Vì sao? Vì khi Kinh nói đến ***pháp giới, pháp tánh hay bình đẳng tánh cũng lại đề cập đến chơn như, nghĩa là không ra ngoài thập nhị chơn như để chúng sanh nào tu các pháp môn này có cơ hội sớm nhập pháp giới hay nói khác là "tu tắt"!***

Ngoài ra, phần lớn các giáo lý khác giống như 5 Hội trước. Nên có một số học giả xếp loại "6 Hội đầu gần giống nhau". Điều đó không đúng lắm. Không khí Hội thứ VI khác hẳn 5 Hội trước. Vả lại, Hội thứ VI Phật trao chánh giáo pháp tạng cho riêng Thắng Thiên Vương mà thôi. Ngoài ra, trong pháp hội này Phật dạy cho Thắng Thiên Vương cũng như tất cả những người con Phật cách tu ***tịnh hạnh*** *và* ***Bồ Tát đạo,*** *các pháp tu rất cần thiết đối với người tu Đại thừa.*

Tóm lại, đứng về phương diện tổng quát, nội dung của Hội thứ VI không khác với 5 Hội đầu, chỉ khác là Hội này viết ngắn gọn, xúc tích ***đặc biệt là triển khai chơn như để hiểu rõ các pháp như pháp giới, như pháp tánh, như bình đẳng tánh là một như, là vô tận như không hai không khác*** *như đã lược tóm ở trên.*

Thọ trì hết 6 pháp hội đầu tiên, chúng ta có một kiến thức căn bản về Bát Nhã, rồi miên mật thực hành các giáo pháp ấy cùng 18 pháp không và thập nhị chơn như hy vọng có cơ hội nhập pháp giới để được giải thoát.

Chúng tôi hết sức ca ngợi Hội thứ VI này. Nhưng đối với ***Hội thứ VII*** *tiếp theo, sẽ* ***cho chúng ta một lối lãnh hội khác hẳn****.*

Hội thứ VII "lật úp" hay "vặn chéo" tất cả những gì chúng ta đã học ở trên, nhưng lại nâng chúng ta lên một trình độ mới. Và chúng ta sẽ mở con mắt đạo với những "nghịch đảo" táo bạo của nó. Đại Bát Nhã nói

"Những hạng phàm phu thuận dòng thế gian, còn người thuận chánh lý thì nghịch dòng thế gian... !"

Vậy, muốn hiểu Hội thứ VII, chúng ta phải thực hiện một "bước nhảy". Có thế chúng ta mới lột xác, đổi thể hay chuyển y. Như Thiền sư Viên Ngộ nói "đại tử nhất phiên", phải một lần chết mới sống lại mãi mãi được chí đến thời gian vô cùng tận. Có thể chúng tôi quá lời, nhưng chắc chắn Hội thứ VII hứa hẹn sẽ dẫn chúng ta đến chỗ đó.

Lối thuyết pháp của Hội thứ VII không khích lệ, không kêu gọi hay khuyên lơn mà là lối thuyết "đốn ngộ" chẳng khác nào như tiếng hét của các Thiền sư, đánh thẳng vào cân não để thức tỉnh tâm ngái ngủ ngàn đời của người học đạo.

Đây là "đốn pháp", có thể để đưa chúng ta đến cảnh giới mới mà chúng ta chưa từng mơ ước! *Hy vọng mọi người sẽ "tỉnh" ra với các giáo pháp táo bạo của Hội thứ VII này!*

Ngoài ra, Hội thứ VII thuyết pháp theo "Đệ Nhất Nghĩa Không", một pháp tu tối cao của Phật đạo mà bất người tu Phật nào cũng phải hướng đến pháp tu này hay nói khác tu Phật là phải tu theo Đệ nhất nghĩa không, không có sự chọn lựa nào khác nếu muốn Giác ngộ và chứng Vô thượng Bồ đề!

Đến đây chấm dứt phần sáu, Hội thứ VI, ĐBN.

---o0o---

Xin đọc tiếp các Hội từ VII cho đến hết Hội thứ XV tiếp theo:

HỘI THỨ VII

(Bố cục)

7. Hội thứ VII: Phần **"Mạn Thù Thất Lợi"**, 2 quyển, tương đương với 700 kệ tụng Bát Nhã (Phạm: Saptazatikà-prajĩàpànamità) tiếng Phạm, không lập tên phẩm riêng. Nội dung tường thuật việc Ngài Mạn Thù Thất Lợi và đức Phật thuyết pháp về nhất tướng của Như lai và của hữu tình giới là bất khả đắc, tướng của phúc điền là bất khả tư nghị, nhất tướng trang nghiêm Tam ma địa v.v... Hội này cùng bản với Kinh Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát nhã Ba la mật 2 quyển, do Ngài Mạn Đà La Tiên dịch vào đời Lương (thu vào Hội thứ 46 trong Kinh Đại Bảo Tích) và Kinh Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Bát nhã Ba la mật 1 quyển, do Ngài Tăng Ca Bà La dịch (cũng vào đời Lương). Pháp Uyển Châu lâm và Khai Nguyên Thích Giáo Lục nói bản tiếng Phạm của hội này có 800 kệ tụng.

---o0o---

PHẦN "MẠN THÙ THẤT LỢI".

Dẫn nhập:

*Hội này vỏn vẹn chỉ có 2 quyển, nhưng giá trị không kém thậm thâm so với **tất cả** các Hội khác. Kinh trước hết trình bày cái nhất tướng của Như Lai, hữu tình là bất khả đắc, tướng điều phục, tướng phúc điền cũng bất khả tư nghị và Tam ma địa nhất tướng trang nghiêm. Đó là các điểm chánh yếu mà các nhà chú giải xưa nay thường giảng luận về Hội này. Tuy nhiên, lối diễn tả của nó quá sâu sắc vượt qua trí năng thường tục của chúng ta! Kinh thật sự mở được con mắt đạo với những chứng giải "mới" mà chúng ta hằng mơ ước.*

Nghe được các giáo pháp này chẳng khác nào tắm gội được nước Cam lồ thắm tận xương tủy. Thật quá may mắn, không bỏ một đời tu học Bát nhã Ba la mật!

Kinh đi từ "phản biện" này sang phản biện khác, với các luận chứng siêu việt của một Bồ Tát tên là Mạn Thù Thất Lợi (hay Văn Thù Sư Lợi)

giúp Thế Tôn trong việc giáo hóa chúng sanh ở cõi Sa Bà này. Nói Mạn Thù Thất Lợi với những phản biện hay luận chứng siêu việt là nói theo ý của chúng ta, nói theo Tục đế. Đối với bản thân Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát chỉ là biện tài tự nhiên phát ra từ chứng ngộ Bát Nhã chẳng khác nào nước rỉ từ lòng đất, hoa nở từ cây.

Chúng ta biết rằng có ba lối thuyết pháp Bát nhã Ba la mật:

1. Thiên Đế Thích Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm Chí là lối thuyết giảng thấp nhất cho hàng sơ phát tâm hay hạ căn;

2. Xá lợi Phất, Tu Bồ Đề là lối thuyết cho hàng trung căn; và

3. Mạn Thù Thất Lợi hay Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát và Phật là lối thuyết pháp cao nhất dành cho bậc thượng căn, thượng phẩm thuộc hàng Đại sĩ.

Người nào có duyên đọc Tổng luận Đại Bát Nhã, sẽ tiếp thu được giáo lý này, chúng tôi không thể giảng nói cho bấc cứ ai. Đây là giáo pháp thuyết theo Đệ nhất nghĩa không, vượt trên cả Tục đế và Chân đế(1).

Tóm lược:

Quyển 574

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật trụ vườn Cấp Cô Độc, rừng Thệ đa ở thành Thất la phiệt, cùng năm ngàn chúng Tỳ kheo đều là A la hán, chỉ có A Nan Đà còn ở bậc hữu học. Xá lợi Tử v.v... làm thượng thủ. Lại cùng một vạn đại Bồ Tát đều là bậc Bất thối chuyển, trang nghiêm bằng mũ giáp công đức gồm Bồ Tát Từ Thị, Bồ Tát Diệu Kiết Tường, Bồ Tát Vô Ngại Biện, Bồ Tát Bất Xả Thiện Ách làm thượng thủ.

Khi mặt trời xuất hiện, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi*(2)* rời khỏi trú xứ của mình, đi đến chỗ Như Lai nhưng đứng ở ngoài. Cùng lúc ấy, cụ thọ Xá lợi Tử, Đại Ca đa diễn na, Đại Ca diếp ba, Đại Thái Thúc Thị, Mãn Từ Tử, Chấp Đại Tạng, tất cả đại Thanh văn Tăng đều từ trú xứ của mình đi đến chỗ Như Lai nhưng đứng ở ngoài.

(Cái nhất tướng của Như Lai)

Bấy giờ, biết đại chúng đều đến tập hợp, đức Thế Tôn rời khỏi trú xứ, trải tòa như thường ngày, ngồi kiết già, bảo Xá Lợi Tử:

- Hôm nay, vì cớ gì mà mới mờ sáng ông đã đứng ngoài cửa?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi đã đến đây trước, chúng con đến sau.

Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Mạn Thù Thất Lợi:

- Thiện nam tử! Ngươi thật là người đã đến đây trước, vì muốn gặp Phật để đảnh lễ và gần gũi Phật chăng?

Trước Phật, Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Bạch Thiện Thệ! Vì sao? Vì đối với Như Lai con chiêm ngưỡng lễ lạy và thân cận mà không nhàm chán. Và muốn làm lợi lạc hữu tình nên thật sự con đã đến đây trước.

Bạch Thế Tôn! Nay con đến đây để thân cận lễ kính và chiêm ngưỡng Như Lai, chỉ vì lợi lạc tất cả hữu tình, chẳng phải vì sự chứng đắc quả Bồ đề của Phật, chẳng phải vì ưa xem thân Như Lai, chẳng phải vì làm rối động chơn pháp giới, chẳng phải vì phân biệt pháp tánh, cũng chẳng phải vì những việc khác. **Con thấy Như Lai tức tướng Như không động, không tạo tác, không phân biệt-không phân biệt khác, chẳng phải phương xứ-chẳng phải lìa phương xứ, chẳng phải có-chẳng phải không, chẳng phải thường-chẳng phải đoạn, chẳng phải chính ba đời-chẳng phải lìa ba đời, không sanh-không diệt, không đến-không đi, không nhiễm-không tịnh, không hai-chẳng hai, tuyệt đường ngôn ngữ. Nếu đem tướng bình đẳng Như Như này mà quán Như Lai thì gọi là thấy Phật một cách chân thật, cũng gọi là kính lễ và gần gũi Như Lai, thật sự làm lợi lạc cho hữu tình*(3)*.**

Phật bảo đồng tử*(4)* Mạn Thù Thất Lợi:

- Ông quán chiếu như vậy là để thấy cái gì?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con quán như vậy nhưng hoàn toàn không thấy gì; đối với tướng các pháp cũng không chỗ lấy.

Phật nói:

- Hay thay! Hay thay! Đồng tử! Đối với Như Lai ông đã quán được như vậy. Đối với tất cả pháp, tâm chẳng chấp lấy-cũng chẳng phải không chấp lấy, chẳng nhóm-chẳng tan.

Khi ấy, Xá lợi Tử bảo Mạn Thù Thất Lợi:

- Ngài thường gần gũi kính lễ và quán Như Lai được như vậy thật là hiếm có! Tuy thường thương xót hữu tình nhưng đối với hữu tình hoàn toàn vô sở đắc. Dù thường giáo hóa chúng sanh hướng đến Niết bàn mà không sở chấp. Chỉ vì lợi lạc các hữu tình nên mang giáp mũ lớn, nhưng ở trong ấy chẳng khởi phương tiện chứa nhóm hay tan hoại.

Mạn Thù Thất Lợi thưa Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như Tôn giả nói. Vì lợi lạc hữu tình nên tôi mang giáp mũ lớn khiến họ hướng tới Niết bàn. Đối với hữu tình đã giáo hóa và cảnh giới Niết bàn sở hóa sở chứng không đắc không chấp.

Này Xá lợi Tử! Chẳng phải tôi thật muốn lợi lạc hữu tình mà mang giáp mũ lớn. Vì sao? **Vì cảnh giới của các hữu tình không tăng không giảm**. Giả sử ở trong một cõi Phật đây có hằng hà sa số chư Phật, mỗi đức Phật đều trụ hằng hà sa số đại kiếp, ngày đêm thường thuyết hằng hà sa số pháp môn. Mỗi pháp môn độ được hằng hà sa số loài hữu tình của cõi Phật ấy, làm cho tất cả đều vào Vô dư Niết bàn. Cõi Phật đây cũng như vậy, cho đến hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương cũng lại như thế: Tuy có vô số chư Phật Thế Tôn, qua vô số thời, thuyết vô số pháp, độ thoát vô số hữu tình đều chứng vào Vô dư Niết bàn nhưng cõi hữu tình cũng không tăng, không giảm. Vì sao? **Vì tự tánh của các hữu tình là ly là không ngằn mé nên không tăng không giảm**.

Xá lợi Tử nói:

- Mạn Thù Thất Lợi! Nếu tự tánh của các hữu tình là ly, không ngằn mé, không tăng giảm, thì do yếu tố nào Bồ Tát cầu đại Bồ đề muốn vì hữu tình thường thuyết diệu pháp?

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Xá lợi Tử! Tôi nói hữu tình đều không thể đắc, thì cũng không có Bồ Tát cầu đại Bồ đề mà muốn vì hữu tình thường thuyết diệu pháp. Vì sao? Vì các pháp rốt ráo bất khả đắc.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Nếu các hữu tình đều bất khả đắc thì làm sao thiết lập cảnh giới của các hữu tình?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! **Cảnh giới hữu tình ấy chỉ là giả thi thiết**.

Phật bảo:

- Mạn Thù Thất Lợi! Nếu có người hỏi ngươi: "Cõi hữu tình ấy có bao nhiêu?" Nếu hỏi như vậy, ngươi sẽ trả lời thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ đáp: "Lượng cõi hữu tình như cảnh giới chư Phật".

- Mạn Thù Thất Lợi! Nếu lại hỏi ngươi: "Cõi hữu tình kia thuộc chỗ nào?" Hỏi như vậy, ngươi đáp ra sao?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ đáp: "Chỗ thuộc về cõi kia giống như Phật, rất khó nghĩ".

- Mạn Thù Thất Lợi! Nếu có người hỏi: "Cõi hữu tình kia trụ ở chỗ nào?" Hỏi như vậy, ngươi trả lời thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ đáp: "Nếu **xa lìa bờ ô nhiễm là chỗ pháp nên trụ**, tức là chỗ cõi hữu tình nên trụ".

(Đây là "phản biện" đầu tiên: Tự tánh hữu tình là không, là ly, không tăng-không giảm. Hữu tình đều không thể đắc, các pháp cũng bất khả đắc. Vậy Bồ Tát vì ai mà cầu Bồ đề? Vì sao? Vì hữu tình cũng là duyên hợp giả có đều do tứ đại năm ấm hòa hợp tạo ra. Giả có cũng là không. Chỉ do thi thiết mà có, nên nói là không tăng không giảm, bất khả đắc như hư không. Tướng như cũng là không, Như Lai như, Bồ Tát như, Độc giác như, Thanh văn như, hữu tình như, tất cả pháp đều như không hai không khác. Vì trong "tướng không", "tướng như" không động, không tạo tác, không phân biệt-không phân biệt khác, không sanh-không diệt, không đến-không đi, không nhiễm-không tịnh, không hai-chẳng hai…Khi nhập vào tướng không, tướng như rồi là sống trong đệ nhất nghĩa nên thấy tất cả pháp đều bình đẳng như như. Bình đẳng như hư không cũng là không, bất khả đắc. Nên nói là bất khả tư nghì. Nếu hiểu tất cả những gì giải thích trên đây đều nằm trong thập nhị Chân như, tức nhập được pháp giới thì tất hiểu thế nào là Đệ nhất nghĩa đế hay Đệ nhất nghĩa không).

(Chơn tu học Bát nhã Ba la mật)

- Mạn Thù Thất Lợi! Ngươi tu Bát nhã Ba la mật thì trụ chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn! Con **tu Bát Nhã thâm sâu hoàn toàn không có chỗ trụ.**

- Mạn Thù Thất Lợi! Không có chỗ trụ thì làm sao có thể tu Bát Nhã thâm sâu?

- Bạch Thế Tôn! Do không có chỗ trụ nên con có thể tu Bát nhã Ba la mật.

- Mạn Thù Thất Lợi! Đối với thiện và ác, ngươi tu Bát nhã Ba la mật thì tăng pháp nào, giảm pháp nào?

- Bạch Thế Tôn! Con tu Bát nhã Ba la mật đối với thiện và ác không tăng, không giảm.

Bạch Thế Tôn! Đối với tất cả pháp, con tu Bát Nhã cũng không tăng không giảm.

Bạch Thế Tôn! Bát Nhã xuất hiện ở thế gian chẳng vì sự tăng giảm của tất cả pháp.

Bạch Thế Tôn! Tu học Bát Nhã thâm sâu không vì vứt bỏ pháp của phàm phu v.v..., không vì nhận lấy tất cả Phật pháp. Vì sao? **Vì Bát Nhã thâm sâu không vì bỏ pháp này được pháp kia mà phát khởi.**

Bạch Thế Tôn! Tu học Bát Nhã thâm sâu chẳng vì chán lìa tội lỗi sanh tử, chẳng vì ham muốn công đức Niết bàn. Vì sao? Vì người tu pháp này còn không thấy sanh tử, không thấy Niết bàn, huống gì có chán lìa, có ham thích.

Bạch Thế Tôn! Tu học Bát Nhã thâm sâu không thấy các pháp có hơn có kém, có được có mất, nên lấy nên bỏ. Tu học Bát Nhã chẳng đắc các pháp nên tăng ích hay tổn giảm. Vì sao? **Vì chơn pháp giới chẳng phải có tăng ích hay tổn giảm.**

Bạch Thế Tôn! Người nào tu được như vậy gọi là **chơn tu học Bát Nhã.**

(Pháp của phàm phu là pháp tương đãi nên thấy được-mất, có-không, tội-phước, sanh-tử, đoạn-thường, khứ-lai... Vì vậy, mới có thủ giữ, nắm bắt. Đó là các pháp phân hai. Tất cả đều là hư vọng đổi dời thuộc Tục đế. Vậy, không ai có thể trụ trong hư vọng mà được Bồ đề. Trong chơn pháp giới chẳng có tăng ích-chẳng có tổn-giảm. Đó gọi là chơn tu Bát Nhã).

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu tu Bát Nhã đối với tất cả pháp không suy nghĩ hoặc nhiều hoặc ít đều không mong muốn, năng sở mong muốn và kẻ mong muốn đều chẳng lấy đắm, gọi chơn tu học Bát Nhã.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các thiện nam thiện nữ nếu tu Bát nhã Ba la mật, đối với các pháp chẳng đắc hơn kém, nghĩa là đều chẳng thấy đây hơn đây kém là chơn Bát nhã Ba la mật. Vì sao? **Vì chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế không hơn không kém, nếu tu như thế gọi chơn tu học Bát nhã Ba la mật.**

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Diệu pháp của chư Phật không hơn sao?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Diệu pháp của chư Phật không thể nắm bắt được, nên cũng không thể nói là hơn hay kém. Chẳng lẽ Như Lai không chứng được các pháp Không?

Thế Tôn đáp:

- Đúng vậy! Đồng tử!

Mạn Thù Thất Lợi lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Trong các pháp Không đâu có sự hơn kém**.

Thế Tôn khen:

- Hay thay! Hay thay! Đúng như lời ngươi nói! Mạn Thù Thất Lợi! Pháp của Phật chẳng lẽ không phải là vô thượng?

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy! Tất cả pháp của Phật tuy thật vô thượng, nhưng ở trong ấy không có pháp nào có thể đắc, nên không thể nói pháp của Phật là vô thượng.

(Đây là phản biện thứ hai, các pháp không thể đắc dù là pháp Phật, vậy nên không thể nói pháp Phật là vô thượng. Trong pháp Không đâu có hơn kém. Tu Bát Nhã không vì bỏ pháp này được pháp kia mà phát khởi. Tất cả pháp là không, pháp giới cũng là không, pháp tánh, thật tế... cũng là không. Trong không làm gì có tăng-ích hay tổn-giảm. Vậy, pháp Phật cũng chẳng thể nói là vô thượng. Đó là chính là Đệ nhất nghĩa không).

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các thiện nam thiện nữ nếu tu Bát nhã Ba la mật chẳng muốn trụ trì tất cả Phật pháp, chẳng muốn điều phục pháp dị sanh thảy. Bát Nhã sâu thẳm đối pháp chư Phật, pháp dị sanh thảy **chẳng muốn tăng trưởng và điều phục**, đối tất cả pháp không phân biệt vậy. Nếu tu như thế gọi chơn tu học Bát Nhã.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu tu Bát nhã Ba la mật thì các thiện nam thiện nữ chẳng thấy các pháp khá có suy gẫm khá phân biệt được.

- Mạn Thù Thất Lợi! Đối với pháp của Phật, ngươi chẳng suy gẫm ư?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng suy gẫm vậy. **Nếu con thấy Phật pháp chơn thật, phải nên suy gẫm, nhưng con chẳng thấy. Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật chẳng do phân biệt các pháp mà sanh khởi, nghĩa là chẳng phân biệt đây là pháp phàm phu, đây là pháp của Thanh văn, đây là pháp của Độc giác, đây là pháp của Bồ Tát, đây là pháp của Như Lai. Các thiện nam thiện nữ siêng năng tu học Bát Nhã thâm sâu, ở trong các pháp hoàn toàn không có sở đắc, cũng không có gì để nói; nghĩa là chẳng nói có pháp tánh của phàm phu, cũng chẳng nói có pháp tánh của Thanh văn, cho đến pháp tánh của Như Lai. Vì sao? Vì các pháp tánh này đều rốt ráo Không, không thể thấy. Nếu tu học như vậy gọi là chơn tu học Bát nhã Ba la mật.**

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các thiện nam thiện nữ siêng tu Bát nhã Ba la mật chẳng nghĩ: Đây là cõi Dục, đây là cõi Sắc, đây là cõi Vô sắc, đây là cõi Tịch Diệt*(6)*. Vì sao? **Vì Bát Nhã không thấy có pháp nào có tướng tịch diệt. Nếu tu như vậy gọi là chơn tu học Bát nhã Ba la mật.**

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu tu Bát nhã Ba la mật đối với tất cả pháp thì không sanh ân oán. Vì sao? Vì Bát Nhã không giữ tất cả pháp Phật, không vì xả bỏ pháp phàm phu. Vì sao? Vì các thiện nam thiện nữ siêng tu Bát nhã Ba la mật, ở trong pháp của Phật chẳng muốn chứng đắc, chẳng muốn hoại diệt pháp của phàm phu v.v... Vì hiểu rõ tánh của tất cả pháp là bình đẳng. Nếu tu như vậy gọi là chơn tu Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Thế Tôn liền khen ngợi Mạn Thù Thất Lợi:

- Hay thay! Hay thay! Nay ngươi có thể thuyết pháp thâm sâu và làm **chơn pháp ấn** cho chúng Đại Bồ Tát, cũng làm đại pháp ấn cho Thanh văn, Độc giác và những kẻ tăng thượng mạn v.v…, khiến họ biết như thật: **Những pháp trước đây họ đã thông suốt chẳng phải chơn cứu cánh.**

(Phản biện thứ ba: Mạn Thù nói "Bát Nhã sâu thẳm đối pháp chư Phật, pháp dị sanh thảy chẳng muốn tăng trưởng và điều phục". *Nếu con thấy Phật pháp chơn thật, phải nên suy gẫm, nhưng con chẳng thấy. Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật chẳng do phân biệt các pháp mà sanh khởi, nghĩa là chẳng phân biệt đây là pháp phàm phu, đây là pháp của Thanh*

văn, đây là pháp của Độc giác, đây là pháp của Bồ Tát, đây là pháp của Như Lai. Trong Thắng nghĩa đế không có phân biệt.

Để cổ võ cho những tư tưởng này, Phật bảo đó chính là chơn pháp ấn đối với Nhị thừa khiến họ thật biết những pháp trước đây họ đã thông suốt chẳng phải chơn cứu cánh. Vì nhị thừa biết chúng sanh không nhưng chưa biết pháp không).

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu các thiện nam, thiện nữ nghe pháp thâm sâu này, tâm không chìm mất, cũng chẳng kinh sợ, nên biết người này chẳng phải gieo trồng căn lành với một đức Phật, cho đến ngàn đức Phật, mà nhất định họ **đã gieo trồng căn lành với vô lượng, vô biên đức Phật, mới có thể được nghe Bát Nhã thâm sâu này**, tâm không chìm mất, cũng chẳng kinh sợ.

Đồng tử Mạn Thù Thất Lợi chắp tay cung kính thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con muốn nói lại Bát Nhã thâm sâu, cúi xin Thế Tôn cho phép.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Ngươi muốn nói nữa thì cứ tùy ý.

Mạn Thù Thất Lợi liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn! Nếu kẻ tu Bát Nhã sâu thẳm đối pháp chẳng được là khá trụ, cũng lại chẳng được là chẳng khá trụ, phải biết như vậy Bát Nhã chẳng trụ pháp duyên. Vì cớ sao? Vì **tất cả pháp không sở duyên vậy**.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Phải quán Bát Nhã thâm sâu như vậy, nhưng chẳng hiện quán tánh tướng các pháp, nghĩa là đối với pháp của Phật còn không hiện quán, huống pháp của Bồ Tát; đối với pháp của Bồ Tát còn không hiện quán, huống gì pháp của Độc giác; đối với pháp của Độc giác còn chẳng hiện quán, huống gì pháp của Thanh văn; đối với pháp của Thanh văn còn chẳng hiện quán, huống gì pháp của phàm phu. Vì sao? **Vì tánh tướng của tất cả pháp là xa lìa vậy.**

(Phản biện thứ tư: Tất cả pháp đều ***không sở duyên****. Vì sao? Vì đã nhập vào pháp không, pháp như thì tâm như như bất động. Tâm như như bất động, nên không thấy pháp, không thấy sở duyên mà sanh thức. Cho nên đối với tất cả pháp còn không niệm tưởng, đối với pháp Phật còn*

không hiện quán huống chi pháp của Bồ Tát. Đạt đến chỗ đó thì tánh tướng ***tất cả pháp đều xa lìa****. Không có sở duyên là không còn phân biệt, chấp đắm. Không còn phân biệt, chấp đắm thì không còn nắm bắt cất giữ nữa nên có thể xa lìa sở duyên.*

Phát biểu như thế rồi Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát kết luận: "Tu theo Bát Nhã thâm sâu như thế, đối với tất cả pháp hoàn toàn không thấy có: Đây là Phật pháp, đây chẳng phải Phật pháp, đây nên nghĩ bàn, đây chẳng nên nghĩ bàn. Vì **tất cả pháp không có tánh sai khác**. Nếu các hữu tình tu được Bát Nhã thâm sâu như vậy, **thì thấy tất cả pháp đều là Phật pháp. Vì thuận với Bồ đề, quán tất cả pháp đều chẳng thể nghĩ bàn***(7)***, vì rốt ráo Không... "** *Nếu quán và hành đối với các pháp như vậy chẳng thấy tạp nhiễm, cũng chẳng thấy thanh tịnh. Tuy không thấy gì nhưng nếu siêng năng nhiếp thọ Bát Nhã thì tâm không bao giờ nhàm chán hay mệt mỏi).*

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nương tu Bát Nhã sâu thẳm như thế đối trong các pháp không sở phân biệt. Nghĩa là chẳng phân biệt pháp tánh đây khá nghĩ bàn, chẳng khá nghĩ bàn sai khác, phải biết chúng đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật **đối trong các pháp trọn không phân biệt.**

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Tu theo Bát Nhã như thế, đối với tất cả pháp hoàn toàn không thấy có: Đây là Phật pháp, đây chẳng phải Phật pháp, đây nên nghĩ bàn, đây chẳng nên nghĩ bàn. Vì tất cả pháp không có tánh sai khác. Nếu các hữu tình tu được Bát Nhã như vậy, **thì thấy tất cả pháp đều là Phật pháp. Vì thuận với Bồ đề, quán tất cả pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, vì rốt ráo Không. Các hữu tình này đã từng gần gũi, cúng dường, cung kính hơn trăm ngàn đức Phật, đã gieo trồng căn lành nên mới tu hành Bát nhã Ba la mật được như vậy.**

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam, thiện nữ nghe thuyết Bát Nhã thâm sâu như vậy, tâm không chìm mất, cũng chẳng sợ hãi, thì phải biết trong quá khứ, vị ấy đã từng gần gũi, cung kính, cúng dường hơn trăm ngàn đức Phật, đã từng gieo trồng căn lành nên mới được như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nên quán Bát Nhã thâm sâu như vậy, nếu ai siêng năng tu hành thì đối với các pháp chẳng thấy tạp nhiễm, chẳng thấy thanh tịnh. Tuy không thấy gì nhưng nếu siêng năng tu Bát Nhã thì tâm không bao giờ thấy nhàm chán mệt mỏi.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu tu Bát Nhã như thế thì đối với các pháp của phàm phu, pháp của Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Phật không có tưởng sai khác, vì đã rõ các pháp này rốt ráo Không. Nếu thấu đạt được như vậy thì gọi là chơn tu học Bát Nhã thâm sâu.

Phật hỏi đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Ngươi đã gần gũi cúng dường bao nhiêu đức Phật?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Số lượng đức Phật mà con đã gần gũi cúng dường bằng tâm và tâm sở của người huyễn. Vì tất cả pháp đều như huyễn.

- Mạn Thù Thất Lợi! Ngươi đối với Phật pháp lẽ nào không mong cầu?

- Bạch Thế Tôn! Nay con chẳng thấy có pháp nào chẳng phải Phật pháp thì cầu chỗ nào?

- Mạn Thù Thất Lợi! Ngươi đối với Phật pháp đã thành tựu rồi chăng?

- Bạch Thế Tôn! Con nay đều chẳng thấy pháp khá gọi Phật pháp, thì thành tựu cái gì?

- Mạn Thù Thất Lợi! Ngươi chứng được tánh vô trước rồi ư?

- Bạch Thế Tôn! Con tức là tánh vô trước, lẽ nào tánh vô trước lại chứng đắc vô trước?

(Phản biện thứ năm. Khi Phật hỏi: "Mạn Thù Thất Lợi! Ngươi đối với Phật pháp đã thành tựu rồi chăng? Mạn Thù bèn trả lời: Con nay đều chẳng thấy pháp khá gọi Phật pháp, thì thành tựu cái gì? Phật lại hỏi tiếp: Ngươi chứng được tánh vô trước rồi ư? Mạn Thù: Bạch Thế Tôn! Con tức là tánh vô trước, lẽ nào tánh vô trước lại chứng đắc vô trước?"

Nói là phản biện nhưng chẳng có gì là phản biện hay đảo nghịch ở đây. *Tu đến lúc nào đó thì thấy đâu đâu cũng là pháp Phật, đâu đâu cũng là đạo và chính Phật thú nhận là pháp Phật không do Phật làm ra cũng không do Bồ Tát hay bất cứ ai làm ra. Pháp định pháp trụ pháp nhĩ là như thế. Nếu hiểu đạo thì đạo đầy dẫy khắp trời đất: Đạo trong thân, Đạo ngoài thân, tất cả thanh sắc đều là mắt tuệ Phật).*

- Mạn Thù Thất Lợi! Ngươi sẽ không ngồi tòa Bồ đề?

- Bạch Thế Tôn! Đối với tòa Bồ đề, chư Phật còn không ngồi huống chi con mà ngồi được. Vì sao? Vì tất cả pháp đều lấy thật tế làm định lượng. Ở trong thật tế, chỗ ngồi và người ngồi đều bất khả đắc.

- Mạn Thù Thất Lợi! Sao gọi là thật tế?

- Bạch Thế Tôn! Thật tế phải biết đó là ngụy thân *(thân hư giả)***.**

- Mạn Thù Thất Lợi! Vì sao ngụy thân được gọi là thật tế?

- Bạch Thế Tôn! Thật tế không đến không đi, chẳng chơn chẳng ngụy, tướng thân chẳng thân đều chẳng thể được. Ngụy thân cũng vậy, vậy nên ngụy thân tức là thật tế.

(Tòa Bồ đề không thật, chỉ là giả thi thiết thì ai là người ngồi tòa Bồ đề? Cái gọi là ngụy thân cũng chẳng phải chân, cũng không phải ngụy, chẳng đến chẳng đi, không thể nắm bắt thì cái gọi là chơn như thật tế cũng chẳng có gì khác, chẳng chơn chẳng ngụy, không đến không đi, ***cũng giả thi thiết, bất khả đắc****. Nên nói ngụy thân tức là thật tế. Đây là phản biện cực kỳ táo bạo.*

Thật tế mà xưa nay Kinh thường bảo là cái biên tế cùng cực của mọi sự thật thế gian và cũng nói Nhị thừa chứng thật tế thì vào Niết bàn. Vậy mà ở đây Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát ***bảo ngụy thân tức là thật tế****. Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát "lật úp" tất cả nghĩ tưởng thế gian. Vì sao? Bởi vì, dưới lăng kính như huyễn như hóa của Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát chả có gì là thật, tất cả đều là không, tất cả chỉ là giả thi thiết: Tòa Bồ đề là thi thiết, Phật cũng là thi thiết, giả danh. Nếu không có thi thiết thì không có Phật, không có Tòa Bồ đề. Vậy, ngụy thân, thật tế là thật chăng? Cũng không nốt. Khi không còn phân biệt thì trực ngộ chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, thật tế... tức sống trong chân đế hay đệ nhất nghĩa đế.*

Chẳng có gì là sở hữu, sở đắc ở đây. Đó là một vài thí dụ về lối nói nghịch "mà chúng tôi gọi là phản biện" của Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát. Nhưng chẳng có gì nghịch lý đối với Thánh giả. Phẩm "Hiện Hóa", Q.572, Hội thứ VI nói rằng: "…Tất cả phàm phu thuận theo thế gian, còn người theo đạo lý thì ngược lại thế gian…" *Toàn thể phẩm này đều có lối nói "vặn chéo" hay "nghịch đảo" như vậy đối với phàm phu, đã nhiều đời*

nhiều kiếp thuận dòng thế gian. Nhưng chẳng có gì là phản biện hay hý luận đối với Thánh giả).

Khi ấy, Xá lợi Tử liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ Tát nghe thuyết Bát Nhã như thế mà tâm không chìm mất, cũng chẳng kinh sợ, thì các đại Bồ Tát này nhất định sẽ tới Bồ đề, không còn thối lui nữa.

Khi ấy, Bồ Tát Từ Thị bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát nào nghe thuyết Bát Nhã như vậy mà tâm không chìm mất, cũng chẳng kinh sợ, nên biết các Bồ Tát này đã gần Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì các Bồ Tát này đã hiểu rõ **pháp tánh**, lìa tất cả sự phân biệt như đại Bồ đề vậy.

Mạn Thù Thất Lợi lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ Tát nghe thuyết Bát Nhã này, tâm không chìm mất, cũng chẳng kinh sợ, thì các Bồ Tát này như Phật Thế Tôn, có thể nhận sự cúng dường cung kính của thế gian. Vì sao? Vì đã **giác ngộ thật tánh của tất cả pháp**.

(Hội thứ VI, ĐBN chúng ta vừa tụng xong về chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh… Đến đây, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi thay mặt Phật lặp lại giáo nghĩa của các pháp tối cao này. Một lần nữa chứng minh rằng nếu không hiểu, không thâm nhập được thập nhị chân như "1. Chân như, 2. Pháp giới, 3. Pháp tính, 4. Bất hư vọng tính, 5. Bất biến dị tính, 6. Bình đẳng tính, 7. Li sanh tính, 8. Pháp định, 9. Pháp trụ, 10. Thật tế, 11. Hư không giới, 12. Bất tư nghị giới", thì không thể giác ngộ được.

Thâm nhập được chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng thì chứng Thánh. Nên tu đến mức độ đó thì được xem như sống trong Đệ nhất nghĩa đế tức thoát khỏi vòng tục lụy.

Vì có Tục đế nên mới nói đến Chân đế. Nói như vậy là còn phân biệt tức vẫn còn lẩn uẩn trong vòng nhị nguyên đối đãi. Nhưng Bát Nhã muốn giải thoát chúng sanh thoát ra khỏi sự kiềm tỏa của nhị nguyên. Muốn thế phải vượt qua phàm Thánh tức vượt qua Chân-Tục để đạt đến cái tận không của Đệ nhất nghĩa không. Vậy, muốn chứng Bát Nhã trí thì phải hiểu phần "Mạn Thù Thất Lợi" này phải giải luận theo Đệ nhất nghĩa không trong 18 pháp không theo tinh thần của Tánh Không Bát Nhã.

Tóm lại, giữa Đệ nhất nghĩa đế và Đệ nhất nghĩa không, không hai không khác: Vì có Tục đế nên nói đến Chân đế hay Đệ nhất nghĩa đế. Tiến lên một tầng nữa, muốn vượt nhị nguyên đối đãi, nên phải nói đến Đệ nhất nghĩa không. Đó là quan điểm trọng yếu của Hội thứ VII này cũng là quan điểm trọng yếu của Bát Nhã Tánh không. Vì đối với Bát Nhã nhất thiết pháp đều không hết. Vì vậy, khi luận về Đệ nhất nghĩa không Bồ Tát Long Thọ trong Đại Trí Độ Luận thuyết về 18 pháp không, nói rằng: "**Hết thảy các pháp chẳng lìa Đệ Nhất Nghĩa. Đệ Nhất Nghĩa cũng chẳng lìa các pháp. Thật Tướng các pháp là KHÔNG, là vô tướng, cũng chính là Đệ Nhất Nghĩa Không vậy"***).*

Khi đó, có người nữ tên Vô Duyên Lự chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình nghe thuyết Bát Nhã này, tâm không chìm mất, cũng chẳng kinh sợ, thì các hữu tình này đối với pháp phàm phu, hay pháp Thanh văn, hay pháp Độc giác, hay pháp Bồ Tát hay pháp của Như Lai đều chẳng duyên lự*(8)*. Vì sao? Vì đã thấu rõ tất cả pháp hoàn toàn **vô sở hữu**, duyên lự và bị duyên lự đều bất khả đắc.

Bấy giờ, Phật bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như các ngươi nói, nếu thiện nam, thiện nữ nghe thuyết Bát Nhã thâm sâu này, tâm không chìm mất, cũng chẳng kinh sợ, thì phải biết các thiện nam, thiện nữ này đã trụ bậc Bất thối chuyển, chắc chắn sẽ đến Bồ đề không thối lui.

Xá lợi Tử! Các hữu tình nào nghe thuyết Bát Nhã thâm sâu này, tâm không chìm mất, cũng chẳng kinh sợ, lại hoan hỷ tin ưa, lắng nghe thọ trì, vì người khác thuyết giảng, tâm không nhàm chán.

Các hữu tình này có thể làm những vị thí chủ chơn thật, rộng rãi hơn hết, có thể **bố thí** tất cả của cải quí báu, đầy đủ bố thí Ba la mật.

Các hữu tình này viên mãn **tịnh giới**, đủ chơn tịnh giới, đủ thắng tịnh giới, công đức tịnh giới đều đã viên mãn, đầy đủ tịnh giới Ba la mật.

Các hữu tình này viên mãn **an nhẫn**, đủ chơn an nhẫn, đủ thắng an nhẫn, công đức an nhẫn đều đã viên mãn, đầy đủ an nhẫn Ba la mật.

Các hữu tình này viên mãn **tinh tấn**, đủ chơn tinh tấn, đủ thắng tinh tấn, tinh tấn công đức đều đã viên mãn, đầy đủ tinh tấn Ba la mật.

Các hữu tình này viên mãn **tịnh lự**, đủ chơn tịnh lự, đủ thắng tịnh lự, công đức tịnh lự đều đã viên mãn, đầy đủ tịnh lự Ba la mật.

Các hữu tình này đều đã viên mãn **trí tuệ**, đủ chơn trí tuệ, đủ thắng trí tuệ, công đức trí tuệ đều đã viên mãn, đầy đủ trí tuệ Ba la mật.

Các hữu tình này thành tựu chơn thắng từ, bi, hỷ, xả, cũng có thể vì người khác tuyên thuyết, khai thị Bát Nhã thâm sâu.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Muốn chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ngươi phải quán nghĩa nào?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, con còn không có trụ tâm, huống hồ muốn chứng. Đối với Bồ đề con không mong cầu chứng đắc. Vì sao? Vì Bồ đề tức là con, con tức là Bồ đề thì cầu làm gì?

(Đoạn Kinh này chỉ để giải thích rộng thêm. Phật hỏi Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát: Muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, ngươi phải quán nghĩa nào? *Mạn Thù trả lời không do dự:* "Đối với quả Vô Thượng Bồ đề con không còn chú tâm, huống chi muốn chứng. Bởi vì con không mong cầu. Vì sao? Vì con tức là Bồ đề thì cầu Bồ đề làm gì?"

Một khi hiểu thế nào là chứng hay không chứng, đắc hay không đắc và cũng hiểu quả vị đó từ đâu ra. Biết nguồn gốc, rõ nguyên nhân tức biết kết quả như thấy từ trong xương tủy máu mủ của chính mình. Vì thấu hiểu như thế mới nhập được Bồ đề. Vậy Mạn Thù Thất Lợi là một Bồ đề sống, một Bồ đề có đi đứng nằm ngồi thì cầu Bồ đề làm gì nữa? Một chuỗi dài phản biện từ phản biện này đưa đến phản biện khác rồi chung qui cho là tất cả sự thật đều qui trách ở phân biệt, ở sở hữu, sở đắc, duyên lự. Nếu dứt trừ được các tưởng đó thì đâu đâu cũng là hoa vàng, đâu đâu cũng là Bát Nhã thật tướng).

Phật dạy:

- Đồng tử! Hay thay! Ngươi đã nói được nghĩa lý sâu xa một cách hoàn hảo. Đời trước ông gieo trồng nhiều căn lành với các đức Phật, phát đại nguyện lâu dài, thường nương vào vô đắc, tu hành các phạm hạnh thanh tịnh.

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Nếu kẻ đối các pháp có sở đắc nên nương vô sở đắc tu phạm hạnh thanh tịnh. Con đều chẳng thấy có pháp khả đắc hay bất khả đắc, làm sao nói được năng nương vô đắc tu phạm hạnh thanh tịnh?

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Nay ngươi có thấy Ta là Thanh văn chăng?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy.

Phật dạy:

- Đồng tử! Làm sao ngươi thấy?

- Bạch Thế Tôn! Nay con thấy các Thanh văn chẳng phải phàm phu, chẳng phải Thánh giả, chẳng phải hữu học, chẳng phải vô học, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải không thể thấy, chẳng phải người thấy, chẳng phải chẳng có người thấy, chẳng phải nhiều, chẳng phải ít, chẳng phải nhỏ, chẳng phải to, chẳng phải đã điều phục, chẳng phải chưa điều phục. Con thấy như vậy nhưng không có tưởng thấy.

Khi ấy, Xá lợi Tử liền hỏi Mạn Thù Thất Lợi:

- Đối với Thanh văn thừa mà thấy như vậy thì làm sao Ngài thấy Chánh đẳng giác thừa?

- Đại đức! Nay tôi chẳng thấy Bồ Tát, cũng chẳng thấy pháp của các Bồ Tát, chẳng thấy Bồ đề, cũng chẳng thấy pháp hướng tới Bồ đề, cũng chẳng thấy có hạnh hướng đến Bồ đề, cũng chẳng thấy có pháp chứng đắc Bồ đề, chẳng thấy có người chứng được Bồ đề. Tôi thấy Chánh đẳng giác thừa như vậy, nghĩa là ở trong đó hoàn toàn không thấy chi cả.

(Đây chính là cái thấy của bậc đã chứng Đệ nhất nghĩa không mới có tư tưởng như vậy).

Xá lợi Tử lại hỏi:

- Đối với Như Lai, Ngài thấy thế nào?

- Đại đức! Thôi thôi! Chớ khởi lên ngôn luận đối với Như Lai là bậc Long tượng vương.

- Mạn Thù Thất Lợi! Theo như Ngài thì thế nào là Phật? Làm thế nào quán Phật?

- Nay hỏi lại Đại đức! Theo Đại đức nói thì thế nào là ngã?

Xá lợi Tử đáp:

- Ngã chỉ là giả lập danh tự, tướng của danh tự là Không.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Đúng vậy, đúng vậy! Giống như Ngã chỉ là danh tự, Phật cũng chỉ là danh tự; tướng của danh tự là Không, tức là Bồ đề. Không dùng danh tự để tìm Bồ đề, tướng của Bồ đề vô ngôn vô thuyết. Vì sao? Vì ngôn thuyết, Bồ đề, cả hai đều Không. Lại nữa, Xá Lợi Phất. Ông hỏi thế nào gọi là Phật? Thế nào là quán Phật? Nói Phật ấy là không đến, không đi, không sanh, không diệt, không có sự chứng đắc, không có sự thành tựu, không danh, không tướng, không thể phân biệt, không ngôn ngữ, không nói năng, không thể biểu thị, chỉ có trí tuệ nhiệm mầu tự chứng biết bên trong. Nghĩa là các Như Lai đã biết được tất cả pháp rốt ráo là Không, là vắng lặng nên chứng đại Bồ đề, tùy thuận thế gian giả lập danh tự, nên xưng là Phật, chẳng phải thật có, vì có hay không đều bất khả đắc.

Lại nữa, Đại đức! Như Lai đã chứng trí tuệ nhiệm mầu gọi là Bồ đề, thành tựu Bồ đề nên gọi là Phật. Vì Bồ đề Không, nên Phật cũng Không.

(Nếu được hỏi thế nào là Phật? Làm thế nào quán Phật? Câu trả lời là tùy thuộc sự hiểu biết của cá nhân hay nói theo đạo Phật là tùy thuộc ngã. Nhưng ngã là danh tự. Phật cũng chỉ là danh tự; tướng của danh tự là Không, tức là Bồ đề. Không dùng danh tự để tìm Bồ đề, tướng của Bồ đề vô ngôn vô thuyết. Vì sao? Vì ngôn thuyết, Bồ đề, cả hai đều Không. Như Lai đã biết được tất cả pháp rốt ráo là Không, là vắng lặng nên chứng đại Bồ đề, tùy thuận thế gian giả lập danh tự, nên gọi là Phật, chẳng phải thật có, vì có hay không đều bất khả đắc. Như Lai đã chứng trí tuệ nhiệm mầu gọi là Bồ đề, thành tựu Bồ đề nên gọi là Phật. Vì Bồ đề Không, nên Phật cũng Không.

*Câu trả lời của Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi thật bình thường theo quan niệm của Đệ nhất nghĩa không. **Nói là phản biện hay nghịch lý ở đây là theo quan niệm của phàm phu, đối với Thánh giả chả có gì là phản biện hay nghịch lý**. Tất cả là không, là giả lập. Nhưng chính nhờ giả lập mà chúng ta hiểu Bồ đề, hiểu Phật, hiểu Bát Nhã, hiểu tất cả pháp thế gian và xuất thế gian.*

*Vì ái pháp, kính Phật, nên không ai dám nói Phật là không. Nếu không thấy Phật là không, nếu không dám nói Phật là không, thì cũng không thể đi đến chỗ **tận không**, nói chi đến việc chứng Bát Nhã Trí).*

Xá lợi Tử liền bạch Phật:

- Pháp thâm sâu mà Mạn Thù Thất Lợi đã nói, không phải là cái mà các Bồ Tát sơ học có thể liễu tri được.

Đồng tử Mạn Thù Thất Lợi liền thưa Cụ thọ Xá lợi Tử:

- Những điều tôi nói chẳng phải là cái mà các Bồ Tát sơ học có thể liễu tri, mà cả đến những vị A la hán đã thành xong đạo nghiệp cũng không thể hiểu nổi. Chẳng phải lời tôi nói ra có người hiểu được. Vì sao? Vì tướng Bồ đề chẳng phải nhận biết hay được nhận biết, không thấy, không nghe, không chứng đắc, không nhớ nghĩ, không sanh, không diệt, không thể nói rõ, không thể nghe nhận, tánh tướng của Bồ đề này là Không, là vắng lặng. Các đại Bồ Tát còn chưa hiểu được, huống gì sự hiểu biết của nhị thừa mà hiểu nổi. Tánh tướng của Bồ đề còn không thể nắm bắt, huống chi có người thật chứng Bồ đề.

"Xá Lợi Phất hỏi:

- Mạn Thù Thất Lợi! Đối với pháp giới, lẽ nào Phật không chứng?

- Đại đức! Không phải vậy. Vì sao? **Vì Phật tức pháp giới, pháp giới tức Phật. Pháp giới chẳng lẽ lại chứng pháp giới**. **Pháp giới tức hết thảy các pháp đều không; và tánh Không này là Bồ đề, không hai, không phân biệt**. Bởi vì không hai nên không có trí giải; không có trí giải nên không có ngôn thuyết; không có ngôn thuyết nên không có tướng tác và vô tác, hữu và phi hữu, không có tướng quyết định. Đó là tự tánh của vạn hữu. Sự biểu lộ đây kia chỉ là tạo tác do tâm". *(Q.574, ĐBN)*

*(Đó là giáo pháp vi diệu ở tầng cao làm sao kẻ sơ tâm có thể hiểu được. **Đọc tới đây chúng tôi không muốn nói là phản biện hay nghịch lý nữa**. Chúng ta phải cố gắng thoát khỏi cái võ triền phược của phàm phu mới có thể thực hiện một bức nhảy. Nếu không chúng ta nhiều lắm cũng ở trong tình trạng của những A la hán đã thành xong đạo nghiệp, chẳng thể liễu tri những gì mà Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát đã phát biểu.*

Phật là Bồ đề, Phật là pháp giới. Không lẽ Bồ đề chứng Bồ đề, không lẽ pháp giới lại chứng pháp giới. **"Pháp giới tức hết thảy các pháp đều**

không; và Tánh Không này là Bồ đề, không hai, không phân biệt”. *Đây không những là tư tưởng sâu sắc của Hội thứ VII này mà còn là toàn thể tư tưởng của hệ Bát Nhã nữa. Trong Tánh Không, Bồ đề không, Phật cũng không và pháp nào cao hơn Niết bàn cũng là không nốt. Bởi vì Niết bàn mà Tu Bồ Đề bảo chẳng khác nào như huyễn như hóa, mà huyễn hóa cũng là không. Nên nói Niết bàn là không nốt).*

Lại, Xá Lợi Tử! Tất cả pháp không, nói là pháp giới. Tức pháp giới đây nói là Bồ đề. Pháp giới Bồ đề đều lìa tánh tướng, do đây nên tất cả pháp không. Tất cả pháp không, Bồ đề, pháp giới, đều là cảnh giới Phật, không hai không riêng. Vì không hai không riêng nên chẳng thể hiểu rõ. Vì chẳng thể hiểu rõ nên không có ngôn thuyết. Vì không ngôn thuyết nên chẳng thể thi thiết hữu vi hay vô vi, có hay chẳng có thảy.

(Hãy nhớ câu này: Pháp giới là không, Bồ đề cũng không).

Lại nữa, Xá lợi Tử! Tánh của tất cả pháp cũng không hai, không phân biệt. Vì không hai, không phân biệt nên không thể hiểu rõ. Vì không thể hiểu rõ nên không ngôn thuyết. Vì không ngôn thuyết nên không thể thi thiết. Vì sao? Vì bản tánh các pháp hoàn toàn vô sở hữu, không thể thi thiết đây, kia, vật này, vật nọ.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu tạo vô gián, nên biết tức là tạo ra bất khả tư nghì, cũng là tạo ra thật tế. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì bất khả tư nghì và ngũ vô gián đều là thật tế, tánh không sai khác. Đã không có người tạo thật tế, nên vô gián, bất khả tư nghì đều không thể tạo. Do nghĩa này nên kẻ tạo nghiệp vô gián chẳng đọa vào địa ngục. Kẻ tạo nghiệp bất tư nghì chẳng được sanh lên cõi trời. **Kẻ tạo vô gián chẳng phải chìm trong sanh tử; kẻ tạo bất tư nghì cũng chẳng phải rốt ráo chứng được Niết bàn**. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì bất khả tư nghì và năm vô gián đều trụ thật tế, tánh không sai khác, không sanh, không diệt, không đến, không đi, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải thiện, chẳng phải ác, chẳng phải chiêu cảm cảnh giới ác, chẳng phải cảm nhận cõi trời người, chẳng phải chứng Niết bàn, chẳng phải chìm trong sanh tử. Vì sao? Vì chơn pháp giới chẳng

phải thiện, chẳng phải ác, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, không có trước, không có sau. *(Đó cũng là tư tưởng của Đệ nhất nghĩa không).*

Lại, Xá Lợi Tử! Bí sô phạm trọng*(tội)*chẳng đọa địa ngục, kẻ trì tịnh giới chẳng được sanh cõi trời. Bí sô phạm trọng*(tội)*chẳng chìm sanh tử, kẻ trì tịnh giới chẳng chứng Niết bàn. Bí sô phạm trọng*(tội)*chẳng nên mắng chửi, kẻ trì tịnh giới chẳng nên khen ngợi. Bí sô phạm trọng*(tội)*chẳng nên khinh miệt, kẻ trì tịnh giới chẳng nên cung kính. Bí sô phạm trọng tội chẳng nên chống trái, kẻ trì tịnh giới chẳng nên hòa hợp. Bí sô phạm trọng tội chẳng nên xa lìa, người giữ tịnh giới chẳng nên thân cận. Bí sô phạm trọng tội chẳng nên giảm khinh, người giữ tịnh giới chẳng nên gia trọng. Bí sô phạm trọng tội chẳng phải không đáng cúng dường, người giữ tịnh giới chẳng phải đáng cúng dường. Bí sô phạm trọng tội chẳng phải tăng trưởng lậu hoặc, người giữ tịnh giới chẳng phải tổn giảm lậu hoặc. Bí sô phạm trọng tội chẳng phải không thanh tịnh, người giữ tịnh giới chẳng phải chắc chắn thanh tịnh. Bí sô phạm trọng tội chẳng phải không có tịnh tín, người giữ giới thanh tịnh chẳng phải có tịnh tín. Bí sô phạm trọng tội chẳng phải cấm nhận của tín thí, người giữ giới thanh tịnh chẳng phải nhất định được nhận của tín thí. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì trong chơn pháp giới, tánh của giữ giới và phạm giới đều bình đẳng không sai khác vậy. *(Q.574, "Mạn Thù Thất Lợi Phần")*

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các loại dị sanh *(phàm phu)* gọi kẻ hòa hợp, Bí sô hết lậu gọi chẳng hòa hợp.

- Mạn Thù Thất Lợi! Ngài nương nghĩa nào mà nói như vậy?

- Đại đức! Dị sanh cùng với sanh nhân hợp gọi kẻ hòa hợp. Các A la hán không có nghĩa như thế gọi chẳng hòa hợp. Tôi nương nghĩa này mà nói như vậy.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các loại dị sanh gọi kẻ vượt sợ hãi, Bí sô hết lậu gọi chẳng vượt sợ hãi

- Mạn Thù Thất Lợi! Ngài nương nghĩa nào mà nói như thế?

- Đại đức! Dị sanh đối pháp nên sợ chẳng sanh sợ hãi, gọi kẻ vượt sợ. Các A la hán biết pháp nên sợ thật vô sở hữu, không sợ nên vượt. Tôi nương nghĩa này nên nói như thế.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các hàng phàm phu đạt được Vô diệt nhẫn, còn các chúng Bồ Tát đạt được Vô sanh nhẫn. Các loại dị sanh được vô diệt nhẫn, còn chúng Bồ Tát được vô sanh nhẫn.

- Mạn Thù Thất Lợi! Ngài nương nghĩa nào mà nói như thế?

- Đại đức! Dị sanh chẳng muốn tịch diệt, được gọi là Vô diệt nhẫn, các chúng Bồ Tát chẳng thấy pháp sanh, được gọi là Vô sanh nhẫn. Tôi dựa vào nghĩa này mà nói như thế.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các loại dị sanh gọi kẻ điều phục, Bí sô hết lậu gọi chẳng điều phục.

- Mạn Thù Thất Lợi! Ngài nương nghĩa nào mà nói như thế?

- Đại đức! Vì hàng dị sanh chưa điều phục cần điều phục nên gọi là kẻ điều phục. Còn các A la hán đã hết lậu hoặc, kiết sử, không cần điều phục nên gọi là chẳng điều phục. Tôi dựa vào nghĩa này mà nói như thế.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Hàng dị sanh tăng thượng mạn nên cho là chẳng cần tu. Còn bí sô cho mình còn kém cỏi, nên cần tu hành.

- Mạn Thù Thất Lợi! Ngài nương nghĩa nào mà nói như thế?

- Đại đức! Tâm dị sanh cống cao, hành động trái pháp giới, gọi là kẻ có tâm tăng thượng, nên cho là chẳng cần tu hành. Các A la hán tâm khiêm hạ, hành nghiệp thuận với pháp giới, cho tâm mình còn kém cỏi nên cần phải tu hành. Tôi nương nghĩa này mà nói như thế.

Xá lợi Tử khen Mạn Thù Thất Lợi:

- Hay thay! Hay thay! Ngài đã giải thích cho tôi một cách hoàn hảo ý nghĩa sâu kín này.

Mạn Thù Thất Lợi trả lời:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Đại đức! Chẳng những tôi giải thích nghĩa của mật ngữ này, mà tôi cũng chính là chơn A la hán đã hết tất cả lậu. Vì sao? Vì tôi cùng các Thanh văn Độc Giác đối với các ưa muốn đều chẳng khởi nữa nên gọi hết lậu chơn A la hán.

(Tất cả sự khác biệt giữa ngu phu dị sanh và Thánh giả là vậy. Thánh giả lúc nào cũng nghịch dòng thế gian. Nếu rõ biết như thế tu hành theo Thánh pháp thì tránh được lỗi lầm, có thể mở trói mà được giải thoát).

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Có lý do nào mà nói Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề, chẳng chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Cũng có lý do Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề nhưng chẳng chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nghĩa là trong Bồ đề không có chút pháp nào gọi là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nhưng tánh của chơn Bồ đề vẫn không sai khác, chẳng phải hễ ngồi là có thể chứng còn chẳng ngồi được liền bỏ. Do yếu tố này nên có thể nói Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề, nhưng chẳng chứng Bồ đề, vì Bồ đề không tướng nên không thể chứng.

Mạn Thù Thất Lợi lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tức là ngũ nghịch; ngũ nghịch kia tức là Bồ đề này. Vì sao? Vì Bồ đề và ngũ nghịch đều giả thi thiết, tánh Bồ đề chẳng phải thật có, chẳng chứng được, chẳng thể tu tập, chẳng thể hiện thấy. Ngũ nghịch kia cũng lại như vậy. Vả lại, bản tánh của tất cả pháp rốt ráo không thể hiện thấy, ở trong ấy không có sự giác ngộ, không có người giác ngộ; không thấy, không có người thấy; không biết, không có người biết; không có sự phân biệt, không có người phân biệt; bình đẳng, lìa tướng nên gọi là Bồ đề. Tánh ngũ nghịch cũng lại như vậy, do đây Bồ đề chẳng thể chứng được. Kẻ nào nói có thể chứng được, tu tập và hiện thấy rõ đại Bồ đề là kẻ tăng thượng mạn.

(Chúng ta có thể tìm thấy những lời như vậy bất cứ nơi nào nếu có pháp nhãn như Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát. Nói ngũ nghịch cũng do Mạn Thù nói, Bồ đề cũng do Mạn Thù thuyết. Bồ đề là giác ngộ, ngũ nghịch là tối tăm mờ mịt. Bây giờ, Mạn thù Thất Lợi nói ngũ nghịch tức Bồ đề, Bồ đề tức ngũ nghịch không khác. Giác ngộ với tối tăm mờ mịt chẳng hai chẳng khác. Thật quá trái lẽ, nhưng chẳng có gì đáng ngạc nhiên, trong Đệ nhất nghĩa không. Một khi chúng ta hiểu Đệ nhất nghĩa không tức các pháp xuất thế gian và các hàm ngụ của nó như thế nào, thì không còn phân biệt, nên có thể thâm nhập tư tưởng của Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát).

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Nay ngươi gọi Ta là Như Lai ư?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải. Bạch Thiện Thệ! Chẳng phải. Con chẳng gọi Phật là Như Lai thật. Vì sao? Bởi Như Lai dùng trí vi diệu chứng được Như như*(cái như tính của vạn hữu hay chơn như thật tướng của các pháp)*. Diệu trí và Như như cả hai đều lìa tướng. Như như lìa tướng chẳng gọi là Như như. Diệu trí cũng vậy, chẳng gọi là diệu trí. Đã không có diệu trí và không có Như như cho nên Như Lai cũng chẳng phải Như như. Vì sao? Vì **Như như và diệu trí chỉ giả thi thiết**. Như Lai cũng vậy, chẳng phải là hai, chẳng phải không hai. Thế nên diệu trí, Như như hay Như Lai chỉ có giả danh không thật, nên chẳng gọi Phật là thật Như Lai.

*(Không có giả danh, không có thi thiết thì không có Như Lai, không có Phật. Vì vậy, trong phần giới thiệu về Hội này, chúng tôi phát biểu: Tất cả những gì chúng ta thọ dụng từ trước đều bị "lật úp" bởi những tư tưởng đảo nghịch ở đây. Chính cái đảo nghịch đáng yêu này làm cho chúng ta "tỉnh" đúng như câu nói của Phật "*Những pháp trước đây họ -Thanh văn và Độc giác- đã thông suốt chẳng phải chơn cứu cánh". *Đó là Phật nói cho hàng La hán hay Độc giác Bồ đề chớ không phải nói cho kẻ sơ cơ như chúng ta. Bây giờ, chúng ta mới hiểu ra rằng* ***đối với 18 pháp không, chẳng có gì chẳng không. Rốt ráo tất cả đều không hết****!)*

Phật bảo Đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Ngươi không nghi ngờ về Như Lai ư?

- Bạch Thế Tôn! Không. Bạch Thiện Thệ! Không phải vậy. Vì sao? Con quán Như Lai thật bất khả đắc, không sanh, không diệt nên không có sự nghi ngờ.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Chẳng lẽ Như Lai không xuất hiện ở thế gian?

- Bạch Thế Tôn! Không. Bạch Thiện Thệ! Không phải vậy. Nếu chơn pháp giới xuất hiện ở thế gian, thì có thể nói Như Lai xuất hiện ở thế gian. Vì chẳng phải chơn pháp giới xuất hiện ở thế gian, cho nên Như Lai cũng chẳng xuất hiện.

- Mạn Thù Thất Lợi! Ngươi cho rằng hằng hà sa số chư Phật đã nhập Niết bàn rồi chăng?

- Bạch Thế Tôn! Lẽ nào chẳng thấy chư Phật Như Lai đồng một tướng cảnh giới chẳng nghĩ bàn?

- Mạn Thù Thất Lợi! Đúng vậy! Đúng như ông nói, chư Phật Như Lai đồng một tướng cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Mạn Thù Thất Lợi bạch Phật:

- Nay đức Phật Thế Tôn đang trụ ở đời chăng?

Phật dạy:

- Như vậy.

Mạn Thù Thất Lợi bèn thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Phật Thế Tôn hiện trụ đời, chư Phật Thế Tôn như số cát Căng già lẽ cũng trụ đời. Vì sao? Vì tất cả Như Lai đồng một tướng cảnh giới chẳng nghĩ bàn vậy. Tướng chẳng nghĩ bàn không sanh không diệt, làm sao chư Phật có vào Niết bàn? Vậy nên, Bạch Thế Tôn! Nếu vị lai sẽ có Phật ra đời, tất cả Như Lai đều sẽ ra đời. Nếu quá khứ Phật đã vào Niết bàn, tất cả Như Lai đều đã diệt độ. Nếu hiện tại Phật hiện chứng Bồ đề, tất cả Như Lai đều ưng hiện chứng. Vì sao? Vì trong chẳng nghĩ bàn có bao chư Phật khứ lai hiện tại không sai khác vậy. Nhưng thế gian mê lầm chấp đắm các thứ hý luận bảo rằng Phật Thế Tôn có sanh, có diệt, có chứng Bồ đề.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Pháp mà ngươi nói chỉ có Như Lai hoặc Bồ Tát Bất thối chuyển hay đại A la hán mới hiểu rõ được, ngoài ra chẳng ai hiểu nổi. Vì sao? Vì chỉ các Như Lai nghe pháp sâu xa này, như thật hiểu rõ, chẳng khen, chẳng chê, biết tâm hay phi tâm đều bất khả đắc. Vì sao? **Vì tánh của tất cả pháp đều bình đẳng, tâm và phi tâm đều bất khả đắc. Do đây nên không khen, không chê pháp này.**

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đối pháp thậm thâm này ai sẽ khen chê?

Phật dạy:

- Đồng Tử! Hữu tình kia như vậy tâm chẳng thật, tâm đồng tâm Phật, tánh chẳng thể nghĩ bàn.

Man Thù Thất lợi bạch Phật:

- Bạch Thế tôn! Hữu tình tâm đồng tâm Phật, tánh chẳng nghĩ bàn ư?

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi:

- Đồng Tử! Như vậy, như ngươi đã nói. Vì sao? Vì Phật, hữu tình, tâm và tất cả pháp thảy đều bình đẳng chẳng nghĩ bàn vậy.

(Không ai ở thế gian này thấy Phật, hữu tình, tâm và tất cả pháp thảy ***đều bình đẳng chẳng thể nghĩ bàn****. Chỉ có ai hiểu được thắng nghĩa đế hoặc Đệ nhất nghĩa không. Thắng nghĩa đế là pháp chân thật, bất biến, không đổi dời còn gọi là Chân đế, khác với Tục đế là biến dịch đổi dời, do ý thức cảm thọ mà ra. Trong chân pháp giới tất cả pháp đều bình đẳng. Chúng ta cũng biết rằng Chơn như cũng là không, bình đẳng cũng không. Vượt qua Tục đế và Chân đế thì được gọi là Đệ nhất nghĩa không. Trong Đệ nhất nghĩa không không có tội hay phước, tất cả đều không. Nên Bồ Tát Long Thọ trong Đại Trí Độ Luân nói:* **"... Đệ Nhất Nghĩa Không là Thật Tướng của hết thảy các pháp, chẳng thể phá, chẳng thể hoại. Vì sao? Vì hết thảy các pháp ở nơi Thật Tướng, đều là KHÔNG, chẳng có thể thọ, chẳng có thể chấp vậy. Nếu có thọ, có chấp là hư dối, là chẳng phải thật. Lại nữa, Đệ nhất nghĩa không là nghĩa Niết bàn Giải Thoát"**. *Bất cứ chúng sanh nào đạt được cái thấy biết như vậy thì nên lễ lạy cúng dường như lễ lạy cúng dường Thế Tôn).*

(Hữu tình giới cũng bất khả tư nghì)

Mạn Thù Thất Lợi lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Phật, hữu tình, tâm và tất cả pháp thảy đều bình đẳng, chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho các bậc Thánh hiền cầu Niết bàn, siêng tu tinh tấn, há chẳng uổng công. Vì sao? Vì tánh chẳng thể nghĩ bàn và tánh Niết bàn không sai khác thì cầu làm gì! Nếu có kẻ nói: Pháp phàm phu này và pháp của Thánh giả đây có tướng khác nhau, thì nên biết kẻ ấy chưa từng gần gũi bạn lành chơn tịnh, nói như vậy làm cho hữu tình chấp vào hai pháp khác nhau, đắm chìm trong sanh tử, chẳng chứng Niết bàn.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Ngươi muốn Như Lai là bậc tối thắng đối với loài hữu tình chăng?

- Bạch Thế Tôn! Nếu thật có hữu tình thì con nguyện Như Lai sẽ là bậc tối thắng. Nhưng vì loài hữu tình thật bất khả đắc.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Ngươi muốn Phật thành tựu pháp chẳng thể nghĩ bàn không?

- Bạch Thế Tôn! Nếu thật có pháp chẳng thể nghĩ bàn để thành tựu thì con nguyện Như Lai thành tựu pháp ấy, nhưng không có việc ấy.

(Trong pháp không, tất cả pháp đều bình đẳng: Phật, hữu tình, tâm và tất cả pháp thảy đều bình đẳng. Pháp bình đẳng không phải Phật làm ra, không ai làm ra, không thể tu, không thể đắc, cầu chỉ uổng công. Nên nói là bất khả tư nghì. Những ai nghe nói pháp như vậy mà không kinh không sợ là những người có căn tánh Đại thừa, có thể tu học Bát nhã Ba la mật).

(Tướng điều phục và tướng phước điền cũng bất khả tư nghì)

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Ngươi muốn Như Lai thuyết pháp điều phục các đệ tử không?

- Bạch Thế Tôn! Nếu có sự **thuyết pháp mà điều phục được chơn như pháp giới**, thì con nguyện Như Lai thuyết pháp điều phục các chúng đệ tử. **Nhưng Phật Thế Tôn hiện ra ở đời đối loại hữu tình trọn không ơn đức**. Vì sao? Vì các loại hữu tình trụ chơn như pháp giới không có tạp nhiễm. Đối trong giới đây, phàm phu Thánh giả năng thuyết năng thọ đều bất khả đắc.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Ngươi muốn Như Lai là **chơn ruộng phước vô thượng** của thế gian không?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! **Nếu các ruộng phước là thật có** thì con cũng muốn Phật là bậc Vô thượng của họ. Nhưng các ruộng phước thật bất khả đắc. Thế nên chư Phật đều chẳng phải ruộng phước, chẳng phải phi ruộng phước. **Vì tánh của phước, chẳng phải phước và tất cả pháp đều bình đẳng**. Nhưng người làm ruộng phước cho thế gian có khả năng vô tận nên thế gian nói chung gọi vị ấy là ruộng phước vô thượng. Chư Phật Thế Tôn chứng được phước vô tận, thế nên có thể nói Ngài là ruộng phước vô thượng. Vả lại, người làm ruộng phước cho thế gian không có sự chuyển biến, nên đời gọi chung người ấy là ruộng phước vô thượng. Chư Phật Thế Tôn chứng phước vô tận, vậy nên phải gọi vô thượng phước điền.

Lại nữa, người làm ruộng phước cho thế gian khó nghĩ, nên đời gọi chung vị ấy là Vô thượng điền. Chư Phật Thế Tôn chứng được phước khó

nghĩ này, cho nên gọi là Vô thượng phước điền. Chư Phật tuy thật là ruộng phước Vô thượng nhưng người gieo trồng phước thì không bớt, không thêm.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Ngươi dựa vào nghĩa nào mà nói như vậy?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! **Tướng ruộng phước của Phật không thể nghĩ bàn, nếu có người gieo trồng vào trong đó năng hiểu rõ được pháp tánh bình đẳng, thông đạt tất cả pháp không tăng, không giảm, nên Phật thật là ruộng phước vô thượng.**

(Còn sống trong vòng luân hồi sanh tử trong ba cõi sáu đường là còn thấy có tội có phước. Khi nhập được pháp không, pháp như, biết tất cả pháp đều bình đẳng, là sống trong đệ nhất nghĩa đế mà Đệ nhất nghĩa đế cũng không, tức chứng Thánh, thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử, không thấy tội không thấy phước thì ai làm ruộng phước cho ai? Nên nói tội-phước cũng không. Đó cũng chính là Đệ nhất nghĩa không. Đến đây ngôn ngữ đoạn, bặt hý luận, tâm hành dứt, vạn duyên buông hết, mảy trần còn không, tâm như như bất động. Biết tất cả pháp đều không rồi thì được tâm thanh tịnh, tuệ thanh tịnh. Đến chỗ này thì không thể nói: "Những phát biểu của Thánh giả là nghịch hay không nghịch nữa". Vì còn phân biệt pháp xuất thế gian với pháp thế gian mới nói có thuận có nghịch, trong Đệ nhất nghĩa đế hay Đệ nhất nghĩa không không có phân biệt, tất cả đều như như bất động).

Bấy giờ, nhờ thần lực và pháp lực của Phật làm cho đại địa biến động sáu cách. Khi đó, trong chúng hội có mười sáu ức chúng đại Bí sô dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Bảy trăm Bí sô ni, ba ngàn cư sĩ nam, bốn vạn cư sĩ nữ, sáu mươi muôn ức chúng trời cõi Dục xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Khi ấy, A nan Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo y che vai trái, gối phải quì sát đất, chắp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà hôm nay đại địa biến động sáu cách như vậy?

Phật bảo A nan Đà:

- Do Diệu Cát Tường *(tên khác của Mạn Thù Thất Lợi)* nói về tướng ruộng phước. Nay Ta ấn chứng nên hiện điềm này. Chư Phật quá khứ cũng nói tướng ruộng phước tại nơi này, khiến cho đại địa biến động, nên lúc này hiện lên sự việc như vậy.

Quyển 575

Bấy giờ, Xá lợi Tử thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Mạn Thù Thất Lợi thật không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì pháp tướng mà Mạn Thù Thất Lợi đã thuyết không thể nghĩ bàn.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Pháp mà ngươi thuyết thật khó nghĩ bàn, như cụ thọ Xá lợi Tử đã nói.

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Pháp mà con thuyết không thể nói là có thể nghĩ bàn, cũng không thể nói không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tánh của không thể nghĩ bàn và có thể nghĩ bàn đều vô sỡ hữu, chỉ là lời nói diễn đạt. Tất cả tướng trạng của tiếng nói không phải là nghĩ bàn được cũng không phải là không thể nghĩ bàn được. Vì đối với tất cả pháp tự tánh đều xa lìa. Người nào nói như vậy mới gọi là nói không thể nghĩ bàn.

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi:

- Đồng tử! Nay ngươi đang nhập vào Tam ma địa Bất khả tư nghì ư?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con không nhập vào Tam ma địa này. Vì sao? Vì con hoàn toàn chẳng thấy tánh Tam ma địa này khác với con, vì chẳng thấy có tâm suy gẫm của con và định đây vậy. Tam ma địa Bất khả tư nghì ấy, tánh của tâm và phi tâm đều không nhập được, thì làm sao có thể nói con nhập vào định này?

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Xưa kia khi mới học, con có tác ý nhập vào Tam ma địa này. Nhưng bây giờ con không còn tác ý nhập vào định này nữa. Giống như người bắn giỏi, lúc mới học bắn phải tập ngắm kỹ vào những đích thô rồi kéo cung. Nhưng tập lâu ngày thành thạo, có thể bắn trúng đích nhỏ như đầu sợi lông, chẳng cần ngắm đích thô kia nữa, hễ muốn bắn chỗ nào, buông mũi tên bay ra là trúng ngay. Cũng vậy, trước

đây khi con mới học định này cần phải buộc niệm vào chỗ bất tư nghì, sau đó mới có thể nhập vào định này. Tu tập lâu ngày thành thục, ở trong định này chẳng còn buộc tâm, mặc cho nó thường trụ. Vì sao? Vì con đã thiện xảo đối với định này, tuần tự vào ra không còn tác ý.

Khi ấy, Xá lợi Tử liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con nhận thấy Đồng tử Mạn Thù Thất Lợi này chưa thể thủ hộ niềm tin. Vì sao? Dường như Ngài không thường trụ ở trong định này, tuy nhiên không có định nào khác nhiệm mầu vắng lặng so với định này.

Mạn Thù Thất Lợi liền thưa với Cụ Thọ Xá lợi Tử:

- Đại đức! Làm sao biết không có định nào khác vắng lặng như định này?

Xá lợi Tử nói:

- Lẽ nào lại có định khác vắng lặng như định này?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Đại đức! Nếu định này khá được, nên nói định khác vắng lặng đồng với định này, nhưng định này cũng bất khả đắc.

Xá lợi Tử nói:

- Mạn Thù Thất Lợi! Lẽ nào định này cũng bất khả đắc?

- Đại đức! Định này thật chẳng khá được. Vì sao? Vì tất cả định khá nghĩ bàn có tướng khá được, còn định không thể nghĩ bàn không tướng khá được. Định này đã được gọi là không thể nghĩ bàn cho nên chắc chắn phải chẳng khá được. Đối với định không thể nghĩ bàn này, tất cả hữu tình không ai mà không chứng được. Tại sao? Vì tướng tất cả tâm tức không phải là không thể nghĩ bàn được. Thế nên tướng tất cả chúng sanh và tướng tam muội không thể nghĩ bàn bình đẳng nhau không có sai biệt.

Phật khen đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Hay thay! Hay thay! Mạn Thù Thất Lợi, trong quá khứ ngươi đã ở chỗ vô lượng đức Phật gieo trồng căn lành, phát nguyện lớn lâu dài, đã tu phạm hạnh, **đều dựa vào sự vô đắc** nên nói ra lời gì đều mang ý nghĩa sâu xa. Mạn Thù Thất Lợi! Lẽ nào nếu chẳng phải là người đã từng trụ Bát Nhã thâm sâu đều có thể nói được ý nghĩa sâu xa như vậy?

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu do trụ Bát Nhã thâm sâu mà con nói được như vậy, thì tức trụ vào ngã tưởng và trụ vào hữu tưởng. Nếu trụ ngã

tưởng và trụ hữu tưởng mà nói được như vậy, thì Bát Nhã thâm sâu cũng có chỗ trụ. Nếu Bát Nhã thâm sâu có chỗ trụ thì Bát Nhã thâm sâu cũng lấy ngã tưởng và lấy hữu tưởng làm chỗ trụ. Nhưng Bát Nhã thâm sâu xa lìa hai tưởng, trụ vô sở trụ. Như chư Phật trụ chỗ vắng lặng, nhiệm mầu, không khởi, không tác, không động, không chuyển, lấy đó làm chỗ trụ. Bát Nhã thâm sâu chẳng trụ pháp có, chẳng trụ pháp không, nên chỗ trụ này không thể nghĩ bàn. Bát nhã Ba la mật thâm sâu chẳng trụ hữu pháp, chẳng trụ vô pháp, nên sở trụ đây chẳng thể nghĩ bàn.

Bát nhã Ba la mật thâm sâu đối tất cả pháp đều chẳng hiện hành. Phải biết Bát Nhã thâm sâu tức là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Cảnh giới không nghĩ bàn tức là pháp giới. Pháp giới tức là cảnh giới chẳng hiện hành. Phải biết cảnh giới chẳng hiện hành là cảnh giới không nghĩ bàn, cũng tức là Bát Nhã thâm sâu.

Bát Nhã thâm sâu, ngã giới, pháp giới, không hai, không khác; không hai, không khác tức là pháp giới. Pháp giới tức là cảnh giới chẳng hiện hành. Cảnh giới chẳng hiện hành nên biết đó chính là Bát Nhã thâm sâu.

Bát Nhã thâm sâu phải biết tức là cảnh giới không nghĩ bàn. Cảnh giới không nghĩ bàn phải biết tức là cảnh giới chẳng hiện hành. Cảnh giới chẳng hiện hành phải biết là cảnh giới vô sở hữu. Cảnh giới vô sở hữu phải biết tức là cảnh giới vô sanh diệt. Cảnh giới vô sanh diệt phải biết tức là cảnh giới chẳng nghĩ bàn. Cảnh giới chẳng nghĩ bàn và cảnh giới của Như Lai, cảnh giới ngã, cảnh giới các pháp đều không hai, không khác.

Vậy nên, bạch Thế Tôn! Nếu tu hành Bát nhã Ba la mật được như thế, đối đại Bồ đề lại chẳng cầu chứng. Vì cớ sao? Vì <u>Bát nhã Ba la mật sâu thẳm tức Bồ đề vậy.</u>

Bạch Thế Tôn! Nếu thật biết cảnh giới ngã tức biết vô trước. Nếu biết vô trước tức biết vô pháp. Nếu biết vô pháp tức là Phật trí. Trí tức là trí chẳng nghĩ bàn. Phải biết trí Phật không có pháp nào đáng để biết, gọi là chẳng biết pháp. Vì sao? Vì trí này tự tánh hoàn toàn vô sở hữu.

Pháp vô sở hữu làm sao có thể chuyển được chơn pháp giới? Tự tánh của trí này đã không sở hữu tức là không có chấp trước. Nếu

không có chấp trước tức bản thể chẳng phải trí. Nếu bản thể chẳng phải trí tức là không có cảnh giới. Nếu không có cảnh giới tức không có chỗ dựa. Nếu không có chỗ dựa tức vô sở trụ. Nếu vô sở trụ tức vô sanh diệt. Nếu vô sanh diệt tức bất khả đắc. Nếu bất khả đắc tức không có chỗ để hướng tới. Đã không có chỗ hướng tới, thì trí này không thể tạo các công đức, cũng không thể tạo phi công đức. Vì sao? Vì trí này không suy nghĩ việc tạo công đức hay tạo phi công đức.

Trí không suy nghĩ là trí không thể nghĩ bàn. Trí không thể nghĩ bàn tức là trí Phật. Vì vậy, trí này không có sự chấp thủ, cũng chẳng chấp thủ tất cả pháp, cũng chẳng phải ngằn trước, chẳng phải ngằn giữa hay ngằn sau, chẳng phải trước đã sanh, chẳng phải trước chưa sanh, không xuất hiện không chìm mất, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, lại không có trí nào khác sánh với trí này.

Do đây, trí này không thể nghĩ bàn, đồng với hư không, chẳng thể so sánh, không đây, không kia, chẳng phải đẹp, chẳng phải xấu. Đã không có trí nào khác sánh với trí này được, cho nên trí này không có sự ngang bằng và chẳng có trí nào ngang bằng. Do đây nên gọi trí này là Vô đẳng đẳng. Lại không có trí nào khác có thể nắm bắt đối với trí này. Vậy trí này vô đối, bất đối. Do đây nên gọi là trí Vô đối đối.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Diệu trí như vậy không thể động ư?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Diệu trí như thế tánh chẳng thể động. **Như thợ rèn vàng, đốt luyện khối vàng đã được tinh thục, cân lượng không động. Trí đây cũng thế, tu lâu thành thục, không tác không chứng, không sanh không tận, không khởi không chìm, yên vững không động.**

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Ai có thể tin hiểu được diệu trí này?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu thường chẳng hành pháp vào Niết bàn, đối pháp sanh tử cũng chẳng hành, đối hạnh tà kiến hành vắng lặng, đối hạnh vào Niết bàn hành không động. Chẳng dứt tham dục giận dữ ngu si, cũng chẳng phải chẳng dứt.

(Đạt được trạng thái vô thức vô niệm vô tâm như vậy là chứng Thánh. Thánh giả thì không dùng thức mà có sẵn diệu trí, sẵn sàng phát khởi diệu dụng vô tỷ vô đối. Nên gọi là trí vô đối đối, không thể nghĩ bàn. Phàm phu làm sao thấy được biết được mà luận bàn).

Phật khen đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Hay thay! Hay thay! Ngươi nói việc này một cách đúng đắn.

Bấy giờ, cụ thọ Đại Ca Diếp Ba*(9)* ở trước Phật bạch:

- Bạch Thế Tôn! Trong tương lai, ai có thể tin hiểu, tu học nghĩa lý thâm sâu của pháp và Tỳ nại da này?

(Tại sao phải học Bát nhã Ba la mật?)

Phật bảo cụ thọ Đại Ca Diếp Ba:

- Đời vị lai, chúng Bí sô v.v… trong hội này đều sẽ tin hiểu, lãnh thọ, tu học nghĩa lý thâm sâu của pháp và Tỳ nại da đã thuyết này, cũng có thể vì người khác giảng nói và truyền bá. Như đại trưởng giả bị mất ngọc vô giá. Tâm luôn khổ não, buồn rầu, chẳng vui. Sau đó gặp lại, vui mừng hớn hở. Hôm nay, chúng Bí sô v.v… trong hội này cũng như vậy, nghe Bát Nhã thâm sâu tin hiểu, tu học, sau không được nghe thuyết pháp môn này nữa, tâm luôn khổ não, buồn rầu, đều nghĩ: Chẳng biết chừng nào chúng ta sẽ được nghe lại pháp thâm sâu này. Sau đó, nếu được nghe pháp môn này sẽ vui mừng hớn hở, lại nghĩ: Hôm nay ta được nghe Kinh điển này tức là được gặp Phật, gần gũi cúng dường. Như cây Viên Sinh mới đâm chồi, chư Thiên trời thứ Ba mươi ba vui mừng hớn hở nghĩ: Chẳng bao lâu cây này sẽ nở hoa, hương thơm ngào ngạt, chúng ta tha hồ dạo xem. Chúng Bí sô cũng lại như vậy, nghe Mạn Thù Thất Lợi rồi tin thọ tu hành nên sanh hoan hỉ, chẳng bao lâu, tất cả pháp của Phật sẽ được hiển bày.

Ẩm Quang *(Ca diếp ba)* nên biết! Đời vị lai, chúng Bí sô v.v… nếu nghe Bát Nhã thâm sâu này tin hiểu, tu hành, tâm chẳng quên mất, tất ở trong hội đây đã được lắng nghe, vui vẻ thọ trì, giảng nói truyền bá. Nên biết các vị ấy do nghe pháp này, vui mừng hớn hở, tín thọ phụng hành, chẳng bao lâu, tất cả pháp của Phật sẽ được hiển bày. Sau khi Như Lai diệt độ, nếu vị nào thọ trì, giảng nói, truyền bá Kinh điển này, phải biết người

ấy nhờ sức oai thần của Phật gia hộ, khiến cho mọi việc của họ đều được thành tựu.

Ẩm Quang nên biết! Vị nào nghe Bát Nhã vui mừng thọ trì, vị ấy đời quá khứ đã ở chỗ vô lượng đức Phật gieo trồng nhiều căn lành, đã được lắng nghe, chứ chẳng phải mới gặp hôm nay. Như kẻ đào ngọc bỗng nhiên gặp được ngọc Mạt ni vô giá sanh vui mừng lớn. Phải biết kẻ ấy từng thấy ngọc này nên sanh vui mừng, chẳng phải nay mới thấy. Như vậy đời vị lai các Bí sô v.v… thâm tâm ưa thích, lắng nghe chánh pháp, bỗng gặp được Bát nhã Ba la mật vui mừng lắng nghe, tin thọ, tu học. Phải biết ngày trước những vị ấy đã từng ở chỗ vô lượng đức Phật nghe Kinh này, chẳng phải ở thời này mới được nghe.

Ẩm Quang nên biết! Nếu các thiện nam, thiện nữ nghe Diệu Cát Tường *(Mạn Thù Thất Lợi)* thuyết Bát nhã Ba la mật vui mừng hớn hở, thích nghe không chán, lại thường ân cần cầu thỉnh thuyết giảng lại, thì các thiện nam, thiện nữ này trong quá khứ đã theo Mạn Thù Thất Lợi nghe thuyết Bát nhã Ba la mật, vui vẻ thọ trì, tin hiểu tu học, cũng đã từng gần gũi Mạn Thù Thất Lợi cúng dường, cung kính, nên được như vậy. Thí như có người gặp dịp vào thành ấp. Người ấy đã dạo xem qua tất cả vườn rừng, ao hồ, nhà cửa, người, vật trong đó. Thời gian sau, đi ở chỗ khác, người ấy nghe có người khen trong thành ấp này đã có nhiều thắng cảnh đẹp, liền vui mừng, xin người kia kể lại. Nếu được nghe nữa, vui mừng càng gấp bội. Bởi vì trước đây người ấy đã được thấy. Cũng vậy, đời sau các thiện nam, thiện nữ nghe Diệu Cát Tường thuyết Bát Nhã vui vẻ, thích nghe, không nhàm chán, lại ân cần thỉnh nói lại nghĩa lý thâm sâu. Nghe rồi khen ngợi, càng vui mừng hơn. Phải biết những người này đều do đời trước đã từng gần gũi Mạn Thù Thất lợi, cúng dường, cung kính, lắng nghe và lãnh thọ pháp này, nên đời này thành tựu được như vậy.

Bấy giờ, cụ thọ Đại Ca Diếp ba liền bạch Phật:

- Như Lai đã nói một cách đầy đủ về tướng trạng các hành của các thiện nam thiện nữ trong hiện tại và vị lai lắng nghe Bát nhã Ba la mật tin hiểu tu hành.

Phật dạy:

- Đúng vậy! Đúng như ngươi nói, Ta đã nói một cách đầy đủ về tướng trạng các hành của họ.

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tướng trạng các hành của các thiện nam thiện nữ trong hiện tại và đương lai nghe pháp thâm sâu này, phải biết chẳng phải tướng trạng các hành. Vì pháp đã nghe nhiệm mầu vắng lặng, **tướng trạng các hành đều bất khả đắc**, thì vì sao Như Lai thuyết như vầy: "Ta đã nói một cách đầy đủ về tướng trạng các hành của họ?"

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Đúng vậy! Đúng như ông nói! Tướng trạng các hành của các thiện nam thiện nữ trong hiện tại và đương lai nghe pháp này đều chẳng phải tướng trạng các hành. **Vì pháp đã nghe nhiệm mầu vắng lặng, tướng trạng các hành đều bất khả đắc**. Nhưng khi nghe thuyết pháp sâu xa, họ vui mừng, thọ trì, tin hiểu, tu học, tức ở quá khứ họ đã từng nghe, vui mừng thọ trì và tu hành nên mới được như vậy. Tướng trạng các hành này đều dựa vào thế tục mà nói, chẳng phải trong thắng nghĩa có việc như vậy.

Mạn Thù Thất Lợi phải biết! Hiển bày rõ Bát nhã Ba la mật tức là hiển rõ tất cả pháp của Phật, thông suốt việc chơn thật chẳng nghĩ bàn.

Mạn Thù Thất Lợi! Khi xưa, Ta tu học Bồ Tát hạnh, những căn lành chứa được đều do tu học Bát Nhã mà được thành tựu viên mãn. **Muốn trụ địa vị Bất thối chuyển của Bồ Tát, muốn chứng Vô thượng Bồ đề cũng do tu học Bát nhã Ba la mật mà được thành tựu.**

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn tích nhóm căn lành như các Bồ Tát đã tích nhóm, thì **phải học Bát nhã Ba la mật** này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn trụ bậc Bất thối chuyển của Bồ Tát, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn thông suốt hoàn toàn tướng bình đẳng của tất cả pháp giới, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn hiểu rõ hoàn toàn tâm hành bình đẳng của tất cả hữu tình, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn mau chứng được tất cả giáo pháp của Phật, thì phải học Bát nhã Ba la mật này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn biết Phật nói **Như Lai chẳng thể hiện giác nghĩa thú các pháp huyền bí**, thì phải học

Bát nhã Ba la mật sâu thẳm này. Vì sao? Vì các pháp được giác ngộ và người giác ngộ đều bất khả đắc.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn biết ý nghĩa huyền bí của lời Phật nói về sự đầy đủ oai nghi tướng hảo và quả vị Vô thượng Bồ đề mà Như Lai không thể chứng được, thì phải học Bát nhã Ba la mật này. Vì sao? Vì sự chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề với oai nghi tướng hảo và người chứng đều bất khả đắc.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, **thiện nữ nào muốn biết nghĩa thú huyền bí mà Phật nói về sự không thành tựu tất cả công đức, không thể giáo hóa tất cả hữu tình của Như Lai**, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này. Vì sao? Vì tất cả công đức sở hóa hữu tình và các Như Lai **bất khả đắc** vậy.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn chứng được vô ngại giải đối với các pháp, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thâm sâu chẳng thấy các pháp có chút chơn thật, hoặc tịnh hoặc nhiễm hoặc sanh hoặc diệt v.v...

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn biết các pháp chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai và tướng vô vi, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này. Vì sao? Vì chơn pháp giới chẳng phải thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai hay vô vi. **Vì các pháp đều nhập vào chơn pháp giới**.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn đạt được sự không nghi ngờ đối với các pháp, thì phải học Bát nhã Ba la mật này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn chuyển được xe pháp Vô thượng ba lần với 12 hành tướng và ở trong đó hoàn toàn không có sự chấp trước, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn đạt được sự ban bố từ tâm trùm khắp tất cả mà trong ấy không tưởng về hữu tình nào, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn cùng thế gian nhập vào pháp tánh không có các sự tranh luận mà đối với thế gian và các sự tranh luận đều vô sở đắc, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn biết rõ khắp các cảnh xứ phi xứ hoàn toàn không bị ngăn ngại, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ v.v... nào muốn đạt được vô biên pháp Phật như lực vô úy của Như Lai v.v…, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này.

Bấy giờ, đồng tử Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Con quán Bát Nhã thâm sâu này không có tướng vô vi, không có các công đức, không sanh, không diệt, không sức lực, không khả năng, không đến, không đi, không vào, không ra, không tổn, không ích, không biết, không thấy, không thể, không dụng, chẳng phải người tạo tác, cũng không thể làm cho các pháp sanh diệt, không làm cho các pháp là một hay là khác, không thành, không hoại, chẳng phải tuệ, chẳng phải cảnh, chẳng phải pháp phàm phu, chẳng phải pháp Thanh văn, chẳng phải pháp Độc giác, chẳng phải pháp Bồ Tát, chẳng phải pháp Như Lai, chẳng phải chứng hay không chứng, chẳng đắc hay không đắc, chẳng phải tận hay bất tận, chẳng vào sanh tử, chẳng ra khỏi sanh tử, chẳng nhập Niết bàn, chẳng ra khỏi Niết bàn, đối với các pháp của Phật chẳng thành chẳng hoại, đối với tất cả pháp chẳng phải tạo tác hay không tạo tác, chẳng phải có thể nghĩ bàn hay không thể nghĩ bàn, lìa phân biệt, dứt hý luận.Bát nhã Ba la mật này hoàn toàn không có công đức, làm sao Như Lai khuyên các hữu tình siêng năng tu học?**

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Những điều đã nói tức là công đức chơn thật của Bát nhã Ba la mật. Các thiện nam thiện nữ nếu biết như vậy thì gọi là chơn thật tu học Bát nhã Ba la mật thâm sâu.

(Dưới lăng kính bất thức của Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát tất cả công đức của Bát Nhã như vật vô tri trì độn chẳng khác nào gỗ đá. Vì sao? Vì hành như vô hành, vô công dụng hạnh, chẳng được chẳng mất. Tất cả đều không, đều bất khả đắc. Nên nói là chẳng có công đức gì cả. Đó là nói theo Đệ nhất nghĩa không. Còn Phật bảo là công đức, vì Phật nói theo thế tục để khuyên tấn những người con Phật siêng năng tu học Bát nhã Ba la mật để giúp mình người sớm được giải thoát an vui)

Lại nữa, đồng tử Mạn Thù Thất Lợi! Đại Bồ Tát nào muốn học Tam ma địa thù thắng của Bồ Tát, muốn thành tựu Tam ma địa thù thắng của

Bồ Tát, muốn an trụ trong Tam ma địa này, thấy tất cả Phật, biết được danh hiệu của Phật và thấy được thế giới của chư Phật này, chứng được, thuyết được thật tướng các pháp không chướng ngại, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này, ngày đêm siêng năng chớ sanh lười mỏi.

(Sao gọi là Bát nhã Ba la mật thâm sâu?)

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Vì sao gọi là Bát nhã Ba la mật thâm sâu?**

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Bát nhã Ba la mật thâm sâu không tên, không tướng, không bờ, không bến, không chỗ về nương, chẳng phải cảnh nghĩ lường, chẳng phải tội, chẳng phải phước, chẳng phải tối, chẳng phải sáng, như hư không thanh tịnh và chơn pháp giới, số lượng và giới hạn đều bất khả đắc. Do các yếu tố này cho nên gọi là Bát nhã Ba la mật thâm sâu.

Lại nữa, đồng tử Mạn Thù Thất Lợi! Bát nhã Ba la mật là hành xứ sâu xa của các Bồ Tát. Nếu các Bồ Tát hành được chỗ ấy thì đối với các cảnh giới đều được thông suốt. Hành xứ như vậy chẳng phải hành xứ của tất cả thừa. Vì sao? Vì hành xứ này không danh, không tướng, không có sự phân biệt. Thế nên gọi là chẳng phải chỗ hành xứ.

Mạn Thù Thất Lợi lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát tu hành pháp nào mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

(Tam ma địa nhất tướng trang nghiêm)

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Đại Bồ Tát hành sâu Bát nhã Ba la mật, tâm không lười mỏi sẽ mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, đồng tử Mạn Thù Thất Lợi! Đại Bồ Tát nào thường tu hành đúng đắn **Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm** sẽ mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Mạn Thù Thất Lợi lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm? Các chúng Bồ Tát tu hành thế nào?

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Tam ma địa này lấy tướng pháp giới để làm trang nghiêm, nên gọi là Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm. Đại Bồ Tát nào muốn nhập vào Tam ma địa thù thắng này, <u>trước hết phải lắng nghe, thỉnh hỏi, tu học Bát Nhã</u>. Rồi sau đó mới có thể nhập vào Tam ma địa này.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu đại Bồ Tát nào chẳng động pháp giới, biết chơn pháp giới chẳng lay động, không thể nghĩ bàn, không thể hý luận, như vậy mới nhập vào được Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm.

Mạn Thù Thất Lợi! Thiện nam, thiện nữ nào muốn nhập vào Tam ma địa này phải ở chỗ trống vắng, lìa xa chỗ ồn náo, ngồi kiết già chẳng nghĩ đến các tướng. Vì muốn lợi lạc tất cả hữu tình, phải chú tâm chánh niệm, thủ giữ danh tự một vị Như Lai, khéo tưởng về dung nghi của Ngài. Ngài ở phương nào thì ngồi thẳng quay về hướng ấy, niệm niệm tiếp nối nhau, niệm một Như Lai tức là đã quán khắp chư Phật ba đời. Vì sao? Mạn Thù Thất Lợi! Vì vô lượng, vô biên công đức biện tài của một đức Phật ngang bằng với tất cả Phật. Chư Phật ba đời nương một chơn như chứng Đại Bồ đề không sai khác vậy.

Mạn Thù Thất Lợi! Thiện nam, thiện nữ nào siêng năng tu học, được nhập vào Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm, sẽ thấu rõ được vô lượng, vô biên hằng hà sa số pháp giới chư Phật không có tướng sai khác, cũng có thể tổng nhiếp chấp trì vô lượng, vô số hằng hà sa pháp luân*(10)* vô thượng mà chư Phật Bồ Tát đã chuyển, chưa chuyển. Như Ngài A Nan Đà đa văn trí tuệ, đối với lời Phật dạy đều nhớ, giữ gìn hết. Tuy là bậc tối thắng trong chúng Thanh văn nhưng sự nhiếp trì giáo pháp còn có phần hạn chế. Nếu vị nào **chứng được Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm, thì trí tuệ đa văn và sức nhớ tổng nhiếp ấy sẽ không thể nghĩ bàn**, có thể thọ trì được pháp luân vô thượng của vô lượng, vô biên hằng hà sa số chư Phật Bồ Tát. Mỗi mỗi pháp môn đều được thông suốt nghĩa lý sâu xa, tuyên thuyết khai thị biện tài vô tận hơn A Nan Đà gấp trăm ngàn lần.

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa kia khi chứng được Tam ma địa này làm sao đạt được vô lượng, vô biên công đức lợi ích?

Phật dạy:

- Đồng tử! Thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa ấy siêng năng tu học Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm, thường nghĩ: Ta phải làm thế nào để **thông suốt khắp pháp giới chư Phật, thọ trì tất cả pháp luân vô thượng, cùng các hữu tình làm lợi ích lớn**? Do đây khi chứng được Tam ma địa này liền được vô biên công đức lợi ích.

Mạn Thù Thất Lợi! Thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa kia, trước đây đã nghe công đức của Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm, phát khởi sự siêng năng, tinh tấn, chánh niệm tư duy, suy nghĩ về công đức của định này như vậy, như vậy. Tướng công đức hiện, đã thấy tướng này cũng như trước đã được nghe, liền sanh vui mừng, càng siêng tu tập, dần dần được nhập vào Tam ma địa này, công đức lợi ích thù thắng không thể nghĩ bàn. Những hữu tình nào hủy báng chánh pháp, chẳng tin thiện ác là kẻ nghiệp chướng nặng nề. Loại hữu tình ấy không thể chứng được định này.

Mạn Thù Thất Lợi! Ví như có người gặp được ngọc báu, đưa cho thợ mài ngọc và bảo: "Viên ngọc quí này của tôi giá trị vô lượng nhưng hình sắc của nó chưa được sáng đẹp lắm. Anh hãy mài dũa ngọc đúng khuôn mẫu giùm tôi, nhưng chỉ làm sáng đẹp chứ đừng làm hư hình sắc". Người nhận ngọc theo lời người kia bảo, dựa theo khuôn mẫu chú tâm như vậy dũa mài viên ngọc. Cứ như vậy, như vậy, màu sắc ánh sáng phát dần thêm cho đến cực kỳ sáng và trong suốt. Khi tu sửa xong, giá trị viên ngọc thật vô lượng.

Mạn Thù Thất Lợi! Các thiện nam thiện nữ v.v… trụ Bồ Tát thừa kia cũng như vậy, tu học Tam ma địa này dần dần cho đến khi chứng được Tam ma địa này thì được vô biên công đức lợi ích thù thắng.

Mạn Thù Thất Lợi! Ví như mặt trời chiếu sáng khắp mọi nơi, làm lợi ích lớn. Cũng vậy, khi chứng được Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm sẽ chiếu khắp pháp giới, cũng thông suốt được tất cả pháp môn, vì các hữu tình làm lợi ích to lớn, công đức lợi ích thù thắng không thể nghĩ bàn.

Mạn Thù Thất Lợi! Như Ta đã nói, tất cả các loại pháp môn đều đồng một vị là **vị xa lìa, vị giải thoát, vị vắng lặng,** không có điều chống trái. Khi chứng được Tam ma địa này, các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa xiển dương pháp môn nào cũng cùng một vị là vị xa lìa, vị giải thoát, vị vắng lặng, không có sự chống trái. Khi chứng được Tam ma địa này, các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa kia dù diễn giảng pháp môn nào thì tài biện thuyết cũng vô tận, mau được thành tựu viên mãn Bồ đề phần pháp.

Thế nên, đồng tử Mạn Thù Thất Lợi! Đại Bồ Tát nào thường tu hành đúng Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm thì sẽ mau chứng Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa, đồng tử Mạn Thù Thất Lợi! **Đại Bồ Tát nào chẳng thấy các thứ sai khác, chỉ thấy nhất tướng của pháp giới thì mau chứng Vô thượng Bồ đề. Nếu các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa nhận pháp của Bồ Tát không nên tu hành, nhận đại Bồ đề không nên cầu đạt đến, vì hiểu rõ bản tánh của tất cả pháp là Không. Do họ thừa nhận những điều này nên mau chứng Vô thượng Bồ đề. Thiện nam thiện nữ nào trụ Bồ Tát thừa tin tất cả pháp đều là Phật pháp, nghe tất cả là Không, tâm chẳng kinh sợ, nghi ngờ. Do nhân duyên này nên người đó mau chứng Vô thượng Bồ đề. Nếu thiện nam thiện nữ v.v… trụ Bồ Tát thừa nghe thuyết các pháp đều hoàn toàn Không, tâm chẳng mê mờ, cũng chẳng nghi ngờ, thường không lìa bỏ giáo pháp của Phật, thì mau chứng Vô thượng Bồ đề.**

*(Nếu những ai thừa nhận pháp của Bồ Tát **không nên tu hành**, nhận đại Bồ đề **không nên cầu đạt đến**, vì hiểu rõ bản tánh của tất cả pháp là Không, nghe pháp như vậy mà không nghi ngờ, không lìa bỏ pháp Phật, mau chứng Vô thượng Bồ đề. Đây cũng là lối nói nghịch, khó nuốt khó tiêu hóa nữa?)*

Bấy giờ, đồng tử Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vô thượng Bồ đề của chư Phật quyết định do nhân duyên này mà chứng được chăng?

Phật dạy:

- Chẳng được.

Mạn Thù Thất Lợi lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vô thượng Bồ đề của chư Phật chẳng do nhân duyên này mà chứng được chăng?

Phật dạy:

- Chẳng phải vậy. Vì sao? Vì **cảnh giới bất tư nghì chẳng do nhân duyên cũng chẳng phải không nhân duyên mà chứng được Vô thượng Bồ đề của chư Phật**, nên biết đó là cảnh giới bất tư nghì.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe thuyết như vậy nhưng tâm chẳng kinh sợ, Ta nói những người kia đã ở chỗ vô lượng đức Phật, phát nguyện lớn, gieo trồng căn lành. Vì vậy nên Bí sô và Bí sô ni nghe thuyết Bát Nhã như vậy, tâm chẳng kinh sợ nghi ngờ, cũng chẳng mê lầm thì họ là người chơn thật theo Phật xuất gia. Nếu các cận sự nam hay cận sự nữ v.v… nghe thuyết Bát Nhã thâm sâu này, tâm chẳng kinh sợ, chẳng nghi ngờ cũng chẳng mê lầm thì họ thật sự là người qui y Phật, Pháp, Tăng. Nếu các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa chẳng học Bát nhã Ba la mật như vậy thì chẳng gọi là kẻ chơn thật tu học Bồ Tát thừa.

Mạn Thù Thất Lợi! Ví như ở thế gian, cỏ cây, rừng rậm, thuốc thang, hạt giống v.v... tất cả đều nương vào đất mà sanh trưởng. Cũng vậy, tất cả căn lành và những việc thù thắng khác ở thế gian và xuất thế gian của Bồ Tát đều hoàn toàn dựa vào Bát nhã Ba la mật này mà được tăng trưởng. **Nên biết Bát nhã Ba la mật thâm sâu này bao trùm các pháp, đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đều tùy thuận sự chứng đắc mà không có sự chống trái.**

Đồng tử Mạn Thù Thất Lợi nghe Phật nói thế, bèn thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đời vị lai, ở châu Thiệm bộ này, các thành ấp, xóm làng, chỗ nào diễn thuyết khai thị Bát nhã Ba la mật có nhiều người tin nhận không?

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Nay các thiện nam thiện nữ trong hội này nghe thuyết Bát nhã Ba la mật tin nhận, tu hành, vui mừng, phát nguyện: Tôi nguyện đời sau, dù sanh chốn nào thường được nghe Bát nhã Ba la mật. Đời sau dù họ sanh đến chốn nào, nhờ nguyện lực đời trước nên chỗ họ ở liền có Bát nhã Ba la mật này diễn giảng, khai thị và được nhiều người tin nhận.

Mạn Thù Thất Lợi! Các thiện nam thiện nữ nghe thuyết Bát nhã Ba la mật vui mừng hớn hở, hết lòng tin nhận. Ta nói họ đã gieo trồng căn lành lâu đời, nhờ sức nguyện đời trước mới được như vậy.

Mạn Thù Thất Lợi! Người nào muốn nghe theo Bát nhã Ba la mật, ngươi nên bảo: "Các thiện nam tử! Tùy ý nghe thọ, chớ sanh lòng kinh sợ, nghi ngờ, không tin, lại tăng thêm sự hủy báng chống lại. Nay trong Kinh Bát nhã Ba la mật này rất là thậm thâm, chẳng hiển bày pháp, có nghĩa là chẳng chỉ bày có sự thành hoại của pháp phàm phu, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ Tát, hoặc pháp Như Lai".

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có Bí sô, Bí sô ni đến chỗ của con hỏi: "Vì sao Như Lai tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật cho đại chúng?" Con sẽ đáp: "Phật nói các pháp không có tướng chống trái, tranh cãi. Vì sao? Vì hoàn toàn không có pháp để cùng pháp tranh cãi, cũng không có hữu tình. Phải sanh lòng tin hiểu lời Phật dạy. Vì sao? Vì các loài hữu tình tâm thức đều bất khả đắc".

Lại nữa thưa Thế Tôn! Con sẽ bảo họ "Như Lai thường nói về thật tế cứu cánh. Vì sao? **Vì tất cả pháp tướng đều thể nhập thật tế**. Hàng A La Hán không có pháp đặc thù riêng biệt, vì pháp A La Hán và pháp phàm phu không có tướng sai khác".

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con sẽ bảo họ: "Pháp Phật nói ra chẳng làm cho hữu tình đã, đang, sẽ được nhập Niết bàn. Vì sao? **Vì các hữu tình rốt ráo Không**".

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các thiện nam thiện nữ đi đến gặp con và thỉnh: "Bát nhã Ba la mật mà Ngài và Như Lai đã từng bàn luận, xin Ngài vì chúng con mà nói, hôm nay chúng con rất muốn nghe". Con sẽ bảo họ: **"Các ông muốn nghe chớ khởi tâm lắng nghe cũng đừng buộc niệm, nên khởi tâm như huyễn, như hóa. Có như vậy mới hiểu được lời ta nói. Các ông nếu muốn nghe pháp của ta phải khởi tâm thế này: Pháp hôm nay được nghe như dấu chim trên không, như thạch nữ** *(tượng đá không thể sanh con)***. Như vậy, mới nghe được lời ta nói. Nếu muốn nghe pháp của ta, các người chớ khởi lên hai tưởng. Vì sao? Vì pháp ta nói xa lìa hai tưởng. Nay các người không nên hoại ngã tưởng, chẳng khởi các kiến chấp, đối với giáo pháp của Phật không có sự mong cầu, ở trong pháp của phàm phu chẳng ưa dời động. Vì sao? Vì tướng của hai pháp là Không, không có sự lấy bỏ".**

(Muốn nghe chớ khởi tâm lắng nghe cũng đừng buộc niệm... Không lắng nghe làm sao nghe, đừng buộc niệm làm sao nhớ. Nói như vậy là nói nghịch theo quan niệm thông thường!)

Bạch Thế Tôn! Có những hữu tình thỉnh con thuyết Bát nhã Ba la mật. Trước hết con dạy Kinh, dạy luật, rồi đem **ấn vô tướng ấn định các**

pháp, làm cho người mong cầu nghe pháp lìa xa tâm chấp trước. Sau đó vì họ thuyết pháp tương ưng Bát Nhã thâm sâu.

Đức Phật khen ngợi đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Hay thay! Hay thay! Ngươi đã thuyết giáo pháp mà Ta đã nói một cách hoàn hảo và đã nói được phương tiện.

Mạn Thù Thất Lợi! Thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Như Lai, muốn gần gũi Phật để cúng dường, cung kính, phải học Bát nhã Ba la mật này. Những hữu tình nào muốn thỉnh chư Phật làm đại sư, phải học Bát nhã Ba la mật này. Những hữu tình nào muốn chứng quả vị Vô thượng Bồ đề hoặc chẳng muốn chứng, phải học Bát nhã Ba la mật này. Những hữu tình nào muốn được thiện xảo tất cả các định, phải học Bát nhã Ba la mật này. Những hữu tình nào muốn được tự tại phát khởi tất cả định, phải học Bát nhã Ba la mật này. Vì sao? Vì đối với các Tam ma địa, cần phải biết các pháp không sanh, không diệt, không tạo tác, không hành động, mới có thể tự tại phát khởi. Vì sao? **Vì đã thấu rõ các pháp là Không, không có ngăn ngại. Những hữu tình nào muốn thấu rõ các pháp đều có sự xuất ly, không có một pháp nào không có sự xuất ly, phải học Bát nhã Ba la mật này. Những hữu tình nào muốn thấu rõ các pháp chỉ là giả lập, không chút chơn thật, phải học Bát nhã Ba la mật này.**

Nếu muốn biết rõ các loài hữu tình tuy hướng tới quả vị Vô thượng Bồ đề, nhưng không thấy có hữu tình hướng tới Bồ đề, cũng không có sự thối lui, thì phải học Bát nhã Ba la mật này. Vì sao? Vì đã **thấu rõ tất cả pháp tức là Bồ đề**.

Nếu muốn hiểu rõ tất cả hữu tình hành Bồ đề hạnh, không có kẻ nào chẳng hành cũng không có sự thối lui, thì phải học Bát nhã Ba la mật này. Vì sao? **Vì Bồ đề tức là thật tánh của các pháp**. Tất cả hữu tình đều hành các pháp, không có người bỏ pháp; các hành đều là Không nên không thối lui.

Nếu muốn hiểu rõ tánh tất cả pháp tức là Bồ đề, tất cả Bồ đề tức là pháp giới, đây tức là thật tế, thật tế tức là Không, tâm không thối lui, thì phải học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này.

Mạn Thù Thất Lợi! Bát nhã Ba la mật chỉ rõ tác dụng khó nghĩ bàn và sự làm lợi ích hữu tình của chư Phật, cũng là chỗ mà Như Lai đã dạo qua. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không thể thị hiện, không thể tuyên thuyết,

là pháp không đọa, chỉ có Như Lai như thật giác ngộ và dùng phương tiện thiện xảo thuyết giảng cho hữu tình.

Mạn Thù Thất Lợi! Nếu có Bí sô, Bí sô ni v.v… đối với Bát nhã Ba la mật, tối thiểu thọ trì dù một bài kệ bốn câu, giảng nói cho người khác, thì nhất định hướng tới Bồ đề, an trú cảnh giới của Phật huống gì thường tu hành theo lời dạy. Nên biết người này chẳng đọa vào cảnh giới ác, mau chứng Vô thượng Bồ đề.

Mạn Thù Thất Lợi! Những hữu tình nào nghe thuyết Bát nhã Ba la mật này tâm chẳng quên mất, cũng chẳng kinh sợ, lại hoan hỷ tin thọ, phải biết những người này nhất định sẽ chứng được tất cả pháp Phật, chắc chắn được tất cả Như Lai ấn chứng hứa khả, thâu nhận làm chúng đệ tử.

Mạn Thù Thất Lợi! Những thiện nam, thiện nữ nào tin nhận **pháp ấn Vô thượng của Như Lai, là Bát nhã Ba la mật thâm sâu**, sẽ được phước vô lượng. Pháp ấn này được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cùng nhau hộ niệm; các vị A la hán, Bồ Tát, bậc trí và các thiên thần đều cùng nhau bảo vệ giữ gìn. Những thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa được ấn này ấn chứng, tức đã vượt qua các cảnh giới ác, Thanh văn, Độc giác, nhất định sẽ chứng Vô thượng Bồ đề.

Khi ấy, trời Đế Thích liền cùng với vô lượng Thiên tử cõi trời Ba mươi ba cầm các thứ hương hoa xinh đẹp của cõi trời: hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, hoa sen vàng, hoa Vi diệu âm, hoa Diệu linh thoại và bột hương chiên đàn cúng dường Bát nhã Ba la mật, và tung rải dâng lên Như Lai, Mạn Thù Thất Lợi, tất cả Bồ Tát và Thanh văn v.v... lại trổi các thứ âm nhạc cõi trời, ca ngợi diệu pháp để cúng dường. Lại phát nguyện: Nguyện cho tất cả chúng tôi thường nghe pháp ấn Vô thượng của Bát nhã Ba la mật thâm sâu này.

Trời Đế Thích lại phát nguyện: Nguyện các loài hữu tình ở châu Thiệm bộ thường nghe Bát nhã Ba la mật, vui mừng thọ trì thành tựu giáo pháp của Phật. Thiên chúng chúng tôi thường hộ vệ, khiến cho người thọ trì không gặp trở ngại. Các loài hữu tình ít dùng công sức mà được lắng nghe, thọ trì, đọc tụng phải biết đều là oai lực của chư Thiên.

Phật khen trời Đế Thích:

- Thiên chủ! Nay ông đã phát được nguyện, nếu có người nào nghe được nguyện này, vui mừng thọ trì nhất định sẽ thành tựu các pháp của Phật, mau hướng tới quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Cúi xin Như Lai dùng sức thần thông hộ trì Bát nhã Ba la mật trụ lâu ở thế gian để làm lợi ích cho tất cả.

Phật liền hiện sức thần thông lớn làm cho các núi, đại địa ở thế giới Tam thiên đại thiên rung động sáu cách. Đức Phật lại mỉm cười, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới.

Mạn Thù Thất Lợi liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đây là tướng Như Lai hiện sức thần thông, hộ trì Bát nhã Ba la mật trụ lâu ở thế gian để làm lợi ích.

Phật dạy:

- Đúng vậy! Đúng như ngươi nói. **Ta dùng thần lực hộ trì pháp ấn Vô thượng Bát Nhã, làm cho trụ lâu ở đời để làm lợi ích cho hữu tình.** Chư Phật Thế Tôn thuyết pháp thù thắng rồi, theo đúng pháp này đều khởi lên sức đại thần thông, hộ trì pháp này được trụ lâu ở thế gian, khiến cho các Thiên ma không thể làm gì được. Những bọn người ác không thể hủy báng. Tất cả ngoại đạo hết lòng sợ hãi. Nếu người nào siêng năng tu học pháp này thì tất cả chướng nạn đều bị tiêu diệt.

Khi đức Bạt già phạm thuyết Kinh này rồi, tất cả chúng đại Bồ Tát mà Mạn Thù Thất Lợi là vị đứng đầu, cùng với các Bí sô, bốn bộ đại chúng, trời, rồng, Dược xoa, A tu la v.v... tất cả chúng hội nghe Phật thuyết pháp đều vui mừng, tin nhận, phụng hành.

Thích nghĩa:

(1). Tục đế, Chân đế và Đệ nhất nghĩa không: Đây là các từ hết sức quan trọng trong sự hiểu biết vị trí của hữu tình trong pháp giới. Có xác định được chỗ đứng đúng thì sẽ có cái nhìn đúng mới có thể cải thiện vấn đề tâm linh. Vì vậy, thích nghĩa này giữ vai trò quan trong trong việc tu học nhất là đối vối việc nghiên cứu các giáo pháp của phần "Mạn Thù Thất Lợi" này.

1- Tục đế: (世俗諦) *Phạm: Saôvftti-satyatva, Saôvfttisatya. Còn gọi là Thế đế: Chân lí tương đối, chân lí của thế gian, là thật tại được nhìn từ phía chúng sinh chưa giác ngộ, thấy các pháp phân hai, các pháp hư dối, sinh diệt đổi dời, không thật mà cho là thật.*

2- Chân đế: (真諦) *Phạm: Paramàrtha-satya. Còn gọi là Thánh đế, Đệ nhất nghĩa, Niết bàn, Chân như, Thực tướng, Trung đạo, Pháp*

giới, đối lập với Tục đế: Chân lí chân thực mầu nhiệm. Các tông phái Phật giáo định nghĩa Đệ nhất nghĩa, không giống nhau. Như Thuyết nhất thiết hữu bộ của Tiểu thừa coi sự nhận thức về đối tượng đơn nhất không còn phân giải được nữa là cái tồn tại chân thực, gọi là Thắng nghĩa đế. Học phái Trung quán thì cho rằng các bậc Thánh hiền hiểu rõ lí duyên khởi tính không và thấu suốt sự nhận thức điên đảo của thế tục, cái thấu suốt ấy là đạo lí chân thực, gọi là Chân đế. Kinh bộ Tiểu thừa và Du già hành phái lấy trí tuệ làm đối tượng để lí giải, gọi là Thắng nghĩa đế. Đại thừa thì chủ yếu dựa vào Chân đế và Tục đế để điều hòa sự đối lập thế gian và xuất thế gian, rồi dung hợp 2 đế mà quán xét hiện tượng, gọi là Trung quán, Trung đạo, là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của Đại thừa. Ngoài ra, Thiền lâm thường dùng Đệ nhất nghĩa đế để diễn tả cảnh giới tuyệt đối không thể nghĩ bàn. Đệ nhất nghĩa còn được gọi là Hướng thượng môn, Chính vị đẳng. (Phỏng theo Từ điển Phật Quang).

Nói một cách dễ hiểu thì Đệ nhất nghĩa đế là cái chân thực cùng cực, bất biến đối lại với Tục đế, là biến dịch vô thường được-mất, có-không. Vì có Tục đế nên mới có Chân đế. Đó là hai pháp đối đãi. Vượt trên đối đãi nhị nguyên chính là Đệ nhất nghĩa không. Đó chính là chỗ siêu xuất của Bát Nhã Tánh không. ***TB****.*

3- Đệ nhất nghĩa không: *Tư tưởng của Mạn Thù Thất Lợi hay Văn thù Sư Lợi Bồ Tát trong Kinh này vượt qua cả Tục đế và Chân đế nên gọi là Đệ nhất nghĩa không. Theo Bồ tát Long Thọ Đệ nhất nghĩa không:* "Đây là lý KHÔNG vào bậc nhất, tột cùng của Phật và chư Đại Bồ Tát, khác với lý KHÔNG còn hạn hẹp của hàng Thanh Văn. Vào Đệ nhất nghĩa không chẳng thấy Không, cũng chẳng thấy chẳng Không".

"...Đệ nhất nghĩa không là Thật Tướng của hết thảy các pháp, chẳng thể phá, chẳng thể hoại. Vì sao? Vì hết thảy các pháp ở nơi Thật Tướng, đều là KHÔNG, chẳng có thể thọ, chẳng có thể chấp vậy. Nếu có thọ, có chấp là hư dối, là chẳng phải thật.

Lại nữa, Đệ nhất nghĩa không là nghĩa Niết bàn Giải Thoát.

Trong A Tỳ Đàm nói: "Trí duyên tận tức là Niết bàn. Ở trong Niết bàn cũng chẳng có tướng Niết bàn. Niết bàn KHÔNG tức là Đệ nhất nghĩa không".

Rất khó phân biệt Đệ nhất nghĩa và Đệ nhất nghĩa không. Như trên nói: Vì có Tục đế nên nói Chân đế (hay Đệ nhất nghĩa đế). Nhưng Tục đế và Chân đế là pháp nhị nguyên đối đãi. Pháp Phật là pháp bất nhị. Vì vậy, muốn vượt qua nhị nguyên, nên Kinh nói đến Đệ nhất nghĩa không. Đại Trí Độ Luận nói rằng: "**Hết thảy các pháp chẳng lìa Đệ Nhất Nghĩa. Đệ Nhất Nghĩa cũng chẳng lìa các pháp. Thật Tướng các pháp là KHÔNG, là vô tướng, cũng chính là Đệ Nhất Nghĩa Không vậy**".

Nói tóm lại về ba từ này: Vì nói Tục đế nên đề cập đến Chân đế. Nhưng nói Tục đế hay Chân đế cũng là pháp tương đãi. Muốn vượt trên đối đãi nên phải nói đến Đệ nhất nghĩa không. Vả lại, toàn thể Đại Bát Nhã này nói về Tánh Không, nên mới thuyết Đệ nhất nghĩa không, là thật tướng của hết thảy các pháp. Nên, Đệ nhất nghĩa không còn được xem là ***Diệu đế, đế thứ ba ngoài Tục đế và Chân đế****.*

Với giải thích sơ khởi này hy vọng chúng ta hiểu được quan điểm của Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi hay Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đối với bậc Thánh đã chứng đạo và thoát khỏi vòng tục lụy như thế nào trong phần "Mạn Thù Thất Lợi" này. ***TB***

(2). Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát (曼殊室利) *hay Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát* (s: *Mañjuśrī,* 文殊師利): *Tàu dịch là Diệu Đức* (妙德) *hoặc Diệu Cát Tường* (妙吉祥)*. Ngài sanh ra từ vai phải của mẹ, trong một gia đình Bà La Môn ở tụ lạc Đa La* (多羅) *tại Xá Vệ Quốc* (*s: Śrāvastī, p: Sāvatthī,* 舍衛國). *Thân thể Ngài có màu vàng tía, về sau Ngài xuất gia với đức Phật. Trong Đạo Giáo, Ngài được gọi là Văn Thù Quảng Đại Thiên Tôn* (文殊廣法天尊). *Văn Thù và Phổ Hiền là hai vị Bồ Tát thường theo hầu bên đức Phật Thích Ca, được gọi là Thích Ca Tam Tôn* (釋迦三尊)*, khác với Di Đà Tam Tôn hay Tây Phương Tam Thánh (Phật A Di Đà đứng chính giữa, Đức Quang Thế Âm đứng bên trái, Bồ Tát Đại Thế chí đứng bên phải). Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội Kinh* (首楞嚴三昧經) *cho biết rằng: "Vào thời quá khứ vô lượng A Tăng Kỳ Kiếp, có thế giới ở phương Nam tên Bình Đẳng* (平等)*, đức Phật của thế giới ấy tên là Long Chủng Thượng Như Lai* (龍種上如來)*, tức là đức Văn Thù Bồ Tát hiện tại". Hay như Ương Quật Ma La Kinh* (央掘魔羅經) *có giải thích về xuất xứ của Ngài rằng: "Đức Hoan Hỷ Tạng Ma Bảo Tích Phật* (歡喜藏摩尼寶積佛)

ở thế giới Thường Hỷ (常喜) *ở phương Bắc hiện tại chính là đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát". Tuy nhiên, trong Bi Hoa Kinh* (悲華經) *lại cho rằng: "Khi đức Phật A Di Đà đang còn làm Chuyển Luân Thánh Vương, có vị Vương Tử thứ ba tên Vương Chúng* (王眾), *đã phát tâm Bồ Đề, nguyện trong đời tương lai, đời đời kiếp kiếp, thực hành đạo Bồ Tát, không có dừng nghỉ, không giới hạn nơi chỗ, để trang nghiêm thanh tịnh quốc độ Phật; khiến cho tam thiên đại thiên thế giới, hằng hà sa số mười phương quốc độ rộng lớn, hợp lại thành một thế giới của vị này giáo hóa. Trong thế giới ấy có vô lượng đầy đủ các của báu, không có xúc chạm những điều nhơ nhớp, đau khổ, không có người nữ, thậm chí không có danh từ người nữ; lại không có chúng sanh chưa phát tâm Bồ Đề. Vị Vương Tử thứ ba phát nguyện xong, Bảo Tạng Phật bèn đặt cho Vương Tử tên là Văn Thù Sư Lợi, thọ ký vào thời mạt pháp tương lai sẽ thành tựu viên mãn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tại quốc độ tên Thanh Tịnh Vô Cấu Bảo Chấn* (清淨無垢寶寘) *với danh hiệu là Phổ Hiện Như Lai* (普現如來)*". Trong Quán Phật Tam Muội Hải Kinh* (觀佛三昧海經) *lại cho biết thêm rằng đương thời khi đức Thế Tôn sau khi vì đại chúng thuyết Quán Phật Tam Muội Hải Kinh xong, Văn Thù Bồ Tát thưa với đại chúng rằng: "Vào thời quá khứ đức Bảo Uy Đức Như Lai* (寶威德如來), *có một người con của Trưởng Giả kia tên Giới Hộ* (戒護), *khi đang còn trong bào thai mẹ đã thọ Tam Quy Y. Năm lên 8 tuổi, song thân cậu bé cung thỉnh đức Thế Tôn đến tư gia thiết lễ cúng dường. Khi cậu bé diện kiến đức Phật, uy nghi an tường, từng bước đi bình ổn, khoan thai, nơi từng bước chân của Ngài đều nở ra một đóa sen, và thân tướng Ngài phóng ra ánh sáng rực rỡ. Thấy vậy cậu bé vô cùng hoan hỷ, hướng Phật cung kính lễ bái, xong từ từ nhìn chăm chăm đức Thế Tôn mà không hề chớp mắt. Chỉ một lần thấy được Phật, tức trừ đi được trăm vạn ức kiếp các tội nặng sanh tử. Đồng tử này do nhờ duyên đã thọ Tam Quy và lễ bái đức Phật, rồi quán sát tướng hảo của đức Như Lai rất kỹ lưỡng, tâm không mệt mỏi, lười biếng, nhờ vậy mà có thể gặp được vô số các đức Phật. Đồng tử lúc bầy giờ chính là Văn Thù Sư Lợi tôi đây". Sau khi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói xong, đức Phật bảo A Nan rằng: "Con hãy nên ghi nhận, nhớ kỹ câu chuyện của Văn Thù Sư Lợi, đem phổ biến đến khắp các chúng sanh, chúng sanh trong đời tương lai, nếu như có người có thể nhất tâm lễ bái,*

có thể tâm thành niệm Phật, có thể tâm thành quán Phật, nên biết rằng người ấy có công đức ngang bằng với Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát". Lại trong Văn Thù Phát Nguyện Kinh (文殊發願經) *có nêu lên bài kệ phát nguyện phần lớn giống với bài kệ của Phổ Hiền Bồ Tát* (普賢菩薩): *"Nguyện con lúc mạng chung, diệt trừ các chướng ngại, mắt thấy A Di Đà, vãng sanh An Lạc Sát, sanh nơi nước Phật kia, trọn thành các nguyện lớn, A Di Đà Như Lai, trước mắt thọ ký con, trang nghiêm Phổ Hiền hạnh, đầy đủ Văn Thù nguyện, tận cùng kiếp tương lai, cứu cánh Bồ Tát hạnh". Văn Thù, Phổ Hiền là hai vị Đại Thánh bổ tá cho đức Phật Tỳ Lô Giá Na* (毘盧遮那) *trên hội Hoa Nghiêm* (華嚴). *Hạnh nguyện độ sanh của hai vị Bồ Tát này đều lấy cơ sở của pháp môn Niệm Phật, lấy Tịnh Độ là nơi quy hướng cuối cùng. Đặc biệt trong Phóng Bát Kinh* (放缽經), *đức Phật có đề cao vai trò của Văn Thù Sư Lợi rằng: "Nay ta thành Phật, có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, oai thần tôn quý, độ thoát mười phương hết thảy chúng sanh, thảy đều nhờ ơn của Văn Thù Sư Lợi; Văn Thù Sư Lợi chính là thầy của ta. Vô lượng vô số chư Phật trong quá khứ đều là đệ tử của Văn Thù Sư Lợi, tương lai thành Phật cũng nhờ oai thần thế lực của vị ấy; ví như trên đời con nhỏ có cha mẹ, Văn Thù là cha mẹ trong Phật đạo". Văn Thù Sư Lợi là hóa thân của trí tuệ, nên thường được gọi là Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát* (大智文殊師利菩薩). *Bồ Tát Văn Thù thường được gọi là Tam Thế Giác Mẫu* (三世覺母, *mẹ giác ngộ của ba đời*). *Danh hiệu Long Chủng Thượng Tôn Vương Như Lai* (龍種上尊王如來), *hay Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật trong Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội Kinh* (首楞嚴三昧經) *là Bồ Tát Văn Thù. Hay như danh hiệu Phổ Minh Phật* (普明佛) *trong Bát Thập Bát Phật Hồng Danh Bảo Sám cũng là Bồ Tát Văn Thù. Trong các Kinh điển thường gọi Bồ Tát Văn Thù là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử* (*s: Mañjuśriyā Kumārabhūtena,*文殊師利法王子), *có nghĩa rằng tất cả Bồ Tát đều gọi là con của đức Như Lai Pháp Vương. Kinh điển thường nêu Bồ Tát Văn Thù là Pháp Vương Tử là vì Ngài là vị đệ tử thượng thủ trong hàng Bồ Tát, được xem như cánh tay phải bên cạnh Đức Phật. Trưởng Lão Xá Lợi Phất là Trí Tuệ Đệ Nhất trong hàng đệ tử Thanh Văn, còn Văn Thù Sư Lợi là Trí Tuệ Đệ Nhất trong hàng Bồ Tát Đại Thừa. Nhân trong quyển 80 của Hoa Nghiêm Kinh có câu: "Tại phương Đông Bắc có ngọn núi tên Thanh Lương Sơn* (清涼山)*; từ xưa*

đến nay, các chúng Bồ Tát đều dừng chân trú tại núi đó, hiện có Bồ Tát tên Văn Thù Sư Lợi, cùng với quyến thuộc, các vị Bồ Tát một vạn người, thường trong núi ấy, tuyên diễn thuyết pháp". Cho nên, Ngũ Đài Sơn (五台山, *còn gọi là Thanh Lương Sơn*) *ở Tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc được công nhận là đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát, trở thành một trong 4 ngọn núi danh tiếng. Nga Mi Sơn là Thánh địa của Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Đà Sơn là Thánh địa của Quan Thế Âm Bồ Tát. Cửu Hoa Sơn là Thánh địa của Địa Tạng Vương Bồ Tát (Phỏng theo Phật học Tinh tuyển).*

Trong phần này ba tên Mạn Thù Thất Lợi, Văn Thù Sư Lợi hay Diệu Cát Tường chỉ là một nhân vật. ***TB***

(3). Kinh "Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát nhã Ba la mật", Hán dịch là Mạn Đà La Tiên, Việt dịch là Minh Tấn của nhóm Tuệ Quang Wisdom Light Foundation diễn tả đoạn Kinh này như sau: "Đúng như thế, bạch Thế Tôn! Con thật đến đây mong yết kiến Như Lai. Tại sao con làm như thế? Thưa vì con hâm mộ chánh pháp, mong muốn đem lại sự lợi ích cho chúng sanh. Con quán sát Như Lai tướng như, tướng bất dị, tướng bất đồng, tướng bất tác, tướng vô sanh, tướng vô diệt, tướng bất hữu, tướng bất vô, bất trụ phương, bất ly phương, phi tam thế phi bất tam thế, phi nhị tướng phi bất nhị tướng, phi cấu tướng phi tịnh tướng... con vận dụng chánh quán Như Lai như thế để đem lại sự lợi ích chơn thật cho chúng sanh". *Lối dịch này hay tuy có tánh bác học, vì dùng chữ Hán quá nhiều.*

(4). Kinh "Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Bát nhã Ba la mật" do Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch, không gọi là "đồng tử" mà gọi là "đồng nhân". Đồng tử có rất nhiều nghĩa: 1. Trẻ con; 2. Chỉ cho Bồ Tát. Bồ Tát là vương tử của Như lai; 3. Những vị theo hầu đức Phật, Bồ Tát và chư thiên cũng gọi là Đồng tử. Từ "đồng tử" ở đây có vẻ kính trọng.

(5). Vì mỗi quyển của phần "Mạn Thù Thất Lợi" quá dài ý nghĩa lại sâu kín, để độc giả có thể nắm ý chính của mỗi đoạn Kinh nên chúng tôi thích nghĩa hay chiết giải xen kẽ. Việc làm này có thể gây khó chịu cho các thiện hữu. Nếu chúng tôi không làm như vậy thì các thiện hữu khó nắm toàn bộ giáo lý. Đây cũng là lối chiết giải của Bồ Tát Long Thọ hay một số tác giả khác.

(6). Tịch diệt: Mất hết, không còn gì. Tiếng nhà Phật, chỉ sự dứt bỏ mọi ràng buộc mà tới được Niết bàn (Từ điển Nguyễn quốc Hùng).

(7). Không thể nghĩ bàn hay bất khả tư nghị (不可思議)*, Phạm: a-cintya. Cũng gọi Bất tư nghị, Nan tư nghị (khó nghĩ bàn). Chỉ cho cảnh giới không thể nghĩ lường nói năng được. Chủ yếu được dùng để hình dung cảnh giới giác ngộ của chư Phật Bồ Tát, cùng với sự mầu nhiệm sâu xa của trí tuệ và sức thần thông. Phỏng theo Phật Quang Từ điển.*

(8). Duyên lự: Là duyên theo cảnh giới, nhớ tưởng sự vật.

(9). Ca Diếp Ba: (s: Mahākāśyapa, p: Mahākassapa, 摩訶迦葉*): còn gọi là Đại Ca Diếp (*大迦葉*), Ma ha Ca diếp, Ca Nhiếp Ba (*迦攝波*); ý dịch là Ẩm Quang (*飲光*), là một trong 10 vị đại đệ tử của đức Phật, vị tổ được truyền trao pháp tạng đầu tiên từ đức Phật, thường được gọi là Tây Thiên Thủ Truyền Ma Ha Ca Diếp Tôn Giả (*西天首傳摩訶迦葉尊者*). Ông sanh ra trong một gia đình Bà La Môn, gần ngoại ô Thành Vương Xá (s: Rājagṛha; p: Rājagaha,* 王舍城*). Sau khi đức Phật thành đạo được 3 năm, ông theo làm đệ tử Ngài, rồi 8 ngày sau thì chứng nhập cảnh địa A La Hán, là người không chấp trước số một trong hàng đệ tử Ngài. Ông có nhân cách thanh liêm, được Phật rất tin tưởng, từng được Ngài chia nửa tòa cho mà ngồi. Sau khi Phật diệt độ, ông trở thành người lãnh đạo giáo đoàn, tiến hành triệu tập Đại Hội Kết Tập Kinh Điển lần đầu tiên tại Thành Vương Xá. Về sau, ông truyền pháp lại cho Tôn giả A Nan (s, p: Ānanda,* 阿難*). Tương truyền ông vào trong Kê Túc Sơn (s: Kukkuṭapādagiri, Kurkuṭapādagiri, p: Kukkuṭapadagiri, Kurkuṭapadagiri,* 雞足山*) nhập định để chờ đức Phật Di Lặc (s: Maitreya, p: Metteyya,* 彌勒*) xuất hiện. Thiền tông xem ông là người đầu tiên hành trì pháp môn không chấp trước, đặc biệt xem ông là Đầu Đà Đệ Nhất (Khổ Hạnh Số Một). Câu chuyện Niêm Hoa Vi Tiếu (*拈華微笑*) liên quan đến Tôn Giả Ca Diếp được truyền tụng mãi cho đến ngày nay. Ngoài ra, vị Phật thứ 6 trong 7 vị Phật thời quá khứ cũng có trùng tên là Ca Diếp. Trong số các đệ tử của đức Phật còn có Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp (s: Uruvilvā-kāśyapa, p: Uruvela-kassapa,* 優樓頻螺迦葉*), Già Da Ca Diếp (s: Gayā-kāśyapa,* 伽耶迦葉*), v.v., đều có tên trùng Ca Diếp. Vị tổ của Ẩm Quang Bộ (s: Kāśyapīya,* 飲光部*) thuộc Thượng Tọa Bộ (s: Sthaviravāda, p: Theravāda,* 上座部*) cũng có tên giống vậy. Trong Đại Phạm Thiên Vương Vấn Phật Quyết Nghi Kinh (*大梵天王問佛決疑經*) có thuật lại truyền*

*thuyết rằng xưa kia khi đức Phật Thích Ca đang ở trên Hội Linh Sơn, lúc ấy Ngài cầm cành hoa Kim Ba La Hoa (*金波羅華*) do chư thiên đem dâng cúng, đưa ra trước hội chúng hơn 80.000 người. Đại chúng hết thảy đều ngẩn ngơ im lặng mà không thể nào hiểu được thâm ý của đức Như Lai thế nào. Khi ấy, chỉ có một mình Ma Ha Ca Diếp mỉm cười mà thôi. Thấy vậy đức Phật bèn dạy rằng: "Hữu ngã chánh pháp nhãn tạng Niết Bàn diệu tâm, tức phó chúc vu nhữ, nhữ năng hộ trì, tương tục bất đoạn (*有我正法眼藏涅槃妙心、卽付囑于汝，　汝能護持、相續不斷*), ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, nay phó chúc cho ngươi; ngươi có thể giữ gìn, cho liên tục không dứt đoạn)", và truyền trao chánh pháp cho vị này. Đây được xem như là khởi nguyên của Thiền tông. (Phật Học Tinh Tuyển)*

(10). Pháp luân: Bánh xe pháp, ví dụ giáo pháp của đức Phật, có 3 nghĩa: 1. Tồi phá: Vì Phật pháp có ***công năng phá trừ tội ác*** *của chúng sinh, giống như bánh xe báu của Chuyển luân Thánh vương có thể nghiền nát núi non nham thạch, cho nên ví dụ là Pháp luân. 2. Triển chuyển: Vì đức Phật nói pháp không dừng ở 1 người nào, cũng không vướng mắc ở 1 chỗ nào, giống như bánh xe quay mãi không dừng, cho nên gọi là Pháp luân. 3. Viên mãn: Vì giáo pháp do đức Phật nói đầy đủ không thiếu, giống như bánh xe tròn trịa, nên gọi là Pháp luân. Luận Đại trí độ quyển 25 (Đại 25, 245 thượng) nói: Đức Phật quay bánh xe pháp, tất cả trời và người trong thế gian không bị trở ngại, không bị ngăn che (...) gặp được Pháp luân của Phật thì tất cả phiền não, tà kiến, nghi hối, độc hại thảy đều tiêu diệt. Pháp luân cũng gọi là Phạm luân, trong các Kinh luận có nêu ra nhiều ý nghĩa khác nhau về từ ngữ này: 1. Phạm nghĩa là thanh tịnh, mà pháp của đức Phật nói cũng thanh tịnh, nên gọi Phạm luân. 2. Phật là đấng Đại phạm, Phật dùng Phạm âm để nói pháp, nên gọi Phạm luân. 3. Lúc đức Phật vừa mới thành đạo, Phạm thiên đến khuyến thỉnh Ngài chuyển pháp luân, vì thế gọi là Phạm luân. 4. Đức Phật dùng 4 tâm Phạm hạnh (4 tâm vô lượng): Từ, bi, hỷ, xả để tuyên thuyết đại pháp, cho nên gọi là Phạm luân. 5. Người Ấn độ thời xưa rất tôn quí Phạm thiên, vì tùy thuận thế gian, nên gọi là Phạm luân. Nhưng cũng có thuyết cho rằng giữa 2 từ Pháp luân và Phạm luân có ý nghĩa khác nhau: - Phạm luân chỉ dạy pháp Tứ vô lượng tâm và pháp Tứ thiền định của Thánh đạo thiền*

định. - Pháp luân chỉ dạy pháp Tứ Thánh đế và 37 phẩm trợ đạo của Thánh đạo trí tuệ. (Phật Quang từ điển).

Sơ giải:

Khi chiết giải Hội thứ VII gọi là "Mạn Thù Thất Lợi Phần" (không gọi là phẩm), Q.574 và Q.575 ĐBN, do nhóm của Ngài Huyền Trang sao lại cũng như Kinh "Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát nhã Ba la mật" do Mạn Đà La Tiên hay Kinh "Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật" do Ngài Tăng Ca Bà La dịch, các nhà chú giải thường chú ý đến 4 điểm mà cả ba Kinh trên thường nêu ra là: 1- Nhất tướng của Như Lai, 2- Hữu tình giới bất khả đắc, 3- Tướng điều phục và tướng phúc điền cũng bất khả tư nghì và 4- Nhất tướng trang nghiêm Tam ma địa.

Tuy nhiên, lối diễn đạt ở đây không phải là lối diễn đạt thông thường như các Hội trước. Đây là giáo lý ***đỉnh cao trí tuệ*** *của Bát nhã Ba la mật. Phải nói trước rằng giáo lý của Hội này, tuy vỏn vẹn chỉ có 2 quyển (trong số 600 quyển ĐBN), nhưng cực kỳ bí nhiệm, ảo diệu so với tất cả các Hội khác. Vì vậy, nhân vật chính trong Hội này là Mạn Thù Thất Lợi hay Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói cho Xá Lợi Tử, một đệ tử được xem là trí tuệ bậc nhất trong hàng A la hán dưới thời Phật lúc bấy giờ, về những giáo lý ở đây như sau:* "Những điều tôi nói chẳng phải là cái mà các Bồ Tát sơ học có thể liễu tri, mà cả đến những vị A la hán đã thành xong đạo nghiệp cũng không thể hiểu nổi".

Chúng tôi chỉ là phàm phu tục tử, không phải là những A la hán đã sạch hết các lậu tận, phải hiểu các giáo lý ở đây như thế nào? Luận giải sau đây có thể soi sáng những điều mà Mạn Thù Thất Lợi, một Bồ Tát được xem là trí tuệ nhất trong hàng Bồ Tát, giúp Thế Tôn giáo hóa chúng sanh trong thế giới Kham Nhẫn này. Tùy theo ***mỗi đoạn Kinh*** *trong chánh văn, chúng tôi có giải thích chi tiết kèm theo như trên. Bây giờ, trong phần lược giải chính này chỉ thuyết tổng quát:*

1. Giáo pháp bất khả tư nghì:

1- Cái nhất tướng của Như Lai.

Mạn Thù Thất Lợi quán Như Lai: "Con thấy Như Lai tức tướng như không động, không tạo tác, không phân biệt-không phân biệt khác, chẳng phải phương xứ-chẳng phải lìa phương xứ, chẳng phải có-chẳng phải không, chẳng phải thường-chẳng phải đoạn, chẳng phải chính ba đời-chẳng phải lìa ba đời, không sanh-không diệt, không đến-không đi, không nhiễm-không tịnh, không hai-chẳng hai, tuyệt đường ngôn ngữ. Nếu đem tướng bình đẳng Như như này mà quán Như Lai thì gọi là thấy Phật một cách chân thật, cũng gọi là kính lễ và gần gũi Như Lai, thật sự làm lợi lạc cho hữu tình".

Quán tưởng một người sống bằng xương bằng thịt mà không động, không tạo tác, không phân biệt-không phân biệt khác, không nhiễm-không tịnh, không đoạn-thường, sanh-diệt, khứ-lai… Một nhân vật có những đặc tánh như vậy là một nhân vật chỉ có trong trí tưởng. Không bao giờ và mãi mãi tìm thấy một mẫu người nào như vậy trong cõi đời này. Vì biểu tượng chỉ có trên ngôn từ, nhưng hiện thực thì không. Biểu tượng bất cứ dưới hình thức nào cũng đều là thêu dệt bằng ngôn từ, nghĩa là đều thần-thánh-hóa hết.

Nhưng, Kinh không muốn tạo một biểu tượng mà Kinh bảo: "...Nếu **đem tướng bình đẳng như như mà quán Như Lai** thì gọi là thấy Phật một cách chân thật". *Điều đó có nghĩa là quán như vậy không phải để thấy một biểu tượng hay để thần-thánh-hóa một nhân vật mà **phải quán cái gọi là chánh quán**. Quán Như Lai trong tướng bình đẳng như như, như vậy là như vậy, chẳng lúc nào chẳng như, chẳng hư vọng, chẳng đổi dời. Như đó là nhất như không hai không khác. Nên Kinh nói quán Như Lai trong nghĩa nhất tướng.*

Quán Như Lai trong nhất tướng tức Như Lai là không sanh diệt, không tạo tác đổi dời, không phân biệt, không phân biệt khác, không nhiễm tịnh, v.v... Học được thân giáo của Như Lai như vậy thì biến thành Như Lai không khác. Nên nói là mang lại lợi ích an lạc cho toàn thể hữu tình. Quán được như vậy thì thân tâm được thanh tịnh.

Đạo Phật có nhiều pháp tu tùy theo các tông phái. Tịnh độ tông có các pháp tu như Trì danh niệm Phật, Tham cứu niệm Phật, Quán tượng niệm Phật, Quán tưởng niệm Phật và Thật tướng niệm Phật. Trong 5 pháp tu đó đi từ dễ tới khó, bốn pháp tu đầu thuộc về sự, pháp

tu sau cùng thuộc về lý, chỉ dành cho bậc thượng đẳng thượng căn là ***nhìn vào bản thể chân tâm mà niệm*****.**

Chân tâm đó không tạo tác, không phân biệt, không nhiễm tịnh, đoạn thường, sanh diệt, khứ lai. Cứ niệm như thế lâu ngày thành thục thì ***được nhất tâm****. Kinh "Na Tiên" bảo "Muôn hạnh công đức chỉ có nhất tâm là bậc nhất". Tâm này chính là bình đẳng như như mà Mạn Thù Thất Lợi gọi là Như Lai nhất tướng. Cứ theo cứu cánh này tu hành tức sanh thật tướng, sẽ tạo lợi ích cho toàn thể hữu tình.*

Mạn Thù Thất Lợi dùng chánh quán để thấy Như Lai nhất tướng cũng giống như phương pháp dùng thật tướng niệm Phật trong Tịnh độ tông để thấy thật tướng. Thành Phật hay vãng sanh thì có thể làm phước điền cho tất cả hữu tình. Ở đây, chúng ta chỉ cốt so chiếu hai pháp tu là **quán** *và* **niệm***, tuy có khác về phương pháp tu tập nhưng tiến trình như nhau.*

2- Hữu tình giới là bất khả tư nghì:

- Kinh "Văn Thù Sở Thuyết Ma Ha Bát nhã Ba la mật", *do Mạn Đà La Tiên dịch (đồng với Hội này) Phật dạy Văn thù:*

- "Như Lai chẳng nghĩ bàn, phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn.

Văn thù bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn ư?

Phật dạy:

- Phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả tâm tướng đều chẳng nghĩ bàn.

Văn thù nói:

- Nếu nói như vậy thì Như Lai chẳng nghĩ bàn, phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn. Vô số người cầu Niết bàn chỉ mệt mỏi uổng công. Vì sao? Vì pháp chẳng nghĩ bàn tức là Niết bàn, bình đẳng, không khác".

Tất cả pháp đều bình đẳng. Nếu Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, thì chúng sanh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì trong pháp bình đẳng không phân biệt.

- Phần "Mạn Thù Thất Lợi", Q.574, Hội thứ VII, ĐBN. *Mạn Thù bạch Phật:*

- "Bạch Thế tôn! Hữu tình tâm đồng tâm Phật, tánh chẳng nghĩ bàn ư?

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi:

- Đồng Tử! Như vậy, như ngươi đã nói. Vì sao? Vì Phật, hữu tình, tâm và tất cả pháp thảy đều bình đẳng chẳng nghĩ bàn vậy".

Khi nhập vào pháp không, pháp như rồi, sống trong đệ nhất nghĩa đế thì không còn phân biệt, nên biết tất cả pháp đều bình đẳng như như. Pháp không là không, pháp như cũng là không, bình đẳng cũng là không, Đệ nhất nghĩa đế cũng không nốt, nên nói là Đệ nhất nghĩa không. Trong không, Phật cũng không, hữu tình cũng không, tâm và tất cả pháp cũng đều không. Tất cả đều bất khả đắc, nên nói là chẳng thể nghĩ bàn. Khi đạt được trạng thái như như bình đẳng của tất cả pháp thì những diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn sẽ hiện ra.

*Nên **Kinh "Văn Thù Sở Thuyết Ma Ha Bát nhã Ba la mật",** nói:*

"Tất cả chư Phật đó cứu độ vô lượng hằng hà sa chúng sinh, nhập Niết bàn, nhưng cảnh giới của chúng sinh cũng không tăng, không giảm. Cho đến mười phương thế giới chư Phật, cũng lại như vậy. Mỗi mỗi chư Phật thuyết pháp giáo hóa, đều độ vô lượng hằng hà sa chúng sinh, nhập Niết bàn nhưng cảnh giới của chúng sinh thì không tăng, cũng không giảm. Vì sao? Vì định tướng của chúng sinh là không thể nắm bắt, cho nên cảnh giới của chúng sinh là không tăng không giảm.

Xá Lợi Phất lại hỏi với Văn thù sư lợi:

- Nếu cảnh giới của chúng sinh không tăng không giảm thì làm sao Bồ Tát vì chúng sinh mà cầu Chánh đẳng Chánh giác, thường thực hành việc thuyết pháp?

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Nếu tất cả chúng sinh đều là **tướng không** thì không có Bồ Tát cầu Chánh đẳng chánh giác. Cũng không có chúng sinh để thuyết pháp. Vì sao? Vì trong pháp tôi nói, không có một pháp nào có thể nắm bắt.

Đức Phật hỏi Văn Thù Sư Lợi:

- Nếu không có chúng sinh, vì sao nói có chúng sinh và cảnh giới của chúng sinh?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Cảnh giới của chúng sinh tương tự cảnh giới của chư Phật".

Vì vậy, nếu nói cảnh giới của chư Phật không thể nghĩ bàn thì cảnh giới của chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn. Vì cảnh giới của chúng sanh tương tự cảnh giới Phật. Kết luận này chỉ có thể chấp nhận khi thâm nhập được tánh không Bát Nhã, thì sẽ thấy cảnh giới ấy hiện ra. "Bát Nhã phải biết tức là cảnh giới không nghĩ bàn. Cảnh giới không nghĩ bàn phải biết tức là cảnh giới chẳng hiện hành. Cảnh giới chẳng hiện hành phải biết là cảnh giới vô sở hữu. Cảnh giới vô sở hữu phải biết tức là cảnh giới vô sanh diệt. Cảnh giới vô sanh diệt phải biết tức là cảnh giới chẳng nghĩ bàn. Cảnh giới chẳng nghĩ bàn và cảnh giới của Như Lai, cảnh giới ngã, cảnh giới các pháp đều không hai, không khác".

3- Tướng điều phục và tướng phước điền bất khả tư nghì.

Phần "Mạn Thù Thất Lợi" Q.574, Hội thứ VII, ĐBN. *Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi:*

- "Ngươi muốn Như Lai thuyết pháp điều phục các đệ tử không?

- Bạch Thế Tôn! Nếu **thuyết pháp mà điều phục** được chơn như pháp giới, thì con nguyện Như Lai thuyết pháp điều phục các chúng đệ tử. Nhưng Phật Thế Tôn hiện ở đời đối với hữu tình trọn không ơn đức. Vì sao? **Vì hữu tình trụ chơn như pháp giới không có tạp nhiễm**. Đối trong giới đây, phàm phu Thánh giả năng thuyết năng thọ đều bất khả đắc.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Ngươi muốn Như Lai là **chơn ruộng phước vô thượng** của thế gian không?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! **Nếu các ruộng phước là thật có** thì con cũng muốn Phật là bậc Vô thượng của họ. Nhưng **ruộng phước thật bất khả đắc**. Thế nên chư Phật đều chẳng phải ruộng phước, chẳng phải phi ruộng phước. **Vì tánh của phước, chẳng phải phước và tất cả pháp đều bình đẳng**. Nhưng người làm ruộng phước cho thế gian có khả năng vô tận nên thế gian nói chung gọi vị ấy làm ruộng phước vô thượng. Chư Phật Thế Tôn chứng được phước vô tận, thế nên có thể

nói Ngài là ruộng phước vô thượng. Vả lại, người làm ruộng phước cho thế gian không có sự chuyển biến, nên đời gọi chung người ấy là ruộng phước vô thượng. Chư Phật Thế Tôn chứng phước vô tận, vậy nên phải gọi vô thượng phước điền.

Lại nữa, người làm ruộng phước cho thế gian khó nghĩ, nên đời gọi chung vị ấy là Vô thượng điền. Chư Phật Thế Tôn chứng được phước khó nghĩ này, cho nên gọi là Vô thượng phước điền. Chư Phật tuy thật là ruộng phước Vô thượng nhưng người gieo trồng phước thì không bớt, không thêm.

Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- Ngươi dựa vào nghĩa nào mà nói như vậy?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! **Tướng ruộng phước của Phật không thể nghĩ bàn, nếu có người gieo trồng vào trong đó năng hiểu rõ được pháp tánh bình đẳng, thông đạt tất cả pháp không tăng, không giảm, nên Phật thật là ruộng phước vô thượng".**

Trong chơn như, pháp giới, pháp tánh… tất cả pháp đều không, đều bình đẳng. Nên nói phước điền cũng không. Đó là nói theo Đệ nhất nghĩa không, trong Đệ nhất nghĩa không tất cả pháp đều không, tất cả đều bình đẳng không hai không khác. Nên nói là Đệ nhất nghĩa không mới khế hợp với tinh thần của Tánh Không Bát Nhã.

Nói tóm lại, Đệ nhất nghĩa đế hay Chân đế là nói các pháp chân thật, không biến động đổi dời. Còn Tục đế là nói các pháp không chân thật, luôn biến động đổi dời sinh diệt. Vượt trên Chân đế và Tục đế là Đệ nhất nghĩa không. Bồ Tát Long Thọ trong Đại Trí Độ Luận nói: **"Vào Đệ nhất nghĩa không chẳng thấy Không, cũng chẳng thấy chẳng Không".**

Luận giải dài dòng là như thế. Nhưng mặt khác nếu hiểu chúng sanh ***vốn Bản hữu*** *thì ai làm phước điền cho ai. Vì chúng sanh là bất khả đắc. Nhưng nếu chúng sanh tự biết do vô minh ngã ái che mờ bản giác. Biết như vậy tu hành gọi là* **Tu sanh** *thì sẽ trở về cái Bản hữu khi xưa không khác.*

1/. Tướng điều phục:

Nếu hữu tình trụ chơn như, pháp giới thì làm gì có nhiễm có tịnh. Đó là Niết bàn. Trong Niết bàn thì năng thuyết sở thuyết, năng thọ sở thọ đều không, bất khả đắc thì không cần điều phục, tự nhậm điều phục thì có gì để nghị luận, nghĩ bàn nữa!

2/. Tướng phước điền:

Nếu ruộng phước của Phật mà thấy có chút thật thì Phật là ruộng phước của tất cả chúng sanh. Nhưng ruộng phước của chư Phật không thể thấy, không thể nắm bắt, bất khả đắc. Nên chư Phật không phải là ruộng phước hay chẳng phải phi ruộng phước. Vì ruộng phước vô vi, không thể thấy, không thể đo lường... xảy ra vô tận, nên nói là không thể nghĩ bàn.

Vô số chúng sanh khéo gieo trồng ruộng phước vào trong ấy, không thấy năng đắc sở đắc, không thấy phước điền hữu vi hay vô vi, tất cả đều bình đẳng thì có thể hiểu Phật thật là ruộng phước vô thượng của toàn thể chúng sanh.

Bởi vì, ruộng phước của chư Phật không thể thấy, không thể nắm bắt, bất khả đắc. Phước điền của chúng sanh cũng như vậy. Nhưng nếu thấy tất cả đều là bình đẳng thì có thể hiểu Phật thật là ruộng phước vô thượng của toàn thể chúng sanh. Đó là những điều mà Mạn Thù Sư Lợi Bồ Tát thuyết trong Hội này. Đây là thuyết theo Đệ nhất nghĩa đế.

Trong Bản hữu tất cả chúng sanh cũng như Phật ngang nhau, chẳng ai nương tựa ai, tất cả đều bình đẳng thì ai sẽ làm ruộng phước cho ai? Chỉ những ai hiểu biết như thế mà dạy cho chúng sanh hiểu để hành, thì đó chính là phước điền thế gian. Đây là lối thuyết theo Bản hữu và Tu sanh.

Nói cho cùng thì thuyết theo Đệ nhất nghĩa đế cũng giống như thuyết về Bản hữu và thuyết Thế tục đế thì chẳng khác gì thuyết về Tu sanh, chỉ khác ở cách gọi, giáo nghĩa không khác.

4- Nhất tướng trang nghiêm Tam ma địa:

Muốn mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì phải chứng Nhất tướng trang nghiêm Tam ma địa. Nhưng muốn chứng Tam ma

địa này thì phải học Bát nhã Ba la mật. Rốt lại, tất cả sông ngòi, suối lạch, cống rảnh... đều đổ vào biển cả. Phần "Mạn Thù Thất Lợi", Q.575, Hội thứ VII, ĐBN. Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi:

- "Tam ma địa này **lấy tướng pháp giới để làm trang nghiêm**, nên gọi là Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm. Đại Bồ Tát nào muốn nhập vào Tam ma địa thù thắng này, trước hết phải lắng nghe, thỉnh hỏi, tu học Bát Nhã thâm sâu. Rồi sau đó mới có thể nhập vào Tam ma địa này".

"... Thiện nam, thiện nữ nào muốn nhập vào Tam ma địa này phải ở chỗ trống vắng, lìa xa ồn náo, ngồi kiết già chẳng nghĩ đến các tướng. Vì muốn lợi lạc tất cả hữu tình, phải chú tâm chánh niệm, thủ giữ danh tự một vị Như Lai, **khéo tưởng về dung nghi của Ngài**. Ngài ở phương nào thì ngồi thẳng quay về hướng ấy, **niệm niệm tiếp nối nhau**, niệm một Như Lai tức là đã quán khắp chư Phật ba đời. Vì sao? Vì vô lượng, vô biên công đức biện tài của một đức Phật ngang bằng với tất cả Phật. Chư Phật ba đời nương một chơn như chứng Đại Bồ đề không sai khác vậy.

Thiện nam, thiện nữ nào siêng năng tu học, được nhập vào Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm, sẽ thấu rõ được vô lượng, vô biên hằng hà sa số pháp giới chư Phật không có tướng sai khác, cũng có thể tổng nhiếp chấp trì vô lượng, vô số hằng hà sa pháp luân vô thượng mà chư Phật Bồ Tát đã chuyển, chưa chuyển. Như Ngài A Nan đa văn trí tuệ, đối với lời Phật dạy đều nhớ, giữ gìn hết. Tuy là bậc tối thắng trong chúng Thanh văn nhưng sự nhiếp trì giáo pháp còn có phần hạn chế. Nếu vị nào chứng được Tam ma địa Nhất tướng trang nghiêm, thì trí tuệ đa văn và sức nhớ tổng nhiếp ấy sẽ không thể nghĩ bàn, có thể thọ trì được pháp luân vô thượng của vô lượng, vô biên hằng hà sa số chư Phật Bồ Tát. Mỗi mỗi pháp môn đều được thông suốt nghĩa lý sâu xa, tuyên thuyết khai thị biện tài vô tận hơn A Nan gấp trăm ngàn lần".

Các thần thông, các Tam ma địa và các Đà la ni tuy có giải thích trong Kinh điển Phật học, nhưng lại không chỉ dẫn phương pháp tu luyện và hành trì. Nên rất khó học, khó thực hành!

Ở đây, Phật giải thích cách tu Nhất tướng trang nghiêm Tam ma địa như sau: Tìm chỗ vắng vẻ, ngồi kiết già chẳng nghĩ đến các tướng, chú tâm chánh niệm, thủ giữ tên của một vị Phật, khéo tưởng về dung

nghi của Ngài. Như ở cõi Tịnh Độ phương Đông có Phật Bất Động, thì hướng mặt về phương Đông. Ở cõi Tịnh Độ phương Tây có Phật A di *đà, thì hướng mặt về phương Tây, niệm niệm tiếp nối nhau không dứt. Niệm một Phật tức quán tất cả Phật ba đời. Vì công đức của một đức Phật ngang đồng với vô lượng chư Phật. Chư Phật ba đời đều nương chơn như chứng Đại Bồ đề không khác.*

Pháp niệm nhất tướng trang nghiêm Tam ma địa này cũng giống một phần như pháp ***Trì danh niệm Phật, phần khác lại giống pháp Quán tưởng niệm Phật.*** *Thủ giữ tên của một vị Phật, niệm niệm không dứt là Trì danh niệm Phật. Khéo giữ dung nhan của một vị Phật là Quán tưởng niệm Phật. Dù là trì danh hay quán tưởng hay phối hợp hai pháp quán niệm với nhau, mục đích là hoặc nghe âm thanh hoặc tưởng tướng hảo quang minh của Phật cốt cột tâm vào một điểm. Niệm niệm chẳng dứt, niệm đến thành phiến, niệm đến năng sở không còn, chủ khách tan hoang, không thấy mình là người niệm, không thấy Phật là người bị niệm. Quán tưởng tướng hảo quang minh cũng lại như thế.*

Ở đây Phật dạy nếu niệm quán được như vậy thì được nhập Nhất tướng trang nghiêm Tam ma địa, sẽ "thấu rõ được vô lượng, vô biên hằng hà sa số pháp giới chư Phật không có tướng sai khác, cũng có thể tổng nhiếp chấp trì vô lượng, vô số hằng hà sa pháp luân vô thượng mà chư Phật Bồ Tát đã chuyển, chưa chuyển".

Đó là tất cả những gì Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát về pháp tu Nhất tướng trang nghiêm Tam ma địa mà chúng tôi cố gắng nêu ra và so sánh với hai pháp tu "Trì danh niệm Phật" và "Quán tưởng niệm Phật" của Tịnh độ. Kết quả thực hành của các pháp tu này là người tu trì danh hay quán tưởng, được xem như đại thừa thiền, khi hiện tiền thì phát sanh trí tuệ, khi mạng chung thì được vãng sanh. Còn Tam ma địa cũng gọi là Tam muội hay Chánh định cũng sanh trí tuệ là thấu rõ được vô lượng vô biên pháp môn vô thượng của chư Phật trong hiện tiền. Đây chỉ là lối giải thích trên mặt nổi của lý thuyết hơn là thực hành, nên không dám đi sâu hơn.

Đó là bốn thứ bất khả tư nghì mà các nhà chú giải phần "Mạn Thù Thất Lợi" giới thiệu trong bố cục của Hội thứ VII này. Bây giờ, chúng ta

bước qua phần giáo pháp "nghịch đảo" mà chúng tôi gọi là "đỉnh cao trí tuệ"của Bát Nhã?

2. Nghịch đảo hay không nghịch đảo của Bát Nhã?

*Các Hội khác dùng **lối phủ định thông thường** có tánh cách trình bày hay giải thích để diễn đạt giáo lý hơn là lối nói nghịch đảo táo bạo. Như hai thí dụ sau đây:*

- Thí dụ 1:

Phẩm "Hiện Hóa", giữa Q.572, Hội thứ VI, ĐBN, *cho chúng ta thấy sự khác biệt về Đạo và Đời, như sau. Phật bảo:*

"Thiện nam tử! Tất cả phàm phu đều thuận theo thế gian, còn người thuận theo đạo lý thì ngược lại với thế gian, cho nên thế gian thường sanh tranh luận. Tất cả phàm phu đều chấp uẩn, xứ, giới, còn người thuận đạo lý thì nói tất cả pháp đều không có chấp trước, cho nên thế gian phát khởi tranh luận.

Thiện nam tử! **Tất cả phàm phu thuận theo đời thì không thực hành đạo lý, còn người thuận theo đạo lý thì trái với đời**."

Phật chỉ cho thấy, nói cho nghe, chứng cho biết mà chẳng chịu thấy, chẳng muốn nghe, chẳng cần biết. Chỉ nghe "đạo Phật truyền khẩu" nhãm nhí về tội phước, nghiệp báo, địa ngục dầu xôi lửa bỏng... rồi đem ra dọa nạt lẫn nhau, bàn ra tán vào, nông nổi chấp trước. Chẳng chịu đọc tụng thọ trì Kinh sách.

Đó là thuận theo Đời, ngược với Đạo, sanh ra tranh cải, giận hờn nên phải trôi lăn trong ba cõi sáu đường. Đây là nói theo thế tục.

- Thí dụ 2:

Chúng ta thường nghe những câu nói rất trí tuệ nhưng không xác định được nguồn gốc của Đạo hay Đời như "phiền não tức Bồ đề", "sanh tử tức Niết bàn", "mỗi vọng niệm là một hóa thân Phật"... Những câu nói này có vẽ "nghịch tai" đối với đời.

- Nhưng có người bảo ngược lại "có phiền não không có Bồ đề". Tại sao? Vì phiền não lúc nào cũng sanh lậu hoặc điên đảo, do điên đảo lại sanh lậu hoặc phiền não. Cứ thế tạo một chu trình bất tận, khổ

mình, khổ người. Biết như vậy, nên tu để tránh khổ. Hết khổ hết phiền não thì được Bồ đề! Nên bảo "phiền não tức Bồ đề". Đó là câu nói phản tỉnh, chẳng có gì nghịch đảo ở đây.

- Cũng vậy, câu nói "sanh tử tức Niết bàn". Biết luân hồi sanh tử là đọa đầy khổ đau bất tận. Biết như vậy nên tu để thoát khỏi khổ, thoát sanh tử. Vì vậy, tu để giải thoát, nên nói "sanh tử tức Niết bàn" cũng là câu nói tỉnh thức.

- Vọng lúc nào cũng gây phiền não, nó gậm nhấm làm hao mòn tiềm năng óc não của chúng ta, nó giết hại thân tâm ta. Biết như vậy nên tìm cách đình vọng. Hết vọng thì thành Phật, thành Phật tức có hóa thân để hóa độ chúng sanh. Nên nói tắt "mỗi vọng niệm là một hóa thân Phật". Cũng vậy, "trần trần là báo", cũng là câu nói nghịch, có tính cách phản tỉnh cốt dựng dậy cái tâm ngái ngủ ngàn đời của người học đạo.

*Trái với hai thí dụ nói trên, **phần "Mạn Thù Thất Lợi", Hội thứ VII** tuy có hai quyển nhưng từ đầu tới cuối, thuyết giảng đặc biệt không theo pháp thức thường tục như chúng ta nghĩ tưởng.*

Chủ đề thuyết giảng ở đây cũng giống như ở các Hội khác tức là thuyết giảng về Hữu tình, Thanh văn, Bồ Tát, Phật và Bồ đề trong mối quan hệ của Tâm và Vật hay Nhân sinh và Vũ trụ, tức đối tượng triết lý chánh yếu về nhân sinh của Phật đạo. Tuy nhiên, cách phát biểu hoàn toàn khác hẳn với lối thuyết giảng nói trên. Ở đây, Mạn Thù không muốn phân chia thế giới làm 2 mà thực chất của Tục đế và Chân đế là như vậy.

Thuận dòng thế gian là Tục đế, còn bậc chứng ngộ lúc nào cũng đi ngược với thế gian. Nên những gì Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát thuyết dưới con mắt thường tình của chúng sanh đều có tánh cách nghịch lý mà chúng ta gọi là "phản biện". Tục đế thì nói là có tội có phước, còn Thắng nghĩa đế hay Đệ nhất nghĩa không thì không tội không phước.

Dưới đây là cái thấy của bậc chứng đạo:

1- Đối với hữu tình:

1/. Hữu tình tâm đồng tâm Phật:

Phần "Mạn Thù Thất Lợi", Q.574, Hội thứ VII, ĐBN. Mạn Thù bạch:

- "Bạch Thế tôn! Hữu tình tâm đồng tâm Phật, tánh chẳng nghĩ bàn ư?

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi:

- Đồng Tử! Như vậy, như ngươi đã nói. Vì sao? Vì Phật, hữu tình, tâm và tất cả pháp thảy đều bình đẳng chẳng nghĩ bàn".

Đó là cái phản biện đầu tiên so với tri thức thường tục của chúng sanh. Vì chúng sanh lúc nào cũng nghĩ Phật là bậc giác ngộ, tâm Phật là tâm ngộ. Tâm chúng sanh là tâm triền phược, nên gọi là tâm mê. Tâm Phật lột được cái vỏ triền phược nên gọi là giác. Phật cùng một tâm với chúng sanh, nhưng mê gọi là chúng sanh, giác thì gọi là Phật. Đó là cái phân biệt của cuộc đời thường. Vì có phân biệt so đo nên mới thấy sai khác. Nhưng nếu thấy tâm và tất cả pháp thảy đều không, đều như, đều bình đẳng thì Phật chúng sanh nào có khác. Trong Kinh, Phật dạy: "Lìa phàm chẳng có Thánh, lìa Thánh chẳng có phàm".

Phật Thích Ca trong Hội thứ VII này thấy tâm chúng sanh cùng đồng với tâm Phật, nghĩa là ***thấy pháp thân, Phật tánh như nhau****. Còn chúng sanh lúc nào cũng thấy Phật là bậc thượng tôn (ở trên cao), còn chúng sanh là hạ đẳng (ở dưới thấp), nên cái thấy dĩ nhiên phải khác.*

Nói tâm Phật, tâm chúng sanh chỉ là một thì gọi là ***Bản hữu****, nghĩa là bản tánh như nhau hay cùng có Phật tánh từ ngàn xưa. Trong khi chúng sanh thấy giữa chúng sanh và Phật có sai biệt. Phật là bậc giác ngộ và chúng sanh là người ở cõi mê. Muốn được như Phật thì phải tu để thành Phật, nên gọi* ***Tu sanh,*** *nghĩa là nhờ tu hành mới hiển đắc. Tất cả thuyết pháp của Mạn Thù Thất Lợi đều là Đệ nhất nghĩa, trong đệ nhất nghĩa tất cả pháp đều bình đẳng, không phân biệt.*

2/. Ngụy thân là thật tế?

Phật lại hỏi:

- "Mạn Thù Thất Lợi! Sao gọi là thật tế?

- Bạch Thế Tôn! Thật tế phải biết đó là ngụy thân.

- Mạn Thù Thất Lợi! Vì sao ngụy thân gọi là thật tế?

- Bạch Thế Tôn! Thật tế không đến không đi, chẳng chơn chẳng ngụy, tướng thân chẳng thân đều chẳng thể được. Ngụy thân cũng vậy, nên ngụy thân tức là thật tế".

Thật tế cũng như chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh... là cảnh giới tuyệt đối, biên tế chung cùng của tất cả thực tại, không đến không đi, chẳng chơn chẳng ngụy. Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát lại trả lời Phật: "Ngụy thân cũng thế, vậy nên ngụy thân tức là thật tế".

Thân chúng sanh là "ngụy thân", thân Phật là công đức trí tuệ. Đó là cái thấy thường tình của chúng sanh, nên khi nghe nói ngụy thân là chơn như thật tế thì không ai đồng ý cả. Vì có cái thấy phân biệt, nên mới nói là nghịch đảo. Nhưng người đã nhập pháp không, pháp như rồi thì thấy tất cả pháp đều không, tất cả pháp đều như, tất cả pháp đều bình đẳng. Chúng ta biết rằng như cũng là không, bình đẳng cũng không. Không những thế thập nhị chơn như cũng là không. Nên nói "không là tên khác của thập nhị chơn như". Sống trong chơn như hay đệ nhất nghĩa đế, tất cả pháp đều bình đẳng. Bình đẳng này chính là thanh tịnh vậy.

2- Đối với Thanh văn:

Thông thường theo Kinh luận nói:

- Thanh văn là những vị "nghe" pháp Tứ đế, các pháp trợ đạo... tu tập theo để dứt trừ các Kiến hoặc và Tư hoặc, lần lượt vượt 4 quả sa môn, chứng quả A la hán rồi nhập Niết bàn. Mục đích cao nhất của Thanh văn là đạt Vô dư y Niết bàn.

Nhưng ở đây Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lại bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Nay con thấy các Thanh văn chẳng phải phàm phu, chẳng phải Thánh giả, chẳng phải hữu học, chẳng phải vô học, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải chẳng thể thấy, chẳng phải người thấy, chẳng phải chẳng có người thấy, chẳng phải nhiều, chẳng phải ít, chẳng phải nhỏ, chẳng phải to, chẳng phải đã điều phục, chẳng phải chưa điều phục. Con thấy như vậy nhưng không có tưởng thấy".

Thanh văn tự điều phục, vì đoạn trừ được tất cả lậu hoặc, nên không cần học nữa. Vì vậy, mới được gọi là bậc vô học mà được quả A la hán. Nhưng Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát lại cho rằng Thanh văn

không phải là phàm phu, không phải là Thánh giả, chẳng hữu học chẳng vô học, chẳng phải đã điều phục, chẳng phải chẳng điều phục. Đó là cái thấy của Mạn Thù Thất Lợi. Tại sao Mạn Thụ Thất Lợi lại thấy khác? Bởi vì, Mạn Thù Thất Lợi thấy Thanh văn dưới lăng kính của người chứng chơn như thật tế, thấy trong như như tướng hay bình đẳng tướng của các pháp, thấy tất cả pháp đều không, như huyễn như mộng. Huyễn mộng cũng là không, nên không có tưởng thấy. Đấy là cái thấy của Đệ nhất nghĩa không. Mục đích của tu hành là đạt đến cảnh giới này.

3- Đối với Bồ Tát:

- Bồ Tát là tu lục độ vạn hạnh, trên cầu Vô Thượng Bồ đề dưới hóa độ chúng sanh, ngày nào còn một chúng sanh chưa được hóa độ, ngày ấy Bồ Tát nguyện không vào Niết bàn. Vậy, mục đích cao cả nhất của Bồ Tát là phát Bồ đề tâm, tu Bồ Tát đạo.

"Khi ấy, Xá lợi Tử liền hỏi Mạn Thù Thất Lợi:

- Đối với Thanh văn thừa mà thấy như vậy thì làm sao Ngài thấy Chánh đẳng giác thừa?

- Đại đức! Nay tôi chẳng thấy Bồ Tát, cũng chẳng thấy pháp của các Bồ Tát, chẳng thấy Bồ đề, cũng chẳng thấy pháp hướng tới Bồ đề, cũng chẳng thấy có hạnh hướng đến Bồ đề, cũng chẳng thấy có pháp chứng đắc Bồ đề, chẳng thấy người chứng được Bồ đề. Tôi thấy Chánh đẳng giác thừa như vậy, nghĩa là ở trong đó hoàn toàn không thấy chi cả".

Mạn Thù nói chẳng thấy Bồ Tát, chẳng thấy pháp Bồ Tát, cũng chẳng thấy có hạnh hướng đến Bồ đề, cũng chẳng thấy có pháp chứng Bồ đề, chẳng thấy có người chứng được Bồ đề, nghĩa là ở trong đó hoàn toàn chẳng thấy chi cả. Vì tất cả là giả bày, không thật có, chỉ giả danh, thi thiết. Vì vậy, nên Mạn Thù Thất Lợi không thấy Thanh văn mà cũng không thấy Bồ Tát.

4- Đối với Phật:

"... Xá Lợi Phất, Ông hỏi thế nào gọi là Phật? Thế nào là quán Phật? Nói Phật ấy là không đến, không đi, không sanh, không diệt, không có sự chứng đắc, không có sự thành tựu, không danh, không

tướng, không thể phân biệt, không ngôn ngữ, không nói năng, không thể biểu thị, chỉ có trí tuệ nhiệm mầu tự chứng biết bên trong. Nghĩa là các Như Lai đã biết được tất cả pháp rốt ráo là Không, là vắng lặng nên chứng đại Bồ đề, **tùy thuận thế gian giả lập danh tự, nên xưng là Phật, chẳng phải thật có**, vì có hay không đều bất khả đắc".

Tứ đại, ngũ uẩn kết hợp mà có muôn vật, có chúng sanh, có Bồ Tát, có Phật. Tất cả đều do duyện hợp mà có, nên nói là giả có, chứ không phải thật có. Tùy thuận theo thế gian, giả lập danh tự, thi thiết lời nói nên xưng là Phật, chứ chẳng phải thật. Tất cả đều giả lập. Nhưng không thi thiết, không có giả lập thì không có Bồ Tát, không có Phật, không có Bồ đề.

5- Đối với Bồ đề:

1/. Bồ đề là ngũ nghịch:

Phần "Mạn Thù Thất Lợi", Q.574, Hội thứ VII, ĐBN. *Xá Lợi Phất bạch:*

- "Bạch đức Thế tôn, như Mạn Thù Thất Lợi giảng, Trí Bát Nhã vượt ngoài tri kiến của chư Bồ Tát mới phát tâm.

"Mạn Thù nói với Xá Lợi Phất:

- "Điều tôi giảng nói không những chỉ vượt ngoài tri kiến của họ, mà còn vượt ngoài tri kiến của các vị A la hán đã thành tựu đạo nghiệp. Không ai có thể hiểu như thật lời giảng của tôi. Tại sao? Bởi vì phàm tâm không vươn tới Bồ Đề nổi, trí năng cũng không thể; **Bồ Đề ở trên thấy, nghe, nhớ, nghĩ; nó không sinh, không diệt, vô tướng. Bồ Đề vì là như tính, nên không nói là hữu hay vô. Không phải là sở tri, sở đắc.**

"Xá Lợi Phất hỏi:

- Mạn Thù Thất Lợi! Đối với pháp giới, lẽ nào Phật không chứng ư?

- Đại đức! Không phải vậy. Vì sao? Vì Phật tức pháp giới, pháp giới tức Phật. Pháp giới chẳng lẽ lại chứng pháp giới. **Pháp giới tức hết thảy các pháp đều không; và tánh Không này là Bồ đề, không hai, không phân biệt**. Bởi vì không hai nên không có trí giải; không có trí giải nên không có ngôn thuyết; không có ngôn thuyết nên không có tướng tác và vô tác, hữu và phi hữu, không có

tướng quyết định. Đó là tự tánh của vạn hữu. Sự biểu lộ đây kia chỉ là tạo tác do tâm".

- "Thưa Ngài Xá Lợi Phất, phạm tội tức thành tựu bất khả tư nghì tức xuất sinh Thật tướng. Thật tướng tức không hai. Chúng sinh vốn bất khả tư nghì nên không có thác sinh lên trời không đọa vào các đường dữ, không chứng nhập Niết bàn. Những kẻ phạm tội không đọa vào địa ngục. **Phạm tội và bất khả tư nghì thảy là Thật tướng, và Thật tướng vốn không hai, không sinh, không diệt, không đến không đi, không nhân không quả, không thiện không ác, không dẫn vào ác đạo hay thiên đường, không đưa tới Niết bàn hay sinh tử. Tại sao? Bởi vì trong Pháp giới chân thật không có thiện hay ác, cao hay thấp, trước hay sau.**

- "Thưa Ngài Xá Lợi Phất, **Tì khưu phạm trọng tội không bị đọa vào địa ngục, tịnh tu giới hạnh không sinh lên thiên đường**. Kẻ phạm tội không rơi vào nẻo sinh tử, không bị khinh bỉ, không bị xa lánh, không bị cấm nhận cúng thí v.v…và kẻ tịnh tu không có chứng Niết bàn, không có tán dương, không có thân cận, không có cúng thí v.v... Tại sao? Bởi vì trong **Pháp giới chân thật chỉ có tướng nhất như; phạm hay không phạm không phân biệt.**

"Bấy giờ Mạn Thù bạch Thế Tôn:

- **Bồ Đề là tội ngũ nghịch, ngũ nghịch tức Bồ Đề**. Tại sao? Bởi vì Bồ Đề và ngũ nghịch thảy đều phi hữu, không có tự tánh. Không có tri và tri giả, kiến và kiến giả, giác và giác giả, phân biệt và phân biệt giả. Nên nói Bồ Đề tức ngũ nghịch. Nếu ai coi Bồ Đề là khả đắc hay khả hành, kẻ ấy đam mê chấp ngã".

Đó là mấu chốt của Hội thứ VII trong chủ đề Mạn Thù Vấn Bồ Đề: "Bồ Đề là tội ngũ nghịch, ngũ nghịch tức Bồ Đề" *và* "phạm tội và bất khả tư nghì thảy là Thật tướng".

Một người chưa từng học và từng hành Bát Nhã khi nghe những điều mà Mạn Thù thuyết, chắc không tránh khỏi "lắc đầu". Vì tất cả những thứ chống trái trong thế giới nhị nguyên: Nhân và quả, thiện và ác, tội và phước, sanh và tử, địa ngục và Niết bàn… đều bị lật úp. Cái mà con người tôn kính nhất là Bồ đề, là Giác ngộ lại bị lên án là ngũ nghịch; còn ngũ nghịch như giết cha, giết

mẹ, giết A la hán, làm chảy máu thân Phật, phá hoại tăng đoàn lại được xem là Bồ đề. Đó là phản biện không tưởng tượng nổi?

Thế tục là thế giới của nhị nguyên đối đãi, lúc nào cũng phân hai, chống đối mâu thuẫn nhau bất tận. Thánh đế của hàng Đại sĩ là thế giới tuyệt đối, đệ nhất nghĩa, không phân biệt: Không sanh, không diệt, không đến không đi, không nhân quả, thiện ác, không đọa vào ác đạo, không dẫn đến Niết bàn. “Tì khưu phạm trọng tội không bị đọa vào địa ngục, tịnh tu giới hạnh không chứng Niết bàn. Kẻ phạm tội không rơi vào sanh tử, không bị khinh bỉ, không bị xa lánh, không bị cấm nhận của tín thí v.v…và kẻ tịnh tu không có chứng Niết bàn, không có tán dương, không có thân cận, không có cúng thí v.v…” *Vậy nên nói Bồ đề (Thánh trí tự giác) là ngũ nghịch (vô minh), và ngũ nghịch với Bồ đề không hai không khác, nghĩa là Thánh trí tự giác và vô minh không hai, không phân biệt. Làm sao “tẩy não” để dọn đường cho sự chứng nhập nầy?*

Thật vô lý quá thể phải không? Nhưng Mạn Thù Thất Lợi giải thích: **“Bởi vì Bồ đề và ngũ nghịch đều phi hữu, không có tự tánh”** *và không có tự tánh nên gọi là KHÔNG. Tánh không vượt lên tất cả mọi đối tác, nên trong cái không đó làm gì có tội-phước, nhân-quả, thiện-ác… Chứng được giới xứ đó tất sẽ hiểu được thế nào là bất khả đắc, vô trụ, vô thủ, vô xả, vô hộ, vô cần, vô tư, vô trước hay gọi là vô thức, vô niệm, vô tâm. Đó chính là nhận thức về bài pháp vi diệu của phần này.*

Giáo pháp tuyệt đỉnh của Bát nhã Ba la mật mà chư Phật Bồ Tát thuyết giảng cho hàng Đại sĩ. Phàm tâm không dễ gì vươn tới nổi, trí năng cũng không. Nếu phóng túng, theo đó mà hành, chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục mịt mù không đáy. Nên Mạn Thù đồng tử nói: “Không ai có thể hiểu biết như thật lời giảng của tôi. Tại sao? Bởi vì phàm tâm không vươn tới Bồ Đề nổi, trí năng cũng không thể; Bồ Đề ở trên thấy, nghe, nhớ, nghĩ”.

Làm sao dùng tri thức thường tục để đánh giá Thánh nhân? “Nhưng với người Đại Thừa, mọi phương tiện “lành và khéo” đều được quyền sử dụng, nếu tâm đã sáng, trí đã sạch làu. Họ sống trong một thế giới “phi thiện phi ác”, và một khi an trụ trong đó thì dù họ làm gì vẫn không thể có khuôn thước đạo đức nào đánh giá

hoặc phê phán họ được; đó là những hành động chẳng "hữu đạo" mà cũng không "vô đạo". Những cặp danh từ đối đãi ấy mất hết chỗ đứng trong cái tâm tự do tự tại, tùy thích dọc ngang trên thế giới ngang dọc của sai biệt và mâu thuẫn".*(2)*

Một người có tu luyện sống theo luân lý và đạo đức thế tục tức có trách nhiệm trong tư tưởng cũng như hành động. Đó có thể nói là sống "có ý thức và trách nhiệm" theo đạo thế gian.

Một người tu nhất là tu Bát nhã Ba la mật tất có đầy đủ ý chí và nghị lực. Dĩ nhiên, tất cả thân khẩu ý tự nhiếp phục, tự thủ hộ thân căn nên những tư duy tạo tác của các vị ấy phát xuất ra những diệu dụng không thể nghĩ bàn. Bởi vì các vị ấy làm việc gì cũng không ngoài nguyện ước phục vụ đem an lạc cho mọi chúng sanh. Nên không ai có thể dùng tâm của thế nhân để đánh giá tư tưởng cũng như hành động của các bậc siêu nhân được.

Giới luật*(xuất thế hay thế gian)****sẽ mất hết hiệu năng đối với hoạt dụng của tâm và trí khi hai thứ này được rèn luyện đến độ tuyệt kỹ, chúng tự phát khởi tùy cơ, ứng dụng tùy thời qua lại tự do tùy tiện mà không có một thứ luật lệ nào có thể kết án được đối với bậc đại trí như Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát khi nắm được Bát Nhã trong vòng tay và thâm nhập được 18 pháp Không hay thập nhị chơn như.***

Với sự hiểu biết như vậy, chúng tôi không cho những đoạn Kinh do Mạn Thù Thất Lợi thuyết giảng như trên là những nghịch đảo táo bạo, cốt gây kích động đối với mục đích dựng dậy cái tâm ngái ngủ ngàn đời của chúng sanh nữa. Ở đây Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát cũng không phải lật úp, hay vặn chéo những nghĩ tưởng thế gian mà ở đây Mạn Thù Thất Lợi đại diện bậc chứng ngộ nói lên tư tưởng của bậc đã chứng nhập Đệ nhất nghĩa không, thế giới vô sai biệt, thế giới không hữu không vô, không thiện không ác, không tội không phước, nhân quả v.v... Bậc Thánh đã chứng ngộ có thể phát biểu chân lý tuyệt đối như thế qua tri kiến Bát Nhã.

Còn những ai, chưa hiểu các pháp này mà huênh hoang cho rằng không tội phước, nghiệp báo, nhân quả… có lẽ bị đày làm con giun con sán sống trong đống phân trăm ngàn muôn kiếp. Đó

là lý do tại sao chúng tôi trong phần gợi ý cảnh giác trước là không dám thuyết giảng các giáo pháp này cho bất cứ ai, nhất là các bậc sơ học Đại thừa. Nếu họ không hiểu nổi chánh pháp rồi quay ra phỉ báng khen chê mà phải bị đọa đày trong nhiều kiếp. Trong trường hợp đó chính người thuyết giảng Kinh hay truyền bá tư tưởng này cũng phải chịu trách nhiệm và cũng bị lưu đày như người hủy báng Bát Nhã vậy. Phải cẩn trọng thôi!

2/. Bồ đề Không, nên Phật cũng Không.

“... Như Lai đã chứng trí tuệ nhiệm mầu gọi là Bồ đề, thành tựu Bồ đề nên gọi là Phật. Vì Bồ đề Không, nên Phật cũng Không”.

*Bồ đề không, Phật cũng không, đến đây là hết ý kiến rồi phải không? **Chân lý tuyệt đối tánh Không xử dụng đến chỗ tận cùng của nó**. Không thuận nghịch, không đây kia, tất cả đều không, và cái không cuối cùng cũng không nốt!*

Đó là đỉnh cao trí tuệ dẫn xuất từ Bát Nhã Tánh Không mà trí năng con người khó có thể vươn tới, nó vượt ngôn ngữ thế tục. Tới đây mới biết: Nói nín, động tịnh đều về nguồn! Tri thức thế tục không vói tới nổi, nên gọi là bất khả đắc, bất khả tư nghì. Vậy, lý luận nữa làm gì, chỉ nhọc công vô ích?

3. Không thể nghĩ bàn tức là Bát Nhã.

Kinh “Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát nhã Ba la mật”, nói:

“Nếu con an trụ trong Bát nhã Ba la mật, nếu tự nhận như vậy tức là hữu tưởng liền theo đó kẹt vào ngã tưởng, Bát nhã Ba la mật sẽ có nơi chốn. Nếu Bát nhã Ba la mật nằm vào không cũng là ngã tưởng, nên cũng gọi là có nơi chốn. Vượt lên trên hai tướng trạng hữu vô an trụ vào vô sở trụ như chư Phật trụ, ở vào chốn tịch diệt không phải là cảnh giới có thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn, được như thế mới gọi là chỗ an trụ của Bát nhã Ba la mật. **Chỗ Bát nhã Ba la mật là tất cả pháp vô tướng, tất cả pháp vô tác.** Bát nhã Ba la mật tức là không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn tức là pháp giới. Bát nhã Ba la mật cùng pháp giới không phải hai cũng không khác. **Không hai không khác tức là pháp giới, pháp giới tức là vô tướng, vô tướng tức là Bát nhã Ba la mật giới, Bát nhã Ba la**

mật giới tức là bất tư nghị giới, bất tư nghị giới tức là Vô sanh vô diệt giới, Vô sanh vô diệt giới tức là bất tư nghị giới.

Như Lai giới và ngã giới không phải là hai tướng, tu Bát nhã Ba la mật như thế thời không cầu quả Bồ đề. Tại sao? Vì rời tướng Bồ đề tức là Bát nhã Ba la mật*(3)*.

Thưa Thế Tôn! Nếu biết ngã tướng nhưng không say đắm, không biết, không dính đó là chỗ biết của Phật không thể nghĩ bàn, không biết không dính vào tức là chỗ biết của Phật. Tại sao? **Vì biết bổn thể vốn không có tướng làm sao lại hoán chuyển pháp giới. Nếu biết bổn tánh là không thể tức là không vật.** Nếu không vật là không nơi chốn, không nơi nương tựa, không nơi an trụ. Không nương tựa, không an trụ tức là không sanh không diệt. Không sanh không diệt tức là công đức hữu vi vô vi. Nếu đã biết được như thế sẽ không còn tâm tưởng, đã không tâm tưởng tại sao lại biết công đức hữu vi vô vi? Không biết tức là không thể suy lường, không thể suy lường là sự biết của Phật, không nắm giữ cũng không phải không nắm giữ, không thấy tướng trạng di động ba thời, không nắm giữ sanh diệt và các tạo tác, cũng không phải hư vô cũng không thường hằng. Biết như thế gọi là **chánh trí, bất tư nghị trí như hư không,** không đây kia, không có gì có thể so sánh, không xấu tốt không đẳng đẳng không tướng mạo".

Nếu bổn thể vốn không tức không phải vật. Nên không nắm giữ cũng không phải không nắm giữ, không sanh diệt tạo tác, cũng không phải là hư vô, cũng không thường hằng xấu tốt, không thiện ác đây kia… không tả được, không thể chỉ rõ giảng nói. Đó là bất khả tư nghị. Cái thấy biết như thế, Kinh nói là ***chánh trí****. Vì sao? Vì:* "Bát Nhã không tên, không tướng, không bờ, không bến, không chỗ về nương, chẳng phải cảnh nghĩ lường, chẳng phải tội chẳng phải phước, chẳng phải tối chẳng phải sáng, như hư không thanh tịnh và chơn pháp giới, số lượng và giới hạn đều bất khả đắc. Do các yếu tố này cho nên gọi là Bát Nhã thâm sâu".

Do ý nghĩa này, nên chúng ta có thể kết luận: Bát nhã Ba la mật là Đệ nhất nghĩa không. Nên, Đại Trí Độ Luận nói về Đệ nhất nghĩa không như sau: "... Đệ nhất nghĩa không là Thật Tướng của hết thảy các pháp, chẳng thể phá, chẳng thể hoại. Vì sao? Vì hết thảy các pháp ở nơi Thật Tướng, đều là KHÔNG, chẳng có thể thọ, chẳng có thể chấp vậy. Nếu có thọ, có chấp là hư dối, là chẳng phải thật.

Lại nữa, Đệ Nhất Nghĩa Không là nghĩa Niết bàn Giải Thoát.

Trong A Tỳ Đàm nói: “Trí duyên tận tức là Niết bàn. Ở trong Niết bàn cũng chẳng có tướng Niết bàn. Niết bàn KHÔNG tức là Đệ Nhất Nghĩa Không”.

Thâm hiểu luận chứng này là thậm nhập được Bát Nhã Tánh không.

4. Tu học Bát Nhã:

Trước khi nói đến tu học Bát Nhã thì phải hiểu biết Bát Nhã như thế nào? Có hiểu biết mới có ham thích đọc tụng thọ trì. Nói như vậy là nói ngược. Vì sao? Vì hiểu thì không cần tu, không hiểu mới tu. Phải nghe, đọc tụng hay tư duy mới sanh hiểu biết, có hiểu biết mới có ham thích, có ham thích mới chịu khó tu hành. Đó là tam hữu lậu học gọi là Văn - Tư - Tu, bước đầu của tất cả sự học. Ở đây không phải luận về phương pháp tu học, ở đây nói về cơ duyên được học Bát nhã Ba la mật.

Như nhiều lần Bát nhã Ba la mật lưu ý độc giả: Phải là người đã từng gieo trồng thiện căn công đức trong nhiều đời kiếp, đã từng phụng sự trăm ngàn đức Phật, đã từng gần gũi cúng dường các Thiện tri thức v.v... mới có được cơ duyên này. Hãy xem đây như là cơ duyên hiếm có, đừng nghĩ tưởng xa xôi. Sống được làm người với đầy đủ thiện căn đã là khó, được nghe Bát nhã Ba la mật còn khó hơn nữa huống chi được đọc tụng thọ trì Bát nhã Ba la mật để dứt trừ các phiền não lậu hoặc.

1- Sao gọi là Bát nhã Ba la mật?

Đây là một câu hỏi được Đại Bát Nhã đặt ra nhiều nhất và Kinh tùy trường hợp đưa ra giải đáp khác nhau. Nhưng những câu trả lời tùy thời tùy chỗ nêu lên được tánh cách đặc biệt của nó. Thí dụ: ***Kinh “Văn Thù Sở Thuyết Bát nhã Ba la mật” do Tăng Ca Bà La dịch, đồng với Hội thứ VII này:***

Văn thù bạch Phật: - “Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bát nhã Ba la mật?”

Phật đáp: - “Bát Nhã là không bờ, không bến, không tên, không tướng, chẳng suy lường, không có chỗ quy hướng, không là hòn đảo, không tội, không phước, không tối, không sáng; như pháp giới, không có phân biệt, cũng không có hạn số; đó gọi là Bát nhã Ba la mật; cũng gọi là hành xứ của Đại Bồ Tát, nhưng cũng chẳng phải là hành xứ,

chẳng phải chẳng là hành xứ, tất cả đều nhập vào nhất thừa, gọi là phi hành xứ. Vì sao? Vì vô niệm, vô tác.

Bát Nhã là mẹ của tất cả chư Phật, sinh ra tất cả chư Phật. Vì sao? Vì không sinh.

Cho nên, này Văn Thù! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn hành Bồ Tát hạnh để được đầy đủ các Ba la mật thì nên tu Bát Nhã này.

Nếu muốn được ngồi đạo tràng, đắc Vô thượng Bồ đề, nên tu Bát Nhã này.

Nếu muốn dùng đại Từ, đại Bi che chở khắp tất cả chúng sinh, nên tu Bát Nhã này.

Nếu muốn có tất cả định phương tiện, nên tu Bát Nhã này.

Nếu muốn được tất cả Tam ma bạt đề *(đẳng chí hay chánh định)*, nên tu Bát Nhã này. Vì sao? Vì các Chánh định này không có chỗ làm. Tất cả các pháp không xuất ly, không chỗ xuất ly.

Nếu người nào muốn theo lời nói này, nên tu Bát nhã Ba la mật. Tất cả các pháp như thật, không thể đắc; nếu muốn ưa thích biết như vậy, nên tu Bát nhã Ba la mật. Vì Bồ đề mà tất cả chúng sinh tu đạo Bồ đề mà thật ra là không có chúng sinh, cũng không có Bồ đề. **Người nào muốn tin ưa pháp này nên tu Bát nhã Ba la mật.** Vì sao? Vì tất cả pháp như thật, với Bồ đề là bình đẳng như nhau. Phi chúng sinh hạnh là không xả bỏ tự tánh. Chúng sinh hạnh ấy là phi hạnh. Phi hạnh ấy là Bồ đề. Bồ đề ấy là pháp giới. Nếu muốn không chấp trước vào pháp này, thì nên học Bát nhã Ba la mật".

Các Hội khác Kinh thường nói Bát Nhã là nhà cửa, là cồn đảo, là đèn, là đuốc, là ánh sáng, là chỗ quay về... cho tất cả hữu tình. Ở đây, Bát Nhã nói ngược lại: Bát nhã Ba la mật là không bờ, không bến, không tên, không tướng, chẳng suy lường, không chỗ quy hướng, không là hòn đảo, không tội, không phước, không tối, không sáng v.v... Hơn thế nữa, Bát Nhã lại không phải là hành xứ.

Lại nữa, Kinh bảo tất cả pháp không thể đắc, Bồ đề là bình đẳng như như. Chúng sanh hạnh cũng bình đẳng với Bồ Tát hạnh. Vì vậy, Kinh bảo "chúng sanh hạnh là phi hạnh. Phi hạnh ấy là Bồ đề. Bồ đề ấy là pháp giới. Người nào không chấp trước và tin vào pháp này thì nên học Bát nhã Ba la mật".

Tục đế nói có tội-phước, có nhiễm-tịnh… Chân đế nói không tội phước, không nhiễm tịnh… đây kia. Ở đây, Kinh không cố ý chia thế gian làm hai phần theo chiều dọc mà Kinh đưa ra hai lập trường đối nghịch để chúng sanh tìm thấy chỗ đứng đúng, có cái nhìn đúng lìa phiền não lậu hoặc, tùy thuận chơn như mà vươn lên trong ánh sáng giác ngộ. Kinh bảo muốn được như thế thì phải thọ trì Bát Nhã.

Đó là những gì để biết "sao gọi là Bát nhã Ba la mật" và một khi biết "sao gọi là Bát nhã Ba la mật" thì có thể biết "phải làm sao tu" và một khi biết phải làm sao tu, thì có thể tu đắc Bát Nhã nếu có tâm nhiệt thành và một ý chí dũng mãnh, nhất định sẽ được?

2- Phải làm sao tu để đắc Bát nhã Ba la mật?

Kinh "Văn Thù Sở Thuyết Bát nhã Ba la mật" do Tăng Ca Bà La dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt:

"Bạch Thế Tôn! Không vì pháp tăng, không vì pháp giảm, đó là tu Bát Nhã. Không đoạn pháp phàm phu, không ôm giữ pháp Như Lai, đó là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba la mật không vì đắc pháp nên tu; không vì không đắc pháp nên tu; không vì tu pháp nên tu; không vì không tu pháp nên tu.

Bạch Thế Tôn! Không đắc, không xả, đó là tu Bát Nhã. Vì sao? Không vì hoạn nạn của sinh tử, không vì công đức Niết bàn. Nếu tu Bát Nhã như vậy; thì **không thủ, không thọ, không xả, không buông, không tăng, không giảm, không khởi, không diệt.**

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, nghĩ như vầy: "Pháp này thượng, pháp này trung, pháp này hạ"; thì không phải tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì pháp không có thượng, trung, hạ. Bạch Thế Tôn! Con tu Bát nhã Ba la mật như vậy".

Bởi những lý do đó nên nói Bát Nhã là vô tri. Nếu hiểu như vậy, thì có thể tu Bát nhã Ba la mật. Nhưng, đừng quên rằng "Bát Nhã vô tri, nhưng vô sở bất tri".

Trong một đoạn Kinh khác Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Nếu không thấy pháp cấu, pháp tịnh; không thấy quả sinh tử; không thấy quả Niết bàn, không thấy Phật, không thấy Bồ

Tát, không thấy Duyên giác, không thấy Thanh văn, không thấy phàm phu là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì tất cả các pháp không cấu, không tịnh, cho đến không có phàm phu".

Bát Nhã lúc nào cũng bảo là đừng thấy, đừng biết. Thấy biết mà sanh động niệm gọi thấy biết mê, chẳng thà đóng cửa giác quan, quay lại quán chiếu tự tâm tức phản quang tự kỷ, là tốt.

Phẩm "Mạn Thù Sư Lợi" Q.575, Hội thứ VII, ĐBN. *Mạn Thù Thất Lợi bạch Phật:*

- "Bạch Thế Tôn! Con quán Bát Nhã này không có tướng vô vi, không có các công đức, không sanh, không diệt, không sức lực, không khả năng, không đến, không đi, không vào, không ra, không tổn, không ích, không biết, không thấy, không thể, không dụng, chẳng phải người tạo tác, cũng không thể làm cho các pháp sanh diệt, không làm cho các pháp là một hay là khác, không thành, không hoại, chẳng phải tuệ, chẳng phải cảnh, chẳng phải pháp phàm phu, chẳng phải pháp Thanh văn, chẳng phải pháp Độc giác, chẳng phải pháp Bồ Tát, chẳng phải pháp Như Lai, chẳng phải chứng hay không chứng, chẳng đắc hay không đắc, chẳng phải tận hay bất tận, chẳng vào sanh tử, chẳng ra khỏi sanh tử, chẳng nhập Niết bàn, chẳng ra khỏi Niết bàn, đối với các pháp của Phật chẳng thành chẳng hoại, đối với tất cả pháp chẳng phải tạo tác hay không tạo tác, chẳng phải có thể nghĩ bàn hay không thể nghĩ bàn, lìa phân biệt, dứt hý luận. Bát Nhã này hoàn toàn không có công đức, làm sao Như Lai khuyên các hữu tình siêng năng tu học?

Tất cả đều chối bỏ, phủ định hết theo tinh thần của Đệ nhất nghĩa không. Phật bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi:

- "Những điều ngươi đã nói tức là công đức chơn thật của Bát nhã Ba la mật. Các thiện nam thiện nữ nào nếu biết như vậy thì gọi là chơn tu Bát Nhã thâm sâu".

Đoạn Kinh này trả lời câu hỏi trên: Sao là Bát Nhã? Phật dạy: **"Các thiện nam thiện nữ nào nếu biết như vậy thì gọi là chơn tu Bát Nhã thâm sâu"**. *Biết như vậy là biết các pháp không tăng không giảm, không đoạn pháp phàm phu, không ôm giữ pháp Như Lai, không lo sanh tử, không muốn Niết bàn. Nghĩa là không đoạn không thủ, không nắm bắt hay không buông bỏ, không khởi không diệt, không cấu*

không tịnh, không thấy Phật, không thấy Bồ Tát, không thấy Duyên giác, không thấy Thanh văn, không thấy sanh tử, không thấy Niết bàn... Không thấy người tu, không thấy Bát Nhã, cũng không thấy cảnh giới của Bát Nhã, chẳng phải chứng, chẳng phải không chứng, không hý luận, không phân biệt... Đó là chơn tu Bát Nhã. Vì sao? Vì thấy có hai (nhị nguyên) tức rơi vào mê mờ, chấp đắm.

Sống cuộc đời thường là như vậy, có lấy-có bỏ, có tung-có hứng, có được-có mất... nên không thoát khỏi ngõ cụt 2 đầu. Còn Thánh giả không phân biệt, nên không chấp. Do công năng vô chấp nên không dính mắc, không bị trói buộc, nên được giải thoát. Giải thoát chẳng qua là tháo gỡ những hệ lụy của cuộc sống hay nói khác là tránh được phiền não chướng và sở tri chướng mà được an nhiên tự tại.

Cũng nên nói thêm rằng giáo pháp này là đỉnh cao trí tuệ của Bát nhã Ba la mật, Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát bảo Xá Lợi Phất: "Điều tôi giảng nói không những chỉ vượt ngoài tri kiến của Bồ Tát mới phát tâm, mà còn vượt ngoài tri kiến của các vị A la hán đã thành tựu đạo nghiệp". *Chỉ có bậc thượng tôn mới có thể thông đạt huống chi trí tuệ cạn cợt của hàng ngu phu dị sanh. Nếu huênh hoang, tăng thượng thì không tránh khỏi bị đọa. Văn Thù là đại trí trong hàng Bồ Tát giúp Thế Tôn trong việc giáo hóa chúng sanh trong thế giới Kham nhẫn này. Nên mới có những tư tưởng siêu việt như thế.*

Đây là một phần, không gọi là phẩm, rất khó tiêu hóa cho những ai, nếu hiểu liền hiểu, không thể phê phán gượng ép được!

Cuối quyển 575, phần "Mạn Thù Thất Lợi" này, Kinh tán tụng công đức Bát Nhã rất dễ hiểu nên không cần giải thích thêm.

Đây là câu chuyện: Nói nghịch hay không nói nghịch?

Phẩm thứ nhất, nói về "Phật Thế Giới Nguyện" (Mong Được Cảnh Giới Phật), ***trong Đại Độ Trí Luận****, có ghi lại câu chuyện trong "Kinh Văn Thù Sư Lợi Bản Tuyên", trong đó Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi tự kể lại câu chuyện của chính mình, như sau:*

Dưới trướng của Phật Sư Tử Âm Dương có hai Bồ Tát Tỷ kheo, một tên là Hỷ Căn và hai là Thắng Ý.

Hỷ-căn Pháp sư ấy, dung nghi chất trực, không bỏ thế pháp, cũng không phân biệt thiện ác. Đệ tử của Hỷ-căn thông minh ưa pháp, ưa nghe thâm nghĩa. Pháp sư ấy không khen ngợi thiểu dục tri túc, không khen ngợi giới hạnh đầu đà, chỉ thuyết thật tướng thanh tịnh của các pháp. Ngài bảo các đệ tử: **"Hết thảy các pháp, tướng dâm, nộ, si cũng là thật tướng các pháp, không bị ngăn ngại. Dùng phương tiện ấy, dạy các đệ tử thì nhập được "Nhất thiết trí"**.

Lúc ấy các đệ tử, đối với mọi người không sân không hối, tâm không hối tiếc nên được sanh nhẫn, được sanh nhẫn nên được pháp nhẫn. Ở trong thật pháp, tâm như núi Tu-di không lay động.

Thắng-Ý Pháp sư, giữ giới thanh tịnh, thực hành hạnh đầu đà, được bốn Thiền và bốn Vô sắc định. Các đệ tử của Thắng-Ý, căn ám độn, nhiều tham cầu, vì phân biệt tịnh và bất tịnh, tâm luôn động chuyển.

Một lúc nọ, Thắng-Ý đi vào làng, đến nhà đệ tử của Hỷ-căn, ngồi vào chỗ ngồi, khen ngợi sự trì giới, thiểu dục, tri túc, thực hành hạnh đầu đà, Thiền định ở chỗ vắng, rồi chê bai Hỷ-căn rằng: "Người ấy thuyết pháp dạy người đi vào tà kiến, nói rằng dâm, nộ, si là tướng Vô Quái Ngại, ấy là người tu hành hỗn tạp, chẳng phải thuần thanh tịnh". Đệ tử của Hỷ-căn là người lợi căn đắc Vô sanh pháp nhẫn, hỏi lại Thắng-Ý rằng: "Thưa Đại đức, pháp dâm dục ấy là tướng gì?"

Pháp sư Thắng-Ý đáp rằng: - "Dâm dục là tướng phiền não".

Đệ tử của Hỷ-Căn lại hỏi: - "Dâm dục phiền não ở trong hay ở ngoài?"

Pháp sư Thắng-Ý đáp rằng: - "Dâm dục phiền não không ở trong không ở ngoài".

Đệ tử của Hỷ Căn nói: - "Nếu dâm dục không ở trong cũng không ở ngoài, chẳng phải ở phương Đông Tây Nam Bắc thì dù có cầu 4 châu thiên hạ cũng chẳng sao tìm thấy thật tướng. Như vậy thì pháp ấy chẳng sanh cũng chẳng diệt, thì làm sao não hại được ta".

Thắng-Ý nghe lời ấy tâm không vui, không đáp lại được, từ chỗ ngồi đứng dậy, nói như vầy: "Hỷ-căn đã lầm lạt, và đã dẫn đệ tử vào tà đạo".

Thắng-Ý Bồ-tát ấy chưa học âm thanh Đà-la-ni, nghe Phật thuyết thì hoan hỷ, nghe ngoại đạo thuyết thì sân hận, nghe ba bất thiện căn thời không vui vẻ, nghe ba thiện căn thời rất hoan hỷ, nghe nói sanh tử thời lo, nghe nói Niết-bàn thời mừng.

Sau cuộc đối thoại, pháp sư Thắng-Ý trở về tịnh xá, nói với các đệ tử của mình rằng: "Pháp sư Hỷ-Căn lầm lạc, dẫn dắt người vào tà đạo. Vì sao? Vì pháp sư Hỷ-Căn khẳng định rằng tướng dâm, nộ, si và hết thảy các pháp đều là tướng vô ngại cả".

Khi ấy, pháp sư Hỷ-Căn nghe nói như vậy tự nghĩ rằng: "Bồ Tát Thắng-Ý quá sân, vì bị ác nghiệp che lấp tâm trí, ắt bị đọa vào ác đạo. Ta nay sẽ vì ông ấy nói pháp sâu xa, dẫu đời nay không được gì, nhưng đời sau sẽ làm nhân duyên dẫn vào Phật đạo".

Khi ấy, Hỷ-căn họp Tăng, nhất tâm nói kệ:

"Dâm dục tức là đạo,
Sân si cũng như vậy,
Vô lượng các Phật đạo
Chẳng khác ba pháp ấy,
Nếu có người phân biệt,
Dâm, nộ, si là đạo,
Người ấy cách xa Phật,
Thí như Trời với đất.
Đạo và dâm, nộ, si.
Là một pháp bình đẳng,
Nếu ai nghe sợ hãi,
Cách Phật đạo rất xa.
Dâm pháp bất sinh diệt,
Không thể khiến tâm não,
Nếu ai chấp tự ngã,
Dâm đưa vào ác đạo.
Chấp CÓ khác với KHÔNG,
Bị CÓ KHÔNG trói buộc.
Nếu biết CÓ tức KHÔNG,
Siêu thắng thành Phật đạo".

Hỷ-Căn vừa nói xong bài kệ, có ba vạn Thiên tử liền được Vô Sanh Pháp nhẫn, một vạn tám ngàn Thanh văn, không còn chấp trước hết thảy các pháp đều được giải thoát.

Khi ấy, Thắng-Ý Bồ tát bị sa vào địa ngục, thọ khổ vô lượng, khi ra khỏi địa ngục sanh trong loài người, bị bài báng 74 vạn năm, trải qua trong vô lượng kiếp không nghe được tiếng Phật. Rồi khi tội ấy mỏng dần, xuất gia hành đạo, nhưng bị xả giới. Sau tiếp tục tu lại trong vô lượng đời làm Sa-môn mà các căn vẫn ám độn.

Còn Hỷ-Căn Bồ tát được làm Phật ở phương Đông, hiệu là Bảo Nghiêm, Phật hiệu là Quang Du Phật Minh Vương.

Sau khi kể xong câu chuyện trên, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật: "**Thắng-Ý Tỳ kheo lúc ấy là thân con hôm nay**. Con quán sát bấy giờ phải thọ vô lượng khổ ấy. Nếu có người cầu Tam thừa đạo, không muốn thọ các khổ, thì không nên phá các pháp tướng mà ôm lòng sân nhuế".

Phật hỏi Văn-thù: "Ông nghe các bài kệ được lợi ích gì?"

Đáp: "Con nghe xong các bài kệ, được dứt hết các khổ, đời đời được lợi căn trí tuệ, hiểu pháp sâu xa, khéo thuyết nghĩa sâu xa, là bậc nhất ở giữa chư Bồ tát".

Trong câu chuyện này Hỷ-Căn Bồ Tát nói: "Hết thảy các pháp, tướng dâm, nộ, si cũng là thật tướng các pháp, không bị ngăn ngại. Dùng phương tiện ấy, dạy các đệ tử thì nhập được "Nhất thiết trí". Điều này có nghĩa pháp nào cũng là thật tướng, nếu biết pháp không, pháp như và tánh bình đẳng của tất cả pháp. Kinh Bát Nhã bảo Sắc là vô thường biến hoại làm não hại thân tâm. Sắc cũng là Vô thượng Bồ đề, Sắc cũng là Nhất thiết trí trí. Trong Đệ nhất nghĩa không, không phân biệt.

Trong phần "Mạn Thù Thất Lợi" này Bồ Tát Mạn Thù Sư Lợi hay Văn Thù Sư Lợi bảo: "Bồ đề tức ngũ nghịch, ngũ nghịch tức Bồ đề" và trong câu chuyện trên Bồ Tát Hỷ-Căn bảo: "Dâm, nộ, si là Đạo, nếu dùng phương tiện ấy, dạy các đệ tử thì nhập được Nhất thiết trí".

Trong câu chuyện trên Bồ Tát Thắng-Ý chính là Văn Thù Sư Lợi vì không cho pháp tu nghịch đảo là "Dâm, nộ, si là Đạo", nên phải rơi vào địa ngục, suốt bao nhiêu kiếp tu hành khổ nhọc mới trở thành bậc đại ngộ, nên trong Hội Thứ VII, ĐBN có tên là "Mạn Thù Sư Lợi Phần" chính Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi lại thuyết pháp "đảo nghịch" vô thượng này: Bồ đề tức ngũ nghịch, ngũ nghịch tức Bồ đề, không hai không khác!

Tóm lại, tu hành đạt được pháp không, pháp như, thấu hiểu tất cả pháp bình đẳng, thì được thanh tịnh. Khi ấy nhập được Đệ nhất nghĩa

không, thì tự biết "Chạm mắt tức Bồ đề", "Tất cả thấy nghe hay biết đều là mắt tuệ Phật". Vậy, chẳng có gì gọi là nghịch đảo ở đây!

Kết luận:

Nói tóm lại, tư tưởng của Mạn Thù Thất Lợi dẫn xuất từ Bát nhã Ba la mật. Thâm nhập được Bát nhã Ba la mật là có trí tuệ nầy. ***Phẩm "Vãng Sanh" quyển thứ 02, Kinh MHBNBLMĐ****, Phật bảo:* "Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát Nhã an trụ trong sáu Ba la mật như vậy để thanh tịnh Tát Bà Nhã*(Nhất thiết chủng trí)*, vì rốt ráo rỗng không, vì chẳng đến chẳng đi, vì chẳng thí chẳng thọ, vì chẳng phải giới cấm chẳng phải phạm tội, vì chẳng phải nhẫn chẳng phải sân, vì chẳng phải siêng năng chẳng phải lười, vì chẳng định chẳng loạn, vì chẳng trí chẳng ngu vậy. Bấy giờ đại Bồ Tát chẳng phân biệt bố thí cùng chẳng bố thí, chẳng phân biệt trì giới cùng phạm giới, chẳng phân biệt nhẫn nhục cùng sân khuể, chẳng phân biệt tinh tấn cùng giải đãi, chẳng phân biệt định tâm cùng loạn tâm, chẳng phân biệt trí tuệ cùng ngu si, chẳng phân biệt hủy hại khinh mạn cùng cung kính tôn trọng.

Tại sao vậy? Vì **trong pháp vô sanh chẳng có ai lãnh thọ sự hủy hoại, không có ai lãnh thọ sự khinh mạn hay cung kính**.

Nầy Xá Lợi Phất! Thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát được những công đức như vậy, hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật không có được những công đức nầy. Do đây đại Bồ Tát đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Nhất thiết chủng trí".

Tất cả những gì được trình bày trên đều phát xuất từ Bát Nhã. Học Bát nhã Ba la mật sẽ có những diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn này. Chúng tôi cố gắng dẫn chứng một số Kinh Luận kể trên để nêu lên những biểu thị tối cao của Bát Nhã cùng Phật đạo. Tất cả những thứ đó chính là những diệu dụng phát sanh từ Bát Nhã Trí.

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

(1). Niết bàn:(涅槃) Phạm: Nirvàịa. Pàli: Nibbàna. Cũng gọi: Nê hoàn, Nê viết, Niết bàn na, Niết lệ bàn na, Nê phạ nam, Nặc phạ nam. Hán dịch: Diệt, Tịnh diệt, Diệt độ, Tịch, Vô sinh. Đồng nghĩa: Trạch diệt, Li hệ, Giải thoát. Hoặc gọi là Bát niết bàn (Bát, dịch âm của tiếng Phạm Pari, nghĩa là hoàn toàn, dịch ý là Viên tịch), Đại bát niết bàn (Đại nghĩa

là thù thắng, cũng gọi Đại viên tịch). ***Niết bàn nguyên nghĩa chỉ cho sự thổi tắt, hoặc biểu thị trạng thái thổi tắt, về sau được chuyển dụng để chỉ lửa phiền não thiêu đốt đã bị dập tắt, là cảnh giới hoàn toàn giác ngộ. Cảnh giới này vượt ngoài sinh tử(mê giới), cũng là mục đích thực tiễn cuối cùng của Phật giáo, cho nên được xếp vào 1 trong những pháp ấn, gọi là Niết bàn tịch tĩnh.*** *Về Niết bàn, Đại thừa và Tiểu thừa giải thích có khác nhau: 1. Theo Tiểu thừa(Phật giáo bộ phái): Niết bàn là trạng thái diệt hết phiền não. Trong đó lại chia ra Hữu dư y Niết bàn(gọi tắt: Hữu dư Niết bàn)và Vô dư y Niết bàn (gọi tắt: Vô dư Niết bàn). Hữu dư y Niết bàn nghĩa là phiền não tuy đã bị diệt hết, nhưng nhục thể(tức y thân)tàn dư còn lại; Vô dư y Niết bàn nghĩa là phiền não đã hết mà y thân cũng không còn, tức là trạng thái khôi thân diệt trí. Hữu bộ chủ trương Niết bàn là 1 thực thể tồn tại, nhưng Kinh lượng bộ thì cho rằng Niết bàn chỉ là giả danh của cái trạng thái đã diệt hết phiền não, chứ tự nó không có thực thể. 2. Theo Đại thừa: - Trung luận chủ trương Thực tướng là Niết bàn, Thực tướng cũng tức là tính không, là pháp do nhân duyên sinh ra, bởi thế Niết bàn và sinh tử thế gian không có sai khác. - Kinh Niết bàn quyển 3 (bản Nam) cho rằng Niết bàn có 8 vị: Thường, hằng, an, thanh tịnh, bất lão, bất tử, vô cấu và khoái lạc. Nếu đem 8 vị này phối với 4 đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Niết bàn thì thường và hằng là Thường, an và khoái lạc là Lạc, bất lão và bất tử là Ngã, thanh tịnh và vô cấu là Tịnh. - Tông Duy thức chủ trương Niết bàn có 4 loại: Bản lai tự tính thanh tịnh Niết bàn, Hữu dư y Niết bàn, Vô dư y Niết bàn và Vô trụ xứ Niết bàn. Trong đó, Bản lai tự tính thanh tịnh Niết bàn (gọi tắt: Bản lai thanh tịnh Niết bàn, Tính tịnh Niết bàn) là chỉ cho Chân như, nghĩa là tướng của hết thảy sự vật xưa nay vốn là lí thể của Chân như vắng lặng. Vô trụ xứ Niết bàn là nương vào trí tuệ mà xa lìa phiền não chướng và sở tri chướng, không bị vướng mắc trong cõi mê sinh tử. Lại vì lòng đại bi nên hoạt động trong cõi mê để cứu giúp chúng sinh mà không bị kẹt nơi cảnh giới Niết bàn. Đây là một đặc sắc về Niết bàn của Phật giáo Đại thừa. - Tông Tịnh độ gọi thế giới Cực lạc của đức Phật A di đà là thành Niết bàn, cũng gọi là Vô vi Niết bàn giới. - Hàng Thanh văn, Duyên giác vào Vô dư Niết bàn, sau đó lại hồi tâm chuyển hướng Đại thừa giáo, gọi là Vô dư hoàn sinh. Đồng thời, Niết bàn là xa lìa tướng trạng sai biệt của hết thảy các pháp, nên cũng gọi là Ly tướng. Phỏng theo Từ điển Phật Quang.*

(2). Lời của D.T. Suzuki trong Thiền Luận quyển thượng.

(3). Bồ đề không thấy tướng, nên Bồ đề không chấp tướng. Nếu Bồ đề chấp tướng thì không phải Bồ đề. Bát Nhã không thấy tướng, Bát Nhã cũng không chấp tướng. Nếu Bát Nhã chấp tướng thì Bát Nhã không còn là Bát Nhã nữa. Kinh nói "rời tướng tức Bồ đề, Bồ đề tức Phật, Phật tức Bát Nhã. Bát Nhã, Phật, Bồ đề không hai không khác". ***TB***

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần bảy,
(Hội thứ VII).

Tất cả những gì chúng ta học ở các pháp hội trước so với Hội thứ VII này tưởng chừng như mây khói. Bát Nhã như ngọn sóng thần bỗng nhiên nổi dậy xóa nhòa tất cả ký ức chúng ta. Nhưng Bát Nhã không cố tạo mâu thuẫn, cũng không phải "hỏa mù". Bát Nhã ở đây như một tia chớp, một tiếng sấm nổ mạnh đập vào cân não của chúng ta. Bấy lâu Phật đạo xây dựng trong tâm khảm của chúng ta thế nào là tội phước, nhân quả, thiện ác một cách ôn hòa... Bây giờ, Bát Nhã lật úp, tất cả. Nhưng cái nghịch đảo này, không phải là một thứ phản biện bình thường. Nó như tiếng hét vang dội trong đêm cô tịch giúp ta thoát khỏi cơn mộng du mà chính ta không thể tự kiểm soát cả hồn lẫn xác.

Trong cuộc sống Thế tục luân lý đạo đức dạy rằng "làm lành lánh dữ". Đó là lối nói thuận dòng thế gian. Biết dữ, biết ác là xấu phải tránh, đó là điều khó. Xả kỷ làm thiện lại còn khó hơn. Lên một tầng nữa, bỏ luôn cả ác lẫn thiện để thấy bình đẳng, lại khó khăn hơn bao giờ hết. Bây giờ, lại bảo chúng ta phải thay đổi cả quan niệm sống: Kẻ phạm tội không bị đọa địa ngục, kẻ tu tịnh giới không lên thiên đàng. Pháp sư Thắng-Ý chỉ nói: "Pháp sư Hỷ-Căn lầm lạc, dẫn dắt người vào tà đạo.Vì sao? Vì pháp sư Hỷ-Căn khẳng định rằng tướng dâm, nộ, si và hết thảy các pháp đều là tướng vô ngại cả". *Vì không hiểu được chơn pháp giới tức giác biết tất cả pháp đều bình đẳng, Thắng-Ý pháp sư bị sa vào địa ngục và bị bài báng 74 vạn năm, trải qua trong vô lượng kiếp không nghe được tiếng Phật. Còn như chúng ta nói theo Mạn Thù Sư Lợi "Bồ đề là ngũ nghịch, ngũ*

nghịch tức Bồ đề" có lẽ bị đọa làm con giun con sán sống trong đống phân trăm ngàn muôn kiếp.

Nhưng lạ lùng thay câu nói sau đây của Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát lại thay đổi được tâm niệm của chúng ta: "… Bí sô phạm trọng tội chẳng đọa địa ngục, kẻ trì tịnh giới chẳng được sanh cõi trời. Bí sô phạm trọng tội chẳng chìm trong sanh tử, kẻ trì tịnh giới chẳng chứng Niết bàn v.v... Vì sao? Xá lợi Tử! Vì trong chơn pháp giới, tánh của giữ giới và phạm giới **đều bình đẳng** không sai khác vậy".

Vậy, học hiểu và chứng được chơn pháp giới tức giác biết tất cả pháp đều bình đẳng thì không còn dính mắc trở ngại trong việc ứng cơ tiếp vật. Những điều mà chúng ta tư duy trước đây về cuộc sống như tốt xấu, tội phước, thiện ác... chỉ là những tương quan giữa luân lý đạo đức của con người với con người hay con người đối với cộng đồng xã hội hay nói khác là thuận theo chân lý thường tục thuộc luân lý đạo đức thế nhân.

Muốn nâng nhận thức lên một tầng cao hơn, chúng ta phải gạt bỏ những thị phi nhân ngã trong cuộc sống lưỡng nguyên này. Nghĩa là chúng ta không nên dùng cảm quan và ý thức nữa. Có lẽ trực giác thực chứng là kinh nghiệm tốt nhất của đời sống đạo. Nhưng muốn có trực giác thực chứng phải tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì chỉ có những người có Bát nhã trí, Vô phân biệt trí, Vô trước trí... thuộc tầm vóc như Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát mới thấu hiểu "Bồ đề là Ta, Ta la Bồ đề, thì cầu Bồ đề làm gì?" Đó là khí phần của Bát nhã Ba la mật, nhờ nghe Mạn Thù Thất Lợi thuyết theo Đệ nhất nghĩa không này, mà mọi người "tỉnh ra", chẳng khác nào được tắm gội nước Cam lộ từ cõi Phật. Chúng ta học ở pháp hội này là học theo Đệ nhất nghĩa không, chỗ cao nhất của Bát Nhã Tánh không cũng là chỗ cao nhất của Phật đạo!

Học Bát Nhã đến đây, chúng ta không muốn tán tụng là pháp tối cao hay đỉnh cao trí tuệ loài người nữa. Đó chỉ là tưởng tượng bốc cao. Giáo lý của Phật không có thượng, trung, hạ. Ngày nào còn thấy giáo pháp Phật hơn kém, hay dở, thấp cao v.v... ngày ấy vẫn còn đứng ngoài cổng chùa, chưa vào được chánh điện để lễ Phật.

Kinh "Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát nhã Ba la mật", Mạn Đà La Tiên dịch. Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Không thấy đẹp xấu, không có so đo cao thấp, không nắm bắt hay xả bỏ. Vì sao? Pháp không có đẹp xấu, vì pháp xa lìa các tướng; pháp không cao thấp, vì

tánh của pháp bình đẳng; pháp không nắm bắt hay xả bỏ, vì pháp trụ vào thật tế. Đó là tu Bát nhã Ba la mật". *Khi đạt đến trình độ như vậy thì không còn đứng ngoài cổng nữa mà có thể vào chùa không những được đảnh lễ Phật mà còn có cơ hội trải tọa cụ trên tòa cao thuyết pháp.*

Hội thứ VIII phần "Na Già Thất Lợi" kế tiếp sẽ giúp chúng ta ***tháo gỡ cái nhìn ngây ngô trên muôn sự muôn vật và cho là thật****, nên bị chìm đắm trong luân hồi sanh tử. Phật dạy quán toàn bộ pháp hữu vi là không như sao mù, đèn huyễn, như sương, bọt, điện chớp, mây... để* "đối với tất cả pháp không còn nắm bắt, cất giữ nữa. Phải thông đạt tất cả pháp đều không có tướng trạng, không tàng chứa, thủ giữ, đồng với hư không, bản tánh Không, vắng lặng v.v… Nếu chúng ta hành được như thế, thì xa lìa hý luận, cũng có thể làm ruộng phước chơn tịnh cho trời, người…, xứng đáng nhận sự cúng dường cung kính của thế gian".

Muốn được như vậy nên trì tụng Hội thứ VIII kế tiếp.

Như trong phần gợi ý của Hội thứ VII, ĐBN này chúng tôi có nói thuyết pháp như "Mạn Thù Thất Lợi hay Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là lối thuyết pháp cao nhất dành cho bậc thượng căn, thượng đẳng thuộc hàng Đại sĩ". Hội thứ VIII, ĐBN kế tiếp, diễn viên chính cũng là Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi và Bồ Tát Na Già Thất Lợi sẽ một lần nữa ôn lại tất cả các giáo lý ở tầng cao như vậy, có thể thức tỉnh giác quan nội tại của chư vị./.

Đến đây chấm dứt phần bảy, Hội thứ VII, ĐBN.

---o0o---

Xin đọc tiếp Hội thứ VIII với "Na Già Thất Lợi Phần".

HỘI THỨ VIII
(Bố cục)

8. Hội thứ VIII: **Phần "Na Già Thất Lợi"**, 1 quyển. Nội dung tường thuật việc Bồ Tát Diệu Cát Tường thuyết giảng về các pháp thế gian như mộng huyễn chẳng phải thật có và về pháp vị vô thượng. Hội này là đồng bản với Kinh "Nhu Thủ Bồ Tát Vô Thượng Thanh Tịnh Phân Vệ", 2 quyển, do Tường Công dịch vào đời Tống. Pháp Uyển Châu lâm và Khai Nguyên Thích Giáo lục nói bản tiếng Phạm của hội này có 400 kệ tụng.

---o0o---

PHẦN "NA GIÀ THẤT LỢI"

Dẫn nhập:

Phần này của Hội thứ VIII diễn tả các pháp thế gian chẳng khác nào mộng huyễn, bào ảnh, như sương, như khói... không thật có và pháp vị vô thượng vi diệu này rất khó thâm nhập đối với trí năng thường tục của chúng ta. Tư tưởng trong phần này cũng giống như Hội thứ VII, vì các pháp thoại ở đây phần lớn lại do Mạn Thù Thất Lợi thuyết như Hội thứ VII ở trên. Hãy tập trung tinh thần nghe những pháp thoại thần kỳ này để tự mở con mắt đạo.

Tóm Lược:

Quyển 576

(Tất cả pháp là Không, tánh vắng lặng xa lìa,
không thể nhiếp thọ).

Tôi nghe như vầy:

Một thuở, đức Bạc Già Phạm ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng Thệ đa, thành Thất la phiệt, vì các đại chúng mà tuyên dương chánh pháp.

Bấy giờ, trời vừa hừng sáng, đại Bồ Tát Diệu Cát Tường*(1) (tức Mạn Thù Thất Lợi hay Văn Thù Sư Lợi)* đắp y mang bát, sắp vào thành Thất la phiệt, thì gặp Bồ Tát Na Già Thất Lợi *(hay là Long Cát Tường)* hỏi:

- Tôn giả đi đâu thế?

Diệu Cát Tường đáp:

- Tôi muốn vào thành Thất la phiệt để tuần hành khất thực, vì muốn làm lợi ích an vui cho khắp chúng sanh, vì thương xót chúng sanh ở thế gian, vì lợi ích an vui cho trời, người.

Na Già Thất Lợi hỏi:

- Vậy à! Nhưng Tôn giả với tưởng ăn vẫn chưa phá được sao?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Đối với tưởng ăn, tôi còn chẳng thấy có, thì biết phá cái gì? Vì sao? Vì bản tánh các pháp đều Không, vắng lặng, giống như hư không, không hoại không dứt, tôi phá sao được? Chư thiên, Ma vương, Phạm thiên, thế gian, Sa môn, Bà la môn… cũng chẳng phá được. Vì sao? **Vì tự tánh của các pháp đồng với hư không, rốt ráo Không, chẳng thể lay động, không kẻ phá được.**

Lại nữa, tất cả pháp như hư không, không có trời, Ma vương, Phạm thiên, Sa môn… loài hữu tình nào năng nhiếp thọ được. Vì sao? Vì tất cả pháp tánh xa lìa vậy, nên chẳng có chỗ nhiếp thọ.

Na Già Thất Lợi hỏi:

- Nếu đúng như lời Tôn giả nói, thì tại sao Bồ Tát cùng ma quân đấu tranh?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Bồ Tát chưa từng đánh trống lớn giao chiến với ma quân. Lúc ấy, Bồ Tát cũng chẳng thấy có một chút pháp chơn thật khá nương vào định. Vì sao? Vì Bồ Tát thấy ma tuy đánh trống… nhưng không sợ hãi. Ví như nhà huyễn thuật, huyễn tạo ra kẻ oán địch, dù làm chuyện rối loạn não hại, song chẳng ai kinh sợ. Cũng vậy, Bồ Tát biết tánh của các pháp là Không, đều như huyễn… nên không sợ hãi.

Nếu Bồ Tát nào có sợ hãi thì không có trời, người… cúng dường. Nhưng các Bồ Tát hiểu rõ Không, nên không có sợ hãi, chịu làm ruộng phước chơn tịnh cho tất cả.

(Làm sao chứng được Bồ đề?)

Na Già Thất Lợi hỏi:
- Có kẻ năng chứng Bồ đề chăng?
Mạn Thù Thất Lợi đáp:
- Cũng có.
Na Già Thất Lợi hỏi:
- Ai là người chứng được?
Mạn Thù Thất Lợi đáp:
- Người không chấp danh tánh thi thiết ngôn ngữ thì có thể chứng được.
Na Già Thất Lợi hỏi:
- Vậy người đó chứng như thế nào?
Mạn Thù Thất Lợi đáp:
- Người mà tâm không sanh, chẳng niệm Bồ đề và tòa Bồ đề, cũng chẳng thương nhớ tất cả hữu tình, dùng tâm vô biểu*(2)*, tâm vô kiến thảy năng chứng Vô thượng Bồ đề.
Na Già Thất Lợi hỏi:
- Nếu vậy, Tôn giả dùng những tâm nào để được Bồ đề?
Mạn Thù Thất Lợi đáp:
- Tôi không thấy mình hướng đến, cũng chẳng thấy có chỗ hướng đến, đều không chỗ học; tôi cũng chẳng thấy đời sau đến cội Bồ đề ngồi tòa Kim cương chứng đại Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp cứu vớt sanh tử. Vì sao? Vì các pháp không động, không thể phá hoại, không thể thu nhiếp, rốt ráo Không, vắng lặng. Tôi đem những tâm chẳng hướng tới như thế để được Bồ đề.

(Những điều mà Mạn Thù Thất Lợi thuyết giảng trong Hội thứ VII cũng được lặp lại ở đây mà chúng ta gọi là "đảo nghịch": "Người mà tâm không sanh, chẳng niệm Bồ đề và tòa Bồ đề, cũng chẳng thương nhớ tất cả hữu tình, dùng tâm vô biểu, tâm vô kiến thảy năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề". *Tu để đạt Bồ đề mà chẳng nghĩ đến Bồ đề và tòa Bồ đề, cũng chẳng thương nhớ tất cả hữu tình. Dùng tâm không, tâm vô kiến thì có thể chứng Vô Thượng Bồ đề. Khi Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi phát biểu như thế thì Na Già Thất Lợi Bồ Tát xác nhận:* "Những điều Tôn giả

đã nói **đều nương vào thắng nghĩa**, khiến cho các hữu tình tin hiểu pháp này, giải thoát phiền não”.

Cái mà chúng ta cho là nghịch đảo ở Hội thứ VII, được lặp lại ở Hội thứ VIII này đều là ***thuận theo đệ nhất nghĩa đế*** *như chúng ta đã hiểu. Chẳng có gì là nghịch lý đối với Thánh giả trí tuệ có tầm vóc như Mạn Thù Thất Lợi, một vị cổ Phật mà Như Lai thú nhận là thầy của chư Phật khi tuyên bố* **“***...***các pháp không động, không thể phá hoại, không thể thu nhiếp, rốt ráo Không, vắng lặng. Tôi đem những tâm chẳng hướng tới như thế để được Bồ đề”**. *Đó là thấy, là hiểu thật tướng các pháp mà được Bồ đề).*

Na Già Thất Lợi nói:

- Những điều Tôn giả đã nói **đều nương vào thắng nghĩa**, khiến cho các hữu tình tin hiểu pháp này, giải thoát phiền não. Nếu các hữu tình được giải thoát phiền não, thì phá được hết thảy võng lưới ma.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Võng lưới của ma chẳng thể phá hoại. Vì sao? Vì nghĩa ma chẳng khác Bồ đề. Vì sao? Vì tánh của ma và ma quân đều chẳng có, đều bất khả đắc. Cho nên, tôi nói nghĩa ma ấy chẳng khác Bồ đề.

Na Già Thất Lợi hỏi:

- Sao gọi là Bồ đề?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Bồ đề ấy biến khắp trong tất cả các pháp, thời, xứ. Ví như hư không, không có gì ngăn ngại đối với pháp, thời, xứ, không có chỗ nào mà không trụ. Bồ đề cũng thế, vì không ngăn ngại nên biến khắp ở trong tất cả pháp, thời, xứ. Bồ đề như thế rất là Vô thượng. Nay Ngài muốn chứng Bồ đề bậc nào?

Na Già Thất Lợi nói:

- Muốn chứng Vô thượng.

(Tất cả pháp như huyễn hóa)

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Pháp Vô thượng Bồ đề chẳng thể chứng. Ngài muốn chứng pháp ấy tức là hành hý luận. Vì sao? **Vì Vô thượng Bồ đề lìa tướng, tịch diệt**.

Vậy Ngài muốn trở thành người giữ lấy hý luận sao? Ví như có người nói như vầy: "Tôi khiến huyễn sĩ ngồi tòa Bồ đề, chứng huyễn Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề". Lời nói như thế quá ư hý luận. Vì các huyễn sĩ còn bất khả đắc, huống nữa là khiến cho chứng được huyễn đại Bồ đề!

Huyễn đối với pháp huyễn chẳng hợp chẳng tan, chẳng lấy chẳng bỏ, tự tánh đều Không. Chư Phật Thế Tôn nói tất cả pháp chẳng thể phân biệt, đều như huyễn mộng. Nay Ngài muốn chứng Vô thượng Bồ đề, há chẳng phải thành người phân biệt huyễn pháp! Nhưng tất cả pháp đều chẳng thể lấy, cũng chẳng thể bỏ, không thành không hoại, chẳng phải pháp đối với pháp có tạo tác và có diệt hoại. Không có pháp nào đối với pháp nào mà có hòa hiệp, có chia lìa. Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng hợp chẳng tan, tự tánh đều Không, lìa ngã, ngã sở, đồng cõi hư không, không nói, không chỉ, không khen, không chê, không cao, không thấp, không tổn, không ích, chẳng thể tưởng tượng, chẳng thể hý luận, bản tánh hư tịch, đều rốt ráo Không, như huyễn như mộng, vô đối, vô tỉ*(3),*** **sao có thể khởi tâm phân biệt nó được.**

Na Già Thất Lợi nói:

- Hay thay! Thưa Tôn giả! Nay do đây, nhất định tôi được Bồ đề. Vì sao? Vì nhờ Ngài đã nói pháp sâu xa cho tôi.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Nay tôi chưa từng vì Ngài mà tuyên nói pháp gì hoặc hiển, hoặc mật, hoặc sâu, hoặc cạn, thì làm sao khiến Ngài được Bồ đề! Vì sao? **Vì tự tánh các pháp đều chẳng thể nói**. Ngài bảo tôi nói pháp thậm thâm ấy tức là hành hý luận. Nhưng tôi thật chẳng phải kẻ thường nói pháp, tự tánh các pháp cũng chẳng thể nói.

Như có người cho rằng, ta có khả năng biện thuyết về tướng thức của **huyễn sĩ**; nghĩa là nói các tướng thức của huyễn sĩ sai khác như thế như thế. Do nói như vậy, mà người ấy hại lời nói chơn thật của mình. Vì sao? Vì huyễn sĩ ấy còn chẳng có thức, huống nữa là có tướng thức! Nay Ngài cho rằng tôi nói pháp sâu xa, khiến cho Ngài chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng lại như thế. **Vì tất cả pháp đều như huyễn, tánh rốt ráo Không, còn chẳng thể biết, huống nữa là có tuyên thuyết.**

(Tụng đọc tới đây chúng ta có thể hiểu Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát tức là Bát Nhã hay nói khác Bát Nhã tức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát kể từ khi

chúng ta thọ trì xong Hội thứ VII. Vì sao? Vì Văn Thù Sư Lợi hiểu Vô thượng Bồ đề lìa tướng, tịch diệt. Bát Nhã cũng lìa tướng, tịch diệt. Bồ đề mà Mạn Thù Thất Lợi phát biểu ở đây đều lưu xuất từ Bát Nhã. Nên chúng ta có thể nói khi thâm nhập được Bát Nhã rồi thì Bát Nhã là tự thể, là máu mủ của chính các ông. Cái gì mà các ông tuyên nói, hành động đều là do diệu dụng của Bát Nhã mà ra cả. Như vậy, Bát Nhã là ông, Bồ đề cũng chính là ông, không hai không khác).

Bấy giờ, đại Bồ Tát Vô Năng Thắng đi đến chỗ ấy, nghe rồi khen rằng:

- Hay thay! Hay thay! Chánh sĩ, Đại sĩ khéo cùng biện thuyết pháp môn sâu xa.

Mạn Thù Thất Lợi gạn hỏi Vô NăngThắng:

- Chánh sĩ, Đại sĩ nói pháp gì? Bởi vì Bồ Tát chẳng nghĩ rằng: Ta là Bồ Tát Chánh sĩ, Đại sĩ, có thể vì hữu tình nói pháp sâu xa. Nếu kẻ nào khởi nghĩ như thế tức là hành hý luận.

(Tất cả pháp như tiếng vang trong hang núi)

Lại nữa, Vô Năng Thắng! Tự tánh của tiếng vang trong hang núi thật có thể phát ra lời nói, làm cho người nghe nhận biết, luận nói các pháp chăng?

Vô Năng Thắng đáp:

- Không!

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Đúng vậy, tất cả các pháp chẳng thật, đều như tiếng vang, không danh, không tướng, không thể nắm giữ. Đối với pháp đây mà chấp trước, tức là hành hý luận. Nếu hành hý luận thì trôi lăn trong sanh tử. Đối với tất cả pháp như tiếng vang, chúng sanh chẳng như thật biết, khởi lên các sự tranh đấu. Vì khởi sự tranh đấu, nên tâm bị dao động. Khi tâm dao động, thì tạo ra nhiều mê lầm. Mê lầm tăng nên luân hồi càng lâu trong các nẻo.

Do vậy, ngày đêm đức Thế Tôn đích thân dạy bảo các Tỳ kheo rằng: "Này các Tỳ kheo! Các ông chớ hành hý luận. Đối với pháp tịch diệt mà Ta đã dạy, các ông thường nên suy gẫm, quán sát, thẩm xét cho đúng, <u>tinh cần tu tập Vô đắc pháp nhẫn</u>.

Như vậy, đức Năng Tịch Đại Thánh Pháp Vương nói bản tánh Không của các pháp tịch tĩnh, không nhiễm, không đắc, không chỗ nương trụ; ai khéo như thật biết thì giải thoát sanh tử, nhất định sẽ chứng được Bồ đề, Niết bàn.

(Thế Tôn nhiều lần thuyết bản tánh Không của các pháp, không nhiễm, không đắc, vắng lặng, xa lìa, không chỗ nương chấp… Như tiếng vang từ hang núi: "Tiếng vang đó là không, mà tiếng nói phát ra từ cửa miệng của người bằng xương bằng thịt theo Bồ Tát Long Thọ trong Đại Trí Độ Luận cũng bảo là không". Vì tất cả đều giả hợp, nên nói là không. Nếu ai khéo như thật biết thì giải thoát sanh tử, nhất định chứng Bồ đề, Niết bàn. Nhưng không biết chúng sanh có chấp nhận hay vẫn còn hoài nghi? Những đoạn Kinh kế tiếp của phần này thuyết về huyễn hóa cũng như thế).

Sau khi nghe lời ấy, Na Già Thất Lợi liền hỏi lại Mạn Thù Thất Lợi:

- Tôn giả giải thoát từ sanh tử nào?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Ngài bảo Như Lai từ sanh tử nào mà được giải thoát? Đức Thế Tôn Thập Lực thường nói, quá khứ, vị lai, hiện tại là pháp sanh tử.

Na Già Thất Lợi nói:

- Đức Thế Tôn há chẳng nói tất cả pháp đều như **huyễn hóa** sao? Như thế, lẽ nào có hữu tình vốn đã chứng Vô thượng Bồ đề lại có sanh tử? Vì sao? Vì Tôn giả cũng nói các pháp chẳng thật, đều như huyễn hoá.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Từ xưa đến nay, tôi đối với tánh tướng của pháp, chưa từng tuyên thuyết, cũng chẳng phân biệt, nắm giữ hay tạo tác. Vì sao? Vì tánh tướng của các pháp chẳng thể nêu bày, chẳng thể phân biệt, chẳng thể nắm giữ, chẳng thể tạo tác. Tất cả hữu tình nếu như thật thấu rõ các pháp đều như huyễn hóa, thì lẽ ra đã chứng Vô thượng Bồ đề. Nhưng bởi hữu tình chẳng thông suốt tất cả pháp đều như huyễn hóa, nên trôi lăn sanh tử trong các cõi. Như nhà huyễn thuật, nương vào bất cứ vật nào cũng làm ra được các vật huyễn hóa, đó là thế gian, trời, Ma vương, Phạm thiên, Đế thích, Sa môn, Bà la môn, Phạm chí, các rồng, Dược xoa, A tu la… chúng người chẳng phải người. Các loài

ngu si, mê chấp cho là thật có. Huyễn sư, bậc trí đều biết không cho là có thật tánh, chỉ có các thứ tướng hư dối biến hiện.

Các pháp như vậy, tuy như huyễn như hóa, nhưng các loài hữu tình ngu si chẳng biết rõ, nên phi hữu cho là hữu, vô thường chấp là thường; ở trong các pháp phân biệt đủ loại: Như phân biệt sắc, hoặc phân biệt tâm, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu v.v... Phân biệt đủ thứ như vậy. Do sự phân biệt đây, nên đối với các pháp chẳng như thật biết đều như huyễn hóa. Bởi chẳng biết nên luân hồi sanh tử.

Nếu các hữu tình đối với tất cả pháp như thật biết rõ đều như huyễn hóa, thì đối với Phật pháp lại chẳng tăng trưởng. Vì sao? Vì các loài hữu tình bản lai đều có diệu pháp của chư Phật, tất cả đã có như vậy nên không thối lui Phật trí. Do đó, các hữu tình đều có thể an lập nơi diệu pháp của Phật, tuệ giác không động, biết pháp tánh Không, không danh, không tướng, không nương, không trụ, không lấy, không chấp, không ngăn ngại, không dính mắc, giống như hư không, không tàng chứa, không nắm giữ, vô thượng vắng lặng, cùng cực vắng lặng, không sanh không diệt, không nhiễm không tịnh, không thành không hoại, chẳng có chẳng không. Do đó, ở trong thành nhẫn sâu xa, thường chẳng xa lìa diệu pháp của chư Phật. Vì sao? Vì diệu pháp của chư Phật lìa tánh, lìa tướng, không thể thi thiết, không thể tuyên thuyết, không thể nêu bày, khắp các loài hữu tình đều như hư không.

Khi Na Già Thất Lợi nghe pháp sâu xa này vui mừng hớn hở, khen Mạn Thù Sư Lợi:

- Hay thay, hay thay! Tôn giả đã nói pháp sâu xa mầu nhiệm không thể nghĩ bàn. Nói các hữu tình thường chẳng xa lìa diệu pháp của chư Phật, ai tin hiểu được?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Các đệ tử chơn thật của Phật đều tin hiểu được. Đó là những vị tùy tín hành, hoặc tùy pháp hành, hoặc Đệ bát, hoặc Dự lưu, hoặc Nhất lai, hoặc Bất hoàn, hoặc A la hán, hoặc các Độc giác, hoặc các Bồ Tát đã được Bất thối chuyển, không động, không chuyển đối với các bạch pháp, đã khéo **an trụ pháp rốt ráo Không, pháp vô sở đắc**. Những người này có khả năng tin hiểu được. Vì sao? Vì tòa Bồ đề vi diệu của các Bồ Tát này đã hiện ra trước mặt, có thể đối trước thế gian, Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Đế thích, Sa môn, Phạm chí, A tu la, người chẳng phải người

v.v… rống lớn tiếng rống sư tử: "Ta ngồi kiết già nơi toà này cho đến khi được Vô thượng Bồ đề, nếu chưa chứng được thì quyết chẳng rời toà này". Vì sao? Vì các Bồ Tát này đã khéo an trụ pháp rốt ráo Không, pháp vô sở đắc, không thể động vậy. Ví như cái cọc được đóng rất vững chắc, các trâu chúa… bị buộc chẳng lay động được. Cũng vậy, **Bồ Tát đã khéo an trụ pháp rốt ráo Không, pháp vô sở đắc**, tất cả hữu tình chẳng thể làm khuynh động, chẳng thể làm xa lìa năng giác, sở giác và tòa Bồ đề.

(Như biến hóa)

Na Già Thất Lợi hỏi:

- Năng giác, sở giác, và tòa Bồ đề có chỗ nói được sao?

Mạn Thù Thất Lợi hỏi gạn lại rằng:

- Vì sao gọi là Như Lai biến hóa? Vì sao gọi chỗ Như Lai biến hóa? Vì sao Như Lai biến hóa sở nương? Vì sao Như lai biến hóa pháp chứng? Do đây nói là Như Lai biến hóa thuyết pháp chỉ dẫn?

Na Già Thất Lợi đáp:

- Tôi hãy chẳng thấy có thật Như Lai, huống phải thấy có Như Lai biến hóa và chỗ biến hóa, biến hóa, biến hóa sở nương, biến hóa pháp chứng, do đây khá nói Như Lai biến hóa thuyết pháp chỉ dẫn.

Mạn Thù Thất Lợi bảo:

- Hay thay, hay thay! Chỗ Ngài nói, chỗ Ngài biết rất đúng lý. Ngài đã chứng được tất cả pháp vô sở đắc nhẫn, nên mới có thể nói được như thế. Năng giác, sở giác… nên biết cũng thế.

(Tất cả pháp là Không,)

Na Già Thất Lợi nói:

- Chẳng phải tất cả pháp vô sở đắc nhẫn có khởi có hoại. Vì sao? Vì tất cả pháp là Không, không có tự tánh, tự tướng cũng Không. **Các pháp như thế không tướng, không đối, không sắc, không thấy, ngang cùng hư không, thì làm sao khởi được pháp vô sở đắc nhẫn?**

Nếu tất cả pháp vô sở đắc nhẫn có nghĩa khởi được, thì nhẫn tiếng vang trong hang, hoặc nhẫn ánh sáng, hoặc nhẫn nhóm bọt, hoặc nhẫn bong bóng nước, hoặc nhẫn quáng nắng, hoặc nhẫn cây chuối, hoặc nhẫn

việc huyễn, hoặc nhẫn cảnh mộng, hoặc nhẫn biến hóa, hoặc nhẫn ảnh trong gương, hoặc nhẫn thành Tầm hương, hoặc nhẫn cõi hư không đều có nghĩa phải khởi. Vì sao? Vì nếu nhẫn hư không v.v… có nghĩa khởi thì điều này nhất định không có.

Nếu đại Bồ Tát nghe pháp như thế mà chẳng kinh, chẳng sợ, không mê hoặc, không nghi ngờ, tâm chẳng mờ mịt, tức là Bồ Tát Vô thượng pháp nhẫn*(4)* .

Mạn Thù Thất Lợi hỏi:

- Vô đắc pháp nhẫn của Bồ Tát chẳng lẽ không có sai khác?

Na Già Thất Lợi đáp:

- Nếu các Bồ Tát đối với các pháp nhẫn sâu xa cho rằng ta hiểu, ta biết rõ, **ta có thể thành tựu thì gọi là hành có sở đắc**. Nếu các Bồ Tát đối với các pháp cho rằng ta có thể tín thọ, ta có thể hiểu rõ bản tánh các pháp, ta có thể thấu triệt thì gọi là hành có sở đắc. Nếu các Bồ Tát cho rằng ta có thể hành Bồ Tát hạnh, ta có thể nghiêm tịnh nhiều cõi Phật, ta có thể thành thục các loài hữu tình, ta nhất định chuyển được bánh xe pháp Vô thượng, ta có thể cứu vớt các loài hữu tình, thì gọi là hành có sở đắc. Nếu các Bồ Tát nghĩ rằng ta có hành, ta có chứng, thì gọi là hành có sở đắc. Nếu các Bồ Tát nghĩ rằng ta có thể tu hành lục Ba la mật, 37 Bồ đề phần pháp, vô lượng đẳng trì, đẳng chí môn Đà la ni, thì gọi là hành có sở đắc. Nếu các Bồ Tát nghĩ rằng ta có thể chứng đắc vô lượng, vô biên diệu pháp của chư Phật, như Như Lai 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả và 18 pháp Phật bất cộng v.v... thì gọi là hành hữu sở đắc. Nếu Bồ Tát không hành hữu sở đắc, thì Vô đắc pháp nhẫn chẳng có sai khác.

Mạn Thù Thất Lợi hỏi:

- Nếu vậy, Bồ Tát làm sao tu học hướng tới hạnh Bồ đề?

Na Già Thất Lợi đáp:

- Nếu chúng Bồ Tát đối với các pháp **không nắm giữ** thì đó là tu học hạnh hướng tới Bồ đề. Nếu chúng Bồ Tát đối với các pháp **không nương tựa cậy nhờ** thì đó là tu học hạnh hướng tới Bồ đề. Nếu chúng Bồ Tát hiện quán các pháp Không, **không nương gá các duyên**, lìa ngã, ngã sở, thì đó là tu học hạnh hướng tới Bồ đề. Nếu chúng Bồ Tát dù có sở **hành nhưng không tưởng hành**, thì đó là tu học hạnh hướng tới Bồ đề”.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như Ngài đã nói. Như người trong mộng, tuy nói là đến đi, dừng nghỉ ở khắp nơi, nhưng thật không có đi đứng ngồi nằm, cũng không thật có chỗ để đến đi. Bồ Tát cũng thế, tuy trong lúc tỉnh, có tu hành mà không tưởng hành. Quán hạnh sở hành bản tánh đều Không. Đối với các pháp không có nắm giữ. Thông đạt tất cả pháp đều không có tướng trạng, không tàng chứa, không thủ giữ, đồng với hư không v.v… bản tánh Không, vắng lặng. Nếu các Bồ Tát hành được như thế, không có nắm giữ, lìa các hý luận, thì đó là ruộng phước chơn tịnh cho trời, người…, xứng đáng nhận sự cúng dường, cung kính của thế gian.

(Quán Không triệt để như thế thì chứng Thánh. Đây là phần thuyết pháp hay nhất của Thế Tôn về quán Không và quán các pháp như huyễn như hóa, cần phải tụng đọc thọ trì miên mật mới có thể thâm nhập được).

Đại Bồ Tát Na Già Thất Lợi nghe vậy, vui mừng hớn hở nói:

- Kính thưa Tôn giả! Tôi nay muốn đến thành Thất la phiệt, vì hữu tình mà tuần hành khất thực.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Ngài đi tùy ý. Nhưng khi đi chớ được cất chân, chớ được hạ chân, chớ co chớ duỗi, chớ khởi tâm ta, chớ dấy hý luận, chớ sanh tưởng đường sá, chớ sanh tưởng thành ấp xóm làng, chớ sanh tưởng nam nữ lớn nhỏ, chớ sanh tưởng đường lớn, ngõ hẻm, vườn rừng, nhà cửa v.v... Vì sao? Vì Bồ đề xa lìa các tưởng sở hữu, không cao không thấp, không nắm không buông, tâm dứt dao động, lời mất hý luận, không có số lượng. Đó là chỗ hướng tới Bồ đề của Bồ Tát. Nếu Ngài có thể đi được như thế, thì tùy ý đi mà hành khất thực.

Na Già Thất Lợi nương vào uy lực dạy bảo ấy, **nhập định Hải dụ**. Ví như biển cả, nước rộng sâu, lặng yên, có nhiều ngọc báu, đầy đủ sinh mạng các loài thủy tộc. Định đây cũng thế, uy lực rộng sâu, thần dụng khó nghĩ, ba nghiệp an tĩnh, đủ các báu công đức, nhiếp dưỡng hàm thức.

Bấy giờ, có Bồ Tát tên là Thiện Tư, vì muốn làm cho Na Già Thất Lợi mau ra khỏi định nên khởi lập đại gia hạnh, để gây xúc chạm dao động thân Ngài. Thiện Tư làm các núi, đại địa trong Tam thiên đại thiên thế giới biến động sáu cách, nhưng thân tâm Na Già Thất Lợi vẫn an tĩnh, vững

chãi chẳng động, như núi Diệu Cao. Vì sao? Vì do định ấy, nên thân ngữ ý của Ngài an trụ không động. Sau khi xuất định, mưa xuống các hương hoa, Na Già Thất Lợi hướng về rừng Thệ đa*(5)*, cúi mình chắp tay, chí thành cung kính, nói như vầy:

- Kính lạy đức Như Lai! Ngài đã chứng, đã nói pháp tuyệt diệu sâu thẳm, tự tánh đều Không, không nhiễm, không đắc, khiến cho người nghe được thắng định này.

Bồ Tát Thiện Tư bèn hỏi:

- Ngài ở trong định có cảm biết động đất chăng?

Na Già Thất Lợi đáp:

- Thiện Tư phải biết! Nếu những ai thân tâm dao động thì thấy đại địa… cũng dao động. Chư Phật Thế Tôn, Bồ Tát Bất thối chuyển, đại Độc giác và đại A la hán thân tâm an tĩnh, xa lìa sự dao động; ở trong các pháp không thấy, không biết có động, có chuyển, có nghiêng có lay. Vì sao? Vì các Ngài thường an trụ pháp không động, không chuyển, không nghiêng, không lay; nghĩa là chứng tướng Không, vô tướng, vô nguyện, vắng lặng, pháp xa lìa, bản tánh Không. Do trụ pháp này nên thân tâm không động.

Mạn Thù Thất Lợi thấy nghe vậy, vui mừng khen Na Già Thất Lợi:

- Lành thay, lành thay! Ngài thành tựu được việc này, nay tùy ý vào thành khất thực.

Na Già Thất Lợi đáp:

- Tôi nay đã chứng pháp thực*(6)* vô thượng thắng định Hải dụ, nên chẳng còn mong cầu các loại đoàn thực*(7)*. Tôi nay chỉ cầu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí Ba la mật và vô biên hạnh thù thắng khác của Bồ Tát, để mau chứng Vô thượng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp, cứu vớt các loài hữu tình thoát khổ lớn sanh tử, khiến cho trụ Niết bàn thanh tịnh rốt ráo. Tôi nay chỉ muốn xả bỏ các hành, chẳng muốn nuôi dưỡng thân tâm tạp uế. Nay nhờ Tôn giả, người bạn lành chơn tịnh, thương xót trợ lực tôi chứng được định thù thắng, tôi xin đảnh lễ: Thù Diệu Cát Tường, Vô Biên Cát Tường, Dũng Mãnh Cát Tường, Quảng Đại Cát Tường, Diệu Pháp Cát Tường, Thắng Huệ Cát Tường, Nan Tư Cát Tường, là bạn lành Đại tiên, bạn lành chơn tịnh.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Lành thay, lành thay! Ngài đạt được **thắng định Hải dụ** như thế, thấy rõ các pháp như tiếng vang, như ảnh tượng, như mộng, như huyễn, như quáng nắng, như ánh sáng, như việc biến hóa, như thành Tầm hương. **Nay Ngài nên cầu vô lượng, vô biên các pháp thực vô thượng là 10 lực Như Lai, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả và 18 pháp Phật bất cộng v.v… để tự nuôi Pháp thân giải thoát. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng giác đều do pháp thực đây mà an trụ, trải qua vô lượng, vô số, vô biên đại kiếp chẳng thể nghĩ bàn như số cát sông Hằng. Vì sao? Vì pháp thực như thế vô lậu, không ràng buộc, giải thoát hẳn sự chìm đắm, cũng làm cho dứt hẳn tất cả kiêu mạn, không tàng chứa, không cất giữ, không hý luận, bản tánh Không, vắng lặng. Tất cả đại Bồ Tát đều mong cầu pháp thực đây, Ngài cũng nên mong cầu, chớ cầu pháp thực thế gian thấp kém!**

Na Già Thất Lợi nói:

- Nay nghe Ngài tán thán pháp thực vô thượng như vậy, tôi đã tự thấy no đủ, huống nữa là thọ dụng! Nếu đời sau, tôi ăn được pháp thực đó thì dùng vô thực mà làm phương tiện, khi mình no đủ rồi, cũng giúp cho tất cả hữu tình được no đủ.

Mạn Thù Thất Lợi hỏi:

- Ngài làm cho cõi hư không no đủ được chăng?

Na Già Thất Lợi đáp:

- Chẳng được.

Mạn Thù Thất Lợi hỏi:

- Ngài làm cho tiếng vang, ảnh tượng, mộng, huyễn, quáng nắng, ánh sáng, các việc biến hóa, thành Tầm hương no đủ được chăng?

Na Già Thất Lợi đáp:

- Chẳng được.

Mạn Thù Thất Lợi hỏi:

- Ngài có thể dẫn các dòng sông chảy về đầy các biển cả được chăng?

Na Già Thất Lợi đáp:

- Chẳng được.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Các pháp cũng vậy, Ngài muốn no đủ tất cả được sao? Ngài muốn tất cả đều no đủ, tức là muốn no đủ cõi hư không, cũng muốn no đủ tiếng vang, ảnh tượng, mộng…; cũng muốn no đủ tất cả biển lớn; cũng muốn no

đủ tất cả pháp Không, vô tướng, vô nguyện, vô tạo, vô tác, vô sanh, vô diệt; cũng muốn no đủ tất cả sự xa lìa, vắng lặng, lìa nhiễm, Niết bàn, giải thoát rốt ráo; cũng muốn no đủ vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng đồng với hư không, chẳng thể thủ chấp Như như pháp giới.

Na Già Thất Lợi nói:

- Như lời Ngài nói, thức ăn và người ăn hoàn toàn đều Không. Vậy thời các hữu tình lẽ chẳng nhờ ăn.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Đúng vậy, đúng vậy! Tất cả hữu tình đều chẳng nhờ vào vật thực. Giả sử Phật hóa làm các loài hữu tình nhiều như số cát sông Hằng v.v… cần vật thực thì Ngài khiến ai tạo bấy nhiêu thức ăn ư?

Na Già Thất Lợi nói:

- Chúng sanh được biến hóa không ăn, thì đâu cần tạo ra vật thực!

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Pháp và hữu tình đều như huyễn hóa, cho nên tất cả đều không cần ăn. Nếu các hữu tình đều chẳng như thật thông đạt các pháp như huyễn hóa, thì sẽ luân hồi sanh tử trong các cõi. Hư dối mà cho là có thể nương nhờ, song chỗ nương nhờ ấy đều chẳng thể được. Nếu như thật quán sát pháp và hữu tình tự tánh đều Không, không chút chơn thật thì không cần nương nhờ các vật thực.

Na Già Thất Lợi nói:

- Tôi nay muốn dứt hẳn sự đói khát.

(Như quáng nắng)

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Sự đói khát còn không có, huống nữa là có đoạn dứt. Ví như huyễn sĩ nói như vầy: "Tôi muốn tìm nước trong quáng nắng để dứt trừ khát". Ngài cũng thế. Vì sao? Vì tất cả pháp đều như quáng nắng, tất cả hữu tình đều như huyễn sĩ, làm sao muốn dứt trừ đói khát. Trong pháp đã tạo hư dối phân biệt, người đoạn và cái để đoạn đều bất khả đắc. Đã không có đói khát thì ai trừ đoạn cái gì? Các pháp xưa nay, tự tánh no đủ, đều không đói khát thì trừ dứt cái chi?

Kẻ ngu đối với pháp đây chẳng như thật biết, cho rằng ta đói khát, nên tìm cách trừ dứt sự đói khát ấy. Còn những người có trí, thì như thật biết

đói khát vốn không, chẳng cầu trừ dứt. **Đã thấu rõ được tánh Không của các pháp, nên chẳng còn luân hồi sanh tử trong các nẻo nữa, xa lìa hý luận, không có phân biệt. Đối với tất cả pháp, trụ chỗ vô trụ, không nương, không nhiễm, không vào không ra, giải thoát rốt ráo, hết hẳn phân biệt.**

Na Già Thất Lợi nói:

- Như các pháp yếu mà Tôn giả nói, đúng vậy, đúng vậy! Pháp giới như vậy đã hiện ra!

(Người có trí thật biết đói khát vốn không, chẳng cần cầu dứt. Thấu rõ tánh không của các pháp, nên không còn luân hồi sanh tử trong các nẻo, xa lìa hý luận, không phân biệt. Đối với tất cả pháp, trụ chỗ vô trụ, không nương, không nhiễm, không vào không ra, giải thoát rốt ráo. Chúng ta có thể hiểu mệnh đề sau, nhưng chúng ta không thể hiểu "đói khát vốn không, chẳng cần cầu dứt". Đã là chúng sanh đói thì đầu gối phải bò. Nên những điều mà Mạn Thù Thất Lợi nói chỉ có bậc Thánh dùng "thiền diệt thực" nên không còn tưởng ăn hay các bậc đã chứng Thánh thoát vòng tục lụy, thì không còn ăn bất tịnh thực nữa. Còn phàm phu ngàn đời vẫn là phàm phu làm sao đoạn trừ được cảm thọ đói rét?)(8).

(Thế nào là chơn pháp giới?)

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Chẳng phải chơn pháp giới có hiện có mất, có co có giãn. Vì sao? Vì chơn pháp giới lìa tướng, vắng lặng, không hiện không mất, không thể phân biệt, không thể hý luận, không nương không trụ, không lấy không bỏ, không động không chuyển, không nhiễm không tịnh. Như cõi hư không không động không chuyển, không lấy không bỏ, không nương không trụ, không thể hý luận, không thể phân biệt, không hiện không mất. Các pháp cũng thế, tự tướng vốn Không, tánh ấy cũng chẳng có tướng, bất khả đắc. Nếu tướng của các pháp có thể đắc thì Phật vào Niết bàn cũng có thể đắc.

Tất cả pháp không có tàng chứa, không có thủ giữ, không sắc, không thấy, không đối, không tướng, bản lai vắng lặng. Cho nên hằng hà sa số chư Phật mặc dù đã vào Niết bàn nhưng không diệt một pháp. <u>Nghĩa là không diệt sắc uẩn và diệt thọ tưởng hành thức uẩn,</u>

cũng không diệt 12 xứ, 18 giới. Cũng không diệt địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Như vậy, chư Phật tuy vào Niết bàn nhưng không diệt một pháp nào để vào Niết bàn.

Có những kẻ muốn khiến cho Niết bàn có pháp diệt, tức là muốn làm cho cõi hư không kia cũng diệt. Vì sao? Vì tất cả pháp tánh, bản lai tịch diệt, tự tánh vắng lặng, cực vắng lặng, nên không thể diệt.

Những kẻ ngu si chẳng như thật biết, cho rằng ngã và ngã sở phải diệt mới được vào Niết Bàn. Do những kẻ ấy chấp trước ngã và hữu tình, cho đến tri giả, kiến giả và do chấp tự tánh pháp có không, cho rằng tất cả diệt hẳn mới vào Niết bàn. Ta nói những hạng ấy không thể giải thoát được sanh, già, bệnh, chết, sầu, than, khổ, ưu, não. Vì sao? Vì những kẻ ngu si kia **chẳng biết, chẳng ngộ bản tánh các pháp**, do chẳng hiểu biết bản tánh các pháp, nên cùng Phật Thế Tôn và các đại đệ tử, Bồ Tát Bất thối chuyển, cũng như đối Thượng hữu chơn tịnh, Tiên thiên vô thượng, thường chống trái tranh cãi. Vì tranh đấu nhau nên những kẻ ngu kia chìm đắm mãi trong hôi uế bất tịnh. Tất cả Hiền Thánh đều xa tránh việc ấy. Bậc trí đồng quở trách sanh tử tệ ác. Như đống phân uế gần thành phố xóm làng, ngày đêm người vật tới lui, như thế ngày càng thêm bất tịnh, đáng ghét, hôi thối, tiện lợi cho loài vật dơ. Cũng vậy, kẻ ngu đối với bản tánh của pháp chẳng thể hiểu biết, nên việc ác càng thêm tăng trưởng, sanh các điều sanh tử thối tha bất tịnh; Hiền Thánh quở trách, kẻ trí xa lìa. Ta nói những kẻ ấy chẳng thể nào giải thoát được các thứ tội lỗi sanh già bệnh chết v.v…

Na Già Thất Lợi hỏi:

- Thưa Tôn giả! Đối với pháp, làm sao có thể như thật biết?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Với những kẻ có khả năng dùng tâm không phân biệt, tùy thuận xa lìa, hướng tới xa lìa, vào hẳn xa lìa, đối với pháp mới có khả năng như thật biết.

Na Già Thất Lợi hỏi:

- Đối với việc huyễn, ai có thể xa lìa được?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Đối với việc huyễn, những người đó có thể xa lìa.

Bấy giờ, Thiện Hiện đi đến chỗ ấy hỏi:

- Hai Đại sĩ luận việc gì vậy?

Mạn Thù Thất Lợi hỏi vặn lại:

- Đại đức! Nay nói pháp nào gọi là Đại sĩ? Chúng tôi chẳng thấy có một chút pháp nào có thể gọi là Đại sĩ mà cùng luận bàn. Đại Thánh Pháp Vương cũng chưa từng nói có chút thật pháp gọi là Đại sĩ. Các pháp như tiếng vang, đều chẳng chơn thật. Tiếng vang ấy nào có đàm luận gì!

Sau khi nghe lời ấy, cụ thọ Thiện Hiện nhập vào môn Tam ma địa vô sở đắc, chừng giây lát, rồi từ định xuất, chắp tay cung kính hướng về rừng Thệ đa nói như vầy:

- Con nay quy y những điều mà Phật đã chứng, đã thuyết, pháp ấy rất sâu xa, vi diệu, vắng lặng, khó thấy khó biết, chẳng thể nghĩ bàn, vượt cảnh giới tư duy, trừ hẳn chấp thủ, dứt các ràng buộc. Diệu pháp như thế chẳng thể nghĩ bàn, khiến các hữu tình nghe được lợi ích an vui. Như các Bồ Tát đã được bất thối chuyển, Mạn Thù Thất Lợi làm thượng thủ, cho đến hoặc có các chúng Bồ Tát mới phát tâm hướng tới đại Bồ đề, đều cùng ở trong pháp sâu xa đây, lần hồi cùng nhau đàm luận việc ấy.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Đại đức! Phải biết trong đây không có kẻ thân, không phải không có kẻ thân, cũng không có mê lầm, chẳng có kẻ mê lầm. Lại không có việc lần hồi cùng nhau đàm luận. Vì sao? Vì không có một chút pháp nào cùng với một chút pháp nào làm thân hay oán... Vì sao? Vì tất cả pháp vô sở hữu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi:

- Khi nãy thấy hai Đại sĩ cùng luận pháp sâu xa, vì sao nói không có việc đàm luận?

Mạn Thù Thất Lợi hỏi lại:

- Đại đức có nghe nói huyễn sĩ, cảnh mộng, tiếng vang, ảnh tượng, quáng nắng, ánh sáng, biến hóa và thành Tầm hương lần hồi cùng luận nghĩa pháp sâu xa chăng?

- Chẳng nghe.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Các pháp như huyễn, như cảnh mộng, như tiếng vang…, sao có thể nói thấy đàm luận cùng nhau? Lẽ nào có việc huyễn sĩ nghe Phật biến hóa nói pháp nghĩa sâu xa, mà tin hiểu thọ trì, nắm giữ tướng, suy nghĩ danh thân…?

Nghe nói vậy, ngay chỗ đó Thiện Hiện nhập Diệt định.

Lúc đó, Xá lợi Tử đến hỏi Diệu Cát Tường *(tức Mạn Thù Thất Lợi)*:

- Thưa Đại sĩ! Đại sĩ có biết Thiện Hiện đã vào những định nào không?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Thưa Xá lợi Tử! Đại đức Thiện Hiện chẳng trái một chút với pháp, do đó thường vào những định chẳng trái với pháp: Định Vô sở trụ, định Vô y pháp, định Vô chấp tạng, định Hại chấp tạng. Trong đây chẳng trụ có lời có nói, có đến có đi, có đứng có nằm. Vì sao? Vì Đại đức Thiện Hiện tin hiểu tự tánh các pháp đều Không, bất khả đắc vậy.

(Các pháp lấy gì làm tánh?)

Xá lợi Tử lại hỏi:

- Các pháp lấy gì làm tánh?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Các pháp đều lấy vô tánh làm tánh. Vô tánh như thế cũng bất khả đắc.

Ngay lúc ấy Thiện Hiện xuất định. Diệu Cát Tường thúc:

- Giờ ăn sắp đến, nên mau vào thành, Kinh hành khất thực!

Thiện Hiện nói:

- Đại sĩ nên biết! Tôi nay chẳng vào thành khất thực nữa. Vì sao? Vì tôi đã xa lìa tất cả tưởng thành ấp, xóm làng; cũng đã xa lìa tưởng các sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Mạn Thù Thất Lợi hỏi:

- Đại đức Thiện Hiện! Nếu đã xa lìa tất cả tưởng, thì vì sao nay còn có đến, đi, qua, lại?

Thiện Hiện gạn lại:

- Như Lai biến hóa, sao nay lại có các pháp sắc, thọ, tưởng, hành, thức…? Vì sao nay có đến đi, qua lại, co dũi, ngó xem?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Hay thay, hay thay! Đại đức Thiện Hiện! Đại đức là chơn tử của Phật! Cho nên, Như Lai thường nói Thiện Hiện là người được trụ Vô tránh tối thượng đệ nhất.

Lại nói:

- Đại đức! Thôi, gác qua việc này, tôi muốn vào thành tuần hành khất thực. Sau khi dùng cơm xong, đến chỗ Như Lai, tôi sẽ phụng thỉnh, đãi các Đại đức một bữa ăn đặc biệt hiếm có, khiến được thiện lợi!

Xá lợi Tử hỏi:

- Nay vì chúng tôi, Đại sĩ đãi những thức ăn gì?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Đại đức! Tôi đãi thức ăn chẳng thể cắt khúc chia cục, chẳng thể nếm ngậm nhai nuốt, chẳng phải hương vị xúc, chẳng nhiếp thuộc ba cõi, cũng chẳng phải không ràng buộc. Đại đức nên biết, thức ăn mầu nhiệm như thế là thức ăn của Như Lai, chứ chẳng phải thức ăn khác.

Xá lợi Tử nói:

- Nay chúng tôi nghe Đại sĩ nói tên thức ăn hiếm có này đều đã no đủ, huống nữa là được ăn thật.

Mạn Thù Thất Lợi nói:

- Thức ăn của tôi nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn đều không thể thấy.

Bấy giờ, Thiện Hiện và Xá lợi Tử nghe lời thành thật như thế liền nhập vào Diệt định.

Bồ Tát Thiện Tư hỏi Mạn Thù Thất Lợi:

- Hai thượng nhân đây nay ăn những thức ăn gì? Vào những định gì?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Hai Tôn giả này ăn thức ăn vô lậu, vào định vô sở y, vô tạp nhiễm. Những ai ăn thức ăn này, trụ định này thì hoàn toàn không còn ăn thức ăn của ba cõi nữa.

Thiện Hiện và Xá lợi Tử lại xuất định, cùng Mạn Thù Thất Lợi và các chúng Bồ Tát, Thanh văn… vui mừng thăm hỏi lẫn nhau, rồi đồng đi vào thành, tùy ý tuần hành khất thực.

Cụ thọ Thiện Hiện đi đến một nhà trống vắng, đứng lặng lẽ. Có nữ cận sự thấy hỏi:

- Đại đức đứng đây muốn điều gì?

Thiện Hiện đáp:

- Cô phải biết, vì khất thực nên tôi đến đây đứng.

Nữ cận sự hỏi:

- Thánh giả Thiện Hiện! Nay đối với tưởng ăn, Ngài chưa biết khắp sao?

Thiện Hiện đáp:

- Từ xưa đến nay, có bao nhiêu tưởng ăn, tôi đều đã biết khắp. Vì sao? Vì tất cả tưởng ăn trước giữa sau đều tự nhiên Không.

Nữ cận sự nói:

- Dạ phải! Thánh giả nên đưa tay ra, con sẽ dâng cơm.

Cụ thọ Thiện Hiện bèn đưa tay ra.

Nữ cận sự hỏi:

- Thánh giả Thiện Hiện! Tay A la hán thế này ư?

Thiện Hiện đáp:

- Tay A la hán chẳng phải thấy được, cũng chẳng thể đưa ra. Ví như huyễn sĩ hỏi huyễn sĩ kia rằng: "Cái gì gọi là tay huyễn sĩ? Tôi nay muốn thấy, xin đưa ra cho". Cô phải biết! Tay của huyễn sĩ kia có thể thấy và có thể đưa ra được sao?

Nữ cận sự nói:

- Thưa Đại đức! Chẳng thể thấy được.

Thiện Hiện nói:

- Đúng vậy. Này cô! Đức Phật nói tất cả đều như huyễn, đều Không, nên chẳng thể nói tay A la hán là thật, có thể thấy và có thể đưa ra được.

Khi nghe nói như thế, người nữ kia liền chẳng thấy tay Thiện Hiện, bàn tay biến mất thật lâu làm cho người nữ kia cúng vật thực không được, muốn để vào bát, bát cũng không hiện. Nữ cận sự kia xem quanh thân Thiện Hiện, tìm khắp chẳng thấy tay đâu. Trong chớp mắt thân biến mất luôn. Nữ cận sự cung kính khen Thiện Hiện:

- Hay thay, hay thay! Quả là bậc Thánh mới làm được như thế! Thân chẳng trụ, tướng cũng chẳng hiện, thật là hiếm có. Vậy nên, Như Lai thường nói: "Thiện Hiện được trụ Vô tránh tối thượng đệ nhất".

Ngay khi ấy, nữ cận sự liền dứt hẳn ngã kiến, được quả Dự lưu.

Cụ thọ Thiện Hiện bèn hiện thân ra, khen rằng:

- Hay thay, hay thay! Cô đã thành nghiệp trượng phu như thế.

Bấy giờ, người nữ vui mừng hớn hở, đem thức ăn dâng cho Thiện Hiện. Thiện Hiện nhận rồi, trở về dùng bữa.

Mạn Thù Thất Lợi cùng các chúng Bồ Tát, Thanh văn v.v… dùng cơm xong, đồng đến chỗ Phật đảnh lễ chân Ngài, đi nhiễu bên phải ba vòng, lui ngồi một bên, đem việc vừa rồi trình bày đầy đủ lên Thế Tôn.

Như Lai nghe những vị ấy thuật lại, bèn khen rằng:

- Hay thay, hay thay! Các ông mới thành tựu việc thù thắng đó, phải biết đều là thần lực của Phật.

Cụ thọ Thiện Hiện cũng đem sự việc vừa mới giáo hóa nữ cận sự được sơ quả, thưa lên Phật. Thế Tôn cũng khen ngợi Thiện Hiện phương tiện khéo giỏi.

Mạn Thù Thất Lợi bảo Thiện Hiện:

- Nữ cận sự kia đã dứt ngã kiến, tức phi ngã kiến, cho nên Như Lai gọi là ngã kiến. Như vậy, Đại đức! Những ai phát tâm hướng đến Bồ Tát thừa, đối với tất cả pháp, nên biết, nên thấy, nên tin hiểu sâu.

Tin hiểu thế nào? Nghĩa là tin hiểu đúng như pháp **chẳng trụ nơi tưởng**. Vì sao vậy? Đại đức Thiện Hiện! Vì kẻ tưởng pháp tức chẳng tưởng pháp, nên Như Lai gọi là tưởng pháp.

Đại đức nên biết! Giả sử đại Bồ Tát đem bảy báu đầy ắp trong vô số thế giới mà bố thí; lại có thiện nam, thiện nữ v.v… nào đối với Bát nhã Ba la mật đây, cho đến chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu, vì người khác chỉ dạy, mà không có tưởng chỉ dạy, thì thiện nam, thiện nữ này được phước báo nhiều hơn phước trước.

Bấy giờ, Thế tôn nói kệ rằng:

Tất cả pháp hữu vi
Như sao nhòa, đèn huyễn,
Sương, bọt, mộng, chớp, mây,
Nên quán sát như thế(9).

Khi đức Bạc Già Phạm thuyết Kinh này rồi, tất cả chúng hội Bồ Tát và các Bí sô, thế gian, trời, người, A tu la… nghe Phật nói đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

Thích nghĩa:

(1). Đồng tử Mạn Thù Thất Lợi hay Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi hay Diệu Cát Tường chỉ là một nhân vật. Hội thứ VII, dịch giả dùng tên Mạn Thù Thất Lợi từ đầu tới cuối. Hội thứ VIII thay vì dịch giả dùng tên Mạn Thù Thất Lợi cho Kinh văn thống nhất, dịch giả lại dùng tên Diệu Cát Tường. Mạn Thù Thất Lợi, Văn Thù Sư Lợi hay Diệu Cát Tường chỉ là một nhân vật. Để Kinh văn thống nhất cho toàn bộ Đại Bát Nhã này, chúng tôi dùng

tên Mạn Thù Thất Lợi cho toàn Hội thứ VIII thay vì dùng tên Diệu Cát Tường, để những người mới học Phật khỏi ngỡ ngàng.

Chúng ta cũng biết rằng Hội thứ VI, thứ VII hay Hội thứ VIII… không phải do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch mà nhóm của Ngài Huyền Trang chỉ sao lại các tác phẩm do những người đi trước dịch mà thôi. Nên chúng ta thấy tên của những nhân vật trong ba Hội trên không thống nhất với nhau. Kinh "Phật Thuyết Nhu Thủ Bồ Tát Vô Thượng Thanh Tịnh Phân Vệ" gọi Bồ Tát Diệu Cát Tường (hay Mạn Thù Thất Lợi) là Bồ Tát Nhu Thủ, còn Bồ Tát Na Già Thất Lợi thì gọi là Bồ Tát Long Thủ. Chúng tôi không tìm thấy thân thế, sự nghiệp của Bồ Tát Na Già Thất Lợi hay Bồ Tát Long Thủ trong tự điển Phật học. Chúng ta chỉ cần đọc và nhớ pháp thoại. Không nên quá chú tâm đến danh tướng.

Sở dĩ, trong Hội thứ VII dịch giả gọi tên là Mạn Thù Thất Lợi và Hội thứ VIII lại gọi là Diệu Cát Tường. Vì hai Hội này không do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch mà do người khác dịch và nhóm của Ngài Huyền Trang chỉ sao lại thôi như đã nói trên. Nên, không có thống nhất trong cách gọi tên. Có thể nói đó là sự sơ sót, thiếu kiểm soát do đúc kết của nhiều bộ Kinh gây ra. ***TB***

(2). Vô biểu hay vô biểu sắc: Không có biểu hiện bằng hình thể vật chất, người ngoài không thể nhận biết được nên gọi là vô biểu.

(3). Vô đối: Không đối đãi. Vô tỉ: Không so sánh.

(4). ***Pháp nhẫn****:* (法忍) *Nhẫn là chỉ cho sự chịu đựng những cảnh ngang lòng trái dạ mà trong tâm không sân hận. Còn Pháp nhẫn là đối với các pháp nghĩa sâu xa, mầu nhiệm được nói trong các Kinh, chẳng những không sợ hãi mà còn siêng năng đọc tụng. Là một trong Nhị nhẫn, một trong Tam nhẫn, một trong Lục nhẫn, một trong Thập nhẫn. Đại thừa nghĩa chương quyển 11 (Đại 44, 685 trung) nói: An trụ trong thực tướng các pháp gọi là Nhẫn. Pháp nhẫn thông thường được chia làm 2 loại: Khổ pháp nhẫn và Đạo pháp nhẫn. Khổ pháp nhẫn là chỉ cho sự tin chịu lý Khổ đế ở cõi Dục khi vào giai vị Kiến đạo. Còn Đạo pháp nhẫn là chỉ cho sự tin chịu lý Đạo đế ở cõi Dục khi tiến vào giai vị Kiến đạo. Ngoài ra, hàng Bồ Tát Đại thừa ở giai vị Kiến đạo của Sơ địa tin chịu lý vô sinh, thì gọi là Vô sinh pháp nhẫn.*

Vì là pháp tu khó khăn của Bồ Tát nhất là Kinh nói về pháp tu "Vô sinh pháp nhẫn". Để hiểu rõ các pháp tu này, nên chúng tôi ghi thêm

thích nghĩa tam pháp nhẫn sau đây của Phật Quang tự điển các đạo hữu nghiên cứu thêm khi đọc tụng ĐBN khỏi bị ngỡ ngàng hay lúng túng:

Tam pháp nhẫn: (三法忍) *cũng gọi là Tam nhẫn:*

I. Tam Pháp Nhẫn: Ba loại nhẫn. Nhẫn nghĩa là thể ngộ, nhận thức sự lý mà tâm được an: 1- Âm hưởng nhẫn (Phạm: Ghowà= nugama-dharma-*kwànyi), cũng gọi Tùy thuận âm thanh nhẫn, Sinh nhẫn: Lắng nghe giáo pháp mà tâm được an. Đây là giai vị Thập tín, nhờ nghe pháp âm mà liễu ngộ nên gọi là Âm hưởng nhẫn. 2- Nhu thuận nhẫn (Phạm: Anulo= mikì*-dharma-*kwànyi), cũng gọi Tư duy nhu thuận nhẫn, Nhu thuận pháp nhẫn: Nhờ sự tư duy của chính mình mà được liễu ngộ và tùy thuận chân lý. Đây là giai vị Tam hiền, hàng phục các hoặc nghiệp, khiến 6 trần vô tính không sinh ra được, cho nên gọi là Nhu thuận nhẫn. 3- Vô sinh pháp nhẫn (Phạm: Anutpattika*-dharma-*kwànyi), cũng gọi Tu tập vô sinh nhẫn, Vô sinh nhẫn. Nghĩa là khế hợp chân lý. Tức Thất địa trở lên, lìa tất cả tướng mà chứng ngộ thực tướng.*

Trong Vô lượng thọ Kinh *ký Q.thượng, Ngài Huyền Nhất đời Đường đem Tam nhẫn phối hợp với Tam tuệ: Nhờ được nghe âm giáo mà có Âm hưởng nhẫn là **Văn tuệ**; nhờ tùy phần điều phục tâm mà có Nhu thuận nhẫn là **Tư tuệ**; nhờ quán xét chứng lí vô sinh mà có Vô sinh nhẫn là **Tu tuệ**. Lại trong Vô lượng thọ* Kinh *sao quyển 5, vị tăng người Nhật bản là Liễu huệ, có dẫn lời giải thích của ngài Nghĩa tịch, người nước Tân la, về Tam nhẫn như sau: 1- Âm hưởng nhẫn: Nếu nghe pháp chân thực mà không kinh nghi sợ hãi, lại tin hiểu thụ trì, ưa thích thuận theo, tu tập an trụ, thì đó là Tùy thuận âm hưởng nhẫn bậc nhất. Đây là lời giải thích trong phẩm Thập nhẫn. 2- Tùy thuận nhẫn: Bồ Tát tùy thuận tịch tĩnh quán xét tất cả pháp, bình đẳng chính niệm, không trái nghịch các pháp, dùng tùy thuận vào sâu tất cả các pháp, dùng trực tâm thanh tịnh phân biệt các pháp, tu bình đẳng quán và thâm nhập đầy đủ, đó là thuận nhẫn thứ 2, gọi là Tùy thuận nhẫn. 3- Vô sinh pháp nhẫn: Bồ Tát không thấy có pháp sinh, không thấy có pháp diệt; nếu không sinh thì không diệt, không diệt thì không hết, không hết thì lìa cấu, lìa cấu thì không hoại, không hoại thì chẳng động, chẳng động thì vắng lặng, đó là Vô sinh pháp nhẫn.[* Kinh *Vô lượng thọ Q.thượng;* Kinh *Tọa thiền tam muội Q.hạ;* Kinh *Nguyệt đăng tam muội Q.2; luận Du già sư địa Q.49; Vô lượng thọ* Kinh *sao Q.4].*

II. Tam Pháp Nhẫn. Ba pháp Vô sinh nhẫn theo quan điểm Tịnh độ giáo. Do thấy cõi Tịnh độ của đức Phật A di đà mà lòng sinh vui mừng và được 3 Vô sinh nhẫn: Hỷ nhẫn, Ngộ nhẫn và Tín nhẫn. Sự phân chia 3 Vô sinh nhẫn này là dựa theo 3 trạng thái của tâm là hỷ(mừng), ngộ (hiểu rõ) và tín (tin), khi được Vô sinh nhẫn nhờ sự quán tưởng mạnh mẽ chuyên tinh, thấy cõi Tịnh độ trang nghiêm mà tâm sinh hoan hỷ. Nhưng vẫn còn nhiều thuyết phân vân, không biết rốt cuộc thì loại Vô sinh nhẫn này là do quán tưởng Phật mà được, hay do lòng tin mà được? [X. Quán kinh tự phần nghĩa]. III. Tam Pháp Nhẫn. Chỉ cho 3 thứ nhẫn: Nại oán hại nhẫn, An thụ khổ nhẫn và Đế sát pháp nhẫn thuộc Nhẫn nhục Ba la mật. 1. Nại oán hại nhẫn: Dù bị người ta oán ghét, hãm hại thì mình vẫn thản nhiên chịu đựng, không có tâm trả thù. 2. An thụ khổ nhẫn: Dù có bị các nỗi khổ não bức ngặt như tật bệnh, nước lửa, dao gậy thì vẫn yên lòng nhẫn nại, điềm nhiên bất động. 3. Đế sát pháp nhẫn: Xét kỹ thể tính các pháp hư dối, vốn không sinh diệt, tin hiểu chân thực, tâm không vọng động, an nhiên lãnh nhận.

Tất cả thích nghĩa từ trước đến nay về các pháp nhẫn hay vô sanh pháp nhẫn đều không được đầy đủ. Đây là lần thích nghĩa đầy đủ nhất, tuy có giải thích đầy đủ nhưng không phải dễ nhận thức. ***TB***

(5). Rừng Thệ đa (hay Kỳ đà, jetta) hay Thệ đa lâm là trú xứ của Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên hay Tịnh xá Kỳ Hoàn, nằm trong Thành Vương Xá (hay Xá vệ, Sràvasti), thủ đô xứ Ma Kiệt đà. Tương truyền rằng trưởng giả Tu Đạt Đa còn gọi là Trưởng giả Cấp Cô Độc muốn mua khu vườn của Thái tử Kỳ Đà (nằm trong rừng Thệ đa) để cất tịnh xá cho tăng đoàn Phật có chỗ ở và tu tập. Thái tử "thử lòng" Cấp Cô Độc, nên nói nếu ông đem vàng lót đầy vườn thì tôi sẽ bán cho. Cấp Cô Độc lấy xe chở vàng đến trải gần xong, Thái tử vui vẻ bảo thôi đừng chở vàng thêm nữa và Thái tử xin cúng tất cả vườn tược cây cối trong vườn cho đức Phật. Khi tịnh xá hoàn thành rồi thì người ta gọi nơi này là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên (tên của hai người ghép lại). Cũng nên biết, Đức Phật đã trải qua hơn 20 năm thuyết giảng hầu hết các Kinh điển Đại thừa vào cuối đời Ngài tại tịnh xá này. Thiện Hiện quay về hướng rừng Thệ đa lễ lạy là nghĩ đến công đức của Đấng Thế Tôn giáo hóa. ***TB***

(6). Pháp thực: Ví các pháp Phật như thức ăn hằng ngày.

(7). Đoàn thực: Thức ăn vò viên, người Ấn khi xưa vò viên thức ăn rồi bỏ vào miệng, không dùng muỗng nĩa.

(8). Tôi có đọc một quyển sách lâu rồi, không nhớ nguồn gốc(có lẽ là sách của HT Thích Thanh Từ), có kể lại câu chuyện như sau: Có một người làm nghề mộc, một hôm vào rừng đốn cây để làm đồ vật cho vua. Thấy một cây cổ thụ có ụ cây kỳ dị, nên muốn đốn về. Nhưng khi đốn ụ cây dù lưỡi búa bén cách mấy cũng không chặt nổi. Có người đi ngang qua thấy vậy mới nói đây không phải là bọng cây mà đây là một người đang ngồi thiền, qua nhiều năm tháng nên hóa gỗ. Nói như vậy xong, người đó mới đi tìm một loại nước đặc biệt chế vào ụ cây. Tự nhiên cây nứt nẻ và hiện ra một người thật. Người đó đứng dậy rồi đi mất. Người thuật lại câu chuyện này cho rằng người nhập thiền không cần ăn uống lâu ngày có thể biến thành gỗ đá. Câu chuyện này khó tin. Nhưng trong ĐBN có nhiều Đoạn Kinh nói người ngồi thiền, vì vui với thiền nên quên ăn, gọi là "thiền hỷ thực". Còn trên cõi trời các chư thiên dùng thiền định, sống bằng thức nên không cần đoạn thực hôi tanh như chúng ta. Chúng tôi xin mở dấu ngoặc ở đây khi kể những chuyện thần thoại này. Tin hay không là tùy người, chẳng có gì đáng quan tâm cho lắm! ***TB***

(9). Bốn bản dịch của các ngài: Bồ Đề Lưu Chi, Chân Đế, Cấp Đa và Nghĩa Tịnh, cũng giống như Ngài Huyền Trang: Bài kệ này sử dụng 9 thí dụ: **Tinh** (tinh tú, sao)**,** ***Ế*** *(ảo ảnh của mắt bị bệnh),* ***Đăng*** *(đèn),* ***Ảo*** *(ảo thuật),* ***Lộ*** *(sương mai),* **Bào** *(bóng nước),* ***Mộng*** (chiêm bao)**,** ***Điện*** *(Ánh chớp), và* **Vân** *(đám mây) để diễn tả cái vô thường của toàn bộ các pháp hữu vi. Nguyên bản tiếng Phạn cũng dùng 9 thí dụ:*

Những hòa hiệp mà có,
Như sao mù, đèn huyễn,
Sương, bọt, mộng, điện, mây,
Nên khởi quán như thế.

Nhưng bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập thì chỉ sử dụng 6 thí dụ mà thôi: Chiêm bao *(****mộng****), ảo thuật (****ảo****), bóng nước (***bào***), sương mai (****lộ****) và ánh chớp (****điện****) là 6 ví dụ:*

Nhất thiết hữu vi pháp

Như mộng ảo bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ưng tác như thị quán.

Lối dịch của Ngài La Thập ngắn gọn. Vì vậy, quý độc giả thấy trong các Kinh thuộc hệ Bát Nhã có hai bài kệ khác nhau như trên. ***TB***

Sơ giải:

Cũng như Hội thứ VII, chúng tôi chiết giải chi tiết theo từng đoạn Kinh của chính văn, nên trong phần sơ giải này chỉ chiết giải tổng quát mà thôi:

1. Ai là người có thể chứng Bồ đề?

"Na Già Thất Lợi hỏi:
- Ai là người chứng được?
Mạn Thù Thất Lợi đáp:
- Người không chấp danh tánh thi thiết ngôn ngữ thì có thể chứng được.
Na Già Thất Lợi hỏi:
- Vậy người đó chứng như thế nào?
Mạn Thù Thất Lợi đáp:
- Người mà tâm không sanh, chẳng niệm Bồ đề và tòa Bồ đề, cũng chẳng thương nhớ tất cả hữu tình, dùng tâm vô biểu, tâm vô kiến thảy năng chứng Vô thượng Bồ đề.
Na Già Thất Lợi hỏi:
- Nếu vậy, Tôn giả dùng những tâm nào để được Bồ đề?
Mạn Thù Thất Lợi đáp:
- Tôi không thấy mình hướng đến, cũng chẳng thấy có chỗ hướng đến, đều không chỗ học; tôi cũng chẳng thấy đời sau đến cội Bồ đề ngồi tòa Kim cương chứng đại Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp cứu vớt sanh tử. Vì sao? Vì các pháp không động, không thể phá hoại, không thể thu nhiếp, rốt ráo Không, vắng lặng. Tôi đem những tâm chẳng hướng tới như thế để được Bồ đề".

Phần này cũng như phần "Mạn Thù Thất Lợi" của Hội thứ VII, Mạn Thù Thất Lợi cũng dùng lối nói mà chúng ta tạm gọi là phản biện hay nghịch đảo để phát biểu quan điểm của mình: "Người mà tâm không sanh, chẳng niệm Bồ đề và tòa Bồ đề, cũng chẳng thương nhớ tất cả hữu tình, dùng tâm vô biểu, tâm vô kiến thảy năng chứng Vô thượng Bồ đề". *Người chứng được Vô Thượng Bồ đề là người không nghĩ về Bồ đề cũng chẳng thương nhớ tất cả hữu tình. Nếu quan niệm như vậy thì làm sao chứng Bồ đề? Vì vậy, mới nói Mạn Thù Thất Lợi "lật úp" những nghĩ tưởng thế gian. Tuy nhiên, nó lại rất đạo lý. Bởi vì khi tâm không, gọi là "bất thức" thì mới có thể đạt huệ mà chứng Thánh. Vì vậy, Na Già Thất Lợi cho lời nói đó của Mạn Thù Thất Lợi là nương vào thắng nghĩa, như chúng ta đã luận giải trong Hội thứ VII.*

2. Tất cả pháp là huyễn, là mộng, là bèo bọt, sương khói...

Lấy dịp đi khất thực Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát và Na Già Thất Lợi Bồ Tát luận về các pháp thế gian và cho rằng: Tất cả pháp như huyễn, như mộng, như trò biến hóa, như tiếng vang trong hang động, như bóng sáng, như ảnh trong gương, như bóng nước, như quáng nắng, như lột bẹ chuối, như thành Tầm hương v.v... Vì sao? Vì "tất cả pháp đều chẳng thể lấy, cũng chẳng thể bỏ, không thành không hoại, chẳng phải pháp đối với pháp có tạo tác và có diệt hoại. Không có pháp nào đối với pháp nào mà có hòa hiệp, có chia lìa. Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng hợp chẳng tan, tự tánh đều Không, lìa ngã, ngã sở, đồng cõi hư không, không nói, không chỉ, không khen, không chê, không cao, không thấp, không tổn, không ích, chẳng thể tưởng tượng, chẳng thể hý luận, bản tánh hư tịch, rốt ráo đều Không, **như huyễn như mộng**, vô đối, vô tỉ, sao có thể khởi tâm phân biệt nó được".

Đó là cái thấy về tất cả pháp thế gian giống như các Hội trước thường đề cập. Tất cả pháp nói chung tánh tướng đều như huyễn hóa. Huyễn hóa tức Không và trong Tánh không, không phân biệt chấp trước, nên chẳng còn nắm giữ cất dấu, nếu không còn nắm giữ cất dấu thì không tạo tác thi vi nữa.

Phần "Na Già Thất Lợi", Q.576, ĐBN, Mạn Thù Thất Lợi nói:

- "Từ xưa đến nay, tôi đối với tánh tướng của pháp, chưa từng tuyên thuyết, cũng chẳng phân biệt, nắm giữ hay tạo tác. Vì sao? Vì tánh tướng của các pháp chẳng thể nêu bày, chẳng thể phân biệt, chẳng thể nắm giữ, chẳng thể tạo tác. Tất cả hữu tình nếu như thật thấu rõ các pháp đều như huyễn hóa, thì lẽ ra đã chứng Vô thượng Bồ đề. Nhưng bởi hữu tình chẳng thông suốt tất cả pháp đều như huyễn hóa, nên trôi lăn sanh tử trong các cõi. Như nhà huyễn thuật, nương vào bất cứ vật nào cũng làm ra được các vật huyễn hóa, đó là thế gian, trời, Ma vương, Phạm thiên, Đế thích, Sa môn, Bà la môn, Phạm chí, các rồng, Dược xoa, A tu la, chúng người chẳng phải người… Các loài ngu si, mê chấp cho là thật có. Huyễn sư, bậc trí đều biết không có thật tánh, chỉ có các thứ tướng hư dối biến hiện.

Các pháp như vậy, tuy **như huyễn như hóa**, nhưng các loài hữu tình ngu si chẳng biết rõ, nên phi hữu cho là hữu, vô thường chấp là thường; ở trong các pháp phân biệt đủ loại: Như phân biệt sắc, hoặc phân biệt tâm, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu v.v... Phân biệt đủ thứ như vậy. Do sự phân biệt đây, nên đối với các pháp chẳng như thật biết đều như huyễn hóa. Bởi chẳng biết nên luân hồi sanh tử".

Ở các phẩm trước, cụ thọ Thiện Hiện thường thuyết rằng: Đối với tánh tướng của pháp, tuy có thuyết mà cho là chưa từng nói một chữ, thì làm gì có phân biệt, nắm giữ hay tạo tác. Nên, phần này Mạn Thù Thất Lợi cũng nói với Bồ Tát Na Già Thất Lợi như vậy.

Cùng đoạn Kinh dẫn chứng trên, Mạn Thù Thất lợi nói tiếp:

"... Các loài hữu tình **bản lai đều có diệu pháp của chư Phật**, tất cả đã có như vậy nên không thối lui Phật trí. Do đó, các hữu tình đều có thể an lập nơi diệu pháp của Phật, tuệ giác không động, biết pháp tánh Không, không danh, không tướng, không nương, không trụ, không lấy, không chấp, không ngăn ngại, không dính mắc, giống **như hư không**, không tàng chứa, không nắm giữ, vô thượng vắng lặng, cùng cực vắng lặng, không sanh không diệt, không nhiễm không tịnh, không thành không hoại, chẳng có chẳng không. Do đó, ở trong thành nhẫn sâu xa, thường chẳng xa lìa diệu pháp của chư Phật. Vì sao? Vì diệu pháp của chư Phật lìa tánh, lìa tướng, không thể thi thiết, không thể tuyên thuyết, không thể nêu bày, khắp các loài hữu tình đều như hư không".

Không những Kinh Đại Bát Nhã mà nhiều Kinh khác như Kinh Pháp Hoa chẳng hạn nói bản lai chúng sanh đều có Phật trí (tri kiến Phật) như chàng cùng tử có sẵn hạt châu trong chéo áo mà không tự biết, nên phải lang thang đầu đường xó chợ kiếm ăn. Ở đây, Mạn Thù Thất Lợi được xem là Bồ Tát trí tuệ nhất trong hàng Bồ Tát cũng nói: "Các loài hữu tình bản lai đều có diệu pháp của chư Phật, tất cả đã có như vậy nên không thối lui Phật trí. Do đó, các hữu tình đều có thể an lập nơi diệu pháp của Phật, tuệ giác không động, biết pháp tánh Không, không danh, không tướng, không nương, không trụ, không lấy, không chấp v.v…"

Đoạn Kinh trên phải giải thích như thế nào? Bản lai chúng sanh đều có diệu pháp của chư Phật, mà diệu pháp chư Phật tức là Phật trí, là Bát Nhã Trí. Nếu an lập trong diệu pháp này thì tuệ giác như như bất động, nên biết pháp tánh là không, thì không chấp đắm nên không trôi lăn như chàng cùng tử. Vì vậy, Mạn Thù Bồ Tát mới bảo: "... tất cả các pháp **đều chẳng thật, đều như tiếng vang,** không danh, không tướng, không thể nắm giữ. Đối với pháp đây mà chấp trước, tức là hành hý luận. Nếu hành hý luận thì trôi lăn trong sanh tử. Đối với tất cả pháp như tiếng vang, chúng sanh chẳng như thật biết, khởi lên các sự tranh đấu. Vì khởi sự tranh đấu, nên tâm bị dao động. Khi tâm dao động, thì tạo ra nhiều mê lầm. Mê lầm tăng nên luân hồi trong các nẻo".

Rốt ráo phải nói những điều nghĩ tưởng của Mạn Thù Thất Lợi không ngoài quan niệm ***bản hữu*** *mà chúng ta thường nói trước đây* "Các loài hữu tình bản lai đều có diệu pháp của chư Phật, tất cả đã có như vậy nên không thối lui Phật trí". ***Bản lai chính là cái mà chúng ta gọi là bản hữu, cái sẵn có của tất cả hữu tình trước khi cha mẹ sanh.***

Đó cũng là Đệ nhất nghĩa, quan niệm tối cao của Phật đạo. Tất cả mục đích tu hành là cốt trở về chỗ này mà Kinh "Pháp Hoa" bảo "bao thuở lưu lãng chốn giang hồ, bây giờ mới được trở về quê cũ để an thân lập mệnh".

3. Đối với tất cả pháp làm sao biết như thật?

Trong toàn bộ Đại Bát Nhã pháp hội nào Phật cũng thường lặp đi lặp lại các pháp là giả thi thiết, là huyễn hóa, là trì độn, là không thật có, là

không, là như như, là bình đẳng. Người nào có cái thấy như vậy thì tâm được thanh tịnh. Trong Hội này Na Già Thất Lợi Bồ Tát hỏi Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát :

- "Thưa Tôn giả! Đối với pháp, làm sao có thể như thật biết?

Mạn Thù Thất Lợi đáp:

- Với những kẻ có khả năng dùng tâm không phân biệt, tùy thuận xa lìa, hướng tới xa lìa, vào hẳn xa lìa, đối với pháp mới có khả năng như thật biết".

Đó là chìa khóa ngàn năm một thuở, trực tiếp trả lời chúng ta. Nếu tâm không phân biệt, tu hạnh xa lìa. Xa lìa cái gì? Xa lìa tướng, xa lìa ngã-ngã sở, xa lìa phân biệt, chấp trước... thì pháp nào pháp nào cũng là chân như thật tướng. Dĩ nhiên, nếu những ai thân tâm dao động thì sẽ không bao giờ thấy được thật tướng các pháp.

4. Thân tâm không dao động.

Phần "Na Già Thất Lợi", Q.576, Hội thứ VIII, *Na Già Thất Lợi Bồ Tát đáp lời Bồ Tát Thiên Tư:*

- "Thiện Tư phải biết! **Nếu những ai thân tâm dao động thì thấy đại địa… cũng dao động**. Chư Phật Thế Tôn, Bồ Tát Bất thối chuyển, đại Độc giác và đại A la hán thân tâm an tĩnh, xa lìa sự dao động; ở trong các pháp không thấy, không biết có động, có chuyển, có nghiêng có lay. Vì sao? Vì các Ngài thường an trụ pháp không động, không chuyển, không nghiêng, không lay; nghĩa là chứng tướng Không, vô tướng, vô nguyện, vắng lặng, pháp xa lìa, bản tánh Không. Do trụ pháp này nên thân tâm không động".

Phật Bồ Tát nói tất cả pháp như huyễn như mộng mục đích là chỉ cho chúng sanh biết tất cả pháp hữu vi chỉ do duyên hợp thì có, duyên hết thì tan. Đừng bám víu vào cái hư ảo mà phải chịu nhiều khổ lụy khi thành bại hoại không, phân ly phi tán. Thành bại hoại không hay phân ly phi tán trở thành luật vô thường luôn luôn đe dọa cuộc sống của chúng sanh. Không ai không đau đớn trước cảnh sanh ly tử biệt vợ khóc chồng, mẹ khóc con... Đó là những cái đứt ruột của cuộc đời thường! Làm sao thân tâm không dao động. Sống là khổ, là quá khổ! Chỉ những bậc La hán, Bồ Tát, Phật thân tâm đoạn diệt, an trụ trong pháp không chuyển không lay mới tránh

khỏi cảnh đoạn trường. Phải "dọn mình" tu pháp không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh, vô diệt, vắng lặng, xa lìa… thì thân tâm không còn dao động, đối với tất cả pháp mới có khả năng như thật biết mà chứng Thánh.

5. Chơn pháp giới.

Chắc chúng ta ai cũng nhớ rõ câu hỏi Na Già Thất Lợi Bồ Tát: Đối với các pháp làm sao như thật biết? Mạn Thù Bồ Tát trả lời: **"Với những kẻ có khả năng dùng tâm không phân biệt, tùy thuận xa lìa, hướng tới xa lìa, vào hẳn xa lìa, đối với pháp mới có khả năng như thật biết"**. *Điều đó có nghĩa: Nếu tâm không phân biệt, tu hạnh xa lìa. Xa lìa cái gì? Xa lìa tướng, xa lìa ngã-ngã sở, xa lìa phân biệt chấp trước, không còn phiền não dính mắc thì pháp nào pháp nào cũng là chân như thật tướng.*

Phần "Na Già Thất Lợi", Q.576, Hội thứ VIII, ĐBN. *Mạn Thù Thất Lợi nói:*

"Chẳng phải chơn pháp giới có hiện có mất, có co có giãn. Vì sao? Vì **chơn pháp giới** lìa tướng, vắng lặng, không hiện không mất, không thể phân biệt, không thể hý luận, không nương không trụ, không lấy không bỏ, không động không chuyển, không nhiễm không tịnh. Như cõi hư không không động không chuyển, không lấy không bỏ, không nương không trụ, không thể hý luận, không thể phân biệt, không hiện không mất. Các pháp cũng thế, tự tướng vốn Không, tánh ấy cũng chẳng có tướng, bất khả đắc. Nếu tướng của các pháp có thể đắc thì Phật vào Niết bàn cũng có thể đắc.

Tất cả pháp không có tàng chứa, không có thủ giữ, không sắc, không thấy, không đối, không tướng, bản lai vắng lặng. Cho nên hằng hà sa số chư Phật mặc dù đã vào Niết bàn nhưng không diệt một pháp. Nghĩa là không diệt sắc uẩn, không diệt thọ tưởng hành thức uẩn, cũng không diệt 12 xứ, 18 giới. Cũng không diệt địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Như vậy, chư Phật tuy vào Niết bàn nhưng không diệt một pháp nào để vào Niết bàn.

Có những kẻ muốn khiến cho Niết bàn có pháp diệt, tức là muốn cho cõi hư không kia cũng diệt. Vì sao? Vì tất cả pháp tánh, bản lai tịch diệt, tự tánh vắng lặng, cực vắng lặng, nên không thể diệt".

Diệt là diệt cái tâm chấp ngã chấp pháp, làm sao diệt được các pháp. Kinh cũng thường nói tất cả pháp nhập vào pháp giới. Pháp giới, pháp tánh, thật tế... cùng chơn như thật tướng không hai không khác. Đó là lý do tại sao Hội thứ VI nói về chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh... đều bình đẳng, như như. Hội thứ VII phần "Mạn Thù Thất Lợi" cũng nói về chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế... như vậy. Bây giờ, không những Hội thứ VIII, phần "Na Già Thất Lợi" cũng đề cập tới pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh... mà tất cả giáo lý Phật đạo đều nói về thập nhị chân như. Biết như thật các pháp là biết "chân như thật tướng". Nhưng chân như thật tướng này chẳng khác pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, bất tư nghì giới, an ẩn giới, Tánh không, Diệu hữu, Chân thiện diệu sắc, Tất kính không, Hư không, Trung thực li tâm, Nhất tâm, Phi hữu phi vô trung đạo, Đệ nhất nghĩa đế, Vi diệu tịch diệt, Bồ đề, Niết bàn v.v... Hiểu và thâm nhập các pháp này tức giác ngộ. Vậy, Bồ Tát muốn giác ngộ phải tu chánh đạo, tu Bồ Tát hạnh, tu tất cả pháp Phật... mới có thể nhập pháp giới mà được giác ngộ.

6. Bồ Tát làm sao tu hạnh hướng đến Bồ đề?

Phần "Na Già Thất Lợi", Q.576, Hội thứ VIII, ĐBN. *Mạn Thù Thất Lợi hỏi Na Già Thất Lợi:*

- "... Bồ Tát làm sao tu học hướng tới hạnh Bồ đề?

Na Già Thất Lợi đáp:

- Nếu chúng Bồ Tát đối với các pháp, không nắm giữ thì đó là tu học hạnh hướng tới Bồ đề. Nếu chúng Bồ Tát đối với các pháp, không nương tựa cậy nhờ thì đó là tu học hạnh hướng tới Bồ đề. Nếu chúng Bồ Tát hiện quán các pháp, nương gá các duyên Không, không có tự tánh, lìa ngã, ngã sở, thì đó là tu học hạnh hướng tới Bồ đề. Nếu chúng Bồ Tát dù có sở hành nhưng không tưởng hành, thì đó là tu học hạnh hướng tới Bồ đề.

Mạn Thù Sư Lợi nói:

"(...) **Quán hạnh sở hành bản tánh đều Không. Đối với các pháp không có nắm giữ. Thông đạt tất cả pháp đều không có tướng trạng, không tàng chứa, không thủ giữ, đồng với hư không v.v… bản tánh Không, vắng lặng**. Nếu các Bồ Tát hành được như thế, không có nắm giữ,

lìa các hý luận, thì đó là ruộng phước chơn tịnh cho trời, người…, xứng đáng nhận sự cúng dường, cung kính của thế gian”.

Hành mà không thấy năng sở là vô đạo hành, hành như vậy nên mới gọi là hành Bồ Tát đạo, hành hạnh hướng đến Bồ đề, nghĩa là không tàng chứa, cất giữ đồng với hư không v.v... thì có thể làm phước điền cho toàn thể chúng sanh. Rồi Phật bảo:

Những hòa hiệp mà có,
Như sao mù, đèn huyễn,
Sương, bọt, mộng, điện, mây,
Nên khởi quán như thế.

***Phải quán toàn bộ pháp hữu vi như sao mù, đèn huyễn, như sương, bọt, điện chớp, mây**. Chúng tụ tán đổi dời, có đó rồi mất đó, vô thường biến hoại nên gọi là Không. Nếu biết như thế thì vạn duyên buông xuống, “nhất thiết phóng xả hết”, mới thật sự cầu giải thoát. Chữ “giải” là giải trừ phiền não lậu hoặc, những hệ lụy thế gian. Thoát là “thoát” khỏi lục đạo sanh tử luân hồi. Người tỉnh giác đối với sự nghiệp thế gian đều buông xuống hết. **Sự nghiệp thế gian chẳng qua chỉ là những tạo tác sanh tử luân hồi**. Được như vậy chúng ta có thể ngâm:*

Ngoảnh nhìn lại cuộc đời như giấc mộng
Được mất bại thành bỗng chốc hóa hư không!
Bùi Giáng.

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần tám,
(Hội thứ VIII).

*Hội thứ VIII nhắc nhở hành giả học Bát Nhã phải quán các pháp như huyễn, như mộng, như điện chớp, như sương khói, như mây, như hòn bọt nổi tụ tán, đổi dời... là chỉ cho cái vô thường của toàn bộ pháp hữu vi. **Chúng ta học Hội thứ VIII này là học toàn bộ pháp hữu vi là không như sao mù, đèn huyễn, như sương, bọt, điện chớp, mây…** Ngày nào,*

chúng sanh còn thấy tất cả pháp là thật dù chỉ bằng mảy lông cọng tóc, ngày đó chúng sanh vẫn còn chìm nổi trong bể khổ sanh tử. Huyễn là không, không thật, hư giả. Bỏ được cái bóng dáng sáu trần hư giả thì thể tánh mới hiển bày. Khi được thể tánh hiển bày thì tánh giác sẽ tràn đầy khắp cả 10 phương hư không thế giới. Đó chính là pháp thân. Vậy muốn được pháp thân hiển lộ phải lìa huyễn cấu. Huyễn cấu là gì? Là thân tứ đại, là bóng dáng sáu trần chớ không có gì khác.

Kinh Viên giác Phật dạy: "Vì huyễn thân diệt cho nên huyễn tâm cũng diệt. Vì huyễn tâm diệt nên huyễn trần cũng diệt. Vì huyễn trần diệt, cho nên "cái huyễn" cũng diệt. Vì "cái huyễn diệt" cũng diệt cho nên cái phi huyễn hiện bày". *Phi huyễn chính là chân.*

Do vậy, phần sau của Hội thứ VIII này là nhấn mạnh về Tánh Không Bát Nhã. Vì sao? Vì trò huyễn chẳng khác nào mộng ảo, mộng ảo tức là không, chẳng có gì để nắm bắt, cất giữ. Vạn duyên đều buông, mảy trần chẳng nhiễm, không còn gì để thi vi tạo tác nữa. Tánh không nâng Bát Nhã đến đỉnh cao tột cùng của nó. Toàn thể Bát Nhã nói về Tánh không này, cốt để hành giả Bát Nhã đạt được trí không thảy mà thoát khỏi ngục tù sanh tử, thong dong tự tại phủi tay xuống thuyền mà sang bờ kia.

Hằng ngày phải quán Không, đi đứng nằm ngồi sáu thời đều quán Không. Quán cho đến mảy niệm không còn, năng sở tan hoang. Quán cho đến khi thành thục thì thấy được chân như thật tướng, mới có thể tháo gỡ được gông cùm của cảm quan và ý thức (nhị nguyên, phân biệt, chấp trước) nhưng không phải để thay thế vào đó cái Thánh trí tự giác ngay được, mà phải để tâm như như bất động, bình đẳng và thanh tịnh và một khi tâm đạt được trạng thái đó thì linh chi sẽ mở tức dọn đường cho Thánh trí tự giác hiện nguyên hình của nó.

Nếu đọc Hội thứ VII và Hội thứ VIII mà "tỉnh" ra, có lẽ chúng ta không cần phải lặn lội nhọc nhằn tìm kiếm pháp nọ pháp kia.

Hội thứ IX tiếp theo, có tên "Kim Cương Năng Đoạn Phần", chỉ có một quyển: Quyển 577. Tuy nói là một quyển, nhưng hết sức thậm thâm, rất được các nhà khảo luận chiếu cố không ít. Kinh này không do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch, mà do người khác dịch và nhóm của Ngài Huyền Trang chỉ sao lại.

Văn từ của Hội này giản dị, pháp vị không phức tạp như hai Hội thứ VII và thứ VIII như vừa tụng qua. Phật thuyết về các ***giáo lý đoạn trừ vọng niệm chấp trước*** *để ứng dụng vào công phu tu tập, cốt dứt trừ các tập khí phiền não tương tục. Đoạn trừ vọng niệm không có nghĩa là phá tướng mà có nghĩa là phá chấp (ngã và pháp) cốt chặt đứt gốc rễ phiền não, các vô minh, tham ái,... thì giải thoát. Nhưng giải thoát đi đâu? Giải thoát có nghĩa là tháo gỡ tất cả mọi hệ lụy thế gian. Nên các giáo lý ở đây có tánh cách phá chấp triệt để, Phật không muốn người nghe tàng trữ cất dấu bất cứ thứ gì. Phật nói đó rồi "phủi" đó: "Sang sông thì phải quên đò", "pháp Phật còn phải bỏ huống chi phi pháp".*

Nên một số luận gia bình giải Kinh này phát biểu một cách quyết liệt Kinh "Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật" chẳng khác nào Kiếm Thái A, mỗi khi vung lên có thể chặt đứt gốc rễ phiền não lậu tận một cách triệt để.

Chúng ta nói một cách ôn hòa: Giáo pháp của Kinh "Kim Cương Năng Đoạn" là giáo pháp phủi sạch tất cả. Phật nói đó rồi phủi đó, không để chúng sanh tàng trữ cất dấu bất cứ thứ gì... mục đích gột sạch tâm thức để trở về cái bản nhiên thanh tịnh của thửa ban đầu.

Khi phủi được, xả được đó là lúc buông bỏ hết mọi hệ lụy thế gian. Một khi buông bỏ hết mọi hệ lụy, thì còn gì có thể trói buộc câu thúc được. Không còn gì trói buộc câu thúc nữa tức là giải thoát!

Nói khác, giáo pháp năng đoạn này chẳng khác nào một bài pháp xả kỷ xả chấp cốt phủi sạch tâm thể để được rỗng không trong suốt, sạch trong sạch ngoài mà được vô thức, vô niệm, vô tâm./.

Đến đây chấm dứt phần tám, Hội thứ VIII, ĐBN.

---o0o---

Xin đọc tiếp Hội thứ IX với "Kim Cương Năng Đoạn Phần":

HỘI THỨ IX.
(bố cục)

9. Hội thứ IX: “Năng Đoạn Kim Cương” phần, 1 quyển. Tương đương với “Kim Cương Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật Đa” tiếng Phạm (Vajracchedikàprajĩàpàramità). Nội dung đức Phật nói về việc phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa, tu hành theo Bát Nhã và phương pháp nhiếp phục tâm cho tôn giả Thiện Hiện *(Tu Bồ Đề)* nghe. Các Kinh: “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật” 1 quyển do các Ngài: Cưu ma La thập đời Diêu Tần, Bồ đề Lưu chi đời Nguyên Ngụy và Ngài Chân Đế đời Trần dịch, “Kinh Kim Cương Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật” 1 quyển, do Ngài Cấp Đa dịch vào đời Tùy và “Kinh Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” 1 quyển, do Ngài Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường v.v... đều là đồng bản của hội này. Pháp Uyển Châu lâm và Khai Nguyên Thích Giáo lục nói bản tiếng Phạm của hội này có 300 kệ tụng.

---o0o---

“KIM CƯƠNG NĂNG ĐOẠN” PHẦN hay KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT.
(Quyển 577, Hội thứ IX, ĐBN)

Dẫn nhập:

Như trên có sơ thuật trong phần bố cục của Kinh ĐBN, tức trước và sau Ngài Huyền Trang tổng cộng có 5 Bản Kinh Kim Cương xuất hiện đồng với Hội thứ IX này. Đó là:

1. Kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật”, 1 quyển, do Ngài Cưu Ma La Thập (Kumàrajiva) dịch tại chùa Thảo Đường tại Trường An, đầu thế kỷ thứ V, tức năm 402 Tây lịch, thuộc đời Diêu Tần, ghi trong Đại tạng Kinh mang số 0235;

2. Kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật, 1 quyển, do Bồ Đề Lưu Chi (Bodhiruci) dịch, vào đời Nguyên Ngụy, đầu thế kỷ VI, tức vào khoảng 508 Tây lịch, Đại tạng Kinh mang số 0235a và số 0236b;

3. Kinh "Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật", 1 quyển, do Ngài Ba La Mật Đà (Paramàrtha), người Tàu gọi là Chân Đế dịch vào đời Trần, khoảng giữa thế kỷ thứ VI, Đại tạng Kinh mang số 0237;

4. Kinh "Kim Cương Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật", 1 quyển, do Ngài Đạt Ma Cấp Đa (Dharmagupta) dịch vào đời Tùy, khoảng cuối thế kỷ thứ VI hay đầu thế kỷ thứ VII, Đại tạng Kinh mang số 0238;

5. Kinh "Phật Thuyết Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa", 1 quyển, do Ngài Nghĩa Tịnh đi Ấn Độ mang bản chữ Phạn về và dịch vào đời Đường, đầu thế kỷ thứ VIII, sau Ngài Huyền Trang, Đại tạng Kinh mang số 0239.

Hội thứ IX, chỉ có 1 quyển lấy tên là "Kim Cương Năng Đoạn Phần" được nhóm của Ngài Huyền Trang sao lại ở quyển 577, ĐBN.

"Kim Cương Năng Đoạn Phần", nguyên tác văn từ thông suốt từ trên xuống dưới một mạch, không có phân đoạn. Về sau, Thái Tử Chiêu Minh chia Kinh này làm 32 đoạn và đặt tên cho mỗi đoạn riêng rẽ để tiện việc chiết giải và tu học. Các nhà khảo cứu và luận giải sau này rất tán dương lối phân đoạn và cách định danh các phân đoạn của Thái tử Chiêu Minh và ghi lại trong các tác phẩm của họ hoặc thêm bớt chút đỉnh. Tiếc thay con người tài hoa nhưng bạc mệnh, Thái tử hưởng thọ chỉ có 31 tuổi đời.

Cũng nên nói trước, đây là một quyển Kinh đặc biệt trong số 600 quyển ĐBN. Đặc biệt vì chỉ một quyển Kinh nhỏ mà có thể diễn đạt đầy đủ về danh, thể, tông, tướng, dụng cũng như hầu hết giáo lý của hệ Bát Nhã:

1. Danh: Kim Cương là dụ, Bát nhã Ba la mật là pháp. Đây lấy thí dụ và pháp để đặt tên;

2. Thể: Lấy kim cương để thí dụ về văn tự và quán chiếu Bát Nhã của Kinh này. Chính vì kim cương là một khoáng chất cứng rắn có thể chặt đứt phiền não, ***sanh thật tướng****. Ba chữ này là thể chủ yếu của Kim Cương Bát nhã Ba la mật;*

3. Tông: Tôn chỉ duy nhất của Kinh này ở hai chữ ***vô trụ,*** *tức quán, giải, hành, môn của Kinh này đều nằm hết trong hai chữ đó;*

4. Tướng: Phật thuyết Kinh này vì muốn khai ngộ Như Lai trí tuệ giác tánh của chúng sanh vốn sẵn có, nhưng vì chúng sanh "hợp trần nên bội giác" mà Kinh này là vô lượng thậm thâm pháp bảo để duy trì Phật chủng, truyền thụ tâm ấn. Chỉ riêng điểm này cũng đủ chứng tỏ Kinh này giáo phán cực viên cực đốn. Vậy, có thể nói Kinh này lấy Đại thừa Viên

và Đốn làm ***giáo tướng****. Hết thảy các giáo nghĩa: Tạng, thông, biệt, viên, tiểu, thỉ, chung, đốn đều nhất loạt nhiếp hết;* và

5. Dụng: Là công dụng. Tu mà có tôn chỉ đàng hoàn tất sẽ đem lại ***diệu dụng****. Diệu dụng không có chi khác là đoạn trừ chấp trước hư vọng. Kinh từ đầu tới cuối phá chấp triệt để cốt bứng gốc rễ của phiền não và sở tri chướng để chúng sanh được an vui tự tại.*

---o0o---

Để chiết giải Hội này chúng tôi chia Kinh làm hai phần chính:

- Phần A: *Trình bày chính văn của Kinh, tức viết lại toàn bộ chánh văn "Kinh Cương Năng Đoạn Phần". Chúng tôi cũng chia Kinh* làm *nhiều phân đoạn và mỗi phân đoạn đặt tên riêng tùy theo nội dung của từng giáo lý như công việc của Thái tử Chiêu Minh đã làm; và*

- Phần B: *Chiết giải từng phân đoạn từ đầu cho đến hết quyển 577 để các đạo hữu dễ theo dõi, dễ nắm các giáo lý* do *Phật thuyết trong toàn thể Hội này.*

Tất cả những gì mà chúng tôi ghi lại trong Hội thứ IX này là ***những đóa hoa sen tươi đẹp nhất mà chúng tôi gặt hái trong những năm đầu khi chúng tôi mới bắt đầu học Phật****. Bây giờ, xin cống hiến các thiện hữu, hãy xem đây như kho tàng văn hóa Phật đạo, cần xiển dương.*

---o0o---

Phần A:

(Chánh văn: Toàn quyển 577 của Hội thứ IX)

Quyển 577

Tôi nghe như vầy:

Một thuở, đức Bạc già phạm trụ trong vườn Cấp Cô Độc, rừng Thệ đa, thành Thất la phiệt, cùng chúng đại Bí sô 1250 mươi vị.

Bấy giờ, vào buổi sớm, đức Bạc già phạm chỉnh sửa y phục, đắp y, bưng bát đi vào thành lớn Thất la phiệt *(thành Xá vệ)* khất thực. Khất thực xong, đức Bạc già phạm trở về dùng cơm, thu dọn y bát, rửa chân; như thường lệ, sau khi ăn xong, Ngài trải tòa, ngồi kiết già, thân thẳng nguyện chánh, trụ niệm trước mặt.

Khi đó, các Bí sô đi tới chỗ Phật; đến nơi, đảnh lễ chân Ngài, đi nhiễu bên phải ba vòng, lui ngồi một bên. Cụ thọ Thiện Hiện cũng ngồi trong chúng hội ấy.

Trong chúng, cụ thọ Thiện Hiện từ chỗ ngồi đứng dậy, chệch y vai phải, quì gối phải chấm đất, chấp tay cung kính bạch Phật:

- Hy hữu thay thưa đức Thế Tôn! Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khéo dùng sự nhiếp thọ tối thắng nhiếp thọ các Bồ Tát, cho đến đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đem sự phó chúc tối thắng phó chúc cho các Bồ Tát.

Làm sao hàng phục vọng tâm và làm sao an trụ chân tâm?

Bạch Thế Tôn! Những ai phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa, **nên trụ** như thế nào? **Nên tu hành** như thế nào? **Nên nhiếp phục tâm** như thế nào?

Đức Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Hay thay! Hay thay! Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ngươi đã nói. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có thể dùng sự nhiếp thọ tối thắng nhiếp thọ các Bồ Tát, cho đến đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có thể đem sự phó chúc tối thắng phó chúc cho các Bồ Tát. Vậy nên, Thiện Hiện! Ngươi phải lắng nghe, thật khéo tác ý, Ta sẽ vì ngươi phân biệt giải nói. Này Thiện Hiện! Những ai phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa thì nên trụ như thế, tu hành như thế, nhiếp phục tâm như thế!

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con nguyện muốn nghe.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Những ai phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa, thì nên phát tâm như vầy: Có bao nhiêu loài hữu tình, hữu tình được độ, bị độ, như sanh từ trứng, hoặc thai sanh, hoặc thấp sanh, hoặc hóa sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tưởng, hoặc không tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng, chẳng phải không có tưởng, cho đến hữu tình giới được tạo tác, bị tạo tác. Tất cả các hữu tình như vậy, ta đều giúp nhập vào cõi Vô dư y Niết bàn vi diệu. Tuy đã độ vô lượng hữu tình đều được diệt độ như thế, song không có hữu tình nào được diệt độ. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì nếu các Bồ Tát còn tưởng chuyển hữu tình thì không thể gọi là đại Bồ Tát. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì các đại Bồ Tát chẳng nên nói có tưởng chuyển hữu tình; như vậy tưởng chuyển mạng giả, sĩ phu, Bổ đặc già la *(người hay chúng sanh)*, ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả, phải biết cũng thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì không có một chút pháp nào gọi là người phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa.

Bố thí không chấp tướng thì phước đức không thể tính lường.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát chẳng trụ nơi việc hành bố thí, hoàn toàn vô trụ mà hành bố thí. Chẳng trụ nơi sắc mà hành bố thí; chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà hành bố thí.

Thiện Hiện! Như vậy, đại Bồ Tát chẳng trụ tướng tưởng mà hành bố thí. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì nếu đại Bồ Tát hoàn toàn không trụ mà hành bố thí, thì số phước đức kia chẳng thể tính lường.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Hư không phương Đông tính lường được không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không được.

- Này Thiện Hiện! Như vậy phương Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, bốn góc, tất cả hư không khắp mười phương thế giới tính lường được không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không được.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đúng vậy, đúng vậy. Nếu Đại Bồ Tát hoàn toàn không trụ mà hành bố thí, thì số phước đức kia cũng không thể tính lường.

Thiện Hiện! Như vậy Bồ Tát chẳng trụ tướng tưởng mà hành bố thí.

Có thể lấy các tướng đầy đủ để quán Như Lai chăng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có thể lấy các tướng đầy đủ để quán Như Lai chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được. Chẳng thể lấy các tướng đầy đủ để quán Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói các tướng đầy đủ, tức chẳng phải các tướng đầy đủ.

Phật lại bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Thiện Hiện! Các tướng đầy đủ đều là hư dối, cho đến chẳng phải tướng đầy đủ đều chẳng phải hư dối. Như vậy, nên quán Như Lai bằng tướng chẳng phải tướng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Sau đời đương lai hậu thế, hậu thời, hậu phần năm trăm năm, khi Chánh pháp sắp diệt, thời phần chuyển, có hữu tình nào nghe câu kinh điển nói sắc như thế, mà sanh thật tưởng chăng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Chớ nói rằng, sau đời đương lai hậu thế, hậu thời, hậu phần năm trăm năm, khi Chánh pháp sắp diệt, lúc thời phần chuyển, có hữu tình nào nghe câu kinh điển nói sắc như thế, mà sanh thật tưởng chăng? Này Thiện Hiện! Sau đời đương lai hậu thế, hậu thời, hậu phần năm trăm năm, khi Chánh pháp sắp diệt, lúc thời phần chuyển, có đại Bồ Tát đầy đủ giới, đầy đủ đức, đầy đủ tuệ. Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy chẳng phải ở một chỗ Phật vâng thờ cúng dường, chẳng phải ở một chỗ Phật trồng các căn lành. Lại nữa Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy chẳng phải ở chỗ một trăm ngàn Phật vâng thờ cúng dường, chẳng phải ở chỗ một trăm

ngàn Phật trồng các căn lành, được nghe câu kinh điển nói sắc như thế nên được một tâm tịnh tín.

Thiện Hiện! Như lai dùng Phật trí biết vị ấy. Như Lai dùng Phật nhãn thấy vị ấy. Thiện Hiện! Như Lai rõ biết vị ấy. Tất cả hữu tình sẽ sanh vô lượng, vô số phước đức, sẽ nắm giữ vô lượng, vô số phước đức. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì Đại Bồ Tát ấy không có tưởng chuyển ngã, hữu tình, mạng giả, sĩ phu, Bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy không có tưởng chuyển pháp, không có tưởng chuyển phi pháp, không có tưởng chuyển cũng không phải không có tưởng chuyển. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì nếu đại Bồ Tát có tưởng chuyển pháp, thì vị ấy liền có chấp ngã, chấp hữu tình, chấp mạng giả, chấp Bổ đặc già la… Nếu có tưởng chuyển phi pháp thì vị ấy cũng có chấp ngã, chấp hữu tình, chấp mạng giả, chấp Bổ đặc già la… Vì sao?

Như Lai nói pháp dụ như chiếc bè sang sông.

Thiện Hiện! Vì không thể nắm giữ pháp, cũng không thể nắm giữ phi pháp. Cho nên, Như Lai mật ý nói pháp môn dụ như chiếc bè. Này những người trí, pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.

Phật phá cái chấp "Có thành Phật và nói pháp".

Phật lại bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có chút pháp nào Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng? Có chút pháp nào Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nói chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật đã nói ấy, không có chút pháp nào Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng không có chút pháp nào là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nói ra. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì pháp mà Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã chứng, đã nói, đã tư duy đều không thể nắm giữ, không thể tuyên thuyết, chẳng

phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì sao? Vì các Hiền Thánh, chúng sanh đều là sự hiển hiện của pháp vô vi.

Phật nói công đức thọ trì Kinh này nhiều hơn bố thí thất bảo.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu thiện nam, hoặc thiện nữ nào đem bảy báu đầy khắp 3.000 đại thiên thế giới mà bố thí, thì thiện nam tử, hoặc thiện nữ này nhờ nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều. Nhờ nhân duyên đây nên thiện nam, hoặc thiện nữ này được số phước ấy rất nhiều. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì số phước đức mà Như Lai nói là chẳng phải phước đức, cho nên Như Lai nói là số phước đức.

Phật lại bảo Thiện Hiện:

- Thiện Hiện! Nếu có thiện nam, hoặc thiện nữ đem bảy báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí, và nếu có thiện nam, hoặc thiện nữ đối với pháp môn này, cho đến bốn câu kệ mà thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì do nhân duyên đây số phước được nhiều hơn trước vô lượng, vô số. Vì sao? Vì Vô Thượng Bồ đề của tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều từ Kinh đây mà ra, chư Phật Thế Tôn đều sanh từ Kinh đây. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì pháp chư Phật mà Như Lai nói là chẳng phải pháp chư Phật. Cho nên Như Lai nói là pháp chư Phật.

Không nên chấp mình chứng bốn quả Thanh văn.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các vị Dự lưu có nghĩ rằng: Ta chứng được quả Dự lưu không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Các vị Dự lưu không nghĩ rằng, ta chứng được quả Dự lưu. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì các vị Dự lưu không dự một chút pháp gì nên gọi là Dự lưu. Không dự sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên gọi Dự lưu.

Bạch Thế Tôn! Nếu vị Dự lưu nghĩ như vầy: Ta chứng được quả Dự lưu, tức là vị ấy chấp ngã, hữu tình, mạng giả, sĩ phu, Bổ đặc già la v.v…

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các vị Nhất lai có nghĩ rằng: Ta chứng được quả Nhất lai không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Các vị Nhất lai không nghĩ rằng, ta chứng được quả Nhất lai. Vì sao? Vì không có chút pháp nào để chứng tánh Nhất lai, nên gọi Nhất lai.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các vị Bất hoàn có nghĩ rằng: Ta chứng được quả Bất hoàn không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Các vị Bất hoàn chẳng nghĩ rằng, ta chứng được quả Bất hoàn. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì không có chút pháp nào để chứng tánh Bất hoàn, nên gọi là Bất hoàn.

Phật bảo:

- Thiện hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các vị A la hán có nghĩ rằng: Ta chứng được quả A la hán không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Các vị A la hán chẳng nghĩ rằng, ta chứng được tánh A la hán. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì không có chút pháp nào gọi là A la hán, do nhân duyên đây nên gọi là A la hán.

Bạch Thế Tôn! Nếu A la hán khởi nghĩ như vầy: Ta chứng được tánh A la hán, tức là chấp ngã, hữu tình, mạng giả, sĩ phu, Bổ đặc già la… Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói: Con được trụ Vô tránh tối thượng bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Dù con là A la hán lìa hẳn tham dục, song con chưa từng khởi nghĩ như vầy: Ta được A la hán lìa hẳn tham dục.

Bạch Thế Tôn! Nếu con khởi nghĩ rằng: Ta được A la hán lìa hẳn tham dục, thì Như Lai chẳng nên nói với con rằng: Thiện nam tử Thiện Hiện đắc trụ Vô tránh tối thượng bậc nhất. Vì hoàn toàn vô trụ, nên Như Lai nói là Vô tránh trụ.

Phật phá cái chấp "Như Lai có đắc pháp".

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Thuở xưa, Như Lai ở chỗ đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có nắm giữ chút pháp nào không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Thuở xưa, Như Lai ở chỗ đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hoàn toàn không có chút pháp nào để nắm giữ.

Phật phá chấp "Bồ Tát có làm trang nghiêm cõi Phật".

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu có Bồ Tát nói lời như vầy: Ta sẽ thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật. Bồ Tát nói như thế là chẳng phải nói lời chơn thật. Vì sao? Thiện Hiện! Vì công đức trang nghiêm cõi Phật ấy, Như Lai nói chẳng phải trang nghiêm. Cho nên Như Lai nói là công đức trang nghiêm cõi Phật.

Phật dạy "Đừng sanh vọng tâm trụ chấp nơi nào".

Vậy nên, Thiện Hiện! Bồ Tát nên sanh tâm hoàn toàn vô trụ như vậy. Nên sanh tâm chẳng trụ sắc, nên sanh tâm chẳng trụ phi sắc. Nên sanh tâm chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp; nên sanh tâm chẳng trụ phi thanh, hương, vị, xúc, pháp. Hoàn toàn sanh tâm vô trụ như thế.

Phật phá cái chấp "thân thể lớn như núi Tu di".

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như có người nam thân thể to lớn, giả sử sắc thân của vị ấy như núi chúa Diệu Cao. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Thân thể của vị ấy có to lớn không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế tôn! Thân thể của vị ấy rất to lớn. Bạch Thiện Thệ! Rất to lớn. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì thân thể của vị ấy, Như Lai nói là chẳng

phải thân thể của vị ấy, nên gọi là thân thể. Chẳng vì thân thể ấy mà gọi là thân thể.

Thọ trì Kinh này phước đức vô lượng.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Cho đến có bao nhiêu số cát trong sông Hằng, giả sử có số sông Hằng ngang với số cát như thế, thì số cát của các sông Hằng này chắc là nhiều lắm phải không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Nhiều lắm. Các con sông Hằng còn nhiều vô số, huống nữa là số cát ấy.

Phật nói:

- Thiện Hiện! Ta nay bảo ngươi, khai ngộ cho ngươi. Giả sử có thiện nam, hoặc thiện nữ đem bảy báu đẹp đựng đầy khắp thế giới nhiều như số cát sông Hằng…, dâng cúng cho đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Thiện nam, hoặc thiện nữ này do nhân duyên đây được số phước nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Nhiều lắm. Thiện nam, hoặc thiện nữ này nhờ nhân duyên đây được số phước ấy rất nhiều.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu đem bảy báu đựng đầy khắp thế giới nhiều như số cát sông Hằng, dâng cúng cho đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, rồi thiện nam, hoặc thiện nữ nào đối với pháp môn đây, cho đến bốn câu kệ mà thọ trì đọc tụng, thông suốt rốt ráo và vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì do nhân duyên đây, được số phước rất nhiều hơn trước vô lượng, vô số.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu địa phương nào đối với pháp môn này, cho đến vì người tuyên thuyết, chỉ bày bốn câu kệ thì địa phương đó còn được thế gian, các trời, người, A tu la… cúng dường như cúng dường linh miếu thờ Phật, huống nữa là hữu tình nào hay đối với pháp môn này biên chép, thọ trì đọc tụng đầy đủ rốt ráo, thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì hữu tình như thế thành tựu công đức

tối thắng hiếm có. Địa phương ấy, chỗ Đại sư ở, mỗi mỗi đều được các vị phạm hạnh có trí tôn trọng.

Pháp môn này tên gì? Tại sao chúng con phải thọ trì?

Đức Phật nói xong, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Pháp môn này nên gọi tên gì? Con phải phụng trì như thế nào?

Phật bảo Thiện Hiện rằng:

- Cụ thọ! Pháp môn đây gọi là Năng Đoạn Kim Cương Bát nhã Ba la mật. Danh tự như thế, ngươi nên phụng trì. Vì sao?

Phật phá cái chấp về Kinh "Kim Cương Bát Nhã".

Thiện Hiện! Vì Bát nhã Ba la mật như vậy, Như Lai nói là chẳng phải Bát nhã Ba la mật, cho nên Như Lai gọi là Bát nhã Ba la mật.

Phật phá cái chấp "Như Lai có thuyết pháp".

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có chút pháp nào Như Lai có thể nói chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng có. Không có chút pháp nào Như Lai có thể nói.

Phật phá cái chấp "có vi trần và thế giới".

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Cho đến vi trần đại địa trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vi trần đại địa này rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Vi trần đại địa, Như Lai nói chẳng phải vi trần, cho nên Như Lai gọi là vi trần đại địa. Các thế giới, Như Lai nói chẳng phải thế giới, cho nên Như Lai gọi là thế giới.

Phật phá cái chấp: "Thấy 32 tướng tốt của Phật là thấy Phật".

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có thể quán Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác bằng ba mươi hai tướng Đại sĩ phu không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Chẳng thể quán Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác bằng ba mươi hai tướng Đại sĩ phu. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì ba mươi hai tướng Đại sĩ phu, Như Lai nói là chẳng phải tướng, cho nên Như Lai gọi là ba mươi hai tướng Đại sĩ phu.

Phật lại bảo Thiện Hiện:

- Này Thiện Hiện! Giả sử có thiện nam, hoặc thiện nữ, cứ mỗi ngày là xả thí thân thể mình nhiều như số cát sông Hằng. Xả thí thân mình như vậy trải qua kiếp số nhiều như số cát sông Hằng. Lại có thiện nam, hoặc thiện nữ đối với pháp môn đây, cho đến bốn câu kệ, thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý. Do nhân duyên đây nên được phước rất nhiều hơn trước vô lượng, vô số.

Cụ thọ Thiện Hiện bùi ngùi rơi lệ.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện nghe oai lực của pháp, thương khóc rơi lệ, cúi người lau nước mắt rồi thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có! Bạch Thiện Thệ! Rất là hiếm có! Nay Như Lai đã nói ra pháp môn này, làm các nghĩa lợi cho những kẻ phát tâm hướng tới Tối thượng thừa, làm các nghĩa lợi cho những kẻ phát tâm hướng tới Tối thắng thừa.

Bạch Thế Tôn! Từ khi sanh trí tuệ đến nay, con chưa từng được nghe pháp môn như thế.

Bạch Thế Tôn! Nếu hữu tình nào nghe thuyết kinh điển thâm sâu như thế mà sanh tưởng chơn thật, thì phải biết hữu tình này thành tựu sự tối thắng hiếm có. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì các tưởng chơn thật, kẻ tưởng chơn thật, Như Lai nói là chẳng phải tưởng, cho nên Như Lai gọi là tưởng chơn thật.

Người có hạt giống Bát Nhã nên mới có thể tin hiểu thọ trì được Kinh này.

Bạch Thế Tôn! Nay con nghe pháp môn như thế, lãnh ngộ tin hiểu, nhưng chưa là hiếm có. Đời đương lai hậu thế, hậu thời, hầu phần năm trăm năm, khi Chánh pháp sắp diệt, lúc thời phần chuyển, nếu hữu tình nào đối với pháp môn thâm sâu như thế mà lãnh ngộ tin hiểu, thọ trì đọc tụng, thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, phải biết hữu tình này thành tựu sự tối thắng hiếm có. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì các hữu tình ấy không có tưởng ngã, hữu tình, mạng giả, sĩ phu, Bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì các tưởng ngã tức là chẳng phải tưởng, các tưởng hữu tình, tưởng mạng giả, tưởng sĩ phu, tưởng Bổ đặc già la, tưởng ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả tức là chẳng phải tưởng. Vì sao? **Vì chư Phật Thế Tôn lìa tất cả tưởng.**

Phật xác nhận lời của Thiện Hiện.

Bấy giờ Thế Tôn bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Đúng vậy, đúng vậy. Thiện Hiện! Nếu các hữu tình nghe Kinh điển thâm sâu như thế, mà không kinh, không sợ, không hoảng hốt, thì phải biết hữu tình ấy thành tựu sự tối thắng hiếm có. Vì sao?

Phật phá cái chấp: "Bát Nhã là đệ nhất Ba la mật"

Thiện Hiện! Vì Như Lai nói Ba la mật tối thắng là Bát nhã Ba la mật. Thiện Hiện! Ba la mật tối thắng mà Như Lai đã nói, được vô lượng chư Phật Thế Tôn cùng tuyên thuyết, nên gọi là Ba la mật tối thắng. Như Lai nói Ba la mật tối thắng tức chẳng phải Ba la mật, cho nên Như Lai gọi là Ba la mật tối thắng.

Phật phá chấp: "Nhẫn nhục Ba la mật"

Lại nữa, Thiện Hiện! Như Lai nói nhẫn nhục Ba la mật tức chẳng phải Ba la mật, cho nên Như Lai gọi là nhẫn nhục Ba la mật. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì đời quá khứ xưa, Ta từng bị vua Yết lợi cắt tay chân, xẻo thịt. Khi ấy, Ta hoàn toàn không có tưởng ngã, hoặc tưởng hữu tình, hoặc tưởng mạng giả, hoặc tưởng sĩ phu, hoặc tưởng Bổ đặc già la, hoặc tưởng ý sanh, hoặc tưởng nho đồng, hoặc tưởng tác giả, hoặc tưởng thọ giả. Ta đều không có tưởng, cũng chẳng phải không có tưởng. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì lúc đó nếu Ta có tưởng ngã tức là có tưởng giận. Nếu Ta có tưởng hữu tình, tưởng mạng giả, tưởng sĩ phu, tưởng Bổ đặc già la, tưởng ý sanh, tưởng nho đồng, tưởng tác giả, tưởng thọ giả, tức là có tưởng giận. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì Ta nhớ trong quá khứ năm trăm năm, từng làm tiên nhơn, hiệu là Nhẫn Nhục. Bấy giờ, Ta hoàn toàn không có tưởng ngã, không có tưởng hữu tình, không có tưởng mạng giả, không có tưởng sĩ phu, không có tưởng Bổ đặc già la, không có tưởng ý sanh, không có tưởng nho đồng, không có tưởng tác giả, không có tưởng thọ giả. Ta đều không có tưởng, cũng chẳng phải không có tưởng.

Bồ Tát phát Bồ đề tâm phải xa lìa tất cả vọng chấp.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nên xa lìa tất cả tưởng, chẳng trụ nơi sắc mà sanh tâm, chẳng trụ phi sắc mà sanh tâm; chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm; chẳng trụ phi thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm. Hoàn toàn vô trụ mà sanh tâm. Vì sao?

Thiện Hiện! **Vì các chỗ trụ chẳng phải là chỗ trụ**. Do đó, Như Lai nói các Bồ Tát nên vô trụ mà hành bố thí. Chẳng nên trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà hành bố thí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát vì các hữu tình mà làm nghĩa lợi, nên phải xả bỏ bố thí như thế. Vì sao?

Thiện hiện! Vì các tưởng hữu tình tức là chẳng phải tưởng. Tất cả hữu tình, Như lai nói chẳng phải hữu tình.

Như Lai nói thật, không nói hư dối.

Thiện Hiện! Như Lai là người nói lời thật, người nói lời phải, người nói lời đúng, người nói lời chẳng khác.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các pháp mà Như Lai hiện tiền đã chứng, hoặc đã nói, hoặc đã nghĩ, thì ở trong ấy chẳng phải chơn thật, cũng chẳng phải hư dối.

Thiện Hiện! Ví như một người vào nơi nhà tối thì không thấy gì hết. Phải biết Bồ Tát nếu rơi vào việc, nghĩa là rơi vào việc mà hành bố thí, cũng lại như vậy.

Thiện Hiện! Ví như người mắt sáng, khi đêm đã tàn, mặt trời chiếu sáng, thì thấy hình sắc mọi vật. Phải biết Bồ Tát chẳng rơi vào việc, nghĩa là chẳng rơi vào việc mà hành bố thí, cũng lại như vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu thiện nam, hoặc thiện nữ đối với pháp môn đây mà thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo và vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì Như Lai dùng Phật trí biết rõ người này, Như Lai dùng Phật nhãn thấy rõ người này, Như lai độ người này. Tất cả hữu tình như thế sẽ được vô lượng phước đức.

Lại nữa, Thiện Hiện! Giả sử thiện nam, hoặc thiện nữ nào, vào phần đầu của ngày, đem thân thể mình nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí; vào phần giữa của ngày, lại đem thân thể mình nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí; vào phần cuối của ngày cũng đem thân thể mình nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí. Bố thí như thế trải qua vô số trăm ngàn kiếp, nếu có hữu tình nào nghe pháp môn như thế mà không phỉ báng, thì do nhân duyên đây sẽ được số phước nhiều hơn trước vô lượng, vô số; huống nữa là hay đối với pháp môn như thế mà biên chép, thọ trì, đọc tụng thông suốt rốt ráo đầy đủ và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý.

Lại nữa, Thiện Hiện! Pháp môn như thế chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể cân lường. Phải nên mong cầu, cảm được quả dị thục không thể nghĩ bàn.

Thiện Hiện! Như Lai tuyên nói pháp môn như thế vì muốn lợi ích các hữu tình hướng tới Tối thượng thừa vậy.

Thiện Hiện! Nếu có ai đối với pháp môn đây mà thọ trì, đọc tụng thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì người này được Như Lai dùng Phật trí biết rõ, được Như lai dùng Phật nhãn thấy rõ, được Như Lai độ người này. Tất cả hữu tình

như thế thành tựu vô lượng phước đức, đều sẽ thành tựu vô biên phước đức chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể cân lường.

Thiện Hiện! Tất cả hữu tình như thế, vai họ mang gánh Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của Như Lai. Vì sao? Thiện Hiện! Vì pháp môn như thế chẳng phải các hàng hạ liệt có thể tin hiểu. Pháp mà hữu tình nghe hiểu, chẳng phải các ngã kiến, chẳng phải các hữu tình kiến, chẳng phải các mạng giả kiến, chẳng phải các sĩ phu kiến, chẳng phải các Bổ đặc già la kiến, chẳng phải các ý sanh kiến, chẳng phải các thiếu niên kiến, chẳng phải các tác giả kiến, chẳng phải các thọ giả kiến có thể nghe hiểu. Các loại này, nếu có thể thọ trì đọc tụng, thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì không có lẽ ấy!

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu địa phương nào nghe được Kinh điển đây, thì địa phương ấy được thế gian các trời, người, A tu la… cúng dường, kính lễ, đi nhiễu quanh bên phải, như linh miếu thờ Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Như có thiện nam, hoặc thiện nữ đối với Kinh điển đây, thọ trì, đọc tụng thông suốt rốt ráo, và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, mà bị khinh chê hủy phạm, mắng nhiếc chê bai, thì vì sao? Thiện Hiện! Vì các hữu tình này đời trước đã gây các nghiệp bất tịnh, lẽ ra rơi vào cõi ác, nhưng vì trong hiện pháp bị người khinh chê hủy phạm, nên nghiệp bất tịnh đời trước đã gây thảy đều tiêu diệt, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao?

Người thọ trì Kinh này công đức nhiều hơn Phật Thích Ca cúng dường vô số chư Phật.

Thiện Hiện! Ta nhớ thuở quá khứ xa xưa, hơn vô số kiếp, trước thời đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, trước thời đó nữa, Ta từng gặp tám mươi bốn ức trăm ngàn chư Phật, Ta đều vâng thờ. Đã vâng thờ rồi đều không trái phạm.

Thiện Hiện! Đối với chư Phật Thế Tôn như thế, Ta đều được vâng thờ. Đã vâng thờ rồi đều không trái phạm. Sau đời đương lai, hậu thời, hậu phần năm trăm năm, khi Chánh pháp sắp diệt, lúc thời phần chuyển, nếu hữu tình nào đối với Kinh điển đây, thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì này Thiện Hiện! Số phước đời trước của Ta so với số phước đây thì trăm phần không bằng

được, như vậy cho đến ngàn phần, hoặc trăm ngàn phần, hoặc ức trăm ngàn phần, hoặc hơn ức trăm ngàn phần, hoặc số phần, hoặc kế phần, hoặc toán phần, hoặc dụ phần, hoặc cực số phần cũng chẳng bằng được.

Thiên Hiện! Nếu Ta nói đầy đủ, chính ngay khi ấy, số phước mà thiện nam, hoặc thiện nữ này được, cho đến số phước mà thiện nam, hoặc thiện nữ này thọ trì, thì các hữu tình nghe được bèn mê ngất, tâm nghi điên cuồng.

Cho nên, Thiện Hiện! Như Lai tuyên thuyết pháp môn như thế chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính lường. Hãy nên mong cầu, quả đạt được chẳng thể nghĩ bàn.

Đây là lần thứ hai, Thiện Hiện hỏi Phật hai câu hỏi quan trọng.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những người phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa nên an trụ như thế nào? Nên tu hành như thế nào? Nhiếp phục tâm như thế nào?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Những ai phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa, phải nên phát tâm như vầy: Nơi cõi Vô dư y diệu Niết bàn, ta đều làm cho tất cả hữu tình vào Niết bàn. Mặc dù độ tất cả hữu tình đều được diệt độ, song không thấy có hữu tình nào được diệt độ. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì nếu các đại Bồ Tát còn tưởng hữu tình, thì không gọi là đại Bồ Tát. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát chẳng nên nói rằng chuyển tưởng hữu tình; như vậy, chuyển tưởng mạng giả, tưởng sĩ phu, tưởng Bổ đặc già la, tưởng ý sanh, tưởng thiếu niên, tưởng tác giả, tưởng thọ giả, phải biết cũng vậy. Vì sao? Thiện Hiện! Vì không có một chút pháp nào gọi là người hướng tới Bồ Tát thừa.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Khi xưa, ở chỗ đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, có chút pháp nào mà Như Lai chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật nói, thì khi xưa ở chỗ đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Như Lai không có chút pháp nào gọi là chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Như Lai không có chút pháp để chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ đề:

Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Đúng vậy, đúng vậy. Thiện Hiện! Xưa kia, ở chỗ đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Như Lai không có chút pháp nào chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Thiện Hiện! Vì khi xưa ở chỗ đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, nếu Như Lai có chút pháp nào chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chámh Đẳng Giác chẳng nên thọ ký cho Ta rằng: "Thiện nam tử! Vào đời đương lai, ngươi tên là Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác".

Thiện Hiện! Vì Như Lai không có chút pháp nào để chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cho nên đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mới thọ ký cho Ta rằng: "Thiện nam tử! Vào đời đương lai, ngươi tên là Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác". Vì sao?

Thiện Hiện! Vì lời Như Lai tức là thêm nghĩa chơn như chơn thật. Lời Như Lai tức là thêm nghĩa pháp tánh vô sanh. Lời Như Lai tức là thêm nghĩa dứt hẳn đạo lộ. Lời Như Lai tức là bất sanh rốt ráo. Vì sao?

Thiện Hiện! Nếu thật vô sanh tức là nghĩa tối thắng. Thiện Hiện! Nếu ai nói như vầy: "Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng được Vô Thượng Bồ đề", thì phải biết lời này không chơn thật. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì người ấy hủy báng Ta, nên khởi chấp chẳng thật. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì không có chút pháp nào mà Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Tất cả pháp đều là Phật pháp.

Thiện Hiện! Những pháp mà hiện tiền Như Lai đã chứng, hoặc đã nói, hoặc đã nghĩ, ở trong ấy chẳng thật, chẳng hư. Cho nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp.

Thiện Hiện! Tất cả pháp, tất cả pháp ấy Như Lai nói chẳng phải tất cả pháp. Cho nên Như Lai nói là tất cả pháp.

Đoạn chấp có thân lớn.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ví như người nam có thân hình cao lớn.

Cụ thọ Thiện Hiện liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai nói người nam có thân hình to lớn, tức là chẳng phải thân, cho nên gọi là thân hình to lớn.

Không có pháp nào gọi là Bồ Tát:

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng vậy. Nếu các Bồ Tát nói lời như vầy: "Ta phải diệt độ cho vô lượng hữu tình", thì không gọi là Bồ Tát. Vì sao? Thiện Hiện! Vì có chút pháp nào gọi là Bồ Tát không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế đức Tôn! Không có. Không có chút pháp nào gọi là Bồ Tát.

Hữu tình chẳng phải là hữu tình.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Hữu tình, hữu tình ấy Như Lai nói chẳng phải hữu tình, nên gọi là hữu tình. Cho nên Như Lai nói tất cả pháp không có hữu tình, không có mạng giả, không có sĩ phu, không có Bổ đặc già la...

Phá cái chấp thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật.

Thiện Hiện! Nếu các Bồ Tát nói lời như vầy: "Ta phải thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật", thì cũng nói như thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì công đức trang nghiêm cõi Phật, công đức trang nghiêm cõi Phật ấy Như Lai nói chẳng phải trang nghiêm. Cho nên Như Lai gọi là công đức trang nghiêm cõi Phật.

Đối với pháp vô ngã mà hiểu biết sâu xa thì được gọi là Bồ Tát.

Thiện Hiện! Nếu các Bồ Tát đối với pháp vô ngã mà tin hiểu sâu xa thì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác gọi là Bồ Tát.

Phật có đủ năm loại mắt:

Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Dạ có. Như Lai có nhục nhãn.
Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Dạ có. Như Lai có thiên nhãn.
Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Như Lai có tuệ nhãn không?
Thiện Hiện thưa rằng:
- Bạch Thế Tôn! Dạ có. Như Lai có tuệ nhãn.
Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Như Lai có pháp nhãn không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Dạ có. Như Lai có pháp nhãn.
Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Dạ có. Như Lai có Phật nhãn.

Phật thấy biết hết tâm niệm của các chúng sanh trong hằng sa thế giới.

Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Cát trong sông Hằng, Như Lai nói là cát chăng?
Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Bạch Thiện Thệ! Đúng vậy. Như Lai nói là cát.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Giả sử trong sông Hằng có bao nhiêu số cát, thì có số sông Hằng bằng với số cát như thế; cho đến trong vô số sông Hằng này có bao nhiêu số cát thì có bấy nhiêu thế giới. Các thế giới này chắc là nhiều lắm phải không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Bạch đức Thiện Thệ! Đúng vậy. Các thế giới này rất nhiều.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Cho đến trong các thế giới ấy có vô số hữu tình, tâm loạn động của mỗi mỗi hữu tình ấy Ta đều biết hết. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tâm loạn động, tâm loạn động ấy, Như Lai nói chẳng phải loạn động. Cho nên Như Lai gọi là tâm loạn động.

Ba thời bất khả đắc:

Thiện Hiện! Vì tâm quá khứ bất khả đắc, tâm vị lai, hiện tại bất khả đắc.

Phá cái chấp "phước đức nhiều".

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Nếu thiện nam, hoặc thiện nữ nào dùng bảy báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới đây, dâng cúng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thì thiện nam, hoặc thiện nữ này nhờ nhân duyên đây được số phước chắc là nhiều lắm phải không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Nhiều lắm.

Phật nói:

- Thiện Hiện! Đúng vậy, đúng vậy. Thiện nam tử, hoặc thiện nữ kia nhờ nhân duyên đây mà được lượng phước ấy rất nhiều. Vì sao? Thiện hiện! Vì nếu có phước đức thì Như Lai chẳng nói là phước đức.

Phá cái chấp "quán Như lai bằng sắc thân viên thật hay đầy đủ".

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có thể quán Như Lai bằng sắc thân viên thật không?

Thiện hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Chẳng thể quán Như Lai bằng sắc thân viên thật. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì sắc thân viên thật, sắc thân viên thật ấy Như Lai nói chẳng phải viên thật. Cho nên Như Lai gọi sắc thân viên thật.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có thể quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Chẳng thể quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì các tướng đầy đủ, các tướng đầy đủ ấy Như Lai nói là chẳng phải tướng đầy đủ. Cho nên Như Lai gọi là các tướng đầy đủ.

Phật phá cái chấp "Như Lai có thuyết pháp"

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Lẽ nào Như Lai nghĩ như vầy: Ta có nói pháp? Này Thiện Hiện! Nay ông chớ nên khởi quán như thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì nếu nói Như Lai có nói pháp tức là phỉ báng Ta, vì chẳng thể nắm giữ được. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì việc nói pháp, việc nói pháp ấy không có pháp để đắc, nên gọi là thuyết pháp.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vào đời đương lai, hậu thế, hậu thời, hậu phần năm trăm năm, khi Chánh pháp sắp diệt, lúc thời phần chuyển, có hữu tình nào nghe nói pháp sắc loại như thế mà được thâm tín chăng?

Phật phá cái chấp "thật có hữu tình"

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Người đó chẳng phải hữu tình, chẳng phải chẳng hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tất cả hữu tình ấy, Như Lai nói chẳng phải hữu tình, nên gọi là tất cả hữu tình.

Vô pháp khả đắc.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có chút pháp nào Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật nói, thì không có chút pháp nào Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đúng vậy, đúng vậy. Ở trong một chút pháp, không có không đắc, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Pháp này bình đẳng. Ở trong đó, hoàn toàn bình đẳng, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì không có tánh ngã, không có tánh hữu tình, không có tánh mạng giả, không có tánh sĩ phu, không có tánh Bổ đặc già la…, bình đẳng như vậy, cho nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Tất cả pháp thiện, không có gì mà chẳng hiện chứng; tất cả pháp thiện, không có gì mà chẳng khéo biết. Thiện Hiện! Pháp thiện, pháp thiện ấy, Như Lai nói tất cả là chẳng phải pháp. Cho nên Như Lai gọi là pháp thiện.

Phật nói công đức của người thọ trì Kinh này không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu thiện nam, hoặc thiện nữ nào nhóm gom lượng 7 báu ngang bằng với ba ngàn đại thiên thế giới, đem 7 báu trong ấy như núi chúa Diệu Cao mà bố thí; lại có thiện nam, hoặc thiện nữ nào đối với Kinh Bát nhã Ba la mật này, cho đến 4 câu kệ, mà thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo, rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì Thiện Hiện! Số phước nói trước so với số phước đây, trăm phần không thể bằng, như vậy ngàn phần, hoặc trăm ngàn phần, hoặc trăm ức ngàn

phần, hoặc muôn ức ngàn phần, hoặc số phần, hoặc kế phần, hoặc toán phần, hoặc dụ phần, hoặc cực số phần cũng không thể bằng.

Phật phá cái chấp "Ta có độ thoát hữu tình"

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Lẽ nào Như Lai khởi nghĩ như vầy: Ta phải độ thoát các hữu tình? Thiện Hiện! Nay ông chớ nên quán như thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì không có chút hữu tình nào được Như Lai độ.

Này Thiện Hiện! Nếu có hữu tình nào được Như Lai độ, thì Như Lai có chấp ngã, có chấp hữu tình, có chấp mạng giả, có chấp sĩ phu, có chấp Bổ đặc già la... Thiện Hiện! Những sự chấp ngã ấy, Như Lai nói là chẳng phải chấp, nên gọi là chấp ngã…, chỉ những kẻ phàm phu ngu si mới cố chấp. Thiện Hiện! Kẻ phàm phu ngu si ấy, Như Lai nói là chẳng phải sanh, nên gọi là phàm phu ngu si.

Có thể quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ không?

Phật bảo:

- "Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Có thể quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật vừa nói, thì không thể quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Hay thay, hay thay! Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như lời ông nói, không thể quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ.

Thiện Hiện! Nếu quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ, thì Chuyển luân Thánh vương tức là Như Lai? Cho nên, chẳng nên quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ. Như vậy, nên quán Như Lai bằng các tướng chẳng phải tướng".

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

"Ai dùng sắc quán Ta,
Dùng âm thanh tìm Ta,

Kẻ ấy hành tà đạo,
Chẳng thể thấy Ta được.
Nên quán pháp tánh Phật,
Tức Pháp thân Đạo sư.
Pháp tánh chẳng bị biết,
Nên kia chẳng hiểu được".

Phật bảo:- "Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng các tướng đầy đủ để hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Thiện Hiện! Nay ông chớ nên quán như thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng do các tướng đầy đủ mà hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Phật phá chấp "không đoạn không diệt"

Lại nữa, Thiện Hiện! Những người phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa, có kiến lập chút pháp nào, hoặc hoại hoặc đoạn sao? Thiện Hiện! Nay ông chớ nên quán như vầy: những người phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa quyết chẳng kiến lập chút pháp nào, hoặc hoại hoặc đoạn.

Người ngộ "tất cả pháp vô ngã" phước đức nhiều hơn người bố thí bảy báu.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu thiện nam, hoặc thiện nữ nào đem bảy báu đầy khắp thế giới như số cát sông Hằng v.v… dâng cúng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; nếu có Bồ Tát nào đối với các pháp vô ngã, vô sanh mà được kham nhẫn, thì do nhân duyên đây nên Bồ Tát này được lượng phước nhiều hơn trước kia.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bồ Tát chẳng nên nhiếp thọ số phước đức.

Cụ thọ Thiện Hiện liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ Tát chẳng nên nhiếp thọ số phước đức?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nhiếp thọ mà chẳng nhiếp thọ, cho nên gọi là nhiếp thọ.

---o0o---

Phật phá cái chấp "Như Lai có đi, đứng, nằm ngồi".
(Uy nghi tịch tĩnh)

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu ai nói rằng: Như Lai hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm thì người này chẳng hiểu nghĩa Ta nói. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Như Lai tức là chơn như chơn thật, hoàn toàn không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu thiện nam, hoặc thiện nữ nào, đem sắc tượng của vô số thế giới bằng lượng cực vi trần v.v… của đại địa khắp ba ngàn đại thiên thế giới, làm thành mực như lượng cực vi.

Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Lượng cực vi này chắc là nhiều lắm phải không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Lượng cực vi này rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì nếu lượng cực vi là thật có thì Phật chẳng nên nói là lượng cực vi. Vì sao? Vì Như Lai nói lượng cực vi tức là chẳng phải lượng, nên gọi là lượng cực vi. Như Lai nói thế giới ba ngàn đại thiên tức chẳng phải thế giới, nên gọi là thế giới ba ngàn đại thiên. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì nếu thế giới là thật có tức là một hợp chấp (tướng). Như lai nói một hợp chấp tức là chẳng phải chấp, nên gọi một hợp chấp.

Phật phá cái chấp về "ngã kiến".

Phật bảo:- "Thiện Hiện! Một hợp chấp đây chẳng thể nói, chẳng thể hý luận. Nhưng tất cả phàm phu ngu si kia cố chấp pháp này. Vì sao? Thiện Hiện! Vì nếu nói như vầy: Như Lai tuyên thuyết ngã kiến, hữu tình kiến, mạng giả kiến, sĩ phu kiến, Bổ đặc già la kiến, ý sanh kiến, thiếu niên kiến, tác giả kiến, thọ giả kiến, ý ông nghĩ sao, lời nói như thế đúng chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng đúng. Bạch Thiện Thệ! Chẳng đúng. Nói như thế chẳng phải là lời đúng đắn. Vì sao? Vì Như Lai nói ngã kiến, hữu tình kiến, mạng giả kiến, sĩ phu kiến, Bổ đặc già la kiến, ý sanh kiến, thiếu

niên kiến, tác giả kiến, thọ giả kiến tức là chẳng phải kiến, nên gọi là ngã kiến… cho đến thọ giả kiến".

Phật phá cái "chấp pháp"

Phật bảo:- "Thiện Hiện! Những người phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa, đối với tất cả pháp nên biết như thế, nên thấy như thế, nên tin hiểu như thế, chẳng trụ tưởng pháp như thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tưởng pháp, tưởng pháp ấy, Như Lai nói là chẳng phải tưởng, cho nên Như Lai gọi là tưởng pháp".

Ứng hóa chẳng phải chân.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát dùng bảy báu đầy khắp vô lượng, vô số thế giới, dâng cúng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; nếu thiện nam, hoặc thiện nữ nào đối với Kinh Bát nhã Ba la mật này, cho đến bốn câu kệ, mà thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo, như lý tác ý và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, do nhân duyên đây nên được số phước rất nhiều hơn trước vô lượng, vô số. Thế nào gọi là vì người khác mà tuyên thuyết chỉ bày? Chẳng vì người tuyên thuyết chỉ bày, thì gọi là vì người tuyên thuyết chỉ bày. Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ rằng:

Những hòa hiệp mà có,
Như sao mù, đèn huyễn,
Sương, bọt, mộng, điện, mây,
Nên khởi quán như thế.

Phần truyền bá lưu thông.

Khi đức Bạc già phạm Thế Tôn thuyết Kinh này rồi, Tôn giả Thiện Hiện và các Bí sô, Bí sô ni, nam cận sự, nữ cận sự và các thế gian trời, người, A tu la, Kiện đạt phược… đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

Tới đây là hết phần chính văn của Q.577 tức hết phần "Kim Cang Năng Đoạn". Sau đây là phần thích nghĩa và lược giải.

---o0o---

***Phần B**:*

(Thích nghĩa và Sơ giải Q.577 của Hội thứ II)

Lời nói đầu:

Kinh "Kim Cương Năng Đoạn" chỉ có một quyển (Q.577) trong 600 quyển của Kinh Đại Bát nhã Ba la mật. Kinh viết liên tục, không có chia làm nhiều đoạn ngắn. Chúng tôi phân đoạn, mỗi đoạn đều có phẩm tựa và tùy theo phẩm tựa mà có những luận giải khác nhau.

Lưu ý: Sau đây Kiểu chữ News Time Roman **"in thẳng và đậm"** *là chánh văn và kiểu chữ News Time Roman "in nghiêng và nhạt" là những thích nghĩa và luận giải của chúng tôi.*

---o0o---

Làm sao hàng phục vọng tâm và làm sao an trụ chân tâm?

"Bạch Thế Tôn! Những ai phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa, nên trụ như thế nào? Nên tu hành như thế nào? Nên nhiếp phục tâm như thế nào?

(…)Phật bảo:

- Thiện Hiện! Những ai phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa, thì nên phát tâm như vầy: Có bao nhiêu loài hữu tình, hữu tình được độ, bị độ, như sanh từ trứng, hoặc thai sanh, hoặc thấp sanh, hoặc hóa sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tưởng, hoặc không tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng, chẳng phải không có tưởng, cho đến hữu tình giới được tạo tác, bị tạo tác. Tất cả các hữu tình như vậy, ta đều giúp nhập vào cõi Vô dư y Niết bàn vi diệu. Tuy đã độ vô lượng hữu tình đều được diệt độ như thế, song không có hữu tình nào được diệt độ. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì nếu các Bồ Tát còn tưởng chuyển hữu tình thì không thể gọi là đại Bồ Tát. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì các đại Bồ Tát chẳng nên nói có tưởng chuyển hữu tình; như vậy tưởng chuyển mạng giả, sĩ phu, Bổ đặc già la (người), ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả, phải biết cũng thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì không có một chút pháp nào gọi là người phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa".

Theo Kinh văn thì cụ thọ Thiện Hiện hỏi Phật an trụ chân tâm trước và hàng phục vọng tâm sau. Phật trả lời là phải hàng phục vọng tâm trước, nếu làm được như vậy tức là an trụ chân tâm. Đây không phải là hai vấn đề riêng rẽ: Hàng phục vọng tâm là biện pháp, khi hàng phục được vọng tâm thì chân tâm sẽ hiện, chân tâm hiện là kết quả. Vì vậy, Phật trả lời phải hàng phục vọng tâm trước.

Đối với người tu hành hàng phục vọng tâm là vấn đề sanh tử. Ngài Khuê Phong tức tôn giả Tông Mật đã từng trả lời câu hỏi: "Thế nào là Đạo?" Ngài đáp: Vô ngại là Đạo. Hỏi: Lấy cái gì để tu? Đáp: Biết vọng là tu. Hỏi: Phải tu mới thành hay chẳng cần dụng công? Đáp: Đạo tuy vốn tròn, ***vọng khởi làm phiền lụy, hết sạch vọng niệm tức thành công****. Vọng tức phiền não, là chướng ngại của tâm; hết vọng tức tu thành; tu thành vì đạt được vô ngại nên gọi là Đạo". Điều đó có nghĩa muốn an trụ chân tâm thì cần chế phục vọng tâm.*

Thiện Hiện bạch Phật: Làm sao hàng phục được vọng tâm? Phật đáp: Bồ Tát phải độ chúng sanh đều được vào Niết bàn, nhưng ***không thấy*** *có một chúng sanh nào được độ.*

Câu trả lời thật là nghịch đời! Nhưng tôn chỉ của Kim Cương là ***vô trụ tướng****: Bồ Tát khi độ chúng sanh, nếu còn thấy mình là người độ (tức còn thấy ngã), thấy chúng sanh là người được độ (tức thấy tướng chúng sanh), vào Niết bàn (tức còn thấy pháp). Như vậy, Bồ Tát không còn là Bồ Tát nữa vì còn chấp ngã, chấp pháp, chấp bốn tướng. Đã chấp dù chỉ bằng mảy lông sợi tóc thì làm sao hàng phục được vọng tâm? Làm sao an trụ được chân tâm? Làm sao thâm nhập được Bát nhã Ba la mật?*

Khi nhập thế làm Phật sự, Bồ Tát độ sanh phải lìa kiến chấp, tình chấp...thì phiền não chẳng sanh, vọng chấp không sanh thì tâm mới an định. ***Đó là không hàng phục mà tự nhậm****(1)* ***hàng phục!*** *Bồ Tát vừa*

phát khởi vọng chấp có mình độ, có chúng sanh được độ… tức Bồ Tát còn chấp ngã, nhơn, bỉ, thử… thì phiền não dẫy đầy. Kinh Tứ Nhị Thập chương ghi: "Giáo pháp của Ta: ***Niệm*** *mà không trụ chấp nơi niệm, mới thật là niệm.* **Làm** *mà không trụ chấp nơi làm, mới thật là làm.* ***Nói*** *mà không trụ chấp nơi nói, mới thật là nói.* ***Tu*** *mà không trụ chấp nơi tu, mới thật là tu". Đó là tôn chỉ vô trụ tướng Bát nhã Ba la mật.*

Cũng nên nói thêm rằng: Dù chấp người hay chấp vật cũng xuất phát từ 1 nguồn tâm, từ cái ngã-ngã sở. Có chấp là có phân chia chủ khách, có mình người, có anh tôi, có sanh diệt đổi dời, tức không thoát khỏi ngõ cụt của nhị nguyên đối đãi…Vì đó là gốc rễ của những phân chia, rạn nứt… Chân lý chỉ là một, chân lý bên này núi Pyrenées không thể khác với bên kia. Không thể có hai thứ chân lý cùng sống chung trên một quả địa cầu. Mặt trăng trên trời là chân lý duy nhất, cái duy nhất một. Bóng trăng trên ngàn ao hồ sông nước, cũng chỉ là bóng trăng. Vậy, những cái râu ria gọi là chân lý đó, chỉ là khía cạnh của chân lý, không phải là chân lý, giống như hàng vạn bóng trăng trên ao hồ sông nước… Đó là nói theo thế tục.

Lại nữa, ai cũng thấy cũng biết cái ngã là cái rốn của vũ trụ, vì nó chi phối tất cả trong thế giới thông tục này. Đụng tới cái ngã thì biết liền. Còn cái chân thật mầu nhiệm là chân tâm, Phật tánh thì không ai thấy nổi.

Kinh thường lặp đi lặp lại: Không thấy không biết thì không chấp, không chấp thì vọng chẳng sanh, tức tâm thể tịch lặng. Đó là hàng phục vọng tâm cũng là an trụ chân tâm.

Trong Truyền Đăng Lục, mục nói về Tổ sư Đông độ Huệ Khả cầu Tổ Bồ đề Đạt Ma an tâm; Huệ Khả bạch Tổ:

- Tâm con chưa an, xin Thầy an cho.

Tổ Bảo:

- Đem tâm ông đến đây, ta an cho.

Huệ Khả yên lặng hồi lâu, nói:

- Con đã tìm khắp nhưng không thấy được.

Tổ bảo:

- Ta đã an tâm cho ông rồi đó.

An tâm không phải làm bùa phép mầu nhiệm gì cả mà chỉ là hàng phục vọng tâm, đừng để tâm sanh khởi. Tổ Lâm Tế nói rằng: "Nếu vọng

khởi thì đừng cho nó tiếp nối, còn nếu chưa khởi thì đừng để cho nó khởi. Như vậy, còn hơn quý vị đi hành cước mười năm".

Trong Pháp bảo Đàn Kinh, phẩm thứ năm là "Tọa Thiền", Tổ Huệ Năng lại nói: "…Nếu chấp tâm, tâm vốn là vọng. Nếu coi tâm như huyễn thì không còn chỗ chấp vậy. Nếu nói chấp tịnh, tánh người vốn tịnh, bởi vì vọng niệm che đậy chơn như, chỉ không có vọng tưởng thì tánh tự thanh tịnh. Khởi tâm chấp về tịnh trở lại sanh ra cái tịnh vọng. Vọng không nơi chốn, chấp ấy làm vọng; tịnh không hình tướng trở lại lập thành hình tướng, cho là công phu, người khởi kiến giải này là chướng tự bản tánh trở lại bị tịnh trói"*(2)*.

Quán chiếu soi rọi lại chính mình: Đừng để tâm sanh khởi là hàng phục tâm mà cũng là an trụ tâm. Vọng đến liền biết mà không theo vọng, thì vọng tự biến, tâm tự yên. Động cũng không chấp mà tịnh cũng không, chỉ không có vọng tưởng thì tự tánh thanh tịnh.

***Kinh Thủ Lăng Nghiêm Trực Chỉ**, Phật nói:* "Nếu cội gốc của những cái lăng xăng, chớp nhoáng u uẩn đó vào được tính đứng lặng bản lai, một phen tập khí bản lai đứng lặng như sóng mòi diệt hết, hóa thành nước đứng, thì gọi là hết hành ấm. Người ấy có thể vượt khỏi chúng sanh trược, xét lại nguyên do cội gốc là u uẩn vọng tưởng". *Vọng hết tình dài dứt sạch thì trở lại cái tịch lặng bản nhiên.*

Thành Phật là dứt niệm phân biệt chấp trước, tâm thể tịch lặng có nghĩa là bản nhiên thanh tịnh hiện tiền. Nói hiện tiền nhưng chẳng có gì là hiện tiền, nó tự sẵn có trước khi cha mẹ sanh. Trên con đường trở về quê cũ để an thân lập mệnh, việc giữ thân tâm thanh tịnh là bước đầu cần yếu để nhiếp tâm, không cần biết đó là lối tu "khán tịnh" hay "thấy tánh". Còn phân biệt, chấp trước thì bản nhiên thanh tịnh càng xa dần!

*Cư sĩ Giang Vị Nông người giảng lược Kinh này nói: Chỗ bảo là hàng phục, chính là **hàng phục vọng tâm.** Vọng tâm là tâm phân biệt, mà tâm phân biệt nổi dậy ở ngã chấp, nên ngã kiến là gốc phân biệt. Nay trở về căn bản để khiển trừ, thì vọng tưởng phân biệt tự nó hóa giải hết.*

*"Chúng sanh không ngoài Dục, Sắc, Thức (chín loài ở ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới) vì tham dục, mê sắc, thức tình điên đảo nên mới gọi là chúng sanh. **Nếu biết tại sao trở thành chúng sanh, thì sẽ biết làm sao để độ chúng sanh.** Biết vô số vô biên chúng sanh đều là hư tướng của Dục, Sắc, Thức huyễn thành, thì biết diệt tướng Dục, Sắc, Thức sanh*

diệt của nó, khiến vào chỗ bất sanh bất diệt, là thực không có chúng sanh, thực không có chúng sanh nào đắc độ. Vì sao? Vì chúng sanh bị Dục, Sắc, Thức nó che lấp đi. Bản tánh của chúng sanh là bất sanh bất diệt, là cùng với ta đồng thể, thế thì chỗ nào gọi là chúng sanh, chỗ nào gọi là đắc. Quán chiếu như thế lâu ngày thuần thục, thì cái kiến chấp tự nó hóa giải chẳng hay chẳng biết. Vì cớ gì? Vì chúng ta cũng là chúng sanh, vì biết đương thể tức không, biết niệm nổi dậy thì ***có****, nếu không khởi thì tất cả đều* ***không****, biết bổn lai bình đẳng. Đây là lối hàng phục vừa hay vừa khéo, mới thật là cái hàng phục của chẳng hàng phục.*

Lại nữa, dụng công chỉ cần trừ vọng, chân tâm chẳng hiện là bởi vọng che. Vọng chẳng trừ hết mà nói là an trụ ở cái chơn như thì ngay đến một niệm này, vẫn còn nằm trong vọng tưởng. Nên biết rằng ta trụ là có sở trụ, có sở trụ là có lập. Có sở có lập thì trong đại viên kính còn dính bụi làm sao quang minh có thể chiếu khắp được(3)". Kinh lại nói: "Tâm cuồng vọng chẳng ngừng nghỉ, ngừng nghỉ tức Bồ đề". *Tổ sư thiền có câu:* "Mỗi vọng niệm là một hóa thân Phật". *Có người hỏi Ngài Khuê Phong tức Tôn giả Tông Mật: Thế nào là tu? Ngài trả lời:* "Biết vọng là tu". *Hết vọng thì thành Phật. Thành Phật thì có hóa thân để tế độ chúng sanh.*

Tất cả yếu chỉ trên đều nhằm thuyết minh hàng phục vọng tâm. Lại nữa, hàng phục phải có phương tiện, mà phương tiện tức là phát tâm quảng đại. Tâm mở rộng là phá ngã. Quên ngã nên mới có thể phát tâm độ hết mọi loài. Đây không nói hàng mà tự nhiên hàng. Vì vậy mới có mục bố thí kế tiếp. Bố thí là phá ngã để tự hàng phục.

Thích nghĩa cho đoạn này:

(1). Nhậm hay nhậm vận nghĩa là sự việc được phát khởi một cách ngẫu nhiên, không do tạo tác của tâm thức phân biệt.

(2). Trích dẫn trong "Pháp Bảo Đàn Kinh".

(3). Ý của Ngài Giang Vị Nông (Kinh "Kim Cương Đại Bát nhã Ba la mật Giảng Nghĩa" do cư sĩ Giang Vị Nông thuyết giảng ở thành phố Thượng Hải và được một số đạo hữu ghi chép lại thành sách phổ biến tại Trung Hoa và Đài loan, Đồ Nam Lão Nhân dịch, có đăng trong Thuvienhoasen.org. Cũng nên biết cư sĩ đã tốn hơn 40 năm nghiên cứu tu học Bát Nhã. Nên những điều mà cư sĩ thuyết ra rất uyên bác, nên chúng tôi trích dẫn để cùng thiện hữu học hỏi thêm).

---o0o---

Phật dạy: Bồ Tát bố thí không nên chấp tướng.

"Thiện Hiện! Đại Bồ Tát chẳng trụ nơi việc hành bố thí, hoàn toàn vô trụ mà hành bố thí. Chẳng trụ nơi sắc mà hành bố thí; chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà hành bố thí. Như vậy, đại Bồ Tát chẳng trụ tướng tưởng mà hành bố thí. Vì sao? Vì nếu đại Bồ Tát hoàn toàn không trụ mà hành bố thí, thì số phước đức kia chẳng thể tính lường".

Ở đoạn trên, Phật dạy khi độ sanh phải phá trừ "ngã chấp", tức không chấp bốn tướng: Ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả(1). Đoạn này Phật dạy Bồ Tát khi bố thí cũng phải trừ "pháp chấp", tức không trụ chấp tướng sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đó là ***diệu hạnh vô trụ****, chỗ an trụ vi diệu của Bát nhã Ba la mật.*

Bố thí làm sao tránh khỏi chấp tướng? Cho là cho một vật gì? Vật đó lớn nhỏ, tốt xấu? Đó là chấp sắc. Nói một lời an ủi vỗ về cho người khỏi lo sợ, gọi là vô úy thí; thuyết một bài pháp, gọi là pháp thí. Đó là ngôn ngữ, âm thanh. Vậy làm sao bố thí mà không chấp tướng? ***Đây là nói bố thí nhắm vào TÂM. Bố thí là phóng hạ, là buông xả, là phủi sạch, không còn nắm bắt.*** *Có trụ là có dính mắc, trói buộc. Vô trụ là vô chấp, vô chấp tâm mới thanh tịnh. Vì vậy, Phật bảo "hoàn toàn vô trụ mà hành bố thí".*

Không có trụ vào sáu trần mà bố thí, tức buông xả sáu trần, tâm không duyên với một trần nào hết thì tâm mới an trụ. Tâm luôn luôn duyên lự nơi sáu trần nên mới loạn động sanh nhiễm sanh tịnh, vì vậy mới kẹt nơi sắc, dính nơi thanh, vướng nơi hương vị… Do dính mắc sáu trần nên loạn càng loạn thêm, muốn dứt không dứt được, muốn lìa không lìa nổi, muốn buông bỏ lại nối tiếc… Bố thí là phóng hạ, buông xả phủi sạch hết thì tự nhiên tâm an trụ.

Đối với sáu trần đừng để tâm vướng mắc. Đó là an trụ tâm. Vì vậy, mà thiền sư Bá Trượng bảo rằng: "Tâm cảnh không đến với nhau thì giải thoát". *Nói thì quá dễ nhưng hành mới khó, vì lục trần là môi trường sống của con người, làm sao mà lìa, làm sao khỏi nương vịn, nắm bắt? Làm sao*

sống trong tướng lìa tướng? Làm sao tâm được an trụ? Vậy, chỉ còn một cách là "bội trần hợp giác". Nên Phật bảo: "Ngoài không chấp tướng, trong như như bất động". *Ngoài không chấp tướng tức là bội trần, tâm như như bất động liền trở về tánh giác bản nhiên, tức hợp giác.*

HT. Thích Thượng Siêu lại bảo: "… người bố thí phải luôn luôn lấy trí tuệ soi sáng để thấy rõ sáu trần là giả hợp, biến động không ngừng. Nếu tâm trú trước vào nó thì tâm cũng dễ giả hợp biến động không ngừng, làm sao an được. Trừ khi dùng sáu trần làm bố thí mà trực ngộ sáu trần không có tự tánh, là chân không, đã là chân không thì siêu không gian, siêu thời gian, thì tâm sẽ không bị trụ trước ràng buộc vào đâu cả, tức tâm an trụ tự do không bị lệ thuộc ngoại cảnh danh tướng".

Tổ Lâm Tế bảo: "Tỏ rõ được tướng không của các loại sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thì không gì trói buộc được. Đó là vô y đạo nhân". *Thái Hư đại sư bảo:* "Chúng sanh trú sanh tử, Nhị thừa trụ Niết bàn, Bồ Tát liễu ngộ pháp không, sanh diệu dụng Bát Nhã cho nên không trụ, vì không trụ nên trụ Bát Nhã".

Đại Bát nhã Ba la mật cũng nói "Bất trụ nhất thiết pháp danh trụ Bát Nhã", có nghĩa: Không trụ tất cả pháp, tức trụ vào Bát Nhã.

"Không tướng ngã nhân là trí, độ sanh là bi. Không trú pháp là trí, bố thí là bi. Không trú pháp thì phá trừ được cái tâm chấp **tướng có**, làm việc bố thí thì phá trừ được cái tâm chấp **tướng không**. Không chấp vào tướng có, tướng không thì trí thể hiển bày mà trí dụng cũng viên mãn, nên làm việc bố thí với trí Bát Nhã này, phước đức vô lượng, vô biên như hư không không thể suy lường".

Tóm lại, khi làm Phật sự như bố thí chẳng hạn, nếu Bồ Tát phá trừ ngã chấp, pháp chấp nghĩa là không chấp mình là người bố thí (chấp ngã), kia là kẻ thọ thí (chấp nhân), đây là vật bố thí (chấp pháp) thì các nhiễm ô phiền não không sanh, phiền não không sanh tức tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là tâm Phật, là Như như, rộng rãi bao la như mười phương hư không. Nếu đem tâm thanh tịnh mà bố thí thì được phước đức vô lậu thanh tịnh rộng lớn không gì bằng.

Bởi thế, nên Phật dạy: Bồ Tát khi bố thí phải "tam luân không tịch", nghĩa là không thấy (chấp) có mình ban ơn, có kẻ chịu ơn và vật bố thí. Như thế mới gọi là bố thí Ba la mật.

Bích Nham Lục, tắc thứ nhất nói về "Cái trống không của Đạt Ma" kể rằng: Vũ Đế thường mặc áo cà sa, đích thân giảng Kinh Phóng Quang Bát Nhã, giảng sống động đến mức khiến hoa trời rơi tơi tả xuống đất biến thành ngọc lưu ly. Vũ Đế còn học Đạo thờ Phật, ra lệnh cho thiên hạ xây chùa độ Tăng, tu hành theo giáo lý. Thiên hạ gọi ông là Phật Tâm Thiên Tử.

Lúc Đạt Ma mới đến gặp Vũ Đế, Vũ Đế bèn hỏi: "Trẫm xây chùa độ Tăng, như thế có công đức chăng?" Đạt Ma nói "Chẳng có công đức gì cả". Nói như thế chẳng khác gì xối nước bẩn vào mặt người ta. Nếu như ai hiểu được câu nói "chẳng có công đức gì cả" này, kể như người ấy đủ khả năng đối diện Đạt Ma. Thử nói xem xây chùa độ Tăng mà lại chẳng có công đức gì cả? Ý nghĩa lời này là ở đâu?

Đó chẳng qua là công đức hữu lậu, nhiều lắm kiếp sau làm trời người giàu sang sung sướng. Vì vậy, Bồ Đề Đạt Ma mới nói là chẳng có công đức gì cả. Đối với Tổ công đức vô lậu mới đáng gọi công đức. Vì khi làm Phật sự không thấy mình, người tức không thấy ngã, không thấy pháp… nghĩa là hành không có sở đắc, hành như vô đạo hành, tam luân không tịch mới đáng gọi là công đức vô thượng, không có gì sánh bằng!

Thích nghĩa cho đoạn kinh này:

(1). Kinh Kim Cương Năng Đoạn nói riêng hay Đại Bát Nhã nói chung liệt kê các tướng của chúng sanh là: Hữu tình, mạng giả (dòng sinh mạng), sanh giả (người sanh), dưỡng giả (người dưỡng dục), sĩ phu (người trưởng thành), bổ đặt già la (chủ thể luân hồi), ý sanh (người do người sanh), nho đồng (ngã tối thắng), tác giả (người tạo tác), thọ giả (người thọ), tri giả (người biết), kiến giả (người thấy). Kinh "Kim Cương Bát nhã Ba la mật Đa" do *nhóm của Ngài La thập dịch chỉ đề cập có bốn tướng là: Ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả.*

---o0o---

Có thể lấy các tướng đầy đủ để quán Như Lai chăng?

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có thể lấy các tướng đầy đủ để quán Như Lai chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được. Chẳng thể lấy các tướng đầy đủ để quán Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói các tướng đầy đủ, tức chẳng phải các tướng đầy đủ".

Phật lại bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Thiện Hiện! Các tướng đầy đủ đều là hư vọng *(giả dối)*, **cho đến phi tướng đầy đủ đều chẳng phải hư vọng. Như vậy, nên quán Như Lai bằng tướng chẳng phải tướng".**

Đoạn Kinh này nối tiếp đoạn trước "vô trụ tướng mà trụ", không trụ bất cứ một tướng nào hết mới gọi là an trụ. Cái thân có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp là thân có sanh diệt. Thân tướng này do tứ đại hợp thành, nó có hình sắc, nên mắt trần có thể thấy được. Vì vậy, Phật hỏi Thiện Hiện: Có thể lấy thân tướng để quán Như Lai chăng? Dĩ nhiên ai cũng phải trả lời: Đúng thế! Nhưng cụ thọ trả lời ngược lại là không thể lấy thân tướng để quán Như Lai. Vì Như Lai đây chỉ cho tự tánh thanh tịnh, hay pháp thân vô tướng(1). Như vậy, với con mắt trần làm sao quán thấy Như Lai.

Ngài Tuyết Phong khi sắp tịch, tự làm bài minh, nói: "Từ duyên mà có trước có sau, có thành có hoại, còn chẳng từ duyên mà được thì muôn kiếp vững bền". *Cái do duyên mà có như thân do cha mẹ sanh ra, có sanh lão bệnh tử, nên gọi là có thành có hoại. Còn cái pháp thân chẳng do duyên sanh mà được, nên nói là muôn kiếp vững bền. Xác thân thì có còn có mất, còn pháp thân thì không bao giờ mất và Phật đã thành Đạo, nên Phật sống trong tự tánh của Như Lai pháp thân đó. Nên không thể quán Như Lai qua 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp.*

Vì vậy, Hòa Thượng Chí Công mới nói rằng: "Thân có tướng là thân vô tướng, trên đường vô minh là đường vô sanh". *Cái thân có tướng là thấy sắc thân bằng xương bằng thịt. Nhưng phải xuyên qua cái sắc thân bằng xương bằng thịt này mới thấy được tánh. Tánh là vô tướng. Thấy tánh là "kiến tánh" tức thành Phật. Thấy được như vậy thì sẽ chuyển vô minh thành bất sanh bất diệt, nên nói là vô sanh.*

Phải nhận ra ngay nơi thân tướng này, "chỗ Như Lai nói, thân tướng tức chẳng phải thân tướng" *nghĩa là phải thấy xuyên qua thân tướng bằng xương bằng thịt này mới quán được cái vô tướng kia.*

Tiếp theo Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện: “Các tướng đầy đủ đều là hư vọng *(giả dối)*, cho đến phi tướng đầy đủ đều chẳng phải hư vọng. Như vậy, nên quán Như Lai bằng tướng chẳng phải tướng”- Nguyên văn bằng chữ Hán là: “善thiện 現hiện. 乃nãi 至chí 諸chư 相tướng 具cụ 足túc 皆giai 是thị **虛**hư 妄vọng.乃nãi 至chí 非phi 相tướng 具cụ 足túc 皆giai 非phi **虛**hư 妄vọng. 如như 是thị 以dĩ 相tương/tướng. 非phi 相tướng 應ưng 觀quán 如Như 來Lai”.

Đoạn Kinh này do nhóm của Ngài Huyền Trang sao lại hoàn toàn khác hẳn với đoạn Kinh do nhóm của Ngài La thập dịch. Nguyên văn đoạn Kinh do La Thập dịch là: “Phật cáo Tu Bồ đề: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai”. *Nhóm của Ngài Huyền Trang dùng từ* ***quán*** *trong khi nhóm cảu Ngài La Thập dùng từ* ***Kiến****. Kiến có nghĩa là thấy như mắt thấy cảnh như căn thấy trần. Thấy đòi hỏi có đối tượng cụ thể, thấy hình tướng đẹp xấu… Còn quán là quán tưởng, quán chiếu nghĩa là dùng trí để nghĩ tưởng.*

Đoạn Kinh do Ngài La Thập dịch nói rõ là thấy thân tướng kia tức chẳng phải thân tướng chân thật, mà phàm tất cả tướng của thân căn thế giới, hình hình sắc sắc đều là hư vọng, giả dối như hoa trong gương, như trăng đáy nước, toàn không có tướng gì chân thật cả! Nếu hiểu ra tất cả tướng đều hư dối như thế, tức là thấu rõ thật tướng các pháp, là trí tuệ vô thượng, tức là đã thấy pháp thân Như Lai.

Còn Đoạn Kinh của Ngài Huyền Trang là quán tánh, nếu người quán còn thủ tướng, tức còn phân biệt chấp trước thì chỗ quán đó chính là thức vọng nên cũng chẳng thấy tánh. Vì vậy, thấy hay nghĩ tưởng nọ kia đều là sanh diệt, nên trong Kinh ĐBN Phật lúc nào cũng kêu gọi vô kiến, vô thức, vô niệm, vô tâm. Đoạn Kinh của Ngài Huyền Trang dịch, Phật bảo “nên quán Như Lai bằng tướng chẳng phải tướng”. Điều này có nghĩa là cũng quán Như Lai bằng tướng, nhưng chẳng phải là tướng cụ túc mà là ***tướng như*** *của Như Lai. Thấy mà không thấy tướng, chỉ thấy tánh thì cũng đồng như quán tướng hay phi tướng mà không bị tướng hay phi tướng nó che, thì liền chứng tánh. Vì vậy, nói tại sao lìa tất cả tướng tức chư Phật(2).*

Kinh Viên Giác nói: Trong thế gian từ bậc Thánh nhân đến dân giả ngu dốt đều “nhận cái thân tứ đại ngũ uẩn giả hợp làm thân tướng, nhận cái bóng dáng duyên theo sáu trần làm tướng của tự tâm nên gọi là vô

minh”. *Nhận cái thân giả hợp làm thân tướng, nên bị tướng che nên chìm trong sanh tử, quên đi chủ nhân ông là cái bất sanh bất diệt.*

Cư sĩ Giang Vị Nông giảng về đoạn này như sau: “Chấp tướng là chấp hữu, chấp tướng mê tướng, nên vọng ngoại tìm cầu. Đó là bệnh chung của phàm phu. Nhị thừa trái với phàm phu, hiểu rõ thân tướng là huyễn, rời huyễn nên thoát khỏi sanh tử, nhưng lại mắc bệnh chấp “không”, cái không này vẫn là tướng, vì chấp không nên trụ vào phi pháp tướng, nên Phật quở là chẳng hợp”.

*Phải biết có **thể** phải có **dụng**, có **tánh** ắt có **tướng.** Từ xưa tới nay, nói đến chấp trước của phàm phu không ngoài cái tướng mà tìm cầu, chỉ cần biết cái tướng là hư vọng liền biết chỗ trở về. Rơi vào chấp không lại là đoạn diệt, vì tánh và tướng không phải là một, tánh là tánh, tướng là tướng, nên chẳng thể diệt tướng. Nhưng tánh và tướng không phải khác. Tướng biểu thị của tánh, tánh là căn bản của tướng. Có căn bản mà không có tướng, cũng chẳng làm gì được. Nên Bát Nhã nói chẳng trụ hai bên. **Chẳng trụ có, chẳng trụ không mới có thể xứng tánh**. Chính vì tánh là vô tướng, là vô sanh. Cái do cha mẹ sanh là có thành có hoại, cái vô sanh (tức pháp thân), vì không ai sanh nên muôn kiếp vững bền là vậy.*

Phật chứng pháp thân nên gọi là Như Lai. Chúng sanh và Phật đồng một thể tánh, nếu chúng sanh không trụ ở một tướng nào hết, gọi là chân trụ. Chỉ cần biết tướng là không, liền được thấy tánh. Đại chúng thấy Phật mặc áo, ăn cơm… thị hiện tướng phàm phu liền chấp tướng phàm phu, nên chẳng thấy Như Lai. Tu Bồ Đề qua tướng thấy tánh, biết Phật chẳng trụ tướng liền thấy Như Lai.

*Như Lai sở thuyết thân tướng là đề cập đến cả hai bên: Tánh là thể của tướng, tướng là dụng của thể. Tướng nếu không có tánh thì chẳng dụng, tánh không có tướng thì chẳng hiển. Lìa tướng thì chẳng có gì gọi là tánh, lìa tánh thì không có gì gọi là tướng, **vấn đề còn lại là có chấp trước hay không mà thôi**.*

*Chấp tướng là mê tướng, nên bị nó che, vì vậy chẳng thấy tánh. Nếu chẳng chấp tướng hay phi tướng thì ngay ở tướng có thể thấy tánh. Vì không chấp trước nên không rơi vào hai bên. Bát Nhã viên dung ở chỗ đó. Theo tướng mà nói thì gọi là thân tướng, theo tánh mà nói thì thể của nó là không, tánh vốn vô tướng. Tướng là hư vọng, tánh là chân thật. **Đừng đuổi theo vọng liền biết cái chân**. Nếu biết chư tướng phi tướng, thì tướng*

chẳng che lấp tánh, liền thấy Như Lai, không cần diệt tướng, làm sao diệt nổi tướng, chỉ cần rõ tướng là hư vọng tức chân tướng hiện tiền.

Trong Kinh ĐBN, phẩm "Hiện Thế Gian", Q.510, Hội thứ III. Như Lai như thật giác tất cả pháp tướng như thế nào?

"Huệ mạng Tu Bồ Đề nói với các Thiên tử: **Tất cả pháp tướng Như Lai như thật giác là vô tướng**, chỗ gọi biến ngại là sắc, lĩnh nạp là tướng thọ, tưởng tượng là tướng tưởng, tạo tác là tướng hành, rõ biết là tướng thức, Như Lai như thật giác là vô tướng. Khổ não là tướng uẩn, cửa sanh trưởng là tướng xứ, nhiều độc hại là tướng giới, Như Lai như thật giác là vô tướng. Hay xả là tướng bố thí, không não nhiệt là tướng tịnh giới, chẳng tức giận là tướng an nhẫn, chẳng giải đãi là tướng tinh tiến, không tán loạn là tướng tĩnh lự, không chấp đắm là tướng Bát Nhã, Như Lai như thật giác là vô tướng. Vô sở hữu là tướng nội không, chẳng điên đảo là tướng chơn như, chẳng hư dối là tướng bốn Thánh đế, Như Lai như thật giác là vô tướng. Không rối não là tướng bốn tĩnh lự, không hạn ngại là tướng bốn vô lượng, không ồn tạp là tướng bốn định vô sắc, Như Lai như thật giác là vô tướng. Không trói buộc là tướng tám giải thoát, chẳng toán loạn là tướng chín định thứ lớp, năng xa lìa là tướng ba mươi bảy Bồ đề phần pháp, Như Lai như thật giác là vô tướng. Năng xa lìa là tướng không giải thoát môn, không lấy đắm là tướng vô tướng giải thoát môn, chán các khổ là tướng vô nguyện giải thoát môn, Như Lai như thật giác là vô tướng. Ngôi nhiếp tịnh là tướng Tam thừa thập địa, tới địa giác là tướng mười lực Bồ Tát, Như Lai như thật giác là vô tướng. Năng xem soi là tướng năm nhãn, không trệ ngại là tướng sáu thần thông, Như Lai như thật giác là vô tướng. Khó khuất phục là tướng Như Lai mười lực, không khiếp sợ là tướng bốn vô sở úy, không đoạn tuyệt là tướng bốn vô ngại giải, cho lợi vui là tướng đại từ, vớt suy khổ là tướng đại bi, mừng việc lành là tướng đại hỷ, bỏ ồn tạp là tướng đại xả, chẳng thể cướp là tướng mười tám pháp Phật bất cộng, Như Lai như thật giác là vô tướng. Năng nghiêm đẹp là tướng tướng hảo, năng nhớ nghĩ là tướng pháp vô vong thất, không sở chấp là tướng tánh hằng trụ xả, Như Lai như thật giác là vô tướng. Nhiếp trì khắp là tướng tất cả Đà la ni môn, nhiếp thọ khắp là tướng tất cả Tam ma địa môn, Như Lai như thật giác là vô tướng. Khéo thọ giáo là tướng quả Thanh văn thừa, tự khai ngộ là tướng Duyên giác, tới Đại quả là tướng hạnh Bồ Tát Ma ha tát, đủ đại dụng là tướng chư Phật Chánh đẳng Bồ đề,

Như Lai như thật giác là vô tướng. Hiện Chánh đẳng giác là tướng Nhất thiết trí, cực khéo thông suốt là tướng Đạo tướng trí, hiện đẳng biệt giác là tướng Nhất thiết chủng trí, Như Lai như thật giác là vô tướng.

Thiên tử phải biết: **Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với tướng tất cả pháp như thế thảy đều năng như thật giác là vô tướng**. Do nhân duyên đây, Ta nói chư Phật được trí vô ngại không ai bằng.

Bấy giờ, Phật bảo Huệ mạng Tu Bồ Đề: Bát nhã Ba la mật sâu thẳm là mẹ chư Phật năng chỉ thật tướng các pháp thế gian. Vậy nên, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương pháp mà trụ, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, nhiếp thọ hộ trì chỗ nương pháp trụ. Pháp ấy tức là Bát nhã Ba la mật sâu thẳm".

Thật là một đoạn Kinh quá sâu sắc nói về tướng và vô tướng của tất cả các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo, tư lương Bồ đề Bồ Tát... một cách chính xác! Chư Phật chư Bồ Tát không trụ tướng mà cũng không trụ vô tướng, nhưng trụ chỗ Phật trụ, đó chính là Bát nhã Ba la mật thâm sâu.

Thích nghĩa cho đoạn Kinh này:

(1). Như như hay Như có nghĩa là như vậy là như vậy, chẳng lúc nào chẳng như, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng khứ chẳng lai, nên gọi là Như Lai. Như đó mầu nhiệm xưa nay vốn thanh tịnh, không bị vô minh che lấp, cũng không bị phiền não làm ô nhiễm; chiếu rõ các pháp bình đẳng không hai. Vì bình đẳng không hai, nên nói là nhất tướng chỗ gọi vô tướng. Như Lai tự tánh cũng như vậy, nên nói Như Lai pháp thân vô tướng. ***TB***

(2). Lìa tất cả tướng tức là chư Phật, vì tất cả tướng CÓ KHÔNG đã lìa, thì tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì thật tướng sanh, thật tướng sanh tức vô minh ngã kiến đoạn dứt, chân như pháp thân hiện ra nên gọi là chư Phật. Nên nói thấy tất cả tướng không phải tướng liền thấy Như Lai. ***TB***

---o0o---

Giáo pháp của chư Phật như chiếc bè đưa người qua sông.

"Thiện Hiện! Vì nếu đại Bồ Tát có tưởng chuyển pháp, thì vị ấy liền có chấp ngã, chấp hữu tình, chấp mạng giả, chấp Bổ đặc già la… Nếu có tưởng chuyển phi pháp thì vị ấy cũng có chấp ngã, chấp hữu tình, chấp mạng giả, chấp Bổ đặc già la… Vì sao?

Thiện Hiện! Vì không thể nắm giữ pháp, cũng không thể nắm giữ phi pháp. Cho nên, Như Lai mật ý nói pháp môn dụ như chiếc bè. Này những người trí, pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp”.

Nếu chấp thủ pháp tướng tức còn chấp ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Cũng vậy, khi tâm còn thủ chấp dù chấp pháp hay phi pháp thì vẫn còn ở trong vòng trói buộc của nhị nguyên đối đãi, dấu hiệu của tâm phân biệt chưa tiêu. Bởi vậy, Phật dạy nên coi giáo pháp của Ta như chiếc bè dùng để sang sông. Khi sang được bờ giác ngộ bên kia rồi thì chánh pháp còn phải bỏ huống chi phi pháp. Vì nếu còn giữ lấy tức còn chấp thủ, còn chấp thủ thì không thể gọi là thật giác. Muốn tâm an định, Phật bảo pháp hay phi pháp đều phải bỏ. Nó chỉ là phương tiện đưa người sang sông, sang sông thì phải quên đò. Cũng giống như người mắc bệnh dùng thuốc, khi bệnh lành thì thuốc cũng phải bỏ, nếu tiếp tục dùng thuốc lại sanh thêm bệnh khác!

Đoạn văn trên nói: Được phước đức vô lượng như thế là do đâu? Là do những chúng sanh kia thấu rõ tứ đại là giả hợp, bản lai vốn không, bốn tướng cũng không. Vả lại, năm uẩn như huyễn hóa, sáu trần không thật. Tướng pháp là không, tướng phi pháp cũng không, tâm lặng lẽ trong suốt, thì còn gì mà chấp nữa. Chúng sanh đó thấy ngã pháp đều không, tâm không còn quái ngại, cái bệnh chấp “không” cũng không còn. Tới đó mới được rỗng rang tự tại.

Tóm lại, ***đây là phá chấp chớ không phải phá pháp****. Có chấp là có dính mắc, nếu không chấp thì pháp nào cũng tốt hết. Pháp đâu có lỗi. Lỗi là do phân biệt, chấp trước. Nên TT. Thích Đông Phương nói:* “Chấp pháp là chấp **có**, chấp phi pháp là chấp **không**, chấp **có** chấp **không** là nhị nguyên. Pháp Phật bất nhị. Nên không chấp hai bên thì tương ưng với Bát Nhã. Đó là “thầm hợp” với Như Lai, do đó Như Lai biết hết, thấy hết những chúng sanh đó không sót. Chỗ đó nhà thiền gọi là ấn tâm, không cần đem vô phòng kín, giăng màn rồi mới ấn tâm, chỉ ngay một niệm thanh tịnh đó, lìa tướng “có không” thì liền được ấn tâm, ngay đó thấy Như Lai rõ ràng”.

*Cư sĩ Giang Vị Nông nói: “*Chữ pháp trong trong câu “pháp thượng ưng xã” là trỏ những pháp lục trần mà nói; chữ phi pháp trong câu “hà huống phi pháp” là trỏ pháp phi hữu phi vô mà nói. Vì chưng lấy nghĩa hết

thảy pháp chẳng sanh mà Bát Nhã sanh, chỗ gọi hai bên chẳng thủ, là quán triệt tận đáy. Nên chính ngay lúc độ, phải trừ cái diệt hữu diệt vô. Đã được diệt độ thì chẳng những pháp diệt hữu diệt vô bỏ đi mà cả đến phi hữu phi vô cũng vứt nốt, mới thành ra Như Lai của chư Pháp nhất như. Đây chính là chỗ thường thuyết của chư Phật. Như Thế Tôn, Ngài cũng vậy, mặc áo ăn cơm biểu thị giống phàm phu; tiếng nói, tướng đẹp nghiễm nhiên đầy đủ, đến đây sanh tử, Niết bàn, hai bên đều chẳng trụ. Hữu ư vô ư? Diệc hữu diệc vô ư? Phi hữu phi vô ư? Tứ cú đều chẳng thể nói. Hai câu "bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp" là yếu chỉ cần thiết vậy".

Bậc liễu đạo hiểu rằng: Thủ ở đây có nghĩa là nương tựa, nắm giữ, như chim tựa cành, như dây leo nương dậu, không thoát khỏi ba cõi, sáu đường, vì bị tướng che, nên không thể nào chuyển được pháp mà trái lại bị pháp chuyển. Lục Tổ bảo rằng: "Pháp nào cũng thông, pháp nào cũng đủ mà không thể có được một pháp nào, đó là bậc Tối thượng thừa, niệm nào niệm nào cũng thành diệu huệ. Như thế mới vận dụng hết thảy các pháp". *Vấn đề còn lại là* ***xả chấp, buông bỏ hay phủi sạch mà thôi****. Giáo pháp Bát Nhã nói về "Không" ở đây, chẳng qua là một bài triết học nói về xả trừ , phóng xả không hơn không kém.*

Trong Trung Bộ Kinh, Phật giảng rộng như sau: "Này các thầy Tỳ khưu, lời ta dạy ví như chiếc bè, để đưa qua sông, không phải để cất giữ. Hãy nghe nhớ kỹ lời ta đây. Ví như có người suốt ngày đi đường nhọc mệt gặp phải một con sông rộng nước sâu; bờ sông bên này đầy lo sợ và hiểm nghèo, còn bờ bên kia thì yên ổn, không sợ sệt, nhưng không có ghe thuyền đưa qua sông, mà cũng không có cầu bắt nối hai bờ. Ví như người ấy nghĩ bụng như vậy: Quả thật sông thì rộng nước thì sâu, bờ bên này đây lo sợ và hiểm nghèo, còn bờ bên kia thì yên ổn không sợ sệt; nhưng không có thuyền mà cũng không có cầu đưa ta qua bờ bên kia. Sao ta không thử lượm lặt những lau sậy, những que cành chà lá kết lại làm bè xem sao? Rồi ngồi trên bè, ta dùng tay dùng chân làm chèo, chèo êm qua bờ bên kia. Theo đó, nầy các Tỳ khưu, ví như người ấy lượm lặt những lau sậy, những que cành chà lá, kết lại làm bè, rồi dùng tay dùng chân làm chèo, chèo êm qua bờ bên kia. Bấy giờ, sông qua rồi, bờ đến rồi, ví như người ấy nói vầy: Quả thật chiếc bè ấy đã giúp tôi nên việc lớn. Nhờ nó chở tôi, và tôi dùng tay dùng chân làm chèo, tôi mới qua êm được đến bờ bên kia; bây giờ

phỏng như tôi đội chiếc bè trên đầu hoặc mang nó trên vai, và cứ thế mà lên đường đi đâu tùy thích? Các thầy Tỳ khưu nghĩ sao? Người ấy dùng bè như vậy có khôn ngoan không?

Bạch Ngài, nhất định là không.

Vậy, nếu là người khôn ngoan, người ấy phải xử trí làm sao với chiếc bè? Nầy các Tỳ khưu, người ấy nên nghĩ như vầy: Quả thật chiếc bè ấy đã giúp tôi nên việc. Nhờ ngồi trên bè, và chèo bằng tay chân, tôi qua êm được bờ bên kia. Giờ đây, nếu tôi bỏ lại chiếc bè ấy bên bờ, hoặc vứt mặc nó chìm xuống nước, và tôi lại tiếp tục lên đường? Các thầy tì khưu, nếu làm như vậy, người ấy đáng là người khôn ngoan khéo xử trí với chiếc bè.

Cũng như vậy đó, các thầy Tỳ khưu, giáo pháp tôi dạy các thầy ví như chiếc bè, cốt để đưa qua không phải để mang giữ. Thấu rõ ví dụ ấy, thì đối với pháp, các thầy còn phải xả thay huống chi phi pháp".

Bởi vậy, các thầy Tỳ khưu ơi, dù là sắc chất nào *(rupam: vật chất hoặc thể xác)* dù ở quá khứ, vị lai hay hiện tại, dù ở trong hay ở ngoài, dù thô hay tịnh, dù tiện hay quí, xa hay gần, sắc nào cũng phải quán thấy đúng như thực trong ánh sáng của chính trí, nghĩa là quán thấy như vầy:

"Cái này không phải là của tôi,
Tôi không phải là cái nầy,
Cái này không phải là tự ngã của tôi".

Bốn uẩn *(khanda)* còn lại là thọ *(vedana: cảm giác)* tưởng *(sanna: khái niệm)* hành *(sankhara: căn bản tạo tác)* và thức *(vinnanam: ý thức)* cũng như vậy đó. Người nào quán thấy thế gian như vậy thì lìa thế gian, và như thế là thoát ly tất cả dục vọng tai hại, chứng đến tự do. Đó là người gạt bỏ chướng ngại xong, hào lũy lấp cạn hết, là người đã bạt trừ, đã tự do, đã hoàn tất cuộc chiến, đã trút bỏ gánh nặng, đã giải thoát.

Nói tóm lại, người ấy có tất cả đức tính của bậc Đại Giác, đức tánh thành tựu trong sự phối hợp nhịp nhàng giữa ý chí và tri thức.

Kinh Sutta Nipata nói: "Ta đã đóng xong chiếc bè chắc chắn, ta đã đến tận Niết bàn, ta đã qua bờ bên kia, chiến thắng dòng cuồng lưu tham dục; ta không còn dùng chiếc bè vào việc gì nữa, vậy trời muốn mưa cứ mưa".

Thật là một bài pháp thật giản dị, nhưng không kém phần sâu sắc. Vậy, phải biết chẳng có gì quý báu cần phải nắm giữ cất giấu nữa: Pháp còn phải bỏ hiến chi phi pháp, sang sông thì phải quên đò!

---o0o---

Phật phá cái chấp "Như Lai có chứng đắc quả Vô Thượng Bồ đề và thuyết pháp?

"Phật lại bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có chút pháp nào Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng được Vô Thượng Bồ đề chăng? Có chút pháp nào Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nói chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật đã nói, không có chút pháp nào Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng không có chút pháp nào là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nói ra. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì pháp mà Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã chứng, đã nói, đã tư duy đều không thể nắm giữ, không thể tuyên thuyết, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì sao? Vì các Hiền Thánh, chúng sanh đều là sự hiển hiện của pháp vô vi".

Sau 49 ngày thiền định, khi sao mai vừa mọc, Phật đắc tam minh, ngũ nhãn, lục thần thông, hàng phục ma quân, đoạn trừ tất cả tập khí phiền não tương tục, trở thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Rồi từ đó Ngài chu du khắp phân nửa xứ Ấn, thuyết pháp độ sanh suốt 45 năm trước khi nhập Niết bàn. Nhưng tại sao Phật lại hỏi Thiện Hiện: Như Lai có được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không? Như Lai có thuyết pháp không? Và cụ thọ Thiện Hiện lại trả lời: Không.

Cụ thọ Thiện Hiện từng theo Phật tu học bao nhiêu năm mà tại sao không biết việc đó. Câu trả lời của cụ thọ có nghĩa là Phật không chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chỉ là danh tự ngôn thuyết. Trong phẩm "Chân như", Q.323, Hội thứ I, ĐBN, Thiện Hiện bạch Phật: "(…)Nếu năng tin hiểu, không có pháp năng

chứng, không có pháp sở chứng, không có xứ chứng, không có thời chứng, cũng không do đây mà có sở chứng, thời năng tin hiểu Vô thượng Bồ đề của chư Phật. Nếu **chứng biết**, không có pháp năng sở, nơi chốn, thời gian… hay do đây mà được chứng, thời có thể chứng được sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Bạch Thế Tôn! **Vì tất cả pháp đều rốt ráo rỗng không.** Trong rốt ráo không, đều không có pháp khá gọi là năng chứng, khá gọi sở chứng, khá gọi xứ chứng, khá gọi thời chứng, khá gọi do đây mà có sở chứng. Vì sao? Các pháp đều không, hoặc tăng hoặc giảm đều vô sở hữu, đều bất khả đắc".

Vô sở hữu, bất khả đắc ở đây có nghĩa là đừng lấy cái tâm tu hành mà mong cầu nắm bắt. Không có gì để chiếm giữ, không có gì để chứng đắc nên nói là vô sở hữu, bất khả đắc. Bát Nhã ở đây phá cái chấp về danh tự ngôn ngữ. Quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng là danh tự do người đặt ra, có tên để gọi, nên nó cũng thuộc về danh tự ngôn ngữ. Nó là cái vỏ bên ngoài, người ta gán cho mình, không thuộc về mình. Nếu người ta có thể gán cho mình(nhãn hiệu) thì người ta cũng có thể lột ra được. Cái thầm ngộ, tự chứng là cái thuộc về nội tâm, làm sao thấy được mà lột mà gỡ. Chỉ có mình tự ngộ, tự chứng. Ở đây Phật phá cái chấp về danh tự ngôn ngữ, chứ không phá pháp.

Đó là nói về chứng đắc. Còn nói về thuyết pháp: Phật cũng từng nói pháp 45 năm, nhưng cũng phủ nhận là không có nói một chữ, vì pháp tự nhiên thành, pháp tự pháp trụ. Trong Kinh Lăng Già, Phật nói kệ:

"Từ đêm Ta thành Đạo
Đến khi nhập Niết bàn
Ở trong khoảng giữa ấy
Ta trọn không có nói
Duyên tự pháp trụ
Nên Ta nói thế ấy".

Pháp của Phật không do tư duy, suy tưởng mà do Phật tự thấy tự chứng rồi nói lại cho người. Tất cả pháp đều sẵn có trong trời đất, Phật không "chế" ra, không phải Phật ra đời mới có, khi Phật chưa ra đời thì không. Vì vậy, Kinh thường nói các pháp mầu Phật đạo không do Phật làm ra, không do Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn hay trời người làm ra…

*Nếu các pháp do người khác làm ra thì các pháp đó cũng thành sanh diệt, do tạo tác mà thành, thì cũng là hư vọng, không thể tu không thể chứng. Nếu nói là **"duyên tự pháp trụ"**, tức là các pháp tự có chứ không phải ai nghĩ ra, chế ra.*

---o0o---

Phật nói công đức thọ trì Kinh này nhiều hơn bố thí thất bảo.

"Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu thiện nam, hoặc thiện nữ nào đem bảy báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới mà bố thí, thì thiện nam tử, hoặc thiện nữ này nhờ nhân duyên đây được số phước nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều. Nhờ nhân duyên đây nên thiện nam, thiện nữ này được phước rất nhiều. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì số phước đức mà Như Lai nói là chẳng phải phước đức, cho nên Như Lai nói là số phước đức.

Phật lại bảo Thiện Hiện:

- Thiện Hiện! Nếu có thiện nam, hoặc thiện nữ đem bảy báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí, và nếu có thiện nam, hoặc thiện nữ đối với pháp môn này, cho đến bốn câu kệ mà thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì do nhân duyên đây số phước được nhiều hơn trước vô lượng, vô số. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều từ Kinh đây mà ra, chư Phật Thế Tôn đều sanh từ Kinh đây. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì pháp chư Phật mà Như Lai nói là chẳng phải pháp chư Phật. Cho nên Như Lai nói là pháp chư Phật".

Bảy báu là thứ khó tìm mà dùng bảy báu đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới để bố thí thì phước đức có được làm sao kể xiết. Nhưng nếu có người thọ trì Kinh này rồi giảng nói cho người khác nghe, từ một quyển, nửa quyển hay ít nhất là bốn câu kệ thì công đức của người này hơn người

trước vô lượng vô số vô biên. Tại sao? Vì bố thí tài vật: Cơm ăn, áo mặc… chỉ là giúp ích về vật chất cấp thời đem lại no ấm cho con người, giải quyết được phần nào cái khổ não về vật chất. Nhưng bố thí pháp (pháp thí) dù ở trong phạm vi nhỏ hẹp cũng có thể giúp con người có cuộc sống an vui, giải thoát những phiền muộn của cuộc sống thế tục; trong phạm vi lớn hơn thì cứu thoát người ra khỏi luân hồi sanh tử; cao hơn nữa thì giúp con người thành Bồ Tát, thành Phật cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi sanh tử hay vào Niết bàn.

Kinh này giải bày diệu lý chân như thật tướng, bao gồm giáo lý hạnh quả. Chẳng những tự mình thọ trì có thể tiến đến cực quả, mà còn giúp cho người khác thọ trì, khiến họ phát Bồ đề tâm tu hành chánh hạnh, chứng căn bản trí và hậu đắc trí mà thẳng đến quả Bồ đề. Rồi những vị đã thành đạt lại giáo hóa, cứu độ kẻ khác cũng như vậy theo cấp số nhân. Cho nên Kinh này được coi là mẹ của tất cả chư Phật, chư Bồ Tát. Giáo lý của Kinh này tuyệt đối vô thượng lẽ dĩ nhiên, những ai thọ trì phải được phước đức không thể tính lường nói chi đến việc so sánh với người bố thí bảy báu.

Nhưng Bát Nhã không năng sở, ngoài vòng đối đãi, không thể luận bàn. Cho nên nói không có người thuyết, không có người nghe, không có pháp bị thuyết. Tất cả đều không, chỉ dùng lời nói để khiển trừ lời nói, nên tạm gọi là pháp Phật. Nếu còn thấy Ta là người nói pháp, chúng sanh là người nghe và có pháp do Ta thuyết, tức năng sở chủ khách vẫn còn nguyên, vọng chấp chưa tiêu làm sao chứng Bát Nhã Trí. Vì thế, Phật bảo Thiện Hiện: ***Pháp Như Lai thuyết chẳng phải pháp chư Phật.***

HT Thích Thiện Hoa trong Phật Học Phổ Thông, khóa XII, sơ lược về Kinh Kim Cương, nói như sau: "Từ hồi nào đến giờ, tất cả pháp không phải sắc, không phải tâm, không phải trí không phải thức v.v… chỉ vì chúng sanh vọng chấp phân biệt, so sánh đối đãi với nhau mà thành ra thế này hay thế kia như đối với hữu thì nói là vô, đối với sắc thì gọi là tâm, đối với thức thì gọi là trí, đối với cao thì gọi là thấp, đối với lớn gọi là nhỏ, đối với tốt gọi là xấu v.v… Nếu chúng sanh xa lìa vọng chấp thì không có pháp gì gọi được *(tức thuyết được)*. Lúc bấy giờ hành giả mới thấy rõ các pháp không thể kêu gọi *(ly danh tự tướng)*, không thể nói năng luận bàn *(ly ngôn thuyết tướng)* hay suy nghĩ được *(ly tâm duyên tướng)*".

Đó chính là yếu chỉ của Kim Cương Năng Đoạn, cắt đứt tất cả dây mơ rễ má trong ngoài để tâm được an nhiên tịch lặng.

---o0o---

Không nên chấp mình chứng bốn quả Thanh văn.

“Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các vị Dự lưu có nghĩ rằng: Ta chứng được quả Dự lưu không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Không. Các vị Dự lưu không nghĩ rằng ta chứng được quả Dự lưu. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì các vị Dự lưu không dự một chút pháp gì nên gọi là Dự lưu. Không dự sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên gọi Dự lưu.
Bạch Thế Tôn! Nếu vị Dự lưu nghĩ như vầy: Ta chứng được quả Dự lưu, tức là vị ấy chấp ngã, hữu tình, mạng giả, sĩ phu, Bổ đặc già la v.v…
Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các vị Nhất lai có nghĩ rằng: Ta chứng được quả Nhất lai không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Không. Các vị Nhất lai không nghĩ rằng, ta chứng được quả Nhất lai. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì không có chút pháp nào để chứng tánh Nhất lai, nên gọi Nhất lai.
Phật bảo:
- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các vị Bất hoàn có nghĩ rằng: Ta chứng được quả Bất hoàn không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Không. Các vị Bất hoàn chẳng nghĩ rằng, ta chứng được quả Bất hoàn. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì không có chút pháp nào để chứng tánh Bất hoàn, nên gọi là Bất hoàn.
Phật bảo:
- Thiện hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các vị A la hán có nghĩ rằng: Ta chứng được quả A la hán không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Các vị A la hán chẳng nghĩ rằng, ta chứng được tánh A la hán. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì không có chút pháp nào gọi là A la hán, do nhân duyên đây nên gọi là A la hán.

Bạch Thế Tôn! Nếu A la hán khởi nghĩ như vầy: Ta chứng được tánh A la hán, tức là chấp ngã, hữu tình, mạng giả, sĩ phu, Bổ đặc già la… Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói: Con được trụ Vô tránh tối thượng bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Dù con là A la hán lìa hẳn tham dục, song con chưa từng khởi nghĩ như vầy: Ta được A la hán lìa hẳn tham dục.

Bạch Thế Tôn! Nếu con khởi nghĩ rằng: Ta được A la hán lìa hẳn tham dục, thì Như Lai chẳng nên nói với con rằng: Thiện nam tử Thiện Hiện đắc trụ Vô tránh tối thượng bậc nhất. Vì hoàn toàn vô trụ, nên Như Lai nói là Vô tránh trụ".

Sơ giải:

Tu Tiểu thừa thì chứng được bốn quả: Tư đà hoàn(Thất lai hay Dự lưu), Tư đà hàm(Nhất lai), A na hàm(Bất hoàn) và A la hán:

- Quả thứ nhất gọi là Tu đà hoàn, còn gọi là Thất lai hay Dự lưu: Các vị này đã đoạn được kiến hoặc nhưng chưa đoạn được tư hoặc. Nên phải trở lại thế gian này bảy lần nữa để đoạn trừ 9 phẩm tư hoặc, mới thoát khỏi sanh tử. Vì vậy, gọi là Thất lai. Còn Dự Lưu có nghĩa là mới nhập vào dòng Thánh.

*- Quả thứ hai gọi là Tu đà hàm: Còn gọi là Nhất lai. Những vị này cần phải một lần nữa tái sanh để đoạn trừ tư hoặc hay tư dục ở trong nội tâm. Kinh nói dục giới có 9 phẩm tức cái thấy sai lầm về **Sự**. Tư đà hàm phải đoạn 6 phẩm, còn ba phẩm chưa đoạn hết, nên phải trở lại. Bởi tư hoặc không thể đoạn một lần thì xong. Nếu cái thấy, cái hiểu biết sai lầm mà có người hướng dẫn chỉ bảo thì có thể dứt trừ ngay được, còn cái nghiệp huân tập, cái dục trong nội tâm rất khó sửa đổi, nên gọi là nghiệp tập vi tế. Bởi thế phải công phu lâu dài.*

- Quả thứ ba gọi là A na hàm hay Bất lai. Những vị này không còn trở lại nữa sau khi đoạn trừ hết 9 phẩm tư hoặc, đoạn hết 9 phẩm thuộc về

Dục giới này liền lên cõi Trời Ngũ A Na Hàm thiên, ở đó rồi vào Niết bàn, không sanh trở lại Dục giới nữa, nên gọi là Bất lai.

- Quả thứ tư là A la hán: A la hán có nghĩa là:

1- Sát tặc: Tức dứt sạch mọi phiền não;

2- Ưng cúng: Bậc giải thoát được nhơn thiên cúng dường;

3- Vô sanh: Tức không còn tái sanh nữa.

Ở đây nhằm nghĩa thứ ba là vô sanh. Trong Tứ Thập Nhị Chương có chép: Tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng. Nghĩa là tu không chấp vào mình tu, thế mới gọi là tu. Chứng không chấp vào mình chứng, thế mới thật là chứng. Nếu người tu và chứng đúng theo tinh thần này thì khế hợp với Bát Nhã, nghĩa là không còn vọng chấp ngã, pháp và bốn tướng, thì mới có thể nói là thật tu thật chứng(1).

Vì vậy, Thiện Hiện mới lấy mình làm thí dụ: Cũng như con đây vì không có chấp mình có tu chứng, nên mới được Như Lai cho là đắc Vô tránh tam muội, người ưa tu hạnh A lan nhã, ly dục bậc nhất.

Hạnh vô tránh là không thích tranh cãi, không tranh cãi là tức là thanh tịnh lặng lẽ. Hạnh A lan nhã, hay hạnh viễn ly, sống xa trần lìa cấu cũng có nghĩa là thích tịch tịnh. Ly dục tức không còn ham muốn, nắm bắt nữa. Nếu không ham muốn nắm bắt thì tâm tịnh. Vậy, vô tránh tam muội, hạnh A lan nhã, ly dục đều chỉ cho trạng thái hoàn toàn thanh tịnh, nên Thiện Hiện mới được Phật trao ký là bậc A la hán, là trưởng lão lý giải Tánh Không vào bậc nhất trong 10 đệ tử lớn của Phật thời bấy giờ.

Tóm lại, Vô tránh tam muội, hạnh A lan nhã hay ly dục là nói tới cái tâm tịch tĩnh của chính mình. Còn quả A la hán do cái tâm không còn sanh diệt chứ không có gì khác. Đó là cái thầm chứng. Dù cho ai thọ ký cho mình là Thất lai, Nhất lai, Bất lai, A la hán, Độc Giác Bồ đề, Bồ Tát hay quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác cũng là những danh tự bên ngoài. Nếu khởi niệm mình đã chứng đắc 4 quả tức là còn sở đắc. Còn chỗ đắc, tức có được có mất, như vậy vẫn còn nằm trong vòng sanh diệt. Có chỗ trụ tức là còn dính tướng, dính tướng thì làm sao chứng tánh.

Nên học Bát Nhã là phá chấp để ly tướng, ly tướng thì trở về với tự tánh. Vọng ngoại tìm cầu là tự dối mình dối người, nên dễ bị gạt. Kim Cương năng đoạn là vậy.

Kinh ĐBN có một đoạn Kinh cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: "Nếu năng tin hiểu, không có pháp năng chứng, không có pháp sở chứng, không có

xứ *(xứ sở)* chứng, không có thời *(thời gian)* chứng, cũng không do đây mà có sở chứng, thời năng tin hiểu Vô thượng Bồ đề của chư Phật. Nếu có chứng biết, không có pháp năng chứng, không có pháp sở chứng, không có xứ chứng, không có thời chứng, cũng không do đây mà có pháp sở chứng, thời năng chứng được sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tất cả pháp đều rốt ráo rỗng không. Trong rốt ráo không, đều không có pháp khá gọi là năng chứng, khá gọi sở chứng, khá gọi xứ chứng, khá gọi thời chứng, khá gọi do đây mà có sở chứng. Vì sao? Các pháp đều không, hoặc tăng hoặc giảm đều vô sở hữu, bất khả đắc".

Vì vậy, nếu tu mà còn thấy mình tu, thấy mình chứng là còn thấy sở cầu, sở đắc dù đó là quả vị nhỏ nhoi nhất. Còn thấy chỗ để cầu để đắc nên không bao giờ chứng đắc. Vô sở hữu, bất khả đắc mới đắc mới hiện quán. Tôn chỉ Bát nhã Ba la mật là vậy!

Thích nghĩa cho đoạn sơ giải này:

(1). Quyển 567, phẩm "Pháp Giới", Hội thứ VI, ĐBN. Phật bảo:

- "Thiên vương nên biết! Bát nhã Ba la mật xuất thế và hậu đắc trí vô phân biệt có thể chứng, có thể đắc.

- Kính bạch Thế Tôn! Nghĩa chứng và đắc có gì khác?

- Thiên vương nên biết! Bát nhã Ba la mật xuất thế có khả năng **thấy đúng như thật** nên gọi là chứng, hậu đắc trí **thông suốt** nên gọi là đắc".

Thấy đúng chơn như thật tướng thì gọi là chứng. Thông suốt tất cả pháp thì gọi là đắc. Nhưng chứng mà chẳng có gì để chứng, đắc cũng chẳng có gì để đắc, chỉ mình tự hội. Mong cầu nắm bắt như nắm bắt một làn hương! Vì vậy, Kinh Bát Nhã khuyên phải đoạn trừ kiến chấp. Vì vậy, mới có đoạn Kinh sau.

---o0o---

Phật phá cái chấp "Như Lai có đắc pháp".

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Thuở xưa, Như Lai ở chỗ đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có nắm giữ chút pháp nào không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Thuở xưa, Như Lai ở chỗ đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hoàn toàn không có chút pháp nào để nắm giữ".

Đoạn Kinh trên Phật phá cái chấp "Như Lai có chứng đắc quả Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề và thuyết pháp. Đoạn Kinh này Phật lại hỏi Thiện Hiện: Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng có đắc pháp gì không?

Theo Kinh Bổn Hành Tập và Thoại ứng: Phật Nhiên Đăng khi chưa xuất gia tên là Đĩnh Quang, sau xuất gia thành đạo có tên là Nhiên Đăng. Lúc bấy giờ, Đức Thích Ca đang ở thất địa Bồ Tát có tên là Nho Đồng cũng còn gọi là Thiện Tuệ, đang lúc sắp mãn A tăng kỳ kiếp thứ hai thì gặp Phật Nhiên Đăng nghe pháp chứng vô sanh pháp nhẫn mà nhập bát địa tức vào A tăng kỳ kiếp thứ ba. Phật Nhiên Đăng vì đó mà thọ ký: Từ đây về sau 91 kiếp, gọi là Hiền Kiếp sẽ làm Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Lịch sử là như thế. Nhưng khi Phật hỏi Thiện Hiện, Thiện Hiện trả lời: Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng hoàn toàn không có đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác.

Không phải cụ Thọ không biết Đức Thế Tôn được thọ ký từ Phật Nhiên Đăng. Trong Kinh Đại Bát Nhã, phẩm "Khen Các Đức Tướng", Q.99, Hội thứ I, Phật đã kể lại việc được thọ ký của mình trong thành Chúng Hoa trước mặt tất cả các đệ tử và các Tiên Thiên. Cụ Thọ hơn ai hết biết rõ điều đó. Nhưng tại sao cụ thọ Thiện Hiện trả lời là không. Nếu Như Lai còn chấp mình "có đắc pháp và được thọ ký", tức Như Lai còn chấp ngã (Ta được), chấp pháp (đắc pháp) thì không phải là Như Lai. Bởi thế, Thiên Hiện trả lời là Như Lai chẳng đắc pháp gì cả.

Vì Như Lai không chấp mình có đắc pháp và được thọ ký, nên không mắc vào chấp bốn tướng mà rơi vào hữu sở đắc, nên mới nhập được Bát Nhã. Như thế, mới gọi là đắc pháp và được thọ ký. Đó là ý nghĩa của vô sở trụ, vô sở đắc của Kinh này.

Phẩm "So Lường Công Đức" Q.129, Hội thứ I, ĐBN: Thiên Đế Thích bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế là Đại Ba la mật, là Vô thượng Ba la mật, là Vô đẳng đẳng Ba la mật. Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma ha tát tu hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế, tuy biết tâm hành cảnh giới của tất cả hữu tình sai khác, mà bất đắc ngã, bất đắc hữu tình, mạng

giả (*dòng sinh mạng*), sanh giả (*người sanh*), dưỡng giả (*người dưỡng dục*), sĩ phu (*người trưởng thành*), bổ đặt già la (*chủ thể luân hồi*), ý sanh (*người do người sanh*), nho đồng (*ngã tối thắng*), tác giả (*người tạo tác*), thọ giả (*người thọ*), tri giả (*người biết*), kiến giả (*người thấy*). Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc sắc, bất đắc thọ tưởng hành thức. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc 12 xứ, bất đắc 18 giới. Bồ Tát ma ha tát này cũng bất đắc địa giới, bất đắc thủy hỏa phong không thức giới (*lục đại chủng*). Bồ Tát ma ha tát này cũng bất đắc vô minh, bất đắc hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử sầu thán khổ ưu não (*Thập nhị nhân duyên*). Bồ Tát ma ha tát này cũng bất đắc bố thí Ba la mật, bất đắc tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật (*lục độ*). Bồ Tát ma ha tát này cũng bất đắc nội không, bất đắc ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô tế không, tán không, vô biến dị không, bổn tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không (*18 pháp Không*). Bồ Tát ma ha tát này cũng bất đắc chơn như, bất đắc pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới (*Thập nhị chân như*). Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc khổ Thánh đế, bất đắc tập, diệt, đạo Thánh đế (*Tứ đế*). Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc bốn tĩnh lự, bất đắc bốn vô lượng, bốn vô sắc định. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc tám giải thoát, bất đắc tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc bốn niệm trụ, bất đắc bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám Thánh đạo chi (*37 bảy pháp trợ đạo*). Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc không giải thoát môn, bất đắc vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc 5 nhãn, bất đắc 6 thần thông. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc Phật 10 lực, bất đắc 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 Pháp Phật bất cộng. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc tất cả Đà la ni môn, tất cả Tam ma địa môn. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc Dự lưu, bất đắc Nhất lai, Bất hoàn, A la hán. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc Dự lưu hướng Dự lưu quả, bất đắc Nhất lai hướng Nhất lai

quả, Bất hoàn hướng Bất hoàn quả, A la hán hướng A la hán quả. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc Độc giác, bất đắc Độc giác Bồ đề. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc Bồ Tát Ma ha tát, bất đắc pháp Bồ Tát Ma ha tát. Bồ Tát Ma ha tát này cũng bất đắc Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì **Bát nhã Ba la mật đây, chẳng phải nhân có sở đắc mà được hiện tiền vậy**. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật đều vô tự tánh, cũng bất khả đắc. Năng đắc, sở đắc 2 chỗ nương, tánh tướng đều rỗng không bất khả đắc vậy.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng: Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Vì sao? Kiều Thi Ca! Bồ Tát Ma ha tát đem vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Bát nhã Ba la mật thậm thâm hãy bất đắc Bồ đề và Tát đỏa, huống là đắc Bồ Tát. Bồ Tát này đã bất khả đắc, thì đâu đắc pháp Bồ Tát. Bồ Tát cùng pháp Bồ Tát còn bất khả đắc, huống là đắc chư Phật và pháp của chư Phật!"

Đó là giáo lý vô sở hữu, bất khả đắc của Bát Nhã: Tất cả căn trần xứ giới, 18 pháp Không cho tới tất cả các thiện pháp từ tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục độ, bốn quả Thanh văn, hoặc Độc giác Bồ đề hoặc Bồ Tát, quả vị Phật đều bất khả đắc... Nên Thiên đế Thích nói:

"Vì sao? Vì Đại Bát nhã Ba la mật đây, chẳng phải nhân có sở đắc mà được hiện tiền vậy. Vì sao? Vì Đại Bát nhã Ba la mật thậm thâm đều vô tự tánh, cũng bất khả đắc. Năng đắc, sở đắc hai chỗ nương, tánh tướng đều trống không bất khả đắc vậy".

---o0o---

Phật phá cái chấp "Bồ Tát có làm trang nghiêm cõi Phật".

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu có Bồ Tát nói lời như vầy: Ta sẽ thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật. Bồ Tát nói như thế là chẳng phải nói lời chơn thật. Vì sao? Thiện Hiện! Vì công đức trang nghiêm cõi Phật ấy, Như Lai nói chẳng phải trang nghiêm. Cho nên Như Lai nói là công đức trang nghiêm cõi Phật".

Đoạn này Phật phá cái chấp làm trang nghiêm cõi Phật. Bồ Tát làm Phật sự, giáo hóa chúng sanh, mỗi công hành đều hồi hướng Phật độ, đây

gọi là trang nghiêm. Nhưng nếu Bồ Tát còn chấp ta làm Phật sự, ta giáo hóa chúng sanh tức chấp ngã, chấp pháp… tức năng sở đây kia còn nguyên làm sao có thể trang nghiêm, thanh tịnh cõi Phật.

Phải chăng Bát Nhã đưa ra một phản biện ngược đời: "Không trang nghiêm mới chính là trang nghiêm?" Thông thường người ta gọi đại Bồ Tát trang nghiêm, có nghĩa nói một cách nghiêm chỉnh rằng Bồ Tát hiện thân ở cõi này mục đích là làm cho cõi này mỗi ngày mỗi tươi đẹp hơn lên, mỗi ngày mỗi thanh tịnh trong sáng hơn lên vì muốn cõi nước này không còn phiền não, khốn khổ nữa. Nói khác, là Bồ Tát muốn tạo một mô hình hoàn hảo, đầy trang nghiêm mà tất cả các cõi nước khắp Tam thiên hằng ngưỡng mộ. Bồ Tát mới an trụ trong Bát nhã Ba la mật, dạy chúng hữu tình thực hành lục Ba la mật, tứ niệm xứ, 18 pháp bất cộng cho đến Nhất thiết trí để thành thục chúng sanh và thanh tịnh quốc độ. Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm. Kinh Ma Ha Bát nhã Ba la mật Đa do nhóm của Ngài La Thập dịch, cũng nằm trong Hội thứ II do Phật thuyết, quyển thứ 05, diễn đạt như sau:

"Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Theo con hiểu ý Phật nói thời đại Bồ Tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm. **Vì các pháp tự tánh rỗng không vậy**".

Đức Phật nói: "Phải lắm, đúng như lời ông nói. Nầy Tu Bồ Đề! Nhất thiết trí chẳng phải là tác pháp, chúng sanh cũng chẳng phải là tác pháp. Đại Bồ Tát vì chúng sanh này mà đại trang nghiêm. Tại sao? Vì tác giả bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nhất thiết trí chẳng phải là pháp làm ra, sanh ra, chúng sanh này cũng chẳng phải pháp làm ra, sanh ra. Tại sao? Vì sắc chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra; ngã nhơn nhẫn đến tri giả, kiến giả chẳng phải làm ra, chẳng phải chẳng làm ra.

Tại sao vậy? Vì các pháp rốt ráo bất khả đắc vậy".

Đây không phải là một phản biện nghịch đời. Vì Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa quan niệm rằng: Các pháp tự tánh rỗng không, cho đến Nhất thiết trí cũng chẳng phải là tác pháp, chúng sanh cũng không phải là tác giả. Bồ Tát vì chúng sanh này mà đại trang nghiêm. Tại sao? Vì tác giả bất khả đắc, vì tất cả pháp rốt ráo cũng bất khả đắc. Nên trang nghiêm mà không thấy năng sở thì mới thật là trang nghiêm!

Giáo pháp của Bát Nhã tánh Không là: Các pháp tự tánh rỗng không, vô sở hữu, bất khả đắc. Đó cũng chính là giáo pháp vô trụ vô trước vậy. Đoạn kế sẽ nói tiếp giáo pháp này.

---o0o---

Phật dạy: "Đừng sanh vọng tâm trụ chấp nơi nào".

"Vậy nên, Thiện Hiện! Bồ Tát nên sanh tâm hoàn toàn vô trụ như vậy. Nên sanh tâm chẳng trụ sắc, nên sanh tâm chẳng trụ phi sắc. Nên sanh tâm chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp; nên sanh tâm chẳng trụ phi thanh, hương, vị, xúc, pháp. Hoàn toàn sanh tâm vô trụ như thế".

"Đừng sanh vọng tâm trụ chấp nơi nào". *Đây là câu nói thời danh mà Lục Tổ chứng nhập. Khi xưa Lục Tổ Huệ Năng nghèo dốt làm nghề đốn củi nuôi thân và phụng dưỡng mẹ già. Một hôm, ông gánh củi đến bán cho một phú ông, trong khi ngồi đợi để giao hàng nghe phú ông tụng Bát Nhã tới câu* **"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"** *liền hoát ngộ, nên mới hỏi phú ông là tụng Kinh gì mà hay quá vậy? Phú ông mới cho biết là tụng Kinh Kim Cang. Phú ông lại nói thêm ở chùa Đông Thiền huyện Huỳnh Mai có Ngũ Tổ tên là Hoằng Nhẫn thường khuyên kẻ Tăng người tục trì tụng Kinh này thì thấy tánh, thành Phật. Nghe tới đó, chàng tiều phu trẻ tuổi có ý định đi tu, nhưng còn mẹ già không ai phụng dưỡng, nên không biết tính sao. Phú ông nghe tâm sự như vậy, mới đề nghị: Vậy ngươi nên đốn củi thật nhiều, ta sẽ trả vàng cho để nuôi mẹ. Lục Tổ làm việc vất vả, tìm đủ số vàng nuôi mẹ, mới theo lời chỉ dẫn của phú ông lần đến thôn Hoàng Mai, gặp Ngũ Tổ học đạo. Sau đó chứng ngộ và được Ngũ Tổ truyền y bát làm Tổ thứ sáu. Đó là tóm tắt cái duyên chỉ nghe câu "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" mà trở thành đại ngộ(1).*

Đừng sanh vọng chấp do sáu trần lôi cuốn mà sanh chấp ngã, chấp pháp, chấp các tướng… rồi bị phiền não. Phiền não sẽ sanh các lậu hoặc, do lậu hoặc mà gây tạo tác, vì tạo tác mà phải thọ quả, nên phải luân hồi trong sáu nẻo. Nếu không trụ chấp nơi sáu trần hay bất cứ thứ gì khác… tâm sẽ an tịnh thì không tạo nghiệp, không tạo nghiep thì không bị lưu

chuyển trong luân hồi sanh tử. Đó là pháp tu của Đại thừa đốn giáo, rất giản dị nhưng mang nhiều hiệu quả trong việc "hàng phục vọng tâm và an trụ chân tâm".

Phần "Bát nhã Ba la mật", quyển 600, Hội thứ XVI, ĐBN. Phật bảo:

"Chẳng phải tất cả các pháp có nghĩa khá trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không nắm giữ. Bởi không nắm giữ nên không thể trụ được. Nếu tất cả pháp có thể trụ, thì có thể thị hiện đây là pháp có thể nắm giữ, đây là pháp thường trụ. Như Lai cũng có thể an trụ vào các pháp, thị hiện các pháp, đây là pháp có thể nắm giữ, đây là pháp có thể tích tập.

Vì tất cả pháp không thể an trụ, không thể nắm giữ, cũng không thể tích tập, cho nên **không có pháp nào là thường trụ**. Do đó mà Như Lai không an trụ vào pháp nào, cũng không thị hiện đây là pháp có thể nắm giữ hay đây là pháp có thể tích tập".

Giáo lý này được thuyết rất nhiều lần, nên chúng ta hiểu có trụ là có quái ngại, nhất là trụ vào nhị pháp thường đoạn, được mất, có không v.v... Nhưng Kinh nhiều lần nói: Chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Nếu không trụ vào chơn như pháp giới, chẳng trụ vào Bát nhã Ba la mật thì làm sao tu hành, làm sao đắc quả? Trụ cứ trụ nhưng đừng dính ngã, ngã sở vào đó. Nếu cho Ta có khả năng trụ vào chơn như pháp giới hay bất cứ pháp nào được xem là mang lại nhiều công đức nhất... Do chấp ngã và ngã sở làm nhiễu loạn sự an trụ này, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí.

Muốn được như vậy thì không nên trụ chấp bất cứ thứ gì. Trụ trong chữ trụ xứ. Trụ là trú, là ở; xứ là nơi chốn. Nói nôm na trụ xứ là chỗ ở, chỗ trú. Trong nhà Thiền hay trong văn chương Phật đạo thường dùng những danh từ như bổn trụ, y chỉ, tông phong, sở ngộ… nó mang màu sắc tinh thần nhiều hơn là chỗ ở, chỗ che nắng đụt mưa thường ngày. Trụ xứ đó chính là địa bàn hoạt dụng của các đạo gia mà địa bàn đó là ***vô sở trụ****. Đó là cái kỳ đặc ngược đời trong cuộc sống tâm linh của các Bồ Tát.*

Phật dạy: "Bồ Tát nên sanh tâm hoàn toàn vô trụ như vậy. Nên sanh tâm chẳng trụ sắc, nên sanh tâm chẳng trụ phi sắc. Nên sanh tâm chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp; nên sanh tâm chẳng trụ phi thanh, hương, vị, xúc, pháp. Hoàn toàn sanh tâm vô trụ như thế".

Trong Tương Ưng Bộ Kinh, phần Phật tự thuyết có ghi: "Trong cái thấy không có nắm tướng chung, không có nắm tướng riêng. Trong cái nghe chỉ là cái nghe, không có nắm tướng chung, không có nắm tướng riêng v.v…" *Có thấy có nghe mà không sanh vọng tâm chấp vào cái thấy nghe tức không trụ ở sắc hay thanh thì tâm không động. Đối với chúng sanh tâm lúc nào cũng sanh khởi theo hình sắc danh tướng... Tâm càng sanh thì càng khổ. Nên Phật khuyên đừng bám trụ vào đâu mà sanh tâm, thì mới làm chủ trọn vẹn được chính mình.*

Trong Bát Nhã Bát Thiên Tụng, tương đương với Tiểu Bản Bát Nhã của do nhóm của Ngài Huyền Trang soạn dịch, có câu: "Tâm Như Lai không trụ bất kỳ đâu, không trụ trên các pháp hữu vi, không trụ trên các pháp vô vi, và do đó không rời khỏi sở trụ".

Kinh Duy Ma cũng có đoạn: "Bồ đề không trụ, do đó không chứng" hay "nương theo cội nguồn không trụ mà các pháp được thành lập".

Kinh Lăng Nghiêm lại nói: "Những vị Bồ Tát như thế lấy tất cả cõi Phật làm trụ xứ, nhưng không dính mắc vào trụ xứ này, vì vốn không thể thấy, không thể chứng".

Trong Thiền luận III, *Thiền sư D.T. Suzuki viết như sau:*

"Khi chúng ta bảo rằng trụ xứ của Bồ Tát quả thực là không trụ xứ, rằng Bồ Tát cố định ở chỗ không cố định, rằng lang thang hay lơ lửng như những cụm mây trời không cần có hậu cứ, nói như thế có vẻ không nói gì hết. Nhưng đó là đường lối của những nhà Đại thừa Phật giáo đã tự luyện tập trong đời sống hành đạo của họ; không thể áp dụng những định luật tiêu biểu của pháp thức suy luận vào đó".

Vì vậy, Thiền sư mới nói: "Khi có trụ điểm cố định, ở đâu đó, dù ở trong Bát nhã, đấy là một kết quả nó trói buộc chúng ta, và chúng ta không còn độc lập trong tri thức, đạo đức hay tâm linh. Bát nhã Ba la mật như thế dạy chúng ta quét sạch mọi trụ điểm cố định có thể có, hay quét sạch mọi vọng tưởng. Khi đạt được thế giới không còn những vọng tưởng, đấy là vô trụ xứ hay trụ trong Tánh Không. Phật hay Bồ Tát nói ra giáo pháp của mình từ chỗ vô trụ xứ đó; cho nên, trong đó, không có người thuyết, không có pháp được thuyết cũng không có người nghe thuyết".

Phẩm "Hiện Tướng", Q.570, Hội thứ VI, ĐBN. *Nói:*

1- "(...)Vì đại Bồ Tát này hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã sâu xa, **tâm không có chỗ duyên cũng không có chỗ trụ**. Thí như có người sanh cõi Vô sắc, trong tám vạn đại kiếp chỉ có một thức, không có chỗ trụ cũng không có chỗ duyên. Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã sâu xa như vậy, tâm không có chỗ duyên cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì các Bồ Tát này, tâm không hành cũng không có chỗ hành, tâm không tưởng cũng không có chỗ tưởng, tâm không duyên cũng không có chỗ duyên, tâm không dính mắc cũng không có chỗ dính mắc, tâm không loạn cũng không có chỗ loạn, tâm không cao thấp, tâm không thuận nghịch, tâm không buồn, không vui, không phân biệt, lìa phân biệt, lìa Xa ma tha, Tỳ bát xá na, tâm chẳng theo trí, tâm chẳng trụ nơi mình cũng chẳng trụ nơi khác, chẳng nương vào mắt mà trụ, chẳng nương vào tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà trụ, chẳng nương vào sắc mà trụ, chẳng nương vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà trụ. Tâm chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở hai bên. Tâm chẳng duyên pháp cũng chẳng duyên trí, chẳng trụ 3 đời cũng chẳng lìa 3 đời".

Đó là chỗ cao tuyệt của tu hành. Muốn được như vậy thì phải gia công tập luyện thôi.

2-"(...) Trí tuệ của các Bồ Tát này không trụ hữu vi, không trụ vô vi; không trụ các uẩn và các xứ, các giới, không trụ trong, ngoài và hai bên; không trụ thiện, ác và thế gian hay xuất thế gian; không trụ nhiễm, tịnh, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi; không trụ ba đời và lìa ba đời; không trụ hư không, trạch diệt, phi trạch diệt. Các Bồ Tát này hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã sâu xa, tuy tâm thường vô trụ như vậy, nhưng thông đạt tánh tướng các pháp; dùng trí vô ngại, vô công dung hạnh, tuyên thuyết các pháp thường tại tịch tĩnh, làm việc giáo hóa không có ngừng nghỉ. Nguyện lực đời trước của các Bồ Tát ấy vững mạnh, vô công dụng hạnh, vì người khác mà nói pháp. Các Bồ Tát ấy nhờ phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật nên thường không kinh sợ. Vì sao? Vì hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm có thần Chấp Kim Cang thường luôn đi theo bảo vệ".

Cái khó là biết tất cả các pháp dù mang nhiều công đức nhất mà không được trụ chấp. Vì mỗi khi có sở trụ là có dính mắc. Có dính mắc là có quái ngại thì không phải là chân trụ. Đó mới gọi là khó!

Kết luận:
(cho đoạn Kinh này)

Cư sĩ Giang Vị Nông nói: "Hiểu rõ chân thật nghĩa của vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, thì chỗ bảo là sanh là nhậm vận tự nhiên mà sanh, chỗ bảo là trụ ấy là không ngại gì tùy duyên mà trụ. Tùy duyên mà trụ là vô tâm ở cái trụ, tuy trụ mà không có chỗ trụ. Nhậm vận tự nhiên mà sanh, là pháp nhĩ hiển hiện như thế, nói sanh mà thực không có chỗ sanh. Quả nhiên, có thể như thế, thì pháp nào cũng đều hiển lộ ra vô trụ chân tâm, vật nào cũng là Bát Nhã thật tướng. Như chỗ Cổ đức nói: "Trần trần là báu, chỗ chỗ gặp nó".

Cho nên cụ thọ Thiên Hiện trước đây lúc thấy Thế Tôn mặc áo, cầm bình bát khất thực, đi ra đi về, hiển được diệu đế vô sở trụ, liền từ trong đại chúng đứng ra tán thán: "Hi hữu thay Thế Tôn! Thiện hộ niệm, thiện phó chúc" mà thỉnh vấn kẻ phát đại tâm phải làm sao mà trụ, làm sao hàng phục? Thế Tôn nhân dịp này ấn chứng: "Thiện hộ niệm, phó chúc, phải như chỗ ngươi nói mà trụ như thế, mà hàng phục như thế".

Phẩm "Đa Vấn Bất Nhị", Q.363, Hội thứ I, ĐBN. Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Nếu vậy, Đại Bồ Tát do trụ chỗ nào mà chứng thật tế?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao? Ông có do trụ đạo mà hết các lậu, tâm được giải thoát chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Thiện Hiện! Ông do trụ phi đạo mà được hết các lậu, tâm giải thoát chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Thiện Hiện! Ông do trụ đạo phi đạo mà được hết các lậu, tâm giải thoát chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Thiện Hiện! Ông do trụ phi đạo phi phi đạo mà được hết các lậu, tâm giải thoát chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không! Chẳng phải con có trụ mà được hết các lậu, tâm vĩnh viễn giải thoát. **Nhưng con hết các lậu, tâm được giải thoát là hoàn toàn không trụ vào đâu.**

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát cũng như thế, tu hành Bát nhã Ba la mật hoàn toàn không trụ vào đâu mà chứng thật tế".

Có trụ thì không chứng, vô trụ mới chứng. Giáo lý này có thể tìm thấy trong bất cứ quyển Kinh nào thuộc hệ Bát Nhã.

Tất cả giáo lý vô trụ quan trọng được dẫn chứng trên như là một chuỗi ngọc vô giá cho hành giả Bát Nhã, phải cố gắng nghiền ngẫm để tự thâm nhập như Lục Tổ thôi.

Thích nghĩa cho đoạn Kinh này:

(1). Truyền thuyết này trích trong Kinh "Kim Cang Giảng Giải" của HT Thích Thanh Từ.

---o0o---

Phật phá cái chấp "Thân thể lớn như núi Tu di".

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như có người nam thân thể to lớn, giả sử sắc thân của vị ấy như núi chúa Diệu Cao. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Thân thể của vị ấy có to lớn không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế tôn! Thân thể của vị ấy rất to lớn. Bạch Thiện Thệ! Rất to lớn! Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì thân thể của vị ấy, Như Lai nói là chẳng phải thân thể của vị ấy, nên gọi là thân thể. Chẳng vì thân thể ấy mà gọi là thân thể".

Chúng ta nghe HT Chí Công đã nói ở trên: "Trong thân có tướng là thân vô tướng, trên đường vô minh là đường vô sinh". *Báo thân là thân có tướng do cha mẹ sanh, có thành có hoại tức có sống có chết, giả hợp do tứ*

đại tạo thành, nên có thể thấy lớn thấy nhỏ. Vì vậy, Thiện Hiện trả lời thân vị ấy lớn lắm. Lớn như núi Tu di nên mới nói là lớn. Vì cái lớn nhỏ này có thể thấy bằng mắt trần, so sánh được, phân biệt được.

*Nhưng **pháp thân là thân vô tướng**, không do cha mẹ sanh, không thành không hoại, không có hình tướng, không có số lượng, nên Ngài Phó Đại sĩ mới nói:* "Có hình trọn chẳng lớn, không tướng mới là chân". *Thấy tướng cho là lớn nhỏ tức bị tướng che. Tướng che vì tưởng mà sanh vọng, vọng là hư tức không phải chân. Thấy tướng mà lìa tướng liền được cái chân thật hiện tiền, nên nói là chứng tánh.*

*Đoạn Kinh này **phá cái chấp về thân tướng** để tự mình soi lại cái thân tướng giả hợp này để đừng tưng tiu chiều chuộng, quá lo lắng về nó mà quên đi những giá trị tinh thần khác. Thấy tướng mà ôm cứng lấy tướng thì bị tướng che nên không thấy tánh. Thấy tướng mà ly tướng thì tâm tự lặng. Đó chính là chỗ tu hành. Thấy vô tướng là cái thấy chân thật, mới có đạo nhãn thanh tịnh.*

Phẩm "Chân Như", Q.323, Hội thứ I, ĐBN. *Phật bảo Xá Lợi Phất:*

"Xá Lợi Tử! Có các Bồ Tát vì sơ phát tâm chẳng lìa Nhất thiết trí trí, siêng tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, phương tiện khéo léo. Tuy nhớ tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri kiến quá khứ, vị lai, hiện tại mà chẳng lấy tướng. Tuy tu tất cả không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn cũng chẳng lấy tướng. Tuy nhớ các thứ công đức căn lành mình người, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng chẳng lấy tướng. Xá Lợi Tử! Bồ Tát Ma ha tát này chẳng trụ Thanh văn hoặc bậc Độc giác, thẳng tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Xá Lợi Tử! Bồ Tát Ma ha tát này từ sơ phát tâm cho đến rốt ráo thường chẳng xa lìa tâm Nhất thiết trí trí. Tuy tu bố thí mà chẳng lấy tướng; tuy tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát Nhã cũng chẳng lấy tướng. Tuy nhớ bao nhiêu nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri kiến của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại cũng chẳng lấy tướng. Tuy tu tất cả đạo Bồ Tát không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn cũng chẳng lấy tướng".

Bồ Tát phải đem tâm ly tướng mà tu các thiện pháp. Đối với sở tu, sở cầu không sở nhiếp thọ. Vì năng tu sở tu đều vô sở hữu, bất khả đắc. Nếu năng hành được như vậy, thì không bị tướng che, liền thấy Tánh.

Lại nữa, Kinh nói: "Phật thuyết phi thân thị danh đại thân". *Phi thân là trỏ pháp thân mà nói, thị danh là trỏ báo thân mà nói. Báo thân thì có hình tướng lớn nhỏ, đẹp xấu. Phi thân làm gì có hình tướng lớn nhỏ. Kẻ đắc quả có pháp thân nhưng không trụ ở pháp thân này, nên mới chứng được vô tướng mà xứng tánh, nên lúc nào cũng có đạo nhãn thanh tịnh. Thấy thân là phi thân (vô tướng) thì có thể chuyển các pháp mà không bị pháp chuyển nên gọi là đại thân. Thân lớn nói theo thế pháp là đại thân, trong thắng nghĩa không có phân biệt. Như thế mới gọi là thân đại sĩ.*

---o0o---

Thọ trì Kinh này phước đức vô lượng.

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Cho đến có bao nhiêu số cát trong sông Hằng, giả sử có số sông Hằng ngang với số cát như thế, thì số cát của các sông Hằng này chắc là nhiều lắm phải không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Nhiều lắm! Các con sông Hằng còn nhiều vô số, huống nữa là số cát ấy.

Phật nói:

- Thiện Hiện! Ta nay bảo ngươi, khai ngộ cho ngươi. Giả sử có thiện nam, hoặc thiện nữ đem bảy báu đẹp đựng đầy khắp thế giới nhiều như số cát sông Hằng…, dâng cúng cho đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Thiện nam, hoặc thiện nữ này do nhân duyên đây được số phước nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Nhiều lắm. Thiện nam hoặc thiện nữ này nhờ nhân duyên đây được số phước ấy rất nhiều.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu đem bảy báu đựng đầy khắp thế giới nhiều như số cát sông Hằng, dâng cúng cho đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, rồi thiện nam hoặc thiện nữ nào đối với pháp môn đây, cho đến bốn câu kệ mà thọ trì đọc tụng, thông suốt rốt ráo và vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì do nhân duyên đây, được số phước rất nhiều hơn trước vô lượng, vô số".

Số cát của sông Hằng đã nhiều, giả dụ trên thế gian lại có rất nhiều sông Hằng ngang bằng với số lượng của cát sông Hằng hiện có thì phải biết số sông Hằng này không thể tính hết. Bây giờ, Phật lại hỏi số cát của các sông Hằng gộp lại đó có nhiều không? Thiện Hiện trả lời: Nhiều, nhiều lắm! Nếu chỉ tính những sông Hằng mà thôi, hãy còn nhiều vô số, huống chi tính tất cả số cát trong vô số sông Hằng.

Đây không có ý so sánh to nhỏ, nhiều ít… mà mục đích Phật hỏi cụ Thọ: Có chúng sanh nào đem bảy báu đầy Tam thiên đại thiên thế giới nhiều như số cát trong vô số sông Hằng mà bố thí thì phước đức có nhiều không?

Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nhiều lắm!

Phật bảo Thiện Hiện: Nếu đem pháp môn này cho đến bốn câu kệ thọ trì đọc tụng, thông suốt rốt ráo vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, do nhân duyên đây, được số phước rất nhiều hơn trước vô lượng, vô biên.

Bố thí chẳng ly tướng thì phước đức được hưởng là cõi nhân thiên giàu có sung sướng. Nhưng nhân thiên cũng còn trong luân hồi sanh tử, nếu sanh một niệm bất giác thì cũng bị đọa như thường, nên phước đức này là phước đức hữu lậu, có đó mất đó. Nhưng nếu thọ trì Bát nhã Ba la mật để khai mở trí tuệ cho chúng sanh thoát khỏi luân hồi sanh tử thì được phước đức vô lậu không thể nào tính đếm.

Kinh Kim Cương không những độ người liễu sanh thoát tử mà còn giúp chúng sanh kiến tánh thành Phật, rồi chúng sanh đó lại giáo hóa các chúng sanh khác cũng thành Phật như mình, cứ thế nhân lên theo cấp số nhân thì phước đức không thể cân lường so sánh nổi.

Ngài Phó Đại Sĩ có bài kệ nói về ý này như sau:

Đựng bảy báu đầy đại thiên

Bố thí trồng ruộng phước
Chỉ được phước hữu lậu
Hưởng phước cõi nhân thiên.
Trì tụng bốn câu kệ
Tạo duyên lành với Phật
Muốn vào biển vô vi
Phải nương thuyền Bát Nhã.

Vì vậy, Kinh Bát Nhã được tán tụng là mẹ của chư Phật và chư Bồ Tát. Nên chỗ nào có thờ tụng Kinh này thì tất cả Thánh hiền, Thiên nhân, Quỷ thần đều đến chỗ đó đi nhiễu, cúng dường, lễ bái… kính trọng như chỗ đền, chùa, tháp… nơi có thờ Phật.

---o0o---

Thiện Hiện hỏi Phật: Pháp môn này nên gọi tên gì?

- "Bạch Thế Tôn! Pháp môn này nên gọi tên gì? Con phải phụng trì như thế nào?

Phật bảo Thiện Hiện rằng:

- Cụ thọ! Pháp môn đây gọi là "Kim Cương Năng Đoạn Bát nhã Ba la mật". Danh tự như thế, ngươi nên phụng trì. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì Bát nhã Ba la mật như vậy, Như Lai nói là chẳng phải Bát nhã Ba la mật, cho nên Như Lai gọi là Bát nhã Ba la mật".

Kim cương là một khoáng chất cứng rắn và sắc bén có thể cắt chặt các loại vật mà không bị các loại vật khác phá hoại. Kinh này ví như kim cương, vì có thể phá trừ những phiền não, lậu hoặc… trói buộc làm cho con người sống trong đau buồn, khổ não. Năng đoạn có nghĩa Kinh này có thể giúp con người dứt trừ, đoạn tận các phiền não lậu hoặc nói trên. Nhưng lấy gì để đoạn trừ, phải lấy trí tuệ. Bát Nhã là trí, trí này siêu việt không những giúp con người vượt mọi chướng ngại thế gian mà còn mang lại sự an bình cho toàn thể chúng sanh trong tất cả cõi. Ba la mật có nghĩa là phương tiện rốt ráo viên mãn nhất có thể đưa người từ bờ mê đến bến giác.

Vì Kinh Kim Cương có công năng như vậy, nên Phật bảo chúng hội "các ông phải phụng trì". Phụng là tuân theo, trì là hành trì. Hành trì không những có nghĩa là tự mình chấp hành mà còn khuyên người khác chấp hành.

Từ đầu chí cuối không lúc nào mà Kinh chẳng đề cập đến vấn đề này: Ưng hàng phục kỳ tâm, vân hà hàng phục tức phát đại nguyện, hành đại hành; chẳng trụ cảnh giới lục trần, hành rộng Lục độ, độ tất cả chúng sanh thành Phật mà chẳng thủ tướng độ sanh, cho đến pháp và phi pháp đều chẳng thủ. Lột từ tầng như lột bẹ chuối, càng lột càng tinh tế, qui kết đến chẳng trụ lục trần, sanh thanh tịnh tâm. Bao nhiêu lời nói rốt ráo đều dẫn đến TÍN, GIẢI, HÀNH, CHỨNG tức là nhất nhất phải phụng trì. Được như vậy thì mới có cơ hội chứng ngộ(1).

Mặc dù vậy, Kim cương hay gì gì đi nữa cũng chỉ là danh tự. Bát Nhã là pháp, pháp nào pháp nào cũng là giả danh, nếu không tiêu hóa nổi thì cũng chỉ là tập giấy lộn để trên bàn thờ, không ai đọc tụng, một ngày nào đó chết đi, con cháu sẽ đem tái tạo hết (recycle). Như vậy, Như Lai nói chẳng phải là Bát nhã Ba la mật. Bát Nhã chỉ trở thành Bát Nhã sống khi nó được úng dụng và thực hành, nên Kinh nói: "Dĩ thị danh tự, nhữ đương phụng trì". Tám chữ này có nghĩa: Thấy cái tên nên nghĩ tới cái nghĩa, hiểu cái nghĩa thì phải "y giáo phụng hành". Đừng chấp danh tự, danh tự chỉ là giả danh. Vì vậy, mới "không hoại giả danh mà bày thật tướng".

Cái quan trọng là làm sao hiểu để thọ trì, muốn thế thì phải thật sự sống với Bát Nhã. Lục Tổ nói: "Hoặc người Đại thừa, hoặc người Tối thượng thừa nghe nói Kinh Kim Cương, vì tâm tỏ ngộ nên biết bản tánh tự có trí Bát Nhã, vì dùng trí tuệ Bát Nhã thường quán chiếu, nên chẳng nhờ nơi văn tự", *tức người Đại thừa hay Tối thượng thừa nghe nói Kinh Kim Cương tâm liền sáng tỏ, biết được, nhận được rõ ràng trí Bát Nhã này có sẵn, chính là tự tánh của mình, cho nên từ đó mình ứng dụng ra, thường quán chiếu luôn thì đâu có nhờ đến bên ngoài. Đó là vượt qua văn tự, sống ngay với tự tánh Bát Nhã.*

Thích nghĩa cho đoạn kinh này:

(1). Ý của cư sĩ Giang Vị Nông.

---o0o---

Phật phá cái chấp "có vi trần và thế giới".

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Cho đến vi trần đại địa trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vi trần đại địa này rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Vi trần đại địa, Như Lai nói chẳng phải vi trần, cho nên Như Lai gọi là vi trần đại địa. Các thế giới, Như Lai nói chẳng phải thế giới, cho nên Như Lai gọi là thế giới".*(1)*

Thích nghĩa:

(1). Đoạn kinh này do nhóm của Ngài La Thập dịch từ Phạn sang Hán, như sau:

- "Tu Bồ đề, ư ý vân hà? Tam thiên Đại thiên thế giới, sở hữu vi trần, thị đa phủ?

Tu Bồ đề ngôn:

- Thậm đa, Thế Tôn!

- Tu Bồ đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần thị danh vi trần. Như Lai thuyết thế giới phi thế giới thị danh thế giới".

HT Thích Trí Tịnh Việt dịch:

- "Này Tu Bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu vi trần, ấy là nhiều chăng?

Tu Bồ đề thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều!

- Này Tu Bồ đề, các vi trần Như Lai nói không phải vi trần, ấy gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới không phải thế giới ấy gọi là thế giới".

Sơ giải:

Đoạn Kinh này Phật phá cái chấp "thật có vi trần và thật có thế giới" tức ***phá cái chấp lớn nhỏ****. Làm sao có thể đoạn diệt được pháp. Pháp hữu vi biểu hiện bằng hình thể hoặc vuông tròn hoặc lớn nhỏ, tốt xấu… ai*

cũng thấy, ai cũng biết, ai cũng có thể phân biệt. Người phân biệt tinh tế, giỏi nhất thế gian này phải nói là Phật. Phật là người phân biệt chỉ cho chúng sanh biết thế nào ngũ uẩn, thế nào là căn trần, xứ, giới. Qua căn trần xứ giới ấy mà người thế gian cảm thọ phân biệt có lớn nhỏ, tốt xấu... Ở đây Phật không có phá pháp mà ***Phật phá chấp****. Có phân biệt là có chấp, có chấp là có phiền não.*

Chư Phật chư Bồ Tát cũng sống trong phân biệt như mọi chúng sanh khác, nhưng khác với chúng sanh là "tâm không sai biệt". Thiền sư D.T. Suzuki trong cuốn "Cốt Tủy của Đạo Phật" gọi là "sai biệt mà không sai biệt" và "phân biệt mà không phân biệt" hoặc ngược lại "không sai biệt mà sai biệt" và "không phân biệt mà phân biệt". Đó là thế giới của chư Phật chư Bồ Tát.

Thế giới đó là thế giới vô phân biệt hay vô sai biệt, vì thế giới này tuyệt đối không những không chấp nhận đối đãi giữa các tương quan mà siêu vượt trên tất cả các mối tương quan của ý thức phân biệt. Đó là thế giới của đệ nhất nghĩa đế.

Khi nói thế giới thật lớn có nghĩa là so sánh với cái thật nhỏ như vi trần, nên thấy thế giới lớn. Vì cái thấy của con mắt phàm là đòi hỏi phải có đối tượng mà đối tượng đó chính là hình tướng. Còn thấy mà không thấy tướng hay thấy vô tướng tức thấy tánh, lại là cái thấy đặc biệt của Phật đạo. Vì vậy, Tam Tổ Tăng Xán trong "Tín Tâm Minh", mới nói:

Cực tiểu đồng đại
Ngôn tuyệt cảnh giới.
Cực đại đồng tiểu
Bất biến biên biểu.

Dịch:

Cực nhỏ đồng cực lớn
đồng nhau bặt cảnh duyên.
Cực lớn đồng cực nhỏ
đồng nhau chẳng giới biên.

Quên được cái niệm lớn nhỏ, rộng hẹp, cao hạ… thì vượt qua kiến chấp, tình chấp mới thấy tâm mình vô ngại, rộng lớn không ngằn mé. Cho nên không còn cảnh giới để mình phân biệt nữa, không còn bờ mé để mình duyên theo, ngay đó tâm mới được thênh thang rỗng suốt. Như vậy, mới hiểu được câu Phật nói: "Chẻ một hột cải có thể nhét một quyển Kinh, trên đầu mảy lông chứa hết Tam thiên đại thiên thế giới".

1. Tề trụ trì hỏi:
- Thế nào là Đại thừa?
Thần Hội đáp:
- Tiểu thừa.
Lại hỏi:
- Nay hỏi Đại thừa vì sao lại nói đó là Tiểu thừa?
Sư đáp:
- Nhân vì có tiểu nên mới lập ra đại. Nếu không có tiểu thì đại lấy đâu mà sanh ra. Đại mà ông hỏi đây là đại của tiểu. Cái gọi Đại thừa trống không chẳng có một vật, do đó làm sao nói đại tiểu được. Tỉ như hư không, hư không chẳng hạn lượng mà không thể nói là chẳng hạn lượng. Hư không chẳng có ngằn mé mà chẳng thể nói là không ngằn mé. Đại thừa cũng lại như thế. Do đó mà Kinh Phật nói: "Hư không chẳng có trung gian, chẳng có ngằn mé, pháp thân chư Phật cũng thế". Do đó mà ông hỏi Đại thừa ta mới đáp là Tiểu thừa. Đạo lý rõ ràng mà còn kinh ngạc nổi gì! (Thần Hội ngữ lục)

2. Trong Kinh "Lăng Nghiêm" nói: Cái "thấy" không có vuông tròn, lớn nhỏ mà lớn nhỏ vuông tròn là ở cảnh vật. Nên Phật bảo:
- *"*A Nan, tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến giờ vì mê mình *(tâm)* làm vật, bỏ mất cái chân tâm của mình, bị cảnh vật xoay chuyển, nên thấy có lớn nhỏ, rộng hẹp, tốt xấu v.v… Nếu ai chuyển xoay được cảnh vật, thân tâm được sáng suốt viên mãn, thì đồng với chư Phật. Lúc bấy giờ, không rời đạo tràng mà trên đầu một mảy lông, có thể chứa đựng khắp mười phương thế giới".

Lược giải đoạn Kinh này trong "Phật Học Phổ Thông", HT Thích Thiện Hoa bảo:

"Từ nơi thể tánh chơn tâm, vì vô minh vọng động, sanh ra có hư không và thế giới, chúng sanh cùng cảnh vật, nên gọi "mê mình làm vật". Khi có cảnh vật rồi, cứ theo đó mà phân biệt xấu tốt, lớn nhỏ, mừng giận… nên nói "bị vật chuyển xoay". Đến hết vô minh vọng động, trở lại với thể tánh chơn tâm, thì các cảnh vật ấy không còn; như người thức giấc chiêm bao, thì cảnh chiêm bao hết, nên nói "xoay chuyển vật" là thế.

Lúc bấy giờ, một sợi lông hay mười phương thế giới cũng đều là chơn tâm cả. Đã đồng là chân tâm, thì không còn thấy thế giới lớn hay sợi lông nhỏ nữa vì đồng một thể tánh, nên nói "trên đầu sợi lông, có thể chứa đựng mười phương thế giới".

Đoạn này lý thâm, phải suy nghĩ nhiều mới hiểu.

---o0o---

Phật phá cái chấp "Thấy 32 tướng tốt của Phật là thấy Phật".

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có thể quán Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác bằng 32 tướng Đại sĩ phu không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Chẳng thể quán Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác bằng 32 tướng Đại sĩ phu. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì 32 tướng Đại sĩ, Như Lai nói là chẳng phải tướng, cho nên Như Lai gọi là 32 tướng Đại sĩ".

*Đoạn trên Phật phá cái chấp to nhỏ của thế giới và vi trần tức phá cái chấp về **y báo** (cái hình tướng tạo thành thế giới chung quanh ta), đoạn này Phật phá **chánh báo**(chấp thân) nghĩa là chấp thấy 32 tướng tốt của Phật là thấy được Phật. Đây là lần thứ hai Phật lặp lại câu hỏi này. Trước Phật hỏi: Có thể lấy các tướng đầy đủ để quán Như Lai chăng?*

Câu trả lời cũng như đoạn trước: Nếu còn thấy tướng đầy đủ là còn chấp nhân, chấp ngã nghĩa là còn thấy Ta tức còn thấy tướng, liền bị tướng che nên không thể thấy tánh. Mà thấy tánh thì thành Phật nên nói là thấy Như Lai. Cái thân 32 tướng tốt cũng chỉ là phần vật chất do đất nước gió lửa tạo thành, có thành có hoại; còn pháp thân là cái không có hình

tướng nên muôn kiếp vững bền. Nên khi nói đến xác thân thì phải xuyên qua cái xác thân bằng xương bằng thịt mà thấy pháp thân.

*Có tướng thì mới có **thể**, có thể thì mới có **dụng**. Đó là tương duyên. Khi Phật bác bỏ 32 tướng cho là không thật thì không có gì là thật cả. Phật sợ nói như vậy lại có người chấp là đoạn diệt nên liền nói: 32 tướng tức chẳng phải tướng Đại sĩ, đó gọi là tướng Đại sĩ. Vì tướng là cái dụng chứa thể, thể là căn bản của dụng. Nếu đoạn diệt tướng thì làm gì có thể. Ý Phật nói phải xuyên qua sắc tướng đó mà tu học quán chiếu sẽ thấy pháp thân vô tướng, nên có thể chứng tánh. Chứng tánh là thành Phật nên nói là thấy Như Lai.*

Ngài Giang Vị Nông bình giảng đoạn này như sau:

"(…)Nếu trước ở tướng thì chỗ thấy là tướng của ứng thân, chẳng phải là thể của pháp thân, sao có thể gọi là thấy Như Lai? Hiểu rõ Như Lai làm sao mà thấy, thì biết 32 tướng cũng do duyên hội mà sanh, đương thể tức không. Đương thể tức không nghĩa là có mà chẳng phải có. Duyên hội mà sanh tức không mà chẳng phải không. Có mà chẳng phải có, cho nên gọi là phi tướng, không mà chẳng phải không cho nên gọi "thị danh tam thập nhị tướng". Nên Kinh nói "Như Lai thuyết tam thập nhị tướng tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng"

"Nói, một chữ PHI là khiến chẳng trước ở **có**. Nói, một chữ THỊ là chẳng khiến trước ở **không**, mà nói PHI nói THỊ cả hai là khiến hai bên đều chẳng thể trước. Vì cớ sao đều chẳng thể trước? Vì trong thân này, ngoài thế giới, y báo chánh báo đều do nhân duyên hòa hợp mà sanh. Đương lúc duyên hội mà sanh, hiển nhiên hiện ra thân tướng y báo chánh báo (mọi người đều thấy) há có thể chấp **không**? Đương lúc duyên tán mà diệt mất, thì thân này ở chỗ nào, thế giới này ở chỗ nào, há có thể chấp **có**? Chẳng những thế, y chánh hai báo đương lúc nó duyên sanh đã là do nhân duyên hòa hợp nên gọi đó là sanh, thì có thể thấy trừ nhân duyên ra không có thật pháp nào khác, nên lúc hiện thị danh tức là lúc phi hữu, cho nên nói hữu tức phi hữu. Lại cũng đương lúc phi hữu tức là lúc hiện thị danh, cho nên nói phi hữu mà hữu. Hợp lại mà xem, há chẳng phải **có không** đồng thời đầy đủ ư? **Đã đồng thời đầy đủ, nên trước Không trước Có đều chẳng phải, cho nên nay thị phi cùng nói, tức là khiến kẻ nghe pháp khế hội cái ý Có Không đều đầy đủ, chẳng thể trước**".

*Theo kiến giải này cái **Không** nằm trong cái **Có** và ngược lại cái **có** lại nằm trong cái **Không**, tức **Có Không** đều đồng thời đầy đủ trong nhất chân pháp giới. Vậy, có không, đoạn thường, bỉ thử… đều dẹp, như vậy mới diệt trừ được vọng niệm mà sanh tịnh tâm. Tịnh tâm là tâm Phật, tức thành Phật nên nói là thấy Như Lai. Thuyết như vậy, già chiếu đồng thời, quá hay quá đủ. Thật là diệu kiến, ý sâu!*

---o0o---

Cụ thọ Thiện Hiện bùi ngùi rơi lệ.

"Phật lại bảo Thiện Hiện:

- Này Thiện Hiện! Giả sử có thiện nam, hoặc thiện nữ, cứ mỗi ngày là xả thí thân thể mình nhiều như số cát sông Hằng. Xả thí thân mình như vậy trải qua kiếp số nhiều như số cát sông Hằng. Lại có thiện nam, hoặc thiện nữ đối với pháp môn đây, cho đến bốn câu kệ, thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý. Do nhân duyên đây nên được phước rất nhiều hơn trước vô lượng, vô số.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện nghe oai lực của pháp, bùi ngùi rơi lệ, cúi người lau nước mắt rồi thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có! Bạch Thiện Thệ! Rất là hiếm có! Nay Như Lai đã nói ra pháp môn này, làm nghĩa lợi cho những kẻ phát tâm hướng tới Tối thượng thừa, làm nghĩa lợi cho những kẻ phát tâm hướng tới Tối thắng thừa.

Bạch Thế Tôn! Từ khi sanh trí tuệ đến nay, con chưa từng được nghe pháp môn nào như thế".

Khi thuyết tới đây, Phật bảo Thiện Hiện có người xả thí thân mạng của mình nhiều kiếp như số cát sông Hằng cũng không bằng người trì tụng, vì người tuyên thuyết chỉ bày Kinh này phước đức hơn người thí mạng trong vô lượng vô số kiếp. Nghe tới đó Thiện Hiện rơi lệ, cúi người lau nước mắt rồi thưa Phật: Rất là hiếm có! Nay Như Lai đã nói ra pháp môn này, đem nhiều nghĩa lợi cho những kẻ phát tâm hướng tới Tối thượng thừa, Tối thắng thừa!

Chỗ Thiện Hiện bùi ngùi rơi lệ không phải vì phước đức vô lượng do trì tụng hay thuyết giảng chỉ bày cho người, nhưng Thiện Hiện rơi lệ là vì mình được phúc duyên nghe được Kinh điển thậm thâm này, mà xưa kia Bồ Tát Thường Đề phải chẻ xương bán tủy ngày đêm cầu khẩn mới được nghe và cũng vì Kinh này luôn luôn được tán tụng là mẹ sanh mẹ dưỡng của chư Phật chư Bồ Tát; tất cả các thiện pháp, các Thánh pháp hy hữu, các pháp mầu Phật đạo, tư lương Bồ đề Bồ Tát… đều lưu xuất từ Kinh này; nó cũng là pháp ấn, tâm ấn, trí ấn, trí tạng của các đức Như lai ở mười phương ba đời; giáo lý của nó không thể cân lường, không thể nghĩ bàn, các công đức của nó cũng như vậy.

Đó là chỗ qui kết, thú hướng thù thắng của Kinh này như vậy. Nên Thiện Hiện mặc dù có trí tuệ, có pháp nhãn nhưng không thể suy lường nổi, nên rơi lệ buộc miệng khen: Thật hy hữu!

---o0o---

Người nghe hiểu Kinh này mà sanh tưởng chân thật phải biết là hiếm có.

“Bạch Thế Tôn! Nếu hữu tình nào nghe thuyết Kinh điển thâm sâu như thế mà sanh tưởng chân thật, thì phải biết hữu tình này thành tựu sự tối thắng hiếm có. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì các tưởng chơn thật, kẻ tưởng chơn thật, Như Lai nói là chẳng phải tưởng, cho nên Như Lai gọi là tưởng chơn thật”.

1. *Kinh này thậm sâu huyền diệu như vậy nên cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng kẻ nào nghe thuyết Kinh điển này mà sanh tưởng chân thật, sẽ thành tựu sự thù thắng hiếm có. Thành tựu đó không ngoài trí tuệ và công đức của tu phước và tu tuệ. Hữu tình nghĩ tưởng không ngoài sắc và dục. Tâm tưởng luôn luôn bị khuấy động vì sắc dục chẳng khác nào nước gặp gió tạo thành sóng mòi, nên quên đi giác tâm, cái bản nhiên thanh tịnh của mình. Bây giờ, nhờ Bát Nhã phá chấp, đoạn trừ tất cả phiền não tập khí nối nhau thì quay trở lại* ***thấy cái thật tướng của chính mình*** *hay nói khác là thấy lại khuôn mặt tròn đầy khi xưa (bản lai diện mục).*

Ngài Phó đại sĩ có bài kệ(1):

"Chưa có, cảnh không tâm; từng không tâm không cảnh.
Cảnh quên tâm tự diệt; tâm diệt cảnh cũng không.
Trong Kinh gọi thật tướng; lời diệu lý lại sâu.
Chứng biết chỉ có Phật; tiểu Thánh dễ nhận đâu".

Nếu tâm không phân biệt thì cảnh có cũng như không, cảnh bặt thì tâm không có chỗ bám. Ngay đó sinh thật tướng. Bởi vì, không có cảnh nào mà không có tâm; cũng chưa có tâm nào mà không có cảnh. Nhưng tâm dong ruỗi theo cảnh là tâm hư dối, tâm chấp cảnh quên mình, tâm lang thang vọng tưởng, nên nói là mất tâm. Khi cảnh quên rồi thì tâm tự dứt, không có cảnh để duyên theo, ngay đó tâm được lặng. Chỗ tâm cảnh đều vắng lặng nên nói là thật tướng. Nhưng thật tướng đó không phải dễ thấy. Cho nên lời nói đó là vi diệu, vượt ngôn ngữ nói năng. Bởi vậy, chứng biết chỉ có Phật, còn tiểu Thánh dễ gì nhận ra.

Vì vậy, Kinh Lăng Nghiêm Phật bảo thị giả của mình: "A Nan, vì có trần cảnh, nên ở nơi căn mới khởi ra phân biệt. Vì có năng phân biệt ở nơi căn, nên mới hiện ra cái tướng bị phân biệt. Căn *(kiến)* và cảnh *(tướng)* đối đãi nhau vọng hiện, chớ không có thật *(vô tánh)*, cũng như hình cây lau gác nhau *(ở xa thấy có tướng người hay vật)".*

Qua bài kệ trên cũng như lời giải thích của Phật nói về mối tương quan sanh diệt giữa tâm và cảnh: Cảnh vật và tâm hư vọng này sở dĩ hiện hữu là nhờ nương tựa nhau. Chúng không có tự tánh, cũng không tha tánh, nên gọi là duyên sanh. Duyên sanh thì không thể đứng một mình, nó có là nhờ cái khác mà có. Thật tướng là cái bất sanh diệt. Như con mắt tức căn, là cái thấy. Cái thấy này đòi hỏi phải có đối tượng, mà đối tượng là cảnh, cảnh là hư dối sanh diệt. Nên nói cái thấy đó là hư vọng. Cũng cùng cái thấy mà biết quay lại, thâu nhiếp tâm. Thấy lại chính bản tâm mình, cái thấy đó là chơn tâm. Chơn tâm tức thật tướng, tức là làm chủ trọn vẹn chính tâm thể mình. Trong "Tín Tâm Minh" Tổ Tăng Xán nói:

Quy căn đắc chỉ
tùy chiếu thất tông
Tu du phản chiếu
thắng khước tiền không

Dịch:

Trở về nguồn nắm mối
Dõi theo ngọn mất tông
Phút giây soi ngược lại
Trước mắt vượt cảnh không.

Vì vậy, Thiền sư D.T. Suzuki trong quyển viết về "Thiền" nói: "Khi thời tiết đến thì nhận ra quá khứ và tương lai tự kết tinh, như đang là, trong hiện thời Tuyệt đối, trong hiện tại Vĩnh hằng, an trú trong "ở đây và ngay bây giờ" và làm chủ chính mình, hay nói khác là sống với ông chủ*(2)*. Ông không còn là một chúng sanh nữa, vừa là chúng sanh vừa không phải là chúng sanh. Có nghĩa là ông trở về với chính mình và ở trong chính mình, ông an trú trong "ở đây và ngay bây giờ", ông không còn lệ thuộc bất cứ ai hay nô lệ bất cứ điều gì, mà ông là ông chủ của đại thiên vũ trụ, của kho báu vô vàn quyền năng".

2. *Nhưng khi nói đến thật tướng Phật sợ sẽ có người chụp lấy mà bám trụ, nên Phật bảo "thật tướng đó chẳng phải là thật tướng chỉ tạm gọi là thật tướng". Thật tướng cũng chỉ là danh tự ngôn ngữ, nghĩ tưởng chấp trước vào danh tự giả tướng và cho là thật thì cũng không tránh khỏi những sai lầm trói buộc của nó. Kinh Lăng Nghiêm, Phật bảo:* "(…)Mở gút đầu tiên là phá trừ ngã chấp *(ngã, chúng sanh, mạng giả, thọ giả, v.v…)***trước** chứng được **nhân không.** Tiến đến tầng thứ hai là phá trừ pháp chấp, **sau** chứng được **pháp không**. Ngã pháp đều không sanh, thế mới gọi là Bồ Tát đặng Vô sanh pháp nhẫn". *Tới đó không còn chấp tướng hay phi tướng, tướng cũng bỏ phi tướng cũng bỏ, nên nói lìa các tướng tức chư Phật.*

Muốn thấy tánh thì phải lìa tướng. Nếu không có công phu thì làm sao mà lìa. Công phu là tu tập. Phải nói một chữ PHI tức là tuyệt bách phi, lại cũng là tứ cú đều ly, chỗ gọi là hữu cũng ly, vô cũng ly, diệc hữu diệc vô(3) cũng ly, phi hữu phi vô cũng ly là vậy. Cổ đức nói ***vô tướng vô bất tướng.*** *Và từ VÔ là tuyệt đối, VÔ không có nghĩa vô đối với hữu (không đối với có), VÔ này là Tánh Không Bát Nhã. Vì tướng và bất tướng vẫn là*

hai thứ đối đãi. Có đối đãi là có động, có sanh diệt, nên gọi là vô thường. Mà tánh thể vạn cổ vẫn thường hằng, bất biến, vô sanh vô diệt, không đối đãi, là tuyệt đối không, rốt ráo không (tất cánh không) và cái không cuối cùng cũng không nốt. Nói tóm lại, tướng là hữu, bất tướng là vô, vượt ngoài tướng bất tướng, tức vượt ngoài hữu và vô, nên nói "vô tướng vô bất tướng" là ***lý tuyệt đối vô.*** *Đấy gọi là hữu vô tứ cú đều ly,* nên Kinh nói *"thị thực tướng giả tắc thị phi tướng", từ PHI chỉ cho công phu vậy.*

"Công phu đó chẳng qua dùng hai chữ CHẲNG PHẢI để làm yếu chỉ: Nói hữu nói vô đều mắng là chẳng phải, nói diệc hữu diệc vô cũng mắng là chẳng phải... Vậy chẳng còn gì là thiên lệch, không còn chỗ để chấp trước. Đây là pháp môn vi diệu để phản tỉnh"(4).

Đại Trí Độ luận có kệ rằng:

"Hết thảy thật, hết thảy chẳng phải thật
Hết thảy thật cũng chẳng phải thật
Hết thảy chẳng phải thật, chẳng phải chẳng phải thật
Ấy gọi là thật tướng của chư Phật".

Nói như vậy vẫn còn chỗ để nói! Vậy xin hỏi thế nào là ly danh tự tướng, ly ngôn thuyết tướng, ly tâm duyên tướng? Lìa tứ cú, tuyệt bách phi là gì(5)? Tổ Tăng Xán trong "Tín Tâm Minh" bảo rằng:

Đa ngôn đa lự
Chuyển bất tương ưng
Tuyệt ngôn tuyệt lự
Vô xứ bất thông

Dịch:

Nói nhiều thêm lo quẩn
Loanh quanh mãi chẳng xong
Dứt ngôn thì hết quẩn
Đâu đâu chẳng suốt thông.

Tới chỗ đó mới biết nói nín đều về nguồn, tự phản tỉnh là tốt!

Thích nghĩa cho đoạn Kinh này:

(1). Trích trong Kinh Kim cang Giảng lục của TT. Thích Thông Phương.

(2). Ông chủ hay bản lai diện mục hay còn gọi là Phật tánh.

(3). Diệc hữu diệc vô trong tứ cú, phá trừ phiền não thiên chấp Có, Không để vào Đệ nhất nghĩa đế, tức là pháp môn song chiếu Có và Không để hiển bày lý Trung đạo.

(4). Viết theo ý của cư sĩ Giang Vị Nông, không trích dẫn nguyên văn dài dòng.

(5). Tứ cú là: 1. Có (有; hữu)*; 2. Không* (無; vô)*; 3. Vừa có vừa không* (亦有亦無; diệc hữu diệc vô)*, 4. Không phải có cũng không phải không* (非有非無; phi hữu phi vô). *Tất cả tứ tướng đều chẳng ngoài tứ cú này, nếu trụ thì chướng ngại sự dụng của bản thể tự tánh mà sanh ra bách phi (đủ thứ sai lầm), nếu lìa thì hiển bày đại dụng của tự tánh mà tuyệt bách phi.*

---o0o---

Người có hạt giống Bát Nhã mới có thể thọ trì, truyền bá Kinh này.

Tiếp theo cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn! Nay con nghe pháp môn như thế, lãnh ngộ tin hiểu, nhưng chưa là hiếm có. Đời đương lai hậu thế, hậu thời, hậu phần năm trăm năm, khi Chánh pháp sắp diệt, lúc thời phần chuyển, nếu hữu tình nào đối với pháp môn thâm sâu như thế mà lãnh ngộ tin hiểu, thọ trì đọc tụng, thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì phải biết hữu tình này thành tựu sự tối thắng hiếm có. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì các hữu tình ấy không có tưởng ngã, hữu tình, mạng giả, sĩ phu, Bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả… Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì các tưởng ngã tức là chẳng phải tưởng, các tưởng hữu tình, tưởng mạng giả, tưởng sĩ phu, tưởng Bổ đặc già la,

tưởng ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả tức là chẳng phải tưởng. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn lìa tất cả tưởng".

Sau khi nghe Phật nhiều phen thuyết giải, Thiện Hiện lãnh hội được Kinh này. Nhưng nghĩ rằng đời sau người đời không thường gần Phật, không thường nghe pháp thì làm sao có đủ tín giải mà thọ trì. Nhưng nếu có chúng sanh nào đối với pháp môn thâm sâu như thế mà liễu ngộ tin hiểu, thọ trì đọc tụng, thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, phải biết chúng sanh này thành tựu sự tối thắng hiếm có. Vì sao? Vì chúng sanh đó thấy ngã không, pháp không, phi pháp cũng không, gọi là tam không, vượt hẳn phàm phu tục tử, chắc người đó có căn tánh Đại thừa, nhiều đời thờ phụng cúng dường vô số chư Phật nên mới có thể tín giải thọ trì Kinh này.

Phật đồng ý: "Đúng vậy, đúng vậy. Thiện Hiện! Nếu các hữu tình nghe Kinh điển thâm sâu như thế, mà không kinh, không sợ, không hoảng hốt, thì phải biết hữu tình ấy thành tựu sự tối thắng hiếm có".

Trước đây Phật bảo: Nếu thấy tướng chẳng phải tướng liền thấy Như Lai. Ở đây Phật nói: Lìa chư tướng tức gọi là chư Phật. Trước đó Thiện Hiện nghe xong liền hỏi Phật: Chúng sanh khi nghe Kinh này biết có tin được không? Tức còn có điểm còn do dự, nghi ngờ liền bị Phật quở. Nhưng tới đây Ngài quả quyết rằng: "Nếu có người nghe Kinh này mà không nghi ngờ kinh sợ, thì người này rất hy hữu".

Kinh một mực từ đầu tới cuối đều phá cái chấp tướng: Thấy 32 tướng tốt không phải là thấy Như Lai; thấy tướng là phi tướng mới thấy Như Lai; lìa tất cả tướng mới gọi là chư Phật. Đó là những điều đi ngược với pháp thức thường tục, nếu nghe như thế mà không kinh không sợ mới thật là hy hữu.

Để đối trị với những cái nhìn dễ dãi trong thế giới thông tục đang sống như là một thực tại thường trụ, Bát Nhã lật úp thế giới đó và cho nó chỉ là những giả tướng, mộng mị, huyễn hoặc...làm sao một con người phàm tục không hoang mang nghi ngờ cho được? Nhưng chủ đích của Bát nhã Ba la mật là phá trừ những sai lầm căn để, chống lại sức mạnh cám dỗ của ngũ dục lục trần, để dẫn dắt con người đi đến chỗ Thánh thiện hơn. Muốn được như vậy, không có gì khác là phải lìa tướng, lìa tưởng, tránh động niệm.

---o0o---

Phật phá cái chấp "Bát Nhã là đệ nhất Ba la mật"

"Thiện Hiện! Vì Như Lai nói Ba la mật tối thắng là Bát nhã Ba la mật. Thiện Hiện! Ba la mật tối thắng mà Như Lai đã nói, được vô lượng chư Phật Thế Tôn cùng tuyên thuyết, nên gọi là Ba la mật tối thắng. Như Lai nói Ba la mật tối thắng tức chẳng phải Ba la mật, cho nên Như Lai gọi là Ba la mật tối thắng".

Đại Bát Nhã thường tán tụng: Bát nhã Ba la mật là chỉ đạo của các Ba la mật. Nó như người có mắt, còn các Ba la mật khác như bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định như người mù bẩm sanh. Nếu không có người sáng mắt hướng dẫn thì tất cả các Ba la mật khác không thể đi được trên con đường chánh huống chi có thể đến được thành lớn lợi vui. Lại nữa, Bát Nhã được coi là đệ nhất Ba la mật, vì nó đứng trên tất cả ảnh tượng tạp nghiễm của các vật thể trần gian. Ánh sáng của nó soi rõ vạn hữu và một khi chạm vào vật nào thì vật ấy phải bỏ hình tướng giả tạo để trở về thật tướng của nó. Nó vượt trên mọi phân biệt đối đãi. Nó là trọng tâm chỉ đạo chung của mọi suy tư và cảm thọ. Vì vậy, nên nói Bát Nhã là đệ nhất Ba la mật.

Nhưng khi nói Bát Nhã là đệ nhất Ba la mật thì Bát Nhã không còn là Bát Nhã nữa. Vì còn thấy "tướng số một" của nó. Có nhất phải có nhị, tức có một thì phải có hai. Như vậy, Bát Nhã không tránh khỏi phân biệt, so đo của cuộc đời thường, của lưỡng nguyên đối đãi. Cho nên, Phật mới nói "Chẳng phải đệ nhất Ba la mật mới thật là Ba la mật". Ở đây, Phật không cho mình chấp rộng hẹp cao thấp!

Có vị Tăng hỏi Thiền sư Duy Giám:
- Phật và chúng sanh là một hay hai?
Sư đáp:
Hoa nở đầy vườn hồng
Hoa rụng muôn cành trống.
Tăng hỏi:

- Rốt ráo là một hay là hai?
Đáp:
Chỉ còn thừa một đóa
Ngày mai ngại gió rơi.

Nghĩa là đến chỗ tột cùng rồi, một cũng không. Bởi vì trong tâm còn dấu vết của cái một tức là có cái hai, có ít có nhiều đều không tránh khỏi ngõ cụt hai đầu. Bát Nhã là không, là phủi tất cả, không cho bám vào bất cứ thứ gì dù nhất hay nhị thì mới được vô thức vô niệm vô tâm.

Nên, Tam tổ Tăng Xán, trong "Tín Tâm Minh" nói:

Nhị do nhất hữu
Nhứt diệc mạc thử
Nhất tâm bất danh
Vạn pháp vô cữu

Dịch:

Hai do một mà có
Một rồi cũng buông bỏ
Một tâm vốn chẳng sanh
Muôn pháp tội gì đó.

---o0o---

Phá cái chấp "nhẫn nhục Ba la mật"

"Lại nữa, Thiện Hiện! Như Lai nói nhẫn nhục Ba la mật tức chẳng phải Ba la mật, cho nên Như Lai gọi là nhẫn nhục Ba la mật. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì đời quá khứ xưa, Ta từng bị vua Yết lợi cắt tay chân, xẻo thịt. Khi ấy, Ta hoàn toàn không có tưởng ngã, hoặc tưởng hữu tình, hoặc tưởng mạng giả, hoặc tưởng sĩ phu, hoặc tưởng Bổ đặc già la, hoặc tưởng ý sanh, hoặc tưởng nho đồng, hoặc tưởng tác giả, hoặc tưởng thọ giả. Ta đều không có tưởng, cũng chẳng phải không có tưởng. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì lúc đó nếu Ta có tưởng ngã tức là có tưởng giận. Nếu Ta có tưởng hữu tình, tưởng mạng giả, tưởng sĩ phu, tưởng Bổ đặc già la, tưởng ý sanh, tưởng nho đồng, tưởng tác giả, tưởng thọ giả, tức là có tưởng giận. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì Ta nhớ trong quá khứ năm trăm năm, từng làm tiên nhơn, hiệu là Nhẫn Nhục. Bấy giờ, Ta hoàn toàn không có tưởng ngã, không có tưởng hữu tình, không có tưởng mạng giả, không có tưởng sĩ phu, không có tưởng Bổ đặc già la, không có tưởng ý sanh, không có tưởng nho đồng, không có tưởng tác giả, không có tưởng thọ giả. Ta đều không có tưởng, cũng chẳng phải không có tưởng".

1. *Ngài Huyền Trang và Ngài Nghĩa Tịnh dịch từ "sàn đề" của tiếng Phạn là* ***an nhẫn. Nhẫn*** *là khả nhẫn, kham nhẫn có nghĩa là nhất tâm chánh thụ.* **An** *là an trụ có nghĩa là tâm không động. Một khi tâm động thì không còn nhẫn. Tâm chẳng động chẳng lay tức an trụ.*

Nhưng có một số tác giả lại dùng từ ***nhẫn nhục. Nhục*** *là hủy nhục, nghĩa là bị ức hiếp nhục mạ mà có thể bỏ qua được. Đó là thái độ của bậc trượng phu. "Ăn miếng trả miếng" thì ai cũng như ai. Trái lại bị lăng nhục mà biết tha thứ thì thật hiếm có. Còn hiếm có hơn nữa là tự mình không cho đó là nhục, mà cho đó là một thái độ "cần thiết" để tránh những đụng chạm rạn nứt hay tan vỡ trong cuộc sống đảo điên này. Đây không phải chỉ nói tới cái cao thượng thuộc về luân lý hay đạo đức của cuộc đời thường mà nói lên cái cao cả của bậc siêu xuất: "Ai đánh ta má trái thì chìa má phải". Đó là điều khó làm!*

Bát Nhã còn đi xa hơn thế nữa. Bát Nhã coi an nhẫn là cái đương nhiên của giác tâm, nó nằm trong tự tánh. ***Vì tự tánh là không tịch vốn không sân hận, không chống đối, không oán hận.***

Nhưng Bát Nhã lại ly tất cả tướng. Nếu coi an nhẫn là một trong sáu độ rốt ráo bậc nhất để đạt cảnh giới giác ngộ thì vô hình chung an nhẫn được đề cao. Như vậy, là còn chấp trước. Một khi có chấp trước thì không còn tương ưng với Bát Nhã nữa. Bát Nhã sẽ dỡ nón ra đi.

An nhẫn chỉ trở thành rốt ráo, viên mãn khi tâm ngã đều không, chính cái không đó cũng không được thủ trước. Nên Phật bảo "không thấy mình an nhẫn Ba la mật như thế mới gọi là an nhẫn Ba la mật".

***2.** Phật có kể lại cho chúng hội biết "về quá khứ, Ta là vị tiên nhân tu hạnh nhẫn nhục đến 500 đời. Bị vua Ca Lợi cắt xẻo thân thể từng đoạn, nhưng ta không sân hận vì ta không còn chấp ngã, hữu tình, mạng giả, sanh giả, sĩ phu, nho đồng v.v…"*

Trong Kinh Đại Niết Bàn và Luận Tỳ Bà Sa có câu chuyện đại khái như sau: Khi Phật còn tu Bồ Tát đạo, có một vị vua ở thành Phú Đan Na, tên là Ca Lợi, một hôm cao hứng dẫn các cung phi mỹ nữ đi "cắm trại" ngoài thành. Sau khi ăn uống xong, vua mệt mỏi ngủ thiếp. Các cung nữ rủ nhau đi hái hoa, đi lần đến chỗ Bồ Tát đang ngồi. Vì muốn cho cho các cung nữ dứt lòng tham dục nên Bồ Tát thuyết pháp cho họ. Khi vua tỉnh giấc không thấy bọn cung nữ ở đâu nên đi tìm. Vua Ca Lợi thấy tiên nhân đang trò chuyện với các cung nữ của mình, liền bảo:

- Ngươi đem huyễn thuật cám dỗ cung nữ ta phải không?

Tiên nhân trả lời:

- Tôi tịnh giới đã lâu, không còn tâm ô nhiễm.

Vua hỏi:

- Ngươi đắc quả La hán chưa?

Trả lời:

- Chẳng đắc!

Hỏi:

- Ngươi đắc quả Bất hoàn chưa?

Trả lời.

- Chẳng đắc!

Vua nói:

- Nay ngươi còn thiếu niên, đã chưa đắc quả chắc còn ham dục nên mới dòm ngó cung nữ ta?

Trả lời:

- Tôi tuy chưa đoạn hết tham dục, nhưng tâm không tham.

Hỏi:

- Người tiên luyện khí ăn trái cây thấy sắc còn ham, huống chi tuổi còn cường thịnh như ngươi.

Trả lời:

- Thấy sắc mà ham không phải ăn trái cây hay luyện khí mà chính do hộ niệm vô thường, bất tịnh.

Vua trách:

- Người khinh thường người khác, chê dèm người khác, sao được coi là tịnh giới!

Trả lời:

- Có đố kỵ mới gọi là chê dèm, không đố kỵ không phải là chê dèm.

Vua hỏi:

- Sao gọi là giới?

Trả lời:

- Nhẫn là giới.

Vua liền rút gươm cắt tay chân, xẻo tai mũi vị tiên nhân, rồi hỏi:

- Nhẫn chăng?

Trả lời:

- Nếu đại vương cắt xẻ tấm thân này ra muôn mảnh, thì cũng như hạt bụi nhỏ, tôi rốt ráo có thể nhẫn, chẳng nổi một niệm sân.

Bấy giờ, bầy tôi can gián vua chưa nguôi giận. Lúc đó tứ Thiên vương, làm mưa kim cang sa, vua sợ hãi, quì gối xuống tạ tội. Tiên nhân liền nguyện: Nếu tôi không có niệm sân, thì khiến thân bình phục như cũ. Vừa nguyện xong, thì thân của vị tiên nhân được lành lặn như cũ. Rồi tiên nhân nói: Ngày nào Ta thành đạo quả sẽ độ đại vương trước hết. Và khi Phật thành đạo Ngài độ Kiều Trần Như, tức tiền thân của vua Ca Lợi.

Vị Tiên nhân bị chặt chân tay, xẻo mũi mà không oán hận vì Ngài không thấy có ngã, không thấy mình bị nhục, bị hành hạ. Nếu còn thấy mình bị nhục, bị hành hạ tức chưa được nhẫn nhục rốt ráo.

Nhẫn nhục như Hàn Tín lòn trôn giữa chợ hay Câu Tiễn nếm phân của Phù Sa để chờ ngày phục hận thì không phải là nhẫn nhục Ba la mật. Vì cái nhẫn này có hậu ý, nên nói không phải là Ba la mật.

---o0o---

Bồ Tát phát Bồ đề tâm phải xa lìa tất cả vọng chấp.

"Thiện Hiện! Đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nên xa lìa tất cả tưởng, chẳng trụ nơi sắc mà sanh tâm, chẳng trụ phi sắc mà sanh tâm; chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm; chẳng trụ phi thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm. Hoàn toàn vô trụ sanh tâm. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì chỗ trụ chẳng phải là chỗ trụ. Do đó, Như Lai nói các Bồ Tát nên vô trụ mà hành bố thí. Chẳng nên trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà hành bố thí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát vì các hữu tình mà làm nghĩa lợi, nên phải xả bỏ bố thí như thế. Vì sao?

Thiện hiện! Vì các tưởng hữu tình tức là chẳng phải tưởng. Tất cả hữu tình, Như lai nói chẳng phải hữu tình".

Kinh nói đi nói lại không ngoài ly tướng. Có phân biệt tướng nên mới có chấp. Một khi có chấp tức có động niệm thì làm sao an trụ tâm. Kinh nói "tín tâm thanh tịnh sẽ sanh thật tướng". Thật tướng chỗ gọi vô tướng là tên khác của giác tâm. Khi ly được một phần tướng thì chứng một phần giác tâm, ly tất cả tướng tức trở về cái bản nhiên tịch lặng. Như vậy, có thể thấy từ phàm phu đến cứu cánh giác, ***công phu tu tập không ngoài ly tướng****. Nếu tâm còn trụ chấp nơi lục trần tức còn phân biệt chấp trước, nên Phật nói "nếu tâm có trụ tức chẳng trụ", phải trụ ở chỗ vô trụ mới thật an trụ chân tâm.*

Ngài Xuyên Thiền sư mới có bài tụng:

Kiến sắc phi can sắc
Văn thinh bất thị thinh
Sắc thinh vô ngại xứ
Thấu đáo Pháp vương thành.

Dịch:

Thấy sắc không mê sắc
Nghe tiếng chẳng nhiễm tiếng
Sắc tiếng đều không ngại
Mới đến Pháp vương thành.

Nếu Bồ Tát khi làm lợi ích cho chúng sanh mà tâm còn chấp tướng nghĩa là còn thấy mình bố thí, người thọ thí và vật bố thí, tức còn chấp ngã (mình, người) chấp pháp (vật bố thí) thì chỉ được phước hữu lậu, không phải là Bố thí Ba la mật. Bởi thế, Phật dạy Bồ Tát làm lợi ích chúng

sanh không nên chấp tướng ngã, hữu tình, mạng giả, sĩ phu, nho đồng, tác giả, thọ giả… thì được phước vô lậu không có gì bằng. Bố thí như vậy mới được gọi là bố thí Ba la mật.

Bố thí là hành vi xả kỷ lợi tha, nên không trụ chấp bất cứ thứ gì. Có trụ có chấp thì rơi vào cảnh giới tối tăm như người từ ngoài sáng đi vào nơi tối thì không thấy gì? Nếu không trụ chấp, Kinh nói "không trụ tất cả pháp là trụ trong Bát Nhã" mà trụ Bát Nhã là khai mở trí tuệ giống như người có mắt lại được ánh sáng mặt trời chiếu soi nên thấy rõ mọi vật.

Vì vậy, Phật bảo: "Nếu thiện nam, hoặc thiện nữ đối với pháp môn đây mà thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo và vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì Như Lai dùng Phật trí biết rõ người này, Như Lai dùng Phật nhãn thấy rõ người này, Như lai độ người này. Tất cả hữu tình như thế sẽ được vô lượng phước đức.

Lại nữa, Thiện Hiện! Giả sử thiện nam, hoặc thiện nữ nào, vào phần đầu của ngày, đem thân thể mình nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí; vào phần giữa của ngày, lại đem thân thể mình nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí; vào phần cuối của ngày cũng đem thân thể mình nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí. Bố thí như thế trải qua vô số trăm ngàn kiếp, nếu có hữu tình nào nghe pháp môn như thế mà không phỉ báng, thì do nhân duyên đây sẽ được số phước nhiều hơn trước vô lượng, vô số; huống chi **đối với pháp môn đây mà thọ trì, đọc tụng thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì người này được Như Lai dùng Phật trí biết rõ, được Như Lai độ người này. Tất cả hữu tình như thế thành tựu vô lượng phước đức, đều sẽ thành tựu vô biên phước đức chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể cân lường**".

Vì vậy, Phật bảo: "Thiện Hiện! Pháp môn như thế chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể cân lường. Phải nên mong cầu, quả dị thục không thể nghĩ bàn".

Trong Kinh Niết Bàn có kể câu chuyện, khi Phật còn trong thời kỳ tu Bồ Tát hạnh, là một tiên nhân tha thiết cầu Kinh Đại thừa. Trời Đế Thích muốn thử thách nên hiện làm quỷ La sát, đói khát muốn ăn thịt người, mới đứng trước động tiên nhân đọc hai câu kệ: ***Chư hành vô thường, thị danh diệt pháp*** *tức tất cả pháp thuộc tạo tác đều vô thường, sinh diệt. Vị tiên nhân nghe hai câu kệ hết sức vui mừng, liền lần ra cửa động để xem*

ai nói, thì thấy một con quỷ rất ghê sợ. Nhưng vì muốn nghe pháp Phật, nên vị tiên nhân đánh bạo hỏi:

- Xin lỗi! Có phải ông là người vừa nói hai câu kệ không?

Quỷ La sát trả lời:

- Phải.

Vị tiên nhân hỏi tiếp:

- Vậy, xin ông đọc tiếp cho tôi nghe được không?

Quỷ La sát trả lời:

- Tôi đang đói không thể nói được, muốn tôi nói phải cho ăn no mới nói được.

Tiên nhân hỏi:

- Thức ăn của ông là gì?

Đáp:

- Tôi chỉ dùng thịt sống máu tươi.

Vị tiên nhân mới nghĩ: Nếu ta hy sinh thân mạng thì làm sao nghe được Kinh, nên đề nghị với quỷ La sát:

- Thôi bây giờ tôi leo lên cây cao, ông ghi câu kệ trên tảng đá gần đó, tôi ở trên đọc được kệ xong, liền gieo mình xuống để ông ăn. Ông có chịu không?

*Quỷ La sát nhận lời. Vị tiên nhân leo lên cây và quỷ La sát viết tiếp phần kệ còn thiếu: **Sinh diệt diệc dĩ, tịch diệt vi lạc,** nghĩa là sinh diệt hết rồi, thì tịch diệt là vui. Ngay đó vị tiên nhân từ trên cao gieo mình xuống, quỷ La sát hiện nguyên hình trời Đế Thích đỡ Ngài và tán thán:*

- Công đức tu hành của Ngài chắc chắn sẽ trở thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác. Xin Ngài đừng quên tôi khi đạt đạo.

Đó là câu chuyện cầu đạo mà không tiếc thân mạng của Phật trong khi còn tu Bồ Tát đạo. Trong ĐBN này, phẩm "Thường Đề Bồ Tát", Q.398, Hội thứ I, ĐBN có một vị Bồ Tát có tên là Thường Đề hay còn gọi là "Bồ Tát Thường khóc" chẻ xương bán tủy để nghe Bát Nhã. Đó là những vị cầu pháp không tiếc thân mạng. Tài thí chỉ giải quyết được những nhu cầu vật chất hiện tại như cơm ăn, áo mặc… nhiều lắm là được phước đức hữu lậu; còn pháp thí thì được công đức vô lậu không thể nghĩ bàn. Nên Phật nói: **"Những người như thế có thể gánh vác đạo quả Vô thượng Bồ đề của Như Lai".**

---o0o---

Người thọ trì Kinh này công đức nhiều hơn Phật Thích ca cúng dường vô số chư Phật.

“Thiện Hiện! Ta nhớ thuở quá khứ xa xưa, trong vô số kiếp, trước thời đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Ta từng gặp tám mươi bốn ức trăm ngàn chư Phật, Ta đều vâng thờ. Đã vâng thờ rồi đều không trái phạm.

Thiện Hiện! Sau đời đương lai, hậu thời, hậu phần năm trăm năm, khi Chánh pháp sắp diệt, lúc thời phần chuyển, nếu hữu tình nào đối với Kinh điển đây, thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì này Thiện Hiện, số phước đời trước của Ta so với số phước đây thì trăm phần không bằng được, như vậy cho đến ngàn phần, hoặc trăm ngàn phần, hoặc ức trăm ngàn phần, hoặc hơn ức trăm ngàn phần, hoặc số phần, hoặc kế phần, hoặc toán phần, hoặc dụ phần, hoặc cực số phần cũng chẳng bằng được.

Thiện Hiện! Nếu Ta nói đầy đủ, chính ngay khi ấy, số phước mà thiện nam, hoặc thiện nữ này được, cho đến số phước mà thiện nam, hoặc thiện nữ này thọ trì, thì các hữu tình nghe được bèn mê ngất, tâm nghi điên cuồng.

Cho nên, Thiện Hiện! Như Lai tuyên thuyết pháp môn như thế chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính lường. Hãy nên mong cầu, quả đạt được chẳng thể nghĩ bàn”.

Từ trước Phật dùng thí dụ nào là bố thí bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên, nào bố thí cả thân mạng sớm trưa chiều tối trong vô số kiếp… tới đây Phật lấy chính bản thân của mình làm thí dụ: Ở quá khứ xa xưa, trong vô số kiếp, trước khi được Phật Nhiên Đăng thọ ký, Phật đã từng gặp tám mươi bốn ức trăm ngàn chư Phật, đều vâng thờ. Nói như vậy, có nghĩa là Phật đã làm công quả biết bao nhiêu đời kiếp, thờ phụng cúng dường không sót một đức Phật nào. Nhưng công đức ấy cũng không bằng“hữu tình nào đối với Kinh điển đây, thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, như lý tác ý, thì số phước đời trước của Phật so với số phước đây như vậy trăm ngàn phần, hoặc trăm vạn ức

phần hoặc số phần hoặc kế phần hoặc toán phần hoặc dụ phần hoặc cực số phần cũng chẳng bằng được". *Vì sao?*

Vì chúng sanh này được giác ngộ, đắc Chánh giác, đắc Nhất thiết trí trí, lại giáo hóa chúng sanh khác cũng giác ngộ được đạo quả như mình. Rồi chúng sanh đó lại giáo hóa các chúng sanh khác nữa cũng được như vậy, cứ thế nhân lên theo cấp số nhân, thì phước đức làm sao kể hết. Vì Kinh này được coi là mẹ của chư Phật và chư Bồ Tát. Kinh này cũng nhiếp thọ tất cả Phật pháp hay nói khác tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều lưu xuất từ Kinh này. Nên thọ trì, đọc tụng vì người tuyên nói thì công đức không thể cân lường, tính đếm nổi! Vì vậy, Phật lúc nào cũng nhắc nhở "nên mong cầu, vì quả đạt được không thể nghĩ bàn".

Kinh Kim Cương Năng Đoạn là một quyển Kinh ngắn mà Phật tán tụng việc thọ trì được phước đức tổng cộng cả thảy là 14 lần. Nhưng Kinh Kim Cương chỉ là một quyển trong số 600 quyển của Đại Bát Nhã. Vậy, phải biết Kinh Đại Bát Nhã tán tụng việc thọ trì Kinh này rộng lớn biết bao?

Phẩm "So Lường Công Đức", Q.126, Hội thứ I, ĐBN, Phật bảo Thiên Đế Thích:

"Này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ v.v... chẳng lìa tâm của Nhất thiết trí trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát nhã Ba la mật này chí tâm lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, như lý tư duy, vì các hữu tình tuyên thuyết truyền bá rộng rãi, hoặc lại sao chép, trang trí đẹp đẽ, rồi dùng vô lượng tràng hoa, các thứ hương xoa, hương bột tuyệt diệu, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, các thứ ngọc quí, kỹ nhạc, đèn sáng, hết cả vật sở hữu cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen thì thiện nam, thiện nữ v.v... ấy, ta nói, **có được vô lượng vô biên công đức thù thắng trong hiện tại và vị lai".**

Để đáp lời Phật, Thiên Đế Thích cũng trong phẩm "So Lường Công Đức", Q.129, Hội thứ I, ĐBN, tán thán:

"Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức **quảng đại** thù thắng; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **vô lượng**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **viên mãn**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **vô biên**; Bát nhã Ba la mật như

thế thành tựu công đức thù thắng **vô đối**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **vô tận**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **vô giới hạn**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **không gì bằng**; Bát nhã Ba la mật như thế, thành tựu công đức thù thắng **khó nghĩ bàn**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **chẳng thể nói hết**".

Bao nhiêu lời tán tụng Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức quảng đại, vô lượng, vô biên, vô đối, vô tận, vô giới hạn, không gì bằng, khó nghĩ bàn, chẳng thể kể xiết... là quá đủ, nên các đoạn kế tiếp không cần lặp lại nữa!

---o0o---

Đây là lần thứ hai, Thiện Hiện hỏi Phật hai câu hỏi quan trọng.

"Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những người phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa nên an trụ như thế nào? Nên tu hành như thế nào? Nhiếp phục tâm như thế nào?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Những ai phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa, phải nên phát tâm như vầy: Ta đều làm cho tất cả hữu tình vào Vô dư y Niết bàn. Mặc dù độ tất cả hữu tình đều được diệt độ, song không thấy có hữu tình nào được diệt độ. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì nếu các đại Bồ Tát còn tưởng hữu tình, thì không gọi là đại Bồ Tát. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát chẳng nên nói rằng chuyển tưởng hữu tình; như vậy, chuyển tưởng mạng giả, tưởng sĩ phu, tưởng Bổ đặc già la, tưởng ý sanh, tưởng thiếu niên, tưởng tác giả, tưởng thọ giả, phải biết cũng vậy. Vì sao? Thiện Hiện! Vì không có một chút pháp nào gọi là người hướng tới Bồ Tát thừa.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Khi xưa, ở chỗ đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, có chút pháp nào mà Như Lai chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật nói, thì khi xưa ở chỗ đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Như Lai không có chút pháp nào gọi là chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Đây là lần thứ hai cụ thọ Thiện Hiện hỏi Phật: Người phát tâm hướng đến Đại thừa nên phát tâm an trụ như thế nào và làm sao nhiếp phục tâm? Hàng phục và an trụ là vấn đề lớn đối với người phát Bồ đề tâm, tu Bồ Tát đạo. Nếu không giải quyết được vấn đề này thì coi như không tu hành, không hàng phục hay an trụ chơn tâm.

Nếu tự tâm còn thấy thật có chúng sanh cần diệt độ, thấy Niết Bàn là chỗ phải vào, tức tâm vẫn còn khởi niệm, mỗi khi niệm khởi thì vọng sanh như vậy thì làm sao ***năng đoạn*** *được vọng mà nói đến tu hành. Nên đoạn Kinh trước cũng như đoạn này Phật nói "mặc dù độ tất cả hữu tình đều được diệt độ, song không thấy có hữu tình nào được diệt độ". Điều đó có nghĩa là phải thật sự diệt tận năng sở ngã sở, năng chấp ngã chấp thì mới có hy vọng tu hành Bát Nhã.*

Nếu Bồ Tát còn nghĩ tưởng mình cần phát Bồ đề tâm, cần tu Bồ Tát đạo, cần diệt độ hữu tình… thì năng sở còn nguyên thì làm sao nhiếp phục tâm, làm sao tu hành mà nói là an trụ hay không an trụ. Ngài Hoàng Bá bảo: "Biết rõ tất cả chúng sanh vốn là Bồ đề, không lẽ Bồ đề lại được Bồ đề. Nay ông nghe nói phát Bồ đề tâm, bèn cho là có cái tâm học làm Phật. Nếu chỉ nghĩ làm Phật, dù ông tu ba A tăng kỳ kiếp cũng chỉ là Phật báo thân, hóa thân, cùng Phật chân tánh bản nguyên của ông có gì dính dáng". *Vì vậy, nên Phật bảo* "thật không có pháp gì gọi là phát Bồ đề tâm", *chỉ theo thế tục nói như vậy thôi. Thật là câu nói quá thâm!*

Như vậy, phải biết là không có pháp Bồ đề tâm, Bồ đề ngay nơi tự tâm, không cần tìm nơi nào khác. Quay về quán chiếu tự tâm, con đường trở về là phản tỉnh, là ánh sáng, là quang minh chiếu diệu. Nên khi Phật hỏi cụ thọ:

- "Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Khi xưa, ở chỗ đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, có chút pháp nào mà Như Lai chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?" Cụ thọ Thiện Hiện bèn trả lời "Như Lai không có chút pháp nào gọi là chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Tại sao?"

Vì tu cũng từ tâm, chứng cũng tự chứng, đặng đạo Bồ đề cũng tự thầm ngộ. Không phải phát tâm cầu Phật, rải năm cành hoa cúng dường, lót y, trải tóc che bùn… cho Phật Nhiên Đăng đi qua mà được thọ ký. Đó chỉ là hình thức bên ngoài. Tu hành đúng thời tiết, quả tự chín thì gọi là đắc pháp. Nhưng đắc cũng chẳng đắc gì cả, thầm ngộ thì gọi là đắc. Vô minh là mê, chuyển thành giác thì gọi là ngộ. Mê ngộ chỉ là sự chuyển đổi nơi tự tâm, chỉ có mình hay mình biết. Vì vậy, Thiện Hiện thầm ngộ chỗ này, nên thưa Phật: "Như chỗ con hiểu ý Phật nói Như lai không có đắc pháp Bồ đề với Phật Nhiên Đăng".

Phật Nhiên Đăng không có quả Bồ đề trao cho Thế tôn. Thế tôn tự tu tự chứng, công tròn quả mãn thì đặng Vô Thượng Bồ đề. Nói tu thành Phật là thành cái gì? Còn trong Như Lai tạng tại triền thì gọi là thái tử Tất Đạt Đa, nếu giải thoát khỏi triền phược tức Như Lai tạng xuất triền thì gọi là Phật Thích Ca Mâu Ni. ***Đó chính là trở về với cái sẵn có của tự tâm.*** *Vì vậy, Ngài Hoàng Bá mới nói:* "Giả sử có người tinh tấn tu hành trải qua ba A tăng kỳ kiếp, lần lượt qua các địa cùng với người do một niệm chứng được, chỉ là chứng cái "sẵn có" trên ông Phật của chính mình, kỳ thật không có thêm được một cái gì khác. Xem ra công dụng nhiều kiếp đều là việc làm trong mộng". *Đây là quan niệm "bản hữu" trong Phật đạo, tu là trở về cái bản hữu này, chứ chẳng có gì khác!*

Phần "Na Già Thật Lợi", Q.576, Hội thứ VIII, ĐBN*: Khi Bồ Tát Na Già Thất Lợi nói với Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi là muốn chứng Vô Thượng Bồ đề. Mạn Thù Thất Lợi bảo:*

- "Pháp Vô thượng Bồ đề chẳng thể chứng. Ngài muốn chứng pháp ấy tức là hành hý luận. Vì sao? Vì Vô thượng Bồ đề lìa tướng, tịch diệt. Vậy Ngài muốn trở thành người giữ lấy sự hý luận sao! Ví như có người nói như vầy: "Tôi khiến huyễn sĩ ngồi tòa Bồ đề, chứng huyễn Vô Thượng Bồ đề". Lời nói như thế quá ư hý luận. Vì các huyễn sĩ còn bất khả đắc, huống nữa là khiến cho chứng được huyễn đại Bồ đề!

Huyễn đối với pháp huyễn chẳng hợp chẳng tan, chẳng lấy chẳng bỏ, tự tánh đều Không. Chư Phật Thế Tôn nói tất cả pháp chẳng thể phân biệt, đều như huyễn mộng. Nay Ngài muốn chứng Vô thượng Bồ đề, há chẳng phải thành người phân biệt huyễn pháp! Nhưng tất cả pháp đều chẳng thể lấy, cũng chẳng thể bỏ, không thành không hoại, chẳng phải pháp đối với

pháp có tạo tác và có diệt hoại. Không có pháp nào đối với pháp nào mà có hòa hiệp, có chia lìa. Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng hợp chẳng tan, tự tánh đều Không, lìa ngã, ngã sở, đồng cõi hư không, không nói, không chỉ, không khen, không chê, không cao, không thấp, không tổn, không ích, chẳng thể tưởng tượng, chẳng thể hý luận, bản tánh hư tịch, rốt ráo đều Không, như huyễn như mộng, vô đối, vô tỉ, sao có thể khởi tâm phân biệt nó được".

1. Trong Bích Nham Lục phần nói về "Tinh Thần Thiền tông" có kể câu chuyện: Đời Đường có thiền sư Đạo Lâm cư ngụ trên nhánh cây cổ tùng, làm bạn cùng chim chóc trong ngọn núi Tần Vọng ở phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang. Người đương thời gọi Ngài là Hòa thượng Ô Sào, vì chỗ Ngài ở giống như ổ quạ. Ngày kia đệ tử của sư tên Hội Thông đến cáo từ để đi nơi khác. Sư hỏi:

- Thông định về đâu?

Thông thưa:

- Con vì tầm cầu Phật pháp mà xuất gia bái sư làm Thầy. Nhưng từ trước đến giờ Thầy chưa từng thuyết pháp cho con nghe, nên nay con định đi nơi khác để học Phật pháp.

Đạo Lâm nói:

- Tưởng gì gì chớ Phật pháp thì nơi đây ta cũng có chút đỉnh.

Hội Thông vội hỏi:

- Thế Phật pháp của Hòa thượng là thế nào?

Thiền sư bèn bứt nơi áo của mình một sợi lông vải thổi nhẹ về phía Hội Thông. Hội Thông tỉnh ngộ ngay không còn ý định lặn lội đi nơi khác cầu pháp nữa. Vậy, chỗ nào là Phật pháp và làm sao Hội Thông tỉnh? Phật pháp tràn đầy trong vũ trụ, cũng tràn đầy từ tâm. Nếu tâm không nọ kia, không còn điên đảo thì muôn pháp bất động như như. Đó chính là chơn như pháp giới. Cái sờ sờ trước mắt, cần gì phải tìm cầu.

2. Lại có người hỏi Ngài Hoàng Bá:

- Ngay chính khi ngộ, Phật ở chỗ nào?

Sư đáp:

- Hỏi từ đâu đến? Biết từ đâu khởi? Nói nín động tĩnh, tất cả thanh sắc đều là Phật sự, chỗ nào lại tìm Phật? Không thể trên đầu lại thêm đầu,

trên mỏ lại thêm mỏ. Chỉ chớ sanh kiến chấp khác, thì núi là núi, nước là nước, Tăng là Tăng, tục là tục, núi sông, quả đất, mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, thảy không ngoài tâm ông. Ba ngàn thế giới là tự thể của ông, chỗ nào có nhiều thứ? Ngoài tâm không pháp, khắp thấy núi xanh, hư không, thế giới rõ ràng mà không có bằng mảy tơ sợi tóc cho ông sanh hiểu biết. Nên nói "Tất cả thanh sắc là mắt tuệ của Phật".

Như Lai là bản thể như như của các pháp, vì Như Lai lìa tất cả hư tướng của hết thảy pháp sai biệt, nên chứng được chân tánh của tất cả pháp nhất như (chơn như thật tánh). Tâm Phật chẳng dung chứa tướng sai biệt của tất cả các pháp nên mới gọi là Như. Tâm Phật cũng chẳng nắm giữ tướng chung tướng riêng khác. Pháp tánh vốn bình đẳng không tịch, vì chứng biết cái bản lai không tịch ấy nên gọi là Phật Như Lai.

Mê muội bình đẳng (không biết bình đẳng là gì) bèn chấp thủ sai biệt thì tâm theo pháp chuyển, ngay chánh pháp còn chướng ngại huống chi phi pháp. Ở trong sai biệt mà nhận ra bình đẳng, thì tâm đã chuyển, chuyển từ mê muội triền phược sang giải thoát, tức hiểu rõ các pháp đều là chân như thật tướng. Cổ đức bảo "đưa đón khách khứa, gánh nước bửa củi, đi đứng nằm ngồi, trong sáu thời ở trên chư pháp đem nghĩa này ra thực hành tức là cái đó".

"Cái đó" tức chân như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bình đẳng tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế... Hiểu biết như vậy thì nói huyền thuyết diệu làm gì. Sáu thời "cứ đói ăn mệt ngủ". Đó là đời sống sinh hoạt không nỗ lực, vô công dụng hạnh, vô đạo hành hay nói khác là sinh hoạt không trước ý, cứ "đói ăn, mệt ngủ".

Phải biết thiên hạ vốn vô sự, người ngu tự làm rối mình. Kinh Lăng nghiêm bảo: "Tự tâm lại trách tự tâm, chân tâm biến thành huyễn" *là thế. Còn nghĩ nọ kia thì còn vọng, vọng sanh thì trần ai nổi sóng. Đó chính là tự mình làm rối mình. Thiền sư Duy Tín nói lúc chưa ngộ thì thấy núi là núi, nước là nước. Đến khi được thiện tri thức chỉ chỗ vào, thì thấy núi không phải là núi, nước không phải là nước. Sau 30 năm Duy Tín được chỗ an ổn, mới thấy sông núi vẫn là sông núi cũ(1). Chư pháp từ xưa vẫn như vậy, nay vẫn như vậy, không lúc nào chẳng như. Vì vậy, Phật nói: "Như là bản thể như như của tất cả các pháp".*

Hiểu đạo rồi thì gạt bỏ được tất cả kiến chấp tình chấp, không giữ không bỏ, thì mặc tình thấy biết! Trong "Tín Tâm Minh", Tổ Tăng Xán nói:

Viên đồng thái hư
Vô khiếm vô dư
Lương do thủ xả
Sở dĩ bất như

Dịch:

Tròn đầy tợ thái hư
Không thiếu cũng không dư
Bởi mãi lo giữ bỏ
Nên chẳng được như như.

Chúng sanh chấp Như Lai đặng quả Bồ đề, vì chúng sanh chưa hiểu hai chữ Như Lai. Như Lai là bản thể như như của các pháp, đã là như như, nên không có đặng pháp nào cả. Chỉ vì tỏ rõ cứu cánh giác ngộ, không biết gọi là gì, nên tạm gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác vậy thôi. Nên Phật nói tiếp: "Như Lai đặng quả Bồ đề không thực không hư". *Không thực vì là giả thi thiết mà có. Nhưng quả đó do nhiều đời nhiều kiếp tu hành, tích tụ công đức nên tự chứng ngộ. Cái chứng ngộ là cái có thật, do mình tự chứng tự biết, nên nói là chẳng hư.*

Thích nghĩa cho đoạn Kinh này:

(1). Nguyên văn câu nói của Thiền sư Duy Tín là: "Sãi tôi 30 năm trước khi chưa học Thiền, thấy núi là núi, thấy nước là nước. Sau nhân theo bậc thiện tri thức chỉ cho chỗ vào thì thấy núi chẳng phải núi, nước chẳng phải nước. Rồi nay thể nhập chốn yên vui tịch tĩnh, y nhiên thấy núi chỉ là núi, thấy nước chỉ là nước".

---o0o---

Tại sao Phật nói tất cả pháp là Phật pháp?

"Thiện Hiện! Những pháp mà hiện tiền Như Lai đã chứng, hoặc đã nói, hoặc đã nghĩ, ở trong ấy chẳng thật, chẳng hư. Cho nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp.

Thiện Hiện! Tất cả pháp, tất cả pháp ấy Như Lai nói chẳng phải tất cả pháp. Cho nên Như Lai nói là tất cả pháp".

*Tại sao Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện: Những pháp hiện tiền mà Như Lai đã chứng hoặc đã nói hoặc đã nghĩ, ở trong ấy chẳng thật chẳng hư? Bởi vì tất cả pháp đều do duyên sanh, không có tự tánh, nên nói là không thật có, chỉ là giả danh, nên Phật bảo là **chẳng thật**. Tuy biết như vậy, nhưng không nhiếp thọ tu hành thì không thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh quốc độ, được giác ngộ, chứng Nhất thiết trí trí. Vì vậy, nên Phật bảo là **chẳng hư**.*

Vì nhờ các pháp ấy mà chúng sanh thoát khỏi phiền não, được Niết bàn yên vui rốt ráo, nên Phật bảo tất cả pháp ấy là pháp Phật. Nhưng khi nói như vậy, Phật nghĩ chúng sanh sẽ mong cầu nắm bắt cất giữ. Phật liền "phủi" ngay: **"Tất cả pháp, tất cả pháp ấy Như Lai nói chẳng phải tất cả pháp"**. *Vì sao? Vì Phật không muốn chúng sanh lấy sở đắc tu hành dù đó là pháp tối cao mang lại nhiều công đức nhất cũng đưa đến trói buộc bằng cách này hay cách khác, tâm sẽ không còn tư do trong tư tưởng hay hành động nữa. Tu là tu như hư không, tu vô sở hữu, bất khả đắc mới mong chóng thành Phật đạo mang lại lợi ích cho toàn thể chúng sanh.*

Khi hiểu tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian là gì thì hiểu Đạo ở đâu? Đạo không do Phật làm ra, Đạo không do Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn hay bất cứ ai làm ra. Đạo có khắp trong trời đất. Hiểu như thế là thấy Đạo. Nên nói "tất cả thanh sắc đều là mắt tuệ của Phật".

---o0o---

Đoạn chấp cái thân lớn.

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ví như người nam có thân hình cao lớn.

Cụ thọ Thiện Hiện liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai nói người nam có thân hình to lớn, tức là chẳng phải thân, cho nên gọi là thân hình to lớn".

Trước đây Phật đã phá cái chấp lớn nhỏ của thế giới và vi trần, bây giờ Phật phá cái chấp thân hình to lớn. Dù hình tướng có lớn như núi Tu Di thì cũng do đất nước gió lửa tạo nên. Cái gì do duyên sanh thì có thành có hoại... Tu Bồ đề hiểu ý Phật nói, liền trả lời: Người có thân hình to lớn tức chẳng phải thân lớn mà qua cái thân lớn thấy được pháp thân vô tướng đầy đủ công đức, tùy duyên biến hiện khắp cả chỗ để hóa độ chúng sanh, thì mới nói là thân lớn. Còn có niệm lớn nhỏ là còn phân biệt thì làm sao nhập Bát Nhã Trí. Đó là phá cái chấp về nhục thân để thấy cái pháp thân.

---o0o---

Không có pháp nào gọi là Bồ Tát :

"Phật bảo:
- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng vậy. Nếu các Bồ Tát nói lời như vầy: "Ta phải diệt độ cho vô lượng hữu tình", thì không gọi là Bồ Tát. Vì sao? Thiện Hiện! Vì có chút pháp nào gọi là Bồ Tát không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế đức Tôn! Không có. Không có chút pháp nào gọi là Bồ Tát".

1. *Bồ Tát thấy mình đã độ chúng sanh, thấy chúng sanh cần được độ, tức còn chấp ngã pháp là còn bệnh. Nên đoạn Kinh này nói rõ ràng: Nếu Bồ Tát chấp mình độ chúng sanh thì không phải là Bồ Tát, vì còn thấy năng độ sở độ tức còn chấp ngã chấp pháp. Có thủ có chấp nên vẫn thấy khác biệt giữa mình người... thì không phải là chơn Bồ Tát.*

Có vị Tăng hỏi quốc sư Huệ Trung:
- Làm sao được thành Phật?
Ngài Huệ Trung đáp:
- Phật và chúng sanh đồng dẹp hết thì được giải thoát.

Bặt niệm phàm Thánh thì được giải thoát. Lục Tổ lại nói: "Chẳng ngộ thì Phật là chúng sanh, còn khi ngộ thì chúng sanh là Phật".

Chúng sanh, Phật, Bồ Tát cũng chỉ là những danh tự diễn tả sự chuyển đổi trạng thái của cái tâm này. Chúng sanh cũng có tâm, nhưng là tâm mê. Bồ Tát cũng có tâm, tâm giác mà giác từng phần. Phật cũng có tâm, tâm giác, tâm giác trọn vẹn nên gọi là Phật.

*Bồ Tát sau khi tu Lục độ vạn hạnh hoàn tất, lập đại nguyên cứu độ chúng sanh, ngày nào còn một chúng sanh chưa được diệt độ ngày đó Bồ Tát chưa vào Niết Bàn. Nhưng Bồ Tát hóa độ chúng sanh như thế nào? Không phải bằng phép mầu mà Bồ Tát có thể đưa tất cả chúng sanh vào Niết bàn. Bồ Tát cũng giống như tất cả các chúng sanh khác, chỉ khác với chúng sanh khác là **giác ngộ, nên nói là hữu tình giác ngộ**. Rồi từ cái giác ngộ đó, Bồ Tát lại giáo hóa hữu, cứu hữu tình ra khỏi phiền não các hệ lụy thế gian, nên nói là được giải thoát. Giải thoát là tịch diệt, tịch diệt nên gọi là vào Niết bàn.*

Nhưng nếu Bồ Tát còn thấy mình độ chúng sanh, thì Bồ Tát còn chấp mình là người độ, chúng sanh là người được độ và Niết bàn là pháp chân thật để giải thoát. Như vậy, Bồ Tát còn thấy mình (ngã), người (nhơn), pháp…, nên Kinh nói vì còn chấp tâm thủ tướng, nên "không phải là Bồ Tát".

2. *Không có pháp gọi là Bồ Tát?*

Phẩm "Tam Giả", Kinh MHBNBLMĐ thuật lại cuộc trao đổi giữa Thế Tôn và Tu Bồ đề luận về Bồ Tát như sau:

- "Này Tu Bồ Đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Này Tu Bồ Đề! Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Này Tu Bồ Đề! Địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng, thức chủng có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Này Tu Bồ Đề! Vô minh, hành thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, tử có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Này Tu Bồ Đề! Như như tướng của ngũ uẩn nhẫn đến như như tướng của thập nhị nhơn duyên có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Này Tu Bồ Đề! Rời ngoài như như tướng ấy có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Này Tu Bồ Đề! Ông thấy nghĩa gì mà cho rằng tất cả những pháp kể trên và ly những pháp ấy không phải là Bồ Tát như vậy?

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng sanh còn rốt ráo bất khả đắc huống lại là Bồ Tát. Sắc còn bất khả đắc huống là sắc hay rời sắc là Bồ Tát, huống là như như tướng của sắc hay rời như như tướng của sắc là Bồ Tát. Nhẫn đến thập nhị nhơn duyên hay rời thập nhị nhơn duyên là Bồ Tát, huống là như như tướng hay rời như như tướng của thập nhị nhơn duyên là Bồ Tát.

Lành thay, lành thay! Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Vì đại Bồ Tát và chúng sanh bất khả đắc nên Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc. Cần phải học như vậy".

Bồ Tát còn bất khả đắc thì pháp Bồ Tát cũng bất khả đắc. Danh xưng bất khả đắc, pháp tạo ra danh xưng cũng bất khả đắc. Gốc đã bất khả đắc thì cành ngọn cũng bất khả đắc nốt!

Tóm lại, tứ đại, ngũ uẩn, lục căn không phải là Bồ Tát, tất cả pháp cũng không phải Bồ Tát. Vì tất cả pháp đều không, nên Bồ Tát cũng không.

---o0o---

Hữu tình chẳng phải là hữu tình.

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Hữu tình, hữu tình ấy Như Lai nói chẳng phải hữu tình, nên gọi là hữu tình. Cho nên Như Lai nói tất cả pháp không có hữu tình, không có mạng giả, không có sĩ phu, không có Bổ đặc già la…"

Hữu tình là do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) và ngũ uẩn duyên hợp mà thành. Những loài có sanh là do ngũ uẩn hiện ra sanh tướng, vốn không

có thực thể. Một khi tứ đại tan rã, ngũ uẩn bám vào đâu? Nên nói hữu tình không thực hữu tình. Kinh ĐBN, Phật nói "sắc là hình tướng, thọ là lãnh nạp, tưởng là ức niệm, hành là trôi lăn, thức là phân biệt..." Tất cả đều do vọng tâm sanh ra. Vọng tâm không thật, thì ngũ uẩn cũng không thật. Vì vậy, khi Phật hỏi Tu Bồ đề: Ngũ uẩn có phải là Bồ Tát Không? Tu Bồ đề đáp: Không!

Tứ đại là huyễn, ngũ uẩn cũng là huyễn. Vậy cái gì do tứ đại và ngũ uẩn hợp lại sao gọi là thật được. Nhưng duyên hợp thì tướng sanh. Kinh nói tướng sanh là do "duyên hợp giả có". Có mà không có tự tánh, không có tự thể nên gọi là giả, vì không có tự thể nên Kinh nói "đương thể tức không". Thân tướng vô thường, hợp rồi tan, thành rồi hoại... nên nói "hết thảy tướng tức phi tướng".

Kinh Kim Cương là ly tướng, khiển chấp, không ngoài mục đích là phá cái vỏ bên ngoài như phá cái kém để con ngài hóa bướm mà bay cao. Nhất thiết chúng sanh tắc phi chúng sanh cốt là phá ngã phá tướng. Vì vô ngã là Niết bàn và ly tướng thì gọi là chư Phật.

Phần "Đại Bát nhã Ba la mật", Q.593, khi nói về trí tối cao của Phật đạo, Phật mật ý nói rằng:

"...Tất cả hữu tình đều không phải hữu tình.

Tất cả hữu tình đều là điên đảo chấp trước hữu tình.

Tất cả hữu tình đều là biến kế sở chấp hữu tình.

Tất cả hữu tình đều là hư dối sở duyên hữu tình.

Tất cả hữu tình đều là bại hoại tự hành hữu tình.

Tất cả hữu tình đều là vô minh duyên hành hữu tình.

Vì sao? Thiện Dũng Mãnh! Nếu pháp của tất cả hữu tình, chẳng có các loài hữu tình tạo tác pháp kia, thì gọi là vô minh duyên hành hữu tình.

Pháp nào không có? Nghĩa là chấp ta, chấp của ta, chính ta chấp cái của ta, sự chấp ấy là nắm giữ, bám víu, pháp đó chẳng có. Nếu có pháp đó thì tất cả hữu tình đều chấp là ta, chấp là của ta, chính ta chấp cái của ta, sự chấp kia là nắm giữ, bám víu, nên cho là thật có, không gọi hư dối. Không có pháp đó mà các hữu tình vọng chấp là ta, chấp là của ta, chính ta chấp cái của ta, sự chấp ấy là nắm giữ, bám víu đều không thật có, đều là hư dối, nên nói thế này: Tất cả hữu tình

không thật hữu tình, tất cả hữu tình đều là vô minh duyên hành hữu tình.

Này Thiện Dũng Mãnh! Không phải hữu tình là có chút thật pháp có thể chấp là ta, hoặc chấp là của ta, hoặc là nắm giữ hai chấp ấy, bám víu đều không thật pháp. Nên nói tất cả hữu tình là không thật hữu tình; nên biết không hữu tình ấy là khái niệm chẳng thật. Nói chẳng thật ấy phải biết đó là khái niệm không phải hữu tình, như trong tưởng không thật hữu tình, tất cả hữu tình vọng chấp là thật; nên nói tất cả hữu tình không thật hữu tình.

Này Thiện Dũng Mãnh! Nói không thật ấy là đối với trong này không thật, không khởi. Vì tất cả pháp đều là không chơn thật, cũng không phát khởi. Hữu tình trong này do hư dối chấp trước mà tự ràng buộc. Nên có thể nói tất cả hữu tình đều là hư dối, duyên theo hữu tình, họ đối với việc làm của mình không thể hiểu rõ, nên nói là không thật hữu tình. Tức là trong nghĩa này phải giác ngộ viên mãn cùng khắp. Nếu họ đối với các hành có giác ngộ viên mãn cùng khắp, thì biết người ấy gọi là Bồ Tát".

*Nếu hiểu rõ các pháp, thông đạt các pháp như vậy thì gọi là Bồ Tát, là Phật. Nên trong đoạn Kinh Kim Cương Năng Đoạn này Phật bảo:"**Hữu tình chẳng phải là hữu tình"**. Cái thấy biết các pháp, thông đạt các pháp như vậy chỉ có Bồ Tát, chư Phật, mới có thể nói hữu tình không phải là hữu tình. Còn chúng ta chấp ngã-ngã sở khởi hành phân biệt, nên thấy hữu tình là thật hữu tình, nên không thể siêu hóa nổi.*

Nói tóm lại, tứ đại, ngũ uẩn, lục căn, ngã không phải là hữu tình, tất cả pháp cũng không phải hữu tình. Vì tất cả pháp đều không, nên hữu tình cũng không.

---o0o---

Phá cái chấp thành tựu "công đức trang nghiêm cõi Phật".

Thiện Hiện! Nếu các Bồ Tát nói lời như vầy: "Ta phải thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật", thì cũng nói như thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì công đức trang nghiêm cõi Phật, công đức trang nghiêm cõi Phật ấy Như Lai nói chẳng phải trang nghiêm. Cho nên Như Lai gọi là công đức trang nghiêm cõi Phật".

Bồ Tát làm Phật sự có chấp: "Ta phải thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật" *không? Nhưng thế nào là trang nghiêm cõi Phật?*

Phẩm "Đạo Sĩ", Q.476, ĐBN*, do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch, Phật bảo:*

"Tu Bồ Đề! Các Bồ Tát Ma ha tát từ sơ phát tâm cho đến thân rốt sau, thường **tự thanh tịnh ba thô trọng nơi thân ngữ ý**, cũng thanh tịnh ba thứ thô trọng cho người, nên năng nghiêm tịnh cõi Phật".

Trong Chương I "Quốc Độ Phật", Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết*, Phật bảo trưởng giả Bảo Tích rằng:*

"Cho nên, Bảo Tích, nếu Bồ Tát muốn làm thanh tịnh quốc độ, hãy **làm thanh tịnh tự tâm**. Tùy theo tâm tịnh mà Phật độ tịnh".

Điều này có nghĩa muốn thành tựu trang nghiêm cõi Phật thì trước tiên phải thanh tịnh tự tâm. Một cá nhân thanh tịnh, thì gia đình được thanh tịnh. Gia đình thanh tịnh thì xóm làng thanh tịnh, xóm làng thanh tịnh thì quận tỉnh được thanh tịnh, quận tỉnh thanh tịnh thì quốc độ thanh tịnh. ***Tổng thể*** *chỉ hoàn thiện khi cá thể biết hòa đồng* ***cá biệt tánh*** *về vật chất cũng như tinh thần vào tổng thể đó. Do sự hòa đồng vì quyền lợi chung, nó vượt lên cái riêng tư của mình để đạt ích lợi chung. Nên muốn thành tựu Phật quốc thì phải thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh không gì hơn là <u>thanh tịnh tam nghiệp của chính mình trước</u>.*

Nên, ***Kinh Viên Giác nói****:* "Do tâm thanh tịnh nên sáu thức thanh tịnh, do sáu thức thanh tịnh nên sáu căn thanh tịnh, do sáu căn thanh tịnh nên sáu trần thanh tịnh, do sáu trần thanh tịnh nên bốn đại, 12 xứ, 18 giới và 25 loài đều thanh tịnh" *tức cõi nước được thanh tịnh. Vì vậy, Tịnh độ tông có câu* "tâm bình thế giới bình, tâm tịnh thế giới tịnh".

Bồ Tát làm những việc khó làm, muốn biến đổi thế giới đầy uế trọc thành cõi Tịnh độ, Bồ Tát phát Bồ đề tâm, tu Bồ Tát đạo, thanh lọc tự tâm trước khi dẫn dắt chúng sanh đến chỗ an lạc. Đó là ý nghĩa Bồ Tát làm trang nghiêm cõi Phật. Nhưng Bồ Tát còn chấp mình (Ta làm=năng), trang nghiêm cõi Phật (tịnh quốc độ=sở) Bồ Tát còn chấp thủ năng sở.

Trang nghiêm Phật độ mà không thấy mình trang nghiêm. Đó chính là hành đạo mà chẳng thấy hành, gọi là vô đạo hành, vô công dụng hạnh, nên mới được gọi công đức vô lậu, vô tận, vô biên không gì bằng.

---o0o---

Đối với pháp vô ngã mà hiểu biết sâu xa thì được gọi là Bồ Tát.

"Thiện Hiện! Nếu các Bồ Tát đối với pháp vô ngã mà tin hiểu sâu xa thì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác gọi là Bồ Tát".

Ngã, như là cái áo khoác gói trọn một cá thể. Vì là cái áo khoác nên có kích thước màu sắc khác nhau; vì là cá thể nên thành phần cấu tạo nên cá thể về vật chất và tinh thần cũng khác nhau: Khác nhau giữa cá thể với cá thể, và cũng khác nhau giữa cá thể với tập thể. Về vật chất tức vóc dáng, đẹp xấu, mạnh yếu… Về tinh thần (ý chí và dục vọng) tạo thành một thứ văn hóa hay nhân sinh quan khác nhau do huân tập bởi hoàn cảnh hay lịch sử. Đó là nói theo Tục đế.

Cổi cái áo khoác bên ngoài thì dễ, phá cái thể bên trong mới khó. Cái nằm bên trong là thân kiến là nhân tố chính tạo thành cái ngã thì rất khó thay đổi vô cùng. Thân kiến lúc nào cũng dung dưỡng ngã và ngã sở. Dung có nghĩa bao che, dưỡng có nghĩa nuôi cho nó lớn lên. Vì được nuôi nấng, nuông chiều, bao che… nên ích kỷ, cống cao, khinh mạn và đôi khi lấn áp những cái gì không phải nó hay không thuộc về nó. Đó chính là mầm móng của những rạn nứt, đổ vỡ trong cộng đồng xã hội.

Xã hội chỉ được yên vui khi cá thể tự hòa đồng trong tập thể và chính tập thể cũng phải biết chia sẻ với từng cá thể. Tổ Tăng Xán bảo: Một tức là tất cả, tất cả tức là một (nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất). Kinh Hoa Nghiêm nói: ***"Một nhiếp Tất cả, và Tất cả thu về Một. Một là tất cả và Tất cả là Một. Một trùm Tất cả và Tất cả ở trong Một. Mọi vật đều như thế, mọi hiện hữu đều như thế".*** *Bồ Tát là người làm đẹp thế gian này, nên Bồ Tát phải quên mình (phá ngã) mới có thể hy sinh cho tất cả. Đó là lý do tại sao Phật bảo nếu Bồ Tát tin hiểu vô ngã một cách sâu sắc thì Như Lai mới gọi là Bồ Tát. Kinh sách cũng thường nói: "Vô ngã tức Niết bàn"*

Phá ngã là bước đầu thành thục chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật!

---o0o---

Phật có đủ năm loại mắt.

“Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Dạ có. Như Lai có nhục nhãn.
Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Dạ có. Như Lai có thiên nhãn.
Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Như Lai có tuệ nhãn không?
Thiện Hiện thưa rằng:
- Bạch Thế Tôn! Dạ có. Như Lai có tuệ nhãn.
Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Như Lai có pháp nhãn không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Dạ có. Như Lai có pháp nhãn.
Phật bảo:
- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn không?
Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Dạ có. Như Lai có Phật nhãn”.

Đoạn Kinh này không phải chỉ xếp loại suông năm loại mắt khác nhau giữa chúng sanh và Phật hay giữa phàm và Thánh mà Kinh muốn nói đến cái thấy và cái biết sâu cạn gọi là “đạo nhãn” của chúng sanh trong thập giới như thế nào về nhân sanh và vũ trụ, mặc dù Phật không đề cập đến các chúng sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh hay A tu la có cái nhìn như thế nào, nhưng chúng ta cũng thừa biết bốn loại chúng sanh này, nhãn quang đầy đen tối.

Địa ngục thì khói lửa ngập trời, rên la thảm thiết. Cái thấy của chúng sanh này không ngoài hình phạt và máu lửa. Ngạ quỷ thì bụng to cổ nhỏ, chúng sanh này vì tham muốn vơ vét, ăn nuốt cho đầy hầu bao, nhưng cổ quá nhỏ, nên cái thấy của họ chỉ là thèm khát vật chất. Súc sanh vì Dục dâm dục và thực dục mà bị đọa đầy. Cái thấy của chúng sanh này chỉ là chỉ là lửa dục che mờ tâm trí. Cái thấy của A tu la chỉ là cái thấy thiên lệch đảo điên: Bênh bỏ thương ghét giận hờn, nên đấu tranh, *chém giết, máu lửa v.v...*

- Con mắt là cửa sổ của tâm hồn. Nên nhìn đôi mắt người ta có thể đoán biết người đó nghĩ gì, muốn gì. ***Nhục nhãn là con mắt của phàm phu****. Thánh phàm gì cũng có con mắt thịt, nhưng qua con mắt thịt đó lại có cái nhìn khác hay có nhãn quang khác nhau. Con mắt là tiền trần, dùng để thấy, khi thấy thì ý thức liền nhảy vào. Khi ý thức can dự* thì *có phân biệt, và theo sau phân biệt là cảm thọ. Có cảm thọ phân biệt, nên sanh ra chấp nhất. Từ chấp nhất khởi ra hành động. Hành động liền có tốt xấu, phải trái mà chìm trong sanh tử. Nên Phật bảo* "thấy mà phân biệt là có phiền não". *Đó là cái nhục cảm của chúng hữu tình.*

- Thiên nhãn là mắt của chư thiên*, vì phân biệt với nhục nhãn nên mới có thiên nhãn. Nhục nhãn nhìn xa nhất là chân trời. Nhưng Thiên nhãn có thể nhìn xa đến vạn trượng, có khi thấy cả một hay nhiều thế giới, có khi thấy cả trung thiên thế giới, vì không bị sắc chất làm ngăn ngại. Kinh thường nói những vị có thiên nhãn là những vị tu đắc thập thiện hay đắc thiền định nên thác sanh vào 25 cảnh giới hiện hữu (thập nhị ngũ hữu), nên mới có cái thấy xa như vậy.*

- Tuệ nhãn hay huệ nhãn là con mắt của hàng nhị thừa *(Thanh văn hay Duyên giác) nhờ tu Tứ đế và thập nhị nhơn duyên, có con mắt trí, còn gọi là thật trí hay chân trí… vì có thể sanh khởi hậu đắc trí.*

- Pháp nhãn là con mắt của Bồ Tát *nhờ tu lục độ vạn hạnh mà chứng hậu đắc trí, còn gọi là quyền trí hay biến trí… Với trí này không những Bồ Tát chứng lý chân không, không những thông suốt hết thảy Phật pháp mà còn thông hết tất cả pháp thế gian, nhân quả, tâm niệm sai biệt của chúng sanh để tùy duyên hóa độ.*

*- **Phật nhãn** có thể thấy cả hằng hà sa số Tam thiên đại thiên thế giới, thấy tất cả chư Phật ở 10 phương, thấy tâm hành sai khác của các loại chúng sanh, thấy từ mấy tầng địa ngục cho đến cõi vô sắc giới của chư thiên.*

Cổ đức có bài tụng:

Thiên nhãn thông chẳng ngại
Nhục nhãn ngại chẳng thông
Pháp nhãn hay quán tục (tục đế)
Huệ nhãn thấy rõ không (chơn đế)
Phật nhãn như ngàn nhật (mặt trời).

Mắt phàm phu thấy có ngại mà chẳng thông. Mắt nhị thừa (Thanh văn và Duyên giác) tuy thấy thông nhưng có ngại. Bồ Tát được ngũ thông có đủ ba thứ mắt nhưng không thể trong một lúc thấy được ba cảnh (nhơn, thiên và A la hán). Riêng mắt Phật thì trong mỗi sát na đồng thời thấy được tất cả cảnh giới.

Chúng sanh vẫn có đủ năm thứ mắt đó. Nhưng vì mê vọng chấp trước, cho nên bị che lấp đi. Khi mê vọng hết thì cũng đồng như chư Phật nào có khác. Thấy mà lập thêm "cái biết" (phân biệt) tức là gốc của vô minh, vì vậy nên nói "người ngộ thì trong ngoài viên thoát, kẻ mê thì tâm cảnh dính khằng". Đó là lý do tại sao Phật đề cập đến ngũ nhãn ở đây.

Cái thấy của chư Phật là như như, gọi là đồng thể nhất quán: Đồng thể đại từ, đồng thể đại bi... tất cả đều bình đẳng, nên cái thấy đó thanh tịnh hơn bao giờ hết!

---o0o---

Phật thấy biết hết tâm niệm của các chúng sanh trong hằng sa thế giới.

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Cát trong sông Hằng, Như Lai nói là cát chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Bạch Thiện Thệ! Đúng vậy. Như Lai nói là cát.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Giả sử trong sông Hằng có bao nhiêu số cát, thì có số sông Hằng bằng với số cát như thế; cho đến trong vô số sông Hằng này có bao nhiêu số cát thì có bấy nhiêu thế giới. Các thế giới này chắc là nhiều lắm phải không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Bạch đức Thiện Thệ! Đúng vậy. Các thế giới này rất nhiều.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Cho đến trong các thế giới ấy có vô số hữu tình, tâm loạn động của mỗi mỗi hữu tình ấy Ta đều biết hết. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tâm loạn động, tâm loạn động ấy, Như Lai nói chẳng phải loạn động. Cho nên Như Lai gọi là tâm loạn động. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì tâm quá khứ bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc".

Cát sông Hằng nhiều vô lượng vô biên không thể tính đếm được. Đức Thế Tôn hỏi rằng: Như có những sông Hằng, bằng số cát của một sông Hằng, rồi lại có những cõi Phật nhiều bằng số lượng cát của các sông Hằng ấy, như thế có nhiều chăng? Thế Tôn lại bảo: Chẳng những các cõi nước Phật rất nhiều ngần ấy, Như Lai cũng đều thấy hết, biết hết, mà cả đến bao nhiêu tâm của chúng sanh ở trong ngần ấy cõi nước Phật, khó mà tính hết được, nhưng Như Lai cũng đều biết rõ hết.

Nhưng vừa nói tới "tâm", sợ chúng sanh vọng chấp "có tâm nào khác nữa ngoài cái tâm này" mà không nhập được Kim Cương Bát Nhã, nên Phật liền phá "Như Lai nói "tâm" không phải thật có tâm, chỉ giả gọi là tâm. Không nói đến vọng tâm, không nói đến chân tâm, không phân biệt đối đãi thì ngay đó Bát Nhã hiện tiền. Còn chỗ nào để bám, chỗ để trụ mà dính mắc. Nên Phật giải thích: Vì tâm quá khứ đã diệt, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại không dừng trụ, nên ba thời tâm đều bất khả đắc.

1. Đây là giai thoại thời danh "ba thời tâm đều bất khả đắc" thuộc tắc thứ tư trong Bích Nham Lục như sau: Qui Sơn vốn là một Giảng sư về Kim Cương tại Tứ Xuyên. Theo lời dạy trong Kinh thì trong trí tuệ đạt được sau khi chứng được Kim Cương Dụ Định (Vajropamasamàghi) hành giả học uy nghi Phật trong một ngàn kiếp, tu tập Phật hạnh trong một ngàn kiếp nữa, sau đó mới thành Phật. Thế mà bọn ma ở phương Nam lại nói "thấy tánh thành Phật". Đức Sơn lấy làm công phẫn, gánh bộ Kim Cương Sớ Sao về phương Nam để dẹp tan bọn ma này. Thấy thầy ta công phẫn như thế thì hiểu thầy ta là một tay mãnh liệt như thế nào.

Lúc đến Phong Châu, Đức Sơn gặp một bà lão bán bánh rán bên lề đường, mới đặt gánh sớ sao xuống, định mua vài món ăn điểm tâm. Bà lão hỏi: "Thầy mang theo cái gì vậy?" Đức Sơn nói: Kim Cương Kinh Sớ Sao". Bà lão nói: "Tôi có một câu hỏi, nếu thầy trả lời được, xin biếu bánh cho thầy điểm tâm, còn nếu không trả lời được thì xin mời đến nơi khác mà mua".

Đức Sơn nói: "Cứ hỏi đi". Bà lão nói: "Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc, chẳng hay hòa thượng muốn điểm cái tâm nào đây?" Đức Sơn không nói năng gì được. Câu hỏi bất ngờ từ miệng của một mụ nhà quê tầm thường mà không trả lời nổi, thì làm sao thi thố với các Thiền sư trí tuệ. Cái tài đa văn quảng kiến của Đức Sơn "cũng chỉ là vay mượn": Kim Cương cũng do Phật dạy, sớ sao cũng do Thầy Tổ soạn ra, chớ không phải của chính mình nghĩ. Nếu bỏ Kinh, bỏ sớ thì mờ mịt như bao nhiêu kẻ khác. Đức Sơn bỏ ý định thi thố, mới hỏi thăm đường đến Long Đàm tham khán.

Tội nghiệp cho Đức Sơn bị bà lão hỏi "ông điểm tâm nào?", lại nghĩ là có một cái tâm nào đó trong quá khứ, vị lai, hiện tại ngoài cái tâm này, nên bị gạt, mà ngớ ra. Quá khứ đã qua, tương lai chưa đến, còn hiện tại thì trôi chảy không ngừng. Mình vừa nói hiện tại thì nó thành quá khứ rồi!

Ngài Xuyên Thiền sư có bài kệ diễn tả ý nghĩa này như sau:

Hai mắt trơ trơ chỉ ngó chăm,
Tìm mãi ba đời chẳng thấy tâm
Tuyết nguyệt phong ba thường đối diện
Kiếm rơi hà tất khắc ghe tầm!

Câu chuyên kể một khách vui Xuân dạo thuyền trên sông để ngoạn cảnh, lơ đễnh như thế nào không biết, làm rơi kiếm xuống sông. Khách liền lấy dao khắc vào bẹ thuyền để đánh dấu chỗ kiếm rơi, chờ tàu đậu lại sẽ lặn xuống tìm. Đến khi thuyền đậu, lặn xuống tìm hoài mà chẳng thấy. Anh ta thắc mắc: Cây kiếm vừa rơi xuống tôi khắc lên bẹ thuyền làm dấu mà sao tìm hoài chẳng thấy? Người trí thấy vậy mới bảo anh ta: Anh dại quá, kiếm rơi thì phải lặn xuống tìm ngay tại chỗ đó, chớ đợi đến bây giờ, thuyền trôi làm sao tìm được?

Đó là không gian, đó là thời gian, mình phải ngộ nhập cái "sát na vĩnh hằng" trong cái xuôi ngược của cuộc sống. Đừng móng khởi tìm cầu ở đâu đâu. Vì tâm quá khứ đã diệt, tâm hiện tại không dừng, tâm vị lai chưa đến. Trong cảnh phong ba tuyết nguyệt đều biểu lộ cái chân thường, cần gì phải lặn hụp tìm tòi đâu xa. Nếu không trực nhận nổi thì chẳng khác như khách chơi xuân khắc dấu trên bẹ thuyền để tìm kiếm thì chẳng khác nào mò kim đáy biển.

2. Đoạn trước Phật phá cái tâm duyên theo sáu trần, đoạn này Phật phá cái tâm duyên "theo thời". Cái tâm sống theo thời là tâm sanh diệt hư giả, luôn luôn nghĩ tưởng, so sánh, tiếc nuối: Sống trong hiện tại lại than khổ, nên hối tiếc quá khứ xa xưa rồi mong mỏi một tương lai nào đó. Đứng núi này trông núi nọ như 2 chàng Lưu Nguyễn nhập thiên thai.

Chắc không ai quên được câu chuyện Lưu Thần và Nguyễn Triệu không biết ngất ngơ như thế nào mà lại lạc được vào bồng lai tiên cảnh, suốt ngày rượu thịt, đờn ca xướng hát, cung nữ hầu hạ, muốn gì được nấy. Nhưng ở lâu rồi sanh chán, muốn quay về quê nhà. Thế rồi 2 chàng từ giã cảnh tiên quay lại đường trần, tìm về quê cũ. Khi về đến nơi thì gia đình phân tán, kẻ sống người chết, lại phải làm ăn khổ nhọc. Nhớ đến cảnh non bồng khi xưa, 2 chàng lại muốn quay lại. Nhưng dịp may không đến hai lần. Thỏa nguyện hay nuối tiếc là cái bệnh ngàn đời của chúng sanh. Vì vậy, Phật biết hết "cái tâm loạn động của mỗi mỗi hữu tình" như số cát trong vô lượng vô số cát của các sông Hằng hợp lại.

3. Tiếc nuối quá khứ, rồi chán chường hiện tại, lại mơ ước tương lai, thành ra điên đảo hoài không yên. Sống trong cái tâm cuồng loạn như vậy làm sao yên vui cho được. Cho nên có một Thiền sư đi đâu cũng cười nói

ồn ào, làm cho các Thiền khách cùng liêu không chịu nổi, nên mới bạch với hòa thượng. Hòa thượng kêu người lên quở:

- Sao ông cười nói ồn ào làm phiền huynh đệ!

Người ấy trả lời:

- Bạch hòa thượng! Cuộc đời là mộng mà con muốn sống với mộng vui, chớ không muốn sống với mộng khổ. Vì vây, con cười hoài.(1)

Thật dễ thương quá!

Thích nghĩa cho đoạn Kinh này:

(1). Trích dẫn trong Kinh Kim cang Giảng giải của HT Thích Thanh Từ.

---o0o---

Vô pháp khả đắc.

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có chút pháp nào Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không?

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật nói, thì không có chút pháp nào Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đúng vậy, đúng vậy. Ở trong một chút pháp, không có không đắc, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Pháp này bình đẳng. Ở trong đó, hoàn toàn bình đẳng, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì không có tánh ngã, không có tánh hữu tình, không có tánh mạng giả, không có tánh sĩ phu, không có tánh Bổ đặc già la…, bình đẳng như vậy, cho nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Tất cả pháp thiện, không có gì mà chẳng hiện chứng; tất cả pháp thiện, không có gì mà chẳng khéo biết. Thiện Hiện! Pháp thiện, pháp thiện ấy, Như Lai nói tất cả là chẳng phải pháp. Cho nên Như Lai gọi là pháp thiện".

Phẩm "Thiện Hữu", Q.552, Hội thứ IV, TBBN. *Thiện Hiện bạch:*

"Bạch Thế Tôn! Con không thấy pháp nào có thể được thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật, cũng không thấy pháp đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật có thể chứng, thời chứng, nơi chứng và do đây chứng, hoặc pháp sở chứng đều không thấy. Vì sao? Vì tất cả pháp đều vô sở đắc; ngay trong tất cả pháp vô sở đắc thì người chứng, pháp chứng, thời chứng, nơi chứng và do đây chứng đều bất khả đắc".

Kinh nói rõ là không có pháp để thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng không thấy pháp đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thể chứng, vì không có năng chứng, sở chứng, pháp chứng, thời chứng, xứ chứng. Tất cả pháp đều bất khả đắc. Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng chỉ là giả danh, do người khác gán (gắn) cho mình, thọ ký cũng là do người khác thọ ký cho mình. Nhưng quả vị đó lấy ở đâu ra? Đối với Bát Nhã năng sở đều không, tu đến một lúc nào đó đúng thời tiết cây trổ hoa đơm quả, thì gọi là chứng. Chứng chẳng qua lài tự thầm ngộ, chỉ có mình biết, không thể nói cho người.

Phần "Na Già Thật Lợi", Q.576, Hội thứ VIII, ĐBN*. Bồ Tát Na Già Thất Lợi nói với Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi là muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, Mạn Thù Thất Lợi bảo:*

"Pháp Vô thượng Bồ đề chẳng thể chứng. Ngài muốn chứng pháp ấy tức là hành hý luận. Vì sao? Vì Vô thượng Bồ đề lìa tướng, tịch diệt. Vậy Ngài muốn trở thành người nắm giữ lấy hý luận hay sao? Ví như có người nói như vầy: "Tôi khiến huyễn sĩ ngồi tòa Bồ đề, chứng huyễn Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề". Lời nói như thế quá ư hý luận. Vì các huyễn sĩ còn bất khả đắc, huống nữa là khiến cho chứng được huyễn đại Bồ đề!

Huyễn đối với pháp huyễn chẳng hợp chẳng tan, chẳng lấy chẳng bỏ, tự tánh đều Không. Chư Phật Thế Tôn nói tất cả pháp chẳng thể phân biệt, đều như huyễn mộng. Nay Ngài muốn chứng Vô thượng Bồ đề, há chẳng phải thành người phân biệt huyễn pháp! Nhưng tất cả pháp đều chẳng thể lấy, cũng chẳng thể bỏ, không thành không hoại, chẳng phải pháp đối với pháp có tạo tác và có diệt hoại. Không có pháp nào đối với pháp nào mà có hòa hiệp, có chia lìa. Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng hợp chẳng tan, tự tánh đều không, lìa ngã, ngã sở, đồng cõi hư không, không nói, không chỉ, không khen, không chê, không cao, không thấp, không tổn, không ích,

chẳng thể tưởng tượng, chẳng thể hý luận, bản tánh hư tịch, đều rốt ráo không, như huyễn như mộng, vô đối, vô tỉ, sao có thể khởi tâm phân biệt nó được".

Tất cả pháp đều chẳng thể lấy cũng chẳng thể bỏ, không thành không hoại, chẳng phải pháp đối với pháp có tạo tác, có diệt hoại. Tất cả pháp cũng chẳng hợp chẳng tan, tự tánh đều không, lìa ngã, ngã sở, đồng cõi hư không, không nói, không chỉ, không khen, không chê, không cao, không thấp... nên nói là bình đẳng như như. Người có cái thấy biết như vậy gọi là Như Lai. Như Lai là lìa tướng tức không còn phân biệt không chấp. Nên thuyết tới đây Phật bảo Thiện Hiện: **"Pháp thiện, pháp thiện ấy, Như Lai nói tất cả là chẳng phải pháp"**. *Phật không muốn chúng sanh dựa vào lời Phật phân biệt chấp đắm, pháp thiện hay phi thiện, nên phủi ngay!*

Tu mà năng sở chưa tiêu, còn thủ tâm chấp tướng thì quả nhỏ như Tu đa hoàn còn khó được hiến được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

---o0o---

Phật phá cái chấp "Ta có độ thoát hữu tình"

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Lẽ nào Như Lai khởi nghĩ như vầy: Ta phải độ thoát các hữu tình? Thiện Hiện! Nay ông chớ nên quán như thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì không có chút hữu tình nào được Như Lai độ.

Này Thiện Hiện! Nếu có hữu tình nào được Như Lai độ, thì Như Lai có chấp ngã, có chấp hữu tình, có chấp mạng giả, có chấp sĩ phu, có chấp Bổ đặc già la... Thiện Hiện! Những sự chấp ngã ấy, Như Lai nói là chẳng phải chấp, nên gọi là chấp ngã…, chỉ những kẻ phàm phu ngu si mới cố chấp. Thiện Hiện! Kẻ phàm phu ngu si ấy, Như Lai nói là chẳng phải sanh, nên gọi là phàm phu ngu si".

Nếu còn quán Ta là Phật, là hữu tình giác ngộ và chúng sanh là mê, cần phải độ là còn phân biệt. Còn phân biệt phàm Thánh là còn phân chia. Như vậy, tâm ngã chưa thông thì làm sao chứng tánh mà gọi là Phật. Nên, Phật bảo Thiện Hiện không nên quán như thế.

Phật chúng sanh vốn không hai, tự tánh chúng sanh xưa nay vốn là Phật, đầy đủ Phật tánh. Chỉ cái danh, cái dụng khác nhau nên có hai tên. Nên thành Phật không phải là đổi thể! Nếu giác rồi thì chúng sanh là Phật, cõi này là cõi Phật.

Con người muôn đời sống theo tình thức của thế giới phân hai, nên dễ bị trói bởi hình sắc danh tướng. Khi Phật nói tới phàm phu liền nắm lấy tướng phàm phu, nghe nói chúng sanh liền chấp chúng sanh, nghe nói Phật chấp có Phật. Vì phân biệt nên chấp, chấp Phật là đấng tối thượng, còn mình là kẻ tội lỗi thấp hèn. Vì vậy, nên thấy có Phật cứu độ mình.

Nhưng chẳng ai cứu độ ai hết, Phật làm ra mười hai bậc thang giáo lý, cứ theo đó tự tu, tự hành, tự thành Phật đạo. Chỉ có mình không ai ngoài mình vươn lên trong ánh sáng giác ngộ. *Vì vậy, Phật nói là Phật không có độ chúng sanh. Nếu chấp Phật "Ta có độ sanh" tức Phật vẫn còn chấp thì sao được gọi là Như Lai?*

---o0o---

Có thể quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ không?

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Có thể quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật vừa nói, thì không thể quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Hay thay, hay thay! Đúng vậy, đúng như lời ông nói, không thể quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ.

Thiện Hiện! Nếu quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ, thì Chuyển luân Thánh vương tức là Như Lai? Cho nên, chẳng nên quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ. Như vậy, nên quán Như Lai bằng các tướng chẳng phải tướng.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Ai dùng sắc quán Ta,

Dùng âm thanh cầu Ta,
Kẻ ấy hành tà đạo,
Chẳng thể thấy được Ta.
Nên quán pháp tánh Phật,
Tức Pháp thân Đạo sư.
Pháp tánh chẳng bị biết,
Nên kia chẳng hiểu được.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng các tướng đầy đủ để hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Thiện Hiện! Nay ông chớ nên quán như thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng do các tướng đầy đủ mà hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Kinh ở đoạn trước Phật hỏi cụ thọ: "Có thể lấy các tướng đầy đủ để quán Như Lai chăng? Cụ thọ Thiện Hiện trả lời: Chẳng thể lấy các tướng đầy đủ để quán Như Lai". Phật lại bảo cụ thọ Thiện Hiện: "Các tướng đầy đủ đều là hư dối, cho đến chẳng phải tướng đầy đủ đều chẳng phải hư dối. Như vậy, nên quán Như Lai bằng tướng chẳng phải tướng".

Tới đây Phật lặp lại câu hỏi này nhưng lấy ví dụ: "Nếu quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ, thì Chuyển luân Thánh vương tức là Như Lai? Cho nên, chẳng nên quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ. Như vậy, nên quán Như Lai bằng các tướng chẳng phải tướng".

Nếu quán Như Lai bằng hình dáng bề ngoài có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp thì Chuyển Luân Thánh vương cũng có thể xem như Như Lai? Vì Chuyển luân Thánh vương cũng có hình dáng đầy đủ như Như Lai. Điều này không có lý, vì Chuyển luân Thánh vương nhiều lắm là chỉ do tu thập thiện, do tu bố thí, trì giới hay thiền định... được chút ít phước huệ mà được làm vua trời. Muốn trở thành Phật, Như Lai thì phải tu tất cả thiện pháp thế gian, xuất thế gian, phải trải qua 52 giai vị Bồ Tát khác nhau, tích lũy không biết bao nhiêu thiện căn công đức, biết bao thời gian công sức mới được đạo quả Vô Thượng. Nếu chỉ nhìn hình tướng bên ngoài mà so sánh, phân biệt thì lầm chấp thôi.

Vì vậy, bao nhiêu lời Phật nói đều là ly tướng dù thấy nghe hay nghĩ tưởng. Thấy nghe nghĩ tưởng là cái cần thiết cho cuộc sống, đâu có gì đáng trách. Đáng trách là liền sau cái thấy nghe nghĩ tưởng ***sanh ra phân biệt****. Do phân biệt so đo chấp đắm, nên có lấy có bỏ. Vậy, đầu mối chính là* ***thức.*** *Thức là cái chia chẻ, phân hóa, nên mới lạc đạo, mất tông. Tổ Tăng Xán trong "Tín Tâm Minh" nói:*

Yếu cấp tương ưng
Duy ngôn bất nhị
Bất nhị giai đồng
Vô bất bao dung
Thập phương trí giả
Giai nhập thư tông

Dịch:

Cần nhất phải tương ưng
Cùng lẽ đạo bất nhị
Bất nhị thì hòa đồng
Không gì chẳng bao dong
Mười phương hàng trí giả
Đều chung nhập một tông.

Vì vậy, Phật tha thiết nói: Dùng hình tướng (tranh, tượng…), dùng âm thanh (chuông mõ, nguyện cầu…) tụng niệm để được thành Phật, thành Bồ Tát, thoát khổ, được giải thoát… những người đó ***hành tà đạo****, không thể nào thấy được Như Lai:*

Ai dùng sắc quán Ta,
Dùng âm thanh cầu Ta,
Kẻ ấy hành tà đạo,
Chẳng thể thấy Như Lai.

Thầy Tổ bày ra việc "tụng kinh gõ mõ", làm phương tiện nhiếp tâm trong giai đoạn khởi tu. Nó cũng chỉ là hình tướng, đến khi công phu

thuần thuật thì chuông cũng bỏ mà mõ cũng lìa. Tu phát xuất từ tâm. Tức tâm tức Phật, ngoài tâm không Phật. Thấy tâm tức kiến tánh thành Phật.

Tổ cũng dạy rằng: "Kiến sắc phi can sắc, văn thinh bất thị thinh" - *thấy sắc kệ sắc, tức đừng theo sắc, có tiếng cũng mặc tiếng, có nghe cũng làm ngơ.* "Ngộ thinh ngộ sắc như thạch tượng tài hoa. Kiến lợi kiến danh như mãn duy trước tiết"- *gặp sắc đẹp hay tiếng hay như hoa trồng trên đá. Thấy lợi danh như bụi rớt vào tròng(mắt). Đạt tới tình độ đó thì* "dâm phòng tửu tứ vô phi thanh tịnh đạo tràng" *tức coi thanh lâu tửu điếm chẳng khác như đạo tràng thanh tịnh.*

Vì vậy, ở đây Phật dạy đừng chấp vào trần cảnh, phải vượt qua và vượt trên sắc tướng, âm thanh thì mới nhập được pháp thân. Còn dính mắc sắc trần, khởi vọng niệm phân biệt thì tâm còn lang thang. Tổ Tăng Xán lại bảo:

Mạc trục hữu duyên
Vật trụ không nhẫn
Nhứt chủng bình hoài,
Dẫu nhiên tự tận.

Dịch:

Ngoài chớ đuổi duyên trần,
trong đừng ghì không nhẫn
Cứ một mực bình tâm
thì tự nhiên dứt tận.

---o0o---

Phật phá chấp "không đoạn không hoại"

"Lại nữa, Thiện Hiện! Những người phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa, có kiến lập chút pháp nào hoặc hoại hoặc đoạn không? Thiện Hiện! Nay ông chớ nên quán như vầy: Những người phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa quyết chẳng kiến lập chút pháp nào, hoặc hoại hoặc đoạn".

Kinh này từ đầu tới cuối là "năng đoạn", năng đoạn cái gì? Năng đoạn chấp trước: Chấp tướng, chấp tâm, chấp ngã, chấp pháp, chấp phi pháp, chấp Như Lai đắc Vô Thượng Bồ đề, chấp Như Lai có thuyết pháp, chấp thân lớn như núi Tu Di, chấp lớn như thế giới, chấp nhỏ như vi trần… Biết chấp như vậy không đúng, thì phải làm sao? Thì phải đoạn chấp: Phá chấp tướng mà tu bố thí, phá chấp Bồ Tát có độ sanh, phá chấp Bồ Tát làm trang nghiêm cõi Phật, phá chấp phước đức nhiều, phá chấp thấy sắc thân và tướng tốt là thấy Như Lai, phá chấp thật có chúng sanh, phá chấp Phật có độ chúng sanh… Tới đây Phật phá luôn cái chấp về đoạn diệt.

Chấp CÓ (chấp thường), chấp KHÔNG (chấp đoạn) cũng đều là cuồng loạn không thể chứng quả Bồ đề. Bởi thế, Phật nói "người phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa quyết chẳng kiến lập chút pháp nào hoặc hoại hoặc đoạn". *Vì vậy, cho nên trong đoạn này Phật ngăn cụ thọ Thiện Hiện "chẳng nên quán Như Lai bằng các tướng đầy đủ nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác, cũng chẳng khởi niệm cho rằng người được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác mà nói pháp đoạn diệt".*

Do đó, Nhị Tổ nói kệ: "Cứ một mực bình tâm, thì tự nhiên dứt tận". *Dứt tận không có nghĩa là đoạn diệt, không còn gì. Như trường hợp của Nhị Tổ Huệ Khả, sau một thời gian an tâm mới thưa với Sơ Tổ Bồ đề Đạt Ma:*

- Bây giờ con dứt hết các duyên.

Sơ Tổ gạn lại:

- Có rơi vào đoạn diệt không?

Tổ Huệ Khả thưa:

- Chẳng rơi vào đoạn diệt.

Sơ tổ bảo:

- Làm sao biết không rơi vào đoạn diệt?

Ngài nói:

- Rõ ràng thường biết, nói không thể đến!

Sơ Tổ bảo:

- Đây chính là tâm thể của chư Phật đã truyền, ông trọn chớ hồ nghi!

*Sơ Tổ dùng câu nói "**đây chính là tâm thể của chư Phật**" để ấn chứng cho Ngài Huệ Khả. Dứt hết hay dứt tận ngoại duyên có nghĩa*

không phải là không còn gì hết mà vào lúc ấy tâm thể rỗng không vắng lặng, cũng chính là lúc ấy linh chi mở ra. Điều đó thể tin được lắm!

Pháp nào vẫn y như pháp nào từ xưa đã vậy, nay vẫn vậy, làm sao diệt được. Diệt cái tâm sanh diệt đoạn thường, chứ làm sao diệt nổi pháp!

Phẩm "Tu Bồ Đề", Q.497, ĐBN, nhóm của Ngài Huyền Trang dịch: Tu Bồ đề nói với Phú Lâu Na về "Các pháp phi thường phi hoại", như sau: "Hoặc pháp thiện pháp phi thiện, hoặc pháp hữu ký pháp vô ký, hoặc pháp hữu tội pháp vô tội, hoặc pháp hữu lậu pháp vô lậu, hoặc pháp hữu nhiễm pháp vô nhiễm, hoặc pháp thế gian pháp xuất thế gian, hoặc pháp tạp nhiễm pháp thanh tịnh, hoặc pháp sanh tử pháp Niết Bàn, hoặc pháp hữu vi pháp vô vi, **tất cả như thế đều phi thường phi hoại**. Vì sao? Vì bản tánh là vậy. Phú Lâu Na! Do nhân duyên đây, tôi tác thuyết này: Các pháp cũng vậy, rốt ráo chẳng sanh, chỉ có giả danh đều vô tự tánh".

Tất cả pháp đều không có tự tánh, không có tự tánh tức là không. Nếu là pháp không thì không phải là thật vật. Nếu không phải là thật vật thì không có định tướng, đã không có định tướng thì làm sao có đoạn có diệt, mà nói chấp hay không chấp.

---o0o---

Người ngộ "tất cả pháp vô ngã, vô sanh"
phước đức nhiều hơn người bố thí bảy báu.

"Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu thiện nam, hoặc thiện nữ nào đem bảy báu đầy khắp thế giới như số cát sông Hằng v.v… dâng cúng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; nếu có Bồ Tát nào đối với các pháp vô ngã, vô sanh mà được kham nhẫn, thì do nhân duyên đây nên Bồ Tát này được lượng phước nhiều hơn người trước.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bồ Tát chẳng nên nhiếp thọ số phước đức.

Cụ thọ Thiện Hiện liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ Tát chẳng nên nhiếp thọ số phước đức?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nhiếp thọ mà chẳng nhiếp thọ, cho nên gọi là nhiếp thọ".

***1.** Bao nhiêu Kinh sách của Phật đều "phá ngã". Ngã là cái rốn vũ trụ, ngã chi phối tất cả mối tương quan, tương xung, tương khắc giữa con người. Ngã là đầu mối của mọi phân chia ngăn cách, bao nhiêu đau thương, đổ vỡ. Nên có bài kệ:*

Trời không cao, núi không cao,
Cái ngã mới thật là cao.
Sông không sâu, biển không sâu,
Cái ngã mới thật là sâu.

Có anh có tôi là có đúng có sai, có hay có dở, có tốt có xấu… Vì vậy, trong một quyển sách viết về Phật pháp của HT Thích Thượng Siêu có tựa "Vô Ngã Là Niết Bàn", thuật lại câu chuyện: "Có một linh hồn tu luyện nhiều kiếp, đến gõ cửa Thiên đàng của Thượng đế. Thượng đế hỏi:

- Ai đó?

Linh hồn đáp:

- Tôi.

Thượng đế hỏi tiếp:

- Tôi là ai?

Đáp:

- Tôi là tôi.

Thượng đế bảo:

- Ở đây không có đủ chỗ cho ngươi và ta cùng ở, ngươi hãy đi nơi khác!

Linh hồn ấy lui về trần gian tu hành thêm một ngàn năm nữa, xong lên gõ cửa Thiên đàng một lần nữa. Thượng đế hỏi:

- Ai đó?

Đáp:

- Tôi.

- Tôi là ai?

Linh hồn đáp;

- Tôi là Ngài.

Khi ấy Thiên đế mới mở cửa cho vào.

Thí dụ trên cho thấy một ngàn năm trước, tôi là tôi - còn chấp ngã nên không vào Thiên đàng được. Một ngàn năm sau, tôi là Ngài, không còn chấp ngã mới vào được.

Để bình luận cho câu chuyện này, HT Thích Thượng Siêu viết rằng: "Niết bàn là một cái gì tuyệt đối không dung chứa ngã. Niết bàn không có hạn lượng, không có nơi chốn, vì Niết bàn vô tướng - vô tướng nên khó vào. Muốn vào Niết bàn, ta cũng phải vô tướng như Niết bàn. Cửa Niết bàn cũng rất hẹp, chỉ bằng tơ tóc, nên ta cũng không thể mang thêm một hành lý mà hy vọng vào Niết bàn được cả. Cái thân đã không mang theo được, mà cả ý niệm về tôi, về ta cũng không thể mang theo được. Cái tôi càng to thì càng xa Niết bàn. Nên biết rằng: Hễ hữu ngã là luân hồi, mà VÔ NGÃ LÀ NIẾT BÀN".

Bố thí bảy báu chứa đầy tam thiên đại thiên thì phước đức không kể xiết. Nhưng phá ngã thì được Niết bàn, tức giải thoát mọi ràng buộc thế gian dĩ nhiên phước đức phải hơn bố thí bảy báu. Ngài Phó Đại sĩ được coi là hiện thân của Bồ Tát Di Lặc, có bài tụng:

Thí báu như số cát,
Chỉ thành hữu lậu nhân
Đâu bằng quán vô ngã,
Suốt vọng mới là chân.
Muốn chứng vô sanh nhẫn,
Cốt nhờ lìa tham sân.
Người rõ pháp vô ngã,
Thong dong khỏi sáu trần.

Đó là nói về **vô ngã***, còn thế nào gọi là* **vô sanh***? Theo thuyết của nhà Phật không có vật nào tự sanh, cũng không có vật nào tự diệt, vì mọi vật không có tự thể, nên không sanh không diệt. Do duyên hợp giả có, nên gọi là sanh. Duyên tan thì gọi là diệt. Nhưng thế tục thì không dễ gì chấp nhận thuyết này, vì con mắt trần "thấy" xưa không có, bây giờ mới có, như trước không có lúa, bây giờ gieo hạt, hạt nẩy mầm lớn lên thành lúa. Người ta nói là lúa mới sanh. Lúa đơm hoa nở hạt, người ta gặt, chỉ còn trơ gốc, trâu bò ăn không còn nữa thì nói lúa diệt. Cái gì xuất hiện gọi là sanh, cái gì biến mất gọi là diệt.*

Ngài Phạm Chí Thanh Mục chú thích cuốn Trung Luận của Bồ Tát Long Thọ nói về "bất sinh bất diệt" của cây lúa như sau: "Vạn vật không có sanh, vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian chính mắt thấy lúc ban sơ lúa chẳng sanh, vì sao? Vì lìa lúa trong kiếp ban sơ thời lúa hiện nay không thể có được. Nếu lìa lúa trong kiếp ban sơ mà có lúa hiện nay mới gọi là có sanh ra, song kỳ thật không có như vậy. Thế nên chẳng sanh. Tại sao chẳng diệt? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian chính mắt thấy trong lúc ban sơ lúa chẳng diệt, nếu diệt thời nay không thể có lúa, song kỳ thật có lúa. Thế nên chẳng diệt".

Thuyết luân hồi cho biết sanh diệt, diệt sanh không ngừng, bất tận gọi là bất sanh bất diệt (bất là không, là vô: Bất sanh bất diệt là không sanh không diệt hay vô sanh vô diệt). Vậy có gì gọi là sanh, có gì gọi là diệt, chỉ như người thay áo, đổi họ, thay tên: Nước bốc hơi thành mây, mây gặp lạnh đọng lại thành nước, nước rơi xuống thành mưa. Mưa đổ xuống sông hồ biển cả. Rồi nước trong sông hồ biển cả lại bốc hơi biến thành mây v.v… cứ thế luân lưu bất tận. Vậy, chỗ nào sanh ra mây, chỗ nào sanh ra nước, chỗ nào sanh ra sông ngòi biển cả. Mây vẫn bay, mưa vẫn rơi, nước ở sông hồ biển cả không bao giờ cạn? Vậy, chỗ nào gọi là diệt. Đây không phải là lời ngụy biện!

Thuyết nhân duyên hòa hợp trong phẩm "Đàm Vô Kiệt", Q.30, Ma Ha Bát Ba La Mật Đa(đồng với Hội thứ II, ĐBN), do nhóm La Thập dịch thì như thế nào? "Phật bảo:

- "Này thiện nam tử! Thân chư Phật cũng vậy, từ bổn nghiệp nhân duyên quả báo mà sanh. Lúc sanh chẳng từ mười 10 phương đến, lúc diệt cũng chẳng đi đến 10 phương. **Chỉ duyên hợp thì có, duyên rời thì tan.**

Này thiện nam tử! Ví như đờn không hầu, lúc phát ra tiếng không từ đâu đến, lúc tiếng diệt không chỗ đi. Vì các duyên hòa hợp nên có tiếng. Có thùng, có cổ, có da, có dây, có trụ, có cần, có người lấy tay khảy, các duyên ấy hòa hợp mà có âm thanh ấy. Âm thanh ấy cũng chẳng từ thùng đờn nhẫn đến chẳng từ tay người phát ra. Các duyên hòa hợp bèn có âm thanh. Lúc các duyên ấy rời tan, âm thanh cũng không có chỗ đi.

Này thiện nam tử! Thân chư Phật cũng như vậy, từ vô lượng công đức nhân duyên sanh, chẳng từ 1 nhơn, 1 duyên, 1 công đức sanh, cũng chẳng không nhơn duyên mà có. Vì các duyên hòa hợp nên có. Thân chư Phật chẳng riêng từ một sự mà thành. Đến không từ đâu, đi không đến đâu.

Này thiện nam tử! Phải biết chư Phật, tướng đến, tướng đi như vậy.

Này thiện nam tử! Cũng phải biết tất cả pháp không có tướng đến, đi. **Nếu ông biết chư Phật và các pháp không có tướng đến, đi, sanh, diệt thì tất là được Vô Thượng Bồ Đề**".

Không có gì tự sanh, sanh là do nhiều nhân duyên hợp lại, nên nói là vô sanh. Kinh MHBNBLMĐ nói: "Nếu ông biết chư Phật và các pháp không có tướng đến, đi, sanh, diệt thì tất là được Vô Thượng Bồ Đề". *Được Vô Thượng Bồ đề thì phước đức không thể tính đếm nổi.*

Thuyết luân hồi và nhân duyên hòa hợp dùng để giải thích cái vô sanh vô diệt của vạn hữu là như vậy: Nước bắt đầu từ đâu mà có? Từ hơi nước chăng? Từ mây chăng? Từ mưa chăng? Từ sông hồ biển cả chăng? Không có cái gì độc lập, tự chủ; cũng không có cái khởi đầu và cũng không có cái chấm dứt? Nên trong Thiền ngữ định nghĩa vô sanh như sau: "Vô sanh tức vô thủy, vô thủy tức vô sanh, như con gà với trứng gà đều chẳng có sự bắt đầu, tức là hiển bày nghĩa vô sanh"*(1).*

***2.** Tu phải tu cả hai phần **phước lẫn huệ**. Phước huệ phải cân như hai bánh xe, nếu có phước mà không có huệ như xe chỉ có một bánh thì làm sao chạy được. Tu phước như người bố thí bảy báu đầy cả Tam thiên đại thiên, thì phước đức làm sao kể xiết. Nhưng tu phước mà thiếu Bát Nhã soi sáng, nếu mong cầu tham trước thì cũng là một chướng ngại của tâm. Không nhiếp thọ phước đức trong khi hành thiện, tức làm như vô sự, thì tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì sanh thật tướng. Như vậy, không cần nhiếp thọ cũng tự nhậm nhiếp thọ. Ngài Phó Đại sĩ có bài tụng:*

Vô sanh tức vô diệt
Vô ngã phục vô nhơn
Vĩnh trừ phiền não chướng
Tường từ hậu hữu thân
Cảnh vong tâm diệc diệt
Vô phục khởi tham sân
Vô bi không hữu trí
Hốt nhiên đột nhậm chơn.

Dịch:

Không sanh cũng không diệt
Không ngã cũng không nhơn
Dứt trừ phiền não chướng
Không còn có hậu thân
Tâm cảnh đều vắng lặng
Do đâu khởi tham sân
Không bi cũng không trí
Tự nhậm nhập chơn như.

Sanh diệt, đoạn thường, ngã pháp đều không, tất cả tập khí phiền não đều đoạn trừ. Phật nói: "Bằng cái thấy biết như vậy, tâm người giải thoát khỏi dục lậu. Giải thoát, người biết người được giải thoát. Người biết cuộc tái sanh này đã giải trừ xong, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không còn thọ thân nào khác"*(2).*

Thích nghĩa cho đoạn Kinh này:

(1). Ngữ vựng Thiền học.

(2). Kinh Tu Bà Subha Sutta.

---o0o---

Phật phá cái chấp "Như Lai có đi, đứng, nằm ngồi".
(Uy nghi tịch tĩnh)

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu ai nói rằng: Như Lai hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm thì người này chẳng hiểu nghĩa Ta nói. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Như Lai tức là chơn như chân thật, hoàn toàn không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi đâu, nên gọi là Như Lai. "Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai". Câu này chẳng phải bảo rốt ráo không có lai khứ, mà có ý bảo lai cũng không có chỗ lai, khứ cũng không có chỗ khứ. Nên gọi là Như Lai. Vì đến và đi là động, mà động là do tướng. Như Lai mà động thì sao gọi là Như Lai?

Đoạn trước định nghĩa Như Lai nghĩa là như của các pháp "Như Lai giả, chư pháp như nghĩa". Như Lai hiểu cái thể chân thật của tất cả pháp, nó là như như, nó là như tướng, bởi vì nó như vậy là như vậy, chẳng lúc nào chẳng như, chẳng dao động, đổi dời, bất sanh bất diệt. Người thấy biết như vậy gọi là Như Lai. Nếu cho 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp là Như Lai, tức sắc thân bằng xương bằng thịt có đi đứng nằm ngồi, do tứ đại hợp thành, thì khi tứ đại tan rã Như Lai ở chỗ nào? Đã là di động, đổi dời thì không còn như nữa.

Thế nên, hiểu rõ Như Lai ***chỉ pháp thân thanh tịnh****, pháp thân tịnh thì không đến không đi, không ngồi không nằm. Nếu nói Như Lai có đi đứng nằm ngồi là không hiểu nghĩa Phật nói. Nên Phật bảo* "Như Lai tức là chơn như chân thật, hoàn toàn không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác".

Hy vọng đoạn Kinh ngắn trong ***phẩm "Đàm Vô Kiệt", quyển thứ 30, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa****, do nhóm của Ngài La Thập dịch sau đây làm sáng nghĩa "Như Lai không từ đâu đến, cũng không về đâu":*

"Lúc ấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát (Pháp Dũng Bồ Tát) bảo Tát Đà Ba Luân Bồ Tát (Thường Đề Bồ Tát): "Này thiện nam tử! Chư Phật không từ đâu đến, đi cũng không đến đâu. Tại sao vậy?

Chư pháp như, tướng chẳng động. Chư pháp như tức là chư Phật.

Pháp vô sanh không đến, không đi. Pháp vô sanh tức là chư Phật.

Pháp vô diệt không đến, không đi. Pháp vô diệt tức là chư Phật.

Pháp thật tế không đến, không đi. Pháp thật tế là chư Phật.

Pháp Không không đến, không đi. Pháp Không là chư Phật.

Pháp vô nhiễm không đến, không đi. Pháp vô nhiễm là chư Phật.

Pháp tịch diệt không đến, không đi. Pháp tịch diệt là chư Phật.

Tánh hư không không đến, không đi. Tánh hư không là chư Phật.

Này thiện nam tử! Rời các pháp ấy không có Phật.

Chư Phật như, các pháp như, một như không sai khác.

Này thiện nam tử! Như ấy thường một, không có hai, không có ba, ra ngoài các pháp số, vì là vô sở hữu. Ví như tháng cuối xuân, giữa ban ngày lúc nắng nóng, có người thấy ánh nắng dợn động bèn đuổi theo mong tìm được nước. Ý ông nghĩ sao? Nước ấy từ ao nào, núi nào, suối nào chảy

đến, nay đi về đâu, hoặc là chảy về biển Đông, biển Tây, biển Nam, biển Bắc ư?

Tát Đà Ba Luân thưa:

- Thưa Đại sư! Trong ánh nắng còn không có nước, làm sao có được chỗ nước đến, nước đi!

Này thiện nam tử! Kẻ ngu vô trí bị khát bức ngặt, thấy nắng dợn bèn tưởng là nước.

Này thiện nam tử! Nếu có người phân biệt chư Phật có đến có đi, phải biết các người ấy đều là ngu phu.Tại sao vậy?

Này thiện nam tử! Chư Phật, chẳng thể lấy sắc thân thấy được. Chư Phật, pháp thân không đến, không đi, cũng không chỗ đến, chỗ đi.

Này thiện nam tử! Thí như nhà ảo thuật, thuật ra các thứ như voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Ý ông nghĩ sao? Ảo sự ấy từ chỗ nào đến, đi đến đâu?

- Thưa Đại sư! Ảo sự không thật làm sao có chỗ đến, chỗ đi.

Này thiện nam tử! Người mà phân biệt đức Phật có đến, có đi cũng như vậy.

Này thiện nam tử! Ví như chiêm bao thấy voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Ý ông nghĩ sao? Cảnh vật được thấy trong chiêm bao có chỗ đến chỗ đi chăng?

- Thưa Đại sư! Cảnh vật được thấy trong chiêm bao đều là hư vọng, làm sao lại có đến, có đi.

Này thiện nam tử! Nếu người mà phân biệt đức Phật có đến, có đi cũng như vậy.

Này thiện nam tử! Đức Phật nói các pháp như chiêm bao. Nếu có chúng sanh nào chẳng biết pháp nghĩa ấy, **cho danh tự sắc thân là Phật**, người ấy phân biệt chư Phật có đến, có đi.

Vì chẳng biết tướng thật tế của các pháp, nên đều là hạng ngu phu vô trí.

Các người ấy mãi mãi qua lại năm đường, xa rời Bát nhã Ba la mật, xa rời Phật pháp.

Này thiện nam tử! Đức Phật nói các pháp như ảo, như mộng. Nếu có chúng sanh nào biết đúng thật, thì người ấy chẳng phân biệt các pháp, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt.

Nếu chẳng phân biệt các pháp hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt thì có thể biết được thật tướng của các pháp mà đức Phật đã nói. Người ấy hành Bát nhã Ba la mật gần Vô Thượng Bồ Đề, gọi là chân đệ tử, chẳng hư vọng ăn của tín thí. Người ấy đáng nhận cúng dường, là phước điền thế gian".

Phẩm "Bồ Tát Pháp Dũng", Q.399, Hội thứ I, ĐBN *cũng có đoạn Kinh tương đương như vậy. Bồ Tát Pháp Dũng nói:*

"Thiện nam tử! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng thể lấy sắc thân mà thấy. Vì lẽ Như Lai ấy tức là pháp thân*(1).* Thiện nam tử! Pháp thân Như Lai tức là chơn như pháp giới các pháp, chơn như pháp giới đã chẳng thể nói có đến có đi, pháp thân Như Lai cũng lại như thế, không đến không đi".

Hai đoạn Kinh này nói rõ thế nào là ***"Như Lai có đi, đứng, nằm ngồi"****. Nếu không hiểu thì bị Phật mắng là ngu phu di sanh. Vì sao? Vì pháp thân Như Lai tức là chơn như pháp giới các pháp, chơn như pháp giới đã chẳng thể nói có đến có đi, pháp thân Như Lai cũng lại như thế, không đến không đi.*

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

(1). Pháp thân: Tức là bản thể của tự tánh cùng khắp không gian thời gian, nó vô hình vô thanh, mà hay hiện hình hiện thanh, như như bất động mà cùng tột biến hóa, tất cả năng lực đều sẵn đầy đủ.(Ngữ vựng danh từ Thiền học)

---o0o---

Lý nhất hợp tướng.

"Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu thiện nam, hoặc thiện nữ nào, đem sắc tượng của vô số thế giới bằng lượng cực vi trần v.v… của đại địa khắp ba ngàn đại thiên thế giới, làm thành mực như lượng cực vi.

Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Lượng cực vi này chắc là nhiều lắm phải không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Lượng cực vi này rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì nếu lượng cực vi là thật có thì Phật chẳng nên nói là lượng cực vi. Vì sao? Vì Như Lai nói lượng cực vi tức là chẳng phải lượng, nên gọi là lượng cực vi. Như Lai nói thế giới ba ngàn đại thiên tức chẳng phải thế giới, nên gọi là thế giới ba ngàn đại thiên. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì nếu thế giới là thật có tức là một hợp chấp *(tướng)***. Như lai nói một hợp chấp tức là chẳng phải chấp, nên gọi một hợp chấp.**

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Một hợp chấp đây chẳng thể nói, chẳng thể hý luận. Nhưng tất cả phàm phu ngu si kia cố chấp pháp này".

Đoạn Kinh do nhóm của Ngài La Thập dịch từ Phạn sang Hán, và HT Thích Trí Tịnh dịch từ Hán sang Việt, dịch rõ ràng dễ hiểu hơn:

(Tu Bồ đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ tam thiên đại thiên thế giới toái vi vi trần, ư ý vân hà? Thị vi trần chúng ninh vi đa phủ?). Dịch:

- Tu Bồ đề! Nếu có thiện nam tín nữ, đem cõi tam thiên đại thiên thế giới nghiền nát thành vi trần, ý ông nghĩ sao? Số vi trần đó có nhiều không?

(Thậm đa Thế Tôn! Hà dĩ cố? Nhược thị vi trần chúng thật hữu giả, Phật tắc bất thuyết thị vi trần chúng. Sở dĩ giả hà? Phật thuyết vi trần chúng tắc thi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng. Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới, tắc phi thế giới, thị danh thế giới. Hà dĩ cố? Nhược thế giới thực hữu tắc thị nhất hợp tướng. Như Lai thuyết nhất hợp tướng tắc phi nhất hợp tướng, thị danh nhất hợp tướng). Dịch:

- Bạch Thế Tôn thật nhiều! Tại sao? Nếu vô số vi trần là thật có thì Phật chẳng nói là vi trần. Tại sao? Vì Phật nói vô số vi trần, tức phi vi trần, thị danh vi trần. Bạch Thế Tôn! Như Lai nói Tam thiên đại thiên thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới. Tại sao? Nếu thế giới thật có, tức là nhất hợp tướng. Như Lai nói nhất hợp tướng, tức phi nhất hợp tướng, thị danh nhất hợp tướng.

(Tu Bồ đề! Nhất hợp tướng giả, tắc thị bất khả thuyết, đãn phàm phu chi nhân, tham trước kỳ sự). Dịch:

- Tu Bồ đề! Nhất hợp tướng tức chẳng thể nói, nhưng phàm phu không biết rồi sanh ra tham ái.

Nghiền nát thế giới thì có vi trần. Hợp nhiều vi trần lại thì có thế giới. Ai cũng biết điều đó! Nhưng các vật dù lớn như thế giới hay nhỏ như vi trần cũng không có tự thể, chúng có là do nhân duyên đối đãi mà thành: Đập nhỏ thế giới thì thành vi trần, hợp nhiều vi trần thì thành thế giới. Nhân cái này có mà có cái kia hay ngược lại. Nếu tách rời ra thì chẳng thành thứ gì, vì các vật không có tự thể, đương thể tức không, nên nói chẳng thật có. Nếu chẳng thật thì chẳng thể nói giống, chẳng thể nói khác (bất đồng bất dị), cũng không thể nói một nói nhiều (phi nhất phi nhị). Tất cả đều không hết, trong pháp không (tổng tướng), pháp nhỏ, pháp to, pháp ít, pháp nhiều (biệt tướng) cũng đều không hết.

Phật hỏi Tu Bồ đề: Như đem tam thiên đại thiên nghiền nát thành vi trần, những vi trần như vậy có nhiều không? Tu Bồ đề trả lời: "Rất nhiều! Nhưng nếu số vi trần thật có thì Phật chẳng nói là vi trần. Vì sao? Vì Phật nói vô số vi trần, tức phi vi trần, thị danh vi trần". Như vậy cũng chẳng có gì lạ? Vì theo Bát Nhã nếu một vật không có tự tánh, đương thể tức không. Nên mới nói trên danh xưng thì có, nhưng thực thể thì không. Suy rộng ra, tam thiên đại thiên thế giới cũng lại như thế. Thế giới cũng không, không có gì, nên nói chẳng phải thế giới, ấy tạm gọi hay giả gọi là thế giới. Tại sao?

*Nếu thế giới là thật có (dĩ nhiên mọi người đều cho là thật có) tức là một hợp chất thuần nhất nguyên vẹn, có tự thể thì Phật gọi là nhất hợp tướng(1). Nhưng đáng tiếc thế giới lại do nhiều vi trần hợp lại mà có. Cái gì do hợp lại mà thành (duyên hợp) thì sao gọi là thuần nhất nguyên vẹn được. Vậy, cái gì do duyên hợp mà có, đó là giả có nên chẳng phải thật, chỉ là giả danh. **Thế giới là giả thì hợp tướng của thế giới cũng giả**. Gốc đã giả thì cành ngọn nhánh làm sao thật được?*

*Nhất hợp tướng cũng không thể nói được. Không thể nói được có nghĩa là không thể nói là một, cũng không thể nói khác, cũng không thể nói hợp hay chẳng hợp, không giống như **pháp thân** hiện khắp chỗ, viên dung vô ngại, không thể nói là một, là nhiều, là hợp hay chẳng hợp (pháp*

thân là vô tướng). Trung luận nói rằng "chẳng một chẳng khác là vượt trên tất cả". ***Còn thấy tướng là thật thì liền thấy có lớn có nhỏ, có nhiều có ít, có tốt có xấu…*** *Đó là nhị nguyên đối đãi của cuộc đời thường. Ngày nào còn sống trong nhị nguyên đối đãi của cuộc đời thường thì ngày ấy không tránh khỏi những hệ lụy của nó. Chỉ khi nào vượt qua vượt trên những mâu thuẫn, đối đãi của tương đối tính thì con người sẽ đạt đến giới xứ tuyệt đối của Tánh Không.*

Thế giới, vi trần... cũng chỉ là những danh tự giả tướng. Kinh ĐBN nói: "Phật cũng là danh tự giả tướng, Bồ Tát cũng chỉ là danh tự giả tướng, Bát nhã Ba la mật cũng là danh tự giả tướng, vì tất cả danh tự giả tướng đều vô sanh.

Danh tự chưa từng sanh khởi thật sự, chúng như hư không, không hề có dấu vết đến đi và do đó vượt ngoài hình sắc danh tướng. Nói khác, hư không (akasa) tức Tánh Không. Pháp của Phật tùy thuận hết thảy các pháp, lìa hết thảy chướng ngại, mà hết thảy các pháp vốn bất khả đắc. Cũng như hư không, lìa hết thảy các chướng ngại. Các pháp như hư không nên lìa hết thảy các ngôn thuyết. Các pháp là bình đẳng nên vượt ngoài mọi pháp phân hai *(bất nhị)*. Các pháp vô sanh nên vượt ngoài pháp hiện khởi. Các pháp vốn vô diệt nên ngoài pháp diệt tận. Các pháp vốn vô tướng nên vượt ngoài thủ tướng. Các pháp vốn vô xứ nên hết thảy xứ đều bất khả đắc".

Đoạn Kinh ngắn này có thể giải thích tất cả gút mắt kể trên!

Thích nghĩa cho đoạn Kinh này:

(1). Một hợp chấp (Kinh Kim Cương Năng đoạn do HT Thích Trí Nghiêm dịch): Trong khoa học ngày nay không thấy có danh từ nào tương đương với một hợp tướng. Nếu nói là một hợp chất, thí dụ khí CO_2 *(carbon dioxide) là một hợp chất gồm hai nguyên tố khác nhau hợp thành (1 nguyên tố carbon + 2 nguyên tố oxy) thì có người hiểu, nhưng nói là một hợp chất chớ không phải là một hợp tướng. Một hợp tướng (Kinh Kim Cương do HT Thích Trí Tịnh dịch) cũng vậy, trong khoa học không có danh từ tướng.*

Ngữ Vựng Danh Từ Thiền Học định nghĩa nhất hợp tướng là: "Thế giới do nhiều vi trần hợp thành, gọi là nhất hợp tướng. Thân người do nhiều tế bào hợp thành cũng gọi là nhất hợp tướng. Tất cả vật chất đều do nhiều nguyên tử hợp thành cũng như vậy".

Tự điển Phật học đáng tin cậy là Phật Quang Tự điển, định nghĩa như sau: "Phạm: Piịđa-gràha. Một hợp tướng. Chỉ cho một sự vật do nhiều nhân duyên kết hợp mà thành. Nói theo quan điểm của Phật giáo thì tất cả mọi hiện tượng trong thế gian đều là một hợp tướng. Kinh Kim Cương Bát nhã Ba la mật (Đại 8, 752 trung) nói: Nếu thế giới có thực, thì đó là Nhất hợp tướng; Như lai nói Nhất hợp tướng chẳng phải Nhất hợp tướng, đó gọi là Nhất hợp tướng".

*Nói nhiều, dẫn chứng nhiều chỉ làm rối thêm. Cứ quan niệm một cách giản dị là **còn thấy tướng là thật thì liền thấy có lớn có nhỏ, có nhiều có ít, có tốt có xấu…** Thế giới, vi trần... cũng chỉ là những danh tự giả tướng. Chỉ cần nhớ: Ly tướng tức Phật là tốt! **TB***

---o0o---

Phật phá cái chấp về "ngã kiến".

"Vì sao? Thiện Hiện! Vì nếu nói như vầy: Như Lai tuyên thuyết ngã kiến, hữu tình kiến, mạng giả kiến, sĩ phu kiến, Bổ đặc già la kiến, ý sanh kiến, thiếu niên *(nho đồng)* **kiến, tác giả kiến, thọ giả kiến, thì ý ông nghĩ sao, lời nói như thế là đúng chăng?**

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng đúng. Bạch Thiện Thệ! Chẳng đúng. Nói như thế chẳng phải là lời đúng đắn. Vì sao? Vì Như Lai nói ngã kiến, hữu tình kiến, mạng giả kiến, sĩ phu kiến, Bổ đặc già la kiến, ý sanh kiến, thiếu niên kiến, tác giả kiến, thọ giả kiến tức là chẳng phải kiến, nên gọi là ngã kiến… cho đến thọ giả kiến".

Kinh MHBNBLMĐ, phẩm "Đoạn Chư Kiến", quyển thứ 04, tập 01, *Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật:*

"Ngã kiến, thọ kiến, mạng kiến, chúng sanh kiến, sanh kiến, dưỡng dục kiến, chúng số kiến, nhơn kiến, tác kiến, sử tác kiến, khởi kiến, sử khởi kiến, thọ kiến, sử thọ kiến, tri giả kiến, kiến giả kiến, đoạn kiến, thường kiến, hữu kiến, vô kiến, ấm kiến, nhập kiến, giới kiến, đế kiến, nhơn duyên kiến, niệm xứ kiến, nhẫn đến bất cộng pháp kiến, Phật đạo

kiến, thành tựu chúng sanh kiến, tịnh Phật quốc độ kiến, Phật kiến, chuyển pháp luân kiến.

Vì dứt trừ những kiến chấp trên đây mà vì mọi người thuyết pháp nên Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát ".

Ngài Tu Bồ Đề hỏi:

"Duyên cớ gì mà sắc kiến là vọng kiến*(1)*? Duyên cớ gì thọ, tưởng, hành, thức kiến nhẫn đến chuyển pháp luân kiến là vọng kiến?"

Ngài Xá Lợi Phất nói:

"Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, vì không phương tiện nên Bồ Tát ở nơi sắc sanh kiến chấp, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chuyển pháp luân sanh kiến chấp, vì pháp dụng hữu sở đắc vậy.

Nơi đây đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng sức phương tiện mà vì họ thuyết pháp để **dứt trừ những vọng kiến**, vì pháp dụng vô sở đắc vậy".

Tiến trình của vọng bắt đầu từ cái thấy, thấy là cửa ngõ đầu tiên thâu lượm các dữ kiện từ bên ngoài, rồi kế đến thức mới nhảy vào phân tích, so sánh, chọn lựa: Cái gì hợp với nó thì nó giữ, cái gì nghịch với nó thì nó loại trừ. Cái mà thức giữ lại gọi là kiến thức, một thứ văn hóa riêng mà Phật đạo gọi là thân kiến mà thế tục gọi chung dưới một danh từ thật mỹ miều là văn hóa hay nhân sinh quan. Vì là nhân sinh quan nên nó có cá tính riêng, độc lập với nhân sinh quan thuộc cá nhân khác. Đây không phải là một diễn dịch hay là một hệ luận mà đây là một tương duyên giữa căn trần, thức, giới (như trong Phân Tâm Học). Vì vậy, Đoạn Kinh trên nói rõ vì không có phương tiện Bát Nhã, nên ở nơi sắc thọ tưởng hành thức sanh kiến chấp. Kiến chấp này là vọng kiến, là sở đắc, cái mà mình có được do thâu lượm hay vay mượn từ bên ngoài…

Vì vậy, mà Kinh MHBNBLMĐ cũng như ĐBN lúc nào cũng khuyên là "nên đoạn chư kiến". Muốn như vậy thì đừng sanh tâm phân biệt trụ chấp nơi nào.

Chư kiến đó chỉ do cóp nhặt, vay mượn từ bên ngoài mà danh từ chuyên môn gọi là hữu sư trí, cái trí phát sanh ra kiến do thâu lượm qua bao nhiêu đời từ trước khi cha mẹ sanh. Chỉ cái kiến phát sanh từ cần tu khổ nhọc ở giờ phúc chứng ngộ, gọi là tri kiến (tri kiến Phật nói trong Kinh Pháp Hoa) hay Bát Nhã Trí. Đó là vô sư trí, là hậu đắc trí nó không do ai chỉ dạy, nó xuất sanh từ huệ giác của chính mình.

Trong nhà Thiền có câu chuyện tạm đặt tên là "nhờ vả, vay mượn", như sau:

Ngưỡng Sơn Huệ Tịch theo Bá Trượng học Thiền. Sư có cái lưỡi lém lỉnh và cái tài lượm lặt, thậm chí Tổ hỏi một Sư trả lời mười. Bá Trượng nói: "Ta nghĩ, sau này sẽ có người khác độ ông". Về sau, Ngưỡng Sơn đến với Qui Sơn Linh Hựu. Qui Sơn hỏi: "Ta nghe nói trong lúc theo hầu Bá Trượng, Bá Trượng hỏi một ông đáp mười, có phải vậy không?" Ngưỡng Sơn đáp: "Không dám!" Qui Sơn hỏi: "Đối với thâm nghĩa của Phật pháp, ông đã đến đâu?" Ngưỡng Sơn sắp mở miệng thì Qui Sơn hét lên. Ba lần hỏi, ba lần hé mồm, ba lần đều bị hét. Cuối cùng Ngưỡng Sơn đành khuất phục, cúi đầu rơi nước mắt nói: "Thầy Bá Trượng tiên đoán tôi sẽ được ích lợi với người khác, ngày nay người đó chính thị là đây".

Sau ba năm chuyên cần theo học, một hôm, Qui Sơn thấy Sư đang ngồi dưới gốc cây, Ngài đến gần lấy gậy thút vào lưng, Ngưỡng Sơn quay lại. Qui Sơn nói: "Này Tịch, giờ ông có thể nói một lời hay không?" Ngưỡng Sơn đáp: "Không, không lời nào nữa, tôi không muốn nhờ vả vay mượn ai hết". Qui Sơn bảo: "Này Tịch, ông hiểu rồi đó!"(2)

Mượn lời của người dù là của Phật, của Tổ cũng đều là kiến văn giác tri, không phải của mình. Rời thầy, rời Tổ, lìa Kinh sách... thì mờ mịt, ích lợi gì!

Cái thấy nghe hiểu biết bằng thức là cái thấy nghe hiểu biết phân hai, nên lúc nào cũng thiên lệch, nghiêng ngả. Thân kiến, biên kiến, kiến thủ... thay vì nó giúp mình, nó lại che mờ cái huệ giác của chính mình.

Nói chung, dưới bất cứ hình thức nào dù là Phật đạo kiến, Phật kiến, chuyển pháp luân kiến... cũng đều là "bệnh". Nên Phật nói "dứt trừ những kiến chấp này mà vì mọi người thuyết pháp nên Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát ". Vì đại Bồ Tát là hữu tình giác ngộ. Dứt bỏ văn tự ngôn thuyết, trực nhận bản tâm, không qua trung gian của kiến thức, tri thức. Có kiến là có chấp, nên cho là chướng. Đó là sở tri chướng, nên nói là bệnh. Nó cũng là một thứ phiền não, đi ngược với giải thoát và giác ngộ. Còn đối với Bồ Tát khi giảng thuyết Bát Nhã đưa ra ý kiến của mình thì sao?

Theo Bát nhã Ba la mật khi Bồ Tát giảng thuyết, không phải các Ngài phát biểu một quan điểm (nói nôm na là có ý kiến) nào đó của riêng mình, mà đó ***là do tác dụng của Bát Nhã****. Kinh Tiểu Phẩm Bát Nhã mở đầu bằng nghi vấn về tư cách của Tu Bồ Đề khi các Ngài giảng thuyết về Bát Nhã. Tu Bồ Đề xác định rằng không phải tự Ngài có khả năng giảng thuyết về ý nghĩa sâu xa của Bát Nhã, nhưng chính diệu dụng của Bát Nhã là như thế:* "Người nói là không, người nghe cũng không, tất cả đều không. Giả tỉ có pháp nào cao hơn Niết bàn, tôi cũng gọi đó là không..."

Ngôn thuyết biện giải có tính cách bác học đòi hỏi tri thức phân tích, có phần trừu tượng và ý niệm... hơn là trực giác thực chứng thông qua kinh nghiệm tâm linh của từng cá thể. Không ai cần lý luận hay biện giải để sống. Sống là "đói ăn mệt ngủ", đó là đời sống vô công dụng hạnh, vô đạo hành, vô kiến, vô niệm, vô sở y...

Kinh Lăng Nghiêm nói:

"Tri kiến lập tri tức vô minh bổn.
Tri kiến ***vô kiến*** *tự tức Niết bàn".*

Dịch:

"Trên thấy biết mà lập thấy biết tức gốc Vô minh.
Thấy biết mà không thấy biết tức là Niết bàn".

Có người hỏi Ngài Hoàng Bá:

- Nay chính khi ngộ, Phật ở chỗ nào?

Sư đáp:

- Hỏi từ đâu đến? Biết từ đâu khởi? Nói nín động tịnh, tất cả đều là Phật sự, chỗ nào để tìm Phật? Không thể trên đầu lại thêm đầu, trên mỏ lại thêm mỏ. Chỉ ***chớ sinh kiến chấp****, thì núi là núi, nước là nước, mặt trời mặt trăng, sao... thảy đều không ngoài tâm ông. Ba ngàn thế giới là tự thể của ông, chỗ nào có nhiều thứ? Ngoài tâm không có pháp, khắp thấy núi xanh, hư không, thế giới rõ ràng mà không bằng mảy lông sợi tóc cho ông hiểu biết. Nên nói: "Tất cả thanh sắc là mắt tuệ của Phật".*

Nhà Thiền nói cái gì cũng trong suốt, rỗng không. Thiền sư Thiền Lão nói:

"Trúc biết hoa vàng đâu cảnh khác,
Trăng trong mây bạc lộ toàn chân".

Không sanh kiến chấp thì núi là núi, sông là sông…Tâm bặt niệm thì trăng trong mây bạc hiện toàn chân. Đó chính là đoạn chư kiến! Cổ đức thường nói: "Cuồng tâm chẳng (chịu) nghỉ, nghỉ tức Bồ đề!"

***1.** Kinh Viên Giác nói:* "Này thiện nam! Cái tâm hư vọng phân biệt *(gọi là thức sanh kiến chấp)* này, nếu không có trần cảnh thì không có gì để phân biệt cả. Lại nữa khi bốn duyên *(tứ đại hòa hợp thành thân)* rã rời rồi, thì thân giả tạm này cũng không còn. Lúc bấy giờ, cái vọng niệm phân biệt tích tụ trong thân thường duyên theo bóng dáng sáu trần đó, cũng bị phân tán. Rốt cuộc rồi không còn thấy cái gì mà gọi là tâm cả".

Tâm ở đây có thể nói là sự hiểu biết theo vọng thức. Tâm nếu phan duyên thì ngã kiến cũng tùy duyên mà nổi dậy. Nếu tâm chẳng sanh thì ngã kiến không từ đâu mà ra, chỗ bảo là "biết huyễn liền ly, ly huyễn tức giác!"*(3)*

Vậy, ngã kiến, thọ mạng kiến, chúng sanh kiến, sanh kiến, dưỡng dục kiến, chúng số kiến, nhơn kiến, tác kiến, sử tác kiến, khởi kiến, sử khởi kiến, thọ kiến, sử thọ kiến, tri giả kiến, kiến giả kiến… cũng là duyên hợp giả có, nên cũng gọi là huyễn. Đã biết huyễn tức là lìa, lìa huyễn tức giác vậy.

***2**. Nhưng lìa huyễn không có nghĩa là đoạn diệt. Có ngã kiến, thọ mạng kiến, chúng sanh kiến v.v… tức có phân biệt, chấp trước. Phân biệt chấp trước này cũng phát xuất từ thức thứ sáu (ý thức) và thức thứ bảy (Mạt na thức) mà ra. Thức chẳng phải vật gì khác, tức là chân tánh vì cớ bất giác theo **nhiễm duyên hiện khởi nhiễm tướng**, chỗ gọi là sanh diệt và bất sanh diệt hòa hợp là vậy.*

Chơn tánh là chơn như, bổn lai là một, viên mãn một nói theo đệ nhất nghĩa đế. Một khi duyên theo nhiễm trần thì cái một đó bị phân hóa làm hai. Từ đó mới có chơn giả, mê ngộ, phàm Thánh v.v… đối đãi nhau nói theo Tục đế. Trên con đường trở về quê cũ, người ta cố xa lìa nhị nguyên đối đãi, cái phân hai đó. Nhưng con đường trở về không phải dễ dàng gì.

Một khi đã bị chia chẻ phân hóa thì không tránh khỏi mất mát, phải tốn rất nhiều thời gian, công sức và nghị lực mới khôi phục được cái nguyên trạng của thuở ban đầu.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy: "Căn và trần đồng thể *(tâm)*, triền phược và giải thoát không hai *(mê thì triền phược, ngộ thì giải thoát)*. Các thức hư vọng như hoa đóm giữa hư không.

(…)Vì có trần cảnh, nên ở nơi căn mới khởi ra phân biệt. Vì có năng phân biệt ở nơi căn, nên mới hiện ra cái tướng bị phân biệt là cảnh. Căn *(kiến)* và cảnh *(tướng)* đối đãi nhau vọng hiện, chớ không có thật. Cũng như hình cây lau gác vào nhau *(giống như hình người hay vật hay nói khác là tạo ảo ảnh)*.

Thế nên, khi thấy, nghe, hiểu, biết mà khởi vọng niệm phân biệt, đó là vô minh triền phược. Còn khi thấy nghe, hiểu biết mà không khởi vọng niệm phân biệt, đó là Niết bàn. Ở trong chơn tâm thanh tịnh, không có dung chứa gì hết".

Phật kết luận: "Chính sáu căn làm cho các ông sanh tử luân hồi và cũng chính sáu căn làm cho các ông an vui giải thoát". *Tại vì sao? Vì căn là môi giới của trần cảnh với thức. Mê thì sống bằng thức phân biệt chấp trước, nên phải chịu sanh tử luân hồi. Ngộ thì thức biến thành trí nên gọi là an vui giải thoát. Khi mê thì sống trên tám thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, Mạt na thức và A lại gia thức. Ý thức là thức thứ sáu hay phân biệt, thức thứ bảy là Mạt na thức hay chấp ngã. Khi ngộ thì thức biến thành trí: Năm thức đầu biến thành Thành sở tác trí, thức thứ sáu thành Diệu quan sát trí, thức thứ bảy thì thành Bình đẳng tánh trí và thức thứ tám biến thành Đại viên cảnh trí.*

Dù cho thân tâm là huyễn, dù cho các tướng ngã kiến, thọ mạng kiến, chúng sanh kiến, sanh kiến, dưỡng dục kiến… không thật, cũng không đoạn diệt. Bởi vì, chính báo thân này biến thành pháp thân, và chính cái thấy do thức này lại cũng biến thành trí. Vậy, chẳng lìa các tướng ngã kiến, thọ mạng kiến, chúng sanh kiến v.v… mà cũng không đoạn diệt chúng. Nên Thế Tôn nói ngã kiến, thọ mạng kiến, chúng sanh kiến v.v… ***phi*** *ngã kiến, thọ mạng kiến, chúng sanh kiến v.v…* ***thị danh*** *ngã kiến, thọ mạng kiến, chúng sanh kiến v.v…Tức phi... thị danh... là ở chỗ đó.*

"(…) trong tất cả thời không khởi vọng niệm *(tức tri kiến bất sanh)* thì đối với vọng tâm cũng chẳng cần diệt trừ. Trụ trong cái vọng tưởng mà không thêm cái liễu tri, nơi không có liễu tri chẳng cần biện chân thật".

Vì vậy, Kinh Viên Giác khuyên: Bồ Tát, chúng sanh không khởi vọng niệm phân biệt thì đối với vọng tâm cũng chẳng cần dứt diệt, vì không khởi thì không cần dứt, không cần diệt, tự nó lặng. Trụ cái vọng tưởng mà không thêm cái liễu tri, vì thấy cảnh giả dối mà không dấy niệm phân biệt giả dối, tức buông hết tất cả vọng tưởng. Nơi cái liễu tri chẳng biện chân thật, vì không dấy niệm phân biệt giả dối, thì luận cái chân thật làm gì?

3. Trong tất cả thời không khởi vọng niệm thì tri kiến không sanh. *Tri kiến bất sanh thì, căn, trần, thức vắng lặng. Tới đó không phải là hết, trở thành gỗ đá mà tới chỗ đó thì chơn như, Phật tánh hiện tiền. Kinh Lăng Nghiêm nói:* "Nếu bỏ cái sanh diệt, giữ cái chơn thường, cái sáng suốt chơn thường hiện tiền, các thứ tâm niệm căn, trần, thức đồng thời tiêu mất. Tướng của vọng tưởng là trần, tình phân biệt là cấu, cả hai đều xa lìa, thì pháp nhãn của ông liền sáng suốt, làm sao không thành bậc Vô Thượng Tri giác".

Kinh nói tiếp: "Nhân vọng mà có sanh, nhân sanh mà có diệt, sinh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chơn, ấy gọi là hai danh tự chuyển y Vô Thượng Bồ đề và Niết bàn của Như Lai". *Thiền sư Hàm thị Giãi giải thích như sau: Bất giác vọng động thì có niệm khởi. Niệm khởi tức là tướng sanh, đương khi sanh liền diệt, diệt rồi lại sanh, do đó mà không hiểu biết, niệm niệm tiếp nối gọi là vọng, rõ vọng tức là chơn, lại không có hai thể. Nên Ngài Tào Khê (Lục Tổ) nói:* "Trước niệm chẳng sanh là tâm, sau niệm chẳng diệt gọi là Phật", *nghĩa là rõ biết thì không theo niệm trước tiếp tục, đương niệm rõ ràng chẳng trở lại mê. Đây gọi là chuyển. Chuyển vọng giác làm Bồ đề, chuyển sanh diệt làm Niết bàn, vốn đồng một thể, do mê và giác mà có tên khác. Ngài Tào Khê lại nói:* "Chỉ chuyển cái danh không có thực tánh vậy". *"Y" là Như Lai tạng, y nơi bất giác mà có vọng động, y nơi vọng động mà có sanh diệt. Nay giác ngộ rõ biết không có vọng, thì không có chỗ nào nương, tạng tánh tự nó là vậy, nên chẳng có gì gọi là chuyển (chuyển là chuyển cái tướng chứ chẳng phải chuyển cái thể).*

Kinh Lăng Nghiêm lại nói: "Tuy Phật đã chỉ rõ ra vẫn không biết trở về. Nguyên nhân cái mê là như vậy, là nhân mê tự có. Biết mê không nhân, thì vọng không có chỗ tựa, sanh còn không có, làm gì có cái để diệt". *Tự có, tự mê, tự biết. Tự biết tự trở về, giong ruổi đâu có nhân nào khác. Trở về cũng chẳng phải nhờ ai. Biết mê không giong ruổi, hết giong ruổi gọi là trở về. Xưa sanh mà không sanh, nay diệt cũng không diệt. Tới đây là bặt tri kiến, chỉ tự mình chứng biết mà thôi.*

Kinh Viên Giác nói: "Biết huyễn tức là lìa, chẳng khởi phương tiện. Lìa huyễn tức giác cũng không có thứ lớp".

Kết luận:

(cho đoạn chiết giải này)

Tâm mê cũng tự mình, mà ngộ cũng không ngoài mình. Chỉ mình tự "rối" mình mà thôi. Cổ đức nói: "Cuồng tâm không (chịu) nghỉ, nghỉ tức Bồ đề", phải có cái tâm "bất biến giữa dòng đời vạn biến", đó là chỗ cần hạ thủ. Kinh Kim Cương có ghi: "Bất thủ ư tướng, như như bất động". *Tất cả tư tưởng đó đều qui kết chỗ* ***tri kiến bất sanh,*** *cũng là chỗ vô thức, vô niệm, vô tâm. Chủ yếu của tu hành là làm sao cho tâm được thanh tịnh. Đạo Phật được gọi là Thanh-Tịnh-Đạo là vậy.*

Tín Tâm Minh của Tổ Tăng Xán có câu: "Nhất tâm bất sanh, vạn pháp vô cửu". *Một tâm chẳng sanh thời muôn pháp không có lỗi. Tâm không nọ kia, không phân biệt thì vạn pháp bình an, tất cả đều thanh tịnh. Tới chỗ này, nói tức thuốc độc biến thành đề hồ, mà nín thì đề hồ biến thành thuốc độc. Thiền sư Đức Sơn bảo: "Nói cũng ăn 30 gậy, nín cũng ăn 30 gậy". Chỗ mầu nhiệm không vói tới nổi, lý sự làm gì cho thêm khổ!*

Chừng như thực thực hư hư
Chừng như gió lặng chừng như trăng ngừng.
Nghìn xưa trăng chỉ một vầng,
Nghìn sau trăng gió cũng ngần ấy thôi.
(Khuyết danh)

Chỉ cần một đoạn Kinh ngắn này mà chịu nghiền ngẫm đọc tụng thì cũng đủ an thân lập mệnh rồi, chẳng cần bôn ba hành cước vạn dặm, chẳng cần ai ấn tâm?

Thích nghĩa cho đoạn Kinh này:

(1). Vọng kiến (Phạm là vitatha): Chấp mê một cách phi lý như vọng kiến, vọng thức, vọng tâm, vọng niệm, vọng chấp, vọng tình v.v…

(2). Về sau đệ tử nối pháp của Thiền sư Qui sơn Linh Hựu chính là Ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, khai sáng Thiền viện, xiển dương tông phong Qui sơn Linh Hựu mà phát triển thành tông Qui Ngưỡng; Ngưỡng Sơn nhân đó mà nổi danh trong giới Thiền.

(3). Tâm phan duyên là tâm sanh diệt, tâm mê. Tâm chẳng sanh là chân tâm, tâm giác.

---o0o---

Phật phá chấp về pháp tướng.

"Phật bảo:

- Thiện Hiện! Những người phát tâm hướng tới Bồ Tát thừa, đối với tất cả pháp nên biết như thế, nên thấy như thế, nên tin hiểu như thế, chẳng trụ tưởng pháp như thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tưởng pháp, tưởng pháp ấy, Như Lai nói là chẳng phải tưởng, cho nên Như Lai gọi là tưởng pháp".

Kinh Kim Cương Bát nhã Ba la mật Đa do nhóm của Ngài La Thập dịch, ghi: "Tu Bồ đề! Phát A nậu đa la Tam miệu Tam Bồ đề tâm giả, ư nhất thiết pháp ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sanh pháp tướng. Tu Bồ đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng". Dịch:

"Này Tu Bồ đề! Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng giác, đối với tất cả pháp phải biết như thế, phải thấy như thế, phải tin hiểu như thế, không nên sanh pháp tướng. Này Tu Bồ đề, nói là pháp tướng đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, ấy gọi là pháp tướng".

Độ mà không độ, khứ lai mà vô khứ lai, nhất hợp tướng bất khả thuyết, ngã kiến mà vô ngã kiến, cho đến tâm như hư không v.v… tất cả là bất sanh. Không độ tức là độ, vô lai khứ mà lai khứ, vô nhất hợp mà nhất hợp, vô ngã kiến mà có kiến… Đó chính là chỗ bảo ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải. Ở đây Phật sợ chúng sanh ***chấp về pháp tướng****, nên Phật bảo: Như Lai nói pháp tướng chẳng phải là pháp tướng, chỉ giả danh là pháp tướng, tạm gọi là pháp tướng* (sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng).

Bao nhiêu lời nói đó để hiểu ngay đây một lúc buông sạch hết: Có cũng buông mà không cũng buông, được niệm mất niệm đều thành Phật đạo, phải trái chân vọng đều về nguồn. Kinh Viên Giác nói: "Sanh tử và Niết bàn cũng như giấc mộng hôm qua, vì chúng sanh vốn là Phật từ xưa".

Tới đây là hết lý luận, nên Thiền sư Quán Đạt nhắc lại lời của Ngài Thạch Đầu như sau: Chấp SỰ nguyên là mê mà khế LÝ chẳng phải ngộ". Còn LÝ còn SỰ là còn phân chia chưa phải ngộ. Khi dẫn như vậy, Ngài Cốc Ẩn mới hỏi:

- Ông cho đó là lời nói thuốc hay lời nói bệnh?

Quán Đạt đáp:

- Lời nói thuốc.

Đó là kẹt ở một bên rồi! Cho nên Cốc Ẩn mới quở:

- Ông lấy bệnh làm thuốc đâu thể được.

Dù nói thuốc hay nói bệnh đều kẹt ở hai đầu, nên sư nói:

- Sự như phong thư niêm kín, lý như mũi tên nhọn đầu. Chỗ mầu nhiệm đâu có thêm bớt, thật chưa rõ ý chỉ này?

Phong thư niêm kín (bí mật) làm sao mà biết được trong đó nói gì. Mũi tên nhọn đầu trúng thì toi mạng (nghĩa là tấn thối đều chết hết). Ngài Cốc Ẩn bảo:

- Chỗ mầu nhiệm đến như thế đó cũng chỉ là lý sự thôi!

Dù nói hay nói giỏi cách mấy cũng không ngoài lý sự, còn ý chỉ của Tổ sư là chỗ trí biết không thể đến được, huống hồ lý sự mà biết cùng tột hay sao? Nên chỗ này đức Thế Tôn nói: "LÝ chướng, ngăn ngại cái thấy biết đúng; còn SỰ chướng, tiếp nối các sanh tử".

Chấp sự là chấp theo tướng, tức dẫn mình đi trong sanh tử; còn nói lý này lý nọ là ngăn ngại cái thấy biết đúng, tức chưa quên được lý sự, vì lý sự cũng không rời môi!

Khi nghe tới đó, sư Quán Đạt như chợt tỉnh, bèn thưa:

- Như vậy, làm sao thọ dụng?

Ngài Cốc Ẩn bảo:

- Lời nói chẳng rời khuôn sáo cũ.

Xưa nói như thế nào thì bây giờ lặp lại như cũ. Sư than:

- Vừa dính môi lưỡi, liền rơi vào đối đãi, trọn cửa chết!

*Tức vừa mở miệng là rơi vào cửa chết, nói ra là kẹt bên nọ bên kia. Vậy chỉ có nước là ngậm miệng! Phải ngậm miệng như Ngài Duy Ma Cật ở thành Tỳ xá ly mà các Thiền sư sau này xưng tụng là "Cái im lặng sấm sét!" (*默如雷*; mặc như lôi).*

Thật quá thâm thúy!

Ta có thể lấy phẩm "Tán Hoa", Q.554, ĐBN, làm kết luận cho đoạn Kinh này: Phật bảo Khánh Hỷ:

"Khánh Hỷ nên biết! Vì pháp chẳng tu pháp, pháp chẳng thấy pháp, pháp chẳng biết pháp, pháp chẳng chứng pháp.

Khánh Hỷ nên biết! Tánh tất cả pháp không người tu; không người thấy, không người biết, không người chứng, không hành động, không tạo tác. Vì sao? Vì tất cả pháp hoàn toàn không tác dụng. Người thủ, sự thủ đều như hư không, vì tánh xa lìa vậy. Vì tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn, người và sự nghĩ bàn đều giống như người huyễn, vì tánh xa lìa vậy. Vì tất cả pháp không tạo tác, không lãnh thọ, như bóng sáng v.v... chẳng chắc thật vậy.

Khánh Hỷ nên biết! Nếu đại Bồ Tát luôn tu như vậy, luôn thấy như vậy, luôn biết như vậy, luôn chứng như vậy thì chính là hành Bát nhã Ba la mật, cũng không chấp trước tướng các pháp này.

Khánh Hỷ nên biết! Nếu đại Bồ Tát khi học như vậy thì chính là học Bát nhã Ba la mật".

Kinh tự nói lên cái diệu dụng của nó, không cần giải thích thêm!

---o0o---

Ưng hóa chẳng phải chân.

"Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát dùng bảy báu đầy khắp vô lượng, vô số thế giới, dâng cúng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; nếu có thiện nam, hoặc thiện nữ nào đối với Kinh Bát nhã Ba la mật này, cho đến bốn câu kệ, mà thọ trì đọc tụng thông suốt rốt ráo, như lý tác ý và rộng vì người khác tuyên thuyết chỉ bày, do nhân duyên đây nên được số phước rất nhiều hơn trước vô lượng, vô số. Thế nào gọi là vì người khác mà tuyên thuyết chỉ bày? Chẳng vì người tuyên thuyết chỉ bày, thì gọi là vì người tuyên thuyết chỉ bày".

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ rằng:

Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,
Như lộ diệt như điện,
Ưng tác như thị quán.

Sơ giải:

Đoạn Kinh này chia làm hai phần:

*- **Phần đầu**: So lường công đức giữa Bồ Tát dùng bảy báu để bố thí với người trì tụng Bát Nhã dù chỉ thọ trì đọc tụng bốn câu kệ; và*

*- **Phần sau**: Nói về các pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt, bóng, như sương cũng như điện v.v...*

Tuy Kinh chia hai phần rõ rệt, nhưng chúng tôi lược giải cùng một lúc cho cả hai vấn đề.

***1. Phần đầu:** "Ưng hóa chẳng phải chân" nói về thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói Kinh này, dù chỉ bốn câu kệ phước đức hơn người dùng bảy báu bằng thế giới trải qua vô lượng A tăng kỳ kiếp bố thí. Chúng ta đã có quá nhiều dịp nghe thuyết về các loại bố thí được phước đức như vậy rồi, nên không cần lặp lại nữa.*

***2.** Điểm đáng chú ý là **phần sau:** Thế nào là vì người diễn nói? Diễn nói ở đây là chẳng thủ nơi tướng, tâm như như bất động.*

*Học và hành Bát Nhã là để hiểu biết Bát Nhã, rồi quán chiếu và sống với Bát Nhã tức tự mình thọ trì, đọc tụng... Đó là con đường, là phương tiện đưa đến trí tuệ Phật, trí tuệ Bát Nhã. Và một khi đã ngộ nhập Bát Nhã rồi thì phát nguyện cứu độ chúng sanh. Phương tiện cứu độ chính là vì người giảng nói để chúng sanh được ngộ nhập Bát Nhã như mình. **Đó là giải hành tương ứng. Giảng Kinh là giải môn, tu hành là hành môn. Thỏa mãn được hai điều kiện này thì lo gì không đạt lý, không thấy đạo hay lo gì có phước đức hay không**. Nhưng muốn thực hiện những điều kiện đó không phải dễ, hành giả Bát Nhã phải thọ trì, đọc tụng, vì người giảng nói nhưng không được thủ tướng, không phân biệt tướng. Đó là điều kiện tiên quyết cũng là chung cùng, vì một khi có chấp thủ, có phân biệt... thì tự mình che lấp tâm trí, rồi sẽ rơi vào tham ái, sanh vọng tâm vọng ngữ làm sao thâm nhập được Bát Nhã nói chi đến việc hướng dẫn người khác.*

Còn Phật giảng pháp là từ tâm chứng dù có phân biệt đi nữa cũng lìa tướng, nhưng không rời chánh niệm, không dính mắc nên không bị tướng che, đâu đâu cũng thấy lý đạo, thông hóa pháp giới, nên mới hiểu "tất cả pháp đều là pháp Phật". Nếu có người nói pháp lìa tướng, vô phân biệt, vô trước, tâm như như bất động thì thầm hợp tâm Phật. Dĩ nhiên, sự giảng nói đó mang nhiều lợi ích, công đức không thể so lường.

***1-** Nhưng làm sao giảng thuyết cho người hiểu: "Bất thủ ư tướng, như như bất động?"*

Trước hết phải nói đến người thuyết bất thủ ư tướng có nghĩa là chẳng thủ trước. Nếu có thủ tức có nắm bắt buông bỏ thì tâm còn phân biệt, tâm phân biệt là do chấp đắm (thủ tâm, chấp tướng) thì làm sao chứng tánh. Bản tánh là chỗ an nhiên tịch lặng, bất sanh bất diệt, vô động nên gọi là như như.

*Chữ **bất thủ** có nghĩa là vô thức, vô trụ, vô trước, vô niệm, vô tâm. Kinh này từ đầu tới cuối đều nói lên y chỉ này: Độ mà không thấy độ, bố thí mà không chấp tướng, chứng đắc mà không thấy mình có chứng đắc, trang nghiêm không năng sở, đoạn thường chẳng nhiễm, đừng sanh vọng chấp bất cứ nơi nào, hành coi như vô sự, thuyết pháp 45 năm mà cho mình không nói một chữ... Còn thủ bất cứ dưới hình thức*

nào dù đẹp hay xấu, mê hay ngộ, thiện hay ác..., một khi có thủ giữ, cất dấu tức còn chấp là còn dính mắc phiền não. Như vậy, gọi là động niệm. Vô thủ thì vô chấp, vô chấp tâm mới được như như. Như như là không sanh không diệt, không khứ không lai, nên nói vô sở tùng lai vô sở khứ.

Kinh Viên Giác nói: "Bao nhiêu thứ thủ xả đều là luân hồi". *Luân hồi là sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, tiếp nối như vòng lửa. Nếu có thủ là có xả, liền có đối đãi. Có đối đãi chấp trước là có sanh diệt. Hết sanh rồi diệt, hết diệt rồi sanh, cứ thế tiếp nối nên gọi là luân hồi bất tận. Nếu bất thủ, lìa chấp tức hết sanh diệt thì liền thấy cái bất sanh diệt hiện tiền, nên nói bất thủ ư tướng như như bất động. Như như bất động tức chơn như thật tướng. Vì chơn như thật tướng chỉ thể tính bất động, thường hằng, nằm ngoài mọi lý luận nhận thức. Tri kiến được Chơn như tức là Giác ngộ, vượt ra ngoài thế giới nhị nguyên, chứng được cái nhất thể giữa khách và chủ. Chơn như đồng nghĩa với tự Tánh Thanh Tịnh Tâm, Phật Tính, Pháp Thân, Như Lai Tạng, Thực Tướng, Pháp Giới, Pháp Tánh... Nếu chứng được chơn như, nhập được pháp giới thì kể như một đời tu hành đã xong.*

2- *Tới đây Phật nói bài kệ:*

Tất cả pháp hữu vi,
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,
Như sương cũng như điện,
Nên khởi quán như thế.

Tất cả pháp hữu vi đều có hình tướng, thấy được, sờ mó được như nhà cửa, xe cộ, kể cả sơn hà đại địa... Cái gì do con người làm ra, Phật đều bảo là hư dối không thật giống như mộng huyễn, bọt bóng, như sương, như điện... có đó rồi mất đó. Nếu quán như vậy thì không còn chấp thủ, tâm mới được thanh tịnh. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Trong thế gian, những vật gì làm ra, đều phải hoại diệt". *Tất cả pháp thế gian không thoát khỏi định luật vô thường: Sinh trụ dị diệt, thành tựu hoại không, phân ly phi tán. Biết như vậy thì đừng tham ái mà khổ lụy thân tâm.*

Đừng chấp các pháp hữu vi là thật, bền vững tồn tại với thời gian, chúng chỉ là bèo bọt nổi trôi như sương như điện chớp... Đây là diệu quán, phải quán sâu, tương tục mới dứt khổ mà được vui!

***3-** Không có pháp hữu vi thì làm sao có pháp vô vi?*

Hữu vi pháp chẳng phải chỉ cho thế gian pháp mà là tất cả Phật pháp cũng đều là hữu vi pháp, nên nói là nhất thiết pháp. Kinh Viên Giác nói:

"Các thế giới của chư Phật nhiều như cát sông Hằng, đều ở trong tánh Viên giác này. Cũng như hoa đốm trong hư không, mặc tình lăng xăng khởi lên và lăng xăng diệt mất. Nó không phải "tức" tánh Viên giác mà cũng không phải "ly" tánh Viên giác, không phải triền phược và giải thoát, bởi thế nên biết sanh tử và Niết bàn như giấc mộng hôm qua, vì chúng sanh vốn thành Phật từ lâu".

"Phải biết sanh tử và Niết bàn đều như giấc mộng hôm qua, cho nên không có sanh diệt cũng không khứ lai. Ở quả vị sở chứng, không có "được" hay "mất", "thủ" hay "xả". Ở nơi kẻ năng chứng cũng không có "tác"*(tạo tác)* hay "chỉ"*(đình chỉ),* "Nhậm"*(sanh)* hay "diệt". Trong Viên giác *(chân như)* tất cả pháp bình đẳng, không có hoại diệt. Rốt ráo không có người chứng và quả sở chứng".

Đã là giấc mộng hôm qua thì sanh tử, Niết bàn đâu có sanh có diệt, đâu có đến có đi. Nó chỉ là giấc mộng không hơn không kém! Hiểu như vậy thì sanh tử, Niết bàn có nghĩa lý gì. Chỗ chứng ấy (chơn như) cũng không được không mất, không thủ không xả, không tác không chỉ, không nhậm không diệt, không năng sở, không có người chứng và quả vị để chứng. Bởi thể nhập chơn như rồi sống trong đệ nhất nghĩa thì không còn phân biệt, không còn năng sở nên gọi là bình đẳng chẳng hoại.

Có được là có mất, có thủ là có xả, có năng là có sở... liền có đối đãi. Có đối đãi nên hiện tướng (tướng tức pháp hữu vi), liền có sanh diệt, nên đều là mộng, là huyễn... Thế muốn chứng vô vi thì phải bắt đầu từ hữu vi mà hạ thủ. Hữu vi là hư vọng, nhưng phải nhận biết hư vọng mà lìa. Lìa vọng tức chân. Vì vậy, Tổ dạy: "Hữu vi tuy ngụy, xã chi tắt Phật đạo năng thành" *(các pháp hữu vi tuy biết là hư vọng*

nhưng nếu bỏ không tu thì không thành Phật đạo). Cách tu cũng như lọc nước: Bỏ phèn vào nước đục, quấy lên, xong để cặn cáu lắng xuống, gạn lấy nước sạch ở trên, đổ nước dơ đi thì được nước sạch. Nước dơ có cặn ví như hữu vi pháp, nước trong tinh khiết như vô vi pháp. Nhưng còn nói đục nói trong, nói nhiễm tịnh, nói hữu vi vô vi... là còn nằm trong nhị nguyên đối đãi. Đục trong, nhiễm tịnh đều bỏ thì mới được như như bất động. Phải vượt qua đối đãi. Đó là chỗ rốt ráo nhất mà Phật thuyết sau cùng để kết luận cho Kinh này.

Cư sĩ Giang vị Nông nói: "Cho nên, chỗ khai Kinh này nói "thực vô chúng sanh đắc diệt độ" phải từ độ hết chúng sanh mà ra; "ở pháp chẳng trụ" phải từ hành ư bố thí mà ra. Các đoạn sau, chỉ thú cũng đều như thế: Độ chúng sanh, hành ư bố thí là hành hữu vi pháp, tức hành hữu mà chẳng trụ hữu, quán cái không mà chẳng trụ không. Tuy trọn ngày hành Lục độ vạn hạnh, trọn ngày giảng Kinh thuyết pháp mà thực trọn ngày Niết bàn. Đây có thể biết bất thủ pháp phải từ bất thủ phi pháp mà làm, tức phi phải từ thị danh mà làm, chẳng chấp trước phải từ chỗ chẳng đoạn diệt mà làm ra, vô thực phải từ vô hư mà làm ra, không Thánh không phàm tức từ trong có Thánh có phàm mà thấy, bất nhất bất dị phải từ trong nhất dị mà thấy, bất lai bất khứ phải từ trong lai khứ mà thấy. ***Đó gọi là chư pháp nhất như, thị pháp bình đẳng, cho đến bất sanh bất diệt mà thị hiện sanh diệt.*** *Đây gọi là chẳng trụ sanh tử, chẳng trụ Niết bàn, tôn chỉ vô trụ ở đây cứu cánh viên mãn vậy. Điểm then chốt là phải quán chiếu duyên sanh như huyễn như mộng, để hiểu rõ nó là không, cho nên chẳng trụ.*

Người học phương tiện cần yếu là phải quán như thế. Quán như thế tức chẳng bỏ hữu vi, chẳng ngại vô vi, tự nhiên nhi nhiên già chiếu đồng thời, vừa hay vừa hợp với như như bất động, viên giác tánh hải. Đó là chỗ thậm thâm cần hạ thủ!

Đã biết các tướng là hư vọng, là huyễn, là mộng, là bọt bóng... thì tâm không còn giong ruổi, tầm cầu... tới đó là thanh tịnh. Tâm là chánh báo đã thanh tịnh thì trần cảnh là y báo cũng thanh tịnh, nên Kinh Viên giác nói:

"Vì một thế giới thanh tịnh, nên nhiều thế giới cũng thanh tịnh. Vì nhiều thế giới thanh tịnh nên 10 phương hư không *(nói về không gian)*

trùm khắp ba đời *(nói về thời gian)* tất cả đều thanh tịnh, bình đẳng không động".

Hư không đã bình đẳng không động, vì bốn đại*(thân)*bình đẳng không động, nên rõ biết Tánh viên giác*(tâm)*bình đẳng không động".

(…) "Vì tánh Viên giác*(Chân tâm)*thanh tịnh không động, viên mãn trùm khắp tất cả, không có bờ bến, nên biết sáu căn, sáu trần, bốn đại cho đến các pháp môn Đà là ni cũng thanh tịnh và viên mãn khắp giáp cả pháp giới".

"Vì tánh Viên giác kia mầu nhiệm viên mãn không hoại, nên bản thể của căn, bản thể của trần, không có một pháp nào hoại diệt lộn lạo, cho đến các pháp môn Đà la ni, cũng không có hoại diệt và lộn lạo…"

Hiện tượng từ bản thể sanh mà hiện tượng bình đẳng không động, cố nhiên bản thể cũng bình đẳng không động. Đó chính là như như bất động của Bát Nhã. Đã như như thì không nói thật giả, mê ngộ... tức lìa nhị nguyên đối đãi. Đó là lý sự vô ngại và sự sự vô ngại pháp giới của Hoa Nghiêm. Kinh Pháp Hoa chép "Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ" *(pháp nào pháp nào an trụ địa vị pháp đó, thế gian tướng là thường trụ tướng). Kinh Lăng Nghiêm nói* "Tứ đại châu biến, không có hoại diệt và tạp loạn lẫn nhau". *Cổ nhân lại nói* "Trần trần là báu, chỗ chỗ gặp nó"*, vạn hữu đâu đâu đều là báu, pháp nào pháp nào cũng đều hiển lộ vô trụ chơn như, vật nào vật nào cũng là Bát Nhã thật tướng.*

4- *Để hiểu rõ vạn hữu như huyễn như mộng mà Phật nêu trong câu kệ ghi trên, chúng tôi trích dẫn bài kệ sau đây của Mãn Giác Thiền sư nói lên ý nghĩa đó:*

"Thân như bóng chớp chiều tà
Cỏ cây hoa lá Xuân qua rụng rời
Sá chi suy thịnh cuộc đời
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành".

Thân này cũng như thân của những người thân yêu nhất… cũng là hữu vi pháp, hư ngụy vô thường, như bóng câu qua cửa sổ, như điện

chớp, có rồi không. Như lúc còn trẻ giống như mùa Xuân cỏ cây tươi tốt, lúc già thì úa tàn như lá Thu. Hiện tượng vô thường xảy ra bất lúc nào, bất cứ ở đâu, chẳng có gì bền vững với thời gian. Biết như vậy nên dù thịnh dù suy cũng không có gì sợ hãi. Nó cũng giống như hạt sương sớm đọng trên đầu ngọn cỏ, có tụ có tán, thấy đó rồi mất đó.

*Thấy rõ như vậy, biết rõ như vậy, thì bất cứ trong trạng huống nào kể cả trước cái chết cũng không có gì phải run sợ. Đó mới thấu rõ nghĩa của "chẳng thủ nơi tướng, như như bất động". Đấy gọi là **thể nhập**. Thấy như vậy, biết như vậy và sống như vậy mới được như như. Phải luôn luôn quán như thế!*

Nếu quán được như thế thì Kinh ĐBN, phần "Mạn Thù Thất Lợi", thuộc quyển 574 nói là sẽ được trí Vô đẳng đẳng hay trí Vô đối đối. Tới đây, Phật hỏi Mạn Thù Thất lợi:

- "Diệu trí như vậy không thể động ư?

Mạn Thù Thất Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Diệu trí như vậy không thể động. Như thợ vàng đốt luyện thỏi vàng cho được tinh ròng, đúng lượng rồi thì không động đến nữa. Trí này cũng vậy, tu tập thành thục, không tạo tác, không chứng đắc, không sanh ra, không kết thúc, không khởi lên, không chìm, vững yên chẳng động".

Pháp như bất động là cái tướng bên ngoài, còn tâm bất động là diệu trí bên trong. Thể nhập trong ngoài như thế thì gọi là Như Lai không khác. Cảnh như do tâm như. Trong như ngoài như nên nói là như như bất động. Tâm như như bất động thì thấy đâu đâu cũng đều bình đẳng hết, nên cũng nói là thanh tịnh. Vì vậy, giáo lý không, như như, bình đẳng, thanh tịnh này được gọi chung là "Bát Nhã Lý Thú" phần. Bởi vì nó là thân ấn, ngữ ấn, tâm ấn, trí ấn, trí tạng của chư Như Lai mà chúng ta sẽ trì tụng ở Hội thứ X kế tiếp.

---o0o---

Phần truyền bá lưu thông.

"Khi đức Bạc già phạm Thế Tôn thuyết Kinh này rồi, Tôn giả Thiện Hiện và các Bí sô, Bí sô ni, cận sự nam, cận sự nữ và các thế gian trời, người, A tu la, Kiện đạt phược… đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành".

Khi Phật nói Kinh "Kim Cương Năng Đoạn" xong, Trưởng lão Thiện Hiện, các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, thiện nam tín nữ và thế gian trời người, A tu la, Kiện đạt phược… đều tín thọ, hoan hỷ vâng làm!

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần chín,
(Hội thứ IX).

Chưa có quyển Kinh nào trong 600 quyển thuộc ĐBN được chiết giải cẩn thận như Q.577, tức Kinh "Kim Cương Năng Đoạn Phần" trong Hội thứ IX này. Chúng tôi luận giải trên 150 trang giấy. Nếu toàn bộ Đại Bát Nhã luận giải cũng như vậy, thiên Tổng luận này có thể kéo dài đến 100.000 trang, có lẽ không ai có cam đảm đọc tụng hết.

Luận giải như vậy, là quá dài! Chúng tôi nghĩ chỉ cần nắm được đầu mối là có thể phăn ra tất cả, không cần phải giải thích rùm rà phức tạp. Kinh viết ngắn, ý lại sâu nên phải giải thích nhiều. Đa số chiết giải của chúng tôi trong Hội này đều đứng trên quan điểm của Đại Bát Nhã hay hệ Bát Nhã nói chung. Trong các Hội khác chúng tôi chỉ sơ giải đại cương, Quý vị phải tư duy quán chiếu nhiều để tự xây dựng trí tuệ cho chính mình. Đó là chủ đích của Kinh cũng như của tác giả.

Kinh này có lối diễn tả kỳ đặc: "Như Lai nói các tướng đầy đủ, tức chẳng phải các tướng đầy đủ", lối thuyết giảng này có vẻ "không bình thường": "Công đức trang nghiêm cõi Phật ấy, Như Lai nói chẳng phải trang nghiêm, cho nên Như Lai nói là công đức trang nghiêm"; "Như Lai nói chẳng phải Bát nhã Ba la mật, cho nên Như Lai gọi là Bát nhã Ba la mật" v.v... và v.v... Đây không phải là lối nói "phủ định vô địch" của Tâm Kinh mà các nhà chú giải thường ca tụng. Đây cũng không phải là lối nói "nghịch đảo táo bạo" để dựng dậy cái tâm ngái ngủ ngàn đời của người

học đạo. Đây là lối nói: ***"Nói đó rồi phủi đó, phủi hết, phủi sạch, xả bỏ tất cả, không để cho tâm nắm bắt cất giữ bất cứ thứ gì".*** *Đoạn hay khiển là còn động niệm mặc dù là cần thiết trong việc tu hành, nhưng nói phủi hay xả* ***có nghĩa là buông bỏ hay phóng xả hết không để bất cứ thứ gì vướng bận dù chỉ là một hạt bụi còn lưu lại trong tâm****. Vì vậy, nên nói Kinh này có lối diễn tả kỳ đặc! Đó cũng chính là bài học quan trọng của Hội thứ IX này!*

Nói tóm lại, đoạn có nghĩa là gì? Đoạn có nghĩa chặt đứt chấp nhất. Chấp nhất từ đâu ra? Từ phân biệt mà ra. Phân biệt lấy gì làm gốc? Phân biệt bắt nguồn từ ngã-ngã sở, nên sanh ra thân kiến, biên kiến, kiến thủ... Vậy, muốn phá trừ các phiền não đó phải làm sao? Phải thành thục chúng sanh, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ. Đó là yếu chỉ tu hành của Kinh "Kim Cương Năng Đoạn", nó cũng là yếu chỉ tu hành của hệ Bát Nhã hay nói chung là của Phật đạo chứ chẳng phải thứ gì khác!

Tới đây, chúng ta có thể ngâm bài kệ "Xuất Trần":

"Đã từng ham muốn phải long đong
Ném quách mà ra khỏi bụi hồng
Buông thõng bờ kia lên Phật Tổ
Một lần phủi giũ một lần xong".
Tuệ Trung Thượng Sĩ.

Nên, cư sĩ Giang vị Nông nói: "Biết rõ rồi thì có không đều bỏ, không nắm không bắt thì mới thấy chư pháp nhất như, thị pháp bình đẳng, cho đến bất sanh bất diệt mà thị hiện sanh diệt. Đây gọi là chẳng trụ sanh tử, chẳng trụ Niết bàn, tôn chỉ vô trụ ở đây cứu cánh viên mãn vậy. Điểm then chốt là phải quán chiếu duyên sanh như huyễn như mộng để hiểu rõ nó là không, cho nên chẳng trụ".

Tất cả chư pháp nhất như, thị pháp bình đẳng; các pháp không thật, giả có đương thể tức không, như huyễn như mộng, đều do duyên sanh... Biết như vậy rồi, ngày ngày quán chiếu thực hành thì có thể đoạn trừ phiền não mà tháo gỡ tất cả hệ lụy thế gian!

Hội thứ IX, tuy chỉ là một quyển Kinh ngắn nhưng có đầy đủ giáo lý mà các Kinh cần phô diễn nhất là "phương pháp năng đoạn". Nhưng đoạn hay chẳng đoạn là vẫn còn nằm vòng động niệm, năng sở chưa tiêu.

Nên được chưa đạt được đỉnh cao của Đại Bát Nhã. Tuy nhiên, ***đó là bắt đầu của của sự hàn phục vọng tâm để đi đến chỗ an trụ chân tâm****!*

Bây giờ, chúng ta đọc tụng tiếp Hội thứ X. Phật thuyết Hội này tại vương cung của trời Tha hóa tự tại, tên là **"Nhất thiết pháp thậm thâm vi diệu Bát Nhã lý thú thanh tịnh"** *cho các Bồ Tát. Chính nhờ pháp môn này mà chư Phật hiện đẳng giác và Phật đoan quyết rằng chúng sanh nào thọ trì pháp môn mầu nhiệm này, sẽ dứt trừ được tất cả* "phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng, dù cho chứa nhóm nhiều cũng chẳng thể nhiễm; tuy đã tạo các ác nghiệp cực trọng nhưng cũng dễ tiêu trừ, chẳng đọa ác thú".

Nếu tu được như thế thì có thể an trụ chơn tâm để vào Đẳng giác, rồi vào Diệu giác tức thành Phật thì chẳng có gì lý thú cho bằng!

Đó là phần ***"Bát Nhã Lý Thú"*** *của pháp hội thứ X tiếp theo. Mong rằng pháp hội này thật sự mang lại nhiều lý thú cho các thiện hữu như Kinh giới thiệu! Tuy nhiên, muốn xóa bỏ tất cả phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng cực kỳ nghiêm trọng trong đời và không bị đọa vào ác thú trong nhiều đời nhiều kiếp phải thọ trì cẩn thận pháp hội này thôi.*

Tất cả các giáo lý ở đây rất cô động, khó hiểu nhất so với các pháp hội khác. Chúng tôi phải báo trước các thiện hữu phải cố gắng hết sức mới có thể lảnh hội, phải "vắt từ bộ xương khô mới được nước Thánh". Giáo pháp ở đây quá mắc mỏ./.

Đến đây chấm dứt phần chín, Hội thứ IX, ĐBN.

---o0o---

Xin đọc tiếp Hội thứ X, phần "Bát Nhã Lý Thú":

HỘI THỨ X.

(Bố cục)

10. Hội thứ X: Phần "Bát Nhã Lý Thú", 1 quyển, tương đương với 150 kệ tụng Bát Nhã Lý Thú (Phạm:Prajĩàpàramità-nayazatapaĩcàzatikà) tiếng Phạm hiện còn. Nội dung đức Phật nói về pháp môn: **Nhất thiết pháp thậm thâm vi diệu Bát Nhã lý thú thanh tịnh** cho các Bồ Tát nghe. Các Kinh: "Thật Tướng Bát nhã Ba la mật" do Ngài Bồ đề Lưu chi dịch (1quyển) vào đời Đường, "Kim Cương Đỉnh Du Già Lý Thú Bát Nhã" do Ngài Kim Cương Trí dịch (1quyển), "Đại Lạc Kim Cương Bất Không Chân Thật Tam Ma Da" do Ngài Bất Không dịch (1quyển), "Biến Chiếu Bát nhã Ba la mật" do Ngài Thí Hộ dịch vào đời Tống (1quyển) đều cùng bản với hội này. Theo Pháp Uyển Châu lâm và Khai Nguyên Thích Giáo lục nói, thì bản tiếng Phạm của Hội này gồm 300 kệ tụng. Nhưng theo Chí Nguyên pháp Bảo Khám Đồng Tổng lục quyển 1 thì bảo Hội này và nguyên bản tiếng Phạm hiện còn giống nhau, đều gồm 150 bài tụng.

---o0o---

PHẦN "LÝ THÚ BÁT NHÃ"

Dẫn nhập:

Bốn Kinh sau đây có giáo lý tương tự như Hội thứ X này, là:

1. Kinh "Thật Tướng Bát nhã Ba la mật"(số thẻ 0240 trong Đại Tạng Kinh Việt Nam)do Tam tạng Bồ đề Lưu Chi dịch;

2. Kinh "Kim Cương Đảnh Du Già Lý Thú Bát Nhã"(số thẻ 0241) do Tam tạng Kim Cang Trí dịch;

3. Kinh "Phật Thuyết Biến Chiếu Bát nhã Ba la mật" (số thẻ 0242) do Thí Hộ dịch.

4. Kinh "Đại Lạc Kim Cương Bất Không Chân Thật Tam Ma Da"(số thẻ 0243) do Sa môn Bất Không dịch.

Tuy nói là 4 Kinh riêng biệt, nhưng có cùng 1 nội dung tương đương và cũng giống như Hội thứ X, nên nói 4 Kinh này nói là đồng bản với Hội thứ X. Cách định danh của mỗi pháp môn trong các Kinh đều dùng chữ Hán và lối giải thích quá gãy gọn, Kinh khó hiểu lại càng khó hiểu thêm.

Lại nữa 4 Kinh trên dùng văn tự Đà la ni như chữ "Hồng", chữ "Ác", "Hột ngật rị", "Đát lãm", "Ố", "Án" v.v... Do đó, việc đọc tụng hiểu biết các pháp môn này đã khó, càng thêm khó đối với việc phụng trì.

Để chứng minh điều này, chúng tôi trích dẫn Kinh "Thật Tướng Bát nhã Ba la mật", do Tam tạng Bồ đề Lưu Chi dịch từ Phạn sang Hán (nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt), làm phụ đính của Hội này để Quý vị có dịp so sánh đối chiếu những gì mà chúng tôi trình bày.

Cũng phải nói thêm rằng Kinh này do ***Phật thuyết cho các Bồ Tát thượng thủ cùng với tám trăm vạn chúng Bồ Tát khác tại điện Bảo Tạng của cung trời Tha Hóa Tự Tại, chứ không phải thuyết cho chúng sanh thường ở cõi Sa Bà này****.*

Nhưng nếu hiểu được và ứng dụng thành công trong đời sống đạo mới có thể nói là lý thú.

---o0o---

Tóm Lược:

Quyển 578

Tôi nghe như vầy:

Một thuở, đức Bạc già phạm khéo hay thành tựu tất cả **trí Kim cương trụ trì bình đẳng tánh của Như Lai**, các thứ công đức thù thắng hiếm có; đã khéo được tất cả mão báu quán đảnh của Như Lai, vượt khỏi ba cõi; đã khéo được tất cả **trí Kim cương biến khắp của Như Lai**, đại quán tự tại; đã được viên mãn các pháp quyết định tất cả **trí ấn đại diệu của Như Lai**; đã khéo **viên chứng tất cả ấn tánh bình đẳng rốt ráo Không tịch của Như Lai;** đối với các sự nghiệp đã làm, phải làm đều đắc thiện xảo thành tựu viên mãn; đối với tất cả các sự mong cầu của hữu tình đều làm thỏa mãn đầy đủ, tùy theo sự vô tội của họ; khéo an trụ tánh thân ngữ tâm

soi khắp rộng lớn, ba đời bình đẳng thường không dứt tận; giống như kim cương, các Như Lai không động không hoại.

Đức Bạc già phạm trụ trong vương cung của trời Tha hóa tự tại, trên đảnh cõi Dục, chỗ của tất cả Như Lai thường đi dạo, và điện Bảo Tạng được các Ngài đồng khen là to lớn xinh đẹp. Điện ấy được tạo thành bằng ngọc Mạc ni vô giá, xen lẫn các thứ ngọc quý, các màu giao xen phóng ra ánh sáng lớn; chuông ngọc, linh vàng treo giăng mọi chỗ, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh hòa nhã, lọng thêu phướn dệt, phan hoa văn vẽ lất phất qua lại, trang nghiêm nhiều loại tạp sức, chuỗi ngọc anh lạc như trăng đầy nửa tháng… là chỗ mà các Hiền Thánh, Thiên tiên cùng tám mươi ức chúng đại Bồ Tát ưa thích câu hội. Tất cả đều có đủ môn Đà la ni, môn Tam ma địa, giỏi biện tài vô ngại. Các vị ấy công đức vô lượng, dù trải qua nhiều kiếp tán thán cũng không hết. Tên các Ngài là: Đại Bồ Tát Kim Cương Thủ, Đại Bồ Tát Quán Tự Tại, Đại Bồ Tát Hư Không Tạng, Đại Bồ Tát Kim Cương Quyền, Đại Bồ Tát Diệu Cát Tường, Đại Bồ Tát Đại Không Tạng, Đại Bồ Tát Phát Tâm Tức Chuyển Pháp Luân, Đại Bồ Tát Tồi Phục Tất Cả Ma Oán… Các bậc thượng thủ như thế có tám trăm vạn chúng đại Bồ Tát vây quanh trước sau, tuyên thuyết Chánh pháp, văn nghĩa đầu giữa cuối đều khéo hay đẹp, thuần nhất viên mãn thanh bạch phạm hạnh.

***(1. Pháp môn lý thú Bát Nhã <u>thanh tịnh</u> sâu xa mầu nhiệm của tất cả pháp)**(1).*

Bấy giờ, Thế Tôn vì các Bồ Tát **thuyết pháp môn thanh tịnh, tất cả giáo pháp lý thú Bát Nhã sâu xa nhiệm mầu.** Pháp môn ấy tức là cú nghĩa Bồ Tát.

Thế nào là cú nghĩa Bồ Tát? Cú nghĩa cực vi diệu lạc thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa rỗng lặng thanh tịnh, <u>dứt hẳn các kiến</u> là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa nhiệm mầu vui thích thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa thanh tịnh, <u>dứt hẳn khát ái</u> là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa thanh tịnh, vượt khỏi thai tạng là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa các đức trang nghiêm thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa thanh tịnh, ý rất khoái thích là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa được ánh sáng lớn thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa **<u>thân</u> khéo an vui thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa **<u>lời</u>**

nói khéo an vui thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa **ý khéo an vui thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **sắc uẩn Không, tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa thọ, tưởng, hành, thức uẩn Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa nhãn xứ Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa **sắc xứ** Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa nhãn giới Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa **sắc giới** Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa thanh, hương, vị, xúc, pháp giới Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa nhãn thức giới Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa nhãn xúc Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra các thọ Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **địa giới Không**, **tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa thủy, hỏa, phong, không, thức giới Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa khổ Thánh đế Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa tập, diệt, đạo Thánh đế Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **nhân duyên Không**, **tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa vô minh Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **bố thí Ba la mật Không**, **tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát Nhã Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **chơn như Không, tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư dối, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cõi giới hư không, cõi giới chẳng nghĩ bàn Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **bốn tĩnh lự Không***(Tứ thiền)*, **tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa 4 vô lượng, 4 định vô sắc Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa 4 niệm trụ Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa 4 chánh đoạn, bốn thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo Không*(37 pháp trợ đạo)*, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **giải thoát môn Không Không, tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa giải thoát môn **vô tướng, vô nguyện Không**, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa tám giải thoát Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa tám thắng xứ, chín định thứ lớp, mười biến xứ Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **Cực hỷ địa Không, tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện huệ địa, Pháp vân địa Không*(Bồ Tát thập địa)*, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa Tịnh quán địa Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa Chủng tánh địa, Đệ bát địa, Cụ kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Độc giác địa, Bồ Tát địa, Như Lai địa Không*(Tam thừa cộng thập địa Bồ Tát)*, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa tất cả môn **Đà la ni Không, tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa tất cả môn Tam ma địa Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **năm mắt Không, tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa sáu thần thông Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **Như Lai 10 lực Không, tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **32 tướng Không, tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa 80 vẻ đẹp Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa pháp không quên mất Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ

Tát. Cú nghĩa tánh luôn luôn xả Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa **Nhất thiết trí Không, tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa tất cả Bồ Tát hạnh Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa tất cả **pháp phàm phu Không, tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa tất cả pháp Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát.

Cú nghĩa tất cả **pháp thiện, chẳng thiện Không, tịch tĩnh thanh tịnh** là cú nghĩa Bồ Tát. Cú nghĩa tất cả pháp hữu kí, vô kí, pháp hữu lậu, vô lậu, pháp hữu vi, vô vi, pháp thế gian, xuất thế gian Không, tịch tĩnh thanh tịnh là cú nghĩa Bồ Tát. Vì sao? **Vì tự tánh tất cả pháp Không, nên tự tánh xa lìa. Do xa lìa nên tự tánh vắng lặng. Do vắng lặng nên tự tánh thanh tịnh. Do thanh tịnh nên Bát Nhã sâu xa thanh tịnh hơn hết. Bát nhã Ba la mật như thế, phải biết là cú nghĩa Bồ Tát. Các chúng Bồ Tát đều nên tu học.**

Phật nói pháp lý thú Bát Nhã thanh tịnh của cú nghĩa Bồ Tát như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ rằng:

- Nếu có người nào nghe được **pháp môn lý thú Bát Nhã thanh tịnh sâu xa mầu nhiệm của tất cả pháp đây mà hết lòng tin thọ, thì cho đến lúc ngồi tòa Bồ đề vi diệu, tất cả chướng ngại ngăn che đều không thể nhiễm được. Đó là phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng, dù cho chứa nhóm nhiều cũng chẳng thể nhiễm; tuy đã tạo các ác nghiệp cực trọng nhưng cũng dễ tiêu trừ, chẳng đọa ác thú**. Nếu thường thọ trì, ngày ngày đọc tụng, tinh tấn siêng năng không gián đoạn, suy gẫm đúng lý, thì vị ấy ở đời này **sanh định đắc tất cả pháp tánh bình đẳng, kim cương đẳng trì, đối với tất cả pháp đều được tự tại, luôn hưởng được tất cả sự an lạc thắng diệu**, sẽ trải qua 16 đời làm đại Bồ Tát *(2)*, nhất định được Như Lai chấp kim cương tánh, mau chứng Vô thượng Bồ đề.

(2. Pháp môn lý thú Bát Nhã pháp tánh bình đẳng).

Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng Như Lai soi khắp, vì các Bồ Tát tuyên thuyết pháp môn tất cả Như Lai hiện đẳng giác lý thú sâu xa **pháp tánh vắng lặng của Bát nhã Ba la mật.** Đó là:

Hiện đẳng giác môn tánh Kim cương bình đẳng, vì **đại Bồ đề chắc chắn khó hoại như kim cương vậy**.

Hiện đẳng giác môn tánh nghĩa bình đẳng, vì **nghĩa của đại Bồ đề là nhất vậy**.

Hiện đẳng giác môn tánh pháp bình đẳng, vì tự **tánh của đại Bồ đề thanh tịnh vậy**.

Hiện đẳng giác môn tánh tất cả pháp bình đẳng, vì **đại Bồ đề đối với tất cả pháp không phân biệt vậy.**

Phật nói hiện đẳng giác lý thú Bát Nhã, pháp tánh vắng lặng như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ rằng:

- Nếu có người nào nghe được pháp môn như thế, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, cho đến ngồi tòa Bồ đề vi diệu, thì dù **đã gây tất cả ác nghiệp rất nặng đi nữa cũng vượt qua khỏi tất cả ác thú,** mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(3. Pháp môn Bát Nhã có thể <u>điều phục</u> được tất cả phiền não và tùy phiền não ác nghiệp** v.v...**)

Thế Tôn lại nương tướng Thích ca Mâu ni Như Lai điều phục tất cả ác pháp, vì các Bồ Tát tuyên thuyết **pháp môn Bát nhã Ba la mật, nhiếp thọ tất cả pháp tánh bình đẳng**, lý thú sâu xa thù thắng hơn hết. Nghĩa là tánh **tham dục không hý luận**, nên **tánh sân giận** cũng không hý luận. Tánh sân giận không hý luận, nên **tánh ngu si** cũng không hý luận. Tánh ngu si không hý luận, nên **tánh do dự** cũng không hý luận. Tánh do dự không hý luận, nên **tánh các kiến** cũng không hý luận. Tánh các kiến không hý luận, nên **tánh kiêu mạn** cũng không hý luận. Tánh kiêu mạn không hý luận, nên **tánh các triền***(triền phược)* cũng không hý luận. Tánh các triền không hý luận, nên **tánh phiền não cấu***(cấu uế)* cũng không hý luận. Tánh phiền não cấu không hý luận, nên **tánh các ác nghiệp** cũng không hý luận. Tánh các ác nghiệp không hý luận, nên **tánh các quả báo** cũng không hý luận. Tánh các quả báo không hý luận, nên **tánh pháp tạp nhiễm** cũng không hý luận. Tánh pháp tạp nhiễm không hý luận, nên **tánh**

pháp thanh tịnh cũng không hý luận. Tánh pháp thanh tịnh không hý luận, nên tánh tất cả pháp cũng không hý luận. Tánh tất cả pháp không hý luận, **nên phải biết Bát nhã Ba la mật cũng không hý luận**.

Phật nói pháp lý thú Bát Nhã thù thắng hơn hết, điều phục các ác như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ rằng:

- Nếu có người nào nghe được lý thú sâu xa của Bát nhã Ba la mật như thế, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập; giả sử có sát hại tất cả hữu tình ở trong ba cõi thì cũng chẳng đọa nơi địa ngục, bàng sanh, quỉ giới. Vì họ **có thể điều phục được tất cả phiền não và tùy phiền não ác nghiệp**(3) v.v…, nên thường sanh vào đường thiện, hưởng sự an lạc thù thắng vi diệu, tu các hạnh đại Bồ Tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(4. Pháp trí ấn(4) bình đẳng lý thú Bát Nhã thanh tịnh).

Thế Tôn lại đem **tướng Như Lai tánh thanh tịnh**, vì các Bồ Tát tuyên thuyết **pháp môn tất cả pháp tánh bình đẳng quán tự tại diệu trí ấn thậm thâm lý thú thanh tịnh** của Bát nhã Ba la mật. Nghĩa là tất cả bản tánh tham dục thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho sự giận dữ của thế gian thanh tịnh.

Tất cả **bản tánh giận dữ** thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho sự ngu si của thế gian thanh tịnh.

Tất cả **bản tánh ngu si** thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho sự nghi ngờ của thế gian thanh tịnh.

Tất cả **bản tánh nghi ngờ** thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho tà kiến của thế gian thanh tịnh.

Tất cả **bản tánh tà kiến** thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho sự kiêu mạn của thế gian thanh tịnh.

Tất cả **bản tánh kiêu mạn** thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho sự ràng buộc của thế gian thanh tịnh.

Tất cả **bản tánh ràng buộc** thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho sự bẩn uế của thế gian thanh tịnh.

Tất cả **bản tánh bẩn uế** thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho ác pháp thế gian thanh tịnh.

Tất cả **bản tánh ác pháp** thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho sanh tử thế gian thanh tịnh.

Tất cả **bản tánh sanh tử** thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho các pháp thế gian thanh tịnh.

Vì bản tánh tất cả pháp thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho hữu tình thế gian thanh tịnh. Tất cả bản tánh hữu tình thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho tất cả trí thế gian thanh tịnh.

Vì bản tánh tất cả trí thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho Bát Nhã sâu xa của thế gian cực thanh tịnh thù thắng.

Phật nói **pháp trí ấn bình đẳng lý thú Bát Nhã thanh tịnh** như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ rằng:

- Nếu có người nào nghe được lý thú Bát nhã Ba la mật thanh tịnh như thế, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, thì dù ở trong nhóm khách trần phiền não bẩn uế, tất cả tham sân si v.v… vẫn như hoa sen, không bị những khách trần lỗi lầm bẩn uế làm ô nhiễm, thường khéo tu tập thắng hạnh Bồ Tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(5. Pháp môn Lý thú Bát Nhã Trí tạng**(5) **quán đảnh của tất cả Như Lai).

Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào **tất cả tướng Như Lai**, vị chủ ba cõi thù thắng, vì các Bồ Tát tuyên thuyết **pháp môn Trí tạng tất cả Như Lai hòa hợp quán đảnh lý thú thậm thâm của Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, nếu đem ngôi Quán đảnh thế gian **bố thí**, thì sẽ được quả ngôi Pháp vương ba cõi. Nếu đem nghĩa Vô thượng xuất thế gian bố thí, thì sẽ được tất cả sự mong muốn đầy đủ. Nếu đem pháp Vô thượng xuất thế gian bố thí, thì đối với tất cả pháp sẽ được tự tại. Nếu đem tiền tài, vật thực v.v… của thế gian bố thí, thì sẽ được tất cả thân, ngữ, tâm an lạc. Nếu đem các thứ tài pháp v.v… bố thí, thì có thể khiến bố thí Ba la mật mau được viên mãn. Nếu thọ trì các loại cấm giới thanh tịnh, thì sẽ khiến **tịnh giới** Ba la mật mau được viên mãn. Nếu tu học an nhẫn đối với tất cả các việc, thì sẽ khiến **an nhẫn** Ba la mật mau được viên mãn. Nếu trong tất cả thời tu tập tinh tấn, thì sẽ khiến **tinh tấn** Ba la mật mau được viên mãn. Nếu đối với tất cả cảnh, tu hành tĩnh lự, thì sẽ khiến **tĩnh lự** Ba la mật mau được viên mãn. Nếu đối với tất cả pháp, thường tu diệu tuệ, thì sẽ khiến **Bát Nhã** mau được viên mãn.

Phật nói pháp môn Quán đảnh trí tạng lý thú Bát Nhã như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ rằng:

- Nếu có người nào nghe được **pháp môn Quán đảnh lý thú trí tạng** sâu xa, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, thì mau **được đầy đủ các hạnh Bồ Tát,** sớm chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(6. Pháp môn Kim cương Như Lai trí ấn lý thú Bát Nhã).

Thế Tôn lại nương vào **tất cả tướng Như Lai trí ấn**, Như Lai trì pháp môn bí mật tất cả Phật, vì các Bồ Tát tuyên thuyết **pháp môn Bát nhã Ba la mật Kim cương lý thú sâu xa tất cả Như Lai trụ trì trí ấn.** Nghĩa là nhiếp thọ đầy đủ tất cả Kim cương **thân ấn** Như Lai, sẽ chứng tất cả pháp thân Như Lai. Hoặc nhiếp thọ đầy đủ tất cả Kim cương **ngữ ấn** Như Lai, đối với tất cả pháp sẽ được tự tại. Hoặc nhiếp thọ đầy đủ tất cả Kim cương **tâm ấn** Như Lai, đối với tất cả định sẽ được tự tại. Hoặc nhiếp thọ đầy đủ tất cả Kim cương **trí ấn** Như Lai, sẽ được **thân, ngữ, tâm tối thượng vi diệu, như kim cương không động không hoại.**

Phật nói pháp Kim cương Như Lai trí ấn lý thú Bát Nhã như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ rằng:

- Nếu có người nào nghe được **pháp môn Kim cương trí ấn lý thú sâu xa** như thế, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, tất cả sự nghiệp đều được thành tựu, thường cùng tất cả thắng sự hòa hợp, muốn tu hành tất cả thắng trí, và các thắng phước nghiệp đều mau viên mãn, sẽ **được thân, ngữ, tâm tối thắng thanh tịnh**, như kim cương chẳng thể phá hoại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(7. Pháp môn luân tự(6) vô hý luận lý thú Bát nhã Ba la mật).

Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng Như Lai tất cả pháp không hý luận, vì các Bồ Tát **tuyên thuyết pháp môn chữ "Luân"**, lý thú sâu xa Bát nhã Ba la mật. Nghĩa là tất cả pháp **Không**, vì không có tự tánh. Tất cả pháp **vô tướng**, vì lìa các tướng. Tất cả pháp **vô nguyện**, vì không sở nguyện. Tất cả pháp **xa lìa**, vì không chỗ dính mắc. Tất cả pháp **vắng lặng**, vì hoàn toàn vắng lặng. Tất cả pháp **vô thường**, vì không có tánh

thường. Tất cả pháp **vô lạc**, vì chẳng có gì đáng vui. Tất cả pháp **vô ngã**, vì chẳng tự tại. Tất cả pháp **bất tịnh**, vì lìa tướng sạch. Tất cả pháp **bất khả đắc**, vì suy tầm tánh ấy chẳng thể được. Tất cả pháp **chẳng nghĩ bàn**, vì tánh nghĩ bàn không có vậy. Tất cả pháp **Vô thực**, vì nhiều duyên hòa hợp giả lập vậy. Tất cả pháp **không hý luận**, vì bản tánh Không, vắng lặng, xa lìa ngôn ngữ lời nói. Tất cả pháp bản tánh **thanh tịnh**, vì Bát Nhã sâu xa bản tánh thanh tịnh.

Phật nói pháp chữ "Luân" lý thú Bát Nhã lìa các hý luận như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ rằng:

- Nếu có người nào nghe được pháp môn chữ "Luân" lý thú Bát Nhã không hý luận đây, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, thì đối với tất cả pháp **được trí vô ngại**, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(8. Pháp môn lý thú Bát Nhã nhập đại luân).

Thế Tôn lại nương vào tất cả tướng Như Lai Như Lai luân nhiếp, vì các Bồ Tát tuyên thuyết **pháp môn Tánh bình đẳng lý thú Bát Nhã sâu xa** vào đại luân rộng lớn. Nghĩa là vào tánh Kim cương bình đẳng, **có thể nhập được tánh luân của tất cả Như Lai**. *(Q.578, ĐBN)*

Vào tánh nghĩa bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả Bồ Tát. Vào tánh pháp bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả pháp.

Vào tánh uẩn bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả uẩn. Vào tánh xứ bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả xứ. Vào tánh giới bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả giới.

Vào tánh đế bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả đế. Vào tánh duyên khởi bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả duyên khởi. Vào tánh báu bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả báu.

Vào tánh ăn bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả sự ăn. Vào tánh thiện pháp bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả thiện pháp. Vào tánh pháp phi thiện bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của **tất cả pháp phi thiện**.

Vào tánh pháp hữu ký bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả pháp hữu ký. Vào tánh pháp vô ký bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của **tất cả pháp vô ký.**

Vào tánh pháp hữu lậu bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả pháp hữu lậu. Vào tánh pháp vô lậu bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của **tất cả pháp vô lậu.**

Vào tánh pháp hữu vi bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả pháp hữu vi. Vào tánh pháp vô vi bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của **tất cả pháp vô vi.**

Vào tánh pháp thế gian bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của **tất cả pháp thế gian.** Vào tánh pháp xuất thế gian bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của **tất cả pháp xuất thế gian.**

Vào tánh pháp phàm phu bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả pháp phàm phu. Vào tánh pháp Thanh văn bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả pháp Thanh văn. Vào tánh pháp Độc giác bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả pháp Độc giác.

Vào tánh pháp Bồ Tát bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của cả pháp Bồ Tát. Vào tánh pháp Như Lai bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả pháp Như Lai. Vào tánh hữu tình bình đẳng, có thể nhập được tánh luân của tất cả hữu tình. Vào tánh tất cả bình đẳng, **có thể nhập được tánh luân của tất cả**.

Phật nói tánh bình đẳng lý thú Bát Nhã vào đại luân rộng lớn như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ rằng:

- Nếu có người nào nghe được **pháp môn Tánh bình đẳng lý thú sâu xa của tánh luân** như thế, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, thì **khéo ngộ được các tánh bình đẳng**, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

*(**Vì thông hóa tất cả pháp bình đẳng** dù là hữu vi hay vô vi, dù là pháp thế gian hay xuất thế gian… nên nói nhập được tánh đại luân của tất cả pháp. Pháp môn này chỉ là kết quả của sự khéo ngộ nhập tổng thể các tánh luân của tất cả pháp ở tầng cao hơn).*

(9. Pháp môn Vô thượng lý thú Bát Nhã <u>cúng dường</u>).

Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tất cả tướng Như Lai chơn tịnh khí điền rộng thọ cúng dường, vì các Bồ Tát tuyên thuyết **pháp môn Vô thượng lý thú sâu xa tất cả sự cúng dường của Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, đối với các Như Lai rộng

bày cúng dường. Nhiếp hộ chánh pháp, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Tu hành tất cả Ba la mật, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Tu hành tất cả Bồ đề phần pháp, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Tu hành tất cả tổng trì, đẳng trì, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Tu hành tất cả năm mắt, sáu thần thông, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Tu hành tất cả tĩnh lự, giải thoát, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Tu hành tất cả từ bi hỷ xả, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Tu hành tất cả pháp Phật bất cộng, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường.

Quán tất cả pháp hoặc thường hoặc vô thường đều bất khả đắc, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Quán tất cả pháp hoặc vui, hoặc khổ đều bất khả đắc, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Quán tất cả pháp hoặc ngã, hoặc vô ngã đều bất khả đắc, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Quán tất cả pháp hoặc tịnh, hoặc bất tịnh đều bất khả đắc, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường.

Quán tất cả pháp hoặc Không, hoặc bất Không đều bất khả đắc, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Quán tất cả pháp hoặc có tướng, hoặc không tướng đều bất khả đắc, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Quán tất cả pháp hoặc có nguyện, hoặc vô nguyện đều bất khả đắc, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Quán tất cả pháp hoặc xa lìa, hoặc chẳng xa lìa đều bất khả đắc, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường. Quán tất cả pháp hoặc vắng lặng, hoặc chẳng vắng lặng đều bất khả đắc, đối các Như Lai rộng bày cúng dường.

Đối với Bát nhã Ba la mật, biên chép, lắng nghe, thọ trì đọc tụng, suy gẫm tu tập, rộng vì hữu tình tuyên nói lưu bố, hoặc tự cúng dường, hoặc chuyển cho người khác, đối với các Như Lai rộng bày cúng dường.

Phật nói pháp môn Vô thượng lý thú sâu xa chơn tịnh cúng dường như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ rằng:

- Nếu có người nào nghe được **pháp môn Vô thượng lý thú Bát Nhã cúng dường** như thế, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập thì sẽ **sớm được viên mãn các hạnh Bồ Tát,** mau chứng Vô Thượng Bồ đề.

(10. Pháp môn bí mật Trí tạng lý thú Bát Nhã sâu xa năng khéo điều phục hữu tình).

Thế Tôn lại nương vào tất cả tướng Như Lai năng khéo điều phục, vì các Bồ Tát tuyên thuyết pháp môn **Trí tạng lý thú sâu xa nhiếp thọ trí mật điều phục hữu tình của Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là tánh bình đẳng của tất cả hữu tình tức tánh bình đẳng của giận. Tánh điều phục tất cả hữu tình tức tánh điều phục giận. Tánh chơn pháp của tất cả hữu tình tức tánh chơn pháp của giận.

Tánh **chơn như** của tất cả hữu tình tức tánh chơn như của giận. Tánh **pháp giới** của tất cả hữu tình tức tánh pháp giới của giận. **Tánh ly sanh** của tất cả hữu tình tức tánh ly sanh của giận. Tánh **thực tế** của tất cả hữu tình tức tánh thật tế của giận.

Tánh vốn Không của tất cả hữu tình tức tánh vốn Không của giận. Tánh vô tướng của tất cả hữu tình tức tánh vô tướng của giận. Tánh vô nguyện của tất cả hữu tình tức tánh vô nguyện của giận.

Tánh xa lìa của tất cả hữu tình tức **tánh xa lìa** của giận. Tánh vắng lặng của tất cả hữu tình tức **tánh vắng lặng** của giận. Tánh bất khả đắc của tất cả hữu tình tức **tánh bất khả đắc** của giận. Tánh vô sở hữu của tất cả hữu tình tức tánh **vô sở hữu** của giận. **Tánh khó nghĩ bàn** của tất cả hữu tình tức tánh khó nghĩ bàn của giận. **Tánh không hý luận** của tất cả hữu tình tức tánh không hý luận của giận. **Tánh như kim cương** của tất cả hữu tình tức tánh như kim cương của giận. Vì sao? **Vì tánh chơn điều phục tất cả hữu tình tức là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng là Bát nhã Ba la mật, cũng là Nhất thiết trí trí của chư Phật**.

Phật nói **pháp môn Trí tạng lý thú sâu xa năng khéo điều phục** như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ… rằng:

- Nếu có người nào nghe được **pháp môn Trí tạng lý thú Bát Nhã điều phục** như thế, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, năng tự điều phục được lỗi giận dữ…, cũng năng điều phục tất cả hữu tình thì sẽ thường sanh nẻo thiện, thọ nhiều an lạc vi diệu, oán địch hiện đời đều khởi từ tâm, giỏi khéo tu hành các hạnh Bồ Tát, mau chứng Vô thượng Bồ đề.

(11. Pháp môn tối thắng lý thú Bát Nhã bình đẳng).

Thế Tôn lại nương vào tất cả tướng Như Lai pháp tánh bình đẳng năng khéo kiến lập, vì các Bồ Tát tuyên thuyết **pháp môn tất cả pháp tánh tối thắng lý thú sâu xa của Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là tất cả hữu tình tánh

bình đẳng, nên Bát Nhã sâu xa tánh cũng bình đẳng. Tất cả pháp tánh bình đẳng, nên Bát Nhã sâu xa tánh cũng bình đẳng.

Tất cả hữu tình tánh điều phục, nên Bát Nhã tánh cũng điều phục. Tất cả pháp tánh điều phục, nên Bát Nhã sâu xa tánh cũng điều phục.

Tất cả hữu tình có thật nghĩa, nên Bát Nhã sâu xa cũng có thật nghĩa. Tất cả pháp có thật nghĩa, nên Bát Nhã sâu xa cũng có thật nghĩa.

Tất cả hữu tình tức chơn như, nên Bát Nhã sâu xa cũng tức là chơn như. Tất cả pháp tức chơn như, Bát Nhã sâu xa cũng tức là chơn như.

Tất cả hữu tình tức pháp giới, nên Bát Nhã cũng tức là pháp giới. Tất cả pháp tức pháp giới, nên Bát Nhã sâu xa cũng tức là pháp giới.

Tất cả hữu tình tức pháp tánh, nên Bát Nhã cũng tức là pháp tánh. Tất cả pháp tức pháp tánh, nên Bát Nhã sâu xa cũng tức là pháp tánh.

Tất cả hữu tình tức thật tế, nên Bát Nhã sâu xa cũng tức là thật tế. Tất cả pháp tức thật tế, nên Bát Nhã sâu xa cũng tức là thật tế.

Tất cả hữu tình vốn Không, nên Bát Nhã sâu xa cũng vốn Không. Tất cả pháp vốn Không, nên Bát Nhã sâu xa cũng vốn Không.

Tất cả hữu tình vô tướng, nên Bát Nhã sâu xa cũng vô tướng. Tất cả pháp vô tướng, nên Bát Nhã sâu xa cũng vô tướng.

Tất cả hữu tình vô nguyện, nên Bát Nhã sâu xa cũng vô nguyện. Tất cả pháp vô nguyện, nên Bát Nhã sâu xa cũng vô nguyện.

Tất cả hữu tình xa lìa, nên Bát Nhã sâu xa cũng xa lìa. Tất cả pháp xa lìa, nên Bát Nhã sâu xa cũng xa lìa.

Tất cả hữu tình vắng lặng, nên Bát Nhã sâu xa cũng vắng lặng. Tất cả pháp vắng lặng, nên Bát Nhã sâu xa cũng vắng lặng.

Tất cả hữu tình bất khả đắc, nên Bát Nhã sâu xa cũng bất khả đắc. Tất cả pháp bất khả đắc, nên Bát Nhã sâu xa cũng bất khả đắc.

Tất cả hữu tình vô sở hữu, nên Bát Nhã sâu xa cũng vô sở hữu. Tất cả pháp vô sở hữu, nên Bát Nhã sâu xa cũng vô sở hữu.

Tất cả hữu tình chẳng thể nghĩ bàn, nên Bát Nhã sâu xa cũng chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn, nên Bát Nhã sâu xa cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tất cả hữu tình không hý luận, nên Bát Nhã cũng không hý luận. Tất cả pháp không hý luận, nên Bát Nhã sâu xa cũng không hý luận.

Tất cả hữu tình không ngằn mé, nên Bát Nhã sâu xa cũng không ngằn mé. Tất cả pháp không ngằn mé, nên Bát Nhã sâu xa cũng không ngằn mé.

Tất cả hữu tình có nghiệp dụng, nên phải biết Bát Nhã đa sâu xa cũng có nghiệp dụng. Tất cả pháp có nghiệp dụng, nên phải biết Bát Nhã sâu xa cũng có nghiệp dụng. *(Q.578, ĐBN)*

Phật nói pháp môn tối thắng lý thú sâu thẳm, tánh bình đẳng của pháp tánh như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ… rằng:

- Nếu có người nào nghe được **pháp môn tối thắng lý thú Bát Nhã bình đẳng** như thế, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, thì thông suốt được pháp tánh bình đẳng Bát Nhã sâu xa, đối với các hữu tình tâm không trở ngại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(12. Pháp môn Thắng tạng lý thú Bát Nhã gia trì*(7)* ***cho tất cả hữu tình):***

Thế Tôn lại nương vào tất cả tướng Như Lai trụ trì tạng pháp, vì các Bồ Tát tuyên thuyết **pháp môn Thắng tạng lý thú sâu xa tất cả hữu tình trụ trì đầy khắp của Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là tất cả hữu tình đều là Như Lai tạng, vì tự thể của Bồ Tát Phổ Hiền biến khắp.

Tất cả hữu tình đều là Kim cương tạng*(8)*, vì được Kim cương rưới thấm. Tất cả hữu tình đều là Chánh pháp tạng*(9)*, vì tất cả đều chuyển theo chánh ngữ. Tất cả hữu tình đều là Diệu nghiệp tạng, vì tất cả sự nghiệp nương vào gia hạnh.

Phật nói pháp môn Thắng tạng lý thú sâu xa hữu tình trụ trì như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ… rằng:

- Nếu có người nào nghe được pháp môn Thắng tạng lý thú Bát Nhã đầy khắp như thế, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, thì sẽ thông suốt **được pháp tánh thắng tạng**, mau chứng Vô Thượng Bồ đề.

(13. Pháp môn Kim cương pháp nghĩa bình đẳng trụ trì rốt ráo của Bát nhã Ba la mật).

Thế Tôn lại nương vào tướng Như Lai rốt ráo pháp không ngằn mé, vì các Bồ Tát tuyên thuyết **pháp môn Kim cương pháp nghĩa bình đẳng trụ trì rốt ráo của Bát nhã Ba la mật.** Nghĩa là Bát Nhã sâu xa vô biên, nên tất cả Như Lai cũng vô biên. Bát Nhã sâu xa không ngằn mé, nên tất

cả Như Lai cũng không ngằn mé. Bát Nhã sâu xa một vị, nên tất cả pháp cũng một vị. Bát Nhã sâu xa rốt ráo, nên tất cả pháp cũng rốt ráo.

Phật nói pháp môn Kim cương lý thú rốt ráo không ngằn mé như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ… rằng:

- Nếu có người nào nghe được **pháp môn Kim cương lý thú Bát Nhã rốt ráo** như thế, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, thì các pháp chướng đều tiêu trừ, nhất định **được tánh Như Lai chấp kim cương**, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Để kết thúc Hội này, Phật thuyết: Pháp môn pháp tánh Kim cương đại lạc và Kim cương Bất không thần chú Bát nhã Ba la mật:

Thế Tôn lại nương vào tướng Như Lai soi khắp, vì các Bồ Tát tuyên thuyết **pháp môn trước giữa sau đều tối thắng đệ nhất**, lý thú sâu xa vô thượng, được tánh pháp bí mật của tất cả Như Lai và tánh không hý luận của tất cả pháp, tánh pháp Kim cương đại lạc, Kim cương bất không thần chú của Bát nhã Ba la mật. Nghĩa là thành tựu tối thắng các sự ưa muốn lớn..., khiến cho đại Bồ Tát thành tựu tối thắng sự vui lớn, khiến cho đại Bồ Tát thành tựu tối thắng tất cả đại giác của Như Lai, khiến đại Bồ Tát thành tựu tối thắng sự hàng phục tất cả đại ma, khiến đại Bồ Tát thành tựu tối thắng sự tự tại khắp cả ba cõi, khiến đại Bồ Tát thành tựu tối thắng rốt ráo vui lớn, cứu vớt cõi hữu tình không thiếu sót, làm cho tất cả hữu tình lợi ích an lạc, thành tựu sự vui lớn rốt ráo. Vì sao? Vì cho đến trụ trong dòng sanh tử lưu chuyển, người có thắng trí ngang đây thường đem pháp Vô đẳng làm lợi ích hữu tình, chẳng vào tịch diệt. Lại dùng Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo thành lập thắng trí, thành tựu tất cả sự nghiệp thanh tịnh, khiến các cõi đều được thanh tịnh. Lại đem tham v.v… điều phục thế gian, trong tất cả thời, cho đến các cõi đều khiến cho thanh tịnh, tự nhiên điều phục. Lại như hoa sen hình sắc sáng sạch thanh khiết, chẳng bị các vật uế làm dơ bẩn. Như vậy, tham v.v… lợi ích thế gian, trụ khắp cõi tội lỗi thường chẳng làm nhiễm được. Lại tham lớn v.v… có thể được vui lớn, tài lợi lớn thanh tịnh, tự tại trong ba cõi, thường làm lợi ích hữu tình một cách kiên cố.

Bấy giờ, Như Lai liền nói Thần chú:

1. Nạp mộ bạc già phiệt đế.
2. Bát lạt nhưỡng ba la nhĩ đa duệ.
3. Bạc để phiệt thác la duệ.
4. Yểm bả lý nhĩ đa lũ noa duệ.
5. Tác phược đát tha yết đa bả lý bố thị đa duệ.
6. Tác phược đát tha yết đa nô nhưỡng đa
nô nhưỡng đa bật nhưỡng đa duệ.
7. Đát điệc tha.
8. Bát lạt nhệ bát lạt nhệ.
9. Mạt ha bát lạt nhệ.
10. Bát lạt nhưỡng bà ta yết lệ.
11. Bát lạt nhưỡng lộ ca yết lệ.
12. Án đà ca la tỳ đàm mạt nê.
13. Tất đệ.
14. Tô tất đệ.
15. Tất điện đô mạn bạc già phiệt để.
16. Tát phòng già tôn đạt lệ.
17. Bạc để phiệt thác lệ.
18. Bát lạt ta lý đa hát tất đế.
19. Tham ma thấp phược yết ta lệ.
20. Bột đà bột đà.
21. Tất đà tất đà.
22. Kiếm ba kiếm ba.
23. Chiết la chiết la.
24. Át la phược át la phược.
25. A yết xa a yết xa.
26. Bạc già phiệt để.
27. Mạ tỳ lạm bà.
28. Sa ha.

Ba đời chư Phật đều tuyên thuyết, hộ niệm Thần chú này. Người nào hay thọ trì thì diệt được tất cả chướng, thành tựu tất cả tâm nguyện, mau chứng Vô thượng Bồ đề.

Như Lai lại nói Thần chú:

1. Nạp mộ bạc già phiệt đế.
2. Bát lạt nhưỡng ba la nhĩ đa du.
3. Đát điệt tha.
4. Mâu ni đạt kế.
5. Tăng yết lạc ha đạt kế
6. Át nô yết lạc ha đạt kế
7. Tỳ mục để đạt kế.
8. Tát đà nô yết lạc ha đạt kế.
9. Phệ thất lạc mạt noa đạt kế.
10. Tham mạn đa nô bả lý phiệt lạt đát na đạt kế.
11. Lũ noa tăng yết lạc ha đạt kế.
12. Tát phược ca la bả lý ba lạt na đạt kế.
13. Sa ha.

Thần chú như thế là mẹ của chư Phật. Người nào hay thọ trì thì diệt được tất cả tội, thường thấy chư Phật, được trí túc trụ, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thế Tôn lại nói Thần chú:

1. Nạp mộ bạt già phiệt đế.
2. Bát lạt nhưỡng ba la nhĩ đa du.
3. Đát điệt tha.
4. Thất lệ duệ.
5. Thất lệ duệ.
6. Thất lệ duệ.
7. Thất lệ duệ tế.
8. Sa ha.

Thần chú như thế đủ đại uy lực, người nào hay thọ trì thì tiêu trừ được nghiệp chướng, đã nghe Chánh pháp nhớ mãi chẳng quên, mau chứng Vô thượng Bồ đề.

Bấy giờ, Thế Tôn nói Thần chú ấy rồi, bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ:

- Nếu các hữu tình vào mỗi buổi sáng sớm, chí tâm đọc tụng pháp môn tối thắng lý thú sâu xa của Bát nhã Ba la mật như thế, không gián đoạn, thì đều tiêu diệt được các ác nghiệp chướng, những niềm hỷ lạc thù thắng

thường hiện tiền. Nếu thọ trì Thần chú Đại lạc kim cương bất không này thì hiện thân tất được thành tựu rốt ráo viên mãn tất cả Như Lai kim cương bí mật tối thắng, chẳng lâu sẽ được Đại chấp kim cương và tánh Như Lai.

Nếu loài hữu tình chưa ở nhiều chỗ Phật trồng các căn lành, lâu phát đại nguyện, thì đối với pháp môn tối thắng lý thú sâu xa của Bát nhã Ba la mật đây chẳng thể lắng nghe, biên chép đọc tụng, cúng dường cung kính, suy gẫm tu tập. Nếu ở nhiều chỗ Phật trồng các căn lành, mà lâu phát đại nguyện, thì đối với pháp môn tối thắng lý thú sâu xa đây, chỉ nghe được một câu một chữ, huống nữa là đọc tụng thọ trì đầy đủ.

Nếu hữu tình nào cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi tám mươi hằng hà sa triệu ức Phật, thì mới nghe được đầy đủ lý thú sâu xa cuả Bát nhã Ba la mật đây.

Nếu địa phương nào lưu hành Kinh này, thì tất cả trời, người, A tu la v.v… đều cúng dường như Bảo tháp Phật. Hoặc có ai mang Kinh này trên thân hoặc tay, thì các trời, người đều lễ kính.

Nếu loài hữu tình nào thọ trì Kinh này nhiều ức kiếp, thì được trí túc trụ, thường siêng tinh tấn tu các thiện pháp, ác ma ngoại đạo chẳng thể gây đại nạn được, vì bốn Đại thiên vương và các Thiên chúng thường theo bảo hộ bên cạnh, không bao giờ chết oan, đoản mạng, hay gặp hoạn nạn. Chư Phật, Bồ Tát thường chung hộ trì, khiến mọi lúc tăng thiện bớt ác, theo nguyện vãng sanh về cõi chư Phật, cho đến khi thành tựu Bồ đề, chẳng đọa ác thú. Các loài hữu tình thọ trì Kinh này chắc chắn được vô biên công đức thắng lợi, Ta nay lược nói phần ít như thế.

Khi đức Bạc già phạm thuyết Kinh đây rồi, các đại Bồ Tát như Bồ Tát Kim Cương Thủ v.v… và các Thiên chúng nghe Phật dạy đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

Thích nghĩa:

(1). Tất cả ***phẩm tựa*** *viết trong phần chánh văn cho mỗi pháp môn là do chúng tôi viết theo ý nghĩa của chánh văn, nhưng không thể gói ghém được tất cả nghĩa của các pháp môn đó. Vậy, muốn hiểu đích xác ý nghĩa của mỗi pháp môn, các đạo hữu hãy đọc kỹ phần chính văn. Và phần phụ chú bên dưới. Đây là một phần (không gọi là phẩm) gây nhiều trở ngại nhất về kỹ thuật định danh các pháp môn cũng như giáo nghĩa của nó mặc dù chúng tôi hết sức cố gắng!*

(2). Trải qua 16 đời làm đại Bồ Tát, nhất định được Như Lai chấp Kim cương tánh. Kinh Kim Cương Đảnh Du Già Lý Thú Bát Nhã do Ngài Kim Cương Trí dịch cũng như Kinh Đại Lạc Kim Cương Bất Không Chân Thật Tam Ma Da do Ngài Bất Không dịch nói là "trải qua mười sáu Tam muội đại Bồ Tát chắc chắn đắc được tánh chấp Kim Cang của Như lai". Không hiểu được ý nghĩa của cụm từ: "trải qua 16 đời làm đại Bồ Tát" hay "trải qua 16 Tam muội?", nên không thể giải thích. Xin thứ lỗi!

(3). Căn bản phiền não và tùy phiền não:

- Căn bản phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, và

- Tùy phiền não gồm: 20 món tùy thuộc vào 6 căn bản phiền não mà sanh khởi. Vì phạm vi tương ưng của nó rộng hẹp không đồng, nên chia làm 3 loại: tiểu, trung và đại.

1- Tiểu tùy gồm 10 món là: Phẫn, hận, phú, não, tật, san, cuốn, siểm, hại, kiêu;

2- Trung tùy gồm 2 món là: Vô tàm và vô úy; và

3- Đại tùy gồm 8 món: Trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri.

Đọc tiếp giải thích trong cuốn Duy Thức Học, Dịch giả: HT Thích Thiện Hoa, nhà xuất bản Tôn giáo, có đăng trên các mạng Phật học.

(4). Trí ấn của Như Lai: Là dấu ấn, biểu tượng của Như Lai như Kinh giải thích Kim cương trí ấn Như Lai, nghĩa là người nào tu hành pháp môn "lý thú Bát Nhã được trí ấn của tất cả Như Lai" sẽ được thân, ngữ, tâm, trí tối thượng diệu, như kim cương không động không hoại.

(5). Trí tạng: Trí tuệ quảng đại của Phật, bao hàm hết thảy chư pháp.

(6). Luân tự: **Luân** *là lưu chuyển, xoay dần,* ***tự*** *là chữ. Thí dụ như ngũ luân tự là chỉ cho 5 chữ: 'a', 'va', 'ra', 'ha' và 'kha'. Năm chữ này theo thứ tự là chủng tử của 5 luân: Đất, nước, lửa, gió và hư không, vì thế nên gọi Ngũ luân tự. - Từ điển Phật Quang.*

(7). Gia trì: Có nghĩa là hộ trì.

(8). Kim cang tạng: (金剛藏). *Tạng nói về pháp môn tu nhân chứng quả của hàng Bồ Tát Đẳng giác. Là tạng thứ 7 trong 8 tạng nói trong phẩm Xuất Kinh của Kinh Bồ Tát xử thai quyển 7. Theo Tam tạng pháp số quyển 31, thì Kim cương tạng là pháp tu nhân cảm quả của hàng Bồ Tát Đẳng giác do đức Phật chỉ dạy, vì trí tuệ phá trừ hoặc chướng của hàng Bồ Tát này rất bền chắc sắc bén, có khả năng đoạn diệt phần vô minh nhỏ*

nhiệm cuối cùng, nên Bồ Tát Đẳng giác được gọi là Kim cương tâm. (xt. Bát Tạng).- Từ điển Phật Quang.

(9). Chánh pháp tạng: Kho tàng chánh pháp, thường chỉ cho Kinh điển Phật giáo (s: dharma-kośa), để phân biệt với Luật hay Luận tạng.

Sơ giải:

Thế Tôn thuyết các pháp môn lý thú Bát Nhã cho các Bồ Tát thượng thủ cùng với tám trăm vạn chúng Bồ Tát khác tại vương cung của trời Tha Hóa Tự tại trong điện Bảo Tạng. Pháp môn ấy tức là cú nghĩa Bồ Tát. Ý nghĩa đó có gì quan trọng mà Bồ Tát cần phải tín thọ?

1. Pháp môn lý thú Bát Nhã thanh tịnh sâu xa mầu nhiệm của tất cả pháp.

Ý nghĩa pháp môn lý thú Bát Nhã ***thanh tịnh*** *của tất cả pháp là cú nghĩa của Bồ Tát. Đó là các pháp đem lại* ***thân khẩu ý*** khéo an vui thanh *tịnh dứt trừ khát ái, các kiến... Cú nghĩa đó là tự tánh tất cả pháp là Không, xa lìa, vắng lặng. Do giác biết như vậy nên Bồ Tát được thanh tịnh. Do thanh tịnh nên Bồ Tát tu tập tất cả pháp Phật và Bát nhã Ba la mật thanh tịnh hơn hết. Phật bảo: Nếu có chúng sanh nghe được pháp môn này hết lòng tin thọ, cho đến lúc ngồi tòa Bồ đề vi diệu, thời tất cả chướng ngại ngăn che, các phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng cho dù chứa nhóm nhiều cũng chẳng thể nhiễm; tuy đã tạo các ác nghiệp cực trọng nhưng cũng dễ tiêu trừ, chẳng đọa ác thú. Đồng thời có thể đắc tất cả pháp tánh bình đẳng, kim cương đẳng trì, đối với tất cả pháp đều được tự tại, luôn hưởng được tất cả sự an lạc thắng diệu, mau chứng Vô Thượng Bồ đề.*

Pháp môn lý thú này chẳng qua là kết quả của ***quán tất cả các pháp mầu Phật đạo hay 81 khoa danh tướng Bát Nhã đều không****. Một khi quán thấy các pháp đều không, xa lìa, vắng lặng chẳng còn gì để bám víu, nắm giữ nữa. Tâm sẽ được rỗng không, vô trụ, vô trước, vô niệm, vô tâm. Tới đó tâm thể hoàn toàn tịch tĩnh, nên nói là thanh tịnh để dọn đường cho cánh cửa trí tuệ khai mở. Rốt ráo tu bất cứ pháp môn nào rồi cũng đưa*

đến thanh tịnh. ***Thanh tịnh chính là cú nghĩa Bồ Tát hay nói khác là chẳng có gì quan trọng đối với Bồ Tát hơn là tịnh tâm.***

Đây là pháp môn lý thú Bát Nhã đầu tiên cũng là pháp môn quan trọng vào bậc nhất của người hành trì Bát nhã Ba la mật: Quán tất cả pháp đều Không. Người nào tri nhận các pháp đều Không như vậy, thì không còn trụ chấp cũng không nắm giữ các pháp, tâm sẽ tịch tĩnh thanh *tịnh. Đó là điểm trọng yếu trong việc tu hành mà kẻ tu thường hay hạ thủ.*

Có thể nói rằng không có thanh tịnh không có đạo Phật. Vì vậy, đạo Phật còn được gọi là Thanh-tịnh*-đạo. Trong 84.000 pháp môn nhất là tu thiền và định cốt làm sao cho tâm lắng động để đi đến chỗ vắng lặng tịch tĩnh. Khi tâm không còn so đo phân biệt chấp nhất nữa, tất sẽ được thanh tịnh. Một khi tâm được thanh tịnh thì linh chi sẽ mở.*

Tất cả pháp môn của pháp hội này hay các pháp hội khác trong toàn thể Đại Bát Nhã, dù nói xa hay gần đều đề cập đến ***không, như như, bình đẳng và thanh tịnh****, coi đây như là trọng tâm của việc tu hành, không còn yếu tố nào quan trọng hơn. Hiểu như vậy* mà tu hành *thì có thể lột xác hay đổi thể, nên mới có thể* nói là *lý thú.*

Lời giải thích ở đây cốt xác định cái danh cái nghĩa của phẩm tựa. Phẩm tựa tạm đặt không đủ diễn tả nội dung của các pháp môn trong pháp hội này. Phải đọc cẩn thận Kinh văn mới có thể hiểu nội dung của từng pháp môn.

2. Pháp môn lý thú Bát Nhã <u>pháp tánh bình đẳng</u>.

Vì chư Như Lai trực ngộ Bồ đề là nhất, Bồ đề chẳng hoại như kim cương. Tự tánh của Bồ đề thanh tịnh, nên đối với tất cả pháp không phân biệt. Không phân biệt thì pháp nào ***pháp nào cũng bình đẳng như như****. Bình đẳng như như, tức thân tâm không còn dao động nên nói là vắng lặng hay thanh tịnh. Đó chính là chỗ hiện đẳng giác của tất cả Như Lai.*

Pháp môn thứ hai khác với pháp môn thứ nhất, nghĩa là phải quán tự tánh của Bồ đề vắng lặng. Thấy ***pháp tánh bình đẳng*** thì tâm *thể vắng lặng mà hiện đẳng giác. Chúng ta cũng biết rằng trực ngộ được pháp tánh bình đẳng là tri giác được chơn như tức giác ngộ. Bởi vì chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh… bản tánh nhất như trong thập nhị chơn như. Nên Kinh bảo trực nhận được pháp tánh bình đẳng là hiện đẳng*

giác. Tu đến đó là nhập pháp giới, nên nói là giác ngộ. Bồ Tát tu hết Thập địa thì xong 50 quả vị Thập địa Bồ Tát, kế tiếp vào Đẳng giác (tức giai vị thứ 51), rồi vào Diệu giác (giai vị thứ 52) thì thành Phật. Ngang đó thì không còn tội lỗi gì cả, nên Kinh nói: "Nếu có người nào nghe được pháp môn như thế, mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, cho đến ngồi tòa Bồ đề vi diệu, thì dù **đã gây tất cả ác nghiệp rất nặng đi nữa cũng vượt qua khỏi tất cả ác thú,** mau chứng Vô Thượng Bồ đề".

Pháp môn thứ hai lý thú Bát Nhã chính là ***tri nhận pháp tánh bình đẳng*** *tức chứng biết tâm và vật đều Không, đều như, đều bình đẳng, nên nói là thanh tịnh. Bởi vì trực nhận được chơn như thật tánh của tất cả pháp thì Giác ngộ, liền vào Đẳng giác, phá trừ tất cả các phiền não nhỏ nhiệm tương tục, trong một sát na tương ưng với huệ, nhập Diệu giác thì thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. (Xin đọc lại Hội thứ VI, ĐBN)*

Toàn thể Đại Bát Nhã cũng nói về bình đẳng tánh này. Ở đây Phật không nói về bình đẳng thường tình của Thế tục. Bình đẳng thường tình của thế nhân ai cũng biết là cái đồng đẳng về quyền lợi nghĩa vụ, cái ngang nhau về ngôn ngữ, tôn giáo, chủng tộc, màu da sắc áo *v.v… Đối với Phật đạo đó chỉ là cái bình đẳng* bên ngoài. *Ruột là cái tham ái dục vọng dấy lên từ* bên trong. *Khi tham ái dục vọng nổi lên sẽ sanh ra tranh đoạt, cấu xé, chém giết lẫn nhau. Đó là cái ghê tởm do ngã và ngã sở tạo thành. Một khi ngã-ngã sở nổi lên bình đẳng không còn ở đó nữa. Bình đẳng chỉ có khi tâm thể vắng lặng tịch tĩnh, không còn phân biệt chấp đắm.*

Chúng ta cũng biết rằng bình đẳng tánh ngang hàng với chơn như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế (tức thập nhị chơn như) như đã nói trên. Nên thâm nhập được bình đẳng tánh tức tri nhận được chơn như thật tướng thì được xem là giác ngộ. Vì vậy, người nào đọc tụng, thọ trì, tu tập Bát nhã Ba la mật sẽ có thể đạt được ***Pháp môn lý thú Bát Nhã pháp tánh bình đẳng****. Do đó có thể vượt qua các ác nghiệp, mau chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề.*

3. Pháp môn Bát Nhã có thể điều phục được tất cả phiền não và tùy phiền não ác nghiệp v.v…

Pháp môn thứ ba chỉ là phương pháp thực hành để được Đạo quả nên gọi là điều phục. Điều phục thân tâm, nghĩa là xa lìa tham dục, sân hận, ngu si, mạn nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ... Nếu các triền phược, cấu nhiễm không hý luận thì nghiệp quả chẳng sanh. Nếu nghiệp quả chẳng sanh các pháp tạp nhiễm trở nên vắng lặng. Đây không phải là một chuỗi dài của diễn dịch này sang diễn dịch khác mà đây là một hệ luận sanh khởi do cái này có nên cái kia có. Một khi chế phục được điên đảo ác nghiệp, hý luận... thân tâm lặng lẽ như nước hồ thu, thì sóng lặng bể yên.

*Vì phiền não chướng và sở tri chướng là hai chướng ngại điều lành. Nếu chế phục được căn bản phiền não và tùy phiền não tâm liền sáng suốt, làm gì không trở thành bậc Vô thượng giác ngộ. Nên Phật bảo cho dù có giết hại tất cả hữu tình trong ba cõi rốt cuộc cũng không do việc này mà đọa vào đường ác. Nói như vậy tuy quá đáng. Vì sao? Vì họ **đã thọ luật nghi điều phục thân tâm**, thường sinh vào đường lành, tu hạnh Bồ đề, thì làm gì gây tội nữa?*

4. Pháp môn Trí ấn quán pháp tánh bình đẳng lý thú Bát Nhã thanh tịnh.

*Thế Tôn đem tướng Như Lai tánh thanh tịnh, tuyên thuyết **pháp môn tất cả pháp tánh bình đẳng quán tự tại diệu trí ấn thậm thâm lý thú thanh tịnh** của Bát nhã Ba la mật. Nghĩa là, tất cả bản tánh tham dục được điều phục thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho bản tánh của sự giận dữ của thế gian thanh tịnh. Tất cả bản tánh của giận dữ được điều phục thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho sự ngu si của thế gian thanh tịnh. Tất cả bản tánh của ngu si được điều phục thanh tịnh sáng suốt, nên khiến cho sự nghi ngờ của thế gian thanh tịnh v.v... Đây chỉ là ảnh hưởng của tu hành đối với chúng sanh trong việc tu đạo.*

Một khi biết "... **bản tánh của tất cả pháp thanh tịnh sáng suốt**, nên có thể khiến cho hữu tình thế gian thanh tịnh. Tất cả bản tánh hữu tình thanh tịnh sáng suốt, nên có thể khiến cho tất cả trí thế gian thanh tịnh. Vì **bản tánh tất cả trí thanh tịnh sáng suốt**, nên có thể khiến cho trí sâu xa của thế gian cực thanh tịnh thù thắng".

Điều phục thân tâm được bình đẳng thanh tịnh chính là trí ấn của Như Lai do Bát Nhã mà đạt được. Đây chỉ là cách định danh của hai pháp bình

đẳng và thanh tịnh, nên gọi là ***trí ấn****. Nên, Phật bảo: Nếu có chúng sanh nào nghe pháp môn như thế tin hiểu thọ trì, đọc tụng, tu tập, chánh ức niệm thì cho dù ở trong nhóm khách trần phiền não cấu bẩn, tất cả tham sân si v.v... vẫn như hoa sen, không bị những khách trần làm ô nhiễm được, thường khéo tu tập thắng hạnh Bồ Tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.*

Pháp môn thứ 3 và thứ 4, chỉ là kết quả của hai pháp môn đầu tiên, chỉ khác ở cách gọi chứ không khác "nội dung".

5. Pháp môn Trí tạng quán đảnh lý thú Bát Nhã của tất cả Như Lai.

"Thế Tôn lại nương vào **tất cả tướng Như Lai**, vì các Bồ Tát tuyên thuyết **pháp môn Trí tạng tất cả Như Lai hòa hợp quán đảnh lý thú thậm thâm của Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, nếu đem ngôi Quán đảnh thế gian **bố thí**, thì sẽ được quả ngôi Pháp vương ba cõi. Nếu đem nghĩa Vô thượng xuất thế gian bố thí, thì sẽ được tất cả sự mong muốn đầy đủ. Nếu đem pháp Vô thượng xuất thế gian bố thí, thì đối với tất cả pháp sẽ được tự tại". *Nếu đem tiền tài, vật thực v.v... của thế gian bố thí, thì sẽ được tất cả thân, ngữ, tâm an lạc. Nghĩa là,* ***bố thí tài bảo*** *làm cho tất cả những sự mong muốn đều được đầy đủ;* ***bố thí pháp*** *nên được viên mãn tất cả pháp; do bố thí như vậy nên được tất cả thân, khẩu, ý nghiệp an lạc. Nếu thọ trì các loại* ***tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, lại tu diệu huệ thanh tịnh****. Đó là trí tạng của chư Như Lai. Nếu người nào được nghe môn Trí tạng quán đảnh lý thú thậm thâm này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tư duy thì người ấy mau được viên mãn hạnh Bồ Tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.*

Muốn tâm thể cao thượng hơn người thì phải làm sao? Phải bố thí, bố thí là phá ngã, lại tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định và Bát nhã Ba la mật để hoàn tất hạnh nguyện cao cả của Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo. Tu như vậy sẽ đạt ***ngôi vị pháp vương tử****, có đầy đủ phước đức trí tuệ, nên pháp môn này được gọi là Quán đảnh trí tạng lý thú sâu xa.*

6. Pháp môn lý thú Bát Nhã Trí ấn của tất cả Như Lai gia trì.

*Thế Tôn nương theo tướng bí tạng trí ấn thường trụ của tất cả Như Lai để nói Pháp môn lý thú Bát Nhã được **trí ấn của tất cả Như Lai gia trì**, nghĩa là nhiếp thọ đầy đủ tất cả Kim cương **thân ấn**, **ngữ ấn**, **tâm ấn**, **trí ấn Như Lai**, tối thượng vi diệu, như kim cương không động không hoại.*

Nếu quyết tâm giữ thân, ngữ, ý vững chắc như kim cương chẳng thể động hoại trong bất cứ trạng huống nào thì đắc pháp môn như trên. Nên Phật bảo: Chúng sanh nào tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm thì sẽ viên mãn Kim cang trí ấn tối thượng, tất cả sự nghiệp, tất cả tánh Kim cang của thân, khẩu, ý đều được thành tựu... mau chứng Vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác.

Tất cả pháp môn tu hành không ngoài tôi luyện thân tâm và ý chí, như sắt đá, như kim cương bất hoại, mới thành tựu vô sanh pháp nhẫn, mà trở thành Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, Bồ Tát bất thối chuyển.

Mặc dù cố gắng hết sức chúng tôi cũng không thể đặt tên phẩm tựa của ba pháp môn số 4., 5. và 6. tương xứng với nội dung của các giáo lý ấy được. Nếu đọc cẩn thận nội dung của từng pháp môn thì có thể hiểu và một khi hiểu thì có thể nhớ từng pháp môn. Tất cả ba pháp môn này đều căn cứ vào tướng trí (trí ấn, trí tạng) của Như Lai để quán, để tu, để hành.

7. Pháp môn văn tự chuyển luân vô hý luận lý thú Bát nhã Ba la mật.

*Tam muội không, vô tướng, vô nguyện giúp người thọ trì Bát Nhã tri giác tất cả pháp là không, vô tướng, vô nguyện, xa lìa, vắng lặng, là vô thường, vô ngã, bất tịnh, bất khả đắc, chẳng thể nghĩ bàn, vô hý luận, tự tánh thanh tịnh… Do giác ngộ như vậy mà được trí vô ngại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì giác ngộ như vậy nên gọi chung những từ như không, vô tướng, vô nguyện, xa lìa, vắng lặng, vô thường, vô ngã, bất tịnh, bất khả đắc v.v…là những "**luân tự**" lý thú Bát Nhã vô hý luận.*

*Phật thuyết pháp môn chữ "**luân**" lý thú Bát Nhã như thế, rồi bảo Bồ Tát Kim cang Thủ: Nếu có chúng sanh nào tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập pháp môn này, thì đối với tất cả pháp **được trí vô ngại**, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.*

8. Pháp môn lý thú Bát Nhã nhập đại luân.

*Vì **thông hóa tất cả pháp bình đẳng** dù là pháp hữu vi hay vô vi, dù là pháp thế gian hay xuất thế gian…nên nói nhập được **tánh đại luân bình đẳng của tất cả pháp Phật**. Pháp môn này chỉ là kết quả của sự khéo ngộ nhập tổng thể các tánh luân của tất cả pháp ở tầng cao hơn.*

Vì vậy, Phật bảo Bồ Tát Kim Cương Thủ rằng:

"Nếu có người nào nghe được **pháp môn Tánh bình đẳng lý thú sâu xa của tánh luân** như thế, tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, thì **khéo ngộ được các tánh bình đẳng**, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

9. Pháp môn cúng dường vô thượng lý thú Bát nhã Ba la mật.

Thế Tôn lại nương vào tướng cúng dường các vật dụng cho Như Lai để nói lên pháp môn cúng dường vô thượng thậm thâm lý thú Bát nhã Ba la mật. Cúng dường ở đây không có nghĩa là dâng cúng phẩm vật mà có "nghĩa là, **phát tâm Bồ đề**, cứu **rỗi tất cả hữu tình**, **giữ gìn diệu pháp** chư Phật, tức là thành tựu cúng dường rộng lớn tất cả Như Lai. Cho đến **ghi chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm về Bát nhã Ba la mật** tức là thành tựu cúng dường rộng khắp tất cả Như Lai".

*Như vậy, cúng dường có nghĩa là phát Bồ đề tâm, cứu độ hữu tình, giữ gìn chánh pháp, cùng thọ trì đọc tụng và truyền bá xiển dương Bát nhã Ba la mật. Nên Phật bảo: Nếu chúng sanh nào hành Bát nhã Ba la mật như vậy, thì mau viên mãn **Bồ Tát hạnh**, mau chứng Vô thượng Bồ đề.*

10. Pháp môn bí mật trí tạng lý thú Bát Nhã hay điều phục tất cả hữu tình.

Thế Tôn lại nương theo tướng hay điều phục hữu tình của tất cả Như Lai để nói pháp môn bí mật trí tạng lý thú Bát nhã Ba la mật hay điều phục tất cả hữu tình. "Tánh xa lìa của tất cả hữu tình tức **tánh xa lìa** của giận. Tánh vắng lặng của tất cả hữu tình tức **tánh vắng lặng** của giận. Tánh bất khả đắc của tất cả hữu tình tức **tánh bất khả đắc** của giận. Tánh vô sở hữu của tất cả hữu tình tức tánh **vô sở hữu** của giận. **Tánh khó nghĩ bàn** của tất cả hữu tình tức tánh khó nghĩ bàn của giận. **Tánh không hý luận** của tất cả hữu tình tức tánh không hý luận của giận".

Nghĩa là trong tạng tánh của các Như Lai có thứ gì thì cũng ***là chính bí mật trí tạng*** *của tất cả chúng sanh. Trí tạng của chúng sanh cùng "Như lai tạng tánh" của chư Phật không hai không khác. Một khi Như Lai tạng tánh của chúng sanh rơi vào triền phược thì tất cả giận hờn thương ghét tham sân si đều có đủ... nên gọi là chúng sanh. Nhưng một khi Như Lai tạng tánh của chúng sanh thoát triền thì chúng sanh cũng như chư Phật không khác. Khác là chư Phật, chư Như Lai tự điều phục trí tạng của chính mình bằng Bát nhã Ba la mật. Vậy nên phải học cách điều phục này để trở về cái bản thể tròn đầy của Như Lai.*

Nên Kinh bảo: "Vì sao? Vì tánh chơn điều phục tất cả hữu tình tức là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng là Bát nhã Ba la mật, cũng là Nhất thiết trí trí của chư Phật".

Phật bảo: Nếu chúng sanh nào tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm thì có thể tự điều phục các tội lỗi không những giận dữ mà còn có thể điều phục các xấu ác khác…Nếu hữu tình nào có thể điều phục như thế, thì thường sinh vào đường thiện, hưởng các sự an vui, phát tâm từ đối với kẻ oán thù, có thể tu hành tốt các hạnh Bồ Tát, mau chứng Vô thượng Chánh Đẳng giác.

Tất cả hữu tình có bệnh gì thì Bát nhã Ba la mật có thuốc chữa đó. Thuốc này khó thấy, nên Kinh bảo là bí mật trí tạng.

11. Pháp môn tối thắng lý thú Bát Nhã bình đẳng.

"Thế Tôn lại nương vào tất cả tướng Như Lai pháp tánh bình đẳng năng khéo kiến lập, vì các Bồ Tát tuyên thuyết pháp môn tối thắng lý thú Bát Nhã bình đẳng. **Nghĩa là tất cả hữu tình tánh bình đẳng, nên Bát Nhã sâu xa tánh cũng bình đẳng. Tất cả pháp tánh bình đẳng, nên Bát Nhã sâu xa tánh cũng bình đẳng.***(Q.578, "Lý thú Bát Nhã")*

Tất cả hữu tình tánh **điều phục**, nên Bát Nhã tánh cũng điều phục. Tất cả pháp tánh điều phục, nên Bát Nhã sâu xa tánh cũng điều phục.

(...) Tất cả hữu tình tức **chơn như**, pháp giới, pháp tánh, thật tế..., nên Bát Nhã sâu xa cũng tức là chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế... Tất cả pháp tức chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế..., Bát Nhã sâu xa cũng tức là chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế...

Tất cả hữu tình vốn **Không, vô tướng, vô nguyện**, nên Bát Nhã sâu xa cũng vốn Không, vô tướng, vô nguyện. Tất cả pháp vốn Không, vô tướng, vô nguyện nên Bát Nhã sâu xa cũng vốn Không, vô tướng, vô nguyện.

(...) **Tất cả hữu tình có nghiệp dụng như thế nào, phải biết Bát Nhã sâu xa cũng có nghiệp dụng như vậy".**

Tóm lại, pháp môn này nói hữu tình có bất cứ đặc tánh gì thì Bát nhã Ba la mật có đặc tánh như vậy hay nói ngược. Nên được gọi là pháp môn tối thắng lý thú Bát Nhã bình đẳng. Vậy có thể dùng Bát Nhã để đối trị tất cả nghiệp dụng cho tất cả chúng sanh.

*Nên Phật bảo: Nếu có chúng sanh nào nghe được pháp môn tối thắng lý thú Bát Nhã bình đẳng như thế, tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, thì thông suốt **được pháp tánh bình đẳng của Bát Nhã**, đối với các hữu tình tâm không trở ngại, mau chứng Vô Thượng Chánh giác.*

12. Pháp môn <u>Thắng tạng</u> lý thú Bát Nhã hộ trì cho tất cả hữu tình.

Thế Tôn lại nương vào tất cả tướng Như Lai trụ trì tạng pháp, vì các Bồ Tát tuyên thuyết pháp môn thắng tạng lý thú Bát Nhã hộ trì cho tất cả các hữu tình. "Nghĩa là tất cả hữu tình đều là Như lai tạng, vì tất cả là tự ngã của Bồ Tát Phổ Hiền biến khắp vậy.Tất cả hữu tình đều là **Kim cương tạng**, vì được Kim cương rưới thấm. Tất cả hữu tình đều là **Chánh pháp tạng**, vì tất cả đều chuyển theo chánh ngữ. Tất cả hữu tình đều là **Diệu nghiệp tạng**, vì tất cả sự nghiệp nương vào gia hạnh". *Nghĩa là hữu tình không bao giờ mất diệu huệ của chư Phật từ xưa. Vì chúng sanh vốn là Phật đã thành nên không bao giờ mất Như Lai tạng tánh của chư Phật.*

*Phật bảo: Nếu chúng sanh nào nghe được pháp môn như thế mà tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu tập, thì sẽ thông suốt **được pháp tánh thắng tạng** (Như Lai tạng, Kim cương tạng, Chánh pháp tạng, Diệu pháp tạng) mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.*

Vậy chúng sanh không cần quá lo lắng đối với năng lực của chính mình. Bởi vì trong chơn như tạng tánh, như Kinh Viên Giác bảo: "Chúng sanh vốn thành Phật từ lâu".

Nói thế nhưng không phải thế. Đó chỉ là quan niệm bản hữu, hay nói theo đệ nhất nghĩa đế. Nhưng chúng sanh qua biết bao nhiêu đời kiếp căn tánh đã bị che mờ. Nên phải nhờ tu sanh mới có thể trở về Như Lai tạng

tánh như Kinh Pháp Hoa nói "qua biết bao năm lưu lãng giang hồ mới có thể quay về quê cũ để an thân lập mệnh".

(13. Pháp môn Kim cương pháp nghĩa bình đẳng trụ trì rốt ráo của Bát nhã Ba la mật).

"Thế Tôn lại nương vào các tướng vô lượng, vô biên rốt ráo cùng tận của tất cả Như Lai để nói **pháp môn tất cả pháp vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo bình đẳng lý thú Bát nhã Ba la mật.** Nghĩa là, vì Bát nhã Ba la mật là vô lượng nên tất cả Như Lai là **vô lượng**, vì Bát nhã Ba la mật là **vô biên** nên tất cả Như Lai là **vô biên**; vì tất cả pháp là **tánh nhất như** nên Bát nhã Ba la mật là tánh nhất như; vì tất cả pháp là **cứu cánh** nên Bát nhã Ba la mật là cứu cánh". *(Q.578, "Lý thú Bát Nhã")*

Phật bảo: Nếu có người nào nghe pháp môn Kim cương lý thú Bát Nhã này mà thọ trì, đọc tụng, tu tập thì tất cả pháp chướng đều được tiêu trừ, nhất định được tánh Như Lai chấp kim cương, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Pháp môn này nói lên tánh cách bao la rộng lớn vô thượng của Như Lai như thế nào thì Bát nhã Ba la mật cũng có đặc tánh như vậy nên có tên là Kim cương lý thú cứu cánh Bát Nhã!

Thuyết xong các pháp môn trên, Phật xướng Kim cương đại lạc và Kim cương Bất không thần chú Bát Nhã để kết thúc pháp Hội này.

Kết luận:

Dựa vào toàn thể chánh văn của pháp hội thứ X chúng tôi phân ra 13 pháp môn nêu trên theo ý chính của Kinh. Tựa của các pháp môn do chúng tôi dựa vào chánh văn đặt ra. Tuy nhiên, các tựa ấy cũng không thể diễn tả trọn vẹn ý nghĩa của các pháp môn này khi Kinh đề cập đến Trí ấn, Trí tạng quán đảnh, Trí tạng gia trì, Trí tạng bí mật, nhất là có một số pháp môn thường đề cập đến không, vô tướng, vô nguyện, như như, bình đẳng và thanh tịnh như những liên hệ bất khả phân.

Để hiểu rõ các pháp môn này phải kiên nhẫn đọc tụng chánh văn. Vì phần tựa của 13 pháp môn trên gần như tương tự nhau, nên cần nghiên

cứu chánh văn hơn. Nếu hiểu chánh văn tức hiểu toàn bộ phần này thì mới có thể nói Bát nhã Ba la mật là lý thú.

Đối với chúng tôi đây là một Hội tuy ngắn nhưng là một thử thách lớn trong việc thọ trì Bát nhã Ba la mật vì nó là thân ấn, ngữ ấn, tâm ấn, pháp ấn, trí ấn của chư Như Lai. Nó cũng là Thắng tạng, Như Lai tạng, Kim cương tạng, Chánh pháp tạng, Diệu pháp tạng của tất cả Như Lai trong mười phương ba đời.

Cả bốn Kinh tương đương cùng với Hội này, văn từ quá cô đọng, khúc mắc… chúng tôi cố vắt từ bộ xương khô ra nước Thánh để giúp bạn đọc. Nhưng khó có thể nói lên trọn vẹn ý nghĩa đặc thù của từng pháp môn trong toàn thể pháp hội này.

*Tuy nhiên, nếu quý vị không thể hiểu sự khác biệt của từng pháp môn trên nên nhớ ý nghĩa của các đại luân tự như pháp ấn, trí ấn, trí tạng sau đây: **Không, Như như, Bình đẳng, Thanh tịnh**… Bốn từ này chúng tôi tạm gọi là **cốt tủy** rút gọn lại như những "đại luân tự" hay "mạn trà la" trong Phật đạo. Có thể nói là Hội thứ X xoay quanh các từ này*

Những từ này luôn luôn xuất hiện trong văn học Đại thừa như là pháp ấn, trí ấn, trí tạng cũng như các từ Trí tạng quán đảnh, Trí tạng gia trì, Trí tạng bí mật trong nghĩa Thắng tạng, Như Lai tạng, Kim cương tạng, Chánh pháp tạng, Diệu pháp tạng của tất cả Như Lai…

Có một điều chúng tôi chắc chắn 4 từ Không, Như như, Bình đẳng và Thanh tịnh được xem là những mắt xích chính kết nối tất cả pháp thế gian và xuất thế gian để tạo thành Giác ngộ, Chánh giác và Nhất thiết trí trí. Không có những từ này thì không có Đại thừa, không có Phật đạo. Vì chúng là nền móng, kèo cột của các lâu đài từ bi và trí tuệ.

Để nắm vững vấn đề chúng tôi ghi thêm một Kinh đồng bản với Kinh này trong phần phụ đính sau đây, chúng tôi chỉ chiết giải đại cương để Quý vị có thể so chiếu với pháp hội thứ X:

Phụ đính:

*Đính kèm theo đây là **"Thật Tướng Bát nhã Ba la mật Đa" Kinh**, mang số thẻ 0240 trong Đại Tạng Kinh Việt Nam, 1 quyển Kinh nhỏ do*

Tam tạng Bồ Đề Lưu Chí, đời Đường dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt để Quý vị độc giả có dịp nghiên cứu thêm.

"Thật Tướng Bát nhã Ba la mật Đa Kinh"

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn do thành tựu viên mãn ngôi vị chánh trí Kim cang của tất cả các Như Lai, đội mão báu quán đảnh thù thắng vượt lên ba cõi, đại Du già tự tại vô ngại, nên được trí thâm sâu vi diệu, chứng pháp bình đẳng, làm các việc đều được rốt ráo, tùy theo tâm chúng sinh ưa muốn đều làm cho mỹ mãn, ba đời mỹ mãn không bị lay động, ba nghiệp kiên cố cũng như ánh sáng Kim cang chiếu khắp châu thân.

Đức Phật trú tại cung điện cõi trời Tha hóa ở cõi Dục. Cung điện ấy được trang trí bằng các châu báu tốt đẹp, làm bằng ngọc báu ma ni lớn, cờ lọng lụa là, màu sắc rực rỡ. Những chuỗi châu báu khi gió thổi đến làm lay động, phát ra âm thanh. Tất cả Như Lai thường đến nơi đó đều khen ngợi là nơi tuyệt vời nhất. Lại có tám vạn ngàn Đại Bồ Tát, trước sau vây quanh cúng dường, cung kính Thế Tôn. Vì các vị Bồ Tát, Phật thuyết pháp đầu, giữa, sau đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ khéo léo, thuần nhất không xen tạp, thanh tịnh, viên mãn. Các Bồ Tát ấy tên là Bồ Tát Kim Cang Thủ, Bồ Tát Quán Tự Tại, Bồ Tát Hư Không Tạng, Bồ Tát Văn thù Sư lợi, Bồ Tát Chuyển Pháp Luân, Bồ Tát Hàng Phục Nhất Thiên Ma. Các đại Bồ Tát ấy là đứng đầu.

Bấy giờ ở giữa đại chúng, Thế Tôn thuyết cho các Bồ Tát nghe **pháp môn tất cả pháp tự tánh thanh tịnh thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, **ái** thanh tịnh là địa vị Bồ Tát; **kiến** thanh tịnh là địa vị Bồ Tát; **nhiễm trước** thanh tịnh là địa vị Bồ Tát; **vui thích** thanh tịnh là địa vị Bồ Tát; **tạng** thanh tịnh là địa vị Bồ Tát; **trang nghiêm** thanh tịnh địa vị Bồ Tát; **ngữ** thanh tịnh là địa vị Bồ Tát; **ý** thanh tịnh là địa vị Bồ Tát; **sắc** thanh tịnh là địa vị Bồ Tát; **thanh** thanh tịnh là địa vị Bồ Tát; **hương** thanh tịnh là địa vị Bồ Tát; **vị** thanh tịnh là địa vị của Bồ Tát; **xúc** thanh tịnh là địa vị Bồ Tát. Vì sao? Vì tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh. **Tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh tức là Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.**

Bấy giờ, khi thuyết pháp môn này rồi, Thế Tôn lại bảo Bồ Tát Kim Cang Thủ:

- Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe **pháp môn tất cả pháp tự tánh thanh tịnh thật tướng Bát nhã Ba la mật** này, một lần lọt vào tai thì tất cả phiền não chướng, nghiệp chướng, pháp chướng, các tội rất nặng của người ấy đều tự tiêu trừ. Người nào đọc tụng, tư duy, tu tập thì ngay trong đời này được Tam muội Kim cang, tất cả pháp tánh bình đẳng; trải qua mười sáu đời khác sẽ được tự tại thâm nhập, vui thích tất cả pháp môn, cho đến sẽ được thân Kim cang của chư Phật Như Lai.

Khi ấy, Như Lai liền nói thần chú **"Hàm".**

*(Pháp môn thứ nhất này tạm gọi là **"tất cả pháp tự tánh thanh tịnh thật tướng Bát nhã Ba la mật".** Tất cả địa vị của các Bồ Tát đều xây dựng từ sắc thanh hương vị xúc hay nói khác là từ ý thức và cảm thọ đều thanh tịnh. Nên thân ngữ ý của Bồ Tát luôn luôn thanh tịnh. Do vậy, Bồ Tát đạt được thật tướng Bát Nhã).*

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng tướng ánh sáng chiếu khắp của tất cả Như Lai, nói cho các Bồ Tát pháp môn tánh tịch tĩnh thành Chánh giác thật tướng Bát nhã Ba la mật của tất cả chư Phật. Đó là: Thành Chánh giác Kim cang bình đẳng, vì tánh của đại Bồ đề kiên cố như Kim cang; thành Chánh giác Nghĩa bình đẳng, vì tánh của đại Bồ đề là Đệ nhất nghĩa; thành Chánh giác Pháp bình đẳng, vì tự tánh của đại Bồ đề vốn thanh tịnh; thành Chánh giác Nhất thiết bình đẳng, vì tánh của đại Bồ đề vốn xa lìa tất cả sự phân biệt.

Khi ấy, Thế Tôn nói pháp môn này rồi lại bảo Bồ Tát Kim Cang Thủ:

- Này Kim Cang Thủ! Người nào được nghe **pháp môn bản tánh tịch tĩnh thành Chánh giác thật tướng Bát nhã Ba la mật này**, lại thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, nên biết người ấy vượt qua được tất cả đường ác, mau chứng quả Vô thượng Bồ đề.

Bấy giờ, Như Lai lại nói thần chú **"Án".**

(Pháp môn thứ 2, gọi là **"bản tánh tịch tĩnh thành Chánh giác thật tướng Bát nhã Ba la mật".** *Do thậm nhập Bồ đề bình đẳng, Bồ đề xa lìa*

tất cả phân biệt, Bồ đề tịch tĩnh, Bồ đề kiên cố như Kim cang. Nên Bồ Tát đạt thật tướng Bát Nhã mà hiện Chánh giác).

Khi ấy, vì các Bồ Tát, Thế Tôn lại dùng tướng Thích Ca Mâu Ni hay điều phục chúng sinh khó điều phục của tất cả Như Lai để nói **pháp môn tất cả pháp bình đẳng thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Đó là tánh không hý luận của tham, tánh không hý luận của sân, tánh không hý luận của si. Vì sao? Vì tánh của tất cả các pháp vốn không hý luận. Tất cả các pháp tánh không hý luận, nên tánh của Bát nhã Ba la mật cũng không hý luận.

Thế Tôn nói pháp môn này xong lại bảo Bồ Tát Kim Cang Thủ:

- Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe **pháp môn tất cả pháp bình đẳng thật tướng Bát nhã Ba la mật** này, thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập; giả sử người ấy có giết hại tất cả chúng sinh trong ba cõi thì cũng hoàn toàn không do việc này mà đọa vào đường ác. Vì sao? Vì người ấy đã lãnh thọ luật nghi đều phục tâm. Nên biết vị ấy mau được Vô thượng Bồ đề.

Khi ấy, Như Lai lại nói thần chú **"Hám".**

*(Pháp môn thứ 3, gọi **"tất cả pháp bình đẳng thật tướng Bát nhã Ba la mật".** Tánh của tất cả tham sân si đều không hý luận. Bát Nhã cũng không hý luận. Nhờ hiểu rõ tất cả pháp đều bình đẳng nên Bồ Tát nhập được thật tướng Bát Nhã)*

Bấy giờ, vì các Bồ Tát, Thế Tôn lại dùng tướng tự tánh thanh tịnh của tất cả Như Lai để nói **pháp môn tất cả pháp tánh bình đẳng quán tự tại trí ấn thật tướng Bát Nhã.** Nghĩa là, sự thanh tịnh của tánh tham, tánh sân của tất cả thế gian. Do tánh tham, tánh sân của tất cả thế gian là thanh tịnh nên tánh cấu, tánh tội, của tất cả thế gian là thanh tịnh. Do tánh cấu, tánh tội của tất cả thế gian là thanh tịnh nên tánh pháp, tánh chúng sinh của tất cả thế gian cũng thanh tịnh. Vì tánh pháp, tánh chúng sinh của tất cả thế gian là thanh tịnh, nên tánh trí của tất cả thế gian là thanh tịnh. Tánh trí của tất cả thế gian thanh tịnh nên Bát Nhã thanh tịnh.

Thế Tôn nói pháp môn này xong, lại bảo Bồ Tát Kim Cang Thủ:

- Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe **pháp môn tất cả pháp bình đẳng quán tự tại trí ấn thật tướng Bát nhã Ba la mật** này,

thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tu tập thì người ấy tuy ở trong trần cấu năm dục nhưng không bị tham dục, không bị các tội lỗi làm ô nhiễm; cũng như hoa sen tuy ở trong bùn lầy nhưng chẳng bị dính bùn. Cho đến mau chứng quả Vô thượng Bồ đề.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Kiết rị".**

*(Pháp môn thứ 4, gọi **"tất cả pháp bình đẳng quán tự tại trí ấn thật tướng Bát nhã Ba la mật".** Khi nhận ra rằng tất cả pháp thế gian không uế không tịnh, không tội không phước, tất cả pháp đều bình đẳng thanh tịnh, là sống trong đệ nhất nghĩa đế thì sanh trí tuệ, chỗ gọi là trí ấn thật tướng Bát Nhã. Khi ấy, không bị các tội lỗi làm ô nhiễm; cũng như hoa sen tuy ở trong bùn nhưng chẳng bị dính bùn)*

Bấy giờ, vì các Bồ Tát, Thế Tôn lại dùng tướng làm chủ ba cõi của tất cả Như Lai để nói **pháp môn quán đảnh xuất hiện trí tạng thật tướng Bát nhã Ba la mật** của tất cả chư Phật. Nghĩa là, **thí quán đảnh** làm cho tất cả được ngôi vua trong ba cõi, **thí tài bảo** làm cho tất cả điều mong muốn đều được đầy đủ; **thí pháp** thanh tịnh làm cho được tất cả thật tánh của các pháp; **thí thức ăn uống** làm cho tất cả thân tâm đều an lạc.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Đác lãm".**

*(Pháp môn thứ 5, gọi **"quán đảnh xuất hiện trí tạng thật tướng Bát nhã Ba la mật".** Nhờ bố thí ngôi báu, bố thí tiền của, bố thí pháp làm cho tất cả chúng sanh thân tâm an lạc. Nên Bồ Tát phát sanh trí tạng thật tướng Bát Nhã).*

Bấy giờ, vì các Bồ Tát, Thế Tôn lại dùng tướng bí tạng trí ấn thường trụ của tất cả Như Lai để nói **pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm xứ thật tướng Bát Nhã**. Nghĩa là, Kim cang **Thân ấn** được tất cả chư Phật giữ gìn, vì chứng được thể tánh chân thật của các Như Lai; Kim cang **Ngữ ấn** được tất cả chư Phật giữ gìn, vì chứng được đầy đủ tất cả Tam muội; Kim cang **Trí ấn** được tất cả chư Phật giữ gìn, vì chứng đắc được thân ngữ ý tối thượng như Kim cang.

Thế Tôn nói pháp môn này xong lại bảo Bồ Tát Kim Cang Thủ:

- Này Kim Cang Thủ! Người nào nghe được **pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm xứ thật tướng Bát nhã Ba la mật** này của tất cả chư Phật, rồi thọ trì, đọc tụng, tư duy, chánh niệm, nên biết người ấy sẽ được thành **Kim cang ấn tối thượng đối với tất cả trí**, và các sự nghiệp đều được viên mãn; thân, khẩu, ý tánh như Kim cang, cho đến sẽ thành quả Vô thượng Bồ đề.

Khi ấy, Như Lai lại nói thần chú **"A".**

*(Pháp môn thứ 6, gọi **"Kim cang <u>trí ấn</u> thậm thâm xứ thật tướng Bát Nhã".** Vì chứng được thân ngữ ý bất động tối thượng như Kim cang của Như Lai. Nên chứng được thật tướng Bát Nhã, nên gọi là Kim cang trí ấn).*

Bấy giờ vì các Bồ Tát, Thế Tôn lại dùng tướng xa lìa hẳn hý luận của tất cả Như Lai để nói **pháp môn văn tự chuyển luân phẩm thật tướng Bát nhã Ba la mật.** Nghĩa là, tất cả các pháp là không, vì không có tự tánh; tất cả các pháp là vô tướng, vì xa lìa các tướng; tất cả các pháp là vô nguyện, vì xa lìa các nguyện; tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh, nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"A".**

*(Pháp môn thứ 7, gọi **"văn tự chuyển luân phẩm thật tướng Bát nhã Ba la mật".** Vì biết tất cả pháp là không, không có tự tánh, tất cả pháp vô tướng, xa lìa tướng, tất cả pháp là vô nguyện, xa lìa sở nguyện. Do vậy, Bồ Tát đạt được thật tướng Bát Nhã mà chuyển pháp luân).*

Bấy giờ vì các Bồ Tát, Thế Tôn lại dùng tướng thâm nhập chuyển luân rộng lớn của tất cả Như Lai để nói **pháp môn thâm nhập chuyển luân rộng lớn thật tướng Bát nhã Ba la mật.** Nghĩa là, tánh thâm nhập bình đẳng của Kim Cang, vì được thâm nhập chuyển luân của tất cả Như Lai; tánh thâm nhập **nghĩa** bình đẳng, vì được thâm nhập chuyển luân của tất cả **Bồ Tát**; tánh thâm nhập **pháp** bình đẳng, vì được thâm nhập diệu pháp chuyển luân; tánh thâm nhập bình đẳng, vì được thâm nhập vào tất cả chuyển luân.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Lam".**

(Pháp môn thứ 8, gọi ***"thâm nhập chuyển luân rộng lớn thật tướng Bát nhã Ba la mật".*** *Nhờ thâm hiểu tất cả* ***pháp và nghĩa*** *bình đẳng mà thâm nhập được các chuyển luân. Nên Bồ Tát nhập được chuyển luân rộng lớn của thật tướng Bát Nhã).*

Bấy giờ vì các Bồ Tát, Thế Tôn lại dùng các phương tiện thiện xảo lớn của tất cả Như Lai để nói **pháp môn quảng cúng dường chư Phật tối đệ nhất thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, phát Bồ đề tâm, tức là phương tiện thiện xảo lớn cúng dường khắp tất cả chư Phật; cứu độ chúng sinh, tức là phương tiện thiện xảo lớn để cúng dường khắp tất cả chư Phật; giữ gìn chánh pháp, tức là phương tiện thiện xảo lớn cúng dường khắp tất cả chư Phật.

Thế Tôn nói pháp môn này xong lại bảo Bồ Tát Kim Cang Thủ:

- Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe **pháp môn tối đệ nhất quảng cúng dường chư Phật thật tướng Bát Nhã** này, hoặc tự mình ghi chép, hoặc bảo người khác ghi chép, hoặc tự mình thọ trì, hoặc bảo người thọ trì, hoặc tự mình đọc tụng, hoặc bảo người đọc tụng, hoặc tự mình tư duy, hoặc bảo người tư duy, hoặc tự mình cúng dường, hoặc bảo người cúng dường, tùy theo việc làm ấy tức là phương tiện thiện xảo lớn cúng dường khắp tất cả chư Phật.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Án".**

(Pháp môn thứ 9, gọi ***"tối đệ nhất quảng cúng dường chư Phật thật tướng Bát Nhã".*** *Do tự mình ghi chép, đọc tụng, thọ trì, tư duy hay khuyên bảo người khác ghi chép, đọc tụng, thọ trì, tư duy Bát nhã Ba la mật mà nhập được thật tướng Bát Nhã. Đó gọi là phương tiện thiện xảo cúng dường chư Phật tối cao).*

Bấy giờ, vì các Bồ Tát, Thế Tôn lại dùng tướng hay điều phục của tất cả các Như Lai để nói **pháp môn bí mật trí tạng thật tướng Bát nhã Ba la mật hay điều phục nhiếp thọ tất cả chúng sinh.** Nghĩa là, tánh bình đẳng của tất cả chúng sinh là tánh sân bình đẳng; tánh điều phục của tất cả chúng sinh là tánh điều phục sân; tánh chân pháp của tất cả chúng sinh là tánh chân pháp của sân; tánh Kim cang của tất cả chúng sinh là tánh Kim

cang của sân. Tại vì sao? **Vì tánh điều phục của tất cả chúng sinh chính là Bồ đề.**

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Hà".**

(Pháp môn thứ 10, gọi ***"bí mật trí tạng thật tướng Bát nhã Ba la mật hay điều phục nhiếp thọ tất cả chúng sinh".*** *Điều phục chúng sinh là điều phục sân(giận). Chế ngự được sân là nhiếp thọ được hữu tình, nên gọi là Bồ đề. Vì vậy, pháp môn này được gọi là bí mật trí tạng thật tướng Bát Nhã thường hay điều phục nhiếp thọ tất cả hữu tình).*

Bấy giờ vì các Bồ Tát, Thế Tôn lại dùng tướng trụ bình đẳng của tất cả Như Lai để nói **pháp môn trí tánh bình đẳng tối thắng của tất cả pháp thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, tánh bình đẳng của tất cả các pháp là tánh bình đẳng của Bát nhã Ba la mật; tánh đệ nhất nghĩa của tất cả các pháp là tánh đệ nhất nghĩa của Bát nhã Ba la mật; tánh pháp của tất cả các pháp là tánh pháp của Bát nhã Ba la mật; tánh nghiệp dụng của tất cả các pháp là tánh nghiệp dụng của Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Hiệt rị".**

(Pháp môn thứ 11, gọi **"trí tánh bình đẳng tối thắng của tất cả pháp thật tướng Bát nhã Ba la mật".** *Nghĩa là tánh bình đẳng của tất cả pháp là tánh bình đẳng của Bát nhã Ba la mật; tánh Đệ nhất nghĩa của tất cả pháp là tánh Đệ nhất nghĩa của Bát nhã Ba la mật; tánh nghiệp dụng của tất cả pháp là tánh nghiệp dụng của Bát nhã Ba la mật, pháp tánh của tất cả pháp là pháp tánh của Ba la mật. Vì hiểu biết như vậy tức không còn so đo phân biệt nên được vô trước trí. Do có trí đó, nên gọi là trí tánh bình đẳng tối thắng của tất cả pháp).*

Bấy giờ vì các Bồ Tát, Thế Tôn dùng tướng làm chỗ nương tựa cho chúng sinh của tất cả Như Lai để nói **pháp môn chỗ dựa cho tất cả chúng sinh thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, tất cả chúng sinh là Như Lai tạng, vì đều ở khắp trong thể tánh Bồ Tát Phổ Hiền; tất cả các chúng sinh là Kim cang, vì đều được nước Kim cang tạng rưới ướt; **tất cả chúng sinh là chánh pháp tạng** vì bản tánh lời nói là ngôn từ đúng đắn;

tất cả chúng sinh **là diệu nghiệp tạng**, vì sự hoạt động của các nghiệp thiện xảo vi diệu.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Để rị".**

*(Pháp môn thứ 12, gọi **"chỗ dựa cho tất cả chúng sinh để sanh thật tướng Bát Nhã".** Nghĩa là tất cả chúng sinh là Như Lai tạng, là Chánh pháp tạng, là Diệu nghiệp tạng, đều **nằm trong tạng tánh** của Bồ Tát, của Như Lai. Đó chính là chỗ dựa của tất cả hữu tình).*

Bấy giờ, vì các Bồ Tát, Thế Tôn lại dùng tướng vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo của tất cả Như Lai để nói **pháp môn tất cả các pháp vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo bình đẳng thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, vì Bát Nhã là vô lượng, nên tất cả chư Phật cũng vô lượng; vì Bát Nhã là vô biên, nên tất cả chư Phật cũng vô biên; vì Bát nhã Ba la mật tánh nhất như, nên các pháp cũng tánh nhất như; vì Bát nhã Ba la mật tận cùng rốt ráo, nên tất cả các pháp cũng tận cùng rốt ráo.

Thế Tôn nói pháp môn này xong, lại bảo Bồ Tát Kim Cang Thủ:

Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo bình đẳng thật tướng Bát nhã Ba la mật này, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy, thì tất cả nghiệp chướng của người ấy đều được tiêu trừ hết không còn sót lại, mau đến Bồ đề; đối với thân Kim cang Như Lai được tự tại.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Phiếu".**

*(Pháp môn thứ 13, gọi **"tất cả các pháp vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo bình đẳng thật tướng Bát nhã Ba la mật".** Nghĩa là, vì Bát Nhã là vô lượng, nên tất cả chư Phật cũng vô lượng; vì Bát Nhã là vô biên, nên tất cả chư Phật cũng vô biên; vì Bát nhã Ba la mật tánh nhất như, nên các pháp cũng tánh nhất như; vì Bát nhã Ba la mật rốt ráo, nên tất cả các pháp cũng rốt ráo).*

Bấy giờ, vì các Bồ Tát, Thế Tôn lại dùng tướng pháp tánh bí mật phổ quang minh ly hý luận của các Như Lai để nói **pháp môn Kim cang bất không vô ngại đại an lạc quyết định nhập pháp tánh** vô sơ trung hậu tối đệ nhất thật tướng Bát nhã Ba la mật. Nghĩa là, các Bồ Tát có thể

phụng sự cúng dường rộng lớn nên được sự an lạc tối thượng. Do được sự an lạc tối thượng nên được đạo Bồ đề tối thượng của chư Phật. Do được Bồ đề vô thượng của chư Phật nên có thể thu phục được tất cả ma quân. Do thu phục được tất cả ma quân nên được tự tại trong ba cõi. Do được tự tại trong ba cõi nên có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh đều được an lạc cứu cánh tối thượng. Vì sao? Bài tụng nói:

Có bậc Trí tối thắng
Thường ở trong sinh tử
Cứu độ khắp quần sinh
Mà không nhập Niết bàn,
Bát nhã Ba la mật
Trí phương tiện cứu cánh
Thành tựu nghiệp thanh tịnh
Thanh tịnh khắp hữu tình.
Với các phiền não tham...
Điều phục các thế gian
Cho đến trời Hữu đảnh
Thanh tịnh không trái ngịch,
Ở trong đời sinh tử
Không nhiễm pháp thế gian
Như hoa sen thơm đẹp
Không ô nhiễm trần cấu,
Ưa muốn làm thanh tịnh
An lạc cho tất cả
Tự tại trong ba cõi
Làm ích lợi bền chắc.

Nói pháp môn này xong, Thế Tôn lại bảo Bồ Tát Kim Cang Thủ:

- Này Kim Cang Thủ! Người nào nghe được **pháp môn Kim cang pháp tánh đại an lạc thật tướng Bát nhã Ba la mật** này, hàng ngày mỗi sáng sớm hoặc lắng nghe hoặc đọc tụng liên tục không dứt, nên biết tội chướng của người ấy đều tự tiêu trừ, tâm thường an lạc vui vẻ đệ nhất; ngay trong hiện đời liền được thành tựu Kim cang bất không vô ngại quyết

định nhập pháp, lại sẽ thành tựu thân Kim cang kiên cố bí mật của tất cả Như Lai.

Khi ấy Như Lai nói thần chú **"Sa ha".**

Bấy giờ sau khi nói cho các Bồ Tát nghe các pháp môn trên xong, Thế Tôn lại bảo Bồ Tát Kim Cang Thủ:

- Này Kim Cang Thủ! Kinh điển này của ta rất khó được nghe.

Người nào được nghe cho đến dù chỉ một từ, nên biết người ấy đời quá khứ đã từng cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật đã từng gieo trồng căn lành. Huống là người lắng nghe đọc tụng đầy đủ, nên biết người ấy quyết định đã từng cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi tám mươi ức na do tha vô số chư Phật. Nếu Kinh điển này ở nơi nào thì ở nơi ấy có tháp chư Phật. Nếu người nào kính trọng Kinh này, thường giữ gìn không xa lìa, thì người ấy xứng đáng lãnh thọ sự cung kính cúng dường của tất cả các thế gian. Vị này sẽ được Túc mạng thông, có thể biết được mọi việc trong vô lượng kiếp quá khứ, không bị tất cả Thiên ma Ba tuần quấy nhiễu, được Tứ đại thiên vương và chư Thiên khác ủng hộ, được tất cả các chư Phật và các vị Bồ Tát thường cùng hộ vệ, tùy ý vãng sinh vào các Tịnh độ trong 10 phương.

Này Kim Cang Thủ! Ta nói sơ lược công đức của pháp môn thật tướng Bát nhã Ba la mật như vậy. Nếu nói rộng thì tận cùng kiếp cũng không hết được.

Phật nói Kinh này xong, Bồ Tát Kim Cang Thủ và các Đại Bồ Tát, Thiên, Long, Dạ xoa, Càn thác bà, A tu la, Câu lâu la, Ma hầu la già, Nhân phi nhân…, tất cả chúng hội đều rất hoan hỷ, tin theo vâng làm.

Nhận định: *Nếu so chiếu Hội thứ X với Kinh "Thật Tướng Bát Nhã Ba La Mật Đa" do Tam tạng Bồ Đề Lưu Chí dịch: Về chi tiết thì Kinh "Thật Tướng Bát Nhã Ba La Mật Đa" tương đối rõ ràng hơn.*

Vì tính cách quá cô đọng của hai bản Kinh, nên rất khó có thể nêu ra sự khác biệt. Đại cương hai Kinh đều nêu ra các từ ***Không, Như Như, Bình Đẳng và Thanh Tịnh****, được xem là các "đại luân tự" như là thân ấn, ngữ ấn, tâm ấn, pháp ấn, trí ấn, trí tạng của chư Bồ Tát, chư Như Lai.*

Ngoài ra, phần lớn cả hai Kinh đều nói đến các pháp môn "cốt tủy" của Phật đạo dưới các danh từ chuyên môn như là Thắng tạng, là Như Lai

tạng, Kim cương tạng, Chánh pháp tạng, Diệu pháp tạng... Đứng về phương diện ngôn từ chúng ta có thể hiểu phần nào. Còn đứng về thực tu thực chứng các pháp môn trên thì phải hỏi lại? Cả hai Kinh đều tán tụng: Nếu có người nào nghe pháp môn Kim cương lý thú Bát Nhã này đọc tụng, tu tập, thọ trì, thì tất cả pháp chướng đều được tiêu trừ, nhất định được tánh Như Lai chấp kim cương, mau chứng Vô thượng Bồ đề.

Vậy, phải cẩn thận phụng trì thôi. Nếu không hiểu hai Kinh này thì xin nhớ bốn từ mầu nhiệm khi thọ trì Đại Bát Nhã là: Không, Như Như, Bình đẳng và Thanh tịnh./.

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần mười,
(Hội thứ X).

Giáo pháp trong Hội thứ X dành cho các Bồ Tát bậc thượng căn, thượng phẩm do Phật thuyết ở Cung trời Tha hóa Tự tại, không dễ gì lãnh hội nếu không thâm hiểu Bát nhã Ba la mật. Các pháp môn này phải nói là những tinh thể dẫn xuất từ biển tuệ Bát nhã Ba la mật, được thuyết riêng để đúc kết các pháp hội từ thứ I đến thứ X.

Tại sao nói 13 pháp môn trong pháp hội thứ X được xem là tinh thể lưu xuất từ Bát nhã Ba la mật? Vì rằng không có pháp môn nào thoát khỏi sự nhiếp thu của Bát nhã Ba la mật. Nó là đầu não, là nguyên lý chỉ đạo, là tôn dẫn, là bộ phận mẹ sinh ra chư Phật, chư Bồ Tát cùng tất cả pháp thế gian, xuất thế gian.

Vì 13 pháp môn lý thú Bát nhã Ba la mật là Thắng tạng, là Như Lai tạng, Kim cương tạng, Chánh pháp tạng, Diệu pháp tạng của tất cả chư Như Lai. Mười ba pháp môn trên của lý thú Bát nhã Ba la mật cũng là thân ấn, ngữ ấn, tâm ấn, pháp ấn, trí ấn, trí tạng và cũng là các đại luân tự Không, Như như, Bình đẳng, Thanh tịnh của chư Như Lai khắp 10 phương ba đời. Thông hiểu được chúng thì nhập Bồ đề, chơn như, pháp giới, pháp tánh... rồi sống trong Đệ nhất nghĩa đế, tâm hoa nở, cung đàn đổi nhịp. Đó là bài học chính của Hội thứ X này. Hiểu tới chỗ đó, không

cần cõng Phật đi tìm Phật, không cần hành cước vạn dặm, không cần nhờ Thầy Tổ ấn tâm. Như vậy, còn gì lý thú cho bằng?

Bây giờ, chúng ta bước sang giai đoạn quan trọng mà Phật gọi là ***lục độ vạn hạnh****. Một phương tiện hữu hiệu đưa chúng sinh qua bờ bên kia. Đó là 6 pháp Bố thí, Trì giới, An nhẫn, Tinh Tấn, Thiền định và Bát nhã Ba la mật. Học 6 pháp này thành công sẽ trở thành Bồ Tát, Phật để thành thục chúng sanh, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ mang lại nhiều phúc lợi cho toàn thể pháp giới chúng sanh đến tận đời vị lai không ngừng nghỉ.*

Phẩm "Bạn Lành", Q.564, Hội thứ V. Phật bảo:

"... Bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, nên biết cũng là bạn lành của Bồ Tát. Như vậy, 6 pháp Ba la mật là thầy, là bậc dẫn đường, là ánh sáng, là bó đuốc, là sự rực rỡ, là sự sáng soi, là nhà cửa, là sự hộ trì, là chỗ quay về, là nơi hướng đến, là hòn đảo, là cồn bãi, là cha lành, là mẹ hiền của các Bồ Tát. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều nương 6 pháp Ba la mật mà được thành tựu sự nghiệp công đức. Vì sao? Vì 6 pháp Ba la mật như thế có khả năng thu nhiếp, hộ trì khắp tất cả Phật pháp".

Đoạn Kinh ngắn này nói lên được tinh thần ***tôn dẫn của 6 pháp đáo bỉ ngạn*** *trong 6 pháp hội cuối cùng trước khi Phật chấm dứt 22 năm thuyết Bát nhã Ba la mật. Đó là pháp tu để trở thành Bồ Tát, thành Phật. Sáu pháp hội cuối cùng (mỗi pháp hội là một Ba la mật) đã thật sự nói lên được tánh cách vi diệu đó, nhất là phần "Bát nhã Ba la mật". Hy vọng với 22 quyển cuối cùng của sáu pháp đáo bỉ ngạn thật sự giúp chúng ta vượt qua và vượt trên thức để có thể vươn tay vói tới Huệ./.*

Đến đây chấm dứt phần mười, Hội thứ X, ĐBN.

---o0o---

Xin đọc tiếp Hội thứ XI, phần "Bố Thí Ba La Mật":

HỘI THỨ XI
(Bố cục)

11. Hội thứ XI: Phần "Bố Thí Ba La Mật", 5 quyển. Nội dung Ngài Xá lợi Phất nói với các vị Bồ Tát là nếu đem lòng đại bi làm việc bố thí, thì sẽ được Nhất thiết trí trí, chứng Vô Thượng Bồ đề. Còn đức Phật thì vì Mãn từ Tử mà nói rõ nghĩa tất cả pháp chẳng phải thực có, không có, được, mất, lợi, hại, đồng thời, Ngài dùng sức thần thông khiến đại chúng thấy các Bồ Tát trong vô lượng thế giới ở 10 phương đang tu hạnh bố thí và phát tâm cầu Nhất thiết trí.

---o0o---

PHẦN "BỐ THÍ BA LA MẬT"

Dẫn nhập:

Để giới thiệu phần "Bố Thí Ba La Mật", chúng tôi lấy một đoạn trong Kinh "Thắng Thiên Vương Bát Nhã", được xem như là một định nghĩa chung cho Bố thí như sau:

"Lợi ích thí tức là thí Pháp. An lạc thí tức thí các nhu cầu sinh sống. Vô tận thí tức thị hiện Đạo. An lạc thí là khiến người sinh thiện. Hữu nghĩa ngữ là khiến người thấy lý. Như pháp ngữ là tùy thuận giáo pháp của Phật. Bất dị ngữ là thuyết Pháp như thực. Tài lợi ích bình đẳng là cái có thể ăn, có thể nuốt, có thể uống, có thể nếm, có thể liếm và y phục, vân vân. Thân lợi ích bình đẳng là những gì cần để thu nhiếp, phòng vệ, lợi ích thân mình, khiến người cũng thế. Mạng lợi ích bình đẳng là chân châu, lưu ly, san hô, mã não, đa phần là ngoại mạng. Tư cụ lợi ích bình đẳng là voi, ngựa, xe, tất cả tiền của chính đáng. Bồ Tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba la mật, tự mình hành và người khác hành đều như nhau".

Đại cương Bố thí Ba la mật là ban cho, dâng tặng... đối với Tăng, Tục là như vậy. Phần này bắt đầu từ Q.579 cho đến hết Q.583, tổng cộng 5 quyển, không có gì mới lạ ở đây, chỉ có điểm đáng lưu ý là phần này Phật nhấn mạnh về hạnh nguyện và cách hành trì của Nhị thừa và Đại thừa.

Nhị thừa tu cho chính mình (tư lợi), cốt công thành quả mãn, đắc thật tế rồi nhập Niết bàn. Trong khi Đại thừa ý nghĩa bố thí đối với cá nhân là phá ngã, là xả kỹ trừ tham vì người khác (lợi tha) quên mình. Có quên mình mới có thể hy sinh cho kẻ khác. Vì vậy, tu không những cho chính mình mà tu cốt hóa độ cho toàn thể chúng sanh. Nên Bồ Tát bố thí có nghĩa "không những đem no cơm ấm áo cho những người bần cùng nghèo khổ, đói rét... mà còn đem pháp thí giúp họ thoát khỏi vô minh được giải thoát rồi cùng nhau hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nguyện đồng chứng đắc Nhất thiết trí trí" được phước đức trí tuệ như nhau để cùng chèo thuyền mà sang sông.

Tu chỉ mục đích chứng thật tế như Nhị thừa cốt nhanh chóng vào Niết bàn chẳng khác nào "tự minh gầy dựng một hoa viên để rồi khép cửa vườn hồng, an nhàn tự tại mà tiêu pha năm tháng"*(1) quên đi những sanh linh đau khổ khác, thì chẳng có gì gọi là từ, bi, hỷ, xả. Vậy nói đến Bố thí Ba la mật cũng vô ích thôi!*

Vì phần "Bố Thí Ba La Mật" quá dài, nên ở đây chúng tôi chỉ thích nghĩa và lược giải từng quyển, không thích nghĩa hay lược giải nguyên cả phần cùng một lúc.

Tóm lược:

Quyển 579

Tôi nghe như vầy:

Một thuở, đức Bạc già phạm cùng đông đủ một ngàn hai trăm đại Bí sô trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng Thệ đa, nước Thất la phiệt*(2).*

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Ngài Xá lợi Tử:

- Các bậc Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật trải qua thời gian bao lâu mới được viên mãn?

Ngài Xá lợi Tử thưa Phật:

- Bạch Thế tôn! Phật là gốc của Chánh pháp Vô thượng, đức Phật là người dẫn đường, là chỗ nương tựa. Xin nguyện Thế Tôn tuyên thuyết khai thị cho chúng Tỳ kheo được nghe và thọ trì theo.

Đức Thế Tôn ba lần khuyên bảo Xá lợi Tử:

- Ngươi nên nói rõ pháp bố thí Ba la mật cho các đại Bồ Tát.

Được Phật ân cần khuyên bảo ba lần, nương theo thần lực của Phật, cụ thọ Xá lợi Tử đem pháp bố thí Ba la mật trao truyền, dạy bảo cho các đại Bồ Tát :

- Đại Bồ Tát nào muốn chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì nên duyên vào Nhất thiết trí trí, dùng đại bi làm đầu để tu hành bố thí Ba la mật. Nếu Bồ Tát nào duyên vào Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu tu hành bố thí Ba la mật, thì đại Bồ Tát ấy có thể nhiếp thọ Nhất thiết trí trí, mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, này các đại Bồ Tát, thà thực hành bố thí với tâm vô ký, hoặc là không thực hành bố thí, chớ **không nên hồi hướng cho bậc Nhị thừa**. Vì sao? Vì các Đại Bồ Tát nên sợ địa vị Thanh văn và Độc giác.

Bấy giờ, Ngài Mãn Từ Tử hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Do nhân duyên gì mà các đại Bồ Tát sợ địa vị Thanh văn và Độc giác?

Xá lợi Tử đáp:

- Không nên cho rằng các đại Bồ Tát cùng với Nhất thiết trí đồng đẳng với Nhị thừa, thế nên tôi sợ hãi.

(Các đại Bồ Tát và các Thanh văn thực hành bố thí sai khác như thế nào?)

Ngài Mãn Từ Tử lại hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Các đại Bồ Tát và các Thanh văn thực hành bố thí sai khác thế nào?

Xá lợi Tử đáp:

- Thanh văn thực hành bố thí để hồi hướng đến quả vị Niết bàn, A la hán. Còn Bồ Tát thực hành bố thí để hồi hướng về Bồ đề Nhất thiết trí trí. Đó là sự sai khác.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Thí như có hai người cùng thực hành bố thí: Một người duyên vào ngôi vua mà cầu quả thù thắng. Người ấy khi thực hành bố thí nghĩ như vầy: Mong sao do việc làm này mà ta được lên ngôi quốc vương, thống lãnh tám phương đều được tự tại.

Như lời nguyện, về sau người này được làm vua cai trị thế gian, tự tại an lạc.

Người còn lại duyên vào địa vị cận thần mà cầu quả thù thắng. Người ấy khi thực hành bố thí nghĩ như vầy: Mong rằng ta nhờ việc này mà làm

quan đại thần, được nhà vua yêu chuộng, giao cho sứ mệnh sai sử người dưới quyền, vua muốn gì đều có thể làm vừa ý. Do ước nguyện này, nên người ấy không làm vua.

Tuy hai người này đều thực hành bố thí nhưng theo sự mong cầu mà kết quả có sự hơn kém.

Bồ Tát, Thanh văn thực hành bố thí cũng như vậy. Nghĩa là khi thực hành bố thí, các Bồ Tát lấy tâm đại bi làm đầu, nương vào Nhất thiết trí trí, đem sự tu hành của mình cùng các hữu tình đồng hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Do đây đắc Nhất thiết trí trí.

Còn chúng Thanh văn khi thực hành bố thí thì duyên vào quả Thanh văn, mong cầu giải thoát cho mình, không cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bồ Tát và Thanh văn tuy cùng thực hành bố thí, nhưng tùy theo ý nguyện mà đạt được kết quả hơn kém. Một bên bố thí để đắc Nhất thiết trí trí, một bên bố thí để đạt được quả Thanh văn. Đó là sự sai khác.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Thí như có người tu hành bố thí cầu được làm Trưởng giả, hoặc làm Cư sĩ. Lại có người tu hành bố thí nguyện làm tôi tớ cho Trưởng giả, Cư sĩ. Do đây nên biết Bồ Tát, Thanh văn thực hành bố thí, ý nguyện có hơn kém cũng như vậy.

Mãn Từ Tử khen ngợi Xá lợi Tử:

- Thí dụ của Tôn giả thật là hiếm có, khéo léo chỉ rõ hai sự sai khác của việc bố thí. Tôi cũng sẽ nói hai thí dụ của sự bố thí.

Ví như có người đem trăm ngàn châu báu đến nhà người giàu có nổi tiếng và nói: “Tôi đem những vật báu này dâng Ngài, cúi xin Ngài hãy nhận tôi làm kẻ tôi tớ thân thuộc, tất cả mọi việc tôi đều hoàn tất”. Các chúng Thanh văn thực hành bố thí cũng như vậy, chỉ xin làm đệ tử thân cận của Như Lai. Bồ Tát thì không phải vậy. Đó là sự sai khác.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Giả như có người con gái từ bỏ sự khoái lạc ở cung vua, lén đem theo trăm ngàn châu báu đến nhà Trưởng giả hoặc nhà chủ buôn mà nói: “Nay tôi xin dâng ông những châu báu này, xin ông thương nhận tôi làm vợ, trọn đời nguyện xin phục vụ, không làm trái ý”. Như vậy, **Thanh văn tu hạnh bố thí chỉ muốn cầu làm đệ tử Như Lai**. Bồ Tát thì không phải vậy. Đó là sự sai khác.

Xá lợi Tử khen ngợi Mãn Từ Tử:

- Ngài thật khéo léo biện thuyết về hai thí dụ bố thí! Thật hiếm có thay! Nghĩa là các Thanh văn không có phương tiện thiện xảo nên thực hành bố thí chỉ đạt được quả Thanh văn. Còn các bậc Bồ Tát có phương tiện thiện xảo, nên khi thực hành bố thí, giúp đỡ tất cả hữu tình, đắc được Nhất thiết trí.

Này Mãn Từ Tử! Đại Bồ Tát nào muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì ngay trong tất cả hạnh, trước tiên phải thực hành bố thí, và nghĩ như vầy: **Sự nghiệp bố thí của ta hôm nay xin ban bố cho chúng sanh khắp trong thế giới mười phương, giúp cho họ vĩnh viễn giải thoát khỏi đường ác sanh tử. Nguyện cho những người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì mau chóng phát tâm. Những người đã phát tâm Vô thượng Bồ đề thì mãi mãi không thối lui. Những ai không thối lui quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì giúp cho họ mau chóng viên mãn Nhất thiết trí trí.**

Như vậy, Bồ Tát tư duy ngoại cảnh nhưng chẳng lìa nội tâm, giữ gìn các căn lành, làm cho nó dần dần tăng trưởng. Các vị Bồ Tát này càng nhiếp thọ căn lành, gìn giữ không để thối lui. Các vị Bồ Tát này càng gần Nhất thiết trí trí. Các vị Bồ Tát này sẽ chứng đắc Nhất thiết trí trí, căn lành càng thêm viên mãn, hướng đến quả vị Vô Thượng Bồ đề, làm lợi lạc cho tất cả hữu tình đến tận đời vị lai.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Các đại Bồ Tát tu hành bố thí, suy nghĩ: Mong sao cho tất cả hữu tình đều nhận được những vật thực thức ăn, nước uống v.v… của ta bố thí. Những hữu tình nào đã nhận được vật thực của ta bố thí, tùy theo sự cần dùng nhiều ít rồi, thì phần còn lại bố thí cho các hữu tình khác. Các hữu tình này lại cũng lượng xem mình cần dùng bao nhiêu, còn dư lại đem cho các hữu tình khác. Như vậy, lần lượt tất cả cõi hữu tình đều nhận được phẩm vật của ta bố thí.

Do nhân duyên bố thí này ta sẽ nhiếp thọ căn lành không có ngằn mé. Ta lại bố thí vô lượng căn lành này cho các hữu tình khắp cả mười phương, khiến làm cho tất cả đều giải thoát khỏi đường ác sanh tử. Người chưa phát tâm Vô thượng Bồ đề thì làm cho họ nhanh chóng phát tâm. Người đã phát tâm Vô thượng Bồ đề thì giúp cho họ mãi mãi không thối lui. Nếu người nào đã không thối lui quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì làm cho họ mau chóng viên mãn Nhất thiết trí trí.

Các vị Bồ Tát này càng nhiếp thọ căn lành lần lượt làm cho tăng trưởng, các vị Bồ Tát này càng nhiếp thọ các Ba la mật, thì các vị Bồ Tát này càng tiến gần đến Nhất thiết trí trí.

Nên biết các Bồ Tát này được phương tiện thiện xảo, tuy bố thí một ít vật dụng nhưng đạt được căn lành bố thí vô lượng. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì do tâm và cảnh bố thí không phân giới hạn, hồi hướng chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Các đại Bồ Tát tu hành bố thí thường phát khởi tâm như vầy: Ta bố thí căn lành chẳng cần nhận lấy quả báo nào khác, chỉ cầu chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nguyện làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình đến tận vị lai. Như vậy, **chỉ hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mới gọi là bố thí Ba la mật, làm cho tất cả Ba la mật đều được viên mãn. Nếu không có tâm duyên vào Nhất thiết trí trí, hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì dù thực hành bố thí nhưng chẳng phải là bố thí Ba la mật, cũng không thể làm cho sự tu tập các Ba la mật khác được đầy đủ trọn vẹn, cũng không thể đắc Nhất thiết trí trí.**

Này Mãn Từ Tử! Dù các đại Bồ Tát bố thí ít, nhưng nếu hay hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì nên biết đại Bồ Tát ấy đã bố thí số lượng rất lớn, nhất định sẽ chứng được Nhất thiết trí trí. Các đại Bồ Tát dù bố thí nhiều, nhưng nếu chẳng hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì nên biết đại Bồ Tát này bố thí với số lượng rất ít, không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Này Mãn Từ Tử! Nếu đại Bồ Tát tu hành bố thí mà không phát khởi tâm hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng không duyên vào Nhất thiết trí trí, thì đại Bồ Tát này dù có thực hành bố thí nhưng chẳng phải là bố thí Ba la mật, chỉ rước lấy sanh tử, chứ không đắc được Nhất thiết trí trí*(3)*. Nếu đại Bồ Tát tu hành bố thí, hay phát khởi tâm hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng duyên vào Nhất thiết trí trí, thì sự thực hành bố thí của đại Bồ Tát như vậy mới gọi là bố thí Ba la mật, không rước sanh tử, mà đắc được Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Đại Bồ Tát nào thực hành bố thí mà **không chấp trước**, thì dù có hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng không chấp trước, dù có duyên vào Nhất thiết trí trí cũng không chấp trước. Đây là bậc đại Bồ Tát vận dụng phương tiện thiện xảo, tu hành bố

thí Ba la mật mau chóng được viên mãn, cũng làm cho tất cả Ba la mật rốt ráo viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đem lợi ích an vui cho tất cả hữu tình đến tận đời vị lai.

Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử:

- Thưa Tôn giả! Tôn giả nói được giáo pháp quan trọng này là nhờ tài hùng biện hay do nương vào thần lực của Phật?

Xá lợi Tử đáp:

- Tôi nương vào thần lực của Phật mà nói được pháp yếu, chứ chẳng phải do tài biện bác của tôi.

(Tùy hỷ hồi hướng căn lành được phước đức hơn bố thí tài vật vô lượng vô số không thể nghĩ bàn)

Xá lợi Tử lại nói với cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Giả sử tất cả hữu tình trong vô lượng, vô số, vô biên thế giới khắp mười phương vì muốn chứng quả A la hán, nên đã trải qua hằng hà sa số đại kiếp, bố thí tài vật cho vô lượng vô số phàm phu, hoặc cúng dường cho vô lượng vô số Thanh văn, hoặc cho vô lượng vô số Độc giác, thì những hữu tình này được vô lượng, vô số phước đức không thể nghĩ bàn.

Có đại Bồ Tát duyên vào sự bố thí này, nghĩ: Ta rất **tùy hỷ** với phước đức mà những hữu tình kia có được. Đại Bồ Tát này tùy hỷ đem những căn lành có được do thực hành việc phước nghiệp bố thí cho những hữu tình trong mười phương, mong cho những hữu tình ấy vĩnh viễn giải thoát khỏi đường ác sanh tử. Những người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì giúp họ nhanh chóng phát tâm. Người đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì khiến cho họ vĩnh viễn không thối lui. Nếu người nào không thối lui quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì khiến họ mau chóng viên mãn Nhất thiết trí trí. Đại Bồ Tát này nhờ sự tùy hỷ hồi hướng căn lành này mau chóng được viên mãn Nhất thiết trí trí.

Bậc đại Bồ Tát có tâm **tùy hỷ hồi hướng căn lành**, đối với phước đức bố thí của các hữu tình trước, thì được phước đức thù thắng gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô số lần.

Tâm tùy hỷ hồi hướng của Bồ Tát này siêu vượt hơn hẳn việc phước đức hành bố thí của các hữu tình trên thế gian. Đây gọi là Bồ Tát **khéo**

dùng phương tiện thiện xảo, mặc dù dụng công ít nhưng phước đức vô lượng.

Này Mãn Từ Tử! Giả sử tất cả hữu tình trong vô lượng vô số vô biên thế giới khắp mười phương, trụ trong hằng hà sa số đại kiếp, thường cúng dường vô lượng, vô biên phẩm vật cho chư Phật và Bí sô Tăng, nhờ duyên này, những hữu tình kia đạt được vô lượng phước đức.

Đại Bồ Tát nào duyên vào phước đức trên, thâm tâm tùy hỷ và nghĩ: Các loài hữu tình trong thế giới mười phương hay cung kính, cúng dường ruộng phước đức chơn tịnh, thân tâm không biết mỏi mệt, rồi khen ngợi: "Lành thay! Lành thay! Ta rất tùy hỷ với phước đức này", thì vị đại Bồ Tát này phát sanh phước đức là **do tâm tùy hỷ**. Đối với tất cả hữu tình trong thế giới mười phương cúng dường đức Phật và Tăng, thì công đức của Bồ Tát này gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô số lần.

Như vậy, tâm tùy hỷ của Bồ Tát siêu vượt hơn phước đức hành bố thí của thế gian. Như ánh sáng của lửa, thuốc súng và châu báu trong bốn châu, dù có thể chiếu sáng nhưng tất cả đều bị mờ khuất dưới ánh sáng của mặt trăng. Như vậy, phước đức thực hành bố thí của hữu tình trong mười phương dù vô lượng vô biên nhưng cũng bị **căn lành do tâm tùy hỷ** của Bồ Tát làm lu mờ. Như ánh sáng của bốn châu đều bị ánh sáng mặt trời che khuất. Như vậy, phước đức thực hành bố thí của các hữu tình trong mười phương đều bị căn lành tùy hỷ của Bồ Tát lấn áp.

Này Mãn Từ Tử! Như trăm ngàn ngọc Ca già mạt ni *(một loại thủy tinh)* để chung một nơi, dù có phát ra ánh sáng đủ màu, nhưng khi đem một viên ngọc báu lưu ly đặt trên đống báu kia, thì tất cả màu sắc ánh sáng của ngọc Ca già mạt ni đều bị lu mờ. Như vậy, các hữu tình trong mười phương dù trụ vô lượng hằng hà sa số kiếp, thường dùng những loại âm nhạc vi diệu bố thí cho hữu tình, hay cúng dường Phật và Tăng, nhưng so với phước đức của một vị Bồ Tát khởi tâm tùy hỷ, thì công đức của Bồ Tát này hơn hẳn phước đức của hữu tình ấy gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô số lần.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Như khi trăm ngàn con ngựa thường thế gian tập trung lại một nơi, rồi dẫn ngựa báu của Chuyển luân vương vào trong đám ngựa ấy, thì nó sẽ làm oai lực của đám ngựa kia mất cả. Như vậy, các loài hữu tình trong mười phương dù trụ vô lượng hằng hà sa số kiếp tu hành bố thí, tích tập căn lành, nhưng so với một vị Bồ Tát khởi tâm

sâu xa tùy hỷ, thì công đức của Bồ Tát này so với thiện căn kia gấp trăm ngàn lần, cho đến vô số lần.

Như vậy, tâm tùy hỷ của Bồ Tát che khuất tóm thâu phước nghiệp bố thí của các loài hữu tình trên thế gian. **Thế nên, muốn chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, Bồ Tát phải thường tùy hỷ sâu sắc đối với công đức của các hữu tình đã tạo.**

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! **Các đại Bồ Tát nên đem việc phước nghiệp tương ưng với tâm tùy hỷ, bố thí cho tất cả hữu tình trong thế giới khắp mười phương và nguyện cho tất cả hữu tình trong mười phương ấy đều vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử trong đường ác. Đối với những người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì làm cho họ nhanh chóng phát tâm. Người đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì giúp cho họ mãi mãi không thối lui. Đối với những người không thối lui quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì giúp họ mau chóng viên mãn Nhất thiết trí trí.**

Các vị Bồ Tát này từng xả bỏ căn lành của mình, bố thí cho các loài hữu tình. Các vị Bồ Tát này mặc dù không tu tập tư lương Bồ đề nhưng hay gần gũi Nhất thiết trí trí. Các vị Bồ Tát này chẳng chấp vào căn lành của mình có được và bố thí cho tất cả hữu tình trong thế giới mười phương, nguyện cho họ đều xa lìa khổ đau và an vui vĩnh viễn. Các vị Bồ Tát càng ngày căn lành càng tăng trưởng, càng gần với quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Các vị Bồ Tát này càng **không chấp căn lành của mình có được**. Các vị Bồ Tát này càng thâu nhận vô lượng căn lành thù thắng. Vì sao? Này Mãn Từ Tử! Vì các đại Bồ Tát này không phân chia tâm cảnh, chỉ hồi hướng chứng đắc Nhất thiết trí mà thôi. Như vậy, Bồ Tát đem tâm tùy hỷ tương ưng với phương tiện thiện xảo, tuy đem tâm tùy hỷ để dẫn *(phát)* các thiện căn, bố thí lại cho hữu tình nhưng hoàn toàn không chấp trước vào căn lành và hữu tình; dù nguyện cho hữu tình được thoát khỏi đường ác và nỗi khổ sanh tử, nhưng hoàn toàn không vướng mắc vào đường ác và nỗi khổ sanh tử; dù nguyện cứu độ các loài hữu tình khiến cho họ phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, nhưng hoàn toàn không vướng mắc vào việc phát tâm. Tuy nguyện giáo hóa các loài hữu tình, khiến họ vĩnh viễn không thối chuyển quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, nhưng hoàn toàn không chấp trước vào địa vị này. Tuy nguyện giúp đỡ các loài hữu

tình mau chóng viên mãn Bồ Tát hạnh, sớm chứng đắc Nhất thiết trí trí, nhưng không chấp trước vào địa vị này. Tuy nguyện tự thân chứng đắc Nhất thiết trí trí nhưng cũng không chấp trước vào trí này. Như vậy, Bồ Tát **không có kiến chấp**, nên biết đây là phương tiện thiện xảo. Như vậy, Bồ Tát tâm tùy hỷ hồi hướng đồng hành đều là năng lực phương tiện thiện xảo, khéo nắm giữ các chúng đại Bồ Tát khác, làm cho họ nhận được lợi ích an vui thù thắng và tự nhiếp thọ Nhất thiết trí trí, mau chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Giả sử tất cả hữu tình trong thế giới mười phương, trụ hằng hà sa số đại kiếp, thường đem các đồ thượng diệu dâng cúng cho chư Phật và Bí sô Tăng, thì công đức cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, tu tập các việc phước nghiệp không bằng công đức một vị Bồ Tát dâng một bát cơm cúng Phật và Tăng, rồi **đem phước bố thí này cùng các hữu tình hồi hướng Vô Thượng Bồ đề, nguyện đồng chứng đắc Nhất thiết trí trí, thì phước của Bồ Tát này hơn tất cả hữu tình trước trăm lần, ngàn lần, cho đến gấp vô số lần.** Vì sao? Vì Bồ Tát này không thấy người bố thí, người nhận bố thí và vật bố thí, mặc dù Bồ Tát quán thấy bản tánh các pháp đều Không, nhưng khi thực hành bố thí thường không xa lìa hồi hướng phát nguyện.

Vì thế, khi Bồ Tát thực hành bố thí, thì được phước đức gấp trăm, ngàn lần, cho đến gấp vô số lần phước đức hành bố thí của các hữu tình. Nhờ vậy, Bồ Tát nhất định chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đem lợi ích an vui cho tất cả các loài hữu tình.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Khi tu hành bố thí, các bậc đại Bồ Tát có tâm **tùy hỷ hồi hướng căn lành**, đối với phước đức bố thí của các hữu tình trước, thì được phước đức thù thắng gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến vô số lần.

Bồ Tát phải phát khởi tâm nguyện: Ta xả bỏ những tài vật này, nếu được các căn lành thù thắng nào **đều ban bố cho các loài hữu tình khắp mười phương**, và nguyện cho những ai đang ở địa ngục mau thoát khỏi địa ngục, ai đọa vào bàng sanh thì mau thoát khỏi bàng sanh, kẻ đọa trong loài ngạ quỉ thì chóng xa lìa ngạ quỉ. Trong loài trời, người mà có buồn khổ, nguyện cho các buồn khổ của họ đều được chấm dứt, những vị chán ghét sanh tử chóng ra khỏi ba cõi. Vô lượng, vô biên các loài hữu tình ở mười phương, người nào chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì

làm cho họ mau phát tâm. Người nào đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì khiến cho họ mãi mãi không thối lui. Người nào không còn thối lui quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì làm cho họ nhanh chóng viên mãn Nhất thiết trí trí.

Các vị Bồ Tát này càng xả bỏ các căn lành, bố thí cho loài hữu tình thời càng nhiếp thọ bố thí Ba la mật. Các vị Bồ Tát này càng nhiếp thọ bố thí Ba la mật thời càng ngày càng tăng trưởng tất cả Ba la mật. Các vị Bồ Tát này càng tăng trưởng tất cả Ba la mật thời càng gìn giữ vô lượng căn lành thù thắng. Các vị Bồ Tát này càng gìn giữ vô lượng căn lành thù thắng thời càng ngày càng gần Nhất thiết trí trí.

Như vậy, Bồ Tát khéo dùng phương tiện thiện xảo, tuy dụng công ít nhưng được phước đức rất nhiều. Thế nên, muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, Bồ Tát phải thường siêng năng tu tập phương tiện thiện xảo.

(Bố thí không chấp ngã-ngã sở)

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Các vị Bồ Tát này càng **không chấp trước ngã, ngã sở**. Vì không chấp ngã, ngã sở, nên các Bồ Tát này **càng mau nhiếp thọ vô lượng, vô biên căn lành**. Vì sao? Vì các Bồ Tát muốn giúp cho vô lượng, vô biên hữu tình đều mau chứng đắc Nhất thiết trí trí. Như vậy, Bồ Tát có thể xả bỏ tất cả. Bồ Tát đối với các căn lành của mình có được còn có thể xả bỏ huống nữa các của báu mà không xả bỏ được sao?

Như vậy, Bồ Tát có thể xả bỏ những thứ có hình sắc và không hình sắc, hay xả bỏ căn lành thù thắng của mình và của người cho đến xả bỏ Nhất thiết trí trí, bố thí cho các loài hữu tình, giúp cho họ cùng chứng đắc.

Như vậy, Bồ Tát rống tiếng rống sư tử: "Ta đối các pháp trọn không chỗ thấy. Ta đối các vật trong ngoài tất cả có sắc không sắc cũng không chỗ thấy, tuy không chỗ thấy mà đều năng xả".

Bồ Tát nghĩ: Ta hoàn toàn không thấy pháp, không thấy vật nhưng không xả bỏ việc bố thí cho các loài hữu tình. Bồ Tát chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, dùng Nhất thiết trí trí đã chứng đắc xét đoán, quán sát thế gian, rống lên tiếng sư tử: **"Ta đối các pháp trọn không chỗ thấy, ta đối các vật trong ngoài tất cả có sắc không sắc cũng không**

chỗ thấy, tuy không chỗ thấy mà đều năng xả”. Nghĩa là chẳng thấy có hoặc pháp hoặc vật đối các hữu tình mà chẳng có gì chẳng năng thí xả.

Như vậy, Bồ Tát thường khởi nghĩ này: Khi ta chứng được Vô thượng giác, đối tất cả pháp trọn không chỗ thấy. Tuy không chỗ thấy mà đối với các pháp không pháp nào chẳng hiện chứng, không pháp nào chẳng biết khắp. Bởi các Bồ Tát năng xả tất cả, vậy nên khi chứng được Vô thượng giác, đối tất cả pháp xả được rốt ráo. **Do xả rốt ráo, đối tất cả pháp không pháp nào chẳng hiện chứng, không pháp nào chẳng biết khắp.**

Như vậy Bồ Tát hoặc trong hoặc ngoài thảy đều năng xả được. Vì đối pháp trong ngoài đều năng xả nên trọn không chỗ thấy. Bởi đối các pháp không chỗ thấy, nên khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối tất cả pháp không pháp nào chẳng hiện chứng, không pháp nào chẳng biết khắp, năng tận vị lai lợi vui tất cả.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Chúng Bồ Tát nên **học bố thí Ba la mật thanh tịnh** như vậy. Bồ Tát nào có khả năng học cách bố thí Ba la mật thanh tịnh như vậy, thì mới gọi là chơn tịnh Bồ Tát, thường không xa lìa tâm Nhất thiết trí. Bồ Tát nào thường không xa lìa tâm Nhất thiết trí, thì Bồ Tát không bị các ác ma sát hại, huống là loài Dược xoa, Tất xá già *(quỷ ăn thịt)* v.v… làm sao hại được. Nếu có hữu tình nào tìm chỗ sơ hở của Bồ Tát này thì chắc chắn không có điều đó. Vì sao? Vì ở địa phương nào nếu có Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật, luôn tư duy về Nhất thiết trí trí không chút nào rời bỏ, thì người và chẳng phải người ở địa phương đó không thể tìm chỗ sơ hở của Bồ Tát. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì nếu thường tư duy Nhất thiết trí trí là tác ý không thể nghĩ bàn, rộng lớn sâu xa, hiếm có trong đời, khó đo lường.

(Ân đức của Bồ Tát)

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát hay học hạnh của đại Bồ đề như vậy, thì có ân đức lớn đối với các hữu tình, và có khả năng nuôi dưỡng, dạy dỗ tất cả hữu tình, nghĩa là Bồ Tát hay giúp các loài hữu tình trong thế gian không bị tai nạn, bỏ điều ác, tu tập điều lành. Do nhân duyên này, nên các chúng Bồ Tát an trụ nơi quả vị Bồ Tát, thường hay làm lợi ích an vui cho tất cả phàm phu, Thanh văn và Độc giác. Khi các Bồ Tát chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng đã có ân đức lớn với các hữu

tình, khéo nuôi dưỡng, dạy dỗ tất cả hữu tình, nghĩa là hay giảng Chánh pháp giúp cho hữu tình dứt hết phiền não. Nhờ vậy nên vô lượng, vô biên hữu tình đều đắc Niết bàn, được an vui rốt ráo.

Vì thế, khi sắp chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, Bồ Tát đối với phàm phu, Thanh văn, Độc giác là tài giỏi hơn, tốt đẹp hơn, là tôn quí, là mầu nhiệm, là vi diệu không thể nghĩ được, là trên hết, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng.

Sau khi nhập Niết bàn, Bồ Tát cũng có ân đức lớn đối với các loài hữu tình, hay khéo dưỡng dục tất cả hữu tình. Nghĩa là đối với tháp của Như Lai hay cúng dường, cung kính, tôn trọng ngợi khen, dâng cúng các thứ vòng hoa thượng diệu, những thứ hương xoa, hương bột, y phục, chuỗi ngọc, cờ báu, lọng lụa, kỹ nhạc đèn sáng v.v… Do nhân duyên này, các loài hữu tình đã gieo trồng vô lượng căn lành thù thắng. Hoặc nghe giáo pháp Niết bàn cốt yếu của Như Lai, siêng năng tu học chứng đắc Niết bàn. Đối với tháp của Như Lai, hữu tình nào dâng cúng một chút hương, một cành hoa thì Phật sẽ thọ ký cho hữu tình đó đều được xa lìa dục, rốt ráo được Niết bàn.

Như vậy, Bồ Tát ở nơi địa vị Bồ Tát có ân đức lớn đối với các hữu tình, hay khéo dưỡng dục tất cả hữu tình. Khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng có ân đức lớn đối với các hữu tình, hay khéo dưỡng dục tất cả hữu tình. Sau khi vào Niết bàn, Bồ Tát cũng có ân đức lớn đối với các hữu tình, khéo dưỡng dục tất cả hữu tình. Vì các Bồ Tát thường có ân đức lớn đối với các loài hữu tình, cho nên khéo dưỡng dục tất cả hữu tình, là bậc tôn quí nhất, giỏi nhất, ngoài chư Phật ra, không ai có thể sánh bằng.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát thành tựu được công đức thù thắng như thế, thì những vị ấy thường hay làm lợi ích cho tất cả hữu tình. Thí như vàng ròng có thể đem lại lợi ích cho hữu tình. Nghĩa là khi chưa được luyện, hoặc đã luyện rồi, khi chưa được làm thành vật trang sức, hoặc khi đã được làm thành vật trang sức, khi chưa thay đổi, hoặc đã thay đổi, thì vàng vẫn có thể đem lại lợi ích cho tất cả hữu tình.

Như vậy, Bồ Tát tu hạnh Bồ đề, trụ địa vị Bồ Tát hay làm lợi ích lớn cho hữu tình. Khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng làm lợi ích lớn cho hữu tình. Sau khi vào Niết bàn cũng làm lợi ích lớn cho hữu tình.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Như mặt trời, mặt trăng xoay quanh bốn châu làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Nghĩa là tất cả hữu tình trong bốn châu nhờ có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng chiếu ra mà có thể làm được mọi việc, giúp hữu tình biết rõ sự khác nhau ban ngày, ban đêm, nửa tháng, đầy tháng, mùa, năm v.v… Các thứ hoa quả, lúa mạ, cỏ cây cũng nhờ ánh sáng của mặt trời, mặt trăng mà được sanh trưởng chín tới để nuôi sống hữu tình.

Như vậy, **Bồ Tát tu hạnh Bồ đề trụ địa vị Bồ Tát, làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng làm lợi ích cho hữu tình. Sau khi vào Niết bàn cũng làm lợi ích cho hữu tình.**

Này Mãn Từ Tử! Các chúng Bồ Tát thành tựu công đức rộng lớn như thế thường làm lợi ích lớn cho hữu tình. Thí như người chủ buôn có nhiều của cải châu báu, có thể giúp cho trăm ngàn bạn bè thương gia, quyến thuộc đều được đầy đủ các dụng cụ sinh sống, cho đến khi người chủ buôn chết, mọi người nhờ những của cải quí báu này mà đời sống đầy đủ an vui.

Như vậy, Bồ Tát thực hành hạnh Bồ đề trụ địa vị Bồ Tát, thường hay làm lợi ích an vui cho vô số hữu tình, huống nữa là khi đắc được Bồ đề, và sau khi vào Niết bàn được oai lực lớn, chẳng lẽ không thể mang lại lợi ích an vui cho các đệ tử sao!

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Như vậy, Bồ Tát thường làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình. Nghĩa là ở địa vị Bồ Tát, hoặc khi thành Chánh giác, hay lúc vào Niết bàn, Bồ Tát chưa từng tạm bỏ việc làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Như có bậc Thiện sĩ đầy đủ tướng của bậc Thiện sĩ, có thể tìm an vui cho mình và cũng có thể đem lại an vui cho các hữu tình khác. Khéo giữ gìn của cải, khéo phân chia nên gọi là Thiện sĩ.

Như vậy, Bồ Tát khéo thâu giữ của cải công đức quí báu, ngay nơi quả vị Bồ Tát có thể làm lợi ích an vui cho vô số hữu tình; khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng khéo làm lợi ích an vui cho vô số hữu tình; sau khi vào Niết bàn cũng khéo làm lợi ích cho vô lượng hữu tình; nghĩa là sau khi vào Niết bàn đem năng lực công đức làm lợi lạc cho các đệ tử.

Này Mãn Từ Tử! Như vậy, khi ở địa vị Bồ Tát hoặc khi đắc được Bồ đề, hoặc sau khi Niết bàn, Bồ Tát thường hay làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình không ngừng nghỉ phút giây nào. Giống như Thiện sĩ kia, đầy đủ

tướng Thiện sĩ, Thiện sĩ có khả năng làm cho mình và người đều được an lạc, xa lìa những việc không như ý. Các chúng Bồ Tát cũng lại như vậy, có thể giúp cho mình và người thường được an lạc, xa lìa mọi nghiệp ác phiền não, không đọa vào đường ác luân hồi sanh tử, được vào Niết bàn an vui rốt ráo, hoặc thành Chánh giác, làm lợi ích cho tất cả.

Này Mãn Từ Tử! Như con dòng Sát đế lợi Quán đảnh vương lên nhận ngôi vua, khi làm vua hoặc lúc làm thái tử, đều đem an lạc cho tất cả Sa môn, Phạm chí và hữu tình khác. Hoặc sau khi băng hà cũng có thể làm cho đất nước và nhân dân an lạc, không ai khổ đau. Nghĩa là do oai lực công đức của nhà vua mà đất nước giàu có thái bình, không có giặc dã, oán thù v.v...

Như vậy, Bồ Tát trụ địa vị Bồ Tát thực hành hạnh Bồ đề, Bồ Tát có thể đem an lạc cho tất cả hữu tình. Khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, Bồ Tát cũng đem an lạc cho tất cả hữu tình. Sau khi vào Niết bàn, Bồ Tát cũng đem an lạc cho tất cả hữu tình. Nghĩa là sau khi Bồ Tát Niết bàn, có vô số hữu tình cúng dường, cung kính, tôn trọng ngợi khen tháp, nên được vô lượng phước đức. Lắng nghe Chánh pháp, thọ trì đọc tụng, tư duy đúng lý, vì người diễn nói Chánh pháp cũng được vô biên công đức thù thắng.

Sau khi đức Phật Thế Tôn Niết bàn, các loài hữu tình nào nghĩ nhớ đến giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của Như Lai thì nhờ nhân duyên này, các loài hữu tình ấy sẽ không đọa vào đường ác, được sanh trong cõi trời, người, thường thọ hưởng khoái lạc, hoặc chứng đắc Niết bàn Tam thừa, có thể làm cho mình và người được rốt ráo an lạc. Trong đời hiện tại, người chẳng phải người v.v… không thể gây hại cho hữu tình này, các sự sợ hãi không thể quấy phá, bức bách họ được. Vì sao? Mãn Từ Tử! **Vì công đức niệm Phật có thể diệt trừ sự sợ hãi của người chẳng phải người trên thế gian.**

Khi ấy, đức Phật khen ngợi Xá lợi Tử:

- Lành thay! Đúng như lời ngươi nói. Nếu loài hữu tình nào hay nhớ nghĩ giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của Như Lai, thì loài hữu tình này có thể diệt trừ được sự sợ hãi của người chẳng phải người v.v... ở thế gian.

(Pháp mầu rộng lớn của Như Lai)

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có! Như Lai đã thành tựu pháp mầu nhiệm, rộng lớn, thanh tịnh như vậy.

Thế Tôn dạy Xá lợi Tử:

- Này Xá lợi Tử! Nên biết, Bồ Tát cũng có thể thành tựu pháp mầu nhiệm, rộng lớn, thanh tịnh như vậy.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Sự thành tựu pháp mầu nhiệm, rộng lớn, thanh tịnh của Bồ Tát là những gì?

Phật dạy:

- Sự thành tựu pháp mầu nhiệm, rộng lớn, thanh tịnh của Bồ Tát là **phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không thối chuyển**. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì pháp mầu nhiệm, rộng lớn, thanh tịnh nhất là các **pháp tánh, Như Lai tánh, tự nhiên giác tánh và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tánh**. Các Bồ Tát nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không thối chuyển, thì nhất định sẽ thành tựu pháp mầu nhiệm, rộng lớn, thanh tịnh.

Bấy giờ, Xá lợi Tử nói với cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Các chúng Bồ Tát nên phát tâm: Những hữu tình nào đến chỗ ta cầu xin những vật dụng của cải để sinh sống, thì ta sẽ phát khởi tâm bố thí mãnh liệt. Không nên khởi tâm không cho vật dụng để sinh sống. Giả sử ngay khi ấy không có vật dụng của cải, ta quyết sẽ dùng phương cách để bố thí chứ không phát khởi tâm như vầy: "Bây giờ ta không có của cải vật dụng, không cần tìm phương cách bố thí. Nếu hữu tình nào bố thí cho người ấy, ta sẽ tùy hỷ theo. Nếu họ không muốn bố thí, thì ta sẽ dùng mọi phương tiện dạy dỗ họ, giúp cho người mong cầu đều được mãn nguyện". Như vậy, Bồ Tát hoặc bố thí của cải vật dụng cho hữu tình, hoặc hầu thầy khi thầy bệnh đau, nếu có chút ít phước nghiệp nào đều ban cho hữu tình và cùng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, và muốn làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình đến tận đời vị lai, khiến cho tất cả thoát khỏi đường ác, sanh tử đau khổ, giúp tất cả vào Niết bàn hoặc đạt được Nhất thiết trí.

Hữu tình nào tự thực hành bố thí, tu tập các phước nghiệp khác, thì Bồ Tát khuyên họ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Như vậy, Bồ Tát

đạt được phước đức nhiều hơn phước nghiệp bố thí của hữu tình khác gấp trăm lần, ngàn lần, cho đến gấp vô số lần. Vì sao? Vì Bồ Tát khuyên phát tâm hồi hướng thì có thể giúp mình và loài hữu tình đều chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Các chúng Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật, trước hết **phải tu tập phương tiện thiện xảo**, tùy theo phương tiện thiện xảo tu tập được mà tu hành bố thí. Tùy theo phước nghiệp tu hành bố thí đều đem hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, và nguyện cầu cho các hữu tình đều cùng chứng đắc Nhất thiết trí trí. Như vậy, Bồ Tát khéo tu tập dùng phương tiện thiện xảo, có thể giúp mình và người đều được lợi ích thù thắng. **Nếu các Bồ Tát tu hành bố thí, không tu tập phương tiện thiện xảo trước, thì giả sử có trải qua hằng hà sa số kiếp tu hành bố thí, cũng không thể phát tâm cùng với hữu tình hồi hướng đến Bồ đề, không thể nhiếp thọ tu tập Bố thí, không thể chứng đắc được Nhất thiết trí trí như đã mong cầu.**

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Giả sử có nhiều hữu tình cầm bình bát to lớn bằng ba ngàn đại thiên thế giới đến chỗ Bồ Tát, và nói: "Chúng tôi cần xin đầy bình bát này, mong người gấp gấp ban cho". Bồ Tát không khởi tâm khác với hữu tình ấy, chỉ khởi tâm nhất quyết bố thí cho hữu tình ấy. Nghĩa là hoàn toàn không khởi tâm sân hận, cho rằng hữu tình khinh thường xúc phạm mình; cũng không khởi tâm không bố thí, nghĩa là nghĩ: Làm sao ta có thể cho người kia nhiều phẩm vật được; cũng không khởi tâm không có của cải, nghĩa là nghĩ: Ta làm sao có đủ vật báu để cho đầy bát lớn đến ba ngàn đại thiên thế giới của hữu tình kia. Bồ Tát chỉ nên nghĩ: Bây giờ vì hữu tình này, ta phải tu tập thần thông thù thắng, tu tập các phương tiện để gom góp nhiều của cải quí báu, chắc chắn làm cho người mong cầu kia thỏa mãn ý muốn. Khi đó, Bồ Tát tinh tấn vượt bậc, siêng năng gia hạnh cầu thần thông thù thắng, muốn tích góp của cải quí báu để bố thí cho hữu tình đang cầu xin. Bồ Tát nhiếp thọ tinh tấn Ba la mật, đắc được thần thông tích góp được nhiều của cải quí báu, Bồ Tát bố thí cho người cầu xin được mãn nguyện. Bồ Tát nhiếp thọ bố thí Ba la mật như vậy, gọi là các chúng **Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật phát tâm rộng lớn, thường không nhàm chán, mệt mỏi.** Nhờ vậy, Bồ Tát mau chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, có thể làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình đến tận đời vị lai.

(Phát triển tứ vô lượng tâm: Từ-Bi-Hỷ-Xả tu Bồ Tát hạnh)

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Các Đại Bồ Tát nên thương xót hữu tình mà thực hành bố thí. Nên trụ tâm từ, ban vui cho chúng sanh mà thực hành bố thí. Nên trụ tâm bi, dẹp sạch khổ đau cho hữu tình mà thực hành bố thí. Nên trụ tâm hỷ, mừng vui các hữu tình xa lìa khổ đau được an vui mà thực hành bố thí. Nên trụ tâm xả, bình đẳng làm lợi ích cho hữu tình mà thực hành bố thí.

Bố thí như vậy rồi nên phát tâm: Phước đức và việc lành ta đã tạo được, ta xin bố thí cho loài hữu tình trong mười phương, giúp họ vĩnh viễn giải thoát khỏi đường ác sanh tử. Những người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì ta làm cho họ sớm phát tâm. Những người đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì khiến họ vĩnh viễn không thối lui, đã không thối lui quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì giúp họ mau chóng viên mãn Nhất thiết trí trí.

Các Bồ Tát này càng xả bỏ phước đức và căn lành cho các hữu tình thời căn lành càng được tăng trưởng. Các Bồ Tát này càng lấy việc tu tập điều lành cùng hồi hướng cho các hữu tình đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nguyện cùng nhau chứng được Nhất thiết trí trí thời căn lành càng tăng trưởng hơn trước.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Thí như vàng ròng càng được tôi luyện, được đốt, gò; thời sắc sáng bóng càng tăng lên; nếu sắc sáng bóng càng tăng thêm hơn trước thời vàng dần dần càng mềm dẻo có thể làm vật dụng.

Như vậy, Bồ Tát càng đem điều lành đã tạo cho các hữu tình cùng nhau hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nguyện đồng chứng đắc Nhất thiết trí trí thời căn lành tăng trưởng; căn lành càng tăng trưởng hơn, thời càng ngày càng gần gũi Nhất thiết trí trí.

Này Mãn Từ Tử! Như có người con gái chùi gương soi mặt, càng gia công lau chùi gương, thời gương càng trong sáng. Gương càng sáng lần, tức mặt gương không còn bụi, mọi cảnh tượng càng hiện rõ trong gương.

Như vậy, Bồ Tát quyết chí đem phước đức và việc lành tạo được hồi hướng đến Nhất thiết trí trí; bố thí khắp tất cả hữu tình trong thế giới mười phương, khiến họ vĩnh viễn thoát đường ác sanh tử. Người chưa phát tâm

Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì làm cho họ phát tâm. Người đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì làm cho họ không còn thối lui. Người nào không còn thối lui quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì giúp họ mau chóng viên mãn Nhất thiết trí trí. Các Bồ Tát này càng xả bỏ căn lành của mình bố thí cho các loài hữu tình; thời căn lành càng tăng thêm nên càng gần gũi Nhất thiết trí trí.

Như vậy, Bồ Tát tu tập phương tiện thiện xảo, hồi hướng mong cầu Nhất thiết trí trí, khiến các công đức dần dần tăng trưởng, mau chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, và có thể làm lợi ích cho tất cả hữu tình đến tận đời vị lai.

Này Mãn Từ Tử! Tại sao có Bồ Tát thực hành bố thí nhiều nhưng nhận phước đức rất ít? Tại sao có Bồ Tát ít thực hành bố thí lại nhận được nhiều phước đức? Tại sao có Bồ Tát ít thực hành bố thí và nhận được ít phước đức? Tại sao có Bồ Tát bố thí nhiều và nhận được phước đức nhiều?

Nếu những Bồ Tát nào tuy trải qua hằng hà sa số đại kiếp, thường xả bỏ vô lượng, vô số của cải quí báu rồi bố thí cho các loài hữu tình trong thế giới mười phương, nhưng **không hồi hướng** Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nguyện cùng hữu tình đồng chứng đắc Nhất thiết trí trí, thời Bồ Tát đó thực hành bố thí nhiều nhưng **được phước ít**.

Nếu những Bồ Tát nào dù trải qua thời gian ngắn ngủi bố thí cho hữu tình ít của cải, nhưng **hay hồi hướng** Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nguyện cùng với hữu tình đồng chứng đắc Nhất thiết trí trí, thời Bồ Tát đó dù ít thực hành bố thí mà thâu nhận **nhiều phước đức**.

Nếu những Bồ Tát nào trải qua thời gian ngắn ngủi bố thí chút ít của cải cho hữu tình, nhưng **không hồi hướng** Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nguyện cùng hữu tình đồng chứng đắc Nhất thiết trí trí, thời Bồ Tát đó **thực hành bố thí ít và nhận phước cũng ít**.

Nếu những Bồ Tát nào trải qua hằng hà sa số đại kiếp, thường xả bỏ vô lượng, vô số tài sản quí báu và bố thí cho các hữu tình khắp mười phương, lại có thể **hồi hướng** Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nguyện cùng hữu tình đồng chứng đắc Nhất thiết trí trí, thời Bồ Tát đó **thực hành bố thí nhiều và được phước nhiều.**

Vì thế, chúng đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì phải đem căn lành cho hữu tình cùng hồi hướng Vô thượng

Chánh đẳng Bồ đề, nguyện cùng hữu tình đồng chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Nếu đại Bồ Tát nào muốn có năng lực nhiếp thọ vô số nhóm phước, làm lợi ích cho các hữu tình, mau chóng chứng đắc Nhất thiết trí trí, thời không nên xa lìa Nhất thiết trí trí và tương ưng với tác ý tu hành bố thí Ba la mật. Đại Bồ Tát nào thường không xa lìa Nhất thiết trí trí và tương ưng với tác ý tu hành bố thí Ba la mật, thời đại Bồ Tát này liền có năng lực nhiếp thọ vô lượng nhóm phước, mau chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm nhiều lợi ích cho các hữu tình. Vì sao? Này Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát thường không xa lìa Nhất thiết trí trí và tương ưng với tác ý tu hành bố thí Ba la mật, thì công đức và căn lành của các vị Bồ Tát này trong mỗi một sát na dần dần được tăng trưởng, nhờ vậy mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, có thể làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình đến tận đời vị lai.

Vì thế, Bồ Tát muốn thường đem lợi ích an vui cho hữu tình, thời trong tất cả hành động thường phải siêng năng tu tập phương tiện thiện xảo, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, và nguyện làm lợi ích lớn cho các hữu tình.

Thích nghĩa quyển 579:

(1). Câu nói của Ngài Tuệ Sĩ trong phần giới thiệu tác phẩm "Nhận thức và Tánh Không" của Hồng Dương Nguyễn văn Hai.

(2). Vườn Cấp Cô Độc: (給孤獨園) *Phạm: Jetavanànàthapiịđa-syàràma, Pàli: Jetavanànàthapiịđi-kàràma. Khu vườn ở mạn Nam thành Xá vệ, nước Kiều tát la thuộc Trung Ấn Độ, tương đương với Sahet-mahet ở biên giới phía Nam của nước Nepal hiện nay, gần Nam ngạn sông Rapti. Đây là di tích nổi tiếng nhất trong các di tích thuyết pháp của đức Phật. Nói đủ là Kỳ thụ cấp cô độc viên, Thệ đa lâm cấp cô độc viên. Gọi tắt là Kỳ hoàn tinh xá, Kỳ viên tinh xá (Phạm: Jetavana). Trưởng giả Cấp cô độc sau khi qui y đức Phật, ông muốn tìm một nơi để dựng tinh xá cúng dường Phật, thấy vườn hoa của Thái tử Kỳ đà là nơi thanh tịnh, rộng rãi và tĩnh mịch, ông hỏi mua, nhưng Thái tử từ chối khéo léo bằng cách đặt điều kiện nếu Tu đạt (tức Trưởng giả Cấp Cô Độc) đem vàng trải khắp vườn thì Thái tử sẽ bán cho, trưởng giả Tu đạt bèn dùng voi chở vàng đến rải trên mặt đất. Thái tử cảm động vì tấm lòng chí thành của ông, bảo ông*

thôi đừng rải vàng nữa, Thái tử, sẽ tặng ngôi vườn này cho Trưởng giả để lập tịnh xá cho Phật và Tăng đoàn làm nơi trú ngụ, thuyết pháp. Sau khi Trưởng giả Cấp Cô Độc cất tịnh xá xong, 2 người cùng dâng cúng khu vườn này cho đức Phật, vì thế mà khuông viên này mang tên cả 2 người là Kỳ thụ Cấp cô độc viên (cây của Kỳ đà, vườn của Cấp cô độc). Đã thích nghĩa ở Hội thứ VIII. Ở đây rút gọn lại theo Phật Quang Tự điển.

(3). Các bản dịch có khi nói đến Nhất thiết trí có khi nói đến Nhất thiết trí trí có thể làm cho độc giả thắc mắc hay lẫn lộn. Chúng tôi dùng định nghĩa sau đây của Phật Quang Từ điển một lần nữa để giúp độc giả phân biệt hai trí này:

Nhất thiết trí (一切智) *Phạm: Sarvajĩa. Hán âm: Tát bà nhã, Tát vân nhiên. Chỉ cho trí biết rõ tất cả pháp tướng trong ngoài, là 1 trong 3 trí. Kinh Nhân vương hộ quốc Bát nhã Ba la mật đa quyển hạ (Đại 8, 843 thượng) nói: Đầy khắp cõi vô lậu, thân giải thoát thanh tịnh, vắng lặng chẳng nghĩ bàn, gọi là Nhất thiết trí. Luận Du già sư địa quyển 38 (Đại 30, 498 hạ) nói: Đối với tất cả giới, tất cả sự pháp, tất cả phẩm loại, tất cả thời gian, trí tự tại vô ngại gọi là Nhất thiết trí. Tức là biết rõ sự sai khác của tất cả thế giới, chúng sinh giới, sự pháp hữu vi, vô vi và nhân quả 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai một cách đúng như thực, gọi là Nhất thiết trí. Còn Nhất thiết trí đối với Nhất thiết chủng trí thì có 2 nghĩa tổng và biệt. - Về phương diện tổng: Nhất thiết trí là Phật trí, đồng nghĩa với Nhất thiết chủng trí. Như Hoa nghiêm Kinh đại sớ quyển 16 nói: Như lai dùng trí vô tận, biết các pháp vô tận, nên gọi Nhất thiết trí. - Về phương diện biệt: Nhất thiết trí là trí của tính không, xem thế giới bình đẳng, đây là trí của bậc Thanh văn, Duyên giác. Còn Nhất thiết chủng trí là trí của sự tướng, xem thế giới sai biệt, là trí Phật biết rõ tướng bình đẳng tức là tướng sai biệt. Luận Đại trí độ quyển 27 (Đại 25, 258 hạ) nói: Tổng tướng là Nhất thiết trí, Biệt tướng là Nhất thiết chủng trí; nhân là Nhất thiết trí, quả là Nhất thiết chủng trí; nói lược là Nhất thiết trí, nói rộng là Nhất thiết chủng trí. (...) Nhất thiết trí là trí của Thanh văn và Duyên giác; Đạo chủng trí là trí của các Bồ Tát, Nhất thiết chủng trí là trí của Phật. [X. luận Đại tì bà sa Q.15; luận Tạp a tì đàm tâm Q.8; Đại thừa nghĩa chương Q.19]. (xt. Nhất Thiết Chủng Trí).*

Vậy, tùy trường hợp xử dụng hai cụm từ Nhất thiết trí và Nhất thiết trí trí. Các bản dịch cũng như một số sách Phật đôi khi dùng cụm từ Nhất

thiết trí để thay thế Nhất thiết trí trí, nghĩa là Nhất thiết trí cũng là trí biết tất cả chủng loại của chư Phật. Nhưng không có trường hợp ngược lại, nghĩa là không thể dùng cụm từ Nhất thiết trí trí của chư Phật để chỉ trí của Nhị thừa. Cái gì do dịch giả dịch chúng tôi giữ nguyên, không sửa đổi. ***TB***

Sơ giải Q.579:

Được Phật ân cần khuyên bảo ba lần, nương theo thần lực của Phật, cụ thọ Xá lợi Tử đem pháp bố thí Ba la mật dạy bảo, trao truyền cho các Bồ Tát:

- Đại Bồ Tát nào muốn chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên duyên vào Nhất thiết trí trí, dùng đại bi làm đầu để hành bố thí Ba la mật. Nếu Bồ Tát nào duyên vào Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu hành bố thí như vậy, đại Bồ Tát ấy có thể nhiếp thọ Nhất thiết trí trí, mau chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bồ Tát Đại thừa thực hành bố thí hóa độ toàn thể chúng sanh và hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong khi Nhị thừa thực hành bố thí chỉ để hồi hướng đến quả vị Thanh văn hay Độc giác Bồ đề để sớm mong chứng thật tế, rồi vào Niết bàn. Cả hai bậc Bồ Tát và Thanh văn cùng làm việc phước nghiệp như nhau nghĩa là cùng tu hành bố thí nhưng hạnh nguyện hoàn toàn khác nhau, nên kết quả cũng khác.

Bồ Tát vì hạnh nguyện cao cả nên nhiếp thọ căn lành viên mãn mau chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề để đạt Nhất thiết trí trí, trong khi Nhị thừa chỉ muốn được Niết bàn, chỉ lo cho cá nhân được giải thoát. Nên chúng ta không lấy làm lạ khi đọc toàn bộ Đại Bát Nhã chỗ nào Phật cũng chê trách Nhị thừa! Nên Kinh nói: **"Thanh văn thực hành bố thí để hồi hướng đến quả vị Niết bàn, A la hán. Còn Bồ Tát thực hành bố thí để hồi hướng về Bồ đề Nhất thiết trí trí. Đó là sự sai khác".**

Nhưng bố thí chỉ viên mãn khi Bồ Tát bố thí không chấp trước (ngã-ngã sở, không chấp tướng căn lành, không chấp trước kẻ thí, kẻ thọ, vật thí, tánh thí, quả thí, duyên thí...) Đó gọi là bố thí thanh tịnh, còn gọi là tam luân không tịch.

Phẩm thứ nhất, Q.4, tập 1, Đại Trí Độ Luận*, nói rằng:*

"... Nếu không rõ mình là **"vô ngã"**, người thọ thí là **"vô nhân"**, vật thí là **"vô chủ**", thì bố thí như vậy vẫn còn bất tịnh, chỉ hưởng được phước báo mà chẳng vào được Phật đạo. Phải biết rõ "vô ngã", "vô nhân", "vô chủ", nghĩa là biết rõ "người cho", "người nhận", và "vật cho" đều tự tánh không, đều bất khả đắc, mới thật là đầy đủ đàn na Ba la mật" *và tùy hỷ hồi hướng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề mới gọi là bố thí Ba la mật chơn tịnh. Có làm được như vậy tâm tùy hỷ của Bồ Tát mới siêu vượt hơn phước đức hành bố thí của thế gian.*

Cho nên Xá lợi Tử nói với Mãn Từ Tử:

- "Các đại Bồ Tát nên đem việc phước nghiệp tương ưng với tâm tùy hỷ, bố thí cho tất cả hữu tình trong thế giới khắp 10 phương và nguyện cho tất cả hữu tình trong 10 phương ấy đều vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử trong đường ác. Đối với những người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì làm cho họ nhanh chóng phát tâm. Người đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì giúp cho họ mãi mãi không thối lui. Đối với những người không thối lui quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ tề, thì giúp họ mau chóng viên mãn Nhất thiết trí trí.

(...) Các vị Bồ Tát này càng xả bỏ các căn lành, bố thí cho loài hữu tình thời càng nhiếp thọ bố thí Ba la mật. Các vị Bồ Tát này càng nhiếp thọ bố thí Ba la mật thời càng ngày càng tăng trưởng tất cả Ba la mật. Các vị Bồ Tát này càng tăng trưởng tất cả Ba la mật thời càng gìn giữ vô lượng căn lành thù thắng. Các vị Bồ Tát này càng gìn giữ vô lượng căn lành thù thắng thời càng ngày càng gần Nhất thiết trí trí".

Do xả bỏ rốt ráo, nên đối tất cả pháp không pháp nào chẳng hiện chứng, không pháp nào chẳng biết khắp. Vì vậy, Bồ Tát càng dễ đạt Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bởi lý do đó, Phật bảo:

- "Sự thành tựu pháp mầu nhiệm, rộng lớn, thanh tịnh của Bồ Tát là do phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề không thối chuyển. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì pháp mầu nhiệm, rộng lớn, thanh tịnh nhất là các **pháp tánh, Như Lai tánh, tự nhiên giác tánh và quả vị Vô Thượng chánh đẳng Bồ đề tánh**. Các Bồ Tát nào phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề không thối chuyển, thì nhất định sẽ thành tựu pháp mầu nhiệm, rộng lớn, thanh tịnh này".

Nhưng bố thí dù dưới hình thức nào cũng phải có phương tiện thiện xảo, lấy tâm từ bi hỷ xả bình đẳng thương xót hữu tình, vì hữu tình, bởi hữu tình mới có thể xả bỏ trong ngoài, tiền bạc của cải kể cả thân mạng v.v... **"Rốt lại, Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, phải đem căn lành ban cho hữu tình cùng hồi hướng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, nguyện cùng hữu tình đồng chứng đắc Nhất thiết trí trí"**.

Chúng ta tụng tiếp Q.580, phần "Bố Thí Ba La Mật".

Quyển 580

(Phát tâm liên tục, dứt trừ các chướng ngại để cầu Nhất thiết trí trí)

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Đại Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, trong tất cả các hạnh, trước tiên nên học bố thí Ba la mật vô nhiễm. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì nếu học bố thí Ba la mật, thì thân tâm phải liên tục mau chóng xa lìa san tham, keo bẩn đã huân tập từ vô thỉ kiếp đến nay, mới dần dần thân cận Nhất thiết trí trí. Vì vậy, Bồ Tát càng tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí hiện tiền liên tục, thời càng gần Nhất thiết trí trí. Càng gần Nhất thiết trí trí, thì càng xa lìa bậc Thanh văn và Độc giác. Càng xa lìa bậc Thanh văn và Độc giác, thời càng tiến đến Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Như khi trời mưa, để vò ở chỗ cao hứng nước mưa. Nước mưa dần dần đầy vò. Khi đầy như vậy là do giọt mưa rơi xuống liên tục, từ đầu đến cuối chảy vào đó không bị gián đoạn. Bồ Tát cũng vậy, chẳng phải cầu Nhất thiết trí chỉ phát tâm ban đầu mà chứng đắc được, cũng chẳng phải sau khi ngồi tòa Bồ đề, khởi tâm tối hậu mà chứng đắc được. Nhưng **do phát tâm liên tục từ lúc mới phát tâm cho đến ngồi tòa Bồ đề** khởi tâm tối hậu triển chuyển liên tục mà cầu Nhất thiết trí, đắc Nhất thiết trí. Tâm ở chặng đầu, giữa, sau đều hướng Nhất thiết trí, chứng đắc Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, **cốt yếu là do các tâm nối nhau liên tục, dứt trừ các pháp chướng ngại mới thành tựu được.**

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát muốn mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì **không nên để tâm bị xen tạp.**

Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Lúc nào gọi là tâm các Bồ Tát không bị xen tạp?

Xá lợi Tử đáp:

- Nếu các Bồ Tát **khi hành động phi lý và chính ngay lúc đó quán biết rõ**, tức còn tùy thuận với Nhất thiết trí trí không trái nghịch. Ngang đây phải biết tâm các Bồ Tát không bị xen tạp.

(Quán thuận nghịch hỗ trợ nhau)

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát **quán các pháp thuận nghịch đều năng hỗ trợ nhau để tiến** đến Nhất thiết trí trí, tức các Bồ Tát đây nhờ phương tiện khéo léo quán biết tất cả pháp đều năng tùy thuận sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không bị sự thuận nghịch làm xen tạp tâm. **Đối với cảnh nghịch tâm không sân hận, đối với cảnh thuận tâm không ái nhiễm. Nếu nghịch hay thuận đều biết đúng, nó hỗ trợ nhau, làm duyên dẫn đến Nhất thiết trí trí. Bồ Tát như vậy trong tâm không bị xen tạp đối với tất cả thời, tất cả cảnh.**

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Ví như có người bị kẻ khác bắt giam, dẫn đến chỗ hành quyết. Người kia run sợ, không còn tưởng việc gì khác, chỉ nghĩ như vầy: Chẳng bao lâu nữa nhất định ta sẽ bị chúng giết hại. Các Bồ Tát cũng lại như vậy, nếu thường suy nghĩ về Nhất thiết trí trí, thì trong thời gian đó không có suy nghĩ gì, và trong mọi thời, tâm các Bồ Tát không bị điều khác xen tạp.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Ví như có người đem nhiều châu báu vào nơi đồng vắng, trong ấy có nhiều giặc cướp hung bạo. Bấy giờ người kia không còn tưởng gì khác, chỉ nghĩ như vầy: Lúc nào ta sẽ ra khỏi chỗ hiểm nạn này để đến nước giàu sang yên ổn? Các Bồ Tát cũng lại như vậy, **nếu thường suy nghĩ về Nhất thiết trí trí, thì những suy nghĩ khác không khởi lên được**. Thân, ý của các Bồ Tát này thanh tịnh, tâm không bị điều khác xen tạp.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Ví như có người từng làm trộm cướp, bị vua tìm bắt. Người kia sợ sệt, trốn vào trong chợ, núp chỗ ồn ào đông đảo để lẩn trốn. Chính ngay nơi đó, đánh trống, thổi kèn, đọc sắc lệnh nhà vua muốn bắt y. Khi đó, người kia không còn tưởng điều gì khác, chỉ nghĩ: Chớ để họ biết ta ở đây, nếu thấy thì sẽ bị bắt trói. Các Bồ Tát cũng lại

như vậy, vì muốn chứng Vô thượng Bồ đề, **nên thường suy nghĩ về Nhất thiết trí trí, mọi suy nghĩ khác không thể khởi lên**. Thời gian tu hành của các Bồ Tát này như vậy nên không bị điều gì khác xen tạp tâm.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Ví như thợ vàng, có người đem thỏi vàng đến trao tận tay ông ta và nói: "Vật này, vua bảo giao cho ngươi, hãy làm thành những đồ trang sức quí báu và đẹp. Phải hết lòng làm gấp hoàn tất trong một tháng. Nếu như không hoàn thành hoặc làm xấu xí, đầu ngươi sẽ mất nhất định không tha". Người thợ vàng nghe thế, thân tâm run sợ, ngày đêm siêng năng gắng sức làm việc, không dám nghĩ chuyện gì khác, chỉ nghĩ: Ta phải làm thế nào để đúng kỳ hạn cho vua và vật trang sức phải thật đẹp. Trong thời gian vật trang sức chưa hoàn thành, người kia dù có ăn uống v.v… nhưng hoàn toàn không nghĩ đến ngon dở v.v..., chỉ để tâm nơi thỏi vàng và liên tục suy nghĩ làm thế nào để sáng tạo các kiểu trang sức thật đẹp. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì người kia rất quí trọng thân mạng. Đúng kỳ hẹn, người thợ vàng hoàn thành các vật trang sức đẹp, đem đến chỗ vua tâu: "Tâu bệ hạ! Các vật trang sức quý báu mà bệ hạ chỉ thị, bề tôi làm nay đã hoàn tất".

Vua thấy rất vui mừng, an ủi người kia:

"Ngươi vâng theo sắc lệnh của ta, có công rất lớn. Đáng lẽ phải làm 12 tháng mới xong. Ngươi chỉ làm trong vòng 1 tháng hoàn thành tất cả".

Vua liền đem nhiều vật quý báu ra ban thưởng. Các Bồ Tát cũng lại như vậy. Từ lúc mới phát tâm cho đến tối hậu **định Kim cương dụ** sắp hiện tiền. Trong khoảng thời gian đó, tâm chưa hề xen tạp điều gì khác, chỉ cầu phát Nhất thiết trí trí. Như người thợ vàng kia tiếc thân mạng mình, trong khoảng thời gian đồ trang sức chưa xong, chỉ dốc tâm chế tạo, chưa hề để vọng tưởng xen tạp. Bồ Tát cũng vậy, vì tôn trọng Bồ đề, khoảng thời gian chưa chứng Vô Thượng Bồ đề, tâm thường suy nghĩ về Nhất thiết trí trí. Trong khoảng thời gian đó, không có một suy nghĩ nào khác. Đây gọi là tâm không bị điều khác xen tạp.

Nếu các Bồ Tát cầu Nhất thiết trí trí, có thể an trụ tâm như vậy không để xen tạp, tinh tấn tu hành hạnh Bồ đề, mau chóng viên mãn tư lương Bồ đề. Các Bồ Tát khác vì tu Bồ Tát hạnh mà để tâm xen tạp nên phải trải qua vô số kiếp mới được viên mãn tư lương Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các Bồ Tát này không trải qua trăm kiếp mới có thể viên mãn. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì các Bồ Tát này cầu Nhất thiết trí trí, không để nghĩ tưởng

khác xen tạp trong tâm đại Bồ đề dù chỉ chốc lát, nên không có tạp tâm khi tu Bồ Tát hạnh, nên không phải trải qua trăm kiếp mới viên mãn, chứng đắc tư lương Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Nếu tâm bị xen tạp liên tục thì sẽ không thành tựu tư lương Bồ đề. Tâm ít bị điều gì xen tạp liên tục, liền thành tựu tư lương Bồ đề, vì thường tăng trưởng việc tinh tấn trong từng sát na. Như vậy, Bồ Tát muốn cầu Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, dẫn đến việc viên mãn tư lương mau chóng, thì phải siêng năng dùng phương tiện không điên đảo để tâm không bị xen tạp. Nếu được tâm như vậy dễ chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử:

- Tâm không xen tạp thì lấy gì làm tánh? Những suy nghĩ gì làm tâm bị xen tạp? Do tâm suy nghĩ nọ kia nên nói là xen tạp, chúng Bồ Tát phải xa lìa nó thế nào?

Xá lợi Tử đáp:

- Nếu các **Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo chỉ cầu Nhất thiết trí trí, không suy nghĩ gì khác thì khỏi bị xen tạp**. Tâm không xen tạp lấy đâu làm tánh? Nếu tác ý tương ưng với Thanh văn thừa, Độc giác thừa thì xen tạp tâm đại Bồ đề, đều gọi là Bồ Tát tác ý phi lý. Vì sao? Vì tác ý Nhị thừa nên trái nghịch với Vô thượng Bồ đề. Nếu ai khởi tâm như vậy thì không thể viên mãn tư lương Bồ đề, vì chỉ vui mừng an lạc Niết bàn, nhàm chán sanh tử. Đối với điều đó, Bồ Tát phải nên tránh xa, phải nghĩ như vầy: **Nếu ta tác ý Nhị thừa sẽ xa lìa Nhất thiết trí trí, thuận theo Niết bàn, không nên để điều đó xen tạp trong tâm ta**.

(Phiền não tức Bồ đề)

Thà là chúng Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo, thọ thân đời sau chịu các phiền não để làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Y vào đó tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, làm cho được viên mãn.

Y vào đó tu học 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, làm cho được viên mãn; y vào đó tu học 37 pháp trợ đạo, tam giải thoát môn, các pháp môn Đà la ni, Tam ma địa, thập địa Bồ Tát, 5 loại mắt, 6 phép thần thông cho được viên mãn; y vào đó tu học Như Lai 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự

hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng v.v…, vô lượng, vô biên công đức chư Phật, làm cho được viên mãn.

Phiền não như vậy có thể hộ trì Bồ Tát, khiến chứng Vô Thượng Bồ đề, chẳng phải tác ý như các Thanh văn, Độc giác. Vì tác ý Thanh văn, Độc giác ngăn cản đại Bồ đề cũng phá vỡ tư lương Bồ Tát, không cho viên mãn. Nếu tâm của chúng đại Bồ Tát bị tác ý kia xen tạp thì càng xa Vô Thượng Bồ đề. Vì vậy, tâm các Bồ Tát không nên xen tạp tác ý như các Thanh văn, Độc giác. Các Bồ Tát vì cầu đại Bồ đề nên phải tránh xa nó, đừng cho tạm khởi. Thân ở nơi các cõi phải tùy thuận tác ý phiền não, dẫu vậy cũng chẳng bị coi là xen tạp lắm đối với tâm Bồ Tát.

Vì sao? **Mãn Từ Tử! Vì các Bồ Tát cầu đại Bồ đề chỉ vì muốn độ các hữu tình nên mặc giáp tinh tấn, an trụ lâu dài trong sanh tử để làm lợi ích lớn, không nên suy nghĩ mau chóng chấm dứt phiền não.** Do suy nghĩ này, nên ngay hiện tiền thân thọ lâu dài ở các cõi. Y vào đó mà giữ gìn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng, vô biên Phật pháp khác đều được viên mãn. Tác ý tương ưng với phiền não như vậy sẽ tùy thuận hộ trì các Bồ Tát ở thân sau, đưa đến Vô Thượng Bồ đề. Từ khi chưa chứng Bồ đề cho đến lúc chưa ngồi tòa Bồ đề diệu pháp, thì không nên dứt sự mong cầu. Tác ý như vậy không nên diệt trừ hẳn.

Vì vậy, chúng đại Bồ Tát, **nếu ngay khi hiện tiền khởi phiền não, thì không nên quá nhàm chán sanh tử.** Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì chúng Bồ Tát **đối với các phiền não nhớ nghĩ biết ơn**, nên nghĩ như vầy: Do điều kia nên đưa ta đến các loại tư lương Bồ đề, làm cho mau chóng viên mãn, điều kia đối với ta có ơn đức lớn. Vì sao? Vì cũng như thiện pháp khác mang lại lợi ích cho ta nên ta kính trọng. Phiền não cũng vậy, không nên chán ghét. **Đối với các phiền não và cảnh giới kia, Bồ Tát xem như phương tiện thiện xảo phải kính trọng sâu xa như kính Phật Thế Tôn.**

Vì sao? Vì các Bồ Tát này biết dùng phương tiện thiện xảo suy nghĩ: Do phiền não các cõi chưa dứt hẳn, nên ta phải tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng, vô biên các Phật pháp khác đều được viên mãn. Nhân điều này nên phát sanh Nhất thiết trí trí. Từng giờ từng giờ tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng, vô biên Phật pháp khác dần dần viên mãn. Từng lúc từng lúc làm cho phiền não các cõi lần lượt được bào mòn, cho

đến hoàn toàn chấm dứt, liền chứng Vô Thượng Bồ đề. Ví như lái buôn dùng xe chở nhiều vật quí báu nặng đến thành lớn rất xa. Từng giờ từng giờ, xe kia vận chuyển tiến dần, tiến dần về phía trước; từng lúc từng lúc các bộ phận trục, vành v.v... bánh xe mòn dần dần, nhưng cũng từ từ vào được thành lớn. Một khi các bộ phận của xe bị hư hoại thì sự việc đã thành tựu rồi, người chủ không hối tiếc nữa.

Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo cũng như vậy, **với phiền não dựa vào thân để hộ trì**. Từng giờ từng giờ do phiền não hộ trì thân liên tục, khi ấy, từng lúc từng lúc bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng, vô biên Phật pháp khác dần dần viên mãn. Khi ấy, các phiền não dần dần suy giảm. Cho đến lúc các phiền não dần dần suy giảm; thì đã gần kề Nhất thiết trí trí.

Đến khi Bồ Tát chứng đại Bồ đề, bấy giờ các phiền não y vào thân đều được dứt trừ. Những việc cần làm đã làm xong, không còn thọ thân phiền não, như xe đã vào thành rồi không cần dùng xe. **Phiền não như vậy đối với đại Bồ đề tuy là chướng ngại nhưng có sức hộ trì tư lương Bồ đề.** Vì vậy, Bồ Tát chưa ngồi tòa Bồ đề diệu giác thì chưa diệt trừ hẳn. Nếu được Bồ đề thì tất cả đều chấm dứt.

(Có lẽ đoạn Kinh này làm cho chúng ta suy nghĩ nhiều: Phiền não tức Bồ đề là ơn đức lớn, phải biết ơn như biết ơn Thế Tôn. Vì sao? Vì phiền não chướng và sở tri chướng là 2 chướng ngại to lớn đối với Bồ đề. Vì vậy, tu là để đoạn trừ phiền não. Một khi trừ được phiền não thì chứng Bồ đề. Nên chúng ta biết ơn nó.

Nhưng muốn sống lâu trong cõi dục để có đủ thời gian phục vụ chúng sanh. ***Nói theo thông tục, không thể dung dưỡng phiền não như là một phương tiện để hộ trì cho sự hành đạo.*** *Dĩ nhiên, có nhiều phương cách không riêng nhờ phiền não được ở lâu trong nhân gian để phụng sự chúng sanh. Vì phiền não bao giờ cũng đi ngược với giác ngộ, nên không thể xem như một phương tiện giúp hành giả Bát Nhã được sống lâu trong sanh tử để cứu độ chúng sanh. Thế tục thường bảo "có phiền não không có Bồ đề", phải xa lìa hơn là dung dưỡng nó. Mặc dù, trong một đoạn Kinh khác thuộc phần "Trì Giới Ba La Mật" Kinh bảo những gì đem lại kết quả tốt đều được xem là phương tiện. Điều đó có nghĩa đối với bậc thành đạo, không có bất cứ khuôn thức luân lý đạo đức nào có thể ràng*

buộc các ngài trong việc thực hiện phúc lợi cho chúng sanh. Chúng sanh đem thuận nghịch chõi nhau thì sanh bệnh, bậc Thánh lại quán thuận nghịch để hỗ trợ nhau, vì đối với Bồ Tát tất cả những gì đem lại tốt đẹp cho chúng sanh đều là phương tiện lành).

Nếu có hữu tình đến chỗ Bồ Tát trước thì khinh khi chưởi mắng, sau lại cầu xin tài pháp, thì Bồ Tát hoan hỉ bố thí cho, nghĩ như vầy: Hữu tình này đến chỗ ta, cho ta ơn đức lớn, khiến ta thành tựu bố thí, an nhẫn. Do đó chứng đắc Nhất thiết trí trí. Ta nhờ người này nên phát tâm tăng thượng, đạt đến đại Bồ đề thù thắng hơn cảnh giới khác. Vì vậy, trong các tác ý của Bồ Tát này, chỉ trừ tác ý tương ưng với Nhị thừa, còn các tác ý khác đều không chán bỏ. Vì đối với sự chứng đắc Nhất thiết trí trí đều có sức hộ trì này.

Khi ấy, Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Chẳng lẽ Nhị thừa đối với Nhất thiết trí trí không có sức hộ trì sao? Nghĩa là các Thanh văn cũng có thể dạy dỗ, giáo huấn Bồ Tát, giúp cho họ siêng năng tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng, vô biên Phật pháp khác. Hoặc các Độc giác cũng làm ruộng phước, cúng dường y phục, thức ăn cho các Bồ Tát, mau chóng chứng đắc Nhất thiết trí trí. Vậy tại sao nói tác ý tương ưng với Thanh văn, Độc giác là không có sức hộ trì Nhất thiết trí trí và tư lương này?

(Nhị thừa cũng có thể hộ trợ Nhất thiết trí trí chăng?)

Xá lợi Tử liền trả lời cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Đúng vậy! Đúng vậy! **Thanh văn, Độc giác đều có sức hộ trì Nhất thiết trí trí và tư lương này**. Nghĩa là các Thanh văn cũng có thể dạy dỗ, giáo huấn Bồ Tát, giúp họ siêng năng tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Cũng có thể dạy dỗ, giáo huấn Bồ Tát, giúp họ siêng năng tu học 18 pháp Không; 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; 37 pháp trợ đạo; cũng có thể dạy dỗ, giáo huấn Bồ Tát, giúp họ siêng năng tu học 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ lớp, 10 biến xứ; Tam giải thoát môn, thập vị tam thừa hay Bồ Tát thập địa; cũng có thể dạy dỗ, giáo huấn Bồ Tát, giúp họ siêng năng tu học pháp môn Đà la ni, Tam ma địa; 5 loại mắt, 6 thần thông, Như Lai 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông

suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; cũng có thể dạy dỗ, giáo huấn Bồ Tát, giúp họ siêng năng tu học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; giáo huấn Bồ Tát, giúp họ siêng năng tu học tất cả Bồ Tát hạnh, quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật.

Thanh văn cũng có sức hộ trì Nhất thiết trí và tư lương này hoặc Độc giác cũng có thể làm như vậy bằng cách cúng dường cho Bồ Tát, rồi Bồ Tát nhờ vật thực đầy đủ này sinh sống tu tập hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vậy nên, có thể nói Độc giác cũng có sức hộ trì Nhất thiết trí trí và tư lương này.

Nhưng tự riêng mình, Thanh văn Độc giác không có sức hộ trì Nhất thiết trí trí và tư lương này. Vì sao? **Vì Nhị thừa thường nhàm chán sanh tử, ưa thích Niết bàn, chỉ mong mau chứng thực tế để tự giải thoát, từ bỏ đại Bồ đề và chúng sanh đau khổ ở thế gian. Do đó, nên nói Bồ Tát không nên khởi tác ý tương ưng với Thanh văn, Độc giác. Vì tác ý đó hoàn toàn không tùy thuận với các Bồ Tát cầu Phật quả và làm lợi ích hữu tình.**

Vì sao nói các Bồ Tát không nên phát khởi tâm Nhị thừa, cũng không nên tu trí Nhị thừa? **Vì đó là chướng ngại cho việc chứng đắc Nhất thiết trí trí**. Cho nên, nói tâm hoặc trí của A la hán đối với Bồ Tát thừa cũng có ơn đức, vì nhờ từ bỏ tâm trí này nên Bồ Tát mau đắc Nhất thiết trí trí, làm lợi ích an vui cho hữu tình đến tận đời vị lai.

Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo như vậy, quán các hữu tình và tất cả pháp, đều tùy thuận theo thế lực Nhất thiết trí và tư lương này, cho nên không chán bỏ tất cả tâm.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Các đại Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật, tuy có xả bỏ tiền tài, châu báu v.v…, nhưng không nhớ nghĩ chấp tướng. Nghĩa là nếu xả bỏ tướng, hồi hướng quả vị Vô thượng Bồ đề, muốn làm lợi ích lớn cho hữu tình, thì mau chứng Nhất thiết trí trí.

(Lìa tất cả tướng, hồi hướng Bồ đề mới được lợi ích lớn)

Nếu không bỏ tâm hồi hướng Bồ đề, mà muốn làm lợi ích lớn cho hữu tình thì hoàn toàn không đắc Nhất thiết trí trí.

Nếu các Bồ Tát được nhiều loại châu báu như vàng, bạc v.v…, tuy gọi là có lợi nhưng chưa gọi là lợi lớn. Nếu các Bồ Tát xả bỏ tất cả châu báu như vàng, bạc v.v... thì mới gọi là được lợi lớn.

Nếu các Bồ Tát xả bỏ tất cả các tướng, hồi hướng quả vị Vô thượng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho các hữu tình, mới gọi là thiện lợi vô thượng. Nếu Bồ Tát làm Chuyển luân vương, thống lãnh thế giới bốn châu, được tự tại lớn, tuy gọi là được lợi nhưng chưa gọi là được lợi lớn. Nếu các Bồ Tát xả bỏ ngôi vị Chuyển luân vương chủ thế giới bốn châu, mới đáng gọi là được lợi lớn. Nếu các Bồ Tát xả bỏ tất cả các tướng, hồi hướng quả vị Vô Thượng Bồ đề, muốn làm lợi ích lớn cho các hữu tình, mới được gọi là thiện lợi vô thượng.

Nếu các Bồ Tát muốn làm vua cõi Dục, thống lãnh cõi Dục, được tự tại lớn, tuy nói được lợi nhưng chưa đáng gọi là được tự tại lớn. Nếu các Bồ Tát xả bỏ ngôi vua tự tại cõi Dục, mới đáng gọi là được tự tại lớn.

Nếu các hữu tình xả bỏ các tướng đắc quả Dự lưu, hoặc Nhất lai, hoặc Bất hoàn, hoặc A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề, tuy gọi là được lợi nhưng chưa gọi là được lợi lớn. Nếu các hữu tình xả bỏ tất cả các tướng, hồi hướng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, muốn làm lợi ích lớn cho các hữu tình, thì mới đáng gọi là được thiện lợi vô thượng.

Nếu đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với trong các lợi kia thì là tối thượng, tối thắng, không gì sánh bằng. Vì sao? Vì các Bồ Tát cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, có thể làm lợi ích lớn cho hữu tình. Còn Thanh văn, Độc giác và các phàm phu không làm được việc này.

Nếu các Bồ Tát duyên tưởng tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử ở khắp 10 phương, làm các đồ ăn thức uống thượng diệu, y phục, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, phòng xá, tài sản, hương hoa v.v..., đều dâng lên cúng dường, tuy gọi là được lợi nhưng chưa gọi là được lợi vô thượng. Nếu các Bồ Tát không bỏ tướng hồi hướng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, muốn làm lợi ích lớn cho hữu tình, thì mới đáng gọi là được thiện lợi vô thượng. Vì sao? Vì các vật thức ăn, nước uống v.v... đều có nhiều tướng. Pháp tướng ở các cõi đều có số lượng. Pháp có số lượng là có phần hạn. Duyên như thế nên không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí không phần hạn.

Nếu các Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo duyên tưởng tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử đầy đủ vô lượng công đức hi

hữu, nhưng **không chấp lấy tướng**. Tuy nhớ nghĩ thức ăn, nước uống vô biên thượng diệu, y phục, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, phòng xá, tài sản, hương hoa v.v… đều dâng cúng dường nhưng không chấp lấy tướng. Tuy hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho hữu tình nhưng không chấp lấy tướng. Do chứng đắc Nhất thiết trí trí này, nên làm lợi ích cho hữu tình đến tận đời vị lai. Nên biết, đây mới đáng gọi là được lợi vô thượng, và đối với tất cả lợi thì đây là lợi đệ nhất.

Nếu các Bồ Tát làm được phương tiện thiện xảo như vậy, tu hành bố thí, thì mới đáng gọi là Bồ Tát ở đỉnh cao, nhất định sẽ đắc Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì Nhất thiết trí trí rất khó có thể chứng đắc. Như vậy, Bồ Tát có thể xả bỏ tất cả các tướng trong ngoài, tâm không dính mắc, cầu chứng Nhất thiết trí trí như vậy, đối với các Bồ Tát là trên hết, nên đắc quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề tối tôn.

Bồ Tát ở quá khứ, vị lai, hiện tại đã, sẽ và đang chứng đắc Nhất thiết trí trí, đều do sự phát khởi phương tiện thiện xảo như vậy mà chứng đắc.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Làm sao Bồ Tát được nhập vào số Bồ Tát đỉnh cao?

Xá lợi Tử đáp:

- Nếu các Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo, **không chấp lấy tướng**, thì các Bồ Tát này nhập vào số Bồ Tát ở đỉnh cao.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Các Bồ Tát này đối với những pháp gì mà không chấp lấy tướng?

Xá lợi Tử đáp:

- Các Bồ Tát này đối với ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới không chấp lấy tướng thường-vô thường, tướng vui-không vui; tướng ngã-vô ngã; không chấp lấy tướng tịnh-bất tịnh; viễn ly-không viễn ly; tịch tĩnh-không tịch tĩnh.

Các Bồ Tát này đối với lục đại chủng không chấp lấy tướng thường-vô thường, tướng vui-không vui; tướng ngã-vô ngã; không chấp lấy tướng tịnh-bất tịnh; viễn ly-không viễn ly; tịch tĩnh-không tịch tĩnh.

Các Bồ Tát này đối với 12 nhân duyên; đối với cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc không chấp lấy tướng thường-vô thuờng; tướng vui-không vui; tướng ngã-vô ngã; không chấp lấy tướng tịnh-bất tịnh; viễn ly-không viễn ly; tịch tĩnh-không tịch tĩnh.

Nếu các Bồ Tát nào dùng phương tiện thiện xảo như vậy, không chấp lấy tướng, kể cả tất cả pháp Phật là thường hay vô thường v.v... tu hành bố thí Ba la mật, thì các Bồ Tát này được nhập vào số Bồ Tát đỉnh cao, có thể đắc Nhất thiết trí trí tối tôn.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát biết tất cả pháp đều chẳng phải thật có, xa lìa các tướng mà hành bố thí Ba la mật, thì các Bồ Tát này được nhập vào số các Bồ Tát đỉnh cao, có thể đắc Nhất thiết trí trí tối tôn, cũng có thể giáo hóa tất cả hữu tình làm cho họ phát nguyện chứng Nhất thiết trí trí, mọi mong cầu đều được toại nguyện.

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Nếu các hữu tình **đối với pháp vô tướng** chẳng khởi thắng giải, thì chẳng thể phát tâm Nhất thiết trí trí. Nếu chẳng thể phát tâm Nhất thiết trí trí, thì chẳng thể tu Bồ Tát hạnh. Nếu không tu Bồ Tát hạnh, thì không thể đắc Nhất thiết trí trí. **Nếu các hữu tình đối với pháp vô tướng có thể phát khởi thắng giải, thì có thể khởi tâm Nhất thiết trí trí. Nếu phát khởi tâm Nhất thiết trí trí, thì có thể tu Bồ Tát hạnh. Nếu tu Bồ Tát hạnh thì có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.**

Lại nữa, này Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát phát tâm cầu Nhất thiết trí trí rồi, tùy theo sự **xả bỏ đều biết là Không, vô sở hữu** mà hành bố thí Ba la mật. Nghĩa là như thật biết các sự **xả bỏ đều như huyễn hóa**, chẳng phải như chúng ta đã chấp lấy tướng từ trước đến nay. Do biết như vậy nên đối với các sở hữu đều có thể xả bỏ, không chấp lấy tướng.

Các hữu tình không như thật biết các pháp chẳng phải có, đều như huyễn hóa. Do khởi tâm kiên cố chấp trước, nên không xả bỏ. Do không xả bỏ, nên nắm giữ keo kiệt. Do keo kiệt nên thân hoại mạng chung đọa vào các đường ác, chịu bần cùng khổ cực. Vì có sở đắc không chịu xả bỏ, lại mỗi lúc càng chấp chặt, keo kiệt càng tăng trưởng. Do đó lại đọa vào các đường ác, chịu nhiều khổ đau. Thọ khổ như vậy **đều do chấp tướng**.

Nếu các Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo biết pháp chẳng có, đều như huyễn hóa. Đã như huyễn hóa thì phải nên xả bỏ. Huyễn hóa chẳng phải ngã và ngã sở, nên đối với tất cả đều xả bỏ. Vì sao? **Vì ngã, ngã sở bất khả đắc, không nên chấp trước**. Không chấp trước nên xả bỏ được. Do xả bỏ được nên đối với Chánh pháp mà Phật Thế Tôn đã thuyết thâm tâm càng kính trọng. Nghĩa là suy nghĩ như vầy: Hi hữu thay đức Thế Tôn khéo thuyết các pháp đều như huyễn. Con dựa vào lời dạy của Phật nên xả

bỏ tất cả, nghĩa là xả bỏ pháp như huyễn hóa, khiến cho con sẽ đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như huyễn vô tướng.

Các Bồ Tát này lại nghĩ như vầy: Chư Phật Thế Tôn làm việc khó làm, nghĩa là dạy Bồ Tát như thật biết các pháp chẳng có, đều như huyễn hóa. Do biết rõ nên không sanh chấp trước, ít dụng công sức mà xả bỏ tất cả, mau chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Thế nên, Bồ Tát này muốn chứng quả Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên biết các pháp chẳng có, đều như huyễn hóa, xả bỏ xa lìa các tướng, dùng tâm vô tướng siêng năng cầu Nhất thiết trí trí tối cao.

Ngài Mãn Từ Tử! Chớ bảo tôi thuyết pháp như vậy là tự biện tài. Đây đều do sức oai thần của Như Lai.

Bấy giờ, Phật dạy A nan đà:

- Những gì Xá lợi Tử đã thuyết đều nhờ thần lực của Phật, ngươi nên thọ trì. Sau khi Ta Niết bàn nên lưu truyền rộng rãi.

Sơ giải Q.580:

1. *Ai cũng biết có 2 thứ phiền não làm chướng ngại Bồ đề: Đó là phiền não chướng và sở tri chướng. Vì vậy, tu là cốt tháo gỡ phiền não trói buộc. Một khi đã đoạn trừ phiền não, đập vỡ được các phiền não nhỏ nhiệm tương tục còn sót lại trong tâm, rồi chỉ trong một sát na tương ưng với diệu huệ thì có thể chứng Vô Thượng Bồ đề. Nói theo sách vở thì quá dễ, nhưng đoạn trừ hay phá vỡ các phiền não vi tế tương tục không phải là dễ. Phật phải mất đến ba A Tăng Kỳ kiếp mới làm được việc này.*

Một câu nói mà chư Phật, Thầy Tổ luôn luôn cảnh tỉnh là "phiền não tức Bồ đề". Tại sao nói phiền não tức Bồ đề? Vì rằng, biết được phiền não luôn luôn đưa con người đến vô minh, khổ lụy. Muốn thoát khỏi vô minh, khổ lụy phải đoạn phiền não mới được giải thoát.

Cũng vậy, như câu nói "Mỗi vọng niệm là một hóa thân Phật". Vọng niệm là cái làm cho mình khổ, nó luôn luôn quấy rầy gặm nhắm tâm thức của chúng ta. Đi đứng nằm ngồi, ăn uống, ngủ nghỉ... nó như những bóng ma ẩn hiện làm cho cuộc sống của chúng ta không được yên vui. Muốn sống an vui tự tại phải diệt vọng, vọng hết thì chân hiện, báo thân sẽ trở thành hóa thân, hóa thân du hành khắp nơi để hóa độ chúng sanh, nói tóm tắt là như vậy. Nên, Cổ đức bảo "Mỗi vọng niệm là một hóa thân Phật".

Tất cả những thứ đó đều là nói nghịch, nhưng nhờ nói nghịch chúng ta mới thấy đâu là thuận. Nên Phật bảo: "Nếu thuận nghịch đều biết rõ ràng, nó sẽ hỗ trợ nhau, làm duyên dẫn đến Nhất thiết trí trí. Bồ Tát như vậy tâm không xen tạp đối với tất cả thời, tất cả cảnh, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Trong "Tín Tâm Minh", Tổ Tăng Xán nói:

"Đem thuận nghịch chõi nhau
đó chính là tâm bệnh
chẳng nắm được mối huyền
hoài công lo tịnh niệm".

So đo phải trái, thiện ác, đúng sai v.v... Đó là đem thuận nghịch chõi nhau, nên sanh bệnh! Nhưng hiểu rõ đâu là đầu mối thì phải trái, thiện ác v.v... chỉ là những hỗ tương sanh khởi, viên dung vô ngại để tạo thành "phương tiện lành". Đó là vượt qua và vượt trên đối đãi thường tình. Nên Tổ Tăng Xán bảo cần nhất là nắm được chỗ huyền chỉ. Một khi nắm được nó rồi thì lo chi đạo lớn không thành.

Phần "Tịnh Giới Ba La Mật", Q.588, ĐBN, *Phật bảo:*

"…Phiền não đối với các Bồ Tát có ân đức lớn. Nghĩa là tùy thuận theo Nhất thiết trí trí. Nếu các Bồ Tát quán phiền não có thể hỗ trợ cho việc dẫn đến Nhất thiết trí trí, thì phiền não có ân đức lớn đối với chúng Bồ Tát. Các Bồ Tát nên biết, khi đạt đến sự chứng đắc thì mọi việc đều là phương tiện thiện xảo". *Nếu không hiểu phương tiện là gì, thì câu nói phiền não là ơn đức lớn chỉ là câu nói vu vơ. Phương tiện đây chính là cứu cánh, vì khi chứng đắc rồi thì mọi sự mọi việc đều xong hết!*

Đến khi quán thuần thục, công phu vững chắc thì xấu tốt, thuận nghịch gì cũng bỏ. Phải vượt qua, vượt lên mọi đối thể thì tâm trí được như như. Tu chỉ là luyện tâm, luyện trí. Trăm ngàn pháp môn không ngoài tôi luyện cái tâm trí này, giống như người luyện vàng: Nung cho quặng đỏ, đập bỏ chất bẩn để được vàng ròng. Một khi được vàng ròng thì không cần dụng công nữa. Tâm trí một khi chuyển hóa rồi, thì xấu biến thành tốt, mê biến thành ngộ. Cũng như một khi được vàng ròng rồi thì vàng không thể trở lại thành quặng mỏ nữa. Chính cuộc sống dạy rằng: Không cay đắng, không khổ đau không phải đời. Cay đắng, khổ đau mới làm cho

công hạnh được vuông tròn. ***Đó là cái mầu nhiệm của kiếp sống****! Vậy, có câu "Trần trần là báu", "Sanh tử tức Niết bàn", "Phiền não tức Bồ đề", "Mỗi vọng niệm là một hóa thân Phật" đều là những châm ngôn "phản tỉnh" đáng yêu.*

Biết sống là phiền não. Vậy mỗi lần bị phiền não phải biết, tự nhắc nhở để tránh. Nếu có thể tránh được thì phải biết ơn nó!

2.** Điểm đáng lưu ý của phần "Bố Thí Ba La Mật" Q.580 này, Kinh nhấn mạnh:* ***Phải xả bỏ tướng*. Kinh bảo:* "Nếu các Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo duyên tưởng tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử đầy đủ vô lượng công đức hi hữu, nhưng không chấp lấy tướng. Tuy nhớ nghĩ thức ăn, nước uống vô biên thượng diệu, y phục, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, phòng xá, tài sản, hương hoa v.v…, đều cúng dường **nhưng không chấp lấy tướng**. Tuy hồi hướng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho hữu tình nhưng không chấp lấy tướng. Do chứng đắc Nhất thiết trí trí này, nên làm lợi ích cho hữu tình đến tận đời vị lai. Nên biết, đây mới đáng gọi là được lợi vô thượng, và đối với tất cả lợi thì đây là lợi đệ nhất.

Nếu các Bồ Tát thực thi phương tiện thiện xảo như vậy tu hành bố thí, thì mới đáng gọi là Bồ Tát đỉnh cao, nhất định sẽ đắc Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì Nhất thiết trí trí rất khó có thể chứng đắc. Như vậy, **Bồ Tát có thể xả bỏ tất cả các tướng trong ngoài, tâm không dính mắc, cầu chứng Nhất thiết trí trí như vậy, đối với các Bồ Tát là trên hết, nên có thể đắc quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề tối tôn".**

Tất cả pháp từ 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới cho đến tất cả pháp Phật, Bồ Tát không chấp lấy tướng thường-vô thường, tướng lạc-bất lạc; tướng ngã-vô ngã; v.v... Nếu các Bồ Tát nào dùng phương tiện thiện xảo như vậy, không chấp tướng kể cả phi tướng, xả bỏ trong ngoài, kể cả thân mạng... coi tất cả đều không, như huyễn như mộng, vô sở hữu, bất khả đắc như hư không…, rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề mới được lợi ích lớn, mới có thể nhập vào số Bồ Tát đỉnh cao, đắc Nhất thiết trí trí tối tôn đem lại an vui giải thoát cho tất cả hữu tình.

Bồ Tát biết ***tất cả pháp đều không, chẳng phải thật có, như huyễn như hóa, vô sở hữu, bất khả đắc****, nên có thể xả bỏ tất cả, xa lìa các tướng*

mà hành bố thí Ba la mật thì có thể giáo hóa hữu tình làm cho họ phát nguyện chứng Nhất thiết trí trí, các mong cầu đều được toại nguyện.

Chúng ta tụng tiếp Q.581 của phần "Bố Thí Ba La Mật":

Quyển 581

(Xả mà chẳng có gì để xả, đắc mà chẳng có gì để đắc)

Lúc bấy giờ, Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều chẳng có thật, thì các Bồ Tát khi hành bố thí có cái gì để xả?

Phật dạy:

- Khi Bồ Tát hành bố thí hoàn toàn không xả gì hết!

Mãn Từ Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ Tát khi hành bố thí hoàn toàn không xả gì hết, thì khi các Bồ Tát này chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đắc cái gì?

Phật dạy:

- Bồ Tát khi bố thí như vậy, đối với tất cả pháp hoàn toàn không có gì để xả, nên khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với tất cả pháp cũng không có gì để đắc. Như khi chúng Bồ Tát hành bố thí, đối với tất cả pháp hoàn toàn không có sở tổn. Nên khi Bồ Tát chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với tất cả pháp cũng không có sở ích. Hai môn tổn, ích chỉ là tướng đối đãi nhau mà thành lập vậy.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! **Như khi Bồ Tát hành bố thí, biết tất cả pháp đều như huyễn hóa không thật, có thể xả. Như khi Bồ Tát này chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, biết tất cả pháp cũng như huyễn hóa không thật, không thể đắc**. Nếu các Bồ Tát hành bố thí, đối với tất cả pháp thật có xả bỏ, thì khi các Bồ Tát này chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng phải đối với pháp thật có chứng đắc. **Tuy nhiên khi các Bồ Tát hành bố thí, đối với tất cả pháp thật không có xả bỏ, thì khi Bồ Tát này chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với tất cả pháp thật không có chứng đắc.**

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Ví như hai nhà huyễn thuật làm trò đùa với nhau. Một bên giả làm thứ có giá trị, một bên hóa làm vật đẹp. Trong hai việc này đều chẳng thật có. Bồ Tát khi hành bố thí cũng như vậy, chẳng thật có vật xả bỏ, nên khi chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng thật có pháp đắc, **tất cả đều như huyễn**. Khi các Bồ Tát này bố thí cũng như vậy, thật không có tổn, và khi chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng không ích.

Các Bồ Tát này khi hành bố thí, tuy thật giống như có tổn nhưng thật sự không hao tổn, nên khi sẽ chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tuy giống như có lợi ích nhưng thật không có gì lợi. Cũng như nhà huyễn thuật kia, xả bỏ thứ giá trị huyễn, tuy giống như có hao tổn nhưng thật không hao tổn. Bồ Tát khi hành bố thí cũng lại như vậy, xả bỏ vật chẳng thật, tuy giống như có hao tổn nhưng thật không hao tổn. Như nhà huyễn thuật kia hóa được vật đẹp, tuy giống như có ích nhưng thật không lợi ích. Khi Bồ Tát chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng như vậy, tuy giống như có ích nhưng thật không lợi ích. **Pháp dụ như vậy, nhân quả tương xứng, những người có trí phải biết rõ.**

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Ví như nhà huyễn thuật giỏi hoặc đệ tử ông ta, ở ngã tư đường hóa làm người con gái bỗng nhiên mang thai, ngay đó thấy sanh con, đứa trẻ chỉ sống trong chốc lát lại chết. Ý thầy thế nào? Người con gái kia đối với đứa con có vui mừng khi sanh, có đau buồn khi nó chết không?

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nàng kia và con của cô ta đều là huyễn có, thật không có sanh tử, thì ai đối với ai mà có thể sanh vui buồn.

Phật dạy:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Các Bồ Tát cũng lại như vậy, khi hành bố thí không có xả bỏ, không có tổn hoại, nên khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không có chứng đắc, không có lợi ích. Cho nên khi Bồ Tát hành bố thí, tuy có sự xả bỏ nhưng không có ưu phiền, và khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tuy có sự chứng đắc nhưng không phấn khởi. **Vì biết xả hay chứng đều như huyễn hóa.**

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Ý ngươi thế nào? Ngươi có cho Như Lai đối với các thiện pháp có mong muốn lắm không?

Mãn Từ Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không có. Bạch Thiện Thệ! Không có. Vì sao? Vì Như Lai sở chứng các pháp đều Không. Như Lai năng chứng các pháp cũng là Không, vì trong Không hoàn toàn không có năng sở.

Phật dạy:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Như Lai quán tất cả pháp đều Không. Trong thiện pháp cũng không có mong muốn lớn. Như Ta ngày nay đối với tất cả pháp hoàn toàn không có mong muốn. Ngày xưa, khi làm Bồ Tát, tuy hành bố thí nhưng đối với các pháp hoàn toàn không có xả bỏ, thấu rõ các pháp rốt ráo Không. Chư Phật Thế Tôn đối với tất cả pháp không sân không ái. Vì sao? Vì thông đạt các pháp đều chẳng thật có, bản tánh là Không, tịch tĩnh nên sân, ái chấm dứt.

Mãn Từ Tử liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ. Bạch Thiện Thệ! Thật hy hữu. Các đại Bồ Tát tuy đối với các pháp thấy có sự xả bỏ. Nhưng rõ thấu các pháp đều không, hư dối chẳng thật, tánh chẳng bền chắc, nên được tự tại, **không sở chấp đắm**. Như con hiểu nghĩa lời Phật dạy các đại Bồ Tát, tuy đem châu báu đầy khắp hằng hà sa số thế giới bố thí cho các hữu tình, nhưng trong đó không nghĩ: Ta đã bố thí châu báu. Đối với việc ấy không sự chấp trước nên khiến cho bố thí Ba la mật mau được viên mãn. Bồ Tát như vậy là dùng bố thí tu tập thiện căn, đem cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Làm việc đó rồi, lại nghĩ như vầy: Pháp của Bồ Tát là nên xả tất cả. Ta bây giờ tuy xả vật đáng xả nhưng vật đã xả đều như huyễn hóa. Nếu đại Bồ Tát biết như vậy, thì đại Bồ Tát này nhập vào số Bồ Tát. **Tuy xả tất cả nhưng không xả gì cả. Tuy đắc tất cả nhưng không có chứng đắc. Nếu các Bồ Tát không biết rõ điều đó như vậy, thì chẳng phải chơn Bồ Tát. Nếu không thể xả bỏ tài sản, bố thí giáo pháp, thì không thể chứng đắc đại Bồ đề.**

(Bồ Tát nên dùng những tâm gì hành bố thí?)

Bấy giờ, Xá lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử:

- Các đại Bồ Tát nên dùng những tâm gì hành bố thí?

Mãn Từ Tử đáp:

- Thưa Tôn giả Xá lợi Tử! Tôn giả hãy giải nghĩa cho chúng tôi nghe trước. Sau đó với nghĩa này tôi cũng sẽ nói thêm.

Xá lợi Tử liền nói với cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Nếu đại Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì đại Bồ Tát này trước hết phải suy nghĩ tánh tất cả pháp hoàn toàn Không, tịch tĩnh. Kế đến nên suy nghĩ Nhất thiết trí trí đầy đủ công đức thù thắng. Sau nữa, nên thương xót tất cả hữu tình nghèo thiếu của cải, chịu nhiều đau khổ. Nghĩ như vậy rồi, liền xả tất xả, hoặc có chấp thọ, hoặc không chấp thọ, tiền tài châu báu trong hay ngoài đều bố thí cho các hữu tình, **tâm không chấp trước**. Cũng dùng chánh pháp bố thí cho các hữu tình. Cũng dùng vô biên phẩm vật thượng diệu, cung kính dâng lên Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Các đại Bồ Tát khi hành bố thí như vậy, duyên Nhất thiết trí, tâm không chấp trước nên hành bố thí. Bố thí như vậy là tùy thuận Bồ đề, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, làm lợi ích lớn cho các hữu tình.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Các đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Bồ đề nên quán pháp Không, duyên Nhất thiết trí đầy đủ công đức thù thắng, thương xót hữu tình mà hành bố thí, tâm không chấp trước. Nếu tu hành bố thí như vậy thì mau chứng Vô Thượng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho các hữu tình.

(Phật dùng thần lực cho Xá lợi Tử và đại chúng thấy Bồ Tát ở thế giới 10 phương hành bố thí)

Lại nữa, Xá lợi Tử! Bây giờ, ngươi muốn thấy Bồ Tát ở 10 phương thế giới hành bố thí không?

Xá lợi Tử thưa:

- Cúi xin Thế Tôn! Con muốn thấy.

Khi ấy, Xá lợi Tử và đại chúng nương thần lực của Phật liền thấy ở **phương Đông**, qua trăm thế giới có đông đảo đại chúng, Thanh văn, Bồ Tát vây quanh Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, để nghe Ngài tuyên thuyết bố thí Ba la mật, đầy đủ công đức thù thắng, đạt được quả báo lớn. Cõi kia có Bồ Tát tên là Vô Ngại, tuy ở cư gia nhưng không chấp trước điều gì, xả bỏ các vật sở hữu, bố thí tất cả. Của cải châu báu chất đầy như núi, tùy theo sự cần dùng của các hữu tình đều đem bố thí. Khuyên dạy

hữu tình tự thọ dụng, rồi lại đem cho người khác tâm không chướng ngại. Hành bố thí như vậy không nhiễm trước. Ngày đêm tinh cần, thường không nhàm chán.

Xá lợi Tử và đại chúng, tất cả lại thấy Bồ Tát Vô Ngại có trăm ngàn xe vàng làm bằng bảy báu. Mỗi một xe chở một bảo nữ, hình mạo đoan trang đầy đủ vẻ đẹp. Mỗi một bảo nữ có một trăm thị nữ theo hầu, đều cưỡi một xe, trang hoàng các vật báu. Trên mỗi xe để trăm ngàn vàng và đầy đủ các vật dụng cá nhân, không thiếu thứ gì. Đến để ở chợ, cất tiếng: "Ai cần vật gì, cứ tùy ý lấy".

Hành bố thí như vậy nhưng không nhiễm trước. Ngày đêm tinh cần, thường không nhàm chán.

Bấy giờ, Phật hỏi Xá lợi Tử:

- Ngươi có thấy Bồ Tát Vô Ngại ở phương Đông, **tâm không nhiễm trước** mà hành bố thí không?

Xá lợi Tử liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con đã thấy. Bạch Thiện Thệ! Con đã thấy.

Phật dạy:

- Bồ Tát cầu đại Bồ đề, đều nên tu hành bố thí như vậy. Lại nữa, Xá lợi Tử! Ý ngươi thế nào? Bồ Tát Vô Ngại bố thí có rộng lớn không?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rộng lớn. Bạch Thiện Thệ! Rộng lớn. Bồ Tát Vô Ngại bố thí vô lượng, vô biên thiện căn.

Phật dạy:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Nhưng nếu có Bồ Tát nào **quán pháp Không, duyên nơi Nhất thiết trí trí,** đầy đủ công đức thù thắng, thương xót hữu tình, tùy theo sở thích mà bố thí, thì phước bố thí này hơn gấp trăm lần, hơn gấp ngàn lần, cho đến gấp muôn ức lần so với phước bố thí của Bồ Tát Vô Ngại đạt được ở phương Đông kia.

Xá lợi Tử và đại chúng lại nương thần lực của Phật lại thấy **trăm ngàn thế giới ở phương Đông, hằng hà sa số thế giới chư Phật ở phương Đông, cho đến vô số hằng hà sa số thế giới ở phương Đông**. Mỗi một thế giới có vô lượng vô số Bồ Tát đều xả bỏ vật sở hữu bố thí tất cả. Của cải châu báu chất đầy như núi, tùy theo sự cần dùng của hữu tình đều đem bố thí. Khuyên dạy hữu tình tự thọ dụng, rồi lại đem cho người khác tâm

không chướng ngại. Hành bố thí như vậy không nhiễm trước. Ngày đêm tinh cần, thường không nhàm chán.

Rồi Phật hỏi Xá lợi Tử:

- Ngươi có thấy trăm ngàn thế giới ở phương Đông, mỗi một thế giới có vô lượng vô số Bồ Tát, tâm không nhiễm trước mà hành bố thí không?

Xá lợi Tử liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con đã thấy. Bạch Thiện Thệ! Con đã thấy.

Phật dạy:

- Bồ Tát cầu đại Bồ đề đều nên tu hành bố thí như vậy. Xá lợi Tử! Ý ngươi thế nào? Các Bồ Tát kia bố thí có rộng lớn không?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rộng lớn. Bạch Thiện Thệ! Rộng lớn. Các Bồ Tát kia bố thí vô lượng, vô biên thiện căn.

Phật dạy:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Nhưng nếu có Bồ Tát nào **quán pháp Không, duyên Nhất thiết trí trí**, đầy đủ công đức thù thắng, thương xót hữu tình, tùy theo sở thích mà bố thí, thì phước bố thí này hơn gấp trăm lần, gấp ngàn lần, cho đến gấp muôn ức lần so với phước bố thí của vô lượng vô số Bồ Tát đạt được ở một thế giới, hoặc ở trăm ngàn thế giới, hằng sa số thế giới, cho đến vô số hằng sa số thế giới ở phương Đông.

Xá lợi Tử và đại chúng nương thần lực của Phật lại thấy trăm ngàn thế giới, hằng hà sa số thế giới cho đến vô số hằng hà sa số thế giới chư Phật **ở 9 phương còn lại** cũng lại như thế. Rồi Phật bảo:

- Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát nào muốn mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, làm lợi lạc hữu tình đến tận đời vị lai, thì **phải nên quán pháp Không, duyên nơi Nhất thiết trí**, đầy đủ công đức thù thắng, thương xót hữu tình chịu nhiều đau khổ thiếu thốn, nên hành bố thí Ba la mật. **Đem thiện căn này bố thí khắp tất cả, giúp họ thoát khỏi đường ác và các nỗi khổ sanh tử**. Lập nguyện rằng: "Các hữu tình ở mười phương thế giới do nhờ oai lực công đức thiện căn của Ta, ai chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì mau chóng phát tâm. Ai đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì khiến vĩnh viễn không thối chuyển. Nếu đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không thối chuyển, thì mau viên mãn Nhất thiết trí trí".

Sơ giải Q.581:

1. Xả bỏ cũng chẳng xả bỏ gì, chứng đắc cũng chẳng chứng đắc gì, tất cả pháp đều không, vô sở hữu bất khả đắc như huyễn như mộng.

Vì vậy, Phật bảo Xá Lợi Tử:

"Bồ Tát khi bố thí như vậy, đối với tất cả pháp hoàn toàn không có gì để xả, nên khi chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với tất cả pháp cũng không có gì để đắc. Như khi chúng Bồ Tát hành bố thí, đối với tất cả pháp hoàn toàn không có sở tổn. Nên khi Bồ Tát chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với tất cả pháp cũng không có sở ích. Hai môn tổn, ích chỉ là tướng đối đãi nhau mà thành vậy.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Như khi Bồ Tát hành bố thí, **biết tất cả pháp đều như huyễn hóa không thật, có thể xả**. Như khi Bồ Tát này chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, biết tất cả pháp cũng như huyễn hóa không thật, có thể đắc. Nếu các Bồ Tát hành bố thí, đối với tất cả pháp thật có xả bỏ, thì khi các Bồ Tát này chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng phải đối với pháp thật có chứng đắc. Tuy nhiên, khi các Bồ Tát hành bố thí, đối với tất cả pháp thật không có xả bỏ, thì khi Bồ Tát này chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với tất cả pháp thật không có chứng đắc.

(…)Các Bồ Tát cũng lại như vậy, khi hành bố thí không có xả bỏ, không có tổn hoại, nên khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không có chứng đắc, không có lợi ích. Cho nên khi Bồ Tát hành bố thí, tuy có xả bỏ nhưng không có ưu phiền, và khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tuy có chứng đắc nhưng không hoan hỷ. Vì biết xả hay chứng đều như huyễn hóa.

(...)Ngày xưa, khi làm Bồ Tát, tuy hành bố thí nhưng đối với các pháp hoàn toàn không có xả bỏ, thấu rõ các pháp rốt ráo Không. Chư Phật Thế Tôn đối với tất cả pháp không sân không ái. Vì sao? Vì thông đạt các pháp đều chẳng thật có, bản tánh là Không, tịch tĩnh nên sân, ái dứt".

Xả chẳng có gì để xả, chứng cũng chẳng có gì để chứng. Thấu rõ tất cả pháp đều không, không năng không sở. Thông đạt tất cả pháp chẳng thật có, bản tánh Không, hư tịch. Nên không còn sân ái nữa. Đó là diệu dụng của tánh Không, khi nhận chân tất cả pháp đều như huyễn hóa.

Huyễn hóa cũng tức không. Nếu quán hành thấu triệt được như vậy thì tâm không còn ưu não hay hoan hỷ nữa. Đó là ý chính của quyển 581, phần "Bố thí Ba la mật" này.

2. Bồ Tát dùng tâm gì để bố thí? Dùng tâm gì để chứng đắc?

Vì thấy vật bố thí là không, nên không luyến tiếc. Các đại Bồ Tát lại duyên Nhất thiết trí trí, ***dùng tâm không chấp trước mà hành bố thí****. Nên được* ***đầy đủ công đức thù thắng, lại tùy thuận Bồ đề, thương xót hữu tình****. Hành bố thí như vậy thì mau chứng Vô thượng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho tất cả hữu tình.*

3. Bồ Tát ở 10 phương thế giới như cát sông Hằng, dùng tâm vô nhiễm tu bố thí như thế nào?

Nhờ thần lực của Phật, Xá lợi Tử và đại chúng thấy hằng hà sa số thế giới 10 phương. Mỗi một thế giới có vô lượng vô số Bồ Tát đều xả bỏ vật sở hữu, bố thí tất cả của cải châu báu chất đầy như núi, tùy theo sự cần dùng của hữu tình đều đem bố thí. Khuyên dạy hữu tình tự thọ dụng, rồi lại đem chia cho người khác thọ dụng mà tâm không chướng ngại. Hành bố thí như vậy không nhiễm trước. Ngày đêm tinh cần, thường không nhàm chán.

Rồi Phật hỏi Xá Lợi Tử:

- "Bồ Tát cầu đại Bồ đề đều nên tu hành bố thí như vậy. Xá lợi Tử! Ý ngươi thế nào? Các Bồ Tát kia bố thí có rộng lớn không?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rộng lớn. Bạch Thiện Thệ! Rộng lớn. Các Bồ Tát kia bố thí vô lượng, vô biên thiện căn.

Phật dạy:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Nhưng nếu có Bồ Tát nào **quán pháp Không, duyên Nhất thiết trí trí**, đầy đủ công đức thù thắng, thương xót hữu tình, tùy theo sở thích mà bố thí, thì phước bố thí này hơn gấp trăm lần, gấp ngàn lần, cho đến gấp muôn ức lần so với phước bố thí của vô lượng vô số Bồ Tát đạt được ở mỗi một thế giới, hoặc nơi trăm

ngàn thế giới, hằng sa số thế giới, cho đến vô số hằng sa số thế giới ở 10 phương".

*Đoạn Kinh này chỉ khuyên người **bố thí nên quán Không và duyên Nhất thiết trí trí** thì được công đức vô bờ bến. Bố thí là phá ngã, quán Không là quên đi quyền tư hữu tức **tu phước**; đồng thời duyên Nhất thiết trí trí tức **tu huệ**. Bố thí như thế mới được gọi là Ba la mật. Vì phước huệ song tu, nên phước đức vô bờ bến. Nhưng phước đức cũng chỉ là hòn bọt nổi. Trong tâm từ và bi không dung chứa bất cứ thứ gì.*

Công đức do mình làm mình hưởng, tuy có đem lại ích lợi cho người khác. Nhưng đó là công đức hữu lậu, chỉ hưởng được giàu sang phú quý trong cõi nhân thiên. Một khi công đức này cạn, lại khởi một niệm bất giác, cũng sẽ bị rơi rụng như ai.

Bố thí không chấp tướng, tam luân không tịch, mới được xem là Bố thí Ba la mật. Nhưng phải đem thiện căn công đức bình đẳng ban cho tất cả hữu tình, rồi cùng nhau hồi hướng Vô thượng Bồ đề mong tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo. Đó chính là công đức vô lậu, không gì hơn!

Tới đây chỉ cần nhớ: Cái bí mật để thành tựu Bố thí Ba la mật là quán Không và duyên Nhất thiết trí trí, rồi đem công đức thiện căn ban cho tất cả hữu tình cùng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đó chính là công đức vô lậu, không gì hơn!

Chúng ta tụng tiếp Q.582 của phần "Bố Thí Ba La Mật":

Quyển 582

Lúc bấy giờ, Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát phát tâm ban đầu? Thế nào là Bồ Tát phát tâm lần thứ hai? Thế nào là Bồ Tát trụ bậc Bất thối? Thế nào là Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề? Cúi xin Thế Tôn thương xót dạy cho con hiểu?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Nếu các Bồ Tát phát tâm ban đầu **vượt hẳn A la hán**, đáng nhận sự cúng dường thượng diệu của tất cả thế gian, trời người, A tu la v.v...

Nếu các Bồ Tát phát tâm lần thứ hai, **vượt hẳn bậc Độc giác**, hiểu rõ tất cả ngã Không, pháp Không, hiển lộ pháp giới bình đẳng chơn thật.

Nếu các **Bồ Tát trụ bậc Bất thối vượt hẳn Bồ Tát bất định chưa nhận thọ ký**, nhất định sẽ chứng đắc đại Bồ đề, tâm không bị phiền não xen tạp.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Ở quá khứ, vị lai, hiện tại, Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề khi chưa đắc Nhất thiết trí trí, trong khoảng thời gian đó không rời khỏi tòa này.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các ngươi nên biết! Nếu khi Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề tức là ngồi tòa Bồ đề của Như Lai. Vì sao? Vì Bồ Tát như vậy, nhất định chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, hiệu là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, như thật lợi lạc cho các hữu tình.

Khi ấy, Xá lợi Tử và đại chúng nương thần lực của Phật liền thấy vô lượng hằng hà sa… thế giới **ở phương Đông**, có vô số Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề, vô số Bồ Tát chứng đại Bồ đề, vô số Bồ Tát dùng tâm chánh tín, giải thoát các nẻo, tu hạnh Bồ Tát và vô số Bồ Tát tâm không nhiễm trước, ở tại gia tu hạnh Bồ Tát.

Nhờ thần lực của Phật, lại thấy vô lượng hằng hà sa… thế giới ở phương Đông, có vô số Bồ Tát xả bỏ những điều khó xả, đem của cải châu báu cho các hữu tình, vô số Bồ Tát tự chém đầu mình bố thí cho các hữu tình, vô số Bồ át cắt mũi, tai cho các hữu tình, vô số Bồ Tát chặt tay chân bố thí cho các hữu tình, vô số Bồ Tát chích thân lấy máu bố thí các hữu tình, vô số Bồ Tát rút xương tủy bố thí các hữu tình, vô số Bồ Tát phân chia lóng, đốt bố thí cho các hữu tình, vô số Bồ Tát đem vợ con yêu quý cho các hữu tình, vô số Bồ Tát đem ruộng đất nhà cửa bố thí cho các hữu tình, vô số Bồ Tát đem các loại cầm thú: Voi, ngựa v.v... bố thí cho các hữu tình, vô số Bồ Tát đem các người hầu nam, nữ bố thí cho các hữu tình, vô số Bồ Tát đem thức ăn, nước uống, y phục, ngọa cụ thượng diệu và nhiều loài tài vật bố thí cho các hữu tình.

Nhờ thần lực của Phật, lại thấy vô lượng hằng hà sa… thế giới ở phương Đông, có vô số Bồ Tát làm Chuyển luân vương hành đạo Bồ Tát, vô số Bồ Tát làm trời Đế Thích hành đạo Bồ Tát, vô số Bồ Tát sanh về trời Đổ sử đa, thuyết nhiều pháp vi diệu cho các chúng trời, vô số Bồ Tát từ cõi trời kia thác, nhập vào thai mẹ giáo hóa hữu tình, vô số Bồ Tát lúc mới sanh ra liền thuyết pháp vi diệu cho các hữu tình, vô số Bồ Tát vì muốn cứu giúp các hữu tình nên chịu nhiều sự khổ.

Nhờ thần lực của Phật, lại thấy vô lượng hằng hà sa… thế giới ở phương Đông, có vô số Bồ Tát vì muốn hóa độ một số hữu tình, nên hành cước *(đi bộ)* trăm do tuần, hoặc đi bộ hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, cho đến ngàn do tuần hoặc hơn thế nữa, tùy nghi đến chỗ nào cần hóa độ, dùng các phương tiện ân cần khuyến hóa một số hữu tình, làm cho họ dần dần **thọ trì 10 thiện nghiệp.**

Vô số Bồ Tát vì muốn hóa độ một số hữu tình, đi bộ trăm do tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, cho đến ngàn do tuần, hoặc hơn thế nữa, tùy nghi đến chỗ nào cần hóa độ, dùng nhiều phương tiện ân cần khuyến hóa một số hữu tình, làm cho họ dần dần **quy y Phật, Pháp, Tăng bảo.**

Vô số Bồ Tát vì muốn hóa độ một số hữu tình, nên đi bộ trăm do tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, cho đến ngàn do tuần, hoặc hơn thế nữa, tùy nghi đến chỗ nào cần hóa độ, dùng nhiều phương tiện ân cần khuyến hóa vô số hữu tình, làm cho họ dần dần thọ trì **8 giới cận trụ.**

Vô số Bồ Tát vì muốn hóa độ một số hữu tình, đi bộ trăm do tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, cho đến ngàn do tuần, hoặc hơn thế nữa, tùy nghi đến chỗ nào cần hóa độ, dùng nhiều phương tiện ân cần khuyến hóa một số hữu tình, làm cho họ dần dần thọ **trì năm giới cận sự,** làm cho họ dần dần **thọ trì các giới xuất gia**, làm cho họ phát tâm hướng đến quả Thanh văn, tinh cần **tu học hạnh Thanh văn thừa**, làm cho họ **phát tâm hướng đến quả Độc giác, tinh cần tu học hạnh Độc giác thừa**, hoặc làm cho họ phát tâm hướng đến quả Vô thượng, tinh cần **tu học hạnh Vô thượng thừa.**

Nhờ thần lực của Phật, lại thấy vô lượng hằng hà sa… thế giới ở phương Đông, có vô số Bồ Tát vì muốn hóa độ một số hữu tình, **dùng sức thần thông qua một thế giới hoặc mười, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn, cho đến qua vô lượng thế giới**, tùy nghi đến chỗ nào cần hóa độ, dùng nhiều phương tiện thị hiện, hướng dẫn, dạy dỗ, khen ngợi, khích lệ, tùy hỷ, làm cho họ siêng năng tu học 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc hay làm cho họ tu học 4 niệm trụ, 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo, hay làm cho họ siêng năng tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật.

Vô số Bồ Tát vì muốn hóa độ một số hữu tình, **dùng sức thần thông qua một thế giới hoặc mười, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn, cho đến**

qua vô lượng thế giới, tùy nghi đến chỗ nào cần hóa độ, dùng nhiều phương tiện thị hiện, hướng dẫn, dạy dỗ, khen ngợi, khích lệ, tùy hỷ, hoặc làm cho họ siêng năng tu học 18 pháp Không, hoặc làm cho họ siêng năng tu học chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, v.v... hoặc làm cho họ siêng năng tu học tam giải thoát Không, vô tướng, vô nguyện, hoặc làm cho họ siêng năng tu học 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ lớp, 10 biến xứ hoặc làm cho họ siêng năng tu học thập địa cộng tam thừa hay thập địa Bồ Tát.

Vô số Bồ Tát vì muốn hóa độ một số hữu tình, **dùng sức thần thông qua một thế giới hoặc mười, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn, cho đến qua vô lượng thế giới**, tùy nghi đến chỗ nào cần hóa độ, dùng nhiều phương tiện thị hiện, hướng dẫn, dạy dỗ, khen ngợi, khích lệ, tùy hỷ, làm cho họ siêng năng tu học 5 loại mắt, 6 phép thần thông, pháp môn Đà la ni, hoặc pháp môn Tam ma địa, hoặc 4 điều không sợ, hoặc 4 sự hiểu biết thông suốt, hoặc đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, hoặc 18 pháp Phật bất cộng, hoặc 32 tướng Đại sĩ, hoặc 80 vẻ đẹp, hoặc pháp không quên mất, hoặc tánh luôn luôn xả, hoặc vô lượng, vô biên các Phật pháp khác.

Nhờ thần lực của Phật, lại thấy vô lượng hằng hà sa… thế giới ở phương Đông, có vô số Bồ Tát xuất gia tu hành pháp ngoại đạo, không nghe, không thấy pháp tương ưng với Ba la mật, hơn trăm ngàn kiếp lưu chuyển trong vòng sanh tử, không chứng đắc Nhất thiết trí trí. Vô số Bồ Tát xuất gia tu hành ở trong pháp Phật thường nghe, thường thấy pháp tương ưng Bát nhã Ba la mật nên thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý, thuyết giảng cho người khác, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Vô số Bồ Tát tuy siêng năng, tinh tấn cầu pháp tương ưng Bát Nhã không gián đoạn, nhưng không có phương tiện nên không chứng đắc. Vô số Bồ Tát tinh tấn cầu pháp tương ưng Bát nhã Ba la mật, có dùng phương tiện, nên tuy dụng công ít nhưng mau chứng đắc. Vô số Bồ Tát tu hành các hạnh khổ khó hành. Vô số Bồ Tát xả bỏ hạnh khổ, tu hành trung đạo. Vô số Bồ Tát đến cội Bồ đề. Vô số Bồ Tát ngồi tòa Kim cang. Vô số Bồ Tát chiến thắng vô lượng thiên ma oán địch, khiến chúng thối lui, tan rã, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Nhờ thần lực Phật, lại thấy vô lượng hằng hà sa… thế giới ở phương Đông, có vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì chúng Đại Bồ Tát tuyên

thuyết tướng **sắc uẩn thường-vô thường bất khả đắc**; tuyên thuyết tướng thọ, tưởng, hành, thức uẩn thường-vô thường cũng bất khả đắc; tuyên thuyết tướng sắc uẩn **vui-không vui** bất khả đắc; tuyên thuyết tướng thọ, tưởng, hành, thức uẩn vui-không vui cũng bất khả đắc; tuyên thuyết tướng sắc uẩn **ngã-vô ngã** bất khả đắc; tuyên thuyết tướng thọ, tưởng, hành, thức uẩn ngã-vô ngã cũng bất khả đắc; tuyên thuyết tướng **sắc uẩn tịnh-bất tịnh** bất khả đắc; tuyên thuyết tướng thọ, tưởng, hành, thức uẩn tịnh-bất tịnh cũng bất khả đắc; tuyên thuyết tướng sắc uẩn **viễn ly-không viễn ly** bất khả đắc; tuyên thuyết tướng thọ, tưởng, hành, thức uẩn viễn ly-không viễn ly cũng bất khả đắc; tuyên thuyết tướng sắc uẩn **tịch tĩnh-không tịch tĩnh** bất khả đắc; tuyên thuyết tướng thọ, tưởng, hành, thức uẩn tịch tĩnh-không tịch tĩnh cũng bất khả đắc.

Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì chúng Đại Bồ Tát tuyên thuyết tướng **12 xứ thường-vô thường bất khả đắc**; 12 xứ vui-không vui bất khả đắc; tuyên thuyết tướng 12 xứ ngã-vô ngã bất khả đắc; tuyên thuyết tướng 12 xứ tịnh-bất tịnh bất khả đắc; tuyên thuyết tướng 12 xứ viễn ly-không viễn ly bất khả đắc; tuyên thuyết tướng 12 xứ tịch tĩnh-không tịch tĩnh bất khả đắc.

Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì chúng Đại Bồ Tát tuyên thuyết tướng **18 giới thường-vô thường bất khả đắc**, tuyên thuyết tướng 18 giới vui-không vui bất khả đắc; tuyên thuyết tướng 18 giới ngã-vô ngã bất khả đắc; tuyên thuyết tướng 18 giới tịnh, bất tịnh-bất khả đắc; tuyên thuyết tướng 18 giới viễn ly-không viễn ly bất khả đắc; tuyên thuyết tướng 18 giới tịch tĩnh-không tịch tĩnh bất khả đắc.

Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì chúng Đại Bồ Tát tuyên thuyết tướng **lục đại chủng:** Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng như vậy. Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì chúng Đại Bồ Tát **tuyên thuyết tướng nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên** cũng như vậy. Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì chúng Đại Bồ Tát tuyên thuyết tướng **12 nhân duyên**: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử cũng như vậy.

Nhờ thần lực của Phật, lại thấy hằng hà sa… thế giới ở phương Đông, có vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì muốn lợi ích cho các Bồ Tát nên nhiều ức kiếp **không nhập Niết bàn**, ai chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì làm cho họ phát tâm. Ai đã phát tâm Vô thượng

Chánh đẳng Bồ đề rồi thì làm cho vĩnh viễn không thối chuyển. Nếu ai đối với Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề không thối chuyển thì làm cho họ mau viên mãn Nhất thiết trí trí.

Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì muốn lợi ích cho các Thanh văn, các Độc giác, nên trải qua nhiều kiếp **an trụ phương tiện giáo hóa**. Ai chưa phát tâm, giáo hóa khiến họ phát tâm. Ai đã phát tâm rồi, làm cho họ siêng năng tu hành. Ai đã tu hành rồi thì giúp họ mau chứng quả A la hán, quả vị Độc giác.

Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì muốn lợi ích các hữu tình, nên **trải qua nhiều kiếp an trụ phương tiện giáo hóa**, làm cho vô lượng hằng hà sa các hữu tình, tùy theo chủng tánh của họ được nhập Niết bàn, hoặc vô lượng hằng hà sa các hữu tình thoát hẳn nỗi khổ nơi đường ác, được hưởng vui ở cõi trời, người.

Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác **dùng sức thần thông**, qua vô lượng vô biên thế giới khác, bằng phương tiện thiện xảo làm lợi ích an lạc vô lượng hữu tình.

Xá lợi Tử thấy việc như vậy vui mừng hớn hở, liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ. Bạch Thiện Thệ! Thật hy hữu. Thế Tôn thành tựu sức đại thần thông như vậy, khiến cho chúng con được thấy vô lượng hằng hà sa… thế giới ở **phương Đông**, có vô số Đại Bồ Tát hành Bồ Tát hạnh nhiều cách khác nhau. Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng nhiều phương tiện làm lợi ích hữu tình.

Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ. Bạch Thiện Thệ! Thật hy hữu. Chư Phật thành tựu diệu pháp rộng lớn, làm cho Bồ Tát phát tâm cầu sự thành tựu diệu pháp rộng lớn của chư Phật. Đó là Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thế Tôn bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Chư Phật thành tựu diệu pháp rộng lớn, có thể giúp Bồ Tát phát tâm cầu sự thành tựu diệu pháp rộng lớn của chư Phật. Đó là quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Do đây nên tu viên mãn tư lương, mau chóng chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Xá lợi Tử và đại chúng nhờ thần lực Phật, lại thấy vô lượng hằng hà sa… thế giới ở **9 phương khác**, có vô số Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề, cho đến vô số Bồ Tát chiến thắng vô lượng thiên ma oán địch, khiến chúng thối lui, tan rã, chứng đắc quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng giống như trên.

Xá lợi Tử liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có ai muốn được ở cõi người tăng thượng, không động chuyển nên tu thiện nghiệp, chiêu cảm sự thù thắng kia như vua Chuyển luân. Nếu có ai muốn được ở cõi trời tăng thượng, không động chuyển, nên tu thiện nghiệp, chiêu cảm sự thù thắng kia như trời Đế Thích. Nếu ai muốn tuổi thọ lâu dài, không động chuyển, nên tu định thù thắng kia, như sanh ở cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, nếu chúng Đại Bồ Tát muốn làm ruộng phước chơn tịnh đệ nhất ở thế gian, làm đại pháp sư ở ba ngàn đại thiên thế giới, và làm Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thì nên **quyết phát tâm cầu Nhất thiết trí trí**.

Bấy giờ, Phật dạy Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Nếu ai quyết phát tâm cầu Nhất thiết trí trí, thì người đó chắc chắn sẽ làm ruộng phước chơn tịnh đệ nhất ở thế gian, làm đại pháp sư ở ba ngàn đại thiên thế giới và làm Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, mang lại lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình. *(Hết Q.582, phần "Bố Thí Ba La Mật")*

Sơ giải Q.582:

Q.582 thuộc phần "Bố Thí Ba La Mật" này, Phật cốt chứng minh, bằng cách dùng thần lực để cho chúng hội thấy tất cả Bồ Tát cũng như chư Như Lai ở phương Đông hay trong 10 phương thế giới như cát sông Hằng tu bố thí như thế nào?

Các thế giới ở phương Đông, có vô số Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề hay vô số Bồ Tát sống tại gia dùng tâm chánh tín, tâm không nhiễm trước tu Bồ Tát hạnh, giải thoát các nẻo, chứng đại Bồ đề. Các Bồ Tát ấy hoặc đem ruộng vườn, nhà cửa, ngựa xe bố thí hoặc đem thân mạng, đầu mình, tay chân, lóng đốt, xương tủy… thí cho các hữu tình.

Có Bồ Tát đang làm Chuyển luân Thánh vương hay trời Đế Thích hành Bồ Tát đạo hay vô số các Bồ Tát sanh về cõi trời Đổ sử đa thuyết pháp cho các chúng trời. Lại có vô số Bồ Tát nhập vào thai mẹ, thoát sanh chịu nhiều khổ nhọc vì muốn cứu giúp hữu tình, nên thuyết pháp. Lại có vô số Bồ Tát vì muốn hóa độ một số hữu tình, nên hành cước (đi bộ) hàng trăm do tuần cho đến ngàn do tuần, hoặc hơn thế nữa, tùy nghi đến chỗ nào cần hóa độ, dùng các phương tiện ân cần khuyến hóa một số hữu tình,

làm cho họ dần dần thọ trì 10 thiện nghiệp; hoặc khuyến hóa một số hữu tình, làm cho họ dần dần quy y Phật, Pháp, Tăng bảo; làm cho họ dần dần thọ trì 8 giới cận trụ, 5 giới cận sự, hoặc thọ trì các giới xuất gia phát tâm hướng đến quả Thanh văn tinh cần tu học hạnh Thanh văn thừa, tu học hạnh Độc giác thừa hay tu học hạnh Vô thượng thừa.

Nhờ thần lực của Phật, lại thấy vô lượng hằng sa thế giới ở phương Đông, có vô số Bồ Tát vì muốn hóa độ một số hữu tình, dùng sức thần thông qua một thế giới hoặc mười, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn, cho đến qua vô lượng thế giới, tùy nghi đến chỗ nào cần hóa độ, dùng nhiều phương tiện thị hiện, hướng dẫn, dạy dỗ, khen ngợi, khích lệ, làm cho họ siêng năng tu học tất cả các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo, còn gọi là tư lương Bồ đề Bồ Tát.

Lại có vô số Bồ Tát xuất gia tu hành pháp ngoại đạo, không nghe, không thấy pháp tương ưng Bát nhã Ba la mật, hơn trăm ngàn kiếp lưu chuyển trong vòng sanh tử, không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Lại thấy có vô số Bồ Tát xuất gia tu hành pháp Phật thường nghe, thường thấy pháp tương ưng Bát Nhã thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý, thuyết giảng cho người khác, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Lại thấy có vô số Bồ Tát tuy siêng năng, tinh tấn cầu pháp tương ưng Bát nhã Ba la mật không gián đoạn, nhưng không dùng phương tiện nên không chứng đắc. Lại thấy có vô số Bồ Tát tinh tấn cầu pháp tương ưng Bát nhã Ba la mật, lại dùng phương tiện, nên tuy dụng công ít nhưng mau chứng đắc. Vô số Bồ Tát tu hành các hạnh khó hành. Vô số Bồ Tát xả bỏ hạnh khổ, tu hành trung đạo. Vô số Bồ Tát đến cội Bồ đề. Vô số Bồ Tát ngồi tòa Kim cang. Vô số Bồ Tát chiến thắng vô lượng thiên ma oán địch, khiến chúng thối lui, chứng đắc quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề.

*Nhờ thần lực Phật, chúng hội lại thấy vô lượng hằng sa thế giới ở phương Đông, có vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì chúng đại Bồ Tát tuyên thuyết tướng **ngũ uẩn** thường hay vô thường, vui hay không vui, ngã hay vô ngã, tịnh hay bất tịnh, viễn ly hay bất viễn ly, tịch tĩnh hay bất tịch tĩnh... **đều bất khả đắc**. Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì chúng đại Bồ Tát tuyên thuyết tướng **12 xứ, 18 giới**, tướng nhãn xúc và các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cũng như vậy. Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì chúng đại Bồ Tát tuyên thuyết tướng lục đại chủng*

(địa, phong, thủy, hỏa, không, thức), tướng bốn duyên, tướng 12 duyên khởi cũng như vậy.

Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì muốn lợi ích các hữu tình, nên trải qua nhiều kiếp an trụ phương tiện giáo hóa, làm cho vô lượng hằng sa các hữu tình, tùy theo chủng tánh của họ được nhập Niết bàn, hoặc vô lượng hằng hà sa số các hữu tình thoát hẳn nỗi khổ nơi đường ác, được hưởng an vui ở cõi trời, người.

Vô số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì muốn lợi ích cho các Nhị thừa, nên trải qua nhiều kiếp an trụ phương tiện giáo hóa. Ai chưa phát tâm, giáo hóa khiến cho phát tâm. Ai đã phát tâm rồi, làm cho siêng năng tu hành. Ai đã tu hành rồi thì giúp họ mau chứng quả A la hán, Độc giác Bồ đề.

Nhờ đại thần thông của Thế Tôn mà Xá Lợi Tử thấy vô số Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh ***bằng nhiều cách khác nhau*** *làm lợi ích hữu tình, ở vô lượng hằng sa thế giới ở phương Đông, Xá Lợi Tử hớn hở bạch Phật:*

- "Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ. Bạch Thiện Thệ! Thật hy hữu. Chư Phật thành tựu diệu pháp rộng lớn, làm cho Bồ Tát phát tâm cầu sự thành tựu diệu pháp rộng lớn của chư Phật. Đó là quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thế Tôn bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói! Chư Phật thành tựu diệu pháp rộng lớn, có thể giúp Bồ Tát phát tâm cầu sự thành tựu diệu pháp rộng lớn của chư Phật. Đó là quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Do đây nên tu viên mãn tư lương, mau chóng chứng đắc Nhất thiết trí trí".

Xá lợi Tử và đại chúng lại nhờ thần lực Phật, lại thấy vô lượng hằng sa thế giới ở ***9 phương khác****, có vô số Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề, cho đến vô số Bồ Tát chiến thắng vô lượng thiên ma oán địch, khiến chúng thối lui, chứng đắc quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng giống như ở phương Đông.*

Rồi Xá lợi Tử liền bạch Phật:

"... nếu chúng Đại Bồ Tát muốn làm ruộng phước chơn tịnh đệ nhất ở thế gian, làm đại pháp sư ở ba ngàn đại thiên thế giới, và làm Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thì **nên quyết phát tâm cầu Nhất thiết trí trí**.

Bấy giờ, Phật dạy Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Nếu ai quyết phát tâm cầu Nhất thiết trí trí, thì người đó chắc chắn sẽ làm ruộng phước chơn tịnh đệ nhất ở thế gian, làm đại pháp sư ở ba ngàn đại thiên thế giới và làm Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, mang lại lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình".

Quyển 582 này của phần "Bố Thí Ba La Mật" không nói nhiều về giáo lý (trừ các pháp mầu Phật đạo đã được trình bày trong phần thứ I Tổng luận) mà ***chỉ mô tả nhiều phương cách tu hành khác nhau của các Bồ Tát*** *ở hằng sa thế giới phương Đông nói riêng và ở vô vàn thế giới 10 phương nói chung, để dạy dỗ khích lệ Xá Lợi Tử cùng các Bồ Tát khác trong pháp hội. Thế Tôn bảo rằng những ai tu hành các phương cách như đã thấy ở trên, thiết tha cầu Nhất thiết trí trí lại có phương tiện, chắc chắn sẽ chứng đắc quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm ruộng phước chơn tịnh đệ nhất thế gian, làm đại pháp sư của ba ngàn đại thiên thế giới, mang nhiều lợi ích an lạc cho tất cả chúng hữu tình.*

Mục đích của Phật trong việc dùng thần lực cho các Bồ Tát trong pháp hội mắt thấy tai nghe không ngoài giúp chư vị Bồ Tát tin tưởng tu học và thực hành các pháp mầu Phật đạo để có kinh nghiệm hóa độ chúng sanh được hiệu quả hơn trong cuộc đời hành đạo của các Ngài!

Đây chỉ là thuyết pháp theo lối trần thuật, ai đọc cũng có thể hiểu, nên không cần nói thêm nữa!

Chúng ta tụng tiếp Q.583 của phần "Bố Thí Ba La Mật":

Quyển 583

(Phát tâm ban đầu thù thắng hơn phát tâm sau?)

Lúc bấy giờ, Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Sự phát tâm ban đầu có thù thắng hơn phát tâm sau không?

Phật bảo:

- Lành thay! Lành thay! Ngươi khéo hỏi Như Lai ý nghĩa sâu xa như vậy. Ngươi nên lắng nghe. Ta sẽ vì ngươi mà nói nghĩa phát tâm ban đầu thù thắng hơn phát tâm sau. Nghĩa là, các A la hán với tâm vô lậu, tuy xa

lìa tất cả phiền não tự thân, nhưng không thể hóa độ vô lượng hữu tình đều phát tâm xả bỏ các phiền não. **Bồ Tát mới phát tâm đại Bồ đề, tuy đối với phiền não tự thân chưa chấm dứt, nhưng có thể giáo hóa vô lượng hữu tình đều phát tâm xả bỏ các phiền não, lần lượt lợi ích vô lượng hữu tình. Đây gọi là nghĩa phát tâm ban đầu thù thắng hơn phát tâm sau**. Lại có các Độc giác với tâm vô lậu, **tuy xa lìa tất cả phiền não tự thân**, nhưng không giáo hóa vô lượng hữu tình đều phát tâm xả bỏ các phiền não. Bồ Tát mới phát tâm đại Bồ đề, tuy đối với phiền não tự thân chưa chấm dứt, nhưng có thể giáo hóa vô lượng hữu tình đều phát tâm xả bỏ các phiền não, lần lượt lợi ích vô lượng hữu tình. Đây gọi là nghĩa phát tâm ban đầu thù thắng hơn phát tâm sau.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Sự phát tâm đại Bồ đề của Bồ Tát, hoặc tu hoặc tập, hoặc làm nhiều việc **đều dẫn đến bố thí**, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng vô biên Phật pháp khác, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí. Do đó hóa độ vô lượng hữu tình này đắc quả Thanh văn, Độc giác thừa, hoặc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, hoặc tu thiện nghiệp thù thắng ở cõi trời, người, được an vui ở cõi trời, người, thoát khỏi khổ nơi đường ác.

Tâm của các vị Thanh văn, Độc giác đã được vô lậu, tự thân tuy đã chứng sự an vui Niết bàn, nhưng lại **không thể dẫn đến bố thí**, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng vô biên Phật pháp khác, cũng không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí, không thể hóa độ vô lượng hữu tình, khiến chứng đắc quả Thanh văn, Độc giác thừa, hoặc chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, hoặc tu thiện nghiệp thù thắng ở cõi trời, người và được an vui ở cõi trời, người, thoát khỏi khổ nơi đường ác. Đó gọi là nghĩa phát tâm ban đầu thù thắng hơn phát tâm sau.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Sự phát tâm Bồ đề của Bồ Tát, **oai lực thật thù thắng**. Nếu khéo tu tập, thì mau chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, thọ ký không điên đảo cho hữu tình. Nghĩa là thọ ký hữu tình như vậy, như vậy, ở đời vị lai trải qua bấy nhiêu kiếp, lưu chuyển trong vòng sanh tử tu Bồ Tát hạnh, sẽ chứng Vô Thượng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Hoặc thọ ký hữu tình như vậy, như vậy, ở đời vị lai trải qua bấy nhiêu kiếp, lưu chuyển trong vòng sanh tử tu Độc giác hạnh, ở cõi trời, người gặp duyên chứng đắc Độc giác Bồ đề, đầy đủ sáu phép thần thông, tự tại an lạc. Hoặc thọ ký hữu tình như vậy, như vậy, ở đời vị lai trải qua

bấy nhiêu kiếp, lưu chuyển trong vòng sanh tử tu Thanh văn hạnh, đắc quả Thanh văn ở cõi trời, người. Hoặc thọ ký hữu tình như vậy, như vậy, ở đời vị lai trải qua bấy nhiêu kiếp làm các nghiệp thiện, ác, sanh ở cõi trời, người, hoặc đọa đường ác, trôi lăn theo dòng sanh tử. Chẳng phải các Độc giác năng trao ký hữu tình không trái ngược. Nghĩa là không thọ ký như lời các Bồ Tát. Ông ở đời vị lai, trải qua bấy nhiêu kiếp sẽ được làm Phật hiệu…, tên..., cũng không thọ ký hữu tình như vậy, ở đời vị lai trải qua bấy nhiêu kiếp, nhất định sẽ đắc Độc giác Bồ đề, hoặc quả Thanh văn, hoặc ở các cõi thiện, ác chịu các khổ, vui. Cũng vậy, Thanh văn không thể thọ ký cho người khác, nếu có đều nghe từ Phật. Đó gọi là nghĩa phát tâm ban đầu thù thắng hơn phát tâm sau.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Bồ Tát đã phát tâm đại Bồ đề, muốn lợi ích tất cả hữu tình đến đời vị lai. Bấy giờ đại địa, các núi, biển cả biến động sáu cách. Ma vương kinh hãi sợ sệt. Các trời, rồng, thần đều rất vui mừng nói: "Bồ Tát sẽ chứng Vô Thượng Bồ đề, cứu vớt chúng ta thoát khổ lớn sanh tử, được an lạc. Thanh văn, Độc giác khi an trụ tâm vô lậu tối hậu, không làm được như thế".

Đây gọi là nghĩa phát tâm ban đầu thù thắng hơn phát tâm sau.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Giả sử giáo hóa tất cả hữu tình đều trụ quả Độc giác, A la hán thì không thể hộ trì Ba la mật và Nhất thiết trí trí. Nếu có dạy dỗ giáo huấn Bồ Tát, làm cho họ phát tâm Vô Thượng Bồ đề, tức là hộ trì bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì Thanh văn, Độc giác không thành tựu Vô thượng Bồ đề được, bởi vì phát tâm rất yếu ớt, chỉ có các Bồ Tát mới thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đó gọi là nghĩa phát tâm ban đầu thù thắng hơn phát tâm sau. Do đó muốn chứng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề đều nên phát tâm cầu Nhất thiết trí.

(Tu những hạnh gì gọi là Bồ Tát?)

Khi ấy, Xá lợi Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao biết được tướng các Bồ Tát, **tu hạnh gì được gọi là Bồ Tát?**

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Nếu có ai phát tâm đại Bồ đề, **siêng năng tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật không mệt mỏi**, tuy gặp nhiều bạn xấu làm thối duyên nhưng không khuất phục. Đây là tướng Bồ Tát. Ai đầy đủ tướng này gọi là Bồ Tát.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu các hữu tình tu nhiều thiện pháp, tâm không nhàm chán, thọ trì tịnh giới, trọn không hủy phạm, thường ưa làm lợi lạc cho tất cả hữu tình, tuy gặp khổ duyên nhưng không khiếp nhược. Tùy sự tu học nguyện cùng hữu tình đồng chứng Bồ đề rốt ráo an lạc. Đấy gọi là tướng đại Bồ Tát. Đầy đủ tướng này gọi là Bồ Tát.

Xá lợi Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao hiểu được nghĩa sâu xa Phật đã thuyết? Đó là tâm Bồ Tát thù thắng hơn tâm vô lậu của các Độc giác và A la hán. Cúi xin Thế Tôn vì con mà giải thích nghĩa đó, làm cho chúng con hiểu rõ để thọ trì không sai trái.

Phật hỏi Xá lợi Tử:

- Ngươi cho tâm Bồ Tát còn có tham, còn có sân, còn có si, còn có mạn v.v... các tùy phiền não chăng?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy. Con cho tâm Bồ Tát còn có tham, còn có sân, còn có si và còn có mạn v.v... các tùy phiền não.

Phật lại hỏi Xá lợi Tử:

- Ngươi có cho tâm Độc giác và A la hán đã lìa tham, lìa sân, lìa si và lìa mạn v.v... các tùy phiền não không?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy. Con cho tâm Độc giác và A la hán đã lìa tham, lìa sân, lìa si và lìa mạn v.v... các tùy phiền não.

Phật lại hỏi Xá lợi Tử:

- Ngươi có cho Độc giác và A la hán đã dứt hẳn các lậu, khi muốn nhập vô lượng từ bi, hoá độ vô lượng vô biên hữu tình, làm cho họ được an lạc và xa lìa các khổ; những vị ấy có làm cho các hữu tình thật sự được an lạc và xa lìa các khổ chăng?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy. Bạch Thiện Thệ! Chẳng phải vậy. Các Độc giác và A la hán kia, tâm họ hoàn toàn không có phương tiện thiện xảo, làm sao nhập vào vô lượng từ bi, hóa độ vô lượng vô biên hữu tình, làm cho hữu tình thật sự được an lạc, xa lìa các khổ. Tạm thời xét như vầy: Chúng Bồ Tát phát tâm Bồ đề, quyết định cầu Nhất thiết trí trí, vì muốn tất cả hữu tình được lợi lạc đến tận đời vị lai, thường không gián đoạn. Cho nên Bồ Tát nhập định từ bi, khiến cho vô lượng vô biên hữu tình đều được an lạc và xa lìa các khổ. Ai nghiệp chướng không nặng thì chỉ trong sát na này thật sự được an lạc và xa lìa các khổ. Huống chi khi đắc Vô Thượng Bồ đề, chẳng lẽ không làm cho các hữu tình thật sự được an lạc và xa lìa các khổ ư? Do nhơn duyên này nếu nói Bồ Tát thật sự làm lợi lạc cho tất cả hữu tình, thường không gián đoạn, điều này có lý. Còn nếu nói Độc giác và A la hán đầy châu Thiệm bộ, đủ tám giải thoát, đồng thời nhập vô lượng định từ bi, muốn lợi lạc vô lượng vô biên hữu tình, trong đó nếu có một người thật sự được lợi lạc, thì điều này không có lý.

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Do nhân duyên này nên tâm các Bồ Tát đối với tâm vô lậu của các Độc giác và A la hán là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng.

(Tâm của Bồ Tát có thể bị lay chuyển không?)

Lại nữa, Xá lợi Tử! Giả sử tất cả hữu tình ở 10 phương đều dứt các lậu thành A la hán, đầy đủ các công đức: Sáu thần thông, tám giải thoát v.v... Mỗi mỗi hữu tình lại hóa làm trăm ức quân ma. Các ma quân đó có nhiều không?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều. Số các A la hán kia đã rất nhiều, huống chi tất cả đều hóa làm trăm ức quân ma. Các quân ma này đâu có thể tính đếm hết được.

Phật lại hỏi Xá lợi Tử:

- Như vậy, vô biên các A la hán đã hóa làm vô lượng, vô số quân ma, có năng lực làm cho tâm một vị Bồ Tát bất thối, bị biến chuyển tạm thời không?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Không thể được**. Bạch Thiện Thệ! Không thể được. Vô lượng vô số quân ma như vậy, không thể làm cho tâm một Bồ Tát bất thối bị biến chuyển được.

Phật lại hỏi Xá lợi Tử:

- Ý ngươi thế nào? Như vậy, tất cả A la hán tâm dứt hẳn các lậu cùng với tâm một Bồ Tát bất thối, thì thế lực oai thần vị nào thù thắng hơn?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa lời Phật nói, **tâm Bồ Tát bất thối thế lực thù thắng hơn**, chẳng như tâm của vô số vô lượng A la hán.

Phật bảo:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Ngươi nên quán như vầy: Vô lượng tâm vô lậu các A la hán lìa hẳn tham dục, sân giận, ngu si và kiêu mạn v.v... Tất cả lại hóa làm trăm ức quân ma mạnh mẽ. Các quân ma này dùng hết thần lực của mình, cũng không thể làm cho tâm Bồ Tát còn phiền não tham, sân, si mạn v.v... bị thối chuyển được. **Do đây, nên biết tâm lực Bồ Tát thù thắng hơn tâm lậu tận của các A la hán.**

Lại nữa, Xá lợi Tử! Ý ngươi thế nào? Tâm của Bồ Tát đối với tâm của A la hán tâm ai là tối thắng, tối tôn, cao cả, vi diệu, là thượng, là vô thượng hơn?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tâm các Bồ Tát bất thối, tuy còn phiền não tham dục, sân giận, ngu si, kiêu mạn v.v... nhưng đối với tâm vô lậu A la hán là tối thắng, tối tôn, cao cả vi diệu, là thượng, là vô thượng hơn. Vì sao? Vì tâm vô lượng, vô biên A la hán vô lậu như vậy và người được hóa ra, đem hết thần lực đó cũng không thể làm cho tâm một Bồ Tát bất thối còn phiền não tham, sân, si, mạn v.v... thối chuyển được.

Phật lại hỏi Xá lợi Tử:

- Nay Ta hỏi ngươi, ngươi cứ tùy ý trả lời. Ý ngươi thế nào? Nếu có đống ngọc Ca già mạt ni *(ngọc thủy tinh)*, trong đó đặt một viên ngọc Lưu ly, thì giá trị ánh sáng của Ca già mạt ni có thể lấn át, hay hút mất giá trị ánh sáng của viên ngọc Lưu ly không?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Không thể được. Bạch Thiện Thệ! Không thể được. Giá trị ánh sáng của một viên ngọc Lưu ly có thể che mất ánh sáng của một đống ngọc Ca già mạt ni. Vì sao? Vì ngọc Lưu ly trong suốt từ trong

ra ngoài, Ca già mạt ni thì không được như vậy. Ánh sáng ngọc Lưu ly rực rỡ, Ca già mạt ni thì không được như vậy. Ngọc Lưu ly bản chất xanh biếc, Ca già mạt ni thì không được như vậy. Loại ngọc Lưu ly thù thắng, Ca già mạt ni không được như vậy. Ngọc Lưu ly oai đức rộng lớn, Ca già mạt ni không được như vậy. Ngọc Lưu ly giá trị vô lượng, Ca già mạt ni không được như vậy. Ngọc Lưu ly là vật trang sức của người tôn quí, do sức nghiệp tăng thượng nên sanh nơi bãi biển lớn. Ngọc Ca già mạt ni thì sang hèn đều dùng được, vì do công nghiệp tạo ra, nên giá trị ánh sáng của ngọc Lưu ly vượt hơn và che mất giá trị ánh sáng ngọc Ca già mạt ni.

Bấy giờ, Phật bảo Xá lợi Tử:

- Tâm đại Bồ Tát bất thối cũng lại như vậy, che khắp tâm tất cả Độc giác, Thanh văn giống như ngọc Lưu ly che mất ánh sáng ngọc Ca già. Ta quán nghĩa này nên nói như vầy: **Tâm đại Bồ Tát bất thối đối với tâm vô lậu các Thanh văn và Độc giác đã chấm dứt xa lìa phiền não, là tối thắng, tối tôn, cao cả, vi diệu, là thượng, là vô thượng. Tâm Bồ Tát bất thối đầy đủ từ bi, có thể làm cho hữu tình được an lạc, xa lìa các khổ. Tâm Thanh văn, Độc giác đầy đủ từ bi, chỉ có giả tưởng nhưng không thực dụng.**

Lại nữa, Xá lợi Tử! Có A la hán dứt hẳn các lậu, đầy đủ các công đức: Sáu thần thông, tám giải thoát v.v..., có thể dùng thần lực vứt thế giới này sang phương khác, nhưng không thể làm cho tâm Bồ Tát bất thối thối chuyển được.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Có A la hán dứt hẳn các lậu, đầy đủ các công đức: Sáu thần thông, tám giải thoát v.v..., có thể dùng thần lực làm khô nước biển lớn, nhưng không thể làm cho tâm Bồ Tát bất thối thối chuyển.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Có A la hán dứt hẳn các lậu, đầy đủ các công đức: Sáu thần thông, tám giải thoát v.v..., có thể dùng thần lực làm tan nát hằng hà sa số thế giới; trong ấy, tất cả núi Diệu Cao đều như tro bụi, nhưng không thể làm cho tâm Bồ Tát bất thối thối chuyển.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Có A la hán dứt hẳn các lậu, đầy đủ các công đức: Sáu thần thông, tám giải thoát v.v..., có thể dùng sức thần thông, thổi đống lửa hằng hà sa số thế giới đại kiếp đang bốc cháy dữ dội đều tắt, nhưng không thể làm cho tâm Bồ Tát bất thối thối chuyển.

Do nhân duyên này nên Ta nói như vầy: **Tâm đại Bồ Tát bất thối đối với tâm vô lậu các Độc giác và các Thanh văn là tối thắng, tối tôn, cao cả, vi diệu, là thượng, là vô thượng.**

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ. Bạch Thiện Thệ! Thật hy hữu. Tâm đại Bồ Tát bất thối đầy đủ đại lực oai thần như vậy. Thanh văn, Độc giác không thể làm thối chuyển được.

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Vì sao? Xá lợi Tử! Lời nói của chư Phật, Thế Tôn không hai. Nghĩa Phật đã thuyết đều thật không dối. Ngươi nên thọ trì, thuyết rộng cho người khác.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Vô lượng, vô biên các loài hữu tình ở 10 phương thế giới, giả sử trong vô lượng, vô biên hằng hà sa… các thế giới ở 10 phương đó, mỗi một hằng hà sa lại biến thành bấy nhiêu loại hữu tình; giả sử đất, nước, lửa, gió ở 10 phương vô lượng, vô số, vô biên thế giới đó biến nát thành cực vi, tất cả đều biến làm bấy nhiêu hữu tình, thì các hữu tình này có nhiều không?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều.

Phật bảo:

- Tất cả hữu tình như vậy. Giả sử tất cả đồng thành A la hán, dứt hẳn các lậu, đầy đủ các công đức: Sáu thần thông, tám giải thoát v.v..., thành tựu thần thông tự tại rộng lớn như Đại Thái Thúc Thị *(Đại Mục Kiền Liên)*. Tất cả đại A la hán ấy đều hóa làm bấy nhiêu quân ma. Mỗi ác ma lại hóa làm bấy nhiêu quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ dũng mãnh. Các quân như thế có thể tính đếm nổi không?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Không thể tính đếm nổi. Bạch Thiện Thệ! Không thể biết hết được.

Phật bảo:

- Giả sử có số lượng thiện nam, hoặc thiện nữ bằng ba ngàn đại thiên thế giới biết được số đó, họ dùng sức thần thông phá tan các quân ma. Ý ngươi thế nào? Thần thông oai lực của thiện nam, hoặc thiện nữ này có rộng lớn không?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rộng lớn. Bạch Thiện Thệ! Rộng lớn. Thần thông oai lực của thiện nam, hoặc thiện nữ này không ai có thể địch nổi, chẳng thể nghĩ bàn.

Phật bảo:

- Giả sử thiện nam, thiện nữ như đã nói ở trước, và số các hữu tình như nói ở trước, mỗi người nam, người nữ ở 10 phương vô lượng, vô số, vô biên thế giới hằng hà sa… đại kiếp mà trụ từng niệm, từng niệm, hóa thành vô lượng ác ma như đã nói ở trước, mỗi ác ma lại hóa làm vô lượng quân ngựa, các quân dũng mạnh như đã nói ở trước, cũng không thể làm cho tâm Bồ Tát bất thối thối chuyển.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Ý ngươi thế nào? Có bấy nhiêu hữu tình thành A la hán. Tất cả lại hóa làm bấy nhiêu ác ma. Mỗi ác ma đầy đủ thần lực lớn. Thần lực như thế so với thần lực của tâm một Bồ Tát bất thối chuyển, bên nào thù thắng hơn?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thần lực của tâm một đại Bồ Tát bất thối đối với nhóm người kia thù thắng hơn. Vì sao? Vì thần lực của tâm một đại Bồ Tát bất thối vô lượng vô số, không thể nghĩ bàn, không thể nói được.

Phật lại bảo Xá lợi Tử:

- Ý ngươi thế nào? Thần lực của tâm một đại Bồ Tát bất thối đối với thần lực vô lượng, vô biên các A la hán đầy đủ đại thần thông, như đã nói ở trước thì tâm ai có thể nói là tối thắng, tối tôn, cao cả, vi diệu, là thượng, là vô thượng?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Theo như con hiểu nghĩa lời Phật đã thuyết, thì chỉ có Phật Thế Tôn mới thuyết thần lực của tâm đại Bồ Tát bất thối kia, đối với thần lực của vô lượng, vô biên các A la hán đầy đủ đại thần thông như đã nói ở trước là tối thắng, tối tôn, cao cả, vi diệu, là thượng, là vô thượng. Vì sao? Vì thần lực của tâm đại Bồ Tát bất thối trừ thần lực của tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí, thì không ai sánh bằng. Do nhân duyên này nên thần lực của tâm đại Bồ Tát bất thối, chỉ có Phật mới biết được, chỉ có Phật mới nói được, đối với các thần lực khác là tối thắng, tối tôn, cao cả, vi diệu, là thượng, là vô thượng.

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì tâm đại Bồ Tát bất thối không có hữu tình nào khác làm biến chuyển được, cũng không có người biết, người thuyết đúng như sự thật. Chỉ có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết tâm Bồ Tát bất thối chuyển kia, vì các hữu tình tuyên thuyết như thật.

Lúc bấy giờ, Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử:

- Do nhân duyên gì mà tâm đại Bồ Tát bất thối không bị biến chuyển?

Xá lợi Tử đáp:

- Do khi các Bồ Tát hành bố thí đều duyên nơi Nhất thiết trí trí, nên tâm kia vững chắc không thể lay động. Khi chứng đắc bất thối chuyển như vậy, tâm không tùy duyên mà bị biến đổi.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Ví như có người khéo giải quyết, xử đoán mọi việc, từng ở trong vô lượng trưởng giả, cư sĩ, nhà buôn, xử đoán nhiều việc. Có người túng thiếu đến trưởng giả, cư sĩ v.v... vay mượn tiền tài vật chất. Vì sợ người kia đến đòi, không đủ sức trả nợ, bèn dựa vào vua để khỏi bị bắt. Các chủ nợ vì sợ oai vua nên không dám lôi kéo sỉ nhục người kia. Vì sao? Vì người kia dựa vào thế lực rất lớn, khó đương đầu nổi với vua. Bồ Tát cũng vậy, hoặc mới phát tâm, hoặc bất thối chuyển đều y vào đại thần lực của Nhất thiết trí trí. Nên tất cả Độc giác và A la hán đều không thể làm cho tâm kia có biến động.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Như người dựa vào vua, tuy rất nghèo thiếu nhưng không bị nhục. Bồ Tát cũng vậy, dựa vào Nhất thiết trí trí, ác ma và nhị thừa không thể lay động mà lại chiến thắng tất cả ác ma. Đối với nhị thừa kia là tối thắng, tối tôn, cao cả, vi diệu, là thượng, là vô thượng. **Vì vậy Bồ Tát muốn không thối chuyển thì thường y chỉ vào Nhất thiết trí trí, tu Bồ Tát hạnh, chớ ưa thích thừa nào khác.**

(Bồ Tát khởi tác ý Nhị thừa làm chướng ngại Nhất thiết trí trí và tổn hại Bồ đề tâm)

Mãn Tử Tử hỏi:

- Những gì Bồ Tát không bằng các Độc giác, Thanh văn?

Xá lợi Tử đáp:

- Nếu các Bồ Tát nghe nói thắng sự của Độc giác, Thanh văn lòng **sanh ưa mến**, nghĩ như vầy: Ta phải làm sao được pháp như vậy, cũng rất

thích khen ngợi giáo lý nhị thừa. Các Bồ Tát này do **khởi tác ý phi lý** như vậy, liền bị tất cả Độc giác, Thanh văn chinh phục.

Mãn Từ Tử lại hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Do duyên gì mà nói tác ý của Bồ Tát này là phi lý?

Xá lợi Tử đáp:

- Vì điều này chướng ngại Nhất thiết trí trí, có thể làm cho sự phát tâm Nhất thiết trí trí xa dần, nên gọi là Bồ Tát tác ý phi lý. Giống như thầy Du già muốn chứng thật tế, vui mừng nhập vào Chánh tánh ly sanh, nếu gặp nghịch duyên tham, sân, si chấp đắm, khởi tâm A la hán tức bị chướng ngại, nên nói là tác ý phi lý. **Bồ Tát cầu đại Bồ đề như vậy, nếu khởi tác ý tương ưng nhị thừa thì chướng ngại Nhất thiết trí, tổn hại tâm Bồ đề. Cho nên gọi là tác ý phi lý. Nếu các Bồ Tát có tác ý này liền bị nhị thừa chinh phục.**

Mãn Từ Tử liền bảo cụ thọ Xá lợi Tử:

- Nếu các Bồ Tát phát khởi tác ý tương ưng nhị thừa, liền bị nhị thừa chinh phục, nên biết, không được xem là Bồ Tát nữa. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì Bồ Tát chỉ cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nếu khởi tác ý tương ưng với nhị thừa, **trái với bổn nguyện**, không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Như bậc Dự lưu có phiền não hiện hành, liền trái với sự cầu hoặc trí hoặc đoạn. Vì siêng năng cầu trí đoạn nên gọi là Dự lưu. Chẳng phải phiền não hiện hành là có nghĩa cần cầu. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì bậc Dự lưu thì cầu hai biến tri:

1. Một là trí biến tri, và 2. Hai là đoạn biến tri.

Nếu phiền não hiện hành thì hai cần cầu trên đều hoại, cho nên bậc Dự lưu thường nên tinh cần diệt trừ các phiền não cầu trí biến tri. Bồ Tát nếu khởi tác ý tương ưng với nhị thừa như vậy, liền trái với bổn nguyện mong cầu Nhất thiết trí trí. Nếu các Bồ Tát xa lìa tâm và tâm sở mong cầu Nhất thiết trí trí thì không gọi là chơn Bồ Tát nữa.

Vì sao? Xá lợi Tử! Vì điều cốt yếu của Bồ Tát là thường mong cầu tâm Nhất thiết trí trí, không gián đoạn. Nếu các Bồ Tát trụ tâm Bồ Tát, thì các ác ma nhị thừa không thể chinh phục được, mà còn chiến thắng được ác ma nhị thừa. Như người bắn cung giỏi đứng đúng tư thế, không bị sự chinh phục của tất cả oán địch, mà chinh phục được oán địch, xa lìa các sự sợ hãi. Bồ Tát trụ tâm Bồ Tát như vậy, tất cả ác duyên không thể phá hoại được, mà phá hoại tất cả sự nghiệp của chúng ma. Nếu nghe tuyên thuyết

giáo pháp nhị thừa, liền nghĩ như vầy: Ta sẽ chứng đắc Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng nên tuyên thuyết giáo pháp như vậy cho các hữu tình, giống như ngày nay Thế Tôn Năng Nhơn Tịch Tịnh Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết giáo pháp tương ưng nhị thừa cho các vị chủng tánh Độc giác, Thanh văn ở đời vị lai, khi ta được làm Phật, cũng vì các hữu tình như vậy mà tuyên thuyết giáo pháp như thế để họ được lợi lạc.

Bồ Tát như vậy trụ tâm Bồ Tát, dùng phương tiện khéo léo, tuy nghe giáo pháp tương ưng với nhị thừa nhưng không bị tổn giảm. Nghĩa là tuy nghe pháp giáo tương ưng kia, nhưng đối với nhị thừa không có sự tham nhiễm. Bồ Tát trụ tâm Bồ Tát như vậy, không bị ác ma nhị thừa chinh phục, mà chinh phục được ác ma nhị thừa. Như thầy Du già đối với cảnh không bị thu hút, vì định đã hoàn toàn thiện xảo. Vì sao? Vì định đã khéo điều phục tâm đối với cảnh, nên được tự tại. Bồ Tát trụ tâm Bồ Tát như vậy, ác ma nhị thừa không thể chinh phục. Vì các Bồ Tát này đối với Bồ đề tâm thường không xa lìa.

(Bồ Tát hoặc mới phát tâm, hoặc đã được bất thối, hoặc ngồi tòa Bồ đề, nên biết tất cả không thể khuất phục được)

Xá lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử:

- Tất cả Bồ Tát hoặc mới phát tâm, hoặc đã được bất thối, hoặc ngồi tòa Bồ đề đều không thể bị khuất phục được sao?

Mãn Từ Tử đáp:

- Tất cả Bồ Tát hoặc mới phát tâm, hoặc đã được bất thối, hoặc ngồi tòa Bồ đề, nên biết **tất cả không thể khuất phục được**. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì các **Bồ Tát này đối với tất cả ác duyên, không làm cho xả bỏ bản nguyện**. Nghĩa là các Bồ Tát phát Bồ đề tâm, đối với các hữu tình chỉ vì muốn làm lợi ích. Giữ vững hai điều thệ nguyện như thế thì tất cả ác duyên không lay động. Nếu các Bồ Tát an trụ tâm này thì ác ma nhị thừa không thể khuất phục được.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Cũng như các Như Lai, hoặc mới thành Phật, hoặc đã thành Phật, trụ trăm ngàn năm đều không lìa bỏ tâm Nhất thiết trí trí, tất cả thời sống trong Nhất thiết trí trí. Bồ Tát cũng vậy, hoặc mới phát tâm, hoặc đã được bất thối, hoặc ngồi tòa Bồ đề, đối với tất cả thời duyên Nhất thiết trí trí, suy nghĩ cầu chứng, chưa từng tạm bỏ.

Xá lợi Tử hỏi:

- Nếu như thế thì các ngôi vị Bồ Tát đâu có gì sai khác?

Mãn Từ Tử đáp:

- Các ngôi vị Bồ Tát tâm không khác biệt, chỉ có thành Phật mau chậm không đồng. Nghĩa là tâm Bồ Tát trước, sau, giữa đều cầu Vô Thượng Bồ đề, an trụ tâm này thường không thối chuyển.

Lại, Xá Lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Nếu A la hán tâm có lui mất, thì có thể gọi là chơn thật A la hán chăng?

Xá Lợi Tử đáp:

- Thưa Đại sĩ, chẳng gọi. Nếu A la hán tâm có lui mất, phải biết kia là kẻ tăng thượng mạn, quyết chưa được quả A la hán.

- Mãn Từ Tử! Bồ Tát cũng vậy, nếu có Bồ Tát thối tâm Bồ đề nên biết, trước kia tự xưng Bồ Tát, chẳng phải Bồ Tát thật, là kẻ tăng thượng mạn, làm nhiễm ô chúng Bồ Tát. Như ốc sên làm dơ nước sạch, chẳng thể uống được.

- Xá lợi Tử! Đúng vậy! Đúng vậy! Nên biết hạng kia bị vô trí che lấp tâm, tự xưng là Bồ Tát, thật sự chưa được xem là chơn Bồ Tát, chỉ có giả danh. Ví như trượng phu, năm căn phải đầy đủ. Có người thiếu căn cũng tự xưng trượng phu, chỉ có hư ngôn nhưng không có nghĩa thật. Bồ Tát thối tâm Bồ đề cũng vậy, chỉ có giả danh, chẳng thật Bồ Tát. Như người thiếu căn gọi là dị hình. Bồ Tát thối tâm gọi là Bồ Tát hư ngụy. Cho nên Bồ Tát ở đầu, giữa, sau nhất định không thối tâm đại Bồ đề. Nếu thối tâm này chẳng phải Bồ Tát.

(Bồ Tát phải khởi tác ý tương ưng với những gì?)

Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử:

- Nếu các Bồ Tát muốn chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề phải khởi tác ý tương ưng những gì?

Xá lợi Tử đáp:

- Nếu các Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề nên **phát khởi tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí**. Tất cả pháp Bồ Tát cần phải an trụ tác ý như vậy. Nếu các Bồ Tát trụ tác ý này tu hành bố thí, thì các Bồ Tát này liền hồi hướng Nhất thiết trí trí. Nếu các Bồ Tát hồi hướng Nhất thiết trí trí như vậy, thì các Bồ Tát này gìn giữ bố thí Ba la mật. **Nếu các Bồ Tát**

không hồi hướng Nhất thiết trí trí, thì sự tu hành bố thí của các Bồ Tát này không gọi là bố thí Ba la mật.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Khi các Bồ Tát hành bố thí, lại suy nghĩ: Ta xả phần ít, hay không xả phần ít. Ta xả vật này, hay không xả vật này. Ta bố thí loài này, hay không bố thí loài kia. Các Bồ Tát này do dự suy nghĩ đó làm chướng ngại Nhất thiết trí trí, phải trải qua thời gian lâu mới được Nhất thiết trí trí. Phải mất nhiều thời gian bố thí Ba la mật mới được viên mãn. Vì vậy, Bồ Tát muốn Nhất thiết trí trí không bị chướng ngại, muốn mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, muốn làm cho bố thí mau được viên mãn, nên xa lìa suy nghĩ phân biệt như vậy**. Nên xả bỏ tất cả phân biệt, nên bố thí tất cả vật, đối với tất cả loài nên bố thí bình đẳng**.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề **nên trụ bố thí Ba la mật,** nên đối với bố thí Ba la mật mà trụ như vậy. Nếu các Bồ Tát vào buổi sáng trong ngày đem các loại thức ăn thượng diệu, bố thí cho hằng hà sa số hữu tình; đã bố thí rồi lại bố thí y phục, vàng ròng thượng diệu; vào buổi trưa trong ngày cũng dùng các loại thức ăn thượng diệu, bố thí hằng hà sa số hữu tình; đã bố thí rồi lại bố thí y phục, vàng ròng thượng diệu; vào buổi chiều trong ngày cũng đem các loại thức ăn thượng diệu, bố thí cho hằng hà sa số hữu tình; đã bố thí rồi lại bố thí y phục, vàng ròng thượng diệu, tiếp đến ba thời của ban đêm cũng lại như vậy. Bố thí như vậy trải qua hằng hà sa số đại kiếp thường không gián đoạn. **Các Bồ Tát này bố thí như vậy rồi, nếu không hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, tuy gọi bố thí nhưng chẳng phải bố thí Ba la mật**. Nếu hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí thì mới gọi bố thí Ba la mật. Nghĩa là sau khi bố thí không khởi phân biệt, tùy nhiều ít mà phát tâm rộng lớn, nhờ hữu tình bố thí tất cả. Khi Bồ Tát này hành bố thí, tuy không xả nhiều để bố thí tất cả, nhưng thành tựu bố thí Ba la mật. Vì sao? Vì muốn chứng đắc vô lượng Phật pháp mà hành bố thí Ba la mật. **Nếu khi bố thí tâm có hạn lượng, nhất định không chứng vô lượng Phật pháp**. Nếu tâm các Bồ Tát có hạn lượng mà hành bố thí, thì các Bồ Tát này nhất định không chứng Nhất thiết trí trí, chắc chắn đối với bố thí Ba la mật không được viên mãn. Vì vậy Bồ Tát muốn chứng vô lượng Nhất thiết trí trí phải nên phát khởi tâm không hạn lượng mà hành bố thí. Nếu các Bồ Tát có tâm hạn lượng mà hành bố thí, thì các Bồ Tát này còn tham lam

không muốn dứt bỏ, không thể hộ trì Nhất thiết trí trí. Chống trái với tướng này, làm sao chứng đắc Nhất thiết trí trí, viên mãn bố thí Ba la mật.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Chúng Bồ Tát muốn hành bố thí nên khởi tâm này: **Ta nên tu hành bố thí không hạn lượng khi chưa chứng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với các hữu tình nên hành tài thí. Nếu chứng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với các hữu tình phải hành pháp thí.** Nghĩa là nếu chưa chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với hữu tình nên cho tiền tài, khiến họ xa lìa nghèo khổ, được an lạc ở thế gian. Nếu chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với các hữu tình phải cho chánh pháp, để họ xa lìa phiền não, được an lạc xuất thế gian. Như người phụng sự vua, trước thì được y phục, nuôi sống vợ con; sau được lòng vua thì được hưởng nhiều tiền của châu báu. Bản thân mình và vợ con đều thọ hưởng sự phú quý an ổn khoái lạc. Bồ Tát cầu chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng vậy, tu hơn trăm ngàn hạnh khổ khó hành, trước thì dùng tiền tài bố thí cho các hữu tình, để họ xa lìa sự khổ nghèo ở thế gian; về sau khi chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, dùng pháp vô nhiễm dạy dỗ giáo huấn các hữu tình, giúp họ thoát khỏi các khổ sanh tử.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Như có trăm ngàn các hữu tình siêng năng phụng sự vương tử suốt cả ngày đêm, cung cấp vương tử đủ mọi thứ như y phục, vật ăn uống, ngọa cụ v.v... Sau khi lên ngôi vua, tùy theo công lao xưa, khả năng kham nhiệm mà ban quyền cao tước lộc; hoặc là chủ sự nghiệp, hoặc chủ núi sông, hoặc chủ thành lớn, hoặc chủ cửa ải, hoặc chủ làng xóm, hoặc chủ quân lính. Bồ Tát cầu Nhất thiết trí trí cũng vậy, khi chưa chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, trước hết phải đem của cải cho hữu tình. Sau khi chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, tùy theo sự hiểu biết khác nhau của các hữu tình, dùng giáo pháp vô thượng dạy dỗ giáo huấn, làm cho họ an trụ quả A la hán, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Dự lưu, hoặc 10 đường lành, hoặc thắng vị Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Các Bồ Tát này cầu đại Bồ đề, hành Bồ Tát hạnh. Khi chưa chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Nếu khi chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng làm lợi ích lớn cho hữu tình. Sau khi Niết bàn cũng làm lợi ích lớn cho vô lượng, vô biên hữu tình. Ví như vương tử chưa nối ngôi vua, làm lợi ích lớn cho

các hữu tình. Nếu nối ngôi vua cũng làm lợi ích lớn cho hữu tình. Sau khi băng hà cũng làm lợi ích lớn cho hữu tình.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Như người phụng sự vua, tinh tấn đúng mực, trải qua thời gian lâu, bổng lộc cứ thế cứ thế tăng dần. Bồ Tát cầu Nhất thiết trí trí cũng như vậy, tinh tấn đúng mực, trải qua thời gian lâu dài, công đức cứ thế cứ thế dần dần tăng trưởng.

Lại này, Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát này khi chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đem tiền của cho các hữu tình. Nghĩa là dùng các loại y phục, vật ăn uống, ngọa cụ, thuốc men và các tài vật khác, dùng phương tiện khéo léo nhiếp thọ nhiêu ích hữu tình. Nếu khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, dùng chánh pháp nhiếp thọ nhiêu ích hữu tình. Nghĩa là dùng các pháp như bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng vô biên Phật pháp khác nhiếp thọ nhiêu ích. Hoặc dùng các pháp như: Niệm, trụ, chánh, đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi và vô lượng vô biên Phật pháp khác nhiếp thọ nhiêu ích. Hoặc dùng các việc phước nghiệp của thí, việc phước nghiệp của giới, việc phước nghiệp của tu và vô lượng vô biên thiện pháp thế gian nhiếp thọ nhiêu ích. Sau khi vào Niết bàn cũng làm lợi ích lớn cho vô lượng vô biên hữu tình. Nghĩa là hữu tình tiếp tục cúng dường xá lợi Phật. Hoặc đối với chánh pháp vô thượng của Như Lai thọ trì, đọc tụng, tu hành như đã thuyết, đều được lợi ích rộng lớn vô biên. Nghĩa là được an lạc ở cõi trời, người, hoặc nhập Niết bàn, hoặc đại Bồ đề an lạc rốt ráo.

Mãn Từ Tử bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Thật đúng như lời Tôn giả đã nói. Tôn giả đã thuyết đều đúng nghĩa. Cho nên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói Tôn giả là bậc trí tuệ biện tài đệ nhất trong hàng Thanh văn.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Ví như vàng ròng thường lợi ích lớn cho hữu tình. Nghĩa là chưa ra khỏi quặng hoặc khi đã ra, hoặc chế biến thành các vật trang sức, hoặc đem ra bán đổi để mua vật khác, đều lợi ích cho vô lượng vô biên hữu tình. Tùy theo sự ứng dụng của họ làm lợi ích lớn. Như vậy, Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, khi chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Nghĩa là dùng tài pháp, tùy theo sự thích ứng của họ mà dùng phương tiện khéo léo hộ trì lợi ích. Nếu khi chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, làm lợi ích lớn.

Nghĩa là tuyên thuyết sắc uẩn **thường, vô thường v.v... bất khả đắc**; tuyên thuyết thọ, tưởng, hành, thức uẩn thường, vô thường v.v... cũng bất khả đắc; tuyên thuyết 12 xứ, 18 giới thường, vô thường v.v... bất khả đắc; tuyên thuyết địa giới thường, vô thường v.v... bất khả đắc; tuyên thuyết thủy, hỏa, phong, không, thức giới thường, vô thường v.v... cũng bất khả đắc; tuyên thuyết nhân duyên thường, vô thường v.v... bất khả đắc; tuyên thuyết đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên thường, vô thường v.v... cũng bất khả đắc; tuyên thuyết vô minh thường, vô thường v.v... bất khả đắc; tuyên thuyết hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử thường, vô thường v.v... cũng bất khả đắc; tuyên thuyết ngã thường, vô thường v.v... bất khả đắc; tuyên thuyết hữu tình, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, Bổ đặc già la, ý sanh, thanh niên, người biết, người thấy thường, vô thường v.v... cũng bất khả đắc; tuyên thuyết cõi Dục thường, vô thường v.v... bất khả đắc; tuyên thuyết cõi Sắc, Vô sắc thường, vô thường v.v... bất khả đắc.

Tuyên thuyết các pháp môn như vậy, làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Sau khi nhập Niết bàn, Chánh pháp, Tượng pháp và xá lợi cũng làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Thanh văn, Độc giác không làm được như vậy. Cho nên chúng đại Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh thường làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Do đây nên nói các Bồ Tát đối với nhị thừa kia là tối thắng, tối tôn, cao cả, vi diệu, là thượng, là vô thượng.

Lúc bấy giờ, Phật dạy A nan đà:

- Ngươi nên thọ trì những gì Xá lợi Tử đã thuyết. Chúng đại Bồ Tát mặc áo giáp đại nguyện, đến đại Bồ đề, đầy đủ khéo léo thù thắng, ý muốn tăng thượng, tu hành bố thí Ba la mật xả bỏ pháp, xả bỏ tiền tài, không nhiễm không trước.

Khi đức Bạc già phạm thuyết Kinh này, cụ thọ Xá lợi Tử, cụ thọ Mãn Từ Tử, cụ thọ A nan đà và các Thanh văn, chúng Bồ Tát cùng với thế gian, trời, rồng, Dược xoa, Kiện đạt phược, A tu la, Yết lộ trà, Khẩn nại lạc, Mạc hô lạc già, nhơn phi nhơn v.v..., tất cả đại chúng, nghe lời Phật thuyết đều phấn khởi vui mừng và tin thọ phụng hành.

Sơ giải Q.583:

1. Phát tâm ban đầu thù thắng hơn phát tâm sau.

Một trong những điều kiện tiên quyết tu Bồ Tát đạo để trở thành Bồ Tát hay Phật là trước hết phải phát Bồ đề tâm "trên cầu Vô thượng Bồ đề, dưới hóa độ chúng sanh". Tâm này được nung nấu qua bao nhiêu đời kiếp, không ngừng nghỉ trước những thống khổ của bao sanh linh. Ngày nào hữu tình còn khổ, ngày đó ngọn lửa huyền diệu trong tâm Bồ Tát vẫn còn bốc cháy. Nó là ngọn đuốc truyền thừa của Phật đạo qua bao thế hệ đối với những ai tự phát nguyện cứu rỗi chúng sanh. Không có Bồ đề tâm không có Bồ Tát, không có quả Bồ đề, không có Phật đạo.

Muốn trở thành Vô Thượng Chánh đẳng giác, đạt Nhất thiết trí trí để cứu độ chúng sanh thì phải phát nguyện. Phát nguyện chẳng khác nào lời hứa khởi đầu, nó là chất xúc tác mạnh mẽ đối với những ai hành Bồ Tát đạo quyết tâm cứu rỗi chúng sanh. Không có phát tâm Bồ đề, khó hoàn thành hạnh nguyện. Nên nói phát tâm ban đầu thù thắng hơn hết.

2. Tu những hạnh gì gọi là Bồ Tát?

Bồ Tát siêng năng tu lục độ vạn hạnh, tu các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo, tâm không nhàm mỏi: Bố thí cứu độ không ngừng nghỉ, thọ trì tịnh giới trọn không hủy phạm, an nhẫn kiên định trong mọi tình huống khó khăn, tinh tấn từng giây từng phút, sống trong chánh niệm, tu phước huệ an lạc đối với tất cả hữu tình, tuy gặp nghịch duyên trái ý cũng không thối chí ngã lòng. Ai có đầy đủ các đặc tánh như thế thì có thể gọi là Bồ Tát. Đó là tu Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo.

3. Tâm Bồ Tát thù thắng hơn tâm vô lậu của Nhị thừa.

Phật lại hỏi Xá lợi Tử: "Ngươi có cho tâm Độc giác và A la hán đã lìa tham, lìa sân, lìa si và lìa mạn v.v... các tùy phiền não không?"

Xá lợi Tử thưa: "Bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy. Con cho tâm Độc giác và A la hán đã lìa tham, lìa sân, lìa si và lìa mạn v.v... các tùy phiền não".

Phật lại hỏi Xá Lợi Tử: "Vô lậu Nhị thừa muốn nhập vô lượng từ bi, hoá độ vô lượng vô biên hữu tình, làm cho họ được an lạc và xa lìa các

khổ; những vị ấy có làm cho các hữu tình thật sự được an lạc và xa lìa các khổ chăng?”

Xá Lợi Tử đáp: **“Bạch Thiện Thệ! Chẳng phải vậy. Các Độc giác và A la hán kia, tâm họ hoàn toàn không có phương tiện thiện xảo, làm sao nhập vào vô lượng từ bi, hóa độ vô lượng vô biên hữu tình, làm cho hữu tình thật sự được an lạc, xa lìa các khổ. Chúng Bồ Tát phát Bồ đề tâm, quyết định cầu Nhất thiết trí trí, vì muốn tất cả hữu tình được lợi lạc đến tận đời vị lai, thường không gián đoạn. Cho nên Bồ Tát nhập định từ bi, khiến cho vô lượng vô biên hữu tình đều được an lạc và xa lìa các khổ”.**

Phật bảo Xá Lợi Tử: “Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Do nhân duyên này nên tâm các Bồ Tát đối với tâm vô lậu của các Độc giác và A la hán là tối thắng, tối tôn, cao cả, vi diệu, là thượng, là vô thượng”.

Điều này có nghĩa Bồ Tát có tâm thù thắng hơn tâm của Thanh văn và Độc giác. Câu trả lời này xác định sự khác biệt chính yếu giữa Nhị thừa và Đại thừa trong việc cứu rỗi cho toàn thể chúng sanh.

Kinh ĐBN thường lặp đi lặp lại nhiều lần là Nhị thừa muốn tu nhanh chóng để chứng thật tế rồi nhập Niết bàn, trong khi Bồ Tát không nề hà hành các hạnh khó hành, quên cả thời gian, quên cả không gian, quên cả số kiếp, nguyện độ hết chúng hữu tình. Nếu ngày nào còn một chúng sinh chưa cứu độ, ngày đó Bồ Tát quyết không nhập Niết bàn. Đó chính là sự khác biệt chính yếu giữa Đại thừa và Nhị thừa chứ không phải ở hệ cấp.

Tu không có hệ cấp, vì bình đẳng vốn là tôn chỉ tối thượng của đạo Phật. Vì vậy, tùy theo căn cơ và hạnh nguyện khác nhau mà có các pháp tu và giai vị khác nhau.

4. Tâm bất thối của Bồ Tát có thể bị lay chuyển không?

Phật lại hỏi Xá lợi Tử: “Ý ngươi thế nào? Như vậy, tất cả A la hán tâm dứt hẳn các lậu cùng với tâm một Bồ Tát bất thối, thì thế lực oai thần vị nào thù thắng hơn?”

Xá lợi Tử bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa Phật nói, tâm Bồ Tát bất thối thế lực thù thắng hơn”.

Phật bảo: “Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Ngươi nên quán như vầy: Vô lượng vô lậu các A la hán, tất cả lại hóa làm trăm ức quân ma

mạnh mẽ. Các quân ma này dùng hết thần lực của mình, cũng không thể làm cho tâm Bồ Tát biến chuyển được. **Do đây, nên biết tâm lực Bồ Tát thù thắng hơn tâm lậu tận của các A la hán**”. Giống như ngọc Lưu ly giữa đám ngọc Ca già mạc ly, ánh sáng của ngọc Lưu ly chiếu sáng rực rỡ, thù thắng làm lu mờ ánh sáng của ngọc Ca già. “Do nhân duyên này nên Ta nói như vầy: Tâm Đại Bồ Tát bất thối đối với tâm vô lậu các Độc giác và các Thanh văn, là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng”.

Nếu đem hằng sa thế giới 10 phương nghiền nát thành bụi, rồi bụi này lại được biến thành trăm ngàn ức A la hán có đầy đủ thần thông rộng lớn như Đại Thái Thúc Thị *(Đại Mục Kiền Liên)*. Các A la hán này lại hóa thành quân ma. Thế lực của quân ma to rộng như vậy cũng không thể làm cho tâm Bồ Tát thối chuyển được. Vì thần lực của đại Bồ Tát bất thối vô lượng, không thể nghĩ bàn, không thể nói hết. Chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể biết, mới có thể thuyết hết thần lực của tâm đại Bồ Tát bất thối kia.

Lúc đó, Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử: “Do nhân duyên gì mà tâm đại Bồ Tát bất thối không bị lay chuyển”?

Xá lợi Tử đáp: “Do khi các Bồ Tát hành bố thí đều **duyên nơi Nhất thiết trí trí**. Khi chứng đắc bất thối chuyển như vậy, tâm không tùy duyên mà bị biến chuyển”.

(...) Vì vậy, Bồ Tát muốn không thối chuyển thì thường y chỉ vào Nhất thiết trí trí, tu Bồ Tát hạnh, chớ ưa thích thừa nào khác”.

Thần lực nơi tâm của các vị Bồ Tát bất thối vô lượng vô số không thể nghĩ bàn, không thể lay chuyển. Kinh thuyết như vậy quá đủ không cần giải thích thêm.

5. Bồ Tát khởi tác ý nhị thừa thì chướng ngại Nhất thiết trí trí, tổn hại Bồ đề tâm.

Bồ Tát chỉ cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nếu khởi tác ý ưa muốn, ngợi khen giáo pháp nhị thừa, sẽ trái với bổn nguyện, không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. ***Bồ Tát trụ tâm Đại thừa, có thể tu học và thuyết giảng giáo pháp Nhị thừa như Thế Tôn, nhưng không tham nhiễm.*** *Như vậy, không bị ác ma Nhị thừa chinh phục, mà còn chinh phục được tất cả.*

6. Bồ Tát bố thí phải khởi tác ý tương ưng với những gì?

Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề nên ***phát khởi tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí.*** *Nhưng muốn Nhất thiết trí trí không bị chướng ngại, muốn cho bố thí Ba la mật mau viên mãn, thì* ***Bồ Tát nên xa lìa phân biệt****. Không phân biệt người cho, kẻ nhận, cũng không phân biệt của thí. Bố thí với tâm vô hạn, bình đẳng, đó chính là Bố thí Ba la mật.*

Lúc bấy giờ, Phật dạy A nan: "Ngươi nên thọ trì những gì Xá lợi Tử đã thuyết. Chúng đại Bồ Tát mặc áo giáp đại nguyện, đến đại Bồ đề, đầy đủ khéo léo thù thắng, ý muốn tăng thượng, tu hành bố thí Ba la mật thì phải xả bỏ pháp, xả bỏ tiền tài, không nhiễm không trước".

Muốn được gọi là bố thí Ba la mật thì trước hết Bồ Tát phải trên cầu Vô thượng Bồ đề, dưới hóa độ chúng sanh với lòng lân mẫn, một trái tim nồng ấm đầy nhiệt tình để thực thi những hạnh nguyện cứu rỗi hữu tình. Bồ Tát phải xả bỏ tất cả, xả bỏ tài và pháp, xả bỏ cả sanh mạng và luôn luôn hướng về Nhất thiết trí trí… mới được tán tụng là chơn Bồ Tát và bố thí do Bồ Tát thực hiện mới được gọi là bố thí Ba la mật thanh tịnh.

Học bố thí cần nhớ câu: ***"cái gì cho đi thì còn, cái gì giữ lại thì mất"****.*

---o0o---

"Đàn Na Ba La Mật".

(Đại Trí Độ Luận)

Phần "Bố Thí Ba La Mật" chỉ thuyết chung chung một số giáo lý mà chúng ta đã tụng đọc từ Hội thứ I cho đến Hội thứ X, không có gì mới mẻ ở đây. Phần "Bố Thí Ba La Mật", Hội thứ XI phần lớn nhấn mạnh sự khác biệt về hạnh nguyện của Nhị thừa với Bồ Tát thừa.

Trước khi chấm dứt phần này, không gì hơn chúng tôi trích dẫn thêm pháp tu "Đàn Na Ba La Mật" trong Đại Trí Độ Luận, do Bồ Tát Long Thọ, bậc thật tu thật chứng thuyết giảng để chúng ta cùng học cùng hành cho đúng ý nghĩa vi diệu của nó.

Đây là phần giải thích riêng về "Bố Thí Ba La Mật" của Bồ Tát Long Thọ trong "Đại Trí Độ Luận", không căn cứ vào bất cứ Phẩm, Phần hay Hội nào trong Đại Bát nhã Ba la mật. Nên ý nghĩa của các giáo lý gần như khác với sáu Hội cuối cùng từ Hội thứ XI cho đến Hội thứ XVI của ĐBN. Xin các đạo hữu chậm rãi thưởng thức:

A. Nghĩa của Bố Thí Ba La Mật:

Hỏi: *Bồ Tát hành bố thí là đã làm việc lợi ích cho chúng sanh rồi. Sao còn phải đầy đủ Đàn Ba La Mật?*

Đáp: Bố thí vô lượng pháp làm lợi ích cho chúng sanh gọi là ĐÀN, nhưng phải biết tùy chúng sanh làm bố thí.

ĐÀN là diệu pháp trừ khổ, ban vui cho mọi loài.

ĐÀN là đường dẫn đến cõi Trời, cõi Phật, nhiếp cả đạo Trời Người.

ĐÀN đem lại sự an ổn cho chúng sanh, khiến đến khi mạng chung vẫn giữ được tâm không sợ hãi.

ĐÀN là tâm từ, thường hay cứu giúp chúng sanh.

ĐÀN là nơi chứa nhóm các niềm vui, thường hay phá trừ các khổ.

ĐÀN là dũng tướng hàng phục xan tham.

ĐÀN là diệu quả, là ước mơ của các loài Trời, Người.

ĐÀN là đường thanh tịnh, nơi Thánh Hiền dạo chơi.

ĐÀN là nơi tích tập phước đức.

ĐÀN là duyên tu chứng.

ĐÀN là thiện hạnh dẫn đến thọ quả báo tốt.

ĐÀN là tướng phước nghiệp của các loài Trời, Người.

ĐÀN là lưỡi dao bén cắt đứt 3 đường ác, đoạn trừ bần cùng, khổ cực.

ĐÀN là quả báo phước đức an vui.

ĐÀN bước đầu dẫn vào Niết Bàn, diệu pháp dẫn vào Thánh Chúng.

ĐÀN là tâm kham nhẫn làm công đức, chẳng ngại khó khăn, chẳng hề luyến tiếc.

ĐÀN là nhà của các thiện pháp, là gốc của đạo hạnh, đem lại an vui hạnh phúc.

ĐÀN là ruộng phước dẫn chúng sanh vào đạo Niết Bàn, là bến mát của các bậc Thánh Hiền.

Đó là chân nghĩa của "bố thí". Vậy, có thể nói "bố thí" là dẫn đến từ tâm, nó là nhân của chân thiện mỹ hay nói khác nó là cửa các thiện pháp và cũng là cửa để vào Phật đạo. Nếu bố thí được ***tam luân thanh tịnh*** *thì gọi* ***đáo bỉ ngạn*** *hay nói khác là giải thoát đến bến bờ mong muốn.*

B. Tán thán nghĩa Bố Thí Ba La Mât:

Người có trí huệ mới rõ được nghĩa Đàn Ba La Mật. Ví như gặp cảnh nhà cháy, người có trí mới biết lượng theo thế lửa và hướng gió, để đưa người và tài sản ra khỏi nhà lửa một cách an toàn. Người trí rõ biết thân là khổ, tài vật là vô thường, nên kịp thời tu phước để đời sau được an lạc.

Người ngu gặp cảnh nhà cháy, chỉ biết tiếc của cải mà chẳng biết lượng thế lửa, hướng gió, đành để cho nhà bị thiêu rụi, tài sản tiêu tan.

Nếu suốt đời chỉ lo vơ vét cho đầy túi tham, thì đến khi chết rồi thân cũng trở về với tứ Đại, chẳng được lợi ích gì cho đời sau.

Người có trí huệ rõ biết thân như huyễn, của cải là tạm bợ, vạn vật đều vô thường. Do ngộ lý Vô Thường, nên thường hành Bố Thí, được nhiều phước đức, lợi lạc cho mình người, ở đời này và cả đời sau.

Lại nữa, người khéo bố thí được mọi người tin yêu, kính trọng ví như mặt trăng soi sáng suốt đêm dài, được mọi người chiêm ngưỡng. Trì giới thanh tịnh được sanh lên cõi trời. Thiền Định không nhiễm trước dẫn đến Niết Bàn tịch tịnh.

Bố thí cũng tạo phước đức, làm tư lương dẫn đến Niết Bàn. Vì sao? Vì người hành bố thí, do nhất tâm quán sanh diệt, quán vô thường, mà được đạo Niết Bàn vậy.

C. Tướng của Bố Thí Ba La Mât:

Hỏi: *Vì sao gọi Bố Thí là Đàn?*

Đáp: Vì người hành Bố Thí có tâm tương ưng với thiện, luôn nhớ nghĩ đến người khác, nên gọi Bố Thí là Đàn. Vì sao ? Vì có nhớ nghĩ đến người khác mới có được ruộng phước để hành Bố Thí. Bố Thí phải hội đủ 3 điều kiện. Đó là: 1- Có thiện tâm, 2- Có ruộng phước và 3- Có tài vật.

Lại nữa, vì người hành Bố Thí có tâm xả, nên gọi Bố Thí là Đàn.

Phải có tâm xả pháp, mới phá được xan tham, mới sanh được niệm Từ, mới hành được Bố Thí.

Bố Thí cũng phải hội đủ 3 điều kiện. Đó là:

1- Tâm tương ưng pháp,

2- Tâm xả pháp và

3- Tâm hành pháp.

Lại nữa, người hành Bố Thí phải hội đủ 3 điều kiện nữa. Đó là:

1- Thân chứng,

2- Huệ chứng, và

3- Giác quán.

Trong A Tỳ Đàm có phân biệt 2 trường hợp Bố Thí. Đó là:

1- Tịnh thí và

2- Bất tịnh thí.

Phàm phu, vì tâm chấp đắm, so lường, nên chỉ hành Bất Tịnh Thí mà thôi. Vì sao? Vì phàm phu hành bố thí do nhiều nhân duyên bất tịnh như: Vì cầu tài mà bố thí, vì sợ thua người mà bố thí, vì sợ hoạn nạn mà bố thí, vì sợ chết mà bố thí, vì phú quí mà bố thí, vì tranh thắng mà bố thí, vì kiêu mạn mà bố thí, vì danh dự mà bố thí, vì chú nguyện mà bố thí, vì lợi dưỡng mà bố thí v.v… Các trường hợp Bố thí như vậy gọi là Bất Tịnh Thí.

Trái lại, **vì Đạo Giải Thoát mà bố thí, thì gọi là Tịnh Thí**. Phải đem tâm thanh tịnh, chẳng cầu phước báo, chẳng vì cung kính hay sợ hãi, chẳng vì thiên vị hay bị ép buộc v.v… mà bố thí mới gọi là Tịnh Thí. Tịnh Thí dẫn đến đạo Niết Bàn. Dù chưa được Niết Bàn cũng hưởng được nhiều phước lạc.

Lại nữa, vì Niết Bàn mà bố thí, thì cũng được quả báo thanh tịnh. Phật dạy "Có 2 hạng người rất khó được". Đó là:

- Tỳ Kheo xuất gia được giải thoát.
- Cư sĩ tại gia thanh tịnh bố thí.

Bố Thí thanh tịnh như vậy được vô lượng phước báo đời đời chẳng mất; ví như trồng cây đúng thời tiết thì cây được tốt tươi, đơm hoa kết trái. Vì sao? Vì:

- Diệt hết các kiết sử là khai mở đạo Niết Bàn.
- Không luyến tiếc vật sở hữu là trừ được xan tham.
- Sanh tâm cung kính người thọ thí là trừ được tật đố.
- Trực tâm bố thí là trừ được siểm khúc.

- Nhất tâm bố thí là trừ được trạo cử.
- Tư duy bố thí là kết tụ công đức.
- Không chấp thủ tài vật là trừ được tham ái.
- Thương xót người thọ thí là trừ được kiêu mạn.
- Biết làm các pháp thiện là trừ được vô minh.
- Tin có quả báo là trừ được tà kiến.
- Biết quyết định có quả báo là trừ được tâm nghi.

Bố thí như vậy thì 6 căn đều được thanh tịnh, thiện tâm tăng trưởng, nội tâm nhu nhuyến khinh an. Do quán quả báo công đức, nên được tín tâm thanh tịnh.

Bố thí như vậy là được đầy đủ các pháp thiện, được thân tâm nhu nhuyến, hỷ lạc, được nhất tâm, được thật trí huệ.

Lại nữa, do bố thí như vậy, mà làm nảy sanh ở trong tâm đầy đủ 8 Thánh Đạo, 37 Phẩm Trợ Đạo v.v…

Lại có trường hợp, do bố thí mà được 32 tướng tốt, được làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, có được đầy đủ 7 báu v.v…

Phật dạy: “Bố thí cho người từ xa đến, cho người bệnh, cho người đang gặp hoạn nạn, như nạn lửa, nạn gió, nạn nước, nạn giặc giã v.v… được thêm phần phước báo”.

Lại nữa, ruộng phước càng lớn thì phước đức càng nhiều. Ví như đem vườn nhà bố thí cho người tu hành, cúng dường cho Tăng Chúng thì được phước báo rất lớn.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Thời xưa, ở nước Đại Nguyệt Thị, trong thành Thích Ca La, có một họa sĩ đi qua nước Đà La ở về phương Đông để hành nghề. Sau 15 năm, ông dành dụm được 30 cân vàng đem về cho gia đình.

Khi vừa đến nơi, ông nghe trong thành đánh trống triệu tập đại hội và thấy Chúng Tăng thanh tịnh tề tựu ở hội trường, ông hỏi vị Duy Na: “Cúng dường một ngày ăn uống cho cả Chúng Hội phải tốn kém bao nhiêu?”

Vị Duy Na đáp: “Khoảng 30 cân vàng”.

Ông liền nói: “Cho phép tôi được cúng dường một ngày ăn uống”.

Cúng dường Chúng Tăng xong, ông trở về nhà với hai bàn tay trắng.

Bà vợ ông hỏi: “Ông đi làm ăn xa suốt 15 năm dài. Nay trở về nhà, ông có đem được gì về chăng?”

Ông đáp: "Tôi dành dụm được 30 cân vàng. Nhưng nay tôi đã đem số vàng ấy cúng dường cho Chư Tăng và Chúng Hội cả rồi".

Bà vợ giận quá, bèn trói ông lại, dẫn ông đến cửa quan, và thưa rằng: "Chồng tôi chẳng nghĩ gì đến bổn phận đối với vợ con. Dành dụm được bao nhiêu ông đem cho người khác hết sạch".

Vị quan hỏi ông lý do, ông đáp: "Đời trước tôi chẳng khéo tu công đức bố thí, nên ngày nay phải chịu cảnh bần khổ. Nay có được duyên lành, gặp được ruộng phước chư tăng, mà tôi không trồng, cội phước thì về sau còn sẽ phải bị bần khổ mãi mãi".

Vị quan ấy là một vị Ưu Bà Tắc có tín tâm thanh tịnh, kính Phật, trọng Tăng. Vừa nghe xong vị quan, bèn khen rằng: "Ngươi quả thật là một người thiện, biết xả tài hành thí, đem của mồ hôi nước mắt của mình dành dụm trong nhiều năm để cúng dường Chư Tăng. Thật là một tấm gương sáng để người khác noi theo".

Nói như vậy rồi, vị quan truyền lấy vàng của mình đem bố thí lại cho nhà họa sĩ, và nói rằng: "Bố thí với tâm thanh tịnh được phước đức rất lớn".

Lại nữa, phải nên biết có 2 thứ ĐÀN. Đó là:

- Thế Gian Đàn.
- Xuất Thế Gian Đàn.

Thế Gian Đàn và Xuất Thế Gian Đàn hoàn toàn khác nhau:

Bố thí với tâm hữu lậu, thì gọi là Thế Gian Đàn.

Các bậc Thánh, đã được Vô Tác Tam Muội, đã trừ sạch kiết sử, xan tham, nên dù phương tiện dùng tâm hữu lậu bố thí, mà vẫn gọi là hành Xuất Thế Gian Đàn.

Thế Gian Đàn là Bất Tịnh Thí, tức là bố thí không thanh tịnh.

Xuất Thế Gian Đàn là Tịnh Thí, tức là bố thí thanh tịnh.

Thế Gian Đàn là bố thí mà còn vướng mắc kiết sử.

Xuất Thế Gian Đàn là bố thí không trụ tướng, bố thí mà chẳng có niệm phân biệt giữa người cho, người nhận và vật cho, vì rõ biết tất cả đều là nhất tướng, là vô tướng, là thường trụ như hư không. Bố thí mà còn sanh tâm chấp chỉ là Thế Gian Đàn, là điên đảo, là không thật.

Bố thí với tâm như như, không điên đảo, rõ biết Thật Tướng Pháp, mới là Xuất Thế Gian Đàn.

Xuất Thế Gian Đàn được các bậc Thánh Nhân xưng tán, vì Xuất Thế Gian Đàn là bố thí theo đúng nghĩa của Thật Tướng Pháp, hòa hợp với Thật Tướng Trí Huệ.

Bố thí chỉ cầu giải thoát sanh tử cho mình là Thanh Văn Đàn.

Bố thí vì sự giải thoát sanh tử cho hết thảy chúng sanh là Bồ Tát Đàn.

Bố thí vì sợ sanh tử là Thanh Văn Đàn.

Bố thí vì giáo hóa chúng sanh mà không sợ sanh tử là Bồ Tát Đàn.

Trong kinh Bổn Sanh có chép mẫu chuyện về vua Ba La Bà và Bồ Tát Vi La Ma, như sau:

Bồ Tát Vi La Ma là vị Bổn Sư của vua Ba La Bà, dạy nhà vua rằng: "Ngài đã được vô lượng vinh hoa phú quí rồi; nay ngài cần phải nghĩ đến việc làm lợi ích cho chúng sanh".

Nhà vua nghĩ rằng: "Dù ta chẳng còn mong cầu phú lạc, nhưng vì vạn pháp là vô thường nên ta phải hành đại bố thí".

Nghĩ như vậy rồi, nhà vua tự tay thảo bố cáo cho các Bà La Môn và hết thảy các hàng xuất gia hãy đến cung vua để thọ nhận cúng dường.

Nhà vua được 8400 vị Quốc Vương và hảo tâm khác giúp sức, nên nguyện bố thí và cúng dường đầy đủ các vật dụng cần thiết trong 12 năm.

Bồ Tát Vi La Ma tán thán rằng:

Làm vừa lòng tất cả,
Là việc rất khó làm.
Nay ngài, vì Phật Đạo,
Quyết tâm hành Tịnh Thí.

Lúc bấy giờ, chư Thiên ở cõi Tịnh Cư Thiên dùng kệ hỏi:

Do đại nhân duyên gì,
Mở cửa đại bố thí?
Vì thương xót chúng sanh,
Hay vì cầu Phật Đạo?

Chư Thiên lại suy nghĩ: "Nay chúng ta hãy đóng kín bình vàng lại, khiến nước không còn chảy xuống nữa".

Biết rõ ý nghĩ của chư Thiên, các Ma vương hỏi rằng: “Các Bà La Môn cũng đều là những người xuất gia, cầu đạo. Vì sao lại cho họ chẳng phải là ruộng phước, lại đóng kín bình vàng khiến nước không chảy xuống được?”

Chư Thiên đáp: “Bố thí phải vì Phật Đạo. Nay các Bà La Môn toàn là những người theo tà kiến. Họ chẳng phải là ruộng phước”.

Các Ma Vương lại hỏi chư Thiên: “Làm sao có thể biết đích thật ai là người thực tâm cầu Phật Đạo?”.

Lúc bấy giờ, có một vị Trời ở cõi Tịnh cư Thiên, tự hóa thành một người Bà La Môn, đến hỏi vua Ba La Bà rằng: “Ngài cầu gì mà hành đại bố thí?”

Nhà vua dùng kệ đáp:

Tôi nguyện được Vô Dục,
Lìa Sanh Già Bệnh Chết,
Nhất tâm cầu Phật Đạo,
Nhằm độ hết chúng sanh.

Hóa Bà La Môn lại nói: “Phật Đạo rất khó được. Ngài nên cầu được phước báo khác”.

“Dù cho vành bánh xe lửa quay trên đầu tôi, tôi vẫn nhất tâm cầu Phật Đạo, chẳng mảy may hối hận. Vì sao? Vì chúng sanh trôi lăn trong 3 đường ác, chịu vô lượng khổ đau, nên tôi nhất tâm cầu Phật Đạo, chẳng bao giờ thối chuyển”.

Hóa Bà La Môn tán thán: “Lành thay! Lành thay!”. Rồi nói kệ:

Ngài dõng mãnh tinh tấn,
Thương xót mọi chúng sanh.
Trí huệ vô quái ngại,
Không lâu sẽ thành Phật.

Lúc bấy giờ, trời mưa hoa cúng dường. Nhà vua lấy bình nước đổ lên tay Hóa Bà La Môn, nhưng nước không chảy. Nhà vua tự nghĩ: “Tâm ta chưa thanh tịnh chăng?”

Chư Thiên bèn nói rằng: "Người tà kiến, bị lưới nghi phiền não phá chánh kiến, khiến phải xa lìa thanh tịnh giới sẽ đọa vào các đường khổ".

Rồi dùng kệ nói rằng:

Ác tà trong biển người
Không thuận với Chánh Đạo
Những người ở nơi đây,
Chẳng đại tâm như ngài.

Nhà vua nghe xong, dùng bài kệ đáp lại:

Nếu trong khắp mười phương,
Có ai tâm thanh tịnh.
Tôi xin nguyện quy mạng,
Đảnh lễ và cúng dường.

Nói xong, tay phải cầm bình nước dốc xuống tay trái, nhà vua tự lập nguyện rằng: "Nếu tôi thật sự hành đại bố thí, thì xin cho nước trong bình tự chảy ra".

Ngay lúc bấy giờ, Hóa Bà La Môn thấy nước trong bình chảy trên tay nhà vua, liền dùng kệ tán thán rằng:

Nước từ bình chảy ra,
Thanh tịnh tợ lưu ly.
Nước chảy khắp tay ngài
Lành thay Đại Bố Thí!

Nhà vua nghe như vậy, càng sanh tâm cung kính, nói kệ rằng:

Tôi nay hành Bố Thí
Chẳng Cầu phước ba cõi,
Mà vì mọi chúng sanh,
Bố thí cầu Phật Đạo.

Nhà vua vừa nói dứt bài kệ, thì Đại Địa chấn động.

Kinh Bổn Sanh còn nêu nhiều trường hợp bố thí chẳng tiếc thân mạng như sau:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi còn là Bồ Tát, đi khắp 4 Châu Thiên Hạ để cầu Phật Đạo. Gặp một Bà La Môn, Bồ Tát xin cầu Đạo. Vị Bà La Môn ấy nói: "Ông hãy lấy mỡ nơi thân ông thắp đèn, rồi ta sẽ thuyết kệ cho nghe". Bồ Tát chẳng ngần ngại làm theo, để được nghe thuyết kệ.

Lại nữa, có thời Bồ Tát làm thân chim bồ câu trên núi Tuyết Sơn, thấy một người nghèo khổ, lạnh cóng, đang cần được sưởi ấm, chim liền tự đốt thân mình để bố thí cho người ấy.

Như vậy gọi là Nội Bố Thí, không tiếc thân mạng; cũng còn gọi là Đàn Ba La Mật.

D. Pháp Thí Ba La Mật:

Hỏi: *Thế nào gọi là Pháp Thí?*

Đáp: Đem những lời hay đẹp, có lợi ích, nói cho người khác nghe, gọi là Pháp Thí.

Ví như đem Giáo Pháp của 3 Thừa Giáo dạy người, đem 4 Pháp Tạng dạy người, đem những lời diệu thiện trong Phật pháp dạy người... đều gọi là Pháp Thí cả.

Hỏi: *Đề Bà Đạt Đa cũng đem Giáo Pháp của 3 Thừa Giáo dạy cho người. Như vậy, vì sao thân Đề Bà Đạt Đa lại bị đọa vào Địa Ngục?*

Đáp: Đề Bà Đạt Đa, vì tà kiến, vì cầu lợi danh, chẳng phải vì Đạo Thanh Tịnh mà thí pháp, nên phải đọa vào Địa Ngục.

Người thí pháp phải thường giữ tâm thanh tịnh; hành động thí pháp phải bắt nguồn từ thiện tâm. Thí pháp như vậy mới có được phước đức bố thí.

Lại nữa, người thuyết pháp phải thường tịnh tâm, tư duy, tán thán Tam Bảo, chỉ rõ tội phước, nói rõ 4 Thánh Đế... để giáo hóa chúng sanh, dẫn họ vào Phật Đạo.

Pháp thí chân tịnh phải hội đủ 2 điều kiện. Đó là:

- Không làm não hại chúng sanh, mà trái lại phải làm tăng trưởng thiện tâm nơi họ.

"Thường quán pháp KHÔNG. Lấy đó làm nhân duyên cho Niết Bàn. Bởi nhân duyên vậy, nên người thuyết pháp, ở trong đại chúng, phải luôn

luôn giữ tâm thanh tịnh; nói pháp chỉ vì cầu Phật Đạo, chẳng phải vì danh vọng hoặc vì lợi dưỡng.

--o0o--

Hỏi: *Giữa Tài Thí và Pháp Thí, lối bố thí nào hơn?*

Đáp: Phật dạy "Trong 2 lối bố thí, thì Pháp Thí là hơn hết".

Vì sao? Vì Tài Thí phải nhờ đến ngoại vật, còn Pháp Thí chỉ ở tại tâm. **Tài Thí chỉ nuôi dưỡng sắc thân người, Pháp Thí nuôi dưỡng Pháp Thân**. Bởi vậy nên so sánh 2 lối bố thí, thì Pháp Thí thắng hơn.

Hỏi: *Vì sao nói "Pháp Thí là việc khó làm"?*

Đáp: Thuyết pháp để độ chúng sanh là việc rất khó làm.

Hàng Thanh Văn chỉ độ được mình mà không độ được người. Vì sao? Vì không thuyết pháp đúng với Thật Tướng các pháp.

Lại nữa, nhờ hành pháp Thí mà hành giả phân biệt được hữu lậu với vô lậu, rõ được Thật Tướng các pháp, được tâm thanh tịnh, không bị lay chuyển, không bị phá hoại, thẳng tiến đến Phật Đạo.

Hỏi: *Có 4 hạnh xả là Tài Xả, Pháp Xả, Vô úy xả và Phiền Não Xả. Vì sao chỉ nói đến Tài xả và Pháp xả mà không nói gì đến 2 hạnh xả kia?*

Đáp: Vô Úy xả cùng với Thi La chẳng khác nhau nên không nói. Hơn nữa, đã có Bát Nhã thì chẳng còn có phiền não, tức là đã xả sạch phiền não rồi, nên không nói đến Phiền Não xả làm gì nữa.

Bởi nhân duyên vậy, nên khi nói đến 6 pháp Ba La Mật, thì chẳng cần phải nói đến 4 hạnh xả nữa, vì ở nơi Bát nhã Ba la mật đã đầy đủ cả 4 hạnh xả rồi vậy.

Hỏi: *Thế nào gọi là Đàn Ba La Mật?*

Đáp: ĐÀN đã được giải nghĩa rồi.

BA LA MẬT có nghĩa là đáo bỉ ngạn, tức là qua bờ bên kia.

Bờ bên này là bờ mê, bờ bên kia là bờ giác, hành giả phải vượt qua sông Ái mới đến được bờ bên kia.

Hỏi: *Thế nào gọi là "Không đến bờ bên kia"?*

Đáp: "Không đến bờ bên kia" có nghĩa là vượt sông Ái nhưng chưa đến được bờ bên kia thì đã vội quay trở về.

Trong kinh có dẫn dụ trường hợp của ngài Xá Lợi Phất như sau; Ngài Xá Lợi Phất tu bố thí trong 60 kiếp. Một hôm ngài gặp 1 người đến xin bố

thí, ngài liền nói: "Ông đến xin tài vật của tôi, dẫn đến xin thân của tôi, tôi cũng sẵn sàng cho ông cả".

Người ấy nói: "Tôi chỉ muốn xin con mắt của ông thôi. Tôi chẳng muốn xin tài vật của ông cũng chẳng muốn xin hết cả thân của ông".

Ngài Xá Lợi Phất tự móc mắt của mình trao cho người ấy. Vừa cầm con mắt trên tay, người ấy liền vứt ngay xuống đất, lấy chân chà lên. Ngài Xá Lợi Phất tự nghĩ rằng: "Hạng người tội ác như vậy, ta không thể độ được". Nghĩ như vậy rồi, ngài bỏ đại tâm làm lợi tha, trở về Thanh Văn Thừa lo phần tự lợi.

Lại nữa, phải nên biết "Bờ bên này là bờ xan tham", cho nên hành giả phải hành bố thí để làm phương tiện vượt qua sông Ái, đến bờ bên kia, là bờ Giác, là Phật Đạo.

Còn chấp "Hữu-Vô" là còn ở bờ bên này; phá được chấp "Hữu-Vô" mới có được trí huệ dẫn đến bờ bên kia. Cho nên siêng năng tu bố thí là phương tiện hữu hiệu giúp hành giả vượt sông Ái qua đến bờ bên kia vậy.

Lại nữa, có 2 thứ Đàn. Đó là:

1- Ma Đàn và

2- Phật Đàn

- Nếu do bị kiết sử, phiền não chi phối, mà bố thí, thì gọi là Ma Đàn.
- Nếu bố thí với tâm thanh tịnh, không sợ hãi, không hối tiếc, không thối chuyển, thì gọi là Phật Đàn. Phật Đàn đưa hành giả đến bờ bên kia.

Trong Kinh Độc Xà Dụ có kể mẩu chuyện như sau:

Có 1 ông vua trao cho một tội nhân một hộp dựng 4 con rắn độc, bảo phải chăm sóc, nuôi nấng.

Người ấy quá lo sợ, tự nghĩ rằng "Loài rắn độc nguy hại, chẳng nên nuôi dưỡng làm gì". Nghĩ như vậy rồi, người ấy bèn vứt bỏ hộp rắn đi, rồi tìm cách chạy trốn.

Nhà vua sai 5 người cầm dao rượt đuổi theo. Đến một nơi đồng trống, người ấy gặp 1 người hiền khuyên rằng "Chỗ này nhiều giặc cướp, chắc chắn ngươi sẽ bị sát hại. Ngươi hãy mau mau tìm đến con sông lớn ở đằng xa kia tìm cách vượt qua bờ bên kia; ngươi sẽ được an lạc thanh tịnh".

Người ấy nghe xong, lấy 8 khúc cây kết lại thành bè, vượt qua được sông an toàn.

Trong mẩu chuyện này:

- Nhà vua dụ cho Ma Vương.

- Hộp đựng 4 rắn độc dụ cho thân tứ đại, đầy tham dục xấu ác.
- 5 người cầm dao dụ cho 5 ấm.
- Nơi đồng trống hoang vắng đầy giặc cướp dụ cho tâm thâm độc, tà ác, chẳng chút phước đức.
- Không nên trú dụ cho vứt bỏ 6 tình.
- Người hiền dụ cho bậc minh sư.
- Sông lớn dụ cho sông Ái.
- Bè kết bằng 8 khúc cây dụ cho 8 Thánh Đạo.
- Bờ bên này dụ cho Thế Gian.
- Bờ bên kia dụ cho Niết Bàn.
- Qua được bờ bên kia là được Vô Lậu Giải Thoát, chứng được Lậu Tận A La Hán.

Bồ Tát hành bố thí chẳng chấp "Có Ta là người hành thí, có người thọ thí của ta, có vật ta đem ra thí". Bồ Tát, ở nơi cả 3 pháp ấy, được thanh tịnh, vô ngại, được chư Phật thán khen.

Vì sao? Vì khi bố thí mà sanh chấp tâm thì liền đọa vào cảnh giới của Ma vậy.

Bồ Tát Tu Đàn Ba La Mật và các Ba La Mật khác đầy đủ, nên đến được bờ bên kia.

Hỏi: *Qua bờ bên kia rồi còn có gì khác nhau nữa chăng?*

Đáp: Tuy cùng qua được bờ bên kia, nhưng cũng có sai khác:

- Nếu qua bờ bên kia, mà chỉ nhằm thoát ly sanh tử, chỉ cầu được vô úy, vô lậu cho riêng chính mình, là chưa có được tâm đại bi, chưa phải vì hết thảy chúng sanh hành bố thí, nên chưa được gọi là Đàn Ba La Mật.
- Nếu qua bờ bên kia nhằm độ thoát hết thảy chúng sanh, vì rõ biết tướng của bố thí thường thanh tịnh, chẳng có sanh, chẳng có diệt, là vô lậu vô vi như tướng của Niết Bàn mới thật là Đàn Ba La Mật.

Lại nữa, bố thí chẳng cùng tận mới gọi là Đàn Ba La Mật. Vì sao? Vì chúng sanh chẳng cùng tận, nên bố thí cũng chẳng cùng tận.

Bồ Tát tu đầy đủ 6 pháp Ba La Mật qua được bờ bên kia là đầy đủ Đàn Ba La Mật. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật thoát ly sanh tử cũng qua bờ bên kia, nhưng không được đầy đủ Đàn Ba La Mật.

Hỏi: *Bố thí như thế nào mới được đầy đủ viên mãn Đàn Ba La Mật?*

Đáp: Xả thân mạng mà không tiếc, dùng tâm bình đẳng mà bố thí chẳng cầu phước báo, mới gọi là đầy đủ, viên mãn Đàn Ba La Mật.

Bồ Tát từ khi sơ phát tâm đến khi thành Đạo, hành bố thí như vậy nên được đầy đủ viên mãn Đàn Ba La Mật.

Bồ Tát tu đến Đệ Thất Địa, rõ biết Thật Tướng các pháp, đem trí huệ giáo hóa chúng sanh, trang nghiêm Phật độ, cúng dường chư Phật khắp 10 phương, lại bố thí đầy đủ các thức ăn uống cho các loài Ngạ Quỷ, Địa Ngục, Súc Sanh, khiến họ có được thiện duyên tiêu trừ các tội lỗi, lại vì hết thảy chúng sanh bố thí pháp, khiến họ sanh tâm hoan hỷ, phát khởi tín tâm, hướng về Phật Đạo.

Trong Kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Ở nước Nguyệt Quang có người bị bệnh nặng, đến xin Thái Tử cứu chữa. Thái Tử hỏi ý kiến vị Ngự Y: "Bệnh của người này quá nặng, phải dùng phương thuốc gì để chữa trị?"

Vị Ngự Y thưa: "Chỉ có thể dùng huyết và tủy não mới chữa trị được".

Thái Tử nghe vậy, liền bảo người đồ tể giết mình để lấy huyết và tủy não cho người bệnh, chẳng mảy may luyến tiếc. Như vậy Thái Tử đã xả bỏ sanh thân, hành Bố Thí Ba La Mật để được viên mãn Pháp Thân.

Hỏi: *Vì sao hành Bố Thí Ba La Mật mà được viên mãn Pháp Thân?*

Đáp: Bồ Tát đem đầu, mắt, tủy, não bố thí mà chẳng hề luyến tiếc.

Như vậy là đã xả nhục thân, để được Vô Sanh Pháp Nhẫn, cho nên được viên mãn Pháp Thân.

Trong Kinh Bổn Sanh có chép các mẩu chuyện sau đây:

"Vào một thời trong quá khứ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn là Bồ Tát, đã làm thân voi 6 ngà.

Một hôm, thấy người thợ săn đang chuẩn bị bắn mình, voi cất tiếng hỏi: "Ông muốn bắn tôi để làm gì?"

Người thợ săn đáp: "Tôi cần lấy ngà".

Tức thì voi đến sườn núi tự nhổ các ngà để cho người thợ săn, máu chảy ra lênh láng mà vẫn thanh tịnh, chẳng chút sợ hãi, luyến tiếc. Như vậy là Bồ Tát Bố Thí Ba La Mật để được viên mãn Pháp Thân".

--o0o--

Bồ Tát dùng đủ mọi phương tiện thiện xảo, thị hiện sanh trong các loài, hóa tác ra vô lượng tài vật quý báu để bố thí, nhằm giáo hóa chúng sanh và cúng dường chư Phật.

Hành bố thí như vậy là được viên mãn Pháp Thân.

Đàn Ba La Mật có 3 thứ , đó là Vật thí, Cung kính thí, và Pháp thí:

- Vật thí: Là đem nội ngoại vật sở hữu của mình mà bố thí cho người khác.

- Cung kính thí: Là cung kính lễ bái, cúng dường các bậc mà mình tôn kính.

- Pháp thí: Là đem pháp nhiệm mầu của Phật, đem những điều đạo đức giảng nói cho người khác nghe, khiến họ trừ được nghi hối và sanh được tín tâm thanh tịnh, hướng về Đạo Giải Thoát.

Hỏi: *Dạy 5 giới cho người có phải là pháp thí không?*

Đáp: Bố thí phải hội đủ 3 nhân duyên. Đó là: - Tín tâm thanh tịnh, - Tài vật và - Ruộng phước (phước điền)

1- Bố thí với **tín tâm** thanh tịnh là bố thí bình đẳng, vừa thương xót chúng sanh, vừa cung kính các bậc tôn túc có đầy đủ công đức.

Đối với cả hai hạng người này, đều phải cung kính, lân mẫn, trong lúc hành bố thí cúng dường…

2- **Tài vật** thí là bố thí những tài vật của chính mình có, chẳng phải do mình cướp trộm, lường gạt dối trá mà có được.

3- **Ruộng phước** có 2 nghĩa. Đó là:

1/. Ruộng phước do thương xót (lân mẫn),

2/. Ruộng phước do cung kính.

Như vậy do thương xót hay cung kính chúng sanh mà trao 5 giới cho họ cũng là một hình thức pháp thí vậy.

Ví như vua A Dục đem đất đai, thành quách cúng dường Phật và chư Tăng là một trường hợp điển hình về tài vật thí. Lại như có người nữ đem chuỗi anh lạc và 7 báu của mình cúng dường tháp Phật Ca Diếp là tín tâm thanh tịnh thí vậy.

Hỏi: *Nếu nói "Đàn là pháp xả tài vật", thì sao còn nói là pháp "vô sở xả"?*

Đáp: Có hai thứ Đàn. Đó là :

- Thế Gian Đàn

- Xuất Thế Gian Đàn

Xuất Thế Gian Đàn là vô tướng, cho nên là pháp Vô Sở Xả.

Tuy thật có tài vật đem ra bố thí, nhưng khi hành bố thí, hành giả không chấp có ta là người hành thí, không chấp có người thụ thí của ta, cũng không chấp có tài vật của ta đem ra để bố thí.

Cả 3 pháp "Người thí, người thụ và vật thí" đều thanh tịnh, đều là bất khả đắc cả.

Bố thí như vậy gọi là pháp Vô sở xả, có đại công đức, vì không sanh kiêu mạn, không sanh ái kiết.

Người thế gian dù chẳng còn kiêu mạn, nhưng cũng còn có ái pháp, nên khi bố thí chỉ mới xả tài mà chưa có xả thí.

Các bậc xuất thế gian, do chẳng còn có kiêu mạn, chẳng còn có ái kiết nên khi hành bố vừa xả tài, vừa xả thí. Bố thí như vậy mới là pháp xả đầy đủ, là pháp vô sở xả vậy…

Hỏi: *Vì sao nói "Đầy đủ Đàn Ba La Mật cũng chỉ là danh, cũng là bất khả đắc?" Đã nói đến bố thí thì phải có người thí, có người thụ, có vật thí. Như vậy là đã có nhân duyên, có quả báo bố thí rõ ràng. Sao lại nói chỉ là danh, là bất khả đắc?*

Đáp: Đây chỉ là do nhân duyên tạo tác có sai khác, mà khởi phân biệt các danh từ "Thật" hay "Không thật" vậy thôi.

Ví như tấm vải do nhiều sợi vải dệt thành. Khi còn là những sợi vải thì nói tấm vải là "không thật", khi đã dệt xong thì nói tấm vải là "Thật".

Lại nữa nhân duyên tạo tác các vật cũng có thể là "thật có" hay là "không thật có". Ví như cảnh vật trong mộng, bóng trăng dưới nước đều không có nhân duyên tạo tác. Do phân biệt, đối đãi mà nói "trăng trên trời là thật", "trăng dưới nước là không thật". Tất cả các pháp ấy đều là giả danh, đều là giả pháp cả. Ví như ngắn đối đãi với dài, phương Đông đối đãi với phương Tây v.v… Thật ra "ngắn", "dài", "Đông", "Tây"... đều là bất khả đắc cả.

Các pháp tướng đều chẳng thật có, nên chỉ là danh. Ví như sữa, do sắc, hương, vị cùng nhiều duyên khác mà thành. Thật sự sữa chỉ là danh, là bất khả đắc, chỉ ví như lông rùa sừng thỏ vậy thôi.

Cũng như tấm lụa do nhiều sợi tơ và nhiều nguyên nhân khác nữa tạo thành. Từ tấm lụa đó, lại phải có thêm nhiều nguyên nhân khác nữa mới

tạo thành ra chiếc Y. Tất cả tấm lụa, chiếc y đó cũng chỉ là danh, cũng là bất khả đắc cả.

--o0o--

Hỏi: *Phật đã dạy "Thật Tướng các pháp là vô sanh, vô tác" thì cần gì phải minh định rằng "người thí, người thọ và vật thí đều là thanh tịnh, là bất khả đắc" làm gì nữa?*

Đáp: Phàm phu điên đảo chấp có người thí, người thọ và vật thí. Còn Bồ Tát hành Thật Đạo, được thật quả báo nên thấy rõ cả 3 pháp "người thí, người thọ và vật thí" đều thanh tịnh, đều bất khả đắc, làm sáng tỏ lời dạy của Phật nói "Thật tướng các pháp là vô sanh, vô tác". Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều là tự tánh KHÔNG. Bố thí như vậy là đầy đủ Đàn Ba La Mật.

*Thay lời kết luận, chúng tôi trích dẫn từng đoạn của **phẩm thứ nhất, "Đàn Ba La Mật", Tập 1, quyển 11 và quyển 12, Đại Trí Độ Luận**. Bao nhiêu lời giải thích chi ly về "Bố thí Ba la mật" như vậy là quá đủ. Muốn thọ trì đầy đủ Đàn Ba La Mật (Bố Thí Ba La Mật) xin đọc toàn bộ Q.11 đến hết Q.12, Đại Trí Độ Luận, do sư bà TN Diệu Không dịch. Chúng tôi chỉ trích dẫn phần cần thiết mà thôi. Vả lại, chúng tôi không thể đương nhiên trích dẫn toàn bộ tác phẩm dịch thuật của các đạo hữu khác mà không xin phép trước. Chỉ vì pháp thí, vì chúng sanh, vì Phật Đạo mà phải dẫn chứng sách này sách nọ cho rõ nghĩa. Tuy nhiên, phải xin phép trước mới hợp lẽ. Vậy, nhân đây một lần nữa xin lỗi Quý đạo hữu tha thứ cho!*

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần mười một,
(Hội thứ XI).

Tôn chỉ của Phật đạo là phá ngã, diệt tội, thành thục chúng sanh, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ. Phương pháp tốt nhất để phá ngã là phát Bồ đề tâm, hành Bồ Tát đạo, thực hiện độ tha mà tu lục độ vạn hạnh.

*Hạnh nguyện độ tha là **Bố thí tài vật** để giúp chúng sanh thoát khỏi cơn đói lạnh, hoạn nạn (đó là cứu sắc thân) cấp thời; **Bố thí pháp** để giúp chúng sanh thoát khỏi vô minh, u tối (đó là cứu pháp thân). **Vô úy thí** bảo vệ người cô thân, yếu kém khỏi lo âu sợ hãi trước áp bức của bạo lực hay uy quyền.*

*Nhưng Bố thí bất cứ dưới hình thức nào cũng phải **quán Không và duyên Nhất thiết trí trí**. Quán Không là xả bỏ quyền tư hữu, tức phá ngã, **tu phước**; duyên Nhất thiết trí trí tức **tu huệ**. Phước huệ song tu nên nói phước đức vô lượng vô biên.*

Nhưng còn nghĩ đến phước đức cũng chưa được gọi là Bố thí Ba la mật thanh tịnh. Bố thí chỉ được gọi là Ba la mật, khi tam luân không tịch. Bố thí xong rồi mang phước đức thiện căn ban cho tất cả hữu tình, đồng hồi hướng Vô Thượng Bồ đề, mới gọi là bố thí vô thượng.

Phần "Bố Thí Ba La Mật" ĐBN không thuyết nhiều về giáo lý, chỉ nói nhiều về hạnh nguyện của Bồ Tát so với hạnh nguyện của Nhị thừa mà thôi. Phần trích dẫn phẩm thứ nhất, "Đàn Na Ba La Mật", Đại Trí Độ Luận do Bồ Tát Long Thọ soạn thảo, đã nói lên đầy đủ tính cách vi diệu của pháp môn này.

Nói chung, Bố thí không phải là đổi chác: Tu bố thí để có cuộc sống phú quý đời này đời sau hay sanh lên cõi trời giàu sang sung sướng. Đó là tu có sở đắc. Tuy có phúc đức, nhưng chỉ là nhân hữu lậu của cõi nhân thiên. Bố thí là xả kỷ, là phá ngã, trừ tham... quên mình mới có thể hy sinh cho kẻ khác. Đó là nhân vô lậu, phước đức vô bờ bến. Nhưng Kinh cũng dạy rằng nếu vì nghiệp duyên không cho phép, tùy hỷ công đức cũng là điều tốt. Đó là tinh thần tương thân tương ái rộng lớn của những người sống theo mạch sống Đại thừa, với tôn chỉ hồi hướng cho kẻ khác.

Tóm lại, tham lam keo kiệt là bệnh ngàn đời của chúng sanh, tu bố thí để tiêu diệt cái nhân này. Nên nói tu <u>bố thí độ xan tham</u>.

Hội thứ XII kế tiếp thuyết về "Tịnh Giới Ba La Mật". Khóa thứ V của Phật học Phổ Thông, mục nói về "Tôn chỉ và đặc điểm của Luật Tôn" có ghi rằng "... Như chúng ta đã biết trong phần giáo lý căn bản, nghiệp là động lực chính của vũ trụ nhân sinh. Nghiệp định đoạt tất cả đời sống chúng ta. Nghiệp có ba loại: Nghiệp của hành động, nghiệp của lời nói và nghiệp của ý nghĩ. Nếu những nghiệp ấy thanh tịnh, không tạo ra các điều

ác, thì ta không thọ quả báo sinh tử luân hồi. Không có quả báo sinh tử luân hồi tất nhiên là được giải thoát. Muốn các nghiệp được thanh tịnh thì ta phải giữ gìn giới luật, chính là một phương pháp tu hành trong nhiều phương pháp *(tu hành)* mà Phật đã chia ra. Phương pháp này rất thiết thực và rất hiệu nghiệm đối với Phật tử chúng ta".

"(...) Nhờ giữ "giới luật" không làm các việc tội lỗi, nên tâm được "định"; do tâm định nên phát khởi "trí huệ". Nhờ có trí huệ sáng suốt nên phá trừ được vô minh si ám, và được minh tâm kiến tánh mà thành Phật".

Tịnh giới chính là hạnh cao cả của Bồ Tát hạnh. Giới thanh tịnh thì hạnh cũng thanh tịnh. Không ai trong cõi đời này mà không gây tội, không phạm giới. Nên nói người nào không phạm giới trong cõi đời này người ấy phải được xem là Thánh nhân. Vì vậy, tu trì giới để được tịnh tâm! Tâm có tịnh thì hạnh mới tịnh. Hạnh tịnh thì thác cũng được về cõi Phật.

Hạnh thanh tịnh thì 10 phương thế giới đều thanh tịnh.

Đến đây chấm dứt phần mười một, Hội thứ XI, ĐBN.

---o0o---

Xin đọc tiếp Hội thứ XII, phần "Tịnh Giới Ba La Mật".

HỘI THỨ XII
(bố cục)

12. Hội thứ XII: **Phần "Tịnh Giới Ba La Mật"**, 5 quyển. Nội dung Ngài Xá lợi Phất nhờ sức thần thông của đức Phật mà nói rộng về nghĩa chân thực của tịnh giới, chỉ bảo rõ thế nào là giữ giới và thế nào là phạm giới. Như: Phát tâm Nhị thừa là phạm giới, hướng tới Vô thượng Bồ đề là giữ giới; dính mắc vào tướng bố thí, phân biệt các pháp, xa lìa Nhất thiết trí là phạm giới v.v...

---o0o---

PHẦN "TỊNH GIỚI BA LA MẬT"

Dẫn nhập:

Phần "Tịnh Giới Ba La Mật" cũng có 5 quyển: Bắt đầu từ Q.584 cho đến hết Q.588. Chúng tôi cũng chia ra từng quyển để tóm lược và chiết giải như phần "Bố Thí Ba La Mật". Ở đây một lần nữa Kinh nhấn mạnh về sự khác biệt giữa tịnh giới của Nhị thừa và tịnh giới của Bồ Tát thừa, không ngoài mục đích khuyến khích người tu tịnh giới không những chỉ vì mình mà phải vì người khác, tu tịnh giới để dẫn đến tịnh đạo Bồ đề thành thục chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Đối với Nhị thừa nếu hành có sở tác mới gọi là phạm giới. Trái lại, Bồ Tát chỉ cần dấy niệm, thủ tâm chấp tướng là đã có tội rồi, không cần phải biểu lộ bằng hành động hay thi vi tạo tác. Nên nói giới của Bồ Tát hết sức tế nhị, khó khăn. Tu như vậy, thiện pháp mới dễ tăng trưởng. Vì vậy, ***phẩm thứ nhất, Tập 1, quyển 13, Đại Trí Độ Luận*** *nói rằng: "...* giới là trú xứ của hết thảy thiện pháp".

Trì giới là tự nhiếp phục, thủ hộ thân tâm để được tịnh giới. Giới thanh tịnh thì tâm thanh tịnh. Tâm tịnh thì hạnh tịnh. Đó là tu tịnh hạnh! Hạnh thanh tịnh, thác cũng được sanh về cõi Phật thanh tịnh.

Tóm lược:

Quyển 584

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Bạc già phạm cùng với một ngàn hai trăm năm mươi chúng đại Bí sô trú ở vườn Cấp Cô Độc, rừng Thệ đa, thành Thất la phiệt. Bấy giờ, Thế Tôn bảo cụ thọ Xá lợi Tử:

- Bây giờ, ngươi nên vì các đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà tuyên thuyết Tịnh giới Ba la mật.

Xá lợi Tử vâng theo lời dạy của Phật và nương vào thần lực Phật, giáo huấn, trao truyền Tịnh giới Ba la mật cho các đại Bồ Tát.

Khi ấy, Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Làm sao biết được Bồ Tát trì giới? Làm sao biết được Bồ Tát phạm giới? Thế nào là hành xứ*(1)* của Bồ Tát? Thế nào là chẳng phải hành xứ của Bồ Tát?

(Thế nào là tịnh giới? Thế nào là phạm giới?)

Xá lợi Tử liền trả lời cụ thọ Mãn Từ Tử:

- **Nếu các Bồ Tát tác ý an trụ Thanh văn, Độc giác, thì chẳng phải là hành xứ của Bồ Tát.** Nếu các Bồ Tát an trụ chỗ này nên biết là Bồ Tát phạm giới. Nếu các Bồ Tát hành nơi phi xứ này thì các Bồ Tát nhất định không giữ gìn được Tịnh giới Ba la mật. Nếu các **Bồ Tát không giữ gìn Tịnh giới Ba la mật thì các Bồ Tát này xả bỏ bổn nguyện. Nếu các Bồ Tát xả bỏ bổn nguyện nên biết là Bồ Tát phạm giới.**

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát tu hành bố thí, hồi hướng đến địa vị Thanh văn, hoặc Độc giác thì gọi là Bồ Tát hành phi xứ. Nếu Bồ Tát hành phi xứ, nên biết đây là Bồ Tát phạm giới. Nếu các Bồ Tát an trụ tại nhà, hưởng thọ 5 dục lạc thượng diệu, nên biết đây chẳng phải là Bồ Tát phạm giới. Nếu Bồ Tát hành bố thí, hồi hướng đến địa vị Thanh văn, hoặc Độc giác, không cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nên biết đây là Bồ Tát phạm giới.

(Đây là giới luật cực kỳ quan trọng đối với Bồ Tát: Tác ý và hồi hướng Nhị thừa, chấp lấy tịnh giới, các Bồ Tát này liền mất Bồ Tát giới, xem như xả bỏ bổn nguyện, nên biết đó gọi là phạm giới Bồ Tát).

Ví như Vương tử nên học giáo lệnh của Phụ vương, và học những pháp mà Vương tử cần phải học. Nghĩa là các Vương tử đều nên khéo học các ngành nghề tinh xảo và các sự nghiệp. Các ngành nghề tinh xảo và các sự nghiệp, là luyện tập các bộ môn như biết cưỡi voi, ngựa, xe và giỏi cầm cương, cung, nỏ, mâu nhọn, đao, mâu cán dài, lưỡi câu tròn, chạy nhảy, tránh né, chữ viết, in ấn, toán số, Thanh luận*(2),* Nhân minh luận v.v... Nếu các Vương tử siêng năng học tập các thứ như vậy là thuận theo lợi ích pháp vua. Tuy hưởng thọ, vui đùa thỏa thích năm dục lạc nhưng không bị nhà vua quở trách.

Bồ Tát cũng vậy, siêng năng cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tuy ở tại gia hưởng thọ thỏa thích năm dục lạc, nhưng không trái nghịch với Nhất thiết trí trí. Nếu khi các Bồ Tát thọ trì tịnh giới, hồi hướng địa vị Thanh văn, Độc giác thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Càng hành nơi phi xứ thì càng lúc càng phạm giới, càng phạm giới thì càng xa lìa sở cầu Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát tuy **xuất gia thọ trì tịnh giới, nhưng không hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì các Bồ Tát này nhất định không thành tựu tịnh giới Bồ Tát.** Nếu các Bồ Tát này không thành tựu tịnh giới Bồ Tát, thì các Bồ Tát này chỉ có hư danh, hoàn toàn không có thật nghĩa. Nên biết những vị ấy không gọi Bồ Tát. Nếu các Bồ Tát tuy ở tại gia nhưng thọ tam quy*(3),* có lòng tin Tam bảo sâu xa, hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì các Bồ Tát này dù hưởng thọ năm dục lạc đầy đủ, song đối với sự hành Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát thường không xa lìa, gọi là người trì tịnh giới chơn thật, cũng gọi là an trụ tịnh giới Bồ Tát.

Nếu các Bồ Tát trụ giới Bồ Tát thì các Bồ Tát này thường không xa lìa Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát. Nếu các Bồ Tát thường không xa lìa Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, thì các Bồ Tát này thường không xa lìa Nhất thiết trí trí. Nếu các Bồ Tát phát khởi nhiều tác ý phi lý, tương ưng với 5 dục nhưng chỉ cần khởi 1 tâm niệm tương ưng với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì có thể diệt trừ tất cả. Giống như nhiều ngọc Ca già

mạc ni, nhưng chỉ một viên Lưu ly có thể lấn át tất cả ánh sáng kia. Nghĩa là giá trị, ánh sáng của Lưu ly vượt hơn, sáng hơn tất cả ngọc Ca già mạt ni. Bồ Tát cũng vậy, tuy phát khởi nhiều tác ý phi lý tương ưng với 5 dục, nhưng nếu chỉ khởi một tâm niệm tương ưng với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì sẽ đẩy lùi tất cả, như một số ngọc Ca già bị ngọc Lưu ly đoạt mất ánh sáng.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát **chấp trước các tướng mà hành bố thí**, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Nếu các Bồ Tát hành nơi phi xứ, nên biết các Bồ Tát này phạm giới Bồ Tát. **Bồ Tát không nên chấp trước các tướng mà hành bố thí, cũng lại không nên chấp trước quả vị Vô thượng Bồ đề mà hành bố thí**. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì quả vị Vô thượng Bồ đề của chư Phật xa lìa các tướng. Vì sao? Vì mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng v.v..., vô lượng vô biên các pháp vi diệu của chư Phật đều xa lìa tướng. Như vậy, Bồ Tát đối với sự hành bố thí không nên chấp trước. Nếu các Bồ Tát đối với sự hành bố thí mà không chấp trước, thì các Bồ Tát này liền hộ trì được Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, mau chóng chứng đắc Nhất thiết trí trí.

(Chấp trước Nhất thiết trí trí sẽ thành giới cấm thủ)

Bấy giờ, Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Nếu các Bồ Tát cầu Nhất thiết trí trí mà tu hành bố thí, thì các Bồ Tát này đâu khởi tâm chấp trước Nhất thiết trí trí. Nếu các Bồ Tát khởi tâm chấp trước Nhất thiết trí trí sẽ thành giới cấm thủ, thì làm sao gọi là trì giới Bồ Tát?

Xá lợi Tử đáp:

- Nhất thiết trí trí xa lìa các tướng, chẳng nhiếp phương chỗ.

Nhất thiết trí trí chẳng phải 5 uẩn, cũng không xa lìa 5 uẩn. Nhất thiết trí trí chẳng phải 12 xứ, cũng không xa lìa 12 xứ. Nhất thiết trí trí chẳng phải 18 giới, cũng không xa lìa nhãn giới. Nhất thiết trí trí chẳng phải nhãn xúc, không xa lìa nhãn xúc; chẳng phải nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, không xa lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Nhất thiết trí trí chẳng phải các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, không xa lìa các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra; chẳng phải các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên

sanh ra, không xa lìa các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra.

Nhất thiết trí trí chẳng phải địa giới, không xa lìa địa giới; chẳng phải thủy, hỏa, phong, không, thức giới, không xa lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Nhất thiết trí trí chẳng phải nhân duyên, không xa lìa nhân duyên; chẳng phải đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, không xa lìa đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên.

Nhất thiết trí trí chẳng phải vô minh, không xa lìa vô minh; chẳng phải hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử; không xa lìa hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái thủ, hữu, sanh, lão tử.

Nhất thiết trí trí chẳng phải bố thí Ba la mật, không xa lìa bố thí Ba la mật; chẳng phải tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, không xa lìa tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật.

Nhất thiết trí trí chẳng phải 18 pháp Không, cũng không xa lìa 18 pháp Không. Nhất thiết trí trí chẳng phải chơn như, không xa lìa chơn như; chẳng phải pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì; không xa lìa pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì.

Nhất thiết trí trí chẳng phải Tứ đế, cũng không xa lìa Tứ đế.

Nhất thiết trí trí chẳng phải bốn tĩnh lự, không xa lìa 4 tĩnh lự; chẳng phải 4 vô lượng, 4 định vô sắc; không xa lìa 4 vô lượng, 4 định vô sắc.

Nhất thiết trí trí chẳng phải 4 niệm trụ, không xa lìa 4 niệm trụ; chẳng phải 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo; không xa lìa 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp môn giải thoát Không, không xa lìa pháp môn giải thoát Không; chẳng phải pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện; không xa lìa pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện.

Nhất thiết trí trí chẳng phải 8 giải thoát, không xa lìa 8 giải thoát; chẳng phải 8 thắng xứ, 9 định thứ lớp, 10 biến xứ; không xa lìa 8 thắng xứ, 9 định thứ lớp, 10 biến xứ.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp môn Đà la ni, không xa lìa pháp môn Đà la ni; chẳng phải pháp môn Tam ma địa, không xa lìa pháp môn Tam ma địa.

Nhất thiết trí trí chẳng phải thập địa cộng tam thừa, cũng không xa lìa thập địa cộng tam thừa. Nhất thiết trí trí chẳng phải thập địa Bồ Tát; cũng chẳng phải xa lìa thập địa Bồ Tát.

Nhất thiết trí trí chẳng phải 5 loại mắt, không xa lìa 5 loại mắt; chẳng phải 6 phép thần thông, không xa lìa 6 phép thần thông.

Nhất thiết trí trí chẳng phải 10 lực Phật, không xa lìa 10 lực Phật; chẳng phải 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; không xa lìa 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng.

Nhất thiết trí trí chẳng phải 32 tướng Đại sĩ, không xa lìa 32 tướng Đại sĩ; chẳng phải 80 vẻ đẹp, cũng không xa lìa 80 vẻ đẹp.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp không quên mất, không xa lìa pháp không quên mất; chẳng phải tánh luôn luôn xả, cũng không xa lìa tánh luôn luôn xả.

Nhất thiết trí trí chẳng phải Nhất thiết trí, không xa lìa Nhất thiết trí; chẳng phải Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, cũng không xa lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Nhất thiết trí trí chẳng phải quả Dự lưu, không xa lìa quả Dự lưu; chẳng phải quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề; không xa lìa quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề.

Nhất thiết trí trí chẳng phải tất cả hạnh Bồ Tát, không xa lìa tất cả hạnh Bồ Tát; chẳng phải quả vị Vô thượng Bồ đề của chư Phật, cũng không xa lìa quả vị Vô thượng Bồ đề của chư Phật.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp hữu sắc, không xa lìa pháp hữu sắc; chẳng phải pháp vô sắc, cũng không xa lìa pháp vô sắc.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp hữu kiến, không xa lìa pháp hữu kiến; chẳng phải pháp vô kiến, cũng không xa lìa pháp vô kiến.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp hữu đối, không xa lìa pháp hữu đối; chẳng phải pháp vô đối, cũng không xa lìa pháp vô đối.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp hữu lậu, không xa lìa pháp hữu lậu; chẳng phải pháp vô lậu, cũng không xa lìa pháp vô lậu.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp hữu vi, không xa lìa pháp hữu vi; chẳng phải pháp vô vi, cũng không xa lìa pháp vô vi.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp hữu lượng, không xa lìa pháp hữu lượng; chẳng phải pháp vô lượng, cũng không xa lìa pháp vô lượng.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp quá khứ, không xa lìa pháp quá khứ; chẳng phải pháp vị lai, hiện tại, cũng không xa lìa pháp vị lai, hiện tại.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp thiện, không xa lìa pháp thiện; chẳng phải pháp bất thiện, vô ký, cũng không xa lìa pháp bất thiện, vô ký.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp buộc cõi Dục, không xa lìa pháp buộc cõi Dục; chẳng phải pháp buộc cõi Sắc, Vô sắc, cũng không xa lìa pháp buộc cõi Sắc, Vô sắc.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp thấy sở đoạn, không xa lìa pháp thấy sở đoạn; chẳng phải pháp tu sở đoạn, không đoạn; cũng không xa lìa pháp tu sở đoạn, không đoạn.

Nhất thiết trí trí chẳng phải pháp học, không xa lìa pháp học; chẳng phải pháp vô học, chẳng học chẳng vô học; cũng không xa lìa pháp vô học, chẳng học chẳng vô học.

Nhất thiết trí trí xa lìa các tướng, không có pháp có thể đắc, không sở đắc nên không thể chấp thủ.

Nhất thiết trí trí không phải có pháp, cũng không phải không pháp. Do nhân duyên này không còn chấp thủ, nên Bồ Tát tu hành bố thí, thọ trì tịnh giới, hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. <u>Tuy cầu chứng đắc Nhất thiết trí trí nhưng không gọi là hộ trì giới cấm thủ</u>. Nếu các Bồ Tát tu hành bố thí, thọ trì tịnh giới, hồi hướng Thanh văn, hoặc Độc giác, chấp lấy tịnh giới thì các Bồ Tát này mất Bồ Tát giới, nên biết đó gọi là phạm giới Bồ Tát.

(Bồ Tát phạm giới có thể trở lại tịnh giới được không?)

Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử:

- Nếu các Bồ Tát tu hành bố thí, thọ trì tịnh giới, hồi hướng bậc Thanh văn, hoặc Độc giác, vi phạm giới Bồ Tát đã thọ. Các Bồ Tát này nếu có điều kiện có thể trở lại tịnh giới không?

Xá lợi Tử đáp:

- Nếu Bồ Tát kia, hồi hướng bậc Thanh văn, Độc giác rồi, chưa thấy Thánh đế, chưa chứng thật tế, hoặc có điều kiện thì dễ có thể trở lại tịnh giới. **Nếu đã thấy Thánh đế, chứng thật tế rồi, dị kiến sâu nặng thì khó có thể trở lại tịnh giới.**

Mãn Từ Tử lại hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Nếu các Bồ Tát cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không nên để cho họ chứng thật tế hay sao?

Xá lợi Tử đáp:

- **Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu các Bồ Tát cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không nên để cho họ chứng nơi thật tế.**

Mãn Từ Tử hỏi:

- Do nhân duyên gì mà các Bồ Tát cầu chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, không nên để cho họ chứng thật tế.

Xá lợi Tử đáp:

- Có các Bồ Tát cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh đẳng Bồ đề, nếu mau làm cho vị ấy chứng thật tế, thì các Bồ Tát này hoặc được đủ nhân duyên, trú ở bậc Thanh văn, hoặc Độc giác, khó có thể làm cho họ khởi tâm Nhất thiết trí trí, hoặc gặp lúc chánh pháp Như Lai không còn, không cần chứng đắc Nhất thiết trí trí, bấy giờ liền chứng Độc giác Bồ đề, nhập vào Vô dư y Niết bàn, hoàn toàn không chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Do nhân duyên này, nếu các Bồ Tát cầu quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, không nên làm cho vị ấy mau chứng thật tế, cho đến chưa ngồi tòa Bồ đề vi diệu, không nên làm cho vị ấy chứng thật tế, hoặc khi đã ngồi tòa Bồ đề vi diệu, sắp chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề có thể làm cho họ chứng nơi thật tế, dứt trừ tất cả chướng ngại để chứng đại Bồ đề.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! **Nếu các Bồ Tát tu hành Tịnh giới Ba la mật, không nên thọ trì tịnh giới của nhị thừa. Vì tịnh giới kia không thể hộ trì Nhất thiết trí trí, không phát tâm hướng đến Nhất thiết trí trí, không giữ gìn Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, không viên mãn tịnh giới Nhất thiết trí của Bồ Tát.**

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát **khởi tâm phân biệt**, giới hạn làm lợi ích cho hữu tình, tu hành bố thí, thọ trì tịnh giới, thì các Bồ Tát này không giữ gìn được Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, không viên mãn Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì **Tịnh giới Ba la**

mật của Bồ Tát không có phân biệt, giới hạn. Nếu các Bồ Tát phát tâm không phân biệt, giới hạn làm lợi ích hữu tình, tu hành bố thí, thọ trì tịnh giới, thì các Bồ Tát này mới giữ gìn được Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, cũng viên mãn Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát. Do nhân duyên đây, nên gọi các Bồ Tát này thành tựu tịnh giới Bồ Tát.

***(Sao gọi là Bồ Tát thọ trì tịnh giới?
Sao gọi là Bồ Tát không thọ trì tịnh giới?)***

Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử:

- Sao gọi là Bồ Tát trì giới?

Xá lợi Tử đáp:

- Nếu các Bồ Tát tùy theo sự hành bố thí, tất cả **đều hồi hướng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề,** làm lợi ích lớn cho các hữu tình đến tận đời vị lai không gián đoạn, nên biết đó là Bồ Tát trì giới. Nếu các Bồ Tát tùy theo sự hộ trì giới, tất cả hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho các hữu tình đến tận đời vị lai không gián không đoạn, nên biết đây là Bồ Tát trì giới.

Nếu các Bồ Tát tuy trải qua hằng hà sa số đại kiếp, tu hành trì giới, làm cho được viên mãn, nhưng **không hồi hướng** Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho các hữu tình đến tận đời vị lai không gián đoạn, thì các Bồ Tát này **không hộ trì được Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát**, không viên mãn Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát. Nếu các Bồ Tát tuy trải qua hằng hà sa số đại kiếp tu hành tịnh giới, làm cho được viên mãn nhưng hồi hướng tâm về Thanh văn, Độc giác thì các Bồ Tát này không hộ trì được Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, không viên mãn Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát.

Nếu các Bồ Tát tuy không thọ trì tịnh giới của nhị thừa, nhưng không gọi là người phạm tịnh giới. Nếu các Bồ Tát hồi hướng về bậc Thanh văn, hoặc Độc giác, tuy thọ trì nhiều tịnh giới của nhị thừa nhưng lại gọi là người phạm tịnh giới. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì nếu các Bồ Tát hồi hướng về Thanh văn, hoặc Độc giác, nên biết đó là hành nơi phi xứ. **Nói phi xứ tức là nhị thừa, chẳng phải chỗ hành xứ của Bồ Tát vậy.**

(Hành xứ của Bồ Tát)

Mãn Từ Tử lại hỏi Xá lợi Tử:

- Sao gọi là Bồ Tát hành xứ?

Xá lợi Tử đáp:

- Tác ý tương ưng với bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tác ý tương ưng với **Pháp nội Không**, ngoại Không, nội ngoại Không, Không Không, đại Không, thắng nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, tất cánh Không, vô tế Không, tán Không, vô biến dị Không, bản tính Không, tự tướng Không, cộng tướng Không, nhất thiết pháp Không, bất khả đắc Không, vô tính Không, tự tính Không, vô tính tự tính Không. Nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tác ý tương ưng với **chơn như**, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì. Nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tác ý tương ưng với **sự học 4 tĩnh lự**; 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tác ý tương ưng **với 37 pháp trợ đạo**(4 niệm trụ, 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo). Nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tác ý tương ưng với sự học **pháp môn giải thoát Không, vô tướng, vô nguyện**. Nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tác ý tương ưng với sự học **8 giải thoát**, 8 thắng xứ, 9 định thứ lớp, 10 biến xứ. Nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tác ý tương ưng **với thập địa Bồ Tát** (Cực hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm tuệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa). Nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tác ý tương ưng với tất cả pháp môn Đà la ni, tất cả pháp môn Tam ma địa. Nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tác ý tương ưng với 5 loại mắt, 6 phép thần thông. Nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tác ý tương ưng với 10 lực Phật, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng cho đến Nhất thiết trí trí. Nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát.

Nếu các Bồ Tát an trụ tu hành chắc chắn nơi hành xứ này, nên biết đây là Bồ Tát trì giới.

(Nếu Bồ Tát tu hành tất cả pháp mầu Phật đạo, nên biết đó là hành xứ của Bồ Tát. Như vậy, nên gọi đây là Bồ Tát thọ trì tịnh giới)

(Thế nào là Tịnh giới Ba la mật?)

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát tuy trải qua hằng hà sa số đại kiếp, ở tại gia hưởng thọ năm dục lạc thượng diệu, nhưng không phát khởi tâm hồi hướng về bậc Thanh văn, Độc giác. Nên biết các Bồ Tát này không gọi là phạm Bồ Tát giới. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì các Bồ Tát này ý thích tăng thượng, không thối chuyển, biến hoại.

- Sao gọi là ý thích tăng thượng?

- Nghĩa là quyết định cầu Nhất thiết trí trí. Ví như có người đối với tài vật của người khác, thật tình không cướp đoạt, tuy bị cầm tù oan uổng trong một thời gian dài, nhưng tâm ý an lạc thường vui, không bị thối chuyển nản lòng. Tuy ở tù chung với người xấu, nhưng không có tâm trộm cướp tài vật của người khác, nên không gọi là giặc cướp. Bồ Tát cũng vậy, tuy ở tại gia dù trải qua hằng hà sa số đại kiếp hưởng thọ năm dục lạc thượng diệu, nhưng ý thù thắng thường không thối chuyển, biến hoại, nghĩa là **luôn cầu Nhất thiết trí trí, chưa từng phát khởi tâm nhị thừa. Cho nên không gọi là phạm Bồ Tát giới.**

Nếu các Bồ Tát tuy trải qua hằng hà sa số đại kiếp tu hành phạm hạnh, nhưng phát tâm hồi hướng về nhị thừa, nên biết không gọi là người trì tịnh giới. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì người kia bỏ tịnh giới Bát nhã Ba la mật, an trụ giới Thanh văn, Độc giác thừa. **Nếu các Bồ Tát an trụ giới Thanh văn, Độc giác thừa, thì không gọi là Bồ Tát.** Vì sao? Vì các Bồ Tát này xa lìa Tịnh giới Ba la mật, tâm không cầu Nhất thiết trí trí, nhất định không chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát khởi tâm như vầy: Ta chỉ có thể tinh tấn trải qua bao nhiêu kiếp trong vòng sanh tử, để chứng đắc Nhất

thiết trí trí. Các Bồ Tát này do khởi tâm này nên không chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Nếu các Bồ Tát tâm **khởi làm phân hạn** rằng: "Ta phải tinh siêng lâu bấy nhiêu kiếp định sẽ chứng được Nhất thiết trí trí", tâm mong cầu như thế có lầm lỗi gì mà chẳng thể được Nhất thiết trí trí?

Xá lợi Tử đáp:

- Các Bồ Tát này nhàm chán sanh tử, mong cầu mau chứng Bồ đề. **Do tâm mong cầu nên có phân biệt, giới hạn**. Do có phân biệt, giới hạn nên không thành thục thiện căn thù thắng. Do sợ sanh tử hoặc cầu quả Thanh văn, Độc giác thừa. Chẳng phải phân biệt, giới hạn mà lại làm lợi ích cho vô lượng hữu tình. Chẳng phải phân biệt, giới hạn mà làm viên mãn vô lượng bố thí Nhất thiết trí trí. Chẳng phải không viên mãn vô lượng bố thí mà có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Nếu tâm các Bồ Tát có phân biệt, giới hạn, giả sử có trải qua hằng hà sa số đại kiếp, tu hành bố thí Ba la mật cũng không thể viên mãn bố thí Ba la mật. Bố thí Ba la mật của Bồ Tát không có bờ mé cho nên Nhất thiết trí trí cũng không có bờ mé. Nếu Bồ Tát không viên mãn bố thí Ba la mật, mà chứng đắc Nhất thiết trí trí thì không có điều này. Vì vậy, **Bồ Tát mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nhất định không nên khởi tâm phân biệt, giới hạn.**

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì các Bồ Tát này quyết định không có tâm phân biệt, giới hạn tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Từng giờ, từng giờ ở lâu trong sanh tử tu hạnh Bồ Tát. Từng lúc, từng lúc việc tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật dần dần được thành thục khéo léo, có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Ví như vật bằng đất mới nung, đựng đầy nước sạch phơi giữa nắng. Suốt thời gian dài, nước thấm dần, thấm dần, như vậy vật ấy càng thêm bền chắc.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Như bình sứ mới, đựng đầy bơ dầu, để qua thời gian lâu, cứ như vậy, như vậy, bơ dầu thấm dần, thấm dần. Do đó nên bình sứ càng chắc, có thể chịu đựng được. Bồ Tát cũng vậy, từng giờ, từng giờ ở lâu trong sanh tử tu Bồ Tát hạnh. Từng lúc, từng lúc gặp được nhiều vị Phật và đệ tử Phật, tin tưởng cung kính, cúng dường, dần dần được nhiều vị Phật và đệ tử Phật dạy dỗ, trao truyền, dần dần chấm dứt các chướng ngại, chứng đắc Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Các đại Bồ Tát càng khởi tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí, thì càng không để tâm phan duyên với cảnh khác. Không để tâm phan duyên với cảnh khác, thì càng bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, Nhất thiết trí trí càng tiếp nối thấm nhuần nơi tâm, dần dần được viên mãn. **Do tâm liên tục được viên mãn, nên gọi là phát tâm đến Nhất thiết trí trí.**

Tâm tương tục này không gián đoạn cho đến khi chứng đắc Nhất thiết trí trí. Như bình chứa dầu bơ lâu ngày, như vậy hơi dù thấm nhuần khắp bình, không nhiễm mùi của hơi khác bám vào. Đại Bồ Tát cũng vậy, khởi tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí, tâm không bị cảnh khác xen tạp. Do không xen tạp nên bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật huân tập viên mãn. Các ác ma muốn rình tìm lỗi, chắc chắn không thể được. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì nếu đối cảnh đây mà ma rình tìm lỗi, thì các Bồ Tát liền khởi tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí, do đó ác ma chẳng làm gì được.

Bồ Tát càng ở lâu trong sanh tử tu hành 6 Ba la mật thì càng có cơ hội phụng thờ nhiều chư Phật và các đệ tử. Nếu càng phụng thờ nhiều chư Phật và các đệ tử thì càng có dịp nghe thuyết 6 Ba la mật, lại tinh tấn thọ trì các Ba la mật, tu tập không điên đảo thì càng viên mãn các Ba la mật. Tâm tương tục như thế thì bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật dần dần được vuông tròn. Khi ấy, càng gần Nhất thiết trí trí, mau chứng Vô thượng Giác ngộ, làm lợi ích lớn cho các hữu tình.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát **muốn khuyến hóa, hướng dẫn người khác thọ trì tịnh giới. Các Bồ Tát này trước hết phải tự khởi tâm, tâm sở tương ưng với tịnh giới; sau đó mới khuyến hóa, hướng dẫn người khác thọ trì tịnh giới.** Đã khuyến hóa, hướng dẫn người khác thọ trì tịnh giới rồi, lại làm cho họ hồi hướng về Nhất thiết trí trí. Bồ Tát như vậy là tự tu thiện căn, hồi hướng sở cầu Nhất thiết trí trí; lại khuyến hóa, hướng dẫn các hữu tình khác khởi tâm thanh tịnh thọ trì tịnh giới, thọ trì tịnh giới rồi lại làm cho họ hồi hướng Nhất thiết trí trí. Mới có thể gọi là bậc thầy khéo léo giáo hóa.

(Bồ Tát thành tựu các diệu pháp rộng lớn hơn các bậc Thanh văn?)

Nếu các Bồ Tát dạy dỗ, giáo huấn bậc Thanh văn thừa, khiến họ siêng năng tu học Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, thì các Bồ Tát này hơn bậc Thanh văn thừa. Nếu bậc Thanh văn nào dạy dỗ, giáo huấn vị Bồ Tát thừa, khiến vị ấy siêng năng tu học Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, thì bậc Thanh văn này cũng không hơn được Bồ Tát. Vì sao? Vì **Thanh văn công đức thiện căn chỉ cầu chứng Niết bàn, không cầu chứng hướng đến Nhất thiết trí trí**.

Mãn Từ Tử! Như ngọc Lưu ly càng mài dũa thì càng trong sáng. Bồ Tát cũng vậy càng được Thanh văn dạy dỗ, giáo huấn, khiến cho vị ấy siêng năng tu học Tịnh giới Ba la mật thì Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát càng ngày càng tăng trưởng, trong sáng. **Rồi Bồ Tát này lại hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, nên công đức của Bồ Tát này hơn công đức của các Thanh văn thừa. Bởi vì công đức của Thanh văn chỉ hồi hướng Niết bàn, không cầu hướng đến Nhất thiết trí trí.**

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Như có người trồng cây tùy lúc, tưới bón, chăm sóc, sửa sang. Càng tưới bón, chăm sóc, sửa sang cây đó càng mau lớn. Bồ Tát cũng vậy, được vô lượng Thanh văn dạy dỗ, giáo huấn, làm cho siêng năng tu học Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, rồi Bồ Tát này lại hồi hướng cầu đến Nhất thiết trí trí thì Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát này càng tăng trưởng, hơn hẳn tất cả Thanh văn, Độc giác. Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát càng được trong sáng, càng được hưng thạnh, dần dần thân cận với bổn nguyện cầu Nhất thiết trí trí. Nên nói, Bồ Tát này hơn hẳn Thanh văn, Độc giác.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử nói với Xá lợi Tử:

- Bồ Tát thành tựu diệu pháp rộng lớn. Nghĩa là các Bồ Tát được bậc Thanh văn dạy dỗ, giáo huấn, làm cho siêng năng tu học Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, rồi Bồ Tát hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí. Các Bồ Tát này hơn bậc Thanh văn thừa. Nếu bậc Thanh văn dạy dỗ, giáo huấn vị Bồ Tát thừa làm cho siêng năng tu học Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, rồi Bồ Tát lại hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, thì bậc Thanh văn này cũng không hơn được các Bồ Tát mà trái lại chỉ có Bồ Tát là hơn các Thanh văn kia.

Xá lợi Tử liền đáp lời cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Bồ Tát thành tựu diệu pháp rộng lớn hơn hẳn các Thanh văn và Độc giác.

Thích nghĩa quyển 584:

(1). Hành xứ (行處): *Phật Quang Từ điển giải thích như sau: Đối tượng của sự tu hành quán tưởng gọi chung là hành xứ. Phẩm "Phân biệt hành xứ" trong luận Giải thoát đạo quyển 3 liệt kê 38 hành xứ: 1- Thập nhất thiết nhập: Đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, không xứ, thức xứ... 2- Thập bất tịnh tưởng: Tưởng xác chết sình chương, bầm tím, nứt nẻ, vứt bỏ, chim thú đến ăn, thịt vữa ra, chém chặt lìa tan, máu me bê bết, dòi bọ rúc rỉa, xương trắng... 3- Thập niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm tử, niệm thân, niệm sổ tức, niệm tịch tĩnh... 4- Tứ vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả... 5- Tứ hạnh: Quán tứ đại, Thực bất tịnh tưởng, Vô sở hữu xứ, Phi phi tưởng xứ...*

Chúng tôi thấy: Kinh ĐBN giải thích "tác ý tương ưng với tất cả pháp Phật thì gọi là hành xứ của Bồ Tát ". *Các Kinh khác gọi tất cả pháp Phật này là **"81 khoa danh tướng Bát Nhã".** Nếu quan niệm như vậy thì phạm trù hành xứ (đối tượng của tu hành quán tưởng) của Bồ Tát rất rộng lớn bao gồm tất cả các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo còn gọi là tư lương Bồ đề Bồ Tát, không giống như trong phẩm "Phân biệt hành xứ" của luận Giải thoát đạo, liệt kê chỉ có 38 hành xứ, nghĩa là chỉ chú trọng đến các quán tưởng mà thôi. **TB***

(2). Thanh luận (聲論) Cũng gọi Thanh thường trụ luận, Thanh luận sư. Chỉ cho chủ trương chấp trước âm thanh là thường còn(là 1 hệ phái triết học ở Ấn độ) là thường hằng, là thường trụ. Nghĩa là chủ trương cho âm thanh là sự tồn tại thực tại (reality) của vũ trụ, còn tiếng nói của con người là từ âm thanh thực tại của vũ trụ mà phát rõ ra, chứ không phải con người là phù hiệu của tính âm thanh. Thuyết này bắt nguồn từ sự cầu đảo ở thời đại Phạm thư, tức sự cầu đảo có tác dụng của sức thần linh chi phối, do đó cấu thành ngôn ngữ cầu đảo, có sức thần bí vô hạn tuyệt đối. Trong tư tưởng Phệ đà của Ấn độ, Phệ đà được cho là tiên thiên thường trụ, là 1 thực tại chân thực tuyệt đối, cho nên âm thanh của Phệ đà cũng được giải thích là 1 thực thể tuyệt đối bất biến, là chuẩn tắc nhận thức các pháp, có năng lực quyết định sự đúng, sai của những điều được nói ra. Thuyết này từ xưa đã lưu hành trong giới Bà la môn, đặc biệt nó là chỗ y cứ quan trọng của phái văn điển Ba nhĩ ni (Phạm:Pàịini) về sau, cho đến

khi các học phái như Di mạn sai (Phạm: Mìmàôsà), Phệ đàn đa (Phạm:Vedànta)... hưng khởi, lập ra Thanh thường trụ luận, rồi từ đó diễn sinh 2 phái là Thanh hiển luận và Thanh sinh luận, cho rằng tất cả âm thanh đều là thường trụ bất biến. Trong đó, Thanh sinh luận (Phạm: Janma-vàda, tức luận thuyết về sự sinh khởi của âm thanh), chủ trương âm thanh vốn không có, chỉ do sau khi phát âm mới có và từ đó cứ thường còn mãi. Thanh hiển luận (Phạm: Abhivyakti-vàda), cho rằng trước khi phát âm thì âm thanh đã có rồi, đến khi phát âm mới hiển rõ ra, tức âm thanh là thường trụ. Thanh hiển luận là chủ trương của phái Di mạn sai, là tông Tòng duyên hiển liễu trong 16 tông ngoại đạo. Còn về Thanh sinh luận thì có nhiều thuyết, hoặc cho là thuyết của phái Di mạn sai, hoặc cho rằng do 1 phái không rõ tên nào đó lập ra, hoặc cho là thuyết của phái Thắng luận... Hai phái trên đây thường tranh luận với phái Thắng luận, phái Số luận, phái Chính lý, và cả với Phật giáo vốn chủ trương âm thanh là vô thường, đặc biệt tranh luận với phái Thắng luận là nổi tiếng nhất. Các vị Đại luận sư của Phật giáo như Vô Trước, Thế Thân, Trần Na, Hộ Pháp... đều bác bỏ thuyết Âm thanh thường trụ. Như các nhà Nhân minh dùng Nhân được tạo tác ra để bác bỏ Thanh sinh luận và dùng Nhân do sự cần dũng không gián đoạn phát ra để bác bỏ Thanh hiển luận. [X. luận Thành duy thức Q.1; luận Phương tiện tâm; luận Du già sư địa Q.6; luận Hiển dương thánh giáo Q.9; luận Nhân minh nhập chính lí; luận Nhân minh chính lý môn; Thành duy thức luận thuật ký Q.1, phần cuối; Đại thừa pháp uyển nghĩa lâm chương Q.1, phần đầu; Nhân minh nhập chính lý luận sớ Q.thượng, phần cuối; Ấn độ trung thế tinh thần sử thượng (Kim thương Viên chiếu); Triết học đích tư sách chi Ấn độ chi triển khai (Trung thôn nguyên)] – Từ điển Phật Quang.

(3). Tam quy: (三皈): còn gọi là Tam Quy Y, Tam Tự, Tam Quy Giới. Quy y hàm ngụ hướng về, quay về và nương tựa Tam Bảo: Đó là ***quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng****. Đây là nghi thức để trở thành tín đồ Phật Giáo. Câu nói như "Bao thuở lưu lãng giang hồ, bây giờ quay về nương tựa Phật Pháp Tăng để an thân lập mệnh", đó là ý nghĩa của quy y. Nên trong Kinh nhật tụng ở các am, tự hay già lam, thiền viện có câu như sau:*

"Tự quy y Phật, nguyện cho chúng sanh, hiểu thấu đại đạo, phát tâm vô thượng.

Tự quy y Pháp, nguyện cho chúng sanh, thâm nhập ba tạng, trí tuệ như biển.

Tự quy y Tăng, nguyện cho chúng sanh, hòa hợp đại chúng, hết thảy không ngại".

Sơ giải Q.584:

1. Thế nào là tịnh giới, thế nào là phạm giới?

Phật đạo chia làm ba tạng: Pháp tạng, luận tạng và luật tạng. Luật tạng do Phật chế định để chi phối đời sống thường nhật đối với Phật tử tại gia cũng như xuất gia, còn gọi là giới luật. Giới có 5, 8 hay 10 giới hoặc nhiều hơn nữa thì gọi là giới Cụ túc. Cụ túc giới dành cho Tiểu thừa (tì kheo: 250 giới, tì kheo ni: 348 giới) hay Đại thừa Bồ Tát giới(1) rất nhiều tùy theo công phu tu tập và bổn nguyện.

Những qui định về giới của Tiểu thừa không ngoài các cấm đoán đối với những hành vi biểu hiện bên ngoài thuộc về thân và khẩu, với mục đích tạo phúc lợi cho riêng người thụ giới. Trong khi những qui định của Bồ Tát giới không những cố ngăn chận những hành vi biểu hiện bên ngoài mà còn ngăn chận cả những tư tưởng thầm kín bên trong có thể phương hại đến luân thường đạo lý hay phúc lợi của chính mình hay của các chúng sanh khác.

Phẩm thứ tư: "Vãng Sanh", tập 2, quyển 39, Đại Trí Độ Luận thí dụ:

"Vì theo pháp Thanh Văn hành 10 bất thiện đạo mới là có tội. Còn theo pháp Đại thừa, thì **vừa dấy niệm có hành các nghiệp ở thân, khẩu, ý, là đã có tội rồi**. Vì sao? Vì có làm, có thấy, là đã có tác giả, có kiến giả rồi vậy".

"…Tiểu Thừa, do sợ 3 đường ác, nên tu 10 thiện đạo, xa lìa 10 bất thiện đạo, cho 10 bất thiện đạo là tội. Còn Đại thừa thì cho rằng chấp tâm, thủ tướng cũng đều là tội cả. Vì sao? Vì có chấp, có thủ là trái với ba giải thoát môn nên đều là tội cả".

Nội dung của giới Bồ Tát là ***Tam tụ tịnh giới*** *(ba nhóm giới trong sạch); đó là: Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới. Cũng tức là thu tóm hết thảy Phật pháp vào ba môn lớn là: Giữ gìn luật nghi, Tu các pháp lành, Cứu độ chúng sinh, và lấy đó làm giới*

cấm để tuân thủ. Giữ được giới thì thân tâm thanh tịnh, bằng ngược lại thì gọi là phạm giới. Giới của Bồ Tát là giới cấm tế nhị và khó khăn. Vì vậy, Mãn từ tử hỏi Xá Lợi Tử: "Làm sao biết Bồ Tát trì giới? Làm sao biết Bồ Tát phạm giới?" *Xá Lợi tử trả lời:* "Nếu các Bồ Tát tác ý an trụ Thanh văn, Độc giác, thì gọi là chẳng phải nơi hành xứ của Bồ Tát. Nếu các Bồ Tát hành nơi phi xứ này thì các Bồ Tát nhất định không giữ gìn được Tịnh giới Ba la mật. Nếu không giữ gìn Tịnh giới Ba la mật thì các Bồ Tát này xả bỏ bổn nguyện. Nếu xả bỏ bổn nguyện nên biết là Bồ Tát phạm giới".

Không ai có thể vỗ ngực tự hào mình là người không bao giờ phạm giới. Nếu giữ giới được như Ưu Ba Li (skt: Upali), chỉ được xưng tụng là Thánh, vì giữ mình được thanh tịnh, trong sáng hơn người. Tu Bồ Tát đạo không có nghĩa là tu cho mình, mà tu cho tất cả chúng sinh theo thệ nguyện. Trái với thệ nguyện nên gọi là Bồ Tát phạm giới, vi phạm bổn nguyện. Đã phạm giới, vi phạm bổn nguyện làm sao chứng Vô Thượng Giác ngộ?

2. Nhất thiết trí trí xa lìa các tướng.

Bồ Tát tu hành bố thí, thọ trì tịnh giới, hồi hướng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Tuy cầu chứng đắc Nhất thiết trí trí nhưng không thể gọi là hộ trì sai lầm (giới cấm thủ). Nếu các Bồ Tát tu hành bố thí, thọ trì tịnh giới, hồi hướng Nhị thừa, chấp lấy tịnh giới thì các Bồ Tát này mất Bồ Tát giới, nên biết đó gọi là phạm giới Bồ Tát.

3. Hành xứ của Bồ Tát:

Nếu Bồ Tát tác ý với bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát. Nếu Bồ Tát tác ý với 18 pháp không, nên biết đây là hành xứ của Bồ Tát. Nếu Bồ Tát tác ý với thập nhị chơn như, bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, Tam giải thoát môn v.v... ***Nói chung nếu Bồ Tát tác ý đến tất cả pháp mầu Phật đạo là hành xứ của Bồ Tát. Nếu các Bồ Tát an trụ tu hành chắc chắn nơi các hành xứ này, nên biết đây là Bồ Tát trì giới.***

4. Thế nào là Tịnh giới Ba la mật?

Bồ Tát tuy trải qua hằng hà sa số đại kiếp, ở tại gia hưởng thọ năm dục lạc, nhưng không phát khởi tâm hồi hướng Nhị thừa. Nên biết các Bồ Tát này không gọi là phạm Bồ Tát giới. Vì sao? Vì các Bồ Tát này ý thích hướng thượng, không thối chuyển, nghĩa là quyết cầu Nhất thiết trí trí.

Nếu có người tuy trải qua hằng hà sa số đại kiếp tu hành phạm hạnh, nhưng lại phát tâm hồi hướng Nhị thừa, nên biết người này không gọi là người trì tịnh giới. Vì người này bỏ Tịnh giới Ba la mật, an trụ giới Thanh văn, Độc giác thừa. Cũng vậy, nếu các Bồ Tát an trụ giới Thanh văn, Độc giác thừa, thì không gọi là Bồ Tát. Vì sao? Vì các Bồ Tát này xa lìa Tịnh giới Ba la mật, tâm không cầu Nhất thiết trí trí, nhất định không thể chứng quả vị Vô Thượng Cháng Đẳng Bồ đề.

Nếu Bồ Tát nào nhàm chán sanh tử, mong cầu mau chứng Bồ đề. ***Do tâm mong cầu nên có phân biệt, giới hạn****. Do phân biệt, giới hạn nên không thể thành thục thiện căn thù thắng. Do không thể thành thục thiện căn thù thắng nên không thể tu hành bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định, Bát nhã Ba la mật. Như vậy, không thể đắc các Ba la mật. Nếu không đắc các Ba la mật, sẽ không thuận nhẫn, không vào được Bồ Tát chánh tánh ly sanh, không thể chứng Bồ Tát bất thối nói chi đến chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề.*

Nếu các Bồ Tát ***muốn khuyến hóa, hướng dẫn người khác thọ trì tịnh giới, các Bồ Tát này trước hết phải tự khởi tâm tương ưng với tịnh giới; sau đó mới khuyến hóa, hướng dẫn người khác thọ trì tịnh giới****. Đã khuyến hóa, hướng dẫn người khác thọ trì tịnh giới rồi, lại bảo họ hồi hướng Nhất thiết trí trí, Bồ Tát như vậy là tự tu thiện căn, hồi hướng Nhất thiết trí trí; lại khuyến hóa, hướng dẫn các hữu tình khác khởi tâm thanh tịnh thọ trì tịnh giới, thọ trì tịnh giới rồi lại làm cho họ hồi hướng Nhất thiết trí trí, mới có thể gọi là bậc thầy khéo léo giáo hóa các hữu tình.*

Thích nghĩa cho phần lược giải của quyển 584:

(1). Đại thừa Bồ Tát giới: (菩薩戒*) Là giới luật của Bồ Tát Đại thừa nhận giữ. Cũng gọi Đại thừa giới, Phật tính giới, Phương đẳng giới, Thiên Phật đại giới. Đối lại với Tiểu thừa thanh văn giới. Nội dung của giới Bồ Tát là Tam tụ tịnh giới (ba nhóm giới trong sạch); đó là: Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới. Cũng tức là thu tóm hết thảy Phật pháp vào ba môn lớn là: Giữ gìn luật nghi, Tu*

các pháp lành, Cứu độ chúng sinh, và lấy đó làm giới cấm phải tuân thủ. Có rất nhiều Kinh sách Đại thừa nói về Bồ Tát giới, nhưng có thể tổng hợp làm 2 loại sách luật là Phạm võng và Du già. Bồ Tát giới bản được lấy ra từ phẩm Luật tạng của Kinh Phạm võng gồm có 10 giới nặng, 48 giới nhẹ, bất luận là người xuất gia hay người tại gia đều có thể nhận giữ. Còn giới bản được trích ra từ luận Du già sư địa quyển 40, quyển 41 thì lấy Tam tụ tịnh giới, Tứ chủng tha thắng xứ pháp làm nền tảng. Trước phải nhận giới của bảy chúng Tiểu thừa trong thời gian dài, nếu người nào không vi phạm thì mới được nhận giữ giới Bồ Tát. Đời xưa lấy giới Bồ Tát trong Kinh Du già sư địa làm chính, nhưng ngày nay thì giới Bồ Tát trong Kinh Phạm võng lại thịnh hành. Giới Viên đốn của tông Thiên thai tức là giới trong Kinh Phạm võng. Cứ theo Kinh Phạm võng quyển hạ chép, thì nhận giữ giới Bồ Tát được năm lợi ích: 1. Được chư Phật ở mười phương thương nhớ, che chở. 2. Khi sắp chết được chính kiến, tâm vui mừng. 3. Sinh ở nơi nào đều được làm bạn với các Bồ Tát. 4. Chứa góp nhiều công đức, thành tựu giới Ba la mật. 5. Đời này đời sau, tính giới phúc tuệ tròn đầy. Giới Bồ Tát là Ba la đề mộc xoa (giới biệt giải thoát) nằm ngoài giới của bảy chúng (Ưu bà tắc, Ưu ba di, sa di, sa di ni, thức xoa ma ni, tỉ khưu, tỉ khưu ni). Người nhận giữ giới Bồ Tát có thể ở trong bảy chúng, mà cũng có thể ở ngoài bảy chúng, chỗ tôn quí của giới Bồ Tát là vượt lên trên và bao trùm tất cả giới. Kinh Phạm võng nói giới Bồ Tát là nguồn gốc của chư Phật, là cội rễ của Bồ Tát và Phật tử. Tính chất của giới Bồ Tát tương tự như tám giới (tám giới quan trai); tám giới cũng là một loại giới Biệt giải thoát nằm ngoài giới của bảy chúng. Nhưng, vì trong giới Bồ Tát có một vài giới tương tự như giới Bát quan trai, nên là Đốn lập giới, lại cũng có một số giới không giống giới Bát quan trai mà tương tự như Tiệm thứ giới của giới bảy chúng, cho nên giới Bồ Tát có thể được chia làm hai loại: 1. Đốn lập: Có thể nhận ngay giới Bồ Tát. 2. Tiệm thứ: Trước phải nhận ba qui y, năm giới v.v... rồi sau mới nhận giới Bồ Tát. Trong tạng Kinh Hán dịch, có sáu loại Bồ Tát giới bản hoặc Bồ Tát giới Kinh rất được coi trọng là: Kinh Bồ Tát anh lạc bản nghiệp, Phạm võng Kinh Bồ Tát giới bản, Du già sư địa luận Bồ Tát giới bản, Bồ Tát địa trì Kinh giới bản, Bồ Tát thiện giới Kinh giới bản và Ưu bà tắc giới Kinh giới bản. Nếu sáu thứ trên đây được chia theo hai loại đốn và tiệm, thì Anh lạc và Phạm võng thuộc về Đốn lập, còn các giới Kinh Du già, Địa

trì, Thiện giới, Ưu bà tắc v.v... thuộc Tiệm thứ. Giới Bồ Tát bắt đầu được truyền bá ở Trung quốc do Ngài Cưu ma la thập(344 - 413). Trong các bản chép tay tìm thấy ở Đôn hoàng có Thụ Bồ Tát giới nghi quỹ 1 quyển do Ngài soạn. Còn người đầu tiên làm phép thụ giới là Ngài Đàm vô sấm(358 - 433)khi Ngài trao giới Bồ Tát cho nhóm các sư Đạo tiến v.v... gồm hơn mười người ở Cô tang(tỉnh Cam túc, huyện Vũ uy). Đến đời Lương, đời Trần thuộc Nam triều, phong trào thụ giới Bồ Tát khá thịnh hành, như Lương Vũ Đế, Trần Văn Đế đều nhận giới Bồ Tát. Lương Vũ Đế từng lập đàn giới, thỉnh Ngài Tuệ Siêu trao giới Bồ Tát. Lại năm Thiên giám 18(519), nhà vua tự phát nguyện rồi theo Ngài Tuệ Ước nhận giới Bồ Tát ở điện Đẳng giác. Thái tử, Công khanh, xuất gia, tại gia v.v... xin thụ giới Bồ Tát rất đông, có tới 84.000 người. Cũng có thuyết nói Lương Vũ Đế nhận giới Bồ Tát nơi Ngài Trí Tạng. Đến đời Tùy, vua Văn Đế nhận giới Bồ Tát nơi Ngài Trí Khải, đều xưng là Bồ Tát giới đệ tử. Cứ đó mà suy, có thể biết phong trào thụ giới Bồ Tát tại Trung quốc vào thời ấy đã thịnh hành đến mức nào. [X. Kinh Bồ Tát anh lạc bản nghiệp Q.hạ; Kinh Bồ Tát thiện giới Q.4; Kinh Bồ Tát thiện giới (1quyển); Kinh Ưu bà tắc giới Q.3; Bồ Tát giới bản; Thụ Bồ Tát giới nghi (Trạm nhiên); luận Đại trí độ Q.46; Phạm võng kinh Bồ Tát giới bản sớ Q.1; Tứ phần luật hành sự soa tư trì ký Q.thượng; Bát tông cương yếu Q.thượng; Tục Cao Tăng truyện Q.5; Trí Tạng truyện Q.6; Tuệ Siêu truyện, Tuệ Ước truyện; Quảng hoằng minh tập Q.22]. (xt. Tam Tụ Tịnh Giới, Giới, Truyền Giới, Viên Đốn Giới)- Phật Quang từ điển.

Chúng ta tụng tiếp Q.585, phần "Tịnh Giới Ba La Mật".

Quyển 585

Bấy giờ, Xá lợi Tử lại nói với Mãn Từ Tử:

- Nếu các Bồ Tát tu hành Tịnh giới Ba la mật thấy có chút ít pháp gọi là tác giả, thì nên biết tuy trụ ở trong pháp Bồ Tát nhưng gọi là xả bỏ các pháp Bồ Tát. Đây là Bồ Tát **tác ý phi lý**. Nếu khởi tác ý phi lý như vậy, nên biết gọi là Bồ Tát phạm giới.

Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Nếu các Bồ Tát không thấy một ít pháp gọi là tác giả, thì các Bồ Tát này thọ trì Tịnh giới Ba la mật không có sự vi phạm. Vậy pháp gì đối với Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát này là lợi ích hay tổn giảm?

Xá lợi Tử đáp:

- Không có pháp nào đối với Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát này là lợi ích hay tổn giảm. Nếu thấy một ít pháp đối với Tịnh giới Ba la mật này là lợi ích hay tổn giảm, thì nên biết là Bồ Tát **chấp thủ tịnh giới**. Nếu các Bồ Tát thấy có một ít pháp đối với Tịnh giới Ba la mật này cho là lợi ích hay tổn giảm, thì các Bồ Tát này không nhiếp trì được Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát. Nếu các Bồ Tát không thấy có ít pháp gọi là tác giả, thì các Bồ Tát này nhiếp trì đúng Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát. Nếu các Bồ Tát thọ trì tịnh giới, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, thì mới gọi là Tịnh giới Ba la mật. **Nếu các Bồ Tát thọ trì tịnh giới mà không hồi hướng Nhất thiết trí trí, nên biết giới này tuy đắc nhưng chẳng gọi là Tịnh giới Ba la mật, hoặc vì cầu Nhị thừa, quả thế gian vậy.**

(Thế nào gọi là đầy đủ Tịnh giới Ba la mật).

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát tùy theo sự **<u>hành bố thí</u> đều dùng đại bi làm đầu**, thường phát khởi tâm tùy thuận hồi hướng tương ưng với Nhất thiết trí trí. Nên biết đây gọi là đầy đủ giới Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát tùy theo **sự <u>nhiếp trì giới</u>, đều dùng đại bi làm đầu**, thường phát khởi tâm tùy thuận hồi hướng tương ưng với Nhất thiết trí trí. Nên biết đây gọi là đầy đủ giới Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát bị các hữu tình đánh, hoặc mắng, hoặc phỉ báng, lăng nhục, khinh chê v.v…, tùy theo sự **tu <u>hành an nhẫn</u> đều dùng đại bi làm đầu**, thường phát khởi tâm tùy thuận hồi hướng tương ưng với Nhất thiết trí trí. Nên biết đây gọi là đầy đủ giới Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát vì muốn cứu vớt tất cả hữu tình thoát khỏi các khổ não sanh tử nơi đường ác, thường **<u>hành tinh tấn</u>, đều dùng đại bi làm đầu**, thường phát khởi tâm tùy thuận hồi hướng tương ưng với Nhất thiết trí trí. Nên biết đây gọi là đầy đủ giới Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát **<u>tu tĩnh lự</u>** lại suy nghĩ: Ta phải phát khởi tịnh lự thù thắng, do đấy phát khởi thần thông thù thắng, biết

tâm hành sai khác của các hữu tình, nên thuyết giảng trao truyền thuốc pháp, giúp họ thoát các khổ sanh tử nơi đường ác. Lại vì điều hoà phiền não thân tâm, làm phước điền thanh tịnh cho loài hữu tình, kham dẫn phát Nhất thiết trí trí. Suy nghĩ như vậy, tu tĩnh lự tất cả đều dùng đại bi làm đầu, thường phát khởi tâm tùy thuận hồi hướng tương ưng với Nhất thiết trí trí. Nên biết đây gọi là đầy đủ giới Bồ Tát.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát tùy theo sự **tu hành trí huệ** vi diệu thậm thâm đều vì đối với pháp mà xa lìa điên đảo, được các thiện xảo, nghĩa là uẩn thiện xảo, xứ thiện xảo, giới thiện xảo, đế thiện xảo, duyên khởi thiện xảo, thị xứ phi xứ*(1)* thiện xảo.

(Thế nào gọi là thiện xảo đối với ngũ uẩn?)

Nghĩa là các Bồ Tát biết rõ như thật các **tự tướng***(2)* có bao nhiêu **sắc uẩn**. Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng có bao nhiêu sắc uẩn đều **bất khả đắc**. Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **cộng tướng***(3)* có bao nhiêu sắc uẩn. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các cộng tướng **có bao nhiêu sắc uẩn đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu sắc uẩn **thường hoặc vô thường** đều bất khả đắc. Như thật biết rõ có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn **thường hoặc vô thường đều bất khả đắc**. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu sắc uẩn **vui hoặc khổ đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn vui hoặc khổ đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu sắc uẩn **ngã hoặc vô ngã đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức

uẩn ngã hoặc vô ngã đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu sắc uẩn **tịnh hoặc bất tịnh đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn tịnh hoặc bất tịnh đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu sắc uẩn **Không hoặc bất Không đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn Không hoặc bất Không đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ tát biết rõ như thật có bao nhiêu sắc uẩn **có tướng hoặc vô tướng đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn có tướng hoặc vô tướng đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu sắc uẩn **có nguyện hoặc vô nguyện đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn có nguyện hoặc vô nguyện đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu sắc uẩn **tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu sắc uẩn **xa lìa hoặc không xa lìa đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu thọ, tưởng, hành, thức uẩn xa lìa hoặc không xa lìa đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với uẩn.

(Thế nào gọi là thiện xảo đối với 12 xứ?)

Nghĩa là các Bồ Tát biết rõ như thật các **tự tướng** có bao nhiêu **nhãn xứ.** Như thật biết rõ có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng có bao nhiêu nhãn xứ **đều bất khả đắc.** Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **cộng tướng** có bao nhiêu nhãn xứ. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các cộng tướng có bao nhiêu nhãn xứ **đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu nhãn xứ **thường, hoặc vô thường đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thường, hoặc vô thường đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu nhãn xứ **vui, hoặc khổ đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vui, hoặc khổ đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu nhãn xứ **ngã, hoặc vô ngã đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ngã, hoặc vô ngã đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu nhãn xứ **tịnh, hoặc bất tịnh đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tịnh, hoặc bất tịnh đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu nhãn xứ **Không, hoặc bất Không đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ Không, hoặc bất Không đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu nhãn xứ **có tướng, hoặc vô tướng đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có tướng, hoặc vô tướng đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu nhãn xứ **có nguyện, hoặc vô nguyện đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có nguyện, hoặc vô nguyện đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu nhãn xứ **tịch tĩnh, hoặc không tịch tĩnh đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu nhĩ,

tỷ, thiệt, thân, ý xứ tịch tĩnh, hoặc không tịch tĩnh đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu nhãn xứ **xa lìa, hoặc không xa lìa đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ xa lìa, hoặc không xa lìa đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với xứ.

Nghĩa là các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng có bao nhiêu nhãn xứ, sắc xứ. Như thật biết rõ có bao nhiêu nhãn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; như thật biết rõ có bao nhiêu thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Như vậy, gọi là thiện xảo đối với 12 xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **tự tướng** có bao nhiêu nhãn xứ, sắc xứ đều bất khả đắc. Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu nhãn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; như thật biết rõ có bao nhiêu thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với 12 xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **cộng tướng** có bao nhiêu sắc xứ. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu nhãn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; có bao nhiêu thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Như vậy gọi là thiện xảo đối với 12 xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các cộng tướng có bao nhiêu nhãn xứ, sắc xứ đều bất khả đắc. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu nhãn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; có bao nhiêu thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với 12 xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu nhãn xứ, sắc xứ thường hoặc vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, Không hoặc bất Không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc bất tịch tĩnh, xa lìa hoặc bất xa lìa **đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ 12 xứ thường, hoặc vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh v.v... **đều bất khả đắc**. Như vậy gọi là thiện xảo đối với 12 xứ.

(Thế nào gọi là thiện xảo đối với 18 giới?)

Nghĩa là các Bồ Tát biết rõ như thật các **tự tướng, cộng tướng** có bao nhiêu **nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới***(hay nói rộng gồm 18 giới)***đều bất khả đắc**. Có bao nhiêu nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới thường hay

vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, Không hoặc bất Không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, xa lìa hoặc không xa lìa đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với 18 giới.

(Thế nào là tu thiện xảo đối với lục đại chủng?)

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **tự tướng** có bao nhiêu địa chủng. Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu thủy, hỏa, phong, không thức chủng. Như vậy gọi là thiện xảo đối với đại chủng.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng có bao nhiêu **địa chủng** đều bất khả đắc. Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu **thủy, hỏa, phong, không, thức chủng** đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với đại chủng.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **cộng tướng** có bao nhiêu địa chủng. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu thủy, hỏa, phong, không, thức chủng. Như vậy gọi là thiện xảo đối với đại chủng.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các cộng tướng có bao nhiêu địa chủng đều bất khả đắc. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu thủy, hỏa, phong, không, thức chủng đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với đại chủng.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu địa chủng **thường hoặc vô thường,** vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, Không hoặc bất Không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, xa lìa hoặc không xa lìa đều bất khả đắc. Như thật biết rõ có bao nhiêu thủy, hỏa, phong, không, thức chủng thường hoặc vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, v.v... đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với lục đại chủng.

(Thế nào là thiện xảo đối với Tứ đế?)

Nghĩa là các Bồ Tát biết rõ như thật các **tự tướng** có bao nhiêu **Thánh đế khổ**. Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu **Thánh đế tập, diệt, đạo**. Như vậy gọi là thiện xảo đối với đế.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng có bao nhiêu Thánh đế khổ đều **bất khả đắc**. Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu Thánh đế tập, diệt, đạo đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với đế*(4)*.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **cộng tướng** có bao nhiêu Thánh đế khổ. Như thật biết rõ có bao nhiêu Thánh đế tập, diệt, đạo. Như vậy gọi là thiện xảo đối với đế.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các cộng tướng có bao nhiêu Thánh đế khổ đều bất khả đắc. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu Thánh đế tập, diệt, đạo đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với đế.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu Thánh đế khổ thường, hoặc vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, Không hoặc bất Không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, xa lìa hoặc không xa lìa đều bất khả đắc. Như thật biết rõ có bao nhiêu Thánh đế tập, diệt, đạo thường, hoặc vô thường vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, v.v... đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với bốn đế.

Lưu ý: *Đoạn Kinh sau đây thuộc quyển 586, tuy nhiên để Kinh văn được liên tục nên chúng tôi ghi vào cuối quyển 585.*

(Thế nào gọi là thiện xảo đối với bốn duyên?)

Nghĩa là các Bồ Tát biết rõ như thật các **tự tướng** có bao nhiêu **nhân duyên**. Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu **đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên** và từ các duyên sanh ra các pháp. Như vậy gọi là thiện xảo đối với duyên khởi.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng có bao nhiêu nhân duyên đều **bất khả đắc**. Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với duyên khởi.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **cộng tướng** có bao nhiêu nhân duyên. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên. Như vậy gọi là thiện xảo đối với duyên khởi.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các cộng tướng có bao nhiêu nhân duyên **đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với duyên khởi.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên **thường hoặc vô thường**, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, Không hoặc bất Không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, xa lìa hoặc không xa lìa đều bất khả đắc. Như thật biết rõ có bao nhiêu đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên thường hoặc vô thường vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, v.v... đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với duyên khởi.

(Thế nào gọi là thiện xảo đối với 12 duyên khởi?)

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **tự tướng** có bao nhiêu **vô minh.** Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu **hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử**. Như vậy gọi là thiện xảo đối với duyên khởi.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng có bao nhiêu vô minh đều **bất khả đắc**. Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với duyên khởi.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **cộng tướng** có bao nhiêu vô minh. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử. Như vậy gọi là thiện xảo đối với duyên khởi.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các cộng tướng có bao nhiêu vô minh đều **bất khả đắc**. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với duyên khởi.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu vô minh **thường hoặc vô thường**, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, Không hoặc bất Không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, xa lìa hoặc không xa lìa đều bất khả đắc. Như

thật biết rõ có bao nhiêu hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử thường, hoặc vô thường vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, v.v... đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với 12 duyên khởi.

(Thế nào gọi là thiện xảo đối với thị xứ phi xứ?)

Nghĩa là các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng có **bao nhiêu thị xứ**. Như thật biết rõ các tự tướng có **bao nhiêu phi xứ**. Như vậy gọi là thiện xảo đối với thị xứ phi xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật **các tự tướng có bao nhiêu thị xứ đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ các tự tướng có bao nhiêu phi xứ đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với thị xứ phi xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **cộng tướng** có bao nhiêu thị xứ. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu phi xứ. Như vậy gọi là thiện xảo đối với thị xứ phi xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các **cộng tướng có bao nhiêu thị xứ đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ các cộng tướng có bao nhiêu phi xứ đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với thị xứ phi xứ.

Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật có bao nhiêu thị xứ **thường hoặc vô thường**, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, Không hoặc bất Không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, xa lìa hoặc không xa lìa đều bất khả đắc. Như thật biết rõ có bao nhiêu phi xứ thường hoặc vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, v.v... đều bất khả đắc. Như vậy gọi là thiện xảo đối với thị xứ phi xứ.

Thích nghĩa quyển 585:

(1). Thị xứ phi xứ: Khả năng biết đúng hay không đúng.

(2). và (3). Cộng tướng và tự tướng, cộng tướng và bất cộng tướng:

1- Cộng tướng *(phản nghĩa của Tự tướng): Chỉ cho tướng chung, nghĩa là cộng thông với các pháp khác. Nếu là tự thân chỉ có cái thể tướng đặc thù, thì gọi là* ***Tự tướng****. Thực ra thì tự thể của các pháp, chỉ có trí chứng mới có thể biết, không thể dùng lời nói thí dụ, nên gọi là Tự tướng. Còn đem tâm phân biệt để an lập thi thiết năng thuyên, sở thuyên của các pháp, dùng lời nói để diễn tả, tìm hiểu thể nghĩa của*

các pháp làm chỗ cho trí phân biệt duyên theo, thì là Cộng tướng. Như hết thảy sắc pháp đều có tự tướng riêng biệt, nhưng khi dùng câu hết thảy vạn hữu đều là vô ngã, để nói rõ về tính không của các pháp thì vô ngã ấy tức là Cộng tướng. Như vậy, vô ngã là nghĩa tướng chung của hết thảy vạn hữu, cùng với khổ, không, vô thường v.v... dùng để giải thích thể nghĩa của các pháp, cho nên đều là Cộng tướng. Thông thường phần nhiều cho Cộng tướng có thể giải thích được và coi nó như đối lập với Tự tướng, nhưng Nhân minh nhập chính lý luận sớ quyển thượng phần đầu, thì phản đối luận thuyết tương đối này mà cho rằng trong các pháp có thể giải thích, bao hàm cả Tự tướng và Cộng tướng, hai tướng này có mối quan hệ nhiều lớp với nhau như năm uẩn sắc, thụ, tưởng v.v... là ***Tự tướng****, còn sự vô thường của năm uẩn là* ***Cộng tướng*** *- lại trong Sắc uẩn, Sắc xứ là Tự tướng, Sắc uẩn là Cộng tướng. Ngoài ra, trong sắc xứ thì các mầu xanh, vàng là Tự tướng, còn sắc xứ là Cộng tướng. Như vậy, cuối cùng, lấy tự tính bản chân do Thánh trí chứng được làm Tự tướng, và lấy tự tính giả khác (vì không lìa trí giả và nói năng) làm Cộng tướng. [X. Phật địa Kinh luận Q.6 - luận Câu xá Q.23 - luận Đại tì bà sa Q.42 - Thành duy thức luận thuật ký Q.2 phần cuối - Đại thừa pháp uyển nghĩa lâm chương Q.2 phần cuối].*

2- Cộng tướng *(phản nghĩa với Bất cộng tướng): Tức là tướng do mọi người cùng chung cảm được, cùng thụ dụng chung, gọi là Cộng tướng. Như núi sông, đất đai v.v... là bởi nghiệp chung của mọi người tạo thành, là nơi nương tựa và thụ dụng chung của mọi người, cho nên là Cộng tướng - còn như thân thể của mỗi cá nhân, là do nghiệp riêng của cá nhân ấy mà có, cũng chỉ do cá nhân ấy thụ dụng, cho nên gọi là Bất cộng tướng. Chủng tử thân nhân duyên của Cộng tướng, gọi là Cộng tướng chủng tử, được chủng tử cộng nghiệp giúp đỡ mà sinh khởi hiện hành. Cộng tướng có thể chia làm hai thứ: 1. Như núi sông, đất đai thuộc y báo, do nghiệp chung mà có, đều do người, thú, sấu, cá, v.v... cùng chung thụ dụng, gọi là Cộng trung cộng (chung trong chung). 2. Như ruộng vườn, nhà cửa của mỗi cá nhân, thì chỉ cá nhân ấy thụ dụng chứ người khác không được dùng chung, thì gọi là Cộng trung bất cộng (riêng trong chung). [X. luận Thành duy thức Q.2 -*

Thành duy thức luận thuật ký Q.3 phần đầu]. (xt. Bất Cộng Tướng, Cộng Bất Cộng). - Phật Quang Từ điển.

Đây là chỗ hết sức tế nhị, rất khó giải thích. Vì vậy, trong sách vở Phật học khi nói về tự tướng thường nói rằng chẳng có pháp nào có tự tướng riêng của chính nó, nên bảo là không. ***TB***

(4). Đế (s: satya, p: sacca, 諦): Chân lý đúng đắn, chắc thật. Từ "đế" nói ở đây là chỉ cho pháp "Tứ đế" hay "Tứ diệu đế": Khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

Sơ giải Q.585:

1. Không có pháp nào đối với Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát là lợi ích hay tổn giảm.

Xá Lợi Tử đáp: "Không có pháp nào đối với Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát **là ích là tổn**. Nếu thấy có chút pháp đối với Tịnh giới Ba la mật này là ích là tổn, thì nên biết Bồ Tát **chấp trước** tịnh giới. Nếu các Bồ Tát thấy có chút pháp đối với Tịnh giới Ba la mật này cho là ích là tổn, thì các Bồ Tát này không nhiếp trì được Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát. Nếu các Bồ Tát không thấy có chút gọi là tác giả, thì các Bồ Tát này nhiếp trì đúng Tịnh giới Ba la mật. Nếu các Bồ Tát thọ trì tịnh giới, hồi hướng cầu đến Nhất thiết trí trí, thì mới gọi là Tịnh giới Ba la mật".

Nếu Bồ Tát tùy theo ***sự nhiếp trì giới****, tùy theo sự hành bố thí, tùy theo sự tu hành an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, tu huệ đều lấy đại bi làm đầu, thường phát khởi tâm tùy thuận hồi hướng tương ưng với Nhất thiết trí trí. Nên biết đây gọi là đủ giới Bồ Tát. Tu như thế được xem là vô thượng, vì bi trí song tu, phước huệ mới vuông tròn. Bồ Tát* ***tu hành lục Ba la mật*** *như trên thì uẩn, xứ, giới, lục đại chủng, Tứ đế, duyên khởi, thị xứ phi xứ mới được thiện xảo.*

2. Làm sao cho ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới, lục đại chủng v.v... đều được thiện xảo?

1- *Thế nào gọi là thiện xảo* ***đối với uẩn****?*

*Nghĩa là biết rõ tự tướng, cộng tướng có bao nhiêu sắc uẩn **đều bất khả đắc**. Như thật biết rõ có bao nhiêu tự tướng, cộng tướng của thọ, tưởng, hành, thức đều bất khả đắc. Bồ Tát như thật biết rõ ngũ uẩn thường hay vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, không hoặc bất không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, xa lìa hoặc không xa lìa... **đều bất khả đắc**. Như vậy, gọi là thiện xảo đối với ngũ uẩn.*

***2-** Thế nào gọi là thiện xảo **đối với xứ, giới**?*

*Nếu Bồ Tát biết rõ tự tướng, cộng tướng của 12 xứ, 18 giới đều bất khả đắc. Bồ Tát như thật biết rõ 12 xứ, 18 giới thường hay vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, không hoặc bất không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, xa lìa hoặc không xa lìa... **đều bất khả đắc**. Như vậy, gọi là thiện xảo đối với 12 xứ, 18 giới.*

*Vì sao? Vì ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới **là cửa ngõ của sanh diệt, đoạn thường... nếu nương vịn vào đó thì làm sao an tịnh được chơn tâm**. Nếu chơn tâm không an tịnh thì làm sao tu tịnh giới. Nếu không tu tịnh giới làm sao hiển lộ chơn tâm phát huy trí tuệ giác ngộ mà chứng Niết bàn. Vì vậy, mới nói xa lìa uẩn xứ giới là phương tiện tốt nhất để hoàn thành giới uẩn, định uẩn, giải thoát và giải thoát tri kiến tạo điều thuận lợi để **chứng ngũ phần pháp thân**(1).*

3-** Thế nào gọi là thiện xảo **đối với lục đại chủng?

*Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng, cộng tướng có bao nhiêu **địa giới**. Như thật biết rõ các tự tướng, cộng tướng có bao nhiêu thủy, hỏa, phong, không thức giới. Như vậy, gọi là thiện xảo đối với lục đại chủng. Nghĩa là, các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng, cộng tướng của lục đại chủng đều **bất khả đắc**. Như thật biết rõ lục đại chủng thường hay vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, không hoặc bất không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, xa lìa hoặc không xa lìa... đều bất khả đắc. Như vậy, gọi là thiện xảo đối với các đại chủng.*

4-** Thế nào gọi là thiện xảo **đối với Tứ đế?

*Nghĩa là các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng, cộng tướng có bao nhiêu **Thánh đế** khổ. Như thật biết rõ các tự tướng, cộng tướng có bao nhiêu Thánh đế tập, diệt, đạo. Như vậy gọi là thiện xảo đối với Tứ đế.*

*Lại nữa, các Bồ Tát biết rõ như thật biết các tự tướng, cộng tướng có bao nhiêu tứ Thánh đế khổ đều **bất khả đắc**. Như thật biết có bao nhiêu tứ Thánh đế khổ thường hoặc vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, không hoặc bất không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, xa lìa hoặc không xa lìa đều bất khả đắc. Như vậy, gọi là thiện xảo đối với Tứ đế.*

***5-** Tu thiện xảo đối với bốn duyên, đối với 12 duyên khởi, đối với thị xứ phi xứ... cũng lại như thế. Nghĩa là các Bồ Tát biết rõ như thật các tự tướng, cộng tướng của bốn duyên, 12 nhân duyên, thị xứ phi xứ... thường hoặc vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, không hoặc bất không, có tướng hoặc vô tướng, có nguyện hoặc vô nguyện, tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh, xa lìa hoặc không xa lìa... đều **bất khả đắc**. Biết tất cả những thứ ấy từ ngoài vào, đều không thể nắm bắt, thì không trụ chấp nương vịn, tâm sẽ được như như, bình đẳng và thanh tịnh. Do đó, không cần tịnh giới mà tâm được vắng lặng chỗ gọi là thiện xảo đối với **4 duyên,12 duyên khởi và thị xứ phi xứ**.*

*Như vậy, Bồ Tát tự kiểm soát trong ngoài: Ngoài không chấp đắm trong không nắm giữ tức tự mình làm chủ lấy mình. Đó là thiện xảo của người tu hành. Tự mình làm chủ trọn vẹn chính mình có nghĩa **mình là chủ nhân ông của đời mình trong vô vàn biến động của những trắc trở, ngả nghiêng của cuộc sống**. Biết như thế rồi Bồ Tát không trốn chạy, ra vào qua lại sanh tử, thực hiện các công hạnh khó hành, cứu rỗi chúng sanh trong muôn ngàn số kiếp không hề mệt mỏi độ vô lượng chúng sanh.*

Bồ Tát dửng dưng đối với những gì còn bám víu vào cái gọi ngã và ngã sở của các Ngài. Có lẽ chỉ có việc trên cầu Vô Thượng Giác Ngộ dưới

hóa độ chúng sinh, đạt Nhất thiết trí trí mới là mối bận tâm duy nhất trong cuộc đời hành đạo của các Ngài.

Tóm tắt, như vậy cũng tạm đủ, không cần dài dòng trùng tụng mất thời giờ!

Thích nghĩa cho phần sơ giải của Q.585 này:

(1). Ngũ phần pháp thân (五分法身) *Cũng gọi Vô lậu ngũ uẩn, Vô đẳng đẳng ngũ uẩn (Phạm: Asamasama-paĩcaskandha). Năm thứ công đức đầy đủ trong tự thể của Phật và A la hán. Có hai cách giải thích.*

1- Theo cách giải thích của Tiểu thừa: *Câu xá luận quang ký quyển 1, phần cuối, nêu và giải thích 5 phần pháp thân là: 1. Giới thân (Phạm: Zìla-skandha), cũng gọi Giới uẩn, Giới chúng, Giới phẩm. Tức là thân nghiệp và ngữ nghiệp vô lậu. 2. Định thân (Phạm: Samàdhiskandha), cũng gọi Định uẩn, Định chúng, Định phẩm. Tức là ba Tam muội không, vô tướng và vô nguyện của bậc Vô học. 3. Tuệ thân (Phạm:Prajĩà-skandha), cũng gọi Tuệ uẩn, Tuệ chúng, Tuệ phẩm. Tức là chính kiến, chính tri của bậc Vô học. 4. Giải thoát thân (Phạm: Vimuktiskandha), cũng gọi Giải thoát uẩn, Giải thoát chúng, Giải thoát phẩm. Tức là thắng giải tương ứng với chính kiến. 5. Giải thoát tri kiến thân (Phạm: Vimukti-jĩàna-darzana-skandha), cũng gọi Giải thoát sở kiến thân, Giải thoát tri kiến uẩn, Giải thoát tri kiến chúng, Giải thoát tri kiến phẩm. Tức là tận trí, vô sinh trí của bậc Vô học. Trong đó, Giải thoát thân và Giải thoát tri kiến thân hợp lại gọi chung là Giải thoát tri kiến. Bởi vì tận trí và vô sinh trí của bậc Vô học Tiểu thừa là giải thoát tri kiến. Trong giáo đoàn Phật giáo, điều này vốn được coi là pháp môn ngăn dứt những dục vọng của nhục thể và tinh thần, giúp cho tâm tĩnh lặng, trí tuệ sáng suốt để giải thoát tất cả mọi sự trói buộc.*

2- Theo cách giải thích của Đại thừa. *Trong Đại thừa nghĩa chương quyển 20, phần đầu, Ngài Tuệ Viễn giải thích năm phần pháp thân như sau: 1. Giới thân: Chỉ cho Giới pháp thân Như lai đã xa lìa hết thảy lỗi lầm của 3 nghiệp thân, khẩu, ý. 2. Định thân: Trong Định pháp thân của Như lai, chân tâm vắng lặng, tự tính không động, xa lìa tất cả vọng niệm. 3. Tuệ thân: Tuệ pháp thân của Như lai thể chơn tâm tròn sáng, tự tính sáng tỏ, quán xét thấu suốt hết thảy pháp tính, tức chỉ cho trí căn bản. 4. Giải thoát thân: Giải thoát pháp thân của Như*

lai tự thể không bị câu thúc, giải thoát khỏi tất cả sự trói buộc. 5. Giải thoát tri kiến thân: Giải thoát tri kiến pháp thân của Như lai tự thể chứng biết xưa nay vốn thanh tịnh vô nhiễm, đã thực sự giải thoát.

*Về danh nghĩa của Ngũ phần pháp thân thì sách đã dẫn trên giải thích rằng: **Phần** tức là nhân, vì 5 thứ nói trên là nhân để thành thân, nên gọi là phần; **Pháp** là tự thể, vì 5 thứ trên là tự thể của bậc Vô học nên gọi là pháp; lại nữa, pháp nghĩa là khuôn phép, mà 5 thứ trên là khuôn phép để thành thân nên gọi là pháp; **Thân** tức là thể, 5 thứ trên là thể của chư Phật, cho nên gọi là thân; thân cũng có nghĩa là chỗ tích tụ mọi công đức, vì thế gọi là thân. Về thứ tự của **Ngũ phần pháp thân thì rất rõ ràng, từ giới sinh định, từ định phát tuệ, do tuệ mà được giải thoát, do giải thoát mà có giải thoát tri kiến**. Giới, định, tuệ là căn cứ theo nhân mà đặt tên, còn giải thoát và giải thoát tri kiến thì căn cứ theo quả mà đặt tên, tuy nhiên, cả 5 thứ đều là công đức của Phật. Theo luận Câu xá quyển 1, thì giới uẩn thuộc về sắc uẩn, 4 uẩn còn lại thuộc về hành uẩn. Thỉnh quan âm kinh sớ của Ngài Trí Khải thì cho rằng: **Nếu chuyển được 5 ấm sắc, thụ, tưởng, hành, thức thì lần lượt có thể được Ngũ phần pháp thân**: Giới thân, định thân... Ngoài ra, trong Ngũ phần pháp thân của Mật giáo, thì **Giới** chỉ cho Tam muội da giới: Chúng sinh và Phật không hai, 6 đại vô ngại; **Định** chỉ cho tâm đại quyết định, an trụ trong chúng sinh và Phật không hai; **Tuệ** chỉ cho trí tuệ tự giác rõ suốt lý 6 đại vô ngại; **Giải thoát** chỉ cho địa vị tự ngộ, rõ suốt lý 6 đại vô ngại, xa lìa mọi chấp trước mà được giải thoát; **Giải thoát tri kiến** chỉ cho sự thấy biết sau khi chứng ngộ không còn bị các chấp trước trói buộc. [X. Kinh Tạp a hàm Q.24, 47; Kinh Trường a hàm Q.9; Kinh Tăng nhất a hàm Q.2, 18, 29; Kinh Tăng già la sát sở tập Q.hạ; Kinh Quán Phổ hiền hành pháp; Kinh Bồ Tát anh lạc Q.thượng; Phật địa kinh luận Q.4] -Từ điển Phật Quang.*

*Chúng tôi nghĩ phần thích nghĩa này không những giúp cho sự thấu hiểu Q.585 trên mà còn giúp cho tất cả những người tu Phật trong sự nhiếp phục thân khẩu ý. Đây là pháp tu hết sức tế nhị, khó khăn. Kinh luận đã giải thích rõ, tuy nhiên phải trì tụng nhiều mới có thể thấm thấu được. **TB***

Chúng ta tụng tiếp Q.586, phần "Tịnh Giới Ba La Mật".

Quyển 586

(Phải tùy thuận Nhất thiết trí trí và Vô thượng Bồ đề để tu tịnh giới).

Như vậy, Bồ Tát đối với các uẩn phải khéo léo tu hành. Do khéo léo nên thuyết pháp cho các hữu tình, giúp họ dứt hẳn các tưởng hữu tình. Bồ Tát khởi tâm thù thắng như vậy là lợi mình và lợi người, **tu các trí tuệ vi diệu, tất cả đều dùng đại bi làm đầu, thường phát khởi tâm tùy thuận hồi hướng tương ưng với Nhất thiết trí trí. Nên biết đây gọi là đầy đủ giới Bồ Tát, đầy đủ tịnh giới vô thượng.** Nếu các Bồ Tát muốn cầu Vô thượng Bồ đề phải siêng năng tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, hồi hướng cầu đến Nhất thiết trí trí. Nếu các Bồ Tát dùng sáu Ba la mật này, hồi hướng cầu đến Nhất thiết trí trí, thì các Bồ Tát này do tịnh giới đây nên thù thắng hơn tất cả Thanh văn, Độc giác.

*(Câu nói trở nên quan trọng đối với người tu tịnh giới là "... tu trí tuệ vi diệu tất cả đều phải **dùng đại bi làm đầu**, thường phát khởi tâm tùy thuận hồi hướng tương ưng với Nhất thiết trí trí. Nên biết đây gọi là đầy đủ giới Bồ Tát, đầy đủ tịnh giới vô thượng").*

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Giả sử <u>tất cả hữu tình ở thế gian đều thành tựu</u> đầy đủ **10 nghiệp thiện đạo**, bao nhiêu giới đó đối với các Bồ Tát mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **dù chỉ mới phát một Bồ Tát giới**, thì *(các hữu tình đã thành tựu 10 nghiệp thiện đạo)* trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, cho đến vô số phần không bằng một *(Bồ Tát mới phát tâm dù chỉ mới phát một Bồ Tát giới).*

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Giả sử tất cả hữu tình ở thế gian đều thành tựu đầy đủ **5 thần thông** trước, bao nhiêu giới đó đối với các Bồ Tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề dù chỉ mới phát một Bồ Tát giới, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, cho đến vô số phần không bằng một.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Giả sử tất cả hữu tình ở thế gian đều **an trụ đầy đủ từ, bi, hỷ, xả**, bao nhiêu giới đó đối với các Bồ Tát phát tâm Vô

thượng Bồ đề dù chỉ mới phát một Bồ Tát giới, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, cho đến vô số phần không bằng một.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Giả sử tất cả hữu tình ở thế gian đều thành tựu đầy đủ **tùy thuận nhẫn Không**, **vô tướng, vô nguyện**, bao nhiêu giới đó đối với một giới Bồ Tát mới phát tâm Vô thượng Bồ đề dù chỉ mới phát một Bồ Tát giới, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, cho đến vô số phần không bằng một.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Giả sử tất cả hữu tình ở thế gian đều **thành tựu đầy đủ pháp của bậc Đệ Bát**, bao nhiêu giới đó đối với các Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề dù chỉ mới phát một Bồ Tát giới, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, cho đến vô số phần không bằng một.

(Ngũ uẩn là Đệ Bát địa hay lìa ngũ uẩn là Đệ Bát địa?)

Bấy giờ, Mãn Từ Tử lại thưa với Xá lợi Tử:

- Nay tôi muốn hỏi Tôn giả, có bao nhiêu **nghĩa thú của Đệ Bát địa***(1)*, xin Tôn giả hứa khả, vì tôi giải thích nghĩa thú này.

Xá lợi Tử đáp:

- Tùy theo ý của Ngài hỏi điều gì, tôi sẽ theo đó mà giải thích.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Tức sắc uẩn là Đệ bát địa phải không?

Xá lợi Tử đáp:

- Đại sĩ! Không phải.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Lìa sắc uẩn có Đệ bát địa phải không?

Xá lợi Tử đáp:

- Đại sĩ! Không phải.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Tức thọ, tưởng, hành, thức uẩn là Đệ bát địa phải không?

Xá lợi Tử đáp:

- Đại sĩ! Không phải.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Lìa thọ, tưởng, hành, thức uẩn có Đệ bát địa phải không?

Xá lợi Tử đáp:

- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức nhãn xứ là Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa nhãn xứ có Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đệ bát địa phải không sao?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Cụ thọ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức sắc xứ là Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa sắc xứ có Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức nhãn giới là Đệ bát địa phải không?

Xá lợi Tử đáp:
- Cụ thọ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa nhãn giới có Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức sắc giới là Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa sắc giới có Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức nhãn thức giới là Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:

- Lìa nhãn thức giới có Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức nhãn xúc là Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa nhãn xúc có Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đệ bát địa phải không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có phải là Đệ bát địa không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Tức các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra có phải là Đệ bát địa không?
Xá lợi Tử đáp:
- Đại sĩ! Không phải.
Mãn Từ Tử hỏi:
- Lìa các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra có phải là Đệ bát địa không?

Xá lợi Tử đáp

- Cụ thọ! Không phải.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Tức các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra có phải là Đệ bát địa không?

Xá lợi Tử đáp:

- Đại sĩ! Không phải.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Lìa các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra có phải là Đệ bát địa không?

Xá lợi Tử đáp:

- Đại sĩ! Không phải.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Tức địa giới có phải là Đệ bát địa không?

Xá lợi Tử đáp:

- Đại sĩ! Không phải.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Lìa địa giới có phải là Đệ bát địa không?

Xá lợi Tử đáp:

- Đại sĩ! Không phải.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Tức thủy, hỏa, phong, không, thức giới có phải là Đệ bát địa không?

Xá lợi Tử đáp:

- Đại sĩ! Không phải.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới có phải là Đệ bát địa không?

Xá lợi Tử đáp:

- Đại sĩ! Không phải.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Nếu vậy, Tôn giả nói những pháp nào là Đệ bát địa? Làm sao tôi hiểu được nghĩa thú của Tôn giả nói mà thọ trì cho đúng?

Xá lợi Tử đáp:

- Nếu đối trong tánh bình đẳng các pháp đem trí như thật biết tánh bình đẳng, chứng tánh bình đẳng. Do trí đây nên sở tác dứt. Tôi đối trong ấy chẳng thấy Đệ bát, cũng lại chẳng thấy trí biết tánh bình

đẳng, vì trong ấy không ngã không ngã sở, thì làm sao đối trong đó khá gạn hỏi nhau được. *(Q.586, Phần "Tịnh Giới Ba La Mật")*

Mãn Từ Tử hỏi:

- Tôn giả đã thuyết trước sau chẳng trái ngược nhau phải không? Trước nói: Tất cả Đệ bát có bao tịnh giới đối chúng các Bồ Tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác dù chỉ mới phát một Bồ Tát giới, thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, cho đến cực số phần cũng chẳng kịp một. Nay lại nói rằng tôi đối trong ấy đều chẳng thấy có Đệ bát và trí?

Xá lợi Tử đáp:

- Lời nói trước của tôi là vì người mới học, không vì người đã nhập tánh bình đẳng. Lời nói trước của tôi là muốn khiến cho hữu tình vào chánh pháp, không vì người đã nhập tánh bình đẳng. Lời nói trước của tôi là vì muốn hữu tình biết Đại thừa, tu hành vượt qua nhị thừa, không thuyết thật tánh bình đẳng của các pháp. Lời nói trước của tôi là muốn hữu tình hiểu rõ như thật về sự thù thắng của Phật thừa, Đại thừa và tịnh giới, cho nên nói như vầy: **Giả sử tất cả hữu tình ở thế gian đều thành tựu Đệ Bát địa, người kia có được tịnh giới nhưng đối với một Bồ Tát giới của các Bồ Tát mới phát tâm Vô thượng Bồ đề, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, cho đến vô số phần không bằng một**. Chẳng nói thật tánh bình đẳng các pháp, lìa ngã ngã sở, đâu có trái nhau!

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tất cả tịnh giới của Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán và Độc giác đối với các Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề dù chỉ mới phát một Bồ Tát giới, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, cho đến vô số phần không bằng một.

Đại sĩ nên biết! Có những người muốn làm cho tịnh giới của Thanh văn, Độc giác hơn giới Bồ Tát, là vì muốn làm cho tịnh giới Thanh văn, Độc giác hơn giới Như Lai. Nên biết, người kia muốn tranh đua hơn thua với Như Lai. Ví như có người tranh giành với Vương tử. Nên biết, người kia muốn tranh giành với vua. Như vậy, nếu có người muốn làm cho tịnh giới Thanh văn, Độc giác hơn giới Bồ Tát, là vì muốn làm cho tịnh giới của Thanh văn, Độc giác hơn giới Như Lai. Nên biết, người kia muốn tranh giành hơn thua với Như Lai. Vì sao? Mãn Từ Tử! **Nhị thừa không thể hơn pháp của Bồ Tát được, vì Bồ Tát là Chơn pháp vương tử vậy**.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Ví có người không tay, không chân mà lại nói như vầy: "Tôi có thể bơi qua bờ biển bên kia". Lời nói kia hư dối không thật, bởi tăng thượng mạn nên nói như thế. Như vậy nếu có Thanh văn, Độc giác nói như vầy: "Giới của ta hơn giới Bồ Tát ". Nên biết, lời nói kia hoàn toàn không thật. Vì sao Mãn Từ Tử? Vì công đức Bồ Tát ví như biển lớn, người ngu kia thật sự không có tay chân làm sao có thể bơi qua biển lớn được. Như vậy, có người chỉ đến bậc nhị thừa, thật sự không có công đức thù thắng như Bồ Tát, nhưng lại nói ta thù thắng hơn tịnh giới Bồ Tát. Điều này không thể có. Vì sao? **Vì tịnh giới Bồ Tát không có ngằn mé**.

Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Do nhân duyên gì mà nói tịnh giới Bồ Tát không có ngằn mé?

Xá lợi Tử đáp:

- Do tịnh giới Bồ Tát giải thoát vô lượng hữu tình phạm giới ác. An lập vô lượng hữu tình giữ giới thanh tịnh.

Mãn Từ Tử lại hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Tôn giả đã nói người phạm giới ác là có ý gì?

Xá lợi Tử đáp:

- **Chấp ngã, ngã sở và các phiền não khác gọi là phạm giới ác**. Nghĩa là nắm giữ hoặc tưởng ngã, tưởng hữu tình, tưởng sanh mạng, tưởng sự sống, tưởng sự nuôi dưỡng, tưởng sĩ phu, tưởng chúng sanh, tưởng có, tưởng không. Các tưởng như vậy và các phiền não là phạm giới ác. Tịnh giới Bồ Tát năng khắp giải thoát vô lượng hữu tình, nên lượng không ngằn mé.

(Tịnh giới viên mãn, tức gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác)

Lại nữa, các Bồ Tát có bao tịnh giới năng khắp an lập vô lượng hữu tình khiến trụ tịnh giới. Vậy nên, Bồ Tát an trụ Đại thừa sở đắc tịnh giới lượng không ngằn mé, Thanh văn Độc giác chỗ chẳng thể bì kịp.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Các Bồ Tát hơn tất cả Thanh văn, Độc giác, nghĩa là tu Tịnh giới Ba la mật, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí.

Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử:

- Vì sao tịnh giới hữu lậu của Bồ Tát hơn tịnh giới vô lậu của nhị thừa?

Xá lợi Tử đáp:

- Vì tịnh giới vô lậu của Thanh văn, Độc giác chỉ cầu tự lợi, hồi hướng Niết bàn. Tịnh giới Bồ Tát vì độ thoát vô lượng hữu tình, hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Thế nên, tịnh giới hữu lậu của Bồ Tát hơn tịnh giới vô lậu của nhị thừa.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu tâm các Bồ Tát phát khởi tịnh giới **có phân biệt giới hạn** khi lợi ích hữu tình, thì sự phát khởi tịnh giới của các Bồ Tát này **không hơn được tịnh giới vô lậu của nhị thừa, không được gọi là Tịnh giới Ba la mật**. Nhưng nếu tâm các Bồ Tát không có phân biệt, giới hạn, chỉ vì độ thoát vô lượng hữu tình, cầu đại Bồ đề nên phát khởi tịnh giới, thì sự phát khởi tịnh giới của Bồ Tát này hơn hẳn tịnh giới vô lậu của nhị thừa, gọi là Tịnh giới Ba la mật.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Như mặt trời mọc phóng ra ánh sáng lớn, làm ánh sáng của lửa đom đóm đều chìm mất. Bồ Tát tu hành Tịnh giới Ba la mật cũng vậy, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, hơn hẳn tịnh giới của tất cả Thanh văn, Độc giác hồi hướng Niết bàn.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Như mặt trăng xuất hiện chiếu ánh sáng lớn, khiến ánh sáng các ngôi sao đều bị lu mờ. Bồ Tát tu hành Tịnh giới Ba la mật cũng vậy, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, hơn hẳn tịnh giới của tất cả Thanh văn, Độc giác hồi hướng Niết bàn.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Khi Bồ Tát nhớ nghĩ về Như Lai, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, do khởi tâm lực tương ưng thù thắng, nên được Tịnh giới Ba la mật. Bấy giờ, gọi là hành **tự hành xứ**, khắp hơn tất cả Thanh văn Độc giác.

Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Nếu Bồ Tát không hiện khởi tâm Nhất thiết trí, thì khi ấy Bồ Tát gọi là gì?

Xá lợi Tử đáp:

- Nếu Bồ Tát không hiện khởi tâm Nhất thiết trí, thì khi ấy Bồ Tát gọi là **tâm vô ký an trụ liên tục**. Lúc đó, Bồ Tát này gọi là đầy đủ Bồ Tát giới, đối với Bồ Tát giới chưa gọi là hủy phạm, không gọi là xả bỏ tịnh giới Bồ Tát. **Nếu khi Bồ Tát không hiện khởi tâm Nhất thiết trí, mà Bồ Tát hồi hướng Thanh văn hoặc Độc giác, thì khi ấy Bồ Tát xả bỏ Bồ Tát địa, mất tự hành xứ**. Nếu các Bồ Tát bất kỳ khi nào hồi hướng địa vị Thanh văn hoặc Độc giác, thì khi ấy các Bồ Tát này đối với Vô thượng thừa gọi là chết. Tuy chẳng phải là chết thật nhưng cũng gọi là chết. Như

thầy huyễn thuật hoặc đệ tử, nắm tay một bé nhỏ dẫn lên cầu thang cao, nhà ảo thuật cắt thân thể ra từng phần vứt xuống. Khi đó mọi người đều nói đứa bé kia đã chết, thương xót buồn khóc, sanh khổ não lớn: "Đứa bé này bỗng dưng chết mất, thân thuộc chúng tôi làm sao thấy lại?" Bồ Tát cũng vậy, bỏ đại Bồ đề thối lui an trụ địa vị Thanh văn, Độc giác, mất Nhất thiết trí nên biết như là chết. Cũng như đứa bé kia tuy không chết nhưng thân thuộc lại tưởng chết.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Ý đại sĩ thế nào? **Tịnh giới Bồ Tát cùng với tịnh giới của phàm phu, Thanh văn, Độc giác có khác nhau không?**

Mãn Từ Tử đáp:

- Các giới như vậy, **pháp tánh chơn như thật không khác nhau**.

Xá lợi Tử hỏi:

- Các giới như vậy, pháp tánh, chơn như tuy không khác nhau, nhưng cũng có tướng khác nhau. Tướng khác nhau đó nên nói thế nào?

Mãn Từ Tử đáp:

- Như các Bồ Tát cầu chứng Vô thượng Bồ đề. Phàm phu, Thanh văn, Độc giác không như vậy. Như vậy tịnh giới của Bồ Tát cùng với các giới kia nói có khác nhau.

Xá lợi Tử nói:

- Bởi vì tịnh giới của Bồ Tát hơn tịnh giới của các phàm phu, Thanh văn, Độc giác. Nghĩa là giới Bồ Tát hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, gọi là Tịnh giới Ba la mật. Giới khác không như vậy, nên nói là khác nhau. Vì sao? Mãn Từ Tử! **Vì tịnh giới Bồ Tát hơn ba ngàn đại thiên thế giới và vô lượng vô biên hữu tình**. Trừ tịnh giới của Phật Thế Tôn, đối với tịnh giới khác là đệ nhất tối thắng. Vì sao? Vì tịnh giới Bồ Tát đưa vô lượng, vô biên hữu tình giải thoát sanh tử và các đường ác. Do nhân duyên này nên tịnh giới Bồ Tát đối với tịnh giới của các phàm phu, Thanh văn, Độc giác là tối thắng, là tối cao, là vi diệu, là thượng, là vô thượng.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Như núi Tuyết Sơn đầy đủ sự hùng vĩ. Các núi khác không bằng. Nếu núi nào đầy đủ sự hùng vĩ đều được gọi là núi chúa, nếu không đủ sự hùng vĩ thì không được đặt tên là núi chúa. Tịnh giới của Bồ Tát cũng vậy, hồi hướng Vô Thượng Bồ đề, không xa lìa sở cầu Nhất thiết trí trí, gọi là Tịnh giới Ba la mật. Tịnh giới của Độc giác, Thanh văn, phàm phu không muốn cầu Vô Thượng Bồ đề, xa lìa sở cầu Nhất thiết trí trí, không gọi là Tịnh giới Ba la mật.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tịnh giới của các Bồ Tát hơn hẳn tịnh giới của phàm phu, Thanh văn, Độc giác.

Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Do nhân duyên gì mà tịnh giới của chúng đại Bồ Tát hơn hẳn tịnh giới của phàm phu, Thanh văn, Độc giác?

Xá lợi Tử đáp:

- Tịnh giới Bồ Tát hơn hẳn là vì lợi lạc tất cả hữu tình, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí. Phàm phu, Thanh văn, Độc giác không được như vậy. Cho nên tịnh giới Bồ Tát hơn hẳn tịnh giới của phàm phu, Thanh văn, Độc giác.

Mãn Từ Tử khen ngợi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Lành thay! Lành thay! Đúng vậy! Đúng như lời Tôn giả nói. Khen ngợi tịnh giới Bồ Tát như thế, làm cho Bồ Tát càng siêng năng tinh tấn, thọ trì tịnh giới Bồ Tát. Tôn giả nhất định phải nương thần lực của Phật mà nói tịnh giới của các Bồ Tát hơn hẳn tịnh giới của phàm phu, Thanh văn, Độc giác.

Lúc bấy giờ, Phật bảo A nan đà:

- Ngươi nên thọ trì giáo pháp tương ưng với Tịnh giới Ba la mật của các đại Bồ Tát, đúng như lời diễn thuyết của Xá lợi Tử và Mãn Từ Tử. Diễn thuyết như vậy chắc chắn không hư dối. Giả sử có người đem núi Diệu Cao bay lên cõi Phạm Thế, rồi gieo xuống dưới, người kia gieo rồi phát lời thành thật chắc chắn:

"Nếu giới Bồ Tát hơn các tịnh giới của phàm phu, Thanh văn, Độc giác thì hãy làm cho núi Diệu Cao trụ ở trong hư không".

Nói rồi liền *(thấy núi Diệu cao)* trụ chắc chắn không rơi xuống. Vì sao? A nan đà! Vì trừ giới của Như Lai ra, chỉ có giới của các Bồ Tát đối với tịnh giới khác hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu là tối thắng, là tôn cao, là vi diệu, là thượng, là vô thượng.

Khi ấy, Xá lợi Tử nhờ thần lực của Phật, thấy các cõi Phật này có một cõi Phật ở phương Đông quá trăm ngàn cõi, trong ấy hiện có Như Lai vì vô lượng trời, người tuyên thuyết chánh pháp.

Bấy giờ, Phật hỏi Xá lợi Tử:

- Ngươi có thấy quá trăm ngàn cõi ở phương Đông có một cõi Phật, hiện có Như Lai vì vô lượng chúng thuyết chánh pháp phải không?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con đã thấy, nhưng chưa biết vị Phật ở cõi kia hiệu là gì?

Thế Tôn bảo Xá lợi Tử:

- Thế giới Phật kia tên là **Minh Đăng**. Trong ấy, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện đang thuyết pháp hiệu là **Nguyệt Quang**. Vị Phật ấy có một đệ tử Thanh văn tên là **Hữu Đảnh**, có thần thông đệ nhất, dùng sức thần thông qua lại thế giới khác, dùng tay phải nắm lấy núi Diệu Cao, bay lên cõi Phạm Thế rồi thả xuống. Vị kia vừa thả xuống rồi, phát ra lời thành thật chắc chắn: "Trừ giới của Như Lai ra, chỉ có giới Bồ Tát đối với tịnh giới khác hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu là tối thắng, là tôn cao, là vi diệu, là thượng, là vô thượng". Nếu lời như thế không có hư dối, thì làm cho núi này trụ ở giữa hư không. Nói rồi liền thấy trụ lại, không bị rơi xuống.

Thế Tôn bảo Xá lợi Tử:

- Ngươi lại thấy núi Diệu Cao kia trụ giữa hư không chẳng bị rớt xuống phải không?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con thấy vậy.

Thế Tôn bảo Xá lợi Tử:

- Núi kia trụ ở hư không là do nương vào tịnh giới của Bồ Tát. Trừ giới của Như Lai ra, phát lời thành thật chắc chắn hơn giới của phàm phu, Thanh văn v.v... Cho nên Ta nói nhất định không hư dối. Đệ tử Thanh văn trong chúng của Phật kia, bằng sức thần thông qua lại thế giới khác, dùng tay phải nắm lấy núi Diệu Cao bay lên đặt trên cõi Phạm Thế rồi thả rớt xuống. Thả rồi lại phát ra lời thành thật chắc chắn. Nói rồi núi kia liền trụ giữa hư không, là chứng tỏ lời Ta nói nhất định không hư dối. Khi đệ tử Thanh văn của Như Lai kia nương vào giới Bồ Tát mà phát lời thành thật, chắc chắn làm cho núi kia trở về lại chỗ cũ.

Xá lợi Tử thấy rồi liền khen ngợi.

- Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ lạ. Giới các Bồ Tát phát ra lời thành thật oai lực khó nghĩ, tất cả thế gian không ai sánh bằng.

Xá lợi Tử liền bạch Phật:

- **Bạch Thế Tôn! Nếu có người muốn hơn giới Bồ Tát, nên biết người kia muốn hơn giới Như Lai. Vì sao? Vì trừ giới Như Lai ra không có giới nào hơn giới Bồ Tát. Nếu tu tịnh giới Bồ Tát viên mãn,**

tức gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Thế nên giới Bồ Tát là thù thắng hơn.

Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Khó có người thối lui tịnh giới phải không?

Xá lợi Tử đáp:

- Nhất định không có Bồ Tát trụ tâm Bồ Tát rồi lại còn có thối chuyển. Nếu có thối chuyển thì chẳng phải Bồ Tát. Như người bắn tên giỏi, nếu bắn mũi tên không trúng đích, thì nên biết người kia không phải là người bắn tên giỏi. Bồ Tát cũng vậy, nếu không phát tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí, tuy siêng năng tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, nhưng không hồi hướng Nhất thiết trí trí thì nên biết, người kia không đầy đủ Bồ Tát giới.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát tu các công đức không biết làm thế nào để hồi hướng Nhất thiết trí trí, nên duyên theo công đức của Thanh văn, Độc giác cho là sở cầu Nhất thiết trí trí. Nên biết, những vị kia, do đó cũng được gọi là đầy đủ Bồ Tát giới. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì vị kia không có phương tiện thiện xảo của Bồ Tát, không hiểu được hồi hướng Nhất thiết trí trí, duyên nơi công đức của hàng nhị thừa, cho là sở cầu Nhất thiết trí trí. Vì ý muốn chẳng hoại nên cũng được gọi là đủ giới Bồ Tát giới. **Vậy, trì giới Bồ Tát, do có hồi hướng Nhất thiết trí trí nên được gọi là trì giới Bồ Tát, hộ trì Tịnh giới Ba la mật. Người kia, về sau nếu gặp bạn lành, duyên nơi Nhất thiết trí trí, chơn thật hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nhất định sẽ chứng đắc Nhất thiết trí trí.** *(Hết Q.586, phần "Tịnh Giới Ba La Mật").*

Thích nghĩa Q.586:

(1). Bậc địa bát hay Bát nhân địa (八人地) *Tám pháp nhẫn. Tông Thiên thai lập bốn giáo hóa pháp: Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo.* ***Bát nhân địa là địa thứ ba trong mười địa của Thông giáo****. Nhân, có nghĩa là nhẫn: Tức là hàng ba thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát cùng từ Thế đệ nhất pháp (hạnh cuối cùng trong bốn gia hạnh) vào mười sáu tâm kiến đạo, tức giai vị tu tám pháp nhẫn để chính thức dứt trừ Kiến hoặc. Tám pháp nhẫn là: Khổ pháp trí nhẫn, tập pháp trí nhẫn, diệt pháp trí nhẫn, đạo pháp trí nhẫn, khổ loại trí nhẫn, tập loại trí nhẫn, diệt loại trí nhẫn, đạo loại trí nhẫn v.v... [X. Chỉ quán phụ hành truyền hoằng quyết Q.6]- Phật Quang Từ điển.*

Sơ giải Q.586:

1. Phải tùy thuận Nhất thiết trí trí và Vô thượng Bồ đề để tu tịnh giới.

"Như vậy, Bồ Tát đối với các uẩn phải khéo léo tu hành. Do khéo léo nên thuyết pháp cho các hữu tình, giúp họ dứt hẳn các tưởng hữu tình. Bồ Tát khởi tâm thù thắng như vậy là lợi mình lợi người, **tu trí tuệ vi diệu, tất cả đều dùng đại bi làm đầu, thường phát khởi tâm tùy thuận hồi hướng tương ưng với Nhất thiết trí trí. Nên biết đây gọi là đầy đủ giới Bồ Tát, đầy đủ tịnh giới vô thượng.** Nếu các Bồ Tát muốn cầu Vô thượng Bồ đề phải siêng năng tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, hồi hướng sở cầu Nhất thiết trí trí. Nếu các Bồ Tát dùng 6 Ba la mật này, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, các Bồ Tát này do tịnh giới đây nên thù thắng hơn tất cả Thanh văn, Độc giác".

Tịnh giới cho mình, cho cá nhân mình... tức muốn thân tâm mình được thanh tịnh, thì không được xem là Tịnh giới Ba la mật. Vì sao? Vì mình làm mình hưởng, không đem lại lợi ích cho ai cả. Còn tịnh giới hướng đến Nhất thiết trí trí và Vô Thượng Bồ đề nghĩa là tịnh giới với mục đích mong mỏi mình người đều được thanh tịnh để tiến đến giác ngộ như nhau mới được xem là đầy đủ Bồ Tát giới, đầy đủ tịnh giới Ba la mật, đầy đủ tịnh giới vô thượng.

2. Uẩn, xứ, giới là Đệ Bát địa hay lìa uẩn, xứ, giới là Đệ Bát địa?

Có thể tóm tắt pháp thoại giữa Mãn Từ Tử và Xá Lợi Tử như sau:

"Mãn Từ Tử hỏi Xá Lợi Tử: - "Ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới, có phải là Đệ Bát địa không?"

Xá Lởi Tử đáp: - "Không phải!"

Mãn Từ tử hỏi: - "Lìa ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới, có phải là Đệ Bát địa không?"

Xá Lợi tử đáp: - "Không phải!"

Mãn Từ Tử lại hỏi: - “Nhãn xúc là Đệ Bát địa, lìa nhãn xúc có phải là Đệ Bát địa không?”

Xá Lợi Tử đáp: - “Không phải!”

Mãn Từ Tử lại hỏi: - “Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra là Đệ Bát địa hay lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra có phải là Đệ Bát địa không?”

Xá Lợi Tử đáp: - “Không phải!”

Mãn Từ Tử hỏi: - “Lục đại chủng hay lìa lục đại chủng có phải là Đệ Bát địa không?”

Xá Lợi Tử đáp: - “Không phải!”

Mãn Từ Tử hỏi: - “Vậy làm sao hiểu nghĩa Đệ Bát địa được?”

Xá lợi Tử đáp: - ‘Nếu đối trong tánh bình đẳng của các pháp, đem trí như thật biết tánh bình đẳng, **chứng tánh bình đẳng**. Do trí đây nên sở tác dứt. **Nếu sở tác dứt thì chẳng thấy Đệ Bát, cũng lại chẳng thấy trí biết tánh bình đẳng, vì trong ấy không ngã không ngã sở”.**

Chứng tánh bình đẳng đã là khó, vì phải có trí biết tánh bình đẳng. Do trí này nên biết sở tác dứt, nghĩa là không thấy Đệ Bát mà cũng chẳng thấy trí biết tánh này. Đó mới thật là khó. Để giải thích điểm này ***phẩm thứ ba, “Tập Tương Ưng” (tiếp theo), tập 2, quyển 37, Luận Đại Trí Độ*** *nói rằng:* “Lại nữa, hết thảy pháp đều chỉ là một tướng (nhất tướng), đều là chẳng có tướng (vô tướng), nên đều là bình đẳng với nhau. **Thế nhưng nếu đã dấy tâm chấp tướng thì thấy có những tướng sai khác, khiến chẳng còn thấy các pháp bình đẳng với nhau nữa.**

Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật chẳng thấy các pháp bình đẳng hay chẳng bình đẳng. Vì sao? Vì Bồ Tát biết rõ hết thảy các pháp đều là tự tánh “không”. Vì tự tánh “không” nên là chẳng phải pháp, tức là vô pháp. Vì là vô pháp nên chẳng thể thấy được, tức là **bất khả kiến**. Vì bất khả kiến nên chẳng phải bình đẳng cũng chẳng phải chẳng bình đẳng vậy.

Nếu bình đẳng và chẳng bình đẳng hòa hợp thì mới là tương ưng. Nếu chẳng hòa hợp thì chẳng có tương ưng”. *Có bình đẳng, không bình đẳng đều dẹp hết thì mới tương ưng với Bát nhã Ba la mật, nên bảo là hợp với “Đạo tâm” mà chứng tánh.*

Tất cả tịnh giới của hoặc Đệ Bát, hoặc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc Độc giác đối với tịnh giới của các Bồ Tát dù chỉ mới một lần phát tâm Vô thượng Bồ đề tu Bồ Tát giới, thì tịnh giới của hàng Thánh chúng trên trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, cho đến vô số phần không bằng một so với tịnh giới của Bồ Tát mới phát tâm. Vì tịnh giới của Bồ Tát không có ngằn mé.

Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử: "Do nhân duyên gì mà nói tịnh giới Bồ Tát không có ngằn mé?"

Xá lợi Tử đáp: "**Do tịnh giới Bồ Tát độ thoát vô lượng hữu tình phạm giới ác**. An lập vô lượng hữu tình giữ giới thanh tịnh".

3. Tu tịnh giới viên mãn, tức gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

"Nếu tâm các Bồ Tát phát khởi tịnh giới **có phân biệt giới hạn** khi lợi ích hữu tình, thì sự phát khởi tịnh giới của các Bồ Tát này không hơn được tịnh giới vô lậu của nhị thừa, nên không được gọi là Tịnh giới Ba la mật. Nhưng nếu tâm các Bồ Tát không có phân biệt, giới hạn, chỉ vì độ thoát vô lượng hữu tình, cầu đại Bồ đề nên phát khởi tịnh giới, thì sự phát khởi tịnh giới của Bồ Tát này hơn hẳn tịnh giới vô lậu của nhị thừa, gọi là Tịnh giới Ba la mật".

"Như núi Tuyết Sơn đầy đủ sự hùng vĩ của ngọn núi. Các núi khác không bằng. Nếu núi nào đầy đủ sự hùng vĩ đều được gọi là núi chúa. Tịnh giới của Bồ Tát cũng vậy, hồi hướng Vô Thượng Bồ đề, không xa lìa sở cầu Nhất thiết trí trí, gọi là Tịnh giới Ba la mật. Tịnh giới của Độc giác, Thanh văn, phàm phu không cầu Vô Thượng Bồ đề, xa lìa sở cầu Nhất thiết trí trí, không gọi là Tịnh giới Ba la mật".

Vì vậy, nên Xá Lợi Tử bạch Phật rằng:

- "Bạch Thế Tôn! Nếu có người muốn hơn giới Bồ Tát, nên biết người kia muốn hơn giới Như Lai. Vì sao? Vì trừ giới Như Lai ra không có giới nào hơn giới Bồ Tát. Nếu tu tịnh giới Bồ Tát viên mãn, tức gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Thế nên Bồ Tát giới là thù thắng hơn cả".

Đoạn Kinh trên chỉ phân tích, so sánh giới của Nhị thừa với giới Bồ Tát và khuyên người tu tịnh giới phải tùy thuận Vô Thượng Bồ đề và Nhất thiết trí trí, tịnh giới của Bồ Tát mới viên mãn, mới đáng gọi là

Tịnh giới Ba la mật, đầy đủ tịnh giới vô thượng. Tịnh giới hoàn hảo viên mãn tột độ thì xứng đáng suy tôn là Thánh nhân. Nhưng muốn thành quả Phật, đắc Vô thượng Bồ đề thì phải tu tất cả pháp mầu Phật đạo, tu lục độ vạn hạnh nhất Bát nhã Ba la mật và phải hồi hướng Nhất thiết trí trí.

Chúng ta tụng tiếp Q.587, phần "Tịnh Giới Ba La Mật".

Quyển 587

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Có hai Bồ Tát đều chứng Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát thứ nhất **có phương tiện thiện xảo** nên mau chứng Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát thứ hai **không có phương tiện thiện xảo** nên chậm chứng Vô thượng Bồ đề. Cụ thọ nên biết! Thà làm Bồ Tát chậm chứng Vô thượng Bồ đề, mà không rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác. Nếu các Bồ Tát mau cầu chứng Vô thượng Bồ đề, thì trong đây nên biết có hai việc xảy ra:

Một là, nếu không có phương tiện thiện xảo liền chứng thật tế sẽ rơi vào nhị thừa.

Hai là, nếu có phương tiện khéo léo, mau chứng Vô Thượng Bồ đề, cũng như trong nhà lửa có nhiều châu báu, có người muốn vào trong nhà này lấy châu báu. Bấy giờ, có 2 điều xảy ra đối với người kia:

Một là, nếu không có phương tiện khéo léo sẽ chết trong nhà lửa.

Hai là, nếu có phương tiện khéo léo thì lấy được vật báu đem ra.

Bồ Tát **cầu mau chứng** Vô thượng Bồ đề cũng vậy. Nên biết, trong đây có hai việc xảy ra:

Một là, nếu không có phương tiện khéo léo liền chứng thật tế, rơi vào nhị thừa như bị chết trong nhà lửa.

Hai là, nếu có phương tiện khéo léo mau chứng Vô thượng Bồ đề, như người cầm vật báu đi ra.

Vì vậy, **nên biết thà là Bồ Tát chậm chứng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, không vì cầu mau chứng để khỏi rơi vào nhị thừa**.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Mau chứng thật tế chẳng phải phương tiện khéo léo của Bồ Tát chăng?

Xá Lợi Tử đáp:

- **Mau chứng thật tế chẳng phải là phương tiện khéo léo của Bồ Tát.** Vì sao? Vì rơi vào nhị thừa chẳng phải là nhân đẳng lưu*(1)*của phương tiện thiện xảo, mà là quả đẳng lưu của không phương tiện thiện xảo, nên thối thất sở cầu đại Bồ đề, vì Bồ Tát cầu đại Bồ đề để nhiêu ích hữu tình, không cầu thật tế, nên chứng thật tế thì chẳng phải là khéo tiện.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, ta hành bố thí còn Bồ Tát khác không hành, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không gọi là bố thí Ba la mật.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta giữ giới** còn Bồ Tát khác không giữ, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. **Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không gọi là Tịnh giới Ba la mật.**

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta tu nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ** còn các Bồ Tát khác không tu, thì các **Bồ Tát này hành nơi phi xứ**. Vì hành nơi phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không gọi là an nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ Ba la mật.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta hành 18 pháp Không** còn Bồ Tát không hành, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành nơi phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, như vậy là không hành 18 pháp Không một cách rốt ráo.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta quán 12 duyên khởi, tứ Thánh đế** còn Bồ Tát khác không quán, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành nơi phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không quán 12 duyên khởi, tứ Thánh đế một cách rốt ráo .

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta tu hành 4 tĩnh lự** còn Bồ Tát khác không tu, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không tu viên mãn bốn tĩnh lự. Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, ta tu hành bốn vô lượng, bốn định vô sắc, còn Bồ Tát khác không tu, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không tu viên mãn bốn vô lượng, bốn định vô sắc.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta tu hành 37 pháp trợ đạo**, **tam giải thoát môn** còn Bồ Tát khác không tu, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không tu viên mãn 37 pháp trợ đạo, tam giải thoát môn một cách rốt ráo.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta tu hành 8 giải thoát**, **8 thắng xứ, 9 định thứ lớp, 10 biến xứ** còn Bồ Tát khác không tu, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không tu viên mãn tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ lớp, mười biến xứ một cách rốt ráo.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta tu hành tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa**, tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông, Như lai mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, ba mươi hai tướng đại sĩ tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc, tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, **tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, nói chung là tất cả pháp mầu Phật đạo** còn Bồ Tát khác không tu, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không tu viên mãn tất cả tất cả pháp mầu Phật đạo một cách rốt ráo.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta tùy hỷ các công đức của người khác**, còn Bồ Tát khác không tùy hỷ, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không viên mãn tùy hỷ các công đức của người khác.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta hồi hướng Nhất thiết trí trí**, còn Bồ Tát khác không hồi hướng, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không viên mãn hồi hướng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta nhất tâm tu tập các công đức**, hơn hẳn Bồ Tát khác trụ hằng hà sa số đại kiếp tu tập các công đức, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không tu tập viên mãn các công đức.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, **ta tu hành phương tiện thiện xảo**, còn các Bồ Tát khác không tu, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không tu viên mãn phương tiện thiện xảo.

Cụ thọ nên biết! Nếu các Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo tu tập các công đức, mà khởi lên những suy nghĩ như vậy, thì nên biết vị kia không có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì Bồ Tát không nên tranh đoạt hơn thua với Bồ Tát khác. Bồ Tát không nên khinh mạn Bồ Tát khác. Bồ Tát đối với các Bồ Tát khác phải cúng dường, cung kính như cúng dường cung kính Như Lai.

(Bồ Tát phải cung kính Bồ Tát và các hữu tình như thế nào?)

Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử:

- Bồ Tát chỉ nên cung kính Bồ Tát hay phải cung kính các hữu tình khác nữa?

Xá lợi Tử đáp:

- Các Bồ Tát nên **cung kính tất cả hữu tình**. Nghĩa là các Bồ Tát phải **cung kính như cung kính Như Lai**, như vậy cũng phải cung kính Bồ Tát khác. Nếu như cung kính Bồ Tát thì cũng nên cung kính hữu tình, tâm không khác nhau. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì các Bồ Tát đối với các hữu tình **tâm phải khiêm hạ, phải thật cung kính, hòa hợp tự tại, và nên xa lìa kiêu mạn**. Như vậy, Bồ Tát đối với các hữu tình, tâm rất cung kính như cung kính Phật và Bồ Tát. Bồ Tát nên nghĩ như vầy: Khi ta chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ Tát, phải vì hữu tình thuyết giảng chánh pháp sâu xa, làm cho họ dứt trừ phiền não được nhập Niết bàn, hoặc được cứu cánh an lạc Bồ đề, hoặc giúp giải thoát các đường ác.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Như vậy, Bồ Tát đối với hữu tình phải **khởi tâm từ bi, tâm xa lìa kiêu mạn**. Nghĩ như vầy: Ta nên tu học phương tiện thiện xảo, làm cho tất cả hữu tình đều được tánh thù thắng đệ nhất. Vì sao? Vì tánh đệ nhất gọi là Phật tánh. Ta nên dùng phương tiện để các hữu tình đều được thành Phật. Như vậy, **Bồ Tát đối với hữu tình đều khởi tâm từ bi, muốn tất cả hữu tình đều ở ngôi vị Pháp vương.** Ngôi vị Pháp vương này tối thắng, tối tôn, nên hữu tình đối với pháp đều được tự tại. Vì vậy, đại Bồ Tát phải cung kính khắp tất cả hữu tình. Trải lòng từ cùng khắp không một chỗ nào thiếu, vì pháp thân Như Lai biến khắp tất cả.

Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Tại sao Bồ Tát suy nghĩ như vầy: Ta phải cung kính tất cả hữu tình. Ta chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rồi nên dạy dỗ, trao truyền

cho tất cả hữu tình đều chứng đắc tánh tối thắng đệ nhất. Tất cả đều được ở ngôi vị Pháp vương.

Ví như nhà ảo thuật hoặc đệ tử vị ấy, ở ngã tư đường hóa làm đại vương và bốn thứ quân mạnh mẽ khó địch nổi. Vua huyễn trong đây không nghĩ: Nay, ta đầy đủ bốn loại quân hùng dũng, thế lực khó địch. Bốn loại quân huyễn cũng không nghĩ: Tất cả chúng ta đều thuộc quyền của đại vương, tùy ý đại vương điều khiển. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì tất cả trong đây, vua hay quân đều chẳng phải thật có, hoàn toàn không tự tánh. Thật có tự tánh thì đều không bị lệ thuộc. **Cũng như Thế Tôn thuyết các pháp như huyễn. Tất cả hữu tình cũng lại như vậy, đều như huyễn. Vậy thì ai cung kính ai. Ai lại có thể làm cho ai được tánh đệ nhất, ở ngôi vị Pháp vương thuyết những pháp gì?**

Xá lợi Tử đáp:

- Đúng vậy! Đúng vậy! **Hữu tình và tất cả pháp đều như huyễn**. Nên biết trong đây Bồ Tát như huyễn; cung kính tất cả hữu tình như huyễn; dùng phương tiện khéo léo dạy dỗ, trao truyền làm cho được Phật tánh đệ nhất như huyễn; ở ngôi vị Pháp vương thuyết pháp như huyễn. Mặc dù các Bồ Tát nghĩ như vậy, nhưng trong đó hoàn toàn không có sở chấp, nếu các Bồ Tát đối với trong các pháp, còn có một chút sở kiến thì các Bồ Tát này chẳng phải hành Bát nhã Ba la mật. Nếu khi Bồ Tát đối với trong các pháp hoàn toàn không sở kiến, thì Bồ Tát này không xa lìa Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo như vậy, tuy hành tinh tấn Ba la mật giáo hóa hữu tình làm cho được thành Phật, **nhưng đối với các pháp hoàn toàn không sở kiến**. Nghĩa là không thấy thật có một chút pháp tánh có thể khiến người khác được tánh đệ nhất. Cũng không thấy thật có một chút pháp tánh nào có thể làm cho người khác ở ngôi vị Pháp vương. Tuy không sở kiến nhưng không thối chuyển.

Nên biết, Bồ Tát mặc áo giáp, đội mũ tinh tấn, hoàn toàn **không sở chấp**. Nghĩa là các Bồ Tát biết ngôi vị Pháp vương chỉ là huyễn, hoàn toàn không thật có nhưng vẫn siêng năng cần cầu, không thối chuyển. Dù siêng năng tinh tấn cầu quả Phật, nhưng đối với các pháp hoàn toàn không sở kiến. Tuy không sở kiến nhưng không thối chuyển. Bồ Tát như vậy tuy biết trời, người, A tu la v.v... đều hư hoại, nhưng đối với trong đó không tưởng hư hoại, vì hiểu tất cả đều như huyễn. Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo như vậy, cầu chứng Vô thượng Bồ đề, muốn vì hữu tình thuyết

pháp tịch tĩnh. Nghĩa là mặc dù tuyên thuyết về tên gọi, văn cú, chữ nghĩa, phương tiện của tất cả pháp tánh, nhưng bổn tánh của pháp hoàn toàn bất khả thuyết.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! <u>Tất cả pháp tánh bất khả hiển thị, bất khả tuyên thuyết</u>. Khi Bồ Tát chứng đắc đại Bồ đề, tuy vì hữu tình thuyết tánh các pháp nhưng lại suy nghĩ: Ta đối với sự giác ngộ hoàn toàn vô sở đắc, cũng thường đối với pháp không vì hữu tình mà có sự tuyên thuyết. Ta tuy chứng đắc Vô thượng Bồ đề, nhưng Bồ đề này thật không thể chứng. Ta tuy tuyên thuyết tánh tất cả pháp, nhưng tánh các pháp thật không thể thuyết. Năng thuyết, sở thuyết hoàn toàn không tự tánh. Năng chứng, sở chứng cũng không thể đắc. Vì vậy, chúng đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Bồ đề, đối với các pháp không nên chấp trước. Tuy không chấp trước nhưng không thối chuyển. Do không thối chuyển nên tâm không bị chìm đắm. Do tâm không bị chìm đắm nên giữ gìn sự tinh tấn. Đây gọi là tinh tấn Ba la mật. Lại dùng tinh tấn Ba la mật, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, viên mãn Tịnh giới Ba la mật, lại dùng Tịnh giới Ba la mật hồi hướng cầu đến Nhất thiết trí trí, làm cho Tịnh giới Ba la mật này thêm thù thắng, thêm tăng thượng, thêm sáng tỏ, thêm thanh tịnh. Bồ Tát tu học Tịnh giới Ba la mật như vậy, mau được viên mãn tăng thượng, thù thắng, sáng tỏ, thanh tịnh, đều do Bồ Tát hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử liền hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Nếu tất cả pháp đều như huyễn, hoàn toàn không thật có, thì tại sao Bồ Tát hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí mà được thành tựu?

Xá lợi Tử đáp:

- Nếu tất cả pháp chỉ có một chút phần thật có, chẳng phải việc như huyễn, thì các Bồ Tát hoàn toàn không hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí. Vì tất cả pháp không có một chút phần thật có, đều như huyễn cho nên các Bồ Tát hồi hướng cầu đến Nhất thiết trí trí. Bồ Tát như vậy là có sự kham nhẫn*(2)*, có thể siêng năng hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, không nhàm chán. Đều do hiểu rõ các pháp chẳng phải thật, như huyễn như hóa, có sự kham nhẫn. Nên biết tức là Bồ Tát tinh tấn Ba la mật.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Bồ Tát như vậy có sự kham nhẫn, nên tinh tấn hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí không nhàm chán. Vậy pháp nghiệp gì để thuyết kham nhẫn tức là tinh tấn. Làm sao tu học kham nhẫn như thế?

Xá lợi Tử đáp:

- Kham nhẫn tức là hành động của phương tiện thiện xảo. Bồ Tát chỉ cần nương vào phương tiện thiện xảo, biết tất cả pháp đều như huyễn, Bồ Tát an trụ phương tiện khéo léo, không sợ pháp Không, không rơi vào thật tế. Ví có người đứng ở trên đỉnh núi cao, hai tay cầm cái lọng to nhẹ, leo đến ngọn núi cao, kiễng chân và ngẩng cổ về phía trước, cúi nhìn xuống vực sâu nguy hiểm. Vì nhờ vào lọng dù căng gió, được sự chống đỡ của sức gió, tuy đến chỗ hiểm mà không bị rớt xuống. Bồ Tát cũng vậy, dùng phương tiện thiện xảo nhờ sức hộ trì của đại bi Bát Nhã, tuy thật quán các pháp như huyễn, hiển thị hư dối, bổn tánh không tịch, nhưng tâm hoàn toàn không thấp hèn sợ sệt, đối với pháp thật tế cũng không chứng vào.

Vì sao Mãn Từ Tử? Vì các Bồ Tát này dùng phương tiện thiện xảo, nhờ sức hộ trì của đại bi Bát Nhã không sợ pháp Không, không chứng thật tế. Giống như nắm giữ chắc lọng dù, khi bung ra từ trên cao ngó xuống vực sâu, không sợ rớt. Cũng vậy, chúng Đại Bồ Tát mặc áo đội mũ kiên cố, giữ gìn phương tiện thiện xảo là chỗ nương tựa thành tựu viên mãn Tịnh giới Ba la mật đệ nhất. Tuy cầu quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, nhưng không thấy pháp đã chứng, đang chứng. Nên biết rõ Bồ Tát Tịnh giới Ba la mật như thế, tất cả đều do được phương tiện khéo léo nhiếp thọ, nên mới đến được Vô Thượng Bồ đề. **Sự hộ trì phương tiện thiện xảo của Bồ Tát như vậy thường không xa lìa sở học sáu Ba la mật**. Các Bồ Tát này do không xa lìa sở học sáu Ba la mật, dần dần thân cận Nhất thiết trí trí, vượt hơn tất cả Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Vì các Bồ Tát này, tâm chuyên cầu Nhất thiết trí trí như cầu vật quí báu vô giá.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Ví như có hai người dùng phương tiện lớn, đi vào hang núi sâu tìm vật báu vô giá. Hai người kia vào chưa được bao lâu liền thấy hai bên có vàng, bạc v.v..., những vật quí ít giá trị, cả hai đều không lấy. Đi lần lần về phía trước, lại thấy hai bên có nhiều vật báu nhiều giá trị. Một người thấy liền tham lam vác lấy rồi đi về. Một người thấy nhưng không lấy, lại tiến về phía trước nữa, đến chỗ rất đẹp, được vật báu vô giá, tha hồ đem về, được nhiều lợi ích. Bồ Tát dùng phương tiện lớn

cũng vậy, cầu chứng Vô Thượng Bồ đề, muốn làm lợi ích lớn cho các hữu tình, nhập vào Phật pháp. Tóm lược có hai hạng:

Một là, **có Bồ Tát không có phương tiện thiện xảo**, tuy nghe các thiện pháp ở thế gian, tâm không tham đắm nhiễm trước, nhưng nghe công đức của nhị thừa, tâm liền thích thú. Do thích thú cho nên siêng năng nhiếp trì, xa lìa sở cầu Nhất thiết trí trí, thối thất quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Giống như người mới thấy vật báu có giá trị ít, tuy không tham đắm, nhưng thấy vật ấy quá nhiều bèn tham lam đắm trước lấy về, nên đánh mất vật báu vô giá.

Hai là, **có Bồ Tát đủ phương tiện thiện xảo**, mới nghe các thiện pháp ở thế gian, tâm không tham lam đắm trước. Tiếp đến nghe công đức của nhị thừa, cũng không thích thú. Do không thích thú nên không tưởng đến. Do không tưởng nhớ liền không tu tập. Đã không tu tập còn nhàm chán phương tiện. Vì sao? Vì các Bồ Tát này biết thiện pháp thế gian tội lỗi rất nhiều, hoàn toàn chẳng lợi mình, lợi người, chướng ngại cho sở cầu Nhất thiết trí trí. Công đức thiện căn của Thanh văn, Độc giác, tuy ra khỏi thế gian nhưng chỉ tự lợi, không lợi ích cho tất cả hữu tình, cũng chướng ngại cho sở cầu Nhất thiết trí trí, cho nên không thích thú cũng không nghĩ tưởng. Đối với thiện căn kia không ưa tu tập. Do đó vượt khỏi bậc nhị thừa kia, siêng cầu Vô Thượng Bồ đề, dần dần chứng đắc Nhất thiết trí trí. Giống như người sau thấy vật báu giá trị ít và giá trị nhiều, đều không tham trước. Tiến dần vào trong đến chỗ rất đẹp, lấy được vật báu vô giá, tha hồ đem về, làm lợi ích lớn cho các hữu tình.

Như vậy, Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo đã không tham đắm, nhiễm trước thiện pháp thế gian. Đối với pháp nhị thừa cũng không thích thú. Do đây, lần lần đến đại Bồ đề, tu hơn trăm ngàn hạnh khổ khó hành, cúng dường cung kính vô lượng Như Lai, thành thục hữu tình trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, viên mãn Nhất thiết trí, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình. Như báu vật vô giá được nhiều lợi ích.

Như vậy, Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo tuy nghe các công đức nhị thừa nhưng biết được nó đều không rốt ráo. Tuy chứng được nhưng rất nhàm chán. Tuy rất nhàm chán nhưng rất khéo léo, dùng phương tiện lợi ích hữu tình kia, làm cho họ khéo tu hành chứng nhập Niết bàn. Như vậy, Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo không nhiếp trì công đức nhị thừa, tinh

tấn tu hành các hạnh Bồ Tát, chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm lợi ích an lạc cho các hữu tình.

Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử:

- Nếu các Bồ Tát trụ ở ngôi vị bất thối chuyển, thì đối với những hạnh gì không nên đắm trước vị ngọt của nó?

Xá lợi Tử đáp:

- **Đối với sáu Ba la mật không nên đắm trước vị ngọt của nó.** Vì sao Mãn Từ Tử? Vì nếu đắm trước vị ngọt của bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, **tâm liền bị tạp nhiễm,** không đem lại lợi ích an lạc thật sự cho hữu tình, cũng lại không trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Do đó phải trải qua thời gian lâu mới chứng đắc sở cầu Vô Thượng Bồ đề. Cho nên Bồ Tát kia suy nghĩ: Ta đối với 6 Ba la mật, tuy phải siêng năng tinh tấn dõng mãnh tu tập, không để gián đoạn, như cứu lửa cháy đầu; nhưng trong ấy không nên đắm trước vị ngọt của nó.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Các Bồ Tát kia không nên đắm trước vào **vị ngọt của 18 pháp quán Không, các pháp chân như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh v.v...** Vì sao Mãn Từ Tử? Vì **tâm liền bị tạp nhiễm**, **không đem lại lợi ích an lạc thật sự cho hữu tình, cũng không trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật.** Do đây nên trải qua nhiều kiếp mới chứng đắc sở cầu Vô thượng Giác ngộ. Vì vậy, Bồ Tát kia phải nên suy nghĩ: Ta đối với các pháp quán Không, các pháp chân như, pháp tánh v.v... như vậy, tuy phải tinh tấn dõng mãnh tu tập, không để thời gian bị gián đoạn như cứu lửa cháy đầu; nhưng trong ấy không nên đắm trước vào vị ngọt của nó.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Các Bồ Tát kia không nên đắm trước vào vị ngọt của các pháp quán 12 duyên khởi, Tứ đế, 37 pháp trợ đạo, tam giải thoát môn, Đà la ni môn, Tam ma địa môn, 5 loại mắt, 6 thần thông, 8 thắng xứ, 9 định thứ lớp, Như lai 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí... **Nói chung là tất cả các pháp mầu Phật đạo**. Vì sao Mãn Từ Tử? Vì nếu đắm trước vào vị ngọt của sự quán sâu tất cả các pháp mầu Phật đạo nói trên, tâm liền bị tạp nhiễm, không đem lại lợi ích an lạc thật sự cho hữu tình, cũng không trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Do đây phải trải qua nhiều kiếp mới có thể chứng đắc Vô thượng Bồ đề. Vì vậy, Bồ Tát kia phải suy

nghĩ: Ta đối với các pháp mầu Phật đạo như vậy, tuy phải tinh tấn dõng mãnh tu tập, không để thời gian bị gián đoạn như cứu lửa cháy đầu; nhưng trong ấy không nên đắm trước vào vị ngọt của nó.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát muốn chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không nên hiện hành phân biệt: Ta hộ trì tịnh giới Bồ Tát là do cầu các tướng hảo như vậy. Nếu các Bồ Tát có tâm phân biệt như thế, nên biết gọi là phạm giới Bồ Tát. Vì vậy, Bồ Tát không nên tham cầu các tướng hảo, chỉ cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu Bồ Tát chấp lấy, đắm trước tướng hảo để thọ trì giới, nên gọi là chấp trước tịnh giới có sự hủy phạm. Nếu các Bồ Tát chấp trước tịnh giới có sự hủy phạm, nhất định không chứng sự cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. *(Hết Q.587, phần "Tịnh Giới Ba La Mật")*

Thích nghĩa Q.587:

(1). Nhân đẳng lưu: Đẳng là đồng đẳng (cùng), lưu là lưu loại (dòng), đẳng lưu nghĩa là cùng một dòng. Nhân đẳng lưu: Nhân sao quả vậy. Do nhân mà trôi chảy tới quả, do gốc mà trôi chảy tới ngọn.

(2). Kham nhẫn: (堪忍) *Phạm: Kwama. Nhẫn nại chịu đựng sự bức bách đau đớn của thân và tâm. Kinh Đại Bát Niết Bàn (bản Nam) quyển 26 (Đại 12, 779 hạ) nói: Không tiếc thân mệnh, kham nhẫn các nạn. Lại nữa, tiếng Phạm: Sahà (dịch âm: Sa bà), cũng được dịch là kham nhẫn. Thế giới Kham nhẫn là chỉ cho thế giới Sa bà (hay còn gọi là Ta bà) mà chúng ta đang sống, vì chúng sinh trong thế giới Sa bà nhẫn chịu 3 độc tham, sân, si và các nỗi khổ não, rồi các Bồ Tát vì giáo hóa chúng sinh cũng nhẫn chịu khổ, cho nên gọi là thế giới Kham nhẫn.*

Sơ giải Q.587:

Ai tu cũng muốn mau chứng đắc, mau giác ngộ. Thói thường là như vậy, nhưng ở đây Kinh lại nói rằng: Bồ Tát nếu tu để mau chứng thật tế chẳng phải là phương tiện khéo léo của Bồ Tát. Vì sao? Vì chứng thật tế là vào Niết bàn, tức không có tâm phục vụ chúng sanh thì chẳng khác nào Nhị thừa. Nên Kinh bảo thà Bồ Tát chậm chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không vì cầu mau chứng để khỏi rơi vào nhị thừa. Tôn chỉ của Đại thừa là phục vụ chúng sanh. Đó là sự khác biệt giữa Nhị thừa và

Đại thừa mà Kinh lặp lại như trong phần "Bố Thí Ba La Mật". Nếu Bồ Tát hành như Nhị Thừa là hành nơi phi xứ, tức trái với bổn nguyện của Bồ Tát thì gọi là vi phạm Bồ Tát giới.

1. Thế nào là hành nơi phi xứ?

1- *Nếu Bồ Tát suy nghĩ, ta hành bố thí còn Bồ Tát khác không hành, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không được gọi là bố thí Ba la mật. Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, ta giữ giới, ta tu nhẫn nhục, ta tu tinh tấn, thiền định, trí tuệ, còn Bồ Tát khác không giữ không tu như vậy, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không gọi là giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát nhã Ba la mật.*

Nếu các Bồ Tát suy nghĩ, ta hành 18 pháp không, ta hành Tứ đế, 12 duyên khởi, 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo v.v... cho đến Nhất thiết tướng trí hay nói chung là hành tất cả các pháp Phật, còn các Bồ Tát khác không hành, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không tu viên mãn tất cả các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo hay tư lương Bồ đề Bồ Tát.

Lại nữa, nếu các Bồ Tát suy nghĩ, ta thành thục hữu tình, ta trang nghiêm cõi Phật, còn Bồ Tát khác không làm được như vậy, thì các Bồ Tát này hành nơi phi xứ. Vì hành phi xứ hay nói khác là còn tâm đố kỵ nên giới bị khiếm khuyết, hủy phạm, không viên mãn thành thục hữu tình, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật vậy.

Đó cũng là điều dễ hiểu. Nếu Bồ Tát còn thấy Ta như thế này, Ta như thế nọ… trong khi các Bồ Tát khác không tu, không hành được như vậy, thì Bồ Tát còn chấp ngã, chấp pháp, tâm đố kỵ chưa tiêu, làm sao xứng danh Bồ Tát nói chi đến việc chứng đắc Giác ngộ hay Nhất thiết trí trí.

Vả lại, nếu các Bồ Tát tu tập các công đức, khởi lên những suy nghĩ như vậy, thì nên biết vị kia không có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Vì Bồ Tát không nên tranh đấu hơn thua, Bồ Tát không nên khinh

mạn Bồ Tát khác. Bồ Tát đối với các Bồ Tát khác phải cung kính cúng dường như cung kính cúng dường Thế Tôn.

***2-** Các Bồ Tát không những đối với các Bồ Tát và Như Lai mà cả đến đối với các hữu tình tâm phải khiêm hạ, phải thật cung kính, hài hòa và xa lìa kiêu mạn. Bồ Tát nên nghĩ như vầy: Khi ta chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, phải vì hữu tình thuyết giảng chánh pháp sâu xa, làm cho họ dứt trừ phiền não được nhập Niết bàn, hoặc được cứu cánh an lạc hoặc giúp giải thoát các đường ác. Như vậy, Bồ Tát đối với hữu tình đều **khởi tâm từ bi**, muốn tất cả hữu tình đều ở ngôi vị Pháp vương. Ngôi vị Pháp vương này tối thắng, tối tôn, nên hữu tình đối với tất cả pháp đều được tự tại. Vì vậy, đại Bồ Tát phải cung kính khắp tất cả hữu tình, trải lòng từ cùng khắp như pháp thân Như Lai biến khắp tất cả.*

2. Hữu tình như huyễn và tất cả pháp cũng như huyễn.

Như huyễn là cái thấy từ bờ kia. Khi nào thấy tất cả pháp đều như huyễn hóa kể cả con người, khi ấy mới thấy được thật tánh tất cả pháp. Thấy mà còn có sở kiến là còn chấp tức xa lìa Bát nhã Ba la mật. Vì vậy, nên trong đoạn Kinh này, Xá lợi tử nói:

"Hữu tình và tất cả pháp đều như huyễn. Nên biết trong đây Bồ Tát như huyễn; cung kính tất cả hữu tình như huyễn; dùng phương tiện khéo léo dạy dỗ, trao truyền làm cho được Phật tánh đệ nhất như huyễn; ở ngôi vị Pháp vương thuyết pháp như huyễn. Mặc dù các Bồ Tát nghĩ như vậy, nhưng trong đó hoàn toàn **không có sở chấp**, nếu các Bồ Tát đối với các pháp, còn có một chút **sở kiến** thì các Bồ Tát này chẳng phải hành Bát nhã Ba la mật. Khi Bồ Tát đối với tất cả pháp hoàn toàn không sở kiến, thời Bồ Tát này không xa lìa Bát nhã Ba la mật..."

Tu Đại thừa phải thấy "chúng sanh không" và "pháp không" Chúng sanh không là thấy ngã không, nên không còn chấp ngã. Pháp không là thấy pháp như huyễn như mộng... mới gọi là bất khả đắc không, tức có thể chứng thật tướng các pháp. Đó chính là phương tiện thiện xảo của người tu hành. Nếu hành được như thế thì không thối thất đạo Bồ đề, dễ tu tịnh hạnh, tâm sẽ được an nhiên tịch lặng.

Trong Bát Nhã Bát Thiên tụng, Phật bảo:

"Này Xá Lợi Phất! Thực ra không có một pháp nào tồn tại, nếu không biết rõ như thế tức là vô minh. Phàm phu vì không biết như thế nên mới sinh lòng chấp trước, vì chấp trước nên cho tất cả pháp là có thật, vì cho các pháp có thật nên chấp trước nhị biên *(chấp thường chấp đoạn),* và vì chấp trước nhị biên nên mới không thấy, không biết cái chân tướng của các pháp, vì không thấy, không biết nên chấp trước tất cả các pháp hiện tại, quá khứ, vị lai, do đó mới chấp có danh sắc. Vì **chấp danh sắc nên cho các pháp đều thật có**, bởi thế mà không thấy không biết được đạo như thật *(Yathabhutam marga),* vì không thấy, không biết được đạo như thật nên không siêu việt được tam giới, không thấy rõ được thật tướng của tất cả pháp".

Phật nói như vậy, đệ tử nói như vậy: Muốn siêu hóa vạn hữu thì phải quán các pháp không thật có, chúng như huyễn hóa như mộng, huyễn hóa mộng cũng tức là không. Quán lâu ngày thành thục liền có thể tháo gỡ được những hệ lụy thế gian. Bằng không thì huyễn vẫn là huyễn và huyễn chẳng khác nào một câu nói trào lộng không khác!

3. Tất cả pháp tánh bất khả hiển thị, bất khả tuyên thuyết.

Tất cả pháp tánh bất khả hiển thị, bất khả tuyên thuyết hay nói khác là bất khả đắc, bất khả tư nghì. Khi Bồ Tát chứng đắc đại Bồ đề, tuy vì hữu tình thuyết tánh các pháp, nhưng lại suy nghĩ: Ta đối Bồ đề trọn không sở đắc, cũng chẳng vì hữu tình tuyên thuyết. Ta dù chứng được Vô thượng Bồ đề mà Bồ đề đây thật chẳng thể chứng, ta dù tuyên nói tánh tất cả pháp mà tánh tất cả pháp thật chẳng thể thuyết. Vì năng thuyết sở thuyết đều không, năng chứng sở chứng cũng bất khả đắc. Vì vậy, các Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, đối với các pháp không nên chấp trước. Tuy không chấp trước nhưng không thối thất đạo Bồ đề. Do không thối thất đạo Bồ đề, nên tâm không thối chuyển, không mất bản nguyện. Do không mất bản nguyện, nên, tu hành tinh tấn. Đây gọi là tinh tấn Ba la mật. Lại dùng tinh tấn Ba la mật, hồi hướng Nhất thiết trí trí, viên mãn Tịnh giới Ba la mật, lại dùng Tịnh giới Ba la mật hồi hướng Nhất thiết trí trí, làm cho Tịnh giới Ba la mật này càng thêm thù thắng, tăng trưởng, sáng tỏ,

thanh tịnh hơn. Bồ Tát tu học Tịnh giới Ba la mật như vậy, mau được viên mãn, đều do Bồ Tát hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí.

Đoạn Kinh này dùng giải thích đoạn Kinh trên và một lần nữa nhấn mạnh rằng **"tất cả pháp tánh bất khả hiển thị, bất khả tuyên thuyết"**. *Giáo pháp này đã được thuyết giảng nhiều lần, đây chỉ lặp lại.*

4. Bồ Tát đối với những hạnh gì không chấp trước vị ngọt của nó?

Xá Lợi Tử bảo: "Các Bồ Tát kia không nên đắm trước vào vị ngọt của **tất cả các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo hay tư lương Bồ đề Bồ Tát.** Vì sao? Vì nếu đắm trước quán sâu vào vị ngọt của các pháp như trên, tâm liền bị tạp nhiễm, không đem lại lợi ích an lạc thật sự cho hữu tình, cũng không trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Do đây nên trải qua nhiều kiếp mới chứng đắc sở cầu Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì vậy, Bồ Tát nên suy nghĩ: Ta đối với các pháp như vậy, tuy phải tinh tấn dõng mãnh tu tập, không để gián đoạn như cứu lửa cháy đầu; đối với các pháp đó không nên chấp đắm vào vị ngọt của nó.

Nếu các Bồ Tát muốn chứng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, không nên hiện khởi phân biệt: Ta nhiếp trì tịnh giới Bồ Tát là do cầu các tướng hảo như vậy. **Nếu các Bồ Tát có tâm phân biệt hiện khởi như thế, nên nói là phạm Bồ Tát giới.** Vì vậy, Bồ Tát không nên tham cầu các tướng hảo, chỉ cầu Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu Bồ Tát chấp lấy, đắm trước tướng hảo để thọ trì tịnh giới, nên biết là chấp trước tịnh giới có sự hủy phạm. Nếu các Bồ Tát chấp trước tịnh giới có hủy phạm, nhất định không chứng sở cầu Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Vì vậy, phẩm "Khuyến Học", Q.36, Hội thứ I, ĐBN khuyên rằng: "Bồ Tát nên biết tất cả Phật pháp, nên biết nhưng không nên đắm".

Phẩm "Trước Chẳng Trước Tướng", Q.288, Hội thứ I, ĐBN nói:

"Tất cả thiện nam tín nữ trụ Bồ Tát thừa lấy **hữu sở đắc làm phương tiện**, từ lúc sơ phát tâm đối với bố thí khởi tưởng hành bố thí, hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật và hành tất cả pháp Phật. Nếu khởi tưởng như thế gọi là **trước tướng**. Đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện khéo léo, **lấy vô sở đắc làm phương**

tiện, đối với các uẩn xứ giới và tất cả pháp Phật chẳng khởi tưởng không bất không, không có tất cả phân biệt vọng tưởng chấp trước như thế thì được coi là Bồ Tát không có tướng chấp trước".

Thấy biết mà chấp đắm, động niệm thì làm sao thực hành tịnh giới. Thấy biết nhưng không chấp đắm, không tham ái tức không thủ tâm trước tướng. Không chấp, không trước thì không cần lìa. Nếu hành được như thế là khế hợp Bát Nhã, nên có thể sanh thật tánh mà hiện pháp thân.

Chúng ta tụng tiếp Q.588 cuối cùng của phần "Tịnh Giới Ba La Mật".

Quyển 588

Phật bảo Xá Lợi Tử:

- Ngươi an trụ diệu trí như vậy, nghĩa là như thật biết Bồ Tát chấp trước tịnh giới là có sự hủy phạm, Bồ Tát không chấp trước tịnh giới tức là không có sự hủy phạm phải không?

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con tin sự tuyên thuyết diệu pháp của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nên khởi trí như vậy, chứ chẳng phải con tự suy nghĩ mà nói được như thế. Theo con hiểu nghĩa Phật nói nếu các Bồ Tát khởi **tâm tán thán** bậc Thanh văn, hoặc Độc giác, thì nên biết hủy phạm tịnh giới Bồ Tát. Nếu các Bồ Tát khởi **tâm nhàm chán** bậc Thanh văn, hoặc Độc giác, thì cũng hủy phạm tịnh giới Bồ Tát. Vì sao? Vì nếu các Bồ Tát tán thán bậc Thanh văn, hoặc Độc giác, tức sanh tâm ái nhiễm, chấp trước, không cầu đến Nhất thiết trí trí, thì đối với Bồ Tát giới có sự hủy phạm. Nếu các Bồ Tát nhàm chán bậc Thanh văn, hoặc Độc giác, sanh **tâm khinh miệt**, tức bị chướng ngại sở cầu Nhất thiết trí trí, thì đối với Bồ Tát giới cũng có sự hủy phạm.

Vì vậy, **Bồ Tát đối với nhị thừa không nên tán thán, cũng không nhàm chán**. Nếu các Bồ Tát đối với nhị thừa, tâm không cung kính hoặc sanh ái nhiễm, nên biết đều là hành nơi phi xứ. Nếu các Bồ Tát hành nơi phi xứ, nên biết gọi là phạm Bồ Tát giới, cũng gọi là chấp trước tịnh giới, không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Thế nên, Bồ Tát **đối với nhị thừa, chỉ nên xa lìa không nên tán thán, cũng không hủy báng**. Nếu các Bồ Tát đối với nhị thừa không xa lìa, nhất định không chứng đắc được sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ Tát duyên theo cảnh năm dục lạc, khởi tâm thích thú, tuy gọi là tác ý phi lý nhưng không phá hoại quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì tác ý phi lý chỉ rơi vào phiền não. Do phiền não kia làm cho các Bồ Tát thọ sanh ở các nơi. Nếu các chúng Bồ Tát thọ nhiều thân ở các cõi kia thì càng tu học viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng vô biên Phật pháp khác. Càng tu học viên mãn các Ba la mật đó và vô lượng vô biên Phật pháp khác thì các Bồ Tát này càng thân cận Nhất thiết trí trí.

(Phiền não đối với các Bồ Tát có ân đức lớn).

Bạch Thế Tôn! **Vì vậy con cho rằng, phiền não đối với các Bồ Tát có ân đức lớn**. **Nghĩa là tùy thuận theo Nhất thiết trí trí. Nếu các Bồ Tát quán sát phiền não có thể hỗ trợ cho việc dẫn đến Nhất thiết trí trí, thì phiền não có ân đức lớn đối với chúng Bồ Tát. Các Bồ Tát nên biết, khi đạt đến sự chứng đắc thì mọi việc đều là phương tiện thiện xảo.** Như vậy, Bồ Tát phải biết an trụ Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát. Nên biết, các Bồ Tát đối với Bồ Tát giới không có sự hủy phạm, cũng không chấp trước tịnh giới Bồ Tát.

Phật khen ngợi Xá lợi Tử:

- Lành thay! Lành thay! Đúng vậy! Lời ngươi nói rất hay! Có các Bồ Tát đối với tịnh giới có chấp trước, có hủy phạm; có các Bồ Tát đối với tịnh giới không chấp trước, không có hủy phạm. Ngươi là người trình bày rõ thật ngữ, pháp ngữ, là người khéo tùy theo pháp lãnh nhận và thuyết pháp.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát an trụ nơi Tịnh giới Ba la mật, suy nghĩ như vầy: Vô lượng hữu tình ở 10 phương vô lượng vô biên thế giới, do tăng trưởng oai lực sở trụ Tịnh giới Ba la mật của ta, nên người không tịnh giới đều tịnh giới, người có ác giới đều được xa lìa. Và nhờ sự tăng trưởng oai lực việc học Tịnh giới Ba la mật của ta, nên nhiếp trì các hữu tình đều được lợi ích an lạc thù thắng. Nên biết Đại Bồ Tát này thành tựu phương tiện thiện xảo.

Càng Tịnh giới Ba la mật bao nhiêu, hồi hướng thí cho vô lượng hữu tình ở vô lượng vô biên thế giới thì càng tăng trưởng sở cầu an trụ Tịnh giới Ba la mật bấy nhiêu. Càng tăng trưởng sở cầu an trụ Tịnh giới Ba la mật bấy nhiêu thì càng nhiếp trì được vô lượng Tịnh giới Ba la mật. Càng nhiếp trì được vô lượng Tịnh giới Ba la mật thì càng nhiếp trì vô lượng vô số Phật pháp vi diệu. Do đây mau đắc Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát nào an trụ Tịnh giới Ba la mật, lại nghĩ như vầy: Vô lượng hữu tình ở 10 phương trong vô biên thế giới, do tăng trưởng oai lực an trụ Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát, nên người chưa phát tâm Vô thượng Bồ đề đều phát tâm. Người đã phát tâm Vô thượng Bồ đề đều vĩnh viễn không thối chuyển. Nếu người có tâm hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không thối chuyển, thì mau chóng viên mãn Nhất thiết trí trí. **Đại Bồ Tát này dùng phương tiện thiện xảo duyên với các Bồ Tát hồi hướng bố thí, Tịnh giới Ba la mật. Càng hồi hướng bố thí, Tịnh giới Ba la mật thì càng không xa lìa tâm Nhất thiết trí. Càng không xa lìa tâm Nhất thiết trí thì càng thân cận Nhất thiết trí trí. Đại Bồ Tát này nhờ tăng trưởng oai lực thiện căn này, lại nhiếp trì vô lượng Tịnh giới Ba la mật, làm cho dần dần tăng trưởng rộng lớn. Cũng nhiếp trì vô lượng, vô số Phật pháp vi diệu, khiến dần dần được viên mãn.**

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát nào an trụ Tịnh giới Ba la mật, rồi đem sự an trụ Tịnh giới Ba la mật của mình cho một Bồ Tát, thì phước đức đạt được hơn hẳn phước đem cho những hữu tình phạm giới ở hằng hà sa số thế giới, giúp họ thọ trì tịnh giới viên mãn.

Nếu đại Bồ Tát an trụ Tịnh giới Ba la mật, rồi đem sự an trụ Tịnh giới Ba la mật của mình, **hồi hướng thí cho các hữu tình** ở 10 phương, giúp họ trụ tịnh giới, xa lìa sự hủy phạm giới, thì đạt được vô lượng vô biên phước đức.

Nếu đại Bồ Tát an trụ Tịnh giới Ba la mật, **rồi đem sự an trụ Tịnh giới Ba la mật của mình thí cho một Bồ Tát,** thì phước đức đạt được hơn phước của Bồ Tát trên gấp trăm lần, gấp ngàn lần, cho đến gấp muôn ức lần. Vì sao Xá lợi Tử? Vì đại Bồ Tát này đem sự an trụ Tịnh giới Ba la mật của mình thí cho một Bồ Tát, khiến cho vị ấy nhiếp trì Nhất thiết trí trí, giữ gìn Nhất thiết trí trí, thì có thể nhiếp trì, giữ gìn vô lượng hữu tình

ở vô lượng vô biên thế giới, khiến được an trụ tịnh giới, xa lìa các sự hủy phạm, như vậy dần dần được nhiều lợi ích.

Ví như ngôi nhà lớn gồm mười gian mà chỉ có một cây cột. Vô lượng chúng sanh sống ở trong đó, họ cùng nhau chơi giỡn, vui đùa hưởng lạc. Có người bạo ác muốn chặt cây cột đó, khi ấy có người tốt bảo kẻ xấu kia: "Trong nhà này có nhiều gia đình, cùng nhau chơi giỡn, vui đùa... Nếu chặt cây này thì nhà sụp đổ, tổn hại vô lượng mạng sống trong đó".

Như vậy, người tốt vì muốn lợi lạc vô lượng hữu tình đang sống trong đó, ngăn chặn người ác kia, không cho chặt cây. Lúc đó, có một người nam, khen ngợi người tốt: "Lành thay! Lành thay! Nay ông đã đem lại tuổi thọ và sự an lạc cho vô lượng chúng sanh".

Như vậy, Bồ Tát muốn chứng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên dùng bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật của Đại thừa và vô lượng vô biên Phật pháp khác dạy dỗ, trao truyền, giúp họ chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Nếu dùng công đức thiện căn của Thanh văn và Độc giác thừa dạy dỗ, trao truyền, liền bị cản trở công đức thù thắng của vô lượng vô biên hữu tình cả đến A la hán v.v...

Nếu có Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, nên đem bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật của Đại thừa và vô lượng vô biên Phật pháp khác dạy dỗ, trao truyền, làm cho họ nhiếp trì Nhất thiết trí trí, cũng làm cho giữ gìn Nhất thiết trí trí. Đã làm cho nhiếp trì Nhất thiết trí trí, cùng giữ gìn Nhất thiết trí trí, tức đem công đức thù thắng cho vô lượng vô biên hữu tình, cả đến A la hán v.v…

Như vậy, Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, nên đem bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật của Đại thừa và vô lượng vô biên các Phật pháp khác dạy dỗ, trao truyền, tức là dạy dỗ, trao truyền vô lượng vô biên hữu tình, giúp họ tu hành các diệu hạnh an lạc.

Như vậy, Bồ Tát an trụ Tịnh giới Ba la mật, suy nghĩ như vầy: Nhờ sự an trụ Tịnh giới Ba la mật của ta, nguyện cho các hữu tình đều đầy đủ tịnh giới, xa lìa sự hủy phạm, nguyện đem thiện căn như thế hồi hướng cho tất cả hữu tình đều được chánh niệm. Do chánh niệm nên sanh hỷ lạc. Các hữu tình kia nghe lời nói này rồi, lìa tâm hủy phạm, thọ trì tịnh giới.

Lại có Bồ Tát an trụ Tịnh giới Ba la mật năng khởi một lòng đem tịnh giới đã trụ **thí cho một Bồ Tát**, đối công đức trước trăm lần hơn, ngàn lần

hơn, cho đến muôn ức lần hơn. Như vậy, Bồ Tát càng vì hữu tình đem giới đã trụ hồi thí Bồ Tát, thì Tịnh giới Ba la mật của Bồ Tát này càng thêm tăng trưởng, mau chứng Nhất thiết trí trí. Như vậy, Bồ Tát an trụ Tịnh giới Ba la mật hồi thí hữu tình chỗ được nhóm phước không thể tính đếm.

Bấy giờ, Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy, **làm sao biết được Bồ Tát tu Đại thừa như thế trải qua bao nhiêu số kiếp mới được xuất ly***(1)***?**

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Nên biết, Bồ Tát như vậy phải dùng bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật dạy dỗ, trao truyền cho các hữu tình, khiến họ phát tâm Vô thượng Bồ đề, tu hành Bồ Tát hạnh không điên đảo, mau chóng chứng Vô thượng Bồ đề, làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Nên biết, Bồ Tát như thế dùng bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, vì các hữu tình mà hồi hướng, nguyện đắc Nhất thiết trí trí. Suy nghĩ như vầy: Nguyện cầu sở **tu bố thí Ba la mật** của ta, hồi hướng thí cho các hữu tình, khiến người tham lam đều biết bố thí. Nguyện cầu sở **tu Tịnh giới Ba la mật** của ta, hồi hướng thí cho các hữu tình, khiến người phạm giới đều được tịnh giới. Nguyện cầu sở **tu an nhẫn Ba la mật** của ta, hồi hướng thí cho các hữu tình, khiến người sân hận đều được an nhẫn. Nguyện cầu sở **tu tinh tấn Ba la mật** của ta, hồi hướng thí cho các hữu tình, khiến người giải đãi đều được tinh tấn. Nguyện cầu sở **tu tĩnh lự Ba la mật** của ta, hồi hướng thí cho các hữu tình, khiến người loạn tâm đều được định. Nguyện cầu sở **tu Bát nhã Ba la mật** của ta, hồi hướng thí cho các hữu tình, khiến người ác tuệ đều được diệu tuệ.

Xá lợi Tử liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Bồ Tát như thế đem thiện căn của mình hồi hướng thí cho các hữu tình, phải trải qua bao nhiêu số kiếp tu hành Đại thừa mới được xuất ly?**

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Bồ Tát như vậy đem thiện căn của mình hồi hướng thí cho các hữu tình, **<u>phải trải qua 500 đại kiếp</u> tu hành Đại thừa mới được xuất ly**.

(...)Xá lợi Tử liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ Tát nghe thuyết giáo pháp tương ưng với Ba la mật như vậy, phải sanh tâm hoan hỷ. Vì sao? Vì nếu các Bồ Tát nghe thuyết giáo pháp tương ưng với Ba la mật, sanh tâm hoan hỷ, nhất

định không xa lìa chư Phật Thế Tôn. Chư Phật Thế Tôn cũng không bỏ vị ấy.

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Nếu các Bồ Tát nghe thuyết giáo pháp tương ưng với Ba la mật, người ấy liên tục trụ tâm hoan hỷ sâu xa chỉ một ngày, thì biết các Bồ Tát này đã phát khởi tâm Đại thừa từ lâu. Nếu các Bồ Tát nghe thuyết giáo pháp tương ưng với Ba la mật như thế, người ấy liên tục trụ tâm hoan hỷ sâu xa, trải qua hai ngày hoặc trải qua ba ngày, lần lượt cho đến trải qua bảy ngày thì biết các Bồ Tát này đã phát khởi tâm Đại thừa đã lâu, từ xưa.

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Theo như con hiểu nghĩa Phật thuyết thì các Bồ Tát này đã trải qua trăm kiếp, hai trăm kiếp, ba trăm kiếp, lần lượt cho đến bảy trăm kiếp phát tâm Đại thừa. Các Bồ Tát này tu hành Đại thừa, trải qua bảy trăm kiếp nên được xuất ly. Các Bồ Tát này nhờ nhân duyên đây nên công đức thiện căn dần dần được tăng trưởng. Các Bồ Tát này dùng phương tiện thiện xảo nghe thuyết giáo pháp tương ưng với Ba la mật như vậy, tuy rất vui mừng nhưng không nhiễm trước. Vì các Bồ Tát này bản tánh thanh tịnh nên nghe thuyết Đại thừa, tâm rất vui mừng, hết lòng.

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Ngươi đã nương thần lực của Phật mà thuyết giáo pháp tương ưng với Ba la mật. Nếu chúng đại Bồ Tát đủ các hành trạng tướng như trước đã nói, phải biết đã phát tới Đại thừa từ xa xưa. Chúng đại Bồ Tát như thế đối Bồ đề, tâm chẳng quay lui.

Nếu các Bồ Tát nghe thuyết giáo pháp tương ưng với Ba la mật như thế mà không sanh tâm vui mừng, thì nên biết các Bồ Tát này phát tâm Đại thừa chưa lâu. Ta đối với các Bồ Tát mới phát tâm Đại thừa như vậy, cũng vì họ tuyên thuyết giáo pháp tương ưng với Ba la mật, khiến họ siêng năng tu học dần dần được chứng đắc Nhất thiết trí trí.

(Chư Phật đầy đủ đại bi trí tuệ, an trụ trong tất cả pháp tánh bình đẳng, đối với các hữu tình đều không xả bỏ).

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều không lìa bỏ Bồ Tát ?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Ngươi cho rằng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chỉ không lìa bỏ các Bồ Tát sao? Ngươi không nên thấy như vậy. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì **Như Lai không những không lìa bỏ các Bồ Tát mà cũng không lìa bỏ kể cả tất cả hữu tình**. Tất cả Như Lai đều thương xót tất cả hữu tình sâu đậm, thường suy nghĩ phải dùng phương tiện gì để giúp hữu tình kia xa lìa khổ sanh tử để được giải thoát.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Ngươi nên biết, tâm của chư Phật Thế Tôn bình đẳng thuần tịnh, đối với hữu tình, phát khởi an trụ từ bi và ban cho niềm vui, nhổ gốc khổ não. **Thương xót tất cả hữu tình một cách bình đẳng, vì muốn họ lìa khổ được vui.**

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Nếu các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đối chỗ chư Phật trụ tâm riêng khác, đối các Bồ Tát trụ tâm riêng khác hoặc đối các Độc giác, A la hán, Bất hoàn, Nhất lai, Dự lưu trụ tâm riêng khác hoặc đối các vị trọn nên mười thiện nghiệp đạo trụ tâm riêng khác hoặc đối với bọn hàng thịt, kẻ gánh thây chết v.v… trụ tâm riêng khác, thời các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tâm có sai khác, theo muốn mà hành, chẳng phải Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Nhưng các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như ở chỗ Phật khởi tâm thuần tịnh an trụ từ bi ban vui cứu khổ, ở chỗ Bồ Tát cũng lại như thế. Như đối Bồ Tát khởi tâm thuần tịnh an trụ từ bi ban vui cứu khổ, ở chỗ Độc giác, A la hán, Bất hoàn, Nhất lai, Dự lưu cũng lại như thế. Như đối tùy pháp hành, tùy tín hành cũng lại như thế. Như Lai đối các người trọn nên mười thiện nghiệp đạo, bọn hàng thịt, kẻ gánh thây chết... thảy cũng lại như thế.

Do đây nên tâm Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác **không phân biệt, không tùy ý thích mà hành**, cho nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì vậy, chư Phật đầy đủ đại bi, trí tuệ, an trụ trong tất cả pháp tánh bình đẳng, đối với các hữu tình đều không xả bỏ.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Ta hoàn toàn không thấy chư Phật Thế Tôn **đối với cảnh sở duyên** mà khởi lên một chút ưa thích hay tức giận. Nếu các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với cảnh sở duyên mà khởi lên ưa

thích hay tức giận, điều này thật phi lý. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì chư Phật Thế Tôn đối với sự thương ghét, tất cả phiền não đều đã chấm dứt.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Tuy nhiên, chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với các Bồ Tát, chắc chắn không bao giờ xả bỏ. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì sau khi chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết bàn, các Bồ Tát tinh tấn tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, dần dần được viên mãn. Tinh tấn tu học lìa giết hại sanh mạng, lìa lấy chẳng cho, lìa hành dục tà, lìa lời dối gạt, lìa lời thô ác, lìa lời chia rẽ, lìa lời tạp uế, lìa tham dục, lìa giận dữ, lìa nghiệp đạo tà kiến, dần dần viên mãn. Tinh tấn tu học, tất cả các thiện pháp nói chung, các pháp mầu Phật đạo, tư lương Bồ đề Bồ Tát dần dần viên mãn. Đem ánh sáng chánh pháp chiếu khắp thế gian, độ thoát vô lượng hữu tình, xa lìa khổ sanh tử, chứng đắc Niết bàn an lạc.

Chư Phật Thế Tôn quán chiếu nghĩa như vậy, dạy dỗ, trao truyền cho Bồ Tát như thế. Do nhân duyên này nên chắc chắn không bao giờ xả bỏ các Bồ Tát. Vì sau khi chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết bàn, các Bồ Tát sẽ chứng đắc Vô Thượng Bồ đề, tiếp tục đem ánh sáng chánh pháp chiếu khắp thế gian, giúp thế gian tu hành đạt được lợi ích lớn. Cho nên đối với Bồ Tát, chắc chắn không bao giờ xả bỏ.

Xá lợi Tử liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy. Thật đúng Thánh giáo. Đối với chư Như Lai sau khi Niết bàn, ở 10 phương thế giới có đại Bồ Tát chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đem ánh sáng chánh pháp chiếu khắp thế gian. Ví như cây lớn có nhiều lá quả. Sau khi cây lớn khô chết, cây nhỏ tiếp nối phát sanh, cọng, thân, nhánh dần dần cao lớn, bóng mát che rộng một do tuần. Vô lượng chúng sanh dừng nghỉ dưới gốc cây, để tránh gió, mưa, nóng, lạnh v.v…, lại còn bẻ lá hái quả dùng nữa. Những người có trí cùng nhau khen ngợi quả, lá, bóng mát của cây lớn này cũng lợi ích cho hữu tình chẳng khác cây xưa. Chỉ có người ngu không biết đến nương bóng mát này.

Như vậy, Bồ Tát đối với Phật Thế Tôn sau khi Niết bàn, dần dần tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô biên diệu pháp khác của chư Phật, dần dần viên mãn, ở ba ngàn đại thiên thế giới, chứng đắc Vô thượng Bồ đề, tiếp nối Như Lai Ứng

Chánh Đẳng Giác trước. Như thật lợi ích an lạc cho vô lượng hữu tình, khiến Phật sự không đoạn tuyệt.

Nghĩa là vì vô biên các hữu tình dùng phương tiện **tuyên thuyết 10 nghiệp thiện**, khiến cho siêng năng tu học các pháp môn, thí, giới, tu v.v... thoát nỗi khổ đường ác, được sanh trong trời, người, hưởng thọ an vui thích thú.

Hoặc vì vô biên các loài hữu tình, dùng phương tiện **tuyên thuyết uẩn, xứ, giới v.v...** khiến cho họ siêng năng tinh tấn, không thấy có ngã, hữu tình, sinh mạng, sự sống, người nuôi dưỡng, trưởng thành, người, ý sanh, thanh niên, người làm, người nhận, người biết, người thấy; quán sát bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, tu 4 niệm trụ, 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo, 3 môn giải thoát và thiện pháp khác, chấm dứt các phiền não, được nhập Niết bàn.

Hoặc vì vô biên các loài hữu tình dùng phương tiện tuyên thuyết tánh thường-vô thường, tánh vui-không vui, ngã-vô ngã, tịnh-bất tịnh, tịch tĩnh-bất tịch tĩnh, viễn ly-bất viễn ly của 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, Tứ đế v.v... đều bất khả đắc.

Dùng phương tiện tuyên thuyết vô lượng pháp môn như vậy, khiến cho họ siêng năng tinh tấn. Dùng phương tiện thiện xảo quán sát, xa lìa các pháp hý luận, không điên đảo. Dùng phương tiện tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng vô biên Phật pháp khác, chứng đắc Nhất thiết trí trí rốt ráo.

Các loài hữu tình có trí tuệ hiểu biết, nghe pháp như vậy, bèn tinh tấn tu hành, tùy theo sự hiểu biết sẽ được hương vị cam lồ, hoặc tạm thời, hoặc vĩnh viễn được lợi ích an lạc. Chỉ có người ngu si và các ngoại đạo không nghe thọ trì giáo pháp, nên bị chìm đắm và trầm luân trong các nẻo. Chư Phật Thế Tôn quán nghĩa như vậy, hướng đến Bồ Tát dạy dỗ, trao truyền. Vì sau khi chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết bàn, các Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh dần dần viên mãn, chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề, đem ánh sáng chánh pháp soi sáng cho các thế gian. Ví như bóng mát của cây to lớn, làm lợi ích an lạc cho vô lượng hữu tình.

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu lời Phật dạy, dạy dỗ trao truyền cho hàng Thanh văn thừa hoặc trăm, hoặc ngàn, cho đến vô số đều an trụ quả A la hán, không bằng dùng phương tiện thiện xảo thuyết giảng pháp yếu

thâm sâu cho một Bồ Tát. Đó là pháp tương ưng với sáu Ba la mật, làm cho vị ấy nghe rồi khởi niệm nhất tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí. Pháp yếu như vậy đối với giáo pháp trên là tối thắng, là tối cao, là vi diệu, là thượng, là vô thượng. Vì sự phát tâm ấy đối với công đức Thanh văn là tối thắng nhất.

Phật khen Xá lợi Tử:

- Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ngươi nói. Ngươi đúng thật là đệ tử thông minh, sáng suốt của Phật. Nghĩa là khéo dạy dỗ trao truyền sự vô úy cho hàng Bồ Tát thừa, khiến cho họ siêng năng tu hành Bồ Tát hạnh, mau chóng chứng Vô thượng Bồ đề, làm lợi ích an lạc lớn cho các hữu tình.

Bấy giờ, Phật dạy A nan đà:

- Ngươi nên thọ trì sự tu Tịnh giới Ba la mật của đại Bồ Tát như Xá lợi Tử đã thuyết, chớ để quên mất.

A nan đà bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con xin vâng lời Thế Tôn dạy. Con đã thọ trì Tịnh giới Ba la mật của đại Bồ Tát như Ngài Xá lợi Tử đã thuyết, chắc chắn không để quên mất, làm cho các Bồ Tát chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mau chóng phát tâm. Vị nào đã phát tâm Vô thượng Bồ đề vĩnh viễn không thối chuyển. Nếu đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đã không thối chuyển, thì giúp cho mau chóng viên mãn Nhất thiết trí trí.

Khi đức Bạc già phạm thuyết Kinh này rồi, cụ thọ Xá lợi Tử, cụ thọ Mãn Từ Tử, cụ thọ A nan đà và các Thanh văn, Bồ Tát khác cùng tất cả trời, rồng, Dược xoa, người chẳng phải người v.v... nghe lời Phật thuyết đều hớn hở vui mừng, tín thọ phụng hành.

Thích nghĩa Q.588:

(1). Xuất ly: Có nghĩa là ra khỏi. Ra khỏi căn nhà lửa, tức xa lìa được dục vọng và tham ái. Nếu xa lìa được dục vọng và tham ái, là thoát khỏi phiền não hay nói khác là giải thoát sanh tử hay chứng Niết bàn.

Tự điển Phật học Việt Anh của Thiện Phúc có đề cập đến sáu xuất ly giới trong Kinh Phúng Tụng thuộc Trường Bộ Kinh là: 1- Tu Tập Từ Tâm Giải Thoát: Ở đây vị Tỳ Kheo nói như sau: "Ta đã tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm cho thành cỗ xe, làm thành căn cứ an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy sân tâm vẫn ngự trị tâm ta". 2- Tu

Tập Bi Tâm Giải Thoát: Ở đây vị Tỳ Kheo nói như sau: "Ta đã tu tập tâm bi giải thoát, tuy vậy hại tâm vẫn ngự trị tâm ta". 3- Tu Tập Hỷ Tâm Giải Thoát: Ở đây vị Tỳ Kheo nói như sau: "Ta đã tu tập hỷ tâm giải thoát, tuy vậy bất lạc tâm vẫn ngự trị tâm ta". 4- Tu Tập Xả Tâm Giải Thoát: Ở đây vị Tỳ Kheo nói "Ta đã tu tập xả tâm giải thoát, tuy vậy tham tâm vẫn ngự trị tâm ta". 5- Tu Tập Vô Tướng Tâm Giải Thoát: Ở đây vị Tỳ Kheo nói "Ta đã tu tập vô tướng tâm giải thoát, tuy vậy tâm ta vẫn chạy theo các tướng". 6- Tu Tập Khước Từ Sự Ngạo Mạn "tôi có mặt," mà mũi tên do dự nghi ngờ được giải thoát: Ở đây vị Tỳ Kheo nói "Quan điểm 'tôi có mặt', 'tôi bị từ khước', 'tôi là cái nầy', không được tôi chấp nhận, tuy vậy mũi tên nghi ngờ do dự vẫn ám ảnh an trú trong tôi". Vị ấy cần phải được khuyên bảo như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại Đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Những lời nói của vị nầy là vô căn cứ và không thể nào như vậy được. Ai tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, thì các tâm trên (sân tâm, hại tâm, bất lạc tâm, tham tâm, tâm theo tướng, tâm do dự nghi ngờ) không thể nào ngự trị và an trú nơi kẻ ấy được.

Sơ giải Q.588:

1. Phiền não đối với các Bồ Tát có ân đức lớn.

***Bồ Tát đối với nhị thừa không nên tán thán, cũng không nên nhàm chán**. Nếu các Bồ Tát đối với nhị thừa, tâm không cung kính hoặc sanh ái nhiễm, nên biết đều là <u>hành nơi phi xứ</u>. Nếu các Bồ Tát hành nơi phi xứ, nên nói là phạm Bồ Tát giới, cũng gọi là chấp trước tịnh giới, không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Thế nên, Bồ Tát **đối với nhị thừa, không nên tán thán, cũng không nên hủy báng**.*

Nếu các Bồ Tát duyên theo năm cảnh dục lạc, khởi tâm thích thú, tuy gọi là tác ý phi lý nhưng không phá hoại quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì tác ý phi lý chỉ rơi vào phiền não. Do phiền não kia làm cho các Bồ Tát thọ sanh các cõi. Nhưng nếu các Bồ Tát dần dần tu học viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng vô biên Phật pháp khác thì cũng có thể tiến gần đến Nhất thiết trí trí.

Vì vậy, ***"phiền não đối với các Bồ Tát có ân đức lớn. Nhưng phải tùy thuận Nhất thiết trí trí. Nếu các Bồ Tát quán phiền não có thể hỗ trợ cho việc dẫn đến Nhất thiết trí trí, thì phiền não có ân đức lớn đối với Bồ Tát. Các Bồ Tát nên biết, khi đạt đến chứng đắc thì mọi phương tiện đều là cứu cánh, nên gọi là thiện xảo".*** *Như vậy, các Bồ Tát đối với Bồ Tát giới không có sự hủy phạm, cũng không chấp trước tịnh giới Bồ Tát.*

Quan niệm của Bát Nhã ở đây là phiền não không phải là trở ngại lớn như người ta thường nói "có phiền não không có Giác ngộ". Nhưng chính phiền não là lò luyện kim, có lửa mới luyện được vàng, có vượt qua muôn vàn khổ lụy thì công hạnh mới vuông tròn. Nên Kinh nói phiền não đối với các Bồ Tát có ân đức lớn là vậy. Nếu hiểu thì phiền não không còn là một trở ngại trong việc tầm cầu giác ngộ, trái lại phiền não là phương tiện hỗ trợ để tiến đến giác ngộ. Nên cổ đức nói "phiền não tức Bồ đề". Nhờ có phiền não, nên tu để thoát khỏi phiền não, tu dứt phiền não thì giác ngộ, nên nói phiền não tức Bồ đề.

Lại nữa: "Nếu đại Bồ Tát an trụ Tịnh giới Ba la mật, rồi đem sự an trụ tịnh giới của mình, hồi hướng **thí cho các hữu tình** ở 10 phương, giúp họ trụ tịnh giới, xa lìa sự hủy phạm giới cấm, thì đạt được vô lượng vô biên phước đức. Nếu đại Bồ Tát an trụ Tịnh giới Ba la mật, rồi đem sự an trụ tịnh giới của mình **thí cho một Bồ Tát,** thì phước đức đạt được hơn phước của Bồ Tát trên gấp trăm ngàn lần, cho đến gấp muôn ức lần. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này đem sự an trụ Tịnh giới Ba la mật của mình thí cho một Bồ Tát, khiến cho vị ấy nhiếp trì, giữ gìn Nhất thiết trí trí, thì có thể nhiếp trì, giữ gìn vô lượng hữu tình ở vô lượng vô biên thế giới, khiến được an trụ tịnh giới, xa lìa các sự hủy phạm, như vậy dần dần được nhiều lợi ích".

Bồ Tát dùng thiện căn tu hành lục Ba la mật hồi hướng thí cho các hữu tình nhưng ***phải trải qua 500 đại kiếp tu hành Đại thừa mới được xuất ly****, có nghĩa là mới được giải thoát khỏi san tham, phạm giới, sân hận, giải đãi, loạn tâm, ác tuệ v.v...*

Nếu các Bồ Tát nghe thuyết giáo pháp tương ưng với Ba la mật như vậy, sanh tâm hoan hỷ, nhất định không xa lìa chư Phật Thế Tôn. Chư Phật Thế Tôn cũng không bỏ vị ấy.

2. Chư Phật đầy đủ đại bi trí tuệ, an trụ trong tất cả pháp tánh bình đẳng, đối với các hữu tình đều không xả bỏ.

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều thương xót, không bỏ tất cả hữu tình, thường suy nghĩ phải dùng phương tiện gì để giúp hữu tình xa lìa khổ sanh tử, mau được giải thoát.

Nếu đối với Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn hay đối với bậc tùy pháp hành, tùy tín hành, hoặc đối các vị trọn nên 10 thiện nghiệp đạo, hoặc đối bọn hàng thịt, kẻ gánh thây chết v.v… trụ tâm riêng khác, thời tâm Như Lai có sai khác, theo tham ái mà hành, thì chẳng phải là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nhưng các Như Lai như ở chỗ Bồ Tát khởi tâm thuần tịnh an trụ từ bi ban vui cứu khổ. Ở chỗ Độc giác, Thanh văn, bậc tùy pháp hành, tùy tín hành cho đến bọn giết heo, gánh thây chết v.v… cũng khởi tâm an trụ như thế. ***Do đây, nên tâm Như Lai không phân biệt, không tùy sở thích mà hành, cho nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì vậy, chư Phật đầy đủ đại bi trí tuệ, an trụ trong tất cả pháp tánh bình đẳng, đối với các hữu tình đều không xả bỏ.***

Chư Phật Thế Tôn ***đối với cảnh sở duyên*** *mà khởi lên chút ít ưa thích hay giận hờn, đó là điều phi lý. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn đối với thương ghét, tất cả phiền não đều đã dứt trừ.*

Còn đối với các Bồ Tát, chư Phật chắc chắn không bao giờ xả bỏ. Vì sao? Vì sau khi chư Như Lai nhập Niết bàn, các Bồ Tát tinh tấn tu hành tất cả pháp mầu Phật đạo sẽ chứng đắc Vô Thượng Bồ đề, tiếp nối sự nghiệp Như Lai, đem ánh sáng chánh pháp chiếu khắp thế gian, an lạc cho vô lượng hữu tình, khiến Phật sự không đoạn tuyệt. Nghĩa là vì vô biên các loài hữu tình dùng phương tiện tuyên thuyết tánh của ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, Tứ đế v.v… thường-vô thường, lạc-phi lạc, ngã-vô ngã, tịnh-bất tịnh, viễn ly-bất viễn ly, tịch tĩnh-bất tịch tĩnh… đều bất khả đắc.

"Dùng phương tiện tuyên thuyết vô lượng pháp môn như vậy, khiến cho họ siêng năng tinh tấn. Dùng phương tiện thiện xảo quán sát, xa lìa các pháp hý luận. Dùng phương tiện tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng vô biên Phật pháp khác, chứng đắc Nhất thiết trí trí rốt ráo.

Các loài hữu tình có trí tuệ hiểu biết, nghe pháp như vậy, bèn tinh tấn tu hành, tùy theo sự hiểu biết sẽ được hương vị cam lồ, hoặc tạm thời, hoặc vĩnh viễn được lợi ích an lạc. Chỉ có người ngu si và các ngoại đạo

không chịu nghe, không thọ trì, nên bị chìm đắm và trầm luân trong các nẻo. Chư Phật Thế Tôn quán nghĩa như vậy, hướng đến Bồ Tát dạy dỗ, trao truyền. Vì sau khi chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết bàn, các Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh dần dần viên mãn, nối tiếp chư Phật, chứng đắc Vô Thượng Bồ đề, đem ánh sáng chánh pháp soi sáng cho thế gian".

Xá lợi Tử bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu lời Phật dạy dỗ trao truyền cho hàng Thanh văn thừa hoặc trăm, hoặc ngàn, cho đến vô số đều an trụ quả A la hán, không bằng dùng phương tiện thiện xảo thuyết giảng pháp yếu thâm sâu cho một Bồ Tát. Đó là pháp tương ưng với sáu Ba la mật, làm cho vị ấy nghe rồi khởi niệm nhất tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí. Pháp yếu như vậy đối với giáo pháp trên là tối thắng, là tối cao, vi diệu, là thượng, là vô thượng. Vì sự phát tâm ấy đối với công đức Thanh văn là tối thắng nhất".

Phật khen Xá Lợi Tử, rồi quay sang bảo Ngài A Nan: "Ngươi nên thọ trì Tịnh giới Ba la mật của đại Bồ Tát như Xá lợi Tử đã thuyết, chớ để quên mất".

Tất cả thuyết giảng trên theo lối trần thuật, chẳng có gì khó khăn, ai đọc cũng có thể hiểu, chẳng cần luận giải nữa.

Kết luận:

Cũng như phần tu hành bố thí Ba la mật, muốn được gọi là Tịnh giới Ba la mật thì trước hết hành giả Bát Nhã phải giữ giới, trên cầu Vô thượng giác ngộ, dưới hóa độ chúng sanh với tâm vô phân biệt, tâm không chấp trước và luôn luôn hướng đến Nhất thiết trí trí. Không mong cầu, tham ái, cũng không tán thán hay xa lìa đối với hàng Nhị thừa. Theo chân chư Phật, tu từ bi hỷ xả, tu phước đức trí tuệ... an trụ trong pháp tánh bình đẳng đối với các hữu tình không kể giàu nghèo, sang hèn, ngu si hay trí tuệ v.v...

Nói một cách giản dị: Muốn chứng quả thì tam nghiệp (thân khẩu ý) phải thanh tịnh, tam nghiệp thanh tịnh thì lên được cõi Thiên. Muốn được như thế thì phải tu tịnh giới. Giữ giới tuyệt đối, không vi phạm thì được gọi là Thánh. Thánh nhân tu lục độ vạn hạnh thì thành Phật, thành Bồ Tát. Phẩm "Niệm Trụ Đẳng", cuối Q.568, Hội thứ VI, ĐBN. Phật nhắn nhủ Thắng Thiên Vương như sau:

"Thiên vương nên biết: Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã tu tập hạnh Không, diệt pháp hý luận, suy nghĩ: Cảnh giới sở quán đều Không, tâm năng quán cũng chẳng có, không có hai loại sai khác về năng quán, sở quán. Các pháp nhất tướng còn gọi vô tướng, suy nghĩ như thế thì <u>không còn giữ tướng trong ngoài, không thấy thân không thấy tâm cũng không thấy pháp</u>, liên tiếp tu tập chỉ quán theo thứ lớp. Quán như vậy gọi là như thật thấy pháp. Chỉ là nhất tâm bất loạn. Bồ Tát tu quán hạnh như thế rồi liền được tịnh giới. Vì giới thanh tịnh nên hạnh cũng thanh tịnh. Đây là quán hạnh thanh tịnh của Bồ Tát hành sâu Bát nhã Ba la mật".

Nhớ câu nói này của Phật: "Trước hết là phải tu tập chỉ quán để được tịnh giới. Giới thanh tịnh thì hạnh cũng thanh tịnh". *Phật cũng bảo:* "Tu một pháp thì biết tất cả pháp. Pháp đó là Bát nhã Ba la mật. Tu một hạnh được tất cả hạnh, thì thác cũng có thể sanh về cõi Phật thanh tịnh". *Ở đây chỉ cần tu hai pháp mà kết quả không thể ngờ huống hồ tu hết lục độ vạn hạnh?*

--o0o--

Cũng giống như phần "Đàn Ba La Mật", thay lời kết luận, chúng tôi trích dẫn từng đoạn của ***phẩm thứ nhất, "Thi La Ba La Mật", Tập 1, quyển 13 và quyển 14, Đại Trí Độ Luận do Bồ Tát Long Thọ soạn thảo****, để các đạo hữu hiểu thêm lối giải thích của bậc thật tu thật chứng về pháp môn thắng diệu này.*

Sau đây là các điều cần nêu ra đối với Thi La Ba La Mật, thuộc lãnh vực luân lý, đạo đức hay tôn giáo theo Đại Trí Độ Luận:

A. Nghĩa Giới Tướng

Thực hành chân chính các việc làm thiện, chẳng tự buông lung gọi là Thi La.

Có thọ giới mà hành thiện, hoặc không thọ giới mà hành thiện cũng đều gọi là Thi La.

Nếu chỉ lược nói thì hành Thi La là hành 8 luật nghi về thân, khẩu và ý. Đó là: 1- Không não hại chúng sinh, 2- Không trộm cướp, 3- Không tà

dâm, 4- Không vọng ngữ, 5- Không ỷ ngữ, 6- Không lưỡng thiệt, 7- Không ác khẩu và 8- Không uống rượu.

Tóm lại "giữ chính mạng thanh tịnh" gọi là giữ giới; trái lại, nếu không hộ trì các luật nghi nêu trên đây, mà buông lung phóng túng thì gọi là phá giới.

B. Tán thán nghĩa Giới Tướng

Người phá giới sẽ bị đọa vào 3 đường ác.

Người trì giới bậc hạ sẽ sinh làm người, người trì giới bậc trung sẽ sinh lên cõi Trời Lục Dục Thiên, người trì giới bậc thượng tu 4 Thiền, 4 Không *(tứ Vô sắc định)* sẽ sinh lên cõi Trời Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Thường thanh tịnh trì giới được chia ra làm 3 hạng. Đó là:

- Hạng thanh tịnh trì giới bậc hạ được quả A La Hán.
- Hạng thanh tịnh trì giới bậc trung được quả Bích Chi Phật.
- Hạng thanh tịnh trì giới bậc thượng được Phật Đạo.

Nếu vì thương xót chúng sinh mà cứu độ họ, lại vì rõ biết Thật Giới Tướng, thì tâm chẳng còn chấp. Trì giới như vậy thì đời sau sẽ vào được Phật Đạo, gọi là được "Vô Thượng Phật Đạo Giới".

Muốn cầu phước đức lớn, thì phải nên kiên tâm trì giới, quý trọng giới như các vật báu như quý "thần hộ mạng" của thân mình. Vì sao ? Vì **giới là nơi an trú của hết thảy các thiện pháp**, ví như đất là nơi an trú của muôn loài sống trên quả đất này vậy.

Người mong cầu được nghiệp quả báo tốt mà chẳng muốn giữ giới, thì chẳng sao được như nguyện. Ví như người không có chân mà muốn đi, chim không có cánh mà muốn bay, người muốn vượt biển mà không có thuyền... đều không thể được vậy.

Người phá giới, tuy hãm mình tu khổ hạnh ở chốn núi non, rừng rậm, chỉ ăn trái cây, mặc áo lá... cũng như loài cầm thú không khác. Nếu tu khổ hạnh xa lìa các việc thế gian... mà chẳng có trì giới thì cũng chẳng được công đức gì.

Trái lại, người ở nhà cao vườn rộng, ăn ngon mặc đẹp mà thường trì giới thanh tịnh thì được tăng trưởng đạo tâm, được thành đạo quả.

Người sang kẻ hèn, người lớn kẻ nhỏ, người giàu kẻ nghèo, nếu thường trì giới đều được phước đức lớn, như được sinh lên cõi Trời, được vào Phật Đạo.

Người phá giới ví như nước trong mà có nhiễm độc, như hoa quả tốt tươi mà có côn trùng đục khoét.

Người tuy nghèo khổ mà thường trì giới, đáng quý trọng hơn người giàu sang mà phá giới.

Giới hương biến khắp 10 phương. Người trì giới được an lạc, được hàng Trời, Người đều tôn kính. Người trì giới thanh tịnh thường được thân tâm an lạc, tâm không sợ hãi, đến khi lâm chung vẫn được an nhiên tự tại.

--o0o--

Người trì giới thanh tịnh, dù thường hành bố thí tài vật của mình mà chẳng mảy may luyến tiếc, dù chẳng ham lợi dưỡng thế gian, nhưng vẫn chẳng có thiếu thốn gì, lại vào được 3 Thừa Đạo, sẽ được giải thoát. Người tuy không xuất gia, nhưng thường trì giới cũng sẽ được sinh lên cõi Trời. Người trì giới thanh tịnh, có thiền định, có trí huệ, muốn được thoát khỏi "Sinh, Già, Bệnh, Chết" cũng sẽ được như nguyện. Người trì giới thanh tịnh không bị các bệnh thời khí, không bị các ác nạn. Nên trì giới với tâm không thối chuyển, đến chết cũng chẳng ly thì sẽ được 7 báu trang nghiêm.

Bởi nhân duyên vậy, nên phải thường hộ trì giới luật như giữ gìn các vật quý vậy.

Hỏi: *Thế nào gọi là "Người phá giới"?*

Đáp: Người phá giới là người làm tội lỗi, khiến mất hết các công đức. Người phá giới thường làm các điều ác, tâm thường nghi hối. Ví như cây khô chẳng đâm chồi nảy lộc, chẳng đơm hoa kết trái, bị người làm vườn vứt bỏ, người phá giới chẳng làm việc thiện, chẳng làm lợi lạc cho người, chẳng được người ưa mến, bị mọi người ruồng bỏ. Người phá giới ví như giặc cướp, như người mắc bệnh truyền nhiễm, như kẻ ác tặc, như loài hổ lang, như hầm lửa chẳng ai muốn gần gũi. Người phá giới, ở trong chúng tinh tấn thanh tịnh trì giới, cũng ví như con ngựa chứng giữa bầy ngựa thuần thục, hiền hòa.

Người phá giới dù mặc y hậu Tỳ Kheo, cũng ví như một thây chết, như viên ngọc giả ở cạnh các viên ngọc thật, như cây y-lan mọc trong rừng Chiên Đàn, tuy cạo đầu đắp y, bên ngoài giống người thiện mà bên trong chẳng có thiện pháp, tuy ôm bình bát đi khất thực, cũng ví như đang nuốt hòn sắt nóng, tuy thọ sự cúng dường của tín đồ mà cũng ví như đang ở trong địa ngục.

Người phá giới thường hay sợ hãi, ví như người đang bị bệnh nặng sợ chết, như người phạm "5 tội nghịch" thường nghĩ mình là giặc trong Phật giáo, suốt năm tháng chẳng bao giờ được an lạc, tuy hưởng sự cúng dường mà vẫn nghĩ là mình thọ đồ bất tịnh.

Phá giới tạo bao nhiêu thứ tội lỗi, chẳng sao kể xiết được.

Bởi nhân duyên vậy, nên phải nhất tâm tinh tấn trì tịnh giới.

Hỏi: *Thế nào gọi là giới tướng?*

Đáp: Không làm các điều ác gọi là "Giới Tướng". Diệt sạch các nghiệp ác ở thân, khẩu, ý gọi là "Giới Tướng".

Hỏi: *Thế nào là ác tướng?*

Đáp: Biết hết thảy chúng sinh đều tham sống, sợ chết mà cứ muốn sát hại chúng sinh, muốn đoạt sinh mạng của kẻ khác gọi là ác tướng. Còn bao nhiêu nghiệp ác khác, như giam cầm, đánh đập, tra tấn, v.v. đều gọi là ác tướng cả.

Hỏi: *Sát sinh là phạm tội, còn tự sát có phải là tội không?*

Đáp: Sát kẻ khác là vì ác tâm. Còn tự sát là vì nhàm chán. Trường hợp "Ngộ sát" chưa hẳn là phạm tội sát, vì do sơ sẩy mà sát, chẳng phải là cố ý sát. Quyết tâm sát sinh mới thật là phạm tội sát.

Tuy nhiên dùng lời nói để xúi giục hay ra lệnh người khác sát, cũng là phạm tội sát. Vì sao? Vì tội ác phát xuất từ tâm cũng là ác tướng vậy.

Người thọ giới "không sát sinh" phải tâm niệm, miệng nói "Từ nay cho đến trọn đời tôi không sát". Nếu miệng nói "Không sát" mà tâm vẫn còn khởi niệm sát là chưa giữ trọn lời thệ nguyện. Nếu trọn đời miệng nói "không sát" và tâm cũng chẳng sinh niệm sát, thì mới gọi là đầy đủ giới "Không sát sinh".

Giới không sát sinh có thể hoặc thiện hoặc vô ký.

Hỏi: *Trong A Tỳ Đàm có nói "hết thảy các luật nghi đều thiện". Sao nay nói là vô ký?*

Đáp: Giữ giới "Không sát sinh" được vô lượng thiện công đức. Cho nên, dù có làm phước hay không làm phước thì phước đức vẫn thường sinh.

Nay nói "Giới không sát sinh có thể là vô ký" là nói về trường hợp "Không thọ giới không sát sinh" mà tự nguyện hành giới ấy. Trường hợp này chỉ có phước đức hạn lượng, nên không có được vô lượng thiện công đức vì trường hợp "Không sát sinh" này không được rốt ráo, nên gọi là vô ký.

Hỏi: *Giới không sát sinh nhiếp về cảnh giới nào trong 3 cõi?*

Đáp: A Tỳ Đàm nói "Hết thảy các luật nghi đều nhiếp về cõi Dục", thế nhưng thật sự nhiếp về cả 3 cõi: Dục, Sắc và Vô Sắc.

Sở dĩ A Tỳ Đàm nói như vậy vì ở cõi Dục mới có sát, còn ở các cõi Sắc và Vô Sắc không có giới "Không sát", vì ở các cõi này là vô lậu, mà vô lậu là "chân đức pháp giới" rồi vậy.

Lại có người không thọ giới "không sát sinh", mà tâm tự nguyện chẳng bao giờ sát sinh cả, nên mới nêu ra trường hợp "Giới không sát sinh vô ký" như đã nói trên đây.

Nên biết, các đệ tử của ngài Ma Ha Ca Chiên Diên có nêu trong bộ A Tỳ Đàm rằng: "Không sát sinh là tùy thân nghiệp và khẩu nghiệp, lại còn tùy tâm hành ở hiện tại, chẳng phải do nghiệp đời trước. Cho nên phải tu cả thân lẫn tâm mới chứng được Đạo. Ví như phải chứng Tu Duy Đạo, phải đoạn hết 5 dục phiền não rồi mới chứng Kiến Đạo Đoạn, hoặc phải quán pháp Hữu Báo, pháp Hữu Quả, pháp Hữu Lậu, pháp Hữu Vi v.v… Hết thảy các duyên pháp như vậy đều phân biệt rõ ràng, gọi chung là "Giới không sát"

Hỏi: *Trong 8 Thánh Đạo cũng có nói đến giới không sát sinh, nhưng chẳng có nói đến Hữu Báo, Hữu Quả, Hữu Lậu, Hữu Vi. Nay vì sao lại nói đến các pháp ấy?*

Đáp: Đây chỉ nói đến trường hợp "Thọ luật nghi giới" mà không nói đến "Vô lậu luật nghi".

Lại nữa, A Tỳ Đàm nói "Giới không sát là tùy theo tâm hành, chẳng phải do nghiệp thân, nghiệp khẩu đời trước, dù là hữu báo hoặc vô báo, hữu lậu hoặc vô lậu".

Lại nữa, chư Phật và chư Hiền Thánh vì thấy chúng sinh chấp Ngã, nên dạy rằng: "Chẳng nên vì thân mạng mình mà sát thân mạng của chúng

sinh”, **việc thiết lập luật nghi nhằm răn dạy chúng sinh nên mới nói “Giới không sát sinh là hữu báo, hữu lậu”.**

Hỏi: *Ở thế gian, người này thường dùng sức mạnh để thắng người khác. Ví như nước này dấy binh đánh nước khác. Trường hợp thợ săn giết thú rừng, người dân chài đánh bắt cá... cũng lại là kẻ mạnh uy hiếp kẻ yếu. Như vậy, nếu không sát sinh thì những người này làm sao xây dựng được sự nghiệp?*

Đáp: Người không sát sinh được vô úy an lạc, không sợ hãi. Vì sao? Vì không sát hại người, thì người cũng không sát hại ta, do vậy mà không sợ hãi. Người trì giới “Không sát sinh”, dù có đi đến những nơi hoang vắng tối tăm cũng không sợ hãi. Do thân tâm thường an lạc, nên người không sát sinh cũng không gieo sự sợ hãi cho kẻ khác, dẫn đến súc vật cũng thường đến thân cận. Người không sát sinh ít bị các hoạn nạn, lại còn được rất nhiều lợi ích khác nữa. Người gây nhiều tội sát, dù có được giàu sang phú quý, dù có làm vua, làm chúa... cũng chẳng được an ổn lương tâm thường cắn rứt. Người phạm tội sát thường bị nhiều điều đau khổ ở thân, thường bị người khác chê bai khinh bỉ, thường sợ hãi. Sau khi chết, nếu còn được tái sinh làm người cũng thường bị chết yểu.

Bởi nhân duyên vậy, nên người thiện chẳng nên sát sinh, chẳng nên cướp đoạt mạng sống của chúng sinh.

Nên biết “Sát sinh là trọng tội”, bị quả báo ngay ở đời này và cả ở đời sau. Vì sao ? Vì hết thảy chúng sinh đều quý mạng sống. Ví như người bị tai nạn hiểm nghèo chẳng tiếc gì của cải, chỉ mong được cứu sống, như người vào biển lượm ngọc quý, rủi bị tàu chìm sẵn sàng vứt bỏ hết để tìm đường thoát thân.

Khi được thoát chết, rất đỗi vui mừng, chẳng còn nghĩ đến mất của.

Trong tất cả các vật báu, thì mạng sống là quý hơn hết. Người tu muốn được phước đức, mà chẳng tu giới “Không sát” thì chẳng có ích gì cả. Vì sao? Người ở thế gian thường vì tiền tài, danh vọng v.v… mà lao mình vào tội sát, lại vì muốn nuôi dưỡng thân mạng mình, mà giết hại chúng sinh. Bởi vậy nên người tu phải thường giữ giới “Không sát sinh”, quý mạng sống của hết thảy chúng sinh.

Phật dạy: “Có 5 giới quý. Đó là: Không sát sinh - không trộm cắp - không tà dâm - không vọng ngữ - không uống rượu”.

Giữ được 5 giới đó thì không bị nạn nước, nạn lửa, nạn đao binh, tránh được hết thảy các ác nạn.

Phật dạy ông Ưu Bà Tắc Nan Đề Ca rằng: Sát sinh có 10 tội là:1- Tâm thường ác độc, 2- Bị chúng sinh oán ghét, 3- Thường tư duy về các việc ác, 4- Bị chúng sinh xem như loài rắn độc, 5- Khi ngủ thường sinh tâm sợ hãi, 6- Thường thấy điềm dữ trong mộng, 7- Khi gần chết sợ chết và sẽ chết khổ đau, 8- Thường bị chết yểu, 9- Khi chết bị đọa vào địa ngục và 10- Nếu được tái sinh làm người, thì cũng bị chết yểu.

Người tu hành phải thường nghĩ, thường niệm rằng: "Côn trùng dù nhỏ bé cũng tiếc mạng sống. Cớ sao ta nỡ giết hại chúng sinh, ăn thịt chúng sinh? Hết thảy người trí muốn thành tựu đầy đủ trí lực, phải thường nguyện độ sinh, phải thường hành từ bi, phải thường hành "Giới không sát sinh". **Người tu hạnh Bồ Tát chẳng bao giờ phạm tội sát.**

Phật dạy: "Vì lòng từ bi đối với hết thảy chúng sinh, chẳng bao giờ sát hại chúng sinh cả".

Hỏi: *Nếu bị người đến bức bách, thì mình phải làm sao để tự vệ?*

Đáp: Hãy suy nghĩ cân nhắc xem bên nào khinh, bên nào trọng. Hãy tự hỏi "Giữ trọn vẹn giới là trọng, hay bảo toàn thân mạng là trọng?" Sau khi tư duy như vậy rồi, nếu thấy "Giữ trọn vẹn giới là trọng, bảo toàn thân mạng là khinh", thì hãy nghĩ rằng "thân này sẽ già, sẽ chết, nếu do trì giới mà mất thân này thì được lợi ích lớn". Lại hãy suy nghĩ rằng: "Từ vô lượng kiếp đến nay, biết đâu ta đã giết bao nhiêu người và vật, ta đã làm bao nhiêu việc ác. Vậy nay ta phải trì tịnh giới, chẳng nên tiếc thân mạng. **Xả thân mạng để giữ giới là tốt hơn hết**".

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây: Có một vị đã chứng quả Tu Đà Hoàn. Sau khi chết, vị ấy tái sinh vào nhà một nhà đồ tể. Cha mẹ bảo làm nghề của gia đình, vị ấy từ chối vì sợ sát sinh. Người cha nổi giận vung dao quát: "Nếu con chẳng chịu giết con dê này thì con chẳng còn được sống nữa".

Vị ấy suy nghĩ: "Nếu ta vâng lời cha mà giết con dê, ta sẽ mang tội sát". Nghĩ như vậy rồi, vị ấy bèn cầm dao tự sát. Khi tự sát xong, vị ấy liền được sinh lên cõi Trời.

Đây là trường hợp không tiếc thân mạng để hộ trì tịnh giới.

--o0o--

Hỏi: *Vật của người không cho mình, mà mình lấy gọi là "đạo". Còn biết vật của người, mà sinh tâm muốn lấy thì sao?*

Đáp: Lấy vật của người đem làm của mình là "đạo" tức là lấy trộm.

Biết vật của người mà sinh tâm muốn lấy, hoặc đã đưa tay lấy mà chưa lấy được, tuy chưa phải là "đạo" nhưng cũng đã là "tựa như đạo" tuy chưa hẳn là trộm mà cũng phạm tội như trộm vậy.

Tài vật được chia ra làm 2 loại. Đó là:

- Tài vật có chủ, nghĩa là thuộc quyền sở hữu của người khác, của đoàn thể, của xóm làng, của quốc gia...
- Tài vật chẳng thuộc về ai cả, ví như ở giữa đồng hoang vắng.

Thấy vật giữa đồng hoang vắng cũng phải tìm hiểu vật ấy có chủ hay không cỏ chủ, chớ nên lấy mà phạm tội "tựa như đạo" như nói trên.

Bởi nhân duyên vậy, nên trong bộ Tỳ Ni có dạy: "Vật chẳng phải của ta, chẳng bao giờ nên lấy. Như vậy mới chẳng có tội trộm".

Hỏi: *Vì nhân duyên gì mà "không nên lấy trộm"?*

Đáp: Nên phân biệt rõ thân mạng gồm có 2 phần. Đó là: Nội thân và Ngoại thân

Cướp đoạt tài vật của một người là cướp đoạt "ngoại thân" của họ. Vì sao? Mạng sống của một người tùy thuộc vào các thức ăn uống, áo quần, nhà cửa cùng tất cả các vật dụng khác, cần thiết trong sinh hoạt vật chất và tinh thần. Nếu cướp đoạt các tài vật của một người là cướp đoạt "ngoại thân" gián tiếp cướp đoạt sự sống của người ấy vậy.

Tài vật của người khác không cho mà mình lấy, dù lấy lén, dù uy hiếp để cướp đoạt cũng đều là "đạo", đều là tội nặng cả. Vì sao? Như đã nói ở trên đây, hết thảy mọi người đều dùng của cải để tự nuôi sống. Nay lấy tài vật của họ là đoạt mất một phần mạng sống của họ, như vậy là bất tịnh.

Vì sao? Vì do ta chẳng có ý chí để tự thắng mình, do ta sợ bị thiếu thốn, do ta sợ chết… mới đi lấy trộm của người khác. Cho nên trộm cướp là tội nặng.

Hỏi: *Sát hại mạng người là trọng tội. Nói như vậy là hợp lý. Nhưng vì sao "Lấy của người" cũng gọi là trọng tội? Người đời thường tán thán "mạnh được, yếu thua". Như vậy vì sao lại nói cướp đoạt của người gọi là trọng tội?*

Đáp: Không cho mà lấy gọi là lấy trộm, là tướng bất thiện vậy.

Vật chiếm đoạt của người, dù đẹp đẽ cao sang, cũng chỉ ví như thức ăn ngon bị nhiễm độc.

Người ngu, do không biết tội phước trong 3 đời, lại vì không có lòng nhân từ, nên mới dùng sức mạnh cưỡng đoạt tài sản của người khác, cho là "mạnh được, yếu thua" là lẽ sống ở đời.

Chư Phật và chư Hiền Thánh, vì thương xót hết thảy chúng sinh, lại rõ biết tội phước trong 3 đời, nên dạy rằng "cướp đoạt là bất thiện, là tội lỗi".

Như Phật dạy "Của người nếu không cho mà lấy" có 10 tội, là: 1- Khiến cho người mất của nổi sân hận, 2- Gieo sự nghi kỵ nơi mọi người, 3- Không kiểm soát được hành động của mình, khiến có thể dẫn đến những hậu quả tai hại, thảm khốc chẳng lường được, 4- Khiến bạn bè phải xa lìa, 5- Phá mất thiện căn, 6- Bị pháp luật trừng trị, 7- Tài vật không vào thêm nữa, 8- Trồng nhân duyên bần cùng, 9- Khi chết sẽ đọa vào địa ngục và 10- Dù chết đi được tái sinh làm người, thì cũng chẳng giữ được tài sản. Dù cần khổ cầu tài lợi, mà tài sản vẫn tiêu tan, như bị vua quan tịch biên, bị giặc cướp lấy sạch, bị nạn nước cuốn đi, bị nạn lửa thiêu rụi, bị con cháu phá tán.

Hỏi: *Thế nào gọi là tà dâm?*

Đáp: Thông dâm với người nam, người nữ chẳng phải là chồng, là vợ của mình thì gọi là tà dâm.

Người nữ đã xuất gia, hoặc thọ giới 1 ngày 1 đêm, phải không được làm các tà hạnh dù đối với chồng của mình.

Đối với người vợ đã thọ giới, thì người chồng cũng không được làm các tà hạnh. Trường hợp người vợ đang có thai hoặc đang cho con bú, cũng như vậy.

Lại nữa, người đã có chồng, đã có vợ rồi mà còn khởi ý dục đối với người nam hay người nữ khác, thì cũng gọi là tà dâm.

Phải luôn luôn nghĩ rằng "tà dâm là hoạn nạn, như rắn độc, như lửa dữ, phải nên lánh xa".

Phật dạy "tà dâm có 10 tội". Đó là: 1- Thường bị người khác làm hại, 2- Vợ chồng không hòa thuận nhau, thường hay cãi nhau, 3- Các pháp bất thiện mỗi ngày mỗi tăng trưởng, 4- Không giữ gìn được con cái, 5- Tài sản càng ngày càng hao mòn, 6- Thường bị người nghi kỵ, 7- Các bậc thiện trí thức chẳng muốn gần, 8- Thường gặp điều oan trái, 9- Khi chết sẽ vào địa

ngục, và 10- Dù chết đi được tái sinh làm người, thì người nữ phải chịu cảnh chồng chung, người nam phải gặp vợ không trinh tiết.

Hỏi: *Thế nào gọi là vọng ngữ ?*

Đáp: Biết mà nói là không biết, nghe mà nói là không nghe đều gọi là vọng ngữ.

Người vọng ngữ trước tự dối mình, sau dối người, lấy không làm có, lấy có làm không, điên đảo, chẳng có thiện tâm, chẳng chút Tàm quý, tự đóng kín cửa thiện, tự bít đường dẫn đến Niết Bàn.

Trái lại thật ngữ được nhiều lợi ích. Hết thảy người xuất gia và tại gia, đều nhờ nơi thật ngữ mà vun trồng được thêm công đức. Người thật ngữ được tâm đoan chính, tránh được các khổ nạn.

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà sinh vọng ngữ?*

Đáp: Người ngu, khi gặp các ách nạn thường nói dối để mong được thoát nạn, mà chẳng biết rằng "nói dối khiến đời này bị khổ, đời sau cũng khổ".

Người tu hành, không bị tham sân chi phối, nên không nói dối để mong cầu chạy tội.

Hỏi: *Vọng ngữ dẫn sinh ra bao nhiêu tội?*

Đáp: Vọng ngữ dẫn sinh ra 10 tội. Đó là: 1- Miệng hôi, 2- Bị thiện thần lánh xa, 3- Dù có nói thật cũng chẳng ai tin, 4- Bị người trí không cho tham dự các buổi họp bàn, 5- Thường bị người chê cười, 6- Bị người khinh khi không kính nể, 7- Thường gặp oán sầu, 8- Thường gây duyên đấu tranh, 9- Sau khi chết sẽ đọa địa ngục, và 10- Thường bị người phỉ báng, không tin cậy.

Hỏi: *Có bao nhiêu loại rượu?*

Đáp : Có 3 loại rượu. Đó là:

- Loại rượu từ ngũ cốc làm ra
- Loại rượu từ trái cây làm ra.
- Loại rượu từ rễ cây, lá cây, vỏ cây, thân cây làm ra...

Hỏi: *Uống rượu vào khiến thân thể được ấm áp chống được cảm lạnh, khiến người được hoan hỷ, khoan khoái. Như vậy vì sao lại cấm uống rượu?*

Đáp: Rượu lợi ích ít, mà độc hại nhiều, do vậy chẳng nên uống.

Như lời Phật dạy ông Ưu Bà Tắc Nan Đề Ca, thì rượu gây ra 35 tội. Đó là:1- Tài vật bị hao mòn, 2- Mang nhiều bệnh tật, 3- Thích cãi cọ, 4-

Tiếng xấu đồn xa, 5- Không biết xấu hổ, 6- Trí huệ bị mê ám, 7- Vật đã được cũng đánh mất, 8- Khi say rất sầu muộn, 9- Việc kín cũng nói với người, 10- Sự nghiệp không thành, 11- Thần lực bị hao mòn, 12- Thần sắc bị hoại dần, 13- Không kính cha, 14- Không kính mẹ, 15- Không kính Sa Môn, 16- Không kính Bà La Môn, 17- Không kính bậc tôn trưởng, 18- Không kính Phật, 19- Không kính Pháp, 20- Không kính Tăng, 21- Làm bạn với người ác, 22- Xa dần người thiện, 23- Không tự kiểm soát hành động, 24- Không giữ được 6 căn, 25- Buông lung phóng dật, 26- Thường phá giới, 27- Chẳng ai muốn thấy, 28- Người hiền thiện lánh xa, 29- Hành các pháp bất thiện, 30- Xa các pháp thiện, 31- Người trí không tin dùng, 32- Xa lìa Niết Bàn, 33- Gieo nhân duyên cuồng si, 34- Chết sẽ đọa địa ngục, và 35- Dù tái sinh được làm người cũng làm người cuồng si, các căn ám độn.

C. Trì Giới

Hỏi: *Tướng của Thi La có thể dễ thấy biết, nhưng làm thế nào để biết được tướng của Thi La Ba La Mật?*

Đáp: Bồ Tát trì giới, quyết không phá một giới nhỏ nào cả, dù phải mất mạng sống của mình. Như vậy gọi là Thi La Ba La Mật.

Lại nữa, Bồ Tát trì giới vì Phật Đạo, vì độ chúng sanh. Bồ Tát thệ nguyện độ hết thảy chúng sanh, đưa họ đến bờ bên kia nên nhất tâm trì giới, chẳng tiếc thân mạng.

Nên biết rằng, "do trì giới mà được sanh lên cõi Trời, được gặp các bậc thiện tri thức, được sanh thiện trí. Nếu được các thiện tri thức dạy cho 6 pháp Ba La Mật thì sẽ vào được Đạo".

Hỏi: *Thế nào là "Trì giới được sanh giới"?*

Đáp: Tu 5 giới dẫn đến Tỳ Kheo Giới, Thiền Định Giới, Vô Lậu Giới... Như vậy gọi là "Trì giới được sanh giới"

---o0o---

Tất cả những gì cần thiết trong pham vi thọ trì Tịnh Giới Ba La Mật theo Đại Trí Độ Luận, chúng tôi cố gắng trích dẫn như trên. Tuy nhiên, chúng tôi không liệt kê hết tất cả các giới từ ngũ giới của người tu tại gia,

bát giới của người tu bát quan trai giới. Chúng tôi cũng không liệt kê tất cả giới của 6 chúng xuất gia: Bồ Tát, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di, Sa di ni và Thức xoa ma na. Các giới của 6 chúng này rất khác nhau tùy theo vai vị tu hành cũng như nguyện vọng đi từ dễ tới khó như: Thức Xoa Ma Na phải tập 296 hạnh pháp của Tỳ Kheo Ni, và giữ 6 pháp tịnh tâm, 2 năm tịnh thân, mới được thọ Đại Giới; Tỳ kheo phải giữ từ 250 giới cho đến 8.000 giới; Tỳ kheo ni phải giữ từ 380 giới cho đến 8.000; giới của Bồ Tát thì quá nhiều không kể xiết. Điểm đáng lưu ý là giới của người nào thì người ấy giữ, không cho người khác biết.

Ngoài ra, Luận còn liệt kê một số tội phá giới thuộc về sát, đạo, dâm, vọng ngữ và say rượu và cũng như việc định danh từng tội phạm cùng với hình phạt, nhưng rất khác biệt so với hình luật ngày nay. Chúng tôi chỉ lược qua, không muốn giải thích rườm rà thêm. Vả lại trong khuôn khổ Tổng luận nhỏ hẹp này không cho phép. Các đạo hữu có thể tra cứu các Kinh sách đã xuất bản trên thị trường để hiểu thêm về những qui định của giới luật khi xưa./.

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần mười hai.
(Hội thứ XII).

Nếu xem việc học Phật là khó, là khổ thì chỉ cần nhớ lời Phật dạy: ***Hãy lấy giới luật làm thầy****. Thế cũng đủ lắm rồi, không đòi hỏi gì hơn!*

Trong đời này không ai có thể tự hào cho là không phạm tội. Không phạm tội lớn thì phạm tội nhỏ, không phạm tội thuộc vật chất cũng phạm tội tinh thần. Tội về vật chất hay tinh thần đều có thể che mắt được thiên hạ, nhưng không thể tự dối mình. Phải biết thế nào là tàm và quí. Nếu tội nhỏ, biết ăn năn ***sám hối*** *phải quỳ hương, nếu tội lớn phải biết* ***phát lồ****. Sám hối là phương pháp tẩy sạch bụi nơi thân tâm, không có gì tốt bằng.*

Trong các chùa, am hay tu viện các Thầy Tổ, chư Tăng thường tụng:

"Tánh tội vốn không do tâm tạo,
Tâm nếu diệt rồi tội sạch trong,

Tội trong tâm diệt, thảy đều không,
Thế mới gọi là chân sám hối".

Kệ tụng này do Thầy Tổ tạo ra, chỉ dành cho hàng thượng căn thượng phẩm.

Phần "Mạn Thù Thất Lợi", Hội thứ VII, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi bảo Xá Lợi Phất:

(...) "Phạm tội và bất khả tư nghì thảy là Thật tướng, và Thật tướng vốn không hai, không sinh, không diệt, không đến không đi, không nhân không quả, không thiện không ác, không dẫn vào ác đạo hay thiên đường, không đưa tới Niết bàn hay sinh tử. Tại sao? Bởi vì trong Pháp giới chân thật không có thiện hay ác, cao hay thấp, trước hay sau.

(...) Pháp giới chân thật chỉ có tướng nhất như; phạm tội hay không, không phân biệt".

Đó là lối nói của hàng đại sĩ, theo Đệ nhất nghĩa không, lối nói của bậc đã nhập pháp giới, đã thành tựu đạo nghiệp. Không thể áp dụng qui thức này cho phàm phu tục tử, cũng không thể thuyết cho các Bồ Tát sơ học Đại thừa nói chi đến những dị sanh khác. Chưa thông đạt nhân quả nghiệp báo mà phóng túng, ngông cuồng thì không tránh khỏi rơi vào vực thẳm mịt mù không đáy. Ngày nào tu luyện thành thục, sạch trong sạch ngoài, thân tâm rỗng không trong suốt thì được vô thức, vô niệm, vô tâm!

Nói tóm lại, giới thanh tịnh, thì hạnh cũng thanh tịnh. Hạnh thanh tịnh thì thác cũng được sanh về cõi Phật.

Phẩm thứ nhất, Tập 1, quyển 14, "Giải Thích các Thi La Ba La mật", Đại Trí Độ Luận, nói: "... giới để kiểm thúc thô hoặc, thiền định để kiểm thúc tế hoặc. Lại nữa, giới thu nhiếp thân khẩu, thiền định đình chỉ loạn tâm".

Những lậu hoặc hoặc thô hoặc tế làm ô uế thân tâm. Giới là hàng rào ngăn chặn tội lỗi thâm nhập từ ngoài vào, thiền định là ngăn chặn tội lỗi phát sanh từ bên trong. Giới Định Huệ đầy đủ, trong ngoài rỗng không trong suốt thì được an nhiên tịch lặng. An nhiên tịch lặng tuyệt đối thì sanh trí tuệ.

Đối với chúng ta, thực tế nhất khi tu tịnh giới, chỉ cần nhớ: ***Giới độ là nghiêm cấm, tự răn. Hãy lấy đó làm thầy! Thân lìa ba lỗi, miệng dứt***

bốn lầm, ý tránh ba tội cũng tạm đủ trong cõi nhân thiên, không cần ước vọng cao xa nào khác.

Tóm lại, dục vọng, tham ái, phóng đảng... là nhân phá hoại tánh đức trí tuệ, trì giới để phá cái nhân xấu ác này. Nên nói ***trì giới để độ phá giới****.*

Phần kế tiếp là nói về an nhẫn Ba la mật. An nhẫn cũng là pháp khó tu, nó cũng được gọi là tịnh hạnh. An nhẫn là lối luyện thân tâm để đối phó với bất cứ hoàn cảnh mọi trở lực gian nan về vật chất lẫn tinh thần. ***Phẩm thứ nhất, Tập 1, quyển 15, Giải Thích Sằn Đề Ba La Mật Pháp Nhẫn, Đại Độ Trí Luận, nói:*** "Lại nữa, đói khát, lạnh nóng là ma quân bên ngoài; kiết sử, phiền não là Ma tặc bên trong. Phá 2 tên quân đó để thành Phật đạo. Nếu không như vậy thời Phật đạo không thành". *Đó là an nhẫn đối với chính bản thân. Còn đối với bạo lực, chịu đựng ức hiếp không căm thù oán hận kẻ lăng nhục, phải là người có đởm lược, khí phách mới có thể làm được. Hội thứ XIII kế tiếp sẽ thảo luận vấn đề này.*

Đến đây chấm dứt phần mười hai, Hội thứ XII, ĐBN.

---o0o---

Xin đọc tiếp Hội thứ XIII, phần "An Nhẫn Ba La Mật":

HỘI THỨ XIII
(bố cục)

13. Hội thứ XIII: **Phần "An Nhẫn Ba La Mật"**, 1 quyển. Nội dung Ngài Mãn Từ Tử *(Phú Lâu Na)* và Xá lợi Phất nói rõ về pháp An nhẫn Vô Thượng Bồ đề, tức là nếu đem tâm tàm quý*(1)* mà tu pháp quán Không thì sẽ chấm dứt tâm tranh đấu, được an ổn.

---o0o---

PHẦN "AN NHẪN BA LA MẬT"

Dẫn nhập:

Phần "An Nhẫn Ba La Mật" chỉ có 1 quyển. Giáo lý phần này rất đơn giản. Ở đây Kinh cũng phân biệt an nhẫn của Nhị thừa và an nhẫn của Bồ Tát thừa như hai phần trước là bố thí và trì giới Ba la mật và cũng khuyên hữu tình nên tu an nhẫn theo Đại thừa, an nhẫn vì người, vì tất cả chúng sanh mới được xem là rốt ráo.

An nhẫn là pháp khó tu khó chứng trong sáu Ba la mật. Nó là pháp tu tích cực của người chịu đựng, kiên trì mà chúng tôi cho là người đảm lược, có khí phách. Thành đạt pháp tu này chính là mở ngỏ cho Giác ngộ.

Vì vậy, nên nhẫn độ mới gọi là điều phục đáng khen!

Tóm lược:

Quyển 589

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Bạc già phạm cùng với 1250 vị đại Bí sô trú ở vườn Cấp Cô Độc, rừng Thệ đa, tại thành Thất la phiệt. Bấy giờ, Thế Tôn bảo cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Bây giờ, ngươi nên vì các đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tuyên thuyết an nhẫn Ba la mật.

Mãn Từ Tử vâng lời Phật dạy, nương thần lực Phật liền bạch:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nào muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, **dù bị các lời mắng chửi, hủy báng của hữu tình khác đều phải nhẫn chịu, không nên khởi tâm giận dữ, oán hận, phải khởi tâm từ bi để báo đền ân đức kia.** Bồ Tát như vậy là đối với an nhẫn Ba la mật có lòng tin ưa sâu xa. Tùy theo sự phát khởi tâm an nhẫn, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí. Đại Bồ Tát này có thể an trụ an nhẫn Ba la mật.

(Sở tu an nhẫn của Bồ Tát và sở tu an nhẫn của Nhị thừa khác nhau như thế nào?)

Lúc đó, Xá lợi Tử liền hỏi cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Sở tu an nhẫn của các Bồ Tát và sở tu an nhẫn của Thanh văn, có gì khác nhau?

Mãn Từ Tử đáp:

- Chúng các Thanh văn sở tu an nhẫn gọi là phần ít, sở duyên hành tướng chẳng cực viên mãn. Các Bồ Tát sở tu an nhẫn gọi là phần đủ, sở duyên hành tướng rất cực viên mãn. Nghĩa là an nhẫn của các Bồ Tát vô lượng, vì muốn vô lượng hữu tình được lợi ích an lạc, nên mặc áo giáp an nhẫn, lập nguyện: Ta phải độ thoát vô lượng hữu tình, đều làm cho họ xa lìa khổ, chứng an lạc Niết bàn. Nên gọi là an nhẫn của Bồ Tát vô lượng.

An nhẫn của **Thanh văn, chỉ vì muốn xả bỏ phiền não tự thân, không vì hữu tình**. Cho nên gọi là an nhẫn phần ít. Không giống như an nhẫn của đại Bồ Tát nhiều vô lượng. Vì các Bồ Tát không xa lìa an nhẫn Ba la mật. Cho nên gọi là an nhẫn toàn phần. Đối với Bồ Tát nào khởi tâm không thanh tịnh, tâm không kham nhẫn chịu tổn hoại, nên biết vị ấy bị vô lượng tội chẳng phải như đối với Thanh văn, Độc giác thừa v.v... Cho nên an nhẫn Bồ Tát là tối thắng.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát, nếu như bị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quở trách thì tâm không hờn giận. Cũng vậy, nếu bị kẻ đồ tể, người gánh thây chết, hoặc các hữu tình hèn hạ khác mắng chửi, hủy báng, cũng không khởi tâm giận dữ, hiềm hận, báo thù, dù chỉ trong giây lát. Bồ Tát như vậy nhiếp trì an nhẫn Ba la mật, mau được viên mãn, không bao

lâu chứng đắc Nhất thiết trí trí. Bồ Tát như vậy tu học an nhẫn Ba la mật, dần dần được rốt ráo, mau chứng Vô thượng Bồ đề. Nếu đại Bồ Tát an trú, nhiếp trì an nhẫn Ba la mật như thế, mới kham chịu sự mắng chửi, hủy nhục của người khác. Tâm vị ấy không lay động như núi Diệu Cao, tăng trưởng công đức thiện căn khó hoại, mau chứng Vô thượng Bồ đề, làm lợi ích an lạc cho khắp thế gian.

Xá lợi Tử liền hỏi cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Nếu khi đại Bồ Tát tu an nhẫn, có 2 người đến chỗ Bồ Tát. Một người vì thiện tâm nên đem bột chiên đàn xoa thân*(cho Bồ Tát)*. Một người vì ác tâm nên đem lửa đốt thân*(Bồ Tát)*. Bồ Tát đối với những người kia nên khởi tâm gì?

Mãn Từ Tử đáp:

- Đại Bồ Tát này vì muốn chứng Vô thượng Bồ đề, nên đối với người thứ nhất không khởi tâm ưa thích, đối với người thứ hai không khởi tâm tức giận. Phải **khởi tâm bình đẳng đối với cả hai**, đều muốn lợi ích an lạc hoàn toàn. Như vậy, đại Bồ Tát hành an nhẫn Ba la mật nên trụ an nhẫn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát hành an nhẫn Ba la mật, trụ an nhẫn Ba la mật là đại Bồ Tát hành hành xứ Bồ Tát, không điên đảo, an trụ tịnh độ Bồ Tát không điên đảo. Đại Bồ Tát như vậy đối với hữu tình không nên phát khởi tâm giận dữ, không nên phát khởi tâm hiềm hận, không nên phát khởi tâm báo thù. Chúng đại Bồ Tát như thế đối với hữu tình được viên mãn an nhẫn, viên mãn xưng tán, viên mãn nhu hòa, viên mãn ý vui. Đối với tất cả chỗ đều khởi lòng từ, không phẫn nộ, không hiềm hận. Như vậy, nếu các hữu tình khác đến chỗ của các đại Bồ Tát mà đem lòng oán hại, muốn đánh, muốn trói, hủy nhục, trách mắng, nên an nhẫn, tâm không được báo thù.

Như vậy, nếu các hữu tình khác muốn đến chỗ chúng đại Bồ Tát tranh đấu, làm việc không lợi ích, thì Bồ Tát phải khởi tâm hòa hảo với họ, dùng lời lẽ nhẹ nhàng xin lỗi, khiến họ dứt bỏ tâm độc hại. Bấy giờ, Bồ Tát suy nghĩ như vầy: Hữu tình này đến chỗ ta gây sự tranh đấu, không lợi ích. Khi ta chứng Vô Thượng Bồ đề, nên vì họ mà tuyên dương pháp Không sâu xa, để họ chấm dứt tất cả sự tranh đấu.

Nghĩa là vì họ **tuyên dương tánh Không của sắc uẩn đều hoàn toàn như huyễn hóa**. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương

tánh Không của thọ, tưởng, hành, thức uẩn đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh Không của **12 xứ, 18 giới đều hoàn toàn như huyễn hóa**. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh Không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh Không của **nhãn xúc đều hoàn toàn như huyễn hóa**. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh Không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh Không của **các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, đều hoàn toàn như huyễn hóa**. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh Không của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh Không của **địa giới đều hoàn toàn như huyễn hóa**. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh Không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh Không của **4 duyên đều hoàn toàn như huyễn hóa.** Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu. Cũng vì họ tuyên dương tánh Không của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu.

Hoặc vì họ tuyên dương tánh Không của **12 duyên khởi, 3 cõi đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự cạnh tranh, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt tranh đấu. Như vậy, Bồ Tát suy nghĩ: Khi ta chứng Vô Thượng Bồ đề, thuyết pháp như thế cho các hữu tình, khiến cho họ dứt hẳn tất cả tranh đấu, tâm họ bình đẳng như hư không, không tìm lỗi lầm của nhau. Do đây chiêu cảm được thân tướng trang nghiêm của Đại Sĩ, tất cả hữu tình thấy đều hoan hỷ, làm lợi ích cho nhau, cho đến lúc chứng đắc Niết bàn thanh tịnh, xa lìa các hý luận, hoàn toàn an lạc.**

(An nhẫn của Nhị thừa và an nhẫn của Bồ Tát, loại nào rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh thù thắng hơn?)

Xá lợi Tử lại hỏi Mãn Từ Tử:

- Hai loại an nhẫn, Bồ Tát và Thanh văn nên biết loại nào rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng?

Mãn Từ Tử liền hỏi lại cụ thọ Xá lợi Tử:

- Nay tôi đem việc hiện tại hỏi lại Tôn giả, tùy ý Tôn giả trả lời.

Xá lợi Tử đáp:

- Tùy theo các câu hỏi, tôi sẽ đáp.

Mãn Từ Tử hỏi:

- Lưỡi cày sắc ở thế gian và vàng ở châu Thiệm bộ, hai loại ánh sáng đó, nên biết loại nào rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng?

Xá lợi Tử đáp:

- Ánh sáng của lưỡi cày sắt ở thế gian làm sao sánh nổi vàng ròng ở châu Thiệm bộ này. Nghĩa là ánh sáng vàng ròng ở châu Thiệm bộ rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng.

Mãn Từ Tử hỏi:

- An nhẫn của Thanh văn giống như ánh sáng của lưỡi cày sắt ở thế gian. An nhẫn của Bồ Tát giống như ánh sáng vàng ròng ở châu Thiệm bộ. Nên biết tướng của hai loại an nhẫn hơn kém có khác nhau. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì an nhẫn của hàng Thanh văn thừa, <u>chỉ quán sắc uẩn cho đến thức uẩn, đưa đến phát khởi vô ngã</u>, hữu tình, sinh mạng, sự sống, nuôi dưỡng, trưởng thành, người, ý sanh, thanh niên, tạo tác, thọ nhận, sự biết, sự thấy... An nhẫn của hàng Bồ Tát thừa, cũng quán

sắc uẩn cho đến thức uẩn hoàn toàn không tự tánh, nhưng đưa đến phát khởi sự không sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh, không tăng-không giảm, tịch tĩnh xưa nay… Cho nên an nhẫn của Bồ Tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán **12 xứ cho đến 18 giới**, đưa đến phát khởi vô ngã, hữu tình, sinh mạng, sự sống, nuôi dưỡng, trưởng thành, người, ý sanh, thanh niên, tạo tác, thọ nhận, sự biết, sự thấy... An nhẫn của hàng Bồ Tát thừa, cũng quán 12 xứ cho đến 18 giơi hoàn toàn không tự tánh, nhưng đưa đến phát khởi sự không sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh, không tăng-không giảm, tịch tĩnh xưa nay... Cho nên an nhẫn của Bồ Tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, **chỉ quán nhãn xúc cho đến ý xúc**, đưa đến phát khởi vô ngã, hữu tình, sinh mạng, sự sống, nuôi dưỡng, trưởng thành, người, ý sanh, thanh niên, tạo tác, thọ nhận, sự biết, sự thấy... An nhẫn của hàng Bồ Tát thừa, cũng quán nhãn xúc cho đến ý xúc hoàn toàn không tự tánh, nhưng đưa đến phát khởi sự không sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh, không tăng-không giảm, tịch tĩnh xưa nay... Cho nên an nhẫn của Bồ Tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, **chỉ quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra**, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, sinh mạng, sự sống, nuôi dưỡng, trưởng thành, người, ý sanh, thanh niên, tạo tác, thọ nhận, sự biết, sự thấy... An nhẫn của hàng Bồ Tát thừa, cũng quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra, hoàn toàn không tự tánh, nhưng đưa đến phát khởi sự không sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh, không tăng-không giảm, tịch tĩnh xưa nay... Cho nên an nhẫn của Bồ Tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn của Thanh văn.

An nhẫn của hàng Thanh văn thừa, **chỉ quán lục địa giới**, **12 nhân duyên**, đưa đến phát khởi sự vô ngã, hữu tình, sinh mạng, sự sống, nuôi dưỡng, trưởng thành, người, ý sanh, thanh niên, tạo tác, thọ nhận, sự biết, sự thấy... An nhẫn của hàng Bồ Tát thừa, cũng quán lục địa giới, 12 nhân duyên giới hoàn toàn không tự tánh, nhưng đưa đến phát khởi sự không

sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh, không tăng-không giảm, tịch tĩnh xưa nay... Cho nên an nhẫn của Bồ Tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.

Lại, Xá Lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Bồ đề, hoặc kẻ oán tặc đến mổ xẻ thân thể, Bồ Tát này nên khởi nghĩ: Số cát sông Hằng có thể đếm được nhưng số lượng thân khó có thể đếm hết. Hoặc thân bị mổ, hoặc kẻ hay mổ, đều thuộc về sắc số khó biết. Thân thể bị mổ xẻ chỉ là phần nhỏ làm sao duyên đây mà sanh giận dữ?

Đại Bồ Tát này quán nghĩa như thế, dù gặp phải oán tặc mổ xẻ lóng đốt vẫn năng nhẫn chịu được, đều không tâm oán hận giận dữ. Chúng Bồ Tát này tùy đã phát khởi tâm an nhẫn, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, nhiếp thọ an nhẫn Ba la mật. Chúng đại Bồ Tát như thế nên biết là an nhẫn Ba la mật được tất cả thời thường chẳng bỏ lìa.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát nào muốn chứng Vô thượng Bồ đề, nếu có người đến đánh đập, mắng chửi, đại Bồ Tát này suy nghĩ: **Số lượng cát ở sông Hằng còn có thể đếm biết được, nhưng tội lỗi nơi thân ta khó có thể đếm hết**. Nghĩa là từ vô thỉ đến nay khởi các phiền não ác nghiệp, lý sự ác hại, chư Phật, Hiền Thánh cùng nhau quở trách. Nay người này có đến đánh đập, mắng chửi thì có thấm gì so với tội lỗi trên, sao lại duyên nơi đây mà sanh sân hận?

Đại Bồ Tát này quán nghĩa như vậy, dù có người đến đánh đập, mắng chửi nhưng vẫn nhẫn nhục, lãnh thọ, hoàn toàn không có tâm sân hận, báo thù. Các đại Bồ Tát này tùy theo sự phát khởi tâm an nhẫn, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, nhiếp trì an nhẫn Ba la mật. Chúng đại Bồ Tát như thế nên biết là an nhẫn Ba la mật được tất cả thời thường chẳng bỏ lìa.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát nào muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, có oán tặc đến cướp đoạt tài sản, đại Bồ Tát này nên suy nghĩ: Tài sản như vậy bản tánh đều Không, không có hệ thuộc, sao lại duyên nơi đây mà sanh sân hận? Đại Bồ Tát này quán nghĩa như vậy, tuy gặp oán tặc cướp đoạt tài sản nhưng tâm hoàn toàn không sân hận, oán thù. Các đại Bồ Tát này tùy theo sự phát khởi tâm an nhẫn, hồi hướng cầu Nhất thiết trí, hộ trì an nhẫn Ba la mật. Chúng đại Bồ Tát như thế nên biết là an nhẫn Ba la mật được tất cả thời thường chẳng bỏ lìa.

Lại nữa, Xá lợi Tử! **Nếu đại Bồ Tát nào muốn chứng Vô thượng Bồ đề, nên tu tâm mình giống như đất, nước, gió, lửa, hư không v.v...**

Xá lợi Tử hỏi:

- Tại sao chúng đại Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, phải tu tâm mình giống như đất, nước, lửa, gió, hư không v.v…?

Mãn Từ Tử đáp:

- Nếu các Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳn Bồ đề nên tu tâm mình giống như đại địa, đại thủy, đại hỏa, đại phong, hư không, không có sự phân biệt.

Xá lợi Tử hỏi:

- Tại sao chúng đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Bồ đề, phải tu tâm mình giống như đại địa, không có sự phân biệt?

Mãn Từ Tử đáp:

- Ví như **lục đại giới** *(đất, nước, gió, lửa, hư không)* tuy đem sắc, hương, vị, xúc đáng ưa thích để trong đó, nhưng đất hoàn toàn không vui mừng, yêu thích. Hoặc đem sắc, hương, vị, xúc không ưa thích ném vào trong đó, cũng không tức giận, buồn rầu. Chúng đại Bồ Tát như vậy, tuy gặp các cảnh ưa thích nhưng không vui mừng, yêu thích; dù gặp các cảnh buồn bực cũng không tức giận, buồn rầu. Vì niềm tin thanh tịnh an nhẫn luôn luôn hiện tiền, giống như **đại địa** bình đẳng mà lưu chuyển. Nên nói, chúng đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Bồ đề, phải tu tâm mình giống như đại địa, không có sự phân biệt.

(Thân tâm bình đẳng như hư không)

Xá lợi Tử liền hỏi cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Hư không vô vi, không có chúng Bồ Tát nào mà chẳng nhiếp thuộc vô vi?

Mãn Từ Tử đáp:

- Chẳng phải chúng Bồ Tát nhiếp thuộc bởi vô vi, nhưng do các Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo tu hành Bát Nhã, quán thân tâm bình đẳng với hư không, khiến đối với cảnh giới không có phân biệt, kham tu an nhẫn Ba la mật. Nghĩa là các đại Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo quán thân tâm vô tánh, vô ngại, bình đẳng với hư không, kham chịu mọi thứ xúc chạm dao gậy v.v...

(Tu bố thí, tịnh giới Ba la mật cũng phải có tâm bình đẳng. Bây giờ, tu an nhẫn Ba la mật cũng phải có tâm bình đẳng. Như vậy, mới thấy bình đẳng là giáo pháp tối quan trọng trong việc tu hành hay trong việc ứng cơ tiếp vật vậy).

Đại Bồ Tát như thế phương tiện khéo léo nương dựa Bát nhã Ba la mật, quán sát thân tâm bình đẳng với hư không, nhiếp thọ an nhẫn Ba la mật. Hằng thời giả sử lửa dữ địa ngục, dao gậy địa ngục và những khí cụ tra tấn bức bách nơi thân, cũng có thể nhẫn chịu được, nơi tâm bình đẳng không động không biến. Đại Bồ Tát như thế tu hành Bát nhã Ba la mật, nhiếp thọ Bát Nhã, quán sát thân bình đẳng với hư không, kham chịu các khổ không động không biến. Đại Bồ Tát như thế kham chịu các khổ không động không biến tức là **an nhẫn Ba la mật**.

Như vậy, đại Bồ Tát tu hành Ba la mật, khi gặp những nổi khổ nặng nề, nên nghĩ như vầy: Ta từ sanh tử vô thủy đến nay, tuy chịu nhiều nỗi khổ đau đớn nơi thân tâm, nhưng do nỗi khổ này biết đâu đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, huống chi do khổ này chứng Vô Thượng Bồ đề. Nay thân tâm ta chịu nhiều khổ sở là vì lợi ích cho các hữu tình, nên nhất định chứng Vô Thượng Bồ đề. Vì vậy, bây giờ ta nên hoan hỷ lãnh thọ. Đại Bồ Tát như vậy, quán nghĩa này, tuy chịu nhiều khổ sở nhưng tăng trưởng sức nhẫn nhục, lãnh thọ một cách hoan hỷ.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Ví như có người ăn món ăn có trăm vị, thân tâm sảng khoái, sanh lòng hoan hỷ hơn. Bồ Tát cũng vậy, thấy người đến xin, hoặc xin của cải, hoặc xin từng phần nơi thân, nhân đó mà bố thí, chịu đựng các nỗi khổ, nhẫn nhục lãnh thọ một cách hoan hỷ, thân tâm vui thích, niềm khoái lạc ấy hơn trước gấp trăm ngàn lần.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Như A la hán thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tuy lậu đã tận nhưng vẫn sanh tâm hoan hỷ, cung kính tin tưởng thù thắng hơn. Đại Bồ Tát cũng vậy, thấy người đến xin, hoặc xin của cải, hoặc xin từng phần nơi thân, vẫn sanh tâm hoan hỷ, cung kính tin tưởng thù thắng hơn. Nhẫn nhục, lãnh thọ những điều oan gia, oán hại, mắng chửi, hủy nhục, đủ các thứ khổ nặng nề của kẻ kia. Tùy theo lúc đó mà phát khởi tâm an nhẫn, hồi hướng cầu đến Nhất thiết trí trí. Đại Bồ Tát như vậy, tùy theo lúc đó mà phát khởi tâm an nhẫn, hồi hướng cầu Nhất

thiết trí trí, thường không xa lìa sự tu an nhẫn Ba la mật, luôn làm lợi ích lớn cho các hữu tình, không để gián đoạn.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, đối với các hữu tình nên tu an nhẫn, bị đánh không đánh trả, mạ nhục không nhục mạ lại, hủy báng không hủy báng lại, sân giận không sân giận lại, quở trách không quở trách lại, phẫn hận không phẫn hận lại, khủng bố không khủng bố lại, hại không hại lại. **Đối với các việc ác nhẫn nhục lãnh chịu**. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì các đại Bồ Tát này thường không xa lìa tâm Nhất thiết trí trí, đối với các hữu tình muốn làm lợi ích. Nếu các đại Bồ Tát thường không xa lìa tâm Nhất thiết trí trí, muốn làm lợi ích lớn cho hữu tình, giả sử dù thân bị mâu giáo đâm ngàn mũi, nhưng trong tâm không khởi một niệm báo thù; đối với người kia, thường sanh an nhẫn tịnh tịnh.

Chúng đại Bồ Tát tu hành an nhẫn Ba la mật như thế, đối với các hữu tình muốn làm lợi ích lớn, nhất định sẽ được sắc thân vàng ròng, tướng hảo trang nghiêm, người thấy hoan hỷ. Vì vậy, Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát đều nên tinh tấn tu sức an nhẫn, nhịn nhục, **lãnh thọ tất cả các nỗi khổ oan gia báo hại.**

Nếu đại Bồ Tát tu hành sức an nhẫn, nhịn nhục, lãnh thọ các nỗi khổ thì có thể nhiếp trì an nhẫn Ba la mật. Đại Bồ Tát này lìa được sanh tử, thân cận Nhất thiết trí trí, làm lợi ích lớn cho các hữu tình.

(Không tu theo hành xứ của mình
mà lại tu theo hành xứ của người khác)

Nếu đại Bồ Tát **ưa thích Thanh văn hoặc Độc giác**, thì nên biết đại Bồ Tát này <u>thối thất an nhẫn Ba la mật</u> của Bồ Tát. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát Ma ha tát thà đem tự thân chịu đủ đại khổ sanh tử vô biên, chớ **chẳng nên ưa đắm các thiện lợi Thanh văn Độc giác. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì nếu đại Bồ Tát đắm trước Thanh văn hoặc Độc giác, nên biết đại Bồ Tát này thối thất hành xứ của mình, mà hành hành xứ của người khác**.

Xá lợi Tử liền hỏi cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Sao gọi là đại Bồ Tát hành hành xứ của người khác?

Mãn Từ Tử đáp:

- **Nếu đại Bồ Tát trụ ở bậc Thanh văn hoặc bậc Độc giác, thì đại Bồ Tát này hành hành xứ của người khác**. Nếu đại Bồ Tát khởi suy nghĩ về Thanh văn, hoặc suy nghĩ về Độc giác, thì đại Bồ Tát này hành hành xứ của người khác. Nếu đại Bồ Tát đắm trước giáo pháp tương ưng với Thanh văn, hoặc ưa thích ngôn luận tương ưng với Độc giác, thì đại Bồ Tát này hành hành xứ của người khác.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát **thích quán sắc uẩn thường hoặc vô thường**; thích quán thọ, tưởng, hành, thức uẩn thường hoặc vô thường, thì đại Bồ Tát này hành hành xứ của người khác.

Nếu đại Bồ Tát thích quán sắc uẩn **vui hoặc khổ**, **hoặc ngã hoặc vô ngã**, **hoặc tịnh hoặc bất tịnh;** thích quán thọ, tưởng, hành, thức uẩn hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh thì đại Bồ Tát này hành hành xứ của người khác.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát **thích quán 12 xứ, 18 giới thường hoặc vô thường**, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh... đại Bồ Tát này hành hành xứ của người khác.

(Thế nào tu hành theo hành xứ của mình?)

Xá lợi Tử lại hỏi cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Sao gọi là đại Bồ Tát hành hành xứ của mình?

Mãn Từ Tử đáp:

- Nếu đại Bồ Tát nào **tu hành sáu pháp Ba la mật, tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, thì đại Bồ Tát này hành hành xứ của mình.**

Nếu đại Bồ Tát nào tu hành sáu pháp Ba la mật, thì tất cả ác ma không làm hại được. Ví như loài cáo không làm hại được các loài rùa, ba ba; không bị làm hại nên việc đi lại được tự tại. Chúng đại Bồ Tát tu hành sáu pháp Ba la mật cũng vậy, không bị tất cả ác ma làm hại; không bị làm hại nên việc tu hành được tự tại.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Giả sử ác ma hóa tất cả hữu tình ở ba ngàn đại thiên thế giới đều là ác ma. Cứ mỗi một ác ma đều có nhiều ma quân quyến thuộc, thứ tự trước sau kéo đến chỗ đại Bồ Tát. Nhưng đại Bồ Tát này tu hành 6 pháp Ba la mật nên các ác ma kia không thể làm hại được. Vì không hại được nên Bồ Tát tu hành tự tại. Ví như loài cáo không thể

làm hại được các loài rùa, ba ba. Vì không hại được nên rùa, ba ba đi lại tự tại.

Vì vậy, Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát phải nên học như vầy: **Tâm ta không nên xa lìa 6 pháp Ba la mật. Nếu không xa lìa 6 pháp Ba la mật, tất cả ác ma không làm hại được; không bị hại nên Bồ Tát tu hành tự tại.**

(Các việc làm của Bồ Tát do ác ma dẫn dắt?)

Xá lợi Tử liền hỏi cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Làm thế nào đại Bồ Tát biết như thật các việc làm của mình do ác ma dẫn dắt?

Mãn Từ Tử đáp:

- Nếu đại Bồ Tát không thích nghe giáo pháp tương ưng với Ba la mật, nên biết đây là các việc do ác ma dẫn dắt.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát **không thích thọ trì** giáo pháp tương ưng với Ba la mật, nên biết đây là các việc do ác ma dẫn dắt.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát **không thích đọc tụng** giáo pháp tương ưng với Ba la mật, nên biết đây là các việc do ác ma dẫn dắt.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát **không thích suy nghĩ** giáo pháp tương ưng với Ba la mật, nên biết đây là các việc do ác ma dẫn dắt.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát **không thích tu hành** pháp hành tương ưng Ba la mật, nên biết đây là các việc do ác ma dẫn dắt.

Các đại Bồ Tát hiểu rõ những việc này rồi, bèn suy nghĩ: Nhất định là ác ma dùng phương tiện cản trở sở cầu Nhất thiết trí trí nơi tâm ta. Bây giờ, ta không nên tùy thuộc vào sự mong muốn kia, phải tinh cần tu học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát này đối với ác ma kia, không nên sân hận, cũng không nên khởi tâm không nhẫn nhục. Thực hành được như vậy tức là an nhẫn Ba la mật. Đại Bồ Tát này suy nghĩ: Khi ta chứng Vô Thượng Bồ đề, nên độ thoát hữu tình dứt hẳn pháp tham, sân, si. Vì vậy, bây giờ đối với ác ma kia không nên sân hận. Nếu đại Bồ Tát nghĩ được như vậy, thì đại Bồ Tát hơn các ác ma, tự tại tu hành 6 pháp sang bờ kia.

(Thế nào là lãng phí thời gian?)

Nếu lúc đại Bồ Tát tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí mà chẳng hiện tiền, thì khi đó đại Bồ Tát suy nghĩ: Bây giờ, **Ta không nên hành phi xứ**, vì nó khiến cho ta chẳng nhớ tới Nhất thiết trí trí. Như vậy, Bồ Tát nên tự trách tâm mình: Nay chính ta đã lãng phí thời giờ.

Xá lợi Tử hỏi cụ thọ Mãn Từ Tử:

- Mức độ nào thì gọi là lãng phí thời giờ?

Mãn Từ Tử đáp:

- Nếu đại Bồ Tát đối 6 sáu pháp Ba la mật đây, tuy có hiện hành nhưng lại **không nhớ nghĩ đến Nhất thiết trí trí, chẳng hồi hướng Nhất thiết trí trí, đại Bồ Tát này lãng phí thời nhật, tổn hại kết quả tu chứng**.

Nếu đại Bồ Tát đối với 6 pháp Ba la mật đây, tùy một lần hiện hành, hoặc hai lần, hoặc ba lần, cho đến năng nhớ nghĩ Nhất thiết trí trí và hồi hướng Nhất thiết trí trí, thì đại Bồ Tát này tuy có chỗ phạm nhưng có thể xem là đắc quả thời nhật tu chứng*(2)*.

(An nhẫn của Bồ Tát so với an nhẫn của Nhị thừa có khác nhau không?)

Xá lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử:

- An nhẫn Bồ Tát cùng với an nhẫn A la hán có khác nhau không?

Mãn Từ Tử đáp:

- Bây giờ, tôi hỏi lại Tôn giả: Núi Diệu Cao cùng với hạt cải, lớn nhỏ, cao thấp, nặng nhẹ khác nhau như thế nào?

Xá lợi Tử đáp:

- Khác nhau vô lượng.

Mãn Từ Tử nói:

- An nhẫn Bồ Tát cùng với an nhẫn A la hán cũng lại như vậy, không nên hỏi làm chi.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Ý Tôn giả thế nào? Nước trong biển lớn, nước trên đầu một sợi lông, bên nào nhiều hơn?

Xá lợi Tử đáp:

- Nước trong biển lớn nhiều hơn nước trên đầu một sợi lông cả trăm phần, ngàn phần, cho đến muôn ức phần cũng chưa sánh bằng một phần nhỏ số lượng kia.

Mãn Từ Tử nói:

- An nhẫn Bồ Tát cùng với an nhẫn A la hán cũng lại như vậy, trăm phần, ngàn phần, cho đến muôn ức phần cũng chưa sánh bằng một phần nhỏ số lượng kia. Vì vậy, không nên hỏi như vậy.

Phật khen ngợi Mãn Từ Tử:

- Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ngươi nói. Ngươi nương oai lực của Phật khéo nói an nhẫn Ba la mật. Nếu lấy số lượng an nhẫn của đại Bồ Tát, so sánh với số lượng an nhẫn lớn nhỏ của Thanh văn, Độc giác thì như muốn lấy số lượng an nhẫn của Như Lai, so sánh với số lượng an nhẫn lớn nhỏ của Thanh văn, Độc giác v.v... Vì sao? Vì sự thành tựu nhẫn nhục của các Bồ Tát, lượng kia rất vô biên, không nên đem so sánh với lượng nhẫn của Thanh văn, Độc giác v.v…

Bấy giờ, Phật bảo A nan đà:

- Ngươi nên thọ trì những lời Mãn Từ Tử thuyết về sự tu an nhẫn của đại Bồ Tát, chớ để quên mất.

A nan đà bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con đã thọ trì đúng như lời Mãn Từ Tử đã thuyết về sự tu an nhẫn Ba la mật của đại Bồ Tát, chắc chắn chẳng quên mất.

Khi đức Bạc già phạm thuyết Kinh này rồi, cụ thọ Mãn Từ Tử, cụ thọ Xá lợi Tử, cụ thọ A nan đà và các chúng Bồ Tát, Thanh văn khác, cùng với tất cả trời, rồng, Dược xoa, A tố lạc v.v... nghe Phật thuyết đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

Thích nghĩa:

(1). Tàm quý: (慚愧) *Cũng gọi Hữu tàm hữu quý. Đối lại: Vô tàm vô quý. Tàm (Phạm: Hrì), Quý (Phạm: Apatràpya). Từ gọi chung tàm và quý (hổ và thẹn), tên tâm sở, nghĩa là tác dụng của tâm biết hổ thẹn khi phạm tội lỗi, là 1 trong các Đại thiện địa pháp của Nhất thiết hữu bộ, 1 trong các Thiện pháp của tông Pháp tướng. Luận Câu xá quyển 4 nêu ra 2 cách giải thích về Tàm và Quý như sau: Cách thứ nhất: Tàm là lòng tôn kính các công đức và người có đức, Quý là lòng sợ tội lỗi. Cách thứ hai: Tàm là khi mình phạm tội mặc dù không có ai biết nhưng tự cảm thấy hổ thẹn, còn Quý là khi mình tạo tội mọi người đều biết nên tự mình biết xấu hổ. Theo thuyết trên thì Tàm và Quý đều là tâm hổ thẹn, nhưng vì đối với chính mình và đối với người khác mà chia làm hai. Kinh Đại Bát Niết Bàn quyển 19 (bản Bắc) thì cho rằng Tàm là tự mình không tạo tội, Quý là*

không bảo người khác tạo tội; Tàm là tự trong lòng mình cảm thấy hổ thẹn, Quý là cảm thấy hổ thẹn khi bày tỏ tội lỗi của mình với người khác; Tàm là lòng hổ thẹn đối với người, Quý là lòng hổ thẹn đối với trời. Thuyết này tương đương với cách giải thích thứ 2 trong luận Câu xá. Luận Thành duy thức quyển 6 thì thu dụng cả 2 cách giải thích của luận Câu xá, cho rằng Tàm là trước tôn trọng chính mình, sau tôn kính các bậc hiền thánh và tôn trọng Pháp; Quý là chống lại sự bạo ác do áp lực của thế gian (tức do sự chê cười của người đời, hoặc sự chế tài của luật pháp). Tức chủ trương hổ thẹn là tướng chung của Tàm và Quý, còn tôn sùng điều thiện, chống lại cái ác thì theo thứ tự là tướng riêng của Tàm và Quý. Trái lại với Tàm và Quý, không tôn kính các công đức và những bậc hiền thánh, hoặc không tự thấy hổ thẹn trước tội ác do chính mình gây ra, thì gọi là Vô tàm (Phạm: Àhrìkya). Còn đối với người khác đã biết rõ tội ác của mình mà mình không cảm thấy xấu hổ thì gọi là Vô quý (Phạm: Anapatràpya). Tàm và Quý có công năng làm cho tất cả hành vi trở nên trong sáng, nên được gọi là Nhị chủng bạch pháp - Phỏng theo Phật Quang từ điển.

(2). Chúng tôi phỏng dịch lại đoạn Kinh này.

Sơ giải:

Nếu Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Giác ngộ thì phải an trụ an nhẫn Ba la mật, nghĩa là dù bị lăng nhục, chửi mắng, đánh đập cũng không giận dữ, oán hận mà trái lại phải khởi tâm từ bi để báo đền ơn ân đức. Tại sao bị chửi mắng, lăng nhục mà lại coi như ân đức? Vì có thử thách chịu đựng, thì công hạnh mới được vuông tròn. Có lửa mới thử được vàng. Bồ Tát này có lòng tin sâu xa nơi an nhẫn Ba la mật như vậy để cầu Nhất thiết trí trí. Vì vậy, Bồ Tát mới có khả năng an trụ an nhẫn Ba la mật, trở thành Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, mới có cơ hội phục vụ chúng sanh.

An nhẫn của Nhị thừa, chỉ vì muốn xả bỏ phiền não tự thân, không vì chúng sanh, nên an nhẫn đó có hạn cuộc. Còn an nhẫn của Bồ Tát rộng lớn, viên mãn. Vì Bồ Tát muốn vô lượng hữu tình được an lạc, nên thệ nguyện độ thoát hữu tình xa lìa khổ ải, chứng an lạc Niết bàn. Cho nên nói an nhẫn của Bồ Tát là vô lượng, tối thắng.

Các đại Bồ Tát dù bị những bậc cao trọng như chư Phật quở trách hoặc bị các hữu tình hạ tiện, bọn đồ tể, bọn gánh thây chết… mắng chửi, hủy báng cũng không khởi tâm giận dữ, hiềm hận, báo thù, dù chỉ trong thoáng chốc. Trái lại, Bồ Tát phải ***khởi tâm bình đẳng đối với mọi người****, nhiếp trì an nhẫn Ba la mật miên mật, lại luôn luôn hướng đến Nhất thiết trí trí thì mau chứng đắc Vô Thượng Bồ đề.*

Nếu các hữu tình khác muốn đến chỗ Bồ Tát tranh đấu, Bồ Tát phải khởi tâm hòa hoãn với họ, dùng lời lẽ nhẹ nhàng xin lỗi, khiến họ dứt lìa bỏ tâm độc hại. Bấy giờ, Bồ Tát suy nghĩ như vầy: Hữu tình này đến chỗ ta gây sự tranh đấu, không muốn lợi ích. Khi ta chứng Vô Thượng Bồ đề, nên vì họ mà ***tuyên dương pháp Không****, để họ chấm dứt tất cả sự tranh đấu. Nghĩa là vì họ tuyên dương tánh Không của ngũ uẩn đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự tranh giành hơn thua, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt đấu tranh. Cũng vì họ tuyên dương tánh Không của 12 xứ, 18 giới đều hoàn toàn như huyễn hóa. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự tranh chấp hơn thua, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt đấu tranh.*

Hoặc vì họ tuyên dương tánh Không của lục đại chủng (đất, nước, gió, lửa, hư không và thức), 4 duyên (nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên), 12 duyên khởi (vô minh, hành, thức danh sắc, lục nhập, xúc, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử), ba cõi (Dục, Sắc và Vô sắc) đều hoàn toàn như huyễn như hóa. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự tranh đấu hơn thua được mất. Cũng vì họ tuyên dương tánh Không của các pháp đều hoàn toàn như huyễn như hóa. Trong Không đó, tuyệt đối không có sự tranh chấp hơn thua, để người kia nghe rồi tâm liền chấm dứt đấu tranh.

Như vậy, Bồ Tát suy nghĩ: Khi ta chứng Vô Thượng Bồ đề, thuyết pháp như thế cho các hữu tình, khiến cho họ dứt hẳn tất cả đấu tranh, tâm họ bình đẳng như hư không, không tìm lỗi lầm của nhau. Do đây chiêu cảm được thân tướng trang nghiêm của Đại sĩ, tất cả hữu tình thấy đều hoan hỷ, làm lợi ích cho nhau, cho đến lúc chứng đắc Niết bàn thanh tịnh, xa lìa các hý luận, hoàn toàn an lạc.

Cũng giống như đoạn Kinh nầy, ***tập 1, quyển 15, "Giải thích: Sằn đề Ba la mật", Đại Trí Độ Luận, Bồ Tát Long Thọ viết rằng:***

“Lại nữa, Bồ Tát suy nghĩ rằng: “Hàng phàm phu vì cái độc vô minh nên đối hết thảy các pháp chuyển thành tướng khác, phi thường tưởng thành thường, khổ tưởng thành vui, vô ngã tưởng thành có ngã; không mà cho là có thật, phi hữu là hữu, hữu là phi hữu”. Như vậy trong chủng chủng pháp chuyển thành ra tướng khác. Được trí tuệ Thánh hiền phá cái độc vô minh, biết rõ thật tướng các pháp, được có trí tuệ biết vô thường, khổ, không, vô ngã, vứt bỏ không chấp trước. Nhẫn được pháp ấy gọi là Pháp nhẫn.

Hỏi: *Nếu quán hết thảy các pháp từ trước đến nay thường không, đời nay cũng không, thế là ác tà kiến, sao lại nói là Pháp nhẫn?*

Đáp: Nếu quán các pháp rốt ráo không, tâm thủ trước không ấy, thời đó là ác tà kiến. **Nếu quán không mà không thủ trước, không sanh tà kiến, thời đó là Pháp nhẫn**.

Như vậy các cửa nhập vào trí huệ, quán thật tướng các pháp, tâm không thối chuyển, không hối hận, không tùy theo các giác quán, cũng không lo buồn, được tự lợi lợi tha; ấy gọi là Pháp nhẫn.

Pháp nhẫn ấy có ba thứ hành tướng thanh tịnh là: **Không thấy pháp nhẫn nhục**, **không thấy thân mình, không thấy người nhục mạ**; **không hý luận các pháp**, khi ấy gọi là <u>pháp nhẫn thanh tịnh</u>. Vì lẽ đó, nói Bồ Tát khi trụ trong Bát nhã Ba la mật, có thể được nhẫn nhục Ba la mật, vì không lay động, không thối chuyển”.

1. An nhẫn của Nhị thừa và an nhẫn của Bồ Tát, loại nào rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh thù thắng hơn?

*Tướng của 2 loại an nhẫn hơn kém có khác nhau. Vì an nhẫn của hàng Thanh văn thừa, chỉ quán 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới cho đến 12 duyên khởi v.v...đưa đến phát khởi vô ngã, hữu tình, sinh mạng, sự sống, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, người, ý sanh, thanh niên, tạo tác, thọ nhận, sự biết, sự thấy... An nhẫn của hàng Bồ Tát thừa, cũng quán 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới cho đến 12 duyên khởi v.v... hoàn toàn không tự tánh, nhưng đưa đến **phát khởi sự không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tịch tĩnh xưa nay**... Cho nên an nhẫn của Bồ Tát rộng lớn, vi diệu, thanh tịnh, thù thắng hơn an nhẫn của các Thanh văn.*

Vì Tiểu thừa quán ngã không, nhưng pháp có; Bồ Tát quán ngã không, pháp cũng không. Vì vậy, Bồ Tát có thể chứng vô sanh pháp nhẫn, nên mới có thể hy sinh tài sản, thân mạng cho tất cả chúng sanh. ***Bồ Tát này quán nghĩa như vậy, dù gặp phải oán tặc mổ xẻ thân phần ra từng mảnh vẫn nhẫn chịu, hoàn toàn không có tâm sân hận, oán thù. Các Bồ Tát này hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, nhiếp trì an nhẫn Ba la mật phát Bồ đề tâm, đại bi tâm mới có cơ hội cứu mình độ người.***

2. Nếu Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, nên tu tâm giống như đất, nước, gió, lửa, hư không.

Xá lợi Tử hỏi: "Tại sao chúng đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Bồ đề, phải tu tâm mình giống như đất, nước, lửa, gió, hư không v.v…?"

Mãn Từ Tử đáp: "Nếu các Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề nên tu tâm mình giống như đại địa, đại thủy, đại hỏa, đại phong, hư không, **không có sự phân biệt**".

Ví như đất, nước, v.v... tuy đem phân, nước tiểu đổ lên đó, trâu bò giẫm đạp, đái ỉa... nhưng đất, nước, v.v... hoàn toàn không giận không buồn. Thánh nhân đi qua cũng không mừng, không vui. Chúng đại Bồ Tát cũng vậy, tuy gặp nghịch cảnh, trái duyên cũng không buồn không trách, không giận, không oán; tuy gặp thuận duyên cũng không hớn hở, huênh hoang. Niềm vui an nhẫn thanh tịnh luôn luôn hiện tiền trong tâm, giống như đại địa, đại thủy, đại hỏa, đại phong, cũng như hư không bao la bình đẳng im lặng vậy. Nên nói, chúng đại Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, phải tu tâm mình giống như đất, nước, gió, lửa... không có phân biệt.

3. Thân tâm bình đẳng như hư không.

"Đại Bồ Tát như thế phương tiện khéo léo nương tựa Bát nhã Ba la mật, quán thân tâm bình đẳng với hư không, nhiếp thọ an nhẫn Ba la mật. Hằng thời giả sử lửa dữ địa ngục, dao gậy và những khí cụ tra tấn bức bách nơi thân, cũng có thể nhẫn chịu được, nơi tâm bình đẳng không động không biến. Đại Bồ Tát như thế tu hành Bát nhã Ba la mật, nhiếp thọ Bát Nhã, quán thân bình đẳng như hư không, nhẫn chịu các khổ không động

không biến. Đại Bồ Tát như thế nhẫn chịu các khổ mà tâm không động không biến tức là **an nhẫn Ba la mật**".

Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, đối với các hữu tình nên tu an nhẫn như thế. Đối với các việc ác, nhẫn nhục chịu đựng. Đối với những oan khiên, không báo thù. Tâm từ ái rộng lớn bao la như hư không. Như vậy, mới được coi là an nhẫn Ba la mật.

4. Thế nào là không tu hành xứ của mình mà tu hành xứ của người khác?

Nếu đại Bồ Tát nào tu hành sáu pháp Ba la mật, tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, thì đại Bồ Tát này hành nơi hành xứ của mình.

Cũng giống như bố thí, trì giới Ba la mật, nếu đại Bồ Tát trụ ở bậc Thanh văn hay Độc giác, thì đại Bồ Tát này hành hành xứ của người khác. Nếu đại Bồ Tát khởi nghĩ về Thanh văn hoặc Độc giác, thì đại Bồ Tát này hành nơi hành xứ của người khác. Nếu đại Bồ Tát đắm trước giáo pháp tương ưng Thanh văn hoặc ưa thích ngôn luận tương ưng Độc giác, đại Bồ Tát này hành nơi hành xứ của người khác.

Nếu đại Bồ Tát thích quán 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới thường hoặc vô thường, vui hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh… thì đại Bồ Tát này hành nơi hành xứ của người khác.

Trong các pháp tu như bố thí, trì giới Ba la mật cũng có nói đến các việc quán hay tu các phi xứ như vậy, nên đây không cần nhắc lại nữa. Kinh thuyết theo lối trần thuật dễ hiểu nên không cần giải thích thêm.

---o0o---

Để có cái nhìn rộng rãi về pháp môn An nhẫn Ba la mật, chúng tôi trích dẫn, ***phẩm thứ nhất, "Sằn Đề Ba La Mật", Tập 1, quyển 14, Đại Trí Độ Luận,*** *để cùng các đạo hữu tụng đọc thọ trì với nhau.*

"Sằn Đề Ba La Mật"

(Đại Trí Độ Luận)

Hỏi: *Thế nào gọi là Sằn Đề Ba La Mật?*

Đáp: Sẵn Đề là Nhẫn Nhục. Có hai đức Nhẫn. Đó là: 1- Sanh Nhẫn. và 2- Pháp Nhẫn.

Bồ Tát hành Sanh Nhẫn **được vô lượng phước đức**, hành Pháp Nhẫn **được vô lượng trí huệ**. Tu cả hai đức ấy là thành tựu Đại Nhẫn. Ví như người có đủ cả đôi chân và đôi mắt mới có thể đi xa ngàn dặm.

Bồ Tát khi gặp người đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém, liền nghĩ đến các tội phước nhân duyên đời trước và đời nay. Biết như vậy rồi liền quán "Vô ngã" và "Vô Ngã Sở", dùng tam pháp ấn là Không, Vô Tướng và Vô Tác, quán như vậy, Bồ Tát rõ biết mình có thọ báo, nên chẳng sanh ác tâm, chẳng khởi ác khẩu. Đức Nhẫn với chúng sanh như vậy gọi là **Sanh Nhẫn**.

Lại nữa, Bồ Tát nhờ quán Thật Tướng các pháp mà được Nhẫn gọi là **Pháp Nhẫn**.

Trí Nhẫn làm cho tâm thiện càng thêm kiên cố. Trí Nhẫn ấy có thô, có tế. Thô gọi là Nhẫn Nhục, tế gọi là Thiền Định. Khi chưa có được Thiền Định thì phải dùng tâm ngăn ác, nên gọi là Nhẫn Nhục. Khi tâm thiện đã được kiên cố thì chẳng còn bị các việc ác quấy phá nữa, nên được Thiền Định.

Lại nữa, do không sân mà được Nhẫn, nên Nhẫn thuộc về tâm sở tương ưng pháp, giúp hành giả được tâm thanh tịnh, khiến chẳng còn tạo ra các ác nghiệp nữa.

Lại có thuyết nói đức Nhẫn chỉ có ở cõi Dục, còn ở cõi Sắc, vì chẳng có các ác hạnh nên không nói đến Nhẫn. Vì sao ? Vì hữu lậu là phàm phu, vô lậu là bậc Thánh. Đã là bậc Thánh thì không còn có sự việc gì mà không nhẫn được cả.

Bởi vậy nên phải nhẫn nhục, ngăn trừ các pháp ác, thì các pháp thiện mới được tăng trưởng.

Hỏi: *Thế nào gọi là Sanh Nhẫn?*

Đáp: Sanh Nhẫn là đức Nhẫn đối với chúng sanh, ví như cam chịu những sự đau đớn khổ nhục do chúng sanh gây ra.

Bồ Tát, dù được cung kính, dù bị mắng nhiếc... đều giữ tâm không lay động, chẳng có vui mà cũng chẳng khởi oán hận, xem hết thảy chúng sanh đều bình đẳng ngang nhau.

Hỏi: *Được cung kính mà không vui, sao cũng gọi là Nhẫn?*

Đáp: Kiết sử có 2 loại. Đó là : Ái Kiết và Tắng Kiết.

- Ái Kiết là sự trói buộc do lòng thương yêu kính mến gây ra.
- Tắng Kiết là sự trói buộc do lòng oán ghét thù hận gây ra.

Được cung kính, cúng dường, tuy không sanh tâm sân nhuế, nhưng lại sanh tâm ái trước.

Ái Kiết tuy nhu hòa, mềm mại, tuy không hung hăng thô bạo như Tăng Kiết mà cũng là giặc, làm chướng ngại cho sự Giải Thoát.

Bởi vậy nên phải biết tu Nhẫn, không sanh tâm đắm trước mới trừ được giặc Ái Kiết này.

Hỏi: *Phải làm cách nào để có thể nhẫn được?*

Đáp: Phải quán Vô Thường và quán sự sanh khởi của các kiết sử từ thô đến tế, phải dùng trí huệ để tận đoạn các kiết sử. Có làm như vậy mới được diệu tâm thanh tịnh.

Như lời Phật dạy "Lột da phải đến thịt, lóc thịt phải đến xương tủy.

Người được lợi dưỡng, được cung kính chỉ mới lột đựợc lớp da bên ngoài; người tu Thiền Định như lóc được lớp thịt, người dùng trí huệ quán chiếu như phá được xương, thấy được tủy. Tủy, nói ở đây là dụ cho tâm diệu thiện".

(...)Bởi vậy nên người tu phải trừ ái trước sự cung kính cúng dường, phải hành hạnh nhẫn nhục, không dấy tâm ái trước sự cung kính cúng dường của người.

Nên biết, có 3 nhân duyên khiến được hưởng sự cung kính và sự cúng dường. Đó là:

- Do nhân duyên phước đức đời trước mà nay được như vậy.
- Do công đức tu hành đời nay mà được như vậy.
- Có hạng người ở trong tâm chẳng có chân đức, mà bên ngoài giả hiện oai nghi, nói dối, lừa đảo, khiến người vô trí bị mê hoặc mà cung kính cúng dường.

Bồ Tát, trong tự tâm, thường suy nghĩ: "Vì đời trước ta siêng tu phước đức, nên đời nay ta được cung kính cúng dường; ta chớ sanh tâm kiêu mạn, chỉ ví như gieo mạ đúng thời tiết ắt sẽ được mùa gặt tốt. Ta phải nhẫn tâm, chẳng nên ái trước sự cung kính cúng dường". Nếu nhờ công

đức đời nay mà được sự cung kính, được sự cúng dường, thì Bồ Tát lại tự nghĩ rằng: "Ta nhờ được trí huệ, rõ biết Thật Tướng các pháp, nhờ công đức đoạn kiết sử mà được sự cung kính cúng dường" nghĩ như vậy rồi, Bồ Tát chẳng dám tự cao. **Thật có ái lạc công đức mà không có ái ngã vậy.**

Hỏi: *Người chưa được đạo, thường chỉ lo nghĩ đến ăn ngon mặc đẹp ham vui dục lạc thế gian. Vì sao người tu lại phải tự nhẫn?*

Đáp: Người tu thường dùng trí huệ quán Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã, thường nhàm chán thân, quán thân này rồi cũng sẽ tan rã. Dù có ăn ngon, mặc đẹp rồi cũng sẽ chết, chẳng nên đắm vị, đắm xúc. Do quán Vô Thường, nên dù được cung kính cúng dường cũng chẳng sanh tâm chấp đắm, phải luôn luôn tự nhẫn.

Lại nữa, gặp trường hợp người nữ đến trêu ghẹo, Bồ Tát cũng phải tự nhẫn, giữ tâm bất động, không để cho niệm tà mống khởi.

--o0o--

Bồ Tát tu hạnh nhẫn nhục, thường gặp nhiều khổ não trong tiến trình hành Đạo Bồ Tát.

Như lời Phật dạy: "Hết thảy chúng sanh đều chịu vô lượng khổ đau trong cảnh Sanh Già Bệnh Chết", nên Bồ Tát tự nghĩ: "Ta chẳng nên trôi lăn mãi theo dòng Sanh Tử. Ta phải lội ngược dòng Sanh Tử, phải cầu trở về nguồn Giải Thoát; phải cầu vào đạo Niết Bàn".

Bởi vậy, khi chưa đoạn sạch kiết sử, Bồ Tát phải tự chế tâm, tu hạnh Nhẫn Nhục; dù bị người đến não hại cũng chẳng sanh sân, dù được người cung kính cúng dường, cũng chẳng sanh hân hoan, tự đắc, dù gặp ách nạn cũng chẳng sanh sợ hãi. Bồ Tát, vì chúng sanh mà thường huân tập tâm Từ Bi, nên khi gặp chúng sanh đến não hại phải tự nghĩ rằng: "Ta phải thân cận, thương xót hết thảy chúng sanh. Nếu chúng sanh chẳng làm phiền ta, thì ta chẳng tu được hạnh Nhẫn Nhục. **Người oán hại ta cũng là thầy của ta vậy"**.

Lại nữa, như lời Phật dạy: "Chúng sanh từ vô thỉ đến nay, vẫn qua lại trong các nẻo đường Sanh Tử", nên Bồ Tát tự nghĩ: "Có thể ta đã hại người, làm khổ người, nên nay họ ôm hận đến đòi ta trả mạng. Nếu ta khởi sân với họ, lấy oán trả oán, thì oán thù chồng chất mãi, chẳng bao giờ dứt

được. Hơn nữa nếu ta sân với người, tức là ta đã sân với Phật vậy. Chim thú cũng có thể trở thành Phật, ta chớ nên khinh Phật sẽ thành".

Trong các phiền não, thì sân tạo tội nặng nhất. Như có người dùng kệ hỏi Phật rằng:

Diệt gì khiến tâm an ổn?
Diệt gì khiến tâm chẳng hối?
Sân là cội gốc các độc
Sân diệt hết thảy thiện căn

Phật dùng kệ đáp:

Diệt sân khiến tâm an ổn.
Diệt sân khiến tâm chẳng hối.
Sân là cội gốc các độc.
Sân diệt hết thảy thiện căn.
Diệt sân được Phật tán thán.
Diệt sân chẳng còn các khổ.

Bồ Tát tự nghĩ: "Ta nay tu hạnh Từ Bi Nhẫn Nhục, nhằm đem lại sự an vui cho chúng sanh. Ta phải nên biết, SÂN là cội gốc các độc, phá sạch thiện căn. Nếu ta sân, thì làm sao chúng sanh được an vui, làm sao đem lại lợi lạc cho chúng sanh, nên ta phải nhẫn nhục. Nếu ta sân, thì cùng với phàm phu chẳng có gì khác cả, ta sẽ chẳng có nhiều công đức".

Bồ Tát lại nghĩ rằng: "**Người đến mắng nhiếc đã góp phần luyện tâm ta**, ví như người thợ luyện vàng vậy. Khi lửa tắt rồi, thì vàng ròng hiện ra. Nếu vì nhân duyên đời trước ta đã gây nên tội, thì nay ta cũng chẳng nên sân, trái lại ta phải tu nhẫn".

Bồ Tát lại tự niệm: "Chúng sanh như con của ta. Nếu chúng sanh đến mắng nhiếc ta, ta chẳng nên sân, mà trái lại ta phải tìm mọi phương tiện để giáo hóa họ".

Bồ Tát rõ biết chúng sanh, do phiền não che tâm, mà gây nên bao tội lỗi, khiến phải trôi lăn trong các nẻo đường Sanh Tử, nên vì họ tu nhẫn nhục, chẳng bao giờ khởi sân hận, dù đối với những kẻ có ác tâm muốn làm hại mình.

Sân nhuế là cội gốc của bao nhiêu tội ác. Như trong kinh có chép trường hợp của một vị Tiên Nhân tu tịnh hạnh; thế nhưng chỉ gặp một chuyện không vừa ý mà khởi tâm sân, đang tâm hại cả nước.

Người sân nhuế ví như loài hổ beo, lang sói, rắn độc, chẳng ai muốn đến gần, chẳng ai muốn thấy.

Người sân nhuế chẳng biết tự chế, khiến tâm ác càng lâu càng thêm tăng trưởng, đến nỗi những việc tày trời như giết cha, giết mẹ mà cũng làm được.

Vào thời Phật còn tại thế, có nhiều vị Tỳ Kheo sân nhuế, nên Phật dạy rằng: "Này các Tỳ Kheo! Các ngươi chớ nên khởi đấu tranh, vì sân nhuế tương tục như vậy sẽ đem lại nhiều khổ báo. Các ngươi đã nguyện cầu Niết Bàn, đã nguyện bỏ việc thế gian, nguyện vào trong thiện pháp. Sao các ngươi còn sân nhuế, còn đấu tranh? Lửa sân thiêu đốt cả thân tâm, phá sạch rừng công đức. Các ngươi phải xa lìa tâm sân nhuế, phải tu hạnh Nhẫn Nhục. Người tu Từ Bi Nhẫn Nhục nhất định sẽ vào được Phật Đạo".

Hỏi: *Pháp Nhẫn Nhục rất tốt. Nhưng nếu tu Nhẫn Nhục khiến người khinh khi, cho là do sợ hãi mà phải nhẫn, thì như vậy có ích gì?*

Đáp: Nếu ta sợ người khinh ta, cho ta "do sợ hãi mà nhẫn", để rồi bỏ không tu nhẫn nữa, thì tội ấy lại còn nặng gấp bội. Vì sao? Vì không nhẫn sẽ bị các bậc Thánh Hiền khinh dễ.

Người nhẫn nhục, được tâm nhu nhuyến, nên dù không hành bố thí cũng sẽ được sanh lên cõi Trời, cõi Phật.

Bồ Tát tự nghĩ: "Nếu người đời nay khinh khi ta, nhục mạ ta, ta vẫn phải tu nhẫn". Vì sao? Vì người tu nhẫn không bị đọa Địa Ngục Thiết Vi. Người vô trí thường khinh khi người tu nhẫn, mà sợ người không nhẫn, vì người không nhẫn thường dùng sức mạnh đe dọa kẻ khác. Chính những người dùng sức mạnh để thỏa mãn tự ngã của mình, mới thật đáng chê cười.

Bồ Tát lại nghĩ rằng: "Từ khi sơ phát tâm, ta đã nguyện: Vì hết thảy chúng sanh, trị các bệnh cho họ. Nay chúng sanh khởi sân, ta phải lấy thuốc Nhẫn Nhục để trị bệnh cho họ".

Bồ Tát biết rõ căn bệnh sân nhuế, gây phiền não nơi chúng sanh, nên khi gặp chúng sanh nổi sân, thì Bồ Tát tìm phương tiện giải sân cho họ, không làm cho họ sân thêm.

Bồ Tát thương chúng sanh như con, nên khi chúng sanh khởi sân, Bồ Tát không trách móc, mà chỉ nhẫn nhục tìm cách giải sân cho họ.

Bồ Tát lại tự nghĩ: "Nếu chúng sanh sân hận, mà ta không nhẫn, thì ta cũng sẽ phiền não, sẽ khổ đau như họ. Do sân nhuế mà khi mạng chung, sẽ phải tái sanh làm thân rồng, sư tử, hổ lang… Nếu làm Ngạ Quỷ, thì trong miệng có lửa bốc ra. Ta nguyện làm lợi ích cho chúng sanh, nên nếu ta không nhẫn thì ta cũng ác như họ vậy".

Bồ Tát lại tự nghĩ: "Ta cũng là chúng sanh. Sao ta lại sân nhuế, gieo rắc khổ đau cho chúng sanh?"

Bồ Tát lại tự nghĩ rằng: "Do 5 ấm duyên hợp mà giả danh có chúng sanh, có đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng. Người vô trí chẳng biết như vậy, nên khởi chấp ngã, khởi sân nhuế. Nếu ta khởi sân, thì ta như hàng phàm phu, vô trí, cũng mê muội, điên đảo như họ, cũng tạo tội, thế rồi cũng thọ khổ báo, nên ta phải tự Nhẫn Nhục".

Bồ Tát lại tự nghĩ: "Chư Phật trong 3 đời và trong khắp 10 phương, khi hành Đạo Bồ Tát, cũng tu Nhẫn Nhục. Ta nay cũng phải như Phật, phải tu Nhẫn Nhục. Nếu ta dấy lửa sân nhuế, là ta rơi ngay vào cảnh giới của ma".

Như vậy, có vô lượng duyên khởi khiến Bồ Tát nhẫn với chúng sanh. **Hạnh Nhẫn Nhục đối với hết thảy chúng sanh gọi là <u>Sanh Nhẫn</u>.**

Hỏi: *Thế nào gọi là Pháp Nhẫn?*

Đáp: Nhẫn đối với các pháp, chịu đựng hết mọi nghịch cảnh, mọi thử thách, mọi niềm khổ đau v.v… <u>do các pháp gây ra</u> gọi là Pháp Nhẫn.

Pháp Nhẫn nhiếp về 6 tình, chẳng có hiển lộ ra bên ngoài, chẳng có thọ sáu trần, chẳng có sanh, chẳng có diệt. Vì sao? Vì các tướng nội ở trong nội tâm, cũng như các tướng ngoại ở ngoại cảm **cũng đều như như**. Cả hai tướng ấy đều là bất khả đắc, đều là thanh tịnh, đều là vô tướng cả.

Nên biết hết thảy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, thật ra trong tâm chẳng có pháp.

Do hết thảy các pháp đều là tướng thanh tịnh, nên là "chẳng phải hai tướng" (bất nhị tướng), là "một tướng" (Nhất tướng), là "chẳng có tướng" (vô tướng) vậy.

Vì tướng các pháp "chẳng phải hai", "chẳng phải khác", nên khi quán các pháp, Bồ Tát vẫn giữ được tâm thanh tịnh, bất động.

Trong kinh Duy Ma Cật, có thuyết rằng: “Sanh Diệt chẳng phải hai, Bất Sanh Bất Diệt chẳng phải hai; vạn pháp đều chẳng phải hai, chẳng phải khác. Như vậy gọi là Pháp Môn Bất Nhị”.

Khi ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ngài Duy Ma Cật, ngài Duy Ma Cật làm thinh, chẳng nói một lời. Các Bồ Tát tán thán: Lành thay ! Như vậy mới thật là Pháp Môn Bất Nhị.

Pháp Nhẫn có 2 thứ. Đó là: 1- Tâm Pháp Nhẫn và 2- Phi Tâm Pháp Nhẫn.

Khi nói “có trong, có ngoài, có nóng, có lạnh, có gió, có mưa, có đói, có khát, có sanh, có già, có chết...”, thì gọi là Phi Tâm Pháp. Còn như “Sân nhuế, ưu sầu, dâm dục, kiêu mạn...”, thì gọi là Tâm Pháp.

Bồ Tát ở nơi cả hai pháp, đều nhẫn, đều giữ tâm không lay chuyển. Như vậy gọi là **Pháp Nhẫn**.

Hỏi: *Đối với chúng sanh mà khởi sân nhuế, làm hại họ là có tội; thương xót, giúp đỡ chúng sanh thì được phước. Còn như nóng lạnh, mưa gió... chẳng phải là chúng sanh, dù ta có sân nhuế, có kiêu mạn... thì các pháp ấy vẫn chẳng có thêm bớt, chẳng có vui buồn... Như vậy thì nhẫn có lợi ích gì đâu?*

Đáp: Tuy chẳng có thêm bớt, chẳng có vui buồn... nhưng nóng lạnh, mưa gió... cũng làm cho người não loạn, ưu khổ... có phương hại đến việc hành Đạo Bồ Tát, nên phải nhẫn.

Lại nữa, chẳng phải chỉ có các hành động sát hại, não loạn chúng sanh mới có tội, mà **tâm phan duyên khởi các việc ác** cũng đã có tội rồi vậy, nếu do vô ý mà sát chúng sanh, thì chẳng phải là tội. Còn trái lại, chỉ dấy niệm từ đối với chúng sanh, dù chẳng cho họ gì cả cũng được phước rồi vậy.

Gió, mưa, nóng, lạnh... tuy chẳng có tăng, chẳng có giảm, song thường làm cho người sanh phiền não, khởi ác tâm, dẫn đến phạm tội. Bởi vậy, phải nhẫn nhục để tránh gây ra các tội lỗi.

Bồ Tát tự nghĩ rằng: “Đời trước ta đã gây tội, nên đời nay mới sanh ở cõi khổ. Khổ là do tự ta gây ra, nên ta phải nhẫn”.

Bồ Tát lại tự nghĩ rằng: “Do nghiệp cảm nhân duyên sai khác, mà chúng sanh thọ sanh vào các cõi tịnh hoặc bất tịnh khác nhau.

Nếu đời nay ta sanh vào cõi bất tịnh, đói khát, quá nóng, quá lạnh, hoặc quá nhiều sự đau khổ bức bách ta, thì ta phải thệ nguyện khi ta thành Phật, trong cõi nước của ta chẳng có các khổ đau như ở cõi này.

Dù ta ở trong cõi bất tịnh, khổ đau, ta vẫn tu Nhẫn Nhục, làm lợi lạc cho chúng sanh".

Bồ Tát lại tự nghĩ: "Có 8 nạn mà các bậc Thánh Hiền cũng chẳng có thể tránh được huống nữa là ta, nên ta phải tu Nhẫn Nhục. Dù làm thân người, không bền chắc, chịu các khổ Sanh Già Bệnh Chết, mà còn hơn làm thân Trời thanh tịnh, không Già, Bệnh, Chết nhưng lại chìm đắm trong sự khoái lạc triền miên. Nay ta tuy khổ mà đã được cả thân người, đã xuất gia, đã ly dục, nên ta phải tinh tấn tu Nhẫn Nhục, làm lợi ích cho chúng sanh".

Bồ Tát lại tự nghĩ: "Đã thọ thân 4 đại, 5 ấm, ắt phải có các khổ. Dù người giàu, người nghèo, người xuất gia, người tại gia, chẳng ai tránh khỏi các khổ nạn. Người giàu sang vẫn thường sợ hãi bị mất của, ví như con dê béo sợ hãi, biết mình trước sau rồi cũng sẽ bị người ăn thịt. Nay ta đã xuất gia tu học, tuy có chịu các khổ, nhưng đời sau sẽ thọ phước báo, sẽ được Đạo. Còn người tại gia, tuy đời nay có hưởng các thú vui vật chất, nhưng đời sau sẽ thọ khổ. Phàm phu chỉ cầu vui ở đời này, mà chẳng biết lo tu hành khiến phải trầm luân mãi trong bể khổ Sanh Tử.

Người xuất gia rõ biết Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã, nên tinh tấn tu hành, không rong ruổi theo các thú vui thế gian. Bởi vậy, dù thọ thân người là khổ, ta phải thường hành Nhẫn Nhục".

Bồ Tát lại nghĩ: "Hết thảy thế gian đều khổ; ta ở trong đó làm sao ta lại cầu vui. Vậy nên ta phải tu nhẫn".

Bồ Tát lại tự nghĩ: Ta từ vô lượng kiếp thường thọ các khổ, mà chẳng làm lợi ích gì cho chúng sanh cả. Nay vì chúng sanh, ta cầu Phật Đạo, tuy thọ các khổ, mà được đại lợi ích. Vậy nên đối với các khổ, dù trong, dù ngoài, ta phải đều nhẫn thọ".

Bồ Tát lại tự nghĩ: "Ta, vì đại tâm, thệ nguyện vào chốn địa ngục, dù khổ nhiều cũng còn chịu được, huống nữa là chút ít khổ ở thân mà chẳng nhẫn được hay sao?"

Đối với các pháp nội và ngoại đều nhẫn thọ gọi là **Pháp Nhẫn**.

Hỏi: *Thế nào gọi là Nội Tâm Pháp Nhẫn?*

Đáp: Bồ Tát tự nghĩ: "tuy ta chưa được Đạo, chưa đoạn sạch kiết sử, nhưng nếu ta không nhẫn, thì ta đâu có khác gì phàm phu? Còn, khi ta đã được Đạo rồi, đoạn sạch kiết sử rồi, thì chẳng có pháp gì mà không nhẫn được. Vậy nên ta phải tu Nhẫn Nhục để đoạn sạch kiết sử, mới mong vào được Đạo.

Lại nữa, đói khát, nóng lạnh là ngoại ma, kiết sử, phiền não là nội ma. Ta phải phá được cả hai loại ma ấy mới thành Phật Đạo.

Như khi Phật đang tu khổ hạnh, các Ma Vương đến nói: "Mạng sống của ngài mong manh lắm rồi, ngài hãy mau mau trở về nước, tu hạnh bố thí sẽ hưởng được phước lạc trong nhiều đời. Ở trên Trời sung sướng lắm, ngài chớ nên phí công tìm Đạo, khổ thân tu khổ hạnh, ngài chẳng thể tìm được Đạo đâu! Nếu ngài không nghe lời khuyên của chúng tôi, mà cứ si mê không đứng dậy thì chúng tôi sẽ đem đại quân đến đánh phá".

Phật (lúc bấy giờ còn là Bồ Tát) đáp lại rằng: "Ta đang đánh phá bọn quân nội ma của các ngươi đây. Nội ma TA còn chưa sợ huống nữa là ngoại ma. Rồi thuyết kệ :

Dục là đạo quân thứ nhất;
Ưu sầu là đạo thứ hai,
Đói khát là đạo thứ ba,
Ái nhiễm là đạo thứ tư,
Ham ngủ là đạo thứ năm,
Sợ hãi là đạo thứ sáu,
Đa nghi là đạo thứ bảy,
Thâm độc là đạo thứ tám,
Đắm lợi dưỡng, ham danh vọng,
Đó chính là đạo thứ chín,
Tự cao, khinh mạn người khác,
Là đạo thứ mười kế sau.
Quân các ngươi rất hùng hậu.
Hết thảy các hàng Trời Người,
Chẳng có ai đủ sức phá,
Nhưng vẫn thua người xuất gia.
Ta dùng Trí Huệ, Thiền Định,
Phá tan quân của các ngươi.

Khi TA viên thành Phật Đạo,
Sẽ độ hết thảy chúng sanh.

Bồ Tát dù chưa phá được các ma quân nhưng vẫn luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng, mặc áo giáp nhẫn nhục, dùng mũi tên trí huệ, và cung thiền định bắn phá giặc phiền não.

Như vậy gọi là “Nội Tâm Pháp Nhẫn”.

Hỏi: *Vì sao Bồ Tát nhẫn nhục, phá phiền não mà vẫn không tận đoạn kiết sử?*

Đáp: Vì Bồ Tát muốn lưu hoặc để độ sanh. Nếu tận đoạn kiết sử, vào A La Hán Đạo thì sẽ như người bị bại chân, chẳng thể đi xa ngàn dặm được, chẳng thể thành tựu “tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn” được. Bồ Tát tu nhẫn, tuy không đoạn sạch kiết sử mà vẫn không tùy theo kiết sử.

Hỏi: *Vì sao Bồ Tát không đoạn sạch kiết sử mà vẫn không tùy theo kiết sử?*

Đáp: Bồ Tát có Chính Tư Duy, nên tuy còn phiền não mà vẫn chẳng tùy phiền não.

Lại nữa, khi tư duy, Bồ Tát quán KHÔNG, quán VÔ THƯỜNG, nên tuy có thọ 5 dục mà vẫn chẳng có sanh kiết sử.

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây: Một vị đại thần được lệnh vua, đem buộc con dê lớn cho ăn uống đầy đủ trong 3 ngày, trước khi đem làm thịt. Con dê được bổ dưỡng trở nên được béo mập hơn trước nhiều.

Khi giết dê, nhà vua thấy dê béo mập mà chẳng có mỡ, bèn hỏi vị đại thần: “Vì sao con dê này béo mập mà lại chẳng có mỡ?”.

Vị đại thần đáp: “Vì nó sợ chết nên tan hết mỡ trong thân”.

Bồ Tát cũng như vậy. Vì rõ biết Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã là đáng sợ nên chẳng dấy sanh kiết sử. Bồ Tát tuy có vô lượng công đức phước báo, mà tâm vẫn nhu nhuyến, nên các kiết sử mỏng dần, khiến sự tu Nhẫn Nhục được dễ dàng vậy. Ví như sư tử chúa trong rừng thường dung tha các thú nhỏ, để cho sống an ổn, còn cọp beo thì chẳng có rộng lượng như vậy. Vì sao? Vì sư tử chúa có trí tuệ, phân biệt được đúng, sai, còn cọp beo không có trí tuệ nên chẳng được như sư tử chúa vậy.

Bồ Tát quán sân nhuế cùng các hạnh bất thiện khác, đồng thời cũng quán nhẫn nhục cùng các thiện công đức khác, nên thường tu nhẫn, không tùy theo các kiết sử.

Bồ Tát có trí huệ, có thể đoạn sạch kiết sử, rõ biết kiết sử là giặc ở nội tâm, nhưng vì sống với chúng sanh, nên **Bồ Tát vẫn lưu kiết sử để phương tiện độ chúng sanh mà chẳng tùy theo kiết sử**. Bồ Tát trói giặc kiết sử lại, không cho buông lung để tu tập các công đức. Ví như bắt được giặc, không sát hại mà chỉ giam kín ở một nơi, khuyến dụ giặc giúp mình tạo sự nghiệp lớn vậy.

Lại nữa, Bồ Tát rõ biết Thật Tướng các pháp nên không dùng các kiết sử để làm các việc ác, mà chỉ dùng vào các thiện công đức.

Lại nữa, Bồ Tát thâm nhập Diệu Pháp, nên ở nơi phiền não chẳng sanh sân, ở nơi công đức chẳng sanh chấp đắm.

Do có trí huệ nên Bồ Tát thường hành động theo trí huệ. Như bài kệ thuyết:

Bồ Tát đoạn trừ bất thiện pháp,
Nơi thiện pháp chẳng sanh chấp đắm,
Có công đức phước báo vô lượng,
Thành tựu viên mãn các sự nghiệp.
Bồ Tát đầy đủ lực trí huệ,
Khiến kiết sử không làm não hại,
Rõ biết Thật Tướng hết thảy pháp,
Sanh Tử, Niết Bàn chẳng phải hai.

Bởi nhân duyên vậy, mà tuy chưa được Đạo, Bồ Tát ở nơi hết thảy pháp vẫn có thể nhẫn được. Như vậy gọi là **Pháp Nhẫn**.

Lại nữa, Bồ Tát quán hết thảy các pháp đều là Nhất Tướng, nghĩa là chỉ có một tướng, rõ biết các thức, từ Nhãn thức đến Ý thức chỉ là một, cũng rõ biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Khổ Đế Tập Pháp, Khổ Tập Tỳ Trí, Tập Đế Diệt Pháp, Tập Diệt Tỳ Trí, Diệt Đế Đạo Pháp, Diệt Đạo Tỳ Trí v.v…đều là Tự Tướng KHÔNG. Bởi vậy nên rõ biết hết thảy pháp đều là Nhất Tướng.

Lại nữa, Bồ Tát rõ biết tướng Tương Ưng Duyên của hết thảy các pháp, ví như nhãn thức tương ưng duyên với Sắc pháp. Tất cả 6 thức đều

như vậy, đều là giả danh. Như vậy các pháp môn, dù vô lượng cũng chỉ là một. Đây là **nghĩa Pháp Môn Bất Nhị, là Pháp Nhẫn.**

Lại nữa, Bồ Tát quán các pháp, do tương quan đối đãi mà phân ra 2, như: Trong và ngoài, trên và dưới, có và không, thường và vô thường, ngã và vô ngã, hữu lậu và vô lậu, hữu vi và vô vi, hữu đối và vô đối, tâm pháp và phi tâm pháp v.v… Như vậy có vô lượng Nhị Môn. **Bồ Tát phá Nhị Môn mà cũng chẳng chấp Nhất Môn mới là Pháp Nhẫn.**

Trong Kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Có một vị Tỳ Kheo tư duy, quán sát về 14 nạn vấn của Ngoại Đạo mà chẳng sao thấu rõ được, bèn đến bạch Phật: "Bạch Thế Tôn ! Kính xin Thế Tốn giải rõ cho con nghe về 14 nạn vấn của Ngoại Đạo. Nếu Thế Tôn chẳng giải được con xin được phép đi cầu đạo khác".

Phật dạy: "Khi ngươi đến xuất gia với ta, cầu Đạo với ta, ngươi có đặt điều kiện phải giải thích rõ 14 nạn vấn của Ngoại Đạo rồi mới xuất gia chăng?"

Vị Tỳ Kheo đáp: "Bạch Thế Tôn! Con chẳng có đặt điều kiện gì cả" Phật dạy: "Vì muốn độ thoát khỏi Sanh Già Bệnh Chết, hay vì muốn hiểu rõ về 14 nạn vấn là các pháp hý luận mà ngươi hỏi ta?".

Rồi Phật dạy tiếp: "Ý ngươi nghĩ sao? Như có một người bị tên độc bắn trúng, được bà con thân thích đem đi chữa trị, mà người ấy chẳng chịu nghe, chẳng cho nhổ mũi tên ra, lại muốn xem mũi tên ấy từ đâu bắn đến đây, do ai bắn, làm bằng sắt hay làm bằng gỗ, nếu làm bằng gỗ thì gỗ lấy từ loại cây gì, lấy ở khu rừng nào v.v. lại muốn biết rõ loại thuốc độc tẩm đầu mũi tên là loại thuốc gì, lấy ở đâu v.v. Người ấy muốn rõ biết tất cả rồi mới chịu cho đưa đi chữa trị. Hành động như vậy có hợp lý chăng?"

Vị Tỳ Kheo đáp: "Bạch Thế Tôn! Không như vậy được, Người ấy sẽ phải chết trước khi rõ biết các sự việc như vậy".

Phật dạy: "Ngươi cũng như vậy. Mũi tên tà kiến đã bắn vào thân ngươi rồi. Ngươi hãy mau mau nhổ mũi tên ấy ra, đừng bỏ phí thời gian để tìm hiểu những điều hý luận vô ích. Đến khi chết đến rồi, ngươi cũng vẫn chưa tìm được Giải Thoát, Giác Ngộ".

Vị Tỳ Kheo quá hổ thẹn, tư duy, thâm nhập lời Phật dạy, liền đắc quả vị A La Hán.

--o0o--

Lại nữa, Bồ Tát rõ biết Thật Tướng của các pháp, biết như vậy để không còn chấp pháp nữa. Như vậy gọi là Pháp Nhẫn.

Lại nữa, trong Phật pháp có rất nhiều pháp môn thanh tịnh, vi diệu. Nếu nhất tâm tín thọ, không nghi, mới là Pháp Nhẫn.

Như lời Phật dạy "**các pháp tuy KHÔNG, nhưng chẳng đoạn, chẳng diệt. Các duyên sanh pháp, tương tục vô thường, ở nơi mỗi niệm đều có sanh tội, phước. Các căn, các huệ chuyển biến không ngừng, niệm niệm không phân biệt, chẳng có trước sau. Trong vô lượng đời các nghiệp cảm nhân duyên là như vậy đó**".

Bồ Tát rõ biết 5 ấm, 12 nhập, 18 giới đều là Tự Tánh KHÔNG, mà chúng sanh mê muội chẳng biết, nên phải lưu chuyển mãi trong các nẻo đường sanh Tử. Như vậy đủ các pháp thậm thâm vi diệu. Bồ Tát tuy chưa được Đạo mà thường thâm tín thọ, không nghi. Như vậy gọi là Pháp Nhẫn.

Lại nữa, A La Hán, Bích Chi Phật chỉ cầu Niết Bàn thanh tịnh, còn Bồ Tát tuy chưa được Phật Đạo mà chỉ cầu Nhất Thiết Trí, lại vì thương xót chúng sanh, muốn biết rõ Thật Tướng các pháp. Như vậy gọi là Pháp Nhẫn.

Hỏi: *Thế nào gọi là "quán Thật Tướng các pháp?"*

Đáp: Quán biết các pháp chẳng thể hoại được, như vậy gọi là "quán Thật Tướng các pháp".

Hỏi: *Vì sao nói "Thật Tướng các pháp là tướng chẳng thể phá hoại được?"*

Đáp: Thật Tướng các pháp là tướng chẳng thể phá hoại được, như trong Phật pháp thường nói "hết thảy ngôn ngữ đều đoạn, hết thảy tâm hành đều diệt, thanh tịnh như tướng Niết Bàn".

Thật Tướng các pháp **chẳng phải là thường**. Vì sao? Vì nếu là thường thì chẳng có tội, chẳng có phước, chẳng cần phải tu hành, chẳng có Giải Thoát.

Lại nữa, Thật Tướng các pháp cũng **chẳng phải là đoạn diệt**. Vì sao? Vì nếu là đoạn diệt thì cũng chẳng có tội, chẳng có phước, chẳng có tăng, chẳng có giảm. Vì các quả báo nhân duyên không mất nên các pháp không đoạn diệt

Hỏi: *Vì sao nói "trong Phật pháp hết thảy pháp chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng thật có?"*

Đáp: Trong Phật pháp "Thường Pháp" và "Vô Thường Pháp" đều chẳng thật có.

Do duyên sanh pháp là bất sanh, bất diệt, bất tận, ví như hư không, mà phương tiện nói tướng của các pháp là thường.

Lại do 5 ấm, 12 nhập, 18 giới v.v. đều có các tướng sanh, trú, diệt, mà phương tiện nói tướng của các pháp là vô thường.

Hỏi: *Vì sao nói Thường và Vô Thường đều chẳng thật có?"*

Đáp: Các bậc Thánh dùng 2 lối diễn tả ý nghĩa. Đó là: Phương tiện ngữ và Chân thật ngữ.

Ví như, vì chúng sanh chấp "thường" nên Phật phương tiện nói "vô thường" để đối trị. Nói "vô thường" để chúng sanh nhàm chán, không còn chấp đắm dục lạc thế gian.

Phật muốn chúng sanh ly dục nên thuyết kệ rằng:

Nếu quán pháp Vô Sanh,
Tức ly được pháp Sanh.
Nếu quán pháp Vô Vi,
Tức ly pháp hữu vi.

Hỏi: *Thế nào gọi là "Pháp sanh?"*

Đáp: Pháp do duyên hòa hợp mà có nên gọi tà Pháp Sanh. Do duyên hòa hợp mà có nên là vô thường, là không tự tại. Do duyên hòa hợp mới có các tướng Sanh, Già, Bệnh, Chết… Đã có tướng, thì tướng sẽ phải bị hoại. Như vậy **Pháp Sanh là pháp hữu vi.**

Nên biết, do Đối Trị Tất Đàn mà nói có "thường", "vô thường", nhưng cả hai đều chẳng phải là Thật Tướng. Nói "Thường" hay nói "Vô Thường" cũng đều lầm lỗi như nhau.

Lại nữa, nói "Chẳng phải thường", hay nói "chẳng phải vô thường" cũng không thể được. Vì sao ? Vì nói "chẳng phải thường" là nhằm phá "Vô thường", nói "Chẳng phải vô thường" nhằm phá "thường" vậy. Cũng ví như nói "chẳng phải có" nhằm phá "không", nói "chẳng phải không" nhằm phá "có". CÓ và KHÔNG đều chẳng thật. Cũng như vậy, **"thường"**

và "vô thường" đều là những tướng hữu vi, chẳng phải là Thật Tướng.

Hỏi: *Trong Phật pháp có nói về "Vô tướng", chẳng phải CÓ, chẳng phải KHÔNG. Ngoại Đạo cũng có nói đến "chẳng phải CÓ, chẳng phải KHÔNG". Như vậy có gì sai khác?*

Đáp: Phật pháp nói "Thật Tướng các pháp là chẳng phải CÓ chẳng phải KHÔNG", nhưng chẳng có trú, chẳng có chấp.

Còn Ngoại Đạo tuy cũng nói về "chẳng phải CÓ**,** chẳng phải KHÔNG", nhưng có trú chấp, nên rơi vào hý luận.

Lại nữa, Phật pháp tùy duyên mà nói "chẳng phải CÓ, chẳng phải KHÔNG" mà chẳng có chấp đắm nên chẳng có thể phá hoại được.

Tất cả 14 nạn vấn của Ngoại Đạo đều chẳng thật có dẫn đến 62 tà kiến chấp của Ngoại Đạo cũng đều chẳng thật có.

Phải tin nơi Phật pháp thanh tịnh thì tâm mới được thanh tịnh, mới chẳng còn bị các tướng bên ngoài làm lay chuyển. Như vậy mới gọi là Pháp Nhẫn.

Lại nữa, CÓ và KHÔNG là hai bên đối đãi. Chấp "có Sanh" là chấp "hữu tướng", chấp "có hoại" là chấp "vô tướng". Chúng sanh phần nhiều chấp cả hai bên, mà cả hai bên đều chẳng thật có. Vì sao? Vì chấp trước CÓ nay KHÔNG thì đọa về đoạn kiến. Hết thảy các pháp đều do duyên hòa hợp, mà giả danh CÓ. Do duyên hòa hợp mà có tướng sanh, mà tướng sanh cũng là giả danh, là bất khả đắc vậy.

Hỏi: *Vì sao nói "Các pháp do duyên hòa hợp sanh, chỉ là giả danh có, và đều là bất khả đắc cả?"*

Đáp: Các pháp do duyên hòa hợp mà giả danh có, nhưng thật ra chẳng do ai làm ra cả. Vì nếu pháp là thật có thì chẳng cần dùng đến tâm thức để hay biết, mà đã dùng tâm thức để hay biết thì có cũng chẳng phải là CÓ vậy. Vì như tướng cứng do thân căn xúc chạm mà biết. Nếu chẳng có thân căn thì cũng chẳng có tướng cứng vậy.

Hỏi: *Dù thân căn có biết, dù thân căn không biết thì đất đá vẫn thường có tướng cứng. Như vậy vì sao nói "Nếu chẳng có thân căn thì cũng chẳng có tướng cứng?"*

Đáp: Vì do trước đã từng nghe nói đến tướng cứng, nên nay mới biết tướng cứng. Nếu như trước đó chẳng bao giờ nghe nói đến tướng cứng, thì nay cũng chẳng có tướng cứng.

Lại nữa, nếu nói "tướng của đất, của đá là thường cứng", thì vì sao pha trộn với một số chất khác, đất đá có thể trở thành mềm ?

Lại nữa, như tướng của nước là lỏng, nhưng vì sao khi gặp khí lạnh, nước lại đông thành nước đá? Vì sao khi được đun sôi, nước lại bốc thành hơi nước? Như vậy **vật chất chẳng có tướng nhất định**.

Các nhà Bác Học có thể biến đổi chất này thành chất khác, Có làm thành KHÔNG, KHÔNG làm thành CÓ.

Các bậc Hiền Thánh, khi nhập thiền định, có thể khiến nước biến thành đất đá, đất đá biến thành nước v.v...

Như vậy các pháp đều có thể biến chuyển. Ví như do tham sân, si mà khởi chấp có, rồi sanh ra các kiến phược, khởi đấu tranh. Bởi vậy nên mới có Sanh Pháp.

Lại nữa, do mê muội mà chúng sanh đắm chấp pháp, chẳng phải là pháp đã khiến chúng sanh đắm chấp vậy. Nên biết, Pháp có hai thứ. Đó là: Pháp Sắc và Pháp Vô Sắc.

Pháp Sắc khi chia chẻ đến cực vi trần, sẽ tán diệt, chẳng còn gì nữa. Như vậy là vô thường, là KHÔNG, nên nói là chẳng thật có. Thời gian của một lần khảy móng tay có đến 60 sát na, trong đó tâm tham, sân, si sanh diệt tương tục. Thế nhưng, khi dùng trí huệ quán thì tín tâm thanh tịnh cũng sanh diệt tương tục như vậy. Quán tâm sanh diệt như quán dòng nước chảy tương tục, như quán ngọn đèn cháy do dầu tương tục thấm vào tim đèn, lại quán các pháp thiện, pháp ác bình đẳng. Quán được như vậy thì chẳng đọa về hai chấp "CÓ, KHÔNG".

Bồ Tát có tín lực vững mạnh mới biết như vậy, nên gọi là Tín Nhẫn.

Lại nữa, Bồ Tát do thiền định mà tâm được sáng suốt, nên chẳng thấy có pháp nào có tướng nhất định cả.

Bồ Tát ở nơi các pháp đều chẳng thọ, chẳng nghi, thường nhẫn, nên gọi là Pháp Nhẫn.

Phàm phu do vô minh che tâm mà đối với các pháp hữu vi là các pháp vô thường, khổ, vô ngã, chấp là thường, là lạc là ngã, đối với các pháp Tự Tướng KHÔNG mà chấp là thật có. Do chuyển tướng các pháp nên có chấp "CÓ – KHÔNG" vậy.

Bồ Tát dùng trí huệ phá được vô minh, rõ biết Thật Tướng các pháp, rõ biết được Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã nên chẳng còn chấp pháp.

Như vậy gọi là Pháp Nhẫn.

Lại nữa, Bồ Tát rõ biết các pháp từ vô thỉ đến nay chuyển biến tương tục, không ngừng, nên chẳng còn chấp pháp. Như vậy gọi là Pháp Nhẫn.

Hỏi: *Nếu nói "Các pháp từ vô thỉ đến nay vẫn thường KHÔNG, nay cũng là KHÔNG. Như vậy là ác tà kiến rồi. Vì sao lại cho là Pháp Nhẫn?*

Đáp: Nếu quán các pháp rốt ráo là KHÔNG, mà tâm **chấp tướng** KHÔNG ấy mới là ác tà kiến.

Nếu quán các pháp rốt ráo KHÔNG, mà tâm chẳng chấp tướng KHÔNG ấy là chẳng có sanh ác tà kiến. Như vậy mới gọi là Pháp Nhẫn.

--o0o--

Bồ Tát tu Nhẫn Nhục chẳng thấy có pháp Nhẫn Nhục, chẳng thấy mình đang hành Nhẫn Nhục, cũng chẳng thấy có người đang đến mắng nhiếc mình, đến làm hại mình. Có đủ cả 3 pháp thanh tịnh như vậy, mới gọi là Thanh Tịnh Pháp Nhẫn.

Như vậy là Bồ Tát trú trong Thật Tướng Bát nhã Ba la mật, đầy đủ Sằn Đề Ba la Mật.

Hỏi: *Thế nào gọi là "Giữ tâm bất động?"*

Đáp: Bồ Tát trú trong Thật Tướng Bát nhã Ba la mật, đầy đủ Sằn Đề Ba la Mật nên tâm chẳng còn chấp đắm pháp, chẳng khởi sân nhuế, chẳng nói lời ác, chẳng làm điều ác, tâm thường thanh tịnh, bất động.

Bài thuyết giảng của Đại Trí Độ Luận bổ túc cho chánh văn đối với Hội này trong việc tu an nhẫn Ba la mật như vậy là quá đủ. Thực hành bài pháp này có thể đắc Sanh nhẫn và Pháp nhẫn thì chứng Thánh. Hơn nữa, chúng ta còn phải quán KHÔNG. Nếu quán thành công thì được tâm như như bất động. Tâm như như bất động tức được thanh tịnh hay nói khác là tịnh Đạo Bồ đề, chắc chắn đạt được vô vàn thiện căn công đức./.

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần mười ba

(Hội thứ XIII).

Tại sao Phật chọn Mạn Từ Tử (Purna, Punna hay Phú Lâu Na) làm người thuyết giảng an nhẫn Ba la mật của pháp hội thứ XIII này? Vì Mãn Từ Tử là một trong mười đại đệ tử có giới hạnh an nhẫn Ba la mật không ai bằng. Câu chuyện sau đây chứng tỏ điều đó:

Lúc Phật còn tại thế, Mãn Từ Tử xin Phật truyền đạo tại xứ Chronaparanta, một xứ nằm ở miền Tây Ấn, nổi tiếng thô bạo.

Phật hỏi Phú lâu na:

- Ông đã phát nguyện đem đạo pháp của ta đến truyền bá cho dân xứ ấy, nhưng nếu họ không nghe, mà còn dùng lời hung ác mắng chửi ông, ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn! Con nghĩ họ còn hiền thiện, vì họ không dùng cây đánh đập con hay lấy đá ném con.

Phật hỏi tiếp:

- Nếu họ lấy cây đánh hay dùng đá ném ông, ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn! Con nghĩ họ cũng vẫn còn hiền thiện, họ không chém giết, đánh đập con đến chết.

Phật lại hỏi:

- Nếu họ chém giết hay đánh đập ông đến chết, ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn! Họ là ân nhân của con, vì nhờ họ con thoát khỏi thân đau khổ, bỏ được cái bọc thúi tha, từ biệt thế gian khốn nạn này.

Đức Phật khen:

- Hay lắm! Ông nhẫn nhục được như vậy thì mới có thể qua xứ đó truyền đạo được.

Mãn Từ Tử qua xứ Chronaparanta truyền đạo không bao lâu, dân chúng xứ ấy qui đầu Phật đạo rất đông. Sau ông nhập Vô dư y Niết bàn tại xứ này. Về sau Phật thọ ký cho ông tương lai sẽ thành Phật, hiệu là Pháp minh Như Lai (Kinh Phú Lâu Na).

An nhẫn như ông Mãn Từ Tử mới thật đúng nghĩa an nhẫn Ba la mật. Người ta trừng (mắt) mình thì mình trừng lại, người ta cắn mình thì mình cắn lại (Oeil pour oeil, dent pour dent- Ngạn ngữ Pháp) tức "ăn miếng trả

miếng" thì ai cũng như ai. Thánh Kitô dạy rằng "Ai vả má con bên này, thì chìa má bên kia". Đó mới thực gọi là an nhẫn Ba la mật.

Phật đạo còn đi xa hơn thế nữa khi nói ***"phải khởi tâm từ bi để báo ơn ân đức"****, vì có bị đánh đập, lăng nhục mà an nhẫn tức chịu đựng mọi thử thách thì công hạnh mới vuông tròn. Không có lửa không thể thử được vàng. Người an nhẫn không những có lòng từ bi, mà còn là người có khí phách cao độ, đáng gọi là Thánh nhân.*

Chúng ta ngày ngày có thể ngâm 4 câu kệ sau đây để tự răn:

"Nhẫn, nhẫn, nhẫn, trái chủ oan gia từng thử tận
Nhiêu, nhiêu, nhiêu, thiên tiêu vạn họa nhất tề tiêu
Mặc, mặc, mặc, vô hạn thần tiên tùng thử đắc
Hưu, hưu, hưu cái thế công danh bất tự do".

Dịch:

Nhẫn, nhẫn, nhẫn thì những điều oan gia trái chủ từ đây dứt tận
Nhịn, nhịn. nhịn thì ngàn tai muôn họa thảy đều tiêu
Nín, nín, nín thì cảnh giới thần tiên do đây mà được
Thôi, thôi, thôi công danh to lớn chỉ làm mất tự do thôi.

Biết như vậy thì "nhẫn độ" chính là điều phục!

Sau đây là hai thí dụ khác biệt về nhẫn nhục của Tục đế và Thánh đế:

1- Nhưng nhẫn có nhiều loại. Hàn Tín luồn trôn tên thất phu bán thịt giữa chợ bị mọi người cười chê, trở thành người hùng, cùng với Trương Lương và Tiêu Hà, hợp thành "Hán sơ tam kiệt", có công rất lớn giúp Hán Cao Tổ Lưu Bang đánh bại Hạng Vũ, lập nên nhà Hán trị vì hơn 400 năm.

2- Nước Việt khi xưa có một vì vua tên là Câu Tiển biết đánh không lại quân Ngô, nên hàng phục Phù Sai, chịu làm thân nô lệ để cứu nước. Mỗi lần Phù Sai đi chơi, bắt Câu Tiển dắt ngựa. Người nước Ngô trông thấy, cười bảo nhau: Vua nước Việt đó! Câu Tiển cắn răng gầm mặt, không nói không rằng. Câu tiển phải nằm gai nếm mật nhiều năm chờ ngày phục hận. Có lần vua Phù Sai lâm bệnh, Câu Tiển

nếm phân Phù Sai để tỏ lòng trung thành. Phù Sai tin là Câu Tiễn trung thành không tạo phản, nên tha. Câu Tiễn trở về nước Việt chiêu binh mãi võ, luyện tập binh sĩ, sau đó đánh bại được Phù Sai.

Gương kiên nhẫn của Hàn Tín hay Câu Tiễn đáng ca ngợi, mặc dù được xem là nhẫn nhục hơn người, nhưng nhẫn nhục đó có hậu ý, nên không được xem là an nhẫn Ba la mật. An nhẫn Ba la mật là lòng từ bi, không sân hận, kiên trì ẩn nhẫn chịu đựng mọi thử thách bất cứ trong trạng huống nào, không oán trách câm hận, giống như Phú Lâu Na. Đó mới chính là an nhẫn Ba la mật.

Trên đây chúng ta đã trì tụng xong ba pháp: Bố thí, Trì giới, An nhẫn Ba la mật. Đó là ba pháp tu hết sức khó khăn. Chỉ cần thực thi được một trong ba Ba la mật này cũng được lên cõi trời, hưởng phúc lạc sung sướng, nói chi đến việc tu đủ cả ba pháp môn bố thí, trì giới, an nhẫn. Đó chính là tu phước. Tập 1, cuốn 11, chương 18: "Tán Thán Đàn Ba La Mật", Đại Độ Trí Luận. Nói: "... người đại tuệ, bậc hữu tâm hay giác ngộ, biết thân như huyễn, tiền của không thể bảo toàn; vạn vật vô thường, chỉ có phước đức là có thể nương cậy, đưa người ra khỏi khổ, là bến thông đạo lớn". *(HT Thích Thượng Siêu dịch từ Hán sang Việt))*

Tóm lại, sân hận là tội lớn nhất trong các tội, tu nhẫn nhục để đoạn cái nhân này. Nên nói ***<u>tu nhẫn nhục để độ sân hận</u>****.*

Kế tiếp, chúng ta sẽ thọ trì pháp tu ***tinh tấn Ba la mật****. Tinh tấn là sức mạnh tinh thần cần thiết để vượt qua mọi thử thách thế gian. Người tinh tấn mới có thể thành công trong Đạo và Đời. Kẽ giải đãi tự độ đã khó hiến chi độ sanh.*

Tất cả pháp tu đều đưa đến: Phước đức và Trí tuệ. Tu bố thí, trì giới, an nhẫn là đi vào cửa <u>phước môn</u>. Tu tinh tấn, thiền định, Bát Nhã là đi vào cửa <u>trí môn</u>. ***Tập 1, quyển 15, Đại Độ Trí Luận giải Thích: "Tỳ Lệ Gia Ba La Mật".*** *Nói rằng:*

"Muốn thành Phật đạo, phàm có hai môn: 1- Phước đức, 2- Trí tuệ. Tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, là môn phước đức. Đại Bát nhã Ba la mật biết thật tướng hết thảy các pháp là môn trí tuệ. Bồ Tát nhập vào <u>phước đức môn</u> thì trừ hết thảy tội, sở nguyện đều thỏa mãn. Nếu không được thỏa mãn, là vì tội cấu ngăn che. Bồ Tát nhập vào <u>trí tuệ môn</u> thời không chán ngán sanh tử, không ưa vui Niết bàn, vì hai việc là một. Nay muốn

xuất sanh Đại Bát nhã Ba la mật thì phải nhân nơi thiền định môn, và **muốn có thiền định môn cần phải nhờ đến sức đại tinh tấn**. Vì sao? Vì ở Dục giới loạn tâm, không thể thấy được thật tướng của các pháp; ví như đèn ở giữa gió, ánh sáng không thể chiếu rõ vật, nhưng đèn ở trong nhà kín, ánh sáng chắc chắn chiếu rõ được.

Thiền định, trí tuệ ấy, không thể lấy phước đức mà cầu được, cũng không phải quán chiếu sơ sài mà được, mà phải thậm thâm tinh cần gấp rút bám chặt không giải đãi, mới thành tựu được. Như Phật từng nói dù cho huyết, thịt, mỡ, tủy kiệt hết, chỉ còn lại da, xương, gân cũng không bỏ tinh tấn, thời như vậy mới được thiền định, trí tuệ. Được hai việc này thời mọi việc đều xong. Do vậy nên tinh tấn đứng vào thứ tư, làm căn bản cho thiền định, trí tuệ chơn thật…"

*Lời giới thiệu này của Bồ Tát Long Thọ đủ chứng minh **vai trò quan trọng của "Tinh tấn Ba la mật" trong việc thành tựu thiền định trí tuệ** tức có thể đưa chúng sanh nhập vào cửa trí tuệ mà thong thả chèo thuyền mà sang sông./.*

Đến đây chấm dứt phần mười ba, Hội thứ XIII, ĐBN.

---o0o---

Xin đọc tiếp Hội thứ XIV, phần "Tinh Tấn Ba La Mật":

HỘI THỨ XIV
(Bố cục)

14. Hội thứ XIV: **Phần "Tinh Tấn Ba La Mật"**, 1 quyển. Nội dung đức Phật giải thích rõ cho Mãn Từ Tử về việc an trụ nơi Bát Nhã, ngăn dứt sáu tình, siêng chăm ba học*(1)*: Đó là con đường dẫn đến hoàn thành hạnh Bồ Tát.

---o0o---

PHẦN "TINH TẤN BA LA MẬT"

Tóm lược:

Quyển 590

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Bạc già phạm cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Bí sô trú tại vườn Cấp Cô Độc, ở rừng Thệ đa, tại thành Thất la phiệt.

Bấy giờ, cụ thọ Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, phải dùng **phương tiện gì để an trụ tinh tấn Ba la mật?**

Phật dạy:

- Mãn Từ Tử! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, khi mới phát tâm nên nghĩ: **Các vật sở hữu của ta, hoặc thân hoặc tâm, trước hết phải vì người khác làm việc lợi ích để tất cả sở nguyện được đầy đủ.**

Ví như người hầu phải suy nghĩ: Đi, đứng, nằm, ngồi đều theo ý chủ, không nên tự tại làm theo ý mình. Muốn từ nhà đi đến chợ phố v.v..., trước hết phải thưa hỏi chủ, sau đó mới đi. Muốn ăn uống chủ cho phép mới thọ dụng. Tất cả mọi việc đều theo ý chủ.

Đại Bồ Tát cũng vậy, muốn chứng Vô thượng Bồ đề, từ lúc mới phát tâm phải nghĩ như vầy: Sở hữu của ta, hoặc thân hoặc tâm đều không nên

tự tại mà chuyển, tùy theo sự nghiệp lợi ích của người khác, tất cả đều phải vì họ mà thành tựu đầy đủ.

Đại Bồ Tát như thế là nương tựa vào tinh tấn Ba la mật, không xa lìa tinh tấn Ba la mật, vì hữu tình nên làm việc đáng làm. Các Bồ Tát đối với tinh tấn Ba la mật nên trụ như thế.

Ví như ngựa quý, nếu có người cưỡi, nó liền nghĩ: Ta không nên làm cho thân thể người cưỡi lay động, mệt mỏi, khổ nhọc, hoặc hư tổn yên cương. Qua, lại, tới, lui, đi, đứng, nhanh, chậm đều theo ý người cưỡi để nhiếp hộ người ấy, không nên vì ta mà làm cho người kia phải khởi lên các tội lỗi giận dữ v.v...

Như thế chúng đại Bồ Tát muốn hành tinh tấn Ba la mật, không nên hành động tùy theo ý mình, phải theo ý thích người khác để làm lợi ích, nhiếp hộ người, để họ không khởi tất cả phiền não ác nghiệp với ta.

Người kia đối với đại Bồ Tát, tuy trước không mang ơn, nhưng các đại Bồ Tát vì người kia tưởng nhớ báo ơn để thành tựu sự nghiệp. Đại Bồ Tát như vậy là thành tựu tinh tấn Ba la mật, nhiếp hộ tâm người khác, tùy theo ý của người khác mà làm các việc lợi ích an lạc.

Thế nào là an trụ tinh tấn Ba la mật?

Đại Bồ Tát như thế là nhiếp hộ tinh tấn Ba la mật, làm cho các hữu tình được lợi ích an lạc, giống như sự nghiệp của mình, thường không nhàm chán. Đó là chúng **đại Bồ Tát an trụ tinh tấn Ba la mật**.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu đại Bồ Tát vì muốn mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, làm lợi ích lớn cho các hữu tình, thường nên tinh cần tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, tâm không thối chuyển. Đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát vì muốn mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, làm lợi ích lớn cho các hữu tình, thường nên tinh cần tu học, quán 18 pháp Không, thập nhị chân như, quán 12 duyên khởi theo hai chiều thuận nghịch, quán Tứ đế khổ tập diệt đạo, tinh cần tu học 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, tam giải thoát môn, 8 thắng xứ, 9 định thứ lớp, 10 biến xứ, tu học tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa, tinh cần tu học trí của Tam thừa cộng Thập địa hay Bồ Tát thập địa, tu học 5 loại mắt, 6 phép

thần thân, Như Lai 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng v.v... tâm không thối chuyển. Đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu đại Bồ Tát vì muốn làm cho cõi Phật thật trang nghiêm thanh tịnh, muốn thành thục các loài hữu tình thì nên ở lâu trong sanh tử, tu học các công đức, tâm không thối chuyển. Đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát lúc mới phát tâm Vô Thượng Chánh Giác, giả sử các loài hữu tình trong ba ngàn đại thiên thế giới đều thành Bồ Tát, hoặc còn ràng buộc một đời, hoặc còn ràng buộc hai đời, hoặc còn ràng buộc ba bốn đời... mới được thành Phật, nên nói như vầy: "Các vị phải tinh cần tu học Bồ Tát hạnh, để các vị chứng Vô thượng Bồ đề trước, ta sẽ chứng Vô thượng Bồ đề sau". Bấy giờ, Bồ Tát theo lời nói kia, tinh cần dõng mãnh, tâm không khiếp sợ. Đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát hoặc còn ràng buộc một đời, hoặc còn ràng buộc hai đời, hoặc còn ràng buộc ba đời, hoặc còn ràng buộc bốn đời mới được thành Phật, giả sử các loài hữu tình ở ba ngàn đại thiên thế giới mới phát tâm Vô thượng Bồ đề, nói như vầy: "Ngài hãy đợi chúng tôi chứng Vô thượng Bồ đề trước, rồi Ngài chứng Vô thượng Bồ đề sau". Bấy giờ, Bồ Tát theo lời nói kia, ở lâu trong sanh tử, tâm không thối chuyển. Đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát thấy hành khất đến xin những vật cần dùng, thì mặt không nên nhăn nhó, mắt không hiện tướng sân, chỉ nghĩ như vầy: Hữu tình như thế là thuận theo sự cầu Nhất thiết trí trí của ta, mau chóng tạo phương tiện cho người cầu xin. Đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát vì muốn tất cả hữu tình được an lạc, nên hoặc trải qua một kiếp, hoặc hơn một kiếp ở trong địa ngục lớn, chịu các khổ dữ dội, nhưng thân không động chuyển, tâm không thối lui. Đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát, giả sử số lượng ngày đêm đồng như đại kiếp, tích chứa ngày đêm này lại thành đại kiếp, trải qua nhiều thời gian như hằng hà sa số đại kiếp, ở trong đại địa ngục, chịu nhiều khổ não dữ dội, do chịu nhiều khổ não này nên muốn giúp cho một hữu tình được ra khỏi địa ngục, sanh ở cõi lành. Bấy giờ, **Bồ Tát hoan hỷ lãnh chịu**. Đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát nào nghe nói những việc này mà bộc lộ sự vui mừng, thề vì hữu tình lãnh chịu tất cả, tâm không thối chuyển, nên biết đây gọi là Bồ Tát an trụ tinh tấn Ba la mật. Nếu đại Bồ Tát nào nghe những việc như thế, mà tâm kia khiếp nhược, không hoan hỷ, lòng không muốn lãnh thọ, nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi.

Nếu đại Bồ Tát nào nghe các việc lành, tâm liên tục ưa thích thọ hành, nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật. Nếu đại Bồ Tát nào nghe các việc lành, không buộc niệm liên tục thọ hành, thì nên biết đây là Bồ Tát giải đãi.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Giả sử đại Bồ Tát quét đất ở châu Thiệm bộ này từ một chỗ rồi đến chỗ khác, quét khắp nơi rồi quay về chỗ cũ, khởi ý nghĩ: Ta phải xa lánh chỗ này lâu mới được. Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát làm việc này rồi, khởi ý nghĩ: Ta phải trở lại chỗ này mau. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát xây cất, sửa chữa Bảo tháp trải qua 1 ngày, rồi nghĩ: Ngày hôm nay sao dài quá! Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát làm việc này rồi, khởi nghĩ: Ngày hôm nay sao ngắn quá! Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát xây cất, **sửa sang Tăng già lam** *(chùa)* **trải qua 1 ngày**, rồi nghĩ: Ngày hôm nay sao lại quá dài! Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát làm việc này rồi, khởi nghĩ: Ngày hôm nay sao lại ngắn! Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát coi **sự nghiệp đã làm trong nửa năm**, khởi tưởng lâu dài, nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát coi sự nghiệp đã làm trong nửa năm như sự nghiệp đã làm trong một ngày, nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát coi **sự nghiệp đã làm trong một năm**, khởi tưởng lâu dài, nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát coi sự nghiệp đã làm trong một năm như làm trong một ngày, nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát coi **sự nghiệp đã làm trong nửa kiếp**, khởi tưởng lâu dài, nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát coi sự nghiệp đã làm trong nửa kiếp giống như sự nghiệp đã làm trong một ngày, nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát coi **sự nghiệp đã làm trong một kiếp**, khởi tưởng lâu dài, nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát coi sự nghiệp đã làm trong một kiếp giống như sự nghiệp đã làm trong một ngày, nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Các đại Bồ Tát **tu Bồ Tát hạnh không nghĩ kiếp số nhiều ít**, nghĩa là nghĩ ta phải trải qua bao nhiêu số kiếp mới chứng Vô Thượng Bồ đề. Nếu đại Bồ Tát suy nghĩ kiếp số mà phân biệt hạn kỳ, rồi mới tinh tấn dõng mãnh tu Bồ Tát hạnh cầu chứng Vô Thượng Bồ đề, nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát suy nghĩ như vầy: Dù trải qua vô lượng, vô biên đại kiếp, tinh tấn dõng mãnh tu Bồ Tát hạnh, mới chứng được Vô thượng Bồ đề, ta nhất định không sanh tâm thối lui, siêng năng cầu Vô thượng Bồ đề. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật, tu hành tinh tấn Ba la mật khiến cho mau viên mãn, xa lìa sanh tử, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, làm lợi ích lớn cho các hữu tình.

Nếu đại Bồ Tát suy nghĩ kiếp số mà giới hạn, phân biệt, tuy rất dõng mãnh thường siêng năng tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, nhưng cũng gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát suy nghĩ như vầy: Dù trải qua vô lượng, vô biên đại kiếp, nỗ lực dõng mãnh thường xuyên tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật mới được viên mãn, mới chứng Vô thượng Bồ đề, ta nhất định không sanh tâm thối lui. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Nếu đại Bồ Tát **suy nghĩ kiếp số mà giới hạn, phân biệt**, tuy rất dõng mãnh thường siêng năng tu học trí 18 pháp Không, 12 pháp chân như, 12 duyên khởi theo hai chiều thuận nghịch, siêng năng tu học trí Thánh đế khổ, hoặc khổ, hoặc vô thường, hoặc Không, hoặc vô ngã; trí Thánh đế tập, hoặc nhân, hoặc tập, hoặc sanh, hoặc duyên; trí Thánh đế diệt, hoặc diệt, hoặc tĩnh, hoặc diệu, hoặc ly; trí Thánh đế đạo, hoặc đạo, hoặc như, hoặc hành, hoặc xuất, tu học 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, tam giải thoát môn, 8 thắng xứ, cho đến tu học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, siêng năng tu học tất cả Bồ Tát hạnh... nhưng cũng gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát suy nghĩ như vầy: Dù trải qua vô lượng, vô biên đại kiếp, nỗ lực dõng mãnh thường xuyên tu học tất cả các pháp mầu Phật đạo nói trên, mới được viên mãn, mới chứng

Vô Thượng Bồ đề, ta nhất định không sanh tâm thối chuyển. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu có lời khuyến thỉnh đại Bồ Tát: "Ngài nên vì tôi trong một ngày phá vỡ núi chúa Diệu Cao". Nếu hỏi lại: "Lượng núi chúa Diệu Cao thế nào mà ông bắt tôi đập phá làm bao nhiêu phần?" Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu suy nghĩ như vầy: Dù núi chúa Diệu Cao lớn hay nhỏ, trong một ngày tôi sẽ vì ông mà đập phá ra như hạt cải, hoặc như vi trần. Tuy trải qua nhiều thời gian mới đập phá được, nhưng ý vị kia cho rằng như chỉ trong chốc lát. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn.

Nếu đại Bồ Tát suy nghĩ: Giả sử hằng hà sa số đại kiếp làm thành một ngày đêm, tích lũy ngày đêm lại thành đại kiếp, dù trải qua vô lượng đại kiếp như vậy tu Bồ Tát hạnh mới chứng Vô thượng Bồ đề, thì trong thời gian đó tâm tôi cũng không thối chuyển, huống chi không có việc này mà chẳng siêng năng cầu? Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn.

Nếu Bồ Tát khi nghe thuyết tướng tinh tấn như thế, bộc lộ sự vui mừng, tâm không khiếp sợ, nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn. Nếu Bồ Tát khi nghe thuyết tướng tinh tấn như thế, tâm kia thối lui, hoang mang, sanh lòng sợ hãi, nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi, không thể mau đắc Nhất thiết trí trí.

Nếu đại Bồ Tát nghe thuyết tinh tấn Ba la mật, suy nghĩ như vầy: Biết khi nào mới thành tựu công đức thù thắng khó chứng như thế. Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát nghe thuyết tinh tấn Ba la mật, suy nghĩ như vầy: Công đức như thế ta đều có đủ, ta phải nhất định tu tập để mau tiến đến bờ bên kia. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn.

Nếu có người đến xin tay, chân..., Bồ Tát liền nghĩ: Nếu ta cho người kia thì sẽ không tay, không chân, không đầu! Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu có người đến xin tay, chân, đầu của đại Bồ Tát, Bồ Tát liền suy nghĩ: Ta đem cho người kia, sẽ được tay, chân, đầu vô thượng vi diệu của trời, người, A tu la v.v... Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn.

Nếu có người đến xin mắt, tai của đại Bồ Tát, Bồ Tát liền nghĩ: Ta đem cho người kia, thì không còn mắt, tai. Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu có người đến xin mắt, tai của đại Bồ Tát, Bồ Tát liền nghĩ: Ta bố thí cho người kia thì sẽ được mắt, tai vô thượng giống như thắng trí của

trời, người, A tu la v.v... Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, xa lìa nhị thừa, thân cận Nhất thiết trí trí.

Nếu có người đến xin lóng đốt từng phần nơi thân của đại Bồ Tát, Bồ Tát liền nghĩ: Nếu ta đem cho người kia thì bị thiếu các lóng đốt nơi thân. Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu có người đến xin lóng đốt từng phần nơi thân của đại Bồ Tát, Bồ Tát liền nghĩ: Ta đem cho người ấy, sẽ được các lóng đốt thân phần Phật pháp Vô thượng, pháp Nhất thiết trí của trời, người, A tu la v.v... Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn.

Nếu có người đến xin nhiều thứ của đại Bồ Tát, Bồ Tát liền nghĩ: Người này xin rất nhiều, như vậy thì làm sao thực hiện đầy đủ ý nguyện đó. Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu có người đến xin nhiều thứ của đại Bồ Tát, Bồ Tát liền nghĩ: Xin như thế chưa là nhiều. Giả sử các loài hữu tình ở hằng hà sa số thế giới, trong một ngày đều đến xin ta các thứ cần dùng, ta nên dùng phương tiện tìm kiếm tiền tài, châu báu khắp nơi để cho họ đầy đủ; huống chi chỉ bấy nhiêu đó mà không cho? Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn.

Vì sao? Vì nếu đại Bồ Tát muốn dẫn dắt hiển lộ vô lượng Phật pháp, pháp Nhất thiết trí, chẳng phải dùng tinh tấn có hạn lượng bố thí mà có thể dẫn dắt hiển lộ vô lượng Phật pháp, pháp Nhất thiết trí, cốt yếu là phải mặc áo giáp, đội mũ tinh tấn bố thí vô lượng rộng lớn, mới có thể dẫn dắt vô lượng Phật pháp, pháp Nhất thiết trí.

Ví như có người muốn qua biển lớn, điều cốt yếu trước hết là phải chuẩn bị đầy đủ các thứ tư lương trong nhiều do tuần, hơn trăm do tuần, hơn ngàn do tuần, hơn trăm ngàn do tuần, sau đó mới đi. Chúng đại Bồ Tát cũng vậy, muốn chứng Vô thượng Bồ đề, cần phải trải qua vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp, tu tập tư lương, sau đó mới chứng. Nếu đại Bồ Tát nào suy nghĩ: Ta có hạn lượng, có bến bờ đại kiếp cầu chứng Vô thượng Bồ đề. Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát nào suy nghĩ: Ta không giới hạn số lượng, không giới hạn bến bờ đại kiếp cầu chứng Vô thượng Bồ đề. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát tinh tấn như thế đâu gọi là khó?

Thế Tôn dạy:

- Ngươi cho rằng chúng đại Bồ Tát tinh tấn như thế chẳng phải khó sao?

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát tinh tấn như thế, con cho rằng chẳng phải khó. Vì sao? Vì Phật thuyết các pháp đều như huyễn, cảm thọ vui buồn... và các điều dẫn đến sự cảm thọ khác đều như huyễn, Bồ Tát đã thông đạt thật tánh các pháp như thế thì tinh tấn có gì khó?

Thế Tôn bảo Mãn Từ Tử:

- Nên biết, chúng đại Bồ Tát tuy biết các pháp đều như huyễn, nhưng vẫn phát khởi tinh tấn thân tâm, an trụ tinh tấn Ba la mật, cầu đại Bồ đề thường không ngưng nghỉ. Do đó, tinh tấn như vậy rất là khó đối với chúng đại Bồ Tát.

Mãn Từ Tử liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ. Bạch Thiện Thệ! Thật hi hữu. Khéo thuyết tinh tấn rất khó của chúng đại Bồ Tát. Nên biết chúng đại Bồ Tát có thể làm những việc khó. Tuy biết các pháp hoàn toàn vô sở hữu nhưng vẫn cầu Vô thượng Bồ đề, vì muốn thuyết cho vô biên các loài hữu tình, chấm dứt Chánh pháp vô trí. Nhưng các pháp vô trí thật vô sở hữu, cũng không thật, chấp vô trí là vì ngã và ngã sở, cũng không có hữu tình nghĩ như vầy: Đây là ngã và ngã sở chơn thật.

Như vậy, **vô trí là do nhân duyên hòa hợp cho nên sanh mà thật không sanh; duyên xa lìa cho nên diệt mà thật không diệt.**

Đại Bồ Tát tuy biết như thế nhưng tâm không thối chuyển, đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn.

Nếu đại Bồ Tát nghĩ như vầy: **Các pháp đều Không**, bây giờ ta phải làm sao phát khởi tinh tấn Ba la mật? Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát nghĩ như vầy: Vì tất cả pháp hoàn toàn Không, cho nên ta cầu Vô thượng Bồ đề, hiểu rõ các pháp là Không, thuyết cho hữu tình khiến cho họ thoát các khổ sanh tử trong năm đường. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn.

Nếu đại Bồ Tát nghĩ như vầy: Sanh tử không ngằn mé, ta đâu có thể làm cho họ đều được diệt độ. Nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát nghĩ như vầy: Sanh tử vô thủy nhưng có chấm dứt, sao ta lại không làm cho họ diệt độ. Giả sử tinh tấn cầu đại Bồ đề dù từ vô thỉ đến nay đã trải qua nhiều kiếp số, sau đó mới chứng, ta cũng cầu huống chi không trải qua nhiêu kiếp số. Lại nghĩ: Các Bồ Tát ưa thích tu tập tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, như lúc phát tâm thời gian trôi qua thấm thoát một

ngày, nửa tháng, một tháng, một năm, hai năm v.v... mà vẫn không hay không biết. Nếu các Bồ Tát ưa thích tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, làm cho tâm thanh tịnh hoàn toàn chẳng có suy nghĩ. Hiểu rõ bao nhiêu ngày đêm, nửa tháng, một tháng, một năm, hai năm v.v... đã qua. Vì vậy, việc cầu Bồ đề rất dễ đắc, không nên sợ hãi thời gian dài mà càng tinh tấn. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn.

Ví như trưởng giả cầu nhiều của cải, ngày đêm siêng năng suy nghĩ tìm phương tiện, thường nghĩ: Phải cần thời gian bao lâu, ta mới được nhiều của cải cho thỏa mãn sở nguyện. Do đó không rảnh để mong cầu việc uống ăn.

Đại Bồ Tát cũng vậy, muốn cầu sáu pháp Ba la mật để tâm được thanh tịnh, nên tinh cần tu tập tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, như vừa mới phát tâm đã qua ngày đêm, nửa tháng, một tháng, một năm, hai năm v.v..., thường suy nghĩ: Chừng nào ta sẽ được vật báu Nhất thiết trí lợi ích cho hữu tình?

Khi ấy, Mãn Từ Tử liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát mặc áo giáp đại tinh tấn như tinh cần cầu báu công đức Vô thượng của Phật, làm lợi ích hữu tình. Đúng thật như Thế Tôn thường thuyết: Tất cả Bồ Tát có thể làm những việc khó làm.

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Ta xem tất cả thế gian, trời, người v.v... không đầy đủ công đức hiếm có như các đại Bồ Tát, ngoại trừ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Khi ấy, Mãn Từ Tử bèn rời khỏi tòa đứng dậy, chệch y che vai bên trái, gối phải quỳ chấm đất, chắp tay cung kính, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các loài hữu tình ở Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên, dưới, vô biên thế giới trụ Bồ Tát thừa. Ai chưa phát tâm Vô thượng Bồ đề nguyện mau chóng phát tâm. Ai đã phát tâm Vô thượng Bồ đề nguyện cho vĩnh viễn không thối chuyển. Nếu ai đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không thối chuyển, thì nguyện cho mau viên mãn Nhất thiết trí trí.

Phật hỏi Mãn Từ Tử:

- Ngươi quán nghĩa nào mà nguyện các Bồ Tát mau được viên mãn Nhất thiết trí trí?

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu không có Bồ Tát, thì không có chư Phật xuất hiện thế gian. Nếu không có chư Phật xuất hiện thế gian, thì không có chúng Bồ Tát và Thanh văn. Cần có Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh mới có chư Phật xuất hiện thế gian. Vì có chư Phật xuất hiện thế gian mới có chúng Bồ Tát và Thanh văn.

Ví như cây lớn do có gốc thân nên có nhánh lá. Do có nhánh lá nên có hoa quả. Do có hoa quả nên lại sanh cây con. Như vậy, thế gian do có Bồ Tát nên có chư Phật xuất hiện thế gian. Do có chư Phật xuất hiện thế gian nên có chúng Bồ Tát và Thanh văn. Do có Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, lại có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện thế gian làm lợi ích lớn.

Phật khen Mãn Từ Tử:

- Lành thay! Lành thay! Đúng như lời thầy nói.

Khi ấy, Phật bảo A Nan Đà:

- Ngươi nên thọ trì tu tinh tấn Ba la mật như áo giáp tinh tấn mà các chúng Bồ Tát đã mặc, đừng để quên mất.

A Nan Đà bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thọ trì tu tinh tấn Ba la mật như áo giáp tinh tấn của các chúng Bồ Tát đã mặc, chắc chắn không bao giờ quên mất.

Khi đức Bạc già phạm thuyết Kinh này, cụ thọ Mãn Từ Tử, cụ thọ Xá Lợi Tử, cụ thọ A Nan Đà và các chúng Thanh văn, Bồ Tát cùng tất cả trời, rồng, Dược xoa, A tu la v.v... nghe Phật thuyết đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

Thích nghĩa:

(1). Ba học hay gọi là ba thứ học. Có hai loại: 1- Tam hữu lậu học, và 2- Tam vô lậu học. Tuy Kinh không nói rõ loại nào, nhưng Kinh nói về tinh tấn Ba la mật của Bồ Tát, nên có thể hiểu Kinh muốn đề cập đến Tam vô lậu học tức giới, định và huệ.

Sơ giải:

1. Thế nào là an trụ tinh tấn Ba la mật?

Muốn chứng Vô thượng Bồ đề, từ lúc mới phát tâm Bồ Tát phải nghĩ như vầy: Sở hữu của ta hoặc thân hoặc tâm đều không tự tại chuyển, mà

phải tùy thuận lợi ích của người khác, tất cả đều phải vì hữu tình mà thành tựu đầy đủ.

*Các đại Bồ Tát như thế là nương vào tinh tấn Ba la mật, vì hữu tình nên làm việc đáng làm. Các đại Bồ Tát đối với tinh tấn Ba la mật nên trụ như thế. Giống như ngựa khôn, không muốn làm cho chủ mệt nhọc, tức giận, nên không chạy nhảy theo ý mình mà chạy theo ý muốn của chủ, dù bị hành hạ hay ngược đãi. Cũng vậy, đại Bồ Tát muốn hành tinh tấn Ba la mật, không nên hành động tùy theo ý mình, phải theo ý thích chúng sanh để làm lợi ích, nhiếp hộ chúng sanh để họ không khởi phiền não ác nghiệp với ta. Đại Bồ Tát như vậy là thành tựu tinh tấn Ba la mật, nhiếp hộ tâm người khác, tùy theo ý của người khác làm các việc lợi ích an lạc chung. Đó là **đại Bồ Tát an trụ tinh tấn Ba la mật**.*

- *Nếu đại Bồ Tát vì muốn mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, làm lợi ích lớn cho các hữu tình, thường nên tinh cần tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, tâm không thối chuyển. Đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật.*

- *Nếu đại Bồ Tát vì muốn mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, làm lợi ích lớn cho các hữu tình, thường nên tinh cần tu học, quán 18 pháp Không, các pháp chơn như, pháp giới cho tới bất tư nghị giới, Tứ đế, thập nhị nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 3 giải thoát môn, 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ, Như Lai 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả cho đến nhất thiết chủng trí, v.v… nói chung là tất cả các pháp mầu Phật đạo, tâm không thối chuyển, tức đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật.*

- *Nếu đại Bồ Tát vì muốn làm cho cõi Phật thật trang nghiêm thanh tịnh, thì **nên ở lâu trong sanh tử**, tu học các công đức, tâm không thối chuyển. Đó là đại Bồ Tát này an trụ tinh tấn Ba la mật.*

- *Nếu đại Bồ Tát muốn giúp cho một hữu tình ra khỏi địa ngục, sanh ở cõi lành phải chịu nhiều khổ ải trong vô số kiếp, Bồ Tát vẫn hoan hỷ lãnh chịu. Bồ Tát này như vậy là an trụ tinh tấn Ba la mật. Nếu đại Bồ Tát nào nghe những việc như thế, tâm sanh khiếp nhược, không muốn lãnh thọ, nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi tức xa lìa an trụ tinh tấn Ba la mật.*

2. Thế nào là tinh tấn? Thế nào giải đãi?

Tu tập, học hành kiên nhẫn với quyết tâm dũng mãnh… không kể là công việc lớn nhỏ, nhiều ít, khó dễ, lâu mau. Nếu Bồ Tát luôn nghĩ tới thời gian, số kiếp, tâm phân biệt, giới hạn… tuy rất dõng mãnh thường siêng tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, nhưng cũng gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát suy nghĩ như vầy: Dù trải qua vô lượng, vô biên đại kiếp, nỗ lực dõng mãnh thường xuyên tu học sáu Ba la mật sâu thẩm mới được viên mãn, mới chứng được Vô thượng Bồ đề, ta nhất định không sanh tâm thối lui. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Nếu đại Bồ Tát ***suy nghĩ kiếp số mà giới hạn, phân biệt****, tuy rất dõng mãnh thường siêng năng tu học 18 pháp Không, 12 pháp chân như, 12 duyên khởi, siêng năng tu học Tứ đế, 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, tam giải thoát môn, cho đến Nhất thiết tướng trí; siêng năng tu học tất cả Bồ Tát hạnh... nhưng cũng gọi là Bồ Tát giải đãi. Nếu đại Bồ Tát suy nghĩ như vầy: Dù trải qua vô lượng, vô biên đại kiếp, nỗ lực dõng mãnh thường xuyên tu học tất cả các pháp mầu Phật đạo nói trên, mới được viên mãn, mới có thể chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ta nhất định không sanh tâm thối chuyển. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí.*

Nếu đại Bồ Tát suy nghĩ: Giả sử hằng hà sa số đại kiếp thu lại thành một ngày, rồi tích lũy ngày đêm lại thành đại kiếp, dù trải qua vô lượng đại kiếp như vậy tu Bồ Tát đạo mới chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì trong thời gian đó tâm cũng không thối chuyển. Nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn.

Nếu Bồ Tát khi nghe thuyết tướng tinh tấn như thế, bộc lộ sự vui mừng, tâm không khiếp sợ, nên biết đây gọi là Bồ Tát tinh tấn. Nếu trái lại, khi nghe thuyết tướng tinh tấn như thế, tâm thối lui, nên biết đây gọi là Bồ Tát giải đãi, chẳng thể chứng Nhất thiết trí trí. Nếu không chứng nổi Nhất thiết trí trí thì làm sao độ chúng sanh.

Kinh đã thí dụ quá nhiều nên không cần lặp lại. Đây chỉ là lối thuyết pháp theo trần thuật dễ hiểu, đọc qua ai cũng có thể hiểu nên không cần dong dài!

---o0o---

Nội dung của phần "Tinh Tấn Ba La Mật" của Kinh ĐBN chỉ có thế. Rất dễ đọc ai cũng có thể hiểu. Tuy nhiên, để thâm nhập pháp môn này, cũng giống như ba phần trước là Bố thí, Tịnh giới và An nhẫn Ba La Mật, chúng tôi trích dẫn ***phẩm thứ nhất, "Tỳ Lệ Gia Ba La Mật", Tập 1, quyển 14, Đại Trí Độ Luận****, để chúng ta có thể áp dụng pháp môn này trong cuộc sống thật tế, tu học mau hoàn hảo hơn.*

Tỳ Lệ Gia Ba La Mật.

(Đại Trí Độ Luận)

Hỏi: *Vì sao lại xếp Tinh Tấn sau Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục?*

Đáp: Vì người thế gian vẫn thường hành Bố Thí, Trì Giới và Nhẫn Nhục.

Bố Thí là do tánh tốt muốn giúp đỡ người khác. Chẳng cần phải siêng năng, tinh tấn cũng có thể làm việc bố thí được.

Trì Giới là do tánh tốt, chẳng muốn làm việc ác. Cũng có trường hợp vì sợ mang tội mà phải trì giới.

Nhẫn Nhục là do Tánh tốt, chẳng muốn chống trả lại người đến mắng nhiếc, hành hung mình. Cũng có trường hợp vì cầu Hiếu Đạo, vì cầu Phật Đạo... mà phải tự nhẫn.

Nay muốn rõ Thật Tướng các pháp, muốn tu Thiền Định, muốn tu Trí Huệ, thì cần phải tinh tấn, phải nhất tâm.

Lại nữa, muốn vào Phật Đạo phải song tu "Phước-Huệ":

- Trước tu Bố Thí, Trì Giới và Nhẫn Nhục để được phước đức.
- Nay tu Tinh Tấn để được Vi Diệu Thiền Định, Trí Huệ.

Chẳng phải do nhàm chán Sanh Tử, cũng chẳng phải do cầu được vui cõi Niết Bàn mà có thể vào được cửa Trí Huệ. Hành giả phải tinh tấn tu thiền mới vào được vậy. Vì sao? Vì ở cõi Dục, do tâm thường bị loạn động, nên chẳng thấy được Thật Tướng các pháp. Thô quán chưa đủ, cốt phải thường tinh tấn, không giải đãi, mới được Thiền Định, Trí Huệ.

Hỏi: *Tu Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục được đại phước, rồi sau đó Thiền Định, Trí Huệ tự nhiên đến, cần gì phải tu Tinh Tấn?*

Đáp: Phật Đạo rất khó vào. Phải tinh tấn, không giải đãi mới thâm nhập được vào Thiền Định, mới thật có Trí Huệ.

Tu Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục tuy có được phước đức, nhưng chẳng thể vào được Đạo. Ví như vị Tỳ Kheo La Tần, đã được quả A La Hán, đi khất thực suốt 7 ngày chẳng được gì, đã không đủ tinh tấn, nhẫn nhục, nên ngay khi về đến tịnh xá liền nhập Hỏa Định tự thiêu thân vào Niết Bàn.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói "Chẳng phải có phước đức mà vào được Đạo; phải siêng năng, tinh tấn mới vào được Đạo vậy.

Hỏi: *Tinh Tấn có những lợi ích gì?*

Đáp: Ở ngoài đời cũng như trong Đạo, tất cả lợi ích đều do tinh tấn mà có được.

Muốn tự độ thân mình thường phải tinh tấn. Bồ Tát muốn độ hết thảy chúng sanh lại càng phải tinh tấn nhiều hơn nữa.

(…)Tinh tấn là căn bản của các pháp thiện. Hết thảy các pháp thiện đều từ tinh tấn sanh. Tinh tấn sanh phước đức, ví như trời mưa thấm ướt đất, làm cho hạt giống nảy mầm. Nếu không tinh tấn, thì phước đức không sanh.

Chư Bồ Tát kham nhẫn, thọ hết các khổ của chúng sanh, vào tận Địa Ngục để cứu khổ cho chúng sanh cũng nhờ nơi sức tinh tấn.

Nếu chẳng thường tinh tấn, thì không thành tựu được 4 Như Ý Túc, 5 Căn, 5 Lực, 7 Giác Chi, 8 Thánh Đạo... chẳng có thể vào được Phật Đạo.

Hỏi: *Bồ Tát muốn được hết thảy Phật pháp, muốn độ hết thảy chúng sanh, muốn diệt hết thảy phiền não, muốn tất cả đều được như ý, mà tinh tấn chỉ là một mồi lửa nhỏ, thì làm sao có thể thiêu cháy trọn hết thảy các nghiệp được?*

Đáp: Bồ Tát từ sơ phát tâm, muốn hết thảy chúng sanh được hoan hỷ, thường làm lợi ích cho chúng sanh mà chẳng hề tiếc thân mạng. Vì sao? Vì nếu tiếc thân mạng thì chẳng có thể làm được việc lợi ích cho chúng sanh. Do vậy mà Bồ Tát bỏ tâm giải đãi, thường tu tinh tấn, tự nghĩ rằng: "Giải đãi như đám mây đen che lấp trí huệ, chẳng cho tăng trưởng. Giải đãi là pháp bất thiện, chỉ tạo niềm vui trong chốc, mà dẫn sanh bao nhiêu

nỗi khổ về sau. Giải đãi ví như món ăn có tạp độc giết Huệ Mạng. Giải đãi ví như lửa dữ thiêu đốt cả rừng công đức.

(…)Trí Huệ do tinh tấn sanh. Bồ Tát rõ biết hết thảy pháp đều là tự tánh KHÔNG, nhưng vì thương xót chúng sanh, nên vẫn tinh tấn hành các pháp thiện, mà chẳng vội chứng Niết Bàn. Như vậy mới gọi là Tỳ Lê Gia Ba la Mật.

Bồ Tát dùng sức tinh tấn phá ma quân, phá giặc kiết sử, mà được hành Phật Đạo. Bồ Tát tuy rõ biết hết thảy pháp là "Vô tướng" vẫn dùng đủ mọi phương tiện nhằm độ thoát chúng sanh, khỏi các khổ "Sanh, Già, Bệnh, Chết". Đến khi diệt độ, Bồ Tát nhập vào Kim Cang Tam Muội, xả báo thân như xả bỏ cỏ rác.

Trong Kinh có nêu các mẩu chuyện sau đây: Khi ngài A Nan vì các Tỳ Kheo, nói về 7 Giác Ý, Phật hỏi ngài A Nan rằng: "Này A Nan! ngươi nói về Tinh Tấn Giác Ý chăng?".

Phật hỏi ba phen. Ngài A Nan ba phen đáp: "Bạch Thế Tôn ! Đúng vậy".

Phật đứng dậy bảo ngài A Nan rằng : "Người ham dục lạc phải tu hành tinh tấn, có tu mới có đắc, không tu không đắc, phải đắc mới vào được Phật Đạo".

Có thời Phật dạy: "Người tu hành chẳng nên phóng dật. Ví như người đi đường xa, phải thường nhấc chân bước tới. Như vậy mới gọi là hành Tinh Tấn. Không để cho các việc đang làm, phải trì trệ, mới là không phóng dật. Được như vậy, mới thường sanh Tinh Tấn, mới dẫn đến Phật Đạo.

--o0o--

Bồ Tát vì muốn độ thoát chúng sanh mà thường Tinh Tấn, nhất tâm, không phóng dật. Ví như người bưng bát dầu đầy đi trong đại chúng, phải nhất tâm không buông lung, phóng dật, mới mong giữ được dầu không bị vung vãi ra bên ngoài.

Nhất tâm, không phóng dật được nhiều lợi ích, được an ổn ở đời này và cả ở đời sau.

Nhất tâm, không phóng dật khiến các nguyện đều được thành tựu. Chuyên tâm tu hành là phương tiện hữu hiệu để phá giặc phiền não kiết sử. Thường tư duy, Tinh Tấn dẫn đường vào Phật Đạo.

--o0o--

Lại nữa, Bồ Tát tu hành tinh tấn, chẳng tiếc thân mạng, miễn sao làm được lợi ích cho chúng sanh. Bởi vậy nên, khi đi, khi đứng, nằm, ngồi Bồ Tát vẫn thường hành Tinh Tấn, chẳng bao giờ xao lãng đạo nghiệp. Bồ Tát quyết tâm tinh tấn, dùng mọi phương tiện độ thoát chúng sanh ra khỏi nhà lửa ba cõi, ví như người bị nhà cháy quyết tâm tinh tấn, dùng sức nước dập tắt ngọn lửa, để cứu thoát người thân ra khỏi cơn nguy biến vậy.

Lại nữa, do nhân duyên thường quán Tinh Tấn mà Tinh Tấn càng được tăng trưởng thêm mãi, giúp Bồ Tát nhẫn thọ được mọi sự khổ đau, trong quá trình hành Đạo Bồ Tát. Khi gặp người đến hành hung, dẫn đến đòi xin đầu, mắt, tủy não... Bồ Tát vẫn tự nhẫn, tự nghĩ rằng: Ta có đầy đủ sức phương tiện Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Trí Huệ mà còn tiếc thân mạng chăng? Ta phải luôn luôn vì hết thảy chúng sanh siêng năng Tinh Tấn độ hết chúng sanh, đưa họ vào Phật Đạo.

Hỏi: *Tướng của Tỳ Lê Gia Ba La Mật như thế nào?*

Đáp: Ở nơi việc làm thường phấn khởi, chẳng bao giờ nản chí, lập ý kiên cố làm đến chỗ rốt ráo, như vậy là tướng của Tinh Tấn. Như lời Phật dạy "tướng của Tinh Tấn là tướng của thân tâm chẳng hề ngưng nghỉ".

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn là Bồ Tát, một thời đã làm người chủ thuyền buôn. Dọc đường Quỷ La Sát bắt giữ thuyền của Bồ Tát và hỏi: "Ông nay đã bị ta bắt rồi ông muốn gì hãy cho ta hay?"

Bồ Tát đáp: "Tuy rằng 5 vóc thân của tôi đều bị ông bắt giữ, thế nhưng tâm của tôi không bị ông bắt giữ. Nếu như ông bắt giữ được tâm của tôi thì mới gọi là tôi đã bị ông bắt giữ".

Quỷ La Sát nghĩ rằng: "Người này rất can đảm, sức Tinh Tấn của người này quả vững mạnh, ắt là chẳng chịu thua ta, ta nên tha cho đi tự do vậy".

--o0o--

Người tu hành cũng như vậy. Chuyên tâm tọa thiền, trì tụng kinh, cầu biết rõ Thật Tướng các pháp, chẳng để cho phiền não, kiết sử che tâm. Như vậy gọi là tướng của Tinh Tấn.

Siêng năng tu hành chẳng bao giờ ngưng nghỉ, dù khi "có giác, có quán", dù khi "không giác, có quán" cũng vẫn không giải đãi. Như vậy gọi là tướng của Tinh Tấn .

Trong 5 căn, Tinh Tấn giữ vị trí thứ hai, gọi là Tấn Căn. Mỗi khi Tấn Căn đã được tăng trưởng vững mạnh rồi thì sẽ trở thành Tấn Lực, lực thứ hai trong 5 Lực. Khi Tấn Lực được khai ngộ, thì trở thành Tấn Giác dẫn vào Phật Đạo.

Ở nơi 4 Niệm Xứ, nếu tinh tấn quán Thân, quán Thọ, quán Tâm và quán Pháp thì sẽ được 4 Chánh cần.

Ở nơi 4 Chánh cần, nếu tinh tấn hành trì, thì sẽ được 4 Như Ý túc. Như vậy, **ở nơi hết thảy các pháp thiện, đều có tướng của Tinh Tấn. Tinh Tấn được như vậy mới gọi là Tỳ Lê Gia Ba La Mật.**

Nếu vì việc thế gian, vì tài lợi, vì danh vọng mà tinh tấn thì chẳng được gọi là Tỳ Lê Gia Ba La Mật.

Hỏi: *Vì sao chỉ có Bồ Tát mới thành tựu được Tỳ Lê Gia Ba La Mật?*

Đáp: Phải qua đến "bờ bên kia" mới được gọi là Ba La Mật. Nếu chẳng có tâm Đại Từ Đại Bi, chẳng có Vô Ngại Giải Thoát, chẳng có vô lượng công đức Trì Giới, Thiền Định, Trí Huệ, chẳng phải vì độ chúng sanh thì không được gọi là Ba la Mật. Ví như vì chúng sanh, mà Bồ Tát xuống tận Long Cung cầu Như Ý Bảo Châu, để đem về bố thí cho chúng sanh, cứu họ ra khỏi cảnh nghèo nàn, đói khát mới thật là Tỳ Lê Gia Ba La Mật.

Lại nữa, Bồ Tát dùng Tinh Tấn Ba la Mật dẫn đầu 5 Ba la Mật kia, Bồ Tát hành Tinh Tấn Ba la Mật, chẳng phải vì tài lợi, vì danh vọng, vì phú quý, cũng chẳng phải vì bảo vệ mạng sống của mình, vì muốn được sanh lên cõi trời... mà chỉ vì lợi ích của hết thảy chúng sanh. Như vậy gọi là tướng của Tỳ Lê Gia Ba La Mật.

Lại nữa, Bồ Tát hành Tinh Tấn, lấy Đại Bi làm đầu, nhất tâm cầu Phật Đạo để cứu vớt chúng sanh, ví như cha mẹ thương con, nhất tâm chạy thầy

chạy thuốc để cứu con khỏi cơn bệnh hiểm nghèo. Như vậy là tướng của Tỳ Lê Gia Ba La Mật.

Lại nữa, Bồ Tát hành Tinh Tấn, lấy Thật Tướng Trí Huệ làm đầu, nhất tâm tu các Ba la Mật khác. Như vậy là tướng của Tỳ Lê Gia Ba La Mật.

Hỏi: *Thật Tướng các pháp là vô vi, vô tác, còn Tinh Tấn là hữu vi, hữu tác. Như vậy, vì sao nói phải lấy Tinh Tấn dẫn đầu mới vào được Thật Tướng Trí Huệ?*

Đáp: Vì bổn nguyện Đại Bi, muốn độ thoát hết thảy chúng sanh, nên Bồ Tát dù ở nơi vô tác, mà lại dùng lực Tinh Tấn để độ thoát hết hảy chúng sanh.

Bồ Tát có đầy đủ Lực Thần Thông, dùng Thiên Nhãn quán các cảnh khổ ở trong "3 cõi", rồi từ trên các cõi Trời Sắc, Vô Sắc, thị hiện sanh về cõi Dục, để vì chúng sanh thọ các khổ. Thấy loài người khổ, Bồ Tát thuyết 10 Thiện Đạo để giải hóa họ. Thấy các loài súc sanh, Địa Ngục, Ngạ Quỷ thọ khổ, Bồ Tát thị hiện thân của các loài để giáo hóa.

Lại nữa, Bồ Tát dùng Thiên Nhãn quán hết thảy chúng sanh chết đây sanh kia, luân hồi trong 5 đường, quán chúng sanh ở cõi Dục, chết đi lại tái sanh ở cõi Sắc; quán chúng sanh ở cõi sắc chết đi tái sanh ở cõi Dục; quán chúng sanh ở cõi Dục chết đi tái sanh ở cõi Vô Sắc, rồi cũng có thời phải đọa Địa Ngục, thọ các khổ. Như vậy cả 4 loại "Noãn, Thai, Thấp, Hóa" cứ tương tục luân chuyển lên xuống mãi trong 5 đường, chẳng ngừng dứt. Do quán thấy rõ như vậy, nên Bồ Tát dùng tâm Đại Bi muốn độ thoát hết thảy chúng sanh khỏi các khổ Sanh Tử, dẫn họ vào Phật Đạo đến Niết Bàn Tịnh Lạc.

Hỏi: *Vì sao Bồ Tát có thể thường làm lợi ích cho chúng sanh?*

Đáp: Bồ Tát có Đại Tinh Tấn, có Thật Trí Huệ, rõ biết Thật Tướng các pháp là vô sanh, vô diệt, mới tu đầy đủ 6 Ba la Mật, mới thường làm việc lợi ích cho chúng sanh. Chúng sanh, do các nghiệp tội ở thân, ở khẩu và ở ý mà phải đọa vào các đường ác, chịu bao nỗi khổ, chẳng sao kể xiết được, nên Bồ Tát thệ nguyện thường tinh tấn cứu độ họ.

Trong kinh có nói đến 8 Đại Địa Ngục, 16 Tiểu Địa Ngục, nào Địa Ngục lạnh, Địa Ngục nóng v.v… Khổ cực chẳng sao tả được.

Hỏi: *Thế nào gọi là "Đầy đủ Tỳ Lê Gia Ba La Mật"?*

Đáp: Bồ Tát hành tinh tấn được đầy đủ công đức ở nơi Báo Thân, cũng như ở nơi Pháp Tánh Thân, nên gọi là "Đầy đủ Tỳ Lê Gia Ba La Mật".

Do thấy chúng sanh đau khổ quá nhiều, mà Bồ Tát Tinh Tấn tu các công đức.

Hỏi: *Thế nào gọi là "Thân Tinh Tấn?"*

Đáp: Tinh Tấn, tuy thuộc về tâm sở pháp, nhưng nếu do thân lực, do sức hành đạo ở thân mà được thể hiện thì gọi là Thân Tinh Tấn. Hành động siêng năng tu hành, thể hiện ở nơi thân, như tay bố thí, miệng tụng kinh, nói pháp... gọi là Thân Tinh Tấn.

Nói chung:

- **Ở bên ngoài làm các việc thiện thuộc về Thân Tinh Tấn.**
- **Ở bên trong diệt trừ kiết sử thuộc về Tâm Tinh Tấn.**

Ngoài ra:

- Vì trí huệ mà tinh tấn, thì gọi là Tâm Tinh Tấn.

Ví như Bố Thí, Trì Giới thuộc về Thân Tinh Tấn; còn Nhẫn Nhục thì thuộc về Tâm Tinh Tấn.

Bồ Tát, từ sơ phát tâm đến khi thành Đạo, tinh tấn tu hành cho đến khi được Vô Sanh Nhẫn, là Thân Tinh Tấn. Khi còn sống Bồ Tát được Vô Sanh Nhẫn, khi viên tịch được Pháp Tánh Thân, là Tâm Tinh Tấn. Bồ Tát, khi sơ phát tâm, chưa đầy đủ công đức nên hành Bố Thí; hành Trì Giới để được phước báo, rồi sau đó phát tâm Đại Bi. Ví như phát tâm Đại Bi, xuống tận Long Cung, cầu Như Ý Bảo Châu, để có đủ tài vật Bố Thí, nhằm cung cấp cho chúng sanh khắp cõi Diêm Phù Đề, khiến họ thoát khỏi cảnh nghèo nàn, đói khát. Như vậy là Thân Tinh Tấn.

Còn tinh tấn tu hành, được 5 Thần Thông, thì gọi là Tâm Tinh Tấn. **Do Thân Tâm Tinh Tấn mà vào được Phật Đạo.**

Lại nữa, làm các việc phước thiện, mà chẳng tiếc thân mạng, thuộc về Thân Tinh Tấn. Tu Thiền Định, Trí Huệ chẳng có giải đãi thuộc về Tâm Tinh Tấn.

Bồ Tát, nhờ tu Tinh Tấn, mà cam chịu các cảnh khổ nhằm cứu độ hết thảy chúng sanh, mà tâm chẳng bao giờ thối chuyển.

Trong Kinh Bổn Sanh có chép các mẩu chuyện sau đây: Ngày xưa, ở thành Ba la Nại, có 1 ông vua thích săn bắn thú rừng. Một hôm nhà vua vào rừng săn, gặp 2 bầy nai, mỗi bầy có đến 500 con.

Nai chúa của bầy thứ nhất, đẹp đẽ, uy nghi, là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lúc bấy giờ còn là Bồ Tát. Nai chúa của bầy thứ hai là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa.

Thoáng nhìn 2 bầy nai, nhà vua hạ lệnh bắn tên xối xả.

Thế nhưng, nai chúa của bầy thứ nhất, chẳng chút sợ hãi, chạy ngay đến phía nhà vua. Nhà vua thấy điều lạ, bèn hạ lệnh ngưng bắn.

Nai chúa này vừa đến nơi, quỳ xuống dưới chân nhà vua, và thưa rằng: "Đại Vương chỉ vì một niềm vui nho nhỏ, mà làm cho 2 bầy nai chúng tôi phải chịu tang thương, chết chóc, khổ đau. Nếu Đại vương cần ăn thịt nai, thì mỗi ngày, một trong chúng tôi sẽ tự nguyện đem thân đến để xin cúng dường".

Nhà vua nghe xong, rất hoan hỷ, hạ lệnh chấm dứt cuộc săn bắn, với điều kiện mỗi ngày phải có một con nai đến nạp mạng.

Rồi, một ngày, đến phiên một nai cái thuộc bày thứ hai. Con nai cái này đang mang thai, đến nai chúa xin khất lại vào một hôm khác, sanh con xong, sẽ xin đến nạp mạng. Nai chúa của bầy này (tiền thân của Đề Bà Đạt Đa) không chấp thuận. Nai cái buồn rầu khóc lóc, chạy đến nai chúa Bồ Tát xin cầu cứu. Bồ Tát an ủi nai cái này, rồi đích thân đến cung vua, thưa rằng "Tâu Đại Vương! Hôm nay đến phiên một nai cái đang mang thai. Nai cái này xin được sanh con xong rồi sẽ xin chịu chết. Xin Đại Vương mở lòng từ bi, thương xót cho nai cái này được như nguyện. Tôi xin chết thay để cứu mạng chú nai con còn trong bụng mẹ. Nếu tôi không cứu mạng, thì tôi cũng chẳng khác gì loài cây đá. Vả lại, tôi nay cũng đã già, chẳng bao lâu nữa cũng sẽ chết, nên tôi hoan hỷ bố thí thân mạng tôi. Kính xin Đại Vương chấp thuận lời cầu xin của tôi".

Bao nhiêu lời giải thích của Đại Trí Độ Luận về "Tinh Tấn Ba La Mật" như thế cũng tạm đủ. Chỉ cần thọ trì pháp bảo này, phước đức trí tuệ không thể nói hết./.

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần mười bốn,
(Hội thứ XIV).

Tinh tấn là một đức tánh cần thiết đối với Đạo cũng như Đời. Người lười biếng, giải đãi không thể nào thành công. Nếu sống cuộc đời thường, không có nghị lực, không có chí phấn đấu, không quyết tâm... không thể thăng tiến trên bước đường công danh sự nghiệp, không thể tự giúp mình nói chi đến việc giúp ích nhân quần xã hội. Còn kẻ xuất gia, không chịu thức khuya dậy sớm, tham thiền nhập định, tụng kinh niệm Phật, nhất là không chịu hoằng dương chánh pháp, sống nương nhờ hột cơm manh áo của đàn na thí chủ, biếng nhác qua ngày, không có tâm nguyện rộng lớn, tu hành hời hợt thì tự độ đã khó nói chi đến độ tha.

Quyết tâm, nghị lực, ý chí, lòng nhiệt thành là năng lượng, là sức mạnh của tinh tấn để đưa mình, người từ bờ mê đến bến giác. Giống như chiếc phản lực cơ, cần năng lượng và sức tống để tạo sức mạnh giúp nó rời phi đạo (take off). Nếu không có năng lượng tốt, không có sức tống mạnh, chiếc phản lực chạy mãi trên phi đạo và không bao giờ cất cánh nổi. Năng lượng sức tống chính là tinh tấn.

Phẩm "Xảo Tiện", cuối Q.517 đến đầu Q.520, Hội thứ III, ĐBN *nhấn mạnh phương tiện tinh tấn trong việc tu hành như sau:*

"Phật bảo:

- Thiện Hiện nên biết! Đại Bồ Tát ấy đối với Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả và 18 pháp Phật bất cộng v.v... vô lượng, vô biên công đức thù thắng, thì gọi là **hành giả tinh tấn như thật**. Nếu có thể tu hành tinh tấn như thế mà chẳng đắc Vô thượng Bồ đề, Nhất thiết tướng trí, đại trí, diệu trí thì không có việc ấy. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này đã chứng được Vô sanh pháp nhẫn rồi, cho đến Vô thượng Bồ đề, đối pháp đã được không lui không giảm".

Muốn tu tất cả pháp thành công thì phải kêu gọi đến tinh tấn Ba la mật. Không có tinh tấn Ba la mật thì một quả nhỏ là nhơn thiên còn không có được nói chi chứng Vô thượng Bồ đề hay Nhất thiết trí trí... Vì vậy, phải nói: ***Tinh tấn tạo sức mạnh nội chứng. Phước đức chỉ bồi dưỡng tánh đức thiện căn, không thể đem đến chứng ngộ. Ý chí nghị lực hay nói khác tinh tấn mới đem đến giác ngộ, mới thâm nhập được Phật đạo, mới chứng đắc Niết bàn.***

Tóm lại, lười biếng, bê tha, thiếu tinh thần trách nhiệm... tự cứu mình đã khó hiến chi cứu độ kẻ khác. ***Tu tinh tấn để độ cái nhân giải đãi này*****!**

Phần kế tiếp chúng ta đọc tụng là "Tịnh Lự Ba La Mật". Một pháp tu đưa đến tập trung cao độ và tịnh tâm không gì bằng. Đó chính là thiền định. Nhờ thiền định mà phát sanh trí tuệ. Nên thiền trở thành pháp tu vi diệu và giữ một vai trò quan trọng trong việc tu Phật. Thiền là ý chí, là tự lực nên rất được bậc trí thức hâm mộ. Vì vậy, Thiền rất cao ngạo khi tuyên bố rằng "Không có thiền, không có giác ngộ".

Phần "Tịnh Lự Ba La Mật" kế tiếp sẽ trả lời câu nói này.

Đến đây chấm dứt phần mười bốn, Hội thứ XIV, ĐBN.

---o0o---

Xin tụng tiếp Hội thứ XV, phần "Tĩnh Lự Ba La Mật":

HỘI THỨ XV
(Bố cục)

15. Hội thứ XV: **Phần "Tĩnh Lự Ba La Mật"**, 2 quyển. Nội dung đức Phật ở trong hội Linh sơn nói về tất cả thiền định như: Tứ thiền, Bát giải thoát, Cửu thứ đệ định v.v... đồng thời, Ngài nói về Không Bát Nhã tam muội cho các tôn giả Xá lợi Phất và Mãn từ Tử nghe. Theo Khai Nguyên Thích Giáo lục, bản tiếng Phạm của hai hội thứ XI, XII mỗi hội là 2.000 kệ tụng, hai hội thứ XIII, XIV, mỗi hội 400 kệ tụng, hội thứ XV có 800 kệ tụng. Pháp Uyển Châu lâm bảo bản tiếng Phạm của hội thứ XIV có 800 kệ tụng.

---o0o---

PHẦN "TĨNH LỰ BA LA MẬT"

Dẫn nhập:

*Hội thứ XV nói về "Tĩnh Lự Ba La Mật", gồm hai quyển: Q.591 và Q.592. Vì hai quyển này có giáo lý khác nhau nên chúng tôi sơ lược và dẫn giải làm hai phần khác nhau như các phần bố thí, trì giới Ba la mật nói trên. Ý nghĩa và thực hành các pháp môn thiền định đã được Kinh ĐBN trình bày nhiều lần. Phần "Tĩnh Lự Ba La Mật" này chỉ đúc kết lại. Nên không cần phải dài dòng vô ích. Chỉ cần biết **Giới** là hàng rào ngăn chận tội lỗi từ ngoài vào và **Định** là hàng rào ngăn chận tội lỗi từ trong ra. Tội lỗi làm thân tâm giao động. Thân tâm giao động thì huệ không sanh, huệ chỉ sanh khi tâm định, chẳng khác nào như đèn trước gió bị chao động, không thể tỏa ánh sáng rộng lớn, đèn trong nhà kín, ánh sáng mới tỏa. Vì vậy, nên nói do thiền định, tâm được thanh tịnh nên **Huệ** mở.*

---o0o---

Tóm lược:

Quyển 591

Tôi nghe như vầy:

Một thuở đức Bạc già phạm cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Bí sô trú trong núi Thứu Phong, tại thành Vương Xá.

Bấy giờ, Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, làm cách nào để an trụ trong tĩnh lự Ba la mật?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát nào muốn chứng Vô thượng Bồ đề, trước nên vào **sơ tĩnh lự**. Đã vào sơ tĩnh lự như vậy rồi, nên nghĩ như vầy: Ta từ sanh tử vô thỉ đến nay luôn luôn nhập tĩnh lự như thế, làm việc nên làm, thân tâm vắng lặng, nên ta có ơn đối với tĩnh lự này. Nay lại làm việc nên làm, đây là chỗ nương tựa của tất cả công đức.

Kế đến nên nhập **tĩnh lự thứ hai**. Đã vào tĩnh lự thứ hai như vậy rồi, nên nghĩ như vầy: Ta từ sanh tử vô thỉ đến nay luôn luôn nhập tĩnh lự như thế, làm việc nên làm, thân tâm vắng lặng, nên ta có ơn đối với tĩnh lự này. Nay lại làm việc nên làm, đây là chỗ nương tựa của tất cả công đức.

Kế đến nên nhập **tĩnh lự thứ ba**. Đã vào tĩnh lự thứ ba như vậy rồi, nên nghĩ như vầy: Ta từ sanh tử vô thỉ đến nay luôn luôn nhập tĩnh lự như thế, làm việc nên làm, thân tâm vắng lặng, nên ta có ơn đối với tĩnh lự này. Nay lại làm việc nên làm, đây là chỗ nương tựa của tất cả công đức.

Kế đến nên nhập **tĩnh lự thứ tư**. Đã vào tĩnh lự thứ tư như vậy rồi, nên nghĩ như vầy: Ta từ sanh tử vô thỉ đến nay luôn luôn nhập tĩnh lự như thế, làm việc nên làm, thân tâm vắng lặng, nên ta có ơn đối với tĩnh lự này. Nay lại làm việc nên làm, đây là chỗ nương tựa của tất cả công đức.

Đã nhập bốn tĩnh lự như thế rồi, đại Bồ Tát lại nên suy nghĩ: Bốn tĩnh lự này đối với các đại Bồ Tát có ơn đức lớn và cũng là nơi nương tựa cho các đại Bồ Tát. Nghĩa là khi sắp đắc Vô thượng Bồ đề, các đại Bồ Tát đều lần lượt nhập bốn tĩnh lự này. Đã nhập bốn tĩnh lự như vậy rồi, nương vào tĩnh lự thứ tư phát ra năm thần thông, chiến thắng ma quân, thành Vô thượng giác.

Đại Bồ Tát này nghĩ như vầy: Xưa kia, chúng đại Bồ Tát đều tu tập tĩnh lự Ba la mật, ta cũng nên tu. Xưa kia, chúng đại Bồ Tát đều học tĩnh lự Ba la mật, ta cũng nên học. Xưa kia, chúng đại Bồ Tát đều nương tĩnh

lự Ba la mật, theo ý thích phát ra Bát nhã Ba la mật, ta cũng nên nương tĩnh lự Ba la mật như thế, theo ý thích phát ra Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Tất cả các đại Bồ Tát đều nương tĩnh lự thứ tư, phương tiện hướng đến Chánh tánh ly sanh, chứng ngộ chơn như, xả tánh phàm phu. Tất cả các đại Bồ Tát đều nương vào tĩnh lự thứ tư, phương tiện **phát ra định Kim cương dụ**, trừ sạch các lậu hoặc, chứng trí Như Lai.

Thế nên phải biết tĩnh lự thứ tư có ơn đức lớn đối với các đại Bồ Tát, hay làm cho các đại Bồ Tát ban đầu nhập vào Chánh tánh ly sanh, chứng nhập chơn như, xả tánh phàm phu, cuối cùng chứng đắc sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Do đó, chúng đại Bồ Tát luôn nhập vào tĩnh lự thứ tư.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Tất cả chúng đại Bồ Tát an trụ vào bốn thứ tĩnh lự như thế, làm phương tiện thù thắng dẫn dắt đến các công đức. Như vậy, các đại Bồ Tát nương vào tĩnh lự thứ tư sanh tưởng **Không vô biên xứ**, dẫn đến định Không vô biên xứ. Như vậy, các đại Bồ Tát nương vào định Không vô biên xứ, sanh tưởng **Thức vô biên xứ**, dẫn đến định Thức vô biên xứ. Như vậy, chúng đại Bồ Tát nương vào định Thức vô biên xứ, sanh tưởng **Vô sở hữu xứ**, dẫn đến định Vô sở hữu xứ. Như vậy, chúng đại Bồ Tát nương vào định Vô sở hữu xứ, sanh tưởng **Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ**, dẫn đến định Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ.

Tuy đang nhập **bốn định vô sắc** nhưng chúng đại Bồ Tát không đắm nhiễm vào bốn định vô sắc, cho đến không mong sanh nơi cảnh giới tốt đẹp thù thắng của định này.

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát vì quán nghĩa nào mà hiện nhập Diệt thọ tưởng định nhưng lại không nhập?*(1)*

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Vì các đại **Bồ Tát sợ rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác nên không nhập vào định Diệt thọ tưởng**. Rồi đắm nhiễm vào sự an vui tịch tĩnh của định này, liền vui mừng chứng nhập quả A la hán hay quả Độc giác, vào Bát Niết bàn.

Các đại Bồ Tát quán sự việc như vậy, nên tuy hiện nhập Diệt thọ tưởng định nhưng lại không hiện nhập.

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật hiếm có thay! Các đại Bồ Tát hay làm việc khó làm, nghĩa là dù đang nhập các định như vậy nhưng không đắm trước vào các định. Dù đang nhập các định hay sanh công dụng thù thắng nhưng lại không lìa nhiễm.

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đúng vậy, đúng như lời ngươi nói. Thật hiếm có! Các đại Bồ Tát hay làm việc khó làm.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Thật hiếm có thay! Các đại Bồ Tát, nghĩa là dù đang nhập vào bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui nhưng lại không đắm trước, cũng không lìa nhiễm. Nay Ta nói tóm lược bằng ví dụ cho ngươi được hiểu trọn vẹn nghĩa này.

Như có người sanh ở châu Thiệm bộ, tuy đối với cõi Dục chưa được lìa nhiễm, nhưng được qua châu Bắc Câu lô, nhân thấy người nữ châu kia dung mạo đoan chính, dạo chơi tự tại. Lại thấy châu kia y phục và vật trang sức xinh đẹp trang nghiêm đều từ cây sanh ra. Lại thấy châu kia có gạo thơm mùi vị ngon ngọt, không phải trồng trọt mà tự mọc lên.

Lại còn thấy châu kia, chạm vào chỗ nào cũng có các loại ngọc báu rất xinh đẹp và người ở châu đó tùy ý thọ dụng các vật dụng như thế một cách tự do, khi đang thọ dụng không chút đắm nhiễm, đã thọ dụng rồi liền vứt bỏ mà không luyến tiếc. Người ở châu Thiêm bộ này tuy chưa lìa nhiễm, nhưng khi thấy đầy đủ các sự việc tốt đẹp kia vẫn không tham đắm, vứt bỏ quay về. Nên biết người này rất hiếm có.

Như vậy, dù đang nhập bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui, đã thấy trong ấy phát sanh các công đức thù thắng vắng lặng, vi diệu nhưng các đại Bồ Tát không đắm trước mà còn trở lại cõi Dục, dùng phương tiện thiện xảo nương thân cõi Dục, siêng năng tinh tấn tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật.

Siêng năng tinh tấn tu học quán 18 pháp không, các pháp chơn như, pháp giới, pháp tánh, v.v... Siêng năng tinh tấn tu học quán 12 duyên khởi theo 2 chiều thuận nghịch, quán Tứ đế, tu học quán 4 vô lượng từ, bi, hỷ, xả, 37 pháp trợ đạo, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ lớp, 10 biến xứ. Siêng năng tinh tấn tu học pháp môn giải thoát Không, vô tướng, vô nguyện, tu học trí Tam thừa cộng thập địa hay thập địa Bồ Tát. Tu học pháp môn Đà la ni, Tam ma địa, tinh tấn tu học 5 loại mắt, 6 phép thần thông, Như Lai 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ,

đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, 32 tướng Đại sĩ, 80 vẻ đẹp, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, Tinh tấn tu học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Siêng năng tinh tấn tu học các trí thiện xảo của quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề. Siêng năng tinh tấn tu học tất cả hạnh Bồ Tát, quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật, cũng khuyên hữu tình tu các thiện pháp như trên. Những việc như thế rất hiếm có.

Bấy giờ, Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì lý do gì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hứa cho các đại Bồ Tát bỏ bậc thắng định vắng lặng an vui, trở lại thọ thân hèn kém cõi Dục?

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Pháp của chư Phật là vậy, **không cho các đại Bồ Tát sanh ở trời Trường thọ**. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Không cho các đại Bồ Tát sanh trời Trường thọ, vì ở đó họ xa lìa việc tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô biên các Bồ đề phần pháp khác. Do đây, chậm chứng Vô Thượng sanh Bồ đề đã mong cầu. Cho nên, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hứa cho các đại Bồ Tát bỏ bậc thắng định vắng lặng an vui, trở lại thọ thân hèn kém cõi Dục mà không cho chúng đại Bồ Tát sanh ở trời Trường thọ bỏ mất bản nguyện.

Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát rất là hiếm có hay làm được việc khó làm, **nghĩa là bỏ thắng định vắng lặng an vui, trở lại thọ thân hèn kém ô uế cõi Dục, mục đích hóa độ chúng sanh**, nên nói rất hiếm có, làm được việc khó làm.

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đúng vậy, các đại Bồ Tát bỏ thắng địa, thọ thân cõi Dục, nên biết đó là phương tiện thiện xảo. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì các đại Bồ Tát này cần cầu quả vị Vô thượng Bồ đề, xả thân thắng địa trở lại sanh cõi Dục, phát sanh ý tốt, phương tiện thiện xảo, **dù quán tánh sắc uẩn thường-vô thường đều bất khả đắc** và quán tánh thọ, tưởng, hành, thức uẩn thường-vô thường cũng đều bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Dù quán tánh sắc uẩn **vui-không vui** đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tưởng, hành, thức uẩn vui, không vui cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Dù **quán tánh sắc uẩn ngã-vô ngã** đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tưởng, hành, thức uẩn ngã-vô ngã cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Dù quán tánh sắc uẩn **tịnh-bất tịnh** đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tưởng, hành, thức uẩn tịnh-bất tịnh cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Dù quán tánh sắc uẩn **Không-bất Không** đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tưởng, hành, thức uẩn Không-bất Không cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Dù quán tánh sắc uẩn **tướng-vô tướng** đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tưởng, hành, thức uẩn tướng-vô tướng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Dù quán tánh sắc uẩn **nguyện-vô nguyện** đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tưởng, hành, thức uẩn nguyện-vô nguyện cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Dù quán tánh sắc uẩn **viễn ly-không viễn ly** đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tưởng, hành, thức uẩn viễn ly-không viễn ly cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Dù quán tánh sắc uẩn **vắng lặng-không vắng lặng** đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tưởng, hành, thức uẩn vắng lặng, không vắng lặng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Dù quán tánh 12 xứ, 18 giới, thường-vô thường, vui-không vui, ngã-vô ngã, tịnh-bất tịnh, Không-bất Không, tướng-vô tướng, nguyện-vô nguyện, viễn ly-không viễn ly, vắng lặng-không vắng lặng đều bất khả đắc nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Dù quán tánh **nhãn xúc** thường-vô thường, vui-không vui, ngã-vô ngã, tịnh-bất tịnh, Không-bất Không, tướng-vô tướng, nguyện-vô nguyện, viễn ly-không viễn ly, vắng lặng-không vắng lặng đều bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Dù quán **tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra xúc** thường-vô thường, vui-không vui, ngã-vô ngã, tịnh-bất tịnh, Không-bất Không,

tướng-vô tướng, nguyện-vô nguyện, viễn ly-không viễn ly, vắng lặng-không vắng lặng đều bất khả đắc, nhưng không lìa Nhất thiết trí trí.

Dù quán tánh lục đại chủng, **bốn duyên** và các pháp từ duyên sanh ra, cũng lại như thế đều bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử:

- Thưa Tôn giả! Vì lý do gì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cho các đại Bồ Tát nhập 4 tĩnh lự, 4 định vô sắc mà không cho các đại Bồ Tát ở lâu trong ấy tâm sanh nhiễm trước?

Xá lợi Tử đáp:

- Thưa Tôn giả! Không cho các đại Bồ Tát sanh tâm nhiễm trước đối với bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc và sanh trời ở Trường thọ; cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không muốn các đại Bồ Tát sanh tâm nhiễm trước bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc và ở lâu trong ấy. Vì sao? Mãn Từ Tử! **Vì nếu sanh cõi Dục thì mau được viên mãn Nhất thiết trí trí, còn sanh cõi Sắc, Vô sắc không có được như vậy.**

Mãn Từ Tử liền thưa Xá lợi Tử!

- Thưa Tôn giả! Các Bồ Tát rất là hiếm có, làm được việc khó làm. Nghĩa là các Bồ Tát trụ thắng định rồi, trở lại xả bỏ để thọ pháp thấp kém. Ví như có người gặp kho tàng được chôn giấu, tay nắm ngọc báu lại vứt bỏ đi. Về sau, lúc thấy vỏ sò, người kia liền lượm lấy đem vào nhà. Cũng vậy, chúng đại Bồ Tát nhập bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui, tùy ý dạo đi hay dừng nghỉ, sau vứt bỏ đi, trở lại sanh cõi Dục, tiếp nhận mọi thứ thấp kém của thân tâm, rồi **nương vào đó để tu hành bố thí**, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô biên các Bồ đề phần pháp.

Thấy được sự việc này, nên đức Phật không cho các đại Bồ Tát sanh trời ở Trường thọ, sanh ở cõi Dục mới có thời gian lâu dài mà tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô biên các Bồ đề phần pháp, do đây mau được Nhất thiết trí trí.

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con thưa với Thế Tôn như thế, há chẳng làm sáng tỏ được Phật là bậc thật ngữ, là bậc pháp ngữ, là bậc có khả năng nói pháp tùy pháp sao?

Phật dạy Mãn Từ Tử:

- Này Mãn Từ Tử! Nay đối với Ta, ngươi nói lời như vậy thì chẳng phải đã làm sáng tỏ Như Lai là bậc thật ngữ, là bậc pháp ngữ, là bậc có khả năng nói pháp tùy pháp. Vì sao? Này Mãn Từ Tử! Vì nếu các Bồ Tát sanh cõi trời Trường thọ, thì không thể tu hành công đức như thế được, không thể mau được Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ Tát nhập bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui, thì các Bồ Tát này không có ý nghĩ như vầy: Do định này ta sanh cõi Sắc, Vô sắc. Cũng chẳng suy gẫm do tĩnh lự và định vô sắc ta vượt khỏi Sắc, Vô sắc.

Các Bồ Tát nhập bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui, chỉ muốn phát khởi thần thông tự tại, làm nhiều lợi ích cho các hữu tình, cũng muốn điều phục thân tâm nặng nề, thô kệch để có thể tu đạt các công đức.

Các đại Bồ Tát này nhập các thắng định vắng lặng an vui, dùng phương tiện thiện xảo thọ thân cõi Dục, đối với các thắng định cũng không lui mất. Vì vậy, các đại Bồ Tát chẳng vượt ba cõi và cũng chẳng nhiễm trước, **dùng phương tiện thiện xảo thọ thân cõi Dục, làm lợi ích cho hữu tình, gần gũi chư Phật, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí.**

Khi ấy, Mãn Từ Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ Nhất thiết trí trí của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã vượt khỏi ba cõi?

Phật dạy:

- Này Mãn Từ Tử! Đúng vậy! Như lời ngươi nói. Như Lai đã được Nhất thiết trí trí vượt khỏi ba cõi, không còn lệ thuộc ba cõi đó! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không cho các đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, ra khỏi pháp ba cõi hoàn toàn.

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quán nghĩa nào mà cho các đại Bồ Tát cầu chứng Vô thượng Bồ đề, an trụ vào tĩnh lự Ba la mật, và chẳng cho các đại Bồ Tát ra khỏi pháp ba cõi hoàn toàn?

Phật dạy Mãn Từ Tử:

- Này Mãn Từ Tử! Nếu đại Bồ Tát cầu chứng Vô thượng Bồ đề, an trụ tĩnh lự Ba la mật, nếu Như Lai hứa cho vượt khỏi ba cõi, thì họ liền thối lui thệ nguyện Bồ Tát, mà an trụ địa vị Thanh văn hay Độc giác. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thấy sự việc như thế, nên hứa cho các đại Bồ Tát cầu chứng Vô thượng Bồ đề, an trụ vào tĩnh lự Ba la mật, mà

không cho các Đại Bồ Tát ra khỏi pháp ba cõi hoàn toàn, không bỏ mất bản nguyện của Bồ Tát, để lui trụ địa vị Thanh văn hay Độc giác.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu khi các đại Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề các hạnh viên mãn, thì lúc bấy giờ các đại Bồ Tát mới bỏ pháp ba cõi. Do đó chứng đắc Nhất thiết trí trí. Vì vậy, nên Ta nói Nhất thiết trí trí vượt khỏi ba cõi, không còn lệ thuộc ba cõi.

Này Mãn Từ Tử! Nếu đại Bồ Tát tùy chỗ sanh mà bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô biên các Bồ đề phần pháp khác, và quán sát lý thú sâu xa 18 pháp không và chân như, pháp giới, pháp tánh v.v..., thì mỗi mỗi đều phát tâm không nhiễm trước, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí. Do nhân duyên ấy, Bồ Tát này bỏ dần pháp ba cõi để lần lượt gần gũi Nhất thiết trí trí.

Thích nghĩa Q.591:

(1). Quangduc.com dịch: "Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ Tát vì quán nghĩa nào mà hiện nhập Diệt thọ tưởng định nhưng lại không nhập?" *Không những quangduc.com, tuvienquangduc.com, thuvienhoasen.org cũng dịch tương tự như vậy.* ***Nguyên văn chữ Hán trong Hoavouu.com là:*** "世 *Thế* 尊*Tôn*。諸*chư* 菩*Bồ* 薩*Tát* 摩*Ma* 訶*Ha* 薩*Tát*。觀*quán* 何*hà* 義*nghĩa* 故*cố* 。雖*tuy* 能*năng* 現*hiện* 入*nhập* **滅*diệt* 受*thọ* 想*tưởng* 定*định*** 而*nhi* 不*bất* 現*hiện* 入*nhập*".

Lối dịch này nêu lên hai vấn đề: 1- Cách dịch và 2- Nghĩa của cụm từ Diệt thọ tưởng định.

1- Nếu dịch sát nghĩa thì có thể dịch: Bạch Thế Tôn các chư Bồ Tát Ma ha tát tuy năng nhập Diệt thọ tưởng định nhưng không hiện nhập. Tuy có thể dịch như vậy, nhưng ý nghĩa cũng không được sáng tỏ lắm. Diệt thọ tưởng định là một thứ định dùng đình chỉ cảm quan và ý thức, tức lìa cảnh nhưng không rời định, thường gọi là Diệt thọ tưởng định. Thí dụ: Người muốn nhập Sơ thiền thì trước hết phải nhập vào Diệt thọ tưởng định trước để tâm không bị ngoại cảnh chi phối, rồi từ Diệt thọ tưởng định mới nhập vào Sơ thiền. Sau khi nhập vào Sơ thiền xong, muốn vào Nhị thiền thì phải xả Sơ thiền để nhập vào Diệt thọ tưởng định, rồi từ Diệt thọ tưởng định mới nhập vào Nhị Thiền… Cứ xuất nhập như vậy cho đến Tứ thiền. Khi thiền xong, muốn xả thiền thì phải xả Tứ thiền để vào Diệt thọ tưởng định, rồi từ Diệt thọ tưởng định lại nhập vào Tam thiền, đi ngược lại cho đến Sơ thiền. Để chấm

dứt buổi thiền, hành giả phải xả Sơ thiền vào Diệt thọ tưởng định, rồi xả Diệt thọ tưởng định để trở lại trạng thái bình thường. Nếu ở luôn trong thiền hay định thì gọi là nhập diệt hay vào Niết bàn! Đó là lý do để giải thích câu "chư Bồ Tát Ma ha tát tuy năng nhập Diệt thọ tưởng định nhưng không hiện nhập". Vì nhập vào và ở luôn trong ấy là "trốn chạy", không dấn thân cứu khổ chúng sanh. Kinh đã giải thích quá rõ rồi.

2- Ở đây trong bản dịch chữ Hán hay các bản chữ Việt, dịch giả dịch là ***Diệt thọ tưởng định****, đôi khi dịch là "***Diệt tận định***"(*滅盡定*- Phạm: Nirodha-samàpatti). Cụm từ phổ thông là Diệt tận định. Đó là định của Thánh giả, khác với định của phầm phu là Diệt tưởng định. Vì tôn trọng dịch giả nên chúng tôi không sữa chính văn. Chúng tôi thiết nghĩ ở đây nên dịch là Diệt tận định theo đa số Kinh sách Phật mới dễ hiểu. Học Phật sở dĩ khó là vì lối chuyển ngữ không được thống nhất, nên dễ lầm lẫn.* ***TB***

Sơ giải:

1. Bồ Tát nên an trụ tĩnh lự như thế nào để chứng Vô Thượng Bồ đề?

Nếu đại Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, làm cách nào để ***an trụ tĩnh lự Ba la mật****?*

Đại Bồ Tát nào muốn chứng Vô Thượng Bồ đề, trước nên vào sơ tĩnh lự, rồi qua tĩnh lự thứ hai, kế đến nhập tĩnh lự thứ ba, lần lượt sau cùng nhập vào tĩnh lự thứ tư. Nhờ vậy, thân tâm được vắng lặng, nên nói tĩnh lự đối với Bồ Tát là ơn đức lớn, là chỗ nương tựa của tất cả các công đức.

Các Bồ Tát đã nhập bốn tĩnh lự như vậy rồi, nương vào tĩnh lự thứ tư phát ra năm thần thông, chiến thắng ma quân, phương tiện hướng đến Chánh tánh ly sanh, chứng ngộ chơn như, xả tánh phàm phu, phát ra Kim cương dụ định, trừ sạch các lậu hoặc, chứng Như Lai trí, cuối cùng chứng đắc sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Tất cả các đại Bồ Tát an trụ 4 thứ tĩnh lự như thế khởi phương tiện dẫn đến công đức thù thắng. Các đại Bồ Tát nương tĩnh lự thứ tư khởi

tưởng Không vô biên xứ, dẫn đến định Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, cuối cùng dẫn vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Như vậy, các đại Bồ Tát dù thường hiện vào ***tứ thiền, tứ định vô sắc*** *mà chẳng đắm nhiễm, cũng không mong tái sanh nơi thù thắng của các định này.*

Xá lợi Tử bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát quán nghĩa nào mà hiện nhập Diệt thọ tưởng định *(còn gọi là Diệt tận định)* nhưng lại không hiện nhập?"

Phật dạy: "Xá lợi Tử! Vì các đại Bồ Tát sợ rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác nên không hiện nhập Diệt thọ tưởng định. Nếu hiện nhập Diệt thọ tưởng định rồi đắm nhiễm vào sự an vui tịch tĩnh của định này, sanh vui mừng chứng nhập quả A la hán hay quả Độc giác, liền vào Bát Niết bàn. Các đại Bồ Tát quán việc như vậy, nên tuy hiện nhập Diệt thọ tưởng định nhưng lại không hiện nhập".

Như vậy, dù đang nhập bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui, vi diệu nhưng các đại Bồ Tát không đắm trước mà vẫn hiện thân trở lại cõi Dục, dùng phương tiện thiện xảo nương thân cõi Dục, siêng năng tinh tấn tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Siêng năng tinh tấn tu quán 18 pháp Không, chơn như, pháp giới cho tới cảnh giới bất tư nghì; tu quán 12 duyên khởi theo 2 chiều thuận nghịch, tu Tứ đế, 4 vô lượng, 37 pháp trợ đạo, Bồ Tát thập địa, Tam giải thoát môn, các Đà la ni, Tam tam ma địa, 5 nhãn, 6 thần thông. Siêng năng tinh tấn tu học Như Lai 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt. Tinh tấn tu học đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Tóm lại, tinh tấn siêng năng tu học tất cả các pháp Phật, cũng khuyên tất cả hữu tình tu hành như vậy.

Các đại Bồ Tát tuy thường an trụ 4 thứ tĩnh lự và 4 định vô sắc vắng lặng mầu nhiệm, nhưng không thọ sanh cảnh giới thù thắng của các cõi trời mà trở lại thọ thân hèn kém đủ thứ nhiễm ô ở cõi Dục để làm nhiêu ích hữu tình, nên nói rất hiếm có, làm được việc khó làm!

2. Bồ Tát xả thân lìa thắng địa của mình để trở lại Dục giới, chỉ vì muốn nhiêu ích hữu tình.

Đại Bồ Tát này cần cầu quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, xả thân rời các thắng địa (các cõi Trời) trở lại sanh ở cõi Dục, phát sanh thiện ý, phương tiện thiện xảo, dù quán tánh ngũ uẩn thường-vô thường, khổ-vui, ngã-vô ngã, tịnh-bất tịnh, Không-bất Không, tướng-vô tướng, nguyện-vô nguyện, viễn ly-bất viễn ly, tịch tĩnh-vô tịch tịch tĩnh... đều bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí. Quán 12 xứ, 18 giới thường-vô thường cho đến tịch tĩnh-bất tịch tĩnh... cũng đều bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí. Dù quán tánh lục đại chủng (phong, thủy, hỏa, thổ, không, thức) thường-vô thường cho đến tịch tĩnh-bất tịch tĩnh... đều bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí. Quán tánh bốn duyên (nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên) và pháp từ duyên sanh ra cũng như vậy, đều bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ Nhất thiết trí trí.

Nếu lìa bỏ Nhất thiết trí trí, thì không thể chứng Vô Thượng Bồ đề. Nếu không chứng được Vô Thượng Bồ đề, không thể hóa độ chúng sanh rộng lớn. Vì vậy, chư Phật Thế Tôn không muốn các Bồ Tát sau khi đạt được các thắng định, an vui trong cảnh trường thọ, mà quên đi bản nguyện của chính mình.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử hỏi Xá lợi Tử:

- "Thưa Tôn giả! Vì lý do gì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không muốn sau khi đắc bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc, các Bồ Tát không nên ở lâu trong ấy, rồi sanh tâm nhiễm trước?"

Xá lợi Tử đáp:

- "Thưa Tôn giả! Chư Phật Thế Tôn không muốn các đại Bồ Tát sanh tâm nhiễm trước đối với bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc và sanh ở trời Trường thọ; cho đến chư Phật Thế Tôn không muốn các đại Bồ Tát sanh tâm nhiễm trước bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc và ở lâu trong ấy. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì **nếu sanh cõi Dục thì mau viên mãn Nhất thiết trí trí, còn sanh cõi Sắc, Vô sắc không được như vậy**".

Vả lại, dù sanh cõi Sắc hay Vô sắc cũng thuộc tam giới, nếu khởi một niệm bất giác cũng rơi rụng vào cảnh sanh tử khổ đau như mọi chúng sanh khác. Nếu đắc Nhất thiết trí trí, chứng được Bồ đề mới thoát khỏi sanh tử. Bồ Tát thà sanh cõi Dục, chịu nhiều đau khổ, thực thi các hạnh nguyện để cứu độ chúng sanh, rồi tiếp tục tu tập lục độ vạn hạnh và tất cả

pháp mầu Phật đạo, lần lượt chứng đắc Giác ngộ, giúp mình người, giải thoát ba cõi, rồi mới nhập Niết bàn.

Quyển 591 của phần "Tĩnh Lự Ba La Mật", Phật dạy các Bồ Tát kỹ thuật tu thiền và định với lời khuyến cáo đừng ở trong định và cũng chẳng tham đắm hưởng thọ các diệu lạc do các định sanh ra mà quên đi bản nguyện, có thể làm thối thất đạo Bồ đề. Nếu ở luôn trong định tức nhập Niết bàn, nếu thăm đắm hưởng thọ các diệu lạc do định sanh ra tức ở trong cõi sắc hay vô sắc giới lại không có tâm phục vụ chúng sanh. Trong cả hai trường hợp đều là vị kỹ chẳng khác nào nhị thừa, nên bị Phật quở là bọn "khôi thân diệt trí", chẳng ích lợi gì cho chúng sanh! Chẳng khác nào tu để chứng thật tế để vào Niết bàn, chẳng khác nào như "trốn chạy"!

Chúng ta tụng tiếp Q.592, phần "Tĩnh Lự Ba La Mật".

Quyển 592

Lúc ấy, Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào chúng đại **Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, <u>nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật</u>**: Đối với các tĩnh lự và chi phần tĩnh lự không sanh tham đắm, cũng không thối chuyển? Đối với các tĩnh lự và chi phần tĩnh lự không sanh ngã tưởng phân biệt chấp trước. Lại đem căn lành tương ưng ấy, hồi hướng cầu đến Nhất thiết trí trí.

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Nếu chúng đại **Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, đối với các tĩnh lự và chi phần tĩnh lự phát khởi lên các tưởng không đắm trước** thường-vô thường v.v…, lại đem căn lành tương ưng ấy, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí; như vậy, thì chúng đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật, đối với các tĩnh lự và chi phần tĩnh lự không sanh tham đắm, cũng không thối chuyển.

Mãn Từ Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào chúng đại **Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, <u>nhiếp thọ tinh tấn Ba la mật</u>**?

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Nếu chúng đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, vượt qua các pháp tạp nhiễm cõi Dục, dùng phương tiện nhập vào bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc

vắng lặng an vui, rồi trở lại xả bỏ thọ thân vào cõi Dục, tinh tấn tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô biên các Bồ đề phần pháp; như vậy, thì chúng đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, nhiếp thọ tinh tấn Ba la mật.

Mãn Từ Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào chúng đại **Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, <u>nhiếp thọ an nhẫn Ba la mật</u>?**

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Nếu chúng đại Bồ Tát tu học thành tựu đại từ, đại bi, đối với các hữu tình muốn làm lợi ích, an trụ tĩnh lự Ba la mật, gặp các nghịch duyên tâm không tạp uế; như vậy, thì chúng đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, nhiếp thọ an nhẫn Ba la mật.

Mãn Từ Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào chúng đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, **<u>nhiếp thọ tịnh giới Ba la mật</u>**?

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Nếu chúng đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, đối với các Thanh văn, Độc giác không sanh chấp trước; như vậy, thì chúng đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, nhiếp thọ tịnh giới Ba la mật.

Mãn Từ Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào chúng đại **Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, <u>nhiếp thọ bố thí Ba la mật</u>**?

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Nếu chúng đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, đối với các hữu tình khởi niệm đại bi, nguyện không xả bỏ tất cả hữu tình, muốn cho họ giải thoát khổ sanh tử, nên cầu chứng Vô Thượng Bồ đề, suy nghĩ thế này: Ta quyết định phải đem pháp thí lớn giáo hóa hữu tình, thường vì hữu tình nói pháp yếu chơn tịnh, dứt hẳn tất cả phiền não. Như vậy, chúng đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, nhiếp thọ bố thí Ba la mật.

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các đại Bồ Tát thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, thì đại Bồ Tát này phải gọi là Bồ Tát bậc nào?

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Nên biết Bồ Tát ấy gọi là **Bồ Tát Bất thối**.

Mãn Từ Tử lại bạch Phật:

- Chúng đại Bồ Tát này rất là hiếm có, hay làm việc khó làm. Sau khi an trụ trong các thắng định vắng lặng an vui như vậy, nhưng có thể xả bỏ để trở lại cõi Dục, thọ pháp thấp kém, dùng phương tiện thiện xảo làm lợi ích hữu tình.

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, chúng đại Bồ Tát rất là hiếm có, làm được việc khó làm. Nên biết chúng đại Bồ Tát này vì độ vô lượng, vô biên hữu tình, đội mũ, mặc giáp đại nguyện vững chắc, thường nghĩ thế này: Ta phải độ thoát vô lượng, vô số, vô biên hữu tình vào cảnh giới Vô dư bát Niết bàn. Ta phải làm cho Pháp nhãn thanh tịnh của Phật thường không gián đoạn, đem lại lợi ích an vui cho tất cả hữu tình. Tuy làm việc như vậy mà không chấp trước là làm cho hữu tình được Niết bàn, hoặc đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì các pháp không ngã, cũng không ngã sở.

Khi các khổ sanh, chỉ có khổ sanh, không có kẻ sanh. Khi các khổ diệt, chỉ có khổ diệt, không có kẻ diệt, nên biết cũng không có kẻ chứng hay có thể đắc pháp thanh tịnh. Do nhân duyên này, nên biết chúng đại Bồ Tát rất là hiếm có, làm được việc khó làm.

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Bạch Thiện Thệ! Đúng vậy. Chúng đại Bồ Tát rất là hiếm có, làm được việc khó làm. Vì sao? Tuy thật không có pháp có sanh, có diệt, hoặc vào Niết bàn, hoặc chứng Vô Thượng Bồ đề, mà các đại Bồ Tát vì độ vô lượng, vô biên hữu tình, tinh tấn tu hành các Bồ Tát hạnh, cầu chứng Vô Thượng Bồ đề, **muốn vì hữu tình tuyên nói pháp dứt hẳn tham sân si, khiến siêng tu học được vào Niết bàn**; hoặc vì hữu tình giảng nói Bồ Tát đạo, làm cho siêng năng tinh tấn tu học mau chứng Vô thượng Bồ đề.

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Nếu tâm đại Bồ Tát không tán loạn, luôn luôn an trụ tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, thì đại Bồ Tát này an trụ tĩnh lự Ba la mật. Nếu đại Bồ Tát trụ tác ý tương ưng bậc Thanh văn, hoặc tác ý tương ưng bậc Độc giác, thì đại Bồ Tát này tâm thường tán loạn. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì đại Bồ Tát tu học tác ý tương ưng Nhị thừa, ngăn ngại quả vị Vô Thượng Bồ đề, khiến cho tâm Bồ đề thường tán loạn. Tuy các đại Bồ Tát duyên cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc, phát khởi các thứ tác ý phi lý, rối loạn tâm bố

thí v.v... của Bồ Tát, nhưng không chướng ngại sự cầu Nhất thiết trí trí của Bồ Tát. Nếu pháp không làm chướng ngại Nhất thiết trí trí, dù hiện tiền nhưng đối với sự tu tĩnh lự Ba la mật của các đại Bồ Tát chẳng gọi là pháp quá trái nghịch, vì chẳng phải làm lui mất hẳn bậc Định Bồ Tát.

(Tại sao Như Lai chỉ khen ngợi công đức của các Bồ Tát mà không khen ngợi Thanh văn?)

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì quán nghĩa gì mà **chỉ khen ngợi tất cả công đức các đại Bồ Tát, mà không khen ngợi Thanh văn**?

Phật bảo:

- Mãn Từ Tử! Nay Ta hỏi ngươi, tùy ý ngươi đáp. Ý ngươi nghĩ sao? Mặt trời xoay quanh chiếu ánh sáng khắp đến người châu Thiệm bộ này, đom đóm làm được không?

Mãn Từ Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng làm được.

Phật bảo:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Tất cả việc làm của các đại Bồ Tát cũng lại như vậy, khả năng của các Thanh văn không thể hoàn thành được.

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao biết được chỉ có chúng đại Bồ Tát có suy nghĩ thế này: Ta phải độ thoát vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, làm cho nhập vào cõi Vô dư bát Niết bàn. Ta phải làm cho Pháp nhãn thanh tịnh của Phật không ngừng, không đoạn tuyệt, đem lại lợi ích an vui cho tất cả hữu tình? Làm sao biết được chỉ có các đại Bồ Tát có thể làm được sự nghiệp thù thắng như vậy, các Thanh văn chẳng làm được?

Phật bảo:

- Mãn Từ Tử! Nay ông xem trong chúng Thanh văn này có một Bí sô nào có khả năng có thể suy nghĩ như các đại Bồ Tát và làm xong sự nghiệp ấy không?

Mãn Từ Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không. Bạch Thiện Thệ! Không. Con xem trong chúng Thanh văn này, không có một Bí sô nào suy nghĩ như các đại Bồ Tát, cũng không thể thành xong sự nghiệp như thế.

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Cho nên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chỉ khen ngợi Bồ Tát, không khen Thanh văn. Các A la hán trong chúng này không nghĩ như vậy, cũng không thể làm nên sự nghiệp như vậy, nên biết tất cả hàng Thanh văn thừa không làm nổi sự nghiệp như các Bồ Tát đã làm. Nên Ta nói: Ví như mặt trời chiếu ánh sáng cho châu Thiệm bộ, đom đóm không thể làm được. Nghĩa là mặt trời phóng ra vô lượng ánh sáng, soi khắp các loài hữu tình ở châu Thiệm bộ, ánh sáng đom đóm chỉ soi rõ được bản thân. **Cũng vậy, chúng đại Bồ Tát điều phục phiền não ác nghiệp tự thân, cũng có thể độ thoát vô lượng hữu tình, giúp lìa tất cả phiền não ác nghiệp, nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết bàn, hoặc chứng Vô thượng Bồ đề. Còn hàng Thanh văn thừa chỉ có thể điều phục phiền não ác nghiệp tự thân, không thể làm lợi ích cho vô lượng hữu tình. Cho nên sự nghiệp của hàng Thanh văn chẳng như Bồ Tát, nên tất cả sự nghiệp của Bồ Tát đều thù thắng.**

Này Mãn Từ Tử! Như người học thuật bắn cung giỏi, đã dày công khổ luyện, thì thân, tay, cung, binh khí đều sử dụng thành thạo, và học các môn võ nghệ đến chỗ tuyệt đỉnh, được hưởng lộc của vua ban trăm ngàn năm. Khi nhà vua và oán địch muốn chiến tranh, thì sai người đó làm chỉ huy, cấp cho quân, voi, ngựa v.v… và binh sĩ khí giới, mong tiêu diệt hết kẻ thù, không để tổn thất.

Cũng vậy, chúng đại Bồ Tát đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, đã tu Bồ Tát hạnh, đối với các hành tham, sân, si của các loài hữu tình có thể điều phục đạt được thiện xảo. Vì vậy, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chỉ khen các đại Bồ Tát, khuyên răn, dạy bảo giúp siêng năng tu tập, có thể làm phát sanh tư lương Bồ đề, mau được viên mãn đại nguyện, mau chứng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, nói pháp thanh tịnh cho các hữu tình dứt hẳn tham, sân, si.

Vì vậy, chúng đại Bồ Tát mặc giáp, đội mũ làm sự nghiệp, hàng Thanh văn, Độc giác đều không thể làm được. Do đó, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chỉ khen ngợi các Bồ Tát, chẳng phải khen các Thanh văn.

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật vừa dạy, nên biết rằng **tất cả hành động của đại Bồ Tát có định tâm**. Nghĩa là các đại Bồ Tát nếu trụ bố thí Ba la mật, phải biết lúc ấy tâm cũng định. Nếu trụ tịnh giới Ba la mật, phải biết lúc ấy tâm cũng định. Nếu trụ an nhẫn Ba la mật, phải biết lúc ấy tâm cũng định. Nếu trụ tinh tấn Ba la mật, phải biết lúc ấy tâm cũng định. Nếu trụ tĩnh lự Ba la mật, phải biết lúc ấy tâm cũng định. Nếu trụ Bát nhã Ba la mật, phải biết lúc ấy tâm cũng định. Nếu trụ các Bồ đề phần pháp khác, phải biết lúc ấy tâm cũng định.

Như viên ngọc lưu ly, dù ở bất cứ chỗ nào cũng giữ được màu sắc quí của nó. Nghĩa là ngọc ấy nếu đựng trong hộp bằng vàng, hoặc đựng trong hộp bạc, hoặc để trong hộp thủy tinh, đồng, sắt, sứ v.v… luôn luôn không mất mầu sắc lưu ly. Cũng vậy, các đại Bồ Tát nếu trụ bố thí, nếu trụ tịnh giới, nếu trụ an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, nếu trụ các Bồ đề phần pháp khác, phải biết lúc ấy tâm thường ở trong định. Con hiểu nghĩa Phật đã nói như vậy.

Bấy giờ, Phật khen Mãn Từ Tử:

- Lành thay! Lành thay! Đúng vậy! Đúng vậy!

(Thế nào gọi là Bồ Tát loạn tâm, trụ vào phi định?)

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát lìa pháp dục ác bất thiện, có tầm có tứ, lìa sanh hỷ lạc, trụ hoàn toàn vào **sơ tĩnh lự**. An trụ sơ tĩnh lự như thế rồi, nếu ưa thích vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác, gọi đó là Bồ Tát loạn tâm, nên tâm vị ấy trụ vào phi định.

Này Mãn Từ Tử! Các đại Bồ Tát tầm tứ vắng lặng, trong tâm đều tịnh, nhất tâm hướng đến tánh không tầm không tứ, định sanh hỷ lạc, trụ hoàn toàn vào **tĩnh lự thứ hai**. An trụ tĩnh lự thứ hai đầy đủ rồi, ưa thích vào bậc Thanh văn hay Độc giác, gọi đó là Bồ Tát loạn tâm, nên biết tâm vị ấy trụ vào phi định.

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát lìa hỷ trụ xả, đầy đủ chánh niệm chánh tri, cảm thọ về thân, cảm thọ về lạc, chỉ có bậc Thánh nói được, xả được, đầy đủ niệm, trụ lạc, trụ hoàn toàn vào **tĩnh lự thứ ba**. An trụ hoàn toàn vào tĩnh lự thứ ba rồi, nếu ưa thích địa vị Thanh văn hay Độc giác, gọi đó là Bồ Tát loạn tâm, nên biết tâm vị ấy trụ vào phi định.

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát đoạn tận lạc và khổ, không còn vui buồn lúc trước, chẳng khổ, chẳng vui, y vào xả mà niệm thanh tịnh, trụ hoàn toàn vào **tĩnh lự thứ tư**. An trụ vào tĩnh lự thứ tư rồi, nếu ưa thích địa vị Thanh văn hay Độc giác, gọi đó là Bồ Tát loạn tâm, nên biết tâm vị ấy trụ vào phi định.

(Thế nào gọi là Bồ Tát định tâm?)

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Mức độ nào gọi là Bồ Tát định tâm?

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Nếu các đại Bồ Tát khi thấy các hữu tình kia, bèn nghĩ: Ta phải siêng năng tinh tấn tu Bồ Tát hạnh. Khi chứng đắc Vô thượng Bồ đề, chắc chắn làm cho loài hữu tình kia nhập vào cõi Vô dư y bát Niết bàn, hoặc chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ngang mức độ này nên biết Bồ Tát định tâm.

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát khuyên loài hữu tình **thọ trì 3 pháp quy y**. Các hữu tình kia thọ giữ ba pháp quy y rồi, liền đem căn lành đã tích tập hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, ngang mức độ này nên biết Bồ Tát định tâm.

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát khuyên loài hữu tình **thọ trì 5 giới**. Các hữu tình kia thọ giữ năm giới rồi, liền đem căn lành đã tích tập hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, ngang mức độ này nên biết Bồ Tát định tâm.

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát khuyên loài hữu tình **thọ trì 8 giới**. Các hữu tình kia thọ giữ tám giới rồi, liền đem căn lành đã tích tập hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, ngang mức độ này nên biết Bồ Tát định tâm.

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát khuyên loài hữu tình **thọ trì 10 giới**. Các hữu tình kia thọ giữ mười giới rồi, liền đem căn lành đã tích tập hồi hướng cầu đến Nhất thiết trí trí, ngang mức độ này nên biết Bồ Tát định tâm.

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát khuyên loài hữu tình **thọ trì 10 thiện nghiệp đạo**. Các hữu tình kia thọ giữ 10 thiện nghiệp đạo rồi, liền

đem căn lành đã tích tập hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, ngang mức độ này nên biết Bồ Tát định tâm.

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát khuyên loài hữu tình **thọ trì giới Cụ túc**. Các hữu tình kia thọ giữ giới Cụ túc rồi, liền đem căn lành đã tích tập hồi hướng cầu đến Nhất thiết trí trí, ngang mức độ này nên biết Bồ Tát định tâm.

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát khuyên loài hữu tình **thọ trì Bồ Tát giới**. Các hữu tình kia thọ giữ Bồ Tát giới rồi, liền đem căn lành đã tích tập hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, ngang mức độ này nên biết Bồ Tát định tâm.

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát phương tiện khuyến khích, hướng dẫn các thiện nam, thiện nữ v.v... **tu hành 6 Ba la mật**. Các thiện nam, thiện nữ v.v… kia an trụ bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật rồi, liền đem căn lành đã tích tập hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, ngang mức độ này nên biết Bồ Tát định tâm.

Này Mãn Từ Tử! Nếu các đại Bồ Tát phương tiện khuyến khích, hướng dẫn các thiện nam, thiện nữ v.v... tu hành **4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, tu hành 37 pháp trợ đạo**, **tu hành 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ lớp, 10 biến xứ, tu hành pháp môn giải thoát Không, vô tướng, vô nguyện, cho đến tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề** của chư Phật *(nghĩa là tu tất cả các pháp mầu Phật đạo)*. Các thiện nam, thiện nữ v.v… kia an trụ rồi, liền đem căn lành đã tích tập hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, ngang mức độ này nên biết Bồ Tát định tâm.

Này Mãn Từ Tử! **Nếu các đại Bồ Tát đối với sự tu hành tất cả pháp Phật… kia hết lòng tùy hỷ, cầu Nhất thiết trí trí, ngang mức độ này nên biết Bồ Tát định tâm.**

Nếu các đại Bồ Tát đối với tất cả tâm được định rồi, nên gọi là an trụ tĩnh lự Ba la mật. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì các các đại Bồ Tát này thường không xa lìa tác ý thù thắng Nhất thiết trí trí. Nếu các đại Bồ Tát thường không xa lìa tác ý thù thắng Nhất thiết trí trí, thì gọi là an trụ tĩnh lự Ba la mật.

Như vậy, các đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, phát khởi vô biên công đức thù thắng, mau chứng Vô Thượng Bồ đề.

(Tĩnh lự của Bồ Tát là tối tôn, tối thắng, vi diệu, vô thượng…)

Mãn Từ Tử! **Vì tĩnh lự Ba la mật của Bồ Tát thường không xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí. Tĩnh lự của Nhị thừa chắc chắn xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, nên đối với tĩnh lự của Bồ Tát là kém hơn.**

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Nếu các Thanh văn trụ tĩnh lự này, chứng đắc pháp tánh, thành quả Thanh văn, còn các Bồ Tát trụ tĩnh lự này chứng đắc pháp tánh, lìa chấp trước, thành Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao nói tĩnh lự Thanh văn chắc chắn xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, tĩnh lự Bồ Tát thường không xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí?

Phật bảo:

- Mãn Từ Tử! Ta hỏi ngươi, ý ngươi nghĩ sao? Các hàng Thanh văn trụ tĩnh lự này, chứng đắc pháp tánh, thành quả Thanh văn. Các Bồ Tát trụ tĩnh lự này chứng đắc pháp tánh, lìa chấp trước, thành Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, còn Thanh văn ấy chứng đắc pháp tánh gọi là Như Lai được không?

Mãn Từ Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không được.

Phật bảo:

- Mãn Từ Tử! Ta sẽ nói ví dụ cho ngươi, những người có trí nhờ vào ví dụ này được hiểu rõ nghĩa sâu xa. Thí như người thường dân, trèo lên ngai của vua, người ấy gọi là vua được không?

Mãn Từ Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không được. Vì sao? Vì người kia không có phước, không có tướng làm vua.

Phật bảo:

- Cũng vậy, các Thanh văn tuy có thể hiện nhập được 4 tĩnh lự, 4 định vô sắc, chứng đắc pháp tánh, thành quả Thanh văn, nhưng không có năng lực, các công đức thù thắng và các tướng tốt của Như Lai nên chẳng gọi là Như Lai. Do xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, do không có đức của Phật nên gọi là Thanh văn. Nếu không được như vậy sao gọi là Phật?

Này Mãn Từ Tử! Tĩnh lự của các hàng Thanh văn đã trụ không có công đức thù thắng nên tánh họ thấp kém, đối với sự trụ tĩnh lự của Bồ Tát

trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, cho đến vô số phần không bằng một. Vì sao? Mãn Từ Tử! Tĩnh lự Ba la mật của Bồ Tát thường không xa lìa Nhất thiết trí trí, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình, phát khởi vô biên công đức thù thắng. Do đấy Bồ Tát sở trụ thắng định, Thanh văn Độc giác đều chẳng thể biết được.

(Thế nào là thắng định của Bồ Tát?)

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thắng định Bồ Tát ? Thắng định như thế gọi tên là gì?

Phật bảo:

- Mãn Từ Tử! **Thắng định Bồ Tát gọi là chẳng nghĩ bàn**. Vì sao? Mãn Từ Tử! Thắng định như thế có oai lực khó nghĩ, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí. Thắng định như vậy cũng gọi là làm lợi ích an vui cho tất cả các loài hữu tình thế gian. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì các đại Bồ Tát muốn làm lợi ích an vui vô lượng hữu tình, mà dùng phương tiện thiện xảo nhập vào định này.

Nếu thắng định như vậy hiện tiền thì có thể dẫn đến vô biên thắng định nhiệm mầu, mau chứng Vô Thượng Bồ đề, làm lợi ích an vui lớn cho các hữu tình.

Nếu thắng định như vậy hiện tiền thì dẫn đến vô biên phương tiện thiện xảo, để khuyên răn, dạy bảo cho vô lượng hữu tình đều phát sanh tĩnh lự vô lậu, chứng chơn pháp tánh, dứt các phiền não, nhập vào cảnh giới Vô dư y bát Niết bàn, hoặc chứng Vô thượng Bồ đề.

Do nhân duyên này, thắng định của Bồ Tát cũng gọi là làm lợi ích an vui cho tất cả các loài hữu tình thế gian. **Cho nên các đại Bồ Tát muốn chứng Vô Thượng Bồ đề phải học tĩnh lự Ba la mật. Nếu ai học tĩnh lự Ba la mật, thì mau phát ra Nhất thiết trí trí.**

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con cho rằng các định của Thanh văn chứng đắc hơn định của Bồ Tát. Vì sao? Vì Thanh văn đầy đủ chín định thứ lớp, Bồ Tát chỉ được tám định trước. Bồ Tát chẳng đạt được Diệt thọ tưởng định, nên định của Thanh văn hơn định của Bồ Tát.

Phật bảo:

- Mãn Từ Tử! Bồ Tát cũng được Diệt thọ tưởng định, nghĩa là đối với định này sẽ được tự tại, nhưng chẳng hiện nhập. Vì sao? Vì **Như Lai không muốn các Bồ Tát hiện nhập định này, vì hiện nhập sẽ rơi vào địa vị Thanh văn hay Độc giác.**

Này Mãn Từ Tử! Ta sẽ nói ví dụ cho ông, những người có trí nhờ ví dụ sẽ dễ hiểu được nghĩa sâu xa này. Như vua Chuyển luân tuy ở vùng biên địa xa xôi, nhưng thành ấp các nước nhỏ đều được an lạc, đâu cần vua Chuyển luân đi vào làng xóm của nước ấy. Lẽ nào vua Chuyển luân không đi đến nơi đó, thì nói nơi đó không được an lạc? Cũng vậy, chúng đại Bồ Tát tuy không hiện nhập Diệt thọ tưởng định, nhưng đối với các định này đã được tự tại, do được tự tại nên gọi là đắc.

Này Mãn Từ Tử! Chẳng lẽ các Bồ Tát thường không hiện nhập Diệt thọ tưởng định, cho đến chưa ngồi tòa Bồ đề vi diệu, thì chư Phật Thế Tôn không cho hiện nhập. Nếu khi được ngồi tòa Bồ đề vi diệu, chư Phật Thế Tôn cho hiện nhập. Vì sao? Mãn Từ Tử! Chớ bảo rằng, các Bồ Tát do nhập định này liền rơi vào địa vị Thanh văn hay Độc giác, hoặc bảo chư Phật ngang đồng Nhị thừa, nên Phật Thế Tôn không muốn hiện nhập.

Này Mãn Từ Tử! Như Đại vương Quán đảnh Sát đế lợi muốn vào trong chợ uống rượu của thường dân. Khi ấy, có vị đại thần mưu trí can vua: "Bệ hạ không nên uống rượu ở chỗ này, nếu cần uống bệ hạ phải đợi về trong cung rồi uống". Ý ông nghĩ sao? Chẳng lẽ vua không uống rượu ở chợ được sao, mà đại thần kia ân cần can không cho vua uống? Vì chẳng phải chỗ, chẳng phải thời, nên đúng pháp Đại vương Quán đảnh Sát đế lợi không được uống. Tuy không được uống nhưng vua vẫn tùy nghi dùng rượu v.v… và các vật trong chợ được. Vì sao? Vì vua có quyền lực khắp quốc thổ, thành ấp, sở hữu, vật dụng của mọi người. Như vậy, Bồ Tát có trí thù thắng, do trí này nên thường hiện nhập Diệt thọ tưởng định, nhưng Phật không muốn hiện nhập. Vì sao? Vì nếu Bồ Tát nhập Diệt thọ tưởng định là **phi thời xứ**. Nếu khi Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề, dứt hẳn tất cả tưởng tướng hư vọng, chứng cảnh giới cam lồ, khi ấy mới nhập vào Diệt thọ tưởng định, sau chứng đắc Vô thượng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, đầy đủ 32 tướng, làm lợi ích an vui cho vô lượng hữu tình.

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát rất là hiếm có, làm được việc khó làm. Nghĩa là dù có sức phát trí lậu tận, song vì hữu tình không chứng lậu

tận. Vì sao? Vì các Bồ Tát luôn luôn suy gẫm làm lợi ích an lạc cho hữu tình, nên ý vui tăng thượng thường hiện tiền.

Phật bảo:

- Mãn Từ Tử! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. **Các Bồ Tát luôn luôn suy gẫm làm lợi ích an lạc cho hữu tình, nên ý vui tăng thượng thường hiện tiền.**

Này Mãn Từ Tử! Các Bồ Tát này quán nghĩa lợi ích này, tuy có thể nhập đủ chín định thứ lớp nhưng không nhập. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát này dùng phương tiện thiện xảo, đối với tất cả định tuy được tự tại nhưng không nhập vào.

Này Mãn Từ Tử! Tất cả Bồ Tát sơ phát tâm, hoặc đã Bất thối, đều an trụ tĩnh lự Ba la mật. Các Bồ Tát thường an trụ tĩnh lự Ba la mật như vậy, thường làm lợi ích cho các hữu tình, mau phát sanh Nhất thiết trí trí.

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Các đại Bồ Tát đủ thế lực lớn, thường làm việc lợi ích cho hữu tình, cũng có thể phát sanh Nhất thiết trí trí, mau chứng Vô thượng Bồ đề.

Phật bảo:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói.

Bấy giờ, Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật như thế nào? **Bằng phương tiện nào thoát ra khỏi định?**

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát lìa pháp dục ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sanh hỷ lạc, vào sơ tĩnh lự, cho đến hoàn toàn an trụ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đối với tĩnh lự và đẳng chí của cõi Sắc, Vô sắc, thuận nghịch đều lần lượt vượt qua thông suốt rất thuần thục, du hý tự tại, vào lại cõi Dục, không lệ thuộc vào sức định để sanh vào cõi Sắc, Vô sắc, hoặc cõi trời Trường thọ. Do phát tâm này sanh lại cõi Dục, gần gũi cúng dường chư Phật Thế Tôn, phát sanh vô biên Bồ đề phần pháp.

Sanh vào cõi Sắc, Vô sắc không làm được như vậy, vì sanh ở hai cõi trên thân tâm đần độn. Do nhờ vào phương tiện thiện xảo của Bồ Tát, trước là tu tập định trên làm cho thuần thục hoàn toàn, sau phát hạ tâm sanh lại cõi Dục, tu tập vô lượng tư lương Bồ đề đầy đủ rồi, vượt khỏi ba cõi, chứng đắc Vô Thượng Bồ đề.

Như có người nghĩ như vầy: Làm cách nào vào được cung vua, lén cùng vương hậu, phi tần đùa giỡn, hưởng lạc để vua khỏi biết, lại bảo tồn được thân mạng? Nghĩ rồi bèn tìm các loại diệu dược, uống vào thì nam căn lúc có, lúc không. Được thuốc ấy liền tìm cách phụng sự vua. Khi nhà vua tuyển dùng, người ấy uống thuốc ẩn nam căn, rồi thưa với nhà vua: "Tâu đại vương! Hạ thần không còn nam căn, xin được làm kẻ giữ cung cấm cho đại vương". Vua nghe vậy cho điều tra sự thực rồi giao phó việc giữ trong cung.

Bấy giờ, người ấy vào trong cung cấm của vua, lén cùng các hậu phi tư tình mặc ý giao thông. Thời gian lần qua, một tháng, hai tháng, ba tháng, sợ vua biết được thì mất mạng, liền uống thuốc hiện nam căn ra lại, rồi thưa vua: "Tâu đại vương! Hạ thần bỗng nhiên hiện lại nam căn, xin từ nay trở đi không vào trong cung cấm nữa".

Khi ấy, vua khen: "Đây là người hiền thiện chơn thật, tự đến và đi chẳng trái phép ta". Liền hậu thưởng ban cho tước lộc, ủy nhiệm công việc bên ngoài. Phải biết người này với phương tiện thiện xảo, có thể thỏa mãn ý muốn mà còn giữ được thân mạng, lại được vua ban thưởng của cải tước vị.

Cũng vậy, Bồ Tát với phương tiện thiện xảo, vào bốn tĩnh lự và bốn định vô sắc, lần lượt vượt khỏi. Được thiện xảo rồi, liền khởi hạ tâm sanh lại cõi Dục, gần gũi cúng dường chư Phật Thế Tôn, phát sanh vô biên Bồ đề phần pháp, cho đến chưa viên mãn thì không chứng thật tế.

Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì đại Bồ Tát này với phương tiện thiện xảo, không bỏ Nhất thiết trí. Như vậy, Bồ Tát phương tiện thiện xảo, tu hành tĩnh lự Ba la mật, ở trong thật tế chẳng chứng đắc, cũng không nhập vào Diệt thọ tưởng định, cho đến chưa viên mãn tư lương Bồ đề vẫn thọ thân cõi Dục, tu Bồ Tát hạnh.

Bấy giờ, Phật dạy A nan đà:

- Ngươi nên thọ trì tĩnh lự Ba la mật mà các chúng Bồ Tát đã học, chớ để quên mất.

A nan đà thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con thọ trì tĩnh lự Ba la mật mà các Bồ Tát đã học, chắc chắn không quên mất.

Khi đức Bạc già phạm nói Kinh này rồi, cụ thọ Xá lợi Tử, cụ thọ Mãn Từ Tử, cụ thọ A nan đà và các Thanh văn, các Bồ Tát, cùng tất cả trời,

rồng, Dược xoa, Kiện đạt phược, A tu la, Yết lộ trà, Khẩn nại lạc, Mạt hô lạc già, người chẳng phải người v.v… tất cả đại chúng nghe Phật dạy rất vui mừng, tin nhận phụng hành.

Sơ giải:

1. Bồ Tát an trụ tĩnh lự, nhiếp thọ 6 pháp Ba la mật thế nào?

*- Nếu chúng **đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật**: Đối với các tĩnh lự và chi phần tĩnh lự không sanh tham đắm, cũng không thối chuyển. Đối với các tĩnh lự và chi phần tĩnh lự không sanh ngã tưởng phân biệt chấp trước. Lại đem căn lành tương ưng ấy, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí.*

*- Nếu chúng **đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự, đối với các Tĩnh lự và chi phần tĩnh lự phát khởi các tưởng không sanh tham đắm**, lại đem căn lành tương ưng ấy, hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí; như vậy, các đại Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, **nhiếp thọ tĩnh lự Ba la mật.***

*- Nếu Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, vượt qua các pháp tạp nhiễm cõi Dục, dùng phương tiện nhập vào bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui, rồi trở lại xả bỏ thọ thân cõi Dục, tinh tấn tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, Bát nhã Ba la mật và vô biên các Bồ đề phần pháp. Như vậy, là các Bồ Tát an trụ tĩnh lự, **nhiếp thọ tinh tấn Ba la mật**.*

*- Nếu Bồ Tát tu học thành tựu đại từ, đại bi, đối với các hữu tình muốn làm lợi ích, an trụ tĩnh lự Ba la mật, gặp các nghịch duyên tâm không tạp uế. Như vậy, là các Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, **nhiếp thọ an nhẫn Ba la mật**.*

*- Nếu Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, đối với Thanh văn, Độc giác không sanh chấp trước. Như vậy, là các Bồ Tát này an trụ tĩnh lự Ba la mật, **nhiếp thọ tịnh giới Ba la mật**.*

*- Nếu Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, đối với các hữu tình khởi niệm đại bi, nguyện không xả bỏ tất cả hữu tình, muốn cho họ thoát khổ sanh tử, nên cầu chứng Vô Thượng Bồ đề, nguyện đem pháp thí giáo hóa hữu tình khiến dứt tất cả phiền não. Như vậy, các Bồ Tát này an trụ tĩnh lự Ba la mật, **nhiếp thọ bố thí Ba la mật**.*

Nếu các Bồ Tát thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, thì các Bồ Tát này được gọi là ***Bồ Tát bất thối****.*

Bồ Tát này rất hiếm có hay làm việc khó làm. Sau khi an trụ trong các thắng định vắng lặng an vui như vậy, nhưng có thể xả bỏ để trở lại cõi Dục, thọ thân thấp hèn. Vì sao? Vì muốn độ thoát vô lượng, vô số, vô biên hữu tình vào cảnh giới Vô dư bát Niết bàn, vì muốn Pháp nhãn thanh tịnh của Phật thường không gián đoạn, nên các Bồ Tát này mặc giáp đại nguyện vững chắc, hiện thân vào cõi Dục. Tuy làm việc như vậy nhưng không chấp trước, thực thi các hạnh nguyện khó hành độ thoát hữu tình được Niết bàn, hoặc đắc Vô Thượng Bồ đề. Vì sao? Vì các Bồ Tát đối với tất cả pháp không còn chấp ngã, ngã sở nữa.

2. Tại sao Như Lai chỉ khen ngợi công đức của các Bồ Tát mà không khen ngợi Thanh văn?

Các Bồ Tát độ thoát vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, làm cho nhập vào cõi Vô dư bát Niết bàn. Các Bồ Tát làm cho Pháp nhãn thanh tịnh của chư Phật không đoạn diệt, đem lại lợi ích an vui cho tất cả hữu tình, nên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chỉ khen ngợi Bồ Tát, không khen Thanh văn. Tất cả hàng Thanh văn thừa không làm nổi sự nghiệp như các Bồ Tát đã làm. Các Bồ Tát điều phục phiền não ác nghiệp tự thân, cũng có thể điều phục cho vô lượng hữu tình, giúp họ lìa tất cả phiền não ác nghiệp, nhập vào cảnh giới Vô dư y Niết bàn, hoặc chứng Vô Thượng Bồ đề. Còn hàng Thanh văn thừa ***chỉ có thể điều phục phiền não ác nghiệp tự thân, không thể làm lợi ích cho vô lượng hữu tình****. Cho nên sự nghiệp của hàng Thanh văn chẳng được như Bồ Tát. Do vậy, sự nghiệp của Bồ Tát rất thù thắng. Đó là lý do tại sao Thế Tôn chỉ khen ngợi Bồ Tát, chẳng khen ngợi Thanh văn.*

3. Thế nào gọi là Bồ Tát loạn tâm?

Nếu các Bồ Tát tu tập từ sơ thiền đến tứ thiền: Cứ an trụ vào tĩnh lự của mỗi giai đoạn từ sơ tịnh lự cho đến tịnh lự thứ tư rồi, nếu ưa thích địa vị Thanh văn hay Độc giác, gọi đó là Bồ Tát loạn tâm, nên biết tâm vị ấy trụ vào phi định.

4. Thế nào gọi là Bồ Tát định tâm?

Nếu các đại Bồ Tát năng tinh tấn tu Bồ Tát hạnh, khi chứng đắc Vô Thượng Bồ đề, chắc chắn làm cho hữu tình nhập vào cõi Vô dư y bát Niết bàn, hoặc chứng Vô Thượng Bồ đề, tới mức độ đó nên biết Bồ Tát có định tâm.

Nếu các đại Bồ Tát khuyên hữu tình thọ trì tam quy, thọ trì tam quy rồi, liền đem căn lành đã tích tập hồi hướng Nhất thiết trí trí, tới mức độ đó nên biết Bồ Tát có định tâm. Nếu Bồ Tát khuyên hữu tình thọ trì ngũ giới, bát giới, thập giới; thọ trì mười thiện nghiệp đạo, thọ trì Cụ túc giới, Bồ Tát giới; tu hành lục Ba la mật, bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, 37 pháp trợ đạo; tu hành tam giải thoát môn, tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ lớp, mười biến xứ; tu hành Như Lai mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt; tu hành đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng cho đến Nhất thiết tướng trí… Nói chung, là tu hành tất cả pháp mầu Phật đạo; thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Nếu Bồ Tát phương tiện khuyến khích, hướng dẫn các thiện nam, thiện nữ an trụ rồi, liền đem căn lành đã tích tập hồi hướng cầu Nhất thiết trí trí, tới mức độ đó nên biết Bồ Tát có định tâm.

"**Nếu Bồ Tát đối với tất cả tâm được định rồi, nên gọi là an trụ tĩnh lự Ba la mật. Vì sao? Vì các Bồ Tát này thường không xa lìa tác ý Nhất thiết trí trí. Nếu các đại Bồ Tát thường không xa lìa tác ý Nhất thiết trí trí, thì gọi là an trụ tĩnh lự Ba la mật.**

Như vậy, Bồ Tát an trụ tĩnh lự Ba la mật, phát khởi vô biên công đức thù thắng, mau chứng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề".

5. Tĩnh lự của Bồ Tát là tối tôn, tối thắng, vi diệu, vô thượng...

*Tĩnh lự Ba la mật của Bồ Tát, trừ định của Như Lai, đối với các định khác là tôn, là thắng, là tối cao, là vô thượng… Vì sao? **Vì tĩnh lự Ba la mật của Bồ Tát thường không xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí.** Tĩnh lự của Nhị thừa chắc chắn xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, nên đối với tĩnh lự của Bồ Tát kém hơn. Các hàng Thanh văn trụ tĩnh lự này, chứng pháp tánh, đắc quả Thanh văn. Thanh văn không được gọi là*

Như Lai. Bồ Tát tu hành lục Ba la mật và các pháp mầu Phật đạo, độ vô lượng chúng sanh, đem công đức của mình và người hồi hướng Nhất thiết trí trí mới được gọi là Như Lai.

Các Thanh văn tuy có thể hiện nhập được bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc, chứng đắc pháp tánh, đắc quả Thanh văn, nhưng không có năng lực, công đức thù thắng và thân tướng hảo của Như Lai nên chẳng gọi là Như Lai. ***Do xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, nên chỉ được gọi là Thanh văn.*** *Các đại Bồ Tát thường không xa lìa Nhất thiết trí trí, thành thục hữu tình, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, phát khởi vô biên công đức thù thắng. Do Bồ Tát trụ thắng định như vậy, nên hàng Thanh văn Độc giác đều không thể sánh bằng.*

6. Thế nào là thắng định của Bồ Tát ?

Vì muốn làm lợi ích an vui vô lượng vô số hữu tình, các đại Bồ Tát phải thành đạt bốn thiền bốn định vô sắc mới có thể dẫn đến vô biên phương tiện thiện xảo, rồi khuyên răn, dạy bảo cho vô lượng hữu tình, để phát sanh tĩnh lự vô lậu, chứng chân pháp tánh, dứt tất cả các phiền não tập khí tương tục, tiến đến Nhất thiết trí trí hoặc chứng Vô thượng Bồ đề. Như thế, nên được gọi là thắng định tối thượng của Bồ Tát.

7. Bồ Tát nhập định, xuất định khác với Thanh văn như thế nào?

Thanh văn nhập chín định thứ đệ nghĩa là trước hết nhập vào diệt thọ tưởng định, xả diệt thọ tưởng định nhập Sơ thiền, xả Sơ thiền nhập vào diệt thọ tưởng định, xả diệt thọ tưởng định nhập vào Nhị thiền, xả Nhị thiền nhập vào diệt thọ tưởng định, xả diệt thọ tưởng định nhập vào Tam thiền, xả Tam thiền nhập vào diệt thọ tưởng định, xả diệt thọ tưởng định nhập vào Tứ thiền, xả Tứ thiền để nhập vào diệt thọ tưởng định. Tới đây Thanh văn không xả thiền mà ở luôn trong ấy thì gọi là nhập diệt, liền tái sanh vào cõi Sắc.

Nhưng tới đây tiếp tục xuất diệt thọ tưởng định để nhập Không vô biên xứ, xả Không vô biên xứ định nhập vào diệt thọ tưởng định; xả diệt thọ tưởng định, nhập vào Thức vô biên xứ, xả Thức vô biên xứ định nhập vào

diệt thọ tưởng định; xả diệt thọ tưởng định nhập vào Vô sở hữu xứ, xả Vô sở hữu định nhập vào diệt thọ tưởng định; xuất diệt thọ tưởng định nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Tới đây nếu Thanh văn không đi theo chiều ngược lại để xả thiền mà ở luôn trong ấy thì gọi là nhập diệt, liền tái sanh vào cõi Vô sắc.

Nhưng tới đây thiền giả xả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập vào diệt thọ tưởng định đi ngược lại từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ trở lại Sơ thiền. Tới Sơ thiền rồi, muốn chấm dứt buổi thiền thì thiền giả lại nhập vào diệt thọ tưởng định; xả diệt thọ tưởng định, trở lại trạng thái bình thường như lúc chưa vào thiền.

Bồ Tát ra vào bốn tĩnh lự và bốn định vô sắc du hí tự tại, được thiện xảo rồi, liền khởi hạ tâm sanh lại cõi Dục, gần gũi cúng dường chư Phật Thế Tôn, học vô lượng tư lương Bồ đề, cho đến chưa viên mãn thì không chứng thật tế. Chỉ khi nào tu tập vô lượng vô biên Phật pháp đầy đủ rồi, đắc Vô Thượng Bồ đề, chứng thật tế, mới vào Niết bàn.

Một phút tư duy:

Tới đây chúng ta học xong phần tĩnh lự Ba la mật. Chúng ta biết rằng xã hội ngày nay là chiến trường tranh đấu của bao dục vọng điên cuồng, cả vật chất lẫn tinh thần giữa các giai tầng xã hội, làm con người càng ngày càng trở nên điên đảo hơn. Kẻ thiếu ý chí, kém nghị lực sẽ bị đào thải trở thành cuồng tâm, loạn trí. Chúng tôi muốn nói đến những người bị bệnh tâm thần trước áp lực của xã hội. Bệnh này càng trở nên trầm trọng đối với các quốc gia phát triển về kỹ nghệ, nhất là trong các thành phố lớn đông đúc, náo nhiệt.

Chúng ta thấy có nhiều người sống lang thang trẻ cũng như già, đi đâu cũng lầm bầm trong miệng. Đó là những người điên thầm lặng. Có những người khoát tay múa chân la hét chửi mắng một mình. Có người bạo động hơn thường gây gổ, thích đánh đấm, chém giết... Đây là những người bệnh tâm thần, không thể tự mình kiểm soát nổi thân tâm. Vấn đề này đã trở thành mối quan tâm cho cộng đồng xã hội ngày nay.

Để tránh trường hợp đó, người học đạo phải biết thúc liễm thân tâm. Phương pháp tốt nhất của đạo Phật là tu thiền tập định hay niệm Phật. Nó sẽ giúp con người sống trong chánh niệm, chánh định, sống trong rõ ràng

thường biết, tự mình kiểm soát đời mình, hay nói khác chính mình là chủ nhân của đời mình.

Thiền sư Sư Nhan ngồi một mình trên tảng đá, thỉnh thoảng gọi: "Ông chủ nhân!" Tự đáp: "Dạ!" Bảo: "Phải tỉnh tỉnh đừng để người lừa!"

Tự gọi tự đáp dường như việc đùa. ***Chính là lối tu tự nhắc mình không quên ông chủ của đời mình. Mình là chủ nhân của đời mình****. Đừng để ngoại duyên hay kẻ khác đánh lừa. Phải hằng tỉnh thức với ông chủ ngàn đời của mình. Quả là pháp tắc muôn đời cho những người biết sống trở lại với chính mình. Biết trở về với mình là về quê hương, là đến Bảo sở, là Cùng tử được cha trao sự nghiệp, là Niết bàn, là giác ngộ, là giải thoát... Trăm ngàn danh từ khác nhau đều chỉ một việc "trở về với mình". Bởi vì trở về được với chính mình, thì muôn việc đều có thể giải quyết hết. (Trích trong cuốn Bước Đầu Học Phật – HT Thích Thanh Từ)*

---o0o---

Cũng như bốn Ba la mật trước, chúng tôi đều trích dẫn từ bộ Đại Trí Độ Luận, bây giờ chúng tôi tiếp tục trích dẫn ***phẩm thứ nhất, "Thiền Na Ba La Mật", Tập 1, quyển 17*** *để cùng các đạo hữu học pháp môn vi diệu này.*

Thiền Na Ba la Mật

(Thiền Ba la Mật)

Hỏi: *Tu hạnh Bồ Tát là nhằm độ thoát hết thảy chúng sanh. Như vậy vì sao Bồ Tát lại chọn chốn núi rừng thanh vắng để tọa thiền, tu riêng cho mình?*

Đáp: Thân Bồ Tát tuy ở xa chúng sanh mà tâm Bồ Tát vẫn nhớ nghĩ đến chúng sanh, chẳng bao giờ bỏ chúng sanh cả.

Bồ Tát chọn chốn núi rừng thanh vắng, yên tĩnh để được định tâm, cầu Thật Trí Huệ, để rồi dùng Thật trí Huệ độ thoát chúng sanh. Ví như người bệnh chưa lành bệnh, phải cần nghỉ ngơi bồi bổ, đến khi cơn bệnh đã dứt hẳn, sức khỏe được hồi phục, mới ra gánh vác công việc.

Bồ Tát dùng sức thiền định, uống thuốc trí huệ, được thần thông tự tại, rồi mới vì tất cả hạng chúng sanh, dùng các phương tiện thích nghi để khai đạo.

Bồ Tát tu Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục mới chỉ là tu phước. Như trong Kinh nói "Bồ Tát làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, đem 10 Thiện Đạo giáo hóa chúng sanh, khiến họ được nhiều lợi lạc, rồi lại chỉ cho họ biết là do tương quan đối đãi mà có lạc, có khổ, có vui, có buồn… để rồi dạy cho họ phát tâm Đại Bi, thường tu Niết Bàn, sẽ được lợi lạc trong nhiều đời.

Thế nhưng muốn được Niết Bàn thì phải tu Thật Trí Huệ, phải Nhất Tâm Thiền Định. Ví như ngọn đèn dầu để giữa gió bị chao động, chẳng bao giờ phát ra được nhiều ánh sáng. Nếu được để vào một nơi kín gió, thì ánh đèn sẽ được sáng tỏ hơn nhiều. Cũng như vậy, khi được thiền định rồi, thì Thật Trí Huệ sẽ sanh.

Bồ Tát tuy vào thiền định, tuy ở xa chúng sanh mà vẫn luôn luôn nhớ nghĩ đến chúng sanh, dùng các phương tiện để lợi sanh. Khi chưa được Đạo mà ở gần người thế gian thì sẽ không được chuyên tâm, do vậy mà sự nghiệp hoằng pháp độ sanh sẽ không được thành tựu viên mãn.

Thiền Định có công năng nhiếp các tâm loạn động. Tâm loạn ví như lông chim Hồng, gặp gió thổi sẽ cứ bay mãi chẳng sao dừng nghỉ được. Cũng vậy, nếu chẳng có Thiền Định tâm sẽ bị loạn động, chẳng sao có thể an định, sẽ bị các gió nghiệp lôi cuốn theo chẳng sao dừng nghỉ được vậy.

Lại nữa, tâm phàm phu ví như khỉ, như vượn, như điện chớp, liền khởi, liền diệt. Bởi vậy nên **hành giả phải vào Thiền Định mới điều phục được tâm mình.**

(…)Hành giả tu Thiền Định, nếu chẳng chuyên cần thì rất khó được Nhất Tâm. Phải siêng năng, tinh tấn, không giải đãi mới có thể được Định. Chư Thiên, chư Thần còn chưa được định, huống nữa là hàng phàm phu thường giải đãi, không siêng năng tinh tấn.

(…)**Hỏi**: *Phải tu phương tiện gì mới được Thiền Na Ba la Mật?*

Đáp: Phải không đắm chấp 5 trần *(sắc, thanh, hương, vị, xúc)*, trừ 5 cái *(tham dục, sân khuể, thụy miên, điệu hối và nghi)*, tu 5 hạnh *(có nhiều loại, trong Luận liệt kê là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ)* mới xả ly được 5 dục. Vì sao?

Vì **5 dục***(sắc thanh hương vị xúc hay tài sản (tài), nữ sắc (sắc), ăn uống (thực), tiếng khen (danh), ngủ nghỉ (thùy)* ví như lửa, như chó gặm xương, như chim ưng ăn thịt người chết. Vì 5 dục như lửa gặp gió thiêu đốt tâm người. Vì 5 dục như rắn độc cắn chết người.

Lại nữa, 5 dục chẳng thật có, chỉ như mộng, như huyễn. Phàm phu do mê muội, mà tham đắm 5 dục, đến chết cũng chẳng thôi, khiến phải chịu vô lượng khổ đau.

Người tham đắm 5 dục chỉ hưởng vui trong chốc lát, mà phải chuốc khổ vào thân. Ví như đứa bé ham ăn, liếm mật nơi lưỡi dao, khiến phải bị rách lưỡi vậy.

Người tham đắm 5 dục, cùng với súc sanh chẳng có gì khác. Bởi vậy người trí phải nên lánh xa 5 dục.

--o0o--

Lại nữa, 5 dục đều do **5 trần** *(sắc thanh hương vị xúc)* lôi kéo. Người muốn cầu Thiền Định phải xa lìa 5 dục, chẳng đắm chấp 5 trần, phải xem 5 trần như 5 mồi lửa thiêu đốt thân tâm.

Hỏi: *Vì sao không nên đắm chấp* ***Sắc, Thanh****?*

Đáp: Sắc và Thanh thường hay **dẫn sanh các kiết sử.**

Thấy người thương thì vui mừng chào đón, thấy kẻ oán thì ghét bỏ, ruồng rẫy. Nghe người thương nói thì thích thú, thán khen, nghe kẻ oán nói thì bực tức chê bai. Người muốn xả vui buồn, thương ghét, nóng giận phải trừ các tà niệm, chẳng đắm chấp Sắc, Thanh.

Ví như vua Bà Ta La, vì đam mê nữ sắc mà vào tận nước địch, tìm đến nhà dâm nữ để mua vui, khiến phải bị bắt giữ.

Lại như vua Ưu Điềm, đam mê nữ sắc, nhưng không được thỏa mãn nên sanh sân nhuế, đang tâm chặt tay chân của 500 vị Tiên Nhân.

Người vô trí, do chẳng rõ vô thường. Lại bị Sắc, Thanh mê hoặc nên thường sanh tà niệm, đánh mất thiện tâm.

Ví như các Tiên Nhân ở núi Tuyết Sơn, thấy các nữ Chiên Đà La múa hát mà sanh tà niệm, khiến phải mất thiền định.

Hỏi: *Vì sao không nên đắm chấp* ***Hương****?*

Đáp: Hương cũng thường hay **dẫn sanh các kiết sử**. Dù trì giới cả trăm năm, mà chỉ một thời đắm Hương cũng có thể bị hoại.

Trong Kinh có chép các mẫu chuyện sau đây:

- Thời xưa có một vị A La Hán, thường được Long Vương thỉnh vào cung để cúng dường. Khi trở về, Ngài đưa bát cho một vị Sa Di rửa. Vị Sa Di ngửi mùi thơm ngon của thức ăn còn dính nơi bát, sanh đắm trước. Thế rồi một hôm, vị Sa Di tự cột mình vào giường của thầy. Khi giường của thầy bay vào Long Cung, vị Sa Di cũng được đi theo. Vào đến Long Cung, Vị Sa Di lại thấy các Long Nữ, thân hình đoan chánh, tỏa hương thơm ngào ngạt, nên càng sanh tâm nhiễm trước, phát lời nguyện rằng: "Tôi nguyện tu phước để được sanh về Long Cung".

Vị A La Hán hết lời khuyên dạy, nhưng vị Sa Di vẫn không nghe. Do nhân duyên vậy, nên vị Sa Di này đã biến thành rồng ở bên hồ.

- Lại nữa, có một vị Tỳ Kheo đắm hương sen, nên cứ đến bên hồ sen đi kinh hành để ngửi hương thơm của phấn hoa sen.

Vị Thần hồ hiện lên hỏi: "Sao Ngài lại bỏ rừng đến đây ngửi trộm hương sen của tôi?"

Ngay lúc ấy có người vào hồ sen bẻ hoa, đào luôn cả củ sen, mà vị Thần hồ vẫn chẳng nói năng gì cả.

Vị Tỳ Kheo nói với Thần hồ: "Sao người kia đã phá hồ, cắt hoa, đào củ mà ông chẳng nói năng gì cả? Tôi chỉ thưởng thức hương thơm của hoa sen thôi, sao ông mắng tôi đến đây ngửi trộm hương sen của ông?"

Vị Thần hồ đáp: "Người thế gian tâm bất tịnh, tội cấu ngập đầu nên tôi không nói đến họ. Còn ngài là bậc tu tịnh hạnh, thường hành Thiền Định, nếu ngài đắm chấp hương thơm là ngài đã tự phá định tâm của ngài rồi vậy. Nay tôi vì ngài mà nói như vậy đó. Ngài như tấm vải trắng, nếu để vấy dơ thì thật quá uổng. Còn người kia như tấm vải đen, nếu có lấm hết cũng chẳng sao cả".

Vị Tỳ Kheo nghe nói như vậy hết lòng cảm ơn vị Thần hồ và từ đó giữ tâm thanh tịnh, không đắm trước hương trần nữa.

Hỏi: *Vì sao không nên đắm chấp **Vị**?*

Đáp: Vị cũng thường hay **dẫn sanh các kiết sử**.

Người tham trước các thức ăn ngon, chỉ hưởng được vị ngon trong chốc lát, mà sẽ phải chịu bao nhiêu sự khổ đau. Nếu tâm chấp Vị quá kiên

cố, thì đời sau sẽ bị đọa làm thân côn trùng, sống ở những nơi bất tịnh, dơ bẩn.

Thời xưa, có một vị Sa Di chỉ thèm ăn "tô lạc"(bánh làm bằng sữa). Đến khi mạng chung, sanh làm côn trùng, sống trong chất tô lạc.

Có một vị Tỳ Kheo đắc quả A La Hán, nói với Tăng chúng rằng: "Khi phân chia tô lạc, quý vị chớ nên khuấy động mạnh, hãy nên nhẹ tay đừng làm chết vị Sa Di của chúng ta đang sống trong hũ tô lạc".

Chúng Tăng ngạc nhiên hỏi: "Trong hũ tô lạc chỉ có côn trùng. Vì sao lại nói có vị Sa Di của chúng ta trong đó?"

Vị A La Hán đáp: "Côn trùng trong hũ tô lạc chính là vị Sa Di của chúng ta đó. Vì kiếp trước vị ấy quá đắm trước tô lạc, nên kiếp này đã tái sanh làm côn trùng sống trong hũ tô lạc của chúng ta".

Từ đó, mỗi khi chúng tăng phân chia tô lạc đều có dành phần cho côn trùng sống trong hũ.

Lại nữa, có một vị Thái Tử của một nước nọ thích ăn quả ngon, thường bảo người làm vườn tìm quả ngon đem đến cho mình.

Một hôm, có một con chim bay vào núi hái quả ngon đem về cho con. Mấy con chim con tranh nhau, khiến một quả rơi xuống đất. Người làm vườn biết loại quả thơm ngon ấy rất quý, nên đã nhặt đem vào cung dâng lên Thái Tử.

Thái Tử nếm được vị ngon của loại quả hiếm có này, sanh đắm trước, bảo người làm vườn phải tìm mọi cách tìm loại quả ấy mỗi ngày đem về cho mình. Người làm vườn chẳng biết làm sao hơn, là tranh với chim để giành lấy quả, mỗi lần thấy chim mẹ mang quả về tổ.

Chim mẹ quá giận dữ, bèn bay về núi tìm loại quả độc nhưng có hương vị thơm ngon, đem về tổ. Người làm vườn tranh ngay loại quả ấy đem dâng Thái Tử.

Thái Tử vừa trông thấy quả chín đỏ ong, hương thơm ngát, đón lấy ăn ngay.Vừa ăn xong bị trúng độc, Thái Tử lăn ra chết.

Hỏi: *Vì sao không nên đắm chấp **Xúc**?*

Đáp: Như 4 trần kia, Xúc cũng thường hay **dẫn sanh các kiết sử**, khiến tâm bị nhiễm trước, rất khó xa lìa. Trong 5 trần thì Xúc là khó xả ly hơn hết.

Thân xúc là nguyên nhân dẫn sanh biết bao nhiêu tội lỗi. Do vì tham đắm sự xúc chạm mà nhiều người phải đọa vào địa ngục.

Hỏi: *Vì sao nói "Muốn xả ly 5 dục phải trừ 5 Cái?"*

Đáp: **5 Cái** là 5 phiền não che đậy tâm tánh, khiến các pháp lành chẳng có thể sanh được. Đó là: Tham dục, Sân nhuế, Thùy miên, Trạo hối, Nghi pháp.

1- Tham dục: Nếu tâm tham đắm dục lạc thì chẳng có thể vào Đạo được.

Trên đây lược nói các nhân duyên trừ Dục Cái. Nếu bỏ mất thiện tâm, chẳng hành các thiện pháp thì liền bị Dục lôi kéo vào 3 đường ác. Hành giả phải rõ biết Dục là oan gia, tâm tham đắm dục là kẻ giặc phải được tiêu trừ.

2- Sân nhuế: Sân nhuế ví như lửa dữ thiêu rụi rừng công đức.

3- Thùy miên: Người chìm đắm trong thùy miên, dù vẫn còn thở cũng được xem như người đã chết rồi.

4- Trạo hối: Trạo hối phá người xuất gia, khiến không thể nhiếp tâm được. Người trạo hối ví như voi say, không câu móc, như lạc đà bị xâu mũi không đứng vững được.

5- Nghi Pháp: Nghi pháp ngăn che tâm trí khiến không thể thấy rõ chân lý. Người có tâm nghi thường chẳng có quyết định dứt khoát ở nơi các pháp. Nếu chẳng có định tâm thì ở trong Phật pháp chẳng có được lợi lạc gì cả. Ví như người vào núi báu với hai tay không, chẳng hề thu lượm được gì đáng kể.

Hỏi: *Phá trừ 5 triền cái rồi thì sẽ được lợi ích gì?*

Đáp: Phá trừ được 5 triền cái rồi, thì **tâm sẽ không còn bị loạn động**, không còn bị mê ám ngăn che, trở thành an ổn thanh tịnh, khoái lạc. Ví như đám mây đen che kín bầu trời, không cho ánh sáng mặt trời chiếu xuống trái đất. Khi đám mây tan biến rồi, bầu trời sẽ trở lại trong sáng, thanh tịnh, và vạn vật sẽ được chan hòa trong ánh sáng mặt trời.

Sau khi đã trừ được 5 triền cái rồi, hành giả tu **5 Hạnh** (gồm có Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ) để thành tựu 5 Thiền Chi, vào Sơ Thiền.

Hỏi: *Ở trong cõi Dục phải làm thế nào để vào được **Sơ Thiền**?*

Đáp: Hành giả phải thường tinh tấn, xuất gia, ly dục, thọ trì giới pháp, ngày đêm chẳng bao giờ giải đãi, ăn ít, nhiếp tâm không loạn động.

Như vậy là vào được niệm "Sơ Thiền Lạc".

Hành giả vào Sơ Thiền, dùng Bi quán, Trí quán và Huệ quán nên được nhất tâm, không tán loạn. Do chuyên cầu Sơ Thiền, nên hành giả buông xả hết dục lạc; do vậy chẳng còn bị oán địch hãm hại nữa. Có một người Bà La Môn đến cầu pháp, Phật dạy rằng: "Ta thường quán dục đáng sợ hãi. Dục là nhân duyên của ưu khổ, trói buộc chúng sanh trong lưới ma, khó bề thoát ra được. Phải xem dục như hầm lửa lớn, như loài rắn độc, như lũ giặc cướp, như quỷ La Sát, như thớt voi điên rất ghê tởm, rất đáng sợ hãi. Người đắm chấp dục lạc ví như người tù bị giam vào ngục tối, như chim sa lưới, như cá mắc câu, như chó bị sói bắt, như người bị nhận chìm xuống nước, như thuyền lọt vào miệng cá... Dục là như mộng, như huyễn, là hư dối, không thật có, đem lại vui ít khổ nhiều. Dục là quân ma phá hoại thiện căn, nên người tu hành phải **nhất tâm trừ dục mới vào được Sơ Thiền**".

Hỏi: *Bát Bối Xả, Thập Nhất Thế Nhập, Tứ Vô Lượng Tâm cùng các định Tam Muội khác sao chẳng được gọi là Ba la Mật ? Vì sao chỉ gọi Thiền Na là Ba la Mật mà thôi?*

Đáp: Các định kia chẳng có đầy đủ công đức tư duy, nên không được gọi là Ba la Mật. Thiền có đầy đủ công đức tư duy, nên có thể trở thành Thiền Ba la Mật. Thiền được ví như ông vua, còn các định khác ví như các quan trong triều. Vì sao? Vì trong tất cả 4 Thiền đều có trí và định, nhưng nơi đây trí nhiều hơn định. Còn nơi Vô Sắc Định thì trí lại ít mà định nhiều hơn. Vậy nên Thiền có nhiều công đức tư duy hơn.

Hơn nữa, ở nơi Đệ Tứ Thiền có đầy đủ 4 Bình Đẳng Tâm, 5 Thần Thông, Bát Bối xả, Thập Nhất Thế Nhập, và các Tam Muội như Ban Châu Tam Muội, Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội dẫn đến đầy đủ 120 phẩm Tam Muội. Như vậy, tất cả các công đức diệu định đều trú trong Thiền, nên Thiền mới trở thành Ba La Mật được.

Hỏi: *Trước đây có nói "Phải ly 5 Dục, xả 5 Cái, tu 5 Hạnh, mới vào được Sơ Thiền". Như vậy hành giả muốn vào Sơ Thiền phải y nơi pháp quán nào?*

Đáp: Hành giả phải y vào **pháp quán bất tịnh, phải tu niệm hơi thở**, phải vào định, phải ly các pháp bất thiện, mới vào được Sơ Thiền.

(…)Lại nữa, người trì giới thanh tịnh ở nơi thanh vắng thâu nhiếp các căn, chuyên chú tư duy, hành các pháp thiện, xa lìa các pháp ác, cũng vào được Sơ Thiền.

Trong A Tỳ Đàm nói "Vào Sơ Thiền có 4 giai đoạn". Đó là: 1- Tương Ưng Vị, 2- Tịnh, 3- Vô Lậu và 4- Đắc Thiền.

Người vào được Tịnh và Vô Lậu là vào được Sơ Thiền.

Vào Đệ Nhị Thiền và Đệ Tam Thiền cũng như vậy.

Phật dạy: "Nếu Tỳ Kheo ly dục, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, thì vào được Sơ Thiền. Trừ được 5 triền cái, khiến cả trong lẫn ngoài được nhất tâm hoan hỷ là tướng của Sơ Thiền".

Khi chưa vào được Sơ Thiền, chưa tu được các thiện pháp công đức, thì còn bị lửa dục thiêu đốt. Khi vào đuợc Sơ Thiền rồi, thì như đang nóng được tắm mát, đang nghèo túng nhặt được của quý vậy. Thiền giả càng tư duy về các tội lỗi càng thấy rõ lợi ích của Sơ Thiền, nên tâm rất vui mừng. Như vậy gọi là "Có giác, có quán".

Hỏi: *Giác và Quán là một pháp, hay là hai pháp khác nhau?*

Đáp: Giác và Quán là 2 pháp khác nhau. Giác là thô, Quán là tế. Ví như đánh một hồi chuông, lúc ban đầu nghe tiếng lớn, rồi sau đó nghe tiếng nhỏ dần. Phân biệt tiếng lớn dụ cho Giác; còn phân biệt tiếng nhỏ dụ cho Quán vậy.

Hỏi: *Trong A Tỳ Đàm có nói "ở cõi Dục, khi nhất tâm vào Sơ Thiền có cả Giác và Quán. Sao nay lại phân biệt có thô có tế?*

Đáp: Tuy ở nơi nhất tâm, mà vẫn có 2 thiện tướng khác nhau. Khi Giác thì không có Quán; mà Quán thì không có Giác. Khi thị hiện tướng Giác, khi thị hiện tướng Quán. Như vậy gọi là nhất tâm mà có 2 tướng.

Tùy theo chỗ chiếu dụng mà đặt tên khác nhau. Phật dạy: "Đoạn một pháp là chứng quả A La Hán". Ở đây Phật muốn nói đoạn 5 phần Hạ Kiết Sử (Tham, sân, si, mạn, nghi) là chứng quả A La Hán. Vì sao? Vì người đời phần nhiều bị xan tham trói buộc; khi đoạn được "tham tâm", thì tất cả các "nhiễm tâm" khác cũng dần dần được đoạn hết.

Do Giác Quán mà sanh Hỷ Lạc; thế nhưng Hỷ Lạc cũng làm động tâm, trở ngại cho Định, cho nên hành giả lại phải xả Giác Quán để nhiếp nội tâm. Khi Giác Quán đã trừ nội tâm đã được thanh tịnh, thì được tâm định, nhiếp vào một chỗ. Định ấy sanh Hỷ Lạc, vào được Đệ Nhị Thiền.

Vào được Đệ Nhị Thiền là thiền giả đã trừ được Giác Quán, đã được nội tâm thanh tịnh, vào được thâm thiền định, buộc tâm vào một chỗ.

Nhưng rồi thiền giả lại quán biết Hỷ Lạc cũng chỉ là đối đãi, còn làm cho tâm động. Do Thọ mới có Hỷ, hết Hỷ sẽ sanh Ưu. Thiền giả xả ly tâm Hỷ, được nhất tâm Lạc, vào Đệ Tam Thiền. Vì thiền giả đã xả tâm Hỷ nên thiền giả vào Đệ Tam Thiền, thọ toàn thân lạc.

Các bậc Thánh ở nơi Đệ Tam Thiền được tự tại hoặc trú lạc hoặc xả lạc. Vì sao? Vì các ngài chẳng có ái trước Lạc vậy.

Thiền giả vào Đệ Tam Thiền, lại quán Lạc cũng là lầm lỗi nên tu hạnh thanh tịnh, không khổ, không lạc vào Đệ Tứ Thiền.

Vào Đệ Tứ Thiền, thiền giả được Bất Động Huệ.

Đến đây, thiền giả quán hết thảy các tướng, không khởi niệm phân biệt tướng, diệt hết thảy các tướng Hữu thì vào được Vô Biên Hư Không Xứ Định *(còn gọi là Vô sở hữu xứ định)*.

Vào Định này, thiền giả lại quán "sắc thân thô trọng do duyên hòa hợp tạo thành". Đã có thân là có Khổ, nên lại quán thân như hư không. Khi đã được thân nhẹ nhàng rồi, thiền giả thấy 4 đại ở bên trong thân và ở bên ngoài đều như nhau cả. Do vậy mà thấy vô lượng vô biên hư không, cả trong lẫn ngoài, khiến tâm trở nên nhẹ nhàng thanh thoát, nên được gọi là Vô Biên Hư Không Xứ Định *(Không vô biên xứ định)*. Ví như chim bị nhốt trong lồng, khi được thả tự do thư thái bay vút lên không trung.

Thiền giả lại duyên Thọ, Tưởng, Hành, Thức xem như bệnh hoạn, quán Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã, rồi xả Vô Biên Hư Không Định để duyên hiện tại, quá khứ, vị lai, duyên thức xứ ở nhiều đời. Rồi thiền giả lại thấy "thức xứ" cũng chẳng có biên giới, vào được Vô Biên Thức Xứ Định *(Thức vô biên xứ định)*.

Dùng Vô Biên Thức Xứ làm duyên khởi, thiền giả lại quán Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều như bệnh, như mụt nhọt, quán Vô Thường, Khổ, Không, Vô ngã là hư dối, quán Thức cũng là như vậy. Rồi thiền giả phá được "thức tướng", tán thán "Vô sở hữu xứ", vào được "Vô sở Hữu Xứ Định".

Ở nơi Vô Sở Hữu Xứ, thiền giả lại duyên Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thấy rõ thân là vô thường, khổ, không, vô ngã, do duyên hòa hợp mà thành, nên xả Vô sở Hữu Xứ Định, vào được Vô Tưởng Định.

Vào được Vô Tưởng Định rồi, là thiền giả được "Đệ nhất diệu xứ" là Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ Định *(còn gọi là Phi tưởng phi phi tưởng xứ định)*.

Hỏi: *Nơi Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ vẫn còn Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Như vậy vì sao lại gọi Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ?*

Đáp: Ở nơi đây vẫn còn Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nhưng rất vi tế. Vì quá vi tế khó có thể biết được, nên gọi là Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ.

Phàm phu tưởng rằng Định này là Niết Bàn. Theo Phật pháp thì do nhân duyên tu tập mà thấy rõ "Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng rất vi tế", nên gọi Định này là Phi Hữu Tưởng phi Vô Tưởng Định vậy thôi.

Hỏi: *Thế nào gọi là Vô Tưởng?*

Đáp: Phải hiểu nghĩa Vô Tưởng theo 3 trường hợp:

- Vô Tưởng định
- Diệt Thọ Tưởng định và
- Vô Tưởng Thiên.

Phàm phu Ngoại Đạo muốn diệt sự sanh khởi của Tâm nên vào **Vô Tưởng Định**.

Các đệ tử của Phật muốn diệt tâm vô tưởng sanh khởi, nên vào **Diệt Thọ Tưởng Định**.

Còn chư Thiên thì vào **Vô Tưởng Thiên**.

Hỏi: *Có bao nhiêu thứ Thiền Định?*

Đáp: Có hai thứ. Đó là: 1- Thiền Định Hữu Lậu và 2- Thiền Định Vô Lậu.

Thiền của phàm phu Ngoại Đạo là Hữu Lậu Thiền. Thiền của Thánh Hiền là Vô Lậu Thiền.

Đệ tử của Phật muốn ly phiền não ở các cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc, phải tu 9 phẩm Giải Thoát (3 thượng, 3 trung, 3 hạ). Muốn vậy, hành giả phải y nơi Hữu Lậu để tu vào Sơ Thiền. Nơi đây có đủ 9 Vô Ngại Đạo,

8 Giải Thoát Vô Lậu Đạo, nên dù hiện tại là hữu lậu, mà trong tương lai sẽ được vô lậu. Nếu y nơi hữu lậu vào Sơ Thiền, thì vào Đệ Nhị Thiền cũng sẽ có đủ 9 Vô Ngại Đạo và 8 Giải Thoát.

Vào Đệ Nhị Thiền, hành giả vừa tu Hữu Lậu Thiền, vừa tu Vô Lậu Thiền. Như vậy ở nơi hiện tại có tu hữu lậu mà ở vị lai sẽ được vô lậu. Cho đến khi vào được Đệ Nhị Thiền thanh tịnh thì được vô lậu hoàn toàn. Nhờ tu 9 phẩm Giải Thoát, 8 Vô Ngại Đạo và 8 Giải Thoát Vô Lậu Đạo mà thiền giả ra vào vô ngại nơi hữu lậu và vô lậu vậy.

Từ Sơ Thiền đã tu Hữu Lậu để dẫn đến Vô Lậu Đạo Vào Đệ Nhị Thiền tu Tịnh Vô Lậu, khởi tu Hữu Lậu Xứ, vào Vô Lậu Xứ, rồi tiến tu Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ.

Khi đã ly dục hoàn toàn, là có đủ 9 Vô Ngại Đạo và 8 Giải Thoát Vô Lậu Đạo. Nếu tu thêm giới Thiện Căn Vô Lậu Đạo để trừ Vô Định Tâm thì sẽ có được hết thảy 9 Vô Lậu Đạo.

--o0o--

Lại nữa, có 2 trường hợp tu. Đó là : 1- Đắc tu và 2- Hành tu:

Đắc tu: Là trước chưa được mà nay được rồi ở vị lai cũng sẽ được.

Hành tu: Là được ngay nơi cảnh hiện tiền, không trước không sau, không cần phải tu các pháp khác.

--o0o--

Lại nữa, Thiền Định tóm lược có :

a) - 23 tướng gồm: 8 Vị, 8 Tịnh và 7 Vô Lậu

b) - 6 nhân gồm: Tương Ưng Nhân, Cộng Nhân, Tương Tợ Nhân, Báo Nhân, Biến Nhân và Danh Nhân.

Hết thảy các Vô Lậu Nhân đều là Tương Tợ Nhân cả.

c) - 4 duyên gồm: Nhân Duyên, Thứ Đệ Duyên, Duyên Duyên và Tăng Thượng Duyên.

Hết thảy các duyên đều có hai phần Hữu Lậu và Vô Lậu.

--o0o--

- Sơ Thiền Vô Lậu Định thứ lớp duyên 6 Địa (xứ) dẫn sanh 6 Định. Đó là 2 Tự Địa và 4 Thượng Địa

- Nhị Thiền Vô Lậu Định thứ lớp duyên 8 Địa, dẫn sanh 8 Định. Đó là: 2 Tự Địa, 2 Hạ Địa và 4 Thượng Địa.

- Tam Thiền Vô Lậu Định thứ lớp duyên 10 Địa, dẫn sanh 10 Định. Đó là: 2 Tự Địa, 4 Hạ Địa và 4 Thượng Địa.

- Tứ Thiền Vô Lậu Định và Không Vô Biên Xứ Định cũng như vậy.

- Vô Biên Thức Xứ Định duyên 9 Địa, dẫn sanh 9 Định. Đó là: 2 Tự Địa, 4 Hạ Địa và 3 Thượng Địa.

- Vô Sở Hữu Xứ Định duyên 7 Địa, dẫn sanh 7 Định. Đó là: 2 Tự Địa, 4 Hạ Địa và 1 Thượng Địa.

- Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ Định duyên 6 Địa, dẫn sanh 6 Định. Đó là: 2 Tự Địa và 4 Hạ Địa.

Tất cả các Tịnh Địa khác đều lợi ích cho Tự Địa cả.

--o0o--

Sơ Thiền Vị thứ lớp sanh 2 Tịnh Địa Vị: 1 Tịch và 1 Chiếu. Dẫn đến Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ cũng như vậy.

Tịnh Vô Lậu Thiền duyên hết thảy các xứ.

Duyên Thiền Vị có nghĩa là duyên mùi vị thiền ở nơi Tự Địa.

Vô Lậu Duyên là Không Duyên.

Tịnh Vô Lậu vốn không duyên Sắc Định, cũng không duyên Hạ Địa.

Hữu Lậu Duyên chỉ là Tăng Thượng Duyên cho hết thảy 4 Vô Lượng Tâm, 8 Bối xả, 8 Thắng Xứ, 10 Nhất Thế Nhập. Tất cả đều duyên cõi Dục. Riêng 5 Thần Thông duyên cả cõi Dục và cõi sắc.

Các Định khác đều tùy theo chỗ mà duyên. Riêng Diệt Thọ Tưởng Định là không có chỗ duyên.

Bồ Tát ở nơi hữu lậu, dùng hữu lậu để duyên vô lậu, nên được Đệ Tứ Thiền Tâm tự tại, lại dùng Vô Lậu Đệ Tứ Thiền mà luyện hữu lậu. Đệ Tam Thiền, Đệ Nhị Thiền và Sơ Thiền cũng đều như vậy cả.

Hỏi: *Thế nào gọi là "Luyện Thiền"?*

Đáp: Các bậc Thánh Hiền ưa Vô Lậu Định, không ưa Hữu Lậu Định. Nay muốn tận trừ cặn bã, nên phải dùng vô lậu để luyện hữu lậu, giống như luyện kim vậy.

Từ nơi hữu lậu vào Tịnh Thiền gọi là luyện thiền.

Lại nữa, trong quá trình luyện thiền, thiền giả thường đạt được những thiền vị, như Hữu Đảnh Thiền, Nguyện Trí, 4 Biện Tài, Vô Tránh Tam Muội v.v...

- Hữu Đảnh Thiền có 2 thứ là: A La Hán hữu đảnh pháp và A La Hán bất hoại pháp.

Chư vị A La Hán ở nơi hết thảy thâm thiền định, được tự tại khởi Hữu Đảnh Thiền.

- Nguyện Trí là nguyện được biết 3 đời. Nguyện Trí nhiếp về Đệ Tứ Thiền ở cõi Dục.

- 4 Biện Tài gồm có "Pháp vô ngại biện", "Nghĩa vô ngại biện", "Từ vô ngại biện" và "Lạc thuyết vô ngại biện".

Pháp vô ngại biện và Từ vô ngại biện nhiếp về Sơ Thiền ở cõi Dục, còn 2 vô ngại biện kia nhiếp về Đệ Tứ Thiền ở cõi Dục.

- Vô Tránh Tam Muội: Vào được 4 Vô sắc Định là được Vô Tránh Tam Muội, khiến tâm không còn khởi đấu tranh nữa.

Hỏi: *Được các Thiền Vị rồi có được các pháp khác nữa không?*

Đáp: Định Vị sanh rồi cũng có khi bị mất, có khi dẫn sanh được Tịnh Thiền.

Tịnh Thiền sanh là liền được ly dục, được Cửu Địa Vô Lậu Định.

Đệ Tứ Thiền và Vô Sắc Định chưa đạt được Tịnh Thiền. Chặng giữa đó còn phải tu đoạn kiết sử. Tuy chưa được Tịnh Thiền nhưng cũng đã tương ưng với xả căn. Nếu thành tựu được Hạ Địa Thiền, mà có xả căn thì được biến hóa tâm.

Nơi Sơ Thiền và Đệ Nhị Thiền có 3 thứ biến hóa tâm, nơi Đệ Tam Thiền có 4 thứ biến hóa tâm, nơi Đệ Tứ Thiền có 5 thứ biến hóa tâm. Nơi Đệ Nhị Thiền, Đệ Tam Thiền và Đệ Tứ Thiền mà muốn nghe, muốn thấy, thiền giả dùng Phạm Thiên Nhĩ và Phạm Thiên Nhãn.

Đến khi thức diệt rồi thì có được 4 Vô Lượng Tâm, 5 Thần Thông, 8 Bối xả, 8 Thắng Xứ, 10 Nhất Thế Nhập, 9 Thứ Đệ Định, 3 Tam Muội, 3

Giải Thoát Môn, 3 Vô Lậu Căn, 37 Phẩm Trợ Đạo. Tất cả đều do Thiền Ba la Mật sanh.

Hỏi: *Vì sao chỉ nói đến Thiền mà không nói đến thiền Ba la Mật?*

Đáp: Thiền là căn bản. Khi đã được Thiền rồi, phát tâm thương xót chúng sanh, thấy rõ các diệu lạc của Thiền mà chúng sanh không biết đến, khiến phải lăn lóc trong khổ đau. Quán như vậy rồi, phát tâm Đại Bi, lập hoằng thệ nguyện dẫn dắt chúng sanh vào thiền định khiến họ đều được nội pháp lạc. Y nơi thiền lạc mới được Phật Đạo. Khi được Phật Đạo rồi mới gọi là Thiền Ba la Mật.

Người tu Thiền mà không thọ thiền vị lạc, không cầu quả báo, chỉ muốn điều tâm vào thiền định, dùng phương tiện trí huệ sanh về cõi Dục để độ thoát chúng sanh, mới gọi là được Thiền Ba la Mật.

Khi Bồ Tát nhập vào thâm thiền định, tất cả hàng Trời Người chẳng một ai biết được chỗ sở duyên của Bồ Tát. Vì sao? Vì ở nơi các pháp, Bồ Tát đều thấy, nghe, hay, biết mà tâm không động. Trong kinh có chép lời của ngài Duy Ma Cật nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: "Pháp an tọa của Bồ Tát là chẳng y nơi thân, chẳng y nơi tâm, chẳng y nơi ba cõi. Bồ Tát tuy ở trong 3 cõi, tuy an tọa trong đó mà thân tâm đều bất khả đắc".

Lại nữa, có người nghe nói đến thiền định lạc mới xa lìa thế gian dục lạc để cầu được thiền định. Còn Bồ Tát chẳng phải như vậy. Vì thương xót chúng sanh mà Bồ Tát cầu thiền định, phát tâm đại bi, nguyện không rời bỏ chúng sanh. Ngay trong Thiền Định, Bồ Tát vẫn phát tâm đại bi, vì Bồ Tát biết rằng thiền lạc là nội lạc mà các chúng sanh không biết đến, khiến phải trôi lăn trong sanh tử.

Ví như người có nhiều của cải mà mê muội không hay biết đến, khiến phải đi ăn xin. Người trí thấy vậy thương xót, chỉ cho người ấy biết chỗ cất giấu bảo châu trong chéo áo. Nhờ vậy mà người ấy thoát khỏi cảnh nghèo đói. Cũng như vậy, chúng sanh vốn có sẵn thiền lạc mà không biết đến, khiến phải cam chịu cảnh khổ đau. Bồ Tát dạy chúng sanh xa rời vọng chấp điên đảo, rời bỏ thế gian dục lạc để khai thác thiền định lạc có sẵn nơi mình, khiến họ được tâm an ổn.

Lại nữa, Bồ Tát rõ biết Thật Tướng của các pháp nên mới nhập vào Thiền Định, được tâm an ổn mà vẫn chẳng đắm chấp thiền lạc vị.

Hỏi: *Chư vị A la Hán và Bích Chi Phật cũng không đắm chấp thiền vị. Như vậy vì sao các ngài không được Thiền Ba la Mật?*

Đáp: Mặc dù không đắm mùi Thiền, nhưng chư vị A La Hán và Bích Chi Phật không phát tâm đại bi nên không được Thiền Ba la Mật.

Ngoại Đạo cũng tu Thiền. Nhưng khi tu thiền họ phạm 3 lỗi lớn. Đó là: Đắm mùi thiền, tà kiến và kiêu mạn. Chỉ riêng Bồ Tát mới được Thiền Ba la Mật.

Bồ Tát vào thiền định vì muốn tu tập hết thảy các pháp. Dù ở trong thiền định, Bồ Tát cũng chẳng bao giờ quên chúng sanh, dẫn đến các côn trùng nhỏ bé Bồ Tát cũng sanh từ niệm.

Trong kinh Bổn Sanh có chép mẫu chuyện sau đây:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn là Bồ Tát, 1 thời làm Tiên Nhân Loa Kế, thường hành Tứ Thiền, đoạn hơi thở ra vào, nhất tâm tọa thiền dưới gốc cây, chẳng hề lay động. Chim ở trong rừng tưởng ngài là cây khô, đến làm tổ trên đầu tóc và đẻ trứng trên đó. Bồ Tát ở trong thiền, biết trên đầu mình có chim đang ấp trứng, tự suy nghĩ: "Nếu ta cử động, thì chim mẹ chẳng đến ấp trứng nữa, các trứng kia ắt sẽ bị hư thối". Nghĩ như vậy rồi, Bồ Tát vào thâm thiền định, chờ cho trứng nở ra chim con và các chim con đều có đủ sức bay đi, rồi mới xuất thiền rời chỗ ngồi đi nơi khác.

--o0o--

Hỏi: *Vì sao Bồ Tát có thể hành Thiền Ba la Mật như vậy được?*

Đáp: Vì Bồ Tát đời đời tu các công đức cho nên tâm lúc nào cũng nhu nhuyến.

Các người tu các thiền khác, khi quán Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã, chỉ ly dục nơi tổng tướng của các pháp, còn Bồ Tát ở nơi tổng tướng cũng như nơi biệt tướng đều hoàn toàn ly dục.

Ví như trường hợp các vị Tiên Nhân, khi nghe ca hát có thể mất thần thông, dẫn đến hàng Thanh Văn dù có tu Thật Tướng các pháp, nhưng khi nghe tiếng đàn cầm của A Tu La tán Phật cũng còn bị tâm loạn động.

Bồ Tát tự tại ra vào các Thiền. Chẳng ai có thể biết được Bồ Tát trú xuất ở Thiền nào. A La Hán, Bích Chi Phật còn chưa biết được, huống nữa là phàm phu.

Bồ Tát nhập Sơ Thiền cũng khác với người thường nhập Sơ Thiền, dẫn đến nhập Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ cũng như vậy. Bồ Tát tự tại siêu xuất Sơ Thiền, vào Đệ Nhị Thiền, Đệ Tam Thiền, hoặc nhập Đệ Tứ Thiền, nhập Diệt Thọ Tưởng Định; ở nơi Diệt Thọ Tưởng Định lại khởi vào Vô Sở Hữu Xứ, vào Thức Xứ, vào Hư Không Xứ.

Bồ Tát từ Sơ Thiền tùy ý siêu xuất các Thiền khác. Hàng Thanh Văn vì sức thiền định còn yếu, chẳng có thể làm như vậy được.

Bởi nhân duyên vậy, nên phân biệt Thiền Ba La Mật là Thiền của Bồ Tát.

Lại nữa, Bồ Tát nhập thiền định, nhiếp tâm bất động, mà vẫn có thể, vì chúng sanh khắp 10 phương, thuyết pháp. Như vậy gọi là Thiền Ba La Mật.

Hỏi: *Trong kinh nói "Trước có giác, có quán, có tư duy; rồi sau mới vì chúng sanh thuyết pháp". Khi nhập thiền định, không có giác quán. Như vậy, làm sao nói là: "Bồ Tát ở trong thiền định, mà vẫn thuyết pháp cho chúng sanh?"*

Đáp: Mặc dù thân Bồ Tát đã ly sanh tử, nhưng Pháp Thân của Bồ Tát vẫn thường trú, bất động. Pháp Thân Bồ Tát rõ biết hết thảy các Pháp Tướng cũng thường trú như thiền định tướng, nên dù bất động ở trong định, Pháp Thân của Bồ Tát vẫn có thể biến hóa vô lượng thân, để vì chúng sanh, thuyết pháp. Ví như đàn cầm của các A Tu La tự phát ra âm thanh tùy theo ý người nghe mà A Tu La chẳng cần dụng tâm gảy đàn vậy. Cũng như vậy, vì Bồ Tát có vô lượng phước đức thiền định trí huệ, lại có nhân duyên với chúng sanh, nên chúng sanh tùy ý niệm mà có thể thấy được Pháp Thân của Bồ Tát, mà có thể nghe được Pháp Âm của Bồ Tát vậy. Cùng một lúc, những chúng sanh xan tham, nghe thuyết về bố thí, những chúng sanh sân si giải đãi, nghe thuyết về trì giới, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ v.v…Bồ Tát quán hết thảy các pháp dù động, dù tĩnh đều là chẳng phải hai tướng (bất Nhị Tướng), khác hẳn với người tâm còn loạn động mà tưởng mình đã có định vậy.

--o0o--

Bồ Tát chẳng thủ loạn tướng, cũng chẳng thủ định tướng, nên thiền của Bồ Tát mới được gọi là Thiền Ba la Mật.

Hỏi: *Tướng của Sơ Thiền là Ly dục, là trừ 5 cái, là nhiếp tâm an định. Như vậy vì sao lại nói "Bồ Tát không xả 5 cái?"*

Đáp: Bồ Tát lợi căn, thượng trí, nên chẳng xả 5 cái, chẳng thủ tướng thiền mà tâm vẫn an định. Vì sao? Vì Bồ Tát rõ biết hết thảy các pháp tướng đều là KHÔNG.

Ví như tham dục chẳng phải là nội pháp, cũng chẳng phải là ngoại pháp. Nếu là nội pháp thì chẳng cần đợi ngoài mới sanh. Nếu là ngoại pháp thì ở nơi ta cũng chẳng có sao cả. Tham dục cũng chẳng phải từ đời trước đến, vì **hết thảy pháp chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu cả**. **Vậy thì tham dục cũng chẳng phải từ đời trước đến, cũng chẳng truyền đến đời sau. Cho nên ở nơi 5 tình, xúc chẳng có chỗ sanh, chẳng có chỗ diệt.** Vì sao? Vì nếu trước đã sanh thì sau cũng phải có. Như vậy chặng giữa cũng phải có. Nếu nói chặng giữa không có thì làm sao có trước có sau được? Nếu nói trước tham dục đã tự có rồi, thì tham dục là vô sở sanh. Là chẳng có chỗ sanh vậy. Nếu nói là nhất thời sanh thì là vô sanh vậy.

Ngay nơi vô sanh mà có sanh thì chỗ sanh đó là vô phân biệt.

Lại nữa, tham dục là bất nhất bất nhị, chẳng phải 1 mà cũng chẳng 2.

Nếu chẳng có người tham dục thì tham dục là bất khả đắc. Bởi vậy nên biết, "tham dục do duyên hòa hợp mà sanh khởi", mà đã do duyên sanh thì tham dục là tự tánh KHÔNG. Như vậy nếu pháp tham dục và người tham dục khác nhau thì cả hai đều là bất khả đắc cả. Còn nếu pháp tham dục và người tham dục là một thì là vô phân biệt cũng là bất khả đắc vậy.

Pháp đã vô sanh thì cũng là vô diệt, mà đã chẳng sanh chẳng diệt thì cũng chẳng có định, chẳng có loạn gì cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói "Bồ Tát quán tham dục cùng thiền định là chẳng phải hai, chẳng phải khác". Cả 4 triền cái kia cũng là như vậy.

Quán được như vậy là quán Thật Tướng của các Pháp.

Lại nữa, Bồ Tát quán 5 triền cái là vô sở hữu, là vô tướng, mà đã là vô tướng thì cũng tức là Thật Tướng vậy. Như vậy 5 triền cái tức là thiền, thiền tức là 5 triền cái. Bồ Tát quán 5 triền cái là thiền định, rồi y nơi đó tiến thẳng đến chỗ vô sở y, vào thâm thiền định gọi là Thiền Ba la Mật.

Khi Bồ Tát hành Thiền Ba la Mật, thì 5 Ba la Mật kia trợ giúp cho Thiền Ba la Mật.

Lại nữa, Bồ Tát ở nơi Thiền Ba la Mật có đầy đủ lực nên được thần thông vô ngại. Chỉ trong một niệm mà cúng dường được chư Phật khắp cả 10 phương. Bồ Tát dùng lực của Thiền Ba la Mật mà biến hóa vô biên thân, vào trong 5 đạo chúng sanh, dùng 3 Thừa Giáo để giáo hóa họ.

Bồ Tát vào Thiền Ba la Mật trừ các pháp bất thiện, hành Đại Từ Bi, được Đại Trí Huệ, rõ biết Thật Tướng các pháp, nên được chư Phật trong khắp 10 phương đều hộ niệm.

Bồ Tát vào Thiền Ba la Mật dùng Thiên Nhãn, quán chúng sanh trong 5 đạo ở khắp 10 phương, thấy có chúng sanh đã thọ thiền vị, mà do tham đắm mùi thiền cũng bị đọa làm cầm thú, lại thấy có chư Thiên ở bên hồ bảy báu, đầy hoa đẹp hương thơm, mà khởi sanh tự mãn, tự đắc, để rồi cũng, phải đọa vào địa ngục. Lại thấy có người được thế trí biện thông mà chẳng có tu đạo, để phải đọa làm thân heo, thân dê… Lại thấy chúng sanh hết vui rồi lại khổ, hết giàu rồi lại nghèo, hết phú quý vinh hoa rồi lại bần cùng hạ tiện.

Bởi các nhân duyên vậy, nên Bồ Tát khởi tâm đại bi, càng ngày càng lớn mạnh hơn lên, chẳng tiếc thân mạng, vì chúng sanh cần cầu Phật Đạo.

Thiền Ba la Mật của Bồ Tát là thiền không định, không loạn, như lời Phật dạy ngài Xá Lợi Phất "Bồ Tát trú trong Thiền Ba la Mật, không định, không loạn, không đắm chấp thiền vị".

Hỏi: *Thế nào gọi là loạn?*

Đáp: Loạn có 3 nguyên nhân gây nên. Đó là: Ái nhiều, mạn nhiều và kiến chấp nhiều. Loạn có thể thô trọng, có thể vi tế.

Hỏi: *Thế nào là ái nhiều?*

Đáp: Là khi đã được thiền định lạc, mà sanh tâm ái chấp mùi thiền.

Hỏi: *Thế nào gọi là mạn nhiều?*

Đáp: Là khi được thiền định rồi, tự nghĩ rằng "việc khó làm mà ta làm được" nên sanh tâm tự cao tự mãn.

Hỏi: *Thế nào gọi là kiến chấp nhiều?*

Đáp: Là vào thiền định rồi mà còn chấp ngã kiến, phân biệt chấp các tướng ở nơi thiền định là thật có.

Hỏi: *Thế nào gọi là loạn vi tế?*
Đáp: Do nhân duyên được thiền định rồi, mà thối tâm, khởi vi tế tham, như là đắm chấp mùi thiền.

Hỏi: *Vì sao nói "đắm chấp mùi thiền là vi tế tham, là vi tế ái chấp?"*
Đáp: Hết thảy phiền não đều do đắm trước. Ái và Thiền tuy có cùng động cơ "dục" thúc đẩy nhưng có nhiều sai khác. Thiền là dục hướng thượng, đòi hỏi sự nhiếp tâm kiên cố, ái là sự đắm trước mê muội, khó xả. Lúc ban đầu do mong cầu chóng được thiền định mà thiền giả lấy ái làm tánh. Thế nhưng khi được thiền định rồi, nếu đắm chấp mùi thiền, thì thiền giả lại tự phá hoại thiền định của mình. Bởi vậy nên gọi "ái thiền vị là loạn vi tế". Ví như người hành bố thí mà chấp quả báo chỉ được phước hữu lậu, người vào thiền định mà còn đắm mùi thiền thì chẳng sao có được Thiền Ba la Mật.

Đây mới thật là pháp tu hết sức khó khăn, phức tạp... ngoài kỹ thuật còn phải có một sự tập trung cao độ và một sự kiên nhẫn vô bờ bến trong sự khắc phục các dục, cái ái, các kiết, các triền, mạn… gây trở ngại cho chính thiền giả trong việc tu thiền tập định. Phải có người trực tiếp hướng dẫn mới có thể thành tựu.

Ngược lại, phần thưởng to lớn cho thiền giả là khi tu thiền tập định đến khi diệt được thức rồi thì được Tứ Vô Lượng Tâm, Ngũ Thần Thông, Bát Bối xả, Bát Thắng Xứ, Thập Nhất Thế Nhập, Cửu Thứ Đệ Định, Tam Tam Muội, Tam Giải Thoát Môn, Tam Vô Lậu Căn, v.v...

Ngoài ra, thiền đưa đến thân tâm yên tịnh, chỗ sanh thật tướng mà thấy tánh. Thật chúng ta hết sức may mắn được một bậc thật tu thật chứng hướng dẫn. Cái khó là ở thực hành. Chúng tôi nghĩ với bao lời chỉ dẫn đó giúp chúng ta hiểu pháp tu khó khăn tế nhị này mà Thiền hảnh diện khi tuyên bố: "Không có Thiền thì không có Giác ngộ".

Kết luận chung:

Chúng ta vừa tụng qua năm Ba la mật: Bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn và thiền định Ba la mật xong, trong lòng hết sức cảm ơn chư Phật chư Bồ Tát cho chúng ta những phương tiện mầu nhiệm này trong việc cứu khổ và đem lại an vui giải thoát cho chính mình cũng như cho toàn thể chúng sanh. Nếu tất cả chúng sanh ai cũng đem các phương tiện này ứng dụng vào đời sống thì cõi Sa Bà này sẽ trở thành thiên đàng của hạ giới.

Nhưng học xong 5 pháp Ba la mật này chúng ta không khỏi phân vân khi thấy Kinh phân biệt giữa Tiểu thừa và Đại thừa. Biết rằng Phật dạy mục đích cao cả nhất của tu hành là vì chúng sanh, do chúng sanh, bởi chúng sanh. Nên Bồ Tát không ngại gian khổ trong nhiều đời kiếp, làm những việc khó làm với mục đích phục vụ hữu tình. Vì vậy, Phật bảo các Bồ Tát Đại thừa hành Bồ Tát đạo như vậy tích tụ thiện căn công đức, rồi đem thiện căn công đức này ban cho tất cả hữu tình, đồng hồi hướng Vô Thượng Bồ đề để cùng nhau tiến đến Nhất thiết trí trí.

Còn hạnh nguyện của Nhị thừa không vì chúng sanh, chỉ lo tu tập các pháp môn mau chứng thật tế, rồi nhập Niết bàn. Do đó, đọc hết 5 pháp hội của 5 Ba la mật này chúng ta không khỏi buồn thầm cho hàng Nhị thừa.

Thanh văn, Độc giác cũng là chúng sanh như chúng ta, cũng sống cũng đau khổ như bất cứ sanh linh nào khác nên cũng muốn thoát đau già bệnh tử. Nhưng phải tội là các vị ấy tu để thoát khổ chứ không phải tu để cứu khổ.

Ngày nay, Tiểu thừa và Đại thừa tuy cách học có khác nhưng phục vụ chúng sanh không khác. Tiểu thừa ngày nay cũng là những chiến sĩ dũng cảm trên chiến trường cứu khổ cứu đói, cứu vô minh phiền não cho tất cả chúng sanh chẳng khác nào Đại thừa. Nên có lẽ chúng ta phải thay đổi quan niệm để phù hợp với trào lưu mới!

Vậy, tu cứ tu đừng nhìn quanh quẩn, người nào thoát khổ chúng ta mừng cho người ấy. Còn tâm nguyện cứu khổ cho toàn thể chúng sanh là điều đáng khuyến khích, tán dương. Mong rằng Nhị thừa cũng mở rộng vòng tay như Bồ Tát Đại thừa, thì cuộc sống này mới bớt khổ./.

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần mười lăm,

(Hội thứ XV)

Chúng sanh cũng có thể tu học các pháp môn Thiền định như Thái tử Tất Đạt Đa trên bước đường du hành tìm đạo, gặp hai ông tiên A ra la (Arada) và Uất đà la (Uddaka) tu thiền tập định với hai Lão sư này. Nhưng Thái tử không hài mãn với lối tu tập này mặc dù đã đắc cả thiền lẫn định và cho rằng lối tu tập này không đưa đến phản tỉnh, đến xả trừ, đến thâm ngộ, đến diệu giác, đến Niết bàn... mà chỉ đưa đến cảnh giới hư vô, nên từ giã hai Lão sư ra đi.

Nói gì thì nói phải có thắng định của Bồ Tát trong việc tu thiền tập định mới có thể dẫn đến vô biên phương tiện thiện xảo, để khuyên răn dạy bảo cho vô lượng hữu tình đều phát sanh tĩnh lự vô lậu, chứng chơn pháp tánh, dứt trừ phiền não, và các tập khí tương tục, nhập vào cảnh giới Vô dư y bát Niết bàn hoặc chứng Vô thượng Bồ đề.

Như Thế Tôn, sau 49 ngày thiền định dưới cội Bồ đề, khi sao mai vừa ló dạng đạt được tam minh, ngũ nhãn, lục thần thông, phá trừ các phiền não lậu hoặc vi tế nhỏ nhiệm, rồi trong một sát na tương ưng với diệu huệ, chứng Vô thượng Bồ đề phá trừ ma ngoại, du hành hóa độ chúng sanh cho đến khi hơi tàn sức mỏi mới nhập Niết bàn.

Nói ngắn gọn là như vậy, nhưng không phải ngồi dưới cội Bồ đề tham thiền nhập định mà có thể thành Phật. Thái tử Tất Đạt Đa sau khi đắc thiền, phải tu khổ hạnh hơn 6 năm trong núi tuyết. Nhưng tu khổ hạnh chỉ là hành xác chớ không đưa đến giác ngộ... Cuối cùng, Thái tử phải từ giã năm anh em Kiều trần Như đến sông Ni liên thiền để dòng nước gột sạch phong trần. Tắm xong, bước lên bờ Thái tử kiệt lực, ngã quỵ. Nhờ cô bé Sujata, cho uống bát sữa nóng tinh khiết nên hồi sức, lại được chú bé chăn trâu Svastica cho bó cỏ Kusa mền mại trải dưới gốc cây Bồ đề làm nệm. Thái tử Tất Đạt Đa tiếp tục quán tưởng, thiền định, viên mãn các pháp Phật, chứng Vô thượng Bồ đề như đã nói trên.

Kinh nói rằng phải viên mãn tất cả các pháp mầu Phật đạo, nhất là lục Ba la mật mới có hy vọng trở thành bậc Chánh giác. Tu thiền tập định chỉ giúp thiền giả an trụ trong tịch tĩnh hơn là giác ngộ. Đó chính là lý do tại sao khi đạt được thiền và định, Phật lại từ giã hai Lão sư ra đi. Vậy, ngoài việc tu Giới, tu Định như đã nói trên, còn phải tu Huệ thì công hạnh

mới vuông tròn, mới có thể trở thành bậc Vô Thượng. Đó là ba pháp tu vô lậu cần thiết trong đời tu hành.

Ở đây điểm cần nhấn mạnh trong cuộc đời thường tục của chúng ta lúc nào cũng gặp nhiều sóng gió. Muốn bể lặng sóng êm, phải tu thiền hay niệm Phật. Cả hai pháp môn đó đều đem lại sự an tịnh của tâm. Nhờ sự an tịnh này mà phát huệ.

Trong Đạo Phật pháp môn niệm Phật được xem như là Đại thừa thiền, nên rất được giới bình dân hâm mộ. Còn thiền là ý chí, là nghị lực, tự mình thúc liểm thân tâm, không nhờ tha lực. Nên thiền được giới trí thức ngưỡng mộ hơn. Nói chung, cả 2 tông phái này trở thành tông phái phổ thông có thể giúp ích cho việc hàn phục tâm và an trụ chơn tâm, nên còn tồn tại mãi đến ngày nay.

Tóm lại, cuồng tâm, quẫn trí... là nhân điên đảo tối tăm, tu thiền nhập định là để nhiếp tâm. Nên nói ***thiền định để độ tán loạn*****.**

Như trên đã trình bày, chúng ta đã thọ trì xong hai pháp tu ***Giới*** *và* ***Định*** *rồi. Bây giờ, phải học tu* ***Huệ****. Tu huệ là tu Bát nhã Ba la mật, đắc Bát nhã Ba la mật tức thành tựu Giác ngộ. Có Giác ngộ, được Nhất thiết trí trí, sẽ trở thành Như Lai Chánh Đẳng Giác. Đây là phần chính, là trọng tâm trong việc tu hành Bát Nhã. Tập 8 cuối cùng tức Hội thứ XVI, có tên là "Bát Nhã Ba La Mật Phần", thuyết hết sức vi diệu, có thể nói là thậm thâm pháp bảo, chắc chắn sẽ đáp ứng sự mong chờ của những ai đã từng thọ trì Đại Bát Nhã nói riêng hay hệ Bát Nhã nói chung./.*

Đến đây chấm dứt phần mười lăm, Hội thứ XV, ĐBN.

HẾT TẬP 7

---o0o---

Đọc tiếp TẬP 8, Hội thứ XVI với phần "Bát nhã Ba la mật".